

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tập 15 của bộ Toàn tập C. Mác và Ph.Ăng-ghe-n bao gồm các tác phẩm của hai nhà kinh điển viết trong thời gian từ tháng Giêng 1860 đến tháng Chín 1864. Đó là thời kỳ phong trào dân chủ tư sản được phục hồi và cao trào đấu tranh giải phóng dân tộc đã dâng lên làm thay đổi cục diện chính trị ở châu Âu từ sau khi cách mạng 1848-1849 thất bại. Đây cũng là thời kỳ giai cấp công nhân các nước châu Âu và châu Mỹ hoạt động chính trị sôi nổi, quyết tâm đấu tranh để giải phóng mình khỏi ảnh hưởng của giai cấp tư sản tự do. Phong trào vô sản ở một số nước đã tách khỏi phong trào dân chủ tư sản và bước lên con đường đấu tranh độc lập.

Trong các tác phẩm viết vào thời kỳ này, hai nhà kinh điển vận dụng phép biện chứng duy vật và quan điểm duy vật lịch sử để phân tích những sự kiện đã diễn ra, đánh giá chúng và đề ra đường lối sách lược, nhiệm vụ chủ yếu cho giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh tiếp theo của mình. Đặc biệt các nhà kinh điển tiếp tục đi sâu hoàn thiện những nguyên lý tổ chức chính đảng vô sản để chuẩn bị cho các cuộc đấu tranh giai cấp sắp tới của giai cấp vô sản.

Tập này được dịch dựa vào bản tiếng Nga bộ Toàn tập C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, t.15 do Nhà xuất bản chính trị quốc gia Liên Xô xuất bản tại Mát-xcơ-va năm 1959. Ngoài phần chính văn, chúng tôi còn in kèm theo phần chú thích và các bản chỉ dẫn do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin Liên Xô (trước đây) biên soạn để bạn đọc tham khảo.

Đồng thời với việc xuất bản Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, chúng tôi sẽ tổ chức biên soạn sách giới thiệu nội dung mỗi tập và các tư tưởng cơ bản trong các tác phẩm chính của hai nhà kinh điển.

Tháng 7-1994

Nhà xuất bản chính trị quốc gia

New-York

Tribune.

VET., XIX...N° 5,862

NEW-YORK, TUESDAY, FEBRUARY 7, 1860

PRICE TWO CENTS

C.MÁC

TÌNH HÌNH Ở PHÁP¹

Pa-ri, ngày 17 tháng Giêng 1860

Lu-i - Na-pô-lê-ông đã đi theo cái đạo mậu dịch tự do và chuẩn bị loan báo kỷ nguyên hòa bình mới đã đến. Giờ đây chưa chắc ông sẽ bỏ lỡ cơ hội ghi tên vào giáo phái Quây-cơ², và năm 1860 sẽ được ghi trong các biên niên sử châu Âu, như là năm đầu của thời kỳ vàng son. Những tin tức giạt gân ấy lan khắp báo chí Luân Đôn bắt nguồn từ bức thư của Lu-i - Na-pô-lê-ông công bố trên tờ "Moniteur"³ ra ngày 15 tháng Giêng 1860 gửi ngài Phun-đơ - quốc vụ khanh. Kết quả đầu tiên của việc công bố bức thư ấy là tỷ giá chứng khoán nhà nước ở Pa-ri hạ xuống và tỷ giá chứng khoán nhà nước ở Luân Đôn cao lên.

Chúng tôi thấy trước hết cần nghiên cứu tỉ mỉ corpus delicti^{1*}, nghĩa là nghiên cứu bức thư của hoàng đế, bức thư này sẽ là nền móng của toàn bộ tòa lâu đài của kỷ nguyên mới. Lu-i Bô-na-pác-tơ báo cho ngài Phun-đơ biết rằng "đã đến lúc chúng ta phải tập trung chú ý đến các biện pháp tiếp tục phát triển các ngành tài sản quốc dân". Một lời tuyên bố gần giống như vậy đã xuất hiện trên tờ "Moniteur" vào tháng Giêng 1852 khi coup d'état^{2*} mở ra kỷ nguyên Crédit Mobilier, Crédit Foncier và những Crédits ambulants⁴ khác. Nhưng như thế chưa phải đã hết. Bắt đầu từ

1* - cấu thành tội phạm

2* - cuộc đảo chính, chính biến

thời đại có nhiều biến cố này, mỗi báo cáo tài chính hàng năm được phát ra dưới sự che chở của nhà chuyên chế Pháp đều hết sức nhấn mạnh một sự thực, có kèm theo rất nhiều số liệu chính thức, rằng đế chế đã giữ lời hứa và dưới sự quản trị chu đáo của nó, tất cả mọi ngành sản xuất quốc dân đã phát triển rất mạnh.

Như vậy, chúng ta đang ở trong một tình hình khó xử. Hoặc là những lời tuyên bố phát biểu trong thời gian coup d'état đã tỏ ra không hợp thời, còn những báo cáo tài chính phát ra sau coup d'état thì giả tạo, hoặc lời tuyên bố hiện nay là một sự lừa dối đơn thuần.

Dù sao, theo chính sự thừa nhận của bản tuyên bố mới của hoàng đế, điều không thể chối cãi là những mối lợi kinh tế mà xã hội Pháp ắt nhận được do phục hồi chế độ Bô-na-pác-tơ không thuộc thời quá khứ, mà thuộc thời tương lai. Vậy chúng ta hãy xét xem những cải biến kinh tế có tác dụng tốt ấy phải được tiến hành bằng những phát minh mới nào.

Trước hết, Lu-i Bô-na-pác-tơ báo cho ngài Phun-đơ - ông này chắc hơi ngạc nhiên trước phát hiện sâu sắc của chủ mình - rằng "nền ngoại thương của chúng ta phải phát triển bằng cách trao đổi sản phẩm" - đó là một danh ngôn thật tuyệt diệu. Vì ngoại thương là trao đổi sản phẩm trong nước lấy sản phẩm của nước ngoài, nên không thể phủ nhận rằng để phát triển nền ngoại thương Pháp cần phải mở rộng việc trao đổi sản phẩm của Pháp. Kết quả cơ bản mà Lu-i - Na-pô-lê-ông mong đợi ở bước phát triển mới mà ông nghĩ ra của nền ngoại thương Pháp là "mở rộng phúc lợi trong giai cấp công nhân" mà tình cảnh của nó, như người anh hùng của coup d'état mặc nhiên thừa nhận và như các nhà văn Pháp ngày nay trình bày (xin xem các tác phẩm của ngài Cô-len đã quá cố⁵ chẳng hạn), đã xấu đi rõ rệt trong mười năm qua. Khốn nỗi chỉ một sự thật tương đối quan trọng thôi cũng đã làm cho ngay cả một người quan sát hời hợt nhất cũng phải kinh ngạc. Từ năm 1848 đến hết năm 1860, ngoại thương Pháp đã tiến một

bước rất lớn. Nếu năm 1848 kim ngạch ngoại thương Pháp đạt 875 triệu phrăng thì năm 1859 nó đã tăng hơn gấp đôi. Kim ngạch buôn bán tăng hơn 100% trong một khoảng thời gian ngắn mười năm là một hiện tượng gần như chưa từng có. Những nguyên nhân gây nên sự tăng trưởng như vậy có thể phát hiện ở Ca-li-phoóc-ni-a, Ô-xtrây-li-a, Mỹ và những nước khác, nhưng tất nhiên là không phải trong tài liệu lưu trữ của Tuyn-lơ-ri⁶. Đồng thời hóa ra là mặc dù ngoại thương Pháp mười năm qua tăng lên rất nhiều, sự tăng trưởng mà phải coi những thay đổi căn bản trên các thị trường của toàn thế giới, ở xa ngoài phạm vi sự kiểm soát vụn vặt của cảnh sát Pháp là nguyên nhân của nó - nhưng tình cảnh của quần chúng nhân dân Pháp không được cải thiện. Do đó, ắt có những lực lượng nào đó khá hùng hậu để xóa bỏ những kết quả tự nhiên của việc phát triển thương mại. Nếu sự phát triển của nền ngoại thương Pháp có thể là cách giải thích vì sao Đế chế thứ hai có vẻ dễ dàng được phép làm những trò tếu tốn kém, thì sự kiệt quệ của dân tộc, mặc dù kim ngạch xuất khẩu của nó tăng gấp đôi, lại tiết lộ cái giá phải trả về sự dễ dàng ấy. Nếu đế chế không thể tồn tại nếu nền ngoại thương Pháp không phát triển như vậy thì, ngược lại, *trong điều kiện có đế chế*, sự phát triển ấy của thương mại đã không thể mang lại những thành quả mong muốn.

Nếu hoàng đế Áo dùng một đạo dụ xóa bỏ được sự thâm hụt trong nước mình thì có sao Lu-i - Na-pô-lê-ông không dùng một đạo dụ khác để tăng ngoại thương Pháp lên? Song ông ta cảm thấy trước những trở ngại trên đường đi của mình.

"Trước hết chúng ta phải" - ông ta nói, - "cải thiện nền nông nghiệp của chúng ta và làm cho nền công nghiệp của chúng ta thoát khỏi những trở ngại trong nước đang đẩy nó xuống một nấc thang thấp hơn".

Các nhà kinh tế học Pháp luôn luôn nhắc đi nhắc lại rằng cải thiện tình hình của nền nông nghiệp Pháp là việc cực kỳ cần thiết. Nhưng Lu-i - Na-pô-lê-ông định làm điều đó như thế nào? Trước hết, ông ta sẽ đảm bảo cho nông nghiệp vay với "lãi suất" thấp.

Như chúng ta biết, số người làm trong nông nghiệp ở Pháp chiếm hơn hai phần ba dân cư nước Pháp. Lu-i - Na-pô-lê-ông có thu thuế đối với một phần ba dân cư còn lại để cho đa số dân cư vay "với lãi suất thấp" hay không? Thực ra, ý này quá vô lý, không cần phải khẳng khẳng giữ nó. Mặt khác, mục đích được thừa nhận của Crédits Fonciers của ông ta là đưa tư bản cho vay về nông thôn. Kết quả duy nhất mà Crédits Fonciers đã đạt được không phải là cải thiện nông nghiệp, mà là làm phá sản những người có ít ruộng đất và đẩy nhanh sự tích tụ các lãnh địa. Cuối cùng, ở đây chúng ta lại gặp các phương thuốc vạn ứng cùn cũ rích là các cơ sở tín dụng. Không ai có thể phủ nhận không chỉ việc Đế chế thứ hai đánh dấu một thời đại trong sự phát triển của ngành tín dụng Pháp, mà cả việc về mặt này nó đã đi quá xa và, cũng với nền tín dụng của mình, nó đã bị mất khả năng khuyến khích tín dụng. Điều mới duy nhất ở đây có lẽ là: bộ máy tín dụng nửa phong kiến đã phình ra và đã hao mòn tột độ, và giờ đây Lu-i Bô-na-pác-tơ mơ ước biến thẳng bản thân chính phủ thành một văn phòng cho vay. Vì mỗi mưu toan như vậy nhất định chứa đựng những nguy cơ to lớn, nên nó cũng sẽ không khỏi bị đổ vỡ, như đã đổ vỡ dự định của ông ta về những kho lương thực, dùng để nâng cao giá lúa mì lên. Việc tiêu nước, tưới nước và dọn sạch đất đai - tất cả đó là những biện pháp rất tốt, mỗi biện pháp đều theo tinh thần của nó, nhưng kết quả duy nhất có thể có của chúng là tăng số lượng nông phẩm. Chúng không thể làm tăng giá những sản phẩm ấy lên, vả lại, chúng không đặt ra cho mình mục tiêu như vậy. Nhưng, nếu ngay cả Lu-i Bô-na-pác-tơ có cách mầu nhiệm nào đó mà tìm được những biện pháp cần thiết để cải thiện nông nghiệp như vậy trên quy mô cả nước, thì làm sao những biện pháp ấy có thể trừ bỏ được sự mất giá của nông phẩm đã đè lên người nông dân Pháp năm năm vừa qua? Như thế thì Lu-i - Na-pô-lê-ông sẽ bắt tay cải tiến triệt để các phương tiện giao thông. Sự điếm

nhiên khi đưa ra kiến nghị này thậm chí vượt cả sự lão xược của Bô-na-pác-tơ. Chỉ cần chú ý sự phát triển đường sắt ở Pháp từ năm 1850 cũng đủ. Từ năm 1845 đến năm 1847, chi tiêu hàng năm cho những phương tiện giao thông này là gần 175 triệu phrăng; từ năm 1848 đến năm 1851 là gần 125 triệu phrăng; từ năm 1852 đến năm 1854 là ngót 250 triệu phrăng (gấp đôi chi tiêu trong những năm 1848-1851); từ năm 1854 đến năm 1856 là ngót 550 triệu phrăng; từ năm 1857 đến năm 1859 là gần 500 triệu phrăng. Năm 1857, khi nổ ra cuộc tổng khủng hoảng thương mại, Chính phủ Pháp đã bị chấn động trước những khoản tiền khổng lồ vẫn còn cần cho những đường sắt đang xây dựng, cũng như những khoản tiền đã được phép chi. Chính phủ đã cấm các công ty đường sắt thu hút thêm vốn bằng cách phát hành cổ phiếu, trái khoán v.v., tổng cộng hơn 215 500 000 phrăng một năm, đã cấm lập công ty mới và đã đề ra những hạn chế nhất định về khối lượng công việc hàng năm. Và sau tất cả những điều đó, Lu-i Bô-na-pác-tơ suy luận như thể đường sắt, sông đào v.v. mãi đến nay mới phải phát minh! Việc hạ cường bức mức thu phí đi trên sông đào mà ông ta ám chỉ là một việc chắc chắn sẽ kéo theo việc vi phạm các hợp đồng nhà nước, làm cho người ta ngán bỏ vốn vào xí nghiệp ấy, hơn nữa, biện pháp ấy tuyệt nhiên không nhằm thu hút thêm vốn vào chính những ngành ấy. Cuối cùng, để tìm được thị trường cho nông sản người ta đã dự định kích thích công nghiệp công xưởng. Nhưng, như chúng tôi đã xác định, công nghiệp công xưởng đã có những thành tựu to lớn dưới thời Đế chế thứ hai và mặc dù vậy, tuy xuất khẩu tăng chưa từng thấy, đường sắt và những phương tiện giao thông khác phát triển mạnh mẽ và hệ thống tín dụng mở rộng quá mức, trước đây chưa hề có ở Pháp, nhưng nông nghiệp Pháp đang suy thoái và nông dân Pháp đang bị kiệt quệ. Vậy tại sao có hiện tượng lạ lùng ấy? Việc quốc trái dài hạn hàng năm tăng 255 triệu phrăng, chưa nói đến thuế bằng máu do quân đội và hải quân phải gánh chịu, cho ta lời giải đáp

thật cận kề về vấn đề này. Bản thân đế chế là con quỷ hút máu to lớn, là một gánh nặng tăng lên nhanh hơn lực lượng sản xuất của dân tộc Pháp.

Những mệnh lệnh của Lu-i Bô-na-pác-tơ đối với nền công nghiệp Pháp, nếu vứt tất cả những gì là ba hoa rỗng tuếch hoặc là lối sính kế hoạch đi, thì chung quy là bỏ thuế quan về lông cừu cùng bông và triệt để giảm thuế quan về đường và cà phê. Tất cả những điều đó rất tốt, nhưng những người Anh chủ trương mậu dịch tự do phải thật nhẹ dạ mới có thể gọi những biện pháp như vậy là tự do buôn bán. Những ai hiểu kinh tế chính trị học đều biết rõ rằng việc bỏ thuế quan đánh vào nguyên liệu nông nghiệp là điểm chủ yếu trong học thuyết của các nhà trọng thương thế kỷ XVIII. Những "trở ngại bên trong" ấy đè nặng nền sản xuất của Pháp chẳng là gì cả so với những octrois^{1*} chia xẻ nước Pháp thành một số vùng độc lập bằng số thành thị có ở Pháp, làm tê liệt sự trao đổi trong nước và gây trở ngại cho việc tạo lập phúc lợi, vì chúng phá hoại sự tiêu dùng của đất nước. Song những octrois ấy đã tăng lên dưới thời đế chế và sẽ tiếp tục tăng lên nữa. Người ta định bù lại việc giảm thuế quan về lông cừu và bông bằng việc thu tiêu quỹ khấu hao, và như vậy thì trở ngại cuối cùng, tuy là trở ngại thuần túy danh nghĩa, đối với sự tăng lên của nợ nhà nước sẽ bị xóa bỏ.

Mặt khác, rừng phải đốn, đồi phải đào và đầm lầy phải tiêu nước bằng cách cấp 160 triệu phrăng để chi cho những mục đích ấy (số tiền này như người ta nói, tương đương với số công trái thời chiến vừa qua còn lại chưa tiêu hết), bằng ba khoản nợ hàng năm, mỗi năm trung bình chưa đầy 54 triệu phrăng. Nhưng riêng một việc xây đắp con đường bờ sông Loa mà Ca-li-ô-xtơ-rô của hoàng đế thông báo trình trọng cách đây năm năm và từ đó đến nay không ai nhớ lại nữa, có thể nuốt toàn bộ số tiền ấy trong

1* - thuế đánh vào hàng tiêu dùng rộng rãi nhập vào thành phố chưa đầy ba tháng. Trong trường hợp như vậy, bản tuyên ngôn còn lại được cái gì? Còn lại "kỷ nguyên hòa bình đã đến", như thể kỷ nguyên ấy chưa được tuyên bố từ lâu ở Boóc-đô. "L'Empire c'est la paix"⁷.

Do C.Mác viết ngày 17 tháng Giêng 1860

Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"

số 5862, ngày 7 tháng Hai 1860

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

In bằng tiếng Nga lần đầu

C.MÁC

CHÍNH SÁCH CỦA ANH

Luân Đôn, ngày 27 tháng Giêng 1860

Trong số những đề tài được đề cập trong các cuộc tranh luận thư chúc mừng của nghị viện, đáng chú ý nhất là cuộc chiến tranh thứ ba với Trung Quốc, hiệp ước thương mại với Pháp và những vụ rắc rối ở I-ta-li-a⁸. Cần chú ý rằng vấn đề Trung Quốc không chỉ là vấn đề quốc tế, mà còn là một vấn đề có ý nghĩa quan trọng liên quan đến hiến pháp. Cuộc chiến tranh thứ hai với Trung Quốc⁹ được tiến hành theo mệnh lệnh tự ý của huân tước Pan-móc-xtơn, trước hết đã kéo theo việc biểu quyết không tín nhiệm Nội các Pan-móc-xtơn, rồi sau đó việc giải tán hạ nghị viện liên quan với việc trên; hạ nghị viện mới, mặc dù được bầu lên với thành phần thuận lợi cho Pan-móc-xtơn, nhưng chưa lần nào nhận được đề nghị huỷ bỏ nghị quyết của hạ nghị viện trước. Cho đến nay, cuộc chiến tranh thứ hai của huân tước Pan-móc-xtơn ở Trung Quốc vẫn còn bị nghị viện lên án. Nhưng như thế chưa phải đã hết.

Ngày 16 tháng Chín 1859, Anh nhận được tin báo về thất bại trên sông Bạch Hà. Lễ ra phải triệu tập nghị viện thì huân tước Pan-móc-xtơn lại gửi công văn cho Lu-i Bô-na-pác-tơ và thương lượng với ông vua chuyên chế này về một cuộc viễn chinh mới của Anh và Pháp chống Trung Quốc. Theo lời huân tước Grây thì,

"trong ba tháng trời, các cảng và kho vũ khí của Anh ồn ào không khí chuẩn bị chiến tranh; người ta đã thi hành những biện pháp để đưa đi Trung Quốc pháo binh, đạn dược và pháo thuyền, cũng như bộ binh với quân số ít nhất là 10 000 người để bổ sung cho lực lượng hải quân".

Như vậy, khi đất nước đã hoàn toàn bị cuốn hút vào cuộc chiến tranh mới, một mặt, do hiệp ước ký với Pháp, mặt khác, nhờ những chi phí đáng kể mà không hề báo trước cho nghị viện, thì sau khi nghị viện họp lại, người ta bình thản đề nghị nghị viện "cảm ơn nữ hoàng về việc thông báo cho nghị viện biết tất cả những điều đã xảy ra và những công việc chuẩn bị đang diễn ra để tiến hành cuộc viễn chinh chống Trung Quốc". Bản thân Lu-i - Na-pô-lê-ông có thể tự mình nói chuyện bằng ngôn ngữ khác với Corps Législatif^{1*} của mình hay là vua A-lếch-xan-đơ nói chuyện với thượng nghị viện của mình?

Trong cuộc thảo luận thư chúc mừng tại hạ nghị viện vào năm 1857, tổng trưởng quốc khố hiện nay là ngài Glát-xtơn, khi nói đến cuộc chiến tranh với Ba Tư, đã phẫn nộ thốt lên:

"Không ngại bị phản đối, tôi xin nói rằng việc phát động chiến tranh mà không báo trước cho nghị viện là hoàn toàn trái với *tập quán đã quy định* của nước ta; nó là *một mối nguy đối với hiến pháp và nhất quyết đòi hỏi phải có sự can thiệp của hạ nghị viện*, để làm cho cái *tiền lệ nguy hiểm như vậy* hoàn toàn không thể lặp lại được nữa".

Huân tước Pan-móc-xtơn không đóng khung ở việc lặp lại cái tiền lệ "nguy hiểm như vậy đối với hiến pháp"; ông ta không chỉ lặp lại nó lần này với sự hỗ trợ của một kẻ đạo đức giả là ngài Glát-xtơn, và dường như muốn nhận thức mức độ vô trách nhiệm của chính phủ, ông sử dụng quyền của nghị viện chống nhà vua, sử dụng đặc trách của nhà vua chống nghị viện và sử dụng các đặc quyền của cả hai chống nhân dân, đã láo xược lặp lại tiền lệ nguy hiểm đó trong cùng một lĩnh vực hoạt động. Sau khi một cuộc chiến tranh chống Trung Quốc này bị nghị viện lên án, ông ta lại tiến hành cuộc chiến tranh mới chống Trung Quốc, bất chấp nghị viện. Thế nhưng trong cả hai viện chỉ có một người có đủ dũng khí để đứng lên chống sự tiếm quyền ấy của chính phủ; và đáng chú ý là con người độc nhất ấy không thuộc bộ phận dân

1* - Hội đồng lập pháp

chủ, mà thuộc bộ phận quý tộc của Quốc hội lập pháp. Người đó là huân tước Grây. Ông đã sửa chữa thư chúc mừng đáp lại bài phát biểu của nữ hoàng với ý nghĩa là không nên phát động cuộc viễn chinh trước khi hỏi ý kiến cả hai viện của nghị viện.

Cách thức mà đại biểu của đảng cầm quyền, cũng như của thủ lĩnh phái đối lập với nữ hoàng tiếp nhận sự sửa chữa của huân tước Grây là triệu chứng hết sức tiêu biểu chứng tỏ sự khủng hoảng chính trị đang nhanh chóng đến gần của các cơ quan đại diện của nước Anh. Huân tước Grây thừa nhận rằng, về hình thức, nhà vua có đặc quyền tuyên chiến, nhưng vì các bộ trưởng bị cấm chỉ tiêu dù chỉ là một phác-thình cho bất cứ công việc nào, nếu không được nghị viện phê chuẩn trước, pháp luật và hiến pháp đòi hỏi những đại diện trọng trách của nhà vua không được tiến hành những cuộc viễn chinh có tính chất quân sự, nếu không báo trước cho nghị viện và không đề nghị nghị viện thi hành các biện pháp để trang trải các khoản chi tiêu có thể nảy sinh do việc đó gây ra. Do đó, nếu hội đồng ấy của dân tộc cho là cần thì nó có thể ngay từ đầu ngăn cản mọi cuộc chiến tranh phi nghĩa và không khôn ngoan xét trên góc độ chính trị do các bộ trưởng bày ra. Rồi ngài huân tước đưa ra một số ví dụ để chứng minh rằng trước đây những quy tắc đó đã được tuân thủ nghiêm chỉnh như thế nào. Vào năm 1790 khi một số tàu Anh bị người Tây Ban Nha chiếm ở bờ biển Tây-Bắc nước Mỹ, Pitt trình hai viện bức thư của nhà vua kêu gọi hai viện biểu quyết kinh phí để trang trải các khoản chi có thể có. Một lần khác, vào tháng Chạp 1826, khi người con gái của Đôn Pê-đru^{1*} đề nghị Anh giúp chống Phéc-đi-năng VII của Tây Ban Nha, người xâm nhập Bồ Đào Nha để ủng hộ Đôn Mi-ghen, Ca-ninh đã đệ trình một bức thư như vậy báo cho nghị viện biết thực chất của vấn đề và quy mô to lớn của những khoản chắc chắn phải chi tiêu. Cuối cùng,

1* - Ma-ri-a II đã Glô-ri-a

huân tước Grây đã thẳng thắn chỉ ra rằng chính phủ đã dám đánh thuế đối với đất nước mà không được nghị viện đồng ý với lý do là những khoản lớn đã chi cần được trang trải bằng cách này hay cách khác; song không thể bù đắp được chúng nếu không dựa đến những khoản tiền cấp phát cho những nhu cầu hoàn toàn khác. Vậy huân tước Grây được nội các trả lời loại nào? Công tước Niu-ca-lơ, có lẽ là một trong những người đầu tiên bác bỏ tính chất hợp pháp của cuộc chiến tranh thứ hai với Trung Quốc của Pan-móc-xton đã trả lời, thứ nhất, rằng "những năm gần đây đã có cái nếp hết sức hữu ích là hoàn toàn không sửa chữa thư chúc mừng, trừ những trường hợp cần đạt được *những mục tiêu đảng phái* quan trọng nào đó". Do vậy, vì huân tước Grây không căn cứ vào những động cơ bề phái nào đó và không đòi tổng cổ các bộ trưởng và tự mình chiếm ghế của họ, vậy thì - công tước Niu-ca-lơ không thể nào hiểu được - ông ta muốn đạt được điều gì khi vi phạm "cái nếp hết sức có ích của những năm gần đây" ấy? Đúng về phía ông ta mà tưởng tượng rằng nghị viện sẽ tranh cãi kịch liệt vì cái gì khác ngoài những mục đích quan trọng của đảng thì có kỳ cục không? Thứ hai, chẳng lẽ không rõ là cái nếp hợp hiến được Pitt và Ca-ninh tuân thủ chu đáo như vậy, đã bao phen bị huân tước Pan-móc-xton vi phạm hay sao? Lẽ nào vị tử tước cao quý ấy không tùy tiện tiến hành chiến tranh ở Bồ Đào Nha năm 1831, ở Hy Lạp năm 1850 và - công tước Niu-ca-lơ có thể còn kể thêm - chiến tranh ở Ba Tư, Áp-ga-ni-xtan¹⁰ và nhiều nước khác hay sao? Vậy, nếu nghị viện đã cho phép huân tước Pan-móc-xton trong 30 năm tiếm quyền tuyên chiến, ký hòa ước và ban hành thuế, thì tại sao trong trường hợp như vậy ông ta phải bỗng nhiên cắt đứt với tập quán xun xoe đã có từ lâu của ông ta? Có thể, luật pháp là ở phía huân tước Grây, nhưng quyền thời hiệu thì chắc chắn ở phía huân tước Pan-móc-xton. Tại sao chính bây giờ cần phải truy cứu trách nhiệm tử tước cao quý, nếu trước kia ông không bao giờ bị trừng phạt vì những việc mới mẻ "có ích" như vậy? Quả thật, công tước Niu-ca-lơ, có lẽ, thậm chí

đã thể hiện sự mềm mỏng, nhịn kết tội huân tước Grây là dấy loạn vì có ý định thủ tiêu đặc quyền được tôn sùng lâu ngày của huân tước Pan-móc-xton là được tự ý sử dụng lực lượng quân sự và tài chính của nước Anh như là tài sản của mình.

Cách thức công tước Niu-ca-lơ dùng để cố gắng chứng minh tính chất hợp pháp của chiến dịch trên sông Bạch Hà cũng rất độc đáo. Đã có Hiệp ước Anh - Trung Quốc năm 1843 cho phép Anh hưởng tất cả mọi quyền mà Thiên triều trao cho những nước được quyền hưởng tối huệ quốc¹¹. Ngược lại, trong hiệp ước ký cách đây không lâu với Trung Quốc, nước Nga đã đòi được quyền cho tàu ngược dòng Bạch Hà¹². Vì vậy, do hiệp ước năm 1843, Anh cũng có quyền vào con sông này. Công tước nói: ông cũng có thể đòi được như vậy mà "không cần phải sử dụng bất cứ lập luận đặc biệt tí mĩ nào". Nhưng thực tế, giá mà ông ta có thể làm được việc ấy! Một mặt, ở đây có một điều đáng buồn: Hiệp ước Nga vừa mới được phê chuẩn, do đó chỉ có hiệu lực sau khi thảm họa trên sông Bạch Hà đã xảy ra. Nhưng đây chỉ là một *hysteron proteron*^{1*} nho nhỏ. Mặt khác, mọi người biết rằng đã có chiến tranh thì tất cả mọi hiệp ước hiện có đều không còn hiệu lực. Nếu trong thời điểm hành quân thăm dò trên sông Bạch Hà mà người Anh đang ở trong trạng thái chiến tranh với Trung Quốc, thì dĩ nhiên họ không thể dựa vào hiệp ước năm 1843, nói chung cũng không thể dựa vào bất kỳ hiệp ước nào khác. Nếu họ không ở trong trạng thái chiến tranh thì có nghĩa là Nội các Pan-móc-xton đã chủ động phát động cuộc chiến tranh mới mà không được nghị viện phê chuẩn? Để tránh vế thứ hai của sự lựa chọn, Niu-ca-lơ đáng thương khẳng định rằng từ khi bắn phá Quảng Châu¹³, trong hai năm gần đây "nước Anh *chưa bao giờ hòa hảo* với Trung Quốc". Do đó, chính phủ chỉ tiếp tục hoạt động quân sự, chứ không phải khôi phục lại hoạt động quân sự và như vậy Niu-ca-lơ không cần

lập luận đặc biệt, có thể dựa vào những hiệp ước chỉ có hiệu lực trong thời bình. Để tăng cường hơn nữa hiệu quả của phép biện chứng lạ lùng ấy, huân tước Pan-móc-xton, người đứng đầu nội các, đồng thời khẳng định ở hạ nghị viện rằng trong tất cả những năm ấy nước Anh "*chưa bao giờ đánh nhau với Trung Quốc*". Giờ đây nó cũng không đánh nhau với Trung Quốc. Đúng là có vụ bắn phá Quảng Châu, có thảm họa trên sông Bạch Hà và có đội viễn chinh Anh-Pháp, nhưng chiến tranh thì không có, vì không có *tuyên chiến* và vì cho đến nay hoàng đế Trung Hoa^{1*} vẫn cho phép tiếp tục cuộc đàm phán bình thường ở Thượng Hải. Chính sự thực là đối với Trung Quốc, Pan-móc-xton đã vi phạm tất cả các quy tắc quốc tế về tiến hành chiến tranh, ông ta bào chữa bằng việc dẫn ra trường hợp ông ta không tuân thủ các quy tắc hợp hiến đối với Nghị viện Anh, trong khi đại diện của ông ta tại thượng nghị viện là bá tước Gran-vin "khi đề cập vấn đề Trung Quốc" đã khinh khỉnh tuyên bố rằng "*việc chính phủ xin ý kiến nghị viện*" là "vấn đề thuần túy hình thức". Vậy, việc chính phủ xin ý kiến nghị viện là vấn đề thuần túy hình thức! Nếu thế thì Nghị viện Anh khác Corps Législatif Pháp ở điểm nào nữa? Ở Pháp, ít ra, con người được tiếng là kẻ thừa kế của vị anh hùng dân tộc, con người đã thể lại công khai gánh chịu toàn bộ sự rủi ro của việc tiếm quyền như vậy lại dám đặt mình vào vị trí dân tộc. Còn ở Anh thì nhà hoạt động hạng hai nào đó, kẻ hám danh vọng lụ khụ nào đó, kẻ vô tích sự không có bản sắc nào đó trong cái gọi là nội các, dựa vào sự yếu ớt của tư tưởng nghị viện, và vào sự tán gẫu làm rối trí của báo chí nặc danh, đang thâm lặng, không có chút mạo hiểm nào đối với mình, bình thản ngoi lên nắm quyền lực vô hạn. Hãy so sánh một bên là phong trào do một Xun-la nào đó dấy lên¹⁴ và một bên là những mảnh khoé "làm ăn" gian lận của một gã nào đó quản lý ngân hàng cổ phần, của viên thư

1* - sai lầm đảo ngược vị trí sau (*hysteron*), trước (*proteron*)

1* - Hàm Phong

ký nào đó của một hội từ thiện hoặc của giáo chức xứ đạo nào đó, thì các bạn sẽ hiểu sự khác nhau giữa việc tiếm đoạt vương quyền ở Pháp và việc tiếm đoạt chính quyền ở Anh! Huân tước Đốc-bi hoàn toàn hiểu rằng cả hai phe phái đều tha thiết như nhau muốn duy trì cái chính phủ bất lực và vô trách nhiệm, dĩ nhiên không thể "đồng ý với bá tước cao quý (Grây) trong sự nhận xét khắc nghiệt của ông ta đối với *các sai sót* của chính phủ". Ông ta lẽ ra có thể đồng ý một phần với lời than phiền của huân tước Grây rằng "chính phủ lẽ ra phải triệu tập nghị viện để làm rõ ý kiến của nghị viện về vấn đề Trung Quốc", nhưng ông ta, "tất nhiên, sẽ không ủng hộ Grây, nếu Grây đòi đem phân sửa chữa của ông ta ra biểu quyết".

Kết quả là phân sửa chữa không được đưa ra biểu quyết, và tất cả mọi cuộc tranh luận về chiến tranh Trung Quốc ở cả hai viện đều đã trở thành những tràng lời chúc mừng vui nhộn của cả hai phe phái đối với đô đốc Hâu-pơ nhân dịp ông này chôn lính Anh xuống bùn một cách tuyệt vời như vậy.

Do C.Mác viết ngày 27 tháng Giêng 1860

*Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"
số 5868, ngày 14 tháng Hai 1860*

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

C. MÁC

HIỆP ƯỚC MỚI GIỮA PHÁP VÀ ANH

Luân Đôn, ngày 28 tháng Giêng 1860

Hiệp ước thương mại của Pháp sẽ được đưa ra hạ nghị viện xem xét sớm nhất là ngày 6 tháng Hai. Song do biết rằng những điều đã được làm rõ trong các cuộc tranh luận về thư chúc mừng mà các báo Pháp ám chỉ và được đồn đại ở Luân Đôn và Pa-ri, mặc dù có những lời nhắc nhở trịnh trọng của ngài Glát-xton, giờ đây đã có thể mạnh dạn đánh giá tổng quát đôi điều về "người con nuôi cưng" ấy¹⁵. Vào ngày thứ hai, 23 tháng Hai, hiệp ước đã được ký một cách thích đáng ở Pa-ri; những cha đỡ đầu người Pháp của nó là bộ trưởng thương mại Ru-ê và Ba-rô-sơ, ad interim^{1*} bộ trưởng ngoại giao, còn về phía Anh thì những chức năng ấy do huân tước Cau-li và ngài Cốp-đen thực hiện. Việc ngài Mi-sen Sê-va-li-ê, người trước đây theo phái Xanh-Xi-mông, đã bắt tay vào công việc này và toàn bộ nước Pháp lấy làm tiếc về việc Lu-i - Napô-lê-ông không thật tế nhị và không tạo khả năng cho con người kiệt xuất này (nghĩa là ngài Sê-va-li-ê) đặt chữ ký của mình dưới hiệp ước bên cạnh chữ ký của "confrère"^{2*} người Anh của ông ta - đó là tin tức mà chính bản thân "con người kiệt xuất" hạ cố báo về Luân Đôn và công bố trên các báo của phái chủ trương mạo dịch tự do. Nhưng các báo không biết rằng nhân vật

1* - quyền

2* - bạn đồng nghiệp

chủ yếu phía người Pháp là père^{1*} Ăng-phăng-tanh, nguyên linh mục tối cao theo chủ nghĩa Xanh-Xi-mông. Thực ra, có đáng ngạc nhiên hay không khi thấy tất cả những người thuộc phái Xanh-Xi-mông ấy, từ père Ăng-phăng-tanh đến I-xắc Pê-rây-rơ và Mi-sen Sê-va-li-ê đều bị biến thành những trụ cột kinh tế chủ yếu của Đế chế thứ hai? Nhưng chúng ta hãy quay trở lại "confrère người Anh" của ngài Sê-va-li-ê, nguyên là chủ xưởng Lan-kê-sia, tất nhiên ông này bị quyến rũ không ít do chỗ ông ta được ban sự vinh dự như thế và được phép tự tay ký tên vào hiệp ước quốc tế. Nếu chú ý rằng những hiệp ước dựa trên nguyên tắc có đi có lại và những hiệp ước thương mại nói chung, trừ những hiệp ước ký với bọn người dã man, luôn luôn bị phái chủ trương mạo dịch tự do, đứng đầu là ngài Cốp-đen, lớn tiếng chỉ trích, coi đó là hình thức tồi tệ nhất và tráo trở nhất của chính sách thuế quan bảo hộ; nếu tiếp đến chú ý rằng một hiệp ước đích thực, thậm chí xét trên góc độ có đi có lại, có vẻ là một thỏa ước khá vô lý; cuối cùng, nếu chúng ta cân nhắc thỏa đáng những mục tiêu và nhiệm vụ chính trị mà hiệp ước đó phải che đậy, thì công chúng có lẽ sẽ thiên về việc thương hại ngài Ri-sốt Cốp-đen, coi ông ta là nạn nhân vô tội của một trong những thủ đoạn của Pan-móc-xton. Nhưng sự việc còn có một mặt khác nữa. Như tất cả mọi người đều biết, để thưởng công cho ngài Cốp-đen về chiến dịch thành công của ông ta chống các đạo luật về ngũ cốc¹⁶, ông ta có lúc nào đó đã nhận của các chủ xưởng chịu ơn gần 60 000 pao xtéc-linh. Số vốn này ngài Cốp-đen bỏ vào cổ phiếu Mỹ và do cuộc khủng hoảng năm 1857 ông ta đã mất gần hết. Những mối hy vọng ông còn ấp ủ khi lên đường đi du lịch sang Mỹ tỏ ra là hư ảo. Ngài Cốp-đen trở về Anh trong tình trạng một con người đã kiệt quệ. Để tổ chức một đợt quyên góp toàn quốc, cần phải có một cái có

1* - cha

mang tính chất toàn quốc nào đó, một công việc nào đó có thể thổi phồng lên để một lần nữa mô tả ngài Cốt-đen là vị thiên sứ bảo hộ Vương quốc liên hiệp "bảo đảm sự dồi dào và yên tĩnh cho hàng triệu gia đình bình thường". Hiệp ước Anh - Pháp chính là *phục vụ* cho mục đích này, và như các bạn sẽ nhận biết qua các báo hàng tỉnh, đợt quyên góp mới với số tiền 40 000 p.xt. dùng để đền bù cho vị đại sứ đồ rao giảng việc buôn bán tự do về sự thua thiệt của ông ta ở Mỹ, đợt ấy đã đi qua, đón nhận "sự đồng tình" lớn lao. Không chút nghi ngờ điều sau đây: nếu Đì-xra-e-li, chẳng hạn, mang một hiệp ước như vậy đến hạ nghị viện, thì ngài Cốt-đen đứng đầu phái mâu dịch tự do sẽ đề nghị bày tỏ sự không tín nhiệm cái nội các định đưa ngành lập pháp trở lại những nhảm lẫn đen tối nhất của quá khứ dốt nát.

Qua bảng kèm theo đây chúng ta có thể hình dung số lượng thuế quan bảo hộ mà Anh thu từ hàng hóa Pháp trong năm 1858:

Hàng hóa	Thuế p.xt.
Làn, giỏ	2 061
Dầu	7 159
Hàng sứ	1 671
Đồng hồ treo tường	3 928
Cà-phê	4311
Trứng	19 934
Hàng thêu	5 572
Hoa giả	20 412
Hoa quả	7 347
Hàng thêu ren	1 858
Giày dép và hàng da khác.....	8 883
Găng tay	48 839
Nhạc cụ	4 659
Dầu nhờn	2 369
Giấy dán tường	6 713
Rơm bện để làm mũ và thứ khác	11 622
Lụa	215 455
Cô-nhắc và những thứ rượu khác	824 960

Đường	275702
Chè	14 358
Thuốc lá	52 696
Đồng hồ đeo tay	14 940
Rượu vang	164 855

Đa số thuế quan thu như vậy là thuế quan bảo hộ, ví dụ, thuế làn, giỏ, đồng hồ treo tường, hàng ren, giày dép, găng tay, lụa v.v. chẳng hạn. Những thuế khác, như thuế rượu v.v. chẳng hạn, cao hơn thuế gián thu Anh đánh vào rượu Anh, và vì vậy cũng mang tính chất bảo hộ. Ngay cả những thuế quan tài chính thông thường, như thuế rượu vang chẳng hạn, người nhất quán chủ trương mâu dịch tự do có thể coi chúng là thuế quan bảo hộ, vì hầu như không thể thu thuế từ hàng hóa nước ngoài, nếu không đồng thời bảo hộ hàng hóa tương tự, nếu không phải là đồng dạng của thị trường nội địa. Ví dụ, thuế quan tài chính đánh vào rượu nho nước ngoài có thể coi là thuế quan bảo hộ đối với rượu nho bản địa v.v.. Do hiệp ước vừa mới ký, tất cả mọi thuế quan Anh đánh vào hàng hóa Pháp sẽ bị bãi bỏ ngay lập tức, còn thuế quan đánh vào rượu trắng, rượu nho và những hàng hóa khác sẽ điều chỉnh ngang với thuế gián thu Anh hoặc với những thuế quan nay đang thu từ những sản phẩm tương tự như vậy (ví dụ, thuế đánh vào rượu nho) nhập từ các thuộc địa của Anh. Mặt khác, những thay đổi của Pháp về thuế suất sẽ dứt khoát đưa ra sớm nhất là vào tháng Mười 1861, như chúng ta thấy qua thông báo dưới đây lấy từ một tờ báo của Chính phủ Pháp:

- 1 tháng Bảy 1860 - bãi bỏ thuế nhập khẩu đánh vào bông và lông cừu.
- 1 tháng Bảy 1860 - áp dụng thuế suất của Bỉ đối với than đá và than cốc Anh.
- 1 tháng Mười 1860 - thay cho thuế quan hiện hành đánh vào sắt, và áp dụng thuế quan 7 phrăng trên một tạ.
- 31 tháng Chạp 1860 - thuế quan đánh vào máy móc nhập khẩu được hạ thấp.
- 1 tháng Sáu 1861 - bỏ lệnh cấm nhập chỉ gai và vải gai, ấn định thuế quan không vượt quá 30%

1 tháng Mười 1861 - bỏ tất cả những lệnh cấm nhập khẩu còn lại, áp dụng thuế quan bảo hộ ad valorem^{1*} thời hạn 5 năm và không vượt quá 25% sau thời hạn đó.

Nếu không kể việc hạ mức thuế đánh vào than của Anh xuống đến mức như hiện nay thu từ than của Bỉ thì tất cả những nhượng bộ về hình thức của Pháp có lẽ mang tính chất hết sức mập mờ. Ví dụ, giá một tấn gang loại 1 (của xứ Oen-xơ) chẳng hạn, hiện nay là 3 pao 10 si-linh, còn thuế quan của Pháp đánh vào gang sẽ còn xấp xỉ 3 pao. Báo "Economist"¹⁷ ở Luân Đôn thừa nhận rằng thuế quan 30% ad valorem đánh vào những vật phẩm cho đến nay vẫn cấm nhập khẩu, về thực chất sẽ mang tính chất bảo hộ. Vì việc hạ mức thuế quan đánh vào hàng hóa của Anh - hạ thực sự hoặc hình thức - bị hoãn lại sau này, nên Chính phủ Anh, về thực chất, đóng vai một công ty bảo hiểm đảm bảo duy trì quyền lực cho Lu-i - Na-pô-lê-ông trong thời hạn đó. Còn bí mật thực sự của hiệp ước thương mại này chính là ở chỗ *"đó tuyệt nhiên không phải là hiệp ước thương mại"*, mà đơn thuần là sự lừa bịp có tác dụng làm rối trí đầu óc kinh doanh của Giôn Bun và che đậy một ý đồ chính trị bí mật; bí mật đó đã được ngài Đì-xra-e-li bóc trần một cách tài tình trong khi tranh luận về thư chúc mừng này. Thực chất của việc bóc trần của ông ta tựu trung như sau:

"Cách đây mấy năm, hoàng đế Pháp có lời tuyên bố giống bức thư mà ông ta gửi cho quốc vụ khanh cách đây không lâu; trong lời tuyên bố ấy ông ta đề nghị hoàn toàn xóa bỏ chế độ cấm đoán và thi hành những biện pháp giống như những biện pháp được nhắc đến trong bản tuyên bố cách đây không lâu của ông ta. Năm 1856, một bản dự luật theo tinh thần này đã được đưa ra Corps Législatif^{2*}, song trước khi được thông qua, nó đã được đưa ra cho 86 hội đồng hàng tỉnh của Pháp xem xét, trừ 6 hội đồng ra, tất cả các hội đồng đều tán thành dự luật với một điều kiện là từ đó đến khi áp dụng chế độ mới phải trải qua một thời gian nào đó. Kết quả là hoàng

đế đã đồng ý với đề nghị ấy, và quyết định của hoàng đế về việc thực thi chế độ đó đã được trình bày trong một số văn kiện công khai. Thời gian bắt đầu có hiệu lực của đạo luật ấy là tháng Bảy 1861. Vì vậy tất cả những điều Pháp cam kết bắt đầu thực thi vào tháng Bảy 1861 trên cơ sở hiệp ước đã ký kết đều đã được quy định ở Pháp bằng con đường lập pháp.

Do C.Mác viết ngày 28 tháng Giêng 1860

*Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"
số 5868, ngày 14 tháng Hai 1860*

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

1* - căn cứ vào giá cả

2* - Hội đồng lập pháp

PH. ĂNG-GHEN

CẢI CÁCH QUÂN ĐỘI Ở ĐỨC

Cuộc chiến tranh I-ta-li-a năm 1859 đã xác định - với mức độ còn lớn hơn cuộc Chiến tranh Crưm¹⁸ - một sự thực là tổ chức quân đội của Pháp là một tổ chức tốt nhất trong toàn bộ châu Âu. Trong số tất cả các quân đội châu Âu, kể cả quân đội Pháp, chắc chắn quân đội Áo đứng cao hơn cả; thế nhưng trong chiến dịch ngắn ngủi năm 1859, quân đội nhìn chung không thể thắng trận nào, tuy quân lính của nó đã nổi tiếng. Ngay cả nếu chú ý sự bất tài của tướng lĩnh, sự thiếu thống nhất trong chỉ huy và sự can thiệp non nớt của hoàng đế, thì ấn tượng nhất trí của các sĩ quan cấp trung đoàn, cũng như của binh sĩ Áo là sở dĩ quân đội đó không giành được thắng lợi, một phần vì sự tổ chức kém thích nghi với nhu cầu của chiến tranh hiện đại so với cách tổ chức của quân địch. Còn nếu quân đội Áo, được tổ chức lại toàn bộ cách đây vắn vỏi mấy năm, đã tỏ ra xoàng xĩnh, vậy thì có thể mong đợi gì ở những quân đội khác được tổ chức theo cách như trong quá khứ xa xôi?

Quân Pháp trội hơn cả về mặt này, điều đó chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả. Bất kỳ dân tộc nào có một số năng lực quân sự và tiến hành trong hai mươi năm một cuộc chiến tranh nhỏ với quy mô đồ sộ như cuộc chiến tranh ở An-giê-ri¹⁹, đều không thể không nhờ thế mà phát huy những phẩm chất chiến đấu của bộ đội mình ở mức cao. Trong khi Anh và Nga tiến hành chiến tranh ở Ấn Độ và Cáp-ca-dô chủ yếu bằng binh lính chuyên dùng cho mục đích này thì phần lớn quân đội Pháp đã trải qua trường học

An-giê-ri. Pháp đã thực sự thu được ích lợi lớn nhất từ cái trường học tốn nhiều mạng người và tiền bạc này, nhưng đặc biệt có hiệu quả và có tác dụng tốt xét trên góc độ thu hoạch kinh nghiệm chiến đấu quý báu. Cuộc Chiến tranh Crưm tiếp diễn sau đó, một trường học khác có quy mô lớn hơn, đã gây cho binh sĩ niềm tin tưởng lớn hơn, cho họ thấy rằng kinh nghiệm họ thu hoạch được trong những cuộc hành quân chống các bộ lạc du mục và các đội quân không chính quy, đều bổ ích và có thể vận dụng trong cuộc đánh nhau với bộ đội chính quy.

Với những khả năng như vậy, một dân tộc được phú cho những năng lực binh nghiệp đặc biệt, phải đưa sự tổ chức chiến đấu của mình đến mức độ hoàn thiện vượt qua tất cả mọi thành tựu của dân tộc láng giềng - sự thực ấy đã được chứng minh một cách không thể chối cãi ở Mát-gien-ta và Xôn-phe-ri-nô²⁰, nhưng vẫn gây sự ngạc nhiên, đặc biệt là ở Đức. Những nhà quân sự thông thái rỏm của nước này tin vào cái gọi là ưu việt của mình so với quân Pháp nông nổi, bất thường, vô kỷ luật và vô đạo đức đến mức dòn đánh ấy đã thực sự làm họ sững sốt. Mặt khác, giới trẻ hơn và có học thức hơn của quân đội Áo và những quân đội khác của Đức lúc nào cũng chống thói thông thái rỏm, đã lập tức lên tiếng. Những sĩ quan Áo vừa mới có mặt ở Mát-gien-ta, lần đầu tiên nói - và điều này hoàn toàn đúng - rằng quân Pháp không mang ba-lô trong lúc chiến đấu, rằng họ không có nào cà-vạt, nào áo cổ đứng, nào áo hoặc quần bó; họ mặc quần ống rộng và áo thụng cổ bẻ, cổ và ngực họ hoàn toàn không có gì che chắn, đầu đội mũ lưỡi trai nhẹ, đạn thì họ bỏ túi quần. Nơi nào lính Áo đến trong tình trạng mệt mỏi và thở hổn hển thì quân Pháp xuất hiện trong trạng thái sung sức, ca hát, sẵn sàng đón nhận mọi sự căng thẳng về thể chất. Điều này được các sĩ quan thông báo trong những bức thư gửi từ chiến trường, còn sĩ quan Phổ, sĩ quan Ba-vi-e và những sĩ quan khác thì chẳng bao lâu sau đã lặp lại chính điều đó. Sự kiện đáng sợ đã hiển hiện trước mắt. Binh sĩ

đã thực sự dám đương đầu với kẻ thù, không mang theo khối vật phẩm nặng nề mà hầu hết dùng để phô trương và làm nền bên ngoài cho việc đánh nhau và gộp chung lại là cái giống như chiếc áo bó và mặc dù không có chiếc áo bó đó, họ đều chiến thắng trong tất cả mọi cuộc giao tranh. Sự thực đó quan trọng đến mức ngay cả các chính phủ Đức cũng không thể nhắm mắt làm ngơ.

Như vậy, cải cách quân đội ở Đức đã trở thành khẩu hiệu bức bách, rất đáng sợ cho tất cả những người bám lấy truyền thống cũ. Những lý thuyết cách mạng nhất đề cập đến binh nghiệp không chỉ được đảng hoàng đưa ra thảo luận, mà thậm chí còn được các chính phủ chú ý. Tất nhiên, vấn đề thứ nhất là trang bị quân phục cho binh sĩ, tạo thành sự khác nhau rõ rệt nhất giữa hai quân đội trên chiến trường. Độ dài của việc thảo luận vấn đề này hoàn toàn phù hợp với sự muôn màu muôn vẻ của thị hiếu. Về vấn đề quân phục đã thể hiện vô khối óc sáng kiến. Mũ lưỡi trai, mũ cối, mũ ống cao, mũ trùm tai, quân phục, áo blu-dông, áo ca-pốt, cổ áo, cổ tay áo, quần, ghệt và ủng - tất cả những điều đó đã được tranh cãi sôi nổi và hùng biện như thể vận mệnh của những cuộc giao tranh ở Xôn-phe-ri-nô chỉ phụ thuộc vào những đồ vật ấy. Quân phục của quân Áo lơ lửng kỳ dị nhất. Bắt đầu từ việc sao chép hầu như nguyên xi mẫu Pháp (trừ màu sắc) rồi họ đi qua tất cả mọi giai đoạn trung gian đến tận áo blu-dông và mũ mềm vành rộng. Hãy hình dung người lính Áo kiểu cách, bảo thủ, bệ vệ của nhà vua mặc áo quần đom đống kiểu xạ thủ Pháp hoặc, tệ hơn nữa, mặc áo blu-dông, đội mũ phớt kiểu lính tình nguyện cách mạng của Đức năm 1848. Không thể nghĩ ra lời châm biếm hệ thống quân sự Áo tốt hơn cái sự thực là mỗi thái cực trong số những thái cực ấy đều được thảo luận nghiêm túc. Như thường xảy ra, cuộc tranh cãi hết hơi rồi kết thúc hơn là dẫn đến một quyết định nào đó; những người bám riết các truyền thống quân sự cũ đã lấy lại cho mình một phần những vị trí đã mất và,

ít ra là ở Áo, những sự thay đổi về trang phục nhìn chung sẽ rất không đáng kể, và chẳng ở những quân đội khác của Đức chưa chắc có thể mong chờ bất kỳ sự thay đổi nào, trừ chiếc mũ nồi Phổ, phát minh đáng yêu này của Phri-đrich-Vin-hem IV lãng mạn có lẽ phải xuống mồ trước người phát minh ra nó.

Tiếp đến là đại vấn đề chiếc ba-lô. Việc quân Pháp vào trận không mang ba-lô là một sự không thận trọng chỉ có thể biện minh bằng thành công của họ vào mùa nóng trong năm. Nhưng nếu điều đó đã thành nếp của họ, thì thất bại đầu tiên lúc thời tiết lạnh hoặc trời mưa sẽ trừng phạt họ một cách khốc liệt về điều đó. Thực ra, nếu điều đó đã trở thành tập quán được mọi người chấp nhận thì kết quả là trong mỗi trận đánh, quân đội bại trận chẳng những sẽ mất pháo binh, cò và đạn dược, mà còn mất toàn bộ hành trang cá nhân của mỗi người lính bộ binh. Kết quả là một số ngày mưa hạ trại ngoài trời sẽ hoàn toàn làm rối loạn hàng ngũ bộ binh, vì mỗi người lính chỉ có những thứ mặc trên người mà thôi. Và lại, thực chất của vấn đề có lẽ là ở chỗ làm thế nào để có thể giảm hành trang cá nhân của mỗi người lính xuống tới mức tối thiểu; vấn đề quan trọng này sẽ có thể giải quyết dễ dàng và thỏa đáng, nếu những đồ đạc trong hành trang được xem xét chỉ trên góc độ chúng có thích hợp khi hành quân hay không; nhưng ở Đức cuộc thảo luận không giải quyết được vấn đề này.

Ngoài vấn đề trang phục và vấn đề chiếc ba-lô ra, một vấn đề nữa được thảo luận tỉ mỉ là việc tổ chức các đơn vị của quân đội. Đại đội phải có bao nhiêu người, tiểu đoàn phải có mấy đại đội, trung đoàn phải có mấy tiểu đoàn, lữ đoàn phải có mấy trung đoàn, sư đoàn phải có mấy lữ đoàn v.v.. Đây là một đề tài nữa có thể, với vẻ mặt nghiêm túc và quan trọng, nói lên tất cả một đồng điều nhảm nhí. Trong bất kỳ quân đội nào, hệ thống chiến thuật sơ đẳng đều hạn chế quân số và số lượng đại đội và tiểu đoàn trong những giới hạn nhất định; quân số tối thiểu và tối đa

của lữ đoàn và sư đoàn được xác định theo thành phần được áp dụng trong các quân đội láng giềng để khi đụng độ, những đơn vị chiến thuật lớn hơn không chênh lệch nhau quá nhiều. Tìm giải pháp cho những vấn đề như vậy không xuất phát từ những điều kiện thực tế do những sự thực ấy quyết định, mà cố ấn định những nguyên tắc cơ bản, - nghĩa là điều nhằm nhĩ có thể xứng đáng với các nhà triết học Đức, chứ không phải với những người làm công việc thực tiễn. Tăng số trung đoàn bộ binh chủ lực Áo từ 63 lên 80, đồng thời giảm số tiểu đoàn, sẽ đảm bảo cho chúng "thành công trong tương lai" không kém việc trang bị quần ống rộng và mặc áo cổ bẻ.

Nhưng trong khi các mốt nhà binh và những suy luận cao siêu về quân số và thành phần bình thường của một lữ đoàn nuốt mất toàn bộ sự chú ý, thì những khuyết điểm và ung nhọt lớn của hệ thống quân sự Đức vẫn không được chú ý. Thực ra, chúng ta phải nghĩ gì về những sĩ quan tranh cãi kịch liệt về kiểu ống quần hoặc cổ áo, nhưng lại thản nhiên với tình trạng trong quân đội của Hiệp bang Đức²¹ có gần hai chục cỡ nòng pháo dã chiến và sự đa dạng hầu như không tính xuể về cỡ nòng súng hỏa mai cầm tay? Việc áp dụng súng nòng có rãnh là trường hợp tuyệt vời để thống nhất cỡ nòng trên toàn nước Đức, chẳng những được thực hiện cầu thả không thể tha thứ, mà còn làm cho tình hình thêm tồi tệ. Cần đề cập một ít sự rối rắm này về cỡ nòng. Áo, Ba-vi-e, Vuyéc-tem-béc, Ba-đen và Hét-xen - Đác-mơ-stát có một cỡ nòng - 0,53 in-sơ. Với lẽ phải thực tiễn mà người Đức ở miền Nam thể hiện trong nhiều trường hợp, họ đã tiến hành cuộc cải cách hết sức quan trọng ấy, cuộc cải cách ấn định cỡ nòng giống nhau cho năm quân đoàn của Hiệp bang Đức, Phổ có ba cỡ: một cỡ của cái gọi là Zündnadelgewehr, tức là súng có kim hoa^{1*}, gần 0,60 in-xơ, và

cỡ kia là của súng nòng nhẵn kiểu cũ, cách đây không lâu được xẻ rãnh theo nguyên lý Mi-ni-e, xấp xỉ 0,68 in-sơ. Vả lại, cỡ thứ hai này chẳng bao lâu nữa sẽ thay bằng cỡ thứ nhất. Quân đoàn 9 có ba cỡ khác nhau cho súng trường và hai hoặc ba cỡ khác nhau cho súng nòng trơn; quân đoàn 10 có ít ra là mười cỡ, còn ở sư đoàn dự bị có bao nhiêu tiểu đoàn thì có hầu như bấy nhiêu cỡ. Giờ đây các bạn hãy tưởng tượng quân đội nhiều về ấy lúc chiến đấu xông xáo. Có thể giả thiết được không, rằng súng đạn ứng với mỗi số quân nhất định, trong trường hợp cần thiết bao giờ cũng có mặt ở gần, còn nếu không thể như thế, thì làm sao có thể chịu được sự bất lực và vô tích sự của đơn vị? Trừ Áo, các quốc gia Nam Đức và Phổ ra, không một đơn vị nào vì riêng một tình huống ấy mà có thể mang lại bất cứ ích lợi thực tế nào trong trận đánh kéo dài. Điều này cũng đúng cả với pháo binh. Lẽ ra phải dừng ngay lại ở một cỡ chung phù hợp dù chỉ với pháo sáu pao kiểu cũ và, như vậy, dần dần sẽ trở thành cỡ chung đối với pháo dã chiến nòng có rãnh xoắn thì người Phổ, người Áo và người Ba-vi-e hiện nay lại đúc pháo nòng có rãnh hoàn toàn độc lập với nhau, điều này sẽ chỉ làm cho cỡ nòng này đã nhiều về càng thêm đa dạng. Một quân đội có những thiếu sót to lớn như vậy thì có thể làm được gì quan trọng hơn là tranh cãi về cổ áo, về quần và về số lượng lữ đoàn và tiểu đoàn bao nhiêu là bình thường.

Ở Đức không thể có bất kỳ tiến bộ nào trong binh nghiệp chừng nào các cấp cao không muốn từ giã cái ý nghĩ cho rằng quân đội lập ra để duyệt binh, chứ không phải để chiến đấu. Thói thông thái rởm loại ấy đã bị Ô-xtéc-lít, Va-gram và I-ê-na²² và nhiệt tình của dân chúng những năm 1813-1815 đánh bại, chẳng bao lâu lại ngóc đầu dậy, nó đã ngự trị tuyệt đối cho đến năm 1848 và có lẽ đã lên tới đỉnh điểm đỉnh trong mười năm qua, ít ra là ở Phổ. Nếu Phổ bị cuốn hút vào chiến tranh I-ta-li-a, thì Pê-li-xi-ê chắc sẽ sắp đặt cho quân đội của nó một I-ê-na mới, và chỉ có các pháo đài vùng sông Ranh là có thể cứu nó thôi. Đó là tình hình mà một

1* Xem tập này, tr.275-278.

quân đội xét về phẩm chất của binh sĩ thì không thua kém một quân đội nào trên thế giới, đã bị đẩy vào. Trường hợp sau này có xung đột giữa quân Pháp và quân Đức, chúng ta có thể với đầy đủ lý do chờ đợi sự tái diễn những nét tiêu biểu của Mát-gien-ta và Xôn-phe-ri-nô

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối tháng
Giêng - đầu tháng Hai 1860
Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York
Daily Tribune" số 5873, ngày 20 tháng Hai
1860*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

NGÂN SÁCH CỦA ANH

Luân Đôn, ngày 11 tháng Hai 1860

Phiên họp tối qua là một sự kiện lớn lao trong sinh hoạt nghị viện. Trong một bài nói dài, ngài Glát-xơn đã đồng thời tiết lộ bí mật của ngân sách của ông và bí mật của hiệp ước thương mại, cố gắng gắn hai văn kiện với nhau và dùng sự mạnh dạn của văn kiện này bù cho sự non nớt của văn kiện kia. Còn về hiệp ước mà giờ đây các chi tiết của nó cả thế giới đều biết, thì các bạn sẽ thấy rằng nhận định vắn tắt của tôi cách đây mấy tuần^{1*} hoàn toàn đúng; về thực chất, tôi không có gì để thêm vào sự phân tích phê phán tổng quát của tôi lúc đó. Vì vậy, ở đây tôi sẽ xem xét ngân sách của ngài Glát-xơn chỉ với tư cách là nghiệp vụ tài chính của Anh. Cách nhìn nhận vấn đề như vậy càng cần thiết vì những cuộc thảo luận sắp tới ở nghị viện chắc chắn, ngoài những điều khác ra, sẽ phơi bày cho chúng ta thấy những lý do ngoại giao ẩn giấu đằng sau các sự kiện và con số của ngài Glát-xơn.

Các chi tiết của ngân sách dù không nhất quán thế nào đi nữa, những lời phản đối về chính trị được nêu lên để chống sự khôn ngoan chín chắn của một biện pháp là để đối phó với sự thâm hụt hơn 14% tổng thu và với tình hình chi tiêu tăng rất nhiều, người ta chủ trương hoàn toàn bãi bỏ nhiều khoản thuế quan hiện hành mà một bộ phận của chúng chưa chắc đề nặng lên vai quần

chúng nhân dân, là gì đi nữa, thì lẽ công bằng sơ đẳng bắt buộc tôi phải nói rằng ngân sách của ngài Glát-xơn là một thủ đoạn tài chính tuyệt vời và mạnh dạn. Nếu đứng trên quan điểm học thuyết của Anh về mậu dịch tự do và tạm gác một số điều vô lý hiển nhiên do hiệp ước với Pháp tạo nên, cũng như do sự hiền dịu mà mỗi vị bộ trưởng tài chính Anh đều luôn luôn thể hiện đối với địa tô của 50 000 địa chủ cỡ lớn nhất thì phải thừa nhận ngân sách này là tuyệt vời. Tình hình của ngài Glát-xơn trở nên rắc rối vì những khó khăn do chính ông ta tạo ra. Vì rằng chính ông ta năm 1853 trong cái gọi là ngân sách kiểu mẫu của ông cho thời kỳ bảy năm đã cam kết bãi bỏ dứt khoát thuế thu nhập trong năm 1860-1861. Tiếp đến, trong ngân sách bổ sung do cuộc chiến tranh với nước Nga đòi hỏi, chính Glát-xơn đã hứa là trong tương lai không xa sẽ bãi bỏ thuế quan thời chiến đối với chè và đường. Và giờ đây, khi đã đến hạn thanh toán các kỳ phiếu của ông ta, chính ông ta đưa ra một kế hoạch vẫn duy trì thuế quan ấy, còn thuế thu nhập thì nâng từ 9 lên 10 pen-ni một pao, nghĩa là nâng lên 11 1/9%. Nhưng, như các bạn còn nhớ, trong những nhận xét phê phán của tôi về ngân sách năm 1853 của Glát-xơn, tôi đã cố gắng chỉ ra rằng, nếu luật tài chính theo quan điểm mậu dịch tự do nói chung không có nghĩa gì cả, thì điều đó trước hết có nghĩa là thay việc đánh thuế gián tiếp bằng việc đánh thuế trực tiếp²³. Lúc ấy tôi chỉ ra rằng lời ngài Glát-xơn hứa tiếp tục bãi bỏ thuế quan và thuế gián thu không tương dung với lời ông ta đồng thời hứa hoàn toàn xóa sổ mục thuế thu nhập trong danh sách những người thu thuế. Mặc dù mức thuế suất của thuế thu nhập không bao quát tất cả mọi thu nhập, chưa công bằng và thậm chí quả thật vô lý, nhưng thuế thu nhập là bộ phận tốt nhất của luật tài chính Anh. Việc ngài Glát-xơn, thay vì đánh thuế cao đối với sở hữu ruộng đất, đã duy trì thuế thời chiến đối với những vật phẩm thiết yếu như chè và đường, là biểu hiện của sự hèn nhát do cơ cấu quý tộc của nghị viện với mức độ lớn hơn rất nhiều so với do tầm mắt hạn chế phần nào của ông ta. Nếu ông ta dám

^{1*} Xem tập này, tr. 23-28

chiếm đoạt địa tô thì nội các - tiền đồ của nội các này khá lung lay - sẽ lập tức bị bãi miễn. Tục ngữ xưa có câu: người đói bụng không có tai, nhưng một điều không kém đúng đắn là địa tô không có lương tâm.

Trước khi nhận xét vắn tắt những thay đổi mà ngài Glát-xton đề ra, trước tiên tôi xin bạn đọc lưu ý một số nhận xét tình cờ ông buột miệng khi nói. Thứ nhất, ông bộ trưởng tài chính thừa nhận rằng quan niệm thịnh hành coi hệ thống tài chính Anh là hiện thân của chế độ mậu dịch tự do quả thật tầm thường. Thứ hai, ông ta thừa nhận rằng nước Anh buôn bán không đáng kể là bao với Pháp, trong khi Pháp thì trái lại, buôn bán với Anh rất rộng lớn và ngày càng tăng. Thứ ba, ông ta buộc phải thừa nhận rằng chính sách của Pan-móc-xton tổ chức "những cuộc viễn chinh hữu nghị" mà không cho nghị viện biết, đã thay đổi căn bản tình hình và triệt tiêu sự tăng thu nhập của kho bạc nhờ phát triển thương nghiệp và công nghiệp Anh. Cuối cùng, - tuy viên thuốc đắng này được ông bọc đường và trình bày dưới dạng kiêu diễm như những người bán thuốc Pháp thường trình bày loại thuốc phẩm chất kém nhất - ông ta không thể không thừa nhận rằng chính người đồng minh thân thiết đó mà nước Đại Anh sẵn sàng hy sinh gần ba triệu thu nhập của mình cho người đó, là nguyên nhân chủ yếu khiến chi tiêu quân sự và hải quân Anh trong năm 1860-1861 tăng lên đến con số khổng lồ là 30 triệu. Cần phải nhắc lại rằng 18 triệu là số chi phí quân sự tối đa mà cách đây 24 năm, công tước sắt^{1*} kêu gọi lương tri của người Anh cam chịu gánh vác.

Sau những nhận xét bước đầu ấy, tôi xin chuyển sang nói về những thay đổi mà ngài Glát-xton đề ra. Những thay đổi ấy chia thành hai loại: một loại gồm những thay đổi do hiệp ước ký với

Pháp mà có, loại kia bao quát những thay đổi bổ sung mà ngài Glát-xton buộc phải tiến hành để tránh bị trách rằng ngân sách của ông ta là một sự nhượng bộ đối với một ngoại bang chuyên chế, cũng như để làm cho ngân sách mang hình thức dễ chấp nhận hơn, mô tả đó là cuộc cải cách chung đối với chế độ thuế hiện hành.

Những thay đổi bắt nguồn từ hiệp ước thương mại ký với Pháp như sau. Các hàng công nghiệp lập tức được Anh miễn thuế quan hoàn toàn và toàn bộ, chỉ trừ ba loại hàng, cụ thể là gỗ bần, găng tay và một loại hàng ít quan trọng nữa còn phải đóng thuế quan trong một khoảng thời gian có hạn. Thuế quan đối với rượu trắng sẽ giảm từ 15 si-linh một ga-lông^{1*} xuống bằng mức thuế quan thuộc địa - 8 si-linh. Thuế quan đối với tất cả các loại rượu nho nước ngoài sẽ lập tức được hạ từ 5 si-linh 10 pen-ni một ga-lông xuống còn 3 si-linh một ga-lông. Tiếp đến, Anh cam kết từ ngày 1 tháng Tư 1861 hạ thuế quan xuống tới mức tương ứng với hàm lượng cồn trong rượu. Tất cả những thuế quan đánh vào những hàng hóa nước ngoài ngoài mà ở Anh cũng có sản xuất và bị đánh thuế gián thu của Anh sẽ giảm xuống đến mức thuế gián thu nội địa. Đó là thực chất những thay đổi đã đề ra của nhóm thứ nhất.

Những thay đổi không liên quan tới hiệp ước ký với Pháp nhằm làm cho ngân sách hiện nay mang tính chất cuộc cải cách chung đối với luật tài chính của Anh, chung quy là như sau:

- Thuế quan đối với dầu, mỡ, bơ, pho-mát, cam, chanh, trứng, hạt nhục đậu khấu, hạt tiêu, cam thảo và những sản phẩm linh tinh khác lập tức bị bãi bỏ toàn bộ, tổng số thuế này gần 382 000 p.xt. một năm. Thuế quan hiện hành đối với gỗ xây dựng là 7

1* - Oen-linh-ton

1* - đơn vị đo chất lỏng và chất hạt, một ga-lông Anh bằng 4,54 lít.

si-linh và 7 si-linh 6 pen-ni giảm xuống bằng mức thuế suất thuộc địa là 1 si-linh và 1 si-linh 6 pen-ni. Thuế quan đối với nho đen khô không hạt hạ từ 15 si-linh 9 pen-ni xuống còn 7 si-linh; thuế quan đối với nho khô có hạt và quả nho tươi hạ từ 10 si-linh xuống còn 7 si-linh; thuế quan đối với hoa hu-blon hạ từ 45 si-linh xuống còn 15 si-linh. Cuối cùng, thuế quan đánh vào giấy hoàn toàn bị bãi bỏ.

Ngân sách năm tài chính 1860 là như sau

<i>Chi</i>	p.xt.
Nợ dài hạn và ngắn hạn	26 200 000
Chi về nợ thống nhất	2 000 000
Quân đội và công an	15 800 000
Hải quân và bưu thuyền	13 900 000
Tạp chí và dân chính	7 500 000
Cục thuế vụ	4 700 000
Tổng cộng	70 100 000

<i>Thu</i>	p.xt.
Thuế quan	22 700 000
Thuế gián thu	19 170 000
Thuế tem	8 000 000
Thuế khác	3 250 000
Thuế thu nhập	2 400 000
Thu bưu chính	3 400 000
Ruộng đất hoàng gia	280 000
Thu khác	1 500 000
Tổng cộng	60 700 000

So sánh thu với chi, chúng ta thấy mức thiếu hụt rõ rệt gần 10 000 000 p.xt., mà như chúng tôi đã nói, ngài Glát-xton mong

trang trải bằng cách nâng cao thuế thu nhập từ 9 si-linh lên 10 si-linh và duy trì thuế quan thời chiến đối với chè và đường. Trong bản điểm khái quát tình hình ngân sách năm 1860 - 1861 của Anh, không cần phải trình bày những thay đổi ít quan trọng hơn mà ngài Glát-xton mong nhờ đó có thể thu được những khoản thu nhập nhỏ bé từ những nguồn khác nhau.

Do C.Mác viết ngày 11 tháng Giêng 1860

*Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"
số 5878, ngày 25 tháng Hai 1860*

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

PH.ĂNG-GHEN

VỀ ĐẠI BÁC NÒNG CÓ RÃNH XOẮN

I

Những cố gắng đầu tiên nhằm tăng độ bay xa của viên đạn và mức độ trúng đích của đạn đại bác bằng cách khoan rãnh xoắn nòng đại bác và bằng cách đó làm cho viên đạn có sự chuyển động quay vòng góc với đường bay, đã được bắt đầu vào thế kỷ XVII. Ở Myn-sen có cỗ đại bác nhỏ nòng có rãnh chế tạo ở Nu-ren-be vào năm 1694; nó có tám rãnh, đường kính ống nòng của nó xấp xỉ 2 in-sơ. Trong suốt thế kỷ XVIII, ở Đức cũng như ở Anh đã tiến hành thí nghiệm đại bác nòng có rãnh, trong đó một số cỗ lắp đạn từ phần khóa nòng. Mặc dù đại bác có cỗ nòng nhỏ, nhưng kết quả đạt được lại rất tốt; năm 1776 đại bác hai pao của Anh bắn cự li 1 300 i-ác-đơ lệch sang bên có 2 phút - mức độ trúng đích thời ấy không có đại bác nào khác đạt được. Cũng năm ấy, những đại bác nòng có rãnh ấy lần đầu tiên được dùng để bắn đạn thon dài.

Song trong một thời gian dài, tất cả những thí nghiệm ấy chưa đem lại kết quả thực tiễn nào. Thời bấy giờ giới quân sự nói chung phản đối vũ khí nòng có rãnh. Lúc đó chính súng trường là công cụ cực kỳ công kênh, việc lắp đạn vào súng là một thao tác chậm chạp và vất vả, đòi hỏi phải có tài nghệ cao. Vũ khí này không thể sử dụng rộng rãi trong chiến tranh của thời đại mà một trong những yêu cầu chủ yếu trong giao chiến là bắn nhanh dọc những tuyến dàn hàng ngang, những hàng ngang đi đầu của cánh quân

hoặc của lính bộ binh hàng dọc. Na-pô-lê-ông không muốn dùng súng trường trong quân đội của mình; ở Anh và Đức, súng trường chỉ trang bị cho một ít tiểu đoàn; chỉ có ở Mỹ và Thụy Sĩ thì súng trường mới là vũ khí thông dụng trong cả nước.

Cuộc chiến tranh ở An-giê-ri là cái cớ để người ta lại chú ý đến súng trường và hoàn thiện kết cấu của nó, đây chỉ là bước đầu của cuộc cách mạng to lớn trong toàn bộ hệ thống vũ khí đạn lửa mà ngay cả bây giờ vẫn chưa thật hoàn hảo. Súng mót nòng trơn của quân Pháp không thể cạnh tranh được với súng dài loe nòng của người A-rập; súng này dài hơn và bằng chất liệu tốt hơn có thể dùng đạn nặng hơn, đã cho phép người Ca-bin và người Bê-đuyen bắn quân Pháp ở cự ly mà súng mót thuộc kiểu đã quy định hoàn toàn bất lực. Khi hoàng tử Oóc-lê-ăng thấy lính bộ binh Phổ và Áo, ông rất hân hoan và cũng theo kiểu mẫu của họ, thành lập những đơn vị xạ thủ Pháp, mà chẳng bao lâu, về trang bị vũ khí, đạn dược và chiến thuật, đã trở thành các đơn vị tốt nhất thế giới thuộc loại này. Súng trường mà họ được trang bị đã vượt đáng kể súng trường kiểu cũ, chẳng bao lâu lại được tiếp tục thay đổi, điều này rồi cuộc đã dẫn tới chỗ bộ binh tất cả các nước châu Âu đều đều cũng sử dụng súng nòng có rãnh xoắn.

Khi cự li bắn của bộ binh nhờ thế đã tăng từ 300 i-ác-đơ lên đến 800 và thậm chí đến 1000 i-ác-đơ thì nổi lên vấn đề pháo binh đã chiến trước đó không chế trên tất cả mọi cự li từ 300 đến 1500 i-ác-đơ rồi đây có thể tranh đua thành công với hỏa khí cầm tay kiểu mới hay không. Vấn đề là đạn súng đại bác đã chiến thông thường có hiệu lực nhất chính là ở những cự li mà giờ đây súng trường giành lấy của chúng; đạn rìa có tác dụng không đáng kể ở cự li trên 600 hoặc 700 i-ác-đơ; đạn hình cầu của đại bác 6 hoặc 9 pao ở cự li trên 1000 i-ác-đơ không đem lại kết quả đặc biệt đáng hài lòng, còn đạn trái phá (đạn đại bác chứa bi hình tròn bi) muốn cho nó có tác dụng đáng sợ thì phải có sự bình tĩnh và phải xác định đúng khoảng cách, điều này

không phải bao giờ cũng có thể tuân thủ đúng từng li từng tí trên chiến trường, khi quân địch tấn công, còn về việc phóng lựu đạn bằng kích pháo kiểu cũ vào quân đối phương, thì nó đã tỏ ra hoàn toàn không đáng hài lòng. Những quân đội, trong đó đại bác 9 in-sơ là đại bác cỡ nhỏ nhất như đại bác Anh chẳng hạn, vẫn ở vị trí tốt hơn; đại bác 8 in-sơ của Pháp và nhất là đại bác 6 in-sơ của Đức hầu như hoàn toàn vô ích. Để khắc phục nhược điểm này, quân Pháp vào thời gian đầu Chiến tranh Crưm đã áp dụng cái gọi là phát minh của Lu-i - Na-pô-lê-ông, tức đại bác 12 pao, canon obusier^{1*}, có thể bắn đạn bằng một phần tư trọng lượng của nó, chứ không phải bằng một phần ba như trước, cũng như bắn bằng lựu đạn. Đại bác này đơn thuần là đánh cắp mẫu đại bác 12 pao của Anh mà người Anh đã bỏ; lối bắn lựu đạn bằng đại bác nòng dài đã được áp dụng ở Đức từ lâu, thành thử sự cải tiến này hoàn toàn không có gì mới. Thế nhưng, việc trang bị cho toàn bộ pháo binh Pháp đại bác 12 pao thậm chí với tầm bắn đã giảm bớt, sẽ đem lại cho nó sự ưu việt có tính chất quyết định so với đại bác 6 pao và 8 pao, và để đối phó với điều này, năm 1859 Chính phủ Phổ quyết định trang bị cho tất cả các trung đội pháo bộ binh của mình những đại bác hạng nặng 12 pao. Đó là bước cuối cùng trang bị đại bác nòng trơn; nó chứng tỏ rằng toàn bộ vấn đề đã giải quyết xong và những người bảo vệ đại bác nòng trơn đã đi tới ad absurdum^{2*}. Quả thật, không thể có gì vô lý hơn là trang bị cho toàn bộ pháo binh của cả một quân đội những cỡ đại bác 12 pao công kênh, hay sa lầy ấy của Phổ, vả lại vào lúc mà sự cơ động linh hoạt và nhanh chóng là những yêu cầu quan trọng nhất. Vì đại bác 12 pao hạng nhẹ của Pháp có những ưu thế tương đối chỉ là so với pháo binh khác và hoàn toàn không có

1* - lựu pháo

2* - điều vô lý

ưu thế so với hỏa khí cầm tay, còn đại bác 12 pao nặng nề của Phổ thì rõ ràng là vô lý, nên không còn cách nào khác ngoài việc hoặc là bỏ pháo binh đã chiến hoặc chuyển sang đại bác nòng có rãnh xoắn.

Lúc ấy ở nhiều nước đã tiến hành thí nghiệm đại bác nòng có rãnh xoắn. Ở Đức ngay vào năm 1816 trung tá Rây-khen-bác, người Ba-vi-e, đã thí nghiệm một cỡ đại bác nhỏ nòng có rãnh xoắn và đạn hình trụ đầu chóp nón. Về độ bắn xa và trúng đích, kết quả rất tốt, nhưng việc khó lắp đạn và tình huống bên ngoài không cho phép giải quyết triệt để vấn đề. Năm 1846 thiếu tá Ca-va-li, người Pi-ê-mông, chế tạo ra đại bác nòng có rãnh xoắn lắp đạn ở phần khóa nòng đã khơi dậy sự quan tâm đáng kể. Khẩu đại bác đầu tiên của ông là đại bác 30 pao và lắp đạn rỗng ruột hình trụ, đầu chóp nón, nặng 64 pao và 5 pao thuốc súng; với góc bắn $14 \frac{3}{4}$ độ bắn xa (đo lần thứ nhất) 3 050 mét, tức là 3 400 i-ác-đơ. Thí nghiệm của ông tiếp tục đến thời gian gần đây một phần ở Thụy Điển, một phần ở Pi-ê-mông, đã đạt được kết quả quan trọng là nhờ thí nghiệm ấy đã phát hiện độ lệch ngang cố định của tất cả các viên đạn đại bác, độ lệch do độ xoắn của các rãnh và luôn luôn xảy ra theo hướng quay của đạn; một khi độ lệch ấy được xác định, thì chính ông Ca-va-li ấy đã phát minh thuốc ngấm chia độ tiếp tuyến bên hoặc ngang để điều chỉnh. Kết quả thí nghiệm của ông rất tốt. Năm 1854 ở Tu-rin, đại bác 30 pao của ông lắp đạn 8 pao và đạn 64 pao đã đem lại những kết quả như sau:

Góc bắn	Cự li bắn (mét)	Lệch sang bên (mét)
10°	2 806	2.81
15°	3 785	3.21
20°	4 511	3,72
25°	5 103	4,77

Với góc bắn 25 độ, cự li bắn đạt trên 3 dặm, lệch tuyến đích sang bên (sau khi điều chỉnh súng bằng thuốc ngấm tiếp tuyến ngang) chưa đầy 16 phút! Bức kích pháo đã chiến cỡ lớn nhất của

Pháp với cự li bắn 2 400 mét, tức 2 650 i-ác-đơ, bắn lệch sang bên trung bình 47 mét, tức 155 phút, nghĩa là gấp 10 lần độ bắn lệch của đại bác nòng có rãnh khi bắn ở độ xa gấp đôi.

Một hệ thống đại bác nòng có rãnh xoắn khác được chú ý ít lâu sau những thí nghiệm đầu tiên của Ca-va-li là của nam tước Va-ren-đoóc-phơ, người Thụy Điển. Đại bác của ông cũng lắp đạn ở phần khóa nòng và đạn có hình trụ chóp nón. Song đạn có điểm khác sau đây: đạn của Ca-va-li làm bằng kim loại nặng và có những gờ ăn vào đường rãnh, còn đạn của Va-ren-đoóc-phơ thì được phủ một lớp chì mỏng và có đường kính lớn hơn một ít so với đường kính phần có rãnh của nòng trong của súng. Sau khi cho đạn vào hộp đạn đủ rộng để chứa nó, sức nổ đẩy nó qua phần có rãnh của nòng, và chì được ép toàn bộ vào rãnh, hoàn toàn lấp kín khe hở giữa viên đạn và thành nòng, ngăn không cho bất kỳ phần khí nào do thuốc súng nổ tạo nên thoát ra ngoài. Kết quả mà những khẩu đại bác ấy thu được ở Thụy Điển và những nơi khác hoàn toàn đáng hài lòng, và nếu đại bác của Ca-va-li được trang bị cho quân đội ở Giê-nơ, thì đại bác của Va-ren-đoóc-phơ được sử dụng ở các hầm tránh đạn của Vác-xkhôn-mơ ở Thụy Điển, của Poóc-xmút ở Anh và ở một số pháo đài của Phổ. Việc sử dụng đại bác nòng có rãnh xoắn đã bắt đầu như vậy, thật ra chỉ mới ở các pháo đài mà thôi. Còn phải tiến thêm một bước nữa và trang bị đại bác nòng có rãnh xoắn cho pháo binh dã chiến, chính điều này đã được thực hiện ở Pháp, và nay đang thực hiện trong pháo binh toàn châu Âu. Những hệ thống giờ đây chế tạo thành công hoặc có thể chế tạo đại bác dã chiến nòng có rãnh xoắn, chúng tôi sẽ xét ở bài sau.

II

Trong bài trước chúng tôi đã nói rằng quân Pháp là những người đầu tiên sử dụng đại bác nòng có rãnh xoắn trong chiến đấu. Trong năm hoặc sáu năm qua, hai sĩ quan là đại tá Ta-mi-di-ơ và trung tá (nay là đại tá Tơ-rây Đờ Bô-li-ô) được chính phủ giao nhiệm vụ tiến hành thí nghiệm súng đại bác nòng có rãnh xoắn, hơn nữa, kết quả đạt được đã thừa nhận là khá tốt, có thể dùng làm cơ sở để tổ chức lại pháo binh Pháp ngay trước khi nổ ra cuộc chiến tranh I-ta-li-a vừa rồi. Không đi sâu vào quá trình những thí nghiệm ấy, chúng tôi xin bắt tay ngay mô tả hệ thống hiện nay đang được sử dụng trong pháo binh Pháp.

Theo xu hướng rất tiêu biểu đối với người Pháp là muốn đơn dạng, họ chỉ chấp nhận một cỡ cho pháo binh dã chiến (cỡ đại bác 4 pao kiểu cũ của Pháp là 85 1/2 mi-li-mét, tức gần 3 1/2 in-sơ) và một cỡ cho pháo binh công thành (cỡ 12 pao kiểu cũ là 120 mi-li-mét, tức 4 3/4 in-sơ). Tất cả những đại bác khác đều phải bỏ, không trang bị nữa, trừ súng cối. Về vật liệu thì phần lớn lấy kim loại thường dùng để đúc đại bác, nhưng trong một số trường hợp cũng dùng cả thép đúc nữa. Đại bác được lắp đạn ở phía miệng súng, vì thí nghiệm của người Pháp về đại bác lắp đạn ở phần khóa nòng không đem lại kết quả mỹ mãn. Mỗi khẩu đại bác có sáu rãnh xoai tròn sâu 5 mi-li-mét, rộng 16 mi-li-mét; độ xoắn của rãnh xem ra không đáng kể, song chi tiết về điều này thì chưa rõ. Khe hở giữa thân viên đạn và thành trong nòng súng xấp xỉ từ 1/2 đến 1 mi-li-mét, khe hở do các ailettes^{1*}, tức là những gờ ăn vào rãnh dưới 1 mi-li-mét một ít. Đạn đại bác rỗng ruột và có

1* - cánh

hình trụ đầu cung nhọn; tra thuốc súng vào, nó nặng gần 12 pao; đạn có sáu ailettes, mỗi rãnh một ailette, trong đó ba gờ ở đầu đạn, ba gờ ở đuôi đạn; gờ rất ngắn, chiều dài gần 15 mi-li-mét. Lỗ lắp ống phát hỏa đi từ đầu viên đạn và khép lại ở ống phát hỏa hoặc ngòi nổ với kíp nổ đối với viên đạn đã tra thuốc súng và ê-cu sắt khi chưa dùng để cho nổ; trong trường hợp nói sau cùng này, đạn được tra hỗn hợp mạt cửa và cát nhằm làm cho nó có trọng lượng y như khi tra đầy thuốc súng. Nòng súng dài 1 385 mi-li-mét, tức là gấp 16 lần đường kính của nó. Một khẩu đại bác bằng đồng nặng tổng cộng 237 ki-lô-gam (518 pao). Để điều chỉnh đường ngắm tương ứng với độ lệch sang bên của viên đạn theo hướng các rãnh, độ lệch vốn có của tất cả mọi viên đạn phóng ra từ nòng có rãnh, trên chốt phải có cái gọi là thước chia độ tiếp tuyến nằm ngang. Đại bác cùng với giá súng, như người ta thông báo, được tạo dáng đẹp, và với kích thước nhỏ và cách bài trí của nó, nó giống một vật mẫu hơn là một công cụ chiến tranh thực thụ.

Pháo binh Pháp được trang bị đại bác này đã tham gia tác chiến ở I-ta-li-a, trong tiến trình chiến dịch này nó đã thực sự làm cho quân Áo kinh ngạc vì tầm bắn xa, nhưng tất nhiên không phải vì độ bắn chính xác. Rất nhiều khi, thậm chí thành thông lệ, đại bác bắn quá tầm và nguy hiểm đối với quân hậu bị nhiều hơn là đối với tuyến trước - nói cách khác, ở những nơi chúng sát thương có hiệu quả hơn đại bác thông thường thì chúng sát thương những người mà chúng tuyệt nhiên không nhằm vào. Chắc chắn đó là ưu thế rất đáng ngờ, vì trong mười trường hợp thì có chín trường hợp điều đó có nghĩa là đại bác bắn *không* trúng đích mà chúng nhằm vào. Pháo binh Áo, với bộ phận vật dụng công kênh như mọi pháo binh khác ở châu Âu, nhưng trông rất lịch sự khi đứng đối diện với đại bác Pháp và đã gặp đối thủ đáng sợ này ở khoảng cách rất gần (500 hoặc 600 i-ác-đơ), tháo khỏi xe kéo pháo dưới làn đạn hết sức mạnh của đối thủ. Điều không còn nghi ngờ

là ưu điểm của đại bác kiểu mới của Pháp có lớn đến mấy so với đại bác nòng trơn kiểu cũ thì chúng cũng không mấy may đáp ứng những hy vọng đặt lên chúng. Trong thực tế, tầm bắn xa nhất của chúng là 4 000 mét (4 400 i-ác-đơ), và lời khẳng định rằng chúng có thể dễ dàng bắn trúng từng kỵ binh ở cự li 3 300 i-ác-đơ chắc chắn chẳng qua là sự thổi phồng trắng tráo của những người theo phái Bô-na-pác-tơ.

Nguyên nhân của những kết quả không mỹ mãn của chúng trong chiến đấu rất đơn giản. Kết cấu của những đại bác ấy cực kỳ không hoàn hảo, và nếu người Pháp vẫn cố giữ nó thì vài ba năm nữa phần vật chất của pháo binh của họ sẽ là kém nhất ở châu Âu. Nguyên lý cấu tạo cơ bản của loại vũ khí nòng có rãnh xoắn là *không có khe hở* giữa viên đạn và thành trong của nòng súng, nếu không thì viên đạn chuyển động tự do trong nòng súng và các rãnh sẽ quay không phải quanh trục dọc của nó, mà quay theo đường bay xoắn ốc quanh một đường thẳng tưởng tượng nào đó có hướng do vị trí ngẫu nhiên khi bay ra khỏi miệng súng đại bác quyết định, và những vòng xoắn ốc ấy sẽ có đường kính ngày càng lớn theo đà tăng khoảng cách. Còn đại bác của Pháp thì có khe hở đáng kể và không thể không có khe hở ấy, vì thuốc súng nổ phải đốt cháy ống phát hỏa của viên đạn. Đó chính là một trong những điều giải thích vì sao loại súng này bắn không thật chính xác. Điều thứ hai là sức đẩy không đều do sự rò rỉ ít nhiều khí lúc đạn nổ tạo ra. Điều thứ ba là vì có khe hở đó mà cần có góc bắn lớn hơn với cùng một khối thuốc súng nạp vào; dĩ nhiên ở những chỗ mà giữa nòng súng đại bác và viên đạn không hề có sự rò rỉ khí thì, cùng khối thuốc súng ấy, đạn đi xa hơn là trong trường hợp một phần hơi thoát đi. Còn đại bác nòng có rãnh xoắn của Pháp có lẽ không chỉ đòi hỏi phải nạp rất nhiều thuốc súng (bằng một phần năm trọng lượng của viên đạn), mà còn đòi hỏi phải để góc bắn khá lớn. Cự li bắn xa hơn mà đại bác nòng có rãnh xoắn đạt được so với đại bác nòng trơn, ngay cả với lượng

thuốc súng nạp vào ít hơn, chủ yếu nhờ không có khe hở và nhờ một sự thực bất di bất dịch là toàn bộ sức nổ của liều thuốc súng đều dùng vào việc đẩy viên đạn ra. Để một khe hở, người Pháp hy sinh một phần động lực, và họ đành phải bù lại phần ấy bằng cách tăng liều thuốc súng đến giới hạn nhất định, ngoài giới hạn đó - bằng cách tăng góc bắn lên. Song không có gì ngăn cản độ bắn trúng đích ở mọi cự li với mức độ như góc bắn lớn. Chừng nào đường bay của viên đạn ở điểm cao nhất của nó không vượt quá nhiều chiều cao của đích thì sai lầm trong việc xác định khoảng cách không có ý nghĩa lớn, nhưng ở cự li xa, viên đạn bay rất cao và rơi xuống với một góc trung bình lớn gấp đôi góc nó xuất phát (tất nhiên, điều này đúng trong những trường hợp góc bắn không vượt quá 15 độ). Như vậy, góc bắn càng lớn, thì đường đạn lúc rơi xuống đất càng gần với đường thẳng đứng; còn việc xác định sai khoảng cách không quá 10 hoặc 20 i-ác-đơ thì có thể hoàn toàn loại trừ khả năng bắn trúng đích. Với khoảng cách thậm chí trên 400 hoặc 500 i-ác-đơ, những sai sót như vậy là không tránh khỏi, kết quả là chênh lệch đáng kinh ngạc giữa việc bắn tuyệt vời với cự li đã đo đạc ở thao trường và việc bắn tồi tệ trên chiến trường, nơi khoảng cách không xác định rõ, mục tiêu di động, thời gian để dẫn đo rất ít. Đối với súng trường kiểu mới cũng vậy, khả năng bắn trúng đích ở cự li trên 300 i-ác-đơ trên chiến trường là rất ít, trong khi ở cự li dưới 300 i-ác-đơ, nhờ đạn bay thấp mà khả năng ấy rất lớn; do đó đánh giáp lá cà trở thành phương thức có hiệu quả nhất để đánh bật đối phương khỏi trận địa một khi quân tấn công tiến gần đến cự li ấy. Giả sử một cánh quân có súng trường ở cự li 400 i-ác-đơ bắn với quỹ đạo không cao hơn quỹ đạo bắn của súng trường đối phương ở khoảng cách 300 i-ác-đơ; trong trường hợp này cánh quân ấy sẽ có ưu thế là khai hỏa có hiệu quả từ khoảng cách trên 100 i-ác-đơ, và vì để công kích từ khoảng cách 400 i-ác-đơ phải có cả thấy ba hoặc bốn phút, nên ưu điểm nói trên không kém quan trọng trong thời điểm có tính chất quyết định của trận đánh. Đối với đại bác cũng vậy.

Cách đây mười năm, ông Đu-glát Hô-vác-đơ thừa nhận đại bác có tầm bắn xa nhất với góc bắn nhỏ nhất là đại bác tốt nhất. Với đại bác nòng có rãnh xoắn, ý nghĩa của điều này càng lớn hơn nữa, vì khi xác định cự li bằng mắt thì khả năng sai tăng lên cùng với việc tăng tầm bắn và vì đối với sự bật trở lại của viên đạn thì chỉ có thể hy vọng điều đó khi bắn đạn hình cầu mà thôi. Đó là một trong những nhược điểm của đại bác nòng có rãnh xoắn; để bắn trúng đích, đạn phải rơi vào đích ngay lần chạm đất đầu tiên, trong khi đạn hình cầu nếu bay chưa tới nó sẽ nảy lên và bay tiếp theo hướng rất gần với hướng ban đầu. Như vậy, ở đây quỹ đạo thấp có ý nghĩa lớn nhất, vì để góc bắn cao quá, mỗi độ sẽ giảm với tỷ lệ ngày càng lớn khả năng rơi trực tiếp vào đích, vì vậy đường bay cao như đại bác Pháp đưa lại là một trong những nhược điểm nghiêm trọng nhất của chúng.

Song đỉnh cao của toàn bộ tổng thể các nhược điểm của những đại bác ấy và điều làm cho nó trầm trọng hơn là một khiếm khuyết có thể làm mất uy tín toàn bộ hệ thống. Những đại bác ấy được chế tạo bằng cũng một công cụ và trên cơ sở cũng những nguyên lý trước đây đã vận dụng khi chế tạo đại bác nòng trơn kiểu cũ. Với khe hở rất lớn giữa viên đạn và nòng súng ở những đại bác kiểu cũ ấy và do trọng lượng và đường kính các viên đạn có khác nhau, độ chính xác toán học trong việc chế tạo chúng chỉ có ý nghĩa thứ yếu. Cho đến tận những năm gần đây, việc chế tạo hỏa khí là ngành lạc hậu nhất của công nghiệp hiện đại. Ngành này sử dụng hết sức rộng rãi lao động thủ công và hết sức ít lao động cơ khí hoá. Đối với vũ khí nòng trơn kiểu cũ, điều đó có thể được phép, nhưng khi cần chế tạo vũ khí mà người ta hy vọng bắn rất chính xác ở khoảng cách khá xa thì tình hình đó không thể chịu được nữa rồi. Để đạt được độ bắn chính xác như nhau đối với tất cả mọi súng trường ở khoảng cách 600, 800, 1 000 i-ác-đơ, đối với đại bác ở khoảng cách 2 000, 4 000, 6 000 i-ác-đơ, thì mỗi bộ phận của từng thao tác phải được thực hiện bằng máy móc hoàn

thiện nhất và tự động, bộ phận này của vũ khí phải ăn khớp với độ chính xác toán học với bộ phận khác. Những sai lệch so với độ chính xác toán học không thấy được trong vũ khí kiểu cũ, giờ đây đã trở thành những nhược điểm làm cho vũ khí hoàn toàn vô ích. Người Pháp không cải tiến kỹ thuật kiểu cũ của họ một cách rõ rệt cho lắm, do đó họ bắn không chính xác. Với góc bắn như nhau, với tất cả mọi điều kiện khác đều như nhau, làm sao có thể bắn xa như nhau được, nếu không khẩu đại bác nào đồng nhất với những khẩu khác về tất cả mọi chi tiết? Song đại bác chế tạo không chính xác mà ở cự li 800 i-ác-đơ bị chênh lệch 1 i-ác-đơ về tầm xa, thì ở cự li 4 000 i-ác-đơ chênh lệch sẽ là 100 i-ác-đơ. Có thể hy vọng những đại bác ấy bắn trúng đích ở một cự li khá xa hay không?

Chúng tôi xin tổng kết: đại bác nòng có rãnh xoắn của Pháp tồi vì chúng nhất thiết phải có khe hở, vì chúng đòi hỏi góc bắn tương đối lớn và vì chất lượng chế tạo chúng hoàn toàn không đáp ứng các yêu cầu của đại bác bắn tầm xa nòng có rãnh xoắn. Chúng phải được nhanh chóng thay bằng những hệ thống khác, nếu không thì pháo binh Pháp sẽ bắn kém hơn đại bác các nước khác ở châu Âu.

Chúng tôi đã cố ý xét tỉ mỉ hơn chút ít về những đại bác này, vì nhờ đó chúng tôi có thể trình bày những nguyên lý cấu tạo chủ yếu của đại bác nòng có rãnh xoắn. Trong bài kết thúc, chúng tôi sẽ xét hai loại súng đại bác được đưa ra mà nay đang tranh nhau địa vị hàng đầu ở Anh. Cả hai mẫu súng này đều dựa trên việc lắp đạn ở phần khóa nòng, không có khe hở và chế tạo tuyệt vời; tôi có ý nói loại đại bác Am-xtơ-rông và loại đại bác Uýt-uốc.

III

Giờ đây chúng tôi xin chuyển sang mô tả hai loại đại bác nòng có rãnh xoắn, lắp đạn ở phần khóa nòng mà hiện nay đang tranh nhau địa vị hàng đầu ở Anh; cả hai loại đại bác này đều do quân nhân sáng chế và, xét về hiệu quả, đều chắc chắn vượt tất cả những cái mà từ trước đến nay do các chuyên gia pháo binh chế tạo; đấy là tôi nói đại bác Am-xtơ-rông và đại bác Uýt-uốc.

Đại bác của ngài Uy-li-am Am-xtơ-rông có ưu điểm là nó xuất hiện trước và được toàn bộ báo chí và giới quan chức Anh khen. Chắc chắn nó là công cụ chiến đấu rất có hiệu quả và vượt đáng kể đại bác nòng có rãnh xoắn của Pháp, song điều thắc mắc là nó có thể vượt đại bác Uýt-uốc hay không.

Ngài Uy-li-am Am-xtơ-rông chế tạo đại bác của mình bằng cách quán theo đường xoắn ốc mặt ngoài ống thép đúc hai lớp bằng sắt rèn, đồng thời lớp trên được đặt theo hướng ngược chiều với lớp dưới, giống như việc nòng súng trường được làm bằng các lớp dây thép vậy. Những khẩu đại bác rất chắc và bền, tuy rất đắt, đang được chế tạo bằng phương thức này. Nòng súng có một số lượng lớn những rãnh hẹp, sát vào nhau với một vòng suốt chiều dài khẩu đại bác. Viên đạn thon hình trụ, đầu nhọn, làm bằng gang, nhưng phủ một lớp chì làm cho đường kính viên đạn lớn hơn một ít so với đường kính trong của nòng súng; viên đạn này cùng với một lượng thuốc súng được nạp từ phần khóa nòng vào ngăn đạn đủ rộng để chứa được chúng; sức nổ đẩy viên đạn vào nòng, ở đây chì mềm bị ép vào rãnh và bằng cách đó hoàn toàn bịt kín mọi khe hở, đồng thời truyền cho viên đạn một sự chuyển động quay xoắn ốc do độ xoắn của các rãnh quyết định. Cách thức ép viên đạn vào các rãnh như vậy và bọc cho nó một lớp kim loại mềm cần thiết cho việc đó là những nét tiêu biểu của loại đại bác

Am-xtơ-rông; và nếu bạn đọc nhớ lại những nguyên lý cấu tạo cơ bản của đại bác nòng có rãnh xoắn, như chúng tôi đã trình bày ở những bài trước, thì bạn đọc sẽ đồng ý rằng, về nguyên lý thì hệ thống Am-xtơ-rông hoàn toàn đúng. Vì viên đạn có đường kính lớn hơn đường kính trong của nòng, nên đại bác nhất thiết phải lắp đạn ở phía phần khóa nòng, điều này chúng tôi cảm thấy cũng là nét tất yếu của mọi đại bác nòng có rãnh xoắn. Song cơ chế lắp đạn đại bác ở phía phần khóa nòng tự nó không có quan hệ gì với nguyên lý của từng hệ thống rãnh này hay hệ thống rãnh khác, nhưng có thể đem từ hệ thống này sang áp dụng cho hệ thống khác; vì vậy chúng tôi hoàn toàn bỏ qua không xét cơ chế ấy.

Tầm bắn xa và độ bắn trúng đích mà loại đại bác mới này đạt được là điều đáng ngạc nhiên. Đạn được phóng đi gần 8 500 i-ác-đơ, tức là gần 5 dặm, còn độ chính xác bắn trúng mục tiêu cách 2 000 và 3 000 i-ác-đơ đã vượt đáng kể tất cả những gì mà đại bác nòng trơn có thể đem lại về mặt này ở khoảng cách ngắn gấp ba. Mặc dù báo chí Anh quảng cáo rùm beng, nhưng những chi tiết lý thú về mặt khoa học của tất cả những thí nghiệm này vẫn được giữ bí mật cẩn thận. Người ta tuyệt nhiên không đưa tin là tầm xa ấy đạt được với góc bắn nào và lượng thuốc súng nặng bao nhiêu; không cho biết các chi tiết về trọng lượng của viên đạn và của bản thân khẩu đại bác, không thông báo những số liệu cụ thể về độ lệch ngang và độ lệch về tầm xa v.v.. Giờ đây, sau khi xuất hiện đại bác Uýt-uốc, rốt cuộc, chúng ta được biết một số chi tiết ít ra là về một loạt thí nghiệm. Bộ trưởng quốc phòng, ngài Héc-bóc Xít-ni tuyên bố trong nghị viện rằng đại bác 12 pao nặng 8 tạ, nạp 1 pao 8 ôn-xơ thuốc súng, bắn ra 2 460 i-ác-đơ với góc bắn 7 độ và lệch ngang tối đa 3 i-ác-đơ, lệch tối đa về tầm xa là 65 i-ác-đơ. Với góc bắn 8 độ, tầm xa bằng 2 797 i-ác-đơ; với góc bắn 9 độ, tầm xa là trên 3 000 i-ác-đơ mà độ lệch thì hầu như vẫn thế. Song góc bắn từ 7 đến 9 độ là điều chưa từng nghe thấy

trong thực tiễn sử dụng pháo dã chiến nòng trơn. Ví dụ, trong các bảng chính thức quy định, góc bắn lớn nhất là 4 độ, với góc bắn này đại bác 12 pao và 9 pao bắn xa được 1 400 i-ác-đơ. Với đại bác dã chiến, tăng góc bắn lên bất cứ mức nào cũng đều vô ích, vì đường bắn quá cao, nó giảm phi thường xác suất trúng đích. Song chúng tôi có những tư liệu về một số thí nghiệm (được mô tả trong quyển sách của ông Đu-glát Hô-vác-đơ "Pháo binh hải quân"²⁴) đối với trọng pháo nòng trơn đặt trên tàu chiến với những góc bắn lớn. Năm 1839, đại bác dài 32 pao của Anh ở Đin với góc 7 độ đã bắn xa từ 2 231 đến 2 318 i-ác-đơ; với góc 9 độ đã bắn xa từ 2 498 đến 2 682 i-ác-đơ. Năm 1846 và 1847, đại bác 36 pao của Pháp với góc 7 độ bắn xa được 2 270 i-ác-đơ, với 9 độ bắn xa được 2 636 i-ác-đơ. Điều đó cho thấy với góc bắn như nhau, tầm bắn xa của đại bác nòng có rãnh xoắn trội hơn tầm bắn xa của đại bác nòng trơn không bao nhiêu.

Đại bác Uýt-uốc về hầu hết các mặt đều trái ngược với đại bác Am-xtơ-rông. Lỗ nòng của nó không tròn, mà là hình lục giác; bước ren xoi rãnh gần gấp đôi bước ren của đại bác Am-xtơ-rông; đạn bằng kim loại rất cứng không hề bọc chì; và nếu lắp đạn ở phía phần khóa nòng thì đấy không phải là do sự tất yếu, mà là để cho tiện và vì hình thức bên ngoài. Đại bác chế tạo bằng vật liệu được cấp bằng sáng chế mới đây, gọi là "sắt đồng chất" có độ bền, độ giãn nở và độ đàn hồi cao; đạn được nạp vào nòng với sự chính xác toán học, vì vậy không thể đưa nó vào nòng nếu chưa được bôi trơn. Để bôi trơn, người ta dùng hỗn hợp sáp ong và mỡ đặt giữa thuốc súng và viên đạn, và hỗn hợp này đồng thời dùng để giảm mọi khe hở còn lại giữa viên đạn và thành nòng. Vật liệu làm đại bác chắc bên đến mức nó có thể dễ dàng chịu được 3 000 lần bắn mà không có hư hỏng gì đối với nòng súng.

Đại bác Uýt-uốc được đem trình bày cho công chúng xem vào tháng Hai năm nay, lúc đó đã tiến hành một loạt thí nghiệm ở Xao-tơ-poóc-tơ, trên bờ ở Lan-kê-sia. Người ta đã trưng bày ba

khẩu: khẩu 3 pao, khẩu 12 pao và khẩu 80 pao; từ bài tường thuật tỉ mỉ về những cuộc thử ấy, chúng tôi chọn đại bác 12 pao để minh họa. Khẩu đại bác này có chiều dài 7 phút 9 in-sơ và nặng 8 tạ. Còn đại bác 12 pao nòng trơn thông thường bắn đạn hình cầu thì dài 6 phút 6 in-sơ và nặng 18 tạ. Đại bác Uýt-uốc đạt được những tầm xa sau đây: với góc bắn 2 độ (với góc bắn này đại bác 12 pao kiểu cũ phóng xa 1 000 i-ác-đơ) nạp 13/4 pao thuốc súng, tầm xa dao động từ 1 208 đến 1 281 i-ác-đơ. Với 5 độ (với góc bắn này đại bác 32 pao bắn xa 1 940 i-ác-đơ), tầm xa là từ 2 298 đến 2 342 i-ác-đơ. Với 10 độ (tầm xa của đại bác 32 pao kiểu cũ là 2 800 i-ác-đơ), tầm bắn trung bình là 4 000 i-ác-đơ. Đối với những góc bắn lớn người ta sử dụng đại bác 3 pao nạp 8 ôn-xơ thuốc súng; với 20 độ, tầm bắn bằng từ 6 300 đến 6 800 i-ác-đơ, với góc 33 và 35 độ, tầm bắn từ 9 400 đến 9 700 i-ác-đơ. Với 20 độ, đại bác 56 pao nòng trơn kiểu cũ đạt tầm xa 4 381 i-ác-đơ, còn với 32 độ thì đạt 5 680 i-ác-đơ. Độ bắn trúng đích mà đại bác Uýt-uốc đạt được hết sức đáng hài lòng, còn về độ lệch ngang, nó đem lại những kết quả ít ra là không kém đại bác Am-xtơ-rông; về độ lệch theo tầm xa thì các cuộc thí nghiệm không cho phép đưa ra kết luận mỹ mãn.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Ba - tháng
Tư 1860
Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"
số 5914, 5926 và 5938 ngày 7, 21 tháng
Tư và 5 tháng Năm 1860*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

TÂM TRẠNG Ở BÉC-LIN

Béc-lin, ngày 10 tháng Tư 1860

Nếu một người nước ngoài khôn ngoan từng đến Béc-lin chỉ cách đây vven vven hai tháng, nay lại trở lại "thủ đô của lý trí" này, anh ta sẽ không thể không lấy làm lạ trước sự thay đổi hoàn toàn trên bộ mặt, giọng nói và tâm trạng của "meiner lieben Berliner" ("những người dân Béc-lin yêu quý của tôi")²⁵. Cách đây mấy tháng, trong tất cả các tầng lớp của xã hội thủ đô đã lan truyền những tin đồn. Người ta thăm thì mừng nhau về việc cơn ác mộng thế lực phản động mười năm rồi cuộc đã thôi đè nén họ, điều tồi tệ nhất đã ở lại phía sau. Đề tài ngu ngốc ấy được nhắc đi nhắc lại mãi, và người ta đã đi tới một kết luận muộn màng không tránh khỏi rằng tình hình đã xoay chuyển không phải nhờ những nỗ lực mạnh mẽ và lành mạnh của các thần dân Phổ, mà đúng ra là do những hiện tượng bệnh hoạn trong đầu óc của vua Phổ; rằng sự đổi thay ấy là kết quả của các quá trình thiên nhiên, chứ không phải của hành động con người. Kết luận không hay ấy thậm chí đã đầu độc những niềm vui đầu tiên của kỷ nguyên mới, được những cây bút buồn chán tốt độ của các báo hàng ngày ở Béc-lin loan báo trịnh trọng. Các tâm trạng hèn nhát chiếm ưu thế đến mức, do sợ xua đi chủ nghĩa tự do mới xuất hiện của hoàng tử nhiếp chính, tất cả các ứng cử viên trong cuộc tổng tuyển cử viện thứ hai đều chịu một sự thẩm tra đơn giản sau đây. Họ có tín nhiệm Chính phủ Hô-hen-txô-léc do hoàng tử nhiếp chính lập nên hay không? Thay cho những người đủ sức đảm nhiệm việc bảo vệ

nhu cầu của đất nước, cần có những tay sai sẵn sàng bỏ phiếu ủng hộ chính phủ từ trước. Việc chính phủ mới trên thực tế không xâm phạm dây xích quan liêu và cảnh sát do những chính phủ tiền nhiệm rèn đúc, còn những lời tuyên bố có tính chất cương lĩnh của chính phủ đó thì có tính chất nước đôi lấp lửng, đầy rẫy những lời rào đón rụt rè và hiện tượng ỉm đi một cách lập lờ, - công chúng đã nhắm mắt làm ngơ trước những sự thực ấy; hơn nữa, việc nhắm mắt làm ngơ trước những điều ấy được tuyên bố là bốn phạm yêu nước. Tất cả những báo độc lập, dù chúng tự xưng là báo hợp hiến hay báo dân chủ, đều công khai trở thành báo chính phủ.

Sau Hòa ước Vi-la-phrăng-ca, ngài Phôn Slai-ni-xơ, Bộ trưởng ngoại giao Phổ, đã công bố một loại Sách xanh về Chiến tranh I-ta-li-a²⁶. Những báo cáo của ông ta - một kiểu mẫu về văn chương dài dòng dần dần - đã vạch trần ông ta là người thừa kế xứng đáng của con người^{1*} mà trong thế kỷ trước đã ký Hòa ước Ba-lơ, còn trong thế kỷ này thì đã chuẩn bị thảm họa I-ê-na²⁷. Chúng ta đã thấy Phôn Slai-ni-xơ ngoan ngoãn tiếp thu những bài học chủ nghĩa lập hiến từ miệng cậu bé Giôn-ni^{2*}, con người khéo tay gốc Anh này, đã thấy ông ta bò trong bụi bặm trước mắt công tước Goóc-tra-cốp, đã thấy ông ta trao đổi billets doux^{3*} với người anh hùng cuộc chính biến tháng Chạp^{4*}, đã thấy ông ta ngạo mạn bày tỏ sự không tán thành đồng nghiệp người Áo của ông ta và, cuối cùng, đã thấy ông ta bị tất cả các phóng viên của ông ta đá tới tấp. Nhưng ngay sau tất cả những chuyện ấy, báo chí Phổ và phái tự do của chúng ta ở Béc-lin đã bùng lên lòng nhiệt tình đích thực do sự sáng suốt siêu nhân của Chính phủ Phổ, chính phủ

1* - Héc-đen-béc-gơ

2* - Giôn Rốt-xen

3* - thư tình

4* - Na-pô-lê-ông III

này không thỏa mãn với sự bất động của chính mình, đã tìm kế ngăn cản bất cứ hành động nào của Đức.

Ít lâu sau đó, ở Brê-xláp đã có cuộc gặp mặt giữa một bên là vua Nga và Goóc-tra-cốp và một bên là hoàng tử nhiếp chính và các bộ trưởng tay sai của ông ta²⁸. Một văn kiện mới về sự phụ thuộc mang tính chất chư hầu của Phổ và nước láng giềng của nó là Nga - hệ quả đầu tiên nhưng tất yếu của Hòa ước Vi-la-phrăng-ca đã được ký kết một cách thích đáng. Ngay cả vào năm 1844, một sự kiện như vậy ắt sẽ gây nên cơn bão đối lập ở khắp nước. Còn giờ đây thì văn kiện ấy được ca ngợi là bằng cứ chứng minh sự nhìn xa thấy rộng và sự sáng suốt của nhà nước. Chính sách đối ngoại hư vô chủ nghĩa của hoàng tử nhiếp chính kết hợp với việc duy trì chế độ phong kiến phản động cũ, trộn với chủ nghĩa quan liêu, cái chế độ mà người ta từ bỏ *chỉ trên danh nghĩa*, được các bạn bè của chúng ta, phái tự do ở Béc-lin, và báo chí Phổ thuộc tất cả mọi màu sắc, trừ những cơ quan ngôn luận chuyên dụng của đám cận thần, cảm thấy là cơ sở đầy đủ để đòi cho đại biểu của vương triều Phổ lên ngôi hoàng đế của Tiểu Đức (tức là nước Đức không kể phần Áo nói tiếng Đức). Trong các sách biên niên sử, khó tìm ra được một trường hợp xét đoán mù quáng như vậy, nhưng chúng ta nhớ rằng sau trận Ô-xtéc-lít²⁹, trong mấy ngày Phổ cũng phát ra những tiếng kêu vui mừng như con gà trống gáy trên đồng phân của nó, quasi re bene gesta^{1*}.

Sau khi cuộc Chiến tranh I-ta-li-a kết thúc, báo chí Phổ, đứng đầu là các báo ở Béc-lin, bày ra một cảnh tượng thê thảm, đáng ghét như vậy; lẽ ra phải dám dè dặt chỉ là phê phán nhẹ nhàng nền ngoại giao ngu ngốc của những người cầm quyền trong nước, lẽ ra phải mạnh dạn đòi nội các "tự do chủ nghĩa", rốt cuộc, phải thủ tiêu cái vực sâu trong chính sách đối nội giữa cái trên danh nghĩa và cái trong thực tế, lẽ ra phải bóc trần việc vi phạm âm thầm nhưng dai dẳng đối với tự do của công dân mà quân đội

của những quan chức Man-toi-phen vẫn còn sống ảm cúng trong các dinh thự cũ của họ dám làm, - lẽ ra phải làm tất cả những điều đó thì báo chí lại hát những bài ca tụng tầm vĩ đại của nước Phổ đã đổi mới, phóng những mũi tên cùn vào nước Áo bị sỉ nhục, chìa đôi tay bất lực tới vương miện hoàng đế Đức và xử sự như một kẻ loạn trí sống trong ảo mộng, làm cho toàn châu Âu hết sức sùng sốt. Nói chung, dường như tất cả kịch quốc tế giờ đây đang trình diễn trên vũ đài châu Âu, động chạm đến bạn bè chúng ta ở Béc-lin, chỉ với tư cách là những khán giả phải vỗ tay hoặc huýt sáo từ tầng thượng hoặc tầng dưới của nhà hát, nhưng không tham gia với tư cách nhân vật trong kịch.

Tất cả những điều đó giờ đây đã thay đổi như thần thông biến hoá. Hiện nay, Béc-lin - nếu không kể Pa-léc-mô và Viên - là thành phố cách mạng nhất ở châu Âu. Phong trào sôi động bao trùm tất cả các tầng lớp dân cư và có vẻ mạnh hơn những ngày tháng Ba 1848. Cái gì đã gây ra sự thay đổi như thế, hơn nữa, lại dường đột như thế? Một mặt, đó là sự diễn biến của các sự kiện, và trước hết là những chiến công gần đây của Lu-i Bô-na-pác-tô, mặt khác, đó là những cuộc cải cách mới trong quân đội^{1*} do chính phủ tự do chủ nghĩa đề ra. Tiếp nữa, bầu không khí tin cậy và tự lừa dối có dụng ý tất nhiên không thể duy trì mãi mãi. Ngoài ra, những chuyện xảy ra đã bắt nội các phải sa thải viên cục trưởng cảnh sát Sti-bơ, một kẻ tội phạm hèn hạ từ năm 1852 cùng với chủ là Hin-ken-dây đã quá cố thực thi quyền lực tối cao ở Phổ và, cuối cùng, điều sau rốt nhưng không kém quan trọng, việc công bố thư từ của Hum-bôn trao đổi với Vác-ha-ghen Phôn-En-dơ³⁰ - tất cả những cái đó đã hoàn tất những điều còn lại. Hơi thở của thế giới cõi âm đã xua tan ảo ảnh.

Do C.Mác viết ngày 10 tháng Tư 1860

*Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"
số 5932, ngày 28 tháng Tư 1860*

In theo bản đăng trên báo

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* - tựa hồ như mọi cái đều mỹ mãn.

1* Xem tập này, tr. 29-35.

C.MÁC

XI-XIN VÀ NGƯỜI XI-XIN

Lịch sử loài người chưa biết đến một đất nước nào khác và một dân tộc nào khác chịu đau khổ vì cảnh nô lệ, vì bị xâm chiếm, vì ách áp bức của nước ngoài và đấu tranh không mệt mỏi để tự giải phóng như Xi-xin và người Xi-xin. Hầu như từ thời Pô-li-phe-m du ngoạn ở Êt-na, còn Xê-rê-rô thì huấn luyện cho người Xi-cu-lô³¹ nghệ thuật trồng trọt đến ngày nay, Xi-xin là nơi đã diễn ra những cuộc xâm chiếm, những cuộc chiến tranh liên miên và sự kháng cự ngoan cường. Người Xi-xin là sản phẩm của sự hòa trộn hầu như tất cả các nòi giống miền Bắc và miền Nam: trước hết là giữa thổ dân Xi-can với người Phê-nê-xi, người Các-ta-giơ, người Hy Lạp, cũng như với những người nô lệ từ tất cả mọi miền trên thế giới được đưa tới đảo bằng con đường buôn bán hoặc do chiến tranh, rồi giữa người A-rập, người Noóc-man, và người I-ta-li-a. Với tất cả những biến hóa và đổi thay ấy, người Xi-xin đã chiến đấu và tiếp tục chiến đấu cho nền tự do của mình.

Cách đây hơn ba mươi thế kỷ, thổ dân Xi-xin ra sức chống lại vũ khí và nghệ thuật quân sự hoàn hảo hơn của những người Các-ta-giơ và người Hy Lạp đi xâm chiếm. Họ bị bắt phải cống nạp, nhưng cả người Các-ta-giơ lẫn người Hy Lạp đều không thể hoàn toàn khuất phục được họ. Một thời gian dài, Xi-xin là vũ đài đấu tranh giữa người Hy Lạp và người Các-ta-giơ; cư dân Xi-xin bị kiệt quệ, một bộ phận trở thành nô lệ; những thành phố của nó mà cư dân là người Các-ta-giơ và người Hy Lạp là những trung tâm chủ yếu từ đó mà họ áp bức và nô dịch toàn bộ phận nội

địa của đảo. Nhưng những người Xi-xin cổ đại ấy không bao giờ bỏ lỡ cơ hội để đấu tranh giành tự do hoặc một khi có thể thì trả thù những người Các-ta-giơ thống trị họ và trả thù Xi-ra-cu-giơ. Cuối cùng, người La Mã đã chinh phục được cả người Các-ta-giơ lẫn người Xi-ra-cu-giơ và tất cả những ai có thể đem bán được thì họ đem bán làm nô lệ. Có lần 30 000 người dân Pa-noóc-mơ, nay là Pa-léc-mô, đã bị bán. Người La Mã canh tác ruộng đất ở Xi-xin, sử dụng vô số người nô lệ để nuôi sống những người vô sản của thành phố vĩnh cửu bằng lúa mì của Xi-xin. Muốn thế, họ không chỉ biến cư dân trên đảo thành nô lệ, mà còn đưa nô lệ từ tất cả những lãnh địa khác của họ đến đây. Bất kỳ ai biết đôi chút về lịch sử của La Mã hoặc về nghệ thuật diễn thuyết của Xi-xê-rông, đều biết về những hành động tàn khốc kinh khủng của các viên thái thú, các quan tòa và tỉnh trưởng. Có lẽ không ở đâu khác, sự tàn khốc của người La Mã trác táng như ở đây. Những thị dân và nông dân tự do không có của không thể nộp đủ khoản cống nạp làm họ khánh kiệt, đã bị những người thu thuế bán bản thân họ hoặc con cái họ làm nô lệ.

Thế nhưng, cả dưới thời Đi-ô-ni-xi Xi-ra-cu-giơ, cả dưới sự thống trị của La Mã, ở Xi-xin đã bùng lên những cuộc nổi dậy đáng sợ của nô lệ, trong đó người bản địa và nô lệ đưa tới đảo thường cùng nhau tranh đấu. Trong thời đại Đế quốc La Mã tan rã, Xi-xin đã bị nhiều kẻ chinh phục xâm nhập. Sau đó, người Mô-rơ chiếm Xi-xin một thời gian; nhưng người Xi-xin, trước hết là cư dân chính gốc sống ở bộ phận nội địa của đảo, luôn luôn chống lại tương đối thành công và từng bước bảo vệ hoặc giành được những quyền tự do nhỏ nhất. Và một khi bình minh bắt đầu xua đi bóng tối thời Trung cổ thì người Xi-xin không chỉ đã giành được cả một loạt quyền tự do có tính chất địa phương, mà còn đề xuất được những hình thức phôi thai của việc cai trị theo hiến pháp, điều mà lúc bấy giờ chưa đâu có. Sớm hơn bất cứ dân tộc nào khác ở châu Âu, người Xi-xin thông qua bỏ phiếu đã điều tiết thu nhập của các chính phủ và vua chúa của họ. Như vậy, miếng đất Xi-xin

từ xa xưa hóa ra nguy hiểm đối với những kẻ đi áp bức và đi chinh phục. Còn buổi lễ cầu kinh buổi tối ở Xi-xin vẫn mãi mãi bất hủ trong lịch sử³². Khi vương triều A-ra-gông đã đặt người Xi-xin vào cảnh bị lệ thuộc Tây Ban Nha, họ đã duy trì ít nhiều nguyên vẹn các quyền tự do chính trị của họ, và điều này họ đạt được dưới triều đại Háp-xbuốc, cũng như dưới triều đại Buốc-bông. Khi cuộc cách mạng Pháp và Na-pô-lê-ông đã đuổi vương triều bạo ngược trị vì ở đây ra khỏi Na-plơ, những người Xi-xin bị những lời hứa hẹn và bảo đảm của Anh kích thích và mê hoặc, đã tiếp nhận những người chạy trốn và, đấu tranh với Na-pô-lê-ông, họ bảo vệ những người ấy bằng máu của họ và ủng hộ bằng tiền. Ai cũng biết sau này dòng họ Buốc-bông đã dùng sự phản bội như thế nào để báo đáp họ và bằng những mưu mẹo, những lời bác bỏ vô lương tâm nào nước Anh đã và cho đến nay đang cố che đậy sự lật lọng mà nó đã đem nhân dân Xi-xin và các quyền tự do của họ bán rẻ cho vương triều Buốc-bông.

Hiện nay, ách chính trị hành chính và thuế khóa đè nặng lên tất cả mọi tầng lớp nhân dân; vì vậy những nổi bực mình ấy nổi lên hàng đầu. Nhưng cho đến nay, hầu như toàn bộ ruộng đất vẫn nằm trong tay một số tương đối ít đại địa chủ hoặc nam tước. Cho đến nay, hệ thống trồng trọt Trung cổ vẫn được duy trì ở Xi-xin, chỉ có khác là người làm ruộng không phải là nông nô; họ đã thoát khỏi ách lệ thuộc nông nô vào khoảng thế kỷ XI, khi họ trở thành tá điền tự do. Nhưng điều kiện linh canh phần lớn nặng đến mức đại đa số nông dân làm ra chỉ để đóng thuế và nộp địa tô cho nam tước, hầu như không sản xuất được gì ngoài số cần thiết để nộp thuế và địa tô. Bản thân họ sống hoặc hoàn toàn cùng cực hoặc ít ra là tương đối nghèo. Tuy họ trồng thứ lúa mà Xi-xin nổi tiếng hoặc những cây ăn quả tuyệt vời, nhưng bản thân họ quanh năm ăn độc hạt đậu như kẻ ăn mày.

Giờ đây Xi-xin lại đổ máu, còn nước Anh thì bình thản nhìn những hội hè trác táng mới ấy của Buốc-bông bỉ ổi và của những tay chân bên đạo và bên lương, những tu sĩ dòng Tên và binh

lính vệ binh không kém ty tiện của y³³. Những diễn giả lăng xăng trong Nghị viện Anh rung chuyển không khí bằng những lời ba hoa rỗng tuếch về Xa-voa và về những nguy cơ đe dọa Thụy Sĩ, nhưng không nói một lời nào về vụ tàn sát xảy ra ở các thành phố của Xi-xin. Khắp châu Âu không nghe thấy một tiếng nói phản nộ nào. Không một nhà cầm quyền và không một nghị viện nào tuyên bố thẳng ngốc khát máu ở Na-plơ bị đặt ngoài vòng pháp luật cả. Có lẽ chỉ có Lu-i - Na-pô-lê-ông, vì mục đích này mục đích khác - tất nhiên không phải vì yêu tự do, mà là để làm vẻ vang cho vương triều của ông ta hoặc để tăng cường ảnh hưởng của Pháp - là có thể ngăn chặn cuộc tàn sát do tên đồ tể này sắp đặt. Nước Anh sẽ rống lên chửi bới sự phản bội, sẽ tung sấm chớp để chống sự lật lọng và sự hám danh của Na-pô-lê-ông, nhưng người được lợi rốt cuộc là người Na-plơ và người Xi-xin, ngay cả nếu họ có được Mui-ra hoặc một người cầm quyền mới nào khác. Mọi sự thay đổi đều sẽ dẫn đến chỗ tốt hơn.

*Do C.Mác viết vào cuối tháng Tư - đầu tháng
Năm 1860*

*Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York
Daily Tribune" số 5948, ngày 17 tháng
Năm 1860*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

CHUẨN BỊ CHO CUỘC CHIẾN TRANH SẮP TỚI CỦA NA-PÔ-LÊ-ÔNG Ở VÙNG RANH

I

Béc-lin, ngày 1 tháng Năm 1860

Có ý kiến nói rằng Lu-i Bô-na-pác-tơ đang định đặt lên hàng đầu vấn đề Đức; ý kiến này đang thịnh hành trong tất cả các giai cấp của xã hội ở đây. Trên báo "National-Zeitung" số ra hôm nay, một phóng viên thậm chí khẳng định rằng, như ông ta được biết qua những nguồn đáng tin cậy, Ba-đen-gơ (tên của Lu-i Bô-na-pác-tơ theo cách gọi cột nhà ở Pa-ri)³⁴ đã dứt khoát quyết định tiến hành một chiến dịch ở vùng sông Ranh và cách đây mấy tuần huân tước Giôn Rốt-sen, sau khi biết được kế hoạch này, bèn đứng lên để làm cho hạ nghị viện lo lắng bằng những lời dữ dằn chửi hoàng đế Pháp và bằng lời tuyên bố bất ngờ rằng giờ đây nước Anh định tìm kiếm những đồng minh mới. Giọng văn và tâm trạng của báo chí nửa chính thức ở Pháp tuyệt nhiên không xua tan được mối lo ngại ấy. Các bạn hãy đọc, chẳng hạn, đoạn sau đây trích từ bản tin của hãng thông tấn Buy-li-ơ³⁵ - một xuất bản phẩm của Pa-ri khởi nguồn cảm hứng cho đa số nhà báo tỉnh lẻ Pháp.

"Một trong số các bạn của tôi, người thích những lời dự đoán bông đùa, gần đây đã nói với tôi: "Bạn sẽ còn thấy rằng hoàng đế sẽ ngự giá viễn du vùng Ranh để đề nghị vua Phổ liên minh, và nhân tiện đề nghị sửa chữa đôi chút biên giới". Tôi trả

lời bằng một đoạn trích bài châm biếm "Na-pô-lê-ông III và I-ta-li-a": "Vấn đề thay đổi lãnh thổ thì giải quyết bằng con đường thần thiện sẽ tốt hơn là buộc phải làm điều đó vào ngày thứ hai sau hôm chiến thắng".

Ít lâu sau khi ký hiệp ước thương mại với Anh, Chính phủ Pháp đã nói bóng gió với sứ giả Phổ ở Pa-ri rằng việc đề nghị ký kết một hiệp ước như vậy giữa Pháp và Liên minh thuế quan³⁶ sẽ được chấp nhận một cách thuận lợi; song Chính phủ Phổ trả lời rằng Liên minh thuế quan tuyệt nhiên không muốn ký kết một hiệp ước như vậy, và điều đó đã gây nên sự ngạc nhiên và bất bình biểu hiện dưới một hình thức rất không lịch sự. Hơn thế nữa, lúc ấy Chính phủ Phổ nhận được thông tin về cuộc thương lượng mà các đại diện của Lu-i Bô-na-pác-tơ bắt đầu trước đó không lâu với triều đình Ba-vi-e nhằm thúc triều đình này nhường cho Pháp pháo đài Lan-đao mà như họ nói, đã được để lại cho Pháp theo hiệp ước năm 1814, nhưng sau đó bị tước đi một cách không công bằng theo hoà ước năm 1815³⁷. Như vậy, những tin đồn lan truyền trong dân chúng về nguy cơ cắt đứt với Pháp được củng cố thêm bằng những mối ngờ vực của giới quan phương.

Lúc này tình hình của Phổ về một số mặt rất giống với tình hình của Áo sau khi Chiến tranh phương Đông kết thúc. Bấy giờ có cảm tưởng là Áo thu được nhiều lợi nhất so với nước khác. Nó tự vỗ về bằng ý nghĩ rằng nó không phải vất vả gì ngoài việc động viên quân đội của nó mà đã làm nhục được nước láng giềng của nó là nước Nga. Nhờ đóng vai nước trung gian vũ trang trong khi các cường quốc phương Tây phải chịu toàn bộ gánh nặng chiến tranh, Áo sau khi ký hòa ước có thể hình dung rằng nhờ lực lượng vũ trang của các đồng minh phương Tây, nó đã xóa bỏ được ưu thế mà nước Nga có được đối với nó từ thời các sự kiện Hung-ga-ri năm 1849³⁸. Và thực ra, lúc ấy Nội các Viên được nghe không ít lời khen về sách lược ngoại giao khôn khéo của nó. Song trong thực tế thì lập trường nước đôi của Áo trong thời gian Chiến tranh phương Đông đã làm cho nó mất đồng minh và đem lại cho Lu-i

Bô-na-pác-tơ khả năng *cực bộ hóa Chiến tranh* I-ta-li-a. Ngược lại, trong thời gian Chiến tranh I-ta-li-a, Phổ đã duy trì nguyên vẹn nguồn lực của nó. Nó sẵn sàng vũ khí, nhưng không sử dụng và thỏa mãn với việc thay cho máu của binh sĩ mình, nó đã làm đổ những lọ mực ngoan ngoãn của các nhà thông thái chính trị của mình. Sau Hòa ước Vi-la-phrăng-ca, dường như nhờ thắng lợi của Pháp mà Phổ đã làm suy yếu đối thủ cạnh tranh của nó là vương triều Háp-xbuốc, và đã mở đường để nó làm bá chủ ở Đức. Song bản thân lý do tuyên bố Hòa ước Vi-la-phrăng-ca ắt phải xua tan những ảo tưởng chi phối nó. Trong khi Lu-i Bô-na-pác-tơ tuyên bố rằng sự vũ trang của Phổ và mối đe dọa của cuộc can thiệp có thể có đã làm cùn lưỡi kiếm của Pháp, thì Áo lại tuyên bố rằng sức chống cự của nó đã vấp phải sự trung lập nước đôi của Phổ. Trong suốt cuộc chiến tranh, Phổ đã ra những lời tuyên bố mâu thuẫn một cách vô lý với hành động của nó. Trước mặt Áo và các nước nhỏ nói tiếng Đức, nó vin vào trách nhiệm của mình với tư cách một cường quốc châu Âu; trước mặt Anh và Nga, nó vin vào nghĩa vụ của mình với tư cách cường quốc chủ yếu của Đức và để luận chứng cho tham vọng của mình bằng những lời đưa đẩy giả dối ấy, nó đòi Pháp phải thừa nhận nó là nước trung gian vũ trang ở châu Âu. Thể theo tham vọng *par excellence*^{1*} của mình muốn được gọi là cường quốc Đức, nó đã cho phép Nga trong một thông tư có tính chất xúc phạm chưa từng thấy, đe dọa triều đình các Tiểu quốc Đức³⁹, thông qua ngài Slai-ni-xơ đã dè dặt nghe những bài giảng tràng giang đại hải của huân tước Giôn Rốt-xen về quyền "hợp hiến" của các dân tộc.

Tham vọng đòi đóng vai trò một cường quốc châu Âu được Phổ khẳng định bằng cách làm dịu những cơn cuồng nhiệt hiếu chiến

1* - chủ yếu

của các Tiểu quốc Đức và tìm cách lợi dụng thất bại quân sự của Áo để chiếm lấy vai trò mà trước đây thuộc về đối thủ cạnh tranh của nó trong các cơ quan của Hiệp bang Đức. Khi thành công của vũ khí Pháp, rốt cuộc, buộc nó phải giữ một cái gì đó giống như lập trường hiếu chiến, thì nó vấp phải sự kháng cự lạnh lùng của các Tiểu quốc Đức hầu như cho rằng cần che giấu sự không tin cậy của họ đối với những mục tiêu cuối cùng của triều đình Phổ. Khi Hòa ước Vi-la-phrăng-ca được ký kết thì Phổ hoàn toàn bị cô lập không chỉ ở châu Âu, mà cả ở Đức nữa, còn việc thôn tính Xa-voa xảy ra sau đó thì rút ngắn đáng kể biên giới không được bảo vệ của Pháp, tăng mạnh cơ hội của nó tiến hành chiến dịch thắng lợi ở vùng sông Ranh.

Do những tình huống ấy, đường lối chính sách mà giờ đây Phổ tìm cách thi hành trong chính sách đối nội, cũng như trong chính sách đối ngoại của nó đều sai lầm. Mặc dù tuyên bố khoác lác trên các trang báo Phổ và tại nghị viện, nhưng trong công việc nội trị của nó chẳng có gì thay đổi cả, trừ câu chữ của các quan chức của nó. Những đề nghị về cải cách quân đội tuyệt nhiên không nêu ra việc tăng thực lực quân sự của nó để phòng trường hợp cực kỳ cần thiết, chúng có mục đích tăng không ngừng quân đội thường trực vốn đã quá lớn, tăng quá mức gánh nặng tài chính vốn đã quá căng thẳng và thủ tiêu thiết chế dân chủ duy nhất của đất nước là các lan-đơ-ve⁴⁰. Tất cả các đạo luật phản động về báo chí, về quyền lập hội, về quản lý đô thị, về quan hệ qua lại giữa địa chủ và nông dân, về sự bảo hộ quan liêu, về cảnh sát có mặt ở mọi nơi - tất cả những cái đó đều được duy trì một cách chu đáo. Ngay cả những điều khoản nhục nhã về việc kết hôn giữa quý tộc và dân thường cho đến nay vẫn chưa được huỷ bỏ. Bản thân ý tưởng khôi phục hiến pháp đã bị *coup d'état*^{1*} đập đổ thì bị chế giễu là điều mơ tưởng gần đở.

1* - chính biến, đảo chính

Tôi chỉ xin nêu một ví dụ về tự do công dân mà giờ đây thần dân Phổ đang hưởng. Trong thời kỳ phản động tồi tệ, một người quê ở Phổ vùng Ranh^{1*} đã bị tòa án hội thẩm được tổ chức một cách thiên vị kết án bảy năm tù giam ở pháo đài Phổ về cái gọi là tội phạm chính trị. Sau khi hết hạn tù, thời hạn mà chính phủ tự do chủ nghĩa không giảm bớt, ông đi tới Khuên, từ đây cảnh sát lập tức trục xuất ông. Lúc ấy ông bèn về thành phố quê hương, nhưng lạ lùng thay, ông được nhà đương cục thông báo rằng do vắng mặt bảy năm, ông đã mất quyền công dân và phải tìm nơi khác để cư trú. Lời bác bỏ rằng sự vắng mặt của ông không phải là tự nguyện đã không đem lại kết quả. Rồi ông đến Béc-lin, nhưng cũng bị đuổi đi với cái cớ là ông không thể chỉ ra những nguồn sống khác ngoài khả năng cá nhân có thể làm việc và vận dụng hiểu biết của ông, vì toàn bộ tài sản của ông đã tiêu hết trong thời gian bị giam giữ. Rốt cuộc, ông đi tới Brê-xláp, ở đây ông được một người quen biết cũ thu xếp cho ông được ở nhà mình làm người giúp việc; nhưng một buổi sáng ông bị gọi tới sở cảnh sát nghe lời tuyên bố rằng giấy phép sống ở thành phố này chỉ có thể gia hạn cho ông thêm mấy tuần nữa, nếu trong thời gian ấy ông không kiếm được quyền công dân ở Brê-xláp. Khi ông đến tìm gặp các nhà đương cục thị chính Brê-xláp, ông bị gây đủ thứ trở ngại lặt vặt, nhưng khi nhờ sự chạy vạy của bạn bè nhiệt tình, những trở ngại ấy được khắc phục và việc ông xin quyền công dân rốt cuộc được thỏa mãn, thì cùng với quyền công dân ông nhận được một tờ biên lai dài liệt kê nhiều khoản mà người dân thường có điểm phúc được kết nạp vào hàng ngũ công dân Brê-xláp ai ai cũng phải nộp. Và nếu bạn bè của ông không chung nhau gom góp đủ số tiền cần thiết thì vị thần dân này của Phổ, giống như người Do Thái lang bạt vĩnh viễn, sẽ không kiếm được trong Tổ quốc vẻ vang của mình một chỗ để yên thân.

1* - Nốt-i-ung

II

Béc-lin, ngày 2 tháng Năm 1860

Trong nhiều tháng, Chính phủ Phổ tự mê hoặc mình bằng niềm hy vọng viễn vông là sẽ được thừa nhận là nước trung gian vũ trang của châu Âu và nó sẽ dựng lên trên đồng đống vỡ hoang tàn của Đế quốc Háp-xbuốc tòa lâu đài vĩ đại của triều đại Hô-hen-xtô-léc. Nhưng sau khi ký Hòa ước Vi-la-phrăng-ca, có lẽ nó đã cảm thấy những nguy cơ to lớn ẩn chứa trong tương lai. Chính sách do dự, chao đảo và đồng thời tráo trở của nó đã làm cho nó mất đồng minh, và ngay cả Phôn Slai-ni-xơ - những công văn dài dòng của ông này đã trở thành đối tượng của những trò đùa bất tận trong giới ngoại giao - chưa chắc có thể tự che giấu mình cái chân lý là hế tình hình nội bộ Pháp lại bắt người anh hùng thắng Chạp^{1*} hướng ra ngoài bờ cõi nước Pháp thì Phổ nhất định sẽ trở thành đối tượng của một cuộc chiến tranh cục bộ mới.

Chẳng phải trong cái giờ phút gọi là thăng thần, Lu-i - Na-pô-lê-ông đã thốt lên mấy lời rằng ông ta biết nước Đức cần gì - cần sự thống nhất, rằng ông ta là người sẽ đem lại sự thống nhất ấy cho Đức và các tỉnh vùng Ranh sẽ không phải là cái giá quá đắt trả cho những thứ kiếm được quý báu như vậy đó sao? Hoàn toàn phù hợp với truyền thống trước kia của Phổ, ý nghĩ đầu tiên của hoàng tử nhiếp chính và các chư hầu của ông ta là trông cậy vào lòng tốt của nước Nga. Chẳng phải Phri-đrich-Vin-hem I đã giành được Pô-mê-ra-ni theo hiệp ước phân chia ký kết với Pi-ốt Đại đế chống vua Thụy Điển Sác-lơ XII⁴¹ đó sao? Chẳng phải

1* Na-pô-lê-ông III

Phri-đrich II đã giành được thắng lợi trong cuộc Chiến tranh bảy năm và chiếm được Xi-lê-di, nhờ thế mà Nga rời bỏ đồng minh Áo của nó⁴² đó sao? Chẳng phải một số vụ phân chia Ba Lan⁴³ được tiến hành theo ý đồ của triều đình Béc-lin và triều đình Pê-téc-bua đã làm cho biên giới của nước quân chủ Phổ nhỏ bé phình to lên đó sao? Chẳng phải sự quy lụy vô hạn của Phri-đrich-Vin-hem III năm 1814 ủng hộ A-lếch-xan-đơ I, trong khi Áo và Pháp biểu hiện một số triệu chứng đối lập và chống đối, tại Đại hội Viên đã được thưởng công bằng việc sáp nhập Dắc-den và các tỉnh vùng sông Ranh vào Phổ⁴⁴ đó sao? Tóm lại, trong việc xâm phạm Đức, Phổ bao giờ cũng được Nga bao che và ủng hộ, tất nhiên với một điều kiện đặc biệt là giúp cường quốc này trong việc chinh phục những nước nằm sát nó và đóng vai nước chư hầu ngoan ngoãn của Nga trên vũ đài châu Âu. Tháng Mười 1859, hoàng tử nhiếp chính và A-lếch-xan-đơ II với các nhà ngoại giao, tướng lĩnh và cận thân vây quanh, đã được đón tiếp ở Brê-xláp để ký một hiệp ước mà các điều khoản của nó cho đến nay còn là bí mật không thể với tới không phải đối với Lu-i Bô-na-pác-tơ hoặc huân tước Pan-mốc-xtơn, mà là đối với thân dân Phổ, mà các đại diện tự do chủ nghĩa của họ tất nhiên quá nhả nhặn không dám chất vấn bộ trưởng ngoại giao, ngài Phôn Slai-ni-xơ, về một vấn đề tế nhị như vậy. Song, một điều xác thực là báo chí của Bô-na-pác-tơ không tỏ ra lo lắng về hội nghị ở Brê-xláp; là từ đó quan hệ giữa Nga và Pháp trở nên càng gần gũi hơn khiến người ta không yên lòng; là hội nghị ấy không ngăn cản Lu-i Bô-na-pác-tơ chiếm Xa-voa, đe dọa Thụy Sĩ, nói những lời ám chỉ về một số "sửa đổi biên giới vùng Ranh" không tránh khỏi và, cuối cùng, là bản thân Phổ, mặc dù có triển vọng đáng yên tâm lại được phép làm tiên phong của Nga, nhưng thời gian gần đây nhất đã tham lam chộp miếng mồi liên minh với Anh, miếng mồi tung ra ở Luân Đôn chỉ để trong vòng một hoặc hai tuần làm cho Hạ nghị viện Anh khuây khoả.

Song sự sơ suất của huân tước Giôn Rốt-xen - người đã tiết lộ trong Sách xanh việc ngài Phôn Slai-ni-xơ ve vãn Tuyn-lơ-ri trong thời gian Chiến tranh I-ta-li-a vừa rồi⁴⁵ - đã giáng một đòn chí mạng cho Liên minh Anh - Phổ; một thời gian Chính phủ Phổ coi sự liên minh ấy là một kế hoạch thực sự thực tế, nhưng ở Luân Đôn mọi người đều coi nó chẳng qua là một câu nói che giấu mảnh khoé của nghị viện. Rốt cuộc, mặc dù có cuộc hội nghị với A-lếch-xan-đơ II ở Brê-xláp và mặc dù huân tước Giôn Rốt-xen đã bắt đầu "tìm kiếm những đồng minh mới", nhưng giờ đây, giống như sau khi ký Hòa ước Vi-la-phrăng-ca, Phổ hoàn toàn bị cô lập trước thuyết biên giới tự nhiên do Pháp đưa ra⁴⁶.

Có thể tin hay không rằng trong những tình huống gay go như vậy, biện pháp duy nhất mà Chính phủ Phổ nghĩ ra là khôi phục kế hoạch của mình về việc xây dựng Tiểu Đức do một trong số những người thuộc dòng họ Hô-len-txô-léc đứng đầu và nhờ những vụ khiêu khích hết sức táo tợn không chỉ vút Áo vào phe thù địch, mà còn làm cho toàn bộ miền Nam Đức ghét bỏ? Song, dù điều đó xem ra khó tin thế nào đi nữa - càng khó tin vì đường lối chính trị ấy do báo chí của Bô-na-pác-tơ gợi ý một cách sỗ sàng - thì tình hình chính là như vậy. Nguy cơ càng gần thì càng lộ rõ ý đồ của Phổ định biểu hiện xu hướng của mình muốn chia cắt Đức một lần nữa. Nhân tiện xin nói, điều rất chắc chắn là sau đòn giáng vào Áo, Đức muốn Phổ bị giáng một đòn như vậy để thoát khỏi "cả hai vương triều"; nhưng dù sao cũng không ai sẽ nghi ngờ hoàng tử nhiếp chính là ngài Phôn Slai-ni-xơ về việc họ dựa vào những nguyên tắc bi quan chủ nghĩa như vậy. Từ thời Hiệp ước Vi-la-phrăng-ca, các xu hướng chính sách của nhiếp chính đã bộc lộ trong những vụ đụng độ lật lật trên báo và những cuộc tranh luận ngẫu nhiên không kéo dài về vấn đề I-ta-li-a, nhưng ngày 20 tháng Tư thì bí mật đã hoàn toàn được phanh phui tại Hạ nghị viện Phổ trong lúc tranh luận về vấn đề Hét-xen.

Tôi đã giải thích vấn đề Hét-xen này cho độc giả của quý báo⁴⁷

và vì thế giờ đây tôi chỉ đóng khung ở việc giải thích đôi lời về những điểm chính mà cuộc tranh luận đã xoay vào. Khi hiến pháp Hét-xen năm 1831 bị hầu tước xóa bỏ vào những năm 1849-1850 với sự khuyến khích của Áo, một thời gian Phổ làm ra vẻ nó muốn khởi chiến nhân danh viện đại biểu đang lên tiếng phản đối; nhưng vào tháng Mười một 1850, trong cuộc gặp mặt của công tước Svác-xen-béc và nam tước Man-toi-phen ở Ôn-muýt-xơ, khi Phổ hoàn toàn đầu hàng Áo, thừa nhận việc khôi phục Quốc hội Đức cũ⁴⁸, bán rẻ Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ và từ bỏ tất cả mọi tham vọng làm bá chủ của nó, thì nó cũng từ bỏ luôn cả những hành động nghĩa hiệp của nó để bảo vệ hiến pháp Hét-xen năm 1831.

Năm 1852, tuyển đế hầu đã ban một hiến pháp mới; bản hiến pháp này được Quốc hội Đức bảo đảm, mặc dù bị nhân dân Hét-xen phản đối. Sau cuộc Chiến tranh I-ta-li-a, vấn đề này lại được đặt ra để thảo luận theo sự xúi giục bí mật của Phổ. Các nghị viện của Hét-xen lại đấu tranh cho sự hợp pháp của hiến pháp năm 1831, và Quốc hội Phran-phuốc lại nhận thêm những lá đơn đòi khôi phục hiến pháp ấy. Lúc đó Phổ tuyên bố rằng hiến pháp năm 1831 là hiến pháp duy nhất hợp pháp, nhưng như nó đã nói thêm để phòng xa rằng lẽ ra phải làm cho hiến pháp ấy thích nghi với các nguyên tắc quân chủ của quốc hội. Mặt khác, Áo khẳng định rằng hiến pháp hợp pháp là hiến pháp năm 1852, nhưng nó cần phải được sửa chữa theo hướng tự do chủ nghĩa. Như vậy, việc tranh cãi diễn ra trên những vấn đề vật vãnh và mang tính chất thuần túy nguy biện. Thực chất của nó là thử sức dòng họ Hô-hen-txô-léc và dòng họ Háp-xbuốc bên trong Hiệp bang Đức. Cuối cùng, một đa số đáng kể trong quốc hội đã ra quyết định ủng hộ hiến pháp năm 1852, nghĩa là ủng hộ Áo và chống Phổ. Những động cơ ảnh hưởng đến lập trường của các Tiểu quốc Đức đã rõ ràng. Những quốc gia ấy biết rằng Áo quá vướng víu những khó khăn về chính trị đối ngoại của mình và quá mất lòng dân nên không thể vươn tới một cái gì đó lớn hơn là duy trì status

quo^{1*} ở Đức, trong khi họ nghi ngờ rằng Phổ áp ủ những kế hoạch hám danh với ý đồ đưa ra những chính sách mới. Nếu không thừa nhận nghị quyết mà quốc hội thông qua năm 1851 là hợp pháp, họ có thể làm cho tính hợp pháp của tất cả mọi nghị quyết khác của quốc hội từ năm 1848 trở đi bị đe dọa. Và cuối cùng, điều cuối cùng nhưng không phải kém quan trọng nhất là họ không thích chiến lược cưỡng ép của Phổ đối với các Tiểu quốc Đức và xâm phạm chủ quyền của họ với cái cố ủng hộ những lời kêu ca của dân chúng Hét-xen đối với hầu tước. Vì vậy đề nghị của Phổ đã bị thất bại.

Và rồi ngày 20 tháng Tư, khi vấn đề này trở thành đối tượng tranh luận của Hạ nghị viện Béc-lin thì ngài Phôn Slai-ni-xơ, nhân danh Chính phủ Phổ, tuyên bố dứt khoát rằng Phổ sẽ không coi mình bị nghị quyết của Quốc hội Đức ràng buộc; rằng năm 1850, khi soạn thảo Hiến pháp Phổ thì không có Quốc hội Đức, vì cơ quan này bị bão táp năm 1848 quét đi rồi; từ đó chúng ta thấy rằng tất cả những nghị quyết của Quốc hội Đức mâu thuẫn với ý đồ của Chính phủ Phổ đều bị mất hiệu lực pháp luật; và cuối cùng, rằng thực tế Quốc hội Đức không tồn tại, tuy Hiệp bang Đức tất nhiên vẫn tiếp tục tồn tại. Có thể hình dung có biện pháp nào của Chính phủ Phổ vô lý hơn không? Chính phủ Áo đã tuyên bố là không có cơ cấu nhà nước cũ của Đế quốc Đức, sau khi Na-pô-lê-ông I đã thực sự thủ tiêu nó. Lúc đó Háp-xbuốc chỉ xác nhận sự thực. Còn Hô-hen-txô-léc thì trái lại, giờ đây tuyên bố hiến pháp của Hiệp bang Đức là không có hiệu lực vào thời điểm Đức bị cuộc chiến tranh ở ngoài nước đe dọa dường như để đem lại cho người anh hùng tháng Chạp một cái cớ hợp pháp để liên minh riêng rẽ với các Tiểu quốc Đức mà cho đến nay vẫn bị các

1* - nguyên trạng, hiện trạng

đạo luật của quốc hội ngăn cản hành động như vậy. Nếu Phổ tuyên bố cuộc Cách mạng năm 1848 là hợp pháp và tất cả các đạo luật phản cách mạng mà chính nó và quốc hội ban hành năm 1848 đều không có hiệu lực, nếu nó khôi phục các thiết chế và đạo luật của thời đại cách mạng, thì nó sẽ tranh thủ được sự đồng tình của toàn nước Đức, kể cả vùng Áo của Đức.

Còn giờ đây thì nó chỉ gây chia rẽ trong số các vua chúa Đức, không đoàn kết nhân dân Đức. Thực tế nó đã mở cửa cho quân Du-a-vơ vào.

*Do C.Mác viết vào đầu tháng Năm 1860
Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"
số 5950, ngày 19 tháng Năm 1860*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
Phần thứ hai bài này in
bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

GA-RI-BAN-ĐI Ở XI-XIN. - TÌNH HÌNH Ở PHỐ⁴⁹

Béc-lin, ngày 28 tháng Năm 1860

Chủ đề của những cuộc bàn luận ở đây, cũng như ở toàn châu Âu, dĩ nhiên là chiến công của Ga-ri-ban-đi ở Xi-xin. Các bạn ắt đã biết rằng chưa bao giờ điện tín bị lạm dụng một cách vô lương tâm như hiện nay ở Na-plơ và Giê-nơ hoặc ở Tu-rin. Chưa bao giờ châu chấu tập kích châu Âu với số lượng như số "tín vịt" điện báo đang bay. Vì vậy, cần trình bày vấn đề quan điểm của giới quân sự có thẩm quyền nhất ở đây về tình hình Xi-xin. Trước hết mọi người đều biết rằng trước khi Ga-ri-ban-đi đến, cuộc nổi dậy đã tiếp diễn cả tháng trời; nhưng dù ý nghĩa của sự kiện ấy có thứ yếu thế nào đi nữa thì người ta cũng có thể đánh giá nó quá cao, như báo "Constitutionnel"⁵⁰ ở Pa-ri đã cho thấy. Trước khi tướng Lan-da cùng viện binh đến Xi-xin, quân đội Na-plơ đóng ở đấy có chưa đến 20 000 người, đại bộ phận phải tập trung ở các pháo đài Pa-léc-mô và Mét-xi-na, thành thủ đội lưu động tách ra để truy kích quân khởi nghĩa có thể khoe khoang thành tích trong một số cuộc chiến đấu, có thể phân tán đối thủ ở một số điểm và làm cho nó bất an ở những hướng khác nhau, nhưng đội đó hoàn toàn không có khả năng đè bẹp hẳn cuộc khởi nghĩa. Hiện nay ở Pa-léc-mô có lẽ đã tập kết gần 30 000 binh sĩ Na-plơ, vả lại, hai phần ba số quân ấy chiếm giữ pháo đài, còn một phần ba thì đóng trại ở ngoại vi pháo đài. Như người ta thông báo, ở

Mét-xi-na có 15 000 quân Na-plơ. Còn về Ga-ri-ban-đi thì theo những thông báo gần đây nhất, ông không tiến xa hơn Mông-rê-an. Đúng là thành phố này nằm trên các đồi khổng lồ Pa-léc-mô từ phía đất liền, nhưng Ga-ri-ban-đi thiếu cái chủ yếu là pháo binh công thành để lợi dụng những ưu thế mà vị trí đó đem lại. Do đó, trong thời gian tới, thành công của Ga-ri-ban-đi với số quân gần 12 000 người sẽ phụ thuộc vào hai điều chủ yếu: vào tốc độ lan rộng của cuộc khởi nghĩa ra toàn đảo và vào vị trí của binh lính Na-plơ ở Pa-léc-mô. Nếu binh lính Na-plơ dao động và bắt đầu có xung đột với lính đánh thuê người nước ngoài ở trong hàng ngũ họ thì các công sự phòng thủ của Lan-da có thể rã ra như ngôi nhà xếp bằng những lá bài. Nếu cuộc khởi nghĩa có quy mô rất đáng kể thì quân đội của Ga-ri-ban-đi sẽ lớn đến quy mô đáng gờm hơn nữa. Nếu Ga-ri-ban-đi chiếm được Pa-léc-mô thì ông sẽ quét sạch tất cả mọi thứ trên đường tiến của ông, trừ Mét-xi-na, nơi ông lại sẽ đứng trước một nhiệm vụ khó khăn. Các bạn hãy nhớ lại rằng trong những năm 1848-1849, người Na-plơ đã mất tất cả, trừ Mét-xi-na, địa điểm này dường như là tète-de-pont^{1*} giữa Xi-xin và Na-plơ; nhưng lúc bấy giờ mà giữ Mét-xi-na thì chưa đủ để chiếm toàn đảo. Song lần này, việc Pa-léc-mô thất thủ và việc những người yêu nước chiếm toàn đảo, trừ Mét-xi-na, do tình hình chính trị đã thay đổi, ắt có những kết quả có tính chất quyết định hơn những năm 1848-1849. Nếu Ga-ri-ban-đi chiếm được Pa-léc-mô, thì "vua I-ta-li-a" sẽ chính thức ủng hộ ông. Nếu Ga-ri-ban-đi thất bại thì cuộc hành quân của ông sẽ bị coi là một cuộc phiêu lưu cục bộ. Lỗi Ga-ri-ban-đi toát lên giọng mỉa mai, khi ông nói với Vích-to-Ê-ma-nu-en rằng ông sẽ chiếm cho vua thêm một tỉnh nữa, nhưng hy vọng vua không bán nó đi như đã bán Ni-xơ, quê hương của Ga-ri-ban-đi.

1* đầu cầu

Trong đời sống chính trị của Phổ, sự chú ý của xã hội lẽ tự nhiên là tập trung chủ yếu vào bức thư riêng của hoàng tử Phổ gửi cho phu quân của nữ hoàng Anh⁵¹; bản sao bức thư này được chuyển cho Bộ trưởng ngoại giao Phổ, ngài Phôn Slai-ni-xơ, qua đại sứ của Lu-i Bô-na-pác-tơ ở Béc-lin, công tước Đơ La-tua Đô-véc-nơ, ông này không chỉ táo tợn như vậy, mà còn dám đòi giải thích một số chỗ trong thư có liên quan tới danh giá và ý đồ của tên đại laltimbanque^{1*} Pa-ri. Vụ rắc rối này giống một trường hợp tương tự đã xảy ra không lâu trước khi Hiệp ước Un-ki-ắc-I-xkê-lê-xi được phê chuẩn năm 1833⁵². Viên thủ tướng đã gửi đến đại sứ quán Anh ở Công-xtăng-ti-nô-plơ bản sao hiệp ước bí mật do bá tước Oóc-lốp soạn, rất đổi bối rối khi vào ngày hôm sau, thật sững sốt hoàn toàn dễ chịu đối với ông ta, bá tước Oóc-lốp trả lại bản sao ấy cho ông ta, bức tức mong muốn chọn những người được ủy nhiệm đáng tin cậy hơn cho sau này. Ở Béc-lin, mọi người đều tin rằng bức thư của hoàng tử nhiếp chính gửi bằng bưu điện qua Ô-xten-đơ, chứ không phải qua Ca-lơ, đã bị bóc ở Bưu điện Anh, nơi có đông đảo nhân viên rõ ràng là làm công việc kiểm duyệt những bức thư khả nghi. Nếp làm này phổ biến đến mức vào thời Nội các liên hiệp, bá tước An-bóc-đin thú nhận rằng ông ta không liêu lĩnh giao cho bưu điện những bức thư của bản thân gửi cho bạn bè của ông ta ở thủ đô. Người ta giả định rằng, sau khi nhận được bản sao bức thư của hoàng tử nhiếp chính bằng cách ấy, huân tước Pan-móc-xơ đã chuyển nó cho đại sứ Pháp ở Luân Đôn vì căm thù hoàng tử An-be và phục vụ cho Liên minh Anh-Pháp-Nga. Dù sao thì triển vọng được thảo luận sôi nổi như vậy của Liên minh Anh - Pháp tuyệt nhiên không phải sáng sủa cho lắm.

1* - tên hề

Cách đây mấy tháng, khi huân tước Giôn Rốt-xen tuyên bố vào một buổi sáng tuyệt đẹp rằng nước Anh phải tìm kiếm những đồng minh mới và sau khi điều ám chỉ ấy được giới chính thức Béc-lin chộp lấy với một nhiệt tình ngây thơ thì bất thành lình trong các bản báo cáo của Nghị viện Anh liền công bố bức thư khẩn của huân tước Blum-phin gửi bộ ngoại giao ở phố Đào-ninh⁵³, trong đó trình bày cuộc nói chuyện riêng của ông ta với ngài Phôn Slai-ni-xơ trong thời gian cuộc Chiến tranh I-ta-li-a vừa rồi, cuộc nói chuyện làm mất thanh danh nghiêm trọng những ý định thành thực của chính sách đối ngoại của Phổ. Lúc đó huân tước Giôn thừa nhận rằng ông ta không tế nhị một cách rất kỳ quặc, song liên minh mới đã bị giáng đòn đầu tiên. Đòn thứ hai là việc bức thư của hoàng tử nhiếp chính đến không đúng địa chỉ.

Các bạn chắc biết rằng trong bài diễn văn đăng quang, hoàng tử nhấn rất mạnh về sự vững chắc của những điều cam kết trong hiệp ước và về mặt trận thống nhất mà Đức sẵn sàng dùng nó chống lại mọi sự xúc phạm nền độc lập và sự toàn vẹn của Tổ quốc Đức. Ấn tượng không thuận lợi mà mối đe dọa này gây ra cho thị trường chứng khoán Pa-ri được làm dịu đi nhờ tờ báo Nga "Nord" với giọng bonhomie^{1*} cả nể mỉa mai, làm cho diễn từ của hoàng tử mất hết mọi ý nghĩa nghiêm túc, gọi lại những câu tương tự mà hoàng tử đã nói trong thời gian Chiến tranh I-ta-li-a, và cuối cùng, đánh giá toàn bộ phần ấy của diễn văn đăng quang chỉ là ý muốn chiêu theo tâm trạng của nhân dân. Về phần còn lại trong diễn văn của hoàng tử, thì về thực chất nó chỉ là bản liệt kê những thất bại trong lĩnh vực lập pháp. Một số ít dự luật quan trọng đã được thảo luận ở hai viện - dự luật hôn nhân, dự luật quản lý đô thị và dự luật cải cách thuế ruộng đất mà giới quý tộc

1* - hiền từ

trong đại bộ phận vương quốc vẫn còn tránh được - hóa ra đã chết yếu. Ngoài ra, hoàng tử tỏ ra bất bình trước việc những biện pháp mà chính ông ta đưa ra đề cập đến việc cải cách trong quân đội cho đến nay chưa có hiệu lực pháp luật.

Tuy ngay cả trong viện dân biểu hiện nay, mà đa số đáng kể của nó là những người ủng hộ chính phủ, chính phủ không thể tiến hành việc cải cách quân đội mà nó đề ra, nhưng cuối cùng nó đã tranh thủ cấp thêm chín triệu rưỡi đô-la kinh phí quân sự; đồng thời, như tôi được biết qua thư từ các tỉnh gửi về, những thay đổi đề ra trong việc tổ chức quân đội được thực hiện lạng lẹ nhưng vững vàng để hai viện khi họp lại sẽ không còn gì làm, ngoài việc phê chuẩn cái mà đến lúc ấy đã trở thành *fait accompli*^{1*}. Thực chất của việc cải cách quân đội dự định được trình bày trong nguyệt san Nga - Đức "Baltische Monatsschrift" xuất bản ở Ri-ga và được viên toàn quyền Nga cai trị Li-phlan-đi, E-xơ-li-an-đi và Cuốc-li-an-đi cho phép in.

"Việc cải cách quân đội Phổ", - nguyệt san viết, - "đề ra ngay sau khi Hòa ước Vi-la-phrăng-ca được ký kết, có lẽ chỉ có một mục đích là làm cho chính phủ khỏi trực tiếp hô hào toàn quốc, điều này dưới chế độ quân sự cũ đã trở nên không tránh khỏi mỗi khi chính phủ cho rằng cần củng cố chính sách của mình bằng biểu dương sức mạnh quân sự. Trong tình hình chính trị hiện nay ở châu Âu, một nước giống như Phổ vẫn còn đòi hoàn toàn thừa nhận mình là một đại cường quốc, không phá vỡ nỗi đòi sống hòa bình của đất nước mỗi khi cần biểu dương thực lực quân sự của mình, cũng không thể mỗi lần đều đảm bảo cho dân cư bằng lời kêu gọi cầm vũ khí thực sự gắn với việc chiến tranh nổ ra. Chế độ quân lan-đơ-ve chứa đựng một sự chống đối nào đó trên tinh thần dân chủ đối với các nguyên tắc quân chủ. Hai lần động viên năm 1850 và 1859 nối tiếp nhau qua một khoảng thời gian tương đối ngắn và cả hai lần đều kết thúc không phải bằng chiến tranh mà bằng sự phục viên, xem ra đã phá hoại sự tín nhiệm của đại bộ phận dân cư Phổ thậm chí đối với đường lối chính trị đối ngoại của nhà nước. Bản thân những tình huống đi đôi với cả hai lần động viên có lẽ đã cho phép nhân dân kết luận rằng mỗi lần, trước khi giải thích

1* - việc đã rồi

việc tổng động viên, chính phủ đều phải được dư luận đồng ý. Ngay cả những lời tuyên bố chính thức của Phổ về lập trường của Phổ trong thời gian Chiến tranh Ita-li-a cũng thừa nhận rằng việc động viên quân lan-đơ-ve đã gặp *những khó khăn bất ngờ*".

Từ đó nguyệt san Nga - Đức kết luận rằng Phổ cần phải bỏ chế độ dân binh dưới hình thức hiện nay, nhưng đồng thời với sự chế giễu mỉa mai, nó ám chỉ rằng "việc thay đổi như vậy một trong những thiết chế phổ biến nhất đúng vào lúc Chính phủ Phổ nhấn mạnh chủ nghĩa tự do của mình" là rất khó khăn. Ở đây cần phải nêu lên rằng "Baltische Monatsschrift" xuất bản ở Ri-ga dưới sự bảo trợ của chế độ Nga hoàng, đến một mức nào đó dường như là bổ sung cho báo "Straßburger Korespondent" xuất bản ở Xơ-ra-xbua dưới sự che chở của Bô-na-pác-tơ. Cả hai cơ quan ngôn luận này đều khuếch trương vũ khí trên biên giới Đức, một từ phía Đông, cơ quan ngôn luận kia từ phía Tây. Các tác giả của cơ quan ngôn luận thứ nhất có thể được coi là những người Cô-dắc văn chương, các tác giả của cơ quan ngôn luận thứ hai có thể được coi là những người Du-a-vơ văn chương. Cả hai đều bày tỏ lòng yêu mến sâu sắc đối với Đức và đều trở tài đưa ra những lời khuyên sáng suốt đối với đất nước mà chúng hạ cố sử dụng ngôn ngữ của nó. Cả hai đều cố gắng chuẩn bị cho Đức đón nhận những biến đổi vĩ đại sắp tới và cả hai đều sắc mùi entente cordiale^{1*}, chính giờ đây đang liên kết chế độ Xê-da Pa-ri và chế độ Nga hoàng Pê-téc-bua; nhưng sự giống nhau chỉ có thể thôi. Tờ báo Xơ-ra-xbua tuy thấm đượm tinh thần cao thượng giả dối kiểu đóng kịch đặc thù vốn có đối với văn chương phóng đảng của Đế chế thứ nhất của Pháp, nhưng vẫn có ngôn ngữ giản dị đặc hữu của Nam Đức. Nó có xu hướng muốn tỏ ra mình là người ủng hộ lẽ phải và tuyệt nhiên không có tham vọng đòi được coi là văn chương tao nhã.

1* - sự thỏa thuận thân tình

Trái lại, nguyệt san Ri-ga phô trương tâm cỡ sư phạm lớn lao và sự thâm thúy siêu hình theo tinh thần truyền thống của Trường đại học Tổng hợp Khuê-ních-xbéc. Vả lại, tôi coi những cơn phần nộ yêu nước mà báo chí Đức đổ lên tờ "Monatsschrift" lẫn tờ "Korrespondent", đặc biệt đổ lên tờ "Korrespondent" là biểu hiện ngu ngốc của sự bất lực ấu trĩ.

Do C.Mác viết ngày 28 tháng Năm 1860

*Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"
số 5972, ngày 14 tháng Sáu 1860*

In theo bản đăng trên báo

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH. ĂNG-GHEN

GA-RI-BAN-ĐI Ở XI-XIN

Sau một loạt tin tức hết sức trái ngược nhau, cuối cùng chúng tôi đã nhận được những tư liệu có lẽ khá xác thực về các chi tiết của cuộc hành quân kỳ diệu của Ga-ri-ban-đi từ Mác-xa-la đến Pa-léc-mô. Đó quả thực là một trong những chiến công đáng kinh ngạc nhất của thế kỷ chúng ta, và nó sẽ hầu như không giải thích được nếu danh giá của vị tướng cách mạng không có được trước khi tiến hành cuộc hành quân thắng lợi. Thành công của Ga-ri-ban-đi chứng tỏ rằng quân đội nhà vua Na-plơ vẫn hoảng sợ con người luôn luôn giương cao ngọn cờ cách mạng I-ta-li-a trước các tiểu đoàn Pháp, Na-plơ và Áo, rằng dân chúng Xi-xin không mất lòng tin đối với ông và đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Ngày 6 tháng Năm, hai chiếc tàu thủy rời bờ biển Giê-nơ chở gần 1 400 lính có vũ trang chia thành bảy đại đội, mỗi đại đội rõ ràng là phải trở thành hạt nhân của một tiểu đoàn tuyển mộ trong số nghĩa quân. Ngày 8, họ đổ bộ ở Ta-la-môn-nơ tại bờ biển Tô-xca-nơ và lợi dụng những lý lẽ khác nhau, đã thuyết phục được viên chỉ huy trưởng đồn hải quan cung cấp cho họ than, đạn dược và bốn đại bác dã chiến. Ngày 10, họ xuất phát đi đến cảng Mác-xa-la nằm ở mút cực Tây Xi-xin và đổ bộ ở đây với toàn bộ bộ phận vật tư của nó, mặc dù có hai tàu chiến Na-plơ đến, nhưng tỏ ra bất lực trong thời điểm cần ngăn cản cuộc đổ bộ; luận thuyết về sự can thiệp của người Anh giúp nghĩa quân hoàn toàn không có cơ sở, và giờ đây ngay cả bản thân người Na-plơ cũng đã vứt bỏ nó. Ngày 12 tháng Năm, đội quân nhỏ ấy đã hành quân tới

Xa-lơ-mi, cách bờ biển 18 dặm trên đường đi Pa-léc-mô. Ở đây có lẽ những người lãnh đạo đảng cách mạng đã gặp Ga-ri-ban-đi để cùng ông thảo luận tình hình và đã tập trung viện binh của nghĩa quân lên tới suýt soát 4000 người. Trong khi viện binh hình thành thì cuộc khởi nghĩa mà cách đây mấy tuần đã thất bại nhưng không bị đè bẹp hẳn, nay bùng lên mạnh thêm ở tất cả mọi vùng núi bắc Xi-xin và phát triển thành công như ngày 16 đã thấy rõ. Ngày 15 tháng Năm, Ga-ri-ban-đi cùng với 1 400 quân tình nguyện có tổ chức của ông và 4 000 nông dân vũ trang đã vượt qua núi lên phía bắc và đến sát Ca-la-ta-phi-mi, nơi con đường làng đi từ Mác-xa-la được nối với con đường lớn đi từ Tô-ra-pa-ni đến Mác-xa-la. Những khe núi dẫn tới Ca-la-ta-phi-mi qua nhánh núi của dãy Mông-tê-sê-ra-ra hùng vĩ được gọi là Mông-tê đi Pi-an-tô - Rô-ma-nô, được ba tiểu đoàn quân đội nhà vua cùng kỵ binh và pháo binh dưới sự chỉ huy của tướng Lan-đi bảo vệ. Ga-ri-ban-đi lập tức tấn công trận địa này, lúc đầu nó tự vệ một cách ngoan cường; nhưng tuy trong đợt tấn công ấy Ga-ri-ban-đi có thể chỉ đưa lính tình nguyện của mình và một bộ phận rất không đáng kể nghĩa quân Xi-xin đánh lại 3000 hoặc 3 500 quân Na-plơ, quân đội nhà vua vẫn bị lần lượt đánh bật khỏi năm trận địa mạnh và đã mất một khẩu sơn pháo cùng một số lớn người bị giết và bị thương. Tổn thất của quân Ga-ri-ban-đi, theo tuyên bố của chính họ, là 18 bị giết và 128 bị thương. Quân Na-plơ khẳng định rằng trong cuộc giao tranh ấy họ đã chiếm được một trong những lá cờ của Ga-ri-ban-đi, nhưng vì họ nhặt được lá cờ bỏ lại trên khoang một trong những chiếc tàu thủy bị vớt ở Mác-xa-la, nên hoàn toàn có thể là ở Na-plơ họ đưa chính lá cờ ấy ra làm bằng cứ chứng minh cho thắng lợi mà dường như họ đã giành được. Song thất bại ở Ca-la-ta-phi-mi không bắt buộc quân đội nhà vua rời thành phố ngay tối hôm đó. Sáng hôm sau họ mới đi khỏi nơi ấy và có lẽ sau đó họ không hề chống cự Ga-ri-ban-đi, cho đến tận Pa-léc-mô. Họ đến được Pa-léc-mô nhưng hoàn toàn rệu rã và hỗn loạn. Việc quân đội nhà vua bị "bọn hải tặc và bọn súc sinh vũ trang" nào đó đánh tan, lập tức làm họ nhớ lại hình ảnh

đáng sợ của cái ông Ga-ri-ban-di vừa bảo vệ La Mã khỏi bị Pháp xâm chiếm, song đồng thời có thể chọn thời gian tấn công Ve-lét-ri và đẩy lùi đội tiên phong của toàn bộ quân đội Na-plơ rồi sau đó trên sườn núi An-pơ đã đánh thắng những chiến binh dũng cảm hơn nhiều so với lính Na-plơ⁵⁴. Việc rút lui dần dần, không mấy may có ý định tiếp tục chống cự, ắt càng tăng cường hơn nữa sự thất vọng của họ và tăng cường xu hướng đào ngũ trước đó cũng đã thấy có trong hàng ngũ của họ; khi họ bỗng nhiên đã ở vào chính trung tâm cuộc khởi nghĩa đã được chuẩn bị tại cuộc hội nghị ở Xa-lê-mi và thường xuyên bị quân khởi nghĩa công kích thì mọi sự đoàn kết giữa họ đã hoàn toàn tan biến; lũ đoàn Lan-di trở thành đám người hỗn loạn và hoang mang, giảm đặc biệt nhiều về quân số, trở về Pa-léc-mô từng tốp nhỏ nối tiếp nhau.

Ga-ri-ban-di đến Ca-la-ta-phi-mi đúng ngày Lan-di rời bỏ nó, tức là ngày 16; ngày 17 ông tiến đến An-ca-mô (10 dặm) ngày 18 đến Pác-ti-ni-cơ (10 dặm) và hành quân tiếp theo hướng Pa-léc-mô. Ngày 19, mưa không ngớt đã ngăn cản đội quân đi tiếp.

Lúc đó Ga-ri-ban-di được biết là quân Na-plơ xây hầm hào quanh Pa-léc-mô và củng cố những thành lũy cũ, đã bị phá hủy một phần, ở phía nhìn ra đường Pác-ti-ni-cơ. Quân số của họ vẫn lên tới ít ra là 22 000 người, và như vậy là vượt xa lực lượng mà Ga-ri-ban-di có thể tung ra đánh họ. Nhưng tinh thần của họ ảm đạm; kỷ cương của họ bị lỏng lẻo; trong số họ có nhiều người xoay ra nghĩ cách chuyển sang phía nghĩa quân; trong lúc đó tướng lĩnh của họ bất tài, điều này lính của họ cũng như đối phương đều biết cả. Trong số họ, đáng tin cậy chỉ có hai tiểu đoàn người nước ngoài. Với tinh thần như vậy, Ga-ri-ban-di không thể cả gan lập tức tấn công thành phố từ chính diện, mà quân Na-plơ cũng không thể có những hành động tương đối quyết liệt chống ông, ngay cả nếu quân đội của họ đủ sức làm việc đó, vì họ buộc phải luôn luôn giữ trong thành phố một đội quân đồn trú mạnh và không bao giờ được rời thành phố quá xa. Nếu ở vị trí Ga-ri-ban-di

là một viên tướng hạng trung, thì tình hình như vậy sẽ dẫn đến một loạt cuộc giao chiến hỗn loạn và không quyết liệt, trong thời gian đựng độ ông sẽ có thể huấn luyện quân sự cho tân binh của mình, nhưng quân đội nhà vua sẽ rất nhanh chóng khôi phục đáng kể niềm tin đã mất vào lực lượng của bản thân mình và vào kỷ cương, vì trong một số cuộc giao chiến họ nhất định sẽ là người chiến thắng. Nhưng phương thức tiến hành chiến tranh như vậy sẽ không hợp với khởi nghĩa, cũng không hợp với Ga-ri-ban-di. Tấn công dũng cảm là sách lược duy nhất mà cách mạng cho phép; thành công làm người ta kinh ngạc như giải phóng Pa-léc-mô đã trở nên cần thiết một khi nghĩa quân đến sát thành phố.

Nhưng làm thế nào để có thể đạt được điều ấy? Chính ở đây Ga-ri-ban-di đã tỏ ra là vị tướng tuyệt vời, không chỉ có khả năng tiến hành chiến tranh du kích, mà còn có khả năng tiến hành những chiến dịch lớn hơn.

Ngày 20 và những ngày tiếp theo, Ga-ri-ban-di tấn công đội quân cảnh giới Na-plơ và những trận địa gần Mông-rê-an và Pác-cơ trên những con đường đi tới Pa-léc-mô, xuất phát từ Tơ-ra-pa-ni và Coóc-lê-ô-nơ, do đó làm cho đối phương nghĩ rằng cuộc tấn công của quân Ga-ri-ban-di sẽ chủ yếu nhằm vào phía tây-nam thành phố và chính ở đây tập trung chủ lực của ông. Bằng việc kết hợp khôn khéo những trận đánh tiến công và rút lui nghi binh, Ga-ri-ban-di đã buộc viên tướng Na-plơ phải tung đi hướng này ngày càng nhiều quân từ thành phố, nên ngày 24 gần 10 000 quân Na-plơ đã ở ngoài thành phố, trên con đường đi Pác-cơ. Đó chính là điều mà Ga-ri-ban-di muốn đạt được. Ông lập tức bắt họ phải tham chiến với một bộ phận quân đội của mình, chậm rãi rút lui trước quân Na-plơ và kéo họ xa dần thành phố, khi ông đã dụ họ đến Pi-a-na, qua dãy núi chính cắt ngang Xi-xin và tách Côn-ca đ'Ô-rô ("Vỏ sò vàng" - thung lũng ở Pa-léc-mô) với thung lũng Coóc-lê-ô-nơ, ông đột ngột điều đại bộ phận quân qua những đèo ngang khác của cùng dãy núi ấy đến thung lũng Mi-din-mê-ri

thông qua biển ở gần Pa-léc-mô. Ngày 25 ông chuyển đại bản doanh đến Mi-din-mê-ri cách thủ phủ 8 dặm. Chúng tôi chưa biết tiếp theo ông làm gì với 10 000 quân Na-plơ bị nghẽn trên con đường xấu độc nhất vắt qua núi, nhưng có thể nói chắc chắn rằng ông đánh lạc hướng chú ý của họ bằng hết thắng lợi giả này đến thắng lợi giả khác để biết chắc rằng họ không trở lại Pa-léc-mô quá nhanh. Bằng cách đó, ông đã giảm bớt số quân bảo vệ thành phố gần một nửa và chuyển tuyến tiến công từ đường Tô-ra-pa-ni đến đường Ca-ta-ni, nhờ thế ông đã có thể bắt đầu tổng công kích. Những thông báo trái ngược nhau không giải đáp được vấn đề: trước khi Ga-ri-ban-đi tấn công trong thành phố có khởi nghĩa chưa, hay là khởi nghĩa bùng lên do ông xuất hiện ở cửa ngõ thành phố; nhưng điều xác thực là sáng ngày 27, toàn thể dân chúng Pa-léc-mô đã cầm vũ khí, và Ga-ri-ban-đi đã tấn công Poóc-tơ Téc-mi-ni, ở phía đông - nam thành phố, nơi không một người Na-plơ nào nghênh chiến với ông. Những điều còn lại thì đã biết: thành phố bị dần dần quét sạch quân đội, trừ các khẩu đội pháo, pháo đài, dinh lũy và hoàng cung; tiếp theo là pháo kích, ngừng bắn, đầu hàng. Những chi tiết chính xác của tất cả những sự kiện ấy còn chưa biết, nhưng những sự việc chủ yếu thì đã khá rõ.

Giờ thì chúng tôi phải tuyên bố rằng những cuộc chuyển quân của Ga-ri-ban-đi nhằm chuẩn bị tấn công Pa-léc-mô lập tức cho thấy ông là vị tướng thuộc cấp rất cao. Từ trước đến nay chỉ biết ông là vị lãnh tụ du kích rất giỏi và rất gặp may; ngay cả trong thời gian vây hãm La Mã, chiến thuật của ông về phòng thủ thành phố bằng những cuộc tập kích thường xuyên đã không đem lại cho ông cơ hội tiện lợi để vươn lên vượt trình độ ấy. Nhưng ở đây ông giải quyết những nhiệm vụ thuần túy chiến lược và qua sự thử thách ấy ông nổi lên như một chuyên gia được công nhận. Cách thức ông dùng để lừa được viên tổng tư lệnh Na-plơ đã bắt ông này phải mắc một sai lầm nghiêm trọng và phải đưa một nửa số quân của mình đi rất xa thành phố, việc ông tấn công thọc sườn thần tốc và lại xuất hiện trước Pa-léc-mô từ phía ít ai ngờ

nhất và cuộc tiến công quyết liệt vào lúc quân đồn trú đã bị suy yếu - tất cả những việc ấy mang dấu ấn của một thiên tài quân sự với mức độ lớn hơn rất nhiều so với những gì đã xảy ra trong thời gian cuộc Chiến tranh I-ta-li-a năm 1859. Cuộc khởi nghĩa Xi-xin đã tìm được nhà lãnh đạo quân sự loại một; chúng ta hy vọng rằng nhà chính trị Ga-ri-ban-đi chẳng bao lâu nữa ắt xuất hiện trên vũ đài, sẽ không làm ô nhục tiếng thơm của Ga-ri-ban-đi tướng soái.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 7 tháng Sáu 1860 In theo bản đăng trên báo
Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York Daily Nguyên văn là tiếng Anh
Tribune" số 5979, ngày 22 tháng Sáu 1860

C.MÁC

NHỮNG TIN TỨC THỨ VỊ TỪ PHỔ

Béc-lin, ngày 13 tháng Sáu 1860

Tối nay hoàng tử nhiếp chính đi Ba-đen - Ba-đen, nơi đây ngày 16 và 17 tháng này sẽ diễn ra một cuộc giống như hội nghị, có Lu-i Bô-na-pác-tơ và hội đồng các nhân vật đội vương miện của Đức⁵⁵ tham dự. Đoàn tùy tùng của hoàng tử nhiếp chính có: chủ nhiệm văn phòng quân sự, tướng Man-toi-phen, tướng Phôn An-ve-xlê-bên, thượng tá Phôn Si-men-man, chef d'escadron^{1*} Phôn Lô-ê, đại thần hoàng cung, bá tước Phôn Puy-clơ, cố vấn cơ mật Phôn In-lơ, thư ký của nhiếp chính, ngài Boóc-man và hầu tước Phôn Hô-hen-xtô-léc-Dích-ma-rin-ghen, thủ tướng nội các và thành viên gia đình nhà vua. Bạn đọc nhớ rằng do có bức thư riêng của hoàng tử nhiếp chính gửi cho phu quân của nữ hoàng Anh, bức thư bị chộp ở Luân Đôn và từ đó báo cho Lu-i Bô-na-pác-tơ^{2*}, ông này nằng nặc xin đích thân gặp hoàng tử nhiếp chính, cho rằng gặp như vậy là cách tốt nhất để xua tan sự hiểu lầm dường như đã nảy sinh giữa Pháp và Phổ. Ít lâu sau đó, khi hoàng tử nhiếp chính đến Xác-bruych-kên và Tơ-ria, hai thành phố giáp giới với Pháp, Lu-i Bô-na-pác-tơ lại tỏ ra là ông không bỏ lỡ cơ hội ấy để gặp hoàng tử. Song đề nghị đó đã bị bác. Bấy giờ lan truyền tin đồn rằng hoàng tử nhiếp chính đến sống ở Ba-đen - Ba-đen một

1* - chỉ huy đại đội thủy binh

2* Xem tập này, tr.77-79.

tháng; lúc đó vua Ba-vi-e là Mác^{1*} nảy ra ý nghĩ đề nghị nhiếp chính tổ chức về mặt hình thức một cuộc giống như hội nghị với các vua chúa Nam Đức, muốn ký hiệp định thân thiện với Phổ và trong cuộc hội ngộ ấy sẽ biểu dương mặt trận thống nhất chống Pháp. Trong khi hoàng tử nhiếp chính chộp lấy, đề án đó cũng được đại công tước Ba-đen, vua Vuyéc-tem-béc và đại công tước Hét-xen-Đác-mơ-stát chấp nhận, thì vào một buổi sáng nào đấy, đại sứ Pháp tại Béc-lin đã chính thức thông báo cho Bộ trưởng ngoại giao Phổ, ngài Phôn Slai-ni-xơ, rằng hoàng đế chí thánh của ông ta, để xua tan sự không tin cậy mà đối tượng vô tội có lẽ là Pháp, cho rằng cuộc gặp gỡ thân mật ở Ba-đen - Ba-đen với người đứng đầu hiện nay của nhà nước Phổ sẽ là điều tốt lành lớn lao đối với Phổ cũng như đối với Pháp. Vị bộ trưởng Phổ trả lời rằng Phổ cũng là nạn nhân của những mối ngờ vực oan, song chưa chắc có thể đánh tan bằng cuộc gặp mặt như vậy, và ngoài ra, các hội nghị bí mật của các hoàng đế Đức đã được triệu tập ở Ba-đen - Ba-đen. Lúc đó đại sứ Pháp lại hỏi ý kiến Pa-ri, rồi trả lời rằng Lu-i - Na-pô-lê-ông sẽ hết sức vui được hiện diện trước càng nhiều vua chúa Đức càng tốt và ngoài ra, Na-pô-lê-ông định đích thân thông báo một việc gì đó quan trọng, không thể gác lại được nữa. Lập tức Béc-lin nhận được điện khẩn từ Viên bày tỏ sự không hài lòng của Áo về cuộc gặp gỡ tối, nhưng những triều đình khác ở Đức thì tương đối yên tâm với công hàm luân lưu của Bộ trưởng ngoại giao Phổ. Do có công hàm ấy mà sáng nay vua Ha-nô-vơ đường đột đến Béc-lin và tự mình bày tỏ sẵn sàng tháp tùng hoàng tử nhiếp chính đến Ba-đen - Ba-đen, và lúc đó hoàng tử đánh điện triệu cả vua Dắc-den đến dự hội nghị. Hà tất cần nói thêm rằng các công tước Cô-buốc-gơ-Gô-ta và Na-xau cũng sẽ đi theo những người khác.

1* - Mác-xi-mi-li-an II

Như vậy, cuộc hội họp của các vua Đức lúc đầu định để biểu dương tinh thần chống Pháp, đã trở thành một cuộc như kiểu tiệc sáng do Lu-i Bô-na-pác-tơ tổ chức trên đất Đức, có một đám vua, đại công tước và những vua chúa nhỏ khác của Hiệp bang Đức dự. Tất cả những điều đó xem ra như thể hoàng tử nhiếp chính sám hối về tội lỗi ông ta mắc phải vì đã nghi ngờ ý đồ xâm lược của kẻ tiến quyền Pháp, còn mọi đám công hầu nhỏ nhen thì định thi hành những biện pháp phòng ngừa để *confrère*^{1*} của họ không đem bán họ cho kẻ thù chung. Như chúng ta biết, gương làm nhục các nhân vật đội vương miện như vậy trước Qua-di-mô-dô của cách mạng Pháp đã được nữ hoàng Vích-to-ri-a và vua Xác-đi-ni nêu⁵⁶. Việc Nga hoàng đích thân gặp người anh hùng tháng Chạp ở Stút-gát năm 1857⁵⁷ chỉ có thể làm cho những chính khách khách quan của các tiệm cà phê để mình bị lừa bởi sự làm đom khoe mẽ của triều đình Pê-téc-bua ngạc nhiên bằng các giáo điều của chủ nghĩa chính thống mà thôi. Cuộc gặp mặt của Háp-xbuốc ở Vi-la-phrăng-ca với người thắng mình sau trận Xôn-phe-ri-nô mang tính chất một cuộc gặp gỡ công vụ, nhưng không phải là một cử chỉ lễ độ. Hoàng tử nhiếp chính cùng với những ngôi sao cỡ nhỏ tập hợp xung quanh ông không cần phải xin liên minh như Vích-to-ri-a và Vích-to-Ê-ma-nu-en, không cần phải sắp xếp một âm mưu như A-lếch-xan-đơ II, cũng không cần phải làm dịu thất bại của mình như Phran-tơ-I-ô-xíp; song gác lại các động cơ, hoàng tử có thể vin vào một tiền lệ do những nhân vật cao hơn ấn định. Dù sao, chấp nhận đề nghị của Lu-i Bô-na-pác-tơ, ông đã làm tổn hại nghiêm trọng thanh danh của mình, đặc biệt là vì vên vẹn mấy tuần trước đó, trong công văn của bộ trưởng ngoại giao của mình là ngài Đơ Tu-vơ-nen, Bô-na-pác-tơ đã ngang ngược nói ám chỉ với các công tước Hét-xen-Đác-mơ-stát và Ba-đen rằng

1* - bạn đồng hội

từ nay về sau trong thư gửi hoàng đế Pháp, họ phải ghi những chữ "*Votre frère et serviteur*"^{1*}". Đó quả thật là một công thức mà Na-pô-lê-ông I đã nghĩ ra cho các vua Đức, những người tham gia Liên minh vùng Ranh mà ông ta là người che chở và gồm Ba-đen và Hét-xen-Đác-mơ-stát, cũng như Vuyéc-tem-béc, Ba-vi-e và những quốc gia Đức khác⁵⁸. Để không cho phép Lu-i Bô-na-pác-tơ bắt cóc vua Ba-đen và Hét-xen-Đác-mơ-stát bị xúc phạm nặng nề phải nhận ngài Đơ Tu-vơ-nen vào giới mình, hoàng tử nhiếp chính và những đồng bạn đội vương miện của ông, được mọi người đồng ý, đã không đưa các bộ trưởng ngoại giao vào bầu đoàn của mình; nhưng chả lẽ những ngài ấy lại thật sự nhận rằng việc làm nhục họ là do đầy tớ, chứ không phải do ông chủ thực hiện?

Còn về "thông báo quan trọng" mà vị cứu tinh xã hội người Hà Lan định báo cho các lãnh chúa Đức đội vương miện, thì có thể với đầy đủ căn cứ giả định rằng bằng cách bắt chước các thủ thuật của Mét-téc-ních tại các Đại hội ở Viên, A-khen, Tơ-rốp-pau, Lai-bắc và Vê-rô-na⁵⁹, Lu-i - Na-pô-lê-ông sẽ làm tất cả những gì ông có thể làm được để cho hoàng tử nhiếp chính tin rằng những nhà cách mạng đang có âm mưu dùng mọi sức lực để thiết lập sự thống trị của nền cộng hòa đỏ ở Pa-ri và của nền cộng hòa trung ương tập quyền ở Đức. Tất cả các cơ quan báo chí Bô-na-pác-tơ ở Thụy Sĩ, Bỉ và Đức đã hai tuần nay đăng đầy những bài chứa đựng những lời ám chỉ đen tối như vậy, còn điệp viên mật của Bô-na-pác-tơ ở Giơ-ne-vơ - nhà khoa học tự nhiên Đức nổi tiếng^{2*} - đã đả kích loan báo rằng những trận công kích kịch liệt của báo chí Đức chống Bô-na-pác-tơ chẳng bao lâu nữa sẽ bị những nhà đương cục tương ứng ngăn chặn.

1* - "em và đầy tớ của Ngài"

2* - Phô-gtơ

Như vậy, trong khi hoàng tử nhiếp chính và các dii minorum gentium^{1*} Đức của ông ta còn phải thấy được sự cần thiết siết chặt hàng ngũ xung quanh vị cứu tinh chủ yếu của xã hội, thì trái lại, cuốn sách mới của ngài A-bu "Hoàng đế Na-pô-lê-ông III và nước Phổ"⁶⁰ đặt ra mục đích là tác động đến dân chúng Phổ. Tuy đến nay sách đó chưa được truyền bá ở Đức, nhưng một số cuốn đã tình cờ có mặt ở Béc-lin, và trong một bài tin khác tôi đã thông báo cho các bạn biết những đoạn lý thú nhất trong bản tuyên ngôn Tuyn-lơ-ri mới nhất ấy⁶¹. Kẻ đoán mò nói từ bờ sông Xen rằng dân chúng Phổ phải lựa chọn giữa chế độ phong kiến Áo và nguyên tắc dân chủ của đế quốc Pháp. Chỉ có nhờ nguyên tắc này mà nhân dân Đức - tất nhiên, với điều kiện trao cho nước láng giềng hùng cường của họ một số đảm bảo vật chất - mới có thể hy vọng thực hiện sự thống nhất mà họ khao khát mạnh đến thế. Tác giả cuốn sách nhận xét hết sức hời hợt những thiếu sót của Chính phủ Phổ hiện nay, rồi xoay sang giáo dục người Phổ về bản chất thật của "nguyên tắc dân chủ" rất tiêu biểu đối với Đế chế Pháp; nói vắn tắt, nguyên tắc đó là bầu người đứng đầu Đế chế bằng "đầu phiếu phổ thông" như thường gọi ở Gô-lơ hiện nay. Quả thật - và ngài A-bu chưa chắc đã dám phủ nhận điều này - ở Pháp tất cả mọi loại quyền tự do đều bị tịch thu trao cho kẻ phiêu lưu người Hà Lan, nhưng sự tịch thu đó dựa trên đầu phiếu phổ thông. Chính bằng cách như vậy, nhờ nước Pháp và trên chính cơ sở dân chủ ấy mà ở Đức ắt sẽ dựng lên đế chế Tơ-tông dưới quyền thống trị của Hô-hen-txô-léc. Toàn bộ thao tác rất đơn giản. Phổ chỉ phải nhường cho Pháp một phần những lãnh địa "hợp pháp" của mình và đồng thời, dựa vào đầu phiếu phổ thông, ắt sẽ xâm nhập các lãnh địa của những vua nhỏ; bằng cách ấy, từ một nhà nước phong kiến, nó lập tức sẽ trở thành

1* - Nghĩa đen: "thần nhỏ", nghĩa bóng: "nhân vật loại hai".

một nhà nước dân chủ. Cần phải thừa nhận rằng "nguyên tắc dân chủ" mới ấy do Lu-i Bô-na-pác-tơ và những kẻ tố giác của ông ta phát hiện, tuyệt nhiên không phải là cái gì mới; trái lại, trong ngót hai thế kỷ, nguyên tắc ấy đã phát triển rực rỡ ở nước Nga thần thánh. Vương triều Rô-ma-nốp đã được đặt lên ngai vàng bằng đầu phiếu phổ thông. Từ ấy nên dân chủ giữ địa vị thống trị từ Nê-man đến A-mua. Có thể, các nhà tiên tri "nguyên tắc dân chủ" mới sẽ bắt bẻ rằng dòng họ Rô-ma-nốp đã được bầu một cách tự do, rằng trước khi tìm đến nhân dân chẳng có coup d'état^{1*} nào cả và sau khi họ lên ngôi, tình trạng tổng giới nghiêm không đóng khung quyền của cử tri trong khuôn khổ "nguyên tắc dân chủ" thích đáng. Dù sao, Lu-i Bô-na-pác-tơ không thể trở thành ông vua "hợp pháp", nên điều tốt nhất ông ta làm được là biến những người anh em của ông ta - những ông vua I-ta-li-a và Đức thành những ông vua "dân chủ" theo kiểu tiểu Đế chế. Dĩ nhiên, các hoàng đế La Mã không phải là những ông vua "dân chủ" đích thực, vì sự tiến bộ ngày nay đòi hỏi nguyên tắc "đầu phiếu phổ thông" phải được lồng ghép thêm nguyên tắc quân chủ thế tập, thành thử, nếu một người cừ khôi nào đó, vào lúc nào đó, bằng cách này hay cách khác tiếm đoạt được ngai vàng và xếp đặt sự tiếm quyền ấy thành trò hề tổng tuyển cử, thì có thể nghĩ rằng vương triều của ông ta ắt mãi mãi vẫn là hiện thân sống động của ý chí chung của nhân dân (volonté générale của Rút-xô).

Trong một bài tin khác tôi dự định điểm khái quát giai đoạn của những vụ rắc rối Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ hiện nay làm cho cuộc hội nghị ở Ba-den - Ba-den có ý nghĩa thực sự. Hôm nay tôi chỉ xin nhắc rằng ngày 10 tháng Sáu ở pháo đài Crôn-boóc-gơ có cuộc gặp mặt giữa vua Thụy Điển và vua Đan Mạch^{2*}. Trước cuộc hội ngộ ấy hai tuần, Bộ trưởng ngoại giao Thụy Điển gửi cho

1* - cuộc chính biến, đảo chính

2* - Sác-lơ XV và Phrê-đê-rích VII

Bộ trưởng ngoại giao Đan Mạch một công hàm, trong đó nói bóng gió rằng trong đoàn tùy tùng của vua Đan Mạch tốt nhất không nên có những nhân vật gây khó chịu cho bộ hạ Đan Mạch khi gặp họ. Nói cách khác, công hàm đề nghị vua Đan Mạch đừng đem theo phu nhân mình là nữ bá tước Đan-na, ci-devant^{1*} tiểu thư Ra-xmút-xen, trong đoàn tùy tùng. Vì vậy vua Đan Mạch cho rằng nên để người yêu của mình ở nhà.

Do C.Mác viết ngày 13 tháng Sáu 1860

*Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"
số 5986, ngày 30 tháng Sáu 1860*

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

1* - nguyên là

PH.ĂNG-GHEN

QUÂN TÌNH NGUYỆN ANH

Cuộc duyệt binh lớn của quân tình nguyện diễn ra cách đây mấy tuần ở Luân Đôn đã thu hút sự chú ý của quân đội quốc gia Đại Anh quốc. Không nên lẫn lộn quân tình nguyện với dân binh vốn là một binh chủng đặc biệt của nữ hoàng. Theo số liệu thống kê của chính phủ, tính đến ngày 1 tháng Tư, dân binh có 50 000 người. Trong số đó, các binh đoàn có 23 735 người, cụ thể là: ở Anh 13 580, ở Ai-rơ-len 7 471 và ở Xcốt-len 2 684. Dân binh đại diện cho những lớp người thấp nhất, lính tình nguyện đại diện cho giai cấp tư sản. Lời khẳng định của báo "Times"⁶² xuất bản ở Luân Đôn rằng trong hàng ngũ những đội quân tham gia duyệt binh ngày 22 tháng Sáu "có đại diện của tất cả mọi giai cấp" chỉ là mưu toan làm cho điều đó có vẻ là sự nghiệp của nhân dân. Cách đây gần ba tháng, một phái đoàn các nhà cơ khí đáng kính đã lên cầm quyền nhằm nhận được vũ khí "để bảo vệ Tổ quốc mình" trong trường hợp bị xâm lược. Đề nghị của họ đã bị từ chối. Các đơn vị tình nguyện chỉ nhận những công nhân mà chủ của họ đảm nhận việc trang bị và chi tiêu cho họ và lẽ tự nhiên là họ luôn luôn phải do chủ xí nghiệp này hay chủ xí nghiệp khác quản lý.

Tổng số quân tình nguyện Anh không tới 90 000 người, tuy nhiên bản thống kê gần đây nhất dẫn ra những con số lớn hơn. Quả thật, trong bữa tiệc cách đây không lâu mừng đơn vị bộ binh Xanh-Gioóc-giơ, đại tá Mác-Mê-rơ-đô tuyên bố rằng đã có

124 000 người ghi tên làm lính tình nguyện. Nhưng khi được đề nghị nói điều này tỉ mỉ hơn thì hóa ra ông ta đã tính cả một nửa số dân binh. Báo chí xuất phát từ quân số danh nghĩa của các trung đoàn là mỗi trung đoàn 800 - 1000 người, trong khi đó trong thực tế có trung đoàn nào duyệt binh với trên 500 - 600 quân. Ngài Xít-ni Hét-bốt mà địa vị của ông ta trong Bộ tổng tham mưu làm cho ông ta trở thành người có quyền uy trong vấn đề này, một hai ngày trước cuộc duyệt binh lớn ở Luân Đôn đã xác nhận tại nghị viện rằng "trên giấy tờ, những đội quân này lên tới con số đáng kể, song quân số này không hợp với thực tế, vì nó không bao giờ được số người thực tế có mặt xác nhận".

Bài diễn văn có câu nói ấy xuất hiện trên tờ "Times" trong cùng số ấy thuật lại "thành công tuyệt diệu" của cuộc duyệt binh quân tình nguyện toàn quốc. Cuộc duyệt binh ở công viên Hai-pác tự nó đã là sự thực cho thấy rõ báo chí Luân Đôn lý giải những điều như vậy với cung cách phóng đại nhường nào. Báo "Times" ngày 20 dự đoán rằng "ít nhất có 35 000 người trình diện nữ hoàng". Trong bài tin từ Luân Đôn gửi về sau ngày 21 đăng trên tờ "Manchester Guardian"⁶³, Tôm Tay-lo viết rằng ở thủ đô có trên 46 000 lính tình nguyện. Thực ra, theo số liệu của đại tá Mác-Mê-rơ-đô - ông này chưa chắc có xu hướng hạ thấp số quân tình nguyện, thì diễu qua trước mặt nữ hoàng vền vền có 183 000 lính. Tất nhiên, đội quân ấy không lớn tới mức có thể vui mừng. Tháng Mười 1803, dự diễu binh có gần 13000 người Luân Đôn chính gốc, mặc quân phục quân tình nguyện, và để so sánh sự dũng mãnh trong binh nghiệp của người Anh những ngày ấy với sự dũng mãnh của họ hiện nay, chúng tôi xin dẫn ra bản tổng kết ngắn gọn số quân tình nguyện tính đến tháng Giêng 1804:

Tổng số lính thường tại ngũ.....	341 687
Sĩ quan đã chiến.....	1 246
Đại úy	4 472
Hạ sĩ quan	9 918
Sĩ quan tham mưu.....	1 100
Trung sĩ.....	14 787
Lính đánh trống	6 733

Tổng cộng.....379 943

Ngay cả con số 124 000 mà nước Anh hy vọng đưa số người trong đội quân tình nguyện hiện nay của mình lên tới cũng sẽ không đáng kể bên cạnh bảng ấy. Nếu cứ mười đàn ông có thể làm quân dịch ở nước Anh hiện nay lấy một người thì sẽ được 500 000 người. Những sự thực ấy hoàn toàn không chứng tỏ rằng giờ đây người Anh có ý nguyện muốn cầm vũ khí bảo vệ Tổ quốc mình hơn bất cứ lúc nào trước đây, dù cho các báo Luân Đôn có chứng minh điều ngược lại đến mấy đi nữa. Theo tài liệu thống kê được biên soạn kỹ lưỡng của tác giả một bài đăng trên báo "Army and Navy Gazette"⁶⁴, dân binh ở Anh có tổng cộng 50 160 người và quân tình nguyện có 88 400 người, gộp lại là 138 500 người. Tác giả bài báo đăng trên tờ "Gazette" quả quyết: trong số ấy, ít ra có 20 000 do nguyên nhân này nọ lúc cần lại không có mặt trong hàng ngũ, thành thử tổng số dân binh và quân tình nguyện ở Anh là 118 560 người.

*Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 25 tháng
Sáu 1860
Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York
Daily Tribune" số 5991, ngày 11 tháng Bảy
1860*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

NỀN THƯƠNG MẠI ANH

Những báo cáo của Bộ thương mại tổng kết 5 tháng, tính đến hết ngày 31 tháng Năm 1860, vừa mới công bố ở Luân Đôn chỉ phản ánh một sự thay đổi không đáng kể của mức xuất khẩu của Anh so với 5 tháng đầu năm 1859.

Kim ngạch xuất khẩu tăng từ 52 337 268 p.pt. năm 1859 lên 52 783 535 p.pt. năm 1860, và lại mức tăng không lớn ấy hoàn toàn do tăng xuất khẩu trong tháng Năm mà có.

Điều đầu tiên đập vào mắt khi so sánh những con số tương ứng về xuất khẩu trong 5 tháng đầu năm 1859 và năm 1860 là mức xuất khẩu của Anh sang Đông Ấn giảm đáng kể, điều này thấy rõ qua những số liệu sau đây:

Những hàng hóa quan trọng nhất của Anh xuất khẩu sang Đông Ấn trong 5 tháng, tính đến ngày 31 tháng Năm

	Số lượng		Giá trị	
	Năm 1859	Năm 1860	Năm 1859	Năm 1860
Bia và rượu lúa mạch (thùng).....	168 353	166 461	507 308	491 609
Vải bông (i-ác-đơ).....	396 022 733	311 163 765	4 884 982	3 977 289
Sợi bông (pao).....	17 411 542	15 044 812	1 002 439	903 516

Sắt dẹt, sắt tròn bu-lông (tấn).....	16 851	12 194	127 678	90 954
Gang (tấn).....	12 138	4 108	132 946	42 912
Sắt hàn (tấn).....	11 823	10 554	188 126	195 659
Sắt tấm và đinh.....	31 582	79 117	169 072	437 170
Sành sứ.....	-	-	34 530	24 039
Tạp hóa và hàng thời trang..	-	-	83 832	42 126
Hàng da và yên cương.....	-	-	16 780	15 600
Máy hơi nước.....	-	-	73 087	100 846
Máy móc khác.....	-	-	165 899	196 928
Sắt tây tấm.....	-	-	19 127	6 441
Tổng cộng.....			7 405 808	6 529 089
Mức giảm xuất khẩu.....				976 719

Qua bảng trên chúng ta thấy rằng những khoản mục xuất khẩu chủ yếu sang Đông Ấn đã giảm tổng cộng khoảng một triệu p.pt., giảm mạnh hơn cả là những mục cơ bản (vải bông và sợi bông) và trường hợp ngoại lệ độc nhất là những hàng hóa liên quan trực tiếp tới việc xây dựng đường sắt. Ngoài ra, cần chú ý rằng những số liệu nhận được ở chuyển bưu điện gần đây nhất từ lục địa về thương nghiệp là hết sức không khả quan và cho thấy thị trường ứ hàng và, do đó, giá trị xuất khẩu công bố ở Anh và được xác định trên cơ sở giá cả vượt đáng kể mức trung bình hoàn toàn không được thực hiện ở Ấn Độ. Giờ đây không thể nghi ngờ việc kim ngạch buôn bán của Ấn Độ đã được thổi phồng lên một cách giả tạo. Số cầu cao lên do chính phủ tạo ra một cách không tự nhiên trong thời gian có cuộc khởi nghĩa Ấn Độ⁶⁵, hoạt động thương nghiệp sôi nổi trở lại do các làn sóng cách mạng lắng xuống và đa số những thị trường thế giới khác bị thu hẹp do cuộc tổng khủng hoảng những năm 1857 - 1858 - tất cả những điều đó đã thúc đẩy tăng khối lượng buôn bán của Ấn Độ lên quá giới

hạn khả năng tự nhiên của nó. Song theo toàn bộ kinh nghiệm của quá khứ, thị trường phồn vinh mới xuất hiện lẽ ra có thể một số năm nữa chịu đựng sự đánh phá bằng hàng vải bông, nếu không có sự can thiệp sáng suốt của Chính phủ Anh. Sự thể dường như ngài Uyn-xơn được đặc phái đi Can-cút-ta để làm rối loạn việc buôn bán giữa Anh và Ấn Độ bằng tác động phối hợp của những biện pháp thuế khóa trong nước và thuế quan nặng đánh vào hàng nhập khẩu từ nước ngoài vào. Trong lịch sử thương mại, đã lúc nào có cảnh tượng tương tự như Vương quốc Liên hiệp để cho thị trường thuộc địa quan trọng nhất của nó bị rối loạn bằng những biện pháp tùy tiện của chính chính phủ của nó đúng vào lúc nó quy lụy hoàng đế Pháp và cam chịu chính sách tiếm quyền của ông này với cái cớ là thuế quan Pháp giảm giả vờ hay chưa?

Việc xuất khẩu sang thị trường Ô-xtrây-li-a tuy có cho thấy vải bông giảm đôi chút nhưng nói chung bộc lộ sự tăng lên của khối lượng lẫn tổng giá trị. Song muốn đánh giá đúng hiện trạng của thị trường ở các thuộc địa Ô-xtrây-li-a, thì từ báo cáo của Bộ thương mại chúng ta phải chuyển sang tìm hiểu thông tin thương mại gần đây nhất nhận được ở đây. Những thông báo đề ngày 26 tháng Tư gửi từ A-đê-lai-đơ biểu hiện sự lo lắng về việc không ngớt nhập quá mức hàng hóa từ nước Anh, về nạn đầu cơ gian lận và ứ đọng hàng hóa ngày càng tăng. Thông báo nêu lên rằng cả một loạt hãng không có khả năng thanh toán nhất định bị giải thể. Ở Xít-nây, ở Nam Oen-xơ mới, đã xảy ra một số vụ phá sản, trong đó có vụ phá sản của chín nhà buôn với tổng số nợ là 400 000 p.xt.; ba phần tư số này, như người ta dự tính, cuối cùng vẫn sẽ không trả được, và lại số thua thiệt rơi vào các ngân hàng và vào các chủ nợ Anh. Qua danh mục vừa nhận được liệt kê số vụ phá sản ở Ô-xtrây-li-a trong 17 năm qua chúng ta thấy rằng năm 1858 số vụ phá sản gấp ba năm 1857; năm 1859 số vụ phá sản tăng 50% nữa, còn năm nay, đến giữa tháng Tư, số vụ phá sản lại tăng khoảng 7%. Tổng số nợ của những hãng đã bị

phá sản trong thời kỳ từ năm 1822 đến năm 1859 là 5 981 026 p. xt.; tài sản của những hãng đó nêu trong bảng kê là 3 735 613 p. xt., song số tiền này có đến 50% không thực hiện được.

Mức giảm đáng kể về giá trị cũng như về số lượng của đa số hàng hóa Anh xuất khẩu sang Mỹ được minh họa bằng những số liệu sau đây:

Những mặt hàng chủ yếu xuất khẩu sang Mỹ trong 5 tháng, tính đến ngày 31 tháng Năm

	Số lượng		Giá trị	
	Năm 1859	Năm 1860	Năm 1859 (p.xt.)	Năm 1860
Than (tấn).....	68 020	106 925	67 785	66 196
Vải bông (i-ác-đơ).....	88 441 112	84 208 598	1 562 918	1 491 721
Vải lanh (i-ác-đơ).....	25 746 444	20 974 699	766 780	643 676
Gang (tấn).....	37 510	21 497	106 476	62 919
Sắt thanh, bu loong, thép tròn (tấn).....	48 063	37 824	394 426	293 294
Sắt hàn (tấn).....	16 024	16 488	200 576	189 854
Sắt tấm và đinh (tấn)...	12 107	4 622	61 721	24 559
Dầu thực vật (thùng)....	795 808	511 602	95 154	57 230
Hàng tơ lụa (pao).....	119 719	58 836	128 133	68 866
Vải len và pha len (i-ác-đơ).....	22 697 619	18 250 639	892 026	733 000
Hàng sành sứ.....	-	-	234 492	281 532
Tạp hóa và hàng thời trang.....	-	-	719 754	637 035
Sắt tây tấm.....	-	-	524 615	464 630

Chắc chắn Pháp là nước lẽ ra có thể bù đắp sự thu hẹp của các thị trường Đông Ấn, thuộc địa Ô-xtrây-li-a và Mỹ. Song, nếu xét kỹ thì hóa ra việc buôn bán xuất khẩu của Anh với Pháp vẫn

giữ quy mô không đáng kể như trước. Về vải và sợi bông, thì ngài Min-nơ Ghép-xơn, bộ trưởng thương mại, xem ra đã lo sợ khiến có thể có vẻ thảm hại, nên ông ta cho là hoàn toàn không nên đưa khoản mục này vào báo cáo. Đối với vải lanh, sợi lanh và hàng tơ lụa cũng y như vậy. So sánh xuất khẩu trong những khoảng thời gian tương ứng của năm 1859 và năm 1860 chúng ta thấy năm nay kim ngạch xuất khẩu đã giảm xuống: tơ bện giảm từ 130 260 p. xt. xuống còn 88 441 p.xt.; chỉ và sợi tơ giảm từ 50 520 p.xt. xuống còn 29 643 p.xt.; máy móc giảm từ 98 551 p.xt. xuống còn 64 107 p.xt. và than giảm từ 253 008 p.xt. xuống còn 206 317 p.xt.; trong khi đó xuất khẩu sắt, đồng, lông cừu, vải len và sợi len chài có tăng lên chút ít.

Mức xuất khẩu rượu Pháp đã tăng lên, song không phải với tỷ lệ lớn hơn mức xuất khẩu tất cả các loại rượu khác. Cuối cùng cần nêu lên rằng những dấu hiệu chứng tỏ sự đình trệ trên những thị trường chủ yếu, cũng như triển vọng mùa màng rất đáng lo, việc Chính phủ Anh và chính phủ những nước khác hướng vào thị trường tiền tệ để kiếm những khoản vay lớn và tình hình chính trị không rõ ràng của châu Âu mở ra những triển vọng hoàn toàn không vui cho mùa thu năm 1860.

Do C.Mác viết cuối tháng Sáu - đầu tháng

Bảy 1860

Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York

Daily Tribune" số 5998, ngày 16 tháng Bảy 1860

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

C. MÁC

TÌNH HÌNH CÔNG NGHIỆP CÔNG XƯỞNG Ở ANH

I

Luân Đôn, ngày 10 tháng Bảy 1860

Những báo cáo vừa mới công bố của các viên thanh tra công xưởng⁶⁶ gồm ba bản báo cáo. Khu vực cách đây không lâu do ngài Lê-ô-nác Hoóc-nơ quản lý, giờ đây sáp nhập một phần vào khu vực của ngài Giôn Kin-cây (Xcôt-len), một phần vào khu vực của ngài Rết-gra-vơ, nay có 3 075 công xưởng và xí nghiệp in vải hoa; khu vực của ngài Rô-bóc Bê-cơ (Ai-rơ-len và một số miền của nước Anh) vẫn ở trong biên giới cũ. Những số liệu sau đây cho thấy tổng số vụ tai nạn mà ba viên thanh tra nắm được trong nửa năm, tính đến ngày 30 tháng Tư 1860.

Số vụ tai nạn do máy móc gây ra

Tính chất tai nạn	Người lớn		Thiếu niên		Trẻ em		Tổng số		Tổng cộng
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chết.....	14	3	7	2	2	2	23	7	30
Cụt bàn tay phải hoặc cánh tay phải	5	6	3	1	1	-	9	7	16

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Cụt bàn tay trái hoặc cánh tay trái..	4	1	7	3	1	-	12	4	16
Cụt một phần bàn tay phải.....	23	24	29	22	15	7	67	53	120
Cụt một phần bàn tay trái.....	16	17	21	18	8	7	45	42	87
Cụt một phần chân hoặc bàn chân.....	5	-	1	-	-	-	6	-	6
Gãy tay chân và xương mình.....	30	11	43	11	11	4	84	26	110
Gãy bàn tay hoặc bàn chân.....	39	43	30	37	20	15	89	95	184
Bị thương ở đầu và mặt.....	20	17	23	29	11	4	54	40	94
Xây sát, dập và thương tích khác không kể ở trên....	268	255	315	352	128	66	711	673	1384
Tổng số.....	424	377	479	465	197	105	1100	947	2047
<i>Những tai nạn không phải do máy móc gây ra</i>									
Tổng số.....	83	30	59	26	21	10	163	66	229

Các báo cáo nhất trí chứng minh hoạt động công nghiệp đặc biệt sôi động trong nửa năm qua. Cầu vế sức lao động lớn đến mức trong một số ngành công nghiệp không đủ công nhân. Ở những xưởng dệt len mà những máy móc cải tiến đã làm cho chủ xưởng có thể không dùng đến lao động thủ công, khó khăn ấy ít rõ rệt hơn ở các xưởng sợi bông và xưởng len chải, nơi một bộ phận đáng kể máy móc không hoạt động vì thiếu công nhân, đặc biệt là công nhân trẻ. Để khắc phục tình trạng tạm thời thiếu người làm, trước đây người ta sử dụng một số phương thức sai

lâm. Vào buổi đầu phát triển chế độ công xưởng, trong những trường hợp chủ xưởng thiếu người làm, họ trực tiếp tìm đến các giám sát viên của một giáo khu xa xôi nào đó, những người này tập hợp một số nào đó những học sinh, trẻ em nhỏ tuổi và giao chúng cho các chủ xưởng một số năm nhất định. Một khi trẻ em được đưa đi học nghề, thì những quan chức lo việc bảo trợ người nghèo mừng giáo khu mình về việc nó thoát khỏi những người ăn bám, chủ xưởng thì vội vã bòn rút mỗi lợi lớn nhất từ việc giao dịch của mình, bằng cách chi nuôi dưỡng người học nghề càng ít càng tốt và bóp nặn lao động của họ càng nhiều càng hay. Vì vậy, đạo luật đầu tiên trong một loạt các đạo luật về công xưởng ban hành năm 1802, vào năm thứ 42 trị vì của Gioóc-giơ III (mục 73) có nhan đề như sau: "Luật bảo vệ sức khỏe và đạo đức của thợ học việc và những người khác làm việc trong các xí nghiệp sợi bông và xí nghiệp khác và trong các xưởng dệt vải bông và những công xưởng khác"; luật này chỉ có mục đích giảm nhẹ những khiếm khuyết của chế độ học việc. Nhưng máy móc càng được cải tiến thì cần có một loại sức lao động khác, trong khi công nghiệp ngày càng sôi động và dân cư những vùng lân cận không thể cung cấp đầy đủ số người làm cần thiết cho các công xưởng. Các chủ xưởng cử đại diện sang Ai-rơ-len dụ các gia đình Ai-rơ-len sang Anh; nhưng Ai-rơ-len không còn là thị trường có thể kiếm công nhân theo yêu cầu của Anh, vì vậy giờ đây các chủ xưởng buộc phải nhìn về các tỉnh miền Nam và miền Tây nước Anh và xứ Oen-xơ và tìm kiếm ở đấy những gia đình mà mức lương hiện có ở các tỉnh miền Bắc khả dĩ quyến rũ họ bắt đầu cuộc sống ở một lĩnh vực mới, lĩnh vực công nghiệp. Các phái viên được cử đi khắp nước, họ mô tả lợi lộc của việc di chuyển gia đình đến các vùng công nghiệp và được giao quyền hạn chuyển những gia đình ấy lên miền Bắc. Như người ta thông báo, những phái viên ấy đã di chuyển nhiều gia đình. Thế nhưng, việc di chuyển đàn ông cùng vợ và toàn bộ gia đình đến thành phố công nghiệp có một sự bất

tiện đặc thù là ở đấy cần hơn cả là những thành viên trẻ nhất của gia đình có thể huấn luyện nhanh chóng và trở thành những người lao động quý báu trong một khoảng thời gian tương đối ngắn, trong khi đó thì chưa có nhu cầu về lao động của người đàn ông và vợ anh ta chưa quen biết lao động công nghiệp. Điều này thúc đẩy một số chủ xưởng, trên một ý nghĩa nào đó, quay trở lại chế độ học việc cũ và ký kết với các hội đồng bảo trợ những hợp đồng thuê trong một thời hạn nhất định những trẻ em con nhà nghèo chưa có phương tiện sinh sống. Trong những trường hợp như vậy, chủ xưởng cung cấp cho trẻ em phòng ở, áo quần và nuôi ăn, nhưng không trả cho chúng khoản tiền lương đều kỳ nào. Sau khi quay trở lại chế độ này, có lẽ cũng lại nảy sinh lời kêu ca về việc lạm dụng nó. Song cần phải chú ý rằng người ta chỉ dùng đến loại sức lao động này khi không kiếm được bất cứ công nhân nào khác vì đó là lao động đắt tiền. Tiền lương thông thường của cậu bé 13 tuổi là trên dưới 4 si-linh một tuần; trong khi đó không thể cung cấp buồng ở, áo quần, nuôi ăn, đảm bảo khám chữa bệnh và chăm sóc thỏa đáng cho một nhóm 50 hoặc 100 cậu bé như vậy với 4 si-linh cho mỗi người trong một tuần, lại còn thù lao một ít tiền cho chúng nữa.

Việc đối chiếu mức lương mà công nhân công xưởng nhận được năm 1839 và mức lương mà họ nhận được năm 1859 bộc lộ một sự thực cực kỳ lý thú - cụ thể là mức lương, ít ra là lương danh nghĩa, đã được nâng cao ở những công xưởng mà thời gian lao động đã được giới hạn trong 60 giờ một tuần, trong khi - trừ một số trường hợp ngoại lệ - ở các xưởng in hoa, phiếu trắng và nhuộm, nơi mà giờ làm việc của trẻ em, thiếu niên và phụ nữ không được giới hạn và đôi khi họ làm việc 14 và 15 giờ một ngày, tiền lương thực tế đã giảm. Về công nghiệp vải bông ở Man-se-xơ và ngoại ô của nó có những số liệu sau đây:

Tiền lương tuần

	Năm 1839	Năm 1859
Số giờ lao động mỗi tuần.....	69	60
<i>Loại công việc</i>		
Công nhân đứng máy hơi nước.....	24 si-linh	30 si-linh
Trẻ em làm ở kho.....	7 "	8 "
Công nhân làm ở kho.....	18 "	22 "
Phân xưởng chải - thợ đập tước sợi (phụ nữ, thanh nữ).....	7 "	14 "
Thợ khuôn vác (nam công nhân trẻ).....	11 "	14 "
Giám thị.....	25 "	28 "
Thợ làm ở máy chải thô (vị thành niên từ 14 đến 18 tuổi).....	6 "	7 "
Nữ công nhân đứng máy dệt bằng (phụ nữ trẻ).....	6s.6p.	8 "
Phân xưởng sợi - thợ kéo sợi trên máy sợi con dọc di động.....	16-18 "	20-22 "
Thợ nối sợi (phụ nữ và nam công nhân trẻ).....	8 "	10 "
Giám thị.....	20 "	20 "
Phân xưởng xe sợi - thợ xe sợi (phụ nữ).....	7 "	9 "
Thợ cuộn chỉ (thanh nữ).....	4 "	5 "
Giám thị.....	24 "	28 "
Thợ làm công nhật (nam công nhân trẻ).....	10 "	13 "

Ở phân xưởng cuộn chỉ, phân xưởng thêu, phân xưởng máy dệt, tiền lương cũng nâng lên không đáng kể. Như vậy, những lời dự đoán của những người nhắc nhở công nhân công xưởng rằng họ thiệt nhiều do giảm số giờ lao động đã hoàn toàn bị bác bỏ. Mặt khác, hãy so sánh sự lên xuống của tiền lương trong những ngành công nghiệp trong đó thời gian lao động không được pháp luật hạn chế:

Xưởng in hoa, xưởng nhuộm và xưởng phiếu - 60 giờ mỗi tuần

Tiền lương tuần (si-linh)	
Năm 1839	Năm 1859
Thợ trộn màu.....	35 32
Thợ đứng máy in.....	40 38
Thợ cả.....	40 40
Thợ khắc.....	35 35
Thợ in hoa.....	40 28
Thợ nhuộm.....	18 16
Thợ tẩy và lao công.....	16-15 16-15

Xưởng nhuộm vải bông - 61 giờ mỗi tuần

Thợ chải.....	18 22
Thợ phiếu.....	21 18
Thợ nhuộm.....	21 16
Thợ hồ.....	21 22

Phần lý thú nhất trong các báo cáo của ngài A-lếch-xan-đơ Rét-gra-vơ và ngài Giôn Kín-cây đề cập đến sự phát triển và mở rộng các hợp tác xã để xây dựng các công xưởng và quản lý chúng ở Lan-kê-sia và đến một mức độ nào đó ở Y-oóc-sia. Những hợp tác xã đó - số lượng chung đã tăng lên sau khi ban hành luật công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn - thường gồm những công nhân công xưởng. Mỗi hợp tác xã có số vốn 10 000 p.xt. và hơn nữa, được chia thành các cổ phần 5 và 10 pao xtéc-linh; nó có quyền vay tiền theo một tỷ lệ nhất định so với vốn cổ phần, và lại tiền vay ấy gồm những khoản tiền gửi nhỏ bé của công nhân và của những người cùng loại ấy. Ở Bê-ri chẳng hạn, để đưa những công xưởng hợp tác đã xây xong và đang xây dựng đi vào hoạt động, cần phải có trên 300 000 pao xtéc-linh. Ở các xưởng sợi bông, thợ kéo sợi và những người thợ khác nhiều khi là cổ đông

của cũng những xí nghiệp ấy, ngoài tiền lương ra họ còn nhận được lợi tức cổ phần. Ở các xí nghiệp dệt vải bông, những người tham gia công ty thường thuê máy dệt và làm việc với máy ấy. Cách thức này thu hút công nhân, vì nó không đòi hỏi phải chi phí nhiều để sử dụng máy ở xí nghiệp của họ. Họ mua sợi thành phẩm để dệt ra vải, và quá trình chế tạo đến đây kết thúc; hoặc họ nhận sợi của một chủ xưởng nào đó đang liên doanh với họ và trả vải thành phẩm cho chủ xưởng ấy. Nhưng chế độ hợp tác ấy không dừng lại ở việc kéo sợi và dệt vải bông. Chế độ đó còn mở rộng ra cả việc buôn bán nhiều hàng tiêu dùng như bột mì, thực phẩm, tạp hoá, vải vóc và những hàng hóa khác.

Báo cáo dưới đây do một trong những trợ lý thanh tra của ông Giôn Kin-cây, là ông Pa-tơ-rích soạn chứa đựng một số tư liệu có giá trị về sự phát triển của chế độ sở hữu công xưởng mới này mà tôi sẽ chịu sự thử thách khốc liệt trong thời gian khủng hoảng công nghiệp sắp tới.

"Ngày 16 tháng Năm 1860

Đã gần 12 năm ở Rốt-sđen có một hợp tác xã lấy tên là "Công ty thương mại mới ở Bê-cốp và Uốc-lơ". Công ty này được đăng ký theo luật công ty cổ phần và là công ty trách nhiệm vô hạn. Nó bắt đầu hoạt động ở công xưởng Cláp-Hau-xơ-Min, ở Uốc-lơ, gần Rốt-sđen, có quyền tập hợp vốn 100 000 p.xt. bằng cổ phiếu có mệnh giá 12 p.xt. 10 si-linh. Trong số tiền này đã góp được 20 000 pao xtéc-linh. Sau đó số tiền đã tập hợp được lên tới 30 000 p.xt. và cách đây gần năm năm, ngoài công xưởng Cláp-Hau-xơ-Min ra công ty hợp tác xã đã xây dựng gần Xtác-xtết-xơ một công xưởng lớn chạy bằng hơi nước Pha-Hôm-Min công suất 100 sức ngựa, trong nửa năm, tính đến tháng Mười năm trước, công ty đã thanh toán 44% cho tư bản đã trả (ngày 11 tháng Sáu, ngài Pa-tơ-rích thông báo rằng "Công ty thương mại mới ở Bê-cốp và Uốc-lơ mang tên Pha-Hôm-Min, Bê-cốp" vừa công bố về việc thanh toán 48% lợi tức cổ phần cho tư bản đã trả), còn hiện nay thì công ty đã tăng vốn của mình lên 60 000 p.xt. và đã mở rộng đáng kể công xưởng Pha-Hôm-Min cách đây không xa, ở gần Xtác-xtết-xơ, để làm việc này phải có thêm hai máy, mỗi máy 40 sức ngựa sắp được giao hàng. Đại đa số cổ đông là công nhân công nghiệp làm việc ở công xưởng, nhưng lĩnh lương với tư cách là công nhân và chỉ có quan hệ với việc quản lý công xưởng ở mức họ tham gia bầu ban quản trị hàng năm. Sáng nay tôi đến thăm

Pha-Hôm-Min và tôi có thể thông báo rằng về mặt tuân thủ luật công xưởng, công xưởng này làm cũng tốt như bất kỳ công xưởng nào của khu tôi. Tuy tôi không hỏi điều này, nhưng tôi cho rằng công ty đã nhận tiền vay với lãi suất 5%.

Ở ngoại ô Bê-cốp, trong vòng sáu năm có một công ty nữa, có tên là "Hiệp hội công nghiệp Rốt-xen-đây".

Công ty này đã xây dựng một công xưởng, nhưng như tôi được nghe kể, công ty không thịnh vượng lắm, vì không có đủ vốn. Nó cũng được tổ chức theo chế độ hợp tác xã. Hiện nay công ty đã đổi tên thành "Công ty công nghiệp Rốt-xen-đây" và đăng ký theo luật công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn, có quyền tập hợp 200 000 p.xt. vốn, 40 000 p.xt. được tập hợp từ việc bán cổ phiếu mệnh giá 10 p.xt., ngoài ra đã vay gần 4000 pao xtéc-linh. Bốn nghìn p.xt. này vay của các nhà tư bản nhỏ từng món từ 150 đến 10 p. xt., và lại tiền vay không thể chấp gì cả. Khi công ty hợp tác đó vừa bắt đầu hoạt động, cổ đông đều là công nhân. Thêm vào Công xưởng Uy-Min do "Hiệp hội công nghiệp Rốt-xen-đây" xây dựng, như người ta thông báo, công ty hiện nay đã mua của hai ngài R. và Gi. Mum công xưởng Ê-ru-en-Min-xơ ở Bê-cốp và đang khai thác cả hai công xưởng ấy.

Sự phồn thịnh và thành công của "Công ty thương mại mới ở Bê-cốp và Uốc-lơ" xem ra là nhân tố thúc đẩy nảy sinh những công ty mới nay đang được thành lập ở vùng lân cận chúng tôi và trang bị những công xưởng mới để kinh doanh. Một trong những công ty ấy - "Công ty sợi và dệt vải bông ở Niu Sốc" - đăng ký theo luật công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn và có quyền tập hợp vốn 100 000 p.xt. bằng cách bán cổ phiếu loại 10 pao xtéc-linh. Trong số này, đã góp được 40 000 p.xt., và công ty đã vay cầm cố thêm 5 000 p.xt. với lãi suất 5%. Công ty này đã hoạt động, tậu một công xưởng bỏ không công suất 40 sức ngựa - Vây-lơ-Min ở Niu Sốc - và nay đang xây dựng công xưởng "Vích-to-ri-a Uốc-xơ" cần máy 100 sức ngựa. Sau khi xây xong dự định vào tháng Hai năm sau, công ty định lấy 450 người vào làm.

Một công ty tương tự khác là "Công ty sản xuất vải bông Rô-ten-xtan" cũng là công ty trách nhiệm hữu hạn, với vốn pháp định 50 000 p.xt., mỗi cổ phiếu 5 p.xt., có quyền vay 10 000 pao xtéc-linh. Đã giao gần 20 000 pao xtéc-linh. Hiện nay công ty đang xây dựng ở Héc-hôn-mơ một công xưởng sẽ đặt chiếc máy 70 sức ngựa. Như tôi được thông báo, ở cả hai công ty này, chín phần mười cổ đông thuộc giai cấp công nhân công xưởng.

Có một công ty hợp tác nữa ra đời trong sáu tháng gần đây - "Công ty vải bông cũ Cláp" - mua của các ngài R. và Gi. Mum hai công xưởng cũ mang tên Ê-ru-en-Spring-xơ. Chúng hoạt động theo các nguyên tắc y như những công xưởng khác, nhưng vì hôm nay tôi không tới đó được, nên tôi không thể thông báo tất cả mọi chi tiết về chúng. Song tôi được nghe nói rằng ở đây có một máy 13 sức ngựa hoạt động, số

công nhân là 76 người. Tôi cho rằng tất cả đều thuộc giai cấp công nhân công xưởng.

Cũng có trường hợp mấy người thuê một phần nhà xưởng, một hoặc hai phòng, tùy hoàn cảnh, trong một số trường hợp thậm chí thuê một phần phòng. Nhưng trong những trường hợp đó, người thuê là chủ của phần ấy, tuy họ làm việc ngang hàng với công nhân của họ; giống như mọi nhà kinh doanh khác, họ thuê công nhân và trả lương cho họ, và lại công nhân làm việc cho họ không tha thiết với xí nghiệp. Trước kia ở Bê-cốp, loại xí nghiệp như thế nhiều hơn bây giờ rất nhiều. Một số người vứt hẳn công việc ấy, những người khác thì thành công và họ hoặc là mua công xưởng, hoặc là thuê những nhà xưởng lớn. Ở Rốt-sdên những xí nghiệp như vậy có nhiều hơn ở bất kỳ nơi nào khác của khu tôi".

II

Luân Đôn, ngày 14 tháng Sáu 1860

Sau bài tổng thuật của tôi trong bức thư gần đây điểm lại các báo cáo công xưởng của ngài Giôn Kín-cây và ngài Rết-gra-vơ, tôi còn phải nhắc đến báo cáo của ngài Rô-bớt Bê-cơ, thanh tra công xưởng Ai-rơ-len và miền Sê-sia, Lan-kê-sia, Glô-xtơ-sia, Y-oóc-sia, Xtáp-phốt-sia, Le-xtơ-sia, Hê-rê-phốt-sia, Srốp-sia, Vu-stơ-sia và U-ô-rích-sia. Tổng số các tai nạn trong khu của ngài Bê-cơ là 601, trong đó trẻ em chỉ có 9%, còn 33% là những người trên 18 tuổi. Nghiên cứu kỹ hơn những tai nạn ấy, chúng ta thấy rằng, thứ nhất, tỷ lệ tai nạn so với tổng số người làm việc là lớn nhất trong những ngành công nghiệp mà máy móc không chịu sự kiểm soát của pháp luật và, thứ hai, ở các nhà máy dệt, nơi dùng những máy móc giống nhau, thì phần lớn tai nạn xảy ra ở những xí nghiệp lớn nhất. Về 198 565 công nhân công xưởng thuộc khu vực của ngài Bê-cơ, ông ta đã đưa ra những con số sau đây trong sáu tháng cuối năm.

	Số người làm	Số vụ tai nạn do máy móc gây ra		
Ở các xưởng vải bông trong số.....	107 106	cứ 261	người	có 1 vụ
Ở các xưởng dệt len.....	14 982	348	"	1
Ở các xưởng dệt lanh	33 918	389	"	1
Ở các xưởng dệt lụa.....	33 874	2251	"	1
Ở các xưởng len chải	2 896	424	"	1
Ở các xưởng khác	5 789			

Ở tất cả những xưởng dệt ấy, máy móc được che chắn, nghĩa là được lắp những bộ phận gá thêm đảm bảo an toàn cho công nhân làm việc bên máy mà các điều khoản bảo vệ của luật công xưởng quy định phải có. Nếu chúng ta chú ý đến Nốt-tinh-hêm chẳng hạn, nơi một số lớn người, đặc biệt là trẻ em, làm việc bên những máy móc *không* có những bộ phận bảo vệ mà luật đã định, thì chúng ta sẽ thấy rằng năm 1859, trong sổ nhật ký của bệnh viện chính đã ghi 1 500 vụ tai nạn, còn sổ nhật ký của bệnh viện ngoại trú ghi 794 vụ; như vậy, tổng số vụ tai nạn là 2 294 vụ, trong khi đó số công nhân không quá 62 583 người. Do đó, số vụ tai nạn ở thành phố Nốt-tinh-hêm là 1 trên 27 người - một tỷ lệ mà so với nó, số vụ tai nạn ở những xưởng dệt cần phải áp dụng luật bảo vệ tưởng chừng hầu như không đáng kể. Tiếp nữa, ở Bóc-minh-hêm, nơi có nhiều xí nghiệp có liên quan và không liên quan tới việc áp dụng lực cơ khí, nơi chỉ có hai xưởng dệt nhỏ và nói chung không có những thiết bị bảo vệ bắt buộc đối với máy móc do công nhân trẻ điều khiển, tỷ lệ số vụ tai nạn so với số người làm việc trong các xí nghiệp là 1 trên 34. Ích lợi to lớn do những điều khoản bảo vệ của luật công xưởng và việc áp dụng chúng một cách bắt buộc và rộng rãi hơn đem lại cũng trở nên rõ rệt nếu chúng ta so sánh tổng số vụ tai nạn được thông báo cho tất cả các viên thanh tra biết về nửa năm, tính đến ngày 31 tháng Mười 1845 và 30 tháng Tư 1846, với số vụ tai nạn trong nửa năm, tính đến tháng Mười và tháng Tư 1858 và năm 1859. Trong khoảng thời gian nói sau cùng này, tổng mức giảm số vụ tai nạn là 29%, tuy số công nhân tăng ít ra là 20%.

Về sự phân bố số vụ tai nạn giữa xí nghiệp lớn và xí nghiệp nhỏ thì, theo tôi, có ý nghĩa quyết định là những sự thực sau đây do ngài Bê-cơ thông báo. Trong nửa năm qua, trong số 758 xưởng vải bông ở khu của ông với 107 000 người làm thì ở 167 xưởng với gần 40 000 người làm đã xảy ra tai nạn. Như vậy, ở 591 xưởng với 67 000 người làm không xảy ra một vụ tai nạn nào cả. Tương tự như vậy, trong số 387 xí nghiệp nhỏ, thì ở 28 xí nghiệp

đã xảy ra tai nạn; trong số 153 xưởng sợi lanh, thì ở 45 xưởng đã xảy ra tai nạn, còn trong số 774 xưởng dệt lụa thì ở 14 xưởng đã xảy ra tai nạn. Như vậy, trong mỗi ngành công nghiệp, ở một số lớn công xưởng không có một vụ tai nạn nào có liên quan đến máy móc, và trong tất cả các ngành công nghiệp, đa số vụ tai nạn đã xảy ra ở những công xưởng lớn nhất. Ngài Bê-cơ định cắt nghĩa hiện tượng này là do hai nguyên nhân: thứ nhất, ở những công xưởng lớn nhất, việc chuyển từ máy móc cũ không có thiết bị bảo vệ sang máy móc mới diễn ra rất chậm và từ từ; thứ hai, ở những công xưởng lớn ấy, tốc độ tập trung công nhân vào một chỗ tăng lên với mức độ như mức độ suy giảm sự kiểm tra về tinh thần đối với những công xưởng như vậy.

Ngài Bê-cơ nói: "Cả hai nguyên nhân ấy đóng vai trò hết sức rõ rệt trong sự phát sinh tai nạn. Về nguyên nhân thứ nhất thì những máy móc cũ hiện còn dùng chưa bao giờ lắp thiết bị an toàn và những bộ phận không an toàn của các bánh xe vẫn còn tồn tại, do đó càng tai hại vì những công nhân làm việc với những máy mới an toàn đều quên những mối nguy hiểm liên quan tới việc điều khiển máy cũ. Còn về nguyên nhân thứ hai, thì làm việc ở những máy chạy bằng lực cơ giới cố định, đôi khi lên tới một nghìn sức ngựa, mong muốn thường xuyên tìm cách tiết kiệm từng phút, không khỏi dẫn tới những hậu quả nguy hiểm. Ở những công xưởng như vậy, mỗi khoảnh khắc là yếu tố của lợi nhuận, và mỗi người phải từng giây tập trung căng thẳng toàn bộ sự chú ý của mình. Dùng cách nói của Li-bích, ở đây có thể quan sát thấy cuộc đấu tranh thường xuyên giữa sự sống và các lực lượng vô cơ, hơn nữa, năng lượng trí óc phải đóng vai trò chỉ đạo, còn năng lượng động vật thì phải vận động hợp với sự quay của cọc sợi. Công nhân phải theo kịp máy, mặc dù có sự căng thẳng do sự kích thích quá mức hoặc cái nóng quá mức gây ra; không thể ngừng việc một giây nào, không được chú ý đến những chuyển động diễn ra xung quanh, vì hề chậm trễ là gây ra tổn thất. Vì vậy, khi công nhân chú ý không đúng chỗ thì họ đặt ngón tay lên bánh xe được coi là an toàn - do vị trí của nó hoặc do nó quay chậm. Vội sản xuất ra một số lượng pao sợi nhất định trong một thời gian nhất định, họ quên nhìn xuống dưới máy và quên theo dõi những cọc xe sợi nhỏ của máy. Vì vậy nhiều vụ tai nạn xảy ra do cái gọi là sự không thận trọng của bản thân".

Nửa năm vừa qua, tất cả các xí nghiệp dệt, trừ các xưởng dệt lụa, rất phổ biến ở Ai-rơ-len cũng như ở những khu vực của Anh, đều do ngài Bê-cơ cai quản. Có lẽ trở ngại duy nhất đã kìm

một số ngành công nghiệp trong những giới hạn nhất định là tình trạng thiếu nguyên liệu ngày càng nghiêm trọng. Trong công nghiệp vải bông chưa bao giờ có cảnh xây dựng những công xưởng mới như vậy, chưa bao giờ có những hệ thống mới như vậy về mở rộng sản xuất và nhu cầu như vậy về công nhân. Hiện tượng đáng chú ý nhất là những biện pháp mới được thi hành để tìm kiếm nguyên liệu. Ví dụ, ở Ben-phát đã thành lập hiệp hội cung ứng lanh theo mẫu hiệp hội cung ứng bông ở Lan-kê-sia. Trong khi năm năm kết thúc vào năm 1853, mức nhập khẩu lanh, cùng với vụ thu hoạch lanh ở Ai-rơ-len, trung bình là 113 409 tấn một năm, thì năm năm vừa qua kết thúc vào năm 1858, con số ấy chỉ là 101 672 tấn, nghĩa là giảm 12 000 tấn một năm, tuy giá trị xuất khẩu hàng năm tăng 1 triệu pao xtéc-ling. Giá lông cừu vốn đã cao hơn mức trung bình trong thời kỳ mà các báo cáo công xưởng gần đây nhất bao quát, về sau đã không ngừng tăng lên. Có thể coi những nhân tố thường xuyên làm tăng giá lông cừu lên như vậy là sự mở rộng nhanh chóng các xưởng dệt len và tăng số cầu về thịt cừu ở Anh, cũng như ở các thuộc địa. Cần phải coi một nguyên nhân ngẫu nhiên đe dọa giảm mức cung cấp bình thường lông cừu là những điều kiện đặc biệt của mùa này, vì suốt mùa đông, do nuôi dưỡng kém hoặc không đúng cách nên nhiều cừu đã chết, sang mùa xuân nhiều con chết rét, chết vì thiếu thức ăn và chết vì bệnh dịch.

Ngành công nghiệp duy nhất sa sút nghiêm trọng trong sáu tháng gần đây do ký kết Hiệp ước thương mại Anh - Pháp⁶⁷ và lo sợ sự cạnh tranh của nước ngoài, là công nghiệp tơ lụa. Những tình huống ấy ảnh hưởng từ từ; vào lúc tôi viết bài này, riêng ở Cô-ven-tơ-ri, nơi tất cả mọi máy dệt đều ngừng chạy, hơn 13 000 thợ dệt không có việc làm. Cuộc khủng hoảng này càng đáng tiếc vì, như tôi đã chỉ ra trong bài về báo cáo công xưởng năm 1859, ở Cô-ven-tơ-ri đã thành lập nhiều xưởng lụa tại nhà, ở đó công nhân làm việc cùng gia đình, họa hoàn tất mới sử dụng lao động làm thuê. Từ đầu năm 1860, số xưởng như vậy đã tăng đáng

kể. Về bản chất, những xưởng ấy là sự quay trở lại công nghiệp gia công trước đây, chỉ khác là ở những xưởng ấy có sử dụng máy hơi nước, song chúng hoàn toàn khác với hệ thống hợp tác xã mới ở Lan-kê-sia và Y-oóc-sia. Ở đây chủ nhà là người chủ, còn thợ dệt là người thuê động cơ; đôi khi, ngoài gia đình mình ra, chủ nhà còn sử dụng cả lao động của công nhân bên ngoài. Hai máy dệt của mình họ mua đứt hoặc mua chịu, mỗi tuần trả một số tiền nhất định, hoặc thuê của chủ mình chẳng hạn, ông này là người xây dựng và kẻ đầu cơ. Ngoài ra, họ còn thuê cho mình một máy dệt cần thiết. Nghe nói hiện nay giữa công việc tiến hành bằng máy của thợ dệt và công việc làm bằng máy của chủ có sự khác nhau gần như sự khác nhau giữa dải băng Pháp và dải băng Anh. Thế nhưng người ta ngại - và trong báo cáo của mình, có lẽ ngài Rô-béc Bê-cơ cũng lo ngại như vậy - rằng lao động tại nhà sử dụng lực cơ giới ấy không thể chống đỡ được những chấn động trong thương mại. Có thể, để đối phó được với đối thủ Pháp, chủ xưởng Anh sẽ buộc phải sử dụng tư bản lớn, mà điều này không khỏi sẽ giết chết các xưởng gia công lụa cạnh tranh với tư bản lớn ngay ở cửa nhà mình.

*Do C.Mác viết ngày 10 và 14 tháng Bảy
1860*

*Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 6016 và 6032, ngày 6 và 24
tháng Tám 1860*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C. MÁC

NHỮNG TIN TỨC THỨ VỊ TỪ XI-XIN. - CUỘC TRANH CÃI GIỮA GA-RI-BAN-ĐI VÀ LA-PHA-RI-NA. - BỨC THƯ CỦA GA-RI-BAN-ĐI

Luân Đôn, ngày 23 tháng Bảy 1860

Theo điện tín nhận được hôm nay từ Pa-léc-mô, việc đại tá Mê-di-si chuẩn bị cuộc tấn công Mi-la-xô đã buộc vua Na-plơ ra lệnh cho quân đội Na-plơ hoàn toàn rút khỏi Xi-xin và rút vào các lãnh địa của vua trên đất liền. Tuy bức điện ấy cần được xác nhận, nhưng điều không thể chối cãi là công việc của Ga-ri-ban-di đang tiến triển, mặc dù quân của ông bị ốm đau, và những âm mưu ngoại giao quấy rầy chính phủ của ông.

Việc Ga-ri-ban-di công khai cắt đứt với đảng của Ca-vuốc thể hiện ở việc trục xuất tên đại gian hùng La-pha-ri-na và hai tiên sinh Gri-sê-li và Tô-ti, người gốc đảo Coóc-xơ và làm nghề mật thám cảnh sát của Bô-na-pác-tơ, ra khỏi Xi-xin, đã làm cho báo chí châu Âu có những lời bình luận hết sức mâu thuẫn nhau. Bức thư riêng của Ga-ri-ban-di gửi một trong những người bạn ở Luân Đôn⁶⁸ mà người ta đã giới thiệu nội dung cho tôi biết và đã cho phép thông báo những điểm cơ bản của bức thư trên tờ "Tribune", không để lại một sự nghi ngờ nào về tình hình thực tế. Thư của Ga-ri-ban-di viết trước khi có sắc lệnh ngày 7 tháng này trục xuất cả ba tên quỷ quyết nói trên ra khỏi đảo, thế nhưng nó giải thích đầy đủ bản chất của cuộc tranh cãi giữa viên tướng và viên bộ

trưởng, giữa kẻ độc tài nổi tiếng và viên tể tướng vĩ đại của vương triều, nói vắn tắt, là giữa Ga-ri-ban-di và Ca-vuốc. Ca-vuốc sau khi ký thỏa ước mật với Lu-i Bô-na-pác-tơ, người mà Ga-ri-ban-di phỉ nhổ bằng những từ "cet homme faux" ("tên này giả dối") và như ông dự đoán, "sẽ có ngày ông phải đọ kiếm" - đã cương quyết quyết định lần lượt thôn tính những miền lãnh thổ I-ta-li-a có thể chiếm bằng lưỡi gươm của Ga-ri-ban-di hoặc rút ra khỏi cảnh lệ thuộc lâu đời bằng những cuộc khởi nghĩa của dân chúng. Quá trình sáp nhập dần dần vào lãnh thổ Pi-ê-mông ấy phải đi đôi với quá trình đồng thời "đền bù" cho Đế chế thứ hai. Giống như đối với Lô-m-bác-di và các công quốc đã phải trả bằng Xa-voa và Ni-xơ, đối với việc thôn tính Xi-xin cũng sẽ phải đền bù bằng Xác-di-ni và Giê-nơ; mỗi việc sáp nhập riêng rẽ mới đều kéo theo sự giao dịch ngoại giao riêng rẽ mới với người bảo hộ Pi-ê-mông. Việc phân chia lại I-ta-li-a có lợi cho Pháp sẽ có nghĩa là xâm phạm sự toàn vẹn và nền độc lập của I-ta-li-a, ngoài ra, nó sẽ lập tức bóp chết phong trào yêu nước Na-plơ và La Mã. Sự lan truyền niềm tin rằng vì sự thống nhất dưới quyền lực của Pi-ê-mông, I-ta-li-a ắt phải ngày càng bé đi, sẽ làm cho Bô-na-pác-tơ có thể duy trì ở Na-plơ và La Mã những chính phủ riêng, độc lập trên danh nghĩa, nhưng trên thực tế thì bị lệ thuộc Pháp theo lối chực hầu. Vì vậy, Ga-ri-ban-di coi nhiệm vụ chủ yếu của mình là trừ bỏ mọi cố để Pháp can thiệp về mặt ngoại giao, nhưng, như ông hiểu, điều đó chỉ có thể đạt được nếu phong trào duy trì tính chất thuần túy nhân dân và không dính dáng gì với các ý đồ bành trướng thuần túy của vương triều. Hễ Xi-xin, Na-plơ và La Mã được giải phóng thì sẽ đến thời điểm những đơn vị này sáp nhập vào vương quốc Vích-to-Ê-ma-nu-en, nếu ông vua này đảm nhận việc cai quản chúng và bảo vệ chúng không chỉ chống lại Áo là kẻ thù chính diện, mà cả Pháp, kẻ thù từ sau lưng. Có thể, do quá trông cậy vào thiện chí của Chính phủ Anh và dựa vào tình hình khó khăn của Lu-i Bô-na-pác-tơ, nên Ga-ri-ban-di toan tính rằng chừng nào ông không sáp nhập lãnh thổ nào vào Pi-ê-mông và trong sự nghiệp

giải phóng I-ta-li-a ông chỉ dựa vào vũ khí của I-ta-li-a, thì Lu-i Bô-na-pác-tơ sẽ không dám can thiệp và công khai vi phạm những nguyên tắc đã làm cơ sở để phát động cuộc thập tự chinh I-ta-li-a. Dù sao thì có một điều xác thực là kế hoạch của Ga-ri-ban-di, không kể nó có được thực hiện thành công hay không, là kế hoạch duy nhất mà trong hoàn cảnh hiện nay có thể góp phần làm cho I-ta-li-a không chỉ thoát khỏi những bạo chúa lâu đời và những hiểm khích nội bộ, mà còn thoát khỏi nanh vuốt của chế độ bảo hộ mới của Pháp. Chính để ngăn cản việc thực hiện kế hoạch đó, Ca-vuốc đã cử La-pha-ri-na đến Xi-xin cùng hai anh em người đảo Coóc-xơ.

La-pha-ri-na là người sinh ra ở Xi-xin, ở đây năm 1848 ông nổi lên trong số các nhà cách mạng do ông căm ghét đảng cộng hòa và do những âm mưu với những kẻ thuyết lý suông hơn là do nghị lực thực tế hoặc do chiến công tuyệt vời của ông. Sau khi cuộc cách mạng ở Xi-xin thất bại, La-pha-ri-na lúc đó ở Tu-rin đã công bố quyển lịch sử I-ta-li-a⁶⁹ dày cộp, trong đó ông hết sức ca tụng triều đại Xa-voa và nói xấu Mát-di-ni. Trung thành về tâm hồn và thể xác với Ca-vuốc, ông truyền tinh thần Bô-na-pác-tơ cho "Hội dân tộc đấu tranh cho sự thống nhất I-ta-li-a"⁷⁰; sau khi trở thành chủ tịch của tổ chức này, ông đã lợi dụng nó không phải để xúc tiến, mà để ngăn cản mọi cố gắng đấu tranh dân tộc độc lập. Hoàn toàn phù hợp với hoạt động trước đây của mình, ngay khi nghe đồn lần đầu tiên về cuộc viễn chinh đã dự định của Ga-ri-ban-di đến Xi-xin, thì La-pha-ri-na liền cười nhạo và chửi rủa ngay chính ý nghĩ về một cuộc viễn chinh như vậy. Thế nhưng, khi tiến hành những bước trực tiếp nhằm chuẩn bị việc làm gan dạ ấy, La-pha-ri-na bèn sử dụng tất cả mọi khả năng của "Hội dân tộc" để ngăn cản công việc ấy. Còn khi những âm mưu của ông đã tỏ ra không làm suy yếu nổi quyết tâm của vị tướng cùng binh sĩ của ông và khi, rốt cuộc, đội viễn chinh đã lên đường, thì La-pha-ri-na, với sự chế giễu trơ trẽn, đã tuôn ra một tràng những lời dự đoán hết sức đen tối, dám cả gan dự đoán rằng toàn bộ ý

định đó sẽ lập tức bị phá sản hoàn toàn. Nhưng Ga-ri-ban-di chỉ cần chiếm Pa-léc-mô và tự xưng là kẻ độc tài thì La-pha-ri-na vội theo Ga-ri-ban-di sau khi được Vích-to-Ê-ma-nu-en hoặc, nói đúng hơn, được Ca-vuốc trao quyền hạn đảm nhận việc cai quản đảo nhân danh nhà vua ngay sau khi cư dân tán thành sáp nhập đảo vào Pi-ê-mông. Lúc đầu, như chính La-pha-ri-na thừa nhận, ông được Ga-ri-ban-di tiếp đón hết sức ân cần, mặc dù ông có một quá khứ xấu xa, ông lập tức xoay ra đóng vai ông chủ, lập mưu tính kế chống chính phủ Cri-xpi, tổ chức âm mưu móc ngoặc với mật thám Pháp, tập hợp xung quanh mình những người quý tộc tự do muốn kết thúc cách mạng bằng việc biểu quyết về việc sáp nhập riêng rẽ đảo này vào Pi-ê-mông và, lẽ ra phải chuẩn bị những biện pháp cần thiết nhằm đuổi người Na-plơ khỏi Xi-xin, thì lại bắt đầu xây dựng những kế hoạch gạt khỏi các cương vị xã hội những người đứng về phía Mát-di-ni và những người khác mà ông chủ Ca-vuốc không thể dựa vào.

Cri-xpi - La-pha-ri-na hưởng mưu mô của mình trước hết chống chính phủ của ông này - một thời gian dài sống lưu vong ở Luân Đôn, ở đó ông là một trong số bạn bè của Mát-di-ni, và mục đích của toàn bộ hoạt động của ông là giải phóng Xi-xin. Mùa xuân năm 1859, rất mạo hiểm, với tên người Va-la-sơ và mang giấy tờ của Va-la-sơ, ông đi Xi-xin, đến tất cả các thành phố lớn của Xi-xin và vạch kế hoạch khởi nghĩa dự định vào tháng Mười. Các sự kiện xảy ra vào mùa thu⁷¹ bắt buộc phải hoãn cuộc khởi nghĩa, lúc đầu tới tháng Mười một, rồi tới năm nay. Lúc đó Cri-xpi bèn liên hệ với Ga-ri-ban-di. Ga-ri-ban-di từ chối tham gia tổ chức khởi nghĩa, nhưng hứa sẽ giúp Cri-xpi sau khi khởi nghĩa nổ ra và trở nên đủ mạnh, qua đó biểu thị tâm trạng đích thực của người Xi-xin. Trong thời gian viễn chinh, Cri-xpi cùng với vợ - người phụ nữ duy nhất trong đoàn - đã đi theo Ga-ri-ban-di và tham gia tất cả mọi trận đánh, hơn nữa, vợ ông đã lãnh đạo việc cứu chữa thương bệnh binh. Chính đó là người mà tiên sinh La-pha-ri-na định vứt bỏ trước tiên, tất nhiên là bí mật, hy vọng rằng đi theo

Ga-ri-ban-di ông sẽ thoát được cả chính nhà độc tài. Do kính trọng Vích-to-Ê-ma-nu-en và dưới sức ép mạnh mẽ của các nhà quý tộc tự do, Ga-ri-ban-di tuy không muốn nhưng vẫn đồng ý lập chính phủ mới và để Cri-xpi từ chức, nhưng vẫn giữ ông này lại với tư cách là cố vấn riêng và là người bạn. Nhưng một khi Ga-ri-ban-di đã chấp nhận sự hy sinh đó, thì ông thấy rằng người ta đòi chính phủ Cri-xpi từ chức cốt để bắt ông này nhận cái tội các mà chỉ trên danh nghĩa là chính phủ của Ga-ri-ban-di, còn về thực chất thì nội các đó nằm trong tay La-pha-ri-na hoặc Ca-vuốc. Được La-pha-ri-na khích lệ và dựa vào sự che chở của Ca-vuốc, nội các ấy chẳng mấy chốc sẽ triệt tiêu kế hoạch giải phóng của ông và sẽ lợi dụng toàn bộ ảnh hưởng của mình trong nước chống lại kẻ chơi trội gốc Ni-xơ, biệt hiệu mà người ta bắt đầu dùng để gọi Ga-ri-ban-di. Chính vào thời điểm ấy Ga-ri-ban-di không chỉ cứu sự nghiệp của bản thân mình, mà còn cứu sự nghiệp của Xi-xin và I-ta-li-a: ông đã tống cổ La-pha-ri-na và hai anh em người Coóc-xơ, chấp nhận sự từ chức của các bộ trưởng tay sai của La-pha-ri-na và bổ nhiệm chính phủ cứu nước, trong số các thành viên của chính phủ này chúng ta có thể nhắc tới tiên sinh Ma-ri-ô.

*Do C.Mác viết ngày 23 tháng Bảy 1860
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 6018, ngày 8 tháng Tám 1860*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH. ĂNG-GHEN

SỰ PHÒNG THỦ CỦA ANH

Kế hoạch quốc phòng của Anh vừa trình nghị viện xem xét⁷² đề nghị tập trung tất cả mọi kinh phí để củng cố các cảng và một số công trình thứ yếu chỉ đủ để bảo vệ những bến tàu lớn nhất của đất nước chống các cuộc tấn công của những hải đoàn nhỏ của địch, cũng như để xây dựng những đồn bốt lớn có công sự vững chắc ở Du-vơ và Poóc-len nhằm đảm bảo chỗ neo đậu an toàn cho các phân hạm đội và từng chiếc tàu. Dự định chi tiêu toàn bộ kinh phí cho việc phòng thủ ngoại vi của đất nước, tuyến bờ biển dễ bị hạm đội địch tấn công; nhưng vì không thể củng cố tuyến bờ biển trên toàn bộ chiều dài của nó, nên người ta chọn một số điểm quan trọng, chủ yếu là các kho vũ khí và hải cảng. Phần nội địa của đất nước hoàn toàn bị bỏ mặc.

Vậy, một khi nước Anh giờ đây thừa nhận rằng các tàu chiến của nó không bảo vệ nó nữa và nó phải sử dụng biện pháp xây dựng công sự làm phương tiện phòng thủ đất nước, thì lẽ dĩ nhiên, trước hết nó phải ngăn ngừa để các kho vũ khí hàng hải của nó, cái nôi của hạm đội của nó khỏi bị tấn công. Không ai nghi ngờ rằng Poóc-xmút, Pli-mút, Pem-brúc, Siéc-nét-xơ và Vu-lít-giơ (hoặc bất kỳ điểm nào khác được chọn thay cho nó) phải được củng cố đến mức đủ sức đẩy lùi mọi cuộc tấn công từ phía biển và chịu được trong một thời gian nhất định sự bao vây đúng bài bản từ phía đất liền. Song sẽ hoàn toàn vô lý nếu gọi các biện pháp phòng ngừa hiểm họa như vậy là kế hoạch phòng thủ đất nước. Thực ra, để kế hoạch đó phù hợp với tên gọi của nó, có lẽ cần phải xây

dựng nó chi li hơn khá nhiều và cần phải dành kinh phí để thực hiện nó nhiều hơn rất nhiều so với số phải có chỉ để bảo vệ các cảng mà thôi.

Một nước như Pháp hoặc Tây Ban Nha, có nguy cơ bị xâm nhập từ phía biên giới trên bộ của mình, cũng như nguy cơ bị tấn công từ biển và bị đối phương đổ bộ quân lên bờ biển của nó, buộc phải làm cho các căn cứ hải quân của mình trở thành những pháo đài loại một. Tu-lông, Các-ta-hê-na, Giê-nơ, thậm chí Séc-bua có thể trở thành đối tượng của cuộc tấn công phối hợp, giống như cuộc tấn công đã tiêu diệt các kho vũ khí và các phòng tuyến của Xê-va-xtô-pôn⁷³. Vì vậy những thành phố này phải có mặt tiền trên bộ được củng cố rất mạnh, với một số đồn bốt có khả năng bảo vệ các công trình cảng không bị oanh kích. Nhưng điều này không vận dụng được đối với Anh. Thậm chí giả sử thất bại của hải quân Anh phút chốc làm cho người ta nghi ngờ ưu thế của Anh trên biển; ngay cả trong trường hợp này, quân đội xâm nhập đổ bộ lên lãnh thổ Anh sẽ không bao giờ có thể hy vọng tự do đi lại, và vì vậy nó phải hành động nhanh và quyết liệt. Quân đội xâm nhập ấy sẽ không thể tổ chức bao vây chính quy; nhưng ngay cả nếu nó có thể bao vây thì không một người khôn ngoan nào hy vọng rằng kẻ xâm lược sẽ bình tĩnh ngồi trước Poóc-xmút và chỉ tiến cho một cuộc vây hãm dài ngày, thay vì đi thẳng tới Luân Đôn và tranh thủ giải quyết nhiệm vụ chủ yếu, chừng nào ưu thế tinh thần và vật chất của nó còn ở mức cao nhất. Nếu sự thể đi đến chỗ kẻ địch có thể đổ quân suôn sẻ lên nước Anh và đưa tới một bộ phận vật chất đủ để tấn công Luân Đôn và đồng thời bao vây Poóc-xmút, thì Anh sẽ sắp bị diệt vong, trong khi đó chẳng có đồn bốt ven bờ nào xung quanh Poóc-xmút có thể cứu được nước Anh. Điều nói trên về Poóc-xmút cũng đúng đối với những kho vũ khí hàng hải khác. Dù cho phòng tuyến trên biển được xây dựng vững chắc hết mức, nhưng ở phòng tuyến trên bộ, tất cả những gì không thuộc nhiệm vụ giữ đối phương ở khoảng cách xa, đủ để không cho nó oanh kích các cảng và bảo vệ được cảng

chống cuộc bao vây chính quy hai tuần, đều hoàn toàn thừa. Nhưng nếu xét đoán theo dự toán và một số kế hoạch xây dựng các công trình phòng thủ Poóc-xmút công bố trên báo "Times" xuất bản ở Luân Đôn, thì vấn đề là sử dụng một số lượng rất lớn gạch và vôi, đào hào và xây dựng tường chắn, chi tiền, còn nếu chiến tranh nổ ra thì cả nguồn nhân lực nữa. Xem ra các kỹ sư quân sự rất khoái những khả năng tuyệt vời được vạch kế hoạch xây dựng công sự mà lâu nay đối với họ là thứ xa xỉ không được phép làm. Nước Anh đứng trước nguy cơ mọc đầy đồn bốt và pháo đài xuất hiện nhanh chóng như nấm và lan rộng giống như cây bò ở rừng nhiệt đới. Có lẽ chính phủ đòi thực hiện bằng được những kế hoạch ấy để chứng minh việc chi tiêu là chính đáng; song mặt phô trương chính là kết quả chủ yếu của tất cả những công trình tuyệt vời ấy.

Chừng nào các cảng chưa đảm bảo chống được coup de main^{1*} thì chừng đó có thể xảy ra những vụ xâm nhập với mục tiêu cốt để phá huỷ một cảng nào đó rồi rút lui ngay. Như vậy, có thể nói chúng là van an toàn cho Luân Đôn. Nhưng nếu cảng được chuẩn bị để dành lùi cuộc tấn công của chủ lực và thậm chí trụ nổi trước cuộc bao vây chính quy hai tuần, - sự chuẩn bị đó có lẽ được coi là cần thiết, - thì đối tượng xâm nhập không còn nơi nào khác ngoài Luân Đôn. Một khi tất cả những điểm nhỏ hơn đều được bảo vệ thì những cuộc xâm nhập cục bộ đã tỏ ra là vu vơ, sự xâm nhập ắt phải chấp nhận may rủi - hoặc là tiêu diệt nước Anh, hoặc là tự mình bị tiêu diệt. Như vậy, bản thân việc củng cố các cảng làm cho Luân Đôn yếu đi. Nó bắt nước xâm nhập phải tập trung toàn bộ lực lượng của mình vào cố gắng lập tức chiếm Luân Đôn. Huân tước Pan-móc-xton nói rằng Luân Đôn phải được bảo vệ trên đất liền. Chúng ta hãy cho rằng sẽ là như

1* - cuộc tấn công bất ngờ

thế; trong trường hợp như vậy, quân đội càng mạnh thì Luân Đôn càng an toàn. Nhưng quân đội mạnh ấy sẽ xuất hiện từ đâu, nếu Poóc-xmút, Pli-mút, Sa-tam và Siéc-nét-xơ và có lẽ cả Pem-brúc nữa bị biến thành những pháo đài loại một kiểu Séc-bua, Giê-nơ, Cô-blen-tơ hoặc Khuên, mà để bảo vệ chúng phải có những đội quân từ 15 000 đến 20 000 người? Vậy, các ngài xây dựng các cảng càng mạnh, thì các ngài càng làm yếu Luân Đôn và phần còn lại của đất nước. Và đó là điều mà các ngài gọi là phòng thủ quốc gia!

Dù sao, một cuộc giao tranh mà bị thất bại sẽ định đoạt vận mệnh của Luân Đôn, còn nếu tính đến sự tập trung to lớn nền thương mại của đất nước và việc kẻ địch chiếm Luân Đôn sẽ hoàn toàn làm cho toàn bộ guồng máy công thương nghiệp của Anh ngừng chạy thì không còn nghi ngờ gì nữa rằng một cuộc giao tranh sẽ định đoạt vận mệnh của toàn bộ vương quốc. Như vậy, trong khi dự định chi 12 triệu cho việc phòng thủ các cảng thì bản thân trái tim của đất nước ắt vẫn không được bảo vệ, mà số phận của nó ắt phụ thuộc vào kết cục của một cuộc giao tranh!

Cần phải nói thẳng: có thể ra sức củng cố một cách hợp lý nhất các cảng - điều này có thể đạt được bằng cách chi không đầy một nửa số tiền quá lớn dự định cho việc này, - nhưng nếu các ngài muốn xây dựng nền quốc phòng, thì các ngài hãy bắt tay củng cố Luân Đôn ngay. Sẽ là vô bổ nếu lặp lại theo Pan-móc-xton, điều đó dường như không thể làm được. Những cuộc bàn luận như vậy cũng đã diễn ra khi cần củng cố Pa-ri. Diện tích có tuyến công sự liên hoàn bao bọc xung quanh Pa-ri nhỏ hơn diện tích Luân Đôn một ít; tuyến đồn bốt bao quanh Pa-ri có chu vi 27 dặm, còn tuyến bao quanh Luân Đôn, cách Sê-rinh-Crốt 6 dặm, có chiều dài 37 dặm. Tuyến này cho ta một quan niệm đúng đắn về khoảng cách trung bình giữa các đồn bốt với trung tâm, và việc kéo dài tuyến này thêm 10 dặm sẽ không làm cho nó quá dài, nếu hệ thống liên lạc đường sắt thích ứng theo các bán kính

và chu vi sẽ tạo thuận lợi cho việc điều chuyển nhanh lực lượng dự bị. Dĩ nhiên, không thể củng cố Luân Đôn một cách qua quýt như "Cornhill Magazine" đề nghị⁷⁴, - theo ý kiến tạp chí này, chỉ cần sáu đồn cốt lớn là đủ, số đồn cốt ít ra phải là hai mươi, nhưng mặt khác, không cần củng cố Luân Đôn theo kiểu cầu kỳ như Pa-ri, vì Luân Đôn sẽ không bao giờ bị vây hãm. Tất cả những gì phải có là bảo vệ nó chống coup de main, chống những biện pháp mà quân đội xâm nhập sẽ có thể sử dụng để đánh vào Luân Đôn trong vòng hai tuần sau khi đổ bộ. Có thể không có tuyến công sự thích hợp cũng được; nếu kế hoạch phòng thủ được chuẩn bị trước một cách thích đáng, thì một tuyến như vậy có thể thay thế hoàn toàn thành công bằng việc củng cố làng xã và những ngôi nhà ở vùng ngoại vi thành phố.

Giá Luân Đôn được củng cố như vậy, còn các cảng thì được tăng cường từ phía biển và được bảo vệ khỏi sự tấn công quyết liệt, không chính quy từ phía đất liền và thậm chí chống sự bao vây không dài ngày, thì nước Anh sẽ có thể không lo sợ bất cứ sự xâm nhập nào, và lại tất cả những cái đó sẽ đòi hỏi phải chi khoảng 15 triệu pao xtéc-linh. Các cảng đòi hỏi cả thảy nhiều nhất là 70 000 quân chính quy và 15 000 quân tình nguyện, trong khi đó những đội quân chủ lực còn lại, dân binh và quân tình nguyện gồm 80 000 quân chủ lực và dân binh và 100 000 quân tình nguyện chẳng hạn - sẽ bảo vệ các công sự đã chiến ở Luân Đôn hoặc chiến đấu ở phía trước Luân Đôn; trong khi đó toàn bộ đất nước phía Bắc Luân Đôn sẽ tiếp tục nắm quyền hoàn toàn tự do tổ chức những đội quân tình nguyện mới và căn cứ mới cho quân chủ lực và dân binh. Trong mọi tình huống, kẻ địch đều buộc phải hành động; ngay cả nếu nó muốn nó sẽ cũng không thể đứng vững trước sức hút của vùng Luân Đôn rộng lớn được xây dựng vững chắc, và nó sẽ không có cách lựa chọn nào khác ngoài việc hoặc tấn công Luân Đôn và chịu thất bại, hoặc chờ đợi và do đó làm cho tình hình của nó càng thêm khó khăn.

Thay vào đó, kế hoạch quốc phòng của chính phủ sẽ dẫn đến một tình hình là, nếu lực lượng quân sự nước Anh gồm 90 000 quân chủ lực và dân binh và 115 000 quân tình nguyện, thì các đồn binh sẽ phải thu hút ít ra là 25 000 quân chính quy và 35 000 quân tình nguyện, để lại cho quân đã chiến để bảo vệ Luân Đôn 65 000 quân chính quy và 80 000 quân tình nguyện; hơn nữa 35 000 người mà vào ngày giao chiến chắc chắn là người ta vô cùng khẩn thiết cần đến họ, thì lại bình chân như vại và hoàn toàn bình yên vô sự sau những bức tường đá mà không ai định tấn công. Nhưng quân đội ấy chẳng những có thể bị giam chân mất 35 000 người, nó còn có thể bị mất trận địa được xây dựng kiên cố mà chỉ có việc bao vây chính quy mới có thể đuổi nó ra được; nó sẽ phải điều 80 000 quân tình nguyện được chỉ huy tồi và thiếu kinh nghiệm đến đánh nhau trên một bãi chiến trường trống trải và như vậy nó buộc phải hành động trong những điều kiện kém thuận lợi hơn rất nhiều so với quân đội được bố trí như nói ở trên.

*Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 24 tháng
Bảy 1860*

*Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York Daily
Tribune" số 6020, ngày 10 tháng Tám 1860*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

CÁC SỰ KIỆN Ở XI-RI. - KỶ HỌP CỦA NGHỊ VIỆN ANH. - TÌNH HÌNH THƯƠNG MẠI ANH

Luân Đôn, ngày 28 tháng Bảy 1860

Vì vừa rồi đã ra mắt cuốn Sách xanh về các vụ lộn xộn ở Xi-ri và huân tước Xto-rát-pho Đơ Rét-clíp-phơ dự định đến thứ ba tới sẽ chất vấn về tình hình ở Xi-ri⁷⁵, nên tôi xin hoãn việc bàn luận vấn đề quan trọng này và chỉ muốn nhắc nhở bạn đọc của chúng tôi để họ khỏi mắc những lời tuyên truyền đa cảm của báo chí Bô-na-pác-tơ, hoảng sợ trước những hành động bạo lực tàn khốc của những bộ lạc man rợ và có cảm tình tự nhiên với những người bị hại. Nhưng vẫn có một số điểm cần phải trình bày kỹ. Trước hết cần phải nêu lên rằng đế quốc Nga - do những mâu thuẫn nội bộ đã nảy sinh do phong trào giải phóng nông nô và do sự rối loạn về tài chính - đang ở trong một tình thế khó khăn mà chính phủ hiện nay chưa tìm được lối ra nào khác ngoài chiến tranh lớn. Chính phủ đó tưởng rằng chiến tranh là biện pháp duy nhất để ngăn ngừa nguy cơ nổ ra cách mạng mà hoàng tử Đôn-gô-ru-cốp dự đoán một cách bí mật trong cuốn sách "Sự thật về nước Nga"⁷⁶ của ông. Giờ đây đã qua gần ba tháng từ khi công tước Goóc-tra-cốp lại cố gắng đưa ra thảo luận vấn đề phương Đông, tung ra thư luân lưu về sự kêu ca của các tín đồ đạo Cơ Đốc ở Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng thư của ông - chỉ có một tiếng nói

đơn độc từ Tuyn-lơ-ri hưởng ứng - không gây ấn tượng mong muốn cho dư luận xã hội châu Âu.

Chính từ lúc ấy các phái viên Nga và phái viên Pháp bắt đầu động đậy, họ tìm cách bày ra một cuộc đấu đá chính trị - tôn giáo - những phái viên Nga ở Đan-ma-xi, những phái viên Pháp ở bờ biển Xi-ri, - hơn nữa, hai cuộc vận động ấy ủng hộ lẫn nhau, vì những làn sóng sôi động ở Tréc-nô-gô-ri và ở Héc-xê-gô-vi-na đã bắt triều đình Thổ Nhĩ Kỳ phải rút đi hầu như toàn bộ quân đội Thổ Nhĩ Kỳ đóng tại Xi-ri và bằng cách đó hoàn toàn bỏ ngỏ vũ đài đấu tranh đã trở nên cực kỳ gay gắt giữa các bộ lạc dã man của Li-băng. Hoàng đế của người Pháp, giống như ông vua theo đạo Chính thống, đã buộc phải tìm kiếm một cuộc thập tự chinh mới và oanh liệt nào đó để lại ru ngủ đế chế của mình bằng những ảo giác hiếu chiến. Phong trào I-ta-li-a do tuột khỏi dây cương của ông ta và chấp nhận phương hướng ngược với phương hướng mà ông ta muốn đem lại cho nó, đã *làm chán ngấy* dư luận Pa-ri, như tờ "Constitutionnel" nói bóng gió một cách tế nhị. Những mưu toan của ông ta cố quyến rũ hoàng tử nhiếp chính Phổ bằng "sự củng cố nước Đức" bằng bạo lực mà nước Pháp ắt sẽ nhận được "sự đền bù về tinh thần" dưới dạng những tỉnh vùng Ranh, đã hoàn toàn thất bại, thậm chí đã làm cho entrepreneur^{1*} đầu cơ phong trào giải phóng dân tộc này trở nên hơi lỗ bịch. Cuộc xung đột với giáo hoàng mà Lu-i - Na-pô-lê-ông đã bị cuốn hút vào⁷⁷, đã gây tổn thất cho chỗ dựa làm cơ sở cho ảnh hưởng của ông ta trong nông dân, chỗ dựa đó là giới thầy tu đạo Thiên chúa Pháp.

Một thời gian, kho bạc của hoàng đế bị kiệt quệ và tiếp tục ở trạng thái này, trong khi đó mưu toan uốn nắn tình hình bằng cách loan truyền tin đồn là có thể phát hành emprunt de la paix

1* - nhà kinh doanh

(công trái hòa bình) đã uống công. Điều đó đã là thái quá ngay cả đối với nước Pháp của Bô-na-pác-tơ. Bên cạnh công trái phát hành với cái cớ là chiến tranh lại thêm công trái phát hành với cái cớ là hòa bình, - đó là dự án không thể chấp nhận được ngay cả đối với những người kinh doanh ở thị trường chứng khoán Pa-ri. Có những tiếng nói dè dặt của báo chí Pa-ri bị hoạn đã dám nói bóng gió rằng những việc tốt của Đế chế thứ hai cũng lớn như các con đường, vì dân tộc đã trả giá cho những việc tốt ấy bằng cách tăng nợ của nhà nước lên 50%. Vì vậy dự án công trái hòa bình 500 000 000 phrăng đã bị gác lại - một sự rút lui chỉ làm cho ngài Pha-vơ có can đảm để nói tròng giăng đại hải tại Corps Législatif* về nguy cơ "phá sản về tài chính" và xé vụn tấm voan nhiều màu sắc mà chuyên gia ngân sách của hoàng đế đã khoác lên kho bạc nhà nước. Những nhận xét có tính chất phê phán những đặc điểm của chế độ tháng Chạp mà ngài Pha-vơ và ngài Ô-li-vi-ê dám nói tại Corps Législatif giữa những "chiens savants" ("con chó thông thái") của cơ quan đại diện hờ ấy, cũng như những lời diên cuồng đả kích âm mưu của các "phe phái cũ"⁷⁸ đây rầy trong báo chí Pa-ri chính thức, bán chính thức, đồng thời chứng tỏ rằng có một sự thực nghiêm ngặt là tinh thần Gô-lơ bất an lại phục sinh từ tro tàn và sự tiếp tục thống trị của kẻ tiếm quyền lại phụ thuộc vào việc tổ chức quang cảnh chiến tranh lớn như đã xảy ra sau đó hai năm, sau coup d' état^{2*} và sau hai năm nữa, sau khi sự kiện Crưm kết thúc. Rõ ràng là kẻ độc tài Pháp và kẻ độc tài Nga, dưới sức ép của cùng một sự cần thiết bức bách phải đánh trống trận, đã hành động nhất trí với nhau. Trong khi những bài châm biếm bán chính thức kiểu Bô-na-pác-tơ đề nghị hoàng tử nhiếp chính Phổ lập "Hiệp bang Đức" gắn với việc "đền bù về tinh thần" cho Pháp thì hoàng đế A-lếch-xan-đơ, như đã được

1* - Hội đồng lập pháp

2* - cuộc chính biến, đảo chính

khẳng định cách đây không lâu trong các ấn phẩm của "Liên minh dân tộc" Đức⁷⁹ và không bị báo chí chính phủ ở Béc-lin bác bỏ, đã công khai đề nghị bác mình sáp nhập toàn bộ Bắc Đức đến tận biển vào Phổ với điều kiện là giao các tỉnh vùng Ranh cho Pháp và làm ngơ trước việc Nga tiến quân ở vùng Đa-nuýp. Chính do điều đó - cả hai kẻ độc tài tuyên bố cùng một lúc - mà có cuộc gặp mặt của hoàng đế Áo với hoàng tử nhiếp chính ở Tê-plít-xơ⁸⁰. Song để đề phòng trường hợp họ cảm dỗ Phổ không thành công, những kẻ âm mưu ở Pê-téc-bua và Pa-ri đã dùng đến vụ rắc rối động trời với các vụ giết chóc ở Xi-ri; vụ rắc rối này phải là cái cớ cho sự can thiệp của Pháp sẽ mở ra cho cuộc chiến tranh toàn châu Âu một khe hở từ cửa sau trong trường hợp nếu nó không thể đi qua các cổng chính. Còn về nước Anh thì tôi chỉ xin nói thêm rằng năm 1841 huân tước Pan-móc-xơn đã trang bị cho người Đru-dơ những vũ khí mà hiện nay họ nắm giữ và năm 1846, bằng cách thỏa thuận với vua Ni-cô-lai, ông đã thực tế thủ tiêu sự thống trị của Thổ Nhĩ Kỳ khống chế các bộ lạc dã man của Li-băng và tuyên bố trao cho họ nền độc lập giả tạo⁸¹, dần dà và dưới sự chỉ đạo khôn khéo của bọn âm mưu nước ngoài, nền độc lập ấy có thể chỉ sinh ra vụ gặt hái đầm máu.

Các bạn biết rằng kỳ họp hiện nay của nghị viện là kỳ họp có một không hai về số vụ thất bại liên tiếp của chính phủ. Ngoài các biện pháp vô ích của ngài Glát-xơn về thuế quan bảo hộ ra, không có một biện pháp quan trọng nào được tiến hành cả. Nhưng trong khi chính phủ rút lui hết đạo luật này đến đạo luật khác, chính phủ lập mưu khi thuyết trình lần thứ hai lên lút đưa vào một nghị quyết không lớn, gồm vền vền một điều nhỏ mà nếu được nghị viện thông qua thì sẽ gây ra một sự thay đổi lập hiến hết sức lớn mà từ năm 1689 nước Anh chưa bao giờ có⁸². Nghị quyết ấy đề ra việc giải thể quân đội địa phương Anh ở Ấn Độ, chính là dùng quân đội Anh thôn tính nó và, do đó, chuyển quyền chỉ huy tối cao đối với nó từ tay viên toàn quyền ở Can-cút-ta cho

Bộ tổng tham mưu ở Luân Đôn, nói cách khác, cho công tước Căm-brít-giơ. Chưa nói gì đến những hậu quả nghiêm trọng khác của sự thay đổi như vậy, nó sẽ đặt một bộ phận quân đội ở ngoài vòng kiểm soát của nghị viện và sẽ tăng cường hết mức đặc trách của nhà vua. Có lẽ một số uỷ viên của Hội đồng Ấn Độ đã đồng lòng phản đối đề án của chính phủ, nhưng do Đạo luật Ấn Độ năm 1858⁸³ họ không thể là thành viên của hạ nghị viện, đã cổ động một số nghị sĩ ủng hộ kháng nghị của họ; và khi chính phủ đã coi mưu kế của mình thành công rồi thì nghị viện đột nhiên có sự émeute^{1*} do ngài Hoóc-xmen chỉ đạo đã kịp thời thủ tiêu âm mưu của chính phủ. Sự lúng túng đó của nội các bộc lộ hoàn toàn bất ngờ và sự bối rối của hạ nghị viện bị sa bẫy vì rất dốt, là một cảnh tượng thực sự ngộ nghĩnh.

Kim ngạch xuất khẩu tháng qua đã công bố phản ánh quá trình thu hẹp của nền thương mại Anh. Theo những điều tôi nêu trong bản tin trước^{2*} so với xuất khẩu trong tháng Sáu 1859 thì xuất khẩu trong tháng Sáu 1860 giảm gần 11/2 triệu pao xtéc-linh.

Các báo cáo về tháng Sáu đối với ba năm vừa qua cung cấp những con số sau đây:

(Tính theo p.xt.)		
Năm 1858	Năm 1859	Năm 1860
10 241 433	10 665 891	9 236 454

Trong nửa năm 1860, kết thúc vào ngày 30 tháng Sáu, kim ngạch xuất khẩu đã công bố kém hơn cùng kỳ năm 1859 một triệu:

1* - nổi dậy

2* Xem tập này, tr. 99-103.

Năm 1858	Năm 1859	Năm 1860
53 467 804	63 003 159	62 019 989

Mức xuất khẩu giảm xuống trong tháng Sáu rơi vào vải bông, sợi bông, vải gai, hàng sắt và dao kéo, sắt và vải len chải. Ngay cả trong việc xuất khẩu hàng len công xưởng mà việc buôn bán nó luôn luôn tăng không ngừng, trừ tháng này, đều có sự giảm sút ở mục "sợi len và sợi len chải". Mức xuất khẩu hàng vải, sợi bông sang Ấn Độ thuộc Anh trong *sáu tháng* đã giảm từ 6 094 430 p.xt. vào nửa đầu năm 1859 xuống còn 4 738 440 p.xt. vào nửa đầu năm 1860, tức là giảm xấp xỉ 1 360 000 pao xtéc-linh.

Còn về nhập khẩu thì nét đáng ngạc nhiên nhất của nó là bông nhập vào với số lượng rất lớn. Trong tháng Sáu 1860 đã nhập 2 102 048 tạ so với 1 655 306 tạ trong tháng Sáu 1859 và 1 339 108 tạ trong tháng Sáu 1858. Trong sáu tháng, mức giao hàng đã tăng ít nhất là 3 triệu tạ, tức là hơn 60%. Giá trị bông nhập vào trong tháng Năm 1860 nhiều hơn giá trị bông nhập vào trong tháng Năm 1859 là 1 800 000 pao xtéc-linh. Để mua bông, trong năm tháng đầu năm 1860 đã chi nhiều hơn 61/2 triệu p.xt. so với cùng kỳ năm 1859.

Còn nếu chúng ta so sánh sự giảm sút nhanh chóng mức xuất khẩu vải, sợi bông với việc tăng đáng kể mức nhập bông, thì sẽ thấy rõ rằng cuộc khủng hoảng trong công nghiệp vải bông đang đến gần, đặc biệt là số bông hạt mới nhập sẽ chọi nhau với số bông dự trữ vô cùng dồi dào.

*Do C.Mác viết ngày 28 tháng Bảy 1860
Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"
số 6021, ngày 11 tháng Tám 1860*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

LIỆU LUÂN ĐƠN CÓ THỂ TRỞ THÀNH MIẾNG MỖI CỦA NGƯỜI PHÁP HAY KHÔNG?

Trong báo cáo công bố ở Luân Đôn cách đây không lâu của Ủy ban quốc phòng Anh có nói rằng, nếu hoàng đế Pháp bỗng có ý định phái quân đội thù địch sang Anh, thì "tất cả mọi tàu có khả năng chiến đấu của hải quân hoàng gia" sẽ không thể ngăn cản được nó đổ bộ lên bất kỳ quãng nào của tuyến bờ biển nước Anh và xứ Oen-xơ dài 2147 dặm, chưa nói gì tuyến bờ biển Ai-rơ-len. Vì nhiều lần, trước và sau khi cuốn sách nổi tiếng của Đơ Gioăng-vin⁸⁴ được công bố, người ta cũng đã thừa nhận rằng, nếu khéo chỉ huy thì có thể đổ bộ lên các đảo của Anh 100 000 quân Pháp và nhiều hơn nữa, nên vấn đề duy nhất quan trọng và đáng xem xét là Đại Anh quốc có những phương tiện nào để chống lại sự xâm nhập như vậy.

Theo quyết định của hạ nghị viện, vào tháng Năm năm nay đã công bố số liệu về quân số của lực lượng Anh. Những số liệu ấy như sau: tổng quân số các đơn vị quân đội là 144 148; quân nhân tại ngũ các cấp tính đến ngày 1 tháng Năm là 133 962, quân số các đơn vị dân binh là 19 333. Khi những số liệu ấy được công bố thì ở tất cả mọi vương quốc từ mọi phía vang lên tiếng nói hầu như đồng thanh phản đối cách chi tiêu 75 000 000 đô-la kinh phí theo ngân sách quân sự, vì việc thẩm tra quân số đích thực của quân đội nòng cốt biểu thị bằng con số 114 148 người, "đã phanh phui một sự thật đáng ngạc nhiên là chưa chắc có thể tập

hợp được 30 000 lính bộ binh ở bất kỳ một điểm nào để tấn công hoặc để phòng thủ".

Ngài Xít-ni Héc-bóc và các đồng nghiệp của ông trong Bộ tổng tham mưu lập tức tổ chức một cuộc hội nghị, còn báo "Times" xuất bản ở Luân Đôn thì cố gắng xoa tan nỗi lo lắng của dân chúng. Tờ báo viết:

"Chúng tôi đã có khả năng nghiên cứu những con số bổ sung cho những số liệu ấy và đã làm rõ một cách cặn kẽ tình hình thực tế".

Báo "Times" cố gắng

"chỉ ra rằng nếu thuật ngữ "quân đội" chỉ dùng để biểu thị bộ binh chủ lực, thì tình hình đã được phản ánh khá chính xác, nhưng trong thực tế, một quân đội ở trong nước, bao gồm những binh đoàn lớn và những binh chủng khác, thành thử tổng quân số hoàn toàn không nhỏ như người ta có thể tưởng".

Kết quả của sự lo lắng ấy của công chúng và của hội nghị ở Bộ tổng tham mưu là một bảng thống kê hoàn toàn mới, xác định quân số của lực lượng vũ trang Anh ở chính quốc bằng con số 323 259, nghĩa là nhiều hơn 179 111 người so với số liệu đưa ra cách đây hai tháng. Giải thích sự không khớp đó không khó. Con số thứ nhất được tung ra nhằm biểu thị số người mà trong những tình huống thuận lợi và sau khi họ nhận được thông báo kịp thời thì có thể lập tức nhập doanh trại làm quân dịch, còn con số thứ hai thì nhằm mục đích cho thấy tổng số đàn ông và thanh niên được ghi vào biểu trả lương và do đó, lĩnh phần trong số 75 000 000 đô-la nói trên, cũng như 227 179 quân tình nguyện và dân binh, trong đó 200 000 người thực tế không tồn tại với tư cách là lính. Ngoài ra, số này cũng gộp cả 33 302 người, coi là người thuộc "những trại tân binh". Để khỏi bị buộc tội là mô tả thiếu khách quan "những trại tân binh", chúng tôi xin trích dẫn lời của tờ báo có quyền uy là báo "Times":

"Quân đội ở các "trại huấn luyện tân binh" thực tế không phải để làm quân dịch trong nước, mà là để phục vụ ở ngoài nước. Họ thuộc những tiểu đoàn đóng ở ngoài nước, và không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy rằng họ tương đối ít thích hợp để phục vụ trong nước".

Nói tóm lại, đó quả là những đơn vị không thích hợp gồm những tân binh làm quân dịch không quá ba tháng và được đưa đến những đơn vị đóng ở ngoài nước, cứ ba tháng một lần hoặc ngắn hơn, sau khi họ được ghi tên làm quân dịch và gồm những người lớn tuổi không thể phục vụ trong quân ngũ, được để lại trong nước vì không thể sử dụng họ được, "thành thử những đội quân gồm những người lớn tuổi và không được huấn luyện ấy không thể nào coi ngang hàng với những tiểu đoàn chính quy".

Từ các trại tân binh chúng ta chuyển sang quân tình nguyện và dân binh. Chỉ cần nhắc lại rằng ở thời điểm này, ít ra có 200 000 người chỉ tồn tại trên giấy tờ mà thôi. Ngài Mê-ri-vây-lơ vừa rồi đã chứng minh trong nghị viện rằng hầu như ở mỗi trung đoàn dân binh theo danh sách của Bộ tổng tham mưu đều ghi tên nhiều hơn 200 - 300 người so với số có thể tập hợp trong quân ngũ vào bất cứ lúc nào. Ngài Xít-ni Héc-bóc cũng thừa nhận như vậy. Ở các đơn vị dân binh Ai-rơ-len, nơi người lính vì nghèo nàn thiếu thốn mà buộc phải dừng hẳn hơn đồng nghiệp của họ ở Anh, nhiều trung đoàn đăng ký chính thức 800 người - như trung đoàn Oa-téc-phoóc chẳng hạn - mà chỉ có 400 người thôi. Con tính xác định quân số của dân binh và quân tình nguyện Anh là 138 500 người, chắc chắn sát với sự thật đến mức nói chung có thể có được đối với con tính của một nhà thống kê vô tư.

Theo thông báo vừa rồi của Bộ chiến tranh, quân số của quân đội chính quy ở chính quốc là 68 778 người. Số này gồm: kỵ binh vệ binh (1 317 người) công binh (2 089 người), đội vệ binh quân đội gồm những người không thích hợp để phục vụ trong quân ngũ, đội xe quân dụng và những đơn vị khác phần nào không thể chiến đấu được. Để tránh tranh cãi, chúng tôi giả sử rằng 68 000 người đều thích hợp. Nếu giả thiết rằng toàn bộ dân binh và quân tình nguyện đều được tập hợp lại và đều cầm súng thì chúng ta sẽ có tổng cộng 206 560 người. Thậm chí có thể thêm vào danh sách ấy cả cảnh sát Ai-rơ-len nữa, như thế sẽ tăng tổng số đó lên xấp

xỉ 237 000. Quân số danh nghĩa của quân đội chính quy và của các đơn vị dân binh vừa mới xác định là 100 000 người, hơn con số thực tế khoảng 16 000, nhưng chúng tôi sẽ coi những số liệu này là xác thực. Nếu giả sử rằng 15 000 lính tình nguyện có thể tập hợp tại một điểm nào đó trong vòng ba ngày sau khi quân Pháp đổ bộ, thì nước Anh vẫn sẽ có một đạo quân 115 000 người. Đồng thời, cần nhớ rằng trong số đó ít nhất có 25 000 là những người mới sử dụng vũ khí. Tiếp nữa, tất cả các bến cảng quân sự, kho vũ khí, công binh xưởng và công trình quan trọng của nhà nước sẽ đòi hỏi phải tăng cường các doanh trại đồn trú, vì ở các hải cảng hải quân chưa bao giờ có trên 8 000 lính thủy đánh bộ. Cũng sẽ phải điều quân đội đến Ai-rơ-len, không kể "bản thỉnh nguyện quốc dân" sẽ có ảnh hưởng như thế nào về mặt gây cho người Ai-rơ-len những tình cảm thân ái đối với lính của Mác - Ma-hông. Toàn bộ số quân tình nguyện và dân binh sẽ không đủ để duy trì trật tự trên đảo I-dum-rút, đặc biệt vì trận giao chiến sắp tới. Chính phủ của nữ hoàng sẽ phải dành cho nước này ít ra là 10 000 quân chính quy và 25 000 quân không chính quy, không kể cảnh sát. Tổng cộng lại sẽ là gần 55 000 người, và chỉ có 80 000 lính sẽ ở lại nước Anh và xứ Oen-xơ để bảo vệ các kho vũ khí, xưởng vũ khí và bến cảng quân sự. Sẽ là nông nổi nếu cho rằng dưới 20 000 người thích hợp cho việc phục vụ trong quân ngũ sẽ đủ để thực hiện nhiệm vụ quan trọng này, ngay cả giả sử là binh sĩ đã ra khỏi quân ngũ hoặc những binh sĩ thiếu kinh nghiệm ở các trại huấn luyện tân binh sẽ tự bảo vệ được mình. Như vậy, đối chọi với quân đội Na-pô-lê-ông gồm 100 000 quân Pháp, quân Du-a-vơ v. v. sẽ là 60 000 quân mặc quân phục đỏ, trong đó hơn 45 000 một ít sẽ thuộc các đơn vị nòng cốt. Chưa chắc có thể nghi ngờ kết quả của sự xung đột giữa hai quân đội đối lập nhau ấy sẽ như thế nào.

Đối với điều này, tiếp theo sẽ có lời phản bác rằng nước Pháp sẽ không trang bị và chuyển được 100 000 người qua eo biển

La Măng-sơ mà lại giữ được bí mật tất cả. Có thể lắm; nhưng nước Anh sẽ không biết đón chặn cú đánh từ đâu và lẽ tự nhiên là sẽ lo sợ cho số phận các lãnh địa của mình trên vùng bờ biển Địa Trung Hải và sẽ cố tăng cường các doanh trại của mình ở đây phòng khi mối nguy cơ tấn công Luân Đôn sẽ là sự nghi binh nguy trang cho mục tiêu cuối cùng của việc tấn công Man-ta và Gi-bran-ta. Nó sẽ dùng một số tàu trong hạm đội La Măng-sơ của mình phái đến những điểm ấy 20 000 - 30 000 lính, tất nhiên không phải là "quân tình nguyện" và qua đó trút lên đầu quân tình nguyện này toàn bộ gánh nặng chiến đấu với kẻ địch trong nước. Một số tác giả có tiếng tăm quả quyết rằng ngay cả việc cướp bóc Luân Đôn rất cuộc sẽ mang lại cho Anh ít thiệt hại hơn là việc nó bị đuổi khỏi Man-ta và Gi-bran-ta.

Song về điều này người ta sẽ nói với chúng ta thấy rằng chỉ cần tuyên bố quốc gia lâm nguy là đủ để phát động toàn thể người Anh trong cả nước, từ Si-vi-ốt-Khin-xơ đến Coóc-nu-ay và vút xuống biển kẻ địch đã đột nhập. Điều đó có thể như vậy. Nhưng kinh nghiệm dạy chúng ta rằng không kể sức mạnh tinh thần yêu nước của quần chúng thế nào thì việc dân chúng thường không có vũ khí, mà dù nếu có thì họ cũng không biết sử dụng, sẽ làm cho tinh thần chiến đấu của họ trong trường hợp xảy ra chiến tranh hết sức ít giá trị. Gây gộc và cái nặng có thể là vũ khí đặc biệt nguy hiểm đối với tính mạng con người ở Xê-ven-Dai-an^{1*} hoặc ở tỉnh lẻ, nhưng sẽ là vô lý nếu nghĩ rằng trong cuộc đánh nhau với lính Du-a-vơ những thứ ấy sẽ bất khả chiến thắng. Điều rất đáng ngờ nữa là giai cấp tư sản - hầu như chỉ có người ở trong các đơn vị tình nguyện - cũng sẵn sàng hưởng ứng lời kêu gọi vào lúc quân Pháp đang đóng trên hòn đảo quê hương của họ, nhưng đại diện của giai cấp ấy khi đi duyệt binh để nhận lời chúc

mừng của nữ hoàng. Dù sao thì thừa nhận khả năng xâm nhập của một đạo quân 150 000 người sẽ không vô lý hơn là cho rằng quân tình nguyện có thể đưa ra 120 000 người vì lời mời chân tình từ điện Bốc-kinh-hêm không tuyển mộ nổi trên 18 300 người khi đợt tuyển quân mười hai tháng kết thúc.

Vì người ta phát biểu một số lời nghi ngờ quân số thực tế tham gia duyệt binh ở công viên Hai-đơ, nên chúng tôi xin dẫn ra một đoạn trích báo "Manchester Guardian" về ngày duyệt binh thứ hai. "Đặc phái viên" nhắc đến ở đây là ngài Tom Tay-lo, bạn gần gũi và tin cậy của đại tá Mắc - Mê-rơ-đô:

"Như bạn đọc của chúng ta chắc còn nhớ, đặc phái viên của chúng tôi, dựa trên số liệu chính thức của đại tá Mắc - Mê-rơ-đô đã tuyên bố rằng quân số của họ là 18 300 người, nghĩa là kém một ít so với con số mà ông Giôn Buyéc-gôi xác định. Nhưng có lẽ ông Giôn quan tâm đến phong cách chiến đấu của quân tình nguyện hơn là đến quân số của họ".

Đánh giá quân số của các đội quân chắc có thể được tập trung lại để chống trả cuộc xâm nhập, chúng tôi cố ý lấy con tính thuận lợi nhất đối với Đại Anh quốc. Báo cáo của chúng tôi thừa nhận những người lính, ốm đau cũng như khoẻ mạnh, có tên trong danh sách binh sĩ đều sử dụng được cả. Chúng tôi đã xác định quân số dân binh và quân tình nguyện là 115 000 người - một con số mà những người nắm chắc tình hình có thể cho là vượt đáng kể quân số đích thực. Ngoài ra, những điều đặc biệt quan trọng sau đây của đề tài đang được thảo luận lại hoàn toàn không được chú ý tới: năng lực được thừa nhận của đội ngũ chỉ huy cao cấp của quân đội Pháp, ưu thế của kỷ luật quân đội Pháp, ưu thế chung của chiến thuật Pháp và mặt khác, sự dấn dõn không thể chối cãi của nhiều sĩ quan cao cấp quân đội Anh, sự quản lý cầu thả đối với quân đội chính quy và quân tình nguyện (sau khi báo trước năm tuần, tháng Năm năm nay một trung đoàn dân binh đến dự duyệt binh có 135 người đi chân đất), cuối cùng, năng lực chiến

1* - khu phố công nhân ở trung tâm Luân Đôn

đấu của quân đội Anh nhìn chung rõ ràng là kém hơn so với quân đội Pháp.

Lưu ý đến những điều đó cũng có nghĩa là phải coi điều sau đây là không thể nghi ngờ: nếu Na-pô-lê-ông với đạo quân 150 000 hoặc thậm chí 100 000 người ngày mai đổ bộ lên một cảng của Anh được chọn một cách thành công thì ông ta sẽ "cướp phá được Luân Đôn" và tránh được tình trạng "bị tiêu diệt" mà, như một tờ báo Luân Đôn khẳng định cách đây không lâu, chắc chắn sẽ trở thành số phận không tránh khỏi của ông ta, "nếu ông ta bước lên đất Dắc-den với ý đồ thù địch".

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối tháng Bảy
1860*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

*Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York
Daily Tribune" số 6021, ngày 11 tháng Tám
1860*

C.MÁC

LIÊN MINH NGA - PHÁP

Luân Đôn, ngày 3 tháng Tám 1860

Những ý kiến tôi đưa ra trong bài báo gần đây^{1*} về sự tồn tại mối liên hệ bí mật giữa cuộc thám sát ở Xi-ri và liên minh Nga - Pháp đã nhận được sự xác nhận bất ngờ từ phía bên kia eo biển La Măng-sơ dưới dạng một quyển sách in ở nhà xuất bản của ngài Đan-tiu thứ ba tuần trước với nhan đề "Xi-ri và sự liên minh với Nga" và được gán cho là do ngài Ét-môn A-bu viết⁸⁵. Ngài Đan-tiu, như các bạn đã biết, là một người xuất bản của Chính phủ Pháp, in tất cả các cuốn sách nửa chính thức thỉnh thoảng nói về châu Âu và tiết lộ bí mật của những "công trình nghiên cứu" mà lúc này hay lúc khác người ở điện Tuy-lơ-ri say mê. Quyển sách nói trên đặc biệt đáng chú ý vì nó ra mắt ngay sau bức thư thân tình của người anh hùng thánh Chạp gửi cho Péc-xi-nhi⁸⁶ nhằm thôi miên Giôn Bun, đồng thời một bản của bức thư ấy được huân tước Giôn Rót-xen gửi cho báo "Times" ở Luân Đôn, mà không trình nghị viện của ông ta. Những đoạn sau đây chứa đựng những điểm quan trọng nhất trong cuốn sách "Xi-ri và sự liên minh với Nga".

"Như vào thời các cuộc thập tự chinh, châu Âu Cơ Đốc giáo bị chấn động bởi một tội ác khủng khiếp mà nơi diễn ra mới đây là Xi-ri. Bảy mươi vạn tín đồ Cơ Đốc

giáo bị sự cuồng tín tàn khốc của hai triệu tín đồ Hồi giáo chi phối, và Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ bằng thái độ bất hành động không thể giải thích được của mình dường như tự mình tiết lộ sự dính líu của mình với vụ việc ấy. Tất nhiên, nước Pháp sẽ từ bỏ tất cả mọi truyền thống của mình, nếu nó không lập tức gánh vác một vai trò vẻ vang là bảo vệ sinh mệnh và tài sản của những người mà trong quá khứ xa xôi đã là binh sĩ của Pi-e ẩn sĩ, và của Phi-líp Au-gu-xtơ... Vì vậy đã đến lúc phải suy nghĩ xem làm thế nào để ra khỏi cái tình thế mà nếu kéo dài thì sẽ dẫn đến đại nạn - thần dân theo đạo Cơ Đốc của triều đình Thổ Nhĩ Kỳ bị tiêu diệt hoàn toàn. Cuộc viễn chinh mà Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ nói nhiều đến thế, hoàn toàn không đủ để lập lại trật tự. Những nước lớn có giáo hữu ở Xi-ri và lo lắng một cách chính đáng về sự an ninh của họ, phải chuẩn bị cho sự can thiệp về mặt thể chất. Nếu họ trì hoãn thì sẽ muộn mất, không thể bảo vệ được những nạn nhân ấy nữa; bốn phận duy nhất của họ sẽ là trả thù cho những người tử vì đạo.

Hai nước đặc biệt quan tâm đến việc bảo vệ cây thánh giá chữ thập ở những bờ biển xa xôi ấy là Pháp và Nga. Hậu quả sự liên minh vũ trang của họ có thể như thế nào và sự liên minh đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đến sự tổ chức tiếp theo của châu Âu? Nghiên cứu những vấn đề này chính là việc chúng tôi định làm.

Trong những thời kỳ nhất định trong lịch sử, dưới tác động của những quy luật hấp dẫn và liên kết nhất định, các dân tộc tạo nên những sự kết hợp chính trị mà trước kia chưa có. Chúng tôi "có mặt" tại một trong những thời điểm căng như vậy trong đời sống của loài người. Vấn đề Xi-ri chỉ là một trong những nút của một tình hình rất phức tạp. Toàn bộ châu Âu đang ở trong trạng thái chờ đợi và lo âu, nó đang chờ giải quyết vấn đề một cách toàn diện khả dĩ đặt cơ sở cho một nền hòa bình ở châu Âu cũng như ở phương Đông. Nhưng mục đích ấy chỉ có thể đạt được trong trường hợp nếu sự tổ chức châu lục chúng ta phù hợp với nguyện vọng và yêu cầu cho các dân tộc hiện đại đang đấu tranh dưới ách nô lệ. Các khuynh hướng tôn giáo, thù địch, sự không giống nhau về tính khí, những ngôn ngữ hoàn toàn khác nhau - tất cả những điều đó góp phần duy trì ở những nước châu Âu nhất định những tâm trạng lo lắng ngăn cản việc khôi phục lòng tin và cản trở sự tiến bộ của nền văn minh. Hòa bình, cái đích cuối cùng mà tất cả mọi chính phủ đều hướng tới này, chỉ có thể được đảm bảo vững bền khi không còn những nguyên nhân thường xuyên gây nên các làn sóng sôi động mà chúng tôi vừa mới chỉ ra. Vì vậy chúng tôi muốn nêu hai kết luận:

1. Ở đâu có thể, đều cần phải góp phần xây dựng một quốc gia dân tộc thuần nhất với sứ mệnh thu hút và tập trung dân cư có những tư tưởng hoặc ý nguyện chung vào một thể thống nhất hùng hậu.

2. Cần phải thi hành và ủng hộ nguyên tắc này, không dùng đến vũ khí.

1* Xem tập này, tr. 129-132

Ngay mới thoát nhìn vào Pháp và Nga, chúng ta thấy rằng hai nước ấy đã thực hiện lý tưởng quân chủ. Tuy cách nhau những 400 dặm, nhưng hai nước lớn ấy bằng những con đường hết sức khác nhau đã đạt được một sự thống nhất mà chỉ riêng nó tạo nên những quốc gia vững chắc, chứ không phải những miền có cuộc sống ngán ngùi với biên giới có thể thay đổi xoành xoạch do những ngẫu nhiên của chiến tranh. Những ông vua 135 năm qua suy ngẫm di chúc của Pi-ốt Đại đế, không ngừng hướng ánh mắt tham lam vào phần Thổ Nhĩ Kỳ thuộc châu Âu... Nước Pháp có phải trước hết vẫn chống tham vọng của các Nga hoàng muốn chiếm để chế đã già nua của vua Thổ Nhĩ Kỳ hay không? Chúng tôi nghĩ là không. *Nếu nước Nga đề nghị giúp chúng ta lấy lại biên giới vùng Ranh thì, theo ý chúng tôi, bất kỳ quốc gia nào cũng sẽ không phải là cái giá quá cao trả cho sự liên minh đó. Nhờ sự kết hợp như vậy mà nước Pháp sẽ có thể khôi phục những biên giới thực tế của mình do nhà địa lý Xto-ra-bôn vạch ra cách đây mười tám thế kỷ*".

(Tiếp theo đó là đoạn trích tác phẩm của Xto-ra-bôn kể ra những ưu thế của vùng Gô-lơ với tư cách là lãnh thổ của một cường quốc hùng mạnh).

"Dễ dàng hiểu rằng nước Pháp phải tìm cách phục hồi tạo vật thần thánh ấy" (có lẽ ý muốn nói đến biên giới của Gô-lơ), "điều mà trong bấy nhiêu thế kỷ sự khôn ranh của con người đã cản trở, và lại điều đó diễn ra trong tình hình là vào những thời kỳ chúng ta không nghĩ đến việc mở mang lãnh thổ, thế nhưng nước Đức qua từng thời kỳ đã tỏ ra bất an, tung ra cho chúng ta bài ca yêu nước của Béch-cơ như một lời thách thức... Chúng ta biết rằng không chỉ riêng chúng ta nghĩ đến việc mở rộng biên giới của mình mà thôi. Và nếu nước Nga nhòm ngó Công-xtăng-ti-nô-plơ với những ý định như chúng ta nhìn vùng Ranh thì có thể thu được chút ít ích lợi từ những tham vọng như vậy hay không và có thể bắt châu Âu chấp nhận một sự phối hợp sẽ giao Thổ Nhĩ Kỳ cho Nga và giao cho Pháp biên giới vùng Ranh mà năm 1814 Na-pô-lê-ông I coi là điều kiện sine qua non^{1*} cho sự tồn tại của mình với tư cách một ông vua hay không?

Ở châu Âu chỉ có hai triệu người Thổ Nhĩ Kỳ, trong khi đó có mười ba triệu người Hy Lạp và chúa tể tinh thần của họ là Nga hoàng... Cuộc khởi nghĩa của người Hy

Lạp kéo dài mười năm chỉ là màn giáo đầu của phong trào mà cuộc thảm sát ở Xi-ri có thể là tín hiệu nảy sinh của phong trào đó. Các tín đồ Cơ Đốc giáo Hy Lạp chỉ đợi lệnh từ thủ lĩnh của mình ở Pê-téc-bua hoặc từ đại giáo chủ ở Công-xtăng-ti-nô-plơ là họ nổi dậy chống những người không theo đạo; và trong số những nhà chính trị sáng suốt ít ai lường trước được việc giải quyết vấn đề phương Đông theo tinh thần thuận lợi cho nước Nga, hơn nữa là trong một tương lai không xa. Vì vậy không có gì đáng ngạc nhiên nếu theo lời kêu gọi của các đạo hữu của mình, được những lời tiên đoán của Xta-lê-da-nốp cổ vũ, quân Nga bất cứ lúc nào cũng đều sẵn sàng vượt sông Prút.

Nếu chúng ta nhìn vào biên giới của chúng ta thì những quan điểm bào chữa cho ý nguyện của chúng ta sẽ tỏ ra nặng cân như những quan điểm chỉ đạo nước Nga. Chúng ta hãy tạm gác tất cả mọi ký ức lịch sử, tất cả mọi chủ đề địa lý, chúng ta sẽ lần lượt xem xét những tỉnh tiếp giáp sông Ranh và nghiên cứu những nguyên nhân khiến chúng bị thôn tính.

Thứ nhất, trước mắt chúng ta là nước Bỉ. Nói thật, khó mà phủ nhận sự giống nhau kỳ lạ đem lại cho một số sử gia cái cơ để gọi người Bỉ là người Pháp miền Bắc. Quả thật, ở nước này các tầng lớp có học thức chỉ dùng tiếng Pháp, còn tiếng địa phương Phla-măng thì chỉ có những tầng lớp dân cư bên dưới ở một số vùng hiểu được mà thôi. Ngoài ra, toàn bộ nước Bỉ đều gắn bó với đạo Thiên chúa, cụ thể là với nước Pháp, nước chị em của mình xét về nguồn gốc, ngôn ngữ và tôn giáo, nhờ Pháp mà Bỉ được độc lập. Chúng tôi sẽ không nhắc lại rằng nước Bỉ bị chiếm lĩnh bằng vũ khí của chúng ta vào năm 1795, đến năm 1814 nó là chín tỉnh của Pháp. Song cái ách của chúng ta xem ra không thật nặng nề, vì vào năm 1831 do không được các nước lớn cho phép sáp nhập vào Pháp, theo nghị quyết của cả hai viện, Bỉ đã trao vương miện Bỉ cho công tước Nơ-mua, con trai vua Pháp. Việc ông này khước từ đã buộc họ sau đó trao ngôi vua cho công tước xứ Dắc-den-Cô-buốc-gơ, nay là Lê-ô-pôn I, nhưng tiền lệ mà chúng tôi dẫn ra, đối với chúng ta dường như cực kỳ quan trọng; nó cho ta cơ sở để giả định rằng, nếu hỏi Bỉ về ý kiến của nước này thì Bỉ sẽ không kém rộng lượng so với Xa-voa và thêm một lần nữa sẽ chứng minh rằng mỗi cảm tình và lòng kính trọng mà tâm cơ vĩ đại của Pháp gây cho Bỉ to lớn dường nào. Sự chống đối của những người thuộc các tầng lớp trên sẽ rất nhanh chóng bị tiếng vỗ tay của dân chúng át đi.

Trước khi đổ ra biển, sông Ranh chia thành ba nhánh, trong đó hai nhánh chảy gần như thẳng theo hướng bắc, - đó là nhánh Ít-xen, đổ vào biển Giây-đéc-gie và

1* - không thể thiếu

nhánh Ven, một nhánh của sông Ma-xơ. Nếu Pháp lại phải hoạch định biên giới của mình thì nước này có thể lấy chính tuyến sông Ranh thay cho tuyến Ven hoặc Ít-xen để cắt một phần càng nhỏ càng tốt miền Nam Hà Lan hay không? Tất nhiên, Pháp sẽ làm y như vậy. Hơn nữa, sự cần thiết nắm lại biên giới nước ta theo tuyến sông Ranh được lấy làm cơ sở tuyệt nhiên không có nghĩa là việc đó phải được tiến hành bằng cách hy sinh lợi ích của Hà Lan. Để thoả mãn nhu cầu của chúng ta về việc mở rộng mà dư luận đã từ lâu lớn tiếng đòi hỏi, nước Bỉ trong biên giới hiện nay cũng đủ rồi. Và lại, tuyến Sen-đa là biên giới được trao cho Pháp theo Hiệp ước Luy-nơ-vin năm 1801".

Tiếp theo là một đoạn ngắn chứng minh, bằng những lý lẽ y như vậy, sự cần thiết phải thôn tính đại công quốc Lúc-xăm-buốc "dưới thời đế chế vốn là Département des Forêts^{1*}". Sau đó tác giả chuyển sang chứng minh sự cần thiết của việc sáp nhập vùng Ranh thuộc Phổ:

"Sau khi Bỉ và Lúc-xăm-buốc sáp nhập vào nước ta, nhiệm vụ của chúng ta vẫn chưa hoàn thành... Để cải thiện biên giới nước ta, chúng ta phải sáp nhập ít ra là hai phần ba vùng Ranh thuộc Phổ, toàn bộ vùng Ranh thuộc Ba-vi-e và gần một phần ba đại công quốc Hét-xen. Tất cả những vùng đất ấy dưới thời đế chế từng là các tỉnh Rua, Ranh và Mô-đen, Xa-rô, Mông-Tôn-nơ và đại công quốc Béc-gơ. Năm 1815, những tỉnh này được phân chia cho một số chủ để gây khó khăn cho việc trả lại những tỉnh đó vào tay chúng ta. Đáng chú ý là những tỉnh ấy đã được sáp nhập vào nước quân chủ Pháp, có quan hệ trực tiếp với chúng ta trong có vài năm, song sự có mặt tạm thời của chúng ta đã để lại ở đây những dấu vết không thể xóa nhòa. Lữ khách Pháp ở vùng ấy được đối xử tử tế như thế nào, điều đó cứ để những người đã từng đến đấy nói. Bốn mươi lăm năm qua không một người lính Pháp nào đồn trú ở những thành phố nằm trên hai bờ sông Ranh, thế nhưng thật đáng ngạc nhiên là ở đấy người ta có thái độ cảm động nhường nào đối với bộ phận phục của chúng ta. Họ cũng là tín đồ Thiên chúa giáo như chúng ta; cũng như chúng ta, họ là người Pháp. *Chẳng lẽ ở A-khen có triều đình của hoàng đế chúng ta, Sác-lơ đại đế?* Những tỉnh vùng Ranh kề cận với nước Pháp phải trở nên phụ thuộc về chính trị vào Pháp, giống như chúng phụ thuộc Pháp về mặt tự nhiên vậy".

Rồi tác giả trở lại nước Nga và sau khi chỉ ra rằng cuộc Chiến

1* - Tỉnh miền rừng

tranh Crưm không phải là chướng ngại cho sự liên minh giữa Pháp và Nga, *tuy lúc đó hai nước ấy chưa đi đến chỗ thỏa thuận với nhau*, đã thuật lại một trong những động cơ làm cơ sở để Pháp đòi Nga phải mang ơn:

"Cần phải nhớ rằng Pháp không ủng hộ các kế hoạch của Anh trên biển Ban-tích. Chúng ta không biết rằng cuộc tấn công Crôn-stát có thành công trong mọi trường hợp hay không; như chúng ta có cơ sở để suy nghĩ rằng cuộc tấn công đó không được tiến hành vì Pháp chống lại".

Sau khi điểm lại cuộc chiến tranh I-ta-li-a, tác giả tỏ ý tin tưởng rằng cuối cùng Phổ sẽ tham gia liên minh Pháp-Nga:

"Nhưng để bắt nội các Béc-lin phải theo chính sách của chúng ta, cần phải làm cho nội các ấy thoát khỏi ảnh hưởng của Anh. Sao lại có thể làm như vậy? Sau khi đã đạt được việc làm cho Phổ không còn là láng giềng của chúng ta trên vùng sông Ranh nữa và hứa ủng hộ những yêu cầu chính đáng của Phổ về việc chiếm ưu thế ở Đức, việc nhường những tỉnh vùng Ranh này sẽ bắt Ba-vi-e và Phổ tìm kiếm sự bồi thường bằng tiền của Áo. Sự liên minh với Anh chỉ có thể đem lại status quo^{1*} cho Phổ, còn sự liên minh với Pháp thì mở ra cho Phổ những chân trời vô hạn!

Khi Pháp, Nga và Phổ ký kết liên minh thành thật, - chúng ta có cơ sở để hy vọng rằng nó sẽ được ký kết - thì hệ quả do sự liên minh ấy tạo ra sẽ hết sức tự nhiên... Như chúng tôi đã trình bày ở trên - cách đây 1800 năm, Xtơ-ra-bôn coi điều này là không thể chối cãi, - sông Ranh là biên giới tự nhiên của Bắc Pháp. Phổ thiệt hơn ai hết do sự bành trướng lãnh thổ này. Bốn mươi lăm năm qua Phổ bảo vệ sông Ranh như con rồng bảo vệ vườn Hê-xpê-rít. Hãy trừ bỏ nguyên nhân này của sự thù địch giữa Pháp và Phổ; giả sử bờ trái sông Ranh lại trở thành bờ của phía Pháp; để thưởng công, Phổ sẽ được đền bù bằng đất của Áo - nước lớn này sẽ bị trừng phạt vì sự lật lọng và vụng về. Cần phải làm tất cả để hòa bình được lâu dài.

Cần phải chú ý đến nguyện vọng của dân chúng để khỏi có những cuộc thôn tính bằng bạo lực. Nếu Nga chiếm Công-xtăng-ti-nô-pơ, còn Pháp thì chiếm vùng sông Ranh, nếu diện tích của Áo giảm đi, còn Phổ thì chiếm ưu thế ở Đức, thì do đâu mà những vụ lộn xộn hoặc những cuộc cách mạng có thể nảy sinh ở châu Âu? Chẳng lẽ nước Anh dám một mình chống lại Nga, Phổ và Pháp? Chúng ta không thể cho phép làm thế. Song nếu điều đó xảy ra, nếu Anh cả gan hành động điên rồ như vậy,

1* - nguyên trạng

thì nó sẽ nhận lấy một bài học nghiêm khắc. Gi-bran-ta, Man-ta, quần đảo I-ô-riêng là nhân tố đảm bảo cho nó được yên ổn; tất cả đó là những điểm hiểm yếu trên áo giáp của nó. Nhưng tuy nó chỉ có thể lo âu vô bổ trên hòn đảo của mình và sẽ buộc phải vẫn là người thụ động quan sát những gì xảy ra trên lục địa, nó vẫn được phép phát biểu ý kiến của mình nhờ năm - sáu nghìn người mà nó sẽ phái sang Xi-ri.

Sẽ đến lúc chính sách của chúng ta phải được xác định rõ. Chính ở Xi-ri, Pháp phải dùng con đường hòa bình chiếm biên giới sông Ranh, củng cố sự liên minh của mình với Nga. Nhưng chúng ta phải quan tâm để không cho Nga bành trướng vô hạn. Các tỉnh từ Bô-xpho trở lên phía bắc phải thỏa mãn yêu cầu của nó. Tiểu Á phải vẫn là lãnh thổ trung lập. Nếu có thể xem xét vấn đề thực tiễn dưới ánh sáng thơ ca và ánh sáng thực tiễn, thì chúng tôi sẽ nói rằng chúng tôi đã tiến hành lựa chọn; đúng là đã nổi lên một con người dường như là hiện thân của cái chủ trương mà chúng ta muốn thấy nó được thể hiện ở Xi-ri. Đó là Áp-đen-Ca-đe. Ông là tín đồ Hồi giáo chính thống, đủ để được dân chúng theo đạo Hồi tin cậy; ông văn minh đủ để đối xử công bằng như nhau với mọi người, ông gắn bó với Pháp do quan hệ hàm ơn, ông sẽ bảo vệ các tín đồ Thiên chúa giáo và sẽ bắt những bộ lạc hung hãn luôn luôn sẵn sàng phá hoại sự yên tĩnh ở Tiểu Á phải phục tùng. Việc bổ nhiệm Áp-đen-Ca-đe làm quốc vương Xi-ri sẽ là phần thưởng xứng đáng cho công lao của người tù của chúng ta".

Những nhận xét phê phán cuốn sách của

A-bu do C.Mác viết ngày 3 tháng Tám

1860

Đã đăng trên báo "New - York Daily

Tribune" số 6025, ngày 16 tháng Tám 1860

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

THUẾ QUAN ĐÁNH VÀO GIẤY BỨC THƯ CỦA HOÀNG ĐẾ

Luân Đôn, ngày 7 tháng Tám 1860

Cuộc đấu đá lớn giữa các phe phái trong kỳ họp hiện nay diễn ra tới hôm qua tại hạ nghị viện, với sự có mặt của đa số nghị sĩ, đã tỏ ra không thành công xét trên góc độ xảo thuật sân khấu, tuy là thắng lợi theo quan điểm của nội các. Những nghị quyết do ngài Glát-xton đưa ra về giảm thuế quan đánh vào giấy ngang mức thuế gián thu - với khoản phụ cấp không đáng kể vào thuế quan để bù cho những bất tiện có thể có về thuế gián thu - đã được thông qua với đa số là 33 phiếu. Song hạ nghị viện hoàn toàn giữ phong cách của mình. Ở đây đã có một vũ đài, đã có những đấu sĩ đeo bao vũ khí, nhưng không có công chúng đáng nhắc tới. Ngay trước khi cuộc đấu nổ ra thì kết cục của nó đã biết rồi và bản tin đã được công bố. Do đó mà công chúng không tham dự. Được biết rằng những đảng tham gia liên hợp, tạo thành cái gọi là "đảng tự do vĩ đại"⁸⁷ chiếm đa số trong nghị viện, thành thử thất bại của nội các sẽ có thể chỉ là kết quả của sự chia rẽ trong hàng ngũ phe đa số. Song điểm này đã được dàn xếp tại dinh thự chính thức của huân tước Pan-móc-xton, nơi ông ta đã mời trước những nghị sĩ tự do đủ màu sắc đến. Bản thân nghị quyết xuất phát từ phái Man-se-xơ trong nội các, vì huân tước Pan-móc-xton đã có thể duy trì việc ủng hộ hai ngài Glát-xton và Min-nơ Gíp-xơ, chỉ bằng cách đảm nhận trách nhiệm nâng

nghị quyết của ngài Glát-xton lên hàng nghị quyết của chính phủ. Trước đây ông ta đã đánh lừa sự tin cậy của họ bằng sách lược của mình khi đưa ra thông qua dự luật bãi bỏ thuế giấy. Lần này họ buộc ông ta phải giữ một đường lối ứng xử nhất định. Những đảng viên đảng Vích chính thống là phái duy nhất bị nghi là có mưu đồ phản bội trong phe đa số; nhưng tiếng nói nghiêm khắc của người chủ của họ và nguy cơ nghị viện lại bị giải tán lơ lửng trước mặt họ đã tỏ ra đủ để đưa họ trở lại chịu sự chi phối của những quy tắc kỷ luật khắt khe. Vậy là nhiều giờ trước khi cuộc trình diễn bắt đầu, toàn thể Luân Đôn đã biết chính xác kết quả của thủ tục đảng phái và trừ những khách hàng quen ở tầng thượng dành cho khán giả ra, không ai muốn có mặt ở cuộc đấu đá hữu danh vô thực tại nhà thờ thánh Xê-phan⁸⁸. Quả thực, đó là một cảnh tượng khá buồn tẻ; chỉ có lời hùng biện hấp dẫn của ngài Glát-xton, cũng như bài diễn văn bảo vệ được chuẩn bị kỹ lưỡng của ông Huy Ken-xơ là đã gây nên một chút sôi nổi. Ngài Glát-xton đã cố gắng mô tả phe chống lại dự luật của ông như là mưu toan chống đối liêu lĩnh cuối cùng của phái bảo hộ mậu dịch chống phái mậu dịch tự do. Khi ông ngồi xuống, những tràng vỗ tay át mấy tiếng cuối cùng của ông dường như hoan nghênh ông là lãnh tụ đích thực của đảng tự do, cái đảng mà trong đó huân tước Pan-móc-xton là nhà độc tài hoàn toàn không được người ta yêu mến. Bằng lập luận lô-gích chặt chẽ và phân tích sâu sắc, ông Huy Ken-xơ phát biểu nhân danh phái bảo thủ, đã chứng minh rằng việc hạ thuế quan đánh vào giấy ngang mức thuế gián thu tuyệt nhiên không phải do hiệp ước thương mại với Pháp quy định. Đối thủ của ông ta, bộ trưởng tư pháp, ông Ri-sốt Bê-ten, người thuộc phái tự do, đã hành động không tế nhị, ông ta tỏ ra cay cú trước thành công của đối thủ cạnh tranh với mình và nhạo báng "sự hùng biện kiểu thầy cãi" của ông Huy; bằng cách đó ông ta đã chuốc lấy cho đầu óc nghèo nàn của mình một tràng

tiếng la ó phản đối của những người thuộc phái bảo thủ cắt ngang bài phát biểu của ông ta.

Vậy là, cuộc đấu đá lớn giữa các phe phái trong kỳ họp hiện nay đã kết thúc, và giờ đây chắc những thành viên đáng kính của nghị viện sẽ bắt đầu từng tốp rời khỏi hạ nghị viện, thành thử có thể huân tước Pan-móc-xton sẽ chỉ dằng dai cố tranh thủ thông qua cho kỳ được cái dự luật nhỏ mọn hợp lòng ông ta, chẳng hạn như đạo luật Ấn Độ kỳ quái về việc nhập quân đội người Âu ở địa phương với quân đội Anh⁸⁹. Nếu cần có một bằng cứ mới có sức thuyết phục nào đó chứng minh sự xuống cấp vô cùng của chế độ nghị viện ở Anh, thì bằng cứ ấy có thể là đạo luật Ấn Độ, đó là thái độ mà nó đã gặp ở hạ nghị viện. Bất kỳ hạ nghị sĩ nào tương đối có uy tín trong các vấn đề Ấn Độ và hiểu biết chút ít những vấn đề đó đều chống lại đạo luật ấy. Đa số hạ nghị sĩ chẳng những tự mình thừa nhận mình hoàn toàn không am hiểu, mà còn phát biểu những lời hoài nghi đen tối về những ý định kín đáo của những người làm ra đạo luật ấy. Đa số không thể không thừa nhận rằng người ta đã lôi luật ra hạ nghị viện thông qua bằng con đường lừa bịp; rằng những văn kiện quan trọng nhất, cần có để đánh giá đúng tình hình, đã bị che giấu một cách gian lận; rằng bộ trưởng phụ trách vấn đề Ấn Độ^{1*} đã đưa dự án luật ra, bất chấp sự không đồng ý của tất cả các uỷ viên của Hội đồng Ấn Độ, điều này rõ ràng là vi phạm hiến pháp mới được tặng cho Ấn Độ năm 1858⁹⁰, hội đồng cho là không cần báo cáo cho hạ nghị viện biết; cuối cùng, rằng nội các thậm chí không tìm cách đưa ra bất cứ lý do nào để thông qua hạ nghị viện một cách vội vã, khiếm nhã như vậy vào cuối kỳ họp - sau khi những vấn đề tương đối quan trọng đã bị gạt ra, không được thảo luận nữa - một đạo luật đã thực tế thay đổi căn bản hiến pháp Anh bằng

1* S.Vút

cách tăng cường cao độ quyền lực nhà vua và xây dựng một quân đội mà trong thực tế sẽ độc lập về tất cả mọi mặt với kinh phí của nghị viện. Và giờ đây đạo luật vẫn có thể được thông qua vì người đứng đầu cả hai phái hình như đã bí mật câu kết với triều đình.

Bức thư của Lu-i - Na-pô-lê-ông gửi cho Péc-xi-nhi yêu cầu của ông ta tiếp tục được tập trung chú ý ở Anh, cũng như ở phía bên kia eo biển La Măng-sơ. Thứ nhất, sự phản đối của triều đình Thổ Nhĩ Kỳ chống cuộc viễn chinh của Xi-ri dưới dạng được Pháp và Nga thiết kế lúc đầu⁹¹, có lẽ đã được Áo và Phổ ủng hộ mạnh mẽ, còn huân tước Pan-móc-xton, người cách đây không lâu, trong cuộc thảo luận về công sự, đã chọn Lu-i - Na-pô-lê-ông làm đối tượng chủ yếu của sự hoài nghi của Anh, thì không thể không đặt uy tín của mình lên bàn cân nghiêng về phía Thổ Nhĩ Kỳ và các quốc gia Đức. Sau nữa, người anh hùng thánh Chạp có lẽ hơi sợ chẳng những trước giọng điệu độc tài của Nga, mà trên một mức độ càng lớn hơn, trước những lời chế giễu được lặp đi lặp lại ở các phòng khách của "anciens partis"^{1*} và trước tiếng ta thán râm rì vọng từ ngoại ô Pa-ri tới về "alliance cosaque"^{2*}.

Để làm cho sự liên minh này có thể chấp nhận được đối với Pa-ri thì cần làm cho tình hình trở nên phức tạp hơn. Trong những tình huống đáng buồn như vậy và trong trạng thái tinh thần trở nên bất an rõ rệt, Lu-i - Na-pô-lê-ông đã sáng tác bức thư của mình, một số đoạn trong thư cực kỳ ngộ nghĩnh.

Một người Anh, chắc là không nhịn được cười, khi đọc câu nói với huân tước Pan-móc-xton thế này: "Chúng ta hãy tiến tới thỏa thuận thật lòng, *như những con người trung thực là chúng ta, chứ không phải như những tên kẻ cắp* muốn lừa bịp nhau", nhưng chỉ có thính giác của người Pháp là có thể đánh giá sự vô vị tuyệt

1* - "những đảng cũ"

2* - "sự liên minh với người Cô-dắc".

vọng pha trộn nhiều chất vô lý trong nguyên bản tiếng Pháp: "Entendons nous loyalement comme d'honnêtes gens, que nous sommes, et non comme des larrons, qui veulent se duper mutuellement". Bất kỳ người Pháp nào sau khi đọc xong câu này cũng đều không thể không nhớ lại một câu y như thế trong vở kịch nổi tiếng "Rô-bóc Ma-co"⁹².

Tôi xin đưa ra kèm theo đây những số liệu so sánh về kinh phí quốc gia của Pháp và Anh. Theo ngân sách tạm thời hoặc ngân sách dự kiến, tổng thu nhập của Pháp năm 1860 là 1 825 triệu phrăng hoặc 73 000 000 p.xt. thu từ những nguồn sau đây:

	p.xt.
I. Thuế trực thu, ruộng đất, nhà cửa, thuế môn bài	18 800 000
II. Thu theo đăng ký (thuế tem và địa sản)	14 300 000
III. Rừng, rừng cấm và ngư trường	1 500 000
IV. Thuế quan và thuế muối.....	9 100 000
V. Thuế gián thu (thuế tiêu thụ v.v.).....	19 500 000
VI. Bưu chính	2 300 000
VII. Thu khác.....	7 500 000

Thu nhập của Anh năm 1859 (báo cáo tài chính năm 1860 chưa công bố) lấy con số tròn như đối với báo cáo của Pháp, như sau:

	p.xt.
I. Thuế (kể cả thuế thu nhập)	10 000 000
II. Thuế tem	8 250 000
III. Đất đai hoàng gia	420 000
IV. Thuế quan.....	24 380 000
V. Thuế tiêu thụ	18 500 000
VI. Bưu chính	3 200 000
VII. Thu khác.....	2 100 000

So sánh kinh phí quốc gia của hai nước, ta thấy như sau:

	Pháp	Anh
	(tính theo p.xt.)	
Lợi tức quốc trái.....	22 400 000	28 500 000
Lục quân và hải quân	18 600 000	22 500 000
Chi phí của hoàng gia	1 000 000	400 000
Chi vào việc thu các khoản.....	8 000 000	4 500 000
Chi khác.....	23 000 000	9 000 000
Tổng cộng	73 000 000	65 000 000

Qua bảng sau cùng, chúng ta có thể thấy rằng lợi tức quốc trái ở nước Pháp của Bô-na-pác-tơ đang tăng nhanh đến mức của nước Anh; rằng nước quân chủ tập quyền ở lục địa chi cho lục quân và hải quân ít hơn là nước theo chính thể tập đoàn thống trị trên đảo; rằng ông Lu-i - Na-pô-lê-ông nào đó cần tiền chi tiêu cá nhân gấp hai lần rưỡi so với vua Anh, và cuối cùng, ở một nước quan liêu như Pháp, tiền chi để thu các khoản tăng với tỷ lệ không tương xứng với tổng số chính các khoản thu.

Do C.Mác viết ngày 7 tháng Tám 1860

Đã đăng trên báo "New - York Daily

Tribune" số 6030, ngày 22 tháng Tám 1860

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

PH.ĂNG-GHEN

PHONG TRÀO GA-RI-BAN-ĐI

Luân Đôn, ngày 8 tháng Tám 1860

Sự kiện ở Nam I-ta-li-a sắp kết thúc. Nếu tin vào các báo Pháp và Xác-đi-ni thì 1 500 quân của Ga-ri-ban-đi đã đổ bộ lên bờ biển Ca-la-bri, hơn nữa Ga-ri-ban-đi sắp tới đây. Nhưng ngay cả nếu những tin tức ấy là quá sớm, thì cũng hoàn toàn chắc chắn là đến giữa tháng Tám, Ga-ri-ban-đi sẽ chuyển chiến trường sang bán đảo I-ta-li-a.

Để hiểu rõ những cuộc chuyển quân của quân đội Na-plơ, cần chú ý rằng trong hàng ngũ quân đội này có hai trào lưu thù địch nhau: đảng tự do ôn hòa chính thức cầm quyền do chính phủ đại diện và đám quần thần quân chủ chuyên chế mà đa số giới sĩ quan cao cấp của quân đội gắn bó với nó. Các mệnh lệnh của chính phủ bị các mệnh lệnh mật của triều đình và âm mưu của các tướng lĩnh làm cho tê liệt. Do đó mà các cuộc chuyển quân và thông báo mang tính chất đầy mâu thuẫn. Hôm nay người ta nói với chúng ta rằng tất cả các đơn vị quân đội nhà vua phải rời khỏi Xi-xin, còn ngày mai thì hóa ra chúng lo chuẩn bị một căn cứ tác chiến mới ở Mi-la-xô. Tất cả mọi cuộc cách mạng nửa vời đều có tình hình như vậy; năm 1848 đâu đâu ở châu Âu cũng đều nảy sinh những tình thế như vậy.

Trong khi Chính phủ Na-plơ đề nghị rút khỏi đảo, thì Bô-xcơ - như chúng ta thấy, là người kiên quyết duy nhất trong đám lão

già nhu nhược đeo ngù tướng Na-plơ - thần nhiên bắt tay vào việc biến miền Đông - Bắc đảo thành căn cứ kiên cố có thể làm bàn đạp để chiếm lại đảo; nhằm mục đích này ông ta đáp đi Mi-la-xô với một đội quân tinh nhuệ gồm những binh sĩ ưu tú mà ông ta có thể tìm được ở Mét-xi-na. Ở đây ông ta đã vấp phải một lữ đoàn quân Ga-ri-ban-đi do Mê-đi-si chỉ huy. Song ông ta không dám mở cuộc công kích tương đối đáng kể đối với quân Ga-ri-ban-đi; trong lúc ấy người ta đã báo tin cho Ga-ri-ban-đi, ông đã xuất hiện cùng với quân tiếp viện. Khi đó lãnh tụ nghĩa quân đã tấn công quân đội nhà vua và trong một cuộc giao tranh quyết liệt kéo dài hơn mười hai giờ, đã hoàn toàn đánh tan quân đội nhà vua. Lực lượng của hai bên tham chiến xấp xỉ ngang nhau, nhưng quân Na-plơ giữ một trận địa rất mạnh. Song cả trận địa lẫn binh sĩ đều không thể trụ nổi trước cuộc công kích nhanh, mạnh của nghĩa quân đã đuổi thẳng quân Na-plơ qua thành phố đến thành lũy. Lúc đó quân Na-plơ chỉ còn có việc đầu hàng, và Ga-ri-ban-đi cho phép họ lên tàu, nhưng không được mang theo vũ khí. Sau thắng lợi ấy, Ga-ri-ban-đi lập tức tiến về Mét-xi-na, nơi viên tướng Na-plơ đồng ý giao những đồn bốt bên ngoài thành phố với điều kiện không động chạm đến ông ta trong thành lũy. Thành lũy Mét-xi-na không thể chứa hơn mấy nghìn người, sẽ không bao giờ trở thành chướng ngại nghiêm trọng đối với cuộc tiến công tiếp của Ga-ri-ban-đi; vì vậy ông đã hành động hoàn toàn đúng là không pháo kích thành phố, mặc dù pháo kích lẽ ra là hậu quả không thể tránh khỏi của bất kỳ cuộc tấn công nào. Dù sao thì một loạt vụ đầu hàng ấy - ở Pa-léc-mô, Mi-la-xô và Mét-xi-na - cũng có thể làm cho lòng tin của quân đội nhà vua vào bản thân và vào những người chỉ huy của mình bị huỷ hoại nặng nề hơn rất nhiều so với số cuộc bại trận gấp đôi. Việc quân Na-plơ đầu hàng Ga-ri-ban-đi đã trở thành một hiện tượng thông thường.

Từ lúc đó, nhà độc tài Xi-xin đã có thể nghĩ đến chuyện đổ bộ lên đại lục. Tàu thủy của ông có lẽ chưa đủ để đảm bảo đổ bộ tiếp lên phía bắc, cách Na-plơ chừng sáu hoặc tám chặng đường,

dù chỉ là ở vịnh Pô-li-ca-xơ-rô. Vì vậy, có lẽ ông định vượt eo biển ở nơi hẹp nhất, nghĩa là ở điểm cực Đông - Bắc đảo, phía bắc Mét-xi-na. Như tin báo, ở điểm này ông đã tập trung gần 1000 tàu, đa số chắc là tàu đánh cá và tàu buồm chạy ven biển - kiểu tàu thông thường ở những bờ này, - và nếu thông báo về việc đổ bộ 1 500 quân do Xắc-ki chỉ huy được xác nhận thì số này sẽ là đội quân tiên phong của ông. Đó không phải là điểm thích hợp nhất để tiến quân đến Na-plơ, vì nó nằm trên bán đảo ở miền xa thủ đô nhất; nhưng nếu các tàu thủy của Ga-ri-ban-di không thể ngay một lần chuyển đi chục nghìn người, thì ông không phải chọn địa điểm khác, vì ở địa điểm này ít ra ông có một lợi thế là người Ca-la-bri sẽ lập tức theo ông. Song nếu Ga-ri-ban-di đưa được lên các tàu thủy của mình gần mười nghìn người và có thể tin vào sự trung lập của hạm đội hoàng gia (hạm đội này có lẽ đã quyết định không đánh người I-ta-li-a) thì như vậy có khả năng việc đổ bộ một đội quân nho nhỏ lên Ca-la-bri chỉ là một sự nghi binh, còn bản thân ông thì có ý định cùng với chủ lực hướng tới vịnh Pô-li-ca-xơ-rô hoặc thậm chí tới vịnh Xa-léc-nô.

Lực lượng hiện do Ga-ri-ban-di thống lĩnh gồm năm lữ đoàn bộ binh chính quy, mỗi lữ đoàn có bốn tiểu đoàn, mười tiểu đoàn *cacciatori dell'Etna*^{1*}, hai tiểu đoàn *cacciatori delle Alpi*^{2*} vốn là đội quân tinh nhuệ của ông, một tiểu đoàn nước ngoài (bây giờ là của I-ta-li-a) do đại tá Đan-nơ, người Anh chỉ huy, một tiểu đoàn công binh, một trung đoàn và một đại đội kỵ binh và sáu sư đoàn pháo binh dã chiến; tổng cộng 34 tiểu đoàn, 4 đại đội kỵ binh và 32 đại bác; tổng quân số lên tới khoảng 25 000 người, trong đó hơn một nửa là người gốc Bắc I-ta-li-a, số còn lại là người sinh ra ở những vùng khác của I-ta-li-a. Hầu hết lực lượng

1* - xạ thủ Ét-na

2* - xạ thủ An-pi

ấy có thể sử dụng để tấn công Na-plơ, vì những binh đoàn mới phiên chế hiện nay chẳng bao lâu nữa sẽ đủ để giám sát dinh lũy Mét-xi-na và để bảo vệ Pa-léc-mô và những thành phố khác trước các cuộc công kích. Song những đơn vị quân đội ấy, xem ra rất ít người, nếu so sánh chúng với những đơn vị quân đội mà Chính phủ Na-plơ có trong danh sách.

Quân đội Na-plơ gồm ba trung đoàn vệ binh, mười lăm trung đoàn chủ lực, bốn trung đoàn nước ngoài, mỗi trung đoàn có hai tiểu đoàn, tổng cộng 44 tiểu đoàn; mười ba tiểu đoàn bộ binh, chín trung đoàn kỵ binh và hai trung đoàn pháo binh, tổng cộng 57 tiểu đoàn và 45 đại đội kỵ binh thuộc thành phần thời bình. Gộp cả 9000 hiến binh cũng được tổ chức hoàn toàn theo lối quân sự, quân đội ấy trong thành phần thời bình có 90 000 người. Nhưng hai năm gần đây, quân số của nó đã được đưa lên thành phần đầy đủ của thời chiến; trong các trung đoàn đã phiên chế đủ ba tiểu đoàn, các đại đội kỵ binh dự bị được chuyển sang chế độ thường trực, các đội quân đồn trú được bổ sung đầy đủ, và hiện nay trong danh sách đội quân này có hơn 150 000 người.

Nhưng đạo quân ấy là đạo quân thế nào! Nhìn bề ngoài, theo quan điểm của một kẻ mọt sách nào đó thì nó thật tuyệt vời, nhưng trong đạo quân ấy không có sức sống, không có sự hăm hở, không có tinh thần yêu nước, không có lòng trung thành với bốn phần. Nó không có truyền thống chiến đấu dân tộc. Bản thân người Na-plơ bao giờ cũng bị thất bại trong các trận đánh; chỉ có đi theo Na-pô-lê-ông thì họ mới luôn luôn là người tham gia làm nên thắng lợi. Đó không phải là quân đội dân tộc, đó thuần túy là quân đội nhà vua. Nó được tuyển mộ và được tổ chức vì một mục đích chuyên biệt duy nhất là khuất phục dân chúng. Nhưng ngay cả đối với mục đích đó, rõ ràng là nó không thích dụng; nó chứa đựng vô khối phần tử chống quân chủ nay đang thể hiện ở khắp mọi nơi. Hầu hết các trung sĩ và đặc biệt là cai ngũ đều là các phần tử tự do chủ nghĩa. Toàn trung đoàn hô:

"Viva Garibaldi!"^{1*}. Chưa một quân đội nào chịu những thất bại như quân đội đó đã chịu, từ Ca-la-ta-phi-mi đến Pa-léc-mô và nếu các đơn vị nước ngoài và một số đơn vị Na-plơ đã chiến đấu tốt ở Mi-la-xô thì không nên quên rằng những đội quân tinh nhuệ ấy chỉ là một thiểu số không đáng kể trong quân đội.

Như vậy, hầu như chắc chắn là nếu Ga-ri-ban-đi đổ bộ với lực lượng đủ để bảo đảm một số thắng lợi trên lục địa, thì không một sự tập trung ô ạt nào của quân Na-plơ có thể đối phó Ga-ri-ban-đi với cơ may thành công; và trong tương lai rất gần, có thể chúng ta sẽ nghe thấy ông tiếp tục cuộc tiến quân thắng lợi từ Si-la đến Na-plơ cầm đầu 15 000 người chống lại một đối thủ mạnh gấp mười lần.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 8 tháng Tám 1860
Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"
số 6031, ngày 23 tháng Tám 1860*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - "Ga-ri-ban-đi muôn năm!"

C.MÁC

***ĐỢT CÔNG TRÁI MỚI CỦA XÁC-ĐI-NI. - ĐỢT CÔNG TRÁI SẮP TỚI CỦA PHÁP VÀ CỦA ẤN ĐỘ**

Luân Đôn, ngày 14 tháng Tám 1860

Đợt phát hành công trái mới của Xác-đi-ni với số tiền là 6 000 000 p.xt., đã kết thúc, hơn nữa nghe nói con số nhận mua công trái vượt gấp ba số tiền cần thiết. Như vậy, hóa ra giá trái phiếu của Vương quốc I-ta-li-a mới được nâng cao trên thị trường đúng vào lúc nước Áo không trang trải được nợ của mình, số nợ này cần đo bằng sự yếu kém của chính phủ, chứ không phải bằng nguồn lực của đất nước, còn Nga, nước Nga hùng cường, nước đã bị đuổi khỏi thị trường tín dụng châu Âu, đã buộc phải một lần nữa sử dụng máy in. Nhưng ngay cả đối với Xác-đi-ni đợt công trái mới nhắc chúng ta nhớ đến một sự thực đáng ghê tởm là trong thời đại chúng ta hầu như bước đi đầu tiên của một dân tộc đấu tranh cho tự do và độc lập đều tất yếu dẫn đến một sự nô dịch mới. Chẳng lẽ mọi món nợ quốc gia không phải là món nợ cầm cổ đè nặng lên toàn bộ nền kinh tế quốc dân và không cắt xén nền tự do của nhân dân hay sao? Chẳng lẽ nó không sản sinh ra một hạng bạo chúa vô hình mới mang danh là chủ nợ quốc gia hay sao? Song nếu người Pháp chưa đầy một thập kỷ đã tăng gần gấp đôi số nợ quốc gia của mình để vẫn là những người

nô lệ, thì có thể, người I-ta-li-a cần phải gánh vác loại nghĩa vụ ấy để trở thành người tự do.

Pi-ê-mông, theo nghĩa đen của từ, trừ những tỉnh mới sát nhập gần đây⁹³, năm 1847 đã nộp 3 813 452 p.xt. thuế, trong khi đó trong năm nay xứ đó phải nộp 6 829 000 pao xtéc-linh. Trên báo chí Anh, trên tuần báo "Economist" chẳng hạn, đã chỉ ra rằng, do cải cách chế độ thuế khóa theo quan điểm tự do chủ nghĩa, nền thương mại Pi-ê-mông cũng đã tăng đáng kể, và để minh họa sự tăng trưởng ấy, báo đã dẫn ra những con số sau đây:

	p.xt.
Năm 1854, mức nhập khẩu chỉ là	12 497 160
Năm 1857, mức nhập khẩu là	90 123 040
Năm 1854, mức xuất khẩu là	8 595 280
Năm 1857, mức xuất khẩu tăng lên	14 050 040

Song tôi xin phép nhận xét rằng, đó là sự tăng trưởng dường như nhanh hơn so với sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của Xác-đi-ni gồm: lụa, sản phẩm bằng lụa, dây bện, rượu và dầu thực vật; nhưng, như nhiều người đã biết, trong ba quý đầu năm 1857, giá tất cả những hàng hóa ấy tăng cực kỳ nhiều, và do đó, tổng thu nhập nhờ buôn bán của Xác-đi-ni tăng đặc biệt nhiều. Ngoài ra, ngành thống kê chính thức của vương quốc chỉ đưa ra giá trị, chứ không cho biết số lượng hàng hóa xuất, nhập khẩu, vì vậy con số năm 1857 nói chung có thể là những con số ngoại lệ. Vì về những năm 1858 - 1860 cho đến nay chưa công bố báo cáo chính thức nào, nên chưa biết được sự phát triển công nghiệp của đất nước đã chững lại do cuộc khủng hoảng thương mại năm 1858 và cuộc Chiến tranh I-ta-li-a năm 1859 hay chưa. Những con số dẫn ra sau đây với những tính toán chính thức về thu chi của riêng Xác-đi-ni năm nay (1860) chứng tỏ rằng một bộ phận công trái mới sẽ được dùng để trang trải số thiếu hụt, trong khi bộ phận kia dự định dùng để chuẩn bị cho cuộc chiến tranh mới.

Thu của Xác-đi-ni năm 1860

	p.xt.
Thuế quan	2 411 824
Thuế đất, thuế nhà ở, thuế tem, v.v.....	2 940 284
Đường sắt và điện tín	699 400
Bưu chính.....	242 000
Tiền thu của bộ ngoại giao	12 400
Tiền thu của bộ nội vụ	21 136
Thu từ một số ngành giáo dục quốc dân	580
Thu nhập của xưởng đúc tiền	6 876
Thu khác	193 888
Nguồn thu đặc biệt.....	301 440
Tổng cộng:	6 829 738

Chi của Xác-đi-ni năm 1860

	p.xt.
Bộ tài chính.....	4 331 676
Bộ tư pháp.....	243 816
Bộ ngoại giao.....	70 028
Giáo dục quốc dân	117 744
Bộ nội vụ.....	407 152
Công trình công cộng	854 080
Kinh phí quân sự.....	2 229 464
Chi cho hải quân	310 360
Chi đặc biệt	1 453 268
Tổng cộng:	10 017 588

So sánh khoản chi lên tới 10 017 588 p.xt. với khoản thu là 6 829 738 p.xt., chúng ta thấy rằng số thâm hụt là 3 187 850 pao xtéc-linh. Mặt khác, theo tính toán, những tỉnh mới chiếm được sẽ đem lại thu nhập hàng năm là 3 435 552 p.xt., còn chi hàng năm của những tỉnh này sẽ là 1 855 984 p.xt., thành thử còn được số dư rỗng là 1 600 000 pao xtéc-linh. Theo những tính toán ấy,

mức thâm hụt của toàn bộ vương quốc Xác-đi-ni, kể cả những tỉnh mới lấy được, sẽ giảm xuống còn 1 608 282 pao xtéc-linh. Tất nhiên, việc Lô-m-bác-đi và các công quốc trả một phần chi phí mà Pi-ê-mông gánh chịu trong thời gian Chiến tranh I-ta-li-a là công bằng; nhưng sau này mà thu của những tỉnh mới số thuế vượt gần gấp đôi chi phí quản lý những tỉnh ấy cốt để đảm bảo tình hình tài chính của những tỉnh mới thì có thể cực kỳ nguy hiểm.

Những nhân vật biết rõ bí mật của thị trường tiền tệ Pa-ri tiếp tục quả quyết rằng, trong tương lai không xa Pháp sẽ có đợt công trái mới. Chỉ cần một cái cớ thuận tiện là có thể phát hành công trái. Như chúng ta biết, *emprunt de la paix*^{1*} đã thất bại. "*Partant pour la Syrie*"⁹⁴ cho đến nay diễn ra với quy mô quá nhỏ, không thể biện bạch cho một lời hô hào mới kêu gọi nhiệt tình của *grande nation*^{2*}. Vì vậy người ta cho rằng nếu không xảy ra điều gì không lường trước, còn giá lúa mì tiếp tục tăng, thì công trái sẽ được phát hành với cái cớ là ngăn ngừa nạn đói có thể xảy ra. Liên hệ với tình hình tài chính Pháp, có thể nêu một sự thực đáng chú ý là ngài Giuy-lơ Pha-vơ, người dám dự đoán trong *Corps Législatif*^{3*}, rằng kho bạc hoàng đế không khỏi bị phá sản, đã được bầu làm *bâtonnier*^{4*} đoàn luật sư Pa-ri. Như các bạn biết, ngay từ thời nền quân chủ cũ, các luật sư Pháp đã duy trì một số tàn dư của hiến pháp phong kiến cổ đại của mình. Họ vẫn còn lập một loại tổ chức hội đoàn được gọi là *barreau*, người chủ tịch được bầu hàng năm, *bâtonnier*, đại diện cho hội đoàn trong các quan hệ với các tòa án và với chính phủ, đồng thời giám sát kỷ cương

1* - công trái hòa bình

2* - dân tộc vĩ đại.

3* - Hội đồng lập pháp

4* - chủ tịch

trong nội bộ hội đoàn. Trong thời đại Phục tích và chế độ vua - công dân^{1*} nối tiếp nó, việc bầu batonnier Pa-ri luôn luôn được coi là một sự kiện chính trị lớn có ý nghĩa bày tỏ việc ủng hộ hay chống chính phủ đang cầm quyền. Tôi nghĩ rằng cần phải coi việc bầu ngài Giuy-lơ Pha-vơ là một sự biểu dương chống Bô-na-pác-tơ đầu tiên do đoàn luật sư Pa-ri xếp đặt, vì vậy nó đáng được ghi vào biên niên các sự kiện đang diễn ra.

Trong phiên họp hôm qua của hạ nghị viện mà số nghị sĩ có mặt vừa đạt số lượng hợp lệ, ông Sác-lơ Vút, mẫu người đảng viên đảng Vích hám danh lợi đích thực này, đã đưa ra thông qua được một nghị quyết giao cho ông ta quyền phát hành công trái mới với số tiền 3 000 000 p.xt. nhân danh Bộ tài chính Ấn Độ. Theo thông báo của ông ta, trong năm tài chính 1858 - 1859 (năm tài chính ở Ấn Độ bao giờ cũng bắt đầu và kết thúc vào tháng Tư), mức thâm hụt của Ấn Độ là 14 187 000 p.xt., năm 1859 - 1860 là 9 981 000 p.xt., còn năm 1860 - 1861, thâm hụt được xác định là 7 400 000 pao xtéc-linh. Một phần số thâm hụt đó ông ta hứa bù đắp bằng thuế vừa mới được ngài Uyn-xơn thực thi, - vả lại điều này rất đáng ngờ, - còn phần thâm hụt kia thì phải được xóa bỏ bằng quốc trái mới ba triệu pao. Món nợ quốc gia mà năm 1856 - 1857, một năm trước cuộc khởi nghĩa, là 59 442 000 p.xt., hiện nay tăng lên đến 97 851 000 pao xtéc-linh. Lãi suất tiền vay tăng lên càng nhanh hơn. Từ 2 525 000 p.xt. năm 1856 - 1857, chúng tăng lên đến 4 461 000 p.xt., năm 1859 - 1860. Tuy khoản thu được tăng lên theo lối cưỡng ép bằng cách thực thi những thuế mới, thế nhưng nó không thể theo kịp các khoản chi mà, ngay cả theo lời chính ngài Sác-lơ Vút, đã tăng ở tất cả các bộ, các ngành, trừ bộ công chính. Để trang trải khoản chi 3 000 000 p.xt.

xây dựng doanh trại kiên cố trong năm nay và năm sau, "các công trình công cộng và việc xây dựng dân sự công cộng hầu như hoàn toàn đình chỉ". Việc "hoàn toàn đình chỉ" công việc ấy có lẽ ông Sác-lơ cho là một trong những mặt tốt nhất của toàn bộ hệ thống. Thay vì 40 000 lính Âu đóng ở Ấn Độ trong những năm 1856 - 1857, giờ đây họ có ở đấy 80 000, thay vì quân đội bản xứ ngót 200 000 người là một quân đội với quân số trên 300 000 người.

Do C.Mác viết ngày 14 tháng Tám 1860

*Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"
số 6035, ngày 28 tháng Tám 1860.*

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

1* - Lu-i-Phi-líp

PH.ĂNG-GHEN

CON NGƯỜI BỆNH HOẠN CỦA NƯỚC ÁO

Hoàng đế Áo Phran-tơ-I-ô-xíp hình như sinh ra cốt để chứng minh sự đúng đắn của câu cách ngôn la-tinh cũ: "Thần thánh muốn giết ai thì trước hết làm cho họ mất trí". Từ đầu năm 1859, việc ông ta làm chính là cố ý vứt bỏ mọi khả năng ông ta có được để tự cứu mình và cứu Đế quốc Áo. Việc đường đột tấn công Pi-ê-mông chỉ với một bộ phận quân đội của mình, việc thay nguyên soái Hét-xơ trong bộ chỉ huy quân đội bằng hoàng đế và bè lũ của ông ta, sự do dự dẫn đến cuộc giao tranh ở Xôn-phe-ri-nô, việc đột nhiên ký hòa ước đúng vào lúc quân Pháp đến gần những trận địa mạnh nhất của ông ta, việc ngoan cố không chịu nhượng bộ điều gì trong lĩnh vực tổ chức nội bộ đế chế, chùng nào không quá muộn, - tất cả những cái đó tạo nên một loạt sơ suất vô lý chưa từng có mà một người phạm phải trong một thời hạn ngắn ngủi như vậy.

Song số phận đã muốn trao cho Phran-tơ-I-ô-xíp thêm một cơ hội nữa. Thái độ lá mặt lá trái trắng tráo của Lu-i - Na-pô-lê-ông đã khiến cần có sự liên minh giữa Phổ và Áo, sự liên minh này có thể thực hiện được lúc đầu do việc trước đó Áo bị làm nhục, do những khó khăn tăng lên hàng ngày của nó trong nước cũng như ở ngoài nước. Những cuộc gặp mặt ở Ba-đen và Tê-plít-xơ⁹⁵ đã củng cố sự liên minh đó. Lần đầu tiên xuất hiện với tư cách là đại diện của toàn Đức, Phổ đã hứa giúp đỡ, nếu Áo bị tấn công không chỉ từ phía I-ta-li-a, mà cả từ phía Pháp nữa; về phía mình,

Áo đã hứa nhượng bộ dư luận xã hội và thay đổi chính sách đối nội của mình. Trước Phran-tơ-I-ô-xíp đã thực sự mở ra một niềm hy vọng. Ông ta có thể không lo sợ cuộc đấu tranh một chọi một với I-ta-li-a ngay cả trong trường hợp có làn sóng phản đối ở Hung-ga-ri, vì chính sách mới của ông ta phải là nhân tố tốt nhất đảm bảo an ninh ở bộ phận này của đế chế. Có được một hiến pháp riêng trên cơ sở hiến pháp cũ bị huỷ bỏ năm 1849, Hung-ga-ri có thể hài lòng, hiến pháp tự do chủ nghĩa của toàn đế chế có thể đáp ứng nguyện vọng hiện nay của hạt nhân nói tiếng Đức của nước quân chủ và vô hiệu hóa đáng kể những xu hướng phân lập của các tỉnh nói tiếng Xla-vơ. Việc làm cho nền tài chính phục tùng sự kiểm soát xã hội sẽ phục hồi tín dụng quốc gia, và cũng chính nước Áo hiện nay yếu ớt, cùng khổ, bị đánh ngã, kiệt quệ, trở thành nạn nhân của những mối lực đục nội bộ, sẽ nhanh chóng khôi phục thực lực của mình dưới sự cảnh giới của 700 000 lưỡi lê Đức sẵn sàng bảo vệ nó. Để bảo đảm tất cả những điều đó, Áo chỉ phải thực hiện hai điều kiện: thi hành kiên quyết và vô điều kiện một chính sách tự do chủ nghĩa thực sự trong nước và giữ sách lược phòng ngự ở Vơ-ni-dơ, để cho phần còn lại của I-ta-li-a tự định đoạt lấy số phận của nó.

Song, như chúng ta thấy, Phran-tơ-I-ô-xíp không thể hoặc không muốn làm cả điều này lẫn điều kia. Ông ta không thể từ bỏ quyền lực quân chủ chuyên chế ngày càng tan biến của mình, cũng không thể quên địa vị của mình là người bảo hộ những bạo chúa nhỏ của I-ta-li-a mà ông ta đã để mất. Là người không thật thà, yếu đuối và đồng thời búống bình, ông ta, như chúng ta thấy, cố gắng khắc phục khó khăn trong nước bằng một cuộc chiến tranh xâm lược bên ngoài, và lẽ ra phải cố kết đế chế của mình bằng cách từ bỏ quyền lực đang tuột khỏi tay ông ta thì xem ra ông ta lại lao vào vòng tay của những bạn bè thân cận và chuẩn bị một cuộc tiến quân vào I-ta-li-a, cuộc tiến quân có thể đưa nền quân chủ Áo đến diệt vong.

Dù công hàm hoặc một thông báo chính thức khác về việc Ga-ri-ban-di đổ bộ lên Ca-la-bri có được gửi từ Viên cho Tu-rin hay không, thì một điều rất chắc là Phran-txơ-I-ô-xíp định coi sự kiện đó là cái cớ để mình can thiệp có lợi cho vua Na-plơ. Trong thực tế có như vậy hay không, tương lai gần đây sẽ cho thấy. Song nguyên nhân khiến chính sách của Áo chuyển đường đột như vậy là gì? Việc kết nghĩa vừa rồi với Phổ và Ba-vi-e có làm cho Phran-txơ-I-ô-xíp ngây ngất hay không? Chưa hẳn, vì suy cho cùng, việc kết nghĩa ấy ở Tê-plít-xơ chỉ là thắng lợi đối với Phổ, còn đối với ông ta thì nó là một sự sỉ nhục. Phran-txơ-I-ô-xíp có định tập hợp dưới ngọn cờ của mình các đạo quân của giáo hoàng và của vua Na-plơ trước khi Ga-ri-ban-di biến chúng thành một khối hỗn độn và đưa người I-ta-li-a trong những đạo quân ấy vào quân đội của mình hay không? Lý do như vậy có thể rất không xác đáng. Những đội quân ấy chẳng giúp ích gì trong bất kỳ chiến dịch nào, trong khi ở vào tình thế mà Áo tự đặt mình vào bằng sự xâm lược vô nghĩa như vậy, nó sẽ không khước từ bất kỳ sự chi viện nào. Nguyên nhân duy nhất của những ý đồ ấy chỉ có thể là tình hình chính trị ở Áo. Mà ở đây thì không phải tìm lâu cách giải thích. Quốc hội đế chế được bổ sung một số phần tử bảo thủ nhất và phần tử quý tộc từ các tỉnh và *trong thời bình* được quyền kiểm soát nền tài chính của đất nước, sắp tới sẽ bắt đầu thảo luận vấn đề quyền đại diện của nhân dân và vấn đề hiến pháp cho đế chế và cho từng tỉnh thuộc thành phần đế chế. Những đề nghị mà các thành viên Hung-ga-ri đưa ra ở đây đã tập hợp được tuyệt đại đa số trong uỷ ban, và cũng với thắng lợi như vậy, chúng sẽ được thông qua trong hội đồng trước mặt chính phủ. Tóm lại, *như chúng ta thấy, cuộc cách mạng thứ hai của Áo bắt đầu*. Quốc hội đế chế - một sản phẩm yếu ớt phỏng theo hội nghị các thân hào Pháp - lặp lại y hệt hành động của những người này, tuyên bố mình không có thẩm quyền và đòi triệu tập các Hội nghị ba đẳng cấp. Trước những khó khăn tài chính giống như những khó khăn mà chính phủ Lu-i XVI gặp phải, nhưng còn bị suy yếu hơn

bởi những xu hướng ly tâm của một số dân tộc trong đế chế, Chính phủ Áo không đối phó nổi. Đi liền với những nhượng bộ giành giật được ở chính phủ, chắc sẽ có những nhân nhượng và yêu sách mới. Các Hội nghị ba đẳng cấp chẳng bao lâu nữa sẽ tự xưng là Quốc hội. Phran-txơ-I-ô-xíp cảm thấy đất dưới chân ông rung lên, và để tránh động đất đang uy hiếp, có thể, ông ta lao vào vực thẳm chiến tranh.

Nếu Phran-txơ-I-ô-xíp thực hiện sự đe dọa của mình và phát động cuộc thập tự chinh vì tính chính thống ở Na-plơ và ở lãnh địa giáo hoàng thì điều đó sẽ dẫn tới đâu? Ở châu Âu không có một nước lớn hoặc một quốc gia nào muốn dù chỉ là mảy may ủng hộ dòng họ Buốc-bông và nếu Phran-txơ-I-ô-xíp can thiệp có lợi cho dòng họ này thì tất cả mọi hậu quả sẽ rơi xuống ông ta, Lu-i - Na-pô-lê-ông chắc sẽ vượt núi An-pơ để bảo vệ nguyên tắc không can thiệp, và Áo, trước dư luận hết sức thù địch của toàn châu Âu đối với nước này, với nền tài chính rối loạn, trước cuộc nổi dậy ở Hung-ga-ri, có quân đội gan dạ nhưng quân số ít hơn nhiều, sẽ chịu thất bại thảm hại. Có thể, đối với Áo, đó sẽ là một đòn chí tử. Nhưng cũng có thể Đức sẽ đến chi viện cho nó. Người Đức sẽ hết sức kiên quyết không chịu chiến đấu vì vua Na-plơ lẫn vì giáo hoàng. Họ chỉ muốn việc thừa nhận sự bất khả xâm phạm về lãnh thổ của Hiệp bang Đức (người Pháp lẫn người I-ta-li-a đều vui lòng đồng ý với ý muốn đó), còn nếu Hung-ga-ri nổi dậy thì họ cũng sẽ có thái độ điềm tĩnh đối với điều đó. Hơn nữa, rất chắc chắn là tỉnh nói tiếng Đức của đế chế sẽ ủng hộ yêu sách của người Hung-ga-ri như vào năm 1848, và bản thân họ sẽ đòi cho mình có một hiến pháp. Dù sự tự do của báo chí Áo có bị chính phủ hạn chế đi nữa thì báo chí đó vẫn bày tỏ những dấu hiệu không thể nghi ngờ nói lên những cảm tình rất phổ biến ngay cả ở Áo đối với Ga-ri-ban-di. Từ năm ngoái, hướng của dư luận đã dịch chuyển: giờ đây Vơ-ni-dơ bị coi là lãnh địa hoàn

toàn bất lợi, và dân cư Viên tán thành cuộc đấu tranh của người I-ta-li-a vì độc lập chừng nào cuộc đấu tranh đó được tiến hành không có sự giúp đỡ của Pháp. Phran-tơ-I-ô-xíp sẽ cực kỳ khó bắt, ngay cả thần dân Đức của chính mình, đấu tranh vì lợi ích của triều đại Buốc-bông ở Na-plơ, của giáo hoàng và của những tiểu công tước của E-mi-li-a. Nhân dân mà bước lên con đường đấu tranh cách mạng chống chế độ quân chủ chuyên chế thì chắc gì sẽ bảo vệ lợi ích vương triều của người cai trị mình. Người Viên đã chứng minh điều này trước kia rồi, và hoàn toàn có thể, việc quân đội Áo vượt qua sông Pô sẽ là tín hiệu để đảng của phong trào Viên cũng như ở Hung-ga-ri báo trước một cuộc đấu tranh quyết liệt hơn.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 16 tháng Tám
1860*

*Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York
Daily Tribune" số 6039, ngày 1 tháng Chín 1860*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

MÙA MÀNG Ở CHÂU ÂU

Luân Đôn, ngày 21 tháng Tám 1860

Mùa hè càng kéo dài, triển vọng mùa màng càng đen tối và niềm hy vọng thời tiết tốt lên càng yếu ớt. Mùa hè qua, thời tiết hoàn toàn không bình thường, chẳng những ở Vương quốc liên hợp, mà cả khắp nơi ở Bắc Âu, Bắc Pháp, Bỉ và các tỉnh vùng Ranh. Còn về nước Anh thì sau đây là lời mô tả chính xác thời tiết của nó:

"Sau mùa xuân lạnh lẽo, muộn màng, tháng Sáu nhiều mưa đến mức ở nhiều vùng không thể gieo củ cải, làm cỏ cho củ cải, nuôi gia súc, cũng như không thể làm những công việc thông thường theo thời vụ. Tiếp đến, khoảng sau mười ngày đẹp trời, thời tiết xoay ra không ổn định đến nỗi hai ngày liền không có mưa đã cảm thấy lạ lùng thế nào ấy. Nhưng ngoài tình trạng quá ướt át ra, hè này, hoặc có thể nói hè vừa qua, không có ngày nắng và nhiệt độ đặc biệt thấp, ngay cả khi không có mưa nhiệt độ phần lớn cũng rất thấp".

Lượng mưa trung bình hàng năm xấp xỉ 20 in-sơ, mà trong tháng Năm và tháng Sáu lượng mưa đã lên tới 11,17 in-sơ; qua đó chúng ta thấy hai tháng này chiếm trên một nửa lượng mưa cả năm. Trong tuần vừa rồi, mà đầu tuần tưởng chừng báo trước sẽ có chuyển biến tốt, thế mà thời tiết hóa ra không ổn định và dữ dội hơn bao giờ hết; ngày 16 và ngày 18 tháng này có những cơn mưa rào thực sự kèm theo giông và những trận gió tây - nam

dữ dội. Do đó giá lúa mì ở Mác-lây-nơ⁹⁶ hôm qua tăng 2 si-linh một quác-tơ^{1*} so với giá thị trường thứ hai tuần trước^{2*}.

Việc thu hoạch cỏ khô đã gặp những trở ngại nghiêm trọng và bị muộn vì gió, mưa không ngớt và lạnh liên tục. Cỏ đã rạp xuống và luôn luôn ướt, thành thử phải lo là một phần đáng kể chất dinh dưỡng của cỏ bị ẩm sẽ hỏng và vì vậy phần lớn sẽ không dùng cho gia súc ăn được và phải dùng để lót chuồng, điều này sẽ gây tổn thất rất nghiêm trọng vì sẽ tăng mạnh mức tiêu dùng lúa mì gieo mùa xuân. Nhiều cỏ khô chưa thu về, một số lớn đã mất không thể cứu vãn được.

"Chưa chắc có thể nghi ngờ" - số tạp chí "Gardeners' Chronicle"⁹⁷ ra ngày thứ bảy viết, - "rằng vụ lúa mì nói chung đã bị hư hỏng nặng. Trong số 140 báo cáo đã nhận được của ngân ấy phóng viên từ Anh và Xcốt-len, có ít nhất 91 báo cáo thông báo rằng vụ thu hoạch ở mức thấp hơn mức trung bình, còn nếu lấy những vùng chủ yếu sản xuất lúa mì, thì tỷ lệ những báo cáo bất lợi cũng rất đáng kể. Ví dụ, năm trong số sáu báo cáo từ Lin-côn-sia, ba trong số năm báo cáo từ Noóc-phôn và Xúp-phôn cùng tất cả mọi báo cáo từ các tỉnh Ốc-xphốt, Glô-xtơ-sia, Uy-len-sia, Han-xơ và Ken chứa đựng những tin tức bất lợi".

Một bộ phận đáng kể lúa mì đã thối từ rễ khi hạt sắp chín, ở nhiều vùng hạt lúa mì bị bệnh làm hỏng và bị nhiễm mốc. Trong khi lúa mì bị nhiễm bệnh như vậy, trong khi ở nhiều vùng hiện tượng ấy có quy mô rộng lớn, thì bệnh khoai tây bắt đầu từ năm 1845, hoành hành trong bốn năm tiếp theo và lan dần sau năm 1850, nay lại nặng hơn, và không chỉ ở Ai-rơ-len, mà cả ở nhiều vùng nước Anh và miền Bắc châu lục này.

Tờ "Freeman's Journal"⁹⁸ tóm tắt tình hình chung về mùa màng ở Ai-rơ-len như sau:

1* một quác-tơ = 12,7 kg

2* - ngày 13 tháng Tám

"Vụ kiều mạch nói chung được coi là đã thất bát. Trừ một số vùng nhỏ, kiều mạch chưa chín, nó còn rất xanh và đã rạp xuống vì mưa gió mạnh. Lúa mì có lẽ cũng sẽ gặp tai nạn như tai nạn đang đe dọa các loại ngũ cốc. Đến nay mới chỉ thu hoạch một ít lúa mì, và vụ thu hoạch lúa mì cách đây mới mấy tuần thôi đã gây những niềm hy vọng hết sức phấn khởi, giờ đây làm cho nông dân vô cùng lo lắng. Còn về khoai tây thì theo ý kiến chung, nếu thời tiết như hiện nay kéo dài thêm một tháng nữa thì nhất định sẽ mất mùa".

Theo "Wexford Independent"⁹⁹ thì

"bệnh khoai tây đang tiến triển, và ở một số địa phương một phần ba khoai tây bị nhiễm bệnh không kể củ to nhỏ, loại nào và trồng lúc nào".

Như vậy, điều sau đây là không thể chối cãi. Vụ thu hoạch chung muộn đáng kể so với thời vụ thông thường, và do đó, dự trữ hiện có không đủ. Cỏ khô bị hư hỏng cộng thêm bệnh khoai tây sẽ làm cho mức tiêu dùng ngũ cốc tăng lên khác thường, trong khi vụ thu hoạch tất cả các loại ngũ cốc, đặc biệt là lúa mì, sẽ thấp hơn mức trung bình khá nhiều. Cho đến nay mức nhập khẩu từ nước ngoài chưa vượt mức năm 1858 và năm 1859, mà trái lại, giảm đáng kể. Mặt khác, tuy mức giá trung bình của lúa mì giờ đây cao hơn cùng kỳ năm ngoái 26%, nhưng giá ấy vẫn không tăng lên nữa do có những thông báo được mùa ở Mỹ và ở miền Nam nước Nga, do hy vọng thời tiết chuyển biến tốt lên, cũng như vì sự cực kỳ thận trọng trong *tất cả* mọi giao dịch tiền nong do hiện tượng giảm sút việc buôn bán da gần đây gây ra. So sánh giá cả hiện nay với giá cả của những thời kỳ tương tự bắt đầu từ năm 1815, tôi đi đến kết luận rằng, giá cả trung bình của lúa mì mà hiện nay có thể cho là bằng từ 58 đến 59 si-linh một quác-tơ, sẽ tăng lên, ít ra là ở Anh, đến 65-70 si-linh. Hậu quả của sự tăng giá lúa mì như vậy càng náo nùng vì chúng khớp với sự giảm sút ngày càng tăng của việc buôn bán xuất khẩu của đất nước. Từ 63 003 159 p.pt. thu được trong sáu tháng, tính đến hết ngày 30 tháng Sáu 1859, kim ngạch xuất khẩu của Anh đã tụt xuống còn 62 019 989 p.pt. trong cùng thời kỳ năm 1860, như tôi đã trình bày ở một trong những bài báo trước

đây^{1*}, sự giảm sút đó chủ yếu do hiện tượng số cầu về vải và sợi bông giảm xuống vì thị trường châu Á và Ô-xơ-rây-li-a đã bão hoà. Như vậy, nếu xuất khẩu giảm, thì nhập khẩu tăng đáng kể so với cùng thời kỳ năm 1859. Quả thực, chúng ta thấy rằng kim ngạch nhập khẩu trong năm tháng, tính đến hết ngày 31 tháng Năm 1859, là 44 968 863 p.pt., năm 1860 là 57 097 638 pao xtéc-linh.

Việc nhập siêu ấy nhất định làm tăng sự thất thoát vàng và do đó tạo nên trạng thái càng kém ổn định trên thị trường tiền tệ, một trạng thái thường có đối với những thời kỳ thất bát và mua đặc biệt nhiều lương thực của nước ngoài. Nếu ở Anh ảnh hưởng của những khó khăn tài chính không tránh khỏi chưa chắc sẽ vượt xa phạm vi kinh tế, thì tình hình trên lục địa hoàn toàn khác, ở đây những xao động chính trị nghiêm trọng hầu như không tránh khỏi, vì cuộc khủng hoảng tài chính trùng hợp với nạn mất mùa và với việc nâng đáng kể mức đánh thuế. Những nỗi lo sợ nghiêm trọng nhất đã làm xao xuyến Pa-ri, nơi các nhà đương cục Pa-ri đứng vào lúc này đang mua hàng loạt khu nhà cũ để dời chúng đi và bằng cách đó bớt chút công việc cho "*ouvriers*"^{2*}. Giá cả những loại lúa mì tốt nhất ở Pa-ri hiện nay cũng cao, nếu không phải là còn cao hơn, như ở Luân Đôn, cụ thể giá đó là từ 60 si-linh 6 pen-ni đến 61 si-linh. Những thủ đoạn gần đây nhất mà Lu-i Bô-na-pác-tơ dùng để tìm cách đánh lạc hướng dư luận - cuộc chinh phạt Xi-ri, việc nâng Tây Ban Nha lên hàng "đại cường quốc"¹⁰⁰, cuộc đàm phán với Phổ, những âm mưu ngăn cản thắng lợi của Ga-ri-ban-đi, - tất cả những cái đó đã thất bại hoàn toàn, và ở đây ông sẽ vấp phải những hiểm họa do thời tiết xấu, khó khăn về tài chính và kho bạc trống rỗng, đứng vào lúc đã

1* Xem tập này, tr. 99-101

2* - "công nhân"

thấy rõ "danh giá" chính trị của ông giảm sút đáng kể. Nếu lời khẳng định sau cùng này cần bằng cứ nào đó chứng minh thì lẽ nào bức thư của Bô-na-pác-tơ gửi "Mon cher Persigny"^{1*} không phải là bằng cứ như vậy hay sao¹⁰¹.

Do C.Mác viết ngày 21 tháng Tám 1860

*Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"
số 6043, ngày 6 tháng Chín 1860*

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

1* - "Péc-xi-nhi thân mến của tôi"

THE VOLUNTEER JOURNAL,

For Lancashire and Cheshire

Nº 2

ANCHESTER, FRIDAY, SEPTEMBER 14, 1860

PRICE THREE PENCE

PH.ĂNG-GHEN

DUYỆT LÍNH BỘ BINH TÌNH NGUYỆN ANH¹⁰²

Nước Anh, cũng như nước Đức, được trang bị để đánh lui sự tấn công đang đe dọa nó từ phía chế độ Bô-na-pác-tơ. Cũng cái nguyên nhân khiến Phổ tăng gấp đôi số tiểu đoàn bộ binh chủ lực của mình, đã làm xuất hiện bộ binh tình nguyện Anh. Do vậy quân đội Đức cần biết được một số tư liệu tỉ mỉ về trạng thái và khả năng chiến đấu hiện nay của đạo quân tình nguyện Anh, vì về chính nguồn gốc của nó và về tư tưởng làm cơ sở cho nó, đạo quân này là kẻ thù của chế độ Bô-na-pác-tơ và là đồng minh của Đức.

Chỉ trừ vắn vện mấy tiểu đoàn ra, đạo quân tình nguyện ấy xuất hiện từ nửa cuối năm trước (1859); phần lớn đạo quân này mặc quân phục và được huấn luyện không quá một năm. Hiện nay quân số của nó chính thức là 120 000 người, nhưng nếu chúng ta tự cho phép mình rút ra kết luận từ những điều thực tế tai nghe mắt thấy ở một số khu thì chúng ta sẽ thấy rằng có không quá 80 000 người thực sự có khả năng chiến đấu và được huấn luyện; số còn lại chẳng có ý nghĩa gì đối với công việc cả, tốt nhất nên loại họ khỏi danh sách.

Việc tổ chức quân tình nguyện cực kỳ đơn giản. Ở một địa phương nào đó tuyển mộ được từ 60 đến 100 lính tình nguyện (trong pháo binh là từ 50 đến 80) thì lập một đại đội, muốn thế

phải có sự đồng ý của toàn quyền tỉnh ấy. Lính tình nguyện chọn người dự tuyển làm sĩ quan (đại uý, trung uý và thiếu uý) trong đa số trường hợp chính toàn quyền phong hàm sĩ quan tương ứng cho họ; song cũng có những trường hợp người dự tuyển đã được chọn bị bác bỏ. Một số đại đội có thể tạo thành một tiểu đoàn, và lúc đó toàn quyền bổ nhiệm thiếu tá và trung tá, trong đa số trường hợp hoặc theo ý muốn của các sĩ quan, hoặc căn cứ vào quân hàm lấy trong sổ các đại uý. Như vậy, các đơn vị có từ một đến tám và trên tám đại đội nhận lấy số hiệu theo thứ tự phiên chế ở các tỉnh tương ứng, nhưng trung tá thì chỉ bổ nhiệm cho tiểu đoàn đủ, gồm tám đại đội. Tất cả mọi sĩ quan trong sổ quân tình nguyện đều có thể được bổ nhiệm mà không phải qua bất cứ sự thi cử nào. Song sĩ quan tuý tùng¹⁰³ thì phải là sĩ quan trong quân chủ lực hoặc dân binh, và chỉ mình người này được lĩnh tiền lương quy định¹⁾. Lính tình nguyện phải tự túc trang phục v.v., còn chính phủ thì theo yêu cầu của họ, tạm cấp cho họ súng trường và lưỡi lê. Màu và kiểu quân phục do mỗi đơn vị tự quyết định và phải được viên toàn quyền chuẩn y. Mỗi đơn vị cũng phải tự lo lấy kế hoạch huấn luyện và thao trường, đạn được, huấn luyện viên và dàn nhạc.

Trong đa số trường hợp, quân phục các đơn vị bộ binh hoặc xạ thủ có màu lục thẫm, xám thẫm, xám nhạt hoặc nâu. Kiểu may là kiểu trung dung giữa quân phục Pháp và quân phục Anh; về mũ thì phần lớn họ đội kê-pi Pháp hoặc mũ sĩ quan Pháp hoặc Anh. Các đơn vị pháo binh mặc quân phục xanh đậm. Họ chăm chút diện mạo bên ngoài, đội mũ da lông khá bất tiện và công kênh hoặc mũ ống cao của pháo binh kỵ binh. Cũng có một số

1) Thêm vào số lương 180 pao do chính phủ cấp, đa số tiểu đoàn dùng tiền của mình phát bổ sung một số đáng kể nữa; tôi biết có những sĩ quan tham mưu là trung uý quân chính quy lĩnh lương 300 pao, tức 2000 ta-le và hơn nữa. (*Chú thích của Ph.Ăng-ghen trong "Allgemeine Militär-Zeitung"*).

không nhiều xạ thủ cưỡi ngựa, hình thức áo quần của họ phỏng theo quân phục kỵ binh Anh, nhưng những đơn vị quân đội này về thực chất là vật xa xỉ.

Khi lần đầu tiên bắt đầu cố động cho việc thành lập những đơn vị bộ binh này, mọi ý định đều làm nhớ đến dân quân tự vệ quốc gia hoặc dân binh của chúng ta¹⁰⁴; có nhiều cái giống trò chơi lính chì; bản thân cách thức tạo ra sĩ quan^{1*}, cũng như vẻ ngoài và sự bất lực của một số sĩ quan trong số những sĩ quan ấy trong khi thi hành công vụ thật khá ngộ nghĩnh. Hoàn toàn dễ hiểu là lính tình nguyện không phải bao giờ cũng bầu được những người có năng lực nhất hoặc ít ra là những người đồng tình nhất với phong trào tình nguyện. Trong sáu tháng đầu, hầu hết các tiểu đoàn và đại đội đều gây cho người quan sát cái ấn tượng y như dân binh năm 1848 của chính chúng ta mà nay không còn nữa.

Đó là cái vật liệu trao cho các trung sĩ huấn luyện viên để biến họ thành những đơn vị quân đội đã chiến có năng lực chiến đấu. Việc huấn luyện cách sử dụng vũ khí và việc luyện tập từng trung đội tiến hành mỗi tuần hai hoặc ba lần, phần lớn vào buổi tối, giữa bảy giờ và chín giờ, trong những phòng có mái che thấp sáng bằng hơi đốt. Nếu có thể thì cứ vào chiều thứ bảy, cả đơn vị tập đi đều bước một quãng ngắn và hành quân trong đội hình đại đội. Việc huấn luyện vào ngày chủ nhật bị cấm theo pháp luật cũng như do phong tục tập quán. Huấn luyện viên là các trung sĩ và hạ sĩ quân chủ lực hoặc dân binh, hoặc những người đã về hưu; cũng những người này phải huấn luyện cho sĩ quan làm tròn trách

1* Thay cho những từ "bản thân cách thức tạo ra sĩ quan", trên tờ "Allgemeine Militär-Zeitung" in là "Tu tưởng cánh hẩu [Klüngel] trong việc bầu sĩ quan", tiếp theo đó là chú thích của ban biên tập: "Klüngel" là một từ không hoàn toàn dễ hiểu đối với nhiều bạn đọc của chúng tôi, tuy phóng viên của chúng tôi ở Man-se-xơ không quên nó. Nó bắt nguồn từ thành phố Klünge cổ và biểu thị các mối liên hệ của những gia đình quyền quý nhất với trung đoàn thành thị".

nhiệm của mình. Nhưng hạ sĩ quan Anh là một mẫu người tuyệt vời. Trong quân đội Anh, chửi mắng và dùng lời lẽ thô tục lúc làm nhiệm vụ ít hơn rất nhiều so với bất kỳ quân đội nào khác; song ở đây sử dụng hình phạt nhiều hơn. Hạ sĩ quan bắt chước sĩ quan, do đó về cách thức hành động thì hạ sĩ quan Anh trội hơn hạ sĩ quan Đức của chúng ta nhiều. Tiếp nữa, hạ sĩ quan Đức phục dịch không phải để sau này nhận được một chức vụ nhỏ nhoi nào đó trong ngành dân sự như ở nước ta; họ tự nguyện phục vụ trong quân đội với thời hạn 12 năm, và việc thăng tiến của họ trên cương vị công tác cho đến thượng sĩ đem lại cho họ ở mỗi cấp những mối lợi mới đáng kể; ở mỗi tiểu đoàn, một hoặc hai chức vụ (sĩ quan tùy tùng và thủ quỹ) phần lớn do hạ sĩ quan cao tuổi kiêm nhiệm, còn nếu phục vụ trong quân đội tác chiến thì mỗi hạ sĩ quan đều có khả năng gắn một sao vàng lên cổ áo mỗi khi lập thành tích trong chiến đấu chống kẻ thù. Những huấn luyện viên thuộc loại sĩ quan này nói chung đã làm cho lính tình nguyện tất cả những gì có thể làm cho họ trong thời gian ngắn ngủi như vậy, họ không chỉ huấn luyện cho lính tình nguyện thực hiện vững vàng việc di chuyển trong đội hình đại đội, mà còn huấn luyện những điều sơ đẳng cho các sĩ quan.

Trong khi đó, một số đại đội, ít ra là ở những thành phố lớn, được phiên chế thành tiểu đoàn và thu nhận sĩ quan tùy tùng từ quân đội chính quy. Hạ sĩ quan Anh, giống như hạ sĩ quan Áo được huấn luyện về lý thuyết ít hơn rất nhiều so với hạ sĩ quan Bắc Đức, nhưng, giống như người Áo, nếu họ yêu nghề, thì họ hiểu chức trách của họ một cách tuyệt vời. Trong số những sĩ quan tùy tùng từ quân chủ lực chuyển sang quân tình nguyện, có những người làm huấn luyện viên tốt, không đòi hỏi gì hơn ở họ nữa, những kết quả họ đạt được trong một thời gian rất ngắn ở các tiểu đoàn của họ thật đáng ngạc nhiên. Thế nhưng đến nay chỉ có một bộ phận nhỏ lính tình nguyện được phiên chế thành tiểu đoàn thường trực, và dĩ nhiên, những đơn vị quân ấy đứng cao hơn đáng kể so với đa số đại đội chưa được phiên chế thành tiểu đoàn.

Ngày 11 tháng Tám, lính tình nguyện Lan-kê-sia và Sê-sia đã tổ chức duyệt binh ở Niu-tơn, trên quảng đường giữa Man-se-xơ và Li-vóc-pun, trong khi đó người nhận chỉ huy họ là tư lệnh quân khu, tướng Gioóc-giơ Uê-dơ-rôn. Ở đây đã tập hợp lính tình nguyện từ những vùng công nghiệp nằm gần Man-se-xơ, cư dân Li-vóc-pun hoặc của những khu nông nghiệp lân cận của Sê-sia trong số lính tình nguyện có mặt không nhiều lắm. Nếu xét đoán theo kinh nghiệm bổ sung quân đội ở nước Đức chúng ta thì về mặt thể chất, những đơn vị ấy ắt sẽ thấp hơn mức trung bình, nhưng không nên quên rằng lính tình nguyện thuộc giai cấp công nhân chiếm một bộ phận nhỏ hơn đáng kể.

Đất của trường đua ngựa Niu-tơn, tự nó đã ẩm và mềm, càng nhão nhoét do mưa dài ngày và trở nên rất gồ ghề và hết sức lầy lội. Cảnh trường đua có con suối nhỏ chảy qua, ở hai bên bờ có nơi bụi cây mọc um tùm. Địa điểm này đúng là thích hợp để lính tình nguyện trẻ duyệt binh; đa số họ đứng trong nước và bùn đến mắt cá, còn ngựa của sĩ quan thì thường lún chân trong đất sét đến tận mắt cá chân.

Năm mươi bảy đơn vị đồng ý tham gia duyệt binh được chia thành bốn lữ đoàn: lữ đoàn một có bốn tiểu đoàn, những lữ đoàn còn lại mỗi lữ đoàn có ba tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn gồm tám đại đội. Chỉ huy các lữ đoàn là những trung tá từ quân chủ lực; chỉ huy trưởng các tiểu đoàn được bổ nhiệm trong số sĩ quan quân tình nguyện. Lữ đoàn một triển khai ba tiểu đoàn, còn tiểu đoàn thứ tư ở trong đội hình phía sau trung lộ. Ba lữ đoàn còn lại đứng ở tuyến hai, chín tiểu đoàn được sắp xếp ở các cự li siết chặt thành đội hình đại đội, giữa hai đại đội, xếp từ phải sang trái, cách nhau một phần tư khoảng cách.

Sau khi chào viên tướng, cần phải chuyển mặt chính diện sang trái, dưới sự yểm trợ của tiểu đoàn đứng trong đội hình đằng sau tuyến thứ nhất. Để làm việc này, hai đại đội trung tâm của tiểu đoàn được triển khai ở trước mặt chính diện của nó quay sang

hai phía sườn, sau đó đội hình đi qua một lối đi hình thành bằng cách ấy và triển khai dọc con suối, đồng thời bốn tiểu đoàn tạo thành hàng bộ binh, bốn tiểu đoàn khác tạo thành đội chi viện. Đất và bụi cây ướt đến mức không thể mong lính tình nguyện sử dụng đúng địa hình; ngoài ra, đa số tiểu đoàn lính tình nguyện chỉ mới học được những điều sơ đẳng về triển khai đội hình và phục vụ cảnh giới, vì vậy ở đây mà đánh giá quá khắt khe thì oan cho họ. Trong khi đó tuyến triển khai dịch chuyển mặt chính diện xung quanh trung tâm như là xung quanh một cái trục; hai đại đội trung tâm của tiểu đoàn ở giữa quay góc chín mươi độ: một đại đội tiến lên, một đại đội khác lùi lại, sau đó những đại đội còn lại xếp hàng ngang theo một hướng mới. Hai tiểu đoàn bên sườn tuyến thứ nhất xếp thành những đội hình bằng một phần tư cự li^{1*}, đi vào tuyến này rồi lại triển khai. Có thể hình dung sự di chuyển phức tạp và khá kênh càng này chiếm bao nhiêu thời gian. Đồng thời tiểu đoàn bên sườn phải của tuyến các đội hình tiến thẳng lên phía trước cho đến khi dừng lại nối đuôi sườn phải mới tạo thành của tuyến thứ nhất; những tiểu đoàn còn lại ngoặt sang phải, đi theo thành hàng đôi (ở bên phải thành bốn hàng), hơn nữa, một khi mỗi tiểu đoàn đi tới chỗ tiểu đoàn sườn phải ấy đứng lúc đầu thì nó rẽ sang phía chính diện và đi theo sau tiểu đoàn sườn phải. Khi đội hình cuối cùng đi theo cách như vậy tới tuyến sắp xếp đội hình mới thì mỗi đội hình, độc lập với nhau, rẽ sang phải và bằng cách đó phục hồi lại mặt chính diện của tuyến các đội hình.

Sau đó từ trung tâm tuyến các đội hình, lữ đoàn thứ ba bắt đầu tiến lên; khi đến chỗ cách tuyến thứ nhất hoặc tuyến triển khai trên dưới 200 bước, ba tiểu đoàn tản ra một khoảng cách

1* Trên tờ "Allgemeine Militär-Zeitung", tiếp theo đó là câu sau đây in trong ngoặc kép: "đội hình siết chặt nhất như ở quân đội Anh".

cần thiết cho đội hình đã triển khai và rồi ba tiểu đoàn ấy lại triển khai. Vì trong lúc ấy đội hình bộ binh đã tiến lên khá nhiều nên cả hai tuyến đã triển khai cũng đã tiến lên được mấy trăm bước, sau đó tuyến thứ hai nối tiếp tuyến thứ nhất. Việc này được tiến hành như sau: tuyến thứ nhất sắp xếp lại đội hình từ bên phải thành bốn hàng, đơn vị đi đầu mỗi đại đội tách ra và rẽ phải, các hàng ở tuyến thứ hai nhường đường, dành chỗ cho tuyến thứ nhất đi qua, sau đó các đại đội tạo thành mặt chính diện và bằng cách đi vòng xếp vào tuyến. Đó là một trong những cách xếp lại đội hình trên bãi tập hoàn toàn không cần thiết ở những nơi có thể tiến hành chúng, và không thể tiến hành được ở những nơi cần tiến hành chúng. Sau đó tất cả bốn lữ đoàn cùng nhau xếp vào tuyến chung ở những cự li siết chặt, và các đội quân điều hành qua trước mặt vị tướng thành đơn vị đại đội (mặt chính diện có từ 25 đến 35 hàng).

Chúng tôi sẽ không phê phán hệ thống sắp xếp lại đội hình ấy^{1*}, độc giả của chúng tôi chắc chắn sẽ cảm thấy hệ thống ấy khá lỗi thời. Rõ ràng là giá trị của nó đối với quân chủ lực với thời hạn phục vụ mười hai năm như thế nào đi nữa thì nó tất nhiên kém thích dụng so với bất kỳ một hệ thống nào khác, đối với lính tình nguyện là những người mỗi tuần chỉ có thể dành mấy giờ rảnh rỗi để huấn luyện quân sự. Trong trường hợp này điều chúng tôi quan tâm hơn cả là: lính tình nguyện thực hiện việc sắp xếp lại đội hình ấy như thế nào; và ở đây chúng tôi phải nói rằng tuy có nơi xảy ra những trường hợp vướng mắc nhỏ, còn nói chung thì tất cả mọi lần chuyển đổi đội hình đều tiến hành vững vàng và không có nhầm lẫn. Không hoàn hảo nhất là việc quay vòng cả đội hình và việc triển khai, và lại việc triển

1* Thay cho các từ "hệ thống sắp xếp lại đội hình ấy" trên tờ "Allgemeine Militär-Zeitung" in là "loại chiến thuật sơ đẳng này"

khai thực hiện rất chậm; cả hai việc sắp xếp lại đội hình ấy cho thấy rằng các sĩ quan chưa được huấn luyện đầy đủ và chưa hoàn toàn nắm vững trách nhiệm của mình. Nhưng đồng thời việc tiến quân trong đội hình chủ lực - đó là sự vận động chủ yếu và cơ bản trong chiến thuật của Anh - đã thực hiện tốt vượt quá mọi mong đợi; quả thật, người Anh dường như thể hiện năng lực đặc biệt trong việc thực hiện loại vận động như vậy và học được cách vận động ấy đặc biệt nhanh. Việc diễu hành theo nghi lễ nói chung cũng được tiến hành rất tốt, nhưng thú hơn cả là nó diễn ra dưới mưa rào. Đã mắc một số sai sót vi phạm nghi thức nhà binh Anh và ngoài ra, do lỗi của các sĩ quan mà cự li giữ không tốt.

Nếu không kể việc diễu tập chiến đấu do những viên chỉ huy quá lạc quan của quân tình nguyện tổ chức ở Luân Đôn và được tiến hành khá lộn xộn, thì đây là trường hợp đầu tiên một đội ngũ lớn lính tình nguyện tiến hành chuyển đổi đội hình nhưng lại chú ý đến cái gì đó lớn hơn so với việc diễu qua lần cuối bằng đi đều bước theo nghi lễ. Nếu chúng ta chú ý rằng đại bộ phận đơn vị quân đội có mặt ở Niu-tơn gồm những đơn vị - mà mỗi đơn vị có một, hai hoặc nhiều nhất là ba đại đội, rằng những đơn vị đó không được phiên chế thành tiểu đoàn thường trực, không có sĩ quan lấy từ quân đội chính quy, chỉ được các trung sĩ làm huấn luyện viên huấn luyện, và chỉ hạo hoàn mới được tập hợp thành tiểu đoàn, thì phải thừa nhận rằng lính tình nguyện đã làm tất cả những gì có thể làm được và họ không còn cùng một trình độ với dân binh của chúng ta. Dĩ nhiên, những đơn vị vốn là những tiểu đoàn thường trực và được các sĩ quan tùy tùng lấy từ quân chủ lực sang lãnh đạo (vì sĩ quan tùy tùng hiện là những người thực tế chỉ huy các tiểu đoàn), tại cuộc duyệt binh đã thực hiện hoàn toàn vững vàng những lượt chuyển đổi đội hình.

Lính tình nguyện nói chung trông có vẻ tốt. Tất nhiên, có một

số đại đội gồm những người loắt choắt như người Pháp, nhưng những đại đội còn lại thì vượt chiều cao trung bình của lính trong các đơn vị chủ lực Anh bây giờ. Thế nhưng, đa số lính tình nguyện có vóc dáng rất không giống nhau và có thể tích lồng ngực khác nhau. Nước da tái vốn có của dân thành thị làm cho phần lớn trong số họ có dáng vẻ không mấy hấp dẫn, dáng vẻ không phải của nhà binh, nhưng hễ sống một tuần trong doanh trại thì sẽ nhanh chóng thay đổi nó. Về hình thức trang phục, có người trang trí quá mức nên nói chung đã gây ấn tượng rất tốt.

Về mặt nắm vững những động tác cơ bản, năm huấn luyện đầu tiên đã đem lại cho lính tình nguyện nhiều đến mức giờ đây họ đã có thể chuyển sang huấn luyện đội hình tấn khai và tập bắn. Trong cả hai việc này, họ sẽ giỏi hơn đáng kể so với quân chủ lực, thành thử đến mùa hè năm 1861 lính tình nguyện sẽ có thể tạo thành một đạo quân hoàn toàn thích dụng, nếu các sĩ quan của họ nắm chắc hơn nữa công việc của mình.

Nhược điểm của tất cả những đơn vị quân đội này như sau. Sĩ quan thì không thể đào tạo với cùng một thời hạn và bằng cùng những phương tiện, biện pháp như lính thường. Đến nay người ta đã chứng minh được rằng có thể hy vọng vào thiện chí và sự sốt sắng của quân chúng trong chừng mực điều đó cần thiết để làm cho mỗi người trở thành một người lính được huấn luyện thích đáng. Nhưng như thế chưa đủ đối với sĩ quan. Như chúng ta đã thấy, ngay cả về mặt vận động đơn giản của tiểu đoàn, quay theo đội hình hàng dọc, dàn hàng, giữ đúng khoảng cách (những việc rất quan trọng trong hệ thống sắp xếp đội hình của nước Anh, nơi rất thường xuyên áp dụng việc chia cắt đội hình hàng dọc ở trung tâm) các sĩ quan đã tỏ ra là hoàn toàn chưa được huấn luyện đầy đủ. Vậy thì họ sẽ như thế nào khi làm nhiệm vụ cảnh giới và trong đội hình tấn khai, nơi việc đánh giá địa hình là tất

cả và cần phải chú ý nhiều tình huống phức tạp khác? Làm sao có thể giao cho những sĩ quan như vậy đảm bảo an toàn cho quân đội lúc hành quân? Chính phủ đã bắt buộc mỗi sĩ quan quân tình nguyện phải đến Hai-tơ học tập; ít ra là ba tháng. Bây giờ như thế là tốt, nhưng điều đó không dạy được họ lãnh đạo hoạt động tuần tra lẫn chỉ huy đội canh phòng. Mà lính tình nguyện thì phải được sử dụng chủ yếu để phục vụ bộ binh nhẹ - một chế độ phục vụ đòi hỏi phải có những sĩ quan có năng lực nhất và đáng tin cậy nhất.

Nếu muốn cho phong trào tình nguyện đem lại kết quả nào đó thì chính phủ phải nhúng tay vào việc này. Tất cả những đại đội còn tồn tại riêng lẻ hoặc ghép hai ba đại đội lại thì cần phải tập hợp họ lại thành tiểu đoàn cố định để bổ sung thêm sĩ quan tùy tùng lấy từ quân chính quy sang. Cần bắt buộc những thượng sĩ này cùng với tất cả sĩ quan của tiểu đoàn mình qua một lớp huấn luyện bình thường về chiến thuật cơ bản, về phục vụ bộ binh nhẹ trong tất cả mọi ngành của nó và về điều lệnh nội vụ trong tiểu đoàn. Ngoài việc học ở Hai-tơ ra, cần bắt buộc những sĩ quan ấy phục vụ ít nhất là ba tuần ở một doanh trại nào đó trong trung đoàn chủ lực hoặc trong dân binh, và cuối cùng, qua một số thời gian bắt buộc tất cả phải qua một cuộc khảo nghiệm để chứng minh rằng họ đã nắm vững ít ra là những điều cần thiết nhất trong chức trách của mình. Đó là một khóa huấn luyện và khảo nghiệm sĩ quan. Sau đó cần phải tiến hành kiểm tra y tế để loại những người thể lực không thích hợp cho việc phục vụ trong đội quân tác chiến (số này ít thôi) và hàng năm thẩm tra danh sách đại đội để loại những lính tình nguyện không tham gia huấn luyện, chỉ chơi trò lính chì và không học cách thực hiện nhiệm vụ của mình; nếu làm như vậy thì con số 120 000 hiện nay trên giấy sẽ giảm đáng kể, nhưng đó sẽ là đạo quân đáng giá bằng ba đạo quân 120 000 người hiện có trên giấy. Thay vì điều đó người ta

nói rằng các nhà chức trách quân sự đang bận thảo luận một vấn đề quan trọng - nên chăng một khi có điều kiện có thể cho toàn thể lính bộ binh tình nguyện mặc quân phục màu gạch hàng mong muốn như của quân chủ lực.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 24 tháng Tám 1860

Đã đăng trên báo "Allgemeine Militär-Zeitung" số 36, ngày 8 tháng Chín 1860, trên tạp chí "The Volunteer Journal, for Lancashire and Cheshire" số 2, ngày 14 tháng Chín 1860 và trong văn tập "Essays Addressed to Volunteers", Luân Đôn, 1861

In theo bản in trong tập sách, có đối chiếu với bản đăng trên báo "Allgemeine Militär-Zeitung" và báo "The Volunteer Journal" Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

***GIÁ LÚA MÌ. - NỀN TÀI CHÍNH CHÂU ÂU VÀ VIỆC CHUẨN BỊ CHIẾN TRANH. - VẤN ĐỀ PHƯƠNG ĐÔNG**

Luân Đôn, ngày 25 tháng Tám 1860

Vì trong tuần này thời tiết chưa chuyển biến tốt, nên hôm qua tại Mác-lây giá bột mì do thành phố sản xuất tăng 6 si-linh một bao, và đơn đặt mua gần 1 000 000 quắc-tơ lúa mì đã được lập tức gửi đi các cảng nước ngoài. Hầu hết các nhà nhập cảng đều tán thành ý kiến tôi nói ở một trong những bài gần đây nhất^{1*} rằng giá cả trên thị trường lúa mì nhất định sẽ tiếp tục tăng. Những biện pháp mà nước Pháp thi hành cách đây không lâu đối với việc buôn bán lúa mì làm cho nước này trở thành đối thủ cạnh tranh trực tiếp của các nhà buôn lúa mì nước Anh. Như chúng ta biết, ở Pháp có một biểu thuế trượt điều tiết thuế xuất nhập khẩu ngũ cốc, và biểu thuế trượt ấy khác nhau ở tám khu trong cả nước phân vùng theo tình hình buôn bán lúa mì. Với sắc lệnh công bố trên báo "Moniteur" ngày 23 tháng Tám, biểu thuế trượt ấy bị tạm thời bãi bỏ hoàn toàn. Sắc lệnh quy định rằng từ nay đến ngày 30 tháng Chín 1861 ngũ cốc và bột mì nhập khẩu bằng đường bộ hoặc đường biển, chở bằng tàu Pháp hoặc tàu nước ngoài, không kể nhập từ đâu, đều chỉ bị đánh thuế danh nghĩa do luật ngày 15

1* Xem tập này, tr. 173-174.

tháng Tư 1832 ấn định; sắc lệnh cũng quy định rằng tàu chở ngũ cốc và bột mì phải được miễn nộp lệ phí tàu và, cuối cùng, những tàu chở loại hàng ấy rời bất kỳ cảng nước ngoài nào trước ngày 30 tháng Chín 1861 chỉ phải nộp mức tối thiểu nói trên và được miễn lệ phí tàu. Mức tối thiểu nói ở đây là 25 xu một héc-tô-lít (gần 23/4 bu-sen). Như vậy, nước Pháp mà vào năm 1858 và 1859 chở sang Anh số lúa mì (2 014 923 quắc-tơ) và số bột mì (4 326 435 tạ^{1*}) nhiều hơn bất cứ một nước nào khác, hiện nay sẽ thật sự cạnh tranh với Anh về mặt mua lúa mì trên các thị trường nước ngoài, hơn nữa, việc Pháp tạm thời bãi bỏ biểu thuế trượt tạo điều kiện thuận lợi cho sự cạnh tranh như vậy.

Hai thị trường xuất khẩu chủ yếu mà Anh và Pháp đành phải bó hẹp ở đó là Mỹ và Nam Nga. Về nước Nga thì những tin tức về mùa màng ở đó hết sức trái ngược nhau. Một mặt, có người khẳng định rằng mùa màng rất tốt; mặt khác, có tin nói rằng mưa dầm và úng lụt đã làm hư hại mùa màng ở tất cả mọi miền của đế quốc, rằng các ruộng lúa mì của các tỉnh miền Nam bị châu chấu làm hư hại nặng - một tai họa lần đầu tiên xuất hiện ở Bét-xa-ra-bi-a và tác động phá hoại của nó được các nhà đương cục cố gắng khoanh lại trong một vùng nhất định bằng cách dùng một đạo quân 20 000 người vây quanh vùng ấy nhưng không có kết quả. Tất nhiên không thể xác định chính xác quy mô thực tế của tai họa đó, nhưng dù sao nó cũng sẽ đẩy nhanh quá trình nâng giá lương thực. Một số báo Luân Đôn dự đoán rằng tác động của sự thất thoát vàng liên quan trực tiếp tới việc đột ngột nhập khẩu nhiều ngũ cốc đối với thị trường tiền tệ có thể được khắc phục bằng việc nhập khẩu vàng từ Ô-xtrây-li-a. Không có gì vô lý hơn đề nghị ấy. Chúng ta đã thấy là trong thời gian khủng hoảng năm 1857, dự trữ vàng đã giảm xuống đến mức thấp hơn

1* Một tạ Anh = khoảng 50 kg.

bất kỳ thời kỳ nào như vậy trước khi phát hiện ra Ô-xơ-rây-li-a và Ca-li-phoóc-ni-a. Trước đây, dựa vào những sự thực và con số không thể bác bỏ được, tôi đã chứng minh rằng việc nhập khẩu vàng nhiều phi thường vào Anh sau năm 1851 đã bị vô hiệu hoá bằng việc xuất khẩu vàng nhiều phi thường. Ngoài ra, cần phải nêu một sự thực là sau năm 1857 dự trữ vàng của Ngân hàng Anh chẳng những không vượt mức trung bình mà ngày càng giảm. Tháng Tám 1858, dự trữ vàng đó lên tới 17 654 506 p.xt., còn tháng Tám 1859 nó giảm xuống còn 16 877 255 p.xt., tháng Tám 1860 còn 15 680 840 pao xtéc-linh. Nếu vàng chưa thất thoát thì có thể cắt nghĩa sơ dĩ có hiện tượng ấy là do triển vọng mùa màng thất bát chỉ giờ đây mới bắt đầu có ảnh hưởng, trong khi cho đến nay lãi suất ở Luân Đôn cao hơn ở những thị trường giao dịch chứng khoán chủ yếu khác của lục địa châu Âu, nghĩa là ở Am-xtéc-đam, Phran-phuốc, Hăm-buốc và Pa-ri.

Châu Âu lục địa lúc này là một hiện tượng hết sức lạ lùng. Nước Pháp, như chúng ta biết, đang gặp khó khăn tài chính nghiêm trọng, nhưng nó vũ trang với quy mô khổng lồ và với nghị lực không biết mệt mỏi đến mức như thể nó làm chủ cây đèn A-la-đanh. Nước Áo sắp phá sản đến nơi, nhưng bằng cách này hay cách khác nó xoay được tiền nuôi một quân đội to lớn và trang bị đại bác nòng có rãnh xoắn cho các pháo đài bố trí theo hình tứ giác của nó. Nước Nga, nơi mọi hoạt động tài chính của chính phủ đã bị thất bại, nơi người ta nói sự phá sản toàn quốc là một sự kiện có khả năng xảy ra, nơi quân đội kêu ca vì chưa được phát lương và ngay cả lòng trung thành của đội vệ binh nhà vua cũng bị thử thách khắc nghiệt, vì lính vệ binh năm tháng gần đây chưa được trả lương, - thế nhưng Nga phái vô khối bộ đội đến Biển Đen và giữ sẵn ở Ni-cô-la-ép 200 tàu để chở lính đi Thổ Nhĩ Kỳ. Việc Chính phủ Nga không giải quyết được vấn đề chế độ nông nô, vấn đề tài chính, cũng như vấn đề Ba Lan lại trở nên gay gắt, có lẽ

đang thúc đẩy chính phủ này tiến hành chiến tranh, coi đó là biện pháp cuối cùng để ru ngủ dân tộc. Vì vậy, những tiếng kêu ca vang lên khắp các miền của đế quốc và trong tất cả các tầng lớp của xã hội Nga, bị làm át đi theo lệnh của chính phủ bằng những tiếng thét cuồng tín đòi trả thù về việc xúc phạm những người Cơ Đốc giáo Thổ Nhĩ Kỳ bất hạnh bị chà đạp. Ngày này sang ngày khác, báo chí Nga đẩy những lời minh họa và chứng minh sự cần thiết phải can thiệp vào Thổ Nhĩ Kỳ. Đoạn sau đây trích từ báo "Người tàn tật" có thể là một ví dụ tốt¹⁰⁵.

"Vấn đề này còn lâu vẫn là đối tượng xét đoán của tất cả các báo châu Âu. Không thể không nói đến nó vì giờ đây chỉ mình nó được toàn châu Âu chú ý. Chỉ có những độc giả thờ ơ với toàn thể loài người mới chán nó. Còn chúng ta thì không chỉ phải trình bày hàng ngày các chi tiết của nó cho bạn đọc chúng tôi, mà còn phải trình bày cả những sự kiện đã qua lẫn những điều ngẫu nhiên tương lai để công luận thấy những biện pháp nào được thi hành và phải được thi hành để chấm dứt tình hình không tự nhiên vốn là điều sỉ nhục của thời đại và nền văn minh này của chúng ta.

Nhưng khi thấy sự man rợ và sự cuồng tín dã man của người Thổ Nhĩ Kỳ, chúng ta chỉ ít là thể theo công lý lịch sử, phải nói thêm rằng bản thân châu Âu có lỗi trong việc này và phải nhận về mình những nguyên nhân và hậu quả của những cuộc tàn sát đó. Bây giờ chúng ta phải nói thẳng thắn. Châu Âu tiến hành cuộc chiến tranh phi nghĩa chống nước Nga trong những năm 1853 - 1854 để làm gì? Nó đã công khai tuyên bố hai mục tiêu. Nó ngăn chặn sự háo danh và ưu thế hữu danh vô thực của Nga, mặt khác nó muốn chấm dứt mọi sự áp bức những tín đồ Cơ Đốc, chịu ách áp bức của người Thổ Nhĩ Kỳ. Do đó, châu Âu đã thừa nhận sự áp bức và đau khổ đó, nhưng nó muốn chấm dứt chúng bằng việc điều đình chung của mình, để cho Thổ Nhĩ Kỳ hoàn toàn toàn vẹn và bất khả xâm phạm, coi đó dường như là cần thiết cho sự thăng bằng của châu Âu. Khi chiến tranh nổ ra, thì các nhà ngoại giao lo tìm biện pháp đạt được hai mục đích ấy và điều khiển chúng. Trước hết họ thoả thuận tiếp nhận Thổ Nhĩ Kỳ vào gia đình các cường quốc châu Âu và ngăn nó khỏi có bất kỳ sự điều đình riêng rẽ nào. Điều này dễ làm, và là một trong hai mục đích đã đạt được. Nhưng mục đích thứ hai thì sao? Mục đích này đã đạt được chưa? Có thi hành các biện pháp bảo đảm để cứu các tín đồ Cơ Đốc giáo khỏi cảnh nô lệ và bị áp bức nặng nề hay không? Than ôi! Về mặt này, châu Âu đã tin vào lời nói, vào giấy tờ, không có bất kỳ sự bảo lãnh nào. Ngay trong những công hàm đầu tiên ngày 8 tháng

Tám 1854, khi người ta xoay ra nghĩ đến việc chấm dứt chiến tranh và đã nêu bốn điểm bảo đảm nổi tiếng, đã quyết định đòi Nội các Thổ Nhĩ Kỳ duy trì quyền tín ngưỡng của toàn thể tín đồ Cơ Đốc giáo. Cũng điều này được trình bày trong bản kỷ yếu ngày 28 tháng Chạp 1854 trình Nội các Xanh-Pê-téc-bua. Cuối cùng, trong dự thảo ngày 1 tháng Hai 1856 soạn ở Viên và đính kèm theo biên bản phiên họp thứ nhất của Đại hội Pa-ri, ở điều 4 có nói: "Quyền của người Rai-a sẽ được duy trì mà không vi phạm quyền tự chủ và phẩm giá của vua Thổ Nhĩ Kỳ. Áo, Pháp, Anh và triều đình Thổ Nhĩ Kỳ đồng ý với nhau đảm bảo quyền chính trị và quyền tín ngưỡng của thần dân theo đạo Cơ Đốc của Thổ Nhĩ Kỳ, mời cả Nga tham gia thoả thuận này khi ký hoà ước".

Từ phiên họp thứ hai, Đại hội Pa-ri đã thảo luận lâu vấn đề này. Điều đó thấy rõ qua biên bản ngày 28 tháng Hai, 24 và 25 tháng Ba. Họ muốn điều hoà hai sự việc không thể điều hoà với nhau được, đó là quyền tối cao của vua Thổ Nhĩ Kỳ và quyền của các thần dân, đặt cả hai loại quyền ấy dưới sự bảo hộ và điều đình chung của toàn châu Âu. Đại hội quên rằng quyền của người Rai-a mà nó muốn duy trì đã được chuẩn y bằng những hiệp ước trước đây với triều đình Thổ Nhĩ Kỳ, những hiệp ước mà triều đình này buộc phải chấp nhận trước sức ép của vũ lực và đã vi phạm quyền lực tối cao của vua Thổ Nhĩ Kỳ mà giờ đây họ cũng muốn duy trì. Để điều hoà hai điểm không ăn khớp với nhau này, họ đã nghĩ ra chiếu chỉ trừ danh của nhà vua, như thể do ý chí của chính nhà vua soạn thảo và công bố. Chiếu chỉ hứa duy trì và cải thiện tất cả mọi quyền của các thần dân theo đạo Cơ Đốc, và để đảm bảo thực hiện lời hứa đó, người ta đã nhắc đến chiếu chỉ ấy trong hoà ước. Để thực hiện được điều đó, đại hội đã từ bỏ ở điểm 9 của hiệp ước mọi sự can thiệp vào công việc nội bộ của Thổ Nhĩ Kỳ.

Vậy đại hội đã làm gì? Nó có đảm bảo thực hiện lời hứa của chiếu chỉ hay không? Chúng có nhất thiết không thể thiếu được đối với vua Thổ Nhĩ Kỳ hay không? Hoàn toàn không. Chiếu chỉ của vua Thổ Nhĩ Kỳ được nhắc đến trong hiệp ước; người ta đã khen ngợi sự sáng suốt của những lời hứa ấy, nhưng không dự kiến (điều này trước đây toàn châu Âu đã biết và đã nói đến) rằng văn kiện đó sẽ là những từ chết. Và giờ đây, sau hơn bốn năm không thực hiện nó, đã xảy ra những cuộc tàn sát hết sức khủng khiếp ở Xi-ri, châu Âu có quyền điều đình theo hiệp ước hay không? Không! Nó phải ý thức được rằng, một mặt, nó quá cả nể và cả tin và, mặt khác, nó quá bất công. Cách đây chưa lâu, nước Nga nhắc nhở tất cả mọi nội các rằng sự cuồng tín của những người theo đạo Hồi không mấy may suy giảm, không hề nguội lạnh đi, rằng họ đang chuẩn bị những cuộc bùng nổ mới, còn những hành động áp bức và bạo lực trước đây thì vẫn tiếp diễn; nhưng châu Âu thoả mãn với lời của triều đình Thổ

Nhĩ Kỳ hứa tiến hành điều tra và trừng trị những kẻ phạm tội. Để làm cho mọi người tin, thì bọn cuồng tín cần chém giết một vài nghìn nạn nhân vô tội. Mãi đến bây giờ mới bắt tay điều đình, vả lại gặp vô vàn khó khăn, lắt léo, chậm chạp, dường như để tạo cơ hội khỏi bị trừng trị. Tất cả mọi người đều chăm lo để hiệp ước ngày 30 tháng Ba 1856 được tôn trọng nghiêm chỉnh, hệt như trong vụ I-ta-li-a năm 1859 người ta đã quên tình cảnh của các dân tộc mà nghĩ đến câu chữ của các Hiệp ước Viên. Loài người, niềm tin, nền văn minh - đó là hiệp ước chung của châu Âu với Thổ Nhĩ Kỳ. Nếu Thổ Nhĩ Kỳ vi phạm hiệp ước, thì chính nó sẽ gây nên sự điều đình và các hậu quả của nó.

Trước năm 1856, các cường quốc châu Âu đã có với triều đình Thổ Nhĩ Kỳ những hiệp ước, theo đó người ta luôn luôn có thể đòi triều đình Thổ Nhĩ Kỳ chú ý đến số phận của các tín đồ đạo Cơ Đốc. Bây giờ thử hỏi hiệp ước ngày 30 tháng Ba 1856 có thủ tiêu quyền đó hay không? Châu Âu có từ bỏ quyền bảo vệ các giáo hữu của mình không? Từ bỏ, nếu nhận thấy chiếu chỉ ngày 18 tháng Hai được thực hiện, nếu tin rằng những cuộc cải cách đã hứa hẹn sẽ được tiến hành; từ bỏ, nếu nghĩ rằng những phong tục, tập quán, đam mê và luật của kinh thánh đạo Hồi có thể thay đổi. Nhưng điều đó đã không xảy ra và không thể xảy ra. Châu Âu say mê với tư tưởng chính trị của mình, rằng cần có Thổ Nhĩ Kỳ để châu Âu được thăng bằng, đã tính chuyện tiếp nhận Thổ Nhĩ Kỳ vào gia đình của các cường quốc châu Âu, nhưng dĩ nhiên là với ý nghĩ rằng Thổ Nhĩ Kỳ sẽ hoàn toàn là nước châu Âu sau khi đã vứt bỏ những tư tưởng Hồi giáo cổ đại, rằng lưới gươm sẽ là luật lệ duy nhất giữa kinh thánh đạo Hồi và các dân tộc chịu sự chi phối của kinh thánh ấy, rằng người chiến bại có nghĩa là người nô lệ, tức là vật sở hữu của người chiến thắng, và cuộc sống, tài sản và gia đình của người nô lệ phụ thuộc vào ý muốn của chủ. Đó là tư tưởng cơ bản đã chỉ đạo châu Âu vào năm 1856. Tuy châu Âu có thái độ thù địch với Nga do cuộc chiến tranh phi nghĩa và đổ máu gây ra, nhưng nó không miễn cho triều đình Thổ Nhĩ Kỳ tất cả những nghĩa vụ trước đây của nó, mà trái lại, đã đòi hỏi phải cải thiện nhiều hơn nữa, đúng đắn hơn nữa và được đảm bảo hơn nữa thân phận của các tín đồ đạo Cơ Đốc. Mục đích thực của sự bảo hộ chung của châu Âu chính là như vậy. Chỉ có với giá ấy châu Âu mới đảm bảo sự toàn vẹn và bất khả xâm phạm cho Thổ Nhĩ Kỳ. Nếu không thì cả chiến tranh lẫn hoà bình đều không có lý do xác đáng, nếu không thì vì sao lại nhận Thổ Nhĩ Kỳ vào gia đình Cơ Đốc giáo, vì cái gì mà đảm bảo cho nó một nền an ninh chính trị trong tương lai. Điều kiện này gắn chặt, không tách rời với điều kiện kia, điều đó ai ai cũng thấy rõ - không có cái thứ nhất thì cũng không thể có cái thứ hai.

Quả thật, hình thức của điều kiện có một số thiếu sót. Xét theo câu chữ, theo điểm 9 Hiệp ước Pa-ri thì về hình thức châu Âu đã từ bỏ việc can dự vào công việc nội bộ của triều đình Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng bản thân điểm ấy nhắc rằng điều đó được thực hiện trên cơ sở chiếu chỉ ngày 18 tháng Hai coi tín đồ đạo Cơ Đốc ngang hàng với tín đồ đạo Hồi. Lô-gích sáng suốt cho thấy rằng, nếu điều đó không được thực hiện thì cả điểm 9 cũng vô nghĩa.

Nay Thổ Nhĩ Kỳ đã hoàn công đứng lên chống sự điều đình ở Xi-xin một cách cuồng nhiệt như vậy. Sự điều đình ấy là tất yếu nếu tình cảnh của các tín đồ đạo Cơ Đốc không thay đổi, nếu thậm chí nó trở nên tồi tệ hơn. Nước Anh cũng hoàn công chống lại sự điều đình ấy. Nó có thể có những nguyên nhân chính trị và thương mại của bản thân nó để làm như vậy mà tầm quan trọng và sự chính đáng của nó chúng ta không bàn đến, nhưng nó không được vin vào điểm 9 của Hiệp ước Pa-ri. Hiệp ước này bị vi phạm không phải do sự điều đình, mà do không thực hiện chiếu chỉ của vua Thổ Nhĩ Kỳ. Giờ đây châu Âu tuy dám tiến hành sự điều đình cần thiết, nhưng nó cũng phí công chấp nhận một lần nữa những hình thức ngoại giao với cái khuyết điểm mà nó có thể thấy qua Hiệp ước Pa-ri. Và giờ đây lại nói rằng việc điều đình được tiến hành theo ý *muốn* của triều đình Thổ Nhĩ Kỳ... Kết quả của yêu cầu ấy còn chưa biết, nhưng nếu việc điều đình bị tạm thời gạt bỏ thì nó trở nên cần thiết. I-li-on không tin lời tiên tri của Cát-xan-đơ - thế là bị diệt vong".

Do C.Mác viết ngày 25 tháng Tám 1860

Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"

số 6046, ngày 10 tháng Chín 1860

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

PH.ĂNG-GHEN

GA-RI-BAN-ĐI Ở CA-LA-BRI

Hiện nay chúng tôi có những tin tức tỉ mỉ về việc Ga-ri-ban-đi chiếm Hạ Ca-la-bri và về việc quân đội Na-plơ được giao nhiệm vụ bảo vệ nó đã hoàn toàn tan tác. Ở giai đoạn này, trên bước đường công danh thắng lợi của mình, Ga-ri-ban-đi tỏ ra mình không chỉ là một lãnh tụ gan dạ và một nhà chiến lược có tài, mà còn là một vị tướng lĩnh giỏi. Việc tấn công dãy đồn bốt ven biển bằng quân chủ lực là một việc làm không chỉ đòi hỏi phải có tài năng quân sự, mà còn đòi hỏi phải có kiến thức quân sự; và có thể hài lòng xác nhận rằng, người anh hùng của chúng ta, tuy suốt đời không qua một kỳ sát hạch binh nghiệp nào và chưa chắc có hồi nào đó phục vụ trong quân đội chính quy, ấy thế mà đã hành động thông thạo trên chiến trường này, cũng như trên mọi chiến trường khác.

Mũi của chiếc ủng I-ta-li-a được tạo thành bởi dãy núi A-xơ-rô-môn-tơ với đỉnh Mông-tan-tô ở cuối cao gần 4 300 phút. Từ đỉnh núi này, nước chảy xuống bờ biển theo nhiều khe núi sâu toả ra từ Mông-tan-tô làm trung tâm điểm, thành những bán kính của hình bán nguyệt mà ngoại vi của nó là đường bờ biển. Những hẻm núi ấy cùng với lòng các dòng suối vào mùa ấy bị khô kiệt được gọi là Fiumare và tạo nên nhiều vị trí thuận tiện cho quân đội trên đường rút lui. Quả thật, có thể đi vòng những trận địa ấy từ phía Mông-tan-tô, đặc biệt vì những đường mòn ngựa thồ và đi bộ dọc theo sống mỗi nhánh núi và trên dãy núi chính

A-xơ-rô-môn-tơ; song do ở vùng núi này hoàn toàn thiếu nước nên thật khó tiến hành việc điều động quân như vậy đối với một đội quân lớn trong mùa hạ. Các nhánh nhỏ của dãy núi thấp xuống bờ và đi tiếp xuống biển với những lên đá dựng đứng và chồng lên nhau một cách lộn xộn. Những đồn bốt bảo vệ vịnh ở quãng giữa Rét-giô và Si-la, phần thì xây ngay trên bờ biển, nhưng phần lớn xây trên những núi đá thấp, nhô lên phía trước ở ngay bờ. Do đó tất cả các đồn bốt đều có thể quan sát từ những núi đá cao hơn nằm gần chúng và khống chế chúng, và tuy những điểm chỉ huy ấy pháo bắn không tới và đa số chúng không với tới được đối với "Bét-xơ ngăm đen" kiểu cũ¹⁰⁷, thành thử khi xây dựng đồn bốt, chúng không hề được coi trọng, nhưng sau khi xuất hiện súng trường hiện đại, chúng đâm ra có ý nghĩa quyết định, phần lớn đồn bốt nằm trong tầm bắn của súng trường và, do đó, giờ đây súng trường thực sự khống chế các đồn bốt. Trong tình hình ấy, việc tấn công mạnh mẽ những đồn bốt ấy là hoàn toàn hợp lý, bất chấp mọi quy tắc bao vây đúng bài bản. Rõ ràng là Ga-ri-ban-đi định làm những điều sau đây: phái một cánh quân tiến theo con đường lớn đi dọc bờ biển, lộ lộ trước mũi súng của các đồn bốt, làm ra vẻ ông có ý định tấn công vỗ mặt các đội quân Na-plơ, còn mình thì cùng một cánh quân khác leo qua các đồi theo Fiumare lên cao tới mức mà tính chất của địa hình hoặc chiều dài của tuyến chính diện do các trận địa phòng thủ của quân Na-plơ tạo thành đòi hỏi và qua đó bao vây các đội quân và các đồn bốt và chiếm ưu thế trong bất kỳ trận đánh nào.

Căn cứ vào kế hoạch đó, ngày 21 tháng Tám, Ga-ri-ban-đi phái Bi-xi-ô cùng một đơn vị quân đội của ông đi dọc bờ biển theo hướng tới Rét-giô, còn bản thân ông thì cùng một đội nhỏ và quân của Mi-xô-ri đã theo ông đi qua núi. Quân Na-plơ với tám đại đội, tức gần 1 200 người, chiếm Fiumare nằm sát Rét-giô. Bi-xi-ô phải là người đầu tiên mở màn cuộc tấn công, ông đã phái một cánh quân đi theo bờ cát đến sườn trái ngoài cùng, bản thân ông thì cứ theo đường lớn mà tiến. Quân Na-plơ rất nhanh chóng rút lui,

nhưng sườn trái của họ nằm ở trên đồi, đã chống đỡ với một nhóm nhỏ đội tiên phong của Ga-ri-ban-di cho tới khi đội của Mi-xô-ri đến đánh lui họ. Lúc đó họ rút về đồn nằm ở giữa thành phố và đến một khẩu đội nhỏ trên bờ. Khẩu đội này đã bị chiếm bằng một cuộc tấn công chớp nhoáng của ba đại đội của Bi-xi-ô đột nhập qua lỗ châu mai. Sau đó Bi-xi-ô, người đã chiếm hai khẩu đại bác hạng nặng và đạn dược của quân Na-plơ trong khẩu đội này, xoay sang pháo kích đồn chính, nhưng việc đó sẽ không bắt được đồn đầu hàng, nếu các xạ thủ giỏi của Ga-ri-ban-di không chiếm những điểm cao khống chế để từ đó họ có thể phát hiện và bắn tỉa những pháo thủ ở các khẩu đội pháo. Việc này đã có tác dụng: các pháo thủ đã rời bãi pháo và chạy vào các hầm tránh đạn; đồn đầu hàng, một bộ phận lính theo Ga-ri-ban-di, nhưng phần lớn tản về nhà. Trong khi những sự kiện này xảy ra ở Rét-giô và sự chú ý của các tàu thủy Na-plơ bị trận đánh này, trận đánh đã phá hủy tàu "Tô-ri-nô" mắc cạn và việc đưa đội quân của Mê-di-si lên tàu ở Mét-xi-na để nghỉ binh, thu hút chúng thì Cô-den-tơ đã kịp chuyển 1 500 người trên 60 thuyền đi từ Pha-rô La-gô-rê và cho họ đổ bộ lên bờ tây-bắc giữa Si-la và Ban-ni-a.

Ngày 23 tháng Tám đã xảy ra một trận đánh nhỏ ở Xa-li-sơ, xa hơn Rét-giô một ít, trong khi đó năm mươi quân của phái Ga-ri-ban-di, Anh và Pháp dưới sự chỉ huy của đại tá Đơ-phlốt đã đánh tan quân Na-plơ đông gấp bốn lần. Trong trận này, Đơ-phlốt đã tử trận. Cùng ngày, tướng Bri-gan-ti chỉ huy một lữ đoàn thuộc quân của Vi-a-lơ tại Hạ Ca-la-bri đã hội đàm với Ga-ri-ban-di về điều kiện để ông ta chuyển sang phe quân I-ta-li-a, song kết quả duy nhất của cuộc gặp mặt này là nó cho thấy quân Na-plơ đã hoàn toàn mất tinh thần. Từ lúc ấy, đối với họ không thể có chuyện chiến thắng, chỉ có thể nói đến đầu hàng. Bri-gan-ti và Mê-len-dê-xơ chỉ huy lữ đoàn cơ động thứ hai ở Hạ Ca-la-bri đã chiếm trận địa cách bờ không xa, ở quãng giữa Vi-la-Xan-Giô-van-ni và Si-la, sườn trái của họ mở đến tận đồi gần Phuy-ma-ra-di-Mu-rô. Tổng quân số của họ chắc lên tới xấp xỉ 3 600 người.

Ga-ri-ban-di sau khi bắt liên lạc với Cô-den-tơ đổ bộ lên sau lưng những đội quân này, đã bao vây quân Na-plơ từ mọi phía rồi bình tĩnh đợi họ đầu hàng, đến tối ngày 24 thì họ đầu hàng. Ông tước vũ khí họ và cho phép binh sĩ về nhà nếu họ muốn; đa số họ đã làm như vậy. Đồn Pun-ta-di - Pét-xô cũng đầu hàng, các đội quân đồn trú An-la-Phuy-ma-rê, To-re-đen-ca-va-lô và Si-la cũng theo gương họ, số này đã hoàn toàn mất tinh thần do súng bắn từ các cao điểm chỉ huy, cũng như do tất cả mọi đồn bốt khác đều đã đầu hàng và do sự đào ngũ trong các đội quân đã chiến. Như vậy, không chỉ đảm bảo được việc hoàn toàn khống chế cả hai bên eo biển, mà còn chiếm được toàn bộ Hạ Ca-la-bri, và trong không đầy năm ngày, những đội quân được phái tới để bảo vệ nó đã bị bắt làm tù binh và bị giải tán về nhà.

Chuỗi thất bại đó đã bẻ gãy mọi khả năng tiếp tục chống cự của quân đội Na-plơ. Các sĩ quan của những tiểu đoàn còn lại của Vi-a-lơ ở Mông-tê-lê-ôn-nơ đã quyết định bảo vệ trận địa của mình một giờ để giữ thể diện rồi mới hạ vũ khí. Khởi nghĩa ở những tỉnh khác nhanh chóng lan rộng, hàng trung đoàn không chịu chống quân khởi nghĩa, và ngay cả trong số những đội quân bảo vệ Na-plơ cũng có tình trạng đào ngũ cả đội. Như vậy con đường đi tới Na-plơ, rốt cuộc, đã mở ra trước mắt người anh hùng I-ta-li-a.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào đầu tháng Chín
1860*

*Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York
Daily Tribune" số 6058, ngày 24 tháng Chín
1860*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

NỀN THƯƠNG MẠI ANH

Luân Đôn, ngày 8 tháng Chín 1860

"Tribune" là tờ báo đầu tiên thu hút sự chú ý đến hiện tượng mức xuất khẩu của Anh sang Đông Ấn giảm sút nghiêm trọng, đặc biệt rõ về những hạng mục xuất khẩu cơ bản, cụ thể là: hàng vải bông và sợi bông. Hậu quả của sự giảm sút đã bắt đầu cảm thấy ở Lan-kê-sia và Y-oóc-sia chính vào lúc thị trường trong nước bắt đầu thu hẹp do thu hoạch mùa màng muộn những năm tuần so với năm ngoái, mặc dầu triển vọng đã trở nên sáng sủa từ ngày thứ năm, 30 tháng Tám, nhưng dù sao sản lượng cũng sẽ thấp hơn mức trung bình. Do các phòng thương mại Anh đã báo động và tối tấp gửi cho chính phủ trung ương những bản kháng nghị chống luật thuế quan mới của Ấn Độ tăng thuế từ 5% lên 10%, tức là tăng 100%, đối với những hạng mục cơ bản nhập từ Anh. Báo chí Anh trước đây giữ ý không đề cập điểm này, như vậy, rốt cuộc, đã buộc phải phá vỡ sự im lặng của mình. Báo "Economist" cung cấp cho chúng ta bài "Nền thương mại của Ấn Độ" và bài "Nguyên nhân suy thoái của thương mại Ấn Độ". Ngoài việc báo "Economist" được coi là tờ báo chủ yếu có uy tín ở Anh về loại vấn đề này, những bài viết của nó về Ấn Độ có ý nghĩa đặc biệt do sự dính líu với nó của ngòi bút của ngài Uyn-xơn, lúc này là bộ trưởng tài chính phụ trách tài chính Ấn Độ. Lời giải đáp tốt nhất cho phần đầu bài viết - phần cố gỡ mọi trách nhiệm về sự thu hẹp của thị trường Ấn Độ cho luật thuế quan gần đây

của Ấn Độ, là việc ông toàn quyền ở Can-cút-ta đã buộc phải triệu tập ở đây một uỷ ban gồm đại diện các cục thuế Can-cút-ta, Bom-bay và Ma-đrát cùng những phòng thương mại hữu quan và giao cho uỷ ban này nhiệm vụ xem xét lại và điều chỉnh biểu thuế suất ban hành cách đây không lâu. Biểu thuế suất này, như tôi đã nói, khi lần đầu tiên giới thiệu vấn đề này với bạn đọc của chúng tôi^{1*}, tuyệt nhiên không phải là nguyên nhân gây nên cuộc khủng hoảng thương mại ở Ấn Độ, song nó đã làm cho cuộc khủng hoảng ấy chóng nảy sinh khi nó được ban hành đột ngột vào lúc nền thương mại Ấn Độ đã phát triển đến quy mô vượt dung lượng tự nhiên của thị trường. Tờ "Economist" công khai thừa nhận việc hàng hoá Anh tràn ngập thị trường Ấn Độ và hàng hoá Ấn Độ đầy ắp thị trường Anh.

"Theo ý kiến chúng tôi", - báo ấy viết, - "không ai chối cãi rằng những món lợi nhuận to lớn thu được nhờ buôn bán ở Ấn Độ trong một khoảng thời gian nhất định vào năm ngoái, đã dẫn đến chỗ tăng đột ngột và đáng kể việc nhập khẩu hàng hoá vào thị trường nước này với số lượng vượt khá nhiều cầu trong nước và đến việc buôn bán đầu cơ rất rộng của các nhà tư bản Ấn Độ nhằm cung cấp hàng hoá từ các cảng biển cho những thị trường nội địa xa xôi. Ví dụ, giá trị xuất khẩu hàng vải bông sang Ấn Độ thuộc Anh năm 1859 đã lên tới 12 043 000 p.xt. so với 9 299 000 p.xt. năm 1858 và 5 714 000 p.xt. năm 1857; giá trị xuất khẩu sợi đạt 2 546 000 p.xt. năm 1859 so với 1 969 000 p.xt. năm 1858 và 1 147 000 p.xt. năm 1857. Trong một thời kỳ dài, hàng được mua hết ngay khi chúng vừa mới đến và vì giá cả tiếp tục tăng, nên không thiếu những kẻ đầu cơ cho vay nặng lãi mua vét hàng hoá và chuyển hàng vào sâu trong nước; và chắc chắn, như chúng ta có thể xét đoán theo các thông báo từ những nguồn đáng tin cậy nhất, *trên tất cả các thị trường tây-bắc đã tích lũy những dự trữ hàng hoá đáng kể*. Về mặt này, số liệu từ Mi-rơ-da-pua, A-la-ha-bát, Lác-nau, A-gra, Đê-li, Am-rít-xa và La-ho trùng khớp nhau".

Tờ "Economist" sau đó chuyển sang phân tích một số tình huống

1* Xem tập này, tr. 99-101.

đã góp phần với một ý nghĩa nào đó làm cho sự ứ đọng hàng hoá trên các thị trường Ấn Độ trở thành một hiện tượng kinh niên. Báo không nói gì đến nguyên nhân cơ bản - việc không ngừng cung cấp hàng hoá với quy mô lớn từ Anh. Trước hết, do hạn hán khắp nơi nên mùa vụ thu năm 1859 ở toàn bộ Bắc Ấn Độ thấp hơn đáng kể so với mức trung bình cả về mặt chất lượng cũng như về mặt số lượng. Do đó giá lương thực thực phẩm vào mùa đông và mùa xuân cao, về sau càng tăng lên nữa do nạn đói đe dọa. Đã thế, bên cạnh tình trạng thiếu sản phẩm và giá cao còn có nạn dịch hoành hành.

"Trên toàn miền Tây-Bắc, dịch tả có quy mô đáng sợ ở những thành phố đông dân đến mức cuộc sống làm ăn hàng ngày trong nhiều trường hợp đã ngừng hẳn và dân chúng chạy trốn để cứu lấy thân như là chạy trốn kẻ thù xâm nhập".

Nhưng tôi tệ hơn cả -

"Trong một tháng hoặc sáu tuần trước lúc đưa chuyển bưu phẩm gần đây nhất đi, Thượng Ấn đã đứng trước nguy cơ xảy ra một tai hoạ kinh khủng. Mưa, nhân tố duy nhất quyết định mùa màng vụ thu, thường rơi vào giữa hoặc muộn nhất là cuối tháng Sáu. Năm nay, từ giữa tháng Bảy về trước không hề có một giọt mưa. Từ biên giới Tây - Bắc đến Hạ Ben-gan, từ đèo Hai-béc đến Bê-na-rét, kể cả lưu vực Đô-áp rộng lớn của những con sông Xát-lét-giơ, Gram-na và sông Hằng, tất cả đều là mặt đất bị mặt trời thiêu đốt, bạc màu, rắn lên và cứng đờ. Chỉ có ở một số nơi được những con sông chảy qua hoặc đầm hồ của những hệ thống thủy lợi lớn, những kênh đào của sông Gram-na và sông Hằng tưới nước là có thể trồng cây này cây nọ. Triển vọng lâm vào nạn đói, giống như nạn đói năm 1837 và 1838 đã làm cho dân cư khắp nơi hết sức lo lắng. Giá cả càng tăng lên nữa. Gia súc chết hàng loạt hoặc được lừa lên đồi và không được sử dụng để canh tác, dân chúng thì, như tin tức cho hay, sắp chết đói đến nơi".

Song, theo tin điện nhận được và công bố ở Can-cút-ta trong một tuần trước khi gửi chuyển bưu điện gần đây ngày 27 tháng Bảy, những sự lo ngại xấu nhất đã không còn nữa. Cuối cùng, đã có mưa nhiều, đúng lúc để ngăn ngừa nạn đói, nếu không phải là để bảo đảm được mùa.

Những chi tiết mà tạp chí "Economist" dẫn ra cho thấy đầy đủ

rằng sắp tới không có mấy may triển vọng nền thương mại Ấn Độ khởi sắc, trong nửa đầu năm 1860 nó đã giảm khoảng 2 000 000 p. xt. so với sáu tháng đầu năm 1859. Các thị trường Ô-xơ-rây-li-a cũng bộc lộ tất cả mọi dấu hiệu thu hẹp do đẩy áp hàng hoá. Việc buôn bán với Pháp, như dự đoán, sẽ đạt quy mô to lớn do có Hiệp ước thương mại Anh - Pháp, nhưng trái lại, đã giảm hơn 1 000 000 p. xt., điều này thấy rõ qua số liệu sau đây:

Nửa năm, tính đến ngày 30 tháng Sáu:

	Năm 1859	Năm 1860
	p.xt.	p.xt.
Nhập khẩu từ Pháp	9 615 065	8 523 983
Xuất khẩu sang Pháp.....	2 358 912	2 324 665
Tổng cộng	11 973 977	10 848 648

Cần phải coi hiện tượng mức nhập khẩu của Anh từ Pháp giảm mạnh có liên quan tới giá lương thực cao ở Pháp vào năm nay, trong khi vào năm 1859 ngũ cốc và bột mì là mặt hàng chủ yếu Pháp xuất khẩu sang Anh. Điều được coi trọng là việc tăng quy mô hàng công nghiệp do nước Mỹ mua, như người ta quan niệm, để đổi lấy việc xuất khẩu đáng kể lương thực sang Vương quốc liên hiệp như hiện nay. Nhưng tuy lúc nào cũng sẽ có một tỷ lệ nào đó giữa xuất khẩu và nhập khẩu của đất nước, song kết luận đó xem ra hơi vội vàng, nếu xét đoán theo sự lên xuống của việc buôn bán giữa Anh và Mỹ nửa đầu năm 1859 và nửa đầu năm 1860:

Ở đây chúng ta có:

	Năm 1859	Năm 1860
	p.xt.	p.xt.
Anh xuất khẩu sang Mỹ.....	11 625 920	9 366 647
Anh nhập khẩu từ Mỹ	17 301 790	25 618 472

Như vậy, trong khi mức nhập khẩu của Anh từ Mỹ tăng hơn 8 000 000 p.xt. thì mức xuất khẩu của Anh sang Mỹ cũng trong khoảng thời gian ấy đã giảm hơn 2 000 000 pao xtéc-linh. Nền ngoại thương của Anh chỉ mở rộng theo tuyến buôn bán Anh - Thổ Nhĩ Kỳ, Anh - Trung Quốc và Anh - Đức. Vào thời điểm này Thổ Nhĩ Kỳ đang bị chần động do sự can thiệp của Nga và Pháp. Trung Quốc đang bị chần động do sự can thiệp của chính người Anh, còn Đức mà nhiều vùng bị tai nạn vì mất mùa thì đang đứng trước những chần động chính trị nội bộ sâu sắc và những sự xung đột nghiêm trọng với bên ngoài. Còn về việc buôn bán giữa Anh và Trung Quốc thì tôi vẫn nhấn mạnh rằng trên một mức độ nào đó, sự phát triển của nó hoàn toàn do nhu cầu của chiến tranh quyết định; rằng việc xuất khẩu sang Trung Quốc chỉ tăng do thu hồi một số lượng đáng kể hàng hoá khỏi thị trường Ấn Độ và tung chúng sang thị trường Trung Quốc coi như làm thủ; và cuối cùng, việc nhập khẩu từ Trung Quốc tiếp tục duy trì ý nghĩa lớn hơn đáng kể so với việc xuất khẩu sang Trung Quốc, như có thể thấy qua những con số sau đây:

Nửa năm, tính đến ngày 30 tháng Sáu:

	Năm 1859 p.xt.	Năm 1860 p.xt.
Nhập khẩu từ Trung Quốc, kể cả		
Hồng Công	5 070 691	5 526 054
Xuất khẩu sang Trung Quốc, không kể Hồng Công	1 001 709	1 622 525
Xuất khẩu sang Hồng Công	976 703	1 236 262
Tổng cộng	7 049 103	8 384 841

Trong khi đó những vụ phá sản đột ngột ở đa số ngành thương mại tiếp tục nuôi dưỡng ý thức không tin tưởng ở khắp nơi. Bảng tổng hợp dẫn ra ở cuối bài về khoản có và khoản nợ đã xác nhận trước đây của những hãng buôn da đã vỡ nợ cho thấy rằng cứ

mỗi pao nợ trung bình chỉ có 5 si-linh 6 pen-ni khoản có, điều này có nghĩa là những người nắm kỳ phiếu của những hãng đã sạt nghiệp bị thiệt 1 471 589 pao xtéc-linh.

Khoản nợ

Hãng	p.xt.
Đã phá sản	9 1 530 991
Giảm bớt hoặc ký kết hiệp nghị thoả hiệp với chủ nợ	15 499 806
Những chi tiết chưa công bố	10
Tổng cộng	34 2 030 797

Khoản có

	Tổng số	Tính trên	Thiếu hụt
	p.xt.	p.xt.	p.xt.
Đã phá sản	9 342 652	4s. 6p	1 188 339
Giảm bớt hoặc ký kết hiệp nghị thoả hiệp với chủ nợ	15 216 556	8s 8p	283 250
Những chi tiết chưa công bố	10		
Tổng cộng	34 559 208	5s.6p	1 471 589

Do C.Mác viết ngày 8 tháng Chín 1860

*Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"
số 6063, ngày 29 tháng Chín 1860*

In theo bản đăng trên báo

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

BỘ BINH NHẸ CỦA PHÁP

Nếu có lúc nào đó lính tình nguyện của chúng ta có dịp độ súng với kẻ địch thì đối thủ đó sẽ là - điều này ai ai cũng biết - bộ binh Pháp; loại tốt nhất - beau idéal^{1*} - về bộ binh Pháp là lính bộ binh nhẹ, đặc biệt là chasseur^{2*}.

Xạ thủ Pháp là kiểu mẫu không phải chỉ đối với quân đội của chính mình: trong những vấn đề liên quan đến sự phục dịch của bộ binh nhẹ, người Pháp đến một mức độ nào đó là người làm luật cho tất cả mọi quân đội châu Âu; như vậy, với một ý nghĩa nhất định, xạ thủ Pháp đang trở thành mẫu mực cho toàn bộ bộ binh nhẹ của châu Âu.

Với cả hai tư cách này, nghĩa là với tư cách địch thủ có thể có và với tư cách mẫu mực hoàn hảo nhất từ trước đến nay về người lính bộ binh nhẹ, xạ thủ Pháp rất đáng chú ý đối với lính tình nguyện Anh. Và lính tình nguyện nước ta tìm hiểu họ càng nhanh càng tốt.

I

Cho đến tận năm 1838, súng trường chưa được sử dụng trong

1* - lý tưởng đẹp

2* - xạ thủ

quân đội Pháp. Súng trường kiểu cũ với viên đạn lấp chặt, cần phải ghè nó vào, làm cho việc lắp đạn trở thành một thao tác khó khăn và chậm chạp, là thứ vũ khí không thích hợp đối với người Pháp. Na-pô-lê-ông có lần xem súng trường dùng đá lửa ở một tiểu đoàn xạ thủ Đức đã thốt lên: "Tất nhiên, đây là thứ vũ khí bất hạnh nhất chỉ có thể trao vào tay người lính". Chắc chắn, súng trường kiểu cũ không dùng được cho những khối lớn bộ binh. Ở Đức và ở Thụy Sĩ, một số tiểu đoàn tinh nhuệ luôn luôn được trang bị súng trường này, nhưng lính của những tiểu đoàn này chỉ được sử dụng làm xạ thủ bắn tỉa để diệt sĩ quan, để bắn vào công binh khi bắc cầu v.v., và lại chú ý nhiều đến việc phiên chế những đơn vị này gồm con của những người coi rừng hoặc những người trẻ tuổi khác một thời gian dài trước khi nhập ngũ đã học được cách sử dụng súng trường. Những thợ săn thú ở núi An-pơ, những viên kiểm lâm bảo vệ những khu rừng lớn ở Bắc Đức, nơi nuôi nai, là nhân liệu tuyệt vời để lập những tiểu đoàn ấy, cũng là mẫu mực đối với xạ thủ của quân chính quy Anh.

Những đội quân mà trước đây người Pháp thường gọi là bộ binh nhẹ được trang bị và huấn luyện hoàn toàn như các trung đoàn chính quy; vì vậy vào năm 1854 với sắc lệnh của Na-pô-lê-ông tên gọi hai mươi lăm trung đoàn ấy là trung đoàn bộ binh nhẹ bị bãi bỏ và những trung đoàn ấy được gộp vào quân đội chính quy, nơi hiện nay đang lập các trung đoàn đánh số từ 76 đến 100.

Quả thật, ở mỗi tiểu đoàn bộ binh đều có một đại đội lính tình nguyện gồm những người lính ưu tú và nhanh trí nhất có thân hình thấp; còn elite^{1*} lính to cao hơn thì hợp thành các đại đội phóng lựu. Họ phải là những người đầu tiên triển khai thành hàng khi cần phải bắt đầu cuộc bắn nhau; còn về các mặt khác thì họ cũng chỉ được trang bị và huấn luyện giống như các đơn vị còn lại của tiểu đoàn.

1* - bộ phận tinh nhuệ

Vào năm 1830 khi bắt đầu đánh chiếm An-giê-ri, quân Pháp mặt đối mặt với một đối thủ được trang bị súng trường dùng phổ biến ở đa số các dân tộc phương Đông. Súng nòng trơn Pháp thua kém loại súng ấy về tầm bắn. Ở đồng bằng thì dân du mục đi ngựa và ở vùng núi thì xạ thủ Ca-bin đã bao vây tứ phía các cánh quân Pháp đang hành quân; đạn của đối phương bắn tới các cánh quân Pháp, trong khi đó bản thân họ nằm ngoài tầm bắn có hiệu quả của hỏa lực quân Pháp. Ở đồng bằng, các xạ thủ không thể đi xa đội hình quân mình vì sợ bị kỵ binh A-rập hành động nhanh, tập kích bất ngờ và tiêu diệt.

Khi quân đội Anh tiến vào Áp-ga-ni-xtan, nó đã làm quen với những súng trường ấy. Các xạ thủ Áp-ga-ni-xtan tuy chỉ được trang bị súng dùng ngòi nổ, nhưng họ đã gây ra trong hàng ngũ quân Anh, ở doanh trại, tại Ca-bun, cũng như lúc rút lui theo đường rừng, những sự tàn phá khủng khiếp trên những khoảng cách mà "Bét-xơ ngăm đen" kiểu cũ đáng thương hoàn toàn không thể với tới được. Bài học thật khắc nghiệt; có thể chờ đợi một cuộc đấu tranh kéo dài với các bộ lạc trên biên giới Tây-Bắc Ấn Độ thuộc Anh, thế mà chẳng làm được gì để trang bị cho lính Anh được phái đến biên giới này thứ vũ khí có thể sánh với súng trường phương Đông dùng ngòi nổ khi bắn ở cự li xa.

Tình hình quân Pháp không phải như vậy. Một khi khuyết điểm ấy được phát hiện thì họ lập tức thi hành những biện pháp trừ bỏ nó. Công tước Óc-lê-ăng, con của Lu-i-Phi-líp, trong thời gian đi tổ chức hôn lễ trên đất Đức năm 1836 đã lợi dụng cơ hội để nghiên cứu cách tổ chức hai tiểu đoàn xạ thủ của đội vệ binh. Ông ta thấy ngay rằng chính đây là điểm xuất phát để ông ta xây dựng được một kiểu quân đội cần cho An-giê-ri. Ông ta đích thân lập tức nghiên cứu vấn đề này. Song ông ta vấp phải nhiều trở ngại do định kiến cũ của người Pháp chống súng trường nòng có rãnh. May thay, những phát minh của Đen-vi-nhơ và Pôn-sa-ra trên quê hương công tước đã giúp ông ta; họ đã phát minh thứ súng trường có thể nạp đạn hầu như cũng nhanh và dễ như súng

trường nòng trơn và đồng thời trội hơn súng trường nòng trơn một cách đáng kể về tầm bắn xa và mức độ bắn trúng đích. Năm 1838, công tước được phép lập một đại đội theo ý đồ của ông ta; cũng năm ấy đại đội đó đã được tăng lên thành một tiểu đoàn đầy đủ; năm 1840, tiểu đoàn được phái tới An-giê-ri để thẩm định xem nó sẽ hành động như thế nào trong cuộc chiến tranh thực tế; nó đã kinh qua thử thách tốt đến nỗi cùng năm ấy đã lập thêm chín tiểu đoàn xạ thủ nữa. Cuối cùng, vào năm 1853 đã tổ chức thêm mười tiểu đoàn, thành thử hiện nay trong quân đội Pháp có cả thảy hai mươi tiểu đoàn xạ thủ.

Lính Bê-đuy-n và lính Ca-bin chắc chắn là những kỵ binh nhẹ và xạ thủ bộ binh kiểu mẫu, những phẩm chất binh nghiệp độc đáo của họ đã rất nhanh chóng thúc đẩy người Pháp tìm cách tuyển mộ người bản xứ phục vụ cho quân đội của họ và đánh chiếm An-giê-ri, để cho người A-rập đánh người A-rập. Nhân tiện xin nói thêm, tư tưởng đó đã mở đầu việc lập những đơn vị quân Du-a-vơ. Quân Du-a-vơ được phiên chế chủ yếu với người bản địa ngay hồi năm 1830 và vẫn chủ yếu là các đội quân A-rập cho đến tận năm 1839, khi họ ô ạt bỏ ngũ chạy sang phe Áp-đen-Ca-đe vừa mới giương cao ngọn cờ Chiến tranh thần thánh¹⁰⁸. Như vậy, ở mỗi đại đội chỉ còn bộ khung sĩ quan và mười hai lính Pháp, ngoài hai đại đội thuần người Pháp phiên chế cho mỗi tiểu đoàn. Chỗ nào trống thì họ phải bổ sung lính Pháp và từ đó quân Du-a-vơ trở thành bộ đội hoàn toàn do Pháp dùng để phục vụ thường trực tại các đơn vị đồn trú ở châu Phi. Nhưng thành phần cơ bản lúc đầu của các đội quân Du-a-vơ Pháp cũ có những đặc trưng bản địa đến mức từ đó, xét về toàn bộ tinh thần và tập quán, tất thảy những đội quân ấy vẫn là những đội quân An-giê-ri đặc biệt, với những đặc trưng dân tộc đặc biệt, chúng hoàn toàn khác với bộ phận còn lại của quân đội Pháp. Chúng được tuyển mộ phần lớn từ những người làm quân dịch thay¹⁰⁹ và, do đó, đa số họ là lính chuyên nghiệp suốt đời. Về thực chất, những đơn vị ấy thuộc bộ binh nhẹ và vì vậy chúng từ lâu đã được trang bị súng trường.

Hiện nay ở châu Phi có ba trung đoàn, tức là chín tiểu đoàn quân Du-a-vơ và một trung đoàn (hai tiểu đoàn) quân Du-a-vơ vệ binh.

Bắt đầu từ năm 1841, người ta lại định tuyển mộ dân sở tại An-giê-ri cho bộ đội địa phương. Người ta đã tổ chức được ba tiểu đoàn, nhưng chúng vẫn còn yếu và không đủ quân số, đến tận năm 1852, khi việc tuyển mộ người bản địa vào quân đội Pháp bắt đầu được khuyến khích mạnh và đạt thành công lớn khiến vào năm 1855 đã lập được ba trung đoàn, tức là chín tiểu đoàn. Đó là đội quân người Tuyéc hoặc tirailleurs indigènes^{1*} mà chúng ta đã nghe nhiều trong thời gian Chiến tranh Crưm và Chiến tranh I-ta-li-a.

Như vậy, không kể đội quân lê-dương (nay đã giải thể nhưng có lẽ lại được thành lập) và ba tiểu đoàn có kỉ luật, trong quân đội Pháp có 38 tiểu đoàn được phiên chế và huấn luyện đặc biệt để đảm nhiệm chức năng bộ binh nhẹ. Trong số những đơn vị quân đội ấy, xạ thủ, quân Du-a-vơ và quân Tuyéc có những đặc điểm riêng biệt. Hai loại quân nói sau cùng có tính chất địa phương bộc lộ quá mạnh khiến lúc nào đó không thể có ảnh hưởng lớn đến đại bộ phận quân đội Pháp; song những trận công kích dữ dội của họ - như đã chứng minh ở I-ta-li-a, trong lúc công kích, việc điều khiển họ hoàn toàn được duy trì, và nhờ sự nhanh trí vốn có của họ trong binh nghiệp mà họ lường trước được mệnh lệnh của viên chỉ huy - những trận công kích ấy mãi mãi vẫn sẽ là tấm gương sáng ngời cho những đội quân còn lại. Một điều nữa cũng không thể nghi ngờ là trên một mức độ đáng kể đã học ở người A-rập tất cả các chi tiết hành động trong đội hình phân tán và các phương thức sử dụng lợi thế của địa hình. Nhưng bộ binh nhẹ vẫn hoàn toàn là loại bộ binh của Pháp và do đó, như chúng tôi đã nói ở trên, xạ thủ đã trở thành mẫu mực đối với quân đội.

1* - xạ thủ bản xứ

II

Ngay trang đầu điều lệnh trong quân ngũ Pháp năm 1831 đã cho thấy quân đội Pháp gồm những người lính thấp bé:

Bước chậm: mỗi bước 65 xăng-ti-mét (25 in-sơ) và 76 bước một phút.

Bước nhanh: bước dài như trên và 100 bước một phút.

Bước tấn công (pas de charge): bước dài như trên và 130 bước một phút.

Bước dài 25 in-sơ chắc chắn là ngắn nhất, còn tốc độ 100 bước một phút là tốc độ chậm nhất so với chiều dài mỗi bước và tốc độ bước áp dụng trong việc di chuyển trên chiến trường trong bất cứ quân đội nào. Trong khi mỗi tiểu đoàn Pháp mỗi phút tiến lên được 208 phút thì mỗi tiểu đoàn Anh, Phổ hoặc Áo tiến lên được 270 phút, nghĩa là hơn ba mươi phần trăm. Bước đi dài 30 in-sơ của chúng ta sẽ quá lớn đối với người Pháp chân ngắn. Trong lúc tấn công cũng vậy: lính Pháp tiến mỗi phút được 271 phút, tức là một khoảng cách mà lính Anh đi qua bằng bước nhanh thông thường, trong khi bằng bước chạy 36 in-sơ, với 150 bước một phút, lính Anh chạy được 450 phút, tức là hơn sáu mươi phần trăm. Chỉ một sự thực đó cho thấy mức quy định về chiều cao của người lính không thể giảm xuống thấp hơn một giới hạn nhất định, nếu điều đó ảnh hưởng đến khả năng chiến đấu và sức cơ động của quân đội.

Với những người lính có chân ngắn như vậy, có bước ngắn và chậm thì không thể xây dựng được bộ binh nhẹ. Khi lần đầu tiên thành lập những đơn vị xạ thủ, trước hết người ta đã thi hành những biện pháp để chọn lọc nhân liệu ưu tú trong nước cho bộ binh; tất cả họ đều là những người lính có thân hình cân đối, vai rộng, lanh lợi, cao từ 5 phút 4 in-sơ đến 5 phút 8 in-sơ, phần lớn được tuyển mộ ở những vùng núi. Điều lệnh quân ngũ xạ thủ (ban hành năm 1845) đã giữ lại độ dài bước hành quân nhanh

như cũ, nhưng tăng nhịp độ lên đến 110 bước một phút; đối với bước nhanh (pas gymnastique), chiều dài mỗi bước quy định là 33 in-sơ (83 xăng-ti-mét) với 165 bước một phút; nhưng đối với việc triển khai, xếp đội hình hình vuông hoặc trong những trường hợp khác cần nhanh thì nhịp độ phải tăng đến 180 bước một phút. Ngay cả với tốc độ vận động như vậy, trong một phút xạ thủ sẽ đi một khoảng cách chỉ hơn lính Anh bước nhanh có 45 phút mà thôi. Nhưng xạ thủ đạt những kết quả phi thường không phải bằng tốc độ vận động đặc biệt nhanh, mà do chỗ họ có thể tiếp tục sự vận động nhanh gấp ấy trong một thời gian dài; ngoài ra, trong trường hợp cực kỳ vội, khi tập hợp, v.v. , xạ thủ được lệnh chạy với tốc độ tột đỉnh.

Bước nhanh là điều chủ yếu nhất được huấn luyện trong các tiểu đoàn xạ thủ Pháp. Lúc đầu lính được huấn luyện bước tại chỗ với nhịp độ 165 và 180 bước một phút, hơn nữa, lính phải hô: "một!", "hai!" hoặc "phải!", "trái!", giả định là điều đó điều tiết hoạt động của phổi và ngăn ngừa bệnh viêm phổi. Sau đó lính phải đi đều bước với nhịp độ như vậy, và lại khoảng cách dần dần tăng lên cho đến khi họ có thể đi qua khoảng cách một li-ga Pháp 4 000 mét (2 1/2 dặm) trong 27 phút. Nếu phát hiện thấy phổi và chân một số tân binh quá yếu không chịu được việc luyện tập như vậy thì chuyển họ sang bộ binh chủ lực. Bước huấn luyện tiếp theo là tập nhảy và tập chạy, hơn nữa, khi chạy cần phải đạt được tốc độ cao nhất ở những cự li ngắn; họ tập pas gymnastique, cũng như tập chạy lúc đầu ở bãi tập bằng phẳng hoặc trên đường cái, rồi trên địa hình không có đường đi, phải nhảy qua rào hoặc rãnh. Chỉ sau khi qua đợt huấn luyện như vậy thì lính mới được giao vũ khí, đồng thời họ lại phải qua toàn bộ đợt huấn luyện bước nhanh, chạy và nhảy, nhưng lần này thì cầm vũ khí và mang đầy đủ quân trang; ba-lô và túi đạn có trọng lượng y như trong tình huống chiến đấu; họ bị buộc phải vận động như vậy bằng pas gymnastique cả giờ, trong thời gian đó họ phải đi ít ra là bốn dặm. Một sĩ quan nước ngoài mặc thường phục, một hôm thử đi

ngang hàng với một tiểu đoàn xạ thủ như vậy với đầy đủ quân trang, nhưng do không luyện tập, anh ta chỉ có thể vất vả theo kịp tiểu đoàn trong vòng một giờ; còn xạ thủ thì lần lượt tiến, lúc bằng bước nhanh, lúc bằng pas gymnastique, ngày hôm đó đã đi được trên 22 dặm.

Tất cả mọi sự di chuyển và sắp xếp lại đội hình trên chiến trường phải được tiến hành bằng bước nhanh; việc tiến quân trong đội hình đường thẳng, xếp thành đội hình hàng dọc và hình vuông, đi vòng, triển khai, v.v. được tiến hành như thế nào để binh sĩ duy trì vị trí của mình trong bước đi này cũng vững vàng như trong bước đi nhanh. Nhịp độ vận động đối với tất cả mọi cách sắp xếp lại đội hình là 165 bước một phút, và chỉ riêng khi triển khai và đi vòng thì nhịp độ tăng lên đến 180 bước.

Dưới đây xin dẫn ý kiến của một sĩ quan tham mưu Phổ về binh lính Pháp.

"Trên bãi tập Mác-xa tôi thấy một số đại đội xạ thủ đang vận động bên cạnh một trung đoàn chủ lực. Sự cơ động của họ, toàn bộ phong cách vận động của họ tạo nên một nghịch cảnh biết bao so với trung đoàn ấy! Ngay mới thoạt nhìn họ, các bạn thấy rằng đó là những đội quân tinh nhuệ gồm những người ưu tú của vùng nhiều rừng lăm núi tất cả họ đều có thân hình cân đối, vạm vỡ, mạnh khỏe và đồng thời nhanh nhẹn đến kỳ lạ. Khi họ di chuyển với tốc độ và sự nhẹ nhàng đáng kinh ngạc, các bạn cảm thấy bản tính tháo vát của họ, sự gan dạ táo bạo của họ, sự sáng trí mau lẹ của họ, sự không biết mệt và sức chịu đựng của họ, tuy tất nhiên các bạn cũng thấy sự tự phụ to lớn và lòng háo danh vốn có ở người Pháp của họ. Và dù ở bất cứ đâu - ở Xto-ra-xbua, Pa-ri hoặc ở bất kỳ khu đồn trú nào khác - họ luôn luôn tạo ra cùng một ấn tượng, họ trông như được đúc ra theo cùng một mẫu. Ở đâu hàng ngũ của họ tôi thấy toàn là sĩ quan trẻ, chỉ có một số đại úy khoảng ba mươi lăm tuổi; còn đa số họ thì trẻ hơn, và ngay cả sĩ quan tham mưu cũng không vượt quá tuổi ấy. Sự linh hoạt lớn lao của họ không bộc lộ dấu hiệu thiếu tự nhiên, cũng không bộc lộ dấu hiệu căng thẳng; dường như việc tập luyện thường xuyên đã làm cho sự lanh lợi trở thành bản tính thứ hai của họ, - những tiểu đoàn này làm tất cả mọi động tác của họ một cách nhẹ nhàng và thoải mái. Máu của họ có lẽ chảy đều, và hơi thở của họ ít ngắt quãng hơn ở những người khác. Trên đường, một số liên lạc viên nhanh chóng đuổi kịp và vượt những người đi trước; và hàng tiểu đoàn đi trên đường theo hàng dọc với bước nhanh như thế, dưới tiếng tù và vui vẻ. Dù gặp họ ở

đầu - trên bãi tập, lúc hành quân hoặc ở nhà, - tôi không bao giờ cảm thấy họ mệt. Về mặt này lòng háo danh có thể phát huy tác dụng cùng với thói quen.

Khi tốc độ vận động và độ chính xác của việc ngắm bắn không dung hợp nhau thì xạ thủ có lẽ đã khắc phục sự không tương dung về bề ngoài ấy. Bản thân tôi không thấy họ bắn bừa trong luyện tập, nhưng theo ý kiến của những sĩ quan dày kinh nghiệm, không thể không đánh giá cao việc họ thực hiện những bài tập như vậy. Nếu độ chính xác của việc ngắm đích có bị vi phạm chăng nữa thì tất nhiên điều đó xảy ra ở mức ảnh hưởng rất ít đến hiệu quả hỏa lực của họ trên chiến trường. Ở châu Phi, nơi mà trong nhiều trường hợp trước khi đụng độ đã có những cuộc hành quân bằng bước nhanh, họ bao giờ cũng đánh bại được đối thủ bằng hỏa lực của họ, mà điều này chứng minh rằng cái chế độ luyện tập đặc biệt mà họ đã trải qua phục vụ sự phát triển thể lực của họ một cách thích hợp và không làm hỏng độ chính xác của việc ngắm bắn. Đối với những đội quân chưa qua sự luyện tập như vậy, tình hình tất nhiên sẽ hoàn toàn khác.

Những ưu điểm lớn của chế độ luyện tập ấy đã rõ ràng. Trong chiến tranh thường có nhiều trường hợp bộ binh chúng ta có khả năng di chuyển nhanh hơn hiện nay, điều đó có thể có ý nghĩa quyết định; ví dụ, để cảnh cáo đối phương khi chúng giữ một vị trí quan trọng, để tiến nhanh đến điểm không chế địa hình, chỉ viện cho đơn vị bị một lực lượng trội hơn tấn công hoặc đánh địch bất ngờ bằng sự xuất hiện đột ngột của đội quân từ phía mà kẻ địch không ngờ tới".

Cuộc chiến tranh ở An-giê-ri đã cho bộ chỉ huy quân sự Pháp thấy hết sức rõ sự ưu việt lớn lao của bộ binh được huấn luyện cách chạy dai sức như vậy. Bắt đầu từ năm 1853 đã tiến hành thảo luận vấn đề: có nên áp dụng chế độ này trong toàn quân đội hay không. Tướng Lu-rơ-men (chết trận ở Xê-va-xtô-pôn ngày 5 tháng Mười một 1854) đã đặc biệt lưu ý Lu-i - Na-pô-lê-ông chú ý điều này. Ít lâu sau Chiến tranh Crưm, pas gymnastique được áp dụng ở tất cả các trung đoàn bộ binh Pháp. Thật ra, tốc độ hơi chậm hơn, và bản thân sải bước có thể ngắn hơn tốc độ và sải bước của xạ thủ, đã thế thời gian chạy thường áp dụng đối với xạ thủ đã giảm bớt đáng kể đối với bộ đội chủ lực. Điều đó là cần thiết: thể lực và vóc dáng không giống nhau của lính trong các đội quân chủ lực khiến khả năng của những người lính có thể lực yếu hơn và thân hình thấp hơn được lấy làm chuẩn để huấn luyện quân đội nói chung. Nhưng giờ đây nếu cần thì vẫn có thể khắc

phục sự chậm chạp trước đây khi di chuyển: thỉnh thoảng có thể chạy một dặm hoặc suýt soát mức ấy, đặc biệt, khả năng của lính có thể sắp xếp lại đội hình bằng bước chạy, cho phép tấn công bằng chạy trên khoảng cách từ sáu trăm đến tám trăm i-ác-đơ, chính quân Pháp đã làm như vậy năm ngoài, trong có mấy phút họ đã chạy được một khoảng cách nằm trong tầm bắn nguy hiểm nhất đối với súng trường tốt của Áo. Pas gymnastique đã góp phần đáng kể cho thắng lợi trong những trận đánh ở Pa-le-xtrô, Mát-gien-ta và Xôn-phe-ri-nô¹¹⁰. Bản thân việc chạy gây sự hưng phấn tinh thần mạnh mẽ cho binh sĩ, tiểu đoàn đang tấn công di chuyển bằng bước nhanh có thể bộc lộ sự do dự, nhưng cũng tiểu đoàn ấy, nếu được tập luyện đầy đủ để vượt qua khoảng cách đó mà không thở hổn hển, trong đa số trường hợp sẽ tiến lên một cách dũng cảm, đi tới đích, bị tổn thất tương đối nhỏ và tất nhiên sẽ gây ấn tượng lớn hơn rất nhiều cho đối phương đang đứng tại chỗ, nếu tiểu đoàn ấy tấn công bằng bước chạy.

Việc xạ thủ đạt tới sự hoàn hảo cao như vậy trong thuật chạy là điều cần thiết chỉ đối với loại bộ đội chuyên nghiệp như vậy mà thôi, nhưng điều đó sẽ không thực tế và vô dụng đối với cả khối bộ binh chủ lực. Thế nhưng, bộ đội chủ lực Anh với chất liệu binh sĩ ưu tú của nó sẽ có thể dễ dàng được huấn luyện thế nào để vượt xa bộ đội chủ lực Pháp về mặt này, và như mọi bài tập có ích đối với sức khỏe, điều đó sẽ có tác động về thể chất và tinh thần tốt đẹp đến binh sĩ. Bộ binh mà trong vòng mấy giờ không thể lần lượt tiến một dặm bằng chạy rồi một dặm bằng bước đi thì sẽ nhanh chóng bị coi là quá chậm chạp. Còn về lính tình nguyện thì, với sự khác nhau lớn giữa họ về tuổi tác và thể lực, sẽ khó đạt được những kết quả như vậy, song việc luyện tập dần dần về bước chạy trên những cự li từ nửa dặm đến một dặm, chắc chắn sẽ không có hại cho sức khỏe của họ, nhưng sẽ cải thiện đặc biệt mạnh mẽ việc huấn luyện chuẩn bị cho họ hành động trên chiến trường.

III

Ở Pháp, người ta sử dụng tất cả mọi phương tiện, biện pháp để phát triển sức mạnh thể chất, sức mạnh tinh thần và trí lực của từng tân binh, và đặc biệt là xạ thủ, theo mức độ làm cho họ trở thành người lính càng hoàn hảo càng tốt. Người ta áp dụng tất cả mọi cách thức có thể làm cho họ lực lưỡng, năng nổ và nhanh nhẹn, huấn luyện họ đánh giá nhanh ưu điểm của địa hình hoặc nhanh chóng ra quyết định trong hoàn cảnh khó khăn; tất cả mọi cái đều được sử dụng để nâng cao lòng tin của họ vào bản thân, vào đồng đội và vào vũ khí của mình. Vì vậy ở Pháp chế độ huấn luyện khắc nghiệt chỉ chiếm một phần nhỏ trong đời người lính, và, theo quan niệm của chúng tôi, trên bãi tập tiểu đoàn Pháp đi đều bước, quay vòng và thực hiện các động tác bắn súng một cách hết sức cầu thả. Nhưng đó có lẽ là hệ quả của tính cách dân tộc, hệ quả này hiện chưa kéo theo bất kỳ kết quả xấu nào. Còn trong quân đội Anh và quân đội Đức thì có lẽ người ta thích chế độ huấn luyện chặt chẽ hơn; những quân đội này chấp hành mệnh lệnh chỉ huy nhanh hơn và sau một khoảng thời gian huấn luyện nhất định, trong tất cả mọi động tác của mình họ luôn luôn thể hiện một sự chuẩn xác cao mà lính Pháp không bao giờ đạt được. Về những điểm còn lại, chế độ vận động chiến thuật trên bãi tập ở Pháp gần y như ở Anh, song trên chiến trường thì những chế độ ấy rất khác nhau.

Một trong những nội dung huấn luyện cơ bản của lính Pháp là luyện tập thể dục. Ở Pa-ri có trường thể dục quân sự trung ương đào tạo giáo viên cho toàn quân. Trong 6 tháng, trường huấn luyện từ 15 đến 60 sĩ quan của những trung đoàn khác nhau và, ngoài ra, cứ mỗi trung đoàn chủ lực hoặc mỗi trung đoàn xạ thủ thì có một hạ sĩ đến học, rồi đến lượt những người khác. Chương trình

luyện tập ở đây không khác mấy so với chương trình tương ứng quy định ở những nước khác; có lẽ chỉ có một bài tập độc đáo là trèo tường bằng cách bám tay và chân vào những lỗ đạn đại bác trên tường hoặc dùng sào dựng vào tường hoặc dây thừng có móc ném lên tường. Loại bài tập này chắc chắn có những ý nghĩa thực tiễn to lớn và góp phần đáng kể vào việc làm cho lính quen sử dụng chân và tay một cách vững vàng. Trường này còn huấn luyện đánh giáp lá cà, nhưng chỉ đóng khung ở việc huấn luyện những cách thức khác nhau về chuẩn bị và đâm; lính hoàn toàn không được huấn luyện việc thực sự tự bảo vệ tránh lính hoặc kỵ binh địch đâm.

Ở Pháp, mỗi đồn binh đều có tất cả mọi thứ để luyện tập thể dục. Trước hết, khắp nơi đều có một cái sân để có thể luyện tập những môn thể dục thông thường và được đảm bảo tất cả mọi dụng cụ cần thiết. Tất cả binh sĩ lần lượt đến đây, và việc học một chương trình huấn luyện thể dục quy định là một trong những chức trách của họ. Hình thức luyện tập này được áp dụng cách đây chưa lâu và hoàn toàn vay mượn của xạ thủ là những người đầu tiên được huấn luyện thể dục, và sau khi hình thức huấn luyện này đã tỏ ra rất có ích đối với họ thì nó được mở rộng ra toàn bộ quân đội.

Ngoài ra, ở mỗi doanh trại đều có phòng đấu kiếm và phòng khiêu vũ. Phòng đấu kiếm là nơi huấn luyện đấu kiếm bằng kiếm roi và kiếm dài; phòng khiêu vũ là nơi huấn luyện khiêu vũ và đấu quyền mà người Pháp gọi là "la boxe"^{1*}. Mỗi người lính có thể lựa chọn hình thức luyện tập mà họ sẽ học, nhưng trong số những hình thức ấy có một hình thức mà họ bắt buộc phải học. Thông thường họ thích khiêu vũ và đấu kiếm roi hơn. Đôi khi cũng có huấn luyện đấu gậy theo kiểu đấu kiếm.

Tất cả những bài tập ấy, cũng như thể dục theo đúng nghĩa,

^{1*} - đánh bốc

được đưa vào nội dung học tập không phải vì bản thân chúng là cần thiết; việc huấn luyện những bài tập ấy được tiến hành vì nói chung chúng phát triển thể lực và sự khéo léo của binh sĩ và làm cho họ tin vào mình nhiều hơn. Phòng đấu kiếm và phòng khiêu vũ tuyệt nhiên không phải là nơi thực hiện những nghĩa vụ tẻ nhạt, - trái lại, chúng là nơi có sức hấp dẫn và giữ chân người lính trong doanh trại ngay cả trong thời gian rỗi, không phải luyện tập; họ đến đây để giải trí; nếu trong đội ngũ, họ chẳng qua là một cỗ máy, thì ở đây, với thanh kiếm trong tay, họ là con người độc lập, đến độ tài khéo léo với đồng đội; và toàn bộ niềm tin vào sự nhanh nhẹn và khéo léo của mình mà họ sẽ thu hoạch được ở đây sẽ rất có lợi khi gánh vác việc cảnh giới và khi tác chiến trong đội hình phân tán, nơi họ cũng sẽ phải trông cậy ít nhiều vào sức lực của bản thân mình.

Hệ thống mới về đội hình chiến đấu phân tán mà xạ thủ áp dụng, về sau không chỉ được áp dụng trong toàn bộ quân đội Pháp, mà còn là mẫu mực đối với nhiều quân đội châu Âu, trong đó có hệ thống cải tiến được áp dụng trong quân đội Anh vào thời gian Chiến tranh Crưm và sau cuộc chiến tranh này. Vì vậy, chúng tôi chỉ xin nêu một số nét chủ yếu của hệ thống đó, đặc biệt vì một lẽ là trong chiến đấu, quân Pháp thường hành động hoàn toàn khác. Điều đó xảy ra một phần vì họ tuân theo những mệnh lệnh chung (như vào năm 1859 ở I-ta-li-a), một phần vì các sĩ quan được hoàn toàn tự do hành động chỉ căn cứ vào hoàn cảnh, một phần vì trong chiến đấu, nói chung tất cả các điều lệnh quân ngũ đều không khởi thay đổi đáng kể. Trong đội hình phân tán, xạ thủ tác chiến từng tốp 4 người, mỗi tốp triển khai trên một tuyến, người này cách người khác 5 bước. Cụ li giữa hai nhóm ít nhất là 5 bước (như vậy tạo thành một tuyến liên tục - cứ năm bước có một lính) và nhiều nhất là 40 bước. Các hạ sĩ quan đứng cách tiểu đội mình 10 bước về phía sau, còn sĩ quan thì mỗi người có 4 lính và 1 tín hiệu viên đi kèm, đứng cách 20 - 30 bước ở phía sau. Nếu trong hàng quân chỉ triển khai một phần đại đội,

thì đại úy giữ vị trí ở giữa hàng xạ thủ và tốp yểm trợ. Điều chủ yếu nhất cần chú ý là việc lợi dụng địa hình để ẩn nấp; việc giữ cho thẳng hàng, cũng như việc rậm rạp tuân thủ cự li đều phải châm chước để đáp ứng yêu cầu này. Hàng xạ thủ chỉ được điều khiển bằng tù và: tổng cộng có hai mươi hai tín hiệu; ngoài ra, mỗi tiểu đoàn xạ thủ và mỗi đại đội của nó đều có tín hiệu riêng, tín hiệu này phải phát trước tín hiệu chỉ huy. Các sĩ quan có còi mang theo người, song họ chỉ dùng còi trong những trường hợp đặc biệt; còi dùng để phát năm tín hiệu: "chú ý!", "tiến!", "đứng lại!", "lùi!", "tập hợp!". Còi đó là kiểu mẫu của chiếc còi mà một số xạ thủ tình nguyện dùng như vật trang bị bất ly thân, do đó làm cho các sĩ quan mất khả năng dùng còi khi cần. Trong trường hợp bị tấn công bằng kỵ binh theo đội hình triển khai, các xạ thủ tập hợp thành những tốp bốn người, cũng như tập hợp theo tiểu đội hoặc những đơn vị khác thành những khối gọn không có một trật tự nhất định hoặc giả nhập với tốp yểm trợ, tạo thành một loại khối bộ binh hình vuông cỡ đại đội, hoặc tiểu đoàn, và lại tiểu đoàn phải tác chiến trong đội hình triển khai hoặc phải tạo thành khối vuông. Quân Pháp luyện tập những cách thức tập hợp khác nhau này rất nhiều và thực hiện rất tốt; cách thức tập hợp đa dạng nhưng không hề có bất kỳ sự lộn xộn nào, vì binh sĩ được huấn luyện tập hợp bằng mọi cách có thể được trong trường hợp nguy ngập, và sau đó sử dụng con đường thuận tiện để sáp nhập vào một nhóm lớn hơn theo chỉ dẫn của tín hiệu. Khối vuông được xây dựng đôi khi thành hai hàng, đôi khi thành bốn hàng.

So với chế độ huấn luyện cũ được áp dụng trong hầu hết mọi quân đội trước khi thành lập các đơn vị xạ thủ, phương pháp mới này có những ưu thế to lớn. Nhưng không nên quên rằng tất cả những điều đó, rốt cuộc, chẳng qua là một loạt quy tắc điều lệ luyện tập đội hình trên thao trường. Ở đây không có địa bàn để từng binh sĩ thể hiện trí lực, và nếu những động tác ấy được thực hiện trên địa hình bằng phẳng, thì chúng sẽ được kết hợp với một sự cầu kỳ có thể thoả mãn người quân nhân khát khe nhất và cầu toàn nhất. Các hàng quân được xếp với những cự li quy định,

chúng tiến, lùi, thay đổi mặt trước hàng quân và hướng đi y như mọi tiểu đoàn quân chủ lực, và lính di chuyển theo tín hiệu tù và y như những con rối trên dây. Còn thao trường đích thực đối với xạ thủ là trước mặt kẻ thù, và ở đây người Pháp đã có cho bộ binh nhẹ của mình một trường học tuyệt vời ở An-giê-ri, ở địa hình chia cắt mạnh, được quân Ca-bin - những xạ thủ dũng cảm, ngoan cường và thận trọng nhất chưa từng có trên đời - phòng thủ. Chính ở đây quân Pháp đã phát huy cao độ năng lực chiến đấu trong đội hình tản khai và kỹ năng sử dụng hầm hào mà họ đã thể hiện trong tất cả mọi cuộc chiến tranh từ năm 1792 trở đi, và ở đây quân Du-a-vơ đã đặc biệt sử dụng có lợi nhất những bài học mà thổ dân đã dạy cho họ, và như vậy họ là mẫu mực cho toàn thể quân đội. Người ta thường cho rằng lúc tấn công, các hàng quân xạ thủ phải tạo thành cái giống như một tuyến triển khai, có thể chỉ tập hợp lại ở những địa điểm che chắn tốt và tản ra ở những nơi phải vượt qua những quãng trống; kẻ địch mở đầu trận chiến đấu với xạ thủ từ chính diện, chỉ đôi khi sử dụng tường rào hoặc những cái na ná như vậy để bắn một ít vào sườn, nhưng bằng cách đó nó không toan tính và không cố đạt được gì nhiều hơn là đánh lạc hướng kẻ địch. Quân Du-a-vơ thì không như vậy. Đối với họ, đội hình cắt khúc - đó là tác chiến độc lập từng tốp nhỏ phục vụ cho mục tiêu chung; cố gắng sử dụng lợi thế một khi có thể; bất ngờ tiến sát chủ lực của kẻ địch, họ làm nó rối loạn bằng hỏa lực chính xác; họ giải quyết kết cục của những đụng độ nhỏ mà hoàn toàn không phải tập hợp thành những tốp đông. Đối với họ, việc tấn công bất ngờ và mai phục chính là bản chất của việc tác chiến trong đội hình phân tán. Họ lợi dụng vật che không phải chỉ để bắn từ vị trí tương đối kín đáo, mà chủ yếu để bí mật bò tới sát xạ thủ địch, bất ngờ lao lên và đánh lui chúng trong cảnh hỗn loạn; họ sử dụng vật che để đến gần sườn kẻ địch và xuất hiện ở đấy đột ngột với những tốp lớn, cắt một bộ phận tuyến quân của chúng, hoặc mai phục rồi nhử các xạ thủ địch vào, nếu chúng quá vội lao tới truy kích quân Du-a-vơ vờ rút lui. Khi tác chiến quyết liệt, những mảnh lối như

vậy có thể vận dụng trong thời gian vô vàn lần nghỉ đánh giữa những lần chiến đấu căng thẳng được tiến hành nhằm định đoạt kết cục của trận đánh. Nhưng trong chiến tranh nhỏ, trong tác chiến bằng những đội quân và bối cảnh giới riêng lẻ để lấy tin về kẻ địch hoặc trong việc cảnh giới vị trí bố trí quân của mình lúc nghỉ ngơi, những phẩm chất ấy của quân Du-a-vơ có ý nghĩa đặc biệt to lớn. Quân Du-a-vơ là gì, ví dụ sau đây sẽ cho thấy rõ. Trong tất cả mọi quân đội đều có một quy tắc là trong việc cảnh giới, đặc biệt là vào ban đêm, lính canh không được ngồi, càng không được nằm, và kẻ địch xuất hiện, thì phải bắn để báo động cho bớt gác. Bây giờ mời các bạn đọc đoạn do công tước Ô-man-xki mô tả doanh trại của quân Du-a-vơ ("Revue des deux Mondes"¹¹¹, ngày 15 tháng Ba 1855):

"Ban đêm ngay cả lính Du-a-vơ ở trên đỉnh đồi kia và quan sát địa hình trước mặt, đều tìm chỗ ẩn nấp. Các bạn không thấy được chòi canh, nhưng các bạn hãy chờ cho đến khi sĩ quan bắt đầu kiểm tra tốp gác, các bạn sẽ thấy viên sĩ quan ấy nói chuyện với người lính Du-a-vơ đang nằm xoài trên đất ngay ở đỉnh và cảnh giác quan sát mọi phía. Các bạn thấy ở đấy một cụm cây lúp xúp. Tôi sẽ hoàn toàn không ngạc nhiên, nếu khi quan sát nó, các bạn phát hiện rằng ở đó có mấy lính Du-a-vơ ngồi; trong trường hợp nếu một người lính Bê-đuyên lên đến những bụi cây ấy để xem xét tình hình trong doanh trại, thì họ sẽ không bắn, mà sẽ lặng lẽ đâm anh ta bằng lưỡi lê để không phát hiện được người mai phục".

Thế nào là những người lính chỉ được huấn luyện cách cảnh giới ở đồn, trong hoàn cảnh hoà bình và về họ không thể nói chắc chắn rằng họ tỉnh táo, nếu họ không đứng hoặc không đi, so với những người lính đã qua rèn luyện trong chiến tranh với quân Bê-đuyên và quân Ca-bin, nơi sử dụng mọi mưu chước và đủ thứ mẹo? Tuy có những điều không theo đúng chế độ quy định như vậy nhưng quân Du-a-vơ chỉ có hai lần bị kẻ thù cảnh giác đánh bất ngờ.

Tại các lãnh địa của Anh ở biên giới Tây-Bắc Ấn Độ có một khu rất giống An-giê-ri về mặt quân sự. Ở đấy có khí hậu, địa hình gần như thế và cư dân dải biên giới gần như thế. Ở đấy thường xảy ra những trận đột kích và những cuộc đụng độ thù địch đủ loại; chính ở khu này đã đào tạo được những người lính

vốn là những người trong số những binh sĩ phục vụ trong quân đội Anh. Và chắc chắn thật lạ lùng là những xung đột lâu dài và hết sức có tính chất giáo huấn này không ảnh hưởng sâu sắc đến các phương thức thực hành đủ loại phục dịch trong các binh chủng của quân đội Anh, rằng sau hai mươi và hơn hai mươi năm đấu tranh với người Áp-ga-ni-xtan và người Bê-lút-gơ, bộ phận quân đội này đã tỏ ra không hoàn hảo đến mức cần phải vội sao chép các kiểu mẫu của Pháp để làm cho bộ binh có năng lực chiến đấu về mặt này.

Các xạ thủ Pháp đã thực hành trong quân đội Pháp: 1) một chế độ mới về trang bị: quân phục, mũ ống cao nhẹ, đai đeo kiếm ngang hông thay cho đai đeo kiếm qua vai; 2) súng trường và kỹ năng sử dụng súng trường: chế độ bắn hiện đại; 3) vận dụng bước chạy trong một thời gian dài và sử dụng nó khi sắp xếp lại đội hình; 4) huấn luyện đánh giáp lá cà; 5) thể dục và 6) cùng với lính Du-a-vơ - một chế độ đội hình chiến đấu phân tán hiện đại. Và nếu thật lòng, chẳng lẽ không phải nhờ người Pháp mà chúng ta có được nhiều điều trong số tất cả những điều được áp dụng trong quân đội Anh hay sao?

Thế nhưng còn nhiều điều nữa có thể cải tiến. Tại sao về phía mình quân đội Anh không tiến hành những cải tiến như vậy? Vì lẽ nào mà trên biên giới Tây - Bắc Ấn Độ ngay cả giờ đây cũng chưa tổ chức từ quân đội hoạt động ở đây một binh chủng có thể làm cho quân đội Anh những gì mà xạ thủ và lính Du-a-vơ đã làm cho quân đội Pháp?

Do Ph.Ăng-ghen viết vào giữa tháng Chín - giữa tháng Mười 1860

Đã đăng trên tạp chí "The Volunteer Journal, for Lancashire and Cheshires" số 3, 5 và 7, ngày 21 tháng Chín, ngày 5 và 20 tháng Mười 1860 và trong văn tập "Essays Addressed to Volunteers". Luân Đôn, 1861

*In theo bản in trong văn tập, có đối chiếu với bản đăng trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

NGA LỢI DỤNG ÁO. - HỘI NGHỊ
VÁC-SA-VA

Béc-lin, ngày 17 tháng Chín 1860

Trong số tất cả các nước châu Âu hiện nay, Đức là một bức tranh đáng chú ý nhất, rối rắm nhất và đáng buồn nhất. Có thể hiểu hiện trạng ở Đức rõ hơn cả qua việc so sánh giản đơn hai sự kiện: hội nghị vừa rồi của Liên minh dân tộc Đức tại Cô-buốc-gơ và cuộc gặp gỡ sắp tới của những ông vua chủ chốt ở Đức tại Vác-sa-va¹¹². Trong khi Liên minh dân tộc có xu hướng muốn thống nhất Tổ quốc, từ bỏ phần nước Áo nói tiếng Đức và đặt hy vọng lên Phổ, thì bản thân nhiếp chính Phổ lại gán những kế hoạch của mình chống sự xâm lược của Pháp với việc khôi phục Liên minh thần thánh dưới sự che chở của Nga. Như chúng ta biết, chính sách đối ngoại của Nga không hề đếm xỉa đến các nguyên tắc theo cách hiểu thông thường của từ này. Nó không phải là một chính sách đối ngoại cách mạng, mà nó sử dụng dễ dàng như nhau tất cả mọi khả năng mở rộng lãnh thổ, không kể sự mở rộng đó phải đạt được bằng cách theo các dân tộc đã nổi dậy hay theo các ông vua đang tranh đấu. Chính sách trước sau như một của nước Nga đối với Đức là lúc theo bên này lúc theo bên kia. Lúc đầu nó thoả thuận với Pháp nhằm bẻ gãy sự chống đối của Áo đối với các kế hoạch của mình ở phương Đông, sau đó lại đứng về phía Đức nhằm làm suy yếu Pháp và nhận được kỳ

phiếu tạ ơn của Đức, để rồi chiết khấu nó ở vùng sông Vi-xla hoặc ở vùng sông Đa-nuýp. Trong tiến trình phát triển những diễn biến phức tạp ở châu Âu, nước Nga bao giờ cũng thích liên hiệp với các vua Đức hơn là liên minh với những kẻ chơi trội Pháp chỉ vì một lý do đơn giản là thực lực của Nga là ở ưu thế ngoại giao của nó, chứ không phải ở sức mạnh vật chất. Đánh nhau với nước láng giềng sát nách là Đức do sự liên minh với Pháp gây ra sẽ phản phui sự bất lực thực tế của người khổng lồ phương Bắc, trong khi tại cuộc chiến tranh với Pháp, do vị trí địa lý của Nga mà nước này luôn luôn phải đóng vai trò đội hậu bị, buộc Đức phải mang gánh nặng thực tế của chiến tranh và giành cho mình quả thực của chiến thắng. Về mặt này, các nước đồng minh giống những quân đoàn khác nhau của một quân đội. Quân đoàn tiên phong và quân đoàn trung lộ phải gánh chịu đòn chủ yếu, nhưng giải quyết kết cục trận đánh và giành thắng lợi lại là đội hậu bị. Mặc cho những nhà mơ mộng Đức hy vọng rằng dưới tác động mạnh mẽ của cuộc đấu tranh xã hội trong nước liên quan với phong trào giải phóng gây nên, lần này Nga sẽ bác bỏ tín điều của nhà sử học Nga Ca-ram-din về chính sách ngoại giao trước sau như một của Nga.

Có ý kiến phỏng đoán rằng một đế quốc rộng lớn bị cuộc đấu tranh giai cấp làm cho tan rã và bị cuộc khủng hoảng tài chính làm cho kiệt quệ, sẽ hết sức vui vẻ bỏ mặc châu Âu; nhưng sự phỏng đoán như vậy chứng tỏ không hiểu rõ bản chất đích thực của phong trào diễn ra ở nước Nga. Dù ý định thực của Nga hoàng có thiện chí như thế nào đi nữa, thì đối với ông ta cũng không thể dung hoà việc thủ tiêu chế độ nông nô với việc duy trì chính quyền chuyên chế của bản thân mình, như vào năm 1848 đối với giáo hoàng tốt bụng^{1*} đã không thể điều hoà sự thống nhất của

1* - Pi IX

I-ta-li-a với lợi ích sống còn của cung đình giáo hoàng. Dù cho mấy chữ "giải phóng nông nô ở Nga" có vang lên đơn giản thế nào đi nữa, thì đằng sau câu nói ấy ẩn giấu những ý nghĩa hết sức khác nhau và những kỳ vọng hết sức mâu thuẫn nhau. Tầm voan mà lúc phong trào bắt đầu được một thứ nhiệt tình chung phủ lên những kỳ vọng mâu thuẫn nhau ấy, nhất định phải bị xé nát một khi tiến hành những bước chứng tỏ việc chuyển từ lời nói sang hành động. Theo ý kiến của Nga hoàng, giải phóng nông nô khác nào phá bỏ những trở ngại cuối cùng còn hạn chế sự chuyên chế của hoàng đế. Một mặt, cần phải thủ tiêu sự độc lập tương đối của giai cấp quý tộc dựa trên quyền lực không bị kiểm soát của nó đối với đa số nhân dân Nga; mặt khác, đề án của chính phủ nhằm thủ tiêu nguyên tắc "cộng sản chủ nghĩa" phải xoá bỏ sự tự quản của các công xã nông thôn của nông nô dựa trên chế độ sở hữu công xã của họ về ruộng đất đã bị nô dịch. Đó là giải phóng nông nô theo cách hiểu của chính phủ trung ương. Về phần mình, tầng lớp quý tộc chủ nô - tức là bộ phận có thế lực trong giai cấp quý tộc Nga, giai cấp đã mất hy vọng vào khả năng duy trì tình hình trước đây - đã quyết định giải phóng nông nô với hai điều kiện. Điều kiện thứ nhất là chuộc lại bằng tiền làm cho nông dân từ chỗ là nông nô trở thành con nợ theo khế ước cầm cố, thành thử nói về lợi ích vật chất thì đối với ít ra là hai hoặc ba thế hệ sẽ chẳng có gì thay đổi, ngoài hình thức lệ thuộc kiểu nông nô - hình thức cổ lỗ sĩ của nó dường như được thay bằng một hình thức mới, văn minh. Ngoài tiền chuộc mà nông nô phải trả ấy ra, quý tộc còn đòi nhà nước trả thêm tiền bồi thường nữa. Thay cho quyền thống trị địa phương đối với nông nô của mình mà quý tộc đã tỏ ra sẵn sàng từ bỏ, họ đã đòi hỏi quyền lực chính trị, quyền lực này ắt giành được từ chính phủ trung ương và về thực chất sẽ đem lại cho quý tộc quyền hợp hiến được tham gia quản lý đế quốc nói chung.

Cuối cùng, bản thân nông nô thích cách hiểu giản đơn nhất về

vấn đề giải phóng. Trong nhận thức của họ, giải phóng có nghĩa là trật tự cũ trừ đi những chủ cũ của họ. Trong cuộc đấu tranh với nhau ấy, trong đó chính phủ, mặc dù có sự đe dọa và nịnh bợ, đứng đối lập với quý tộc và nông dân, giai cấp quý tộc đứng đối lập với chính phủ và nông nô vốn là tài sản của họ, còn nông dân thì liên hiệp chống lại người chủ tối cao và những ông chủ địa phương của mình - trong cuộc đấu tranh đó, như luôn luôn xảy ra trong những vấn đề như vậy, những kẻ có quyền lực đã câu kết với nhau gây thiệt cho giai cấp bị áp bức. Chính phủ và giai cấp quý tộc đã thoả thuận với nhau tạm gác vấn đề giải phóng nông dân và lại cầu may trong những cuộc phiêu lưu ở nước ngoài. Do đó mà có hiệp ước bí mật với Lu-i Bô-na-pác-tơ năm 1859¹¹³ và hội nghị chính thức ở Vác-sa-va năm 1860 có sự tham gia của các vua Đức. Cuộc chiến tranh I-ta-li-a đã làm suy yếu sự tự tin của Áo đủ để biến nó từ chỗ là trở ngại thành công cụ của các kế hoạch trong chính sách đối ngoại của Nga, còn Phổ thì bị lừa, trong tiến trình chiến tranh vừa tỏ ra bội ước do hám danh, vừa hoàn toàn chẳng hành động gì, giờ đây do bị Pháp đe dọa tại biên giới sông Ranh của nó, đã buộc phải ở trong khu vực ảnh hưởng của Áo. Một trong những nhầm lẫn lớn của phái Gô-ta¹¹⁴ là tưởng tượng rằng những cú đòn mà Áo chắc sẽ bị Pháp đánh, sẽ làm cho nó tan rã thành những bộ phận hợp thành, hơn nữa, bộ phận Áo của Đức đã thoát khỏi xiềng xích trói buộc nó với I-ta-li-a, Ba Lan, Hung-ga-ri, sẽ có thể dễ dàng gia nhập Đại Đế quốc Đức thống nhất. Kinh nghiệm lịch sử lâu dài đã cho thấy rằng bất kỳ cuộc chiến tranh nào mà Áo phải tiến hành với Pháp hoặc Nga, dường như không làm cho Đức thoát khỏi ảnh hưởng của Áo, mà chỉ làm cho Áo phục tùng các ý đồ của Pháp hoặc Nga. Dùng một đòn mạnh đánh cho Áo tan thành những bộ phận hợp thành sẽ là một chính sách tồi của những nước lớn ấy, cho dù những nước này có lực lượng để giáng một đòn như vậy; nhưng làm suy yếu

Áo nhằm lợi dụng những ảnh hưởng còn lại của nó vì lợi ích của mình đã là và luôn luôn sẽ là mục tiêu chủ yếu của các hoạt động ngoại giao và hoạt động quân sự của họ. Chỉ có cuộc cách mạng Đức với một trong những trung tâm của nó ở Viên, một trung tâm khác ở Béc-lin, là sẽ có thể đập tan đế chế Háp-xbuốc thành từng mảnh mà không làm cho sự toàn vẹn của Đức lâm nguy và không bắt các vùng không phải Đức của nó chịu sự kiểm soát của Pháp hoặc Nga.

Hội nghị sắp tới ở Vác-sa-va sẽ củng cố vững chắc vị trí của Lu-i Bô-na-pác-tơ ở Pháp, nếu triển vọng cuộc xung đột ở I-ta-li-a giữa phái dân tộc chân chính và phái Pháp không làm cho ông ta mất khả năng đó. Có thể hy vọng thế này hoặc thế khác rằng Hội nghị Vác-sa-va, rốt cuộc, sẽ mở mắt cho Đức và sẽ giúp nó hiểu rằng để đối phó với sự xâm nhập từ ngoài vào hoặc để đạt được sự thống nhất và tự do trong nước, Đức phải làm cho ngôi nhà mình sạch bóng các ông chủ vương triều của mình.

Do C.Mác viết ngày 17 tháng Chín 1860

Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"

số 6072, ngày 10 tháng Mười 1860

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

TÌNH HÌNH Ở PHỔ. - PHỔ, PHÁP VÀ I-TA-LI-A^{1*}

Béc-lin, ngày 27 tháng Chín 1860

Như tôi đã cho bạn đọc của quý báo biết, từ khi nắm quyền lực tối cao, hoàng tử nhiếp chính đã trở thành người chính thống chủ nghĩa ngoan cố và thâm căn cố đế từ đáy lòng, mặc dầu được những kẻ chính thức tuyên truyền cảnh bông lai huyền hoặc của Phổ cài cho những huy hiệu tự do chủ nghĩa đối trá, vừa rồi đã lợi dụng cơ hội để bày tỏ công khai những tình cảm dồn nén lâu ngày của mình. Dù thật lạ lùng, nhưng đây là sự thực: lúc này hoàng tử nhiếp chính Phổ không để cho quân của Ga-ri-ban-đi tới pháo đài Mét-xi-na và giữ pháo đài quan trọng này cho người anh em thân yêu nhất của mình là vua bom Na-plơ^{1*}. Công sứ Phổ ở Na-plơ, bá tước Phôn Péc-pôn-sơ, một nhân vật cũng nổi tiếng do chủ nghĩa chính thống ngoan cố của mình như công sứ Phổ ở La Mã, nam tước Phôn Ca-nít-xơ, giống đa số đồng nghiệp của mình, đã đi theo vua bom đến Ga-ê-tơ, nơi neo đậu hải phòng hạm Phổ "Lô-rê-lê-a", để bảo vệ thân dân Đức. Ngày 15 tháng Chín, pháo đài Mét-xi-na đã sẵn sàng đầu hàng. Các sĩ quan tuyên bố mình là người thuộc phe Vích-to-Ê-ma-nu-en và đã cử đến Ga-ê-tơ một phái đoàn để báo cho vua biết là pháo đài không thể trụ được

1* - Phéc-di-năng II

nữa. Ngày hôm sau, phái đoàn được đưa trở lại Ga-ê-tơ trên hải phòng hạm "Lô-rê-lê-a", trên boong có phái viên của Chính phủ Phổ; khi tàu đến nơi, ông này lập tức đi tới pháo đài, nơi ông ta đã có cuộc hội đàm lâu với viên chỉ huy quân đội Na-plơ. Ngoài tài hùng biện của mình ra, phái viên Phổ đã đưa ra một tập công văn khẩn của nhà vua kêu gọi viên tướng hãy chống cự và có những lời phản đối kiên quyết về tất cả mọi đề nghị đầu hàng ngay cả với những điều kiện có lợi nhất, vì trong các đồn bốt còn mọi thứ đủ dùng mấy tháng nữa. Khi phái viên Phổ còn ở Mét-xi-na, từ pháo đài vang tới những tiếng hô to: "Evviva il Re!"^{1*}, sau khi ông ta đi rồi, cuộc thương lượng bắt đầu nhằm xác định điều kiện đầu hàng, lập tức bị cắt đứt. Nhận được tin này, bá tước Ca-vuốc vội bày tỏ sự bất bình ở Béc-lin về việc "lạm dụng cờ Phổ" và không làm đúng lời hứa giữ trung lập hoàn toàn trong cuộc chiến tranh cách mạng ở I-ta-li-a. Mặc dù sự bất bình ấy là chính đáng, song bá tước Ca-vuốc hơn ai hết không nên nói điều đó ra. Ngài Phôn Slai-ni-xơ, mà các công văn khẩn của ông trong thời gian chiến tranh năm 1859 đã nổi tiếng phần nào bởi văn phong ngọt ngào, bởi những suy luận mập mờ và bởi nghệ thuật vô song về xâu chuỗi câu này sang câu khác có hại cho lập luận, đã tham lam chộp lấy cơ hội có được để chiếm được lòng tin của hoàng tử nhiếp chính và lần này đã đổi giọng từ nửa thì thầm nhún nhường sang giọng gay gắt, ngạo mạn. Ông ta nghiêm khắc đập lại bá tước Ca-vuốc, tuyên bố thẳng thừng với ông này rằng Xi-xin chưa trở thành một tỉnh của Xác-di-ni, rằng triều đình Tu-rin hàng ngày vi phạm điều kiện của hiệp ước và nếu Ca-vuốc muốn chống sự can thiệp của nước ngoài ở I-ta-li-a thì ông ta phải gửi kháng nghị của mình đến điện Tuyn-lơ-ri.

Ở đây, việc triệu hồi công sứ Pháp ở Tu-rin về được coi là một

1* - Đức vua vạn tuế!

mánh khoé lộ liễu, vì mọi người đều biết rằng ngay sau cuộc gặp mặt giữa Lu-i Bô-na-pác-tơ và hai ngài Pha-ri-ni, San-di-ni ở Sam-bê-ri, ông San-di-ni được giao lãnh đạo cuộc xâm nhập của quân đội Pi-ê-mông vào lãnh địa giáo hoàng. Cuộc xâm nhập này đã được dự tính ở Sam-bê-ri nhằm giành thế chủ động từ tay Ga-ri-ban-đi và chuyển nó cho Ca-vuốc, người đầy tớ tháo vát nhất của hoàng đế Pháp. Cuộc chiến tranh cách mạng ở Nam I-ta-li-a, như chúng ta biết, được điện Tuyn-lơ-ri coi không phải là một khối tuyệt lộ tình cờ đổ xuống, mà là một hành động đã được cân nhắc kỹ của đảng I-ta-li-a độc lập mà từ thời Lu-i - Na-pô-lê-ông bước lên via sacra¹¹⁶ từng luôn luôn tuyên bố rằng cuộc khởi nghĩa của miền Nam là biện pháp duy nhất để thoát khỏi cơn ác mộng bảo hộ của Pháp. Quả thật, trong bản tuyên ngôn ngày 16 tháng Năm 1859 gửi nhân dân I-ta-li-a, Mát-di-ni tuyên bố:

"Với những điều kiện nhất định, miền Bắc có thể thống nhất lại dưới ngọn cờ của Vích-to-Ê-ma-nu-en, dù cho người Áo ở đâu - trên địa phận I-ta-li-a hoặc ở bên cạnh; cuộc khởi nghĩa ở miền Nam phải theo một phương hướng khác, độc lập hơn. Cuộc khởi nghĩa, cuộc khởi nghĩa liên hợp, thành lập chính phủ lâm thời đứng ra vũ trang, lựa chọn điểm chiến lược mà dựa vào đó nó có thể giữ vị trí của mình và thu hút quân tình nguyện từ miền Bắc, từ Na-plơ và Xi-xin, - một cuộc khởi nghĩa như thế chưa thể cứu được sự nghiệp của I-ta-li-a và xây dựng được chính quyền của mình do phe dân tộc đại diện. Nhờ có một phe như vậy và nhờ có quân tình nguyện của miền Bắc mà khi chiến tranh kết thúc, I-ta-li-a có thể trở thành người chủ yếu định đoạt vận mệnh của bản thân mình, dù cho ý định của những người khởi xướng chiến tranh thế nào đi nữa... Sự biểu lộ như vậy của ý nguyện nhân dân sẽ loại bỏ mọi khả năng phân chia I-ta-li-a lần nữa, mọi sự áp đặt những vương triều mới từ ngoài vào, mọi nền hòa bình ở vùng A-đi-giê hoặc Min-sô, mọi sự chuyển nhượng bất cứ bộ phận nào của lãnh thổ I-ta-li-a. Nhưng tên của La Mã không thể tách rời tên của I-ta-li-a. Nhân tố đảm bảo sự thống nhất dân tộc của chúng ta là ở đây, ở thành phố thiêng liêng này. Nghĩa vụ của La Mã là không tăng quân đội Xác-đi-ni bằng đám quân tình nguyện ô hợp, mà là chứng minh cho nước Pháp của hoàng đế rằng ai mà làm chỗ dựa cho chế độ chuyên chế của giáo hoàng ở La Mã, thì không bao giờ được thừa nhận là chiến sĩ đấu tranh cho nền độc lập của I-ta-li-a... Nếu La Mã quên nghĩa vụ của mình, thì chúng ta phải hành động thay cho người La Mã. La Mã tượng trưng

cho sự thống nhất của Tổ quốc, Xi-xin, Na-plơ và quân tình nguyện của miền Bắc phải thành lập quân đội của nó".

Đó là lời Mát-di-ni vào tháng Năm 1859 - được Ga-ri-ban-đi nhắc lại khi ông hứa tuyên bố sự thống nhất của I-ta-li-a từ Cvi-ri-nan¹¹⁷ lúc ông cầm đầu quân đội nhân dân.

Bạn đọc nhớ rằng ngay từ đầu Ca-vuốc đã dốc sức để gây khó khăn cho cuộc viễn chinh của Ga-ri-ban-đi; sau thành công đầu tiên của người anh hùng nhân dân, Ca-vuốc cử La-pha-ri-na đi Pa-léc-mô cùng với hai phái viên của Bô-na-pác-tơ nhằm tước quyền chuyên chính của người đi xâm chiếm; tiếp đến, mỗi biện pháp quân sự của Ga-ri-ban-đi đều gặp phải sự chống đối của Ca-vuốc, lúc đầu là về ngoại giao, sau đó là bằng quân sự^{1*}. Sau khi Pa-léc-mô thất thủ và sau cuộc tiến quân về Mét-xi-na, tiếng tăm của Ga-ri-ban-đi trong dân chúng và trong quân đội ở Pa-ri lên cao đến nỗi Lu-i - Na-pô-lê-ông cho rằng dùng phương pháp phỉnh nịnh là khôn ngoan. Khi tướng Tuy-rơ, lúc đó đã bị miễn nhiệm, đến Pa-ri, được hoàng đế cho nhiều ân huệ. Ông ta chẳng những là khách quý ở Pa-le-Roay-an, mà thậm chí còn được tiếp đãi ở điện Tuyn-lơ-ri¹¹⁸, hơn nữa, hoàng đế đã bày tỏ niềm hân hoan vô hạn trước vị thần dân "bị thôn tính", người anh hùng ở vùng Ni-xơ, và tặng cho ông ta nhiều tặng phẩm nói lên sự ưu ái của mình như đại bác nòng có rãnh xoắn, v.v.. Đồng thời người ta gợi ý thuyết phục Tuy-rơ theo ý kiến của hoàng đế rằng Ga-ri-ban-đi sau khi chiếm được Na-plơ và hạm đội Na-plơ, tốt hơn cả là nên cùng với những người lưu vong Hung-ga-ri cố gắng đổ bộ lên Phuy-me để cấm ngọn cờ cách mạng Hung-ga-ri ở đó. Song Lu-i - Na-pô-lê-ông đã nhầm to khi cho rằng Tuy-rơ đã là hoặc chí ít đã tưởng tượng mình là con người có khả năng tác động chừng nào đó đến phương hướng hoạt động của Ga-ri-ban-đi. Tuy-rơ là

1* Xem tập này, tr.118-122.

người tôi quen biết, đó là một người lính dũng cảm và một sĩ quan sáng trí, song ở ngoài lĩnh vực hoạt động quân sự thì ông ta là người hoàn toàn vô tích sự và không bằng trình độ những người bình thường; ông ta chẳng những chưa phát triển đầy đủ về tinh thần và trí tuệ, mà còn thiếu sự sáng dạ và sự nhạy cảm tự nhiên có thể thay cho sự giáo dục, học vấn và kinh nghiệm. Nói chung, đó là con người tốt bụng, hiền lành, vô tư, dễ mến, rất dối cả tin, nhưng tất nhiên, không phải là người có năng lực lãnh đạo chính trị đối với bất cứ ai, lại càng không thể lãnh đạo Ga-ri-ban-di, con người kết hợp một phần của thiên tài I-ta-li-a tinh tế có thể phát hiện thấy ở Đan-tơ không kém ở Ma-ki-a-ven-li với một tâm hồn bốc lửa. Như vậy, việc trông cậy vào Tuy-rơ là một sai lầm; ít ra là ở diện Tuy-n-lơ-ri người ta đang nói như vậy. Lúc đó người ta đã thử sử dụng Cô-sút, người được cử đến gặp Ga-ri-ban-di để khuyên ông phục vụ các kế hoạch của hoàng đế, làm cho ông xa rời con đường đích thực dẫn tới La Mã. Ga-ri-ban-di đã lợi dụng Cô-sút làm phương tiện để khơi dậy nhiệt tình cách mạng và vì vậy đã đem lại cho Cô-sút khả năng ném vị ngọt ngào của những tiếng hoan hô nhiệt liệt của nhân dân, nhưng đồng thời đã sáng suốt phân biệt tên của ông ta tiêu biểu cho sự nghiệp của nhân dân với sứ mệnh của ông ta hàm chứa cái bẫy của Bô-na-pác-tơ. Cô-sút trở về Pa-ri với tâm trạng hoàn toàn chán nản; song, để chứng minh mình trung thành với lợi ích của hoàng đế, ông ta - như tờ "Opinion nationale"¹¹⁹, tờ Moniteur^{1*} này của Plông-Plông cho hay - đã gửi thư cho Ga-ri-ban-di, kêu gọi ông dàn hòa với Ca-vuốc, từ bỏ mọi sự xâm phạm đối với La Mã để khỏi bị Pháp, niềm hy vọng đích thực của các dân tộc bị áp bức, chán ghét, và thậm chí kêu gọi ông để cho Hung-ga-ri tự định đoạt lấy vận mệnh của chính mình, vì nước này chưa đủ điều kiện để khởi nghĩa.

1* - tin tức chính thức

Tôi không cần phải nói với các bạn rằng ở đây, tại Béc-lin, uy tín của chủ nghĩa tự do trong nội các đã giảm mạnh do có cuộc hội nghị sắp tới ở Vác-sa-va, trong đó không chỉ những ông vua nhỏ trời phải bắt tay nhau, mà cả các bộ trưởng ngoại giao của họ - công tước Goóc-tra-cốp, bá tước Rếch-béc-gơ và ngài Phôn Slai-ni-xơ của chính chúng ta - phải tập hợp lại trong một góc ẩm cúng của tiền sảnh dát vàng để đưa ra một phương hướng cần thiết cho lịch sử mai sau của loài người.

Cuộc đàm phán giữa Phổ với Áo về hiệp ước thương mại mới giữa Liên minh thuế quan và Áo do hiệp ước ngày 19 tháng Hai 1853¹²⁰ đề ra giờ đây có thể coi là đã bị cắt đứt vì Nội các Phổ đã tuyên bố dứt khoát rằng không thể có chuyện làm cho thuế quan ngang bằng nhau hoặc ít ra là xích lại gần nhau.

*Do C.Mác viết ngày 27 tháng Chín 1860
Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"
số 6076, ngày 15 tháng Mười 1860*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

PHÁO BINH CỦA QUÂN TÌNH NGUYỆN

Vấn đề pháo binh của quân tình nguyện có ý nghĩa to lớn và cần được thảo luận rộng rãi - hơn nữa vì hình như chưa xác định hoàn toàn rõ là pháo binh của quân tình nguyện phải đóng vai trò gì trong việc phòng thủ đất nước.

Vậy, hiển nhiên vấn đề thứ nhất cần giải quyết là: lĩnh vực hoạt động nào phù hợp đối với pháo binh của quân tình nguyện. Không giải quyết vấn đề này thì chế độ huấn luyện trong các đơn vị sẽ không bao giờ giống nhau ít nhiều. Khoa học pháo binh bao gồm những môn hết sức đa dạng, toàn thể quân tình nguyện - sĩ quan và lính thường - sẽ khó nghiên cứu chúng một cách đầy đủ, cả về lý thuyết lẫn về thực hành. Vì vậy các đơn vị, khi chúng cần thiết cho chiến đấu, sẽ đến với trạng thái được huấn luyện rất không giống nhau để chuẩn bị đón nhận những nhiệm vụ mà họ phải thực hiện; và nhiều đại đội sau khi nhận được nhiệm vụ sẽ rất ít được chuẩn bị để thực hiện nó.

Trong những nhận xét dưới đây, chúng tôi hoàn toàn không định nói pháo binh của quân tình nguyện phải như thế nào và không nên như thế nào; chúng tôi chỉ muốn nêu một số trong những điều kiện mà pháo binh của quân tình nguyện cũng như bất kỳ pháo binh nào khác phải tính đến khi phiên chế, nhằm qua đó tạo khả năng để bắt đầu cuộc tranh luận mà chúng tôi muốn đề xuất. Nhờ cuộc tranh luận ấy mà rốt cuộc sẽ hiểu được các đơn vị pháo binh của quân tình nguyện cần phải hoạt động trong lĩnh vực nào.

Toàn bộ pháo binh được chia thành pháo binh dã chiến, loại pháo binh phải hoạt động trên chiến trường cùng với bộ binh và kỵ binh và được trang bị đại bác dùng ngựa kéo, và pháo binh đồn trú, hoặc pháo binh đặt tại pháo đài, trong đó những đại bác hạng nặng tạo thành những khẩu đội cố định và được che chắn, được sử dụng để tấn công hoặc để phòng thủ những điểm có công sự kiên cố. Nếu trong quân đội thường trực, thời hạn quân dịch dài của lính và trình độ khoa học chuyên ngành của sĩ quan đem lại khả năng huấn luyện toàn thể binh sĩ phục vụ trong cả hai loại pháo binh ít ra là đến mức khi cần thì có thể huy động từng đại đội thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào trong số những nhiệm vụ ấy, thì tình hình quân tình nguyện có khác, cả sĩ quan lẫn lính thường đều thế cả, họ chỉ có thể dùng một phần thời gian của mình để làm nhiệm vụ quân sự. Ở Pháp, Áo và Phổ, pháo binh dã chiến hoàn toàn tách biệt với pháo binh đồn trú hoặc pháo binh tĩnh tại. Nếu trong các quân đội chính quy thường trực tình hình cũng như vậy thì đối với điều đó chắc chắn có những nguyên nhân nhất định mà trong quân tình nguyện chúng sẽ tác động mạnh hơn rất nhiều.

Vấn đề là việc điều khiển đại bác dã chiến tự nó không khác việc điều khiển đại bác hạng nặng trong các khẩu đội đến mức lính thường của đại đội quân tình nguyện không thể dễ dàng học được cả hai việc. Nhưng bản thân tính chất trách nhiệm của sĩ quan trong cả hai trường hợp khác nhau đến mức chỉ việc đào tạo chuyên môn và trong thực tiễn lâu dài mới có thể chuẩn bị tốt như nhau cho họ thực hiện cả hai loại nhiệm vụ. Ở người sĩ quan pháo binh dã chiến, những ưu điểm chủ yếu là: khả năng đánh giá nhanh tình hình chiến tranh, đánh giá đúng địa hình và xác định đúng khoảng cách, nắm chắc tính năng đại bác của mình cho phép họ giữ vững cuộc tấn công đến phút chót mà không để mất một cỗ pháo nào, trên cơ sở kinh nghiệm lâu dài, biết rõ ngựa có thể làm được công việc gì và cần phải đối xử với chúng như

thế nào lúc hành quân và, cuối cùng, tính kiên quyết kết hợp với tính thận trọng. Còn sĩ quan pháo binh đồn trú hoặc tĩnh tại thì cần phải có: kiến thức khoa học, tri thức lý luận về công việc pháo binh trong tất cả mọi ngành của nó, về xây dựng công sự, về toán học và cơ học, kỹ năng sử dụng tất cả những cái đó, chú ý bền bỉ và không suy giảm đến việc xây dựng và phục hồi công sự bằng đất, cũng như đến hỏa lực tập trung và, cuối cùng, dũng cảm và kiên cường - nghĩa là cái lớn hơn sự can đảm đơn thuần. Giao việc chỉ huy pháo đài cho một viên đại úy nào đó của khẩu đội 9 pao, thế là ngay cả người tốt nhất trong số họ cũng phải học nhiều, trước khi người đó có thể cáng đáng tốt công việc của mình; đặt viên sĩ quan nhiều năm chỉ sử dụng đại bác cố định đứng đầu một khẩu đội pháo binh ngựa kéo, thế là anh ta cần phải có nhiều thời gian thì mới khắc phục được sự chậm chạp của mình trong công tác và có được tốc độ hành động nhanh chóng thích đáng, cần có đối với loại vũ khí mới này. Còn về những hạ sĩ quan chưa được đào tạo khoa học như thủ trưởng của họ, thì ở đây khó khăn càng tăng lên hơn nữa.

Trong số hai loại pháo binh, đối với pháo binh đồn trú, có lẽ dễ nhất là đào tạo pháo thủ. Các kỹ sư dân sự có tất cả mọi tri thức khoa học bước đầu cần thiết cho công việc này và nhanh chóng học được cách vận dụng trong pháo binh những nguyên lý khoa học mà họ đã nắm chắc. Họ dễ dàng học được cách sử dụng những loại máy móc dùng trong việc di chuyển những cỗ pháo hạng nặng, cách xây dựng pháo đài và các quy tắc xây dựng công sự. Vì vậy họ là số người chủ yếu để tuyển làm sĩ quan pháo binh tình nguyện, hơn nữa họ sẽ đặc biệt thích hợp cho việc phục vụ trong pháo binh đồn trú. Cũng có thể nói như vậy đối với các hạ sĩ quan và pháo thủ thường. Tất cả những người sử dụng máy móc một thời gian dài như: kỹ sư, thợ máy, thợ rèn, đều là chất liệu ưu tú cho pháo binh, vì vậy những trung tâm công nghiệp lớn phải cung cấp những bộ phận ưu tú ấy. Việc bắn tập bằng đại bác

hạng nặng không nên tiến hành trong nội địa, nhưng biển không xa những thành phố Lan-kê-sia và Y-oóc-sia của chúng ta nằm trong nội địa, vì vậy nhằm mục đích ấy đôi khi có thể tổ chức những chuyến đi ra bờ biển; ngoài ra, trong các khẩu đội pháo hạng nặng, nơi mà mỗi lần bắn đều có thể thấy viên đạn rơi và pháo thủ tự họ có thể hiệu chỉnh đường bắn, việc bắn vào mục tiêu lúc chiến đấu không phải là vấn đề quan trọng hàng đầu.

Còn có một ý kiến nữa phản đối ý định xây dựng pháo binh dã chiến của quân tình nguyện - đó là giá trị cao của đại bác và ngựa. Đúng là mấy đại đội hợp lại cũng có thể trang trải nổi chi phí tậu ngựa cho một số khẩu đại bác trong những tháng hè, rồi sau đó thay phiên nhau huấn luyện cách sử dụng chúng, nhưng cả lính thường lẫn sĩ quan vẫn không thể luyện thành những pháo thủ giỏi cho pháo binh dã chiến. Chi phí trang bị sáu khẩu đại bác cho một khẩu đội dã chiến thường được coi là xấp xỉ chi phí trang bị cho cả một tiểu đoàn bộ binh; không một đại đội pháo binh nào của quân tình nguyện có thể dám chi tiêu như vậy, còn nếu chú ý rằng việc mất đại bác trên chiến trường bị coi là một nỗi nhục, thì có thể nghĩ ngờ một cách đúng đắn rằng có chính phủ nào, trong trường hợp kẻ địch đột nhập, lại có thể giao đại bác dã chiến cùng ngựa và lính điều khiển ngựa cho các đơn vị pháo binh của quân tình nguyện trong những điều kiện mà xạ thủ quân tình nguyện được trang bị vũ khí cầm tay.

Xuất phát từ những lý do đó, cũng như từ một loạt lý do khác, chúng ta không thể không đi đến kết luận rằng điều thích hợp với pháo binh của quân tình nguyện là bổ sung đại bác hạng nặng cho các pháo đài cố định trên bờ biển. Ở những thành phố nằm trong nội địa, nhất định sẽ phải huấn luyện cho lính tình nguyện của pháo binh dã chiến để duy trì trong phong trào lính tình nguyện một sự quan tâm đến công việc này. Và chắc chắn cả sĩ quan lẫn binh lính đều sẽ không mang lại tai hại, nếu họ được huấn luyện cách sử dụng đại bác hạng nhẹ của pháo binh dùng

ngựa kéo trong chừng mực có thể làm được; nhưng căn cứ vào kinh nghiệm cá nhân của chúng tôi về phục vụ trong binh chủng này, chúng tôi rất không tin là, rốt cuộc, quân tình nguyện sẽ được đào tạo trong lĩnh vực này để phục vụ trong quân đội tác chiến. Quân tình nguyện vẫn học được nhiều điều sẽ rất bổ ích đối với họ khi sử dụng đại bác hạng nặng, và chẳng mấy chốc họ sẽ trở thành những người khá thông thạo trong việc sử dụng chúng khi cần.

Còn một vấn đề khác nữa mà chúng tôi muốn nhắc đến. Hơn bộ binh và kỵ binh rất nhiều, pháo binh về thực chất là một binh chủng đòi hỏi phải có kiến thức khoa học, vì vậy hiệu quả của nó phụ thuộc chủ yếu vào nhận thức lý luận và thực hành của sĩ quan. Chúng tôi không nghi ngờ rằng ít lâu nữa, cuốn "Điều lệnh đối với pháo thủ" của thiếu tá Ghíp-phít-xơ¹²¹ sẽ có trong tay mỗi sĩ quan pháo binh quân tình nguyện. Nội dung cuốn sách đó cho thấy người sĩ quan và thậm chí hạ sĩ quan pháo binh phải tìm hiểu những sự vật muôn màu muôn vẻ nào trước khi ít nhiều muốn nắm chắc vũ khí này, mà cuốn sách này mới chỉ là bản tóm tắt những gì người pháo thủ giỏi phải biết. Ngoài việc học tập thường kỳ về động tác quân sự theo đại đội và tiểu đoàn chung cho bộ binh và pháo binh, cần biết nhiều loại đại bác kích cỡ khác nhau, giá pháo và bệ pháo, cách nạp đạn, cỡ đạn, tầm bắn của các loại đạn; cần phải biết xây dựng pháo đài như thế nào, biết khoa học về bao vây pháo đài, công sự cố định và công sự dã chiến; cần phải thông hiểu việc chế tạo đạn dược và thuốc nổ và, cuối cùng, nắm vững khoa học bắn đại bác mà hiện nay khoa học này được bổ sung khá nhiều và mới nhờ sử dụng đại bác nòng có rãnh xoắn. Tất cả những khoa mục ấy cần phải được nghiên cứu cả về lý thuyết lẫn thực hành và tất cả chúng đều quan trọng như nhau, vì lúc nào đó lính tình nguyện của pháo binh có sứ mệnh phục vụ thực sự, họ sẽ rơi vào ngõ cụt nếu họ không chú ý đến tất cả những môn ấy của khoa học pháo binh. Trong tất cả

những đơn vị tình nguyện ấy, pháo binh là binh chủng mà việc sĩ quan được huấn luyện có ý nghĩa vô cùng quan trọng, và chúng ta hy vọng và tin tưởng rằng họ sẽ dốc mọi sức lực để thu hoạch được những kinh nghiệm thực tiễn và kiến thức lý luận mà nếu không có chúng thì họ sẽ bỏ ngõ trong những ngày thử thách.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào nửa đầu tháng Mười 1860

Đã đăng trên tạp chí "The Volunteer Journal, for Lancashire and Cheshire" số 6, ngày 13 tháng Mười 1860 và trong văn tập "Essays Addressed to Volunteers". Luân Đôn 1861

In theo bản in trong văn tập, có đối chiếu với bản in trong tạp chí

Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

CHUẨN BỊ CHO CUỘC CHIẾN TRANH Ở PHỔ

Béc-lin, ngày 23 tháng Mười 1860

Sự phẫn nộ và nỗi sợ hãi của phái tự do của chúng ta về việc hoàng tử nhiếp chính tham gia Hội nghị Vác-sa-va, cũng như mọi sự bất bình của phái tự do Phổ đích thực, đã tìm được lối thoát trong việc nói xấu một cách dữ dội nước Áo và hiến pháp mới ra lò của nước này¹²². Trước hết họ không bao giờ tha thứ cho Phran-txơ-I-ô-xíp về việc ông ta làm cho những ngài này mất nguồn an ủi chính của họ, cũng như mất một đề tài muôn thuở của sự tự khoe khoang ba hoa của họ, cụ thể là đem nước Phổ "theo chế độ hiến pháp" đối lập với nước Áo "chuyên chế". Tất nhiên, ẩn chiếu của Áo đem lại cái có không chỉ để bắt bẻ, mà còn để lo sợ nghiêm trọng đủ loại. Những tình huống trong đó tặng vật ấy được ban thưởng và những bàn tay dâng nó - tất cả những điều đó làm cho nó mang tính chất một mưu kế hơn là một sự nhượng bộ thật lòng. Ngay trước kia, ngày 4 tháng Ba 1849, Phran-txơ-I-ô-xíp đã công bố những điều khoản chung của hiến pháp cốt để huỷ bỏ chúng vào năm sau, sau khi vận may chiến tranh mỉm cười với ông ta¹²³. Song trong các biên niên sử nói chung không có những trường hợp các ông vua đã có lúc nào đó hạn chế đặc quyền của chính mình và nhượng bộ các yêu sách của dân chúng bằng cách nào khác, ngoài việc do sức ép mạnh

mẽ từ bên ngoài, cũng như không có những trường hợp họ vẫn trung thành với lời hứa của họ mỗi khi họ có khả năng vi phạm vô tội vạ lời thề và lời hứa của họ. Hiến pháp cũ của Hung-ga-ri¹²⁴ không được khôi phục hoàn toàn, vì hai quyền quan trọng nhất - biểu quyết các khoản thu của nhà nước và việc tuyển quân - của nghị viện Pét bị tước bỏ và chuyển cho nghị viện trung ương ở Viên; Viên dự định biến thành Hội nghị ba đẳng cấp của toàn đế chế, vì vậy nó được phú cho những đặc tính có lẽ sẽ trở thành nguồn gốc thường xuyên gây ra các xung đột giữa chính Viên và các quốc hội quốc gia hoặc quốc hội tỉnh. Vì hiến pháp của các tỉnh Đức và các tỉnh Xla-vơ chỉ chứa đựng những điều khoản chung nhất và mập mờ nên muốn hiểu chúng thế nào cũng được. Theo ý kiến của người Ma-gi-a, khuyết điểm lớn nhất của chiếu ban ơn là tách Crô-a-xi, Xéc-bi và Tơ-ran-xin-va-ni khỏi Hung-ga-ri và cho phép những tỉnh này lập quốc hội riêng; song nếu nhớ lại các sự kiện những năm 1848-1849, thì chúng ta có quyền nghi ngờ chuyện người Crô-a-xi, người Xlô-vê-ni, người Xéc-bi và người Va-la-ki tán thành lời kêu ca ấy của người Ma-gi-a và ủng hộ nó. Xem ra, trong trường hợp này các nhà hoạt động nhà nước Viên đã khéo lợi dụng nguyên tắc dân tộc, lái nó có lợi cho mình.

Song, về quốc hội chung của toàn đế chế - nghị viện họp ở Viên và gồm đại biểu của các quốc hội Ga-li-xi, Hung-ga-ri, Tơ-ran-xin-va-ni, Crô-a-xi, Xéc-bi, Vơ-ni-dơ và các tỉnh Đức thì nó, không chịu sự kiểm soát của Hiệp bang Đức, liệu có phá vỡ những quan hệ đã tồn tại từ trước đến nay giữa Áo nói tiếng Đức và Hiệp bang Đức hay không? Đó là một đề tài lớn mà giờ đây các đại biểu của chủ nghĩa tự do Phổ bàn luận không ngớt, họ đưa ra hết lý lẽ này đến lý lẽ khác luận chứng cho ý tưởng yêu quý của họ là gạt bộ phận nói tiếng Áo của Đức ra khỏi Hiệp bang Đức. Nhưng tất cả những suy luận của họ đều dựa trên những sự nhầm lẫn, vì họ nhầm tưởng chiếu ban ơn của Phran-txơ-I-ô-xíp

là thật. Tuy cần phải coi chiếu ban ơn này là một cái mẹo khéo của vương triều Áo, thế nhưng nó đem lại cho những dân tộc nằm dưới ách thống trị của triều đại Háp-xbuốc một khả năng tốt đẹp tự mình an bài vận mệnh của mình và mở ra một kỷ nguyên cách mạng mới. Còn giờ đây thì hiến pháp Áo sẽ rất có lợi do chỗ nó sẽ kìm nén lòng kiêu hãnh giả dối của phái tự do Phổ và làm cho triều đại Hô-hen-txô-léc mất một ưu thế duy nhất mà nó đã có thể khoe trước đối thủ của mình, cụ thể là: Phổ vẫn là tụ điểm của giới quan liêu và giới quân sự như trước, nhưng được che đậy bằng hình thức chế độ lập hiến lịch sự hơn.

Để các bạn hình dung rõ tình hình đích thực ở nước Phổ "phục hưng" được khen này, cần phải nhắc đến những biến đổi xảy ra gần đây trong việc tổ chức quân đội Phổ. Như các bạn biết, nghị viện Phổ không có gan xúc phạm dư luận xã hội bằng cách chuẩn y công khai các đề nghị của chính phủ về cải tổ quân đội, cũng không dám kiên quyết chống lại các thiên hướng lỗ mãng của hoàng tử nhiếp chính đã dùng đến mưu mẹo thông thường của người yếu là chọn con đường trung dung - không ra ngô cũng chẳng ra khoai. Nghị viện khước từ duyệt y kế hoạch của chính phủ về cải tổ quân đội, nhưng đã biểu quyết tán thành cấp 9 500 000 đô-la để trang bị cho quân đội sẵn sàng đẩy lùi sự đe dọa từ bên ngoài. Nói cách khác, các nghị sĩ Phổ đã biểu quyết tán thành cấp tiền mà chính phủ cần để thực hiện kế hoạch, nhưng đã làm điều đó với một cái cớ giả tạo. Một khi Nghị viện Phổ giải tán để nghỉ hè thì chính phủ công khai vi phạm những điều kiện quy định để nhận được kinh phí, không có những nghi thức tiếp theo, đã bắt tay thực thi những thay đổi trong việc tổ chức quân đội mà hoàng tử nhiếp chính muốn và đã bị những người gọi là đại biểu bác bỏ. Trong thời gian nghị viện nghỉ họp, số lượng quân đội thường trực đã *tăng gấp đôi*, hơn nữa, số trung đoàn của nó đã được đưa từ 40 lên 72 trung đoàn chủ lực và 9 trung đoàn vệ binh. Như vậy, với ý chí tối cao của hoàng tử nhiếp chính và rõ

ràng vi phạm ý chí của nhân dân, cũng như bất chấp việc biểu quyết của các đại biểu giả của họ, chi tiêu thường xuyên hàng năm của ngân sách quân sự đã tăng 100%. Nhưng các bạn chớ nghĩ rằng hoàng tử Hô-hen-txô-léc hoặc ai đó trong số các đồng liêu của ông ta dám mạo hiểm chia sẻ vận mệnh của Xtơ-ráp-phơ¹²⁵. Toàn bộ vấn đề đóng khung ở việc người ta khe khê cầu nhau, đồng thời không ngớt tha thiết cam đoan trung thành với vương triều và sự tín nhiệm vô hạn đối với nội các. Nếu chú ý rằng ngay cả việc tổ chức quân đội theo lối cũ từng tồn tại chủ yếu dựa vào nhân khẩu nông nghiệp, đã trở thành gánh nặng không thể chịu nổi đối với nền tài chính và trở thành chướng ngại đối với hoạt động sản xuất của dân chúng, những người đang tiến dần lên con đường phát triển công nghiệp, thì có thể dễ dàng hiểu rằng một quân đội có quân số hiện thời đã tăng gấp đôi, phải đè bẹp nghị lực hết sức quý báu của quần chúng nhân dân và ngốn những nguồn tài sản quốc dân. Giờ đây quân đội Phổ có thể khoe rằng so với số dân và nguồn lực quốc gia, nó là quân đội lớn nhất châu Âu.

Các bạn biết rằng vua của vương triều Hô-hen-txô-léc tự xưng và được các bộ trưởng và quan lại gọi là Kriegsherr, nghĩa là "thủ lĩnh quân sự tối cao". Tất nhiên, điều đó không có nghĩa là các vua và nhiếp chính Phổ có quyền chi phối vận may trong chiến tranh. Chứng minh cho điều đó rõ ràng hơn cả là việc họ rất muốn giữ gìn hòa bình và lo bại trận trong chiến đấu công khai, một nỗi lo của họ mà ai cũng biết. Tước vị "thủ lĩnh quân sự tối cao" rất đối thân thiết đối với tấm lòng các vua Hô-hen-txô-léc, nói đúng ra, có nghĩa là chỗ dựa đích thực của vương quyền của họ cần phải tìm không phải trong nhân dân, mà chỉ trong một bộ phận của nó, bộ phận tách rời quần chúng, đối lập với quần chúng, có thể phân biệt với quần chúng qua cấp hiệu, được huấn luyện khác nghiệt theo tinh thần phục tùng thụ động, thông qua huấn luyện cứng nhắc đã trở thành công cụ ngoan ngoãn của cái vương

triều chi phối nó như tài sản của mình và sử dụng nó theo ý muốn kỳ quặc của mình. Vì vậy vua Phổ thà từ bỏ ngai vàng hơn là cho phép quân đội của mình tuyên thệ trung thành với hiến pháp. Như vậy, vua của vương triều Hô-hen-txô-léc chỉ là vua của nhân dân mình trong chừng mực ông ta là "thủ lĩnh quân sự tối cao", nói cách khác, là chủ sở hữu quân đội - trước hết phải yêu thích thiết quân đội mình, âu yếm nó, nịnh nó và vỗ béo nó bằng những món béo bở lấy từ tài sản quốc dân. Mục đích vĩ đại ấy đã đạt được bằng cách tổ chức quân đội theo lối mới. Số sĩ quan đã tăng gấp đôi; việc nhanh chóng nâng quân hàm, một việc làm vốn được tiến hành trong quân đội Pháp, Áo và Nga mà trước đây các sĩ quan Phổ thềm muốn đến ghen tị bây giờ được đảm bảo mà sinh mệnh quý báu của họ hoàn toàn không cần phải chịu mỗi nguy nào, dù chỉ là nhỏ nhất. Do đó mà có cái nhiệt tình to lớn đối với hoàng tử nhiếp chính và các bộ trưởng "thuộc phái tự do", cái nhiệt tình giờ đây đang ngự trị trong sĩ quan quân đội Phổ, chứ không phải trong lính thường. Trong khi đó những người quý tộc sẵn cáo¹²⁶ cầu nhàu về câu cú tự do chủ nghĩa của chế độ mới, đã hoàn toàn hòa giải với chế độ đó do chỗ họ lại có khả năng nuôi dưỡng những đứa con út của mình bằng tiền của của nhân dân. Tất cả những điều đó có một nhược điểm ngay dù xét theo quan điểm của vương triều cũng vậy. Giờ đây Phổ đã tập trung tất cả mọi lực lượng nó có vào quân đội thường trực. Nếu quân đội ấy bị đánh tan thì nó sẽ không còn đội hậu bị nào có thể sử dụng nữa.

*Do C.Mác viết ngày 23 tháng Mười 1860
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 6097, ngày 8 tháng Mười một
1860*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

LỊCH SỬ KHẨU SÚNG TRƯỜNG

I

Súng trường là một phát minh của người Đức vào cuối thế kỷ XV. Rõ ràng là những khẩu súng trường đầu tiên được chế tạo nhằm mục đích duy nhất là giảm nhẹ việc nạp viên đạn được lắp gần sát cho khẩu súng. Muốn thế người ta đã xoi những rãnh thẳng, không có bất kỳ vòng xoắn nào, chỉ với một mục đích giảm ma sát của viên đạn trong lòng nòng súng. Bản thân viên đạn được quấn một mảnh vải len hoặc lanh thấm dầu (bằng thấm dầu) và bằng cách đó nó được nạp vào không khó khăn gì đặc biệt. Những khẩu súng trường ấy, dù chúng có thô sơ thế nào đi nữa, vẫn đem lại kết quả bắn tốt hơn là vũ khí xạ kích nòng trơn thời ấy bắn đạn có đường kính nhỏ hơn đáng kể so với đường kính trong của nòng súng.

Về sau tính chất của súng trường đã thay đổi căn bản do chỗ các rãnh có hình xoắn làm cho lòng nòng súng trở thành một loại đai ốc vít. Nhờ băng thấm dầu áp sát, viên đạn đi theo các đường rãnh và, ngoài ra, duy trì sự quay theo vòng xoắn quanh đường bay của nó. Chẳng bao lâu đã xác định được rằng phương thức truyền chuyển động quay cho viên đạn đã tăng đáng kể tầm bắn lẫn độ bắn trúng và, do vậy, chẳng bao lâu rãnh thẳng đã được thay bằng rãnh hình xoắn.

Đó chính là loại súng trường nói chung vẫn được dùng hơn hai trăm năm. Nếu không kể việc cải tiến cò súng và việc chế tạo thiết bị ngắm một cách kỹ lưỡng hơn thì vũ khí này hầu như không được cải tiến gì cho đến tận năm 1828. Nó trội hơn đáng kể súng mót nòng trơn về độ bắn trúng, nhưng về tầm bay xa của viên đạn thì sự trội hơn đó không lớn bằng; ở ngoài phạm vi 400-500 i-ác-đơ thì không thể hy vọng trúng đích. Đồng thời việc nạp đạn vào súng trường là một việc tương đối khó. Việc lắp viên đạn vào là một thao tác khá vất vả; thuốc súng và viên đạn bọc vào băng thấm dầu được nạp vào nòng riêng biệt, và mỗi phút có thể bắn nhiều nhất là một lần. Những khuyết điểm ấy của súng trường làm cho nó không thể sử dụng rộng rãi trong quân đội, đặc biệt là vào thế kỷ XVIII, khi tất cả các trận đánh do hỏa lực bắn nhanh của các tuyến triển khai định đoạt. Với chiến thuật như vậy, súng mót nòng trơn kiểu cũ với tất cả mọi khuyết điểm hiển nhiên của nó vẫn được coi là vũ khí được ưa thích hơn rất nhiều. Vì vậy chúng ta thấy rằng súng trường vẫn là vũ khí ưa thích của người săn nai và sơn dương, còn với tư cách là một loại vũ khí chiến đấu thì nó được sử dụng trong số ít tiểu đoàn xạ thủ tinh nhuệ chỉ riêng ở những quân đội có số thợ săn nhiều kinh nghiệm trong dân cư để có thể phiên chế thành những tiểu đoàn như vậy.

Các cuộc chiến tranh của cách mạng Mỹ và cách mạng Pháp¹²⁷ đã thay đổi chiến thuật một cách đáng kể. Từ lúc ấy đã thực hành đội hình cắt khúc trong chiến đấu; việc kết hợp các hàng xạ thủ phí trước với hàng dọc đã trở thành nét tiêu biểu của chiến tranh hiện đại. Trong phần lớn trận đánh, lực lượng chủ yếu được giữ ở phía sau; lực lượng này làm hậu bị hoặc cơ động để tập trung đánh điểm yếu của đối phương; họ chỉ được đưa vào tác chiến ở những thời điểm quyết định, trong khi các hàng xạ thủ và các đội tăng viện trực tiếp cho số này thì luôn luôn chiến đấu. Họ sử dụng đại bộ phận đạn được, nhưng mục tiêu bắn của họ ít khi vượt mặt

tiền của đại đội; trong đa số trường hợp họ phải bắn từng chiến binh được bảo vệ tốt trong các hầm hào. Tuy vậy, tác động hỏa lực của họ có ý nghĩa hết sức quan trọng, vì nó phục vụ việc chuẩn bị tấn công và trước hết phục vụ việc đánh lui cuộc tấn công của đối phương; nhiệm vụ của họ là làm suy yếu sự đề kháng của những đơn vị đối phương đang chiếm giữ một số trại và làng xã, cũng như đánh lui sự phản công của đối phương. Nhưng với "Bét-xơ ngăm đen" kiểu cũ, không một nhiệm vụ nào trong số đó có thể thực hiện mỹ mãn. Bất cứ ai nằm dưới làn đạn của những xạ thủ được trang bị súng mót nòng trơn đều không thể có ấn tượng nào khác ngoài sự khinh bỉ sâu sắc đối với kết quả của hỏa lực súng mót bắn ở cự li trung bình. Song súng trường kiểu cũ không thích hợp với việc trang bị đại trà cho lính bộ binh. Muốn dễ nạp đạn, súng trường kiểu cũ phải ngắn, ngắn đến mức nó không còn thích hợp để làm cán cho lưỡi lê. Do đó các xạ thủ trang bị súng trường chỉ được sử dụng ở những vị trí mà ở đó họ được bảo vệ chống các cuộc tấn công giáp lá cà và tấn công của kỵ binh.

Trong những tình huống như vậy tự nhiên nảy sinh nhiệm vụ sau đây: phát minh một loại vũ khí vừa bắn được viên đạn đi xa và trúng đích như súng trường, vừa lắp đạn nhanh và dễ, nòng dài như súng mót nòng trơn - thứ vũ khí vừa là hỏa khí vừa là vũ khí lạnh và có thể trao vào tay mỗi lính bộ binh.

Như vậy, chúng ta thấy rằng do áp dụng đội hình phân tán trong chiến thuật hiện đại nên cũng cần cải tiến vũ khí. Vào thế kỷ XIX mỗi khi xuất hiện nhu cầu về một vật phẩm nào đó và tình hình tiếp theo cho thấy nhu cầu đó là hợp lý, nó nhất định được thỏa mãn. Cả trong trường hợp này, nhu cầu cũng đã được thỏa mãn. Hầu hết mọi sự cải tiến vũ khí xạ kích đạt được từ năm 1828 đều nhằm thỏa mãn nhu cầu ấy.

Song trước khi thử thuật lại những cải tiến đã gây ra những thay đổi to lớn và rất nhiều trong cơ cấu súng nòng có rãnh xoắn

dựa trên việc bỏ hệ thống cũ về nạp đạn, chúng tôi xin phép đề cập đến ý định cải tiến súng trường đồng thời vẫn giữ cách nạp đạn như cũ.

Súng trường lòng nòng hình ô-van, ở Anh gọi là súng trường Lan-ca-xơ đã được dùng ở lục địa hơn bốn mươi năm. Chúng tôi thấy súng này được nhắc đến trong một cuốn sách quân sự của Đức in năm 1818. Ở Brao-nơ-svai-gơ, đại tá Béc-nơ đã cải tiến nó, và năm 1832, toàn bộ bộ binh của công quốc đã được trang bị loại súng trường như vậy. Viên đạn có hình bầu dục không đáng kể, được nạp bằng cách đóng vào như trước. Song viên đạn hình bầu dục ấy chỉ dùng khi bắn từng viên một. Để bắn hàng loạt, lính được trang bị đạn hình cầu cỡ bé hơn, loại đạn này trượt xuống theo lòng nòng súng một cách dễ dàng như mọi viên đạn súng mót. Còn tất cả mọi điều bất tiện của loại súng này thì thật rõ ràng. Nó tuyệt vời chỉ vì nó là cố gắng đầu tiên để trang bị súng mót nòng có rãnh xoắn cho toàn bộ bộ binh của một trong số các quân đội.

Ở Thụy Sĩ, một kỹ sư dân sự và là sĩ quan bộ binh, ngài Vin-đơ, đã cải tiến đáng kể súng trường. Đạn của ông này có tỷ lệ nhỏ hơn bình thường so với lòng nòng súng và được tính toán sao cho nó đi vào rãnh xoắn của lòng nòng súng chỉ bằng bằng thấm dầu của nó; trên chày nạp có một cái đĩa không cho phép nó vào quá sâu trong lòng nòng súng và không cho phép đóng viên đạn sát với thuốc súng nạp vào để thuốc súng nổ quá sớm; độ xoắn của rãnh được giảm bớt và lượng thuốc súng được tăng thêm. Súng trường Vin-đơ đã đem lại những kết quả rất tốt ở cự ly hơn 500 i-ác-đơ, với quỹ đạo rất thoải mái, hơn nữa có thể bắn hơn 100 phát mỗi có muội. Nó được dùng để trang bị ở Thụy Sĩ, Vuyéc-tem-béc và Ban-đen, nhưng, tất nhiên, hiện nay nó đã lỗi thời và được thay bằng súng khác.

Súng trường hiện đại nhất và tốt nhất, được thiết kế theo nguyên tắc đóng đạn vào là súng trường Thụy Sĩ kiểu mới, dùng để trang bị cho các xạ thủ thiện xạ. Đó là vũ khí có cỡ rất nhỏ giống như vũ khí của Mỹ - không quá 10,50 mi-li-mét, tức 0,42 in-sơ; nòng dài 28 in-sơ có tám rãnh xoắn nhẹ (mỗi vòng 34 in-sơ); chày nạp đạn được lắp đĩa Vin-đơ; đạn hình trụ, đầu chóp nhọn, rất dài, được đóng vào nhờ băng thấm dầu; lượng thuốc súng nạp vào tương đối lớn, thuốc súng dạng hạt thô. Thứ vũ khí này đã đem lại những kết quả đáng kinh ngạc; trong cuộc thử những loại súng trường khác nhau mà Chính phủ Hà Lan tiến hành cách đây không lâu, tầm bắn xa, độ bắn trúng của nó và độ thoải mái của đường đạn được thừa nhận là tuyệt vời. Quả thật, với tầm bắn 600 i-ác-đơ, điểm cao nhất của đường đạn bằng vền vện 8 phút 6 in-sơ, thành thử với tầm bắn này toàn bộ không gian đều có thể bị kỵ binh bắn trúng, còn 100 i-ác-đơ cuối là cự li nguy hiểm ngay cả đối với bộ binh; nói cách khác, sai số 100 i-ác-đơ khi xác định cự li đến đích ở tầm bắn 500 i-ác-đơ thường không gây trở ngại cho viên đạn bắn trúng đích cao 6 phút. Kết quả này vượt xa kết quả của bất kỳ súng mứt nòng có rãnh nào khác; những loại tốt nhất trong số đó đòi hỏi phải có góc bắn nâng điểm cao nhất của đường đạn ở tầm bắn 600 i-ác-đơ lên đến 13 - 20 phút, và, do đó, giảm không gian sát thương từ 60 xuống còn 25 i-ác-đơ. Độ thoải đặc biệt ấy của đường đạn có được là nhờ cỡ nòng nhỏ của vũ khí chứa viên đạn đầu nhọn rất dài và lượng thuốc súng có sức nổ tương đối mạnh; với cỡ nòng nhỏ, súng trường có thể rất chắc nhưng không cồng kềnh, đạn có thể dài nhưng không nặng, lượng thuốc nổ tương đối mạnh mà sức giật không quá lớn. Rõ ràng là vũ khí này bắn tuyệt vời tuyệt nhiên không phải vì việc nạp đạn bằng cách đóng nó vào; thực ra cách nạp đạn như vậy là nhược điểm duy nhất của súng trường, cản trở việc sử dụng nó làm thứ vũ khí cơ bản của bộ binh. Vì vậy người Thụy Sĩ chỉ

trang bị loại súng trường này cho đại đội xạ thủ tinh nhuệ của mình, trong tay họ chắc chắn nó sẽ đem lại những kết quả tốt hơn.

Tiếp theo chúng tôi sẽ trình bày súng trường đã được cải tiến như thế nào và đã trở thành vũ khí có thể trao vào tay mỗi lính bộ binh.

II

Viên sĩ quan Pháp Đen-vi-nhơ là người đầu tiên tìm cách làm cho súng trường trở thành vũ khí thích hợp để trang bị đại trà cho bộ binh. Ông thấy rõ rằng muốn thế thì viên đạn cần phải trượt trong nòng súng một cách thông suốt hoặc gần thông suốt như viên đạn của súng mứt nòng trơn và sau đó thay đổi hình dạng để ăn vào rãnh.

Để đạt được mục đích ấy, năm 1828 ông đã thiết kế khẩu súng trường có ngăn thuốc súng ở phần khóa nòng, nghĩa là cuối lòng nòng súng, nơi đặt thuốc súng vào, nó được chế tạo với đường kính nhỏ hơn đáng kể so với bộ phận còn lại của nòng. Hình dáng của ngăn đó phỏng theo bích kích pháo và súng cối, bao giờ cũng có kết cấu như vậy; nhưng trong khi ở pháo binh nó chỉ dùng để giữ chặt những viên đạn nhỏ dùng cho bích kích pháo và súng cối, thì ở súng trường Đen-vi-nhơ, ngăn thuốc súng có một công dụng hoàn toàn khác. Sau khi đổ thuốc súng vào ngăn, người ta cho viên đạn có đường kính bé hơn đường kính nòng súng trượt theo sau thuốc súng; đến mép ngăn thuốc súng, viên đạn không thể đi tiếp được nữa và dừng lại, tựa vào mép ngăn thuốc súng; dùng que thông nòng ấn mạnh mấy cái là đủ để ấn chì mềm của viên đạn vào rãnh xoắn và tăng đường kính của nó đến mức nó áp sát thành nòng súng.

Điều bất tiện lớn nhất của biện pháp này là viên đạn bị mất hình cầu và hơi bẹp, do đó nó có xu hướng mất sự chuyển động quay hình xoắn mà các rãnh truyền cho nó, khiến giảm đáng kể độ bắn chuẩn xác của nó. Để khắc phục điều này, Đen-vi-nhơ đã sáng chế ra đạn thon dài (hình trụ có chóp nhọn), và tuy việc thí nghiệm đạn loại này ở Pháp lúc đầu không thành công lắm, nhưng

rất mỹ mãn ở Bỉ, Áo và Xéc-di-ni, nơi đây súng trường Đen-vi-nhơ với những cải tiến khác nhau được đem dùng trong các tiểu đoàn xạ thủ thay cho súng loại cũ. Tuy súng trường này giờ đây hầu như ở đâu cũng được thay bằng loại súng trường khác, nhưng những cải tiến của Đen-vi-nhơ bao hàm hai nguyên lý quan trọng mà tất cả các nhà phát minh sau này đều phải dựa vào: thứ nhất, ở những súng trường nạp đạn từ nòng súng, viên đạn cần được thả xuống nòng với một độ hở nào đó để dễ nạp và phải thay đổi hình dạng để ăn vào rãnh chỉ sau khi đã ấn chặt; và thứ hai, đạn hình thon là thứ đạn duy nhất cần phải dùng cho những loại súng trường tối tân. Như vậy, Đen-vi-nhơ đã lập tức đặt vấn đề trên một cơ sở thỏa đáng và ông hoàn toàn xứng đáng được gọi là cha đẻ của loại súng trường mới nhất.

Đạn hình thon có rất nhiều ưu điểm so với đạn hình cầu, vì có thể truyền cho nó sự chuyển động quay (xung quanh trục dọc), điều này có thể đạt được một cách mỹ mãn ở hầu hết mọi hệ thống của súng trường hiện đại. Đạn hình thon có tiết diện bé hơn đáng kể tỷ lệ với trọng lượng của nó và, do đó, gặp sức cản của không khí nhỏ hơn so với đạn hình cầu. Có thể cho đầu nhọn của nó một hình dạng thế nào để giảm sức cản đó xuống mức nhỏ nhất. Như là cái lao hoặc mũi tên, nó phần nào được không khí đỡ. Kết quả là qua sức cản của không khí nó mất vận tốc ban đầu với mức độ nhỏ hơn rất nhiều so với đạn hình cầu cùng đường kính và, do đó, vượt qua khoảng cách đã cho với quỹ đạo thoải hơn rất nhiều (nghĩa là với đường bay nguy hiểm hơn rất nhiều cho đối phương).

Một ưu điểm khác là đạn hình thon có bề mặt tiếp xúc với thành nòng súng lớn hơn rất nhiều so với đạn hình cầu. Vì vậy đạn hình thon ăn vào rãnh tốt hơn nhiều, cho phép giảm độ xoắn cũng như độ sâu của rãnh. Hai điều này giúp dễ lau súng và đồng thời cho phép tận dụng lượng thuốc súng nạp vào mà không làm tăng sức giật của súng.

Và, cuối cùng, vì trọng lượng của đạn hình thon vượt đáng kể trọng lượng của đạn hình cầu, nên bản thân cỡ súng, tức đường kính trong của nòng súng, có thể giảm đáng kể, trong khi súng tiếp tục duy trì khả năng đẩy viên đạn có trọng lượng bằng viên đạn hình cầu trước kia. Tiếp nữa, nếu coi trọng lượng súng mút nòng trơn kiểu cũ và trọng lượng viên đạn của nó là những đại lượng tiêu chuẩn, thì súng trường dùng đạn hình thon cùng trọng lượng có thể bền hơn súng mút kiểu cũ - tỷ lệ với mức giảm đường kính trong của nòng súng - đồng thời súng sẽ không nặng hơn súng mút kiểu cũ. Là thứ vũ khí bền hơn, nó chịu sức nổ tốt hơn, có sức giật nhỏ hơn và vì thế cỡ súng trường nhỏ hơn cho phép có sức nổ tương đối mạnh hơn, làm cho viên đạn có vận tốc ban đầu lớn hơn và qua đó đảm bảo đường bay thấp hơn.

Việc cải tiến tiếp theo do một sĩ quan Pháp khác, đại tá Tu-vơ-nen, tiến hành. Ông phát hiện ra một nhược điểm là khi đóng viên đạn vào rãnh, nó được giữ chặt bằng cái gờ tròn mà mép của nó chạm vào. Vì vậy ông đã bỏ các gờ của ngăn thuốc súng đi, khoan nòng súng và làm cho nòng có đường kính giống nhau từ đầu đến cuối như trước. Ở giữa bu-loong khóa lòng nòng súng ông gắn một thanh thép ngắn, chắc, tức cái chốt nhỏ, vào lòng nòng súng, quanh chốt là thuốc súng đổ vào; viên đạn được đầu tù của thanh thép đỡ, những lần chọc thông nòng đồng thời ấn viên đạn vào rãnh. Ưu điểm của kết cấu này khá lớn. Sự giãn nở của viên đạn do thông nòng đập vào đều hơn rất nhiều so với ở súng trường Đen-vi-nhơ. Súng Tu-vơ-nen cho phép tạo khe hở lớn hơn khiến dễ nạp đạn. Những kết quả mà việc cải tiến ấy đạt được có sức thuyết phục đến mức vào năm 1846 những chasseurs à pied^{1*} Pháp đã được trang bị súng trường Tu-vơ-nen; tiếp theo họ, súng trường này đã trang bị cho lính Du-a-vơ và bộ binh nhẹ

1* - xạ thủ đi bộ

khác ở châu Phi; và một khi đã xác định được rằng súng mút nòng trơn kiểu cũ có thể cải tạo thành súng trường Tu-vơ-nen với chi phí không nhiều, thì tất cả súng các-bin của pháo binh đi bộ Pháp cũng được cải tiến. Xạ thủ Phổ được trang bị súng trường Tu-vơ-nen vào năm 1847, xạ thủ Ba-vi-e được trang bị năm 1848 và ít lâu sau đại bộ phận quốc gia nhỏ Bắc Đức đã noi gương này, trong một số trường hợp đã trang bị thứ vũ khí tuyệt vời này ngay cả cho một bộ phận quân chủ lực. Trong tất cả những súng trường này rõ ràng là có một sự xích gần nhất định tới một kết cấu thống nhất, mặc dù chúng có những điểm khác nhau về kích cỡ, v.v. chẳng hạn; số rãnh đã được giảm xuống (trong đa số trường hợp còn bốn rãnh) và độ xoắn của chúng thường bằng từ ba phần tư vòng đến một vòng so với toàn bộ chiều dài của nòng.

Nhưng súng trường Tu-vơ-nen vẫn có nhược điểm. Với cái nòng rất dài mà ở súng mút thông thường của bộ binh chủ lực ắt là chiếc cán thuận tiện để lấp lưởi lê, công sức phải có để thọc thông nòng nhiều làm cho chì ở viên đạn nổ ra ăn vào rãnh thật quá lớn. Hơn nữa, xạ thủ ở tư thế nằm hoặc quỳ rất khó dùng sức như vậy để đóng viên đạn vào. Sức cản của viên đạn được ép vào rãnh ngay trước thuốc súng tác động đến sức nổ đã tăng sức giật và vì thế đã buộc phải dùng lượng thuốc nổ tương đối nhỏ. Cuối cùng, cái chốt bao giờ cũng là yếu tố không cần thiết, làm rắc rối thêm trong kết cấu của vũ khí; lau chùi xung quanh cái chốt rất khó, và nó thường hay bị gãy.

Như vậy, nguyên tắc đóng viên đạn vào bằng cái thông nòng đã từng đem lại những kết quả khả quan trong loại súng Đen-vi-nhơ và những kết quả tốt hơn nữa trong loại súng Tu-vơ-nen. Nhưng khẩu súng trường chế tạo theo nguyên tắc như vậy chưa thể chứng minh sự ưu việt của nó với tư cách là thứ vũ khí thích hợp để trang bị cho toàn bộ bộ binh so với súng mút nòng trơn kiểu cũ. Súng trường thích dụng cho mỗi người lính phải dựa trên những nguyên tắc khác.

III

Đen-vi-nhơ, mà súng trường của ông được chúng tôi mô tả ở bài trước, thấy cần làm cho đáy viên đạn hình thon của ông lõm vào để giảm trọng lượng của nó xuống bằng trọng lượng viên đạn hình cầu trước đây. Tuy ông nhanh chóng phát hiện rằng việc sử dụng đạn rỗng ruột này không dung hợp với phương thức làm nổ viên đạn bằng cách dùng sức cơ học đóng vào, nhưng những thí nghiệm ông tiến hành đã đủ để chứng minh rằng khi hình thành khi nổ đi vào chỗ lõm tạo ra trong viên đạn có xu hướng làm giãn nổ thành của phần rỗng trong viên đạn đến mức bắt nó áp sát nòng súng và ăn vào các rãnh.

Đó chính là phát hiện mà năm 1848 đại úy Mi-ni-ê đã sử dụng. Ông đã hoàn toàn bỏ cái chốt, tức là thanh sắt, ở đáy lòng nòng súng và đã phục hồi sự đơn giản ban đầu của súng trường mà nó đã có trước Đen-vi-nhơ và Tu-vơ-nen; ông chỉ hy vọng vào tác động của khí thuốc súng sau khi nổ làm cho phần rỗng của viên đạn nổ ra. Đạn của ông hình trụ, đầu nhọn, có hai rãnh khía hình tròn xung quanh phần hình trụ¹⁾, khoan hình chóp nón ở phía đáy; một cái ống lót bằng sắt rỗng hình bát (culot) đập phần rỗng và được đóng vào đó bằng sức của khí thuốc súng sau khi bốc cháy, qua đó đủ sức làm giãn nổ chì. Bản thân viên đạn, ngay cả khi được đặt vào vỏ đạn bằng giấy thấm dầu, cũng có khe hở đủ để đi xuống nòng súng một cách suôn sẻ.

1) Những rãnh khía (cannelures) này do một sĩ quan Pháp khác là Ta-mi-di-ê phát minh. Ngoài việc giảm trọng lượng của viên đạn về sự ma sát của nó vào thành nòng súng ra, chúng có tác dụng làm thẳng bằng đường bay của viên đạn trong không khí giống như cánh mũi tên và bằng cách đó làm cho đường đạn thoải hơn.

Cuối cùng, giờ đây chúng ta đã có được khẩu súng trường và đầu đạn thiết kế theo những nguyên tắc cho phép trao thủ vũ khí như vậy cho mỗi lính bộ binh. Vũ khí mới nạp đạn cũng dễ như súng mứt nòng trơn vậy, nhưng có hiệu quả hơn rất nhiều so với súng trường kiểu cũ có độ bắn chuẩn xác như nhau nhưng có tầm bắn xa hơn. Trong số tất cả những kết cấu súng trường nạp đạn từ miệng súng thì súng trường dùng viên đạn giãn nổ là thứ vũ khí tốt nhất không thể chối cãi để dùng phổ biến cũng như để trang bị cho xạ thủ tinh nhuệ. Sở dĩ như vậy chính vì nó thành công rất lớn và được dùng phổ biến trong những đơn vị quân đội hết sức khác nhau, về sau rất nhiều lần được cải tiến hình dáng đầu đạn hoặc rãnh xoắn. Vì viên đạn Mi-ni-ê rỗng ruột nên nó có thể chế tạo chỉ nặng hơn một ít so với viên đạn hình cầu cùng cỡ trước kia; do chỗ viên đạn nằm tự do trên thuốc súng và khi bắn chỉ giãn nổ dần dần lúc đi qua nòng súng, nên sức giật nhỏ hơn rất nhiều so với những súng trường kiểu cũ hoặc súng trường Đen-vi-nhơ và súng trường Tu-vơ-nen, trong đó viên đạn đóng chặt vào nòng chỉ có thể đẩy đi nhờ toàn bộ sức nổ; do đó ở súng trường Mi-ni-ê có thể sử dụng lượng thuốc súng có khả năng nổ tương đối mạnh hơn. Rãnh phải xoi rất nông để dễ lau nòng. Chiều dài của trục mà rãnh xoay quanh trọn một vòng phải đủ lớn, do đó số vòng quay của viên đạn và sức ma sát của nó trong không khí (xảy ra trong mọi chuyển động quay) giảm xuống, nhờ thế vận tốc ban đầu được duy trì tốt hơn. Do có chỗ lõm ở đáy viên đạn nên trọng tâm của nó dịch chuyển lên trước khá nhiều; tất cả những điều kiện ấy gộp chung lại tạo nên một đường bay tương đối thoải.

Nhưng trên thực tế nguyên nhân của việc sử dụng rộng rãi súng trường Mi-ni-ê là một điều khác, cụ thể là tất cả mọi súng mứt nòng trơn kiểu cũ nếu qua cải tạo rất đơn giản là có thể trở thành súng trường dùng được đạn Mi-ni-ê. Ở Phổ, khi cuộc Chiến tranh Crưm đòi hỏi toàn bộ bộ binh phải được trang bị ngay súng

mút nòng có rãnh, mà súng kim hỏa chưa được chế tạo đủ, nên 300 000 súng mút kiểu cũ được làm rãnh và chúng đã được sửa lại để sử dụng đạn Mi-ni-ê, mất chưa đầy một năm.

Chính phủ Pháp là chính phủ đầu tiên trang bị súng trường Mi-ni-ê cho một số tiểu đoàn; nhưng ở những súng này đã làm rãnh lũy tiến, nghĩa là ở phần khóa nòng rãnh sâu hơn ở phía miệng súng, và viên đạn ăn vào rãnh của phần khóa nòng lại bị ép co lại khi tiếp tục đi qua nòng theo những rãnh nông hơn, trong khi lực giãn nở của khí thuốc súng tiếp tục phát động từ bên trong đến viên đạn. Bằng cách đó đã tạo ra một sự ma sát khiến nhiều khi đầu đặc của viên đạn bứt ra và bay khỏi nòng súng trong khi đáy rỗng lại tiếp tục nằm chặt trong đường rãnh. Nhược điểm này và những nhược điểm khác đã buộc chính phủ phải bỏ ý định tiếp tục trang bị súng trường Mi-ni-ê.

Ở Anh vào năm 1851 đã chế tạo 28 000 súng trường cùng kiểu như ở Pháp; đạn của Anh có hình chóp đầu nhọn, có ống bọc tròn rỗng và hoàn toàn không có khóa, vì dự tính cho viên đạn bị ép co lại một ít. Kết quả rất không đạt yêu cầu, chủ yếu vì hình dạng viên đạn. Mãi năm 1852 mới tiến hành những thí nghiệm mới, kết quả là rốt cuộc đã xuất hiện súng trường và đạn En-phin mà sau đây chúng tôi sẽ nói tiếp. Súng trường En-phin chẳng qua là một biến thể của súng trường Mi-ni-ê. Từ năm 1854 nó đã hoàn toàn thay thế tất cả mọi súng mút nòng trơn trong quân đội Anh.

Ở Bỉ, súng trường Mi-ni-ê có cải tiến một ít được sử dụng từ năm 1854 trong các đơn vị xạ thủ, về sau cũng được sử dụng trong các đơn vị chủ lực.

Ở Tây Ban Nha, vào năm 1853 súng trường Mi-ni-ê được trang bị cho các đơn vị xạ thủ, rồi cũng năm ấy trang bị cho các đơn vị chủ lực.

Ở Phổ, như đã nói, trong những năm 1855 - 1856 súng trường

Mi-ni-ê được tạm thời chấp nhận để trang bị cho quân chủ lực, nhưng sau đó đã hoàn toàn được thay bằng súng kim hỏa.

Ở các Tiểu quốc Đức, súng trường Mi-ni-ê được sử dụng hầu như khắp nơi, trừ một số rất ít ngoại lệ.

Ở Thụy Sĩ, súng trường Prê-la dùng để trang bị cho toàn bộ bộ phận, trừ xạ thủ tinh nhuệ, chỉ là một biến thể của súng trường Mi-ni-ê.

Và, cuối cùng, ở Nga lúc này đang lo việc thay súng nòng trơn kiểu cũ bằng súng trường Mi-ni-ê loại rất tốt.

Hầu như ở mỗi loại súng trường của những nước này, số lượng, độ sâu và bước của rãnh, cũng như hình dạng của viên đạn đã có nhiều thay đổi về chi tiết. Chương sau sẽ mô tả những thay đổi quan trọng nhất.

IV

Một lần nữa chúng tôi xin nhắc lại những nguyên tắc của súng trường Mi-ni-ê. Súng trường có rãnh với những rãnh nhỏ lấp đạn thôn, đường kính bé hơn đường kính trong của nòng súng đến mức viên đạn có thể dễ dàng trượt xuống đáy nòng súng. Viên đạn ấy được khoan từ phía đáy, nghĩa là từ phía tiếp xúc với thuốc súng. Khi bắn, khí tạo ra nhanh chóng nhờ nổ đã tuôn vào phần rỗng đó và bằng sức ép vào thành tương đối mỏng của phần rỗng làm cho chì *giãn nở* đến mức nó áp sát vào thành nòng súng và lấp đầy rãnh xoắn. Như vậy, viên đạn ắt phải đi theo các vòng của những rãnh ấy và duy trì chuyển động quay hình xoắn ốc tiêu biểu đối với mỗi viên đạn của súng có rãnh xoắn. Đó là bộ phận chủ yếu và quan trọng nhất trong tất cả những súng trường nhiều hình nhiều vẻ bắn đạn giãn nở; đó là đặc tính chung của tất cả những súng ấy. Còn về các chi tiết thì các nhà sáng chế phát minh đã có nhiều thay đổi khác nhau.

Ống lót do chính Mi-ni-ê đưa ra. Ống lót ấy là một miếng tôn nhỏ, tròn, hình bát, tra vào cuối lỗ hổng phần rỗng của viên đạn. Ở đây có ý nói rằng nhờ khí thuốc súng, ống lót sẽ tiếp tục ăn sâu vào khoảng cách rỗng và bằng cách đó ống lót sẽ giúp làm giãn nở viên đạn, làm cho sự giãn nở được chắc chắn hơn. Song, chẳng bao lâu người ta thấy rõ rằng ống lót hình bát ấy có những điều rất bất tiện: nó thường tách khỏi viên đạn khi bay ra miệng súng và với đường bay không phẳng đôi khi nó dễ dàng làm bị thương đồng đội bố trí phía sườn đằng trước một ít. Ngoài ra, ống lót có khi lật ngược lại lúc chui vào viên đạn và, như vậy, là nguyên

nhân khiến viên đạn giãn nở không đều và do đó làm cho viên đạn hay chệch đường bay tới đích. Vì đã chứng minh được rằng sự giãn nở của viên đạn có thể đạt được mà không cần có bất kỳ ống lót nào, nên người ta bèn tiến hành thí nghiệm để xác định hình dạng tối ưu của viên đạn giãn nở khi không có ống lót. Đại uý Phổ Na-in-đo-phơ có lẽ là người đầu tiên đề xuất viên đạn như vậy (năm 1852). Khoảng rỗng trong viên đạn của ông có hình trụ, nhưng mở rộng ra giống hình phễu. Viên đạn ấy đã đem lại kết quả rất tốt cả về tầm bay xa lẫn về độ trúng đích, nhưng ít lâu sau lại phát hiện rằng ống lót, ngoài việc làm giãn nở viên đạn ra, còn có một công dụng khác là ngăn ngừa thành mỏng của viên đạn rỗng khỏi bị hư hỏng khi vận chuyển và khi sử dụng không cẩn thận, trong khi đạn Na-in-đo-phơ thì bị méo mó lúc vận chuyển và vì thế đem lại những kết quả cực kỳ xấu. Do đó trong đa số quân đội Đức, ống lót rỗng bằng sắt vẫn để lại, nhưng mang hình chóp nhọn dài, và dưới dạng ấy nó hoàn toàn đáp ứng công dụng của nó: không bao giờ bị lật ngược và hầu như không bao giờ tách khỏi viên đạn chì. Như chúng ta biết rõ, đạn En-phin có cái lót bằng gỗ rất chắc.

Thế nhưng, ở một số quốc gia vẫn tiếp tục thí nghiệm đạn không có ống lót, và trong một loạt quân đội, loại đạn như vậy vẫn được đem dùng, như ở Bỉ, Pháp, Thụy Sĩ và Ba-vi-e. Mục đích chủ yếu của tất cả những thí nghiệm ấy là muốn xác định cho phần rỗng ấy của viên đạn một hình dạng có thể đề phòng nó bị toác mà đồng thời không ngăn cản nó giãn nở. Phần rỗng này có hình chuông (Tim-mơ-han-xơ ở Bỉ) hoặc hình lăng kính ba cạnh (Ne-xơ ở Pháp) với tiết diện hình chữ thập (Pluê-ni-xơ ở Đắc-mơ-stát), v.v.. Nhưng có lẽ hầu như không thể kết hợp hai đặc tính ấy - bền và có thể giãn nở - ở bất kỳ loại nào trong số các loại đạn giãn nở không có ống lót chừng nào cỡ súng chưa được giảm đáng kể. Đạn Ba-vi-e mới (của thiếu tá Pô-đơ-vin-xơ)

với cái hốc hình trụ đơn giản và thành rất chắc dường như hiện thời đáp ứng tốt nhất yêu cầu đó, nhưng súng trường Ba-vi-e có cỡ rất nhỏ.

Ở những nước mà súng mát nòng trơn đã được xoi rãnh xoắn để dùng đạn Mi-ni-ê, cỡ lớn của súng mát kiểu cũ tất nhiên trở nên có tính chất bất buộc. Nhưng ở những nơi quân đội chỉ trang bị súng kiểu mới thì cỡ súng được giảm đáng kể vì những lý do mà chúng tôi đã nhắc tới trong bài trước. Súng trường En-phin của anh có cỡ 14,68 mi-li-mét, súng trường Nam Đức (dùng ở Vuyéc-tem-béc, Ba-vi-e, Ba-đen, Hét-xen - Đắc-mơ-stát) có cỡ 13,9 mi-li-mét. Riêng người Pháp duy trì cỡ súng mát nòng trơn trước kia (17,80 mi-li-mét) cho súng trường của vệ binh quốc gia.

Súng trường En-phin là loại súng tuyệt vời dùng đạn giãn nở. Cỡ của nó nhỏ tới mức cho phép bắn đạn dài gấp đôi đường kính của nó, đồng thời không nặng hơn đạn mát hình cầu kiểu cũ. Chất lượng chế tạo súng này rất cao và vượt chất lượng của hầu hết những súng trường hiện trang bị cho các quân đội trên lục địa. Đạn của nó rất cân đối; quả thật là có ý kiến phản đối ống lót bằng gỗ chỉ ra rằng nó có thể hoặc phồng lên và như vậy tăng đường kính của viên đạn hoặc nó sẽ co lại và như vậy sẽ rơi ra, nhưng chúng tôi cho rằng ý kiến phản đối ấy không có căn cứ. Nếu sự phồng lên của ống lót tạo nên những bất tiện nào đó thì điều đó sẽ được phát hiện sớm hơn rất nhiều; còn nếu nó co lại thì có vỏ đạn phòng ngừa nó rơi ra. Nói chung, kết quả mà súng trường En-phin đạt được xấp xỉ kết quả mà những loại súng trường tốt nhất dùng đạn giãn nở ở lục địa đã đạt được.

Những ý kiến không tán thành súng trường En-phin, thứ súng dùng đạn giãn nở, như sau: cỡ súng lẽ ra có thể nhỏ hơn nữa khiến có thể có viên đạn dài hơn và nòng súng chắc hơn nhưng trọng lượng vẫn như cũ; đã chứng minh được rằng năm đường rãnh tốt hơn là ba đường rãnh; nòng của súng trường En-phin dài

ít ra là không chắc ở nòng súng nên không thể sử dụng nó làm chuôi cầm lưỡi lê; đạn không có khía hình vòng ắt phải chịu sức ma sát quá lớn trong nòng và vì thế có nguy cơ đầu chắc của nó có thể rời ra, còn phần rỗng hình vòng thì có thể bị kẹt trong đường rãnh.

Thay đổi cỡ súng là việc rất quan trọng, nhưng không thể thì rất khó làm cho phần miệng của nòng súng chắc hơn. Chúng tôi cảm thấy đó là ý kiến bác bỏ nghiêm túc nhất. Còn tất cả những điều bác bỏ khác thì không cần bản lắm; số đường rãnh và hình dạng viên đạn có thể dễ dàng thay đổi bất cứ lúc nào; nhưng súng trường En-phin ngay cả dưới dạng như hiện nay cũng đã tỏ ra là một thứ vũ khí chiến đấu rất hữu ích.

Cho đến nay chúng tôi mới so sánh súng trường En-phin với những súng nạp đạn giãn nở; còn việc so sánh với những súng trường cấu tạo theo những nguyên tắc khác thì chúng tôi phải gác lại đến lần sau, khi chúng tôi xét những kết cấu khác hiện nay đang dùng.

V

Năm 1852, nhà chế tạo súng người Anh, ngài Uyn-kin-xơn và viên sĩ quan pháo binh Áo, đại úy Lô-ren-xơ, đã cùng một lúc, mỗi người một nơi, phát minh một phương thức khác tăng đường kính viên đạn hình thon nằm tự do bằng sức khí thuốc súng đẩy nó sít vào lòng nòng súng và bắt nó đi theo các rãnh xoắn. Phương thức này là bắt khí thuốc súng làm cho viên đạn *co lại* theo hướng dọc, chứ không làm cho nó nở ra.

Hãy lấy một quả bóng mềm, đàn hồi, đặt nó lên bàn rồi dùng tay đánh mạnh cho nó bay đi. Kết quả đầu tiên của cú đánh trước khi bắt nó bay đi sẽ là hình dạng của quả bóng thay đổi. Dù trọng lượng quả bóng nhỏ thế nào đi nữa, nó cũng có một sức cản đủ để quả bóng móp ở phía bị đánh; nó co lại ở một hướng và, do đó, thể tích của nó phải tăng lên ở một hướng khác; sự thay đổi hình dạng như vậy cũng sẽ xảy ra trong trường hợp các bạn làm cho nó hoàn toàn bẹp xuống. Cú đánh tác động đến quả bóng đàn hồi thế nào, thì sức nổ của thuốc súng ắt phải tác động đến *viên đạn co lại* của Lô-ren-xơ và Uyn-kin-xơn như thế ấy. Trọng lượng, vis inertiae^{1*} của viên đạn, là phương tiện dùng sức cản của mình đối với lực của khí thuốc súng làm cho viên đạn co lại theo chiều dọc và bằng cách đó làm cho viên đạn nở ra về các phía. Lúc bay ra, viên đạn ngắn hơn và to hơn lúc nạp vào.

Để viên đạn thon dài nặng bằng chì có thể gây một sức cản

đầy đủ và như vậy bị co lại đủ để ăn vào rãnh xoắn, nó phải rất nặng - nói cách khác, chiều dài của nó phải rất lớn so với độ dày của nó. Nhưng ngay cả đối với súng cỡ nhỏ, loại đạn như vậy sẽ quá nặng trong thời gian chiến tranh, vì cơ số đạn được phải mang thông thường sẽ làm cho binh lính quá vất vả. Để tránh điều này, người ta đã cắt ở phần hình trụ của viên đạn hai đường khía sâu hình khuyên. Bạn hãy lấy viên đạn En-phin, bỏ cái ống lót đi, đổ chì nấu chảy đầy phần rỗng và khi chì đã nguội, hãy cắt ở mút phẳng phần hình trụ của viên đạn hai rãnh khía cạnh nhau, để cho ba phần đã hình thành của viên đạn cố định như cũ trên trục chung của khối chì chắc. Lúc đó viên đạn sẽ gồm hai hình nón cụt rất phẳng hướng về phía trước và đầu đạn nhọn, đặc và nặng; tất cả những bộ phận ấy đều gắn chặt với nhau. Viên đạn đó sẽ là một kiểu đạn co lại. Phần trước nặng, tức là đầu nhọn của viên đạn, gây một sức cản đối với khí thuốc súng; phần trước của hình nón sau được sức khí thuốc súng đẩy vào đáy hình nón trước, còn đầu của hình nón này lại được đóng vào đáy phần nhọn của viên đạn, và như vậy viên đạn bị rút ngắn và co lại theo chiều dọc, trở nên dày hơn đến mức áp sát vào lòng nòng súng và ăn vào các rãnh xoắn.

Rõ ràng là qua những điều đó chúng ta thấy rằng đầu nhọn, chắc là bộ phận chủ yếu nhất của loại đạn ép co lại. Nó càng dài và càng nặng thì sức cản sẽ càng lớn và sức co do thuốc súng nổ sẽ càng chắc chắn. Chừng nào cỡ súng trường nhỏ, chẳng hạn, nhỏ hơn nhiều so với cỡ súng trường En-phin, thì có thể làm cho viên đạn co lại không nặng hơn viên đạn giãn nở. Nhưng nếu cỡ súng tăng lên thì bề mặt đáy viên đạn, hay nói cách khác, bề mặt chịu tác động trực tiếp của hơi thuốc súng cũng tăng lên; và đó là nguyên nhân vì sao với cỡ súng lớn thì đạn co lại bao giờ cũng quá nặng không thể sử dụng được; nói cách khác, lực của khí thuốc súng sau khi khắc phục lực cản của viên đạn sẽ tống nó ra khỏi nòng súng trước khi nó co lại một cách thích đáng. Như vậy,

1* - lực quán tính

súng mút nòng trơn cỡ lớn, có thể sửa thành súng dùng đạn giãn nở, nhưng hoàn toàn không thể sửa thành súng dùng đạn co lại.

Với cỡ súng nhỏ và rãnh xoắn nông, đạn co lại cho những kết quả tốt đẹp. Việc trọng tâm nằm ở phía trước rất thuận lợi cho đường đạn thoải. Về mặt dễ nạp đạn và nạp đạn nhanh, cũng như về mặt sức giật không đáng kể, đạn co lại có tất cả mọi điểm trội hơn so với đạn giãn nở. Loại đạn này chắc và có thể chịu khá tốt sự vận chuyển, không đòi hỏi phải giữ gìn cẩn thận; hình dạng của nó cho phép sản xuất nó bằng cách dập, chứ không phải bằng cách đúc. Nhược điểm duy nhất của loại đạn này chỉ là nó đòi hỏi khe hở rất nhỏ, không quá 0,01 in-sơ, và độ chính xác cao về cỡ nòng súng cũng như về cỡ đạn, vì rõ ràng là sự co lại không làm tăng chu vi viên đạn dù chỉ xấp xỉ mức độ như trong trường hợp tác dụng giãn nở. Như vậy, trường hợp có khe hở lớn hoặc với nòng súng kiểu cũ thì khó tin được là viên đạn có co lại đủ để ăn vào rãnh xoắn hay không. Nhưng khe hở nhỏ ấy không phải là trở ngại lớn vì nhiều súng dùng đạn giãn nở có khe hở không phải là lớn (ví dụ, súng trường En-phin có khe hở chỉ bằng 0,01 in-sơ) và giờ đây chế tạo nòng súng và đạn có kích cỡ chính xác tương ứng không khó.

Quân đội Áo dùng đạn co lại cho toàn thể bộ binh. Cỡ của nó bé: 13,9 mi-li-mét, tức 0,546 in-sơ (nhỏ hơn đạn En-phin 0,031 in-sơ); nòng súng có bốn rãnh xoắn không sâu lắm (tuy đối với súng dùng đạn giãn nở thì số chẵn bị phản đối quyết liệt, nhưng ở súng dùng đạn co lại thì số chẵn được coi là tốt hơn số lẻ) với mỗi vòng xấp xỉ sáu phút sáu in-sơ (gần như ở súng trường En-phin vậy). Viên đạn nặng gần 480 gran (kém đạn súng trường En-phen 50 gran), còn lượng thuốc súng bằng 1/6 trọng lượng của viên đạn (ở súng trường En-phin, lượng thuốc súng gần bằng 1/8 trọng lượng viên đạn). Súng trường này đã được thử nghiệm trong chiến dịch I-ta-li-a năm 1859, và nhiều lính Pháp, đặc biệt là những sĩ quan không chịu được hỏa lực của nó, đã xác nhận những tính

năng tuyệt vời của nó. Nó có đường đạn thoải hơn đáng kể so với súng trường En-phin, đó là kết quả của lượng thuốc súng nổ mạnh hơn theo tỷ lệ, nòng bé hơn cho phép sử dụng đạn dài, và có thể, của việc có hai khía hình khuyên.

Dắc-den, Han-nô-vơ và một hoặc hai Tiểu quốc Đức đã dùng cho bộ binh nhẹ những súng trường bắn đạn co lại kiểu Lô-ren-xơ.

Ở Thụy Sĩ, ngoài súng trường cho xạ thủ tình nguyện mà chúng tôi đã nhắc đến, cũng đã sử dụng súng trường cùng cỡ (10,51 mi-li-mét, tức 0,413 in-sơ, nhỏ hơn súng trường En-phin 0,164 in-sơ) dùng đạn co lại. Súng trường này được trang bị cho những đại đội nhẹ của các tiểu đoàn bộ binh. Đạn kiểu Lô-ren-xơ ở đây và những kết quả mà súng trường này đạt được về độ thoải của đường đạn, về tầm bay xa và độ bắn chuẩn xác đặt nó lên hàng thứ hai sau súng trường Thụy Sĩ nói trên dùng cho xạ thủ tình nguyện, đạn nạp vào nòng theo cách thức cũ và có quỹ đạo thoải nhất trong số tất cả những súng trường mà chúng ta đã biết. Khi bắn ở cự li 500 i-ác-đơ, súng trường này nạp đạn co lại của Thụy Sĩ, có không gian sát thương 130 i-ác-đơ¹⁾.

Hiện có một điều chắc chắn là kết cấu đạn co lại đã đem tới những kết quả tốt hơn kết cấu đạn giãn nở, vì từ trước đến nay nó có đường bay tuyệt đối thoải nhất. Thế nhưng, một điều cũng chắc chắn nữa là nó có đường bay như vậy không phải nhờ bản thân kết cấu, mà do những nguyên nhân khác, trong đó nguyên nhân chủ yếu là cỡ đạn nhỏ. Với cỡ nhỏ như nhau, đạn giãn nở

1) Không gian sát thương được hiểu là phần đường bay của viên đạn không cao hơn chiều cao của người - chẳng hạn 6 phút. Ví dụ, viên đạn nhằm vào gốc của mục tiêu cao 6 phút nằm trên đường ngắm ở vào khoảng giữa 370 và 500 i-ác-đơ, kể từ chỗ người đứng bắn. Nói cách khác, ở cự li 500 i-ác-đơ có thể bị sai trong việc xác định khoảng cách 130 i-ác-đơ, nhưng mục tiêu vẫn sẽ bị bắn trúng, nếu lấy đúng đường ngắm.

có thể có đường bay thoải y như loại đạn cạnh tranh với nó, từ trước tới nay đã thành công hơn. Điều này chẳng bao lâu nữa sẽ trở nên rõ ràng. Súng trường của bốn quốc gia Tây-Nam Đức (Bavie, v.v.) có cỡ như súng trường của Áo, thành thử nếu cần thì có thể dùng đạn của Áo cho những súng này, và ngược lại. Nhưng khi dùng đường kính trong của nòng súng như nhau ở nước mình, những quốc gia ấy đồng thời cũng sử dụng loại đạn giãn nở; biểu ghi kết quả bắn cả hai loại đạn cho thấy rất rõ ưu điểm của mỗi loại đạn. Nếu, như chúng tôi lường trước, đạn giãn nở sẽ đem lại những kết quả tốt y như loại đạn cạnh tranh với nó, thì nó đáng được ưu tiên dùng: thứ nhất, điều chắc chắn xảy ra hơn là nó sẽ ăn vào rãnh xoắn trong bất cứ tình huống nào; thứ hai, với cùng một đường kính trong của nòng súng, có thể làm cho viên đạn nhẹ hơn đạn co lại; và thứ ba, nó chịu ảnh hưởng ít hơn của sự giãn nở trong nòng súng xảy ra ở tất cả mọi nòng súng sau khi dùng một thời gian.

VI

Tất cả những súng trường mà chúng tôi đã mô tả từ trước đến nay đều nạp đạn từ miệng súng. Thế nhưng thuở xưa đã có nhiều loại hỏa khí nạp đạn từ phần khóa nòng. Việc nạp đạn đại bác từ phần khóa nòng đã có trước việc nạp đạn từ miệng súng, và trong những kho vũ khí cổ nhất đã có súng trường và súng ngắn cách đây 200 - 300 năm với phần khóa nòng cơ động, thuốc súng nạp vào đây, chứ không phải nạp từ miệng súng bằng cái thông nòng. Việc gắn khóa nòng với nòng súng thế nào để có thể tháo ra rồi lại lắp vào một cách dễ dàng, còn bản thân chỗ nối thì đồng thời phải thật chắc để chịu được sức ép của khí thuốc súng, bao giờ cũng rất khó. Không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy rằng trong điều kiện kỹ thuật thời bấy giờ chưa hoàn hảo, không thể kết hợp cả hai yêu cầu ấy: hoặc những bộ phận giữ chặt khóa nòng với nòng súng không được chắc và bền, hoặc bản thân quá trình tháo và lắp diễn ra cực kỳ chậm chạp. Không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy rằng vũ khí này bị bỏ không dùng, vì nạp đạn từ miệng súng nhanh hơn rất nhiều, và cái thông nòng tiếp tục giữ ưu thế.

Còn vào thời hiện đại, khi các quân nhân cũng như kỹ sư quân giới đặt nhiệm vụ thiết kế một loại vũ khí vừa nạp đạn nhanh và dễ như súng mứt kiểu cũ vừa bắn xa và chuẩn xác như súng trường thì lẽ tự nhiên là việc nạp đạn từ phần khóa nòng lại được chú ý. Với việc tạo ra một kết cấu thích đáng để gắn phần khóa nòng, tất cả mọi khó khăn đã được khắc phục. Viên đạn có đường kính lớn hơn lòng nòng súng một ít, có thể nạp cùng với thuốc súng vào phần khóa nòng và, được sức nổ đẩy về phía trước qua lòng nòng súng, ở đây nó lắp rãnh xoắn bằng số chì dôi dư, đi

theo các rãnh, không để có bất kỳ khe hở nào. Khó khăn duy nhất là cách thức giữ chặt phần khóa nòng. Nhưng điều gì không làm được ở thế kỷ XVI và thế kỷ XVII, thì ngày nay không thể bị coi là vô vọng.

Nếu giả định rằng khó khăn đó đã được khắc phục, thì những ưu điểm to lớn của việc nạp đạn từ phần khóa nòng thật hiển nhiên. Thời gian cần thiết để lắp đạn giảm đáng kể. Hoàn toàn không phải rút que thông nòng ra, xoay xoay nó rồi lại đặt nó vào chỗ cũ. Bằng một động tác là khóa nòng mở ra, bằng động tác thứ hai - viên đạn được đặt đúng chỗ và bằng động tác thứ ba - khóa nòng lại đóng lại. Như vậy, hỏa lực bắn nhanh của xạ thủ hoặc những loạt đạn dày đặc rất quan trọng trong những trường hợp quyết định, được đảm bảo với mức độ mà không thứ vũ khí nạp đạn từ miệng súng nào có thể đạt được.

Ở tất cả những súng nạp đạn từ miệng súng, việc nạp đạn trở nên khó khăn một khi vào lúc bắn nhau lính ở tư thế quỳ hoặc nằm, nấp đằng sau một vật nào đó tại chỗ. Nằm ở đằng sau vật che chắn, người lính không thể giữ cho súng của mình thẳng đứng, do đó, một phần lớn thuốc súng khi đi theo lòng nòng súng xuống dưới bị mắc lại ở thành nòng; nếu anh ta gở súng thẳng lên thì sẽ bị lộ. Với súng nạp đạn từ phần khóa nòng, anh ta có thể nạp ở bất cứ tư thế nào, thậm chí không rời mắt khỏi đối phương, vì anh ta có thể nạp mà không cần phải nhìn vào súng. Trong hàng quân, anh ta có thể nạp đạn lúc vận động; bắn phát này đến phát khác lúc tiến, anh ta tới gần đối phương với khẩu súng luôn luôn đã nạp đạn. Đạn có thể có kết cấu hết sức đơn giản, cực kỳ chắc; và có thể đảm bảo để đạn bứt khỏi rãnh xoắn như đã xảy ra với đạn co lại và đạn giãn nở, cũng như khỏi mọi sự ngẫu nhiên khó chịu khác. Việc lau chùi súng trở nên rất dễ. Ngăn thuốc súng và ngăn đạn, tức là nơi nạp thuốc súng và đạn vào, là bộ phận luôn dễ bắn nhất, hoàn toàn dễ trống; nòng súng hở cả hai đầu, có thể dễ dàng xem xét và lau chùi sạch sẽ. Những chi tiết đặt gần phần

khóa nòng, do cần thiết nên nặng hơn, vì nếu không thì chúng sẽ không thể chịu được sức ép của khí thuốc súng, dịch chuyển trọng tâm khẩu súng về phía vai, đảm bảo cho súng ổn định lúc ngắm bắn.

Chúng ta đã thấy rằng khó khăn duy nhất là làm sao giữ phần khóa nòng thật chắc. Không còn nghi ngờ gì nữa, khó khăn ấy giờ đây đã hoàn toàn được khắc phục. Số súng nạp đạn từ phần khóa nòng được chế tạo trong hai mươi năm gần đây rất lớn và ít ra là một số trong đó đáp ứng tất cả những mong đợi có căn cứ về mặt hiệu quả lẫn độ chắc của thiết bị nạp đạn từ phần khóa nòng, cũng như về mặt dễ dàng và nhanh chóng tháo lắp phần khóa nòng. Thế nhưng, hiện nay chỉ có ba loại súng trường được sử dụng làm vũ khí chiến đấu.

Thứ nhất - đó là súng trường hiện đang trang bị cho bộ binh Thụy Điển và Na Uy. Bộ phận để nạp đạn từ phần khóa nòng khá tiện và chắc. Thuốc súng bốc cháy nhờ kíp nổ, trong khi đó cả cò lẫn đầu kim hỏa đều nằm ở bộ phận dưới của ngăn đạn. Về việc sử dụng thứ vũ khí này trong thực tế, chúng tôi không thể nắm được bất kỳ tin chi tiết nào.

Thứ hai - đó là súng Ru-lô. Súng Ru-lô, cũng như súng trường, là phát minh cổ nhất của Đức. Hàng thế kỷ trước đây người ta đã làm được súng ngắn có mấy nòng lắp thiết bị quay, sau khi bắn một phát thì thiết bị này quay nòng khác vào vị trí cần thiết để khóa nòng tác động lên nó. Ở Mỹ, đại tá Côn-tơ lại sử dụng ý tưởng đó. Ông tách ngăn đạn khỏi nòng sao cho tất cả những ngăn đạn quay đều có một nòng súng và như vậy đã làm cho súng này có thể nạp đạn từ phần khóa nòng. Vì đa số bạn đọc của chúng tôi đã sử dụng súng Côn-tơ, nên không cần phải mô tả nó; ngoài ra, tính chất phức tạp của máy móc đòi hỏi phải giải thích tỉ mỉ, việc này không thể làm được nếu không có bản vẽ. Thuốc súng nạp vào súng này bốc cháy nhờ ngòi nổ, còn đạn hình cầu

lớn hơn lòng nòng súng một ít khi bị ép thì ăn vào rãnh. Sau khi phát minh của Côn-tơ trở nên nổi tiếng, đã có nhiều sáng chế vũ khí cầm tay có cơ chế quay, nhưng chỉ có Đin và A-đam-xơ là đã thực sự làm đơn giản và cải tiến nó với tư cách là vũ khí chiến đấu. Tuy nhiên, kết cấu ấy cực kỳ phức tạp, và chỉ dùng được cho súng ngắn nhằm mục đích quân sự. Nhưng với một số cải tiến, súng Ru-lô này sẽ trở nên cần thiết đối với toàn bộ kỵ binh và đối với lính thủy trong trường hợp đánh tàu địch, trong khi đối với pháo binh nó sẽ có ích hơn đáng kể so với bất kỳ súng các-bin nào. Thực ra, tác dụng của nó trong đánh giáp lá cà thật kinh khủng. Súng Ru-lô không chỉ trang bị cho kỵ binh Mỹ, mà còn được dùng trong hải quân Anh, Mỹ, Pháp, Nga và những nước khác.

Ở súng trường Thụy Điển, cũng như ở súng Ru-lô, sự bốc cháy của thuốc súng xảy ra từ bên ngoài nhờ kíp nổ đánh lửa thông thường. Nhóm súng thứ ba nạp đạn từ phần khóa nòng là súng trường kim hỏa Phổ đã từng làm xôn xao dư luận, hoàn toàn lấn át vũ khí thuộc hai kết cấu đầu; thuốc súng nạp vào nó bốc cháy từ bên trong.

Súng kim hỏa do một nhà dân sự, ông Drây-dơ ở Dêm-mê-đa Phổ, sáng chế. Lúc đầu Drây-dơ phát minh cách làm cháy thuốc súng bằng chiếc kim châm vào chất nổ đặt trong vỏ đạn, đến năm 1835 ông hoàn thành phát minh, thiết kế được loại súng nạp đạn từ phần khóa nòng lắp một bộ phận có chiếc kim làm thuốc súng cháy. Chính phủ Phổ lập tức mua bí quyết của phát minh và đã giữ được bí mật này đến năm 1848, khi phát minh đó được mọi người biết đến. Đồng thời Chính phủ Phổ đã quyết định nếu chiến tranh nổ ra sẽ trang bị vũ khí này cho toàn bộ bộ binh của mình và bắt tay sản xuất hàng loạt súng kim hỏa. Hiện nay súng này được trang bị cho toàn bộ bộ binh chủ lực và đại bộ phận dân binh, còn toàn bộ kỵ binh nhẹ thì giờ đây được trang bị súng các-bin kim hỏa nạp đạn từ phần khóa nòng.

Về cơ chế nạp đạn từ phần khóa nòng, chúng tôi chỉ có thể nói rằng có lẽ nó là cơ chế đơn giản nhất, tiện nhất và chắc nhất trong số tất cả những cơ chế đã đưa ra từ trước đến nay. Nó đã được thử nghiệm một loạt năm rồi, và nhược điểm duy nhất của nó chỉ có thể là việc cơ chế ấy tương đối chóng mòn và không thể chịu được một số lượng lần bắn như sức chịu của phần khóa nòng cố định của súng nạp đạn từ miệng súng. Nhưng đó là nhược điểm không tránh khỏi đối với tất cả mọi cơ chế nạp đạn từ phần khóa nòng, và sự cần thiết phải thay - hơi thường xuyên hơn so với ở súng kiểu cũ - một số chi tiết của phần khóa nòng tuyệt nhiên không thể hạ thấp những ưu điểm to lớn của vũ khí này.

Vỏ đạn chứa đầu đạn, thuốc súng, cũng như thuốc nổ và được đặt dưới dạng *đóng kín* vào cái ngăn đạn rộng hơn nòng có rãnh xoắn một ít. Khóa nòng được đóng lại bằng động tác tay đơn giản, cùng lúc đó vũ khí đã sẵn sàng nhả đạn. Song từ bên ngoài không có chiếc cò nào cả. Đằng sau thuốc súng nạp vào, trong một hình trụ rỗng bằng sắt có một chiếc kim thép chắc, đầu nhọn được phát động bằng một lò xo xoắn ốc. Để đặt súng vào tư thế sẵn sàng nhả đạn, chỉ cần kéo lò xo này ra phía sau, nén nó lại và giữ chặt nó ở vị trí ấy; khi kéo cò về phía sau thì nó thả lò xo ra, lò xo lập tức đẩy kim lên; kim chọc thủng vỏ đạn, trong nháy mắt làm chất nổ bốc lửa, đốt cháy thuốc súng. Như vậy, việc nạp đạn và bắn súng này gồm vắn vắn năm động tác: mở khóa nòng, bỏ viên đạn vào, đóng khóa nòng, ngắm và bắn. Không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy loại súng này mỗi phút có thể bắn năm phát chuẩn xác.

Viên đạn lúc đầu dùng để bắn súng kim hỏa có hình dạng rất không thích hợp, do đó đường bay của nó rất cao. Sau đó một thời gian, khiếm khuyết này đã được sửa chữa thành công. Viên đạn bây giờ dài hơn một ít và có hình quả sồi lấy từ đài hoa ra. Đường kính viên đạn nhỏ hơn chút ít so với đường kính trong của nòng súng; để làm cho viên đạn có độ dày cần thiết, đáy của nó

được đặt vào một vật hình chén, tức là một cái vành, bằng kim loại mềm; cái vật hình chén ấy cắm lên viên đạn, nằm trong nòng súng, đi theo rãnh và như vậy làm cho viên đạn chuyển động quay và đồng thời giảm đáng kể sự ma sát trong lòng nòng súng, làm cho khe hở hoàn toàn không còn nữa. Do vậy kết quả bắn súng tốt hơn đến mức, với thuốc nổ trước đây bắn ở cự li 600 bước (500 i-ác-đơ), nay bắn ở cự li 900 bước (750 i-ác-đơ); chắc chắn điều đó có nghĩa là đường đạn hạ thấp xuống khá nhiều.

Không có gì xa sự thật hơn là lời khẳng định rằng súng kim hỏa có kết cấu rất phức tạp. Những chi tiết làm thành cơ chế nạp đạn từ phần khóa nòng và khóa kim hỏa, chẳng những ít hơn mà còn chắc hơn khá nhiều so với những bộ phận tạo thành khóa va đập thông thường mà vẫn không ai coi là quá khó sử dụng trong điều kiện chiến tranh khắc nghiệt. Ngoài ra, để tháo rời khóa va đập thông thường thành từng bộ phận, cần phải có khá nhiều thời gian và những dụng cụ khác nhau, trong khi khóa kim hỏa có thể tháo ra và lắp vào cực kỳ nhanh và không phải dùng bất kỳ dụng cụ nào khác, ngoài mười ngón tay của người lính. Bộ phận duy nhất của khóa dễ bị gãy là bản thân kim hỏa. Nhưng mỗi người lính đều mang theo kim hỏa dự trữ mà anh ta có thể lắp vào khóa ngay lập tức, ngay cả lúc chiến đấu, không cần phải tháo nó ra thành từng bộ phận. Chúng tôi cũng biết rằng ông Đrây-dơ đã làm cho hiện tượng kim dễ bị gãy trở thành một hiện tượng rất hiếm nhờ việc cải tiến khóa khiến kim hỏa thụt về vị trí cũ của nó ngay sau khi thuốc súng bốc cháy.

Đường đạn của súng kim hỏa Phổ hiện đại gần giống như của súng trường En-phin; cỡ của nó lớn hơn cỡ súng En-phin chút ít. Không thể nghi ngờ rằng cùng với việc giảm cỡ súng xuống bằng cỡ súng trường của Áo, mà tốt hơn nữa, bằng cỡ súng trường của xạ thủ tinh nhuệ Thụy Sĩ, súng kim hỏa sánh được với bất kỳ súng nào trong số đó về tầm bay xa của viên đạn, về độ bắn trúng và độ thoải của đường đạn, trong khi đó những điểm ưu việt to

lớn khác của nó vẫn được duy trì. Cơ chế nạp đạn từ phần khóa nòng thậm chí có thể làm chắc hơn bấy giờ, còn trọng tâm của súng có thể được dịch chuyển gần hơn nữa về phía vai của người lính đang ngắm bắn.

Việc sử dụng trong quân đội loại vũ khí có độ bắn nhanh như vậy tự nhiên gây ra, đặc biệt là trong dân chúng thiên về thuyết lý như người Bắc Đức, nhiều điều phỏng đoán khác nhau xem vũ khí này sẽ đem lại những thay đổi nào trong chiến thuật. Người ta tranh cãi không ngớt về cái gọi là cuộc cách mạng trong chiến thuật mà người ta cho là súng kim hỏa sẽ gây ra. Ở Phổ, đa số quân nhân rất cuộc đã đi tới kết luận rằng không thể có cuộc tấn công nào vào một tiểu đoàn bắn hàng loạt đạn liên tục bằng súng kim hỏa và, do đó, lối lê hoàn toàn không cần nữa. Nếu ý nghĩa vô lý ấy thắng thế, thì súng kim hỏa sẽ mang lại cho người Phổ không ít thất bại thảm khốc. May thay, cuộc Chiến tranh I-ta-li-a đã chứng minh cho tất cả những ai có khả năng hiểu, rằng hỏa lực của súng trường hiện đại không phải là mối nguy đáng sợ đối với một tiểu đoàn tấn công dũng cảm, và hoàng tử Phri-đrich Các-lơ của Phổ đã lợi dụng trường hợp này để nhắc đồng nghiệp mình nhớ rằng việc phòng thủ thụ động ngay cả khi có trang bị tốt cũng luôn luôn dẫn tới thất bại chắc chắn. Ý kiến của giới quân sự đã thay đổi; họ lại bắt đầu hiểu rằng con người, chứ không phải súng mút, sẽ thắng trong trận đánh; còn nếu khẩu súng mới sẽ đem lại một sự thay đổi quan trọng nào đó trong chiến thuật, thì đó sẽ là việc quay trở lại áp dụng rộng rãi hơn nữa đội hình hàng ngang triển khai (ở nơi địa hình cho phép làm như vậy) và thậm chí quay trở lại lối tấn công bằng đội hình hàng ngang, là lối tấn công sau khi đảm bảo cho Phri-đrich Đại đế thắng trong đa số trận đánh, đã hầu như bị bỏ quên trong bộ binh Phổ.

VII

Sau khi điếm qua các loại kết cấu súng trường đang trang bị cho các quân đội châu Âu hiện nay, chúng tôi không thể kết thúc việc xem xét vấn đề của chúng ta nếu không nói đôi lời về loại súng trường, tuy không được trang bị cho một quân đội nào, song được nổi tiếng hoàn toàn xứng đáng do độ bắn chuẩn xác đáng kinh ngạc ở cự li xa. Tất nhiên, ý chúng tôi muốn nói súng trường Uýt-uốc.

Ngài Uýt-uốc, nếu chúng tôi không nhầm, cố gắng áp dụng hai nguyên lý mới, độc đáo vào kết cấu hỏa khí của mình, cụ thể là: lòng nòng súng hình lục giác và để viên đạn áp sát bằng lực cơ giới vào lòng nòng súng. Thay vì tiết diện tròn, lòng nòng súng có tiết diện hình lục giác trên suốt chiều dài và có rãnh hoặc vòng xoắn với độ dốc cao, điều này thấy rõ qua bề mặt của viên đạn lục lăng. Bản thân viên đạn làm bằng kim loại cứng, áp sát lòng nòng súng với độ chính xác tốt đỉnh và không dự tính thay đổi hình dạng dưới tác dụng sức ép của khí thuốc súng, vì sáu góc của viên đạn bắt nó đi theo vòng xoắn của rãnh với một sự chính xác đặc biệt. Để đề phòng khe hở và để bôi trơn lòng nòng súng, ở giữa thuốc súng và viên đạn có đặt một mẩu vải hoặc tấm lót bằng vải thấm mỡ; khi vải đi theo viên đạn theo hướng tới miệng súng thì mỡ được nhiệt tạo thành khi nổ đốt chảy ra.

Mặc dù những kết quả tốt đẹp không thể nghi ngờ mà ngài Uýt-uốc đạt được với khẩu súng trường của mình, chúng tôi vẫn coi nguyên lý này kém hoàn hảo hơn nguyên lý viên đạn giãn nở hoặc co lại, hoặc nguyên lý nạp đạn có đường kính lớn hơn đường kính lòng nòng súng từ phần khóa nòng. Nói cách khác, chúng

tôi nghĩ rằng súng trường dùng đạn giãn nở hoặc co lại hoặc súng được thiết kế theo kết cấu súng kim hỏa Phổ, sẽ trội hơn súng trường Uýt-uốc, nếu nghệ thuật chế tạo chúng đều cao, cỡ cũng nhỏ và tất cả những điều kiện khác đều được tuân thủ. Dù việc áp sát viên đạn bằng cơ giới của ngài Uýt-uốc chính xác thế nào đi nữa, nó cũng vẫn không thể áp sát với độ chính xác như viên đạn thay đổi hình dạng vào lúc nổ và sau khi nổ. Súng trường của ông dùng đạn cứng có những điểm mà nói chung cần phải hoàn toàn tránh trong các súng trường, cụ thể là khe hở và hệ quả của nó là khí thuốc súng xì ra; ngay cả mỡ đã bị đốt chảy cũng không thể trừ bỏ được khe hở này, đặc biệt là ở súng do dùng lâu ngày mà lòng nòng súng rộng ra dù chỉ là không đáng kể. Có một giới hạn rất chính xác đối với tất cả mọi sự áp sát cơ giới loại ấy - nói cách khác, sự áp sát phải trơn tru đến mức viên đạn dễ dàng và nhanh chóng tụt xuống đáy nòng ngay cả sau khi đã bắn hàng chục phát. Kết quả là đạn lục giác áp vào nòng súng nhưng không sát, và tuy chúng tôi không thể biết chính xác độ lớn của khe hở, nhưng việc viên đạn bọc giấy tụt xuống đáy nòng rất dễ, hoàn toàn không phải bôi trơn, bắt buộc phải giả định rằng khe hở bé hơn một ít (nếu nói chung nó bé hơn) so với ở đạn En-phin, ở súng này khe hở bằng 0,01 in-sơ. Ngài Uýt-uốc, khi phát minh súng trường của mình, có lẽ chủ yếu căn cứ vào hai nhiệm vụ: thứ nhất, xóa bỏ mọi khả năng tắc rãnh xoắn và, thứ hai, hoàn toàn thủ tiêu mọi sự ngẫu nhiên có thể trở ngại cho viên đạn hình trụ đi theo đường rãnh, - những sự ngẫu nhiên như vậy quả thật trở ngại cho sự giãn nở cũng như cho sự co lại của viên đạn, - bằng cách trước tiên làm cho hình dạng viên đạn khớp với hình dạng lòng nòng súng. Việc các rãnh xoắn bị tắc do những hạt chì tách khỏi viên đạn thì *tất cả* mọi súng trường dùng đạn chì mềm đều gặp phải; những điều ngẫu nhiên cản trở viên đạn đi đúng theo đường rãnh xoắn có thể xảy ra ở súng dùng đạn co lại lẫn súng dùng đạn giãn nở, nhưng không xảy ra ở súng nạp đạn từ phần khóa nòng kiểu Phổ. Song trong số những khó khăn

ấy không có khó khăn nào là đáng kể đến mức không thể khắc phục được và để tránh những khó khăn đó cần phải hy sinh nguyên lý cơ bản về kết cấu súng trường, là viên đạn phải đi theo rãnh xoắn, không để lại bất kỳ khe hở nào.

Nói như vậy, chúng tôi dựa vào một vị có uy tín cao, cụ thể là bản thân ngài Uýt-uốc. Chúng ta biết rằng ngài Uýt-uốc đã từ bỏ nguyên lý của mình về áp sát bằng cơ giới, chừng nào điều đó liên quan đến súng trường của ông và hiện nay đa số bắn súng của ông không phải bằng đạn lục lăng, mà bằng đạn chì hình trụ mềm. Đạn này rỗng ở đáy, giống như đạn En-phin, nhưng không có ống lót; nó rất dài (một loại nặng 480 gran, dài gấp ba đường kính của nó, một loại khác nặng 530 gran, dài gấp ba lần rưỡi bán kính của nó) và *được ép vào rãnh xoắn nhờ sức của khí thuốc súng tạo thành khi nổ*. Vậy, chúng ta thấy rằng nguyên lý về *sự áp sát bằng cơ giới* của viên đạn của ngài Uýt-uốc hoàn toàn bị nguyên lý *giãn nở* bỏ rơi, và súng trường Uýt-uốc đã trở thành một trong những biến thể của súng trường Mi-ni-ê, hoàn toàn y như súng trường En-phin hồi nào. Cái còn lại là lòng nòng súng hình lục giác; nhưng nó sẽ thích hợp với súng dùng đạn giãn nở đến mức độ nào?

Lòng nòng lục giác tất nhiên có sáu rãnh, mà như chúng ta đã thấy, đối với đạn giãn nở thì số rãnh với số chẵn đã được thừa nhận là kém thích hợp hơn số lẻ vì không nên để hai rãnh đối diện nhau hoàn toàn. Rãnh ở đa số súng dùng đạn giãn nở rất nông; ví dụ, ở súng trường En-phin chẳng hạn, rãnh hầu như không thấy rõ. Trong nòng hình lục giác, chênh lệch giữa đường kính vòng tròn trong (tiêu biểu cho bản thân lòng nòng súng) và đường kính vòng tròn ngoài (kể qua sáu góc) bằng gần hai phần mười ba vòng tròn trong hoặc nhỏ hơn một phần sáu vòng tròn trong chút ít; nói cách khác, chì phải nở ra khoảng một phần sáu đường kính của nó, trước khi nó có thể ăn vào các góc của rãnh nòng lục giác một cách thích đáng. Từ đó ắt phải toát lên rằng

nòng súng lục giác tuy được nghĩ ra cực kỳ sắc sảo để đảm bảo sự áp sát bằng cơ giới của viên đạn nhưng dường như không đáp ứng yêu cầu của súng dùng đạn giãn nở.

Nhưng, như kết quả của việc bắn thử hầu hết từng khẩu súng trường cho thấy, súng vẫn đáp ứng các yêu cầu của kết cấu này. Điều đó làm sao có thể xảy ra, nếu ngài Uýt-uốc đã từ bỏ thực chất nguyên lý của mình, giờ đây lại vận dụng một nguyên lý mà khẩu súng của ông không được làm cho thích ứng với nó?

Trước hết, sở dĩ như vậy là nhờ tài nghệ cao trong việc chế tạo súng trường. Như chúng ta biết, về độ chính xác của việc chế tạo những chi tiết rất nhỏ và thậm chí những chi tiết nhỏ li ti, ngài Uýt-uốc không có đối thủ cạnh tranh. Những dụng cụ kỹ thuật của ông, cũng như các khẩu súng của ông là những mẫu tuyệt vời về kết cấu của các chi tiết. Hãy nhìn đầu ruồi trên miệng súng trường của ông và so sánh nó với đầu ruồi những loại súng khác! Hoàn toàn không thể bì được, và đối với súng trường có tầm bắn 1 000 i-ác-đơ, đó là một ưu thế hết sức to lớn.

Thứ hai, và đây là điều chủ yếu: cỡ súng trường Uýt-uốc bằng 0,451 in-sơ ở phần nhỏ nhất của lòng nòng súng (cái mà chúng ta gọi là vòng tròn trong). Súng trường En-phin có cỡ 0,577 in-sơ; súng trường Thụy Sĩ của xạ thủ tinh nhuệ mà chúng tôi nhiều lần nhắc đến, coi đó là loại súng tạo nên đường đạn thoải nhất, có cỡ 0,413 in-sơ. Giờ đây các bạn hãy chú ý đến sự khác nhau của các hình dạng viên đạn. Đạn giãn nở của Uýt-uốc nặng 530 gran, dài hơn đạn En-phin có cùng trọng lượng gần ba phần tám in-sơ; trong khi đó đạn Uýt-uốc dài gấp ba lần rưỡi đường kính của nó, đạn En-phin dài chỉ suýt soát gấp đôi đường kính của nó. Rõ ràng là với trọng lượng như nhau và với lượng thuốc súng nạp vào như nhau sẽ dễ khắc phục sức cản của không khí hơn, nghĩa là viên đạn nhỏ hơn và dài hơn sẽ cho đường bay thoải hơn viên đạn ngắn hơn và thô hơn. Tiếp nữa, lượng thuốc súng nạp vào súng trường En-phin nặng 68 gran; súng trường Uýt-uốc dùng

lượng thuốc súng 60, 70 và 80 gran, nhưng những xạ thủ giỏi dùng súng trường này đã nói với chúng tôi rằng muốn bắt viên đạn nổ ra đầy đủ và đem lại kết quả bắn tốt ở cự li xa thì cần phải nạp 80 gran. Vậy lượng thuốc súng nạp cho súng trường Uýt-uốc nhiều hơn lượng thuốc súng nạp cho súng trường En-phin một phần sáu; và lượng thuốc súng này ắt phải phát huy tác dụng tốt hơn (ngay cả với trọng lượng như nhau) vì nó cháy trong một không gian hẹp hơn và tác động lên viên đạn trên một bề mặt bé hơn đáng kể.

Do đó, ở đây chúng ta có một ví dụ khác về tính ưu việt to lớn của cỡ nòng nhỏ dùng đạn dài, nhỏ, đầu nhọn. Bất kỳ bạn đọc nào của chúng tôi đã chăm chú theo dõi việc nghiên cứu những điểm ưu việt của các loại súng trường, ắt từ lâu đã đi đến kết luận rằng hình dạng viên đạn có ý nghĩa quan trọng hơn rất nhiều so với kết cấu của bản thân viên đạn hoặc của súng, và để người lính có viên đạn dễ mang, với hình dạng tốt hơn, thì *lòng nòng súng phải có cỡ nhỏ*. Chính đây là điều mà súng trường Uýt-uốc lại dạy chúng ta một lần nữa.

Qua đó chúng ta cũng có thể kết luận rằng với cỡ súng nhỏ, đầu nhọn dài và nặng của viên đạn có sức cản đủ để cho phép phần đuôi rỗng của nó nổ ra thích đáng không cần đến ống lót. Đạn Uýt-uốc chỉ có chỗ lõm nhỏ ở đáy chứ không có ống lót. Nó ắt giãn nổ ít ra là gấp ba những loại đạn giãn nổ khác; và với 80 gran thuốc súng (mà súng chịu được, không có sức giật đặc biệt lớn), nó ăn vào rãnh hoàn toàn đúng yêu cầu.

Chúng tôi rất ngờ việc súng trường Uýt-uốc lúc nào đó sẽ trở thành vũ khí chiến đấu; trái lại, chúng tôi nghĩ rằng nòng lục giác chẳng bao lâu sẽ hoàn toàn không được dùng nữa. Nếu qua thực tiễn lính tình nguyện thấy rõ tính năng xạ kích của súng trường Uýt-uốc hơn hẳn súng trường Uýt-uốc hiện nay mà đề nghị trang bị súng trường Uýt-uốc cho họ thì tất nhiên họ sẽ rơi vào cực đoan. Chúng tôi nghĩ rằng hoàn toàn không thể so sánh hai loại

vũ khí này. Súng trường Uýt-uốc là vật xa xỉ, vì việc chế tạo nó tốn kém ít ra là gấp đôi việc sản xuất súng trường En-phin. Dưới dạng như hiện nay, nó là thứ vũ khí quá dễ gãy không thể trao vào tay mỗi người lính; còn nếu bỏ đi cái đầu ruồi mỏng manh của nó chẳng hạn và thay bằng một đầu ruồi khác không đòi hỏi phải giữ gìn như vậy thì độ chuẩn xác của súng bắn cự li xa sẽ tăng lên đáng kể. Để trang bị súng trường Uýt-uốc cho quân đội lẫn cho lính tình nguyện, cần phải làm một trong hai việc: hoặc để nguyên cỡ súng hiện đang trang bị, nhưng lúc đó súng trường Uýt-uốc với cỡ nòng như của súng En-phin sẽ đem lại kết quả kém hơn rất nhiều so với súng trường Uýt-uốc hiện nay; hoặc giảm cỡ súng, chẳng hạn, xuống đến kích thước súng trường Uýt-uốc hiện nay - nhưng như vậy rất có khả năng là súng trường En-phin với cỡ nòng nhỏ hơn, nếu chế tạo nó tốn kém ngang với súng trường Uýt-uốc, sẽ đem lại kết quả y như vậy, nếu không phải là tốt hơn.

VIII

Để kết thúc, chúng tôi xin liệt kê vắn tắt những loại súng trường hiện nay đang dùng và những nguyên lý mà chúng ta có thể coi là đã được xác lập cho loại vũ khí này.

Có những loại súng trường sau đây:

1. Loại súng trường nạp đạn bằng cách nhồi vào nòng, ở đây viên đạn được dồn chặt vào, được bọc vào băng thấm mỡ, đóng vào từ miệng súng bằng cách dùng búa đập mạnh lên que thông nòng. Đó là cách thức cổ xưa nhất để ép viên đạn vào rãnh. Hiện nay hầu như không đâu sử dụng cách thức này làm vũ khí chiến đấu; ngoại lệ quan trọng nhất đáng chú ý là súng trường Thụy Sĩ kiểu mới của xạ thủ tinh nhuệ có cỡ rất nhỏ và đạn dài đầu nhọn, có đường đạn thoải nhất trong số tất cả những kiểu súng trường hiện có. Súng trường này dùng để trang bị cho riêng những đơn vị tinh nhuệ, chứ không phải cho toàn khối bộ binh, và đòi hỏi phải nạp đạn cẩn thận để bảo đảm kết quả tốt nhất, chính đây là điều làm cho nó khác tất cả những súng trường đã có.

2. Loại súng mà lúc nạp đạn người ta làm cho viên đạn đi thông suốt vào nòng đập vào một vật cản nào đó ở đáy phần khóa nòng (đầu mút của ngăn đạn được thu hẹp lại - súng trường Đen-vi-nơ - hoặc đập vào thanh sắt đặt ở giữa ngăn đạn - súng trường Tu-vơ-nen) để bằng cách đó dồn viên đạn vào rãnh. Cách thức này một thời được áp dụng khắp nơi, giờ đây ít nhiều bị những cách thức khác lấn át. Đồng thời, chúng tôi xin nhận xét rằng để áp dụng cách thức này, súng phải có cỡ khá lớn, vì nếu không thì ngăn đạn sẽ rất hẹp.

3. Loại súng làm giãn nở viên đạn thôn, rỗng phía đáy, ép sát thông suốt vào nòng. Khí thuốc súng tạo thành khí thuốc súng cháy đi vào phần rỗng, làm cho nó phồng lên, có thể nói, đến mức có thể dồn khá sát viên đạn vào lòng nòng súng và bắt nó đi theo rãnh. Hiện nay cách thức này được dùng khắp nơi, mặc dù vậy nó còn có thể cải tiến đáng kể, như những kết quả tốt đẹp mà ngài Uýt-uốc đạt được với khẩu súng trường của ông từ khi ông áp dụng nguyên lý giãn nở đã cho thấy cách đây không lâu.

4. Loại súng nén co viên đạn, với cách này đạt được kết quả như vậy bằng cách khắc lên viên đạn những khía sâu hình khuyên cho phép lực của khí thuốc súng - khi có sức cản của trọng lượng phần trước nặng của viên đạn - nén nó theo chiều dài và bằng cách đó đảm bảo tăng thích đáng đường kính của nó. Cách thức này tuy có lẽ ít đáng tin cậy so với cách thức dựa trên nguyên lý giãn nở, song đã đem lại những kết quả tốt đẹp với cỡ nòng nhỏ, như đã được chứng minh ở Thụy Sĩ và Áo. Nhưng, tuy vậy, viên đạn nén co lại nếu bắn bằng súng trường Thụy Sĩ nói trên của xạ thủ tinh nhuệ sẽ không đem lại những kết quả tốt như kết quả thu được khi bắn bằng đạn dồn sát vào bọc băng thấm mỡ cũng với súng ấy.

5. Loại súng nạp đạn từ phần khóa nòng tự nó có những điểm ưu việt so với tất cả những loại súng trường còn lại chính trong cách thức nạp đạn và bắn, đồng thời đem lại khả năng chắc chắn nhất là viên đạn sẽ đi một cách thích đáng theo đường rãnh, vì ngăn đạn và bản thân viên đạn được làm lớn hơn phần còn lại của lòng nòng súng một ít và, như vậy, viên đạn không thể đi tới miệng súng nếu không được ép vào rãnh. Có lẽ loại súng này sẽ dần dần lấn gạt tất cả những loại súng còn lại.

Chúng tôi không tính đến cách nén bằng cơ giới đối với viên đạn của ngài Uýt-uốc, vì cách thức này không còn được sử dụng nữa, ít ra trong chừng mực điều này liên quan đến vũ khí xạ kích cầm tay và, như vậy, chúng tôi chỉ đề cập đến những loại súng

đã nhắc tới ở trên. Nếu phân loại những kiểu súng khác nhau theo ưu điểm của chúng thì chúng tôi phải nói rằng súng kim hỏa nạp đạn từ phần khóa nòng tốt hơn cả; tiếp theo là loại đạn giãn nở, rồi đến loại đạn nén co lại. Hai loại đầu có thể coi là không còn dùng nữa, vì nếu nạp đạn bằng cách đẩy viên đạn vào như ở Thụy Sĩ, với cỡ nòng giống nhau mà đem lại kết quả mỹ mãn hơn việc nạp đạn nén co lại, chúng tôi vẫn hoàn toàn không có xu hướng gán những kết quả ấy cho *bản thân cách nạp đạn* mà không nghiên cứu kỹ nó trước, hơn nữa viên đạn bọc bằng thấm mỡ của súng trường Thụy Sĩ trang bị cho xạ thủ tinh nhuệ bị coi là không thích dụng cho toàn bộ khối bộ binh.

Đồng thời chúng ta cũng thấy rằng với việc dùng đạn thon thì bản thân kết cấu của súng hoặc của viên đạn chỉ có ý nghĩa thứ yếu xét trên góc độ đảm bảo tầm bay xa hơn, đường bay thoải và bắn chuẩn xác. Chừng nào viên đạn có hình cầu, thì hệ đường rãnh có ý nghĩa quan trọng hơn rất nhiều, vì lúc đó tất cả mọi viên đạn đều gặp sức cản của không khí hầu như với điều kiện như nhau, còn độ xoắn lớn hơn của đường rãnh, độ sâu lớn hơn hoặc số khía nhiều hơn, v.v. đã đóng vai trò tương đối quan trọng hơn rất nhiều so với bây giờ. Nhưng với việc dùng đạn thun thì xuất hiện một yếu tố mới. Viên đạn có thể dài hơn hoặc ngắn hơn, và lại phạm vi dao động khá rộng, và giờ đây toàn bộ vấn đề chung quy là hình dạng nào của viên đạn dễ chấp nhận nhất. Về lý thuyết thì thấy rõ rằng cùng một khối lượng chỉ được phóng ra với vận tốc ban đầu như nhau, nếu nó có hình dạng dài và mảnh thì sẽ giữ được vận tốc ấy tốt hơn là nếu nó ngắn và thô, tất nhiên với giả thiết có sự chuyển động quay theo hình xoắn ốc do lòng nòng súng truyền cho viên đạn, ngăn ngừa viên đạn khỏi quay đi quay lại một cách vô trật tự khi bay. Sức cản của không khí là lực làm chậm lại; sức cản ấy làm giảm dần vận tốc ban đầu do sức của khí thuốc súng truyền cho viên đạn và bằng cách đó nó dẫn đến chỗ làm tăng trọng lực, có thể nói, đến mức làm

cho viên đạn bay rất chậm. Vận tốc ban đầu phụ thuộc vào lượng thuốc súng nạp vào, và trong một chừng mực nào đó, phụ thuộc vào kết cấu của vũ khí; vì vậy chúng ta có thể coi lượng thuốc súng nạp vào và kết cấu của vũ khí là những đại lượng bất biến; trọng lực cũng bất biến và có một lượng xác định; như vậy, chỉ có hình dạng viên đạn là khả biến, cần phải làm cho nó thích nghi tốt hơn với chuyển động bay để viên đạn chịu sức cản của không khí ít nhất, mà muốn giảm sức cản của không khí thì, như chúng tôi đã nói, viên đạn dài và mảnh thích hợp hơn rất nhiều so với viên đạn ngắn và thô có cùng trọng lượng.

Cuối cùng, trọng lượng tối đa của viên đạn dùng cho vũ khí chiến đấu cũng là một đại lượng đã biết. Ngoài vũ khí và quân trang của mình ra, người lính phải mang theo mình ít nhất là sáu chục viên đạn. Như vậy, để chế tạo đạn chỉ có hình dạng tốt nhất với trọng lượng đã cho (530 gran chẳng hạn), cần phải tăng chiều dài và giảm đường kính của nó; nói cách khác, cỡ lòng nòng súng phải được giảm xuống. Đến một mức độ nhất định, điều đó có thể chấp nhận được đối với tất cả các loại súng, không trừ loại nào. Các bạn hãy nhìn viên đạn En-phin nặng 530 gran và viên đạn Uýt-uốc cùng trọng lượng như vậy; chỉ liếc qua là đủ để hiểu vì sao đạn Uýt-uốc có đường bay thoải hơn rất nhiều (nghĩa là duy trì vận tốc ban đầu tốt hơn rất nhiều) và vì thế dễ trúng đích ở cự li một nghìn i-ác-đơ, còn đối với đạn En-phin thì không thể hy vọng rơi trúng đích ở cự li như vậy. Mà cả hai loại đạn đó đều thuộc loại đạn giãn nở, và lại kết cấu của đạn Uýt-uốc không phải là mẫu tốt nhất trong số tất cả những loại đạn giãn nở. Hoặc các bạn hãy nhìn súng trường xạ kích Thụy Sĩ có cỡ nòng còn nhỏ hơn cỡ nòng súng Uýt-uốc, súng Thụy Sĩ đem lại kết quả còn tốt hơn và có đường đạn còn thoải hơn, mặc dù đạn bọc bằng thấm mỡ đóng vào súng bằng que thông nòng hoặc là đạn đi qua nòng hoàn toàn thông suốt và bị sức khí thuốc súng ép co lại. Hoặc các bạn hãy quan sát súng kim hỏa Phổ; nhờ giảm đường kính và

tăng chiều dài viên đạn và đưa nó vào lòng nòng súng rộng nhờ một cái vành hoặc một cái nút, với cũng cái thước ngắm trước kia dùng để bắn ở cự li 600 i-ác-đơ, giờ đây có thể bắn ở cự li 900 i-ác-đơ. Như vậy, chúng ta có thể vững tin coi sự thực sau đây là đã được khẳng định: nói chung hiệu quả hỏa lực của súng trường, dù chúng được thiết kế theo kết cấu nào đi nữa, đều tỷ lệ nghịch với đường kính lòng nòng súng. Cỡ nòng càng nhỏ thì khẩu súng trường càng tốt, và ngược lại.

Với những ý kiến nhận xét ấy chúng tôi xin kết thúc đề tài mà, có thể, nhiều bạn đọc của chúng tôi cảm thấy khá khô khan. Thế nhưng đề tài này rất quan trọng. Không một người lính có ý thức nào lại có thể không hiểu vũ khí của họ được chế tạo theo những nguyên lý nào và nó phải hoạt động ra sao. Tất cả những điều chúng tôi thử trình bày ở đây, thiết nghĩ hạ sĩ quan của đa số quân đội trên lục địa đều biết; và tất nhiên, đại đa số lính tình nguyện đại biểu cho "lý trí của đất nước" cũng phải nắm vững hỏa khí của mình.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối tháng Mười 1860 -
nửa đầu tháng Giêng 1861*

*Đã đăng trên tạp chí "The Volunteer Journal,
for Lancashire and Cheshire" các số 9, 11, 14,
15, 17, 19 và 20; ngày 3 và 17 tháng Mười một,
8, 15 và 29 tháng Chạp 1860 và ngày 5, 12 và 19
tháng Giêng 1861 và trên văn tập "Essays
Addressed to Volunteers". Luân Đôn, 1861*

*In theo bản in trong văn
tập, có đối chiếu với bản
đăng trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

SỰ CĂNG THẲNG TRÊN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Luân Đôn, ngày 10 tháng Mười một 1860

Thế là bắt đầu xảy ra sự việc mà người ta đã dự đoán từ lâu - nạn thất thoát vàng thỏi và do đó làm tăng tỷ suất chiết khấu. Hôm qua Ngân hàng Anh đã nâng tỷ suất chiết khấu từ 4% lên 4 1/2%. Vào tháng này năm 1859, tỷ suất chiết khấu của ngân hàng không quá 3%, mặc dù vào thời điểm đó người ta đã gửi sang phương Đông một số lượng bạc khổng lồ trị giá 13 234 305 pao xtéc-linh. Mục đích rõ nét của ngân hàng là ngăn cản nạn chảy máu vàng từ những hầm chứa của mình; tính đến ngày 26 tháng Chín, lượng vàng dự trữ được xác định là 16 255 951 p.xt.; nhưng hiện nay lượng vàng dự trữ chỉ còn 13 987 085 p.xt.; nếu không kể 43 000 p.xt. được thu hồi ở ngân hàng vào ngày hôm qua. Bắt đầu từ ngày 26 tháng Chín, nạn chảy máu vàng không ngừng tăng lên cho đến tận tuần này là gần 300 000 pao xtéc-linh. Việc nhập khẩu một số lượng đáng kể lúa mì, tất nhiên, sớm hay muộn cũng phải dẫn đến việc xuất khẩu các kim loại quý, nhưng vì chưa đến hạn trả tiền lúa mì theo kỳ phiếu, cho nên không thể lấy điều đó để giải thích nạn chảy máu vàng hiện nay, và ngoài ra, nạn chảy máu vàng xảy ra vào đúng cái thời điểm mà tỷ suất chiết khấu ở Luân Đôn cao hơn ở Pa-ri, Am-xtéc-đam, Bruy-xen và Hăm-buốc,

và trong khi đó, việc xuất khẩu vàng, giống như nghiệp vụ chứng khoán, không hề đem lại lợi nhuận gì hết.

Vậy trong trường hợp như thế, vàng chạy đi đâu? Vào các kho chứa của Ngân hàng Pháp. Tỷ suất chiết khấu của Ngân hàng Pháp hiện giờ chỉ có 3%, mặc dù từ cuối tháng Tám ngân hàng đó đã bị thiệt gần 4 000 000 p.xt., trong khi đó các nghiệp vụ chiết khấu của ngân hàng ấy trong tháng Tám và Chín đã tăng gần 3 000 000 pao xtéc-linh. Bất kỳ một nhà băng bình thường nào trong điều kiện như vậy đều phải nâng tỷ suất chiết khấu, nhưng Lu-i Bô-na-pác-tơ, do sợ gây ra sự hỗn loạn *rõ rệt* trên thị trường tiền tệ, đã ra lệnh cho ngân hàng phải mua vàng, mặc dù chịu lỗ, và trong tương lai vẫn bắt nó phải tiếp tục cái nghiệp vụ chắc chắn là không có lợi đó xét về mặt buôn bán. Mặt khác, Ngân hàng Anh đã chỉ ra rằng nó không thể ngăn được nạn chảy máu vàng đang diễn ra hiện nay bằng cách nâng lãi suất. Ví dụ, hôm qua hoàn toàn không thu được vàng thỏi ở phòng phát hành của ngân hàng, tuy nhiên, người ta đã thu được một số lượng khá lớn tiền vàng ở Vụ ngân hàng. Một trong những hậu quả tất yếu của các đạo luật lừng danh về ngân hàng do ngài Rô-bóc Pin ban hành trong những năm 1844 và 1845¹²⁸ là: công chúng buôn bán không bao giờ biết được số lượng thực tế các kim loại quý được xuất đi, bởi vì Vụ ngân hàng không hề công bố một báo cáo nào về số lượng tiền vàng được rút ra từ các hòm của nó.

Việc nâng cao tỷ suất chiết khấu chính thức của Ngân hàng Anh, đặc biệt nếu như vẫn tiếp tục nâng nữa, tất nhiên sẽ bắt Ngân hàng Pháp phải hành động cũng theo phương hướng đó và như vậy sẽ ngăn cản Lu-i Bô-na-pác-tơ ra lệnh cho các giám đốc ngân hàng tiếp tục mua vàng như trước kia mà ngân hàng phải chịu lỗ để giữ cho sự hỗn loạn trên thị trường tiền tệ không trở

thành rõ rệt. Tuy nhiên, sự chảy máu vàng của nước Anh sẽ không được ngăn chặn bằng biện pháp bất đắc dĩ đó, vì trong một thời gian thỏa đáng sẽ phải đến thời hạn trả tiền về những kỳ phiếu lúa mì và buộc phải trả bằng tiền mặt.

*Do C.Mác viết ngày 10 tháng Mười một
1860*

*Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"
số 6111, ngày 24 tháng Mười một 1860*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

LÍNH CÔNG BINH TÌNH NGUYỆN, TẦM QUAN TRỌNG VÀ LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA NÓ

Gần đây quân tình nguyện đã có một số lượng đáng kể lính bộ binh và pháo binh, cũng như có một số ít đơn vị kỵ binh; cuối cùng, giờ đây người ta bắt đầu thành lập cả binh chủng cuối cùng của quân tình nguyện - đó là công binh. Hiện nay vấn đề lính công binh tình nguyện đang được thảo luận hết sức rộng rãi, và vấn đề đó hoàn toàn xứng đáng được chú ý như vậy. Quân số công binh của quân đội thường trực hiện giờ không đủ để hoàn thành khối lượng to lớn các nhiệm vụ được đặt trên vai họ ở chính quốc và ở các thuộc địa. Điều gì sẽ xảy ra với họ trong trường hợp có chiến tranh hoặc trong trường hợp đang bị đe dọa xâm lăng? Vô vàn công sự đang được xây dựng hiện nay là những doanh trại phòng ngự rộng lớn được xây dựng xung quanh các hải cảng, sẽ đòi hỏi một số lượng đáng kể sĩ quan và lính công binh cho các đồn trại của họ; trong thời gian chiến tranh, quân đội tác chiến được bổ sung lính tình nguyện, sẽ tăng số quân lên gấp đôi hoặc gấp ba so với số quân hiện nay và cũng sẽ cần được bổ sung thêm lính công binh để có khả năng tự do tác chiến chống lại kẻ thù. Nếu không tăng đáng kể số lượng công binh của quân chính quy, thì những nhiệm vụ của binh chủng đó sẽ được thực hiện

không mỹ mãn lắm, hoặc sẽ phải huy động lính tình nguyện đã được đào tạo từ trước.

Số lượng công binh cần được bổ sung trong thời gian chiến tranh cho các đội quân tác chiến rất cuộc cũng chẳng nhiều lắm; mỗi quân đoàn gồm hai sư đoàn (từ 16 đến 24 tiểu đoàn bộ binh với số lượng kỵ binh và pháo binh tương ứng) chỉ cần bổ sung ba hoặc bốn đại đội công binh là hoàn toàn đủ. Nếu như một quân đội trong thời gian chiến tranh có khoảng 40 000 lính chủ lực, 20 000 dân binh và 100 000 lính tình nguyện - tổng cộng là 160 000 người, tức 200 tiểu đoàn, được phiên chế thành từ 8 đến 10 quân đoàn, thì cần có gần 30 đại đội công binh. Giả sử công binh giao 10 đại đội cho quân chính quy, thì quân tình nguyện còn phải cung cấp 20 đại đội. Ấng chừng số lượng lính công binh tình nguyện như vậy sẽ đủ để giúp cho công binh của quân thường trực trong việc phòng thủ các công sự ở cảng; như vậy, với số lượng hiện có của bộ binh và pháo binh tình nguyện, thì dường như muốn phục vụ đủ cho họ phải có khoảng 40 đại đội công binh tình nguyện. Giả sử số lượng quân tình nguyện tăng với mức vào thời chiến họ có 100 000 người, không kể quân đồn trú, thì khi đó cứ 100 lính bộ binh bổ sung chỉ cần thêm một lính công binh là đủ, nghĩa là cứ mỗi quân đoàn có 20 000 người sẽ phải có 200 công binh (tức 3 đại đội).

Do vậy, hiện nay số lượng tối đa bộ đội công binh cần xây dựng là 40 đại đội, tức gần 3 000 người. Nhưng để biến họ thành lính công binh không chỉ theo tên gọi, mà là trên thực tế, thì phải cần nhiều công sức. Hiện nay chúng ta thấy rằng phần lớn thời gian của các pháo thủ tình nguyện được dành để tập luyện đội hình cỡ đại đội và cỡ tiểu đoàn với súng các-bin trong tay, mặc dù tất cả các buổi tập luyện đó chỉ nhằm mục đích điều binh và sẽ chẳng bao giờ đem lại cho họ ích lợi gì hết trong quân đội tác chiến cả trong lĩnh vực sử dụng pháo dã chiến, lẫn trong công sự. Và chúng tôi e rằng công binh cũng sẽ gặp tình huống y như vậy. Trước

tiên họ cần phải nhớ rằng mỗi giờ dành cho chế độ tập luyện khắc nghiệt ở đại đội vượt quá thời hạn cần thiết để đem lại cho họ tác phong quân nhân, huấn luyện cho họ nhanh chóng và sẵn sàng phục tùng mệnh lệnh, có được khả năng hành tiến hoàn toàn đúng trật tự - đối với họ đều là thời gian vô ích, họ phải được huấn luyện những cái hoàn toàn khác và khả năng chiến đấu của họ phụ thuộc vào việc đó, chứ không phải vào những cuộc diễu binh lập đi lập lại theo khúc quân hành. Họ - cả lính, lẫn sĩ quan công binh - cần làm quen với những nguyên lý của khoa mục xây dựng công sự dã chiến và công sự vững chắc; họ sẽ phải thực tập xây dựng các hầm hào và công sự, thực tập xây dựng và sửa chữa đường sá. Nếu có đủ phương tiện, thì họ sẽ phải xây dựng các cầu quân sự và thậm chí phải đào các hầm mìn. Chúng tôi sợ rằng một số lính vực đó của công binh có thể chỉ được nghiên cứu về mặt lý thuyết, bởi vì nước Anh có ít pháo đài và ít cả cầu phao, như vậy không thể giả thiết rằng mỗi người lính tình nguyện đều được đến Poóc-xmút hoặc Sa-tam để học khoa mục công sự hoặc tham gia bắc cầu phao. Nhưng có nhiều ngành kỹ thuật khác mà mỗi đại đội có thể thực tập được. Nếu như ở đây, ở Man-se-xtơ, lập được một đại đội công binh, thì chúng ta có thể cho những người lính công binh đó thấy nhiều đường làng tồi tệ giống như những con đường mà các chiến binh sẽ phải đi qua trong thời gian chiến tranh, và những nhân vật hữu quan chắc sẽ chỉ rất vui lòng cho phép công binh tha hồ thực tập trong việc xây dựng đường sá. Hơn nữa, họ chẳng khó khăn gì tìm được khu đất có thể dùng xây dựng một vài công sự dã chiến, đào hào và xây dựng các khẩu đội pháo; đặc biệt là do khu đất đó có thể tạo khả năng cho cả pháo binh tình nguyện lẫn bộ binh tình nguyện thực tập trong những lĩnh vực phục dịch mà nếu không thì họ không có khả năng học tập. Thậm chí họ có thể tìm thấy những nơi mà họ có thể được phép thỉnh thoảng lao một cây cầu nhỏ với những mố cầu bắc qua một trong những con sông có đôi bờ cao ở địa phương chúng ta, tạo điều kiện thuận lợi nhất để bắc những chiếc cầu

như thế ở những nơi đất ở đáy sông cứng. Những công việc đó, cũng như những công việc khác tương tự như vậy, phải là nội dung huấn luyện thực hành chủ yếu của lính công binh: việc huấn luyện đội hình ở đại đội cần phải nhanh chóng tiến hành ngay từ đầu, sau đó chỉ quay lại việc huấn luyện các động tác ấy khi các đơn vị đã quen biết hoàn toàn những nhiệm vụ thực sự của những người công binh; khi đó, trong mùa đông thứ hai, để huấn luyện các động tác đội hình một cách có lợi nhất, có thể sử dụng các buổi chiều tối. Nhưng nếu ngay từ đầu lính công binh đã đề ra mục tiêu cho mình là thi đua với lính bộ binh trong việc đi đều theo đội ngũ và trong việc chuyển đội hình tiểu đoàn đến mức lấn át cả việc học chuyên môn của mình, nếu các sĩ quan công binh chú ý đến việc thực hiện những nhiệm vụ của sĩ quan bộ binh nhiều hơn huấn luyện chuyên môn, thì khi đó các lính công binh tình nguyện có thể tin tưởng rằng trong lúc chiến tranh người ta sẽ sử dụng họ chủ yếu như lính bộ binh hơn là lính công binh.

Tìm ra những sĩ quan được huấn luyện tốt là điều không khó, nếu chỉ lựa chọn họ trong số những người thích hợp với hoạt động đó, - trong số các kỹ sư dân sự. Một vài tháng học lý thuyết và thỉnh thoảng đi đến Sa-tam, Poóc-xmút hoặc Ôn-đéc-sốt có thể rất nhanh chóng làm cho họ trở thành những người thành thạo trong phần lớn các ngành kỹ thuật quân sự, việc huấn luyện quân sự cho đại đội của mình cũng sẽ giúp ích họ trong việc này. Họ sẽ vừa học vừa dạy những người khác. Nghề nghiệp của bản thân sẽ bắt họ phải biết được tất cả những nguyên lý của kỹ thuật quân sự, và bởi vì họ *phải* là những người rất chóng hiểu và thông thạo, nên việc vận dụng những nguyên lý đó vào các vấn đề quân sự sẽ không khó khăn lắm đối với họ.

Chúng tôi đã đọc trên tờ "Army and Navy Gazette" một bài nói về một tổ chức kỹ thuật quân sự to lớn nào đó phải nắm toàn bộ các tuyến đường sắt của đất nước và trong trường hợp kẻ thù xâm lược, phải đem lại những kết quả to lớn. Kế hoạch đó được đưa

ra công chúng dưới hình thức hết sức mập mờ; hiện giờ chúng tôi chưa nhận thấy những ưu điểm to lớn mà người ta gán cho kế hoạch đó và nhanh chóng có ý định suy nghĩ rằng ở đây lẫn lộn hai điều hoàn toàn khác nhau. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, một việc hết sức quan trọng là phải nghiên cứu ý nghĩa chiến lược của từng tuyến đường sắt trong vương quốc, cũng như của toàn bộ mạng lưới đường sắt nói chung. Điều đó quan trọng đến mức mà chúng tôi sẽ coi là một khuyết điểm lớn, nếu điều đó chưa được thực hiện từ lâu, và nếu trong các phòng lưu trữ của Bộ tổng tham mưu cũng như trong các phòng lưu trữ của các tư lệnh quân khu khác nhau hiện giờ không có những văn bản chi tiết bao hàm kết quả của việc nghiên cứu đó. Nhưng đó là nhiệm vụ của Bộ tham mưu, chứ không phải của lính công binh. Còn về việc thành lập bộ đội công binh từ những người thợ máy, thợ đốt lò, thợ đặt đường ray và thợ đào đất trên từng tuyến đường sắt, thì chúng tôi chẳng thấy ở đây có lợi lộc gì to lớn. Có thể nói, những con người ấy có tổ chức quân sự và có kỷ luật chặt chẽ hơn so với bất kỳ một đơn vị lính tình nguyện nào ở trong nước. Cái điều mà, như người ta phỏng đoán, họ sẽ làm với tư cách là những công binh tình nguyện, họ có khả năng thực hiện được với mức độ y như vậy cả trong tình hình hiện nay của họ. Và bởi vì trong thời gian chiến tranh một điều càng cần hơn hiện nay là thợ cần ở lại những nơi mà hiện nay họ đang ở, nên việc dạy cho họ những ngành chuyên môn kỹ thuật quân sự sẽ hoàn toàn không có ích lợi gì.

Những nhận xét đó liên quan đến kế hoạch dưới hình thức mà nó được công bố; nếu trong tương lai kế hoạch đó có những chi tiết khác, thì tất nhiên, chúng tôi phải dành cho mình quyền được phát biểu ý kiến của mình. Thế nhưng chúng tôi sẽ tự cho phép mình được chỉ ra thêm một lợi thế mà việc trong nước có một đội ngũ đông đảo các kỹ sư đã được đào tạo đem lại. Ngoài sĩ quan - công binh và lính gỗ mìn - đa số quân đội đều có một số sĩ quan

là kỹ sư không được biên chế vào bất kỳ một đại đội nào và thực hiện những nhiệm vụ chuyên biệt. Tại sao lại không tạo cho các kỹ sư dân sự của Anh khả năng được huấn luyện để làm công việc đó? Trường cao đẳng kỹ thuật có thể trở thành một phương tiện để thực hiện mục tiêu đó. Một vài môn giảng về kỹ thuật quân sự và một lớp thực tập ngắn hạn cùng với một đại đội công binh có thể làm được tất cả những gì phải làm; một kỳ thi được giới hạn một cách chặt chẽ trong các khoa mục quân sự và chỉ ở những điểm hoàn toàn cần thiết trong trường hợp này - có thể trở thành một sự thử thách chủ yếu để tiếp nhận vào hàng ngũ sĩ quan những kỹ sư tình nguyện không có tên trong danh sách biên chế của các đơn vị; tất nhiên chính phủ phải có quyền gạt bỏ những người dự tuyển bị coi là không thích hợp. Những sĩ quan như vậy sẽ làm được nhiều việc, vì trong trường hợp đó tất cả mọi điều đều phụ thuộc vào kiến thức của người sĩ quan; và trong trường hợp cần thiết, nhờ có trong tay một số lính bộ binh hoặc pháo binh tình nguyện, họ có thể thực hiện được một cách mỹ mãn một vài công việc của công binh, hơn là những sĩ quan công binh của quân thường trực với một hai tiểu đội bộ binh chủ lực được giao cho họ để thực hiện những nhiệm vụ tương tự như thế.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối tháng Mười một 1860

Đã đăng trên tạp chí "The Volunteer Journal, for Lancashire and Cheshire" số 12 và 13, ngày 24 tháng Mười một và ngày 1 tháng Chạp 1860 và trong văn tập "Essays Addressed to Volunteers". Luân Đôn, 1861

In theo bản in trong văn tập, có đối chiếu với bản đăng trên tạp chí Nguyên văn là tiếng Anh

PH.ĂNG-GHEN

NƯỚC ÁO. - SỰ PHÁT TRIỂN
CỦA CÁCH MẠNG

Luân Đôn, ngày 24 tháng Chạp 1860

Cuộc cách mạng ở nước Áo phát triển một cách mãnh liệt. Cách đây vắn vện hai tháng, Phran-txơ-I-ô-xíp trong *văn bản* ký ngày 20 tháng Mười của mình¹²⁹ đã thừa nhận rằng đế quốc của ông ta đang nằm trong tình thế cách mạng, và để tìm được lối thoát cho tình hình đó, ông ta dự định mua chuộc Hung-ga-ri bằng một lời hứa là bản hiến pháp cổ của Hung-ga-ri dưới một hình thức nào đó đã bị cắt xén - sẽ được khôi phục. Mặc dù văn bản đó là một sự nhượng bộ đối với phong trào cách mạng, song xét theo chủ định thì văn bản đó là một trong những thủ đoạn khéo léo của chính sách phản bội đặc trưng cho nền ngoại giao của nước Áo. Người ta dự định mua chuộc nước Áo bằng những nhượng bộ có vẻ rất lớn, đặc biệt là so với những sự bố thí ít ỏi đối với các tỉnh Đức và các tỉnh Xla-vơ, cũng như so với cái thiết chế bất chúc nghị viện của đế quốc mà văn bản kể trên đã có ý định lập ra. Nhưng xem xét văn bản đó một cách kỹ lưỡng hơn thì thấy tính chất phản bội của văn bản ấy nổi rõ đủ để bản thân thủ đoạn tinh vi ấy trở thành một điều hết sức lộ bịch và một bằng cứ chứng minh rõ nét sự yếu ớt và bất lực của chính phủ trước phong trào cách mạng. Vấn đề không chỉ là Nghị viện Hung-ga-ri bị tước quyền biểu quyết về cấp phát ngân sách và quân số mà

việc này phải chuyển sang nghị viện trung ương và thậm chí một phần cho đích thân hoàng đế, - dường như chính phủ trong mười năm gần đây, mặc dù phải chịu hết sự xúc phạm này đến sự xúc phạm khác, nhưng vẫn đủ mạnh để nắm những quyền ấy, những quyền mà nó đã tước của những người thực sự giành được chúng. Sự nhỏ bé và mơ hồ của những quyền được trao cho những bộ phận khác của đế quốc và cho cơ quan đại diện trung ương, ngay lập tức chứng minh được sự lèo lá của toàn bộ mưu đồ đó khi đối chiếu những quyền đó với nhau. Khi đã công bố những bản hiến pháp cho các tỉnh Sti-ri-a, Kéc-nơ-then, Dan-xbuốc và Ti-rôn, đó là những bản hiến pháp dành tỷ lệ ghế lớn nhất trong các cơ quan đại diện cho giới quý tộc và giới tăng lữ, và giữ nguyên những sự phân biệt đẳng cấp trước kia, - khi nội các cũ vẫn còn nắm quyền, thì khi đó chẳng còn ai nghi ngờ tất cả những cái đó được dự định nhằm mục đích gì. Người ta làm yên lòng Hung-ga-ri, và sau đó biến Hung-ga-ri thành một công cụ để giúp cho nước Áo chuyển chế thoát khỏi tình thế khó khăn; còn số phận ở Hung-ga-ri sẽ ra sao sau khi nước Áo lại trở nên hùng cường - thì Hung-ga-ri thừa hiểu điều đó theo kinh nghiệm của mình. Bản thân việc thừa nhận một cách vô hạn và vô điều kiện tiếng Hung-ga-ri là ngôn ngữ chính thức duy nhất của Hung-ga-ri chắc chắn là chỉ kích động những người Xla-vơ gốc Hung-ga-ri, những người Ru-ma-ni và những người Đức chống lại dân tộc Ma-di-a mà thôi. Phái bảo thủ cũ của nước Hung-ga-ri (vulgo^{1*} những kẻ quý tộc) là những người đã ký bản hợp đồng đó với hoàng đế, vì vậy họ chẳng còn chỗ dựa nào nữa ở trong nước; họ quyết định đổi hai quyền cơ bản nhất của nghị viện để lấy điều đó. Trên thực tế cái văn bản của hoàng đế không hề đánh lừa được ai. Trong khi ở các tỉnh thuộc Đức, công luận xã hội ngay lập tức đã bắt buộc các hội đồng thị chính

1* - nói cách khác

cũ (do hoàng đế chỉ định sau cuộc cách mạng) phải mở cửa cho những con người mới - những người do dân bỏ phiếu bầu hiện nay, thì những người Hung-ga-ri lại bắt đầu khôi phục những quan lại cấp tỉnh và các hội đồng hàng tỉnh cũ¹³⁰ mà trước năm 1849 chúng đại diện cho quyền lực ở các địa phương trong nước. Bằng cách này hay cách khác thì một điểm lành vẫn là: đảng đối lập ngay lập tức nắm được các cơ quan quản lý địa phương và các cơ quan quản lý chung, chứ không chỉ giới hạn trong việc yêu cầu nhanh chóng thay nội các và đã không từ chối việc chiếm những vị trí quan trọng mà đảng đó có khả năng chiếm được trong một lĩnh vực hoạt động nhỏ hẹp hơn. Ở Hung-ga-ri những cơ quan quản lý cũ ở địa phương đã được cải tổ năm 1848 ngay lập tức đã chuyển toàn bộ chính quyền dân sự về tay nhân dân và đặt Chính phủ Viên vào tình thế phải lựa chọn một trong hai phương án: nhượng bộ hay lập tức dùng đến sức mạnh quân sự. Vì thế lẽ tự nhiên phong trào ở đây đã phát triển đặc biệt nhanh chóng. Khắp đất nước vang lên những lời yêu cầu phải khôi phục trọn vẹn bản hiến pháp với những điểm thay đổi được nêu ra năm 1848, và phải khôi phục tất cả các đạo luật mà lúc ấy nghị viện và nhà vua đã thỏa thuận. Ngoài ra, người ta còn yêu cầu phải thủ tiêu ngay chế độ độc quyền thuốc lá (được thi hành một cách phi pháp sau năm 1848) và tất cả các đạo luật khác được ban hành mà không có sự đồng ý của nghị viện. Việc thu thuế được tuyên bố công khai là một việc làm phi pháp chừng nào các loại thuế chưa được nghị viện biểu quyết thông qua; thậm chí cũng chưa nộp một phần ba số thuế phải nộp; người ta khuyến khích thanh niên bị gọi đi lính hãy chống quân dịch hoặc trốn quân dịch; người ta đập phá những huy hiệu đại bàng của đế chế, và tồi tệ nhất là trong thời kỳ quá độ đó, chính phủ đã bắt lực trong việc chống lại làn sóng mới dâng lên. Ở tất cả những nơi đã họp hội đồng hàng tỉnh thì các hội đồng đó đều nhất trí ủng hộ những yêu cầu đó; còn đại hội các tư vấn Hung-ga-ri họp ở Gran dưới

sự chủ tọa của tổng giám mục Hung-ga-ri nhằm đề đạt với chính phủ những nguyên tắc cơ bản của việc bầu cử nghị viện - hầu như không cần thảo luận gì hết đã nhất trí tuyên bố rằng đạo luật bầu cử dân chủ năm 1848 vẫn còn hiệu lực.

Điều đó đã vượt quá điều mà phái bảo thủ cũ mong đợi, khi họ chịu nhượng bộ hoàng đế. Họ hoàn toàn bị "débordés"^{1*}. Những làn sóng cách mạng đã đe dọa nhấn chìm họ. Bản thân chính phủ hiểu rằng cần phải làm một việc gì đó. Nhưng Nội các Viên có thể làm được gì?

Âm mưu mua chuộc nước Hung-ga-ri đứng trước nguy cơ phá sản hoàn toàn. Còn nếu hiện giờ nội các cố mua chuộc người Đức thì sao? Người Đức chưa bao giờ được hưởng những quyền như người Hung-ga-ri, và có lẽ, họ bằng lòng với những điều ít ỏi hơn. Để tồn tại, chính thể quân chủ Áo phải lần lượt xúc xiêm các dân tộc lệ thuộc Áo chống lẫn nhau. Người Xla-vơ chỉ có thể được sử dụng trong trường hợp bất đắc dĩ: họ quá gắn bó với nước Nga bởi sự tuyên truyền theo lập trường chủ nghĩa Đại Xla-vơ; có nghĩa là cần phải sử dụng người Đức. Bá tước Gô-lu-khốp-xki, một nhà quý tộc Ba Lan đáng ghét (một kẻ phản bội đã từ bỏ sự nghiệp của nước Ba Lan chạy sang phục vụ nước Áo) đã bị hy sinh, và người hùng Phôn Sméc-ling được chỉ định làm bộ trưởng nội vụ. Ông ta từng là bộ trưởng vào năm 1848 của Đế quốc Đức ngăn ngửi, và sau đó là bộ trưởng của nước Áo; ông ta đã rời cương vị đó khi bản hiến pháp năm 1849 bị thủ tiêu hoàn toàn. Ông ta nổi tiếng là người theo chủ nghĩa lập hiến. Nhưng ở đây lại thể hiện biết bao chân chữ, do dự trước khi ông ta được mời dứt khoát giữ cương vị này đến mức tất cả hiệu lực đều mất hết. Người ta hỏi

1* - "bị ngập, bị lụt"

rằng Sméc-linh có thể làm được gì, nếu tất cả các bộ trưởng khác đều vẫn giữ nguyên ghế của mình? Ngay trước khi ông ta được bổ nhiệm dứt khoát, tất cả mọi hy vọng đều đã tan như mây khói, và thay cho sự nhượng bộ chân thành, việc bổ nhiệm ông ta làm bộ trưởng nội vụ chỉ là một bằng cứ mới chứng minh thế yếu mà thôi. Nhưng trong khi ở những tỉnh của Đức phe đối lập bằng lòng với việc họ đã bảo đảm cho mình quyền lực ở địa phương và có thái độ không tin tưởng cũng như không hài lòng ra mặt đối với từng bước đi của chính phủ, thì phong trào ở Hung-ga-ri vẫn tiếp tục phát triển. Trước khi Sméc-linh được bổ nhiệm, phái bảo thủ cũ của Hung-ga-ri, đứng đầu là Xê-sen và Vai là những người được kêu gọi ra nắm chính quyền - đã thừa nhận là không thể duy trì địa vị của mình; và chính phủ của hoàng đế đã buộc phải hạ mình đến mức mời hai bộ trưởng Hung-ga-ri năm 1848 - hai người này trước mùa thu năm đó là đồng sự của Bát-ti-a-ni đã bị bắn, cũng như ông Cô-sút và của Xê-mê-rơ - mời Đê-ác và Ét-vê-sơ, tham gia chính phủ của một con người đã dè nát nước Hung-ga-ri nhờ sự trợ giúp của nước Nga. Hai người đó chưa được bổ nhiệm; bầu không khí do dự và chần chừ, cãi cọ vì những chuyện lật vật vẫn còn đậm đặc, nhưng nếu họ chấp nhận lời mời, thì cuối cùng chắc chắn họ sẽ được bổ nhiệm.

Như vậy, Phran-txơ-I-ô-xíp buộc phải thực hiện hết nhượng bộ này đến nhượng bộ khác, và nếu ông ta trong tháng Giêng triệu tập được hai nghị viện, một nghị viện ở Pét cho nước Hung-ga-ri và các tỉnh của nó, còn một nghị viện nữa ở Viên cho các tỉnh còn lại của đế quốc, thì sẽ đòi được hoàng đế có những nhượng bộ mới. Nhưng thay vì trấn an thần dân của mình, mỗi bước nhượng bộ mới sẽ ngày càng làm cho họ thêm phần nộ về sự dối trá lộ liễu trong nhân nhượng. Còn nếu nhắc thêm về quá khứ - những thủ đoạn của giới lưu vong Hung-ga-ri ăn lương của Lu-i - Na-pô-lê-ông cũng như việc không thể có một nước Áo tự do,

bởi vì chính sách đối ngoại của nước Áo luôn luôn mang tính chất phản động và vì thế chính sách đó sẽ lập tức trở thành nguồn gốc gây ra những cuộc xung đột giữa vương thất và nghị viện, hơn nữa Lu-i - Na-pô-lê-ông lợi dụng tình hình đó, - thì hoàn toàn chắc chắn là năm 1861 sẽ chứng kiến sự phân chia của Đế quốc Áo thành ra nhiều phần.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 24 tháng Chạp
1860*

*Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"
số 6152, ngày 12 tháng Giêng 1861*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

PHONG TRÀO Ở ĐỨC

Hóa ra, năm 1861 đã đem lại còn chưa đủ những cơn chấn động. Trước mắt chúng ta diễn ra cuộc nổi dậy của phái ly khai ở Mỹ, cuộc khởi nghĩa ở Trung Quốc¹³¹, cuộc tiến quân của nước Nga ở Đông Á và Trung Á; chúng ta sẽ đề cập tới vấn đề phương Đông và kết quả tất yếu của vấn đề đó - việc Pháp chiếm đóng Xi-ri và kênh đào Xuy-ê, chúng ta thấy sự phân rã của nước Áo, trong đó nước Hung-ga-ri đang đứng bên ngưỡng cửa một cuộc nổi dậy công khai, cuộc bao vây Ga-e-tơ và chúng ta biết được lời hứa của Ga-ri-ban-đi sẽ giải phóng Vơ-ni-dơ vào ngày 1 tháng Ba, và điều cuối cùng, nhưng không kém quan trọng là người ta đang mưu toan khôi phục thống chế Mác - Ma-hông trở lại ngai vàng của ông cha ông ta ở Ai-rơ-len¹³². Nhưng tất cả những sự việc đó vẫn chưa đủ. Ngoài ra, hiện giờ chúng tôi đang chờ chiến dịch Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ thứ tư.

Vua Đan Mạch^{1*} năm 1851 đã tự nhận một vài trách nhiệm trước nước Phổ và nước Áo về Slê-dơ-vích¹³³. Ông ta hứa rằng công quốc sẽ không sáp nhập với Đan Mạch, Hội đồng dân biểu của công quốc sẽ tồn tại độc lập với nghị viện của Đan Mạch, cả hai dân tộc, Đức và Đan Mạch, sẽ cùng có những quyền như nhau

ở Slê-dơ-vích. Ngoài ra, người ta còn đặc biệt bảo đảm quyền của Hội đồng dân biểu Hôn-stai-nơ. Với những điều kiện đó, quân đồng minh chiếm Hôn-stai-nơ đã được rút đi.

Chính phủ Đan Mạch đã ra sức lẩn tránh việc thực hiện những lời hứa của nó. Ở Slê-dơ-vích, nửa phía nam hoàn toàn nói tiếng Đức; ở nửa phía bắc thì tất cả các thành phố đều nói tiếng Đức, trong khi đó dân nông thôn nói thổ ngữ Đan Mạch lơ lơ; từ ngày xa xưa ngôn ngữ văn học ở khắp mọi nơi là tiếng Đức. Với sự đồng ý của dân chúng đã diễn ra quá trình Đức hóa kéo dài hàng trăm năm nay; vì vậy, trừ những người sống ở những vùng sát biên giới cực Bắc ra, thậm chí số nông dân nói thổ ngữ Đan Mạch (tuy nhiên thổ ngữ này khác ngôn ngữ văn học Đan Mạch đến mức những người dân Đức ở phía nam dễ dàng hiểu được) cũng hiểu ngôn ngữ văn học của vùng Thượng Đức tốt hơn, rõ hơn là hiểu ngôn ngữ văn học Đan Mạch. Sau năm 1851, chính phủ đã chia vùng này thành khu vực Đan Mạch, khu vực Đức và khu vực hỗn hợp. Trong khu vực Đức, ngôn ngữ chính thức duy nhất trong các công sở, toà án, nhà thờ và trường học là tiếng Đức, trong khu vực Đan Mạch - tiếng nói chính thức là tiếng Đan Mạch. Trong các khu vực hỗn hợp, hai ngôn ngữ được thừa nhận có quyền như nhau. Nhìn bề ngoài điều đó có vẻ khá công bằng, nhưng trên thực tế khi lập một khu vực Đan Mạch người ta ép dân chúng phải dùng ngôn ngữ văn học Đan Mạch, mặc dù đa số dân chúng ở đó thậm chí không hiểu thứ tiếng đó và chỉ mong muốn một điều là việc quản lý, tổ tụng, giáo dục, rửa tội và hôn lễ được tiến hành bằng tiếng Đức. Tuy nhiên, chính phủ đã tiến hành một cuộc thập tự chinh thực sự để thủ tiêu mọi dấu tích của tiếng Đức ở trong khu vực, thậm chí ngăn cấm không cho dạy và học tư trong các gia đình bằng bất kỳ một thứ tiếng nào, trừ

1* - Phrê-dê-rích VII

tiếng Đan Mạch; đồng thời chính phủ cố gắng gián tiếp làm cho tiếng Đan Mạch chiếm ưu thế ở những khu vực hỗn hợp. Vì những biện pháp đó cho nên ở đây nổi lên sự chống đối mãnh liệt, và người ta dự định đề bẹp sự chống đối đó bằng một loạt hành động bạo lực đề tiện. Ví dụ, trong một thị trấn nhỏ bé Ếc-kéc-phuê-đơ người ta đã lập tức phạt trên 4 000 đô-la về tội đưa đơn bất hợp pháp cho Hội đồng dân biểu; tất cả những người bị phạt, giống như các *tội nhân*, đều bị mất quyền bầu cử. Nhưng dân chúng và Hội đồng dân biểu đã và đang tiếp tục chống đối.

Ở Hôn-stai-nơ, Chính phủ Đan Mạch không bắt nổi Hội đồng dân biểu biểu quyết về bất kỳ một loại thuế nào, nếu chính phủ không chịu những nhượng bộ mang tính chất chính trị hoặc dân tộc. Chính phủ không muốn nhượng bộ, nhưng mặt khác, chính phủ cũng không muốn để mình bị mất những nguồn thu nhập của công quốc. Vì vậy, để tạo ra một cơ sở ít nhiều hợp pháp cho việc thu thuế của nhân dân trong công quốc, chính phủ đã triệu tập Hội đồng vương quốc - một thứ nghị viện không hề mang tính chất đại diện cho dân, nhưng lại có mục đích đại diện cho Đan Mạch, Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ và Lau-en-buốc. Mặc dù người dân Hôn-stai-nơ từ chối không tham gia hội đồng đó, nhưng hội đồng đó đã biểu quyết về các loại thuế cho toàn bộ vương quốc này, và trên cơ sở các nghị quyết của nghị viện đó chính phủ đã quy định các biểu thuế cho Hôn-stai-nơ. Như vậy, trong khi Hôn-stai-nơ phải trở thành một công quốc độc lập, riêng biệt, thì nó lại chẳng còn sự độc lập nào về chính trị và phải phụ thuộc vào một nghị viện mà chủ yếu gồm những người Đan Mạch.

Dựa vào những sự kiện trên, báo chí Đức trong 5-6 năm gần đây đã kêu gọi các chính phủ Đức thi hành những biện pháp cưỡng bức đối với Đan Mạch. Bản thân các sự kiện tất nhiên có sức thuyết phục. Nhưng báo chí Đức - báo chí được phép tồn tại trong

thời kỳ phản động sau năm 1849 - đã lợi dụng vấn đề Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ chỉ như là một phương tiện để giành lấy tiếng tăm mà thôi. Tất nhiên, rất dễ dàng khơi lên lòng căm phẫn cao thượng đối với dân Đan Mạch, nếu các chính phủ Đức cho phép làm điều ấy, đó là những chính phủ mà ở trong nước còn bạo tàn hơn nhen hơn nhiều so với nước Đan Mạch. Chiến tranh chống Đan Mạch đã trở thành một khẩu hiệu phổ biến sau khi cuộc Chiến tranh Crum bùng nổ. Yêu cầu phải đánh Đan Mạch lại vang lên một lần nữa sau khi Lu-i - Na-pô-lê-ông tiến vào những lãnh địa I-ta-li-a thuộc Áo. Cuối cùng, giờ đây họ hoàn toàn đạt được những ý nguyện của mình. Những trụ cột "của kỷ nguyên mới" ở nước Phổ¹³⁴ từ trước đến giờ thường lạnh lùng với những lời kêu gọi của báo chí theo phái tự do, thế mà trong trường hợp này cũng tuyên bố đồng ý hoàn toàn với báo chí đó. Vua mới của Phổ tuyên bố với cả thế giới rằng ngài phải dàn xếp cho được sự tranh chấp cũ đó; Quốc hội Phran-phuốc già nua đang sử dụng toàn bộ cái bộ máy kênh cang của mình để cứu lấy dân tộc Đức. Vậy sao, báo chí thuộc phái tự do thắng ư? Hoàn toàn không! Hiện nay, khi giờ quyết định đã đến, báo chí thuộc phái tự do đã vô tuột lời của mình và kêu tướng lên rằng: hãy cẩn thận! - nó quả quyết rằng nước Đức không có hạm đội để có thể chống lại hạm đội của một cường quốc trên biển - đặc biệt ở nước Phổ báo chí của phái tự do đã thể hiện tất cả những dấu hiệu của sự hèn nhát. Cái việc mà cách đây mấy tháng được coi là một nghĩa vụ ái quốc khẩn cấp, thì giờ đây bỗng nhiên được coi là âm mưu của nước Áo mà nước Phổ không nên dính vào.

Nhiệt tình bất ngờ của các chính phủ Đức đối với vấn đề Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ rất ít chân tình - điều đó, tất nhiên, không đáng nghi ngờ. Như tờ báo Đan Mạch "Dagbladet"¹³⁵ đã viết:

"Tất cả chúng ta đều biết rằng một trong những thủ thuật cũ kỹ của các chính

phủ Đức là lời vấn đề Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ ra mỗi khi họ cảm thấy cần lấy đôi chút lòng dân và là che giấu vô số tội lỗi của mình bằng cách khơi dậy óc cuồng tín chống Đan Mạch".

Rõ ràng tình hình ở Đắc-den là như vậy, giờ đây ở nước Phổ phần nào cũng y như thế. Nhưng việc bỗng nhiên đưa ra vấn đề đó ở nước Phổ đồng thời có nghĩa là một sự liên minh với nước Áo. Chính phủ Phổ đã nhìn thấy nước Áo đang phân rã từ bên trong như thế nào, trong khi cuộc chiến tranh với I-ta-li-a đang đe dọa nước Áo từ bên ngoài ra sao. Tất nhiên, thấy một nước Áo bị tiêu diệt là không phù hợp với ích lợi của Chính phủ Phổ. Đồng thời, cuộc chiến tại I-ta-li-a mà đối với nó Lu-i - Na-pô-lê-ông sẽ chẳng ngồi yên lâu để nhìn - lần này chắc gì đã kết thúc mà không động chạm đến lãnh thổ của Hiệp bang Đức, và trong trường hợp này nước Phổ sẽ phải can thiệp. Sau đó cuộc chiến tranh với Pháp trên sông Ranh chắc chắn sẽ kéo theo cuộc chiến tranh với Đan Mạch ở Ây-đơ, và bởi vì Chính phủ Phổ không thể để cho nước Áo bị đập tan, cho nên chờ đợi để làm gì khi nước Áo sẽ lại bị thất bại một lần nữa? Tại sao lại không can dự vào cuộc xung đột Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ và như vậy tại sao không làm cho cả miền Bắc quan tâm đến cuộc chiến mà miền Bắc Đức này sẽ không tham chiến để bảo vệ Vơ-ni-dơ? Nếu như mạch suy nghĩ của Chính phủ Phổ diễn ra như vậy, thì tiến trình đó hoàn toàn lô-gích, nhưng nó cũng lô-gích như vậy vào năm 1859, trước khi nước Áo bị suy yếu bởi những thất bại ở Mát-gien-ta và Xôn-phe-ri-nô, cũng như bởi sự chấn động trong nước. Vậy tại sao nước Phổ lúc đó không hành động một cách thích ứng?

Không thể khẳng định chắc chắn rằng cuộc đại chiến đó sẽ xảy ra vào mùa xuân tới. Nhưng nếu cuộc chiến tranh đó nổ ra, thì tuy chẳng bên nào đáng được thiện cảm cả, nhưng do vậy sẽ nhất

định xảy ra một cuộc cách mạng cho dù bên nào thất bại cũng vậy. Nếu Lu-i - Na-pô-lê-ông bị thất bại thì ngai vàng của ông ta chắc chắn sẽ sụp đổ; còn nếu vua Phổ và hoàng đế Áo bị thất bại, thì hai kẻ đó sẽ phải lùi bước trước cuộc cách mạng Đức.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối tháng Giêng
1861*

*Đã đăng làm xã luận trên tờ "New - York Daily
Tribune" số 6178, ngày 12 tháng Hai 1861*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG PHÁP¹³⁶

Theo số liệu của "Almanach de Gotha"¹³⁷, là nguồn tin đáng tin cậy nhất trong tất cả những nguồn tin có thể tìm thấy về vấn đề này, quân đội Pháp trong những năm 1860 - 1861 có số lượng biên chế thời chiến sau đây:

1. *Bộ binh: vệ binh quốc gia* - 12 tiểu đoàn phóng lựu, 16 tiểu đoàn khinh kỵ, 2 tiểu đoàn lính Du-a-vơ, 1 tiểu đoàn bộ binh - cả thảy là 31 tiểu đoàn. *Quân tiểu binh* - 103 trung đoàn, mỗi trung đoàn có 4 tiểu đoàn - cả thảy là 412 tiểu đoàn; 3 trung đoàn *lính Du-a-vơ*, hai trung đoàn *lính lê dương người nước ngoài*, 2 trung đoàn *người Tuyếc* (tức lính Du-a-vơ tại bản xứ), mỗi trung đoàn gồm 3 tiểu đoàn, cả thảy là 24 tiểu đoàn; *bộ binh* - 20 tiểu đoàn; *khinh binh* hoặc *khinh binh người Phi* là 3 tiểu đoàn; *pompieri* (lính cứu hoả) của thành phố Pa-ri là một tiểu đoàn.

Tổng số là 491 tiểu đoàn, tức trong thời chiến có 515 037 người.

2. *Kỵ binh: vệ binh quốc gia* - 6 trung đoàn, tức 37 đại đội kỵ binh;

lính tiêu binh - 58 trung đoàn, tức 358 đại đội kỵ binh - cả thảy là 395 đại đội kỵ binh có..... 100 221 người

3. *Pháo binh*: 22 trung đoàn, bao gồm 227 khẩu đội (trong đó 146 khẩu đội mang 6 khẩu pháo - 876 khẩu pháo - là pháo binh đã chiến) với tổng số..... 66 007 người

4. *Công binh*15 443 người

5. *Hậu cần*: quân y, quân nhu24 561 người

6. *Quân cảnh*24 172 người

7. Các ban tham mưu, thương binh, các trường quân sự17 324 người

Tổng cộng762 765 người

Đó là biên chế thời chiến. Biên chế thời bình như sau:

Bộ binh 255 248 người
 Kỵ binh 61 023 "
 Pháo binh..... 39 023 "
 Công binh 7 467 "
 Hậu cần..... 11 489 "
 Quân cảnh, thương binh 41 496 "

Tổng cộng..... 415 746 người

Tháng Giêng 1859, trước khi Chiến tranh I-ta-li-a nổ ra không lâu, tờ "Constitutionnel" đã công bố *tình hình* chính thức của quân đội Pháp, theo đó biên chế thời chiến là 568 000 người, còn biên chế thời bình là 433 000 người. Bằng cách nào để có thể trong vòng hai năm tăng thêm 200 000 người cho biên chế thời chiến, trong khi biên chế thời bình giảm thực sự?

Tổng số thanh niên hàng năm có thể được gọi vào phục vụ quân đội, cũng giống như trước kia, vào khoảng 160 000 người. Dưới thời Lu-i Phi-líp, trên thực tế chỉ gọi vào lính từ 40 000 đến 60 000 người, con số đó được coi là đủ để duy trì lực lượng vũ trang ở mức như cũ, mặc dù có những tổn thất ở An-giê-ri. Về sau người ta gọi vào lính 80 000 và thậm chí 100 000 người, hoặc hơn nữa. Một đế quốc mệnh danh là hoà bình¹³⁸ lại dùng một số lượng bia thịt nhiều gấp đôi so với mức cần thiết mà một nền quân chủ lập hiến hoặc một nước cộng hoà cần đến. Thời hạn phục vụ quân đội được quy định là 7 năm, nhưng thậm chí giả thiết rằng gần đây hàng năm gọi 100 000 người vào lính (con số đó vượt quá mức trung bình), như thế trong 7 năm chỉ có 700 000 người nhập ngũ. Và nếu loại trừ những tổn thất trong các cuộc hành quân và vì những nguyên nhân khác, thì chưa chắc còn 600 000 người. Vậy số 163 000 người còn lại lấy đâu ra?

Câu trả lời cho hai câu hỏi này chứa đựng trong những sắc lệnh gần đây của hoàng đế Pháp. Trước khi xảy ra cuộc chiến

tranh ở I-ta-li-a, các trung đoàn được thành lập từ trước đều có ba tiểu đoàn (mỗi tiểu đoàn gồm tám đại đội), đến nay các trung đoàn đó có bốn tiểu đoàn (mỗi tiểu đoàn gồm sáu đại đội). Như vậy, đơn thuần chia lại 24 đại đội trong một trung đoàn thì được bốn tiểu đoàn thay cho ba tiểu đoàn. Quân số của một tiểu đoàn lên đến mức tối đa của mình. Nếu một tiểu đoàn có trên 1000 người, thì tiểu đoàn đó trở thành quá đông mà một người dùng tiếng hô khó có thể điều khiển nổi, và trở thành quá cồng kềnh, khó có thể điều quân một cách nhanh chóng. Còn quân số của một đại đội cũng có thể bị thay đổi nhiều hơn đáng kể: mỗi đại đội sẽ có 100 hoặc 250 người - điều đó phụ thuộc vào việc lựa chọn, chứ không phải phụ thuộc vào sự cần thiết. Bằng cách kể trên, việc thành lập bốn tiểu đoàn với cùng một số lượng sĩ quan và hạ sĩ quan như trước đã tạo ra khả năng nếu tìm được người thì có thể tăng quân số của một trung đoàn từ 3 000 lên đến 4 000 người. Trong thời chiến, mỗi trung đoàn có ba tiểu đoàn chiến đấu, còn tiểu đoàn thứ tư là tiểu đoàn dự bị. Như vậy, trong các tiểu đoàn thứ tư đó của 100 trung đoàn tiêu binh đã tìm thấy cách thức để ghi thêm quân số khoảng 100 000 người so với việc có thể phục vụ với thành phần sĩ quan như cũ. Sau chiến tranh, các tiểu đoàn thứ tư đã bị giải tán, nhưng cách đây không lâu lại được phục hồi. Đã thành lập thêm ba trung đoàn bộ binh (trung đoàn 101, trung đoàn 102 và 103) điều này tạo ra khả năng biên chế thêm cho quân đội 17 000 người. Những đơn vị mới thành lập đó bao gồm 112 000 người, còn con số 51 000 người không thấy tính đến - có thể là con số mà do những tổn thất trước kia, trong tháng Giêng 1859 quân đội đã giảm bớt đi so với biên chế đầy đủ của nó trong thời chiến. Điều đó chỉ ra rằng hiện nay chỉ riêng trong bộ binh Pháp có một lượng cán bộ khung đủ để tổ chức một số lượng người rất lớn mà chúng tôi đã đề cập ở trên, không cần phải biên chế những đơn vị mới. Nhưng lấy người ở đâu để bổ sung cho số cán bộ khung đó?

Trong bảy năm gần đây, trong các đợt tuyển quân thường kỳ vẫn còn từ 550 000 đến 600 000 người chưa được gọi nhập ngũ. Số lượng người thực tế hàng năm phải gọi nhập ngũ khoảng gần 160 000 người. Số quân tuyển hàng năm trong trường hợp xấu nhất chỉ ít hơn 50 000 người so với con số đó, còn trong trường hợp cần thiết thì có nhiều thanh niên trong suốt sáu năm qua được miễn gọi nhập ngũ do họ chia ra những thẻ ưu đãi trong tuyển quân. Số lượng những người này ít nhất cũng đạt tới 300 000 người, nhưng vì những người này trong suốt một thời gian dài đã quen tự cho mình được vĩnh viễn miễn quân dịch, nên một số người này đã lấy vợ, một số người khác tản mát khắp đất nước, do đó rất khó tìm thấy họ, việc gọi nhập ngũ sẽ không được dân chúng tán thành và khó lòng thực hiện nổi.

Vậy Lu-i - Na-pô-lê-ông lấy người đâu để bù lại số quân thiếu đó? Bằng cách áp dụng hệ thống dự bị của nước Phổ đã được cải biến. Trong số 160 000 người có thể gọi nhập ngũ hàng năm, một phần - theo chúng tôi là một nửa - được đem bổ sung cho những chỗ trống trong quân đội thường trực. Số còn lại được kê vào danh sách dự trữ, phiên chế thành các đơn vị, trong năm đầu được huấn luyện hai tháng, trong năm thứ hai và năm thứ ba mỗi năm huấn luyện một tháng. Họ vẫn thuộc diện phải làm quân dịch và có thể được gọi vào quân đội trong vòng bảy năm giống như những người đang phục vụ trong bộ đội tiêu binh. Hơn nữa, chúng ta có cơ sở để cho rằng nếu các bác sĩ quân y không nghiêm túc tuyệt đối khi khám tuyển - và trong thời chiến họ trở nên hết sức độ lượng - thì con số 160 000 người có khả năng phục vụ quân đội hàng năm, trong điều kiện tương đối căng sẽ có thể đạt tới 200 000 người; nhưng hiện giờ chúng ta tạm gác vấn đề đó sang một bên. Giả sử số quân lấy hàng năm là 160 000 người, thì trong vòng bảy năm số quân sẽ có là 1 112 000 người, trừ số tròn bị tổn thất ra chúng ta có *một triệu lính*. Như vậy, chúng ta thấy rằng nhờ có hệ thống dự trữ mới được áp dụng gần đây, số quân của

Lu-i - Na-pô-lê-ông chỉ vài năm nữa sẽ vượt quá quân số mà những đơn vị hiện có sẵn sàng tiếp nhận. Tuy nhiên, tình hình đó cũng đã được dự tính trước. Trong tương lai *tất cả* bốn tiểu đoàn của một trung đoàn đều phải trở thành những tiểu đoàn chiến đấu; hiện giờ đang thành lập tiểu đoàn thứ năm dưới tên gọi là tiểu đoàn huấn luyện với cái cố huấn luyện lính dự nhiệm. Cách tổ chức mới đó bảo đảm khả năng phiên chế thêm được 103 000 người, tăng số người có thể sử dụng tốt trong các đơn vị hiện có hoặc trong các đơn vị mới thành lập với số cán bộ khung lên đến 863 000 chiến sĩ.

Chưa thỏa mãn với điều đó, Chính phủ Pháp dự định thành lập thêm một trung đoàn vệ binh và 17 trung đoàn bộ binh. Mười tám trung đoàn này sẽ bao gồm 90 tiểu đoàn mới, tức là 90 000 người.

Như vậy, căn cứ vào những điều ngay cả hiện nay đã biết, chúng ta tin chắc rằng đến cuối năm nay quân đội Pháp sẽ được tổ chức làm sao để tổng các tiểu đoàn, đại đội kỵ binh và khẩu đội bao gồm ít nhất là 953 000 người. Còn về số người sẽ được bổ sung cho các đơn vị đó, thì chúng tôi thấy rằng ngay cả trong năm nay cũng có thể tìm được gần 700 000 người không cần phải gọi thêm số người được miễn trong những năm trước. Nhưng một khi áp dụng chế độ nghĩa vụ quân sự phổ cập đối với việc phục vụ hoặc trong các đơn vị trực tiếp tác chiến hoặc trong quân dự nhiệm, thì sẽ khá dễ dàng vận dụng nguyên tắc đó đối với những người được miễn nghĩa vụ quân sự trong sáu năm qua (trong thời gian trị vì, Na-pô-lê-ông đã thực hiện việc này nhiều lần). Và lúc đó rõ ràng là ngay lập tức tất cả 953 000 người sẽ nhanh chóng được tuyển đủ.

Thế là, chúng ta thấy rằng cái con người không hề chủ tâm tạo ra phong trào lính tình nguyện - đã chịu trách nhiệm trước phong trào đó bằng một việc là nhẹ nhàng không ồn ào tổ chức

ra một đạo quân hàng triệu người và đồng thời xây dựng 20 chiến thuyền bọc thép - có thể, nhằm mục đích hộ tống cho một bộ phận của đạo quân đó vượt biển La-Măng-sơ.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối tháng Giêng
1861*

*Đã đăng trên tạp chí "The Volunteer Journal,
for Lancashire and Cheshire" số 22,
ngày 2 tháng Hai 1861*

*In theo bản đăng trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

THỐNG CHẾ BUY-GIÔ NÓI VỀ YẾU TỐ TINH THẦN TRONG CHIẾN ĐẤU

Những dòng dưới đây được dịch từ bản huấn thị do thống chế Buy-giô - lúc đó là chỉ huy trưởng trung đoàn 56 của Pháp¹³⁹ - viết cho các sĩ quan của mình. Tính tất cả thì đó là một đoạn văn hay nhất trong toàn bộ những gì mà thống chế Buy-giô đã viết ra thời đó. Trong bản huấn thị này, với sức mạnh vô song trong sách báo quân sự của bất kỳ nước nào, với tính kiên quyết và sự rõ ràng mà chỉ có kinh nghiệm lâu dài về quân sự mới có thể đem lại - đã nêu ra những nguyên tắc chiến đấu của bộ binh. Người Pháp ngay cả bây giờ vẫn nghiêm chỉnh tuân thủ những nguyên tắc đó; từ trước đến giờ những nguyên tắc đó đã làm cho người Pháp chiến thắng những quân đội do những thói quen lâu dài với thời bình, có lẽ chỉ trông mong vào chiến thuật tài tình nhiều hơn là trông mong vào việc nâng cao tinh thần chiến đấu của binh sĩ. Những nguyên tắc đó không phải mới mẻ và hoàn toàn không phải đặc Pháp; nhưng trong bản huấn thị này các nguyên tắc đó được phân nhóm rất hay và được trình bày một cách rõ ràng, súc tích. Những nguyên tắc đó hoàn toàn không thay thế cho nghệ thuật chiến thuật, nhưng chúng là một sự bổ sung hết sức cần thiết cho nghệ thuật đó; ngoài ra, đa số những nguyên tắc đó hiển nhiên - và để hiểu chúng, không cần phải có nhiều kiến thức quân

sự - đến mức những nguyên tắc đó hoàn toàn vừa tầm với trình độ của phần lớn lính tình nguyện.

Thưa các ông! Nghệ thuật chiến đấu của một đơn vị quân đội có ảnh hưởng hết sức to lớn đến kết cục của chiến sự; nhờ tài nghệ đó mà những sự dàn quân trong chiến trận thường đem lại chiến thắng, còn nếu bố trí quân kém thì khó ngăn ngừa được những hậu quả xấu nhất. Giữa các đội quân có tinh thần chiến đấu cao, được quản lý tốt, được giáo dục theo những nguyên tắc chiến đấu đúng đắn với các đội quân được tổ chức và huấn luyện như đa số quân đội các nước châu Âu, có một sự khác biệt giống như sự khác biệt giữa người lớn và trẻ con. Tôi tin sự đúng đắn của nhận định đó trên cơ sở kinh nghiệm của 20 trận đánh. Tôi hy vọng rằng các ông cũng sẽ tin điều đó và bằng tất cả mọi phương tiện sẵn có của các ông, các ông sẽ giúp tôi nâng cao tinh thần binh sĩ và nâng cao trình độ huấn luyện chiến đấu cho trung đoàn 56 đạt đến cái mức cao để không một đội vệ binh hoàng đế hoặc quốc vương nào trên thế giới có thể chống lại được chúng ta năm phút trong điều kiện địa hình thuận lợi như nhau cho cả đôi bên.

Thưa các ông, phần lớn các ông đã thấy những trận đánh của bộ binh mà đó chỉ là sự bắn nhau một cách rụt rè của quân đội hai bên đứng song song với nhau trên khoảng cách rất xa.

Trong khi chờ chiến thắng, xem ra cả đôi bên đều hy vọng vào vận may, hoặc hy vọng vào những viên đạn của mình gây ra sự sợ hãi cho đối phương. Họ bắn vung vãi hàng triệu viên đạn, nhưng kết quả duy nhất chỉ là số lượng tử thương của bên này hay của bên kia, chừng nào một tình huống nào đó, phần lớn không phụ thuộc vào các đội quân tham gia trận chiến, chưa bắt bên này hoặc bên kia chiến tuyến phải rút lui. Những đội quân chỉ phung phí đạn được bằng cách đó và hàng ngũ của họ bị thiệt hại một cách nhanh chóng - rất ít muốn thực thi những nỗ lực mới, và những lực lượng mới còn sung sức, tác chiến căn cứ vào những nguyên tắc đúng đắn hơn sẽ dễ dàng làm cho họ phải bỏ chạy.

Bộ binh được huấn luyện tốt phải chiến đấu theo cách khác. Hiện nay chúng tôi đang dự định xây dựng những nguyên tắc ấy sẽ tạo cho chúng ta những ưu thế to lớn so với bộ binh của tất cả các nước châu Âu.

Những nguyên tắc đó, thưa các ông, hoàn toàn không phải là thành quả của những suy nghĩ trong bốn bức tường; chúng được tôi tiếp thu trên cơ sở kinh nghiệm từ đầu cuộc chiến tranh Tây Ban Nha năm 1808, và chúng luôn luôn đem lại cho tôi những

thắng lợi trong cuộc chiến đấu với quân Tây Ban Nha, quân Anh¹⁾ và quân Áo. Tôi hy vọng các ông cũng sẽ tiếp thu các nguyên tắc đó để lãnh đạo; bởi vì chúng phù hợp với những gì mà bản thân các ông ắt đã thấy trong các trận chiến đấu mà các ông đã tham gia; các ông phải làm tất cả những gì có thể làm để tập cho binh sĩ thuộc quyền mình quen với những nguyên tắc đó; và khi những nguyên tắc đó thấm sâu vào ý thức của toàn trung đoàn, từ lính đánh trống đến trung đoàn trưởng, thì trung đoàn 56 có thể tự coi mình là trung đoàn bách chiến bách thắng; khi đó chỉ có thể đánh bại trung đoàn này nhờ sự nỗ lực phối hợp của một số binh chủng cùng một lúc tấn công trung đoàn, chứ riêng bộ binh thì đừng hòng, cho dù có quân số nhiều hơn đáng kể.

Mỗi trận chiến đấu đều có mặt tinh thần và mặt vật chất. Mặt thứ nhất theo tôi là quan trọng nhất; nhưng chúng ta hãy phân tích mặt thứ hai trước.

Nổ súng từ khoảng cách xa là đặc điểm của bộ binh kém; bộ binh giỏi luôn luôn tiết kiệm đạn dược.

Chính vì hỏa lực là lực lượng chủ yếu nhất của bộ binh, nên bộ binh không nên phung phí đạn dược, cần phải huấn luyện cho họ ngắm súng với độ chính xác tối đa. Nếu chưa đến giờ phát hỏa, thì các ông hãy giữ binh sĩ của mình nằm ngoài tầm bắn của địch hoặc cho ẩn tránh. Khi thời điểm phát hỏa đã tới, hãy tiến về phía quân địch một cách dũng mãnh và bình tĩnh, điều đó sẽ cho phép các ông hoàn thành bất kỳ một nhiệm vụ nào. Trong trường hợp nếu đối tượng, trái với mọi dự đoán, kiên quyết giữ vững vị trí của mình và cho phép các ông tiến sát chúng mà vẫn chưa phát hỏa, thì các ông phải là người đầu tiên ra lệnh bắn hàng loạt và phải chú ý để binh sĩ của các ngài luôn luôn lấp hai viên đạn vào súng cho mỗi lần bắn. Tôi đã nhiều lần giành được chiến thắng do áp dụng cách bắn hai viên đạn một lần. Trong lúc trận đánh đang quyết liệt, cũng có thể tôi quên ra mệnh lệnh thích hợp, nhưng các ông phải nhớ điều đó; tôi rất coi trọng điều đó. Nhờ sự bình tĩnh và kiên quyết, cũng như nhờ cách bắn hai viên một lần, các ông hẳn hữu mới phải ra lệnh bắn thêm một loạt đạn nữa, không kể các ông tấn công trận địa của đối phương hay là phản công.

Những ai dù ít am hiểu các vấn đề chiến tranh cũng sẽ đồng ý rằng không thể

1) Thống chế Buy-giô, lúc đó là thiếu tá hoặc trung tá, đã chỉ huy một tiểu đoàn trong quân đoàn của thống chế Xuy-sơ ở Ka-ta-lô-ni-a. Mọi người đều biết rõ rằng đơn vị quân đội Pháp đó ở Tây Ban Nha đã có một chiến công lớn nhất và đã giữ trận địa của mình lâu hơn tất cả các đơn vị khác.

khác thế được. Nếu các ông đã tiến sát đối phương mà trong tay các ông vũ khí đã nạp đạn, trong khi đối phương đã phung phí hết đạn dược của mình, thì làm sao đối phương có thể chống lại được các ông? Tinh thần của đối phương đã bị rã rời, bởi vì nó quá sợ hãi trước loạt đạn gần, mà loạt đạn đó không thể không nguy hại, thế là đối phương sẽ lùi bước. Khi đó các ông hãy bắn đi, xông vào hàng ngũ của đối phương và *bắt sống tù binh* - điều đó tốt hơn là giết chết họ. *Khi các ngài dùng lưỡi lê đâm chết một người, thì có lẽ các ngài có thể bắt sống được sáu người làm tù binh.* Người chiến thắng không phải trả giá đắt cho trận chiến đấu đó; các ông mất đi một số người trong khi tấn công, nhưng khi các ông tiếp cận đối phương và đẩy lùi họ, thì các ông chẳng bị tổn thất gì hết. Chiến thuật đó, thưa các ông, sẽ bảo đảm cho các ông thắng lợi, và nếu toàn quân đều nắm được chiến thuật này thì toàn quân sẽ chiến thắng, cho dù cách dàn quân để chiến đấu có thể kém như thế nào chăng nữa. Cách dàn quân không nằm trong lĩnh vực của chúng ta; nhưng khi người ta chỉ cho chúng ta một điểm mà chúng ta phải tấn công, thì chúng ta phải thực hiện việc ấy thế nào để cho có thể đánh tan bất kỳ kẻ thù nào xuất hiện trước mặt chúng ta. Đó là chiến thuật của Đuy-ghe-tơ-ru-en, và sở dĩ ông ta có danh giá sáng chói là nhờ phương pháp chiến đấu này nhiều hơn so với tất cả những tài năng khác của mình. Ông ta đến sát tàu địch, hơn nữa, các khẩu đại bác của ông ta đã được nạp đạn sẵn, và toàn bộ thủy thủ nằm trên boong tàu; khi tàu của ông ta chạm tàu địch, toàn thể thủy thủ bật dậy và phóng hỏa lực cực mạnh vào boong tàu địch, sau đó trận đánh tàu diễn ra không khó khăn gì nữa.

Ngoài những điều đã nói ở trên, chúng ta còn phải sử dụng thêm những phương tiện khác, vì chúng ta cần phải có càng nhiều lợi thế càng tốt. Một biện pháp bổ trợ quan trọng là sử dụng khéo léo lính tiên phong, lính xung kích; hành động của họ bao giờ cũng phải đi trước hành động của binh sĩ trong đội ngũ siết chặt cả trong tấn công hoặc trong phòng ngự. Trong tấn công, họ sẽ tìm ra những nếp uốn của địa hình mà quan sát từ xa không thể phát hiện được, và họ sẽ phát ra hỏa lực như vũ bão vào hàng ngũ đối phương. Điều đó sẽ làm cho kẻ thù bất an và làm cho chúng ta ngắm bắn không chính xác vào bộ binh đang tấn công trên đội hình đã triển khai nhưng chưa phát hỏa. Cần phải tận dụng khả năng đưa họ vào những điểm sẽ *không* xảy ra trận đánh quyết định. Tuy nhiên, nếu tình hình đòi hỏi họ phải hoạt động ở phía trước tuyến tấn công, thì cuối cùng họ phải lui về sườn tuyến tấn công để khỏi gây trở ngại cho những hành động của tuyến đó, và sau đó phải đánh vào các sườn của đối phương để làm đối phương mất tinh thần và bắt tù binh, hoặc họ phải vượt qua khoảng cách giữa hai tiểu đoàn, hoặc nằm sát đất để cho tuyến bộ binh tiến về phía trước.

Những lính tiên phong, cũng giống như lính bộ binh trong đội hình đã triển khai, không được phung phí đạn dược. Vấn đề không phải là đơn thuần đối đạn cho nhau: những viên đạn đó phải góp phần giành thắng lợi. Muốn thế, ngay trước khi bộ binh tiến công trong đội hình triển khai, cần phải chỉ cho lính xung kích biết được những vị trí trận địa mà họ sẽ phải chiếm được trước khi nổ súng; và khi họ bắt đầu khai hỏa thì tuyến bộ binh bắt đầu tấn công. Các ông hiểu rằng nếu trong một khoảng thời gian nào đó những người lính tiên phong, bị bỏ mặc ngay gần quân của đối phương, họ sẽ bị đánh lui, và nhiệm vụ của họ sẽ không hoàn thành, các ông phải tiếp viện cho họ để đẩy lùi những lính xung kích của đối phương đã bắt họ phải rút lui. Đó sẽ là một điều hết sức bất lợi rồi. Vì vậy một điều hết sức quan trọng là chỉ sử dụng lính xung kích àpropos^{1*}; thời điểm thích hợp nhất hầu như luôn luôn là lúc tấn công. Nếu trước thời điểm đó mà đối phương dùng lính xung kích quấy rối chúng ta, thì chúng ta phải đánh bật chúng trở lại bằng những cuộc phản công bất ngờ và ngắn, nhưng quyết liệt. Các ông chắc chắn sẽ bắt chúng rút lui nếu - thay vì bố trí một tuyến xung kích song song chống lại chúng như người ta thường làm - các ông sẽ cho bọc hậu chúng từ hai cánh hoặc nếu các ông chọc thủng chiến tuyến của chúng bằng lực lượng của một đại đội sẽ được tung tập trung vào phòng tuyến của đối phương. Đó là kết quả tác động tinh thần mà tôi có ý định tự giải thích cho mình như sau.

Những người lính xung kích không thể có cái sức mạnh tinh thần, cái tình cảm đoàn kết mà tình đồng đội và sự thống nhất chỉ huy đem lại. Mỗi người lính xung kích ở chừng mực nhất định là một người chỉ huy và chỉ chú ý đến những lực lượng của bản thân mình. Anh ta nhìn thấy: một số toán đông lính địch đang lao tới anh ta; anh ta quá yếu không thể đứng vững và bỏ chạy. Các chiến hữu của anh ta đứng ở bên phải và bên trái cũng làm y như vậy và lúi theo hàng loạt những người khác nữa xung quanh cùng bỏ chạy, hoặc do bất chú ý vô ý thức hoặc do sợ bị cắt rời; họ tập hợp lại với nhau ở một chỗ xa hơn trong tuyến sau để tiếp tục bắn.

Đại đội tấn công của chúng ta sẽ không đáp lại những loạt đạn đó; nó hoặc lại rút lui nữa hoặc ẩn nấp trong địa hình địa vật nào đó. *Không có gì ngu ngốc hơn, có hại hơn là những trận đụng độ thường xuyên mà chẳng hề đem lại cái gì hết của lính xung kích; các ông sẽ làm tổn đạn dược, hao tổn sinh lực của mình mà không hề cải thiện được tình thế; và trong thời điểm quyết định, các ông sẽ thường xuyên không đủ*

những phương tiện mà các ông phung phí một cách vô ích như vậy. Tôi đặc biệt nhấn mạnh yếu tố này, bởi vì việc phung phí đạn dược là một nhược điểm lớn nhất của bộ binh nước ta, cũng như của bộ binh tất cả các nước khác. Trong nhiều trường hợp, sau khi bắn hàng nửa giờ và ngay trước khi đạt được một thắng lợi gì đó, các ông nghe thấy khắp nơi đều kêu là hết đạn; để lấy thêm đạn, binh lính thường phải đi ra ngoài đội hình chiến đấu, và điều đó thường dẫn đến thất bại. Đối với một trận đánh lớn nhất, mỗi người lính phải có 60 viên đạn. Năm 1815, trung đoàn tiêu binh thứ 14 khi đó dưới quyền chỉ huy của đại tá Buy-giô đã đánh nhau một trận trên dãy núi An-pơ trong suốt 8 giờ và tiết kiệm được 1/3 số đạn. Trong 8 tiếng đó, đối phương bắn suốt, còn trung đoàn 14 chỉ đáp lại bằng từng loạt đạn một, hơn nữa họ chỉ bắn như vậy khi quân Áo chuyển sang tấn công, tiến sát các vị trí của trung đoàn. *Thường thường bao giờ cũng vậy, sau một loạt đạn cả trung đoàn lập tức lao vào tấn công giáp lá cà,* và điều đó đã quyết định kết cục trận tiến công của kẻ thù, mà không hề có sự bắn nhau tiếp nữa và cũng không hề có việc bắn loạn xạ. Cả hai bên đều rút về những vị trí ban đầu của mình ở rất gần nhau; quân Áo tiếp tục bắn, còn trung đoàn 14 thì kiểm chế không bắn cho đến khi đối phương mở cuộc tấn công mới.

Mục đích của ví dụ này cũng là giúp các ông nắm vững và đánh giá được những nguyên tắc đúng đắn về chiến đấu trong phòng thủ, cụ thể là: luôn luôn tự mình tấn công vào thời điểm quyết định cuối cùng; nhưng trong phòng thủ, cũng như trong tấn công còn có thêm một phương pháp hết sức có hiệu quả để giành thắng lợi là tận dụng khả năng tránh đụng độ trong điều kiện binh sĩ hai bên được bố trí thành hai tuyến song song và ở một chừng mực nhất định thể và lực của hai bên bằng nhau, kết cục của trận chiến có lợi cho ta chỉ nhờ ưu thế về tinh thần và cách bắn hai viên đạn có hiệu quả hơn. Vì vậy, trong thời điểm quyết định, chúng ta sẽ cố gắng bao vây các cánh của đối phương. Rất dễ dàng thực hiện việc này trong khi phòng thủ ở địa hình lồi lõm. Khi đối phương đã triển khai hoàn toàn cuộc tiến công, chúng ta cử một đơn vị dự trữ trong đội ngũ của chúng ta tiến vào sườn trận địa, và các phân đội đó xuất hiện trong thời điểm quyết định, tiến lên và triển khai để tấn công đối phương từ hai cánh; chúng ta sẽ cử lính xung kích thọc sâu vào hậu phương của kẻ thù, một khi một tiểu đoàn hoặc các phân đội bao vây các sườn của đối phương được triển khai xong, thì lính xung kích lập tức tấn công để không cho kẻ thù có thời gian chống đỡ. Đối phương sau khi bị tấn công đồng thời từ chính diện và từ các cánh sẽ nhanh chóng bị đập tan.

1* - một cách đúng lúc

Những phương pháp như vậy có thể được sử dụng khi chúng ta tiến hành tiến công. Trong trường hợp này, hai cánh quân nhỏ đi theo hai sườn của phòng tuyến đã triển khai và tiến sát đến đối phương, sau đó thay đổi đội hình thành hàng dọc, kéo dài trận tuyến của quân mình, tạo ra một vòng cung bao vây hàng quân của đối phương; còn nếu các ông không đủ lực lượng để làm việc đó, thì các tiểu đoàn bên sườn tuyến tấn công vừa đi vừa phân chia thành nhiều cánh quân thọc sâu tiến đến sườn của đối phương, lại hình thành hàng dọc và tấn công, còn những khoảng giữa hai cánh quân sẽ do lính xung kích chiếm giữ. Cách cơ động này tôi thấy rất thích hợp để đạt được mục đích và hoàn toàn có thể thực hiện được, nếu tiểu đoàn trưởng biết xác định đúng khoảng cách để bắt đầu cơ động không quá sớm và không quá muộn. Tất nhiên, khi đêm tối hoặc địa hình lồi lõm cho phép các ông bí mật tiến đến sườn đối phương, thì cần phải lợi dụng những thứ ấy trước tiên.

Trong khi rút lui cần phải hết sức tiết kiệm đạn dược. Khi các ông phòng thủ bằng cách phát hỏa, các ông đã làm cho tình thế của mình trở nên xấu đi, bởi vì các ông sẽ chẳng tiến sát đến vị trí dự kiến được mấy nôi. Thường có tình huống là *thậm chí các ông phải bỏ chạy* để tránh xa tầm súng của đối phương. Thường thường đó là phương thức duy nhất để khỏi bị tiêu diệt. Rất nhiều đơn vị đã bị tiêu diệt vì họ rút lui chậm chạp, từ từ - mà người ta gọi một cách sai lầm là sự rút lui đúng bài bản! Phương pháp hợp lý duy nhất là bằng mọi phương tiện để đạt được mục đích của mình: trong khi rút lui, mục đích đó là nhanh chóng rút ra khỏi tầm súng của đối phương, bởi vì thế trận không cho phép các ông tiếp tục chiến đấu; các ông đừng bao giờ tự đặt cho mình mục đích vì cái danh dự được hiểu một cách sai lệch mà lao vào một trận chiến đấu chỉ có thể nguy hại cho các ông và, như các ông sẽ thấy rõ, thường khó có thể thoát khỏi. Trong trường hợp này, chỉ có việc nhanh chóng rút lui mới là việc làm đúng đắn về phương pháp. Có thể đưa ra một ví dụ về cách rút lui như vậy từ cuộc sống của một trong những vị thống soái vĩ đại nhất trong thời đại của chúng ta.

Trong thời gian thống chế Mác-xen rút khỏi Bồ Đào Nha, thống chế Nây nhận được lệnh dừng đội hậu quân ngăn chặn bước tiến của quân Anh để tạo thời gian cho đoàn xe đi qua được khe núi. Nhiệm vụ đó được thống chế Nây thực hiện với tất cả nhiệt tình sẵn có của mình, nhưng do quân đội Anh được tiếp viện thêm liên tục, cho nên không thể tiếp tục giữ được tuyến đang chiếm. Sau khi bỏ lại tuyến đó, thống chế Nây buộc phải đi xuống một thung lũng hẹp và lại phải leo lên sườn một

quả đồi khác tiếp đó; trong khoảng thời gian ấy, binh sĩ của ông ta sẽ nằm dưới tầm hỏa lực của đối phương - tất nhiên đối phương sẽ không quên chiếm ngay vị trí vừa bỏ lại. Thống chế cho rằng nếu rút lui chậm, ông ta sẽ phải chịu những tổn thất lớn; vì vậy ông ta ra lệnh cho những người lính cầm cờ của các tiểu đoàn, những liên lạc viên của ban tham mưu v.v. phải xác định một tuyến mới trên điểm cao ở phía sau mà các sĩ quan tham mưu đã phải vạch ra từ trước. Khi điều đó vừa được thực hiện, thì theo lệnh của thống chế, các tiểu đoàn đã chạy qua thung lũng và chiếm lấy tuyến mới đó, như vậy, tuyến này xuất hiện như một phép thần thông. Nếu không có biện pháp phòng bị tuyệt vời đó thì chúng ta có thể bị thiệt hại rất nhiều về người, và có thể chúng ta sẽ bị đánh tan. Đồng thời chúng ta đều thấy rõ rằng cách chuyển quân đó không thể đem áp dụng khi các ông bị kỵ binh đối phương đe dọa; trong trường hợp đó cần phải rút lui càng nhanh càng tốt, nhưng luôn luôn phải giữ đội hình thích đáng.

Tôi đã nhiều lần nghe được ý kiến của những người mạo xưng là hiểu biết chiến thuật khẳng định rằng cần phải rút lui chậm theo từng bước; tôi luôn luôn cảm thấy nguyên tắc đó là sai lầm. Dĩ nhiên, có nhiều trường hợp một bộ phận binh sĩ có nhiệm vụ chặn bước tiến của quân thù để bảo đảm thời gian cho các đơn vị khác rút lui. Nhưng khi đó các ông sẽ không phải rút lui từng bước, các ông sẽ phải chiến đấu, và thường phải tiến lên và tấn công để lại nâng cao tinh thần chiến đấu của binh sĩ và đập tan nhuệ khí của kẻ thù. Nhưng khi đơn vị đó đã hoàn thành nhiệm vụ của mình, khi mục đích đã đạt được, khi quân thù đã tập trung binh lực làm cho đơn vị ấy không thể tiếp tục chiến đấu được nữa, thì đơn vị đó phải mau chóng rút lui theo hoàn cảnh cho phép.

Vì vậy chúng ta sẽ học cách rút lui một cách nhanh chóng và đúng phương pháp, mặc dù không còn giữ nguyên đội hình, nhưng phải nhanh chóng khôi phục hàng ngũ, nhanh chóng lập tuyến dọc bên một sườn của đối phương theo đội hình ngược hoặc đội hình thông thường của mình, và luôn luôn phải ngấm bản với độ chính xác tối đa.

Đối với tôi, tinh thần chiến đấu bao giờ cũng quan trọng hơn sức mạnh vật chất. Các ông sẽ tạo ra được tinh thần chiến đấu đó bằng cách nâng cao phẩm giá của người lính, giáo dục binh sĩ lòng yêu vinh quang, giáo dục ý thức danh dự của trung đoàn, và trước hết bằng cách phát huy lòng yêu nước của người lính, mà mầm mống của nó đã có sẵn trong tâm hồn của mỗi người. Nhờ giáo dục binh sĩ như vậy, các ông sẽ có thể dễ dàng làm nên sự nghiệp lớn, chỉ cần các ông chiếm được lòng tin

của họ. Để chiếm được lòng tin của họ các ông sẽ phải thực hiện mọi nghĩa vụ của mình đối với họ, kết bạn với họ, thường xuyên đàm đạo với họ về chiến tranh, về các phương thức chiến đấu và làm cho họ tin rằng các ông có khả năng lãnh đạo họ một cách tài tình. Khi nằm dưới tầm đạn của đối phương, các ông sẽ phải nêu cho họ một tấm gương về sự dũng cảm cao độ và sự bình tĩnh tuyệt vời.

Các ông phải chú ý đặc biệt đến tất cả những gì có thể giúp các ông nâng cao lòng dũng cảm của binh sĩ các ông và làm suy yếu nhuệ khí của kẻ thù. Chính với mục đích đó, *trung đoàn 56 sẽ không bao giờ cho phép kẻ thù tấn công mình; trong giờ phút quyết định, trung đoàn 56 luôn luôn nắm quyền chủ động chiến đấu và tấn công kẻ thù*. Trong khi phòng ngự, trung đoàn 56 sẽ được bố trí phía sau tuyến mà trên đó nó dự định sẽ tiến hành trận đánh để trong phút quyết định trung đoàn sẽ xung phong lên tuyến đó. Trong trường hợp này, yếu tố tinh thần có ảnh hưởng mạnh: bên phía những binh sĩ được bố trí ở vị trí có lợi thế tự nhiên và được trang bị tốt, có nhiều ưu thế vật chất, nhưng các binh sĩ đó chắc chắn sẽ bị đánh bật ra khỏi vị trí đó, nếu họ chỉ chiến đấu tại chỗ mà thôi. Có thể nói rằng cả về mặt tinh thần lẫn về mặt vật chất thì *việc phòng thủ tốt phải luôn luôn được tiến hành bằng tấn công*. Những cuộc tiến công bên sườn và phía sau kẻ thù hầu như luôn luôn đem lại kết quả; thậm chí chỉ cần một nhóm nhỏ binh sĩ tấn công cũng tác động đáng kể đến *trạng thái tinh thần* của đối phương. Cách cơ động tối ưu trong tác chiến như vậy là hình thành đằng sau các sườn một tuyến tấn công của những cánh quân siết chặt đang triển khai và bao vây kẻ thù một khi các ông tiếp cận trực tiếp với kẻ thù. Do cách cơ động như vậy rất hiệu nghiệm, nên các ông cần phải đề phòng cho binh sĩ của mình bằng cách nhắc cho họ biết trước rằng bản thân họ có thể bị tấn công theo kiểu như vậy và chỉ cho họ biết phải đề phòng việc đó như thế nào. Cũng cần phải nhắc họ về khả năng phát sinh ra những tiếng kêu sợ hãi ở phía sau như: "Chúng ta bị bao vây!", "Chúng ta bị mất liên lạc rồi!" v.v.; cần phải thông báo cho họ biết rằng những lính đi cuối cánh quân và, ngoài ra, các phân đội lính tinh nhuệ ở phía sau nếu nhận được mệnh lệnh nghiêm ngặt phải đâm chết hoặc bắn chết tất cả những điệp viên của kẻ thù hoặc những binh sĩ xấu của ta gieo rắc hoang mang; rằng tất cả những tốp lính đối phương dám đe dọa các sườn bên và phía sau của ta sẽ nhanh chóng bị các đơn vị dự bị của ta tiêu diệt, và lúc đó binh sĩ của chúng ta chỉ cần phải suy nghĩ một điều là làm sao có thể đập tan kẻ thù đang đứng ngay trước mặt họ.

Tiếp nữa, trong khi cải thiện *trạng thái tinh thần* binh sĩ của mình, các ông cần

cố gắng sao cho hàng ngũ binh sĩ của các ông khỏi bị giảm vì phải lấy binh sĩ đi hộ tống thương binh. Sau trận đánh, nếu chúng ta không ở xa lắm, thì chúng ta phải quan tâm một cách thích đáng đến thương binh, nhưng nhiệm vụ cơ bản của chúng ta, trách nhiệm số một của chúng ta là giành được thắng lợi. Người ta không bao giờ bỏ mặc thương binh của quân đội chiến thắng; còn thương binh của quân đội chiến bại phải chịu vô số tai hoạ. Vì vậy việc chăm sóc thương binh trong lúc chiến đấu là một sự thương hại đối trá và thường thường chỉ là một biểu hiện trá hình của sự hèn nhát. Và trong trường hợp này một lần nữa các sĩ quan sẽ phải nêu một tấm gương về lòng trung thành với sự nghiệp, trong trường hợp bị thương sẽ từ chối mọi sự cứu giúp của các binh sĩ đang chiến đấu.

Trong trận Ô-xtéc-lít ta có thể thấy nhiều binh sĩ bị thương của chúng ta đã trả về các tiểu đoàn những chiến hữu đã đề nghị đưa họ về trạm quân y.

Một trong những phương tiện tốt để duy trì lòng dũng cảm của người lính là hành động sáng chói của người sĩ quan trong tất cả các giai đoạn của trận đánh. Còn nếu trung đoàn bị chặn lại dưới hỏa lực của pháo binh thì sao? Các sĩ quan khi đó phải hiên ngang dạo bước trước lính mình và giữ vững tinh thần của binh sĩ bằng những câu chuyện vui và bằng những lời khích lệ. Còn nếu đã đến giờ tấn công quân thù thì sao? Khi đó các sĩ quan phải chuẩn bị để các binh sĩ của mình tấn công, nhắc lại cho họ nghe những nguyên tắc chiến đấu đã nêu ở trên và khuyên họ trong trận giáp lá cà hãy cố gắng càng gần nhau càng tốt và hãy nghe tín hiệu là nhanh chóng tập trung lại.

Có một biện pháp tốt để ngăn cản binh sĩ các ngài phát hỏa quá sớm; biện pháp đó chỉ là các sĩ quan cưỡi ngựa tiến trước tuyến tấn công. Viên chỉ huy trung đoàn có thể nói: "Hỡi anh em binh sĩ! Anh em sẽ không bắn vào các sĩ quan của mình! Còn tôi, tôi sẽ ở trước mặt các bạn chừng nào chưa đến giờ phát hỏa". Những người lính được đưa vào trận đánh theo cách như vậy sẽ luôn luôn là những người lính dũng cảm và ít khi bị thua trận, vì họ ít khi gặp một kẻ thù có tinh thần vững vàng như vậy và thấm nhuần những nguyên tắc chiến đấu như vậy.

Nếu xuất hiện kỵ binh, cần phải nhắc nhở cho binh sĩ biết sức mạnh của đội hình hình vuông của chúng ta mà cách bố trí quân ấy làm cho họ trở thành những con người không thể chê vào đâu được. Còn về tôi, tôi xin tuyên bố với các ông về một nguyện vọng chân thành của tôi là trong trận đầu mà chúng ta sẽ tham gia, chúng ta gặp sự tấn công của kỵ binh - tôi tin chắc rằng việc đó sẽ đem lại vinh quang cho trung đoàn 56.

Thủ thách khắc nghiệt nhất đối với tinh thần binh sĩ là việc rút lui. Người ta thường nói rằng binh sĩ Pháp ít thích hợp với hình thức chiến đấu ấy, và điều đó chẳng khác gì là khẳng định rằng binh sĩ Pháp là những người lính tồi. Nói thế là phi lý. Trong 40 năm gần đây, rất nhiều sự kiện đã chứng minh được rằng dưới sự lãnh đạo của các sĩ quan tài giỏi, người Pháp có thể tiến hành những cuộc rút lui trứ danh. Thường thường người ta hay coi nguyên nhân của các thất bại là tính cách dân tộc, trong khi đó lẽ ra cần phải quy lỗi cho những vị tướng đã phát ra những mệnh lệnh không đúng hoặc không có khả năng nâng tinh thần chiến đấu của binh sĩ lên.

Có một câu ngạn ngữ cũ như sau: "Anh mà trở thành con cừu, người ta sẽ cắt lông anh". Trong thời gian rút lui, các ông phải là những con sư tử; và sau khi các ông giáng cho đối phương đang đuổi theo dấu chân của các ông ba - bốn đòn trời giáng, thì các ông sẽ được kính nể. Cho dù có ít kinh nghiệm chiến đấu, cũng có thể dễ dàng đạt được những thành tích nhất định trong các trận chiến ở phía sau đoàn quân, và điều đó góp phần đáng kể vào việc nâng cao tinh thần của đại quân đang rút lui và làm cho quân đội đang truy kích trở nên vô cùng do dự. Trong khi rút lui các ông luôn luôn có khả năng lựa chọn địa điểm chiến đấu; tại đó các ông tập trung binh lực và phân chia đội hình của mình sao cho có thể thuận tiện bao vây phần đầu của cánh quân địch, phần này sẽ trải dài ra nhiều trong lúc truy kích. Mỗi người phải được biết trước chính xác nhiệm vụ của mình, và trận đánh phải diễn ra nhanh chóng và mãnh liệt. Không nên biểu lộ bất kỳ một sự do dự hoặc dao động nào; tiền quân của địch phải bị đập tan, sau đó các ông hãy nhanh chóng rút lui để tránh khỏi giao chiến với viện binh của địch sẽ đến không ngừng.

Thưa các ông, tôi đã nói đủ để các ông có thể hiểu và đánh giá cao sức mạnh của yếu tố tinh thần. Tinh thần chiến đấu lên cao khi lính tin chắc rằng các sĩ quan biết cách động viên những người dưới quyền mình; những hành động tế nhị, khôn khéo và dũng cảm góp phần củng cố tinh thần chiến đấu. Trong hoàn cảnh hoà bình, các ông phải cố gắng làm cho binh sĩ của mình hình dung rõ ràng rằng các ông sẽ làm được gì trong điều kiện chiến tranh. Các ông sẽ đạt được điều đó nếu các ông không giới hạn ở việc thanh tra, kiểm tra và huấn luyện buồn tẻ; tất cả những việc đó, tất nhiên, là những việc có ích, nhưng chúng không có ảnh hưởng đến trạng thái tinh thần của binh sĩ. Các ông phải đàm đạo với binh sĩ của mình về các cuộc chiến tranh trước kia của chúng ta, kể cho họ nghe về chiến công của quân đội dũng cảm của chúng ta, gọi cho họ nguyện vọng vượt trên những chiến công

đó, - tóm lại, các ông phải làm tất cả để giáo dục binh sĩ của các ông lòng yêu vinh quang.

*Những ý kiến mở đầu do Ph.Ăng-ghen viết
vào đầu tháng Hai 1861*

*Đã đăng trên tạp chí "The Volunteer
Journal, for Lancashire and Cheshire" số
23, 24, 26, ngày 9, 16 tháng Hai và ngày 2
tháng Ba 1861*

*In theo bản đăng trên tạp
chí*

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

CÁC TUỞNG LÍNH QUÂN TÌNH NGUYỆN

Phong trào lính tình nguyện thiếu một điều - đó là sự phê bình công bằng và hợp lý nhưng đồng thời lại thẳng thắn và chân thành của những người ngoài cuộc có uy tín. Lính tình nguyện là những người được xã hội và giới báo chí yêu mến đến mức hoàn toàn không thể có sự phê bình như vậy. Không ai lắng nghe sự phê bình đó, ai ai cũng gọi sự phê bình đó là không công bằng, không cao thượng và không đúng lúc. Những thiếu sót mà lính tình nguyện mắc phải trong khi thực hiện trách nhiệm của mình hầu như luôn luôn được lờ đi, trong khi đó mỗi đơn vị đều được tặng bốc đến tận mây xanh vì tất cả những gì mà đơn vị đó đã thực hiện tương đối mỹ mãn. Những ý kiến nhận xét nhẹ nhàng của những con người ít nhiều vô tư đã tạo ra một sự lên án gay gắt. Ở khắp mọi nơi họ có dịp lên tiếng về những vấn đề có liên quan đến lính tình nguyện, thì họ luôn luôn có cơ nổi tiếng là những kẻ chơi trội tự phụ, nếu họ không sẵn sàng phỉ phàm những lời tán dương thô lỗ hoặc những lời khen không xứng đáng. Người ta hay xúc phạm lính tình nguyện bằng những lời lẽ tăng bốc ngu xuẩn rằng họ có thể chiến đấu được với bất kỳ quân đội nào trên thế giới! Người ta thường nói với họ rằng không một sư đoàn bộ binh nào có thể hoạt động tốt hơn so với lính tình nguyện hoạt động ở công viên Hai-đơ, Ê-đin-buốc, Niu-tơn hoặc Nô-u-xli!

Như vậy, sau khi phủ nhận những lời tán dương vô nghĩa luôn

luôn chỉ đáng chê cười mà thôi, chúng tôi hoàn toàn sẵn sàng thừa nhận rằng trước tiên cần phải thử thách lính tình nguyện một cách đầy đủ, trước khi có thể đưa ra một ý kiến đúng đắn về trình độ huấn luyện của họ. Nhưng thời gian để làm việc đó đã qua từ lâu rồi. Nếu sau gần hai năm tồn tại, phong trào lính tình nguyện vẫn không chịu đựng được sự phê bình, thì phong trào đó sẽ chẳng bao giờ có thể chịu nổi sự phê bình. Theo ý kiến của chúng tôi, những đợt duyệt quân rộng lớn được tiến hành từ mùa hè năm ngoái là thời kỳ quá độ từ giai đoạn ấu thơ lên giai đoạn thành niên của phong trào đó. Bằng những đợt duyệt quân ấy, lính tình nguyện đã thực sự gây ra sự phê bình, tuy nhiên sự phê bình đó, trừ một vài trường hợp ngoại lệ, đã không được những người có trách nhiệm làm việc đó bày tỏ một cách công khai.

Kết quả của tình trạng không có sự phê bình thẳng thắn và chân thành, của việc phung phí những lời tán dương thô lỗ giờ đây đã thể hiện khá rõ. Chắc gì có thể tìm thấy, cho dù chỉ một đơn vị lính tình nguyện đã tồn tại qua 18 tháng, lại ngấm ngấm không tin rằng đơn vị đó đã được huấn luyện đúng mức. Lính tình nguyện sau khi mới trải qua những cách xếp đội hình giản đơn nhất cỡ tiểu đoàn, một khóa huấn luyện quy định về triển khai đội hình ở địa hình bằng phẳng và một ít buổi tập bắn súng trường - đã quá nhanh chóng sẵn sàng tuyên bố rằng họ có thể nắm vững tất cả những công việc đó chẳng kém gì bộ binh chính quy. Còn các sĩ quan có ý kiến như thế nào về mình thì sự chạy theo việc thăng cấp đại úy, thiếu tá, trung tá diễn ra hầu như trong từng đơn vị cho thấy rõ điều đó. Người nào cũng tự cho mình hoàn toàn xứng đáng với quân hàm sĩ quan mà mình được phong, và bởi vì trong đa số trường hợp người ta, không còn nghi ngờ gì nữa, đã được đề bạt không phải do công lao, cho nên không nên ngạc nhiên khi thấy họ thường làm việc không hợp sức. Giới báo chí và xã hội ưu ái với lính tình nguyện muốn gọi những hành động của họ là hoàn mỹ; các sĩ quan và binh lính tin chắc điều

đó đến mức họ bắt đầu coi việc phục vụ trong quân đội là một công việc quá dễ dàng. Thật đáng ngạc nhiên, sự hoàn mỹ quá nhanh chóng của họ như vậy lại chưa làm cho họ có ý nghĩ rằng quân đội thường trực với những sĩ quan và binh sĩ được huấn luyện lâu dài là hoàn toàn thừa trong một nước mà ở đó có thể sản xuất một cách giản đơn ra hàng loạt những binh lính tuyệt vời theo nguyên tắc lính tình nguyện.

Bằng cứ rõ rệt đầu tiên chứng minh tác hại do những người bạn của phong trào lính tình nguyện trong giới báo chí gây ra cho nó là cuộc diễn tập tác chiến mùa hè năm ngoái ở Luân Đôn. Một vài viên đại tá tháo vát của quân tình nguyện quyết định rằng đã đến lúc cho binh sĩ của mình cảm nhận được: trận chiến là gì. Tất nhiên, những người thông thái trong quân thường trực đã lắc đầu, nhưng điều đó không có ý nghĩa. Bởi vì những quân nhân chuyên nghiệp đó không có thiện cảm với phong trào lính tình nguyện; họ ghen tị với lính tình nguyện; kết quả của cuộc duyệt quân ở công viên Hai-dơ suýt làm cho họ phát điên lên; họ sợ rằng cuộc diễn tập của lính tình nguyện sẽ ăn đứt tất cả những gì mà quân chủ lực đã từng đạt được trong lĩnh vực này, v.v.. Chẳng lẽ binh sĩ tình nguyện chưa học được những cách sử dụng vũ khí, chưa qua huấn luyện và hoạt động trong đội hình triển khai cỡ trung đội và tiểu đoàn hay sao? Còn các sĩ quan của họ, mặc dù cách đây không lâu chỉ là những người dân thường, chẳng lẽ giờ đây họ không phải là các đại úy, thiếu tá, đại tá có kinh nghiệm hay sao? Tại sao họ lại không thể chỉ huy một lữ đoàn hoặc một sư đoàn một cách thành công giống như họ đã chỉ huy một tiểu đoàn? Tại sao họ lại không thể làm tướng được nếu họ đã chỉ huy thành công như vậy, mặc dầu không có những quân hàm cao đến mức ấy?

Cuộc tập trận đã diễn ra đến mức mà, theo tất cả các báo cáo, thì cuộc diễn tập đó chỉ là để khoe mẽ. Cuộc diễn tập hoàn toàn coi thường tất cả các nếp uốn của địa hình, bỏ qua một cách tuyệt

vời tác dụng của hỏa lực và cường điệu thật nực cười tất cả các quy tắc vốn có ở bất kỳ cuộc diễn tập nào. Cuộc diễn tập đó chẳng hề dạy cho binh sĩ điều gì hết; diễn tập xong họ mang theo một quan niệm hoàn toàn trái ngược với thực tế về một cuộc chiến đấu, cái dạ dày lép kẹp và chân tay rã rời. Hai điều sau cùng này có lẽ có thể coi là những kết quả duy nhất của các buổi tập đã đem lại ích lợi nào đó cho những người lính mới tập toạ.

Thái độ trẻ con như vậy có thể tha thứ trong giai đoạn phát triển ấu trĩ của phong trào đó. Nhưng sẽ nói gì, nếu hiện nay người ta quy lại với những ý đồ tương tự? Những tướng lĩnh quân tình nguyện đầy lòng kiên nhẫn của chúng ta ở Luân Đôn, những người tự phong cho mình những hàm hiệu đó, lại hăm hở bắt tay vào việc. Những vòng nguyệt quế của mùa hè năm ngoái không để cho họ yên. Một cuộc diễn tập giản đơn với quy mô bình thường không còn thoả mãn tính háo danh của họ được nữa. Lần này sẽ phải tổ chức một cuộc quyết chiến lớn. Một đạo quân gồm 20 000 lính tình nguyện sẽ được điều từ Luân Đôn đến bờ biển phía nam, chống trả lại sự xâm lược, và ngay tối hôm đó quay trở lại Luân Đôn để sáng hôm sau bắt tay vào những công việc bình thường của mình. Tất cả những điều đó, đúng như tờ "Times" đã nhận xét, được tiến hành chẳng có tổ chức gì hết, chẳng có ban tham mưu, chẳng có quân nhu hậu cần, chẳng có vận tải đường bộ, chẳng có đoàn vận tải của trung đoàn, và thậm chí, hơn thế nữa - chẳng có ba-lô và tất cả những vật dụng cần thiết cho cuộc hành quân mà người lính quân thường trực mang trong ba-lô! Tuy nhiên đó chỉ là một mặt của vấn đề; tất cả những điều đó chỉ cho thấy một nét đáng kinh ngạc - đó là sự quá tự tin không thể hiểu nổi mà các tướng lĩnh quân tình nguyện may mắn có được. Tờ "Times" không tự đặt cho mình câu hỏi làm thế nào có thể thu hoạch được những kiến thức giản đơn về chiến thuật và nắm được nghệ thuật lãnh đạo quân đội. Vì đó là một vấn đề không kém phần quan trọng. Việc huấn luyện lính tình nguyện cho đến nay chỉ được tiến

hành trên địa hình bằng phẳng; nhưng chiến trường thường thường tuyệt nhiên không phải là địa hình bằng phẳng và thực ra việc sử dụng địa hình đồi núi mấp mô là cơ sở của toàn bộ chiến thuật ứng dụng, của toàn bộ nghệ thuật bố trí quân trong chiến đấu. Hiện nay thử hỏi làm sao các tướng lĩnh, các đại tá và đại uý quân tình nguyện có thể nắm được nghệ thuật đó, cái mà họ cần phải học cả về mặt lý thuyết lẫn mặt thực hành? Họ được học nghệ thuật ấy ở đâu? Cơ sở này của chiến thuật ứng dụng ít được chú ý đến mức chúng tôi chẳng thấy có một đơn vị nào được học môn triển khai đội ngũ trên thực hành ở địa hình mấp mô. Trong trường hợp như vậy, tất cả những ý đồ tiến hành cuộc diễn tập sẽ biến thành cái gì, nếu không phải là một cuộc biểu diễn ở nhà hát, có thể sẽ thỏa mãn được những khán giả dốt nát, nhưng sẽ hoàn toàn vô bổ đối với những người bắt buộc phải tham gia vào công việc đó, và chỉ góp phần làm cho phong trào lính tình nguyện có được một bộ mặt tức cười dưới con mắt của những quân nhân có mặt trong buổi diễn đó.

Đáng ngạc nhiên thay, chúng tôi thấy rằng ngay ở Man-se-xơ có óc thực tế này người ta cũng dự định nặn ra những vị tướng lĩnh của quân tình nguyện. Chúng ta chắc chắn đã không đi quá xa như những ông bạn Luân Đôn của chúng ta; chúng ta sẽ không tiến hành tập trận, mà chỉ tiến hành những đợt học mỗi lần một ngày trên thực địa với sự tham gia của tất cả lính tình nguyện Man-se-xơ, một việc có lẽ giống như việc duyệt quân ở Niu-tơn, hơn nữa, những bài học đó phải được tiến hành trên địa hình tương đối bằng phẳng. Ở đây chúng tôi muốn giải thích rằng chúng tôi không hề bài bác ý định muốn tổ chức những buổi diễn tập trên thực địa, ngược lại, chúng tôi cho rằng sáu bảy bài học được tiến hành hàng năm như vậy sẽ rất có lợi cho binh sĩ tình nguyện ở Man-se-xơ. Chúng tôi chỉ xin bổ sung một điều là thậm chí chúng tôi sẽ coi là cần thiết nếu những buổi tập dã ngoại đó diễn ra trên địa hình mấp mô hơn một ít, để làm cho những buổi hành

quân cơ động đó chống lại đối phương tưởng tượng đa dạng hơn và để phát triển dần dần những kỹ năng cơ động của sĩ quan và binh lính trên địa hình mấp mô. Những cuộc diễn tập như vậy sau này có thể đem lại cho các sĩ quan tùy tùng khả năng tuyệt vời trong các giờ học của sĩ quan, gần một loạt buổi học thực tiễn thuộc chủ đề những phương thức sử dụng địa hình trong chiến đấu liên với những cuộc diễn tập ấy. Như vậy, chúng tôi không những tán thành kế hoạch này, mà thậm chí còn muốn thấy kế hoạch đó dưới hình thức đã được mở rộng và chỉnh đốn. Đồng thời, qua một bài ngắn đăng trên một tờ báo địa phương thứ bảy tuần trước, chúng tôi biết được rằng trong các buổi diễn tập đó binh sĩ tình nguyện sẽ làm được tất cả bằng sức lực của mình. Nói cách khác, họ sẽ có tổng chỉ huy, có các viên tướng chỉ huy các lữ đoàn và có Bộ tham mưu quân tình nguyện. Như vậy, ở đây chúng ta có dự định nhập khẩu vào Man-se-xơ toàn bộ hệ thống kiểu Luân Đôn chế tạo ra các tướng lĩnh quân tình nguyện, còn chúng tôi thì kiên quyết phản đối việc đó. Với lòng kính trọng thích đáng đối với các sĩ quan chỉ huy trung đoàn ở Man-se-xơ, chúng tôi nói rằng họ còn phải học thêm nhiều - ở đây chúng tôi không hề loại trừ ai - trước khi họ trở thành những tiểu đoàn trưởng được đào tạo hoàn chỉnh. Còn nếu họ chưa đủ trình độ so với chức vụ mà họ đã nhận, nhưng lại muốn chỉ huy cao hơn dù trong một ngày, thì chúng tôi khẳng định rằng bằng cách đó họ sẽ gây thiệt hại hết sức to lớn cho phong trào lính tình nguyện, làm một việc chẳng khác gì một trò chơi đánh trận giả, họ sẽ đưa phong trào đó xuống đến mức thấp nhất. Nếu họ chỉ huy các tiểu đoàn, thì họ sẽ làm việc hợp sức hợp tài và họ có thể quán xuyến nổi các binh sĩ của mình, và bản thân họ có thể học thêm được một điều gì đó. Với tư cách là những ông tướng nguy tạo, họ sẽ chẳng đem lại ích lợi thực tế nào cho binh sĩ của mình và cho cả mình nữa. Danh dự và vinh quang thay cho những thượng sĩ trong các trung đoàn Man-se-xơ chúng ta: phần lớn họ có công lao làm

cho các trung đoàn của họ được như ngày nay; nhưng vị trí của họ là ở các trung đoàn của họ, nơi mà hiện nay, nếu không có họ thì không xong, trong khi đó họ sẽ chẳng đem lại một ích lợi thực tế nào cho các trung đoàn đó, nếu dù chỉ là một ngày họ đóng vai sĩ quan tùy tùng, tướng hoặc thiếu tá lữ đoàn trưởng, điều này chắc chẳng đem lại cho bản thân họ sự thỏa mãn đặc biệt.

Trong khi ở Man-se-xơ có bộ tham mưu của cụm quân phía bắc với biên chế đông đảo cán bộ giỏi và một trung đoàn bộ binh, một trung đoàn kỵ binh đồn trú, thì tất nhiên hoàn toàn chẳng cần phải dùng đến những thủ đoạn đặc biệt như vậy. Chúng tôi cho rằng việc tập trung với số lượng như vậy và được trang bị đầy đủ, có điều là giao cho tư lệnh quân khu quyền lãnh đạo, cũng như quyền chỉ định theo ý kiến của mình những sĩ quan tham mưu và sĩ quan tác chiến cấp trung đoàn và lữ đoàn, có lẽ phù hợp hơn với tôn ti trật tự trong quân đội và với lợi ích của bản thân các binh lính tình nguyện. Không còn nghi ngờ gì nữa, các binh sĩ tình nguyện cũng sẽ được đón tiếp một cách thân ái như trước kia. Đúng đầu sư đoàn và lữ đoàn của họ khi đó sẽ là những con người thông thạo công việc và có khả năng chỉ ra được những sai lầm nếu họ mắc phải, và họ cũng sẽ giữ trọn tổ chức của bản thân mình. Đồng thời, chắc chắn sẽ không có tình trạng các đại tá hoạt động với tư cách là các viên tướng, các thiếu tá hoạt động như là các đại tá, còn các đại uý hoạt động với tư cách là các thiếu tá; điều đó sẽ đem lại ích lợi to lớn, bởi vì ở Man-se-xơ sẽ không có việc nặn ra các ông tướng giả mà Luân Đôn vì thế giờ đây chuốc lấy một sự vinh quang hẩm hiu.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào nửa cuối tháng
Ba 1861*

*Đã đăng trên tạp chí "The Volunteer
Journal, for Lancashire and Cheshire"
số 28, ngày 16 tháng Ba 1961*

*In theo bản đăng trên tạp
chí*

Nguyên văn là tiếng Anh

PH. ẮNG-GHEN

BRAI-TƠN VÀ UM-ĐƠN

Những hành động của các đơn vị lính tình nguyện ở Luân Đôn và các vùng phụ cận trong ngày thứ hai kỳ lễ phục sinh dường như đã hoàn toàn chứng thực những phỏng đoán của chúng tôi trình bày trong bài "Các tướng lĩnh quân tình nguyện"^{1*}. Ý định của huân tước Ra-ni-lơ tập hợp trong một ngày tất cả các binh sĩ tình nguyện trong quân khu của mình dưới sự chỉ huy của chính bản thân ông đã lập tức gây ra tình trạng chia rẽ giữa các đơn vị khác nhau. Thông qua huân tước Be-ri, đã xuất hiện một ứng cử viên cạnh tranh chức tổng tư lệnh; ông ta đem việc học tập thực địa một ngày ở Um-đôn để so sánh với trận đánh giả ở Brai-tơn. Giữa một số đơn vị đã nảy sinh nhiều bất đồng ý kiến, và do đó một số này đi Brai-tơn dưới sự lãnh đạo của huân tước Ra-ni-lơ, một số khác đi Um-đôn dưới sự lãnh đạo của huân tước Be-ri, một số khác nữa đi tới điểm ấy nhưng lại độc lập, một số đi Rích-mơn, một số đi Uôn-xtết. Sự phân tán ấy tự nó chẳng có hại gì hết. Đơn vị này chẳng phụ thuộc vào đơn vị kia và mỗi đơn vị đều có quyền sử dụng ngày lễ của mình theo ý muốn của riêng mình. Nhưng, những trận tranh cãi gay gắt, những cuộc chửi mắng có tính chất cá nhân và những biểu hiện của sự thù địch xảy ra

1* Xem tập này, tr. 332-338.

trước khi có sự chia rẽ này và chắc còn kéo dài thêm một thời gian nữa - nhất định phải gây ra và đã gây ra sự thiệt hại to lớn. Các sĩ quan hoặc theo bên này, hoặc theo bên kia; binh sĩ của họ cũng tham gia vào việc đó theo tỷ lệ bằng nhau, nhưng không phải lúc nào cũng cùng với các chỉ huy của mình, do đó đa số binh sĩ tình nguyện ở Luân Đôn đã phân thành hai nhóm lớn - nhóm theo Ra-ni-lơ và nhóm theo Be-ri. Rất nhiều binh sĩ thuộc những đơn vị có lệnh phải đi Um-đôn lại xuất hiện ở Brai-tơn không mang theo vũ khí nhưng mặc quân phục để chống lại quyết định và mệnh lệnh của các sĩ quan của mình; còn huân tước Ra-ni-lơ thì hết sức hài lòng với sự biểu hiện cảm tình đó, thậm chí ông đã lấy những binh sĩ đó lập một tiểu đoàn tạm thời, và sau khi thể hiện phong cách quân sự lịch lãm mà cho đến nay chưa từng có ở một quân đội nào, ông ta cho phép họ đi đều bước cùng với binh sĩ của ông ta điếu qua mặt ông. Ít ra tờ "Daily Telegraph"¹⁴¹ đã thông báo như vậy.

Nhưng chúng tôi xin hỏi: huân tước Ra-ni-lơ hoặc huân tước Be-ri có quyền gì mà lại tự đề cử mình làm những viên tướng của quân tình nguyện và gây ra sự hiềm khích giữa những đơn vị từ trước đến nay vẫn cộng tác với nhau một cách hòa thuận? Cả hai viên sĩ quan đó đều đã phục vụ trong quân đội thường trực; nếu họ có lòng háo danh muốn trở thành tướng, thì trước mắt họ, cũng như trước mắt tất cả những người khác, đã mở ra con đường bình thường để đạt tới địa vị đó; còn xét về địa vị xã hội của mình thì họ có cơ may về việc đó nhiều gấp hàng chục lần so với chán vụn chiến hữu của họ. Họ hiểu rất rõ rằng khi họ gia nhập các đơn vị lính tình nguyện, quân hàm cao nhất trong những đơn vị đó chỉ là hàm trung tá; rằng nếu một lúc nào đó binh lính tình nguyện được gọi vào phục vụ thực sự trong quân đội, thì họ sẽ được phiên chế vào các lữ đoàn cùng với quân đội chủ lực và dân quân và họ sẽ chịu sự chỉ huy của các viên tướng bộ đội chủ lực chỉ huy lữ đoàn; rằng bản chất của tổ

chức quân đội Anh không cho phép tấn phong cấp tướng từ bất kỳ một binh chủng nào, ngoài quân đội chủ lực, cố chiếm cho được chức vị tướng tạm thời của quân tình nguyện là họ cố giành lấy những cương vị mà bản thân họ, cũng như bất kỳ một sĩ quan quân tình nguyện nào, đều không bao giờ được phong và họ cũng không có khả năng đảm đương, vì họ không có kinh nghiệm quản lý một số lượng đông đảo các binh sĩ. Nhưng nếu chỉ do trong một ngày đóng vai tướng, họ cản trở sự thống nhất giữa các đơn vị trong vùng với nhau và có cơ gây ra thiệt hại cho phong trào, thì họ càng đáng phải chịu sự lên án một cách kiên quyết và nghiêm khắc.

Cho đến giờ, trong tất cả các lần tập trung lớn binh sĩ tình nguyện, thì chức vị chỉ huy trưởng và quyền bổ nhiệm tướng chỉ huy sư đoàn và lữ đoàn thường giao cho tư lệnh quân khu. Trong bài trước chúng tôi đã nói^{1*} rằng chúng tôi hoàn toàn tán thành cách thức đó, coi nó phù hợp với lễ nghi và tôn ti trật tự trong quân đội và nó bảo đảm bổ nhiệm những viên chỉ huy có tài. Giờ đây chúng tôi thấy rằng cách thức đó có ý nghĩa rất lớn. Nếu việc chỉ huy các buổi tập trung trong lễ Phục sinh được giao cho các cấp lãnh đạo quân sự thích ứng, thì sẽ không xảy ra tình trạng chia rẽ và có thể tránh được tất cả mọi sự dôi co. Nhưng các vị chỉ huy ở Luân Đôn có lẽ đã gieo rắc trong binh sĩ của mình một sự sợ hãi hết sức vô lý đối với Bộ tổng tham mưu. Họ kêu lên rằng: "Lạy chúa, đừng để Bộ tổng tham mưu đến!". Chúng tôi ở miền Bắc không biểu lộ sự tách biệt như vậy. Chúng tôi luôn luôn có những quan hệ tốt đẹp với những viên chỉ huy quân sự chân chính của chúng tôi và chúng tôi thấy rõ những tính ưu việt của việc đó; chúng tôi cũng hy vọng rằng cái hệ thống trước kia sẽ

1* Xem tập này, tr. 336-338.

làm cho chúng tôi tránh được những cuộc tranh cãi nực cười đang chia rẽ binh sĩ Luân Đôn hiện nay ấy sẽ vẫn còn hiệu lực.

Các vị ở Luân Đôn có thái độ thiếu tin tưởng vào Bộ tổng tham mưu đến mức nào thì dư luận xôn xao sau khi tướng Xcác-lét-tơ được Bộ tổng tham mưu cử đi công tác để báo cáo về tiến trình hành quân cơ động có mặt tại Brai-tơn đã cho thấy rõ. Những nhà thông thái ở các đơn vị khác nhau khê lác đầu với bộ mặt hết sức nghiêm túc. Việc phái viên tướng đó đến đây là một ý đồ của Bộ tổng tham mưu muốn thực hiện bước đầu tiên. Người ta tiên đoán về những hậu quả kinh khủng nhất sẽ đến trong trường hợp nếu người ta cho phép việc đó trở thành một việc bình thường. Binh sĩ tình nguyện chắc chắn sẽ phản đối và trên thực tế người ta đã đề nghị tuyên bố rằng tướng Xcác-lét-tơ không có quyền được chào mừng theo cái lễ nghi chỉ được dành cho toàn quyền. Cuối cùng, vấn đề được giải quyết bằng cách cả hai người trên cùng xuất hiện ngay lập tức và cùng nhau đón nhận sự chào mừng. Nhưng việc những vấn đề đó có thể là đề tài của cuộc tranh luận đã chỉ ra rằng một số binh sĩ tình nguyện đã hiểu sai địa vị của mình đến mức độ nào.

Như vậy, chúng tôi thấy rằng cả về mặt kỷ luật ở các đơn vị, lẫn về mặt tôn ti trật tự, dù chỉ là việc tôn trọng những sĩ quan kỳ cựu, việc tụ hội nhân lễ Phục sinh đó không có lợi gì cho binh sĩ tình nguyện ở Luân Đôn.

Khi đề cập đến một số vấn đề luyện tập trên thực địa, chúng tôi phải nhắc rằng chúng tôi chỉ có thể xuất phát từ những thông báo cực kỳ không đầy đủ và không rõ ràng của báo chí Luân Đôn về những vấn đề quân sự; vì vậy, nếu chúng tôi có mắc một vài sai lầm về thực tế, thì không nên đổ lỗi cho chúng tôi.

Năm lữ đoàn của huân tước Ra-ni-lơ, sau lễ diễu binh, đã chiếm vị trí phía đông Brai-tơn trước mặt thành phố. Các lữ đoàn có số quân không lớn lắm, mỗi lữ đoàn gồm 3 tiểu đoàn, trung

binh mỗi trung đoàn có 400 người; với những lực lượng đó cần phải chiếm một dãy đồi quá rộng khó giữ vững bằng một số quân ít như vậy. Nếu trong trường hợp có 7000 quân tham chiến, thì người ta cho rằng quân thù sẽ không có được sự áp đảo lớn về số quân, bởi vì trong trường hợp ngược lại binh sĩ sẽ phải rút về làm lực lượng hậu bị. Do đó, chỉ huy trưởng sẽ bố trí quân của mình như thường lệ ở tuyến một, tuyến hai và tuyến dự bị, bảo đảm cho cánh của mình càng mạnh càng tốt và giao cho lực lượng dự bị và lực lượng chủ công của mình (dự định bố trí lực lượng này ở phía sau) phải đẩy lùi mọi cuộc vận động vu hồi của đối phương. Nhưng, như chúng ta thấy rõ qua hầu hết các thông báo, huân tước Ra-ni-lơ đã dàn tất cả 7 000 quân của mình thành một tuyến duy nhất! Kế hoạch của ông ta được lập ra theo tính toán với số quân nhiều gấp 3 lần, và vì không có số 20 000 người mà chỉ có 7 000 người, nên ông ta, với lực lượng ít ỏi ấy, đã dàn trận kéo dài khắp khu vực đã dành cho một số quân lớn hơn dự định có. Nếu thực sự làm như vậy, thì vấn đề tham vọng của huân tước Ra-ni-lơ muốn trở thành tướng của quân tình nguyện hoặc của quân đội nào khác đã được giải quyết một cách hoàn toàn. Chúng tôi rất ít nghĩ rằng ông ta đã hành động quá vô lý, nhưng chúng tôi chưa bao giờ thấy những thông báo hầu như nhất trí như vậy của giới báo chí thường đưa ra những tin trái ngược nhau và vì vậy chúng tôi phải tin sự thể đúng là như vậy. Thậm chí chúng tôi được thông báo rằng *đã có* một lực lượng dự trữ nhỏ khoảng vài đại đội, nhưng hai phần ba lực lượng đó ngay lập tức được rút về tuyến một, do đó trên địa hình thao diễn chắc gì người ta đã đề cập đến tuyến hai hoặc tuyến dự bị.

Tuyến một đó cùng với tuyến hai *tưởng tượng* và tuyến dự bị *tưởng tượng* đã bị đối phương giả định tấn công, mà đối phương này đã gặp hỏa lực của các xạ thủ tiên phong trong hàng quân và sau đó đã bị đẩy lùi bởi hỏa lực dày đặc của các đại đội ở cánh phải. Tại sao người ta lại dạy cho lính tình nguyện cách bắn theo

hàng ngang trong thời gian diễn tập, điều đó khó mà nói được. Chúng tôi cho rằng tất cả những binh sĩ đã từng tham gia chiến đấu rồi đều sẽ nhất trí với chúng tôi là cách bắn theo hàng ngang được áp dụng phần nào vào thời các hàng ngang đi đều bước tiến về phía trước - giờ đây đã hoàn toàn lỗi thời rồi, cách bắn đó không thể đem lại ích lợi gì cho kẻ địch xuất hiện ở chính diện và khâu trung gian giữa hỏa lực của những xạ thủ đơn lẻ với loạt đạn chung không được hợp lý.

Đối phương tưởng tượng đã đẩy lùi tuyến quân phòng thủ. Vậy hành động của tuyến hai và tuyến dự bị đã được mô tả như thế nào (như cuối cùng cần phải *giả định* những tuyến đó phải chi viện tuyến một), chúng tôi thấy khó hiểu quá. Các tiểu đoàn phải hình dung không chỉ việc họ đã bị đẩy lùi, mà cả việc họ được chi viện. Sau đấy tuyến hai nằm ở phía sau cũng bị chiếm và cũng phải bỏ lại, nhưng sang tuyến phòng thủ thứ ba thì tình hình đã xoay chuyển theo chiều khác, với lực lượng tiếp viện tưởng tượng đối phương đã bị đánh lui, tuy nhiên chúng không bị truy kích gay gắt lắm.

Tờ "Times" đã thông báo cho chúng tôi rằng những cuộc điều quân mang tính chất hết sức đơn giản. Dưới đây chúng tôi đưa ra một thông báo ngắn mà phóng viên tờ "Telegraph" đã nhận được từ một viên sĩ quan, giống như một bản báo cáo về sự di chuyển của tiểu đoàn anh ta:

"Sau khi đến với hàng ngũ tăng gấp đôi, các hàng ngang đã lập ra ở mặt trước đại đội 1 một tung đội với khoảng cách 40 xa-giê, tung đội đó bắt đầu rẽ trái và triển khai thành đối diện với đại đội 1, hành tiến theo đội hình hàng ngang được sự yểm trợ của đại đội 1, và dừng lại, sau đó có hiệu lệnh tập hợp, các xạ thủ đi đầu bắt đầu hoạt động; hỏa lực từ phía bên phải đại đội; tuyến người rút lui, nó rút về phía sau theo hàng bốn từ cánh phải của các đại đội; mặt chính diện được sắp xếp lại thành hàng dọc, tạo thành một tung đội với khoảng cách 40 xa-giê phía sau đại đội 1; tung đội đó đi theo từng trung đội xung quanh trung tâm; triển khai đội hình để xóa bỏ khoảng cách với phía sau; rẽ sang trái tiến về phía trước; triển khai thành tuyến và bắn một loạt; chuyển từ phải theo đội hình từng đại đội đi dọc theo phía

sau; lập thành hàng ngang với đại đội 1; lập thành tung đội trước đại đội 1 với khoảng cách là 40 xa-giê, triển khai thành mặt chính diện trước đại đội 2; sau đó đại đội 1 tiến lên tuyến chính diện, phần còn lại quặt sang phải tiến về phía trước; lập thành tung đội phía sau đại đội 1 với khoảng cách 40 xa-giê, mỗi hàng 4 người, rẽ sang trái 4 người và bằng cách đó rời khỏi ngọn đồi".

Về việc: những cuộc di chuyển ấy được thực hiện như thế nào, chúng tôi chỉ biết một điều là, như thường xảy ra ở lính tình nguyện, các cự li rất thường hay bị lộn xộn, và khi sắp xếp đội hình, các đại đội vào hàng một cách rời rạc.

Ở Um-đôn, huân tước Gróp-nô sáng sớm cùng với tiểu đoàn của mình đã tiến hành chuyển quân khỏi thành phố, khi hai lữ đoàn của huân tước Be-ri (chưa đầy 4 000 người) đến thành phố. Những buổi luyện tập của hai lữ đoàn đó rất giản đơn, nhưng những buổi đó rất thích hợp để tạo cho binh sĩ có thể hình dung được các động tác và cách chuyển đội hình thường có trong cuộc chiến thực thụ. Tất cả những điều đó đã được trình bày rõ trong lời kêu gọi của đại tá Mác-Mê-rơ-đô đến mức chúng tôi chỉ còn phải nói thêm rằng: ở đây chúng tôi có thấy việc bắn theo hàng ngang được sử dụng để lấp kín thời gian trống giữa lúc các xạ thủ đi đầu rút lui và các loạt đạn được bắn cùng lúc - đó là một thủ thuật mà chúng tôi kiên quyết cho là sai lầm về tất cả mọi mặt. Công tước Oen-lin-ton có lẽ sẽ cho phép binh sĩ của mình vào những thời điểm đó nằm xuống, bò sát đất hơn là đứng lên để rơi vào làn đạn của pháo binh và đáp lại hỏa lực đó bằng những loạt đạn bắn theo hàng ngang yếu ớt, vô hiệu quả và làm bản thân họ mất tinh thần.

Về tất cả những điều còn lại, chúng tôi hoàn toàn đồng ý với ý kiến của đại tá Mác-Mê-rơ-đô phát biểu trong một lời kêu gọi tuyệt diệu mà chúng tôi sẽ dùng nó để kết thúc những nhận xét này của chúng tôi. Chúng tôi hy vọng rằng tất cả binh sĩ tình nguyện sẽ chú ý đến điều ông nói về việc tập luyện đội hình ở cấp đại đội và sẽ ghi nhớ điều đó. Việc huấn luyện ban đầu cho lính

tình nguyện vì cần thiết nên có thể kém hoàn hảo hơn so với việc huấn luyện lính chính quy, nhưng để làm cho các tiểu đoàn được ổn định thì việc huấn luyện ban đầu đó có ý nghĩa hết sức to lớn. Chỉ riêng việc chú ý đặc biệt đến huấn luyện ở cấp đại đội cũng có thể bổ khuyết cho thiếu sót không thể tránh khỏi đó.

Đại tá Mác-Mê-rơ-đô nói:

"Thưa anh em binh sĩ tình nguyện! Đối với những người am hiểu thì không cần thiết phải giải thích một cách chi tiết về những sự vận động mà các anh đã tiến hành hôm nay, nhưng tôi cho rằng cần phải làm cho anh em chú ý đến tính chất của hai vị trí mà các anh đã chiếm trong thời gian các anh vận động trên thao trường. Vị trí thứ nhất mà các anh chiếm giữ là một vị trí hết sức mạnh - nó mạnh đến mức hai phần ba địch quân sẽ không thể hoạt động có kết quả được. Kỵ binh của địch quân sẽ không thể hoạt động có kết quả, pháo binh của địch sẽ không có khả năng gây thiệt hại cho các anh, trừ phi bắn cầu vồng. Giả sử sau khi phát hiện ra vị trí đó là vị trí rất mạnh, kẻ địch có ý định chiếm cao nguyên, nơi mà chúng ta đang có mặt, bằng cách bao vây sườn của chúng ta dọc theo một trong những thung lũng kéo dài về phía Um-đôn. Do vậy, các anh cần bỏ lại cái vị trí mạnh mà các anh đã giữ trước đây bằng cách thay đổi mặt trận sang phía trái. Kẻ thù định giành hai mục đích. Chúng định tiến ra địa hình bằng phẳng, lợi dụng lợi thế đó nó có thể phát huy tác dụng của pháo binh và kỵ binh, và có thể sử dụng cả bộ binh; kẻ địch còn muốn đi vòng cánh trái của các anh để tiến ra đường Um-đôn và theo con đường đó kẻ địch có thể vượt qua mặt trận của các anh tiến về Luân Đôn. Tôi muốn chỉ cho các anh thấy sự khác nhau giữa hai vị trí mà các anh giữ. Tình hình sẽ hoàn toàn khác đi khi các anh bố trí quân dọc theo cái đỉnh cao vươn dài và khó vượt qua đó, nơi cả kỵ binh lẫn pháo binh của kẻ thù đều không với tới các anh được. Tại đó các anh đã ngăn chặn kẻ thù và tại đó bất kỳ một số lượng binh sĩ dũng cảm nào cũng có thể chặn đứng được kẻ thù. Nhưng ở đây các anh đã được bố trí như thể trên một cái bàn bi-a độc đáo, tại đó, có thể, các anh sẽ bị đập liên tục bởi những binh sĩ thiện chiến ở châu Âu. Tôi đã nhận xét rằng trong việc xếp thành tuyến tại đây có một số tiểu đoàn không được ổn định. Tôi không chê trách họ về điểm đó, bởi vì cho đến nay họ có rất ít thực tiễn. Dù sao thì những tiểu đoàn ấy cũng đã không ổn định, và nếu ngày nay các tiểu đoàn đó chưa ổn định trong việc xếp thành tuyến, thì việc gì sẽ xảy ra, nếu cái bình nguyên này bị khống chế bởi hỏa lực của pháo binh địch, nếu các anh mệt nhọc vì khát nước, xung quanh các anh nhiều chiến hữu của các anh ngã xuống, và nếu bỗng nhiên, giữa bụi và khói lửa, các anh cảm thấy rằng mặt đất

đang rung lên dưới chân các anh bởi một cuộc tấn công như vũ bão của kỵ binh địch? Các anh thử nghĩ xem những người lính trẻ có thể rất dễ dàng dao động trong những hoàn cảnh như vậy. Làm sao có thể khắc phục được tất cả những điều đó? Bằng kỷ luật và chỉ có thể bằng kỷ luật. Tôi không hiểu thuật ngữ "kỷ luật" theo nghĩa là uốn nắn hành vi xấu; tôi có ý nói thuật ngữ đó là sự thống nhất, một sự kết hợp đã thành thói quen giữa tinh thần và thể chất nhằm thực hiện một mục tiêu nào đó, - đó là sự kết hợp giữa tinh thần và thể chất khơi động tất cả mọi thứ nói chung và bắt buộc một đại đội, một tiểu đoàn hoặc một lữ đoàn phải hoạt động như một cái máy. Mà điều đó chỉ có thể đạt được nhờ sự huấn luyện ở đại đội; điều đó chỉ có thể đạt được bằng cách chú trọng đến việc huấn luyện cho từng cá nhân, bởi vì tôi coi đại đội như là một đơn vị của quân đội, và nếu từng chiến sĩ được huấn luyện một cách kỹ lưỡng và họ có ý chí kiên cường, thì cả đại đội sẽ kiên cường, có nghĩa là toàn quân cũng sẽ kiên cường. Tất cả những gì mà các anh đã học được trong khi học xạ kích, tất cả lòng hăng hái của các anh, toàn bộ lòng yêu nước của các anh đều sẽ trở nên vô ích trong ngày chiến đấu, nếu không nắm vững một cách hoàn chỉnh những kiến thức huấn luyện ở đại đội. Việc huấn luyện ở đại đội, chỉ có sự huấn luyện đó mới có thể giúp được các anh; vì vậy tôi đề nghị các anh hãy suy nghĩ điều này: bắn giỏi chưa phải là tất cả, không có gì có thể giúp được các anh chừng nào các anh chưa có được sự vững vàng tuyệt đối trong đội hình dưới làn đạn của kẻ thù. Hỡi những người quân tử, giờ đây các anh có một công việc nặng nề trên mảnh đất ẩm ướt, vì vậy tôi không muốn giữ các anh lâu hơn nữa, để các anh ai về nhà nấy, những ngôi nhà mà các anh có khả năng bảo vệ một cách có kết quả".

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 4 tháng Tư 1861
Đã đăng trên tạp chí "The Volunteer
Journal, for Lancashire and Cheshire" số
31, ngày 6 tháng Tư 1861
Ký tên: Ph.Ă.*

*In theo bản đăng trên tạp
chí
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

HUẤN LUYỆN QUÂN SỰ Ở CẤP ĐẠI ĐỘI

Trong số tạp chí trước của chúng tôi, chúng tôi lưu ý lính tình nguyện đặc biệt chú ý đến ý kiến nhận xét của đại tá Mác-Mê-rơ-đô về huấn luyện quân sự ở cấp đại đội^{1*}. Bây giờ chúng tôi quay trở lại vấn đề này vì cho rằng đã đến lúc mỗi xạ thủ trong nước phải đánh giá đầy đủ tầm quan trọng của việc huấn luyện quân sự ở cấp đại đội.

Gần đây chúng tôi đã có dịp quan sát một cuộc huấn luyện quân sự ở cấp tiểu đoàn của một đơn vị quân tình nguyện mà, nói chung, đứng tuyệt đối cao hơn trình độ trung bình trong bộ đội quân khu chúng ta về mặt số lượng chiến sĩ, về việc dự tập luyện đầy đủ, việc quan tâm của sĩ quan đối với công việc và, do đó, về mặt khả năng chiến đấu nói chung. Thật rất ngạc nhiên, chúng tôi phát hiện thấy những thành tích rất nhỏ bé so với những điều chúng tôi tai nghe mắt thấy cũng ở đơn vị này cách đây sáu tháng. Việc sắp xếp đội hình tiểu đoàn được tiến hành tốt hơn cuối mùa trước một ít, nhưng thao tác súng và sắp xếp đội hình trung đội thì rất cẩu thả. Ngay cả động tác khoác súng "lên vai", mỗi lính tình nguyện dường như hành động như thể hoàn toàn không biết chính xác mình phải làm gì cho khớp với bốn trăm

người bên phải, bên trái và đằng sau mình. Lúc chuẩn bị bắn và ngắm bắn, mỗi khẩu súng trường dường như đã tự hào về việc nó đã tiếp nhận một vị trí cần thiết không phụ thuộc vào bạn láng giềng của nó; và nói chung, việc bình thản bỏ ngoài tai tiếng hô "một - hai!" hoặc "một - hai - ba!" thể hiện việc thực hiện mỗi lời chỉ huy dường như là một hiện tượng bình thường.

Ở một góc sân doanh trại, nơi lính đang luyện tập quân sự ở cấp đại đội, chúng tôi tình cờ thấy được một nhóm lính của trung đoàn chủ lực xếp hàng để học động tác quân sự dưới sự chỉ huy của viên trung sĩ. Chúng tôi cho rằng đó là nhóm lính chậm tiến trong việc huấn luyện quân sự cấp tiểu đoàn, được tập hợp lại để học bổ túc. Nhưng thật khác nhau làm sao! Những con người đứng như tượng, không một khớp xương nào nhúc nhích, chừng nào chưa có lệnh, và lúc ấy chỉ có những bộ phận nào của cơ thể phải thực hiện nhiệm vụ là cử động, - còn những bộ phận còn lại thì vẫn hoàn toàn bất động. Khi lệnh chỉ huy đến tai xạ thủ, thì mỗi khẩu súng chuyển động đồng thời với những khẩu súng khác, mỗi động tác trong số những động tác nhằm thực hiện mệnh lệnh đều hoàn toàn rạch ròi và đều được tất cả mọi người tiến hành cùng một lúc. Quả thực, cả toán lính đều tiến hành động tác như một người. Những bậc quân tử thích khoe rằng lính tình nguyện có thể thực hiện mọi việc cũng tốt như quân chủ lực nên đã tìm hiểu chút ít về quân chủ lực; lúc đó họ lập tức thấy rằng giữa những lính tình nguyện ưu tú nhất và một trung đoàn chủ lực được huấn luyện kém hơn tất cả những trung đoàn khác, cho đến nay vẫn còn có sự khác nhau rất lớn.

Nhưng, - người ta có thể hỏi, - lính tình nguyện có lợi gì trong việc đạt tới sự hoàn hảo như vậy về huấn luyện động tác quân sự? Quân tình nguyện lập ra không phải để làm việc ấy, cũng không thể mong đợi điều ấy ở họ, và lại cũng không đòi hỏi họ phải làm như vậy. Bản thân ý định bắt lính tình nguyện cạnh tranh với quân chủ lực về sự hoàn hảo của việc luyện tập động

^{1*} Xem tập này, tr. 344-347.

tác quân sự sẽ làm cho phong trào đó đổ vỡ. Nhưng lính tình nguyện phải có kỹ năng làm động tác quân sự, hơn nữa phải có kỹ năng thế nào để những động tác chung đồng thời ấy trở nên hoàn toàn máy móc, hoàn toàn tự nhiên đối với họ, để tất cả mọi người tiến chuyển động và tác động của họ có thể do tất cả mọi người tiến hành hoàn toàn vững vàng, cùng một lúc và với một trình độ phong cách quân nhân nhất định. Trong tất cả những vấn đề ấy, quân chủ lực vẫn sẽ là mẫu mực mà lính tình nguyện phải vươn lên ngang tầm, nâng cao kỹ năng của mình, việc luyện tập quân sự ở cấp đại đội phải trở thành biện pháp mà chỉ nhờ có nó mới có thể đạt được trình độ cần thiết.

Chúng ta hãy xét việc huấn luyện các thao tác súng trường và việc luyện tập cấp trung đội. Tất cả mọi khẩu súng trường trong tiểu đoàn đều phải chuyển động cùng một lúc, theo mỗi lời hô của chỉ huy và theo những quy tắc đã ấn định, - đây không đơn thuần là vấn đề vẻ bề ngoài. Cần phải nhận thấy rằng tất cả các đơn vị quân tình nguyện giờ đây đã có tiến bộ là lính có thể làm những khoa mục này mà không chạm nhau và không vướng súng vào nhau. Nhưng cho dù không kể điều này, bản thân việc thực hiện cầu thả các động tác cũng có ảnh hưởng rất lớn về tinh thần đến tiểu đoàn được huấn luyện. Tại sao bất cứ ai trong số những người lính ấy phải đặc biệt chú ý đến lệnh chỉ huy, nếu anh ta thấy bên phải và bên trái làm sai và nếu súng được bồng lên hạ xuống một cách lộn xộn rất lâu sau khi anh ta đã hoàn thành mệnh lệnh? Làm thế nào mà người lính ở sườn trái khi đứng trước kẻ địch lại có thể vững tin những đồng đội mình đang ở sườn phải, nếu anh ta không biết rằng họ sẽ nạp đạn vào súng, chuẩn bị bắn và ngắm bắn cùng với anh ta theo lệnh đã ra và lại sẽ sẵn sàng cùng một lúc với anh ta bắt đầu hoặc lao vào tấn công? Hơn nữa, bất kỳ người lính dày dạn kinh nghiệm nào cũng đều sẽ nói với bạn rằng thói quen hành động cùng một lúc như vậy -

niềm tin chắc rằng lệnh của viên sĩ quan kèm theo hai ba tiếng rành rọt chỉ ra rằng mỗi người lính hành động cùng một lúc với đồng đội mình - có ảnh hưởng tinh thần rất lớn đến tiểu đoàn. Điều đó làm cho người lính nhận thức một sự thực là dường như họ thực sự tạo thành một cơ thể thống nhất, rằng họ hoàn toàn nằm trong tay viên chỉ huy có thể sử dụng ngay tức khắc sức lực của họ với kết quả lớn nhất.

Mặt khác, chúng ta hãy xét động tác của những đơn vị quân đội lớn hoặc nhỏ. Chẳng nào mỗi người lính chưa củng cố kỹ năng làm động tác quân sự của mình đến mức mọi động tác họ phải làm cho đều sẽ thực hiện theo lệnh một cách hầu như máy móc, thì tiểu đoàn sẽ không bao giờ vận động một cách vững vàng. Một người lính còn phải moi trong trí nhớ hoặc phải nghĩ nát óc để hiểu mệnh lệnh đã ra đòi hỏi những gì ở họ, người lính đó sẽ có hại hơn là có lợi cho tiểu đoàn. Điều đó sẽ xảy ra với người lính do thói quen hoặc những nguyên nhân khác nào đó mà muốn nghĩ rằng tiếp theo những động tác nhất định ắt phải có những động tác khác; anh ta thường sẽ nghe mệnh lệnh hoàn toàn khác với mệnh lệnh mà anh ta chờ đợi và rất chắc chắn lúc đó anh ta sẽ làm sai. Mà những sai sót đó chỉ có thể trừ bỏ bằng cách tập luyện động tác quân sự cấp đại đội một cách có hệ thống. Ở đây người sĩ quan sẽ có thể bắt một đơn vị nhỏ do mình chỉ huy phải thực hiện trong nháy mắt biết bao nhiêu động tác và chuyển động sắp xếp đội hình, sẽ có thể đa dạng hóa thể thức chuyển từ đội hình này sang đội hình khác đến mức những người lính không bao giờ biết cái gì tiếp theo sau, sẽ nhanh chóng học được cách chăm chú và đáp lại lệnh chỉ huy một cách hoàn toàn máy móc. Trong tiểu đoàn, tất cả mọi động tác đều không khởi thực hiện chậm hơn và, do đó, nhìn chung chúng kém bổ ích đối với lính, tuy bổ ích hơn đối với sĩ quan; nhưng một sự thực được mọi người thừa nhận là những người lính đã đạt tới độ hoàn hảo trong việc tập luyện ở cấp đại đội, trong một thời gian rất ngắn dưới sự chỉ huy

của những sĩ quan giỏi sẽ học nắm vững cách chuyển đội hình trong thành phần tiểu đoàn. Lính tập luyện càng nhiều về chuyển đội hình ở cấp đại đội dưới sự lãnh đạo của một huấn luyện viên hiểu biết, nhanh nhẹn, tháo vát, thì sau này họ sẽ hành động càng vững tin trong tiểu đoàn. Và không cần phải chỉ ra rằng trong tiểu đoàn sự chính xác hoàn toàn quan trọng biết nhường nào; loạt đạn có thể bắn phần nào lộn xộn mà vẫn đạt được kết quả; nhưng tiểu đoàn lúng túng trong việc sắp xếp đội hình hình vuông, trong việc triển khai, trong việc quay ở đội hình hàng dọc, v.v., thì có thể bị thất tán không thể cứu vãn được, nếu trước mắt là kẻ địch năng nổ và nhiều kinh nghiệm.

Rồi một vấn đề quan trọng là vấn đề cự li. Một sự thực không thể chối cãi là không một sĩ quan quân tình nguyện hoặc lính tình nguyện nào có kỹ năng dùng mắt xác định cự li. Mỗi cuộc tập luyện cấp tiểu đoàn đều cho thấy rằng các sĩ quan khó duy trì biết nhường nào cự li đúng đắn khi tiểu đoàn đi đều bước theo hàng dọc chia cắt hoặc siết chặt và khi triển khai. Lúc từ đội hình hình vuông chuyển sang xếp hàng dọc, lính tình nguyện của những tiểu đội ở trung lộ hầu như bao giờ cũng mất cự li của mình; họ lùi xuống phía sau quá xa hoặc quá gần và, do đó, việc vòng lại trở nên rất không đúng bài bản. Các sĩ quan chỉ có thể học được cách giữ cự li trong tiểu đoàn, tuy việc sắp xếp đội hình theo trung đội và tiểu đội có giúp ích cho họ; nhưng lính tình nguyện, muốn học được cách xếp hàng dọc từ đội hình hình vuông (cách sắp xếp đội hình hết sức quan trọng trước mắt kẻ địch), thì phải thực tập việc này ở các đại đội của mình.

Cần phải xét một vấn đề khác nữa: đó là vấn đề tác phong quân sự. Ý chúng tôi muốn nói không chỉ sự gọn gàng, phong thái và tư thế thoải mái của từng người lính tại ngũ, mà cả những động tác nhanh và đều trong việc chuyển đổi đội hình cấp đại đội và tiểu đoàn rất cần thiết cho bất kỳ đơn vị nào khi vận động, cũng như cho tiểu đoàn khi thao tác súng tại chỗ. Lính tình nguyện

dường như hoàn toàn miễn nguyện, nếu họ chập vạt đứng được vào vị trí dành cho họ lúc gần đến thời gian cần thiết, thông thường kể cả mấy giây xả hơi. Chắc chắn vấn đề này là vấn đề chủ yếu, và trong năm đầu tồn tại của các đơn vị quân tình nguyện, ai nấy cũng có thể hoàn toàn thỏa mãn về điều này. Nhưng mỗi động tác đều có cách thức thực hiện nhất định, do điều lệnh yêu cầu, hơn nữa nó là cách thức mà với nó, mục đích cần thiết có thể đạt được trong một thời gian càng ngắn càng tốt và bằng con đường tiện lợi nhất đối với tất cả những người thực hiện động tác này và, do vậy, hết sức tốt. Từ đó có thể rút ra kết luận rằng mọi sự sai lệch cách thức quy định không khỏi liên quan với việc vi phạm phần nào trật tự và thiếu sự phối hợp ăn ý và nhất quán; điều này làm cho người quan sát có ấn tượng là chấp hành cầu thả, mà còn gây lãng phí thời gian trên một mức độ nhất định và bắt người lính phải nghĩ rằng một số điều lệnh hết sức vô lý. Hãy để cho một người lính nào đó nhìn một đơn vị quân tình nguyện khi đang vận động trong đội hình hàng dọc từ trung lộ và chính diện thành bốn đường, xếp theo đại đội hoặc tiến hành một sự chuyển đổi đội hình khác nào đó, thì người lính ấy sẽ lập tức thấy chúng ta đã nhiễm những thói quen cầu thả nào. Nhưng những thiếu sót có thể chịu được ở một trung đoàn chủ lực cũ có nền tảng tốt về huấn luyện cơ bản và có thể bắt nó lại phải kinh qua cùng một sự huấn luyện ấy và dứt bỏ cung cách ứng dụng của nó, lại nguy hiểm hơn nhiều ở một đơn vị quân tình nguyện, nơi mà nền tảng chững chạc ấy về huấn luyện chi tiết nhất định thiếu. Sự cầu thả vốn có của họ đành phải cam chịu lúc đầu, khi binh lính *phải* vội vã trải qua toàn bộ khóa huấn luyện cơ bản, sẽ tăng lên và được nhân lên, nếu không hạn chế nó bằng việc huấn luyện đều đặn, cần mẫn và nghiêm ngặt ở cấp đại đội. Sẽ không thể hoàn toàn từ bỏ những thói quen cầu thả như vậy, nhưng dù sao chúng cũng có thể và phải hạn chế thế nào để chúng không tiếp tục lan rộng ra. Còn về kỹ năng cá nhân của từng người lính, thì chúng tôi cho là nó sẽ dần dần được cải

thiện, tuy chúng tôi rất ngờ là đội hình không ổn định vốn có của lính tình nguyện ấy bước tại chỗ thường thấy ở tất cả mọi cuộc tập luyện của quân tình nguyện có biến mất vào một lúc nào đó hay không. Chúng tôi có ý nói thói quen chuyển động phần trên của cơ thể khi bước tại chỗ, thói quen mà xem ra tất thấy những lính tình nguyện chúng tôi từng thấy đều mắc phải. Một khi chân phải nâng lên thì vai phải cũng nâng lên và vai trái hạ xuống; cùng với chân trái, vai trái cũng chuyển động lên trên, và như vậy toàn bộ chính diện chuyển động về phía sau và về phía trước, giống như cánh đồng lúa mì đã chín chuyển động dưới sức gió mạnh, chẳng giống mấy với đội ngũ những người lính kiên nghị sẵn sàng giáp mặt kẻ thù.

Chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi đã nói đủ để thu hút sự chú ý đối với vấn đề này. Mỗi người lính tha thiết với phong trào lính tình nguyện đều sẽ đồng ý với chúng tôi về những điều liên quan đến sự cần thiết phải tập luyện thường xuyên và cần mẫn ở cấp đại đội; vì, xin phép nhắc lại, việc huấn luyện ban đầu cho quân tình nguyện luôn luôn không được chú ý thích đáng, nên cần phải chú ý nhiều và phải rèn luyện công phu để bù đắp phần thiếu sót này.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào giữa tháng Tư
1861
Đã đăng trên tạp chí "The Volunteer
Journal, for Lancashire and Cheshire"
số 33, ngày 20 tháng Tư 1861*

*In theo bản đăng trên tạp
chí
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

SÚNG TRƯỜNG VÀ BẮN SÚNG TRƯỜNG

SÚNG TRƯỜNG LAN-CA-XTƠ VÀ SÚNG TRƯỜNG EN-PHIN

Cuộc tranh tài cách đây không lâu mà chúng tôi đã đưa tin trên các số tạp chí của chúng tôi ra ngày 6 và 13 tháng Tư giữa trung uý Oan-lin-gơ với các trung sĩ công binh một lần nữa lại thu hút sự chú ý của công chúng đối với chất lượng của súng trường Lan-ca-xtơ, đặc biệt với tư cách là một thứ vũ khí chiến đấu mẫu của quân đội. Trong thời gian tranh tài ở Sa-tam các trung sĩ đã bắn súng các-bin quân dụng bình thường Lan-ca-xtơ 577 nòng có rãnh xoắn hình ô-van, trang bị cho bộ đội công binh, trị giá gần 4 pao xtéc-linh. So sánh lại vũ khí này với loại súng trường Uýt-uốc hảo hạng trị giá 25 p.xt. rõ ràng là không đúng. Thích hợp hơn là có thể so sánh giữa súng các-bin Lan-ca-xtơ với súng trường bình thường En-phin, bởi vì sự chênh lệch về giá cả giữa hai loại vũ khí này không lớn lắm, và giá của súng trường Lan-ca-xtơ dường như ngang bằng với giá súng trường En-phin, nếu nó cũng được sản xuất với một số lượng lớn như vậy trong các nhà máy của chính phủ. Khi đó chỉ còn lại vấn đề: súng trường Lan-ca-xtơ có phải là loại súng trường tốt nhất hay không? Tác giả của một bài đăng trên tờ "London Review"¹⁴², xuất phát từ những nguyên tắc chung và cũng dựa trên cơ sở kinh nghiệm thực sự đã trả lời câu hỏi đó một cách khẳng định; chúng tôi chú ý

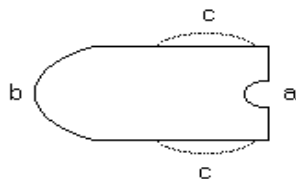
đến những đoạn trích sau đây trong bài báo của ông ta về chủ đề này:

"Quy luật quyết định sự chính xác trong khi bắn súng trường rất đơn giản. Chỉ cần xác định được tỷ số nhất định giữa độ dài và đường kính của viên đạn, làm cho viên đạn chuyển động xoay quanh trục dọc của nó để nhờ đó có thể đạt được sự chính xác tuyệt đối trong khi bắn, không kể chuyển động xoay hoặc chuyển động xoáy ốc đó được truyền cho viên đạn bằng cách nào. Điều đó có nghĩa là nòng súng có thể có một số lượng bất kỳ các rãnh xoắn mọi hình dạng hoặc hoàn toàn không có rãnh xoắn, nhưng nếu giữ được tỷ số nói trên và nếu viên đạn có chuyển động xoay thoả đáng, thì độ bắn chính xác trong tất cả mọi trường hợp đều sẽ như nhau. Tuy nhiên trong khi lựa chọn vũ khí thích hợp cho người lính, trước tiên cần phải tuân thủ một điều là trọng lượng và chiều dài của vũ khí không được vượt quá một giới hạn nhất định, vũ khí đó phải dễ nạp đạn và dễ lau chùi. Vì vậy muốn để cho vũ khí đó dễ nạp đạn, thì diện tích bề mặt chịu ma sát lúc nạp đạn càng nhỏ càng tốt và khi chọn hình dạng rãnh xoắn cần phải cố gắng tránh hoàn toàn mọi góc cạnh. Chúng tôi không biết một hình dạng nào khác có thể thỏa mãn những yêu cầu đó tốt hơn là đường xoắn hình ô-van, bởi vì với hình dạng đó của nòng súng lúc nạp đạn chỉ có hai bề mặt ma sát và không có bất kỳ một hình dạng nào khác có những thuận tiện như vậy khi lau chùi bằng những phương tiện ít ỏi mà người lính có được trong hoàn cảnh chiến đấu. Ý kiến này có lẽ đã được khẳng định bởi những kết quả của chiến dịch ở Ấn Độ và bởi những cuộc thử nghiệm ở Man-ta, ở Gi-bran-ta và ở nhiều nơi khác ngoài biên giới nước Anh. Người ta nói rằng ở Ấn Độ súng trường En-phin đã hoàn toàn "ngừng hoạt động" trong nhiều thời kỳ hiểm nghèo của chiến dịch. Báo chí, thư riêng và những bản báo cáo chính thức chứa đầy những lời kêu ca như thế; tuy nhiên cũng với số đạn được như vậy, cũng trong hoàn cảnh như vậy, súng trường có rãnh xoắn hình ô-van trang bị cho công binh thì luôn luôn hoạt động một cách trôi chảy, khiến sĩ quan và binh lính đều rất hài lòng.

Súng trường En-phin cỡ nhỏ hơn và sử dụng đạn dài hơn cũng đem lại những kết quả tốt đẹp như súng trường Uýt-uốc; súng trường quân dụng En-phin hiện đang được sử dụng dù sao cũng là một ý đồ thỏa mãn những yêu cầu khó thực hiện được. Những sĩ quan có trách nhiệm thiết kế vũ khí ấy không được phép giảm cỡ súng đó nhỏ hơn giới hạn quy định. Vì vậy người ta đã thông qua một cỡ tiêu chuẩn là 0,577 in-sơ. Vì đường kính của nòng súng quá lớn, nên đã gây ra một trở ngại, đó là khó đạt được sự khít hoàn toàn và kín tuyệt đối giữa viên đạn và thành của nòng súng khi viên đạn chuyển động trong nòng súng dưới tác động của thuốc nổ bị cháy. Chúng ta sẽ xem xét những kết quả thực tế của các điều kiện chưa hoàn hảo đó thể hiện ở súng

trường En-phin. Trọng lượng của một viên đạn theo quy định là 530 gran^{1*} lượng thuốc nổ là 70 gran, cỡ súng, như đã nói ở trên, là 0,577 in-sơ. Áp lực do 70 gran thuốc khi nổ tác động lên một diện tích khá lớn tiết diện ngang ở viên đạn sẽ không đủ và không thể đủ để bảo đảm trong tất cả các trường hợp làm giãn nở viên đạn theo yêu cầu và để bảo đảm cho viên đạn bít kín các rãnh xoắn. Những thí nghiệm được tiến hành hết sức tỉ mỉ cho thấy rằng thậm chí có đến 10% số đạn không giãn nở một cách đều đặn và to về các phía. Đôi khi trên viên đạn có thể thấy rõ dấu vết của một rãnh, đôi khi của hai rãnh, và chỉ có 1/10 tổng số đạn đã sản xuất giãn nở hoàn toàn. Đó là nguyên nhân khiến súng trường quân dụng cỡ 0,577 in-sơ bắn không thật chuẩn xác.

Những điều kiện tốt nhất để bắn chính xác những súng trường có rãnh với *bất kỳ hình dạng nào* là như sau: cỡ súng phải bằng 0,5 in-sơ, chiều dài viên đạn là 1,12 in-sơ, độ xoắn, tức bước ren bằng 1/18 in-sơ, lượng thuốc nổ bằng 90-100 gran (N°6) với trọng lượng của viên đạn như thế, nghĩa là 530 gran. Với những điều kiện đó, áp lực tác động đến diện tích tiết diện ngang của viên đạn có thể coi là đã tăng thêm, do đó viên đạn luôn luôn áp sát thành nòng súng, nhờ chỗ đường kính của nòng súng giảm bớt, cho phép tăng độ dài của viên đạn, hơn nữa không còn cần cái ống bọc bằng gỗ trong viên đạn mẫu hiện nay dùng để tăng thêm phần kim loại nữa. Vì vậy viên đạn sẽ đồng chất và đặc, có chiều dài xấp xỉ bằng ba lần đường kính. Khi nổ, sức giãn nở của khí thuốc tác động trước tiên đến đáy viên đạn, nghĩa là tác động đến phần phía sau của viên đạn (*a*), còn việc truyền động lực tuy xảy ra trong chớp mắt nhưng vẫn gặp lực cản dưới hình thức vis inertiae^{2*} của khối kim loại làm ra viên đạn - đó là lực cản theo suốt chiều dài của viên đạn (từ *a* đến *b*) và lực cản này được tăng thêm do lực cản ngược lại của không khí trong nòng súng.



Viên đạn dùng cho súng trường cỡ nhỏ

1* gran = 0,062 gam

2* - lực quán tính

Thoạt nhìn ai cũng thấy rằng lực cản đó phải thể hiện ở phần giữa của viên đạn hoặc ở diện cản lớn nhất (*c*), do đó viên đạn giãn nở hoàn toàn tự nhiên ở phần này ắt phải hơi ngắn lại khoảng 0,1 in-sơ, trong khi đó đường kính của phần giữa viên đạn sẽ tăng với mức đủ để có hình dạng hoàn toàn giống hệt hình dạng của nòng súng, cho dù nòng súng có hình dạng như thế nào chăng nữa.

Nếu những điều kiện hoàn hảo hơn này được thực hiện, thì trong số năm trăm trường hợp không có trường hợp nào đạn không giãn nở đầy đủ, viên đạn luôn luôn khớp với nòng súng, do đó mà đạt độ bắn chính xác tuyệt vời.

Những ý kiến này được áp dụng đối với mọi loại súng trường.

Vậy những điều kiện thuận lợi đó đem lại cho súng trường cái gì và tại sao chúng nâng cao độ bắn chính xác? Sau khi chỉ ra bằng cách nào viên đạn khít với khuôn nòng súng, chúng tôi sẽ cố gắng nghiên cứu những kết quả của sự việc đó. Một trong những thành tựu chủ yếu trong khi chế tạo súng trường là có được "đường đạn thoải thoải"; điều đó có nghĩa là đường cong do viên đạn vạch ra trong khi bay phải thật gần với đường thẳng, do đó tất yếu nảy sinh một sự cần thiết vô điều kiện là viên đạn phải có tốc độ lớn, làm giảm đến mức tối thiểu trọng lực - là lực làm cho quỹ đạo của viên đạn ngày càng thấp xuống khi nó bay. Mục tiêu đầu tiên có thể đạt được bằng cách giảm bớt cỡ súng, còn tốc độ cao nhất và độ bắn chính xác nhất có thể đạt được trong điều kiện tăng thêm lượng thuốc súng tác động lên diện tích nhỏ hơn của mặt cắt ngang của viên đạn.

Về hệ thống tạo rãnh, từ những điều chúng tôi đã trình bày ở trên có thể kết luận rằng do viên đạn khi bay ra khỏi nòng súng có được sự "xoay" cần thiết, nên về thực chất không cần phải chú ý xem chuyển động xoay đó được truyền cho viên đạn đó như thế nào: nòng súng có sáu cạnh như súng trường Uýt-uốc, hay là hình ô-van như súng trường Lan-ca-xtơ, hoặc có ba rãnh như súng trường En-phin. Cũng không cần phải có nhiều rãnh, bởi vì dù chỉ *một* rãnh mà cuốn viên đạn đi với một lực đủ mạnh để làm cho nó chuyển động xoay thì điều kiện cần thiết sẽ đạt được. Tuy nhiên, có thể dễ dàng chứng minh rằng một vài hệ thống rãnh có thiếu sót. Nếu những đường rãnh tạo ra các góc cạnh, thì một phần lực nào đó sẽ bị mất đi để khi nổ ra, viên đạn lấp kín cả những góc đó, chưa kể hơi có thể thoát ra ở những chỗ đó. Ngoài ra, mỗi một góc là một chỗ yếu của nòng súng; thiếu sót đó thể hiện ở mọi đường rãnh và tỷ lệ thuận với độ sâu của chúng. Vì vậy về mặt lý thuyết thì hình dạng tối ưu là đường xoắn hình ô-van của súng trường Lan-ca-xtơ, súng này có mặt trong của nòng mà viên đạn dễ tiếp nhận hơn cả khi nó nổ rất không đáng kể.

Súng trường Lan-ca-xtơ có nhiều ưu điểm, điều này thấy rõ qua một sự thực là trước khi sử dụng súng trường En-phin là loại súng trường thời đó đã cạnh tranh với

súng trường Lan-ca-xơ, súng trường Lan-ca-xơ đã được bốn uỷ ban hoàn toàn khác nhau ưa thích loại súng trường này hơn giới thiệu. Nó được đem trình lên viên tổng tư lệnh để ông ta tán thành và được ông ta gửi đi Hai-tơ để ra quyết định cuối cùng. Bản báo cáo đầu tiên của các sĩ quan trường bộ binh ở đó rất thuận lợi, nhưng trong bản báo cáo thứ hai họ tán thành dùng súng trường En-phin. Nguyên nhân tạo ra quyết định đó là ở chỗ các viên đạn "bật khỏi các đường rãnh". Tuy nhiên về sau người ta mới biết rõ sự việc như sau: 10 000 viên đạn Prít-sét-tơ đầu tiên dùng để tiến hành những cuộc thử nghiệm đầu tiên là đạn đạt cỡ đúng với tiêu chuẩn quy định. Việc sử dụng những viên đạn này đã đem lại những kết quả tốt đẹp. Trong các cuộc thử nghiệm tiếp sau người ta sử dụng các loại đạn khác những viên đạn đầu tiên được sản xuất vào năm 1853, những viên đạn sau được sản xuất vào năm 1854; trong khi đó những sĩ quan tiến hành bắn thử ở Hai-tơ lại không hề biết gì về sự khác nhau giữa những viên đạn đó, bởi vì chẳng ai báo cho họ biết rằng đường kính của những viên đạn sản xuất năm 1854 nhỏ hơn đường kính của những viên đạn sản xuất năm 1853 là 0,007 in-sơ.

Điều này chỉ được phát hiện sau một năm rưỡi từ khi quyết định dứt khoát dùng súng trường En-phin, khi đại tá (lúc ấy là đại uý) Phít-xơ-rôi Xô-móc-xét đang thử nghiệm loại súng các-bin mới có nòng súng hình ô-van dùng cho công binh. Một điều dễ hiểu là vì đường kính của viên đạn Prít-sét-tơ nhỏ hơn tiêu chuẩn quy định, cho nên trong nhiều trường hợp, đặc biệt là khi độ rần của chì quá lớn, viên đạn phải bay ra khỏi nòng súng mà không xoáy tít, có nghĩa là viên đạn đó không nổ ra đúng theo yêu cầu để vừa khít với nòng súng, cho dù đó là súng trường Lan-ca-xơ hoặc bất kỳ loại súng trường nào khác.

Chúng tôi cho rằng chưa chắc đã có người nghi ngờ một việc là: súng trường Uýt-uốc sử dụng trong quân đội quá đắt và đòi hỏi phải bảo dưỡng một cách cẩn thận hơn so với điều kiện cho phép trong hoàn cảnh chiến đấu; vì vậy cần phải tiến hành thử nghiệm súng trường Lan-ca-xơ và súng trường En-phin hoặc những súng trường khác thích ứng trong điều kiện khó khăn của thời chiến. Tuy nhiên những cuộc thử nghiệm đó cần được tiến hành không phải dưới hình thức những cuộc thi bắn, mà là dưới hình thức bắn có giá súng cố định, với lượng thuốc súng như nhau và với những viên đạn có trọng lượng và hình dạng như nhau, phải tiến hành sao cho tất cả những điều kiện phải như nhau và kết quả thử nghiệm chỉ phụ thuộc vào những tính năng của bản thân vũ khí".

Tất cả những ý kiến nhận xét trên đây liên quan đến hai vấn đề khác nhau: 1) Tỷ lệ tối ưu giữa đường kính và chiều dài của viên đạn thuận thuận để bắn bằng *bất kỳ* khẩu súng trường nào,

như thế nào và 2) Súng trường Lan-ca-xơ nòng hình ô van có những ưu điểm gì?

Về vấn đề đầu tiên, chúng tôi không đồng ý với tác giả rằng cần phải chú trọng cỡ đạn tối ưu theo ý kiến của tác giả hơn tất cả mọi cỡ khác. Những súng trường cho đến tận bây giờ vẫn cho những kết quả mỹ mãn - súng trường Thụy Sĩ và súng trường Uýt-uốc - cả hai đều có cỡ nhỏ hơn 0,5 in-sơ và có độ dài viên đạn tương đối lớn hơn. Tuy nhiên, ở đây chúng tôi không thể bàn luận về vấn đề mang tính chất chung đó.

Về vấn đề thứ hai, chúng tôi không hề thấy tác giả đưa ra những chứng cứ khẳng định chứng minh bất kỳ một ưu thế nào của súng trường Lan-ca-xơ so với súng trường En-phin. Còn việc súng các-bin của công binh "không chịu hoạt động" không thường xuyên như súng trường En-phin của bộ binh thì sở dĩ như vậy đơn giản vì trong mọi quân đội, bộ binh đông gấp trăm lần so với công binh và công binh sử dụng những khẩu các-bin của mình ít hơn trăm lần so với các đơn vị bộ binh sử dụng các khẩu súng trường của mình, bởi vì công binh có những nhiệm vụ hoàn toàn khác so với bộ binh.

Bằng một ví dụ về súng trường Uýt-uốc, người ta đã chứng minh rằng có thể bắn một viên đạn dài và có độ nổ thấp với cỡ lổm vừa phải ở phần đáy, nạp lượng thuốc nổ đầy đủ tiếp nhận bất kỳ một hình dạng nào của các rãnh xoắn. Ở đây đòi hỏi phải có sự giãn nở rất lớn, và thậm chí phần đáy của viên đạn có hình lục giác. Vì vậy chắc chắn có thể làm được một viên đạn có độ giãn nở đủ để vừa khít mặt cắt ngang của nòng súng hình ô-van, nếu mức chênh lệch giữa hai đường kính của nòng súng không quá lớn. Nhưng chúng tôi không hiểu tại sao trên cơ sở đó lại có thể cho rằng súng các-bin của công binh tốt hơn súng trường En-phin. Viên đạn lý tưởng của tác giả chúng ta hoàn toàn không có quan hệ gì với khẩu các-bin đó - viên đạn ấy không thích hợp với súng các-bin; và nếu tác giả cho rằng ngay dù cỡ súng được

giảm bớt cũng vẫn cần có lượng thuốc nổ tăng đến 90-100 gran thì mới bắt được viên đạn khít với hình ô-van của nòng súng, thì chúng tôi cho rằng điều đó rất giống với việc thừa nhận ngầm là lượng thuốc nổ 70 gran thường dùng hiện nay trong mọi trường hợp đều không đủ đảm bảo cho viên đạn được giãn nở đầy đủ trong nòng súng các-bin công binh. Tác giả của chúng ta không nói điều gì sẽ xảy ra cùng với sức tăng của lực giạt trong điều kiện lượng thuốc nổ được tăng thêm, và chúng tôi biết rằng lượng thuốc nổ 80 - 90 gran như ở súng trường Uýt-uốc đã gây ra một sức giạt khó chịu, nếu bắn nhiều sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự ổn định của việc ngắm bắn.

Những kết quả đặc biệt mỹ mãn khi dùng súng các-bin của công binh trong các cuộc thi đấu ở Sa-tam, cũng như những lần bắn tốt đẹp của một số người dùng súng trường Lan-ca-xơ mà báo chí nhắc đến nhiều lần - khiến rất nên tiếp tục thử nghiệm các tính năng của súng trường có mặt cắt nòng hình ô-van và đạn giãn nở, thử nghiệm độ thích hợp của khẩu súng quân dụng đó. Về phần mình, chúng tôi cho rằng khẩu súng đó không phải không có nhược điểm và vấn đề hệ thống lắp đặt các rãnh xoắn chỉ là vấn đề rất thứ yếu xét theo phương diện vũ khí của bộ binh. Thay cho việc bắt bẻ súng trường En-phin vì những điều nhỏ nhặt như vậy, tại sao không đi ngay vào thực chất của vấn đề và tại sao không nói rằng thiếu sót lớn nhất và quan trọng của khẩu súng là *cỡ của nó quá lớn*? Hãy sửa cỡ súng đi, và các ngài sẽ nhận thấy rằng tất cả mọi sự cải tiến khác sẽ chỉ liên quan đến những chi tiết mà thôi.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối tháng Tư
1861*

*Đã đăng trên tạp chí "The Volunteer
Journal, for Lancashire and Cheshire"
số 35, ngày 4 tháng Năm 1861
Ký tên: Ph.Ă.*

*In theo bản đăng trên tạp
chí*

Nguyên văn là tiếng Anh

PH.ĂNG-GHEN

ÔN-ĐÉC-SỐT VÀ LÍNH TÌNH NGUYỆN

Công tước Căm-brít-giơ trong bài diễn văn đọc tại bữa tiệc ở một lữ đoàn bộ binh Luân Đôn đã nói rằng ông ta sẽ rất vui mừng được gặp binh sĩ tình nguyện ở Ôn-đéc-sốt. Theo ý kiến của ông ta, khó khăn duy nhất là kéo họ đến đó bằng cách nào. Chúng tôi xin thử đưa ra một vài đề nghị về việc làm thế nào để khắc phục khó khăn đó.

Tất nhiên không thể có chuyện phái toàn bộ các đơn vị lính tình nguyện đến Ôn-đéc-sốt hoặc đến bất kỳ một khu trại nào khác. Biên chế của họ hoàn toàn loại trừ khả năng đó. Không có một đại đội nào, hướng chỉ một tiểu đoàn, mà đại bộ phận sĩ quan và binh sĩ có thể cùng một lúc được rảnh cho dù là hai tuần cho mục đích đó.

Nhưng nếu không thể lôi kéo được trọn vẹn các đơn vị lính tình nguyện đến Ôn-đéc-sốt, thì họ cũng sẽ không thể đi đến đó từng người một được và, hơn nữa, không thể học được nhiều điều. Chúng tôi cho rằng họ có thể đi được, nếu vấn đề được đặt ra thế nào để binh sĩ tình nguyện có tất cả những điều kiện thuận lợi nhằm sử dụng khả năng đó.

Chúng tôi cho rằng đại đa số binh sĩ tình nguyện là những người thỉnh thoảng có thể trong vòng hai tuần trong một năm tạm gác những công việc thường ngày của mình lại. Rất nhiều người trong số họ thường xuyên sử dụng những đợt nghỉ phép như

vậy hoặc thậm chí còn dài ngày hơn nữa. Trong số họ chắc sẽ có một số đáng kể những người không từ chối, thậm chí, ngược lại, còn hết sức vui vẻ đồng ý, ít ra là một lần, tiêu thời gian và tiền bạc của mình ở Ôn-đéc-sốt, chỉ cần ở đó người ta tiếp đón họ. Như vậy, có thể không khó khăn gì giữ được ở Ôn-đéc-sốt - từ tháng Năm đến cuối tháng Chín - một khối lượng lính tình nguyện thường xuyên được thay đổi, về số lượng, ít ra, mỗi lần cũng tương đương một tiểu đoàn có quân số đông. Nếu chúng ta có thể kéo các binh sĩ tình nguyện về trại mà thành phần của họ luôn luôn được thay đổi, thì có thể sử dụng điều đó bằng cách nào?

Chúng tôi đề nghị dành một dãy lều trại đủ cho khoảng 600 lính tình nguyện và chỉ định một viên chỉ huy cho trại lính tình nguyện đó, có thể là một đại uý hoặc, càng tốt hơn nếu là một thiếu tá bộ binh, cho anh ta một viên sĩ quan tùy tùng và một thượng sĩ để giúp việc cho anh ta. Trại đó phải được mở vào tháng Năm chẳng hạn, sau khi một số lượng đầy đủ binh sĩ tình nguyện đã đăng ký xong. Nếu trại đã chật thì cần phải cho phép những người khác đăng ký tiếp trong trường hợp họ có chỗ ở sẵn, nhưng tất cả những lính tình nguyện này phải được phiên chế vào tiểu đoàn; để làm cho binh sĩ tình nguyện mang tính chất một binh chủng có hình thức thống nhất, họ phải mặc áo khoác có kiểu may và màu sắc quy định ra ngoài quân phục. Vì chắc chắn sẽ thừa sĩ quan, nên chỉ có một cách giải quyết duy nhất: đó là bất các sĩ quan ấy tạm thời phải thực hiện những nghĩa vụ của trung sĩ và thậm chí của binh nhì. Chúng tôi hoàn toàn không cho đó là một khuyết điểm, ngược lại, chúng tôi cho rằng điều đó đem lại những lợi ích nhất định. Chưa một sĩ quan quân tình nguyện nào tự mình trải qua một cuộc thao luyện động tác quân sự kỹ đến mức mà việc tạm thời trở về đội ngũ không đem lại lợi ích cho anh ta; hãy để họ nhớ lại rằng mỗi sĩ quan bộ binh hàng năm phải vác súng trường một thời gian. Tổ chức phân bổ chức vụ tạm thời của sĩ quan trong tiểu đoàn không có gì là khó khăn: có thể

bắt đầu từ những người cao tuổi nhất trong số các đại uý hiện đang có mặt, còn sau đó những người khác có thể lần lượt giữ các chức vụ của họ. Tiểu đoàn trưởng có thể có quyền nhất định trong việc chỉ định người vào những chức vụ đó theo sự xem xét của mình để tạo ra cuộc thi đua sôi nổi trong số các sĩ quan đang có mặt. Tuy nhiên, tất cả những việc đó là những vấn đề liên quan đến các chi tiết có thể dễ dàng giải quyết được, nếu người ta hết sức nghiêm túc chấp hành chủ trương đó.

Tiểu đoàn có biên chế thường xuyên thay đổi như vậy không bao giờ có thể đạt được trình độ huấn luyện chiến đấu cao, và nhiệm vụ của tiểu đoàn trưởng và của các trợ lý sẽ không dễ dàng. Nhưng dù sao cũng sẽ đạt được một mục đích, cụ thể là: trong đội quân tình nguyện nói chung, và trong hàng ngũ sĩ quan cấp cao và cấp thấp của nó nói riêng sẽ hình thành nên được một hạt nhân gồm những người đã là những người lính thực sự dù chỉ trong hai tuần. Hai tuần có thể tưởng là một thời hạn quá ít ỏi, song chúng tôi không hề nghi ngờ một điều là khi từ biệt trại, mỗi người đều cảm thấy sự khác nhau to lớn giữa mình như thế nào trước khi đến Ôn-đéc-sốt và mình trở thành người như thế nào sau khi ở đó về. Có một sự khác nhau to lớn giữa việc học động tác quân sự một hai lần trong tuần sau một ngày đăng đăng làm nhiều việc khác nhau với việc học tập ở trại cả sáng, cả chiều, cả tối, dù chỉ trong vòng hai tuần. Trong hai tuần đó, mỗi người lính tình nguyện có mặt ở trại sẽ không làm một công việc nào khác ngoài học tập quân sự; mỗi người trong số họ sẽ củng cố kiến thức của mình về động tác quân sự ở mức độ hoàn toàn không thể đạt được trong điều kiện học tập hiện nay của lính tình nguyện dù nó tiếp tục bao nhiêu thời gian đi nữa; ngoài ra, người lính tình nguyện sẽ được thực hành phục vụ trong quân ngũ nhiều hơn rất nhiều so với khối lượng anh ta hy vọng nhận được ở đơn vị mình, trừ phi đơn vị của anh ta được cử hấn đến trại. Rồi khỏi Ôn-đéc-sốt, mỗi người sẽ hiểu được rằng trong hai tuần đó họ đã

thu hoạch được một khối lượng kiến thức ít ra bằng cả thời gian phục vụ trước đó trong đội quân tình nguyện. Qua một khoảng thời gian nhất định sẽ không có một đại đội nào lại còn người chưa tập huấn ở Ôn-đéc-sốt; và mọi người phải hiểu việc có thêm những phần tử được đào tạo kỹ lưỡng hơn đó sẽ nâng cao đến mức độ nào sự vững tin và kỹ năng quân sự của nhiều đơn vị lính tình nguyện.

Chúng tôi cho rằng độ dài của khóa học đối với mỗi người lính tình nguyện phải là hai tuần, giản đơn vì hầu như tất cả mọi người có thể tìm cho mình cách dành một khoảng thời gian ngắn ngủi như vậy cho công việc tập luyện. Nhưng không thể có bất kỳ trở ngại nào để không cho phép những người lính tình nguyện ở lại trong trại cả tháng.

Tất nhiên là các binh sĩ tình nguyện sẽ phải được nuôi dưỡng trong trại do bản thân họ chịu phí tổn. Chính phủ phải cấp lều trại và trang bị trong trại, và có thể, phải áp dụng những biện pháp cung cấp lương thực, thực phẩm bằng tiền của lính tình nguyện. Như vậy, nhà nước hầu như chẳng phải chi tiêu gì mà việc học tập trong trại sẽ không tốn kém đối với bản thân binh sĩ tình nguyện, hơn nữa tất cả đều được tiến hành theo quy chế của doanh trại đích thực.

Chúng tôi tin rằng nếu làm thí nghiệm này dù chỉ một lần, thì nó sẽ được binh sĩ tình nguyện hưởng ứng hết sức nồng nhiệt; tiểu đoàn sẽ luôn luôn được bổ sung đầy đủ, và có thể chẳng mấy chốc sẽ cần phải thành lập những tiểu đoàn tương tự trong các trại khác hoặc ở ngay Ôn-đéc-sốt ấy. Nếu quá thừa sĩ quan, thì có thể thành lập ở một trong các trại hấn "một tiểu đoàn sĩ quan" với thời hạn lưu trú dài hơn, và chúng tôi cho rằng, tiểu đoàn đó sẽ hoàn toàn thích hợp, ít nhất thì cũng trong một mùa huấn luyện.

Tuy nhiên, các trại lính và quân đội chủ lực nói chung cũng

có thể hữu ích cho các sĩ quan quân tình nguyện bằng một cách khác: bằng cách cử các sĩ quan quân tình nguyện đến công tác tạm thời tại các tiểu đoàn quân chính quy. Có thể thực hiện được điều này mà vẫn không bắt các sĩ quan phải đi quá xa nhà; trong thời gian đi công tác đó (một tháng chẳng hạn), mỗi sĩ quan lính tình nguyện sẽ phải thực hiện các chức trách của mình giống như anh ta đang phục vụ thực sự trong trung đoàn đó. Tất nhiên, cũng có thể tìm ra phương thức cử dù chỉ một sĩ quan lính tình nguyện đến công tác tại một tiểu đoàn mà không đảo lộn tiến trình công việc bình thường và địa vị của các sĩ quan quân chính quy, - là những người luôn luôn thể hiện quan hệ tốt đẹp nhất đối với lính tình nguyện. Nếu đề nghị này được chấp thuận, thì chúng tôi cho rằng không nên cử đi biệt phái đến các đơn vị quân thường trực bất kỳ một sĩ quan quân tình nguyện nào không chứng minh được bằng cách nào đó rằng anh ta có thể rút ra được nhiều điều bổ ích từ chuyến đi biệt phái đó, bởi vì người ta cử các sĩ quan lính tình nguyện đến đó không phải để lĩnh hội những kiến thức quân sự cơ bản, mà là để củng cố và hoàn thiện những kiến thức mà họ đã có sẵn và để học những điều mà họ không thể học được ở các đơn vị của họ.

Hai đề nghị của chúng tôi - thành lập trong các trại những tiểu đoàn có biên chế thường xuyên biến động và cho phép các sĩ quan lính tình nguyện có trình độ tương đối vững đi biệt phái một tháng ở các đơn vị lính chính quy - chủ yếu là để đào tạo sĩ quan. Chúng tôi xin nhắc lại một lần nữa và một lần nữa rằng khâu sĩ quan là một khâu yếu trong đội quân tình nguyện; chúng tôi xin nói thêm rằng giờ đây tất cả mọi người phải hiểu rõ rằng với hệ thống huấn luyện binh sĩ tình nguyện như hiện nay *không thể tạo ra được một đội ngũ sĩ quan giỏi* và vì vậy cần phải tìm ra những phương thức huấn luyện mới để đội quân tình nguyện không những không kém đi, mà ngược lại, được hoàn thiện hơn.

Chúng tôi nêu ra hai đề nghị trên chỉ nhằm thu hút sự chú ý

vào vấn đề đó. Chúng tôi không có ý muốn trình bày trước độc giả một kế hoạch trọn vẹn được soạn thảo chi tiết, dự kiến mọi trường hợp có thể xảy ra và sẵn sàng được áp dụng ngay trong cuộc sống. Những người khác phải làm việc đó, nếu họ xem xét vấn đề này một cách nghiêm túc. Nhưng chúng tôi muốn nói rằng toàn bộ phong trào lính tình nguyện chỉ là một sự thử nghiệm, và nếu không có sự sẵn sàng kéo dài cuộc thử nghiệm đó thêm một chút ít để tìm ra một phương hướng đúng đắn tiến đến hoàn thiện một đội quân mới - là kết quả của cuộc thử nghiệm đó, thì phong trào tốt cuộc sẽ rơi vào con đường bế tắc.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào đầu tháng Năm
1861*

*Đã đăng trên tạp chí "The Volunteer
Journal, for Lancashire and Cheshire"
số 36, ngày 11 tháng năm 1861
Ký tên: Ph.Ă.*

*In theo bản đăng trên tạp
chí*

Nguyễn văn là tiếng Anh

PH.ĂNG-GHEN

BỘ CHIẾN TRANH VÀ QUÂN TÌNH NGUYỆN

Chúng tôi cho rằng trong số binh sĩ tình nguyện của cả nước Anh, không nơi nào thể hiện được sự sẵn sàng và ý muốn tuân thủ mọi mệnh lệnh và chỉ thị của Bộ chiến tranh, giữ quan điểm đúng đắn đối với quân đội chính quy và đưa phong trào lính tình nguyện phù hợp với những yêu cầu của những người đứng đầu quân đội hơn là ở Lan-kê-sia và, cùng với nhiều thành phố khác, ở Man-se-xtơ. Khi người ta ra lệnh hãy tự bảo đảm kho bảo quản vũ khí, thì lệnh đó được chấp hành, mặc dù trong một thành phố lớn điều đó chắc chắn sẽ gặp nhiều khó khăn nghiêm trọng. Dù ra mệnh lệnh thế nào chăng nữa, thì chúng cũng được chấp hành một cách nhanh chóng và không có bàn cãi. Khi một số đông binh sĩ tình nguyện được tập trung lại, thì họ dự đoán những ý muốn của công tước Căm-brít-giơ và yêu cầu những người đứng đầu quân đội trong vùng đảm nhận việc chỉ huy và tổ chức các lữ đoàn. Ý nguyện đạt được những kết quả thực sự đã thôi thúc các binh sĩ tình nguyện chúng ta ở Lan-kê-sia đánh giá một cách có thiện cảm mọi sự can thiệp của chính phủ; họ biết rằng sự đồng nhất và việc tổ chức đúng đắn là những điều cần thiết trước tiên và họ coi mỗi bản thông tri của Bộ chiến tranh là một bước nhằm bảo đảm những yêu cầu đó. Tờ "Volunteer Journal" ngay từ số đầu tiên đã không ngừng khuyến khích sẵn sàng và vui lòng chấp hành các mệnh lệnh của Bộ chiến tranh và đã giải thích rằng sự hòa thuận

hoàn toàn giữa binh sĩ tình nguyện với những người chỉ huy quân sự cả ở địa phương lẫn ở trung ương - đều tạo ra được những ưu việt to lớn. Trong khi ở các nơi khác, đặc biệt ở Luân Đôn, đang lan truyền những tin đồn bí ẩn về ảnh hưởng tai hại của Bộ tổng tham mưu, về những ý đồ can thiệp của các nhà đương cục, v.v. - thì những ý kiến như vậy không bao giờ, dù chỉ là một tích tắc, ảnh hưởng đến chúng ta. Chúng tôi hoàn toàn tin vào sự thành thực trong những lời tuyên bố của ngài tổng tư lệnh, ngài bộ trưởng bộ chiến tranh và của tất cả các thuộc hạ của họ khi họ tuyên bố sẵn sàng ủng hộ phong trào lính tình nguyện bằng mọi cách thức và phương pháp có thể được.

Nhưng chúng tôi không thể nhắm mắt làm ngơ trước tình hình là: trong thời gian gần đây đã xảy ra một vài sự việc nhỏ gây nên cảm tưởng rằng thực sự đã có một sự thay đổi nào đó trong quan điểm của những người cầm quyền về phong trào lính tình nguyện, đặc biệt từ khi huân tước Đơ Grây và Ri-pôn thôi giữ chức Thứ trưởng Bộ Chiến tranh. Cách đây vài tuần - hình như vào ngày thứ hai tiết giáng lâm - huân tước Ra-ni-lơ đã tiến hành tại công viên Rít-gien-tơ một cuộc duyệt các binh sĩ tình nguyện Luân Đôn, những người đã đến đây theo lời mời của ông ta. Từ đó chúng ta đã nhiều lần phê phán một cách gay gắt những ý đồ của huân tước Ra-ni-lơ muốn chơi cái trò tướng soái^{1*}. Ông ta có thể yêu cầu viên tổng thanh tra quân tình nguyện - đại tá Mác-Mê-rơ-đô tiến hành duyệt lính tình nguyện của ông ta hoặc chọn một sĩ quan khác có chuyên môn để làm việc đó. Cho dù việc đó có đúng chỗ hay không đúng chỗ, thì dù sao ông ta cũng đã xuất hiện ở công viên Rít - ghen - tơ cùng với lính tình nguyện của mình; người ta đã công bố công khai về việc duyệt quân đó, và tin đó lan rộng đến mức có một đám đông khán giả đã đến xem cuộc duyệt quân

1* Xem tập này, tr. 332-338, 339-347.

đó. Trong số đám đông đó có nhiều kẻ mà hành động của họ cực kỳ mất trật tự, họ tụ tập thành từng đám xung quanh lính tình nguyện, phá vỡ hàng lối của lính tình nguyện làm cho lính tình nguyện không thể chuyển đội hình. Họ ném đá, thậm chí một số người còn định, như đã được xác định, dùng những vật sắc nhọn đâm bị thương những con ngựa của các sĩ quan. Việc đó vừa mới bắt đầu, thì dĩ nhiên những sĩ quan chỉ huy lính tình nguyện tìm đến cảnh sát, nhưng người ta nói rằng: với 600 người hình thành nên đội quân của ngài Ri-sốt Mai-nơ, giờ đây ở đó *chẳng còn một móng!* Kết quả là do sự quấy nhiễu của đám đông, cuộc duyệt quân của huân tước Ra-ni-lơ bị thất bại hoàn toàn. Có lẽ, nếu như người ta để cho mọi sự kiện diễn ra đúng tiến trình, thì toàn bộ sự việc dường như cũng sẽ thất bại giống như thất bại mà mọi ý đồ trước kia của huân tước Ra-ni-lơ đã luôn luôn gánh chịu. Nhưng do tất cả những điều đã xảy ra, huân tước Ra-ni-lơ đã trở thành người tử vì nghĩa và ông ta được cảm tình rộng rãi của lính tình nguyện.

Không thể may mắn hay hoài nghi rằng không phải ngẫu nhiên mà hoàn toàn không có cảnh sát trong buổi duyệt quân đã được thông báo một cách công khai. Giới báo chí đã nhận xét rằng, có lẽ, cảnh sát đã được lệnh đứng ngoài cuộc, còn chúng tôi thì biết rằng, trong giới binh lính tình nguyện ở Luân Đôn lan truyền một ý kiến cho rằng Bộ tổng tham mưu đã nhúng tay vào việc đó và rằng ở Bộ tổng tham mưu người ta muốn phá phong trào lính tình nguyện bằng mọi cách có thể được. Do đó, một sự phẫn nộ mạnh mẽ đang dâng lên ở Luân Đôn; cần phải thừa nhận rằng những sự việc đã nêu ở trên, theo chúng tôi biết, mặc dù không một ai có ý định biện minh hoặc giải thích, đã góp phần tạo ra tâm trạng phẫn nộ đó.

Trong tuần này chúng tôi thông báo thêm một sự việc khác đã xảy ra, mà sự việc này chắc chắn không đáng đến vấn đề: các nhà lãnh đạo có ý định làm mọi việc mà họ có khả năng như

họ đã hứa, để giúp cho phong trào lính tình nguyện hay không. Thời gian gần đây người ta đã tuyên bố rằng, một trong những đơn vị của chúng ta ở Man-se-xơ có ý định một thời gian ngắn nữa họ sẽ về trại lính. Chúng tôi nghĩ rằng chỉ có thể có lời tuyên bố đó sau khi họ thấy rõ được khả năng thực hiện việc đó. Họ khẳng định một cách chắc chắn rằng họ đã đề nghị miệng với những nhà cầm quyền về việc cung cấp các lều trại v.v., và rằng họ đã được trả lời là đồng ý chấp nhận yêu cầu đó, hơn nữa, thậm chí họ còn nêu ra những điều kiện để có thể chấp nhận việc ấy. Chúng tôi nghĩ rằng sự thỏa thuận đó đã đạt được không quá hai hoặc ba tuần trước đây. Vì vậy, tất cả những thỏa thuận khác - ví dụ như về khu đất dành cho trại lính, về quân quân nhân, về nhà ăn của sĩ quan và về các vấn đề khác, đều đã được ký kết, - nhưng đến khi mọi việc đã ổn thỏa, đến lúc công bố lời đề nghị chính thức cấp lều trại, thì những nhà cầm quyền đã nuốt lời ngay lập tức, họ tuyên bố rằng họ không thể cấp bất kỳ một chiếc lều trại nào!

Điều đó, tất nhiên, phá vỡ tất cả các kế hoạch mà mọi chi phí do các đơn vị phải gánh chịu, cũng như những sự bận rộn của họ đều hóa ra vô ích. Tất cả chúng tôi đều biết rằng các đơn vị lính tình nguyện đều có những cơ sở để lo lắng về cái tài khoản nhỏ bé của mình ở ngân hàng, nếu như các đơn vị đó có tài khoản ấy. Người ta thông báo với chúng tôi rằng số lượng các đơn vị lính tình nguyện đề nghị chính phủ cấp phát lều trại đều đến mức chính phủ không thể tìm đâu ra những lều trại cho tất cả các đơn vị đó, do đó các đơn vị chẳng nhận được một chiếc lều trại nào. Không cần biết xem điều đó có phù hợp với thực tế hay không, chính phủ phải nên biết rằng hợp đồng là hợp đồng; những sự kiện tiếp diễn sau đó không thể làm cho chính phủ trốn tránh được những trách nhiệm của mình. Nhưng theo những tin đồn mà giờ đây hình như cũng đang lan truyền ở Man-se-xơ giống như ở Luân Đôn, - điều đó chỉ là một cái cớ, còn chính phủ không hề

mong muốn để cho lính tình nguyện sống tập trung trong trại; thậm chí nếu như các đơn vị kể trên tự bảo đảm được lều trại cho mình nhờ những tài khoản của mình hoặc nhờ những nguồn riêng của mình, thì trong giới cao cấp người ta vẫn cứ nhìn trại lính một cách thiếu thiện cảm như thường.

Những trường hợp như thế, tất nhiên, không thể góp phần tạo ra một sự chân thành cần thiết trong quan hệ giữa những người cầm quyền và lính tình nguyện nhằm đạt được những thành tích to lớn hơn cho phong trào. Phong trào đã mạnh đến nỗi bất kỳ một chính phủ nào cũng không thể ngăn chặn được nó. Nhưng sự thiếu lòng tin của lính tình nguyện đối với các nhà cầm quyền và sự đối địch ngấm ngấm của các nhà cầm quyền đối với lính tình nguyện có thể nhanh chóng gây nên tình trạng rất lộn xộn và kìm hãm sự phát triển của phong trào trong một thời gian. Không thể cho phép việc đó diễn ra. Trong nghị viện có rất nhiều sĩ quan quân tình nguyện. Hãy để cho họ sử dụng địa vị của mình, và hãy để cho họ áp dụng những biện pháp khiến chính phủ phải đưa ra những sự giải thích làm cho tình hình lập tức trở lại bình thường và chỉ ra cho lính tình nguyện thấy được rằng họ có thể hy vọng vào sự ủng hộ chân thành chứ không phải là sự thù địch ngấm ngấm.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào đầu tháng Sáu
1861*

*Đã đăng trên tạp chí "The Volunteer
Journal, for Lancashire and Cheshire" số
40, ngày 8 tháng Sáu 1861
Ký tên: Ph.Ă.*

*In theo bản đăng trên tạp
chí*

Nguyên văn là tiếng Anh

PH.ĂNG-GHEN

VAN-ĐÉC-DI NÓI VỀ QUÂN ĐỘI PHÁP

Cách đây không lâu tại Béc-lin người ta đã xuất bản một cuốn sách có nhan đề "Quân đội Pháp trên thao trường và trong chiến tranh"¹⁴³. Cuốn sách này gây một chấn động lớn và chỉ trong một khoảng thời gian ngắn nó đã được tái bản nhiều lần. Mặc dù tác giả cuốn sách tự coi mình chỉ là "một sĩ quan già", nhưng mọi người biết quá rõ tác giả của cuốn sách đó chính là tướng quân bá tước Van-đéc-di, nguyên là bộ trưởng Bộ chiến tranh của nước Phổ. Đó là một người có địa vị rất cao trong quân đội Phổ, nơi mà ông ta đặc biệt nổi bật ở chỗ ông ta đã thay thế hệ thống huấn luyện cầu kỳ cũ rích bằng cách huấn luyện bắn theo từng tuyến xạ thủ, huấn luyện tuần tra, canh gác và nói chung là bằng cách huấn luyện chức trách của lính bộ binh. Có lẽ chúng ta sẽ quay trở lại cái phương pháp mới của ông ta một lúc nào đó, giờ đây cái phương pháp ấy đang được áp dụng trong quân đội Phổ. Phương pháp mới này đáng được chú ý ở chỗ: phương pháp đó hoàn toàn tránh được mọi sự cầu kỳ về hình thức, chỉ hoàn toàn khêu gợi khả năng trí tuệ của từng người lính trong khi làm chức trách của mình, chức trách chỉ có thể được thực hiện một cách mỹ mãn bằng tác động qua lại một cách thông minh và hài hòa giữa nhiều người. Một điều hết sức tự nhiên là: một sĩ quan đã đánh giá cao như vậy đối với việc giáo dục những phẩm chất trí tuệ của từng binh sĩ một, thì người sĩ quan đó bao giờ cũng hết sức quan tâm đến quân đội Pháp - là một quân đội nổi tiếng nhất

về những khả năng trí tuệ cá nhân của binh sĩ mình trong lĩnh vực quân sự. Vì vậy cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên, nếu như chúng ta nhìn thấy ông ta lấy quân đội đó làm đối tượng nghiên cứu đặc biệt của mình và trong hàng ngũ của quân đội đó ông ta có rất nhiều bạn bè mà từ đó ông ta có thể nhận được những thông tin quý giá. Sau khi quân Pháp giành được những thắng lợi to lớn trong chiến dịch I-ta-li-a năm 1859 chống lại một đạo quân có tiếng là một trong những đạo quân ưu tú và dũng cảm nhất ở châu Âu, thì những hoàn cảnh mà nhờ đó quân đội Pháp luôn luôn giành được những thắng lợi khác thường như vậy đã trở thành một vấn đề quan trọng đối với cả châu Âu. Trong cuốn sách đã nêu ở trên, tướng Van-đéc-di đã trình bày cái điều, mà theo ý của ông ta, dùng để giải thích vấn đề đó.

Sau đây là một đoạn trích từ bản nhận xét về tính chất chung của quân đội Pháp:

"Quân đội Pháp có tất cả những phẩm chất tốt đẹp, nhưng đồng thời cũng có tất cả những nhược điểm và thiếu sót mang tính chất Pháp. Được cổ vũ bởi tinh thần thượng võ chân chính, quân đội Pháp có đầy nhiệt tình chiến đấu, ham muốn hành động và sự vinh quang, đầy lòng quả cảm và gan dạ và quân đội Pháp đã chứng minh điều đó trong mọi thời đại và cách đây không lâu - trên các chiến trường ở An-giê-ri, Crum và I-ta-li-a. Ở khắp mọi nơi đều có những trường hợp các sĩ quan và binh sĩ - đặc biệt là các sĩ quan và binh sĩ thuộc các đơn vị tinh nhuệ, làm nên những kỳ tích về lòng dũng cảm, và những hành động của binh sĩ Pháp trong những chiến dịch nói chung đã xứng đáng được quan tâm một cách đặc biệt.

Với tính linh hoạt rất lớn về thể chất và về tinh thần, tuy nhiên những đức tính tốt này thường dễ chuyển thành sự nghịch ngợm, người lính Pháp tỏ ra không mệt mỏi và rất dẻo dai trong chiến đấu cũng như trong bất kỳ một công việc nặng nhọc nào.

Với lòng tự tin cao nhất, đầy tính háo danh và khoe khoang, mỗi một người lính chỉ mong muốn một điều là tấn công kẻ thù. Người lính đó không hề biết đến khó khăn gian khổ; anh ta hành động theo một câu ngạn ngữ của Pháp: "Nếu công việc có thể làm được, thì nó sẽ được hoàn thành, nếu khó có thể làm được, thì bằng mọi cách cũng sẽ làm được". Không cần suy nghĩ lâu la gì, và thực tế thường không cần

nhắc gì hết - người lính Pháp luôn tiến về phía trước, lòng tự nhủ lòng rằng: chẳng có trở ngại gì mà anh ta không thể vượt qua. Vì vậy, với lòng hăng say và nhiệt tình mãnh liệt vốn có ở dân tộc Pháp, anh ta luôn luôn vươn tới tấn công, và đó chính là sức lực chủ yếu của anh ta. Ngoài ra, người lính Pháp có tính thận trọng, khéo léo, đặc biệt thích nghi với sự chiến đấu đơn độc, quen với việc độc lập tác chiến. Anh ta sáng tạo và linh hoạt trong các tình huống khó khăn; anh ta hết sức khéo léo trong việc tạo cho mình thoải mái khi tạm dừng chân, hoặc khéo léo sửa chữa cầu đường dưới làn đạn của địch v.v., nhanh chóng làm cho các ngôi nhà, các làng xóm trở thành những nơi thuận tiện cho việc phòng thủ, và sau đó bảo vệ những ngôi nhà, những làng xóm đó hết sức ngoan cường.

Chiến tranh - đó là môi trường quen thuộc của quân đội. Chính phủ Pháp rất khôn khéo coi chiến tranh là một trạng thái bình thường đối với quân đội, vì vậy, Chính phủ Pháp luôn luôn và trong mọi hoàn cảnh đều đối xử với quân đội hết sức nghiêm khắc và chặt chẽ giống như trong thời gian chiến dịch thực sự. Các trung đoàn thường bị cấm trại càng nhiều càng hay, ngoài ra, còn thường xuyên bị thay đổi vị trí đóng quân để không cho nảy sinh trong binh lính các trung đoàn đó những thói quen của thời bình. Với tinh thần như vậy, việc huấn luyện binh lính chỉ nhằm vào các mục tiêu của chiến tranh và không làm điều gì để nhằm vào mục đích diễu binh. Người ta không bao giờ nhận xét một đơn vị về mặt đơn vị đó diễu hành theo nghi lễ như thế nào. Vì vậy các sĩ quan nước ngoài hơi ngạc nhiên khi thấy các tiểu đoàn lính Pháp diễu hành qua trước mặt họ, thậm chí trước mặt cả hoàng đế - mà lại đi loạ choạc, hàng ngũ không thẳng, binh lính bước chẳng đều, súng khoác vai, giống như theo lệnh "tự do".

Nhưng bức tranh đó có mặt hay và mặt dở của nó. Tất cả những phẩm chất tốt đẹp về mặt quân sự thúc đẩy người lính Pháp xốc tới - chỉ đem lại những chiến tích rực rỡ nhất *chừng nào các ngài vẫn cho phép anh ta xốc tới. Tình cảm cá nhân* là nguồn phát sinh những phẩm chất tấn công của anh ta - đồng thời cũng mang những nhược điểm to lớn của nó. Người lính trong khi quan tâm chủ yếu đến mình, cùng tiến lên với đồng đội chừng nào đồng đội tấn công một cách thắng lợi; nhưng nếu như dưới một sức ép nào đó, và có thể là bất ngờ, cả đồng đội bắt buộc phải rút lui, thì sự đoàn kết hiệp đồng của đội ngũ ấy, mối liên hệ giữa từng cá nhân với đồng đội của mình sẽ bị phá vỡ một cách nhanh chóng, nhất là trong trường hợp huấn luyện quân đội không cẩn thận về chiến thuật (vấn đề này sẽ được đề cập ở phần dưới đây) làm cho không thể có bất cứ sự ổn định nào và dẫn tới sự lộn xộn và tan rã hoàn toàn.

Xin bổ sung thêm một điều là: người Pháp, xét theo bản tính, vốn hay ghen tị và

xốc nổi (đó là đặc điểm của dân tộc Pháp), trong những lúc hiểm nghèo thường hay nghi ngờ những người khác. Người lính Pháp hết sức hăng hái sẵn sàng đi theo các sĩ quan của mình vào trận chiến nhưng chỉ chừng nào mà những sĩ quan đó vẫn tiến trước anh ta và thực sự lôi cuốn anh ta. Những người lính chờ đợi chính cái điều đó, và khi họ tiến lên dưới làn đạn, họ biểu thị cái điều đó bằng tiếng hô "Tất cả các ngài vai, tiến lên!". Điều đó giải thích vì sao các tướng lĩnh sĩ quan cao cấp và các tướng lĩnh thường phải tiến lên tấn công trước các binh lính của mình - dĩ nhiên, đó là vị trí thích hợp nhất đối với một vị tướng, và điều đó là nguyên nhân của những tổn thất lớn lao mà người Pháp luôn luôn phải gánh chịu trong hàng ngũ các sĩ quan của mình. Nhưng nếu như việc rút lui đã trở thành không thể tránh khỏi thì lòng tin của binh lính vào các sĩ quan sẽ nhanh chóng bị mất đi, và trong những trường hợp nghiêm trọng nhất sẽ nhường chỗ cho sự bất phục tùng công khai. Vì những nguyên nhân đó việc rút lui mà quân đội Pháp nhất thiết phải làm sẽ luôn luôn đã là và sẽ còn là một điều tai hại đối với quân đội Pháp".

Tướng Van-đéc-di ắt còn có thể bổ sung thêm rất nhiều về tính nhẹ nhàng mà trong những tình huống bất lợi người lính Pháp thể hiện khi mất lòng tin đối với các sĩ quan của mình. Lòng tin của binh lính đối với các vị chỉ huy trực tiếp của mình, thậm chí sau những thất bại liên tiếp, sẽ là một tiêu chuẩn tốt nhất về tính kỷ luật. Theo quan điểm đó, những người lính Pháp chẳng hơn gì những tân binh hoàn toàn chưa được giáo dục về kỷ luật cho lắm. Đối với họ thì một điều không đáng nghi ngờ là: họ không bao giờ có thể bị thất bại nếu như không phải do có "sự phản bội", và trong tất cả những lần họ đánh nhau bị thua và buộc phải rút lui hơn vài trăm i-ác-đơ hoặc bất chợt đụng phải một cuộc tiến quân bất ngờ của địch, họ sẽ luôn luôn kêu tướng lên: "Người ta đã phản bội chúng ta!" Hiện tượng này gắn chặt với bản chất dân tộc của họ đến mức, ngay cả Na-pô-lê-ông, trong hồi ký của mình (được viết trên đảo Xanh-Hê-len trong suốt thời gian dài sau khi những sự kiện đã xảy ra)¹⁴⁴, đã có thể ngụ ý buộc tội một cách không công bằng phần lớn các tướng lĩnh của mình về những hành động phản bội nào đó, còn những sử gia nước Pháp - cả sử gia quân sự lẫn các sử gia khác - lại có thể thổi phồng những ngụ ý đó, gán cho chúng tính chất của những sự bày đặt đáng ngạc

nhiên nhất. Cả dân tộc nghĩ về các tướng lĩnh như thế nào thì người lính cũng nghĩ y như vậy về các sĩ quan trung đoàn và đại đội của mình. Một vài trận đòn đau, và sau đó kỷ luật, thế là hết; đó là nguyên nhân tại sao so với tất cả các quân đội khác, việc rút lui mà quân đội Pháp thực hiện chính là một việc làm tai hại nhất. Về hệ thống bổ sung sĩ quan và binh lính thì Van-đéc-di thông báo như sau:

"Người lính Pháp được tuyển mộ trong số thanh niên của đất nước bằng cách rút thăm; nhưng mỗi người đều có quyền trả một số tiền do nhà nước quy định cho một người thay mình. Số tiền đó được đưa vào quỹ do nhà nước quản lý, và từ quỹ này người thay thế sẽ nhận được một khoản tiền nhỏ với tính cách là tiền thưởng khi vào phục vụ quân đội, số còn lại được nhận khi mãn hạn phục vụ, thêm vào đó các lợi tức phần trăm được trả cho anh ta trong suốt thời gian phục vụ quân đội. Tuy nhiên, số tiền dành cho anh ta có thể bị xung công từng phần hoặc hoàn toàn do tội lỗi hoặc do những hành động xấu mà anh ta mắc phải. Vì vậy, chính phủ hoàn toàn nắm việc tuyển chọn những người thay thế và thường thường cố tìm cách chỉ biên chế vào lính những người đã phục vụ một niên hạn bảy năm và đã thể hiện được rằng họ là những người đáng tin cậy và có phẩm hạnh tốt. Vì vậy, quân đội luôn luôn được bảo đảm với một số lượng rất lớn là binh sĩ có tuổi, và từ những binh sĩ đó người ta chọn ra phần lớn những hạ sĩ quan. Thời hạn phục vụ là bảy năm. Tuy nhiên, trong thời gian bảy năm đó, phần lớn người lính chỉ phục vụ thật sự trong quân đội 4-5 năm, thời gian còn lại là nghỉ phép.

Các hạ sĩ quan được lựa chọn hết sức cẩn thận và được các sĩ quan cấp trên thử thách hết sức thận trọng. Phần lớn số hạ sĩ quan đó nổi bật không chỉ vì phẩm hạnh tốt và sự hiểu biết sâu sắc về tất cả các chi tiết của nghề binh, mà còn nổi bật vì tính chủ động, sáng tạo, quân phong tuyệt mỹ và lòng tự trọng nhất định, nhất là khi tiếp xúc với binh lính họ hiểu rất rõ rằng cần phải sử dụng như thế nào cái quyền lực to lớn mà điều lệnh đã giao cho họ, bởi vì mỗi một người hạ sĩ quan đều có thể trở thành sĩ quan, cho nên họ cố gắng bắt các binh lính phải giữ khoảng cách cung kính với họ, và đồng thời họ dốc toàn lực để nổi bật lên và làm gương sáng cho các binh lính thuộc quyền.

Hiện nay phần lớn các hạ sĩ quan là những người đi quân dịch thay. Chỉ có một số rất ít những người đi quân dịch thay đó trở thành hạ sĩ và trung sĩ trong thời gian đầu phục vụ quân đội. Số đó chủ yếu là những thanh niên trẻ có trình độ học vấn nhưng không vào được các trường quân sự, bởi số lượng người đăng ký tuyển sinh

vào những trường đó quá lớn, những thanh niên này tình nguyện gia nhập quân đội để dành được quân hàm sĩ quan. Những thanh niên trẻ này tiến rất nhanh đến quân hàm hạ sĩ quan và sau khi qua những thử thách thực tế về quân sự cần thiết đối với trung sĩ trước khi họ có thể trở thành thiếu úy, họ thường nhận quân hàm sĩ quan sau khi phục vụ từ 2 đến 4 năm.

Phần lớn các sĩ quan xuất phát từ binh nhì sẽ nhận được danh hiệu sĩ quan sau 9-12 năm và thường là phải sau 15-20 năm phục vụ quân đội. Trong số 170 sĩ quan bất kỳ thuộc diện ấy thì có 16 sĩ quan nhận được quân hàm sĩ quan sau 2-4 năm phục vụ, 62 người sau 5-8 năm phục vụ, 62 người từ 9-12 năm và 30 người từ 13 đến 20 năm. 16 người đầu thuộc diện thanh niên trẻ có văn hoá; 62 người ở diện đã phục vụ từ 5 đến 8 năm là những người có thành tích xuất sắc trong chiến đấu. Như vậy, trong thời bình việc phong quân hàm sĩ quan từ các binh sĩ thường, ngay cả ở nước Pháp cũng được tiến hành chậm.

Các sĩ quan được bổ sung một phần từ nguồn binh sĩ, như đã trình bày ở trên, một phần khác (chủ yếu trong thời bình) từ các trường quân sự, ở đó các thanh niên phải học trong 2 năm, sau đó, trải qua một kỳ thi nghiêm túc, họ được nhận danh hiệu sĩ quan ngay lập tức. Hai loại sĩ quan đó có khoảng cách rất xa nhau. Những người được đào tạo trong các trường quân sự và những thanh niên có học thức được phong từ binh nhì lên thường nhìn một cách khinh bỉ những viên thiếu úy và trung úy đã lớn tuổi - những người đã có được cái ngai vai sau nhiều tháng năm dài phục vụ. Các sĩ quan, thậm chí trong cùng một tiểu đoàn, không bao giờ làm thành một khối đoàn kết - điều có thể làm được ở bất kỳ một quân đội nào khác. Tuy nhiên, tất cả những ai được đề bạt từ hàng ngũ những người có trình độ học vấn kém hơn (giờ đây những người này, sau những tổn thất nặng nề ở Crum và ở I-ta-li-a, đã hợp thành phần lớn đội ngũ hạ sĩ quan) trên cương vị của mình đều rất có ích. Mặc dù họ thường tỏ ra rất ngu dốt, đôi khi còn thô bạo, và chưa hẳn đã cao hơn một viên trung sĩ về cách cư xử và tác phong nhưng thường họ thành thạo trong lĩnh vực của mình, hiểu biết cận kề những nghĩa vụ của mình, trung thực trong công việc, nghiêm khắc trong yêu cầu, chuẩn xác trong hành động; họ hiểu rất rõ là cần phải đối xử với binh sĩ ra sao, cần phải quan tâm đến lính như thế nào, cần phải cổ vũ tinh thần binh lính bằng tấm gương của mình ra sao, kể cả ở nơi đồn trú cũng như dưới làn đạn của kẻ thù. Ngoài ra, hiện nay phần lớn số sĩ quan đó đều có kinh nghiệm phong phú trong cuộc sống ở trại, trong hành quân và trong chiến đấu.

Nhìn chung, người sĩ quan Pháp là người thông minh và có tinh thần thượng võ. Anh ta biết rõ anh ta cần phải làm gì, và đặc biệt khi nằm dưới lửa đạn anh ta biết gánh trách nhiệm của mình ra sao và biết cách cổ vũ binh sĩ bằng gương sáng về lòng

dũng cảm của mình. Nếu bổ sung thêm cho những điều kể trên - đối với đại đa số các sĩ quan ấy - kinh nghiệm to lớn trong hành quân và trong chiến đấu, thì chúng ta cần phải nói rằng họ có đủ những phẩm chất có thể đưa họ lên vị trí rất cao trong binh nghiệp.

Việc phong quân hàm mới được tiến hành hoặc theo thâm niên, hoặc theo tuyển chọn người chỉ huy. Trong thời bình cứ hai trường hợp phong quân hàm theo thâm niên thì một trường hợp phong theo tuyển chọn chỉ huy. Trong thời chiến thì ngược lại. Nhưng nói chung việc tuyển chọn chỉ huy chỉ giới hạn trong nhóm sĩ quan trẻ có văn hoá, trong khi đó khối sĩ quan từ binh nhì lên chỉ được phong quân hàm theo thâm niên, vì vậy họ nhận được quân hàm đại úy khi đã luống tuổi. Danh hiệu đại úy hầu như là cấp hàm cao nhất mà họ có thể nhận được vào lúc nào đó, và thường thường họ hoàn toàn thỏa mãn, nếu như họ có thể rời bỏ chức vụ với khoản lương hưu của một viên đại úy. Đó chính là nguyên nhân vì sao các bạn thấy trong quân đội Pháp rất nhiều sĩ quan cấp thấp ở độ tuổi từ 30 đến 40 và một số lớn các đại úy ở độ tuổi gần 50. Đồng thời trong số các sĩ quan cao cấp và tướng lĩnh thì có rất nhiều người tương đối trẻ. Không còn nghi ngờ gì nữa, đó là một điểm ưu việt to lớn, và những cuộc chiến tranh liên tiếp ở An-giê-ri, ở Crưm và ở I-ta-li-a đã đẩy nhanh việc phong quân hàm và qua đó, đã đưa thêm nhiều sĩ quan trẻ lên những chức vụ chỉ huy cao nhất.

Để có thể hình dung được mối tương quan trong việc phong quân hàm từ hai loại sĩ quan kể trên, thì những số liệu sau đây về các sĩ quan bị thương và tử trận hoặc về các sĩ quan có chức vụ chỉ huy cao ở I-ta-li-a là đáng chú ý: tốt nghiệp các trường quân sự: 34 viên tướng, 25 đại tá chỉ huy các trung đoàn, 28 sĩ quan từ trung tá đến thiếu tá, 24 đại úy, 33 trung úy và thiếu úy; từ binh nhì lên: -3 viên tướng, không có một đại tá nào chỉ huy trung đoàn, 8 trung tá và thiếu tá, 66 đại úy, 95 trung úy và thiếu úy.

Người ta ít phong hàm cấp tướng cho các sĩ quan cao cấp ở các ban tham mưu, ở các đơn vị huấn luyện và các đơn vị tinh nhuệ so với khối lượng lớn các sĩ quan cao cấp. Vì vậy các tướng lĩnh chủ yếu là không có trình độ học vấn quân sự cao cấp, chỉ có một số ít người trong đám họ là có *les vues larges*^{1*}. Yếu về chiến lược, họ quản lý những quân đoàn lớn rất không thành thạo và do đó họ rất cần đến mệnh lệnh từ trên xuống hoặc rất cần đến sự ủng hộ có thẩm quyền, do đó trong thời chiến cũng như trong huấn luyện họ thường nhận được một chương trình tiến quân thực sự

hoàn hảo để bước vào trận đánh. Đồng thời, họ cũng có nhiều ý nghĩ lành mạnh, họ cũng khôn khéo trong việc lựa chọn những phương tiện để đạt được mục tiêu; họ nắm vững mặt thực tiễn của binh nghiệp, họ nhiệt thành, hiếu thắng và trung thành với binh nghiệp. Thói quen hoạt động độc lập đã tạo cho họ một nghị lực cần thiết trong hoàn cảnh chiến đấu. Họ khắc phục mọi khó khăn gian khổ. Trong mọi hoàn cảnh đòi hỏi phải có những biện pháp cương quyết, họ hành động không chần chừ, không ngồi chờ lệnh của cấp trên, họ không sợ trách nhiệm và là những người dũng cảm giống như tất cả những người Pháp khác, họ luôn luôn tự mình chỉ đạo binh sĩ của mình.

Phần lớn họ đã chiến đấu ở An-giê-ri, ở Crưm và ở I-ta-li-a, vì vậy họ có khá nhiều kinh nghiệm chiến đấu quý báu. Trong số các tướng lĩnh đã tham gia chiến đấu tại I-ta-li-a năm 1859 có 28 "người Phi châu" kỳ cựu, và trong số này có 18 người cũng đã chiến đấu tại Crưm. Chỉ có mỗi một người (tướng Pác-tu-nô) lần đầu tiên tham chiến tại I-ta-li-a.

Nhờ những trận giao chiến liên tục như vậy, cho nên quân đội Pháp có một đội ngũ tướng lĩnh trẻ hơn so với bất kỳ quân đội nào khác. Để giữ nguyên hiện tình đó trong thời bình, các trung tướng sẽ về hưu ở độ tuổi 65 với mức lương có rút bớt, còn các thiếu tướng sẽ về hưu ở độ tuổi 60.

Nói tóm lại, các tướng lĩnh Pháp là những người tương đối trẻ và năng động, có kiến thức và nghị lực, có kinh nghiệm trong chiến đấu, và dễ thích nghi với chiến tranh, mặc dù cho đến nay chỉ có một số ít trong các tướng lĩnh đó thể hiện được những tài năng đặc biệt và quen thuộc với việc chỉ huy những binh đoàn lớn mà cả cuộc chiến tranh ở Crưm, lẫn cuộc chiến tranh ở I-ta-li-a đều không tạo ra được một thiên tài quân sự lỗi lạc nào".

Chuyển sang thực tiễn của việc huấn luyện binh sĩ Pháp, tác giả của chúng ta nói:

"Người tân binh vụng về và thô kệch, đúng như cái dáng của anh ta khi mới đến trung đoàn của mình, tuy nhiên thường là không đến hai tuần, đôi khi thậm chí trước khi anh ta nhận được đầy đủ quân phục, đã có thể đứng gác một cách hiên ngang với tư thế của một cựu chiến binh và chẳng mấy chốc đã có một tư thế đỉnh đạc nhờ một *khóa huấn luyện cá nhân* cẩn thận mà anh ta sẽ phải trải qua. Mặc dù những buổi thao luyện cấp đại đội và cấp tiểu đoàn vẫn chưa được tốt lắm, nhưng mỗi một người lính đều được huấn luyện một cách chu đáo về thể dục và đâm lê, tập đấu kiếm và hành quân cấp tốc đường dài... Trên thao trường, bộ binh thường tỏ ra do dự, không quả quyết, cầu thả, và vì vậy mà khá chậm chạp. Nhưng trong khi hành

1* - tầm nhìn rộng lớn

quân thì bộ binh lại tỏ ra hết sức nhanh nhẹn vì quen với những cuộc hành quân dài, mà phần lớn những cuộc hành quân đó là những cuộc hành quân cấp tốc. Các cuộc hành quân cấp tốc như vậy thường được áp dụng và áp dụng có kết quả trong chiến đấu. Và ở nước Pháp người ta đánh giá chất lượng huấn luyện của các đơn vị lại theo chính những phẩm chất đó. Người ta không bao giờ đánh giá các đơn vị theo những buổi tập khắc nghiệt mà người lính phải chịu khổ ải, và càng không bao giờ đánh giá theo các cuộc diễn binh. Và trên thực tế binh sĩ Pháp cũng không thể duyệt binh theo lễ nghi cho ra trò, bởi vì họ không được tập đội ngũ một cách cẩn thận, mà việc tập đội ngũ một cách cẩn thận thì rốt cuộc cũng cần thiết đối với bất kỳ một đơn vị tinh nhuệ nào".

Khi nói về việc huấn luyện, tác giả của chúng ta đã đưa ra một chuyện tiểu lâm như sau về Na-pô-lê-ông I:

"Na-pô-lê-ông hiểu rất rõ những thiếu sót vốn có trong hệ thống huấn luyện cầu thả đó, và có ý định ra sức sửa chữa những thiếu sót đó. Dưới sự lãnh đạo hết sức chặt chẽ của ông, những động tác chuẩn xác trong huấn luyện đã được tuân thủ đến mức tối đa có thể được đối với người Pháp, mặc dù bản thân ông chẳng phải là một người huấn luyện viên tài ba gì. Có một lần vào năm 1809 ở Suê-brun, ông ta nảy ra ý định tự mình huấn luyện cho tiểu đoàn vệ binh của mình, bất tiểu đoàn đó, như người Pháp thường nói: *faire la théorie*". Ông ta rút gươm ra và ra lệnh. Nhưng sau một vài lần chuyển đổi đội hình, ông ta đã làm cho binh sĩ của mình lâm vào tình trạng cực kỳ lộn xộn đến mức ông ta phải tra gươm vào vỏ và kêu lên: "Quý tha ma bắt cái... lý thuyết của các người! Hãy đưa cái trò con lộn này trở lại trật tự đi!" ("*Que le diable emporte votre... théorie! Radressez cette cochonnerie!*").

Về "các xạ thủ", những binh lính bản xứ người An-giê-ri, chúng tôi tìm thấy lời tuyên bố tuyệt vời như sau:

"Căn cứ vào những thông tin do các sĩ quan Pháp cung cấp, các xạ thủ người An-giê-ri thường không thích đụng độ với các đơn vị bộ binh của Áo. Giả dụ nếu như họ có chạm trán binh sĩ Áo, thì họ không những chỉ từ chối tiến lên, mà còn nằm rạp xuống đất, và không thể bắt họ đứng dậy tấn công cho dù bằng những lời hăm dọa, hoặc bằng những trận đòn, giống y như những con lạc đà trên sa mạc".

Về việc huấn luyện của một trung đoàn bộ binh, tác giả viết:

"Việc huấn luyện tân binh được tiến hành rất cầu kỳ, nhưng đồng thời cũng rất hời hợt. Người ta ít chú ý đến quân phong của từng binh sĩ, và vì vậy các điều lệnh (trong khi huấn luyện ở đại đội và tiểu đoàn) được thực hiện thật là cầu thả. Người ta rất ít chú ý đến việc làm sao để người lính phải đứng nghiêm chỉnh khi nghe lệnh hô "ng nghiêm", làm sao để hàng dọc thẳng hơn, hàng ngang sát hơn, hoặc thậm chí để binh sĩ đi đều hơn. Hình như người ta cho rằng việc binh sĩ có mặt tại chỗ và bằng cách này hay cách khác đã đến cùng một chỗ với nhau là đủ. Một đội quân đã quen với hệ thống huấn luyện cầu thả như vậy, dĩ nhiên, sẽ không bộc lộ những thiếu sót ít nhiều đáng kể do hệ thống huấn luyện đó gây ra, khi mà đội quân đó tiếp tục tiến hành những hành động tiến công. Tuy nhiên hệ thống đó dứt khoát sẽ có ảnh hưởng rất xấu đến kỷ luật và trật tự trong chiến đấu và mỗi khi sự rút lui trước hỏa lực của kẻ thù là không tránh khỏi, thì hệ thống huấn luyện đó có thể đưa đến những hậu quả hết sức nghiêm trọng. Điều đó giải thích rõ vì sao mưu toan rút lui một cách có trật tự thường tỏ ra là nguy hiểm đối với người Pháp, và điều đó cũng giải thích vì sao một cuộc rút lui mà quân Pháp buộc phải tiến hành trước một đội quân mạnh, được huấn luyện tốt bao giờ cũng sẽ là tai hại đối với họ".

Sau khi xem xét các vấn đề huấn luyện, tướng Van-đéc-di trình bày ngắn gọn về các nguyên tắc chiến đấu của thống chế Buy-giô (những nguyên tắc này đã được chúng tôi trích dịch phần lớn trong các số trước của tờ "Volunteer Journal" dưới tiêu đề "Thống chế Buy-giô nói về yếu tố tinh thần trong chiến đấu"^{1*}). Tướng Van-đéc-di hoàn toàn thống nhất với những nguyên tắc đó, đồng thời muốn chứng minh - và không phải là không có kết quả - rằng phần lớn những nguyên tắc đó là những nguyên tắc thực tiễn cũ đã được ghi trong các bản chỉ thị của Đại Phrí-đrich. Chúng ta sẽ không dừng lại ở đây, cũng như không dừng lại ở sự phê bình - chiếm khá nhiều chỗ đối với chiến dịch I-ta-li-a năm 1859 theo quan điểm chiến lược (trong sự phê bình này đã phơi bày ít ra là 18 thiết sót quá rõ ràng của tướng Duy-lai), để chuyển sang xem xét những phương thức chiến đấu mà quân Pháp áp dụng trong chiến dịch đó.

1* - học lý thuyết

1* Xem tập này, tr. 317-328.

Những nguyên tắc chủ yếu nhất của phương pháp ấy là:

1. Luôn luôn tấn công khi điều kiện cho phép.
2. Coi thường việc chiến đấu lâu dài bằng hỏa lực và hết sức nhanh chóng chuyển sang đánh giáp lá cà.

Khi những nguyên tắc này đã trở thành phổ biến, thì trong đại đa số các trường hợp người ta rút ra một kết luận là quân Pháp ở mọi nơi và mọi lúc, hết sức khinh thường mọi hình thức chiến thuật, xông thẳng như vũ bão vào đội hình quân Áo và luôn luôn nhanh chóng và dễ dàng đẩy lùi quân Áo hoặc đánh bại chúng.

Tuy nhiên lịch sử của chiến dịch đã chứng minh rằng tình hình hoàn toàn không phải như vậy. Ngược lại, lịch sử chiến dịch đã chỉ ra rằng:

1. Quân Pháp, không còn nghi ngờ gì nữa, trong đại đa số các trường hợp, nhưng không phải bao giờ cũng vậy, tấn công như vũ bão đối phương của mình, nhưng chưa hẳn có lúc nào đã đánh bại đối phương bằng trận đòn đầu tiên. Thường thường ở đây quân Pháp không những không giành được thắng lợi, mà trong nhiều trường hợp còn chịu tổn thất và thất bại trong nhiều cuộc tấn công liên tiếp, thành thử trong suốt trận đánh, số lần họ rút lui hầu như cũng bằng số lần họ tiến công.

2. Quân Pháp thường tấn công mà không dùng hỏa lực, nhưng nếu như cuộc tấn công bị đẩy lùi, thì họ bắt buộc phải tiếp tục sử dụng hỏa lực trong một thời gian nào đó, mặc dù những đợt bắn phá này bị ngắt quãng bởi những cuộc tấn công giáp lá cà lặp đi lặp lại. Ở Mát-gien-ta và Xôn-phe-ri-nô các cuộc bắn nhau như vậy đã kéo dài hàng giờ.

Sau đó tác giả, xuất phát từ những tin tức nhận được ở cả hai bên: từ các sĩ quan Pháp cũng như từ các sĩ quan Áo, đã mô tả những đội hình chiến thuật mà quân Pháp sử dụng trong chiến dịch ở I-ta-li-a. Những đoạn trích sau đây của sự mô tả đó được chúng tôi sử dụng để kết thúc bài viết này.

Tác giả của chúng ta, sau khi mô tả tính chất chung và những nguyên tắc chiến đấu của quân đội Pháp, đã chuyển sang mô tả những đội hình chiến thuật mà quân đội Pháp sử dụng trong thời gian chiến dịch I-ta-li-a năm 1859.

"Một sư đoàn quân Pháp gồm hai lữ đoàn. Lữ đoàn một gồm một tiểu đoàn xạ thủ và hai trung đoàn bộ binh (mỗi trung đoàn gồm ba tiểu đoàn), trong khi đó lữ đoàn thứ hai chỉ có hai trung đoàn bộ binh (hoặc sáu tiểu đoàn). Mỗi tiểu đoàn có sáu đại đội.

Trong đội hình chiến đấu, lữ đoàn thứ nhất hình thành nên tuyến một, trong đó các tiểu đoàn được bố trí thành những khối không chế một nửa khoảng cách trống giữa đội hình hai tiểu đoàn và được yểm trợ bằng một chuỗi lính xạ thủ. Lữ đoàn thứ hai bố trí ở tuyến hai, cách tuyến một 250 i-ác-đơ, với những tiểu đoàn cũng được bố trí thành khối có chiều dài bằng nửa khoảng cách giữa chúng với nhau. Các tiểu đoàn này thường nằm phía sau *các cánh* của tuyến một.

Việc bố trí đội hình thành khối thường được áp dụng trong cuộc chiến tranh I-ta-li-a, quân Pháp gọi cách bố trí đó là các khối trụ sư đoàn - hai đại đội trong một khối được gọi là sư đoàn. Sáu đại đội được bố trí như sau: hai đại đội ở phía trước, hai đại đội ở giữa và hai đại đội ở cuối với khoảng cách giữa từng khối hai đại đội bằng nửa chiều dày của hai đại đội đó. Khối trụ này có thể được bố trí nối đuôi nhau hoặc theo hai đại đội ở trung tâm, hoặc theo hai đại đội ở cánh phải hoặc cánh trái. Trong khối vệ binh bao gồm toàn là lính tinh nhuệ, khối trụ này bao giờ cũng được bố trí theo hai đại đội trung tâm, và do đó (cũng giống như trong khối kép của nước Anh được xây dựng nối tiếp sau hai phân đội trung tâm), thời gian xếp thành khối và thời gian triển khai đều giảm đi một nửa; nhưng trong bộ binh khối trụ thường được xây dựng nối tiếp sau hai đại đội ở cánh phải. Ý nghĩa của việc xây dựng đội hình như vậy là ở chỗ: trong đội hình như vậy thì đại đội "lựu pháo" (đại đội 1) được bố trí ở phía trước của khối, còn đại đội khinh kỵ hoặc đại đội "ngựa bay" (đại đội 6) thì nằm ở phía sau. Như vậy, hai đại đội đó bao gồm các binh sĩ tinh nhuệ đã hình thành, như người ta nói, nên một bộ khung mà trong đó chứa bốn "đại đội trung tâm" ít tin cậy hơn. Ngoài ra, trong trường hợp hai đại đội nằm phía sau nhận được lệnh triển khai thành chuỗi xạ thủ, thì một trong hai đại đội đó là đại đội khinh kỵ, còn đại đội lựu pháo thì vẫn ở lại tuyến sau cùng với các đại đội còn lại, nếu như không cần toàn tiểu đoàn phải triển khai.

Đối với một đội quân tiến hành chiến đấu chủ yếu không phải theo tuyến ngang, mà kết hợp thành tuyến dọc và khối trụ, thì việc xếp đội hình như vậy có nhiều điểm ưu việt. Một phần ba tổng số binh sĩ (hai đại đội ở phía trước) luôn luôn ở trong

tình trạng sẵn sàng nhả đạn, trong khi đó thì khối trụ ở trong tình trạng sẵn sàng triển khai một cách đơn giản và nhanh chóng. Khoảng cách lớn giữa các bộ phận cấu thành của khối (bằng một nửa khoảng cách đại đội hoặc gần bằng 40 i-ác-đơ) sẽ góp phần làm giảm bớt khá nhiều tác dụng huỷ diệt của pháo binh địch, đối với những khối hàng dày sít hơn thì tác dụng đó sẽ lớn hơn nhiều. Còn nếu như chú ý một điều là, theo thường lệ, hai đại đội được rải thành chuỗi dọc, do đó cả khối sẽ bao gồm hai đại đội ở tuyến đầu và cách đó 40 i-ác-đơ có hai đại đội ở sau, thì ta sẽ thấy rõ là việc sắp xếp đội hình như vậy trên mức độ tối đa sẽ gần giống với đội hình theo chiến tuyến. Hai đại đội ở phía sau sẽ hành động đúng ra là với tư cách quân dự bị hoặc với tư cách là tuyến hai so với hai đại đội ở phía trước hơn là với tư cách lực lượng yểm trợ trực tiếp có hiệu quả như thường xảy ra trong đội hình tấn công của nhiều quân đội khác ở châu Âu, khi binh sĩ ở phía sau phải yểm trợ cho tuyến đầu. Ngoài ra, mặc dù trong chiến dịch ở I-ta-li-a lúc này lúc khác người ta triển khai thành tuyến, nhưng ở một địa hình kiểu như ở Lô-m-bác-di thì việc đánh nhau theo chiến tuyến hoàn toàn không thể được. Trên những cánh đồng nhỏ hẹp xen kẽ những bờ rào xanh, hào hố và tường đá và ngoài những cánh đồng lúa mì ra còn có những bãi dâu, những ruộng nho với cành lá sum suê, trên một địa hình mà đường sá chen giữa hai hàng tường cao và chặt chội đến mức hai xe ngựa rất khó tránh nhau, - trong những điều kiện như vậy của địa hình thì mọi cách sắp xếp đội hình theo đúng quy tắc thường phải đình lại, một khi đội quân tiến lên tiếp cận với kẻ thù. Có một điều duy nhất cần thiết đó là phải có một số lượng lớn xạ thủ ở phía trước chiến tuyến và phải dùng một số lượng đông đảo binh sĩ tiến nhanh như vũ bão chiếm lĩnh các vị trí quan trọng nhất. Vì vậy, để đạt được mục tiêu đó không thể có một đội hình nào tốt hơn đội hình mà người Pháp đã chọn. Trong khi một phần ba tiểu đoàn làm thành một chuỗi xạ thủ - không hề có một nhóm yểm trợ nào hết, chừng nào đội hình dài 100 i-ác-đơ phía sau là một lực lượng yểm trợ khá đầy đủ, thì cả tiểu đoàn nhanh chóng tiến lên, và các xạ thủ, khi họ tiến đến khá gần, họ sẽ chiếm lĩnh khoảng không gian trước trận tuyến của tiểu đoàn và triển khai trên các cánh của mặt trận. Tuyến một phát hỏa và xung phong, tuyến hai ở cách đó 40 i-ác-đơ về phía sau sẽ tiến theo với tư cách là đội dự bị và sẽ giữ nguyên đội hình trong mức độ địa hình cho phép. Chúng ta cần phải thừa nhận rằng phương pháp đó tỏ ra thích hợp hết chỗ nói với tất cả các nhiệm vụ tấn công trên địa hình như vậy, và trong mức độ có thể được, sẽ giữ được các binh sĩ lại thành một khối và dưới sự kiểm soát của các sĩ quan.

Ở tất cả những nơi địa hình tương đối thoáng đãng cho phép di chuyển theo đúng quy tắc, thì quá trình tấn công diễn ra như sau: tuyến xạ thủ nã đạn liên tục vào đối phương chừng nào người ta chưa ra lệnh cho đội hình bắt đầu tiến công.

Các đơn vị quân dự bị - nếu như có - thì sẽ được tổ chức ở hai cánh bổ sung cho tuyến xạ thủ và cũng triển khai trên tuyến của cả hai cánh nhằm mục đích bao vây quân địch đang tấn công và sẽ bắn chéo cánh sẽ vào đội hình địch. Khi cả khối quân tiến ra tuyến của chuỗi xạ thủ, thì chuỗi xạ thủ này sẽ lấp kín khoảng cách giữa các tiểu đoàn, và tiến lên trong một hàng cùng với mũi đi đầu của khối quân. Cách đối phương 20 i-ác-đơ, mũi đi đầu của khối bắn một loạt đạn và xung phong. Nếu như địa hình được che chắn tốt, thì thậm chí ba hoặc bốn đại đội của một tiểu đoàn sẽ triển khai thành chuỗi. Người ta cũng thông báo về những trường hợp (các xạ thủ người An-giê-ri đóng ở Mát-gien-ta) toàn bộ cả một tiểu đoàn triển khai thành chuỗi xạ thủ.

Để chống lại sự tấn công giáp lá cà bằng lưỡi lê của quân Áo, đôi khi người ta áp dụng phương pháp tương tự như phương pháp đã được quy định trong các điều lệnh của quân đội Anh đối với thuật xạ kích trên đường phố (huấn luyện cấp tiểu đoàn, điều 62). Các đại đội đi đầu đội hình bắn một loạt đạn, sau đó rẽ sang hai cánh, lui về phía sau và lại tập hợp thành hàng ngũ ở đó. Các đại đội tiếp sau cũng làm y như vậy, và cuối cùng, sau khi những đại đội cuối đã bắn hết và quét sạch mọi thứ trên trận tuyến thì cả tiểu đoàn tấn công vào kẻ thù.

Vào những thời điểm quyết định người ta ra lệnh cho các binh sĩ bỏ hết ba-lô của mình xuống đất, chỉ mang theo người một ít bánh mì và tất cả số đạn có trong ba-lô mà những người lính đã nhét ở chỗ nào có thể được trong chiếc ba-lô đó. Chính vì vậy mà người ta dựng lên một câu chuyện là: "Lính Du-a-vơ thường hay để đạn ở túi quần".

Ở Mát-gien-ta binh sĩ Du-a-vơ và trung đoàn lựu pháo vệ binh số một đã được triển khai trong một thời gian nào đó - họ đã phát hỏa một cách lẻ tẻ và phát hỏa theo chuỗi hàng ngang. Ở Xôn-phe-ri-nô sư đoàn vệ binh khinh kỵ (gồm 12 tiểu đoàn), trước khi bắt đầu giao chiến, cũng đã triển khai thành một chiến tuyến, nhưng khi các tiểu đoàn thực sự bước vào trận đánh, thì hình như các tiểu đoàn đó đã được triển khai theo đội hình bình thường. Vì trong cả hai trường hợp đó việc triển khai đội hình được tiến hành dưới sự chỉ huy trực tiếp và với sự có mặt của Lu-i - Na-pô-lê-ông, cho nên chưa chắc đã có ý kiến nghi ngờ nào đó cho rằng ông ta đã ra những lệnh tương ứng dưới ảnh hưởng của những hồi ức nào đó về cách vận động của quân Anh - dàn trận thành chiến tuyến. Nhưng trong cả hai trường hợp đó khuynh hướng của các sĩ quan Pháp thiên về cách bài binh bố trận của riêng dân tộc mình, cũng như tính chất của địa hình, dường như đã chiếm ưu thế một khi thời điểm của trận đánh quyết định tới gần.

Việc tấn công vào làng được bắt đầu bằng một vài đội hình. Phía trước các đội

hình đó là những chuỗi xạ thủ dày đặc, đội hình yếu hơn được dùng để tấn công những vị trí phía trước được đẩy lại phía sau cho đến phút cuối cùng, trong khi những khối mạnh hơn đánh vòng sau làng từ các phía sườn. Những đơn vị đã chiếm được làng, lập tức chiếm giữ và củng cố làng, trong khi đó các *đơn vị dự bị* tiến hành truy kích đối phương. Khi phòng thủ một làng, quân Pháp thường hy vọng nhiều vào lực lượng dự trữ ở phía sau làng hoặc ở các rìa làng, chứ ít hy vọng vào lực lượng mạnh mẽ đồn trú ngay trong các nhà".

Bằng đoạn trích trong chương nói về cách xây dựng đội hình chiến thuật của quân đội Pháp tại cuộc chiến tranh I-ta-li-a năm 1859 chúng tôi xin kết thúc việc nghiên cứu tác phẩm của bá tước Van-đéc-di. Mặc dù địa hình của nước Anh ít gặp ghềnh hơn nhiều so với địa hình ở Lô-m-bác-đi, song, do ở đây có nhiều hàng rào, hào hố, bụi cây và những cánh rừng, kết hợp với tính chất gợn sóng của địa hình và với những nương máng sâu có những cánh rừng bao bọc chia cắt địa hình, cho nên địa hình đó là một chiến trường mấp mô hơn nhiều so với những bình nguyên rộng lớn ở Bắc Pháp, Bỉ và Đức. Nếu như quân đội Pháp một khi nào đó mưu toan nhảy vào đất Anh, thì không thể nghi ngờ gì nhiều rằng cách bố trí đội hình chiến đấu của bộ binh Pháp sẽ rất giống với cách bố trí đội hình được áp dụng ở I-ta-li-a. Đó chính là nguyên nhân giải thích tại sao chúng tôi cho rằng những cách bố trí đội hình như vậy không phải không thú vị đối với lính tình nguyện của nước Anh.

*Những nhận xét về cuốn sách của bá tước
Van-đéc-di do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng
Sáu 1861*

*Đã đăng trên tạp chí "The Volunteer
Journal, for Lancashire and Cheshire" các
số 42, 44, 46, 62, ngày 22 tháng Sáu, ngày
6, 20 tháng Bảy và ngày 8 tháng Mười một
1861*

Ký tên: Ph.Ă.

*In theo bản đăng trên tạp
chí
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

PHÊ PHÁN VỀ MẶT QUÂN SỰ CUỘC DUYỆT QUÂN Ở NIU-TƠN

Cuộc duyệt quân năm ngoái ở Niu-tơn đã diễn ra một cách tốt đẹp, càng tốt đẹp hơn, vì lẽ rất nhiều khó khăn các loại đã cản trở cuộc duyệt quân đó. Đó là mưu toan đầu tiên muốn tập trung các binh sĩ quân tình nguyện ở Lan-kê-sia thành một chỉnh thể thống nhất. Vận chuyển đường sắt còn lâu mới đạt mức yêu cầu mà nó phải có; mặt đất thì thật kinh khủng; thời tiết rất xấu. Mặc dù tất cả những điều đó, nhưng cuộc duyệt quân vẫn diễn ra một cách tốt đẹp khác thường. Binh sĩ tình nguyện của chúng ta trở về nhà - người ướt át, đói và khát, nhưng ý thức một cách tự hào rằng, họ đã làm cho tất cả mọi người hết sức ngạc nhiên về sự bình thản, sự tin tưởng và quân phong mà họ thể hiện khi họ hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Liệu có thể đưa ra những nhận xét như vậy về cuộc duyệt quân năm nay không? Chúng tôi e rằng không thể. Vận chuyển của đường sắt rất tốt; mặt đất tuyệt vời; thời tiết đẹp; các binh sĩ tình nguyện đã qua hai năm huấn luyện; và dù sao chúng tôi cũng tin chắc rằng phần lớn các binh sĩ đó khi trở về nhà đều chưa thoả mãn lắm với công việc của mình, với những thành tích của mình trong cái ngày vừa qua so với năm ngoái. Vậy ở đây ai là người có lỗi?

Khi các đội quân tiến vào địa điểm duyệt quân, thì các lá cờ

nhỏ chỉ rõ vị trí phân cho các lữ đoàn khác nhau đã được cắm sẵn, và chỗ nào cũng có các bảng chỉ dẫn vị trí của các tiểu đoàn. Nhưng rất nhiều tiểu đoàn, đặc biệt là các tiểu đoàn tập kết đầu tiên, trong một khoảng thời gian khá lâu, hết tiến lên lại lùi xuống, hết đứng lại, lại di chuyển, sau đó lại di chuyển, lại đứng lại, trước khi vào đúng cái chỗ dành cho mình. Do đó các đơn vị đến chỗ tập trung trước khi bắt đầu duyệt quân khoảng nửa tiếng hoặc một tiếng - đã không có thời gian cho binh sĩ xếp súng với nhau thành những giá đỡ và không cho phép binh sĩ được nghỉ ngơi chút ít, cho dù chỉ một vài phút để lấy sức. Tất nhiên, đó không phải lỗi của các viên tiểu đoàn trưởng.

Sau khi tiến hành nghi lễ chào mừng chung, bắt đầu chuyển đội hình. Nhưng ở đây vị tất đã có một sự chuyển đội hình nào. Lữ đoàn thứ nhất dàn quân ra và bắn một loạt - lần thứ nhất bắn theo từng đại đội, từ giữa chuyển sang cánh, một loạt đạn được bắn theo từng tiểu đoàn, ba lần bắn theo hàng ngang. Trong khi đó lữ đoàn thứ hai được triển khai và khi lữ đoàn thứ nhất thôi bắn thì lữ đoàn thứ hai tiến lên thay tuyến đầu. Công việc đó được tiến hành bằng cách chuyển đội hình của cả hai tuyến, tuyến đầu chuyển thành hàng bốn, tuyến hai cũng thành hàng bốn đi lên qua khoảng trống của tuyến một. Theo điều lệnh, việc chuyển đội hình như vậy được coi là chỉ thuận tiện đối với những *mục đích diễu binh* và không bao giờ được áp dụng trong hoàn cảnh chiến đấu (tr.113). Sau đó lữ đoàn thứ hai cũng tiến hành bắn y như vậy, trong khi đó lữ đoàn thứ ba được triển khai để hình thành nên tuyến hai, còn lữ đoàn đầu xếp thành khối lui về phía sau. Chúng tôi nhận thấy rằng lữ đoàn đầu thực hiện việc rút quân đó rất chậm chạp và chỉ lùi sang một bên khi lữ đoàn hai đã bắn xong hoàn toàn. Sau đó lữ đoàn ba tiến lên và sau nó là lữ đoàn bốn. Các lữ đoàn này lần lượt bắn, sau đó tất cả các đội quân được xếp thành khối với khoảng cách sát chặt và diễu qua theo hành khúc diễu binh.

Như vậy, một điều hoàn toàn rõ ràng là: thay cho việc chuyển đội hình chỉ có hai thời điểm để cho các binh sĩ tình nguyện có thể biểu diễn được trình độ của mình: đó là khi bắn và khi đi điều binh. Chúng tôi không đồng ý với việc người ta coi bắn những viên đạn giả là một tiêu chuẩn để đánh giá những đơn vị kiểu như các binh sĩ tình nguyện tập trung ở Niu-tơn. Ở đó có các đơn vị đã bắn một số lượng đạn khá lớn - những viên đạn giả, và do đó những đơn vị này từ lâu đã đạt được những thành tích đáng kể trong những phát đạn đồng loạt chính xác. Ở đó còn có nhiều đơn vị khác nữa được huấn luyện với trình độ như các đơn vị trên, thậm chí có thể còn hơn về tập tành ở cấp tiểu đoàn và cấp đại đội, và về môn bắn bia, nhưng chưa chắc họ đã bắn một lần nào những viên đạn giả đó. Ở đó cũng còn có nhiều đơn vị nhỏ thuộc các tỉnh, các đơn vị này được phiên chế thành các tiểu đoàn nhân dịp có cuộc duyệt quân. Những đơn vị này chưa bao giờ có cơ hội bắn hàng loạt theo đội hình cả tiểu đoàn vì một lý do hết sức giản đơn là: Cho đến tận bây giờ các đơn vị đó chưa được huấn luyện ngay cả ở cấp tiểu đoàn. Việc bắn hàng loạt là một nghĩa vụ dễ dàng nhất trong số tất cả những nghĩa vụ của người lính, trong chừng mực người ta chỉ có thể phán xét nó theo âm thanh chứ không phải theo kết quả; một tiểu đoàn vững vàng về các phương diện khác có thể học thành thạo cách bắn theo loạt đó trong khoảng thời gian rất ngắn, và nếu như đại đa số các tiểu đoàn có mặt trong buổi kiểm tra trên thực tế bắn theo loạt rất kém, thì chúng ta cần phải nói rằng, đúng ra là, chúng ta sẽ hài lòng với tình hình đó, bởi vì điều đó chỉ ra rằng các tiểu đoàn đã không lãng phí thời gian cho những bài tập thực hành về cái tài nghệ mà những tiểu đoàn đó có thể nghiên cứu lúc nào cũng được trong thời hạn một tuần và nó rất giống như một thứ trò chơi hoặc như một thứ quảng cáo.

Một điểm duy nhất mang tính tích cực trong chương trình duyệt

quân là: chương trình đó tạo ra khả năng cho toàn thể bộ binh có mặt ở đó hoàn thành một số những bài kiểm tra nhất định. Còn về những mặt khác thì chương trình đó thực sự hết sức nghèo nàn. Không có hoạt động gì hết, trong các chuỗi xạ thủ, hầu như không tiến hành việc thay đổi đội hình, còn tiêu chuẩn đã định để đánh giá việc huấn luyện thì chẳng những mang tính chất mơ hồ mà còn rất không công bằng đối với đại đa số các đơn vị có mặt. Còn về hành động tấn công dũng cảm của kỵ binh - một tiết mục kết thúc cuộc duyệt - thì tốt hơn là không nói gì về nó, khán giả tưởng đó là một vở hài kịch tuyệt vời.

Trong khi cuộc diễu hành đi qua, một lần nữa chúng tôi lại nhận thấy một thiếu sót thường lệ của binh sĩ tình nguyện - đó là hoàn toàn coi thường khoảng cách. Chỉ có một đơn vị khi diễu qua vẫn giữ nguyên khoảng cách tương đối đúng, và đơn vị đó lại *không phải* là cái đơn vị nổi bật trên mức độ như vậy về những loạt bắn của mình. Chúng tôi thì cho rằng, việc giữ các cự li đúng đắn trong hệ thống huấn luyện hiện nay cho các binh sĩ tình nguyện còn khó hơn và quan trọng hơn so với những loạt bắn chính xác. Nhìn chung, việc diễu binh đã chỉ ra rằng những tiến bộ so với năm ngoái là quá ít ỏi so với điều mà chúng ta có quyền mong đợi, nhưng chúng tôi buộc phải nói rằng, về mặt này các đơn vị ở các tỉnh đến, tuy số quân ít, nhưng lại giành được những thành tích lớn nhất. Các đơn vị ấy càng xứng đáng được công chúng thừa nhận vì những đơn vị không lớn ấy phải khắc phục những khó khăn to lớn, phần lớn các đơn vị đó không được sự giúp đỡ của các sĩ quan, và không có tư lệnh nào huấn luyện cho họ ngoài các hướng dẫn viên - là những hạ sĩ quan.

Chúng tôi lấy làm tiếc phải nhận xét rằng trong số binh sĩ tình nguyện ở Lan-kê-sia số lượng áo blu-dông đỏ và thậm chí số lượng mũ lông gấu tăng lên khá nhiều. Hình như điều đó chỉ ra rằng ý muốn khoa trương đã quá rõ ràng, điều đó không thể đem lại một

ích lợi gì cho phong trào. Tuy nhiên, đó là một đề tài dường như sẽ đưa chúng ta đi xa quá khỏi Niu-tơn, và vì vậy chúng ta sẽ quay trở lại đề tài đó trong một dịp thuận tiện khác.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào đầu tháng Tám
1861*

*Đã đăng trên tạp chí "The Volunteer
Journal, for Lancashire and Cheshire" số
49, ngày 10 tháng Tám 1861
Ký tên: Ph.Ă.*

*In theo bản đăng trên tạp
chí*

Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

VẤN ĐỀ NƯỚC MỸ Ở ANH

Luân Đôn, ngày 18 tháng Chín 1861

Bức thư của bà Bít-chơ-Xtô gửi cho huân tước Sép-xbê-ri¹⁴⁵, không quan tâm đến tư cách đường bộ của ông ta, đã đem lại một cái lợi to lớn vì đã bắt các tờ báo ở Luân Đôn có tư tưởng bài xích miền Bắc phải lên tiếng và trình bày trước công chúng những nguyên nhân chính thức gây nên những giọng điệu thù địch của họ đối với miền Bắc và những cảm tình quá lộ liễu đối với miền Nam, và điều đó hoàn toàn không liên quan đến những ý đồ của họ muốn mạo nhận mình là những người chống đối chế độ nô lệ một cách kịch liệt. Với tư cách là nguyên nhân đầu tiên và chủ yếu gây nên sự bất bình, các tờ báo đó đã chỉ ra rằng cuộc chiến tranh ở Mỹ hiện nay "đang được tiến hành không phải để xóa bỏ chế độ nô lệ", vì vậy không nên chờ đợi cảm tình của những người Anh hào hiệp - những người thường tiến hành chiến tranh và quan tâm đến chiến tranh của các dân tộc khác dựa trên "những nguyên tắc rộng lớn của tính nhân đạo" - đối với những người họ hàng phương Bắc của họ.

"Trước tiên", - tờ "Economist" viết, - "cái ý kiến cho rằng dường như cuộc tranh giành giữa miền Bắc với miền Nam là cuộc đấu tranh giữa một bên là sự tự do của người da đen với một bên khác là sự nô lệ của người da đen, càng trở trêu bao nhiêu thì cũng càng đối trá bấy nhiêu". Tờ "Saturday Review"¹⁴⁶ tuyên bố: "Miền Bắc không tuyên bố xóa bỏ chế độ nô lệ và chưa bao giờ tỏ ra là chống lại chế độ nô lệ. Miền Bắc chưa bao giờ lấy nguyên tắc thiêng liêng về chính nghĩa đối với người da đen

làm oriflamme^{1*} của mình; cri de guerre^{2*} của miền Bắc không phải là xóa bỏ vô điều kiện chế độ nô lệ". Tờ "Examiner"¹⁴⁷ viết: "Nếu như chúng ta bị lừa dối về cái ý nghĩa thực sự của cuộc vận động cao thượng đó, thì ai sẽ chịu trách nhiệm về sự lừa dối đó, nếu không phải là những người ủng hộ chế độ liên bang?".

Trước tiên, chúng ta cứ giả định rằng, ý kiến thứ nhất đó về cơ bản là đúng. Cuộc chiến tranh được bắt đầu không phải vì mục đích thủ tiêu chế độ nô lệ, và bản thân những người cầm quyền của Hợp chúng quốc hết sức cố gắng để bác bỏ quan niệm như vậy. Nhưng, mặt khác, cần phải nhớ rằng, không phải miền Bắc, mà chính miền Nam mới là người bắt đầu cuộc chiến tranh. Miền Bắc chỉ tự vệ mà thôi. Nếu đúng là miền Bắc, sau một thời gian do dự và sau một thời gian kiên nhẫn lâu dài - điều chưa thấy trong biên niên sử châu Âu - cuối cùng đã phải tuốt gươm ra không phải để thủ tiêu chế độ nô lệ, mà là để cứu Liên bang, thì miền Nam, về phía mình, đã bắt đầu cuộc chiến bằng một lời tuyên bố rất kêu về "thiết chế đặc biệt"^{3*}, coi đó là mục tiêu chủ yếu và duy nhất của cuộc bạo động. Miền Nam thừa nhận rằng họ chiến đấu vì quyền tự do, bất dân tộc khác phải làm nô lệ - vì cái quyền tự do, mà bất chấp sự phản đối của miền Bắc, dường như đang bị đe dọa bởi một nguy cơ sau khi đảng cộng hòa thắng lợi¹⁴⁸ và sau khi ngài Lin-côn được bầu làm tổng thống. Đại hội của những người thuộc phái Hiệp bang huyênh hoang rằng bản hiến pháp¹⁴⁹ mới được sáng chế ra của họ, khác với bản hiến pháp của những người ủng hộ Oa-sinh-ton, Giép-phéc-xơn và A-đam, lần đầu tiên thừa nhận rằng, chế độ nô lệ, về bản chất, là một điều tốt, là thành trì của nền văn minh, và là một thiết chế của chúa trời.

1* - ngọn cờ

2* - lời kêu gọi chiến đấu

3* - chế độ nô lệ

Nếu như miền Bắc tuyên bố rằng họ chiến đấu chỉ vì Liên bang, thì miền Nam tự hào là họ bạo động vì sự thống trị của chế độ nô lệ. Nếu như lời tuyên bố của miền Bắc không lôi cuốn được cái nước Anh đầy tinh thần lý tưởng và thù địch với chế độ nô lệ, thì tại sao lại xảy ra chuyện nước Anh không cảm thấy hết sức ghê tởm đối với lời thú nhận trắng tráo của miền Nam?

Tờ "Saturday Review" cố gắng thoát khỏi tình trạng nan giải khó chịu đó bằng cách tỏ ra nghi ngờ những lời tuyên bố của chính những người thuộc phái ly khai. Tạp chí đó tỏ ra sâu sắc hơn và phát hiện ra rằng "*chế độ nô lệ có rất ít những điểm chung với chế độ ly khai*"; ngược lại, những lời tuyên bố của Giép-phéc-xơn Đê-vít và đồng bọn - là "những ước lệ" thuần túy nhất, trong đó không có nhiều ý nghĩa hơn so với trong những biểu thị ước lệ về những bàn thờ bị xúc phạm và về những tổ ấm đã bị phá hủy, mà những thứ này thì thường hay thấy trong các lời tuyên bố tương tự.

Kho luận cứ mà các tờ báo có tinh thần chống miền Bắc dẫn ra quả là hết sức nghèo nàn, và trong tất cả các tờ báo đó thường chỉ gặp hầu như những câu đơn điệu lặp đi lặp lại giống như trong các công thức toán học với những khoảng cách nhất định, và với những biến thể và những kết hợp rất ít khác nhau.

"Tại sao", - tờ "Economist" thốt lên, - "chỉ mới ngày hôm qua, khi phong trào ly khai lần đầu tiên gặp phải chiều hướng nan giải khi có thông báo đầu tiên về sự đắc cử của ngài Lin-côn, những người miền Bắc đã đề nghị miền Nam, nếu như miền Nam vẫn ở trong Liên bang, những bảo đảm có thể có về việc giữ nguyên quyền bất khả xâm phạm của cái thiết chế gớm ghiếc đó, và đã từ bỏ một cách trang trọng nhất mọi ý định can thiệp vào công việc đó, hơn nữa, những lãnh tụ của họ đã đưa ra tại quốc hội hết nhượng bộ này đến nhượng bộ khác dựa trên sự thỏa thuận là không dấn động đến chế độ nô lệ? "Sẽ giải thích như thế nào", - tờ "Examiner" hỏi, - "về việc miền Bắc sẵn sàng thu xếp công việc bằng những sự nhượng bộ to lớn nhất đối với miền Nam về chế độ nô lệ? Làm sao lại xảy ra một điều là: tại quốc hội người ta đã đề nghị lập ra một đường phân tuyến địa lý xác định mà ra khỏi phân tuyến đó chế

độ nô lệ sẽ phải được coi là một thiết chế cần thiết? Các bang ở miền Nam không hài lòng về việc đó"

Đáng lẽ tờ "Economist" và tờ "Examiner" phải đặt không chỉ một câu hỏi: tại sao sự nhượng bộ của Crít-ten-đen¹⁵⁰ và những biện pháp mang tính chất nhượng bộ khác đã được *nêu ra* tại Quốc hội, mà còn phải đặt ra một câu hỏi khác nữa, đó là: tại sao những nhượng bộ đó chưa được *thông qua*? Họ làm ra vẻ dường như họ coi những đề nghị mang tính chất nhượng bộ đó đã được miền Bắc thông qua và bị miền Nam bác bỏ, trong khi đó thì trên thực tế những đề nghị mang tính nhượng bộ đó vẫn chưa được thông qua là do đảng miền Bắc đã bầu Lin-côn. Như vậy, những đề nghị đó chưa trở thành nghị quyết, chúng mới ở dạng phôi thai của pia desideria^{1*}, và miền Nam trên thực tế không có cơ hội bác bỏ cũng như thông qua những đề nghị ấy. Nhận xét sau đây của tờ "Examiner" đưa chúng ta tiến gần đến bản chất của vấn đề:

"Bà Xô nói: "Đảng chủ nô, sau khi nhận thấy rằng nó không thể sử dụng Liên bang vì những mục đích riêng của mình nữa, đã quyết định phá vỡ cái Liên bang đó". Trong câu nói trên thể hiện một sự thừa nhận là: từ trước đến nay đảng chủ nô đã sử dụng Liên bang vì những mục đích của mình, và sẽ là rất hay nếu như bà Xô chỉ ra một cách rõ ràng: khi nào miền Bắc bắt đầu chống lại chế độ nô lệ".

Có thể cho rằng tờ "Examiner" và những nhà tiên tri khác của dư luận xã hội ở Anh đã khá quen thuộc với lịch sử hiện nay, thành thử họ không cần đến những thông tin của bà Xô về những vấn đề cực kỳ quan trọng như vậy. Việc những người chủ nô lạm dụng Liên bang ngày càng nhiều, họ liên kết với đảng dân chủ ở miền Bắc¹⁵¹ - như người ta nói đó là một nét đặc trưng của lịch sử Hợp chúng quốc kể từ đầu thế kỷ này. Những biện pháp mang tính nhượng bộ liên tiếp đánh dấu các giai đoạn xâm lược liên

1* - những ý định tốt đẹp

tiếp, mà những hành động xâm lược đó đã dần dần biến Liên bang thành một kẻ nô lệ của bọn chủ nô. Mỗi một sự nhượng bộ đó đồng nghĩa với một sự xâm lược mới của miền Nam và đồng nghĩa với một sự nhượng bộ mới của miền Bắc. Trong khi đó không có một thắng lợi liên tiếp nào của miền Nam lại không giành được bằng sự đấu tranh mãnh liệt chống lại một lực lượng thù địch với nó ở miền Bắc, lực lượng này thể hiện qua các đảng khác nhau, với những khẩu hiệu khác nhau và dưới những ngọn cờ khác nhau. Nếu như kết quả thực sự và cuối cùng của từng trận đánh nghiêng về phía miền Nam, thì mỗi một người quan sát chăm chú theo dõi những sự kiện lịch sử sẽ không thể không nhận xét rằng mỗi một bước tiến mới của chủ nô là một bước trên con đường đưa họ đến thất bại hoàn toàn. Thậm chí trong thời kỳ thỏa ước Mi-su-ri, các lực lượng thuộc hai bên đấu tranh cũng đã cân bằng đến mức mà Giép-phéc-xơn, như hồi ký của ông ta đã ghi rõ, cũng phải lo lắng rằng sự chia rẽ đang đe dọa Liên bang bởi sự đối kháng¹⁵² chết người như vậy. Tính chất xâm lược của phía chủ nô đã đạt đến cực điểm, khi mà nhờ có Đạo luật Can-dắc-Nê-bra-xơ¹⁵³ lần đầu tiên trong lịch sử Hợp chúng quốc - như chính bản thân ngài Đu-glát đã thừa nhận - tất cả các trở ngại về mặt pháp luật đối với việc phổ biến chế độ nô lệ trên toàn lãnh thổ Hợp chúng quốc đã bị xóa bỏ; khi mà sau đó một trong những ứng cử viên miền Bắc đã mua được sự đắc cử tổng thống bằng cách hứa với Liên bang sẽ chiếm được hoặc sẽ mua ở Cu Ba một lãnh địa mới mà tại đó chủ nô sẽ thống trị; khi mà sau đó bằng quyết định về vụ Đrét-đơ Xcốt¹⁵⁴ những người cầm đầu Liên bang đã tuyên bố mở rộng chế độ nô lệ theo đạo luật của hiến pháp Mỹ; và cuối cùng, khi mà việc buôn bán nô lệ ở châu Phi trên thực tế đã được khôi phục trở lại với những quy mô còn lớn hơn rất nhiều so với bất cứ lúc nào trước đây trong thời kỳ tồn tại hợp pháp của nó. Nhưng đồng thời với những hành động xâm lược

đã lên tới cực điểm ấy của miền Nam trong điều kiện có sự dung túng của đảng dân chủ ở miền Bắc, đã có những dấu hiệu quá hiển nhiên chỉ rõ những nhân tố đối kháng ở miền Bắc đã gia tăng đến mức khiến cho tương quan giữa các lực lượng chính trị phải thay đổi nhanh chóng. Cuộc chiến tranh Can-dắc¹⁵⁵, việc thành lập đảng cộng hòa và một số lượng lớn phiếu bầu mà ngài Phri-môn thu được trong thời gian bầu tổng thống năm 1856, tất cả những việc đó đều là những bằng chứng hiển nhiên chứng tỏ rằng miền Bắc đã tích đủ nghị lực để sửa chữa những sai lầm đã mắc phải dưới áp lực của bọn chủ nô suốt một nửa thế kỷ trong lịch sử của Hợp chúng quốc, và để bắt đất nước quay trở lại những nguyên tắc phát triển chân chính của mình. Ngoài những hiện tượng chính trị đó ra còn có một sự kiện quan trọng về mặt kinh tế và thống kê chỉ ra rằng việc sử dụng Liên bang vì lợi ích của những người chủ nô đã đạt đến các điểm mà từ đó Liên bang - cho dù là bất buộc hay de bonne grâce^{1*} - sẽ phải suy yếu đi. Sự kiện đó chính là sự phát triển của vùng Tây - Bắc, là sự tiến bộ lớn lao của nhân dân vùng đó từ năm 1850 đến năm 1860 và cũng là ảnh hưởng mới, sâu sắc của tất cả những sự kiện đó đối với vận mệnh của Hợp chúng quốc.

Nhưng phải chăng tất cả những điều đó là một chương bí mật trong lịch sử? Chẳng lẽ phải có "*sự thừa nhận*" của bà Bít-chơ-Xtô để trước mắt tờ "Examiner" và trước mắt những ngôi sao chính trị khác trong giới báo chí Luân Đôn lộ ra một chân lý đã bị che giấu cẩn thận, chân lý đó là "trước đây đảng chủ nô đã sử dụng Liên bang vì những mục đích của mình"? Phải chăng Bắc Mỹ có lỗi ở chỗ các nhà báo Anh bị bất ngờ về sự dụng độ gay gắt giữa các lực lượng đối kháng mà cuộc đấu tranh giữa những

1* - tự nguyện

lực lượng này là động lực của lịch sử Hợp chúng quốc trong suốt nửa thế kỷ qua? Phải chăng những người Mỹ có lỗi ở chỗ báo chí của Anh coi cái gì thực sự là kết quả chín muồi của cuộc đấu tranh lâu dài trong nhiều năm - chỉ là một trò đồng đánh phát sinh trong một ngày? Báo chí Luân Đôn hầu như không nhận thấy việc thành lập và phát triển của đảng cộng hòa ở Mỹ - điều đó nói lên một cách rõ ràng hơn hết nội dung vô vị của những bài báo tràn giang đại hải chống lại chế độ nô lệ. Thí dụ, các bạn hãy lấy hai tờ báo đối lập nhau ở Luân Đôn: tờ thứ nhất là tờ "Times", tờ thứ hai là tờ "Reynolds's Weekly Newspaper"¹⁵⁶, một là cơ quan lớn nhất của các giai cấp đáng kính, và một là cơ quan duy nhất còn lại của giai cấp công nhân. Tờ báo thứ nhất - trước khi sự nghiệp của Biu-kê-nen kết thúc không lâu - đã phát biểu ca ngợi hết lời sự điều hành của ông ta và vu cáo những người của đảng cộng hòa. Về phần mình, Rây-nôn, trong thời gian Biu-kê-nen đến Luân Đôn, đã là một trong những người yêu mến ông ta, và từ đó không bao giờ bỏ lỡ cơ hội tán dương Biu-kê-nen và bằng mọi cách xỉ vả những đối thủ của ông. Vậy làm sao lại có thể xảy ra tình hình là đảng cộng hòa - một đảng đã lấy cuộc đấu tranh công khai chống lại sự xâm lược của bọn chủ nô và chống lại việc sử dụng Liên bang vì lợi ích của bọn chủ nô làm cương lĩnh của mình - đã giành được thắng lợi ở miền Bắc? Hơn nữa, làm sao lại có thể xảy ra tình hình là đại đa số các đảng viên đảng dân chủ ở miền Bắc - sau khi vứt bỏ những mối liên hệ trước kia của mình với các thủ lĩnh của chủ nô, mà không thêm chú ý đến truyền thống đã có từ nửa thế kỷ nay của mình, mà hy sinh những món lợi lớn trong thương mại và những thiên kiến chính trị còn lớn hơn nhiều, - đã vội vã ủng hộ chính phủ hiện nay của đảng cộng hòa và hào phóng hiến cho chính phủ đó cả người lẫn tiền bạc?

Thay cho câu trả lời đối với những câu hỏi trên, tờ "Economist" kêu lên:

"Chẳng lẽ chúng ta có thể quên rằng ở miền Bắc và ở miền Tây người ta truy nã và sỉ nhục những người theo chủ nghĩa bài nô một cách hung bạo không kém gì ở miền Nam? Chẳng lẽ người ta có thể phủ định một điều là sự bức bối và không kiên quyết, nếu như không muốn nói là sự thiếu thành thật, của chính phủ Oa-sinh-tơn trong nhiều năm đã trở thành một vật cản chủ yếu làm tan vỡ những nỗ lực của chúng ta nhằm thủ tiêu hoàn toàn việc buôn bán nô lệ trên bờ biển châu Phi, trong khi đó thì phần lớn các con tàu thực tế tham gia vào việc buôn bán nô lệ lại được tạo nên nhờ vào tư bản của miền Bắc và thuộc về những thương nhân miền Bắc và có một đội thủy thủ toàn là người miền Bắc?"

Đó, đúng là một tuyệt phẩm của lô-gích! Nước Anh có tư tưởng chống lại chế độ nô lệ sẽ không thể có cảm tình với miền Bắc - kẻ đã làm tiêu tan ảnh hưởng nguy hại của bọn chủ nô, bởi vì nước Anh không thể quên rằng miền Bắc, trong khi chịu ảnh hưởng đó, đã ủng hộ việc buôn bán nô lệ, tiến hành truy lùng những người có tư tưởng bài nô và mặc cho các thiết chế dân chủ ở miền Bắc tiếm nhiệm những thiên kiến của bọn chiếm hữu nô lệ. Nước Anh không thể có cảm tình với chính phủ của ngài Lin-côn, bởi vì trước đó nước Anh đã buộc phải chỉ trích chính phủ của ngài Biu-kê-nen. Nước Anh nhất định phải bới móc một cách độc địa phong trào hiện nay ở miền Bắc đang trên con đường cách tân, phải khuyến khích những người miền Bắc có cảm tình với việc buôn bán nô lệ mà cương lĩnh của đảng cộng hòa đã phỉ nhổ, và ve vãn những chủ nô miền Nam, những kẻ đang lập ra một vương quốc riêng, bởi vì nước Anh không thể quên được rằng miền Bắc ngày hôm qua không phải là miền Bắc ngày hôm nay. Để biện hộ cho lập trường của mình tất yếu phải dùng đến cái thói vụn vặt như vậy lấy từ thực tiễn của Ôn-đơ-bây-li¹⁵⁷; cái tất yếu này chứng minh rõ ràng hơn bất kỳ cái gì khác, rằng bộ phận có tư tưởng chống đối miền Bắc trong giới báo chí Anh đã tuân theo những động cơ thâm kín quá thấp hèn và nhục nhã, nên không thể trình bày một cách công khai. Vì một trong những mảnh khoé ưa thích của bộ phận đó trong giới báo chí Anh là ở chỗ chê trách chính phủ hiện nay của đảng cộng hòa về những

hành động của những người tiền nhiệm có tinh thần chiếm hữu nô lệ, cho nên bộ phận đó của giới báo chí Anh tìm mọi cách thuyết phục nhân dân Anh rằng tờ "New-York Herald"¹⁵⁸ phải được coi là cơ quan chân chính duy nhất nói lên công luận của miền Bắc. Tờ "Times" của Luân Đôn đã làm người cầm cân theo hướng đó và *servum pecus*^{1*} của các cơ quan khác có tư tưởng thù địch với miền Bắc, từ to đến nhỏ, đều hòa theo tờ báo đó. Chẳng hạn, tờ "Economist" viết:

"Trong lúc tranh luận sôi nổi nhất, không thiếu các báo ở Niu Oóc và các chính sách của Niu Oóc đã khuyên các bên tham chiến, - bởi vì các bên tham chiến đã đưa một số lượng lớn quân đội ra chiến trường, - rằng họ hãy sử dụng những quân đội đó không phải để chống lẫn nhau, mà để chống vương quốc Anh, nhằm mục đích dung hòa những hiểm khích bên trong, kể cả về vấn đề chế độ nô lệ và hãy xâm nhập lãnh thổ nước Anh một cách bất ngờ không báo trước và với những lực lượng áp đảo".

Tờ "Economist" biết rất rõ là những mưu toan của "New-York Herald" được tờ "Times" của Luân Đôn ủng hộ một cách nhiệt liệt nhằm lôi kéo Hợp chúng quốc tham gia vào cuộc chiến tranh chống nước Anh, - những mưu toan đó chỉ theo đuổi một mục đích duy nhất là bảo đảm thắng lợi cho việc ly khai và cản trở phong trào phục hưng của miền Bắc.

Giới báo chí Anh thù địch với Bắc Mỹ dù sao cũng đang lùi một bước. Tờ "Saturday" kiêu căng đã thông báo cho chúng tôi như sau:

"Trong thời gian bầu Lin-côn làm tổng thống, đối tượng tranh cãi và nguyên nhân đẩy nhanh sự bùng nổ *không phải là cái gì khác ngoài việc hạn chế nạn chiếm hữu nô lệ ở những bang mà chế độ chiếm hữu nô lệ đã tồn tại*".

Còn tờ "Economist" thì nhận xét:

"Có một sự thật là mục tiêu của đảng cộng hòa - người đã lựa chọn ngài Lin-côn - chính là ngăn chặn sự lan rộng chế độ nô lệ ở những lãnh thổ không có người sinh sống. Có thể là thắng lợi của miền Bắc - nếu như thắng lợi đó là thắng lợi hoàn toàn

1* - một lũ bọ đờ xun xoe

và vô điều kiện - sẽ đem lại cho miền Bắc khả năng hạn chế việc chiếm hữu nô lệ ở 15 bang, nơi mà chế độ nô lệ đã tồn tại, và như vậy, suy cho cùng, thắng lợi đó có thể dẫn đến việc thủ tiêu chế độ nô lệ - nhưng đó là khả năng nhiều hơn là thực tế".

Năm 1859, nhân cuộc viễn chinh của Giôn Brao-nơ ở Hác-pơ-Phe-ri¹⁵⁹, cũng tờ "Economist" này đã đăng cả một loạt bài báo, trong đó chứng minh một cách cụ thể rằng do *một quy luật kinh tế nào đó* cho nên chế độ nô lệ ở nước Mỹ nhất định phải dần dần mất đi từ cái lúc mà chế độ nô lệ đó không còn khả năng lan rộng. "Quy luật kinh tế" ấy đã được những tên chủ nô hiểu rất rõ.

"Nếu như lãnh thổ có chế độ chiếm hữu nô lệ không được mở rộng một cách đáng kể", - Tum-bơ-xơ nói, - "thì trong khoảng 15 năm nữa sẽ phải cho phép những kẻ nô lệ chạy xa những người da trắng, hoặc là những người da trắng sẽ buộc phải chạy xa những tên nô lệ".

Nguyên tắc hạn chế nạn chiếm hữu nô lệ về mặt lãnh thổ do các đảng viên cộng hòa tuyên bố và được hiến pháp quy định - đã là một nguyên cơ rõ ràng cho sự đe dọa ly khai, sự đe dọa này lần đầu tiên vang lên trong nghị viện ngày 19 tháng Chạp 1859. Sau khi ngài Xinh-lơ-tôn (bang Mít-xi-xi-pi) nhận được từ ngài Cốc-tít-xơ (bang Ai-ô-va) câu trả lời khẳng định câu hỏi do chính ngài Xinh-lơ-tôn đưa ra: "Liệu đảng cộng hòa có quyết định hay không việc không nhượng cho miền Nam bất kỳ một tấc đất mới nào có thể áp dụng chế độ nô lệ khi mà miền Nam tham gia vào Liên bang?", ngài Xinh-lơ-tôn đã *tuyên bố rằng điều đó sẽ phá vỡ Liên bang*. Lời khuyên của ông ta đối với bang Mít-xi-xi-pi như sau: Mít-xi-xi-pi càng ra khỏi Liên bang sớm bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu - "mặc cho các ngài quân tử nhớ lại rằng Giép-phéc-xơn Đê-vít đã thống lĩnh quân đội của chúng ta ở Mê-hi-cô, rằng ông ta vẫn còn sống và có thể là vẫn đứng đầu quân đội miền Nam". Không phụ thuộc vào cái *quy luật kinh tế* mà nhờ nó việc phổ biến chế độ nô lệ trở thành một điều kiện sống còn để bảo tồn chế độ nô lệ đó trong khuôn khổ một lãnh thổ được hiến pháp

quy định, các lãnh tụ của miền Nam luôn luôn hiểu rất rõ rằng chế độ nô lệ rất cần thiết đối với họ để duy trì quyền lực *chính trị* trong Hợp chúng quốc. Giôn Can-hun trong khi bảo vệ những ý kiến của mình ở Thượng nghị viện, ngày 19 tháng Hai 1847 đã tuyên bố rõ ràng "trong số tất cả các cơ quan quyền lực, thì miền Nam chỉ giữ nguyên sự cân bằng lực lượng trong Thượng nghị viện mà thôi" và việc lập ra các bang mới áp dụng chế độ nô lệ đã trở thành cần thiết "để duy trì sự cân bằng lực lượng trong Thượng nghị viện". Ngoài ra, bọn đầu sỏ của 300 000 chủ nô thậm chí ngay ở nhà mình cũng có thể giữ vững chính quyền chỉ nhờ vào chỗ bọn chúng thường xuyên vút cho đám dân đen của mình miếng mồi dưới hình thức những thành quả sắp tới ở bên trong Hợp chúng quốc và ở ngoài biên giới Hợp chúng quốc. Nếu như, theo lời các nhà tiên tri của báo chí Anh, miền Bắc có những quyết định cứng rắn hạn chế chế độ nô lệ trên lãnh thổ hiện nay và như vậy, xóa bỏ được chế độ nô lệ bằng con đường hiến pháp, thì chẳng lẽ điều đó chưa đủ để miền Bắc nhận được cảm tình sâu sắc của nước Anh - là nước thù địch với chế độ nô lệ - hay sao?

Nhưng, hình như, trên thực tế không thể thỏa mãn được những tín đồ kiến thành Anh bằng một cái gì khác ngoài cuộc chiến tranh bài nô rõ rệt.

Tờ "Economist" tuyên bố: "Do cuộc chiến tranh này diễn ra không phải để giải phóng chủng tộc da đen, cho nên còn gì có thể buộc chúng ta phải tỏ rõ cảm tình nồng nhiệt đến như vậy với sự nghiệp của những người theo chủ nghĩa liên bang?"

"Có một thời", - tờ "Examiner" viết, - "chúng ta hết sức có cảm tình với miền Bắc, bởi vì chúng ta cho rằng miền Bắc thực sự tiến hành một cuộc phản kháng nghiêm túc đối với hành động xâm lược của các bang chiếm hữu nô lệ" và phần đầu vì "sự giải phóng, coi đó là biện pháp công bằng đối với chủng tộc da đen".

Tuy nhiên, trong chính những số báo trong đó người ta nói với chúng ta rằng họ không thể có cảm tình với miền Bắc, bởi vì cuộc chiến tranh của miền Bắc không phải là cuộc chiến tranh bài nô - đều thông báo rằng: "con đường tuyệt vọng tuyên bố giải phóng dân da đen và lời kêu gọi những người nô lệ vùng lên tổng khởi

nghĩa" là một cái gì đó mà "chỉ nghĩ đến cũng đã cảm thấy ghê tởm và gớm ghiếc" và "sự thỏa hiệp" dường như là "đáng mong muốn nhiều hơn kết quả mua được với cái giá đắt như vậy và *nhuốm bẩn vì một hành vi tội lỗi như vậy*".

Do đó, nhiệt tình cháy bỏng của nước Anh đối với cuộc chiến tranh bài nô chỉ đơn thuần là một sự giả nhân giả nghĩa mà thôi. Một âm mưu quỷ quái đã bị lộ trần trong những lập luận sau đây:

"Cuối cùng", - tờ "Economist" viết, - "Liệu *biểu thuế Mo-rin* có đem lại cho chúng ta quyền cảm ơn và thiện cảm hay không và liệu niềm tin cho rằng trong trường hợp những người miền Bắc chiến thắng biểu thuế đó sẽ được phổ biến trong khắp nước cộng hòa - có phải là lý do đầy đủ để chúng ta làm rùm beng lên là thèm khát thắng lợi của họ hay không?"

"Những người Bắc Mỹ", - tờ "Examiner" viết, - "thực ra người ta chỉ quan tâm có mỗi một điều là biểu thuế bảo hộ mậu dịch ích kỷ... Những người miền Nam đã chán ngấy cái việc biểu thuế bảo hộ mậu dịch của miền Bắc tước mất của họ những thành quả của lao động nô lệ".

Hai tờ báo "Examiner" và "Economist" bổ sung cho nhau. Tờ "Economist" khá trung thực đến nỗi cuối cùng đã thú nhận rằng đối với tờ báo đó và đối với những đệ tử của nó, thì vấn đề cảm tình đơn giản chỉ là vấn đề biểu thuế, trong khi đó tờ "Examiner" lại coi cuộc chiến tranh giữa miền Bắc và miền Nam là cuộc chiến tranh vì biểu thuế, là cuộc chiến tranh giữa chế độ thuế quan bảo hộ với tự do thương mại. Có thể tờ "Examiner" không biết rằng ngay cả những kẻ chủ trương xóa bỏ thuế quan ở Nam Ca-rô-lin năm 1832, theo xác nhận của tướng Giếch-xơn, cũng đã sử dụng chế độ thuế quan bảo hộ chỉ như là một lý do cho sự ly khai; nhưng thậm chí tờ "Examiner" cũng cần phải biết rằng cuộc nổi loạn hiện nay đã bùng nổ mà không chờ đợi thông qua biểu thuế Mo-rin¹⁶⁰. Trên thực tế những người miền Nam không thể nào chán cái cảnh biểu thuế theo chế độ thuế quan bảo hộ của miền Bắc tước mất của họ thành quả lao động của đám nô lệ của họ, bởi vì trong những năm 1846 - 1861 người ta đã thực hiện biểu

thuế theo chế độ mậu dịch tự do. Trong số báo mới đây tờ "Spectator"¹⁶¹ đã nói về những ý nghĩ thâm kín của một số cơ quan báo chí thù địch với miền Bắc một cách đáng ngạc nhiên như sau:

"Những cơ quan báo chí thù địch với miền Bắc đang thực sự coi cái gì là đáng mong muốn khi chúng bào chữa cho những yêu cầu của mình bằng cách viện dẫn cái lô-gích khắc nghiệt của các sự kiện? Họ đang chứng minh rằng sự tan rã của Liên bang là đáng mong muốn chính bởi vì, như chúng tôi đã trình bày, đó là một biện pháp duy nhất có thể có được để chặn đứng "cuộc đấu tranh huynh đệ tương tàn và vô có" và cũng do nhiều lý do khác được họ bịa ra với tư cách là căn cứ thuận tiện cho những yêu cầu về đạo đức của đất nước, bởi vì kết cục của các sự kiện đã rõ ràng; những lý do đó được đưa ra, dĩ nhiên là sau khi sự đã rồi và là một mưu toan khiếm tốn muốn thanh minh cho những hành động của Chúa, "cho ý của Chúa đối với con người" vào cái thời điểm mà sự cần thiết không tránh khỏi đã trở nên hiển nhiên. Họ tuyên bố rằng việc chia các bang ra thành những nhóm thù địch với nhau sẽ hoàn toàn phù hợp với lợi ích của các bang. Họ sẽ giữ nguyên lòng thù hận giữa họ với nhau; họ sẽ trung lập hóa sức mạnh của họ với nhau, và nếu như vào một lúc nào đó nước Anh nảy sinh xung đột với một hay một số nhóm bang đó, thì tinh thần tranh giành lại sẽ buộc các nhóm đối kháng phải giúp đỡ chúng ta. Điều đó, như người ta khẳng định, sẽ tạo ra một tình hình hết sức thuận lợi cho các bên, bởi vì điều đó làm cho chúng ta thoát được tình trạng mất ổn định, cũng như sẽ khuyến khích "sự thi đua" về mặt chính trị giữa các bang với nhau - đó là một sự bảo đảm tối ưu cho danh dự và sự trong sáng.

Đó là những lý do được bênh vực một cách ngoan cường - của một nhóm đông đảo đang hình thành hiện nay trong chúng ta, có thiện cảm với những người miền Nam. Dịch ra ngôn ngữ dễ hiểu - có đáng buồn hay không khi lập luận của nước Anh về vấn đề này khó hiểu đến mức cần phải dịch - điều đó có nghĩa là: chúng ta hết sức phiến muộn về quy mô hiện nay của cuộc chiến tranh "huynh đệ tương tàn", bởi vì về sau cuộc chiến này có thể tập trung trong một cuộc xung đột khủng khiếp cả một loạt cuộc chiến nhỏ kéo dài triền miên, những dục vọng và những biểu hiện ngờ vực giữa những nhóm bang đang kinh địch với nhau. Một chân lý thực sự - chân lý đó những người ủng hộ quan điểm hoàn toàn không phải của nước Anh đều biết, mặc dù họ nguy trang chân lý đó bằng những lời lẽ hết sức phải đạo - chân lý đó là: các nhóm bang kinh địch của nước Mỹ không thể cùng nhau sống trong hòa bình và hòa hợp. Sự thù hận thái quá sinh ra từ những nguyên nhân gây nên cuộc xung đột hiện nay đã trở thành kinh niên. Người ta khẳng định rằng, những nhóm bang

khác nhau có những lợi ích khác nhau về thuế quan. Những lợi ích khác nhau về thuế quan đó đã trở thành nguồn gốc sinh ra những cuộc đụng độ thường xuyên, nếu như các bang bị phân chia, còn chế độ nô lệ - cái gốc rễ ấy của toàn bộ cuộc xung đột - thì đã trở thành nguồn gốc sinh ra sự thù địch thường xuyên, sinh ra bất đồng và đụng độ. Giữa các bang thù địch sẽ không bao giờ khôi phục lại được sự cân bằng ổn định nào nữa. Và người ta vẫn khẳng định rằng triển vọng đấu tranh lâu dài liên tục như vậy là một cách giải quyết theo thiên mệnh đối với cuộc tranh chấp vĩ đại đang bùng cháy hiện nay; nguyên nhân thực sự duy nhất - giải thích vì sao triển vọng đó được hoan nghênh nhiệt liệt - chính là ở chỗ, nếu như cuộc xung đột rộng lớn hiện nay có thể đưa đến khôi phục sự thống nhất mạnh mẽ hơn về chính trị, thì ngược lại, hàng loạt những cuộc xung đột nhỏ liên miên sẽ làm suy yếu và phân rã châu lục này, điều đó không thể làm cho nước Anh sợ hãi.

Chúng tôi không phủ định một điều là bản thân những người Mỹ đã gieo những hạt giống của lối suy nghĩ hèn hạ, đáng khinh bỉ bằng lập trường luôn luôn không thiện chí và có tính khiêu khích đối với nước Anh, nhưng chúng tôi tuyên bố một cách thẳng thắn rằng theo chúng tôi, những ý nghĩ như vậy là hèn hạ và đáng khinh bỉ. Đối với chúng tôi, một điều rõ ràng là việc trì hoãn giải quyết một cách triệt để không hứa hẹn cho nước Mỹ một nền hòa bình ổn định và lâu dài, sự trì hoãn đó sẽ đe dọa làm cho dân tộc Mỹ suy sụp và biến dân tộc Mỹ thành một loạt các bộ tộc và bộ lạc tranh giành nhau liên miên, và dù sao thì chúng tôi cũng lòng đầy kinh sợ giờ hai tay lên trước cuộc chiến tranh "huynh đệ tương tàn" hiện nay, bởi vì trong cuộc chiến tranh đó chứa đựng niềm hy vọng về một sự giải quyết triệt để. Chúng tôi khuyên người Mỹ nên lựa chọn một tương lai không xác định, đầy những cuộc tranh chấp cũng huynh đệ tương tàn như thế, và có lẽ, đe dọa làm bại hoại về đạo đức nhiều hơn, bởi vì điều đó làm cho chúng tôi thoát khỏi cái gai nhọn của cuộc cạnh tranh ở Mỹ".

*Do C.Mác viết ngày 18 tháng Chín 1861
Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"
số 6403, ngày 11 tháng Mười 1861*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

VIỆC BUÔN BÁN BÔNG VẢI SỢI CỦA ANH

Luân Đôn, ngày 21 tháng Chín 1861

Cuối cùng, việc không ngừng tăng giá bông hạt đã bắt đầu ảnh hưởng một cách nghiêm trọng đến hoạt động của các xưởng sợi, và hiện nay các xưởng sợi đó đã giảm mức tiêu thụ bông 25% so với mức bình thường. Đó là hậu quả của việc giảm bớt mức sản xuất hàng ngày; nhiều xưởng sợi chỉ làm việc khoảng ba hoặc bốn ngày trong một tuần; cả trong các xí nghiệp rút ngắn tuần làm việc, lẫn trong các xí nghiệp vẫn giữ nguyên tuần làm việc bình thường - một số máy móc đã nằm im; một số xưởng sợi tạm thời đóng cửa hoàn toàn. Ở một số nơi, chẳng hạn như ở Bléché-béc-nơ, việc rút ngắn tuần làm việc đã kéo theo việc giảm tiền công. Tuy nhiên, việc giảm thời gian lao động hiện giờ mới chỉ bắt đầu, và chúng ta có thể dự đoán một cách hoàn toàn chắc chắn rằng một vài tuần tới, ngành công nghiệp này sẽ chuyển sang tuần làm việc ba ngày và trong đại đa số các xí nghiệp, nhiều máy móc cùng một lúc ngừng làm việc. Nhìn chung, các chủ xưởng và thương gia Anh rất chậm chạp và miễn cưỡng thừa nhận tình trạng không bảo đảm trong việc cung cấp bông cho họ.

"Toàn bộ vụ mùa gần đây nhất của Mỹ", - họ nói, - "đã được chuyển từ lâu đến châu Âu. Việc thu hoạch vụ mới vừa được bắt đầu. Chúng tôi không thể nhận thêm được một kiện bông nào nhiều hơn so với trước đây, ngay cả trong trường hợp không có chiến tranh và phong tỏa. Mùa chuyển bông không thể được bắt đầu trước cuối tháng Mười một; thường thường không thể bắt đầu chuyển những chuyến hàng lớn

trước cuối tháng Chạp. Bông vẫn còn ở trong các đồn điền hay là đã được chuyển đến các hải cảng tùy theo mức độ nó được đóng gói - cho đến nay điều đó chẳng có ý nghĩa gì hết. Nếu như sự phong tỏa được chấm dứt vào cuối năm nay, thì có thể, vào tháng Ba hoặc tháng Tư chúng ta cũng sẽ được cung cấp bông giống như chưa từng có việc phong tỏa".

Trong thâm tâm giới thương gia ô-mếp một niềm hy vọng là tất cả cuộc khủng hoảng ở Mỹ, và do đó cả sự phong tỏa, sẽ được chấm dứt vào cuối năm nay, hoặc huân tước Pan-móc-xơ dùng sức mạnh để phá vỡ sự phong tỏa. Ý nghĩa thứ hai này đã hoàn toàn bị tiêu tan kể từ khi, ngoài những điều khác ra, Man-se-xơ hiểu rằng hai thế lực lớn - tư bản tiền tệ, là người đã đầu tư những khoản tiền lớn vào các xí nghiệp công nghiệp ở Bắc Mỹ, và việc buôn bán lúa mì dựa vào Bắc Mỹ như là nguồn cung cấp chủ yếu của mình, - sẽ cùng nhau chống lại mọi hành động xâm lược không bị khiêu khích của Chính phủ Anh. Những hy vọng xóa bỏ đúng lúc sự phong tỏa vì lợi ích của Li-vóc-pun hoặc của Man-se-xơ¹⁶², hoặc những hy vọng chấm dứt cuộc chiến tranh ở Mỹ bằng con đường thỏa hiệp với những kẻ chủ trương ly khai - đã lùi bước trước một hoàn cảnh chưa từng biết trên thị trường bông sợi của nước Anh, cụ thể là lùi bước trước những hoạt động kinh doanh bông của người Mỹ ở Li-vóc-pun, những hoạt động kinh doanh một phần mang tính chất đầu cơ, và một phần có mục đích chuyển bông ngược trở về Mỹ. Do đó, trong hai tuần gần đây trên thị trường ở Li-vóc-pun đang nổi lên một cơn sốt. Cộng thêm vào việc các thương gia ở Li-vóc-pun đầu tư có tính chất đầu cơ vào bông còn có việc các chủ xí nghiệp ở Man-se-xơ và ở những nơi khác đầu tư có tính chất đầu cơ với khát vọng dự trữ nguyên liệu cho mùa đông. Quy mô những cuộc giao dịch này lộ ra khá rõ ràng qua một thực tế là phần lớn các kho hàng trống rỗng ở Man-se-xơ đã đầy ắp những mặt hàng dự trữ đó, và trong suốt cả tuần, từ 15 tháng Chín đến 22 tháng Chín, giá bông Mỹ

loại "middling"^{1*} tăng 3/8 pen-ni một pao, còn giá bông Mỹ loại thượng hạng tăng 5/8 pen-ni.

Từ khi bắt đầu cuộc chiến tranh ở Mỹ, giá bông thường xuyên tăng lên, nhưng sự mất cân đối tai hại giữa giá nguyên liệu với giá sợi và vải chỉ mới được thể hiện trong những tuần cuối cùng của tháng Tám. Cho đến nay mọi sự giảm giá nghiêm trọng của các mặt hàng bông sợi có thể dự kiến được do nhu cầu của Mỹ giảm đi một cách đáng kể, đều được cân bằng lại bởi việc tích trữ hàng hóa trong tay những người mua đầu tiên, và bởi việc chuyển có tính chất đầu cơ hàng bông sợi sang Trung Quốc và Ấn Độ. Nhưng, những thị trường châu Á này chẳng mấy chốc đã đầy ắp. Tờ "Calcutta Price Current"¹⁶³ ngày 7 tháng Tám 1861 viết:

"Hàng hóa dự trữ đã được tích lại; sau bản thông báo cuối cùng của chúng ta, người ta đã chuyển đến một số lượng vải bông mặt trơn không dưới 24 000 000 i-ác-đơ. Những thông báo từ Anh nói lên sự tiếp tục vận chuyển hàng hóa vượt quá nhu cầu của chúng ta, và chừng nào mà việc đó đang diễn ra, thì không nên chờ đợi có sự cải thiện... Thị trường Bom-bay cũng đã đầy ắp".

Một số hoàn cảnh khác cũng góp phần làm thu hẹp thị trường Ấn Độ. Tiếp theo sau nạn đói xảy ra cách đây không lâu ở các tỉnh vùng Tây - Bắc là nạn dịch tả hoành hành, trong khi đó trên toàn bộ vùng Hạ Ben-gan có những đợt mưa rất to làm ngập lụt cả vùng, gây ra tổn thất nghiêm trọng cho vụ lúa mùa. Những bức thư gửi từ Can-cút-ta, mà người ta nhận được trong tuần trước ở nước Anh, đã viết là ở đó người ta bán một pao sợi số 40 với giá ròng là 9 1/4 pen-ni, mà loại sợi này chỉ có thể mua ở Man-se-xtơ không dưới 11 3/8 pen-ni, trong khi đó việc bán loại vải may áo khổ 40 in-sơ so với giá hiện nay ở Man-se-xtơ thì bị lỗ khoảng 7 1/2 pen - ni, 9 pen - ni và 12 pen -ni một súc. Ở thị trường

Trung Quốc, giá cũng hạ thấp do tích trữ quá nhiều hàng nhập khẩu.

Trong những hoàn cảnh đó, nếu như nhu cầu về các sản phẩm bông vải sợi của Anh hạ thấp xuống thì mức tăng giá của các sản phẩm đó dĩ nhiên không thể theo kịp mức tăng lũy tiến của giá nguyên liệu; ngược lại, việc xe sợi, dệt vải và in hoa các loại vải bông trong nhiều trường hợp không bù đắp được chi phí sản xuất. Chúng ta hãy lấy một trường hợp sau đây làm ví dụ, trường hợp này do một trong những nhà công nghiệp lớn nhất ở Man-se-xtơ đưa ra về sợi thô:

	Giá một pao	Mức chênh lệch về giá bông và giá sợi	Giá trị của việc xe một pao sợi
<i>Ngày 17 tháng Chín 1860</i>			
Giá trị của bông	6 1/4 pen-ni	4 pen-ni	3 pen-ni
Sợi (sợi dọc) số			
16 được bán.....	10 1/4 pen-ni	-	-
Lợi nhuận thu được - 1 pen-ni đối với 1 pao			
<i>Ngày 17 tháng Chín 1861</i>			
Giá trị của bông	9 pen-ni	2 pen-ni	3 1/2 pen-ni
Sợi (sợi dọc)			
16 được bán.....	11 pen-ni	-	-
Lỗ 1 1/2 pen-ni một pao			

Việc tiêu dùng bông Ấn Độ đã tăng lên nhanh chóng, và trong điều kiện giá còn tiếp tục tăng, thì việc cung cấp bông từ Ấn Độ còn được tiếp tục với tỷ lệ ngày càng tăng, nhưng trong một vài tháng vẫn chưa thể thay đổi mọi điều kiện sản xuất và phương hướng mậu dịch. Hiện nay nước Anh trên thực tế đang phải trả giá về việc thống trị tàn ác trong nhiều năm đối với đế chế Ấn Độ bao la. Hai vật cản chủ yếu mà nước Anh cần phải khắc phục,

1* - loại bông đạt tiêu chuẩn

nếu như muốn thay thế bông của Mỹ bằng bông của Ấn Độ - đó là việc thiếu phương tiện thông tin và vận tải trên toàn Ấn Độ và tình trạng đói nghèo của nông dân Ấn Độ khiến họ không có khả năng sử dụng những điều kiện thuận lợi. Người Anh phải tự mình chịu trách nhiệm về hai khó khăn đó. Nền công nghiệp hiện đại của nước Anh nói chung có hai chỗ dựa trái tự nhiên giống nhau. Chỗ dựa thứ nhất là *khoai tây*, đây là thức ăn duy nhất đối với vùng Ai-rơ-len và đối với phần lớn giai cấp công nhân Anh. Chỗ dựa này đã bị mất đi bởi bệnh khoai tây và do thảm họa Ai-rơ-len¹⁶⁴ theo sau cơn bệnh đó. Lúc đó bắt buộc phải tiếp nhận một cơ sở rộng lớn hơn để tái sản xuất và duy trì hàng triệu người lao động. Chỗ dựa thứ hai của nền công nghiệp Anh là bông được sản xuất ra do công sức của những người nô lệ ở Mỹ. Cuộc khủng hoảng hiện nay ở Mỹ đã bắt người Anh phải mở rộng lĩnh vực cung cấp của mình và phải giải phóng bông khỏi sự kiểm soát của bọn trùm sở chần dốt và sử dụng nô lệ. Chừng nào ngành công nghiệp bông sợi của Anh vẫn còn phụ thuộc vào bông do nô lệ gieo trồng thì ta có thể khẳng định một cách hoàn toàn có căn cứ rằng ngành công nghiệp đó đã dựa trên chế độ nô lệ kép - chế độ nô lệ gián tiếp của người da trắng ở nước Anh và chế độ nô lệ trực tiếp của người da đen ở phía bên kia Đại Tây Dương.

Do C.Mác viết ngày 21 tháng Chín 1861

*Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"
số 6405, ngày 14 tháng Mười 1861*

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

BÁO "TIMES" Ở LUÂN ĐÔN VÀ HUÂN TƯỚC PAN-MỐC-XTƠN

Luân Đôn, ngày 5 tháng Mười 1861

"Nhân dân Anh đang tham gia vào việc quản lý đất nước mình bằng cách đọc tờ báo "Times". Ý kiến đó - được một tác giả kiệt xuất người Anh^{1*} đưa ra về cái gọi là sự tự quản của nước Anh - là đúng chỉ trong chừng mực nó đề cập đến chính sách đối ngoại của Vương quốc. Còn về những cải cách trong nước, thì chúng chẳng bao giờ được tiến hành với sự ủng hộ của tờ "Times"; ngược lại, tờ "Times" không ngừng phản đối những cải cách đó, chừng nào nó chưa tin chắc vào sự bất lực hoàn toàn của mình trong việc ngăn cản ít nhiều việc thực hiện những cải cách đó. Chúng ta thử lấy một ví dụ như việc giải phóng các tín đồ Thiên chúa giáo, dự luật về cải cách, việc huỷ bỏ những đạo luật về ngũ cốc, thuế tem và thuế giấy¹⁶⁵. Cứ mỗi một lần những người ủng hộ cải cách giành được thắng lợi một cách hiển nhiên, thì tờ "Times" lại quay ngoắt từ bỏ phe phái phản động và trong giây phút quyết định khéo léo tìm cách đi với những người chiến thắng. Trong tất cả các trường hợp đó, tờ "Times" không hề chỉ phương hướng cho dư luận xã hội, mà chỉ phục tùng nó một cách thô thiển và miễn

1* - R. Lâu

cưỡng và sau những mưu toan lâu dài nhưng uống công tìm cách quay những làn sóng đang dâng cao của phong trào quần chúng về phía sau. Vì vậy, ảnh hưởng thực sự của tờ báo đó đối với dư luận xã hội chỉ hạn chế trong lĩnh vực chính sách đối ngoại. Không ở một nước châu Âu nào mà công chúng rộng lớn, đặc biệt là giai cấp tư sản, lại thể hiện một sự dốt nát quá quắt đến như vậy trong các vấn đề chính sách đối ngoại của nước mình, như là ở nước Anh, - một sự dốt nát bắt nguồn từ hai nguyên nhân chủ yếu. Một mặt, từ thời cuộc cách mạng vinh quang năm 1688¹⁶⁶, tầng lớp quý tộc luôn luôn giữ độc quyền lãnh đạo chính sách đối ngoại của nước Anh. Mặt khác, sự phân công lao động ngày càng tăng trong một chừng mực nào đó đã tước bỏ cái trí tuệ chung của người tư sản, chỉ giới hạn toàn bộ nghị lực và năng lực trí tuệ của họ trong lĩnh vực chật hẹp của những lợi ích thương nghiệp, công nghiệp và nghề nghiệp mà thôi. Do đó nảy ra một hiện tượng là tầng lớp quý tộc *đã hành động* vì giai cấp tư sản, còn giới báo chí *đã suy nghĩ* hộ giai cấp tư sản trong lĩnh vực chính sách đối ngoại hay quốc tế; và chẳng bao lâu cả hai phía đó, tầng lớp quý tộc và giới báo chí, đều nhanh chóng nhận thấy rằng, lợi ích chung của họ là đoàn kết lại. Chỉ cần mở quyển "Cobbett's Political Register"¹⁶⁷ ra là đủ để tin tưởng rằng ngay từ đầu thế kỷ này những tờ báo lớn ở Luân Đôn đã thường xuyên đóng vai trò luật sư bào chữa cho những tay thủ lĩnh cao quý của chính sách đối ngoại của nước Anh. Thật ra, cũng cần phải trải qua một số thời kỳ trung gian khi chưa có được tình thế như hiện nay. Tầng lớp quý tộc, sau khi đã nắm độc quyền quản lý chính sách đối ngoại trước hết thu nhỏ lại ở quy mô tập đoàn đầu sỏ mà đại biểu là Ủy ban cơ mật với cái tên gọi là nội các, sau đó nội các được thay thế bằng một nhân vật - đó là huân tước Pan-mốc-xtơn - người trong suốt 30 năm gần đây đã tiếm đoạt quyền lực tuyệt đối trong việc quản lý những nguồn tài sản quốc

gia của Đế quốc Anh và trong việc xác định phương hướng cho chính sách đối ngoại của nước Anh.

Đồng thời với việc tiếm đoạt đó, nhờ bộ luật tập trung đang có hiệu lực trong lĩnh vực báo chí nhanh hơn so với trong lĩnh vực kéo sợi, tờ báo Luân Đôn "Times" đã giành được địa vị tờ báo của dân tộc Anh, trở thành, như người ta nói, người đại diện của công luận Anh trước các dân tộc khác. Nếu như độc quyền quản lý chính sách đối ngoại của dân tộc chuyển từ tầng lớp quý tộc sang Ủy ban cơ mật của bọn đầu sỏ, và từ Ủy ban cơ mật sang một người - bộ trưởng Bộ ngoại giao Anh, có nghĩa là sang huân tước Pan-móc-xtơn, thì độc quyền suy nghĩ và phán xét thay cho dân tộc về chính sách đối ngoại của dân tộc và độc quyền đại diện cho công luận trong các vấn đề này đã chuyển từ toàn bộ giới báo chí sang mỗi một cơ quan của nó - đó là tờ "Times". Huân tước Pan-móc-xtơn, người đã bí mật quản lý chính sách đối ngoại của Đế quốc Anh, tuân theo những động cơ xa lạ đối với cả công chúng đông đảo, lẫn nghị viện, thậm chí cả đối với các đồng nghiệp của mình - sẽ là rất ngu ngốc, nếu như ông ta không mưu toan nắm lấy cái tờ báo duy nhất đã chiếm đoạt quyền của nhân dân Anh thảo luận một cách rộng rãi những công việc cơ mật của chính nhân dân Anh: Tờ "Times" mà trong từ điển của nó không bao giờ có từ "đạo đức", về phần mình, ắt phải thể hiện một cái đạo đức quá ư khổ hạnh, để không liên minh với một người cầm quyền tự mình, trên thực tế, có quyền sử dụng những nguồn tài sản quốc gia của đế quốc. Vì vậy, từ khi có coup d' état^{1*} ở Pháp, khi mà ở nước Anh chính phủ của một nhóm người đã bị thay thế bằng chính phủ liên minh của một số nhóm và do đó không một đối thủ nào còn đe dọa sự tiếm quyền của Pan-móc-xtơn, thì báo "Times" hoàn toàn biến thành kẻ nô lệ của ông ta. Pan-móc-xtơn

quan tâm làm sao lôi kéo được một số nhân vật có thế lực trong báo "Times" vào những chức vụ thứ yếu trong nội các và môn tron những người khác, bằng cách nhận họ vào giới của mình. Từ đó hoạt động của tờ "Times" trong lĩnh vực chính sách đối ngoại của Đế quốc Anh hoàn toàn nhằm vào việc nặn ra những dư luận xã hội phù hợp với chính sách đối ngoại của huân tước Pan-móc-xtơn. Tờ "Times" có nghĩa vụ phải chuẩn bị dư luận xã hội cho việc huân tước Pan-móc-xtơn dự định thực hiện và bắt dư luận xã hội tán thành điều ông ta đã làm.

Cái lao động nô lệ như vậy đòi hỏi những nỗ lực gì, điều đó bộc lộ rõ hơn hết trong phiên họp vừa qua của nghị viện. Phiên họp này hoàn toàn không thuận lợi đối với huân tước Pan-móc-xtơn. Một số nghị sĩ không đảng phái trong hạ nghị viện, một số người theo chủ nghĩa tự do và đảng viên đảng bảo thủ đã chống lại sự chuyên chính mà Pan-móc-xtơn tiếm đoạt và tìm cách bóc trần những hành vi tội lỗi trước kia của ông ta làm cho dân tộc cảm thấy mối nguy cơ tiềm ẩn trong việc duy trì quyền lực vô hạn như vậy trong những bàn tay ấy. Ngài Đan-lốp, sau khi mở đầu cuộc tấn công bằng việc đưa ra kiến nghị cử ra một uỷ ban đặc biệt do có những tài liệu Áp-ga-ni-xtan mà ngài Pan-móc-xtơn đã trình trước nghị viện vào năm 1839, đã chứng minh rằng Pan-móc-xtơn trên thực tế đã làm giả những tài liệu đó¹⁶⁸. Tờ "Times" trong bài tường thuật về nghị viện đã bỏ qua tất cả những đoạn trong bài phát biểu của ngài Đan-lốp, mà theo ý của tờ báo, đặc biệt, có thể gây hại cho ông chủ của tờ báo đó. Về sau huân tước Mân-tê-ghiu, trong khi đưa ra đề nghị về việc công bố tất cả các văn kiện có liên quan đến Hiệp định Đan Mạch năm 1852, đã buộc tội Pan-móc-xtơn là đã đóng vai trò chủ yếu trong âm mưu nhằm thay đổi quyền thừa kế ngai vàng ở Đan Mạch vì lợi ích của một cường quốc nước ngoài¹⁶⁹ và đã lừa dối nghị viện bằng cách thông báo những tin tức hết sức không đúng.

1* - đảo chính, chính biến

Nhưng Pan-móc-xton đã kịp thỏa thuận với ngài Đì-xra-e-li để làm thất bại kiến nghị của huân tước Mân-tê-ghiu bằng cách ngừng buổi họp của nghị viện với lý do không đủ số đại biểu hợp lệ, và như vậy thực sự đã dập được câu chuyện đi. Tuy nhiên, bài phát biểu của huân tước Mân-tê-ghiu đã kéo dài một tiếng rưỡi trước khi buổi họp bị ngừng vì không đủ số đại biểu hợp lệ. Tờ "Times" đã được Pan-móc-xton thông báo trước rằng buổi họp sẽ bị ngừng và vì vậy viên chủ bút - người có nhiệm vụ đặc biệt là bóp méo và nặn ra những bài tường thuật về nghị viện đã bố trí cho mình một ngày nghỉ, do đó bài phát biểu của huân tước Mân-tê-ghiu xuất hiện trên các cột báo không bị xuyên tạc. Sáng hôm sau, khi cái sai lầm đó được phát hiện ra, thì đã xuất hiện một bài xã luận thông báo với Giôn Bun rằng việc bế mạc phiên họp do không đủ số đại biểu hợp lệ là một phương pháp tế nhị để chấm dứt những lời phát biểu chán ngắt, rằng huân tước Mân-tê-ghiu chán không thể chịu nổi, rằng có lẽ không thể quản lý được các công việc quốc gia nếu người ta không thoát khỏi những nhà hùng biện chán ngắt ở nghị viện bằng cách khiếm nhã nhất. Pan-móc-xton một lần nữa lại phải trả lời trước phiên họp vừa qua mà ngài Hen-nê-xi đưa ra đề nghị phải trình bày trước nghị viện những thư từ trao đổi của bộ ngoại giao trong thời kỳ cuộc cách mạng Ba Lan năm 1831. Tờ "Times" lại dùng đến thủ đoạn giản đơn là im đi, giống như đối với đề nghị của ngài Đan-lốp. Bài tường thuật của tờ báo đó về bài phát biểu của ngài Hen-nê-xi là một ấn phẩm thực sự in usum delphini¹⁷⁰. Nếu như người ta chú ý đến một điều là cần phải nỗ lực bao nhiêu để xem hết những bản báo cáo nghị viện dài dằng dặc trong đúng cái đêm mà chúng được chuyển từ nghị viện đến ban biên tập và ngay trong đêm đó phải bóp méo, thay đổi, xuyên tạc chúng làm sao để không gây ra những tổn thất cho thanh danh chính trị của Pan-móc-xton, thì phải thừa nhận rằng tờ "Times" đã nhận được bấy nhiêu cái lợi và đặc quyền do việc

phục vụ tận tâm đối với tử tước cao quý, nhiệm vụ của tờ báo đó hoàn toàn không thú vị chút nào cả.

Như vậy, nếu như tờ "Times" - nhờ những sự bịa đặt dối trá và thủ đoạn tâng lờ - có khả năng lừa dối công luận về những sự kiện đã xảy ra chỉ đêm hôm trước ở nghị viện Anh, thì nghệ thuật sử dụng những sự bịa đặt dối trá và thủ đoạn tâng lờ của tờ báo đó đối với những sự kiện diễn ra ở nước ngoài xa xôi, ví dụ như đối với những sự kiện của cuộc chiến tranh ở Mỹ - có lẽ còn phải giỏi đến đâu. Nếu như trong khi bàn luận về tình hình nước Mỹ tờ báo đó đã ra sức xúi giục người Anh và người Mỹ chống lại nhau, thì tờ báo ấy đã làm việc đó không phải vì có cảm tình với những tên trùm bông vải sợi của nước Anh và không phải vì chú ý đến những lợi ích thực sự hoặc những lợi ích giả định nào đó của nước Anh. Tờ báo đó chỉ đơn thuần thực hiện mệnh lệnh của ông chủ của nó mà thôi. Căn cứ vào cái luận điệu mới được thay đổi trong tuần trước của báo "Times", chúng ta có thể, do đó, đưa ra một kết luận như sau: huân tước Pan-móc-xton có ý định từ bỏ lập trường hết sức thù địch vốn có của ông ta từ trước đến nay đối với Hợp chúng quốc Mỹ. Trên một trong những bài xã luận của số báo "Times" ngày hôm nay - một tờ báo mà trong nhiều tháng qua đã hết lời ca ngợi lực lượng tấn công của phái ly khai và tuyên truyền rùm beng rằng Mỹ không thể nào thắng được những lực lượng đó - đã nói lên lòng tin tưởng hoàn toàn vào ưu thế quân sự của miền Bắc. Cái ý kiến cho rằng sự thay đổi giọng điệu ấy là do ông chủ nó ra lệnh - đã được chứng minh hoàn toàn chắc chắn bằng một sự thực là: nhiều tờ báo có thể lực khác mà mọi người đều biết là có quan hệ gắn bó với Pan-móc-xton cũng đều đã thay đổi phương hướng đúng như vậy. Một trong những tờ báo đó, tờ "Economist", đã nói bóng gió khá lộ liễu với những kẻ đầu cơ dư luận rằng đã đến lúc "phải kiểm nghiệm một cách cẩn thận" cái gọi là "tình cảm đối với Hợp chúng

quốc" của mình. Có một đoạn trong tờ "Economist" mà tôi sẽ dẫn ra, đoạn mà tôi cho là cần phải đưa ra như là bằng chứng về những chỉ thị mới mà các nhà báo của Pan-móc-xton đã nhận được - như sau:

"Chúng ta thành thật thừa nhận rằng, một mặt, người miền Bắc có quyền phàn nàn và mặt khác, chúng ta cũng buộc phải đề phòng cẩn thận hơn điều có thể là chúng ta đã thường làm. Những tờ báo chủ yếu của chúng ta chỉ quá thiên về trích dẫn và coi đại diện cho lập trường và quan điểm của Hợp chúng quốc là những tờ báo bao giờ cũng nổi tiếng xấu và có ảnh hưởng yếu ớt, những tờ báo mà hiện nay ai cũng hầu như chắc chắn hiểu rằng trong thâm tâm chúng theo quan điểm ly khai và chúng được nguy trang dưới một chiêu bài xa lạ, chúng giả bộ làm người ủng hộ những quan điểm cực đoan của miền Bắc, đồng thời lại viết lên những lời lẽ vì lợi ích của miền Nam, và chắc là chúng được miền Nam trả công. Rất ít người Anh nào lại có thể, chẳng hạn, thực sự cho rằng tờ "New-York Herald" biểu thị tính chất hoặc quan điểm của miền Bắc nước Mỹ. Chúng tôi xin nhắc lại: chúng tôi buộc phải rất thận trọng, nếu không thì thái độ phê phán đúng đắn của chúng tôi đối với những người thuộc phái Liên bang có thể tự dừng biến thành sự thừa nhận hoặc bảo vệ những người thuộc phái ly khai. Người trung gian thường hay có khuynh hướng *thiên vị*. Tuy nhiên, cho dù chúng ta có chỉ trích những lời nói và việc làm của miền Bắc một cách mạnh mẽ như thế nào chăng nữa, thì chúng ta không bao giờ được quên rằng sự ly khai của miền Nam được quy định bởi những ý đồ và được bắt đầu bằng những hành động làm cho chúng ta phải chỉ trích một cách mạnh mẽ và sâu sắc nhất. Dĩ nhiên, chúng ta cần phải lên án giá cước bảo hộ mậu dịch của Liên bang như là một hành động ngu ngốc tối tăm và nặng nề. Dĩ nhiên, chúng ta thông cảm với ý nguyện của miền Nam muốn có những thuế thấp và có tự do buôn bán. Dĩ nhiên, chúng tôi muốn cho sự phồn vinh của các bang đang sản xuất ra rất nhiều nguyên liệu đến như vậy và cần rất nhiều sản phẩm công nghiệp đến như vậy - sẽ không bị chặn lại hoặc hoàn toàn phá vỡ. Nhưng, đồng thời chúng tôi không thể bỏ quên một hiện tượng không thể tranh cãi là: mục tiêu thực sự và động cơ chủ yếu của sự ly khai *không phải* là sự bảo vệ quyền chiếm hữu nô lệ trên lãnh thổ riêng của mình (về mặt này người miền Bắc đã biểu lộ một sự nhượng bộ không kém gì yêu cầu đòi hỏi của người miền Nam), mà là sự phổ biến chế độ nô lệ trên những vùng không gian rộng lớn không giới hạn cho đến nay vẫn không bị lời nguyên đó trói buộc, nhưng các ngài chủ đồn điền thì đã ước mơ thôn tính trong tương lai. Chúng tôi luôn

luôn coi mục tiêu đó là phi lý, phi nghĩa và đáng ghê tởm. Một trật tự xã hội được thiết lập bởi chế độ nô lệ ở các bang miền Nam đã làm cho người Anh càng thêm kinh tởm và càng chỉ trích nhiều hơn khi người Anh làm quen với chế độ đó. Và chúng ta cần phải tuyên bố với những người miền Nam rằng không bao giờ có ưu thế nào về tiền tệ hoặc thương mại - mà nước ta có thể có được nhờ mở rộng sự khai thác những đất đai mới của các bang đồn điền và của những lãnh thổ mới mà người miền Nam có tham vọng coi là của mình - làm thay đổi được mấy may những quan điểm của chúng ta về những vấn đề đó, ngăn cản được chúng ta nói lên quan điểm của mình, ngăn chặn được sự đấu tranh của chúng ta khi sự đấu tranh đó trở thành không tránh khỏi hoặc thích đáng. Người ta giả định rằng họ (những người theo phái ly khai) vẫn còn ấp ủ một ý tưởng lạ lùng - *gây* cho nước Pháp và nước Anh những tổn thất và mất mát bằng việc chấm dứt hoàn toàn việc cung cấp từ phía Mỹ và như vậy làm cho hai nước đó kiệt quệ, bất chính phủ hai nước đó phải nhân danh họ mà can thiệp vào và buộc Hợp chúng quốc phải chấm dứt phong toả... Hoàn toàn không còn có một cơ hội nào khiến cho một nước nào đó trong số hai cường quốc Anh, Pháp, cho dù chỉ trong chốc lát, cảm thấy có quyền thực hiện một hành động thù địch rõ ràng và khó có thể chấp nhận như vậy đối với Hợp chúng quốc... Chúng ta ít phụ thuộc vào miền Nam hơn là miền Nam phụ thuộc vào chúng ta và người miền Nam chẳng bao lâu nữa sẽ bắt đầu hiểu được điều đó. Vì vậy chúng ta muốn để họ hiểu rằng chừng nào chế độ nô lệ còn tồn tại thì một trở ngại khá lớn về đạo đức tinh thần vẫn còn chia rẽ chúng ta, và những ý tưởng của chúng ta vẫn còn cách xa cả sự khuyến khích ngầm lẫn sự trâng tráo can thiệp công khai. Lan-kê-sia không phải là nước Anh, và, vì danh dự và lòng dũng cảm của dân chúng trong các khu công nghiệp chúng ta, cần phải nói rằng thậm chí nếu như có thể đồng nhất tâm trạng của họ, thì *bông dẫu sao cũng không phải là ông vua*".

Tất cả những gì mà tôi muốn chứng minh - đó là việc Pan-móc-xton và giới báo chí Luân Đôn - những kẻ làm theo mệnh lệnh của Pan-móc-xton - đang từ bỏ lập trường thù địch của mình đối với Hợp chúng quốc. Nguyên nhân của revirement^{1*} đó, như người Pháp thường gọi, sẽ được giải thích trong một bài báo sau của tôi. Trước khi kết thúc, tôi xin bổ sung thêm một điều là ngài

1* - sự thay đổi đột ngột

Pho-xơ, nghị sĩ ở Brát-phóc, thứ ba tuần trước, tại giảng đường lớn của Trường đại học Cơ khí Brát-phóc, đã giảng một bài về chủ đề "Cuộc nội chiến ở Mỹ", trong đó ông ta đã phân tích những nguyên nhân thực sự và tính chất của cuộc chiến tranh đó và đã bác bỏ một cách thắng lợi những điều bịa đặt dối trá của giới báo chí tay sai của Pan-móc-xơ.

Do C.Mác viết ngày 5 tháng Mười 1861

*Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"
số 6411, ngày 21 tháng Mười 1861*

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

BÁO "TIMES" Ở LUÂN ĐÔN VIẾT VỀ CÁC CÔNG TƯỚC OÓC-LÊ-ĂNG Ở MỸ

Luân Đôn, ngày 12 tháng Mười 1861

Nhân dịp chuyến đi của vua Phổ đến Côm-pi-e-nhơ¹⁷¹, tờ "Times" ở Luân Đôn đã đăng một số bài châm chọc, có ý lăng mạ bờ bên kia biển La-Măng-sơ. Đến lượt mình, tờ "Pays, Journal de l'Empire"¹⁷² đã coi những tác giả của các bài trên báo "Times" đó như là những người bị đầu độc bởi rượu mạnh "gin" và ngòi bút của họ đã bị bùn đất vấy bẩn. Sự chửi bới lẫn nhau ngẫu nhiên đó chỉ có một mục tiêu duy nhất là che giấu dư luận về một sự gần gũi giữa vườn hoa Prin-tinh-hao¹⁷³ với điện Tuyn-lơ-ri. Ở ngoài biên giới nước Pháp, người anh hùng tháng Chạp không có nhiều kẻ vu khống hơn so với tờ "Times" của Luân Đôn, và những công việc phục vụ của tờ báo này càng không thể đánh giá hết khi tờ báo đó, ngày này qua ngày khác, càng vay mượn giọng điệu và phong cách của quan giám sát Ca-tô đối với Xê-da của mình. Tờ "Times" trong nhiều tháng liền luôn luôn lăng mạ nước Phổ. Lợi dụng vụ Mác-đô-nan¹⁷⁴ thảm hại, tờ "Times" đã thông báo cho nước Phổ rằng nước Anh dường như chào mừng việc chuyển các tỉnh vùng Ranh từ ách thống trị dã man của dòng họ Hôn-hen-txô-léc sang chế độ chuyên chế có văn hóa của Bô-na-pác-tơ. Điều đó không chỉ làm cho triều đình Phổ phẫn nộ, mà còn làm cho nhân dân Phổ phẫn uất. Tờ "Times" bài bác ý tưởng về việc ký kết liên minh Anh - Phổ trong trường hợp xảy ra xung đột giữa Phổ và

Pháp. Tờ báo đó làm hết sức mình để thuyết phục Phổ rằng Phổ đừng có chờ đợi sự giúp đỡ của nước Anh mà làm gì, và đối với nước Phổ tốt hơn hết là đi đến một thỏa ước nào đó với Pháp. Cuối cùng, khi nhà vua Phổ nhu nhược và xu thời quyết định đi đến Côm-pi-e-nhơ, thì tờ "Times" mới có thể tự hào thốt lên: "quorum magna pars fui"^{1*}, nhưng giờ đây đã đến lúc cần phải xóa nhòa trong ký ức của người Anh một điều là: tờ "Times" đã mở đường cho vua Phổ. Từ đó mà có tiếng sấm rền phùng chèo của tờ báo ấy. Từ đó về phía tờ "Pays, Journal de l' Empire" cũng xuất hiện những tiếng sấm đáp lại.

Giờ đây tờ "Times" lại giữ lập trường thù địch sống mái đối với chế độ Bô-na-pác-tơ, do đó đã có được khả năng giúp đỡ người anh hùng tháng Chạp. Thời cơ để làm việc đó chẳng bao lâu đã xuất hiện. Lu-i Bô-na-pác-tơ, dĩ nhiên, là người cực kỳ nhạy cảm trong những trường hợp có vấn đề liên quan đến vinh quang của những người kình địch với ông ta - những kẻ ngấp nghé ngai vàng của nước Pháp. Lu-i Bô-na-pác-tơ đã tỏ rõ bản lĩnh của mình một cách buồn cười khi có một bài văn đả kích của công tước Ô-man-xki chống lại Plông-Plông¹⁷⁵, và cách xử sự của nhà vua đã ủng hộ sự nghiệp của phái Oóc-lê-ăng nhiều hơn tất cả những điều đã làm được của tất cả những người thuộc phái Oóc-lê-ăng cộng lại. Trong mấy ngày gần đây, nhân dân Pháp lại đã phải làm công việc đối chiếu, so sánh giữa Plông-Plông và các công tước Oóc-lê-ăng. Khi Plông-Plông đi sang Mỹ, ở ngoại ô Xanh-Ăng-toan đã xuất hiện những tranh biếm họa vẽ ông ta dưới dạng một người béo phục phịch đang tìm kiếm chiếc vương miện, nhưng đồng thời lại có vẻ như là một người lữ hành ngây thơ vô hại nhất - đặc

1* - "trong việc này, công lao lớn thuộc về tôi" (Viéc-gi-lơ, "Ê-nê-ít", quyển thứ hai).

biệt kinh tởm mùi thuốc súng. Khi Plông-Plông trở về Pháp, mà không kiếm thêm được vòng nguyệt quế nào bổ sung cho những vòng nguyệt quế mà ông ta thu được ở Crum và ở I-ta-li-a, thì các công tước Oóc-lê-ăng đã băng qua Đại Tây Dương để gia nhập quân đội quốc gia¹⁷⁶. Thế là diễn ra tình trạng hết sức hỗn loạn trong phái Bô-na-pác-tơ. Sự phẫn nộ của phái Bô-na-pác-tơ không thể tìm ra lối thoát trong giới báo chí thối nát ở Pa-ri. Như vậy, chỉ làm bộc lộ những mối lo âu của phái ủng hộ đế chế, lấp lại cái câu chuyện tai tiếng về bài văn đả kích và làm nảy sinh sự so sánh tai hại giữa những công tước lưu vong đang chiến đấu dưới ngọn cờ cộng hòa chống lại những kẻ nô dịch hàng triệu người lao động - với một công tước bị trục xuất khác, đã tuyên thệ làm một sĩ quan cảnh sát đặc biệt của Anh để tham gia đàn áp phong trào công nhân Anh¹⁷⁷.

Ai sẽ phải giúp đỡ người anh hùng tháng Chạp giải quyết cái tình thế lưỡng nan này? Ai khác ngoài tờ "Times" của Luân Đôn? Nếu như chính cái tờ báo "Times" đó của Luân Đôn trong các ngày 6, 7, 8 và 9 tháng Mười 1861 đã gây nên cơn thịnh nộ của tờ "Pays, Journal de l' Empire" bằng sự chỉ trích trắng trợn của mình đối với cuộc viếng thăm Côm-pi-e-nhơ, nếu như chính cái tờ báo đó vào ngày 12 tháng Mười có thể công kích không thương tiếc các công tước Oóc-lê-ăng về việc các công tước này tham gia vào hàng ngũ quân đội quốc gia Hợp chúng quốc, thì chẳng lẽ Lu-i Bô-na-pác-tơ, bằng cách đó, lại đã không chứng minh sự đúng đắn của mình so với các công tước Oóc-lê-ăng? Chẳng lẽ bài báo của "Times" sẽ không được dịch sang tiếng Pháp? Chẳng lẽ bài báo đó sẽ không được giới báo chí Pháp bình luận? Chẳng lẽ *prefet de police*^{1*} lại không phân phát bài báo đó đến tất cả các báo chí

1* - quận trưởng cảnh sát

ở mọi tỉnh và chẳng lẽ bài báo đó lại không được truyền đi khắp nước Pháp như một lời phán quyết vô tư do một kẻ thù riêng của Lu-i Bô-na-pác-tơ là tờ "Times" của Luân Đôn tuyên đọc về những hành động gần đây của các công tước Oóc-lê-ăng? Vì vậy tờ "Times" hiện nay đang chỉ trích rất thô bạo các công tước đó.

Dĩ nhiên, Lu-i Bô-na-pác-tơ là một con người quá ư tháo vát, giống như mọi thương nhân quan phương buôn bán dư luận công chúng, để tỏ ra mù tịt không biết phán đoán về cuộc chiến tranh ở Mỹ. Ông ta biết rằng dân chúng chân chính ở Anh, ở Pháp, ở Đức, ở châu Âu coi sự nghiệp của Hợp chúng quốc là sự nghiệp của chính mình, là sự nghiệp tự do và ông ta hiểu rằng mặc dù có sự nguy hiểm được mua bán, nhưng ông ta vẫn nhìn thấy Hợp chúng quốc là mảnh đất tự do của hàng triệu người châu Âu không có ruộng đất, là mảnh đất màu mỡ đầy hứa hẹn của họ mà giờ đây cần phải dùng vũ khí để bảo vệ khỏi sự xâm phạm dơ bẩn của bọn chủ nô. Hơn thế nữa, Lu-i - Na-pô-lê-ông hiểu rằng quần chúng nhân dân Pháp đã gắn cuộc đấu tranh ủng hộ Liên bang với cuộc đấu tranh của cha ông họ nhằm xây dựng nền độc lập của Mỹ, và trong con mắt của họ thì mỗi một người dân Pháp tuốt gươm của mình ra để ủng hộ chính phủ dân tộc - chỉ là thực hiện lời di huấn của La-phay-ét¹⁷⁸ mà thôi. Vì vậy Bô-na-pác-tơ hiểu rằng, nếu như một việc gì đó có thể giúp các công tước Oóc-lê-ăng giành được cảm tình của nhân dân Pháp, thì đó chính là việc các công tước ấy gia nhập hàng ngũ quân đội quốc gia Hợp chúng quốc. Ông ta run lên vì chỉ một ý nghĩ về điều đó và vì vậy tờ "Times" của Luân Đôn - người kiểm duyệt và mật vụ của ông ta - hôm nay đã tuyên bố với các công tước Oóc-lê-ăng rằng "họ sẽ không làm tăng thêm danh tiếng của mình trong dân chúng Pháp bằng cách hạ mình xuống đến mức phục vụ cho *công việc hèn hạ đó*". Lu-i - Na-pô-lê-ông hiểu rằng, tất cả những cuộc chiến

tranh diễn ra ở châu Âu giữa các dân tộc thù địch với nhau từ khi ông ta tiến hành coup d'état^{1*} đều là những cuộc chiến tranh giả tạo, vô căn cứ, vô lý và dựa trên những nguyên cơ dối trá. Cuộc chiến tranh với Nga, cuộc chiến tranh ở I-ta-li-a, đó là chưa kể đến những cuộc viễn chinh ăn cướp chống lại Trung Quốc, Cô-sanh-si-nơ¹⁷⁹ v.v. chưa bao giờ giành được cảm tình của nhân dân Pháp - một dân tộc đã cảm nhận theo bản năng rằng những cuộc chiến tranh đó chỉ diễn ra nhằm mục đích củng cố những xiềng xích do coup d'état tạo ra. Cuộc chiến tranh vĩ đại thứ nhất trong lịch sử hiện đại - đó là cuộc chiến tranh ở Mỹ.

Nhân dân châu Âu hiểu rằng bọn chủ nô ở miền Nam đã bắt đầu cuộc chiến tranh ấy bằng lời tuyên bố như sau: sự tồn tại của chế độ chiếm hữu nô lệ không còn tương dung được nữa với sự tồn tại của Liên bang. Do đó, nhân dân châu Âu hiểu rằng cuộc đấu tranh vì sự tồn tại của Liên bang là cuộc đấu tranh chống lại sự tồn tại của chế độ nô lệ và trong cuộc đấu tranh ấy hình thức tự quản nhân dân cao nhất từ trước cho đến nay đang đánh vào cái hình thức áp bức nô lệ đê tiện nhất và trâng tráo nhất trong biên niên sử của loài người.

Lu-i Bô-na-pác-tơ, dĩ nhiên, hết sức khó chịu trước tình hình các công tước Oóc-lê-ăng đã tham gia chính ngay vào cuộc chiến tranh ấy - một cuộc chiến tranh nổi bật về quy mô to lớn và về mục tiêu vĩ đại so với những cuộc chiến tranh vô căn cứ, vô lý và hết sức nhỏ nhoi đã diễn ra ở châu Âu kể từ năm 1849. Vì thế tờ "Times" của Luân Đôn thấy cần phải tuyên bố:

"Coi thường sự khác nhau giữa các cuộc chiến tranh do những dân tộc thù địch nhau tiến hành với cuộc nội chiến vô cơ và vô lý nhất này trong lịch sử - có nghĩa là xúc phạm một phần nào đó đạo lý xã hội".

Tờ "Times", dĩ nhiên, có nghĩa vụ phải tăng cường chỉ trích các công tước Oóc-lê-ăng vì "họ đã hạ thấp mình đến mức phục vụ cho một công việc đê tiện như vậy". Trong khi thể hiện sự kính cẩn sâu sắc đối với người chiến thắng ở Xê-va-xtô-pôn và ở Xôn-phe-ri-nô, tờ "Times" viết:

"Thật là xằng bậy khi so sánh cái đã diễn ra ở Xpơ-rinh-phin và ở Ma-nát-xát với những chiến công ở Xê-va-xtô-pôn và ở Xôn-phe-ri-nô".

Những bưu phẩm sắp tới sẽ chỉ rõ những cơ quan của hoàng đế đang sử dụng như thế nào bài báo của tờ "Times" cho một kế hoạch dự tính cẩn thận từ trước. Theo ngôn ngữ thì một người bạn trong lúc cùng khốn bằng nghìn người bạn trong lúc sung sướng, còn người đồng minh giấu mặt của tờ "Times" ở Luân Đôn đúng là đang ở vào tình thế cực kỳ trầm trọng. Việc thiếu hụt bông tiếp sau việc thiếu bánh mì, cuộc khủng hoảng thương mại kết hợp với nạn mất mùa, việc giảm thu nhập thuế quan và những khó khăn về tiền tệ đã buộc ngân hàng Pháp phải tăng tỷ suất chiết khấu lên đến 6%, thỏa thuận với Rốt-sin và Bê-rinh về việc vay 2 triệu p. xt. trên thị trường Luân Đôn, cầm cố ở nước ngoài những chứng khoán của Chính phủ Pháp và, mặc dù đã làm mọi việc như vậy, vẫn chỉ còn một số tiền dự trữ là 12 000 000 trong khi nợ đã vượt quá 40 000 000. Tình hình như vậy trong lĩnh vực kinh tế đang tạo nên một hoàn cảnh thích hợp cho những người đầy tham vọng cạnh tranh lẫn nhau có cơ hội đặt cược gấp đôi. Ở vùng ngoại ô Xanh-Ăng-toan đã xảy ra những sự hỗn loạn về bánh mì, và vì thế thời điểm hiện nay là thời điểm bất lợi nhất cho việc các công tước Oóc-lê-ăng giành được tiếng tăm. Nguyên nhân của điều đó chính là do sự công kích dữ dội của tờ "Times" ở Luân Đôn.

*Do C.Mác viết ngày 12 tháng Mười 1861
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 6426, ngày 17 tháng Mười một
1861*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - đảo chính, chính biến

Die Brelle

N° 293

Bren, Freing hen 25. Dotorber 1861

14. Jahrgang

C.MÁC

NỘI CHIẾN Ở BẮC MỸ¹⁸⁰

Luân Đôn, ngày 20 tháng Mười 1861

Giới báo chí chủ chốt ở Luân Đôn - những tờ nhật báo và tuần báo - đã mấy tháng nay lặp đi lặp lại những điệp khúc nhằm tai về cuộc Nội chiến ở Mỹ. Trong khi xúc phạm các bang tự do của miền Bắc, giới báo chí Luân Đôn đồng thời lại rụt rè tự bào chữa trước sự nghi ngờ của mọi người về việc giới báo chí đó có cảm tình với các bang chiếm hữu nô lệ ở miền Nam. Thực ra, giới báo chí đó viết hai bài báo liên: một bài tấn công miền Bắc, còn bài kia lại biện minh cho sự tấn công của mình đối với miền Bắc. Quy s'excuse s'accuse^{1*}.

Lý do thanh minh chủ yếu là: cuộc chiến tranh giữa miền Bắc Mỹ với miền Nam Mỹ chỉ là cuộc chiến tranh vì biểu thuế; hơn nữa, cuộc chiến tranh này là vô nguyên tắc, nó không động chạm đến vấn đề chế độ nô lệ, bởi vì trên thực tế vấn đề chỉ là những tham vọng của miền Bắc về bá quyền lãnh đạo; cuối cùng, thậm chí nếu như quyền lực thuộc về miền Bắc, thì phải chăng mưu toan dùng bạo lực quy phục 8 triệu dân Ăng-glô-Xắc-xông lại không vô ích hay sao! Phải chăng việc tách khỏi miền Nam lại không làm cho miền Bắc thoát khỏi mọi mối dây liên lạc với chế độ nô lệ da đen và không bảo đảm cho miền Bắc, với 20 triệu dân của

mình, một sự phát triển cao hơn, khó mà tưởng tượng được so với trước đây hay sao? Phải chăng vì vậy miền Bắc không phải chào mừng sự ly khai như là một sự kiện vui vẻ chứ không phải tìm cách đấu tranh khắc phục sự ly khai đó bằng một cuộc nội chiến đẫm máu và vô ích hay sao?

Chúng ta sẽ xem xét từng điểm một trong những lời lẽ bào chữa của giới báo chí Anh.

Cuộc chiến tranh giữa miền Bắc và miền Nam - theo lời phân trần đầu tiên - đơn thuần chỉ là một cuộc chiến tranh vì biểu thuế, là một cuộc chiến tranh giữa chế độ thuế quan bảo hộ mậu dịch với chế độ tự do thương mại. Dĩ nhiên, người Anh đứng về phía mậu dịch tự do. Người chủ nô liệu có cần sử dụng tất cả những thành quả lao động của nô lệ hay không, hay là người chủ nô sẽ bị những người ủng hộ chế độ bảo hộ mậu dịch ở miền Bắc lấy mất đi, bằng thủ đoạn lừa dối, một phần những thành quả đó? Đó chính là vấn đề dường như được đề cập tới trong cuộc chiến tranh này. Tờ "Times" chỉ tự giới hạn trong cái phát minh chói lọi đó; các tờ "Economist", "Examiner", "Saturday Review" và tutti quanti^{1*} đã tiếp tục phát triển cái đề tài ấy. Phát minh này có một đặc điểm là: nó không được đưa ra ở Sác-lơ-xton, mà được đưa ra ở Luân Đôn. Dĩ nhiên, ở Mỹ ai cũng biết rõ rằng trong những năm 1846 - 1861 người ta đã áp dụng biểu thuế theo chế độ tự do thương mại và nghị sĩ Mo-rin đã đưa ra thông qua biểu thuế bảo hộ mậu dịch năm 1861 của mình tại nghị viện chỉ sau khi cuộc nổi loạn đã bùng nổ. Như vậy, sự ly khai diễn ra không phải là do trong nghị viện người ta thông qua biểu thuế bảo hộ mậu dịch của Mo-rin, mà chỉ ít thì biểu thuế Mo-rin, cũng được đưa ra thông qua tại nghị viện vì đã xảy ra sự ly khai. Năm 1832

1* - Thanh minh là thú tội.

1* - những tờ báo gần gũi với chúng

khi ở bang Nam Ca-rô-lin lộ ra mưu toan đầu tiên muốn ly khai¹⁸¹ thì biểu thuế bảo hộ mậu dịch năm 1828, không nghi ngờ gì nữa, đã là cái cớ, nhưng chỉ là cái cớ mà thôi, đúng như điều người ta biết qua tuyên bố của tướng Giếch-xơn. Tuy nhiên, lần này trên thực tế cái cớ trước đây đã không được nhắc lại nữa. Tại nghị viện của những kẻ theo phái ly khai ở Mông-tơ-gô-mê-ri người ta tránh không muốn nhắc lại vấn đề biểu thuế, bởi vì việc sản xuất đường ở Lu-i-di-a-na, một trong những bang có thế lực nhất ở miền Nam, hoàn toàn dựa vào thuế quan bảo hộ.

Cuộc chiến tranh ở Hợp chúng quốc, - theo lời tiếp tục bào chữa của giới báo chí Luân Đôn, - chẳng qua chỉ là cuộc chiến tranh nhằm duy trì Liên bang bằng bạo lực. Những người Mỹ không thể cả gan xóa đi 15 ngôi sao trên quốc kỳ của mình. Họ muốn trình bày một bộ mặt vĩ đại trên vũ đài thế giới. Dĩ nhiên, sự việc sẽ khác đi nếu như cuộc chiến tranh được tiến hành để thủ tiêu chế độ nô lệ! Tiện thể nói thêm, vấn đề chế độ nô lệ - như tạp chí "Saturday Review" đã tuyên bố một cách quả quyết - không hề có quan hệ gì với cuộc chiến tranh này hết.

Trước tiên cần phải nhớ lại rằng, chủ xướng cuộc chiến này không phải là miền Bắc, mà là miền Nam. Miền Bắc ở vào tình thế tự vệ. Trong nhiều tháng, miền Bắc hết sức bình thản nhìn xem phái ly khai đánh chiếm các pháo đài, kho tàng quân sự, xưởng đóng tàu, trạm hải quan, các kết tiền, tàu bè, kho vũ khí của Liên bang, xúc phạm quốc kỳ Liên bang, bắt làm tù binh những đơn vị quân đội riêng lẻ của Liên bang như thế nào. Cuối cùng, phái ly khai đã quyết định bằng một cuộc tấn công quân sự rầm rộ bắt Chính phủ Liên bang phải từ bỏ lập trường thụ động của mình và *chỉ vì vậy* bọn chúng mới tiến hành đánh phá pháo đài Xăm-téc gần Sác-lơ-xtôn. Ngày 11 tháng Tư (năm 1861) viên tướng Bô-rê-ga của chúng trong thời gian đàm phán với viên chỉ huy pháo đài Xăm-téc, thiếu tá An-đéc-xơn, đã biết được rằng pháo đài chỉ có lượng lương thực dự trữ trong 3 ngày, như vậy, sau

thời hạn đó, pháo đài sẽ buộc phải đầu hàng mà không giao chiến. Để phòng ngừa việc đầu hàng mà không có giao chiến ấy, bọn ly khai ngay tinh mơ sáng hôm sau (ngày 12 tháng Tư) đã bắt đầu đánh phá pháo đài khiến cho sau vài giờ pháo đài đã phải đầu hàng. Tin này vừa được chuyển qua điện tín về Mông-tơ-gô-mê-ri, nơi mà nghị viện của bọn ly khai đang họp, thì lập tức bộ trưởng bộ chiến tranh Oan-cơ đã nhân danh Hiệp bang mới tuyên bố công khai: "Không ai có thể nói được rằng *cuộc chiến tranh mới được bắt đầu ngày hôm nay* sẽ kết thúc ở đâu". Đồng thời ông ta còn tiên đoán rằng "ngọn cờ của Hiệp bang miền Nam sẽ tung bay trên nóc điện Ca-pi-tôn cổ kính ở Oa-sinh-tơn, trước cả ngày mồng 1 tháng Năm và chẳng bao lâu nữa có lẽ sẽ tung bay cả trên lâu đài Phan-lơ ở Bô-xtơn"¹⁸². Chỉ tới lúc đó mới có lời kêu gọi của Lin-côn ra lệnh cho 75 000 người hãy bảo vệ Liên bang. Cuộc bắn phá pháo đài Xăm-téc đã chặn đứng lối thoát hợp hiến duy nhất, đó là - triệu tập hội nghị toàn quốc của Mỹ - như lời đề nghị của Lin-côn khi ông tuyên thệ nhậm chức tổng thống. Đối với Lin-côn chỉ còn có một cách lựa chọn: hoặc là chạy khỏi Oa-sinh-tơn, sơ tán khỏi Mê-ri-len và Đê-la-vê, giao nộp Ken-tắc-ki, Mi-su-ri và Viéc-gi-ni-a hoặc là dùng chiến tranh để đáp lại chiến tranh.

Khẩu hiệu chiến đấu được miền Nam đưa ra sau khi phá hoại hoà bình trả lời cho câu hỏi về nguyên tắc của cuộc Nội chiến ở Mỹ. Xti-ven-xơ, phó tổng thống của Hiệp bang miền Nam, đã tuyên bố trong nghị viện của phái ly khai rằng, bản hiến pháp nặn ra ở Mông-tơ-gô-mê-ri khác biệt một cách căn bản với bản hiến pháp của Oa-sinh-tơn và Giép-phéc-xơn ở chỗ giờ đây lần đầu tiên chế độ nô lệ tự nó được thừa nhận như là một chế độ tốt đẹp và như là nền tảng của toàn bộ lâu đài nhà nước, trong khi đó thì những tổ tiên cách mạng, những con người bị ràng buộc bởi những định kiến của thế kỷ XVIII, đã coi chế độ nô lệ như là một điều ác xuất phát từ nước Anh và có thể bị xóa bỏ theo thời gian. Một

đấu sĩ khác của miền Nam, ngài Xpơ-rát-tơ đã thốt lên rằng: "Đối với chúng ta vấn đề là phải thành lập một nước cộng hoà chiếm hữu nô lệ vĩ đại (a great slave republic)". Như vậy, nếu như miền Bắc chỉ rút gươm để bảo vệ Liên bang, thì phải chăng trước đó miền Nam đã không tuyên bố rằng việc chế độ nô lệ tiếp tục tồn tại sẽ không dung hợp được với việc tiếp tục tồn tại của Liên bang hay sao?

Giống như việc bắn phá pháo đài Xăm-téc đã báo hiệu mở đầu cuộc chiến tranh, thắng lợi của *đảng cộng hoà* ở miền Bắc trong các cuộc bầu cử, việc Lin-côn trúng cử tổng thống cũng đã trở thành tín hiệu cho sự ly khai. Lin-côn trúng cử vào ngày 6 tháng Mười một 1860. Ngày 8 tháng Mười một 1860 từ bang Nam Ca-rô-lin người ta đã điện đi: "Ở đây người ta coi ly khai như là một việc đã rồi". Ngày 10 tháng Mười một quốc hội lập pháp của bang Gioóc-gi-a đã nghiên cứu các kế hoạch ly khai, và một phiên họp đặc biệt của quốc hội lập pháp bang Mít-xi-xi-pi đã được dự kiến vào ngày 13 tháng Mười một để xem xét cũng vấn đề ly khai đó. Nhưng bản thân việc Lin-côn trúng cử cũng chỉ là kết quả của sự chia rẽ trong *phe dân chủ*. Trong thời gian vận động tranh cử, những người thuộc đảng dân chủ ở miền Bắc bỏ phiếu cho *Du-glát*, còn các đảng viên đảng dân chủ ở miền Nam thì bỏ phiếu cho *Brê-kin-rít-giơ* và thắng lợi của đảng cộng hòa chính là nhờ vào sự phân tán phiếu bầu ấy của các đảng viên đảng dân chủ. Tại sao, một mặt, *đảng cộng hoà* ở miền Bắc lại chiếm ưu thế? Tại sao, mặt khác, lại xảy ra chia rẽ *trong nội bộ đảng dân chủ*, cái đảng mà trong đó bộ phận miền Bắc và bộ phận miền Nam suốt hơn 50 năm qua vẫn cùng nhau hoạt động một cách gắn bó?

Quyền lực đối với Liên bang mà miền Nam dần dần tiếm đoạt được nhờ thông đồng với các đảng viên đảng dân chủ ở miền Bắc đã đạt đến cực điểm trong nhiệm kỳ tổng thống của Biu-kê-nen. Quốc hội lục địa cuối cùng 1787 và Quốc hội đầu tiên được

triệu tập trên cơ sở hiến pháp trong những năm 1789-1790 bằng con đường lập pháp đã cấm chế độ nô lệ trên tất cả các lãnh thổ của nước cộng hoà, từ bang Ô-hai-ô đến tận vùng Tây - Bắc. (Như mọi người đều biết, lãnh thổ là tên gọi của tất cả những khu định cư nằm bên trong địa phận của chính Hợp chúng quốc, nhưng số dân của các khu đó chưa đạt đến mức để theo hiến pháp có thể trở thành một bang độc lập¹⁸³). Cái được gọi là thỏa ước Mi-su-ri (năm 1820) mà nhờ đó bang Mi-su-ri được trở thành một bang của Hợp chúng quốc với tư cách là một bang chiếm hữu nô lệ - đã cấm chế độ nô lệ trên tất cả các lãnh thổ còn lại ở phía bắc vĩ tuyến 36°30', và phía Tây Mi-su-ri. Nhờ có sự thỏa hiệp đó cho nên phạm vi của chế độ chiếm hữu nô lệ được đẩy lên tới vài kinh độ, trong khi đó, về mặt khác, việc mở rộng chế độ chiếm hữu nô lệ trong tương lai dường như đã bị giới hạn trong giới tuyến địa lý đã được xác định hoàn toàn. Đến lượt nó, hàng rào địa lý đó đã bị lật nhào vào năm 1854 bởi cái gọi là dự luật Can-dắc-Nê-bra-xơ mà tác giả là X.A. Du-glát, lúc đó là lãnh tụ của đảng dân chủ ở miền Bắc. Bản dự luật này, sau khi được thông qua ở cả hai viện của Quốc hội, đã xóa bỏ thỏa ước Mi-su-ri, đặt chế độ nô lệ và chế độ tự do trong những điều kiện như nhau, cho phép Chính phủ Liên bang đối xử với hai chế độ đó một cách không phân biệt, như nhau và giao cho nhân dân, có nghĩa là cho đại đa số những người di thực, có quyền quyết định vấn đề: áp dụng hoặc không áp dụng chế độ nô lệ trên một lãnh thổ nào đó. Như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử Hợp chúng quốc đã xóa bỏ được mọi trở ngại về địa lý và pháp lý cho việc mở rộng chế độ nô lệ trên các lãnh thổ. Dưới tác động của bộ luật mới đó, lãnh thổ Tân Mê-hi-cô từ trước đến nay là một lãnh thổ tự do - nó có diện tích lớn gấp năm lần so với bang Niu-Oóc, - đã được biến thành một lãnh thổ chiếm hữu nô lệ, và phạm vi của chế độ nô lệ đã được kéo dài từ biên giới của nước Cộng hòa Mê-hi-cô đến

vĩ tuyến 38° bắc. Năm 1859 Tân Mê-hi-cô nhận được một bộ luật chiếm hữu nô lệ, về mặt tàn bạo, có thể sánh được với các bộ luật của Téch-dát và A-la-ba-ma. Trong khi đó, như con số thống kê năm 1860 đã chứng minh, Tân Mê-hi-cô với số dân gần 100 000 người nhưng không có tới 50 tên nô lệ. Như vậy, miền Nam chỉ cần phái qua biên giới một số kẻ phiêu lưu cùng với một ít nô lệ và sau đó chỉ cần nhờ sự giúp đỡ của Chính phủ trung ương ở Oa-sinh-tơn, cũng như nhờ sự giúp đỡ của các quan chức và cơ quan cung ứng của chính phủ ở Tân Mê-hi-cô mà thành lập một cách hết sức ồn ào một cơ quan giả đại diện nhân dân là đủ để áp đặt chế độ nô lệ và do đó áp đặt sự thống trị của bọn chủ nô vào lãnh thổ này.

Song, trên các lãnh thổ khác, phương pháp thuận tiện này không thể áp dụng được. Khi đó miền Nam tiến thêm một bước nữa và kháng cáo từ nghị viện đến Tòa án tối cao của Hợp chúng quốc. Tòa án này có chín quan toà, trong số đó năm quan toà là người miền Nam, và tòa án này từ lâu đã là một công cụ ngoan ngoãn nhất của bọn chủ nô. Năm 1857 nhân vụ án nổi tiếng Đrét-đơ Xcôt¹⁸⁴, tòa án tối cao đã quyết định mỗi một công dân Mỹ đều có quyền mang theo mình đến bất kỳ một lãnh thổ nào những tài sản riêng được hiến pháp thừa nhận. Hiến pháp thừa nhận những người nô lệ là sở hữu riêng và bất Chính phủ Liên bang phải bảo vệ quyền sở hữu ấy. Do đó, dựa vào hiến pháp bọn chủ nô có thể cưỡng bức nô lệ phải lao động trên các lãnh thổ, như vậy, mỗi một chủ nô bất kỳ nào cũng có thể áp dụng chế độ nô lệ trên các lãnh thổ mà từ trước đến nay vẫn là lãnh thổ tự do, trái với ý chí của đại đa số dân di thực. Quốc hội lập pháp của các lãnh thổ đã bị mất quyền cấm đoán chế độ nô lệ, còn Quốc hội cũng như Chính phủ Liên bang thì được giao nghĩa vụ phải bảo vệ những người đi tiên phong trong hệ thống chiếm hữu nô lệ.

Nếu như thỏa ước Mi-su-ri năm 1820 đã mở rộng ranh giới địa lý của chế độ nô lệ trên các lãnh thổ, nếu như dự luật Can-dắc-Nê-bra-xơ năm 1854 đã xóa bỏ mọi ranh giới địa lý và thay cho ranh giới đó là một chương ngại chính trị - ý chí của đa số dân định cư, thì Tòa án tối cao của Hợp chúng quốc, bằng quyết định năm 1857 của mình, đã thủ tiêu cả cái chương ngại chính trị đó, biến tất cả các lãnh địa của nước cộng hoà, các lãnh địa hiện tại và các lãnh địa tương lai, từ vườn ươm cây của các bang tự do trở thành những vườn ươm của chế độ chiếm hữu nô lệ.

Lúc đó dưới thời Chính phủ Biu-kê-nen trong các bang miền Bắc người ta sử dụng một cách tàn nhẫn đạo luật khắc nghiệt hơn, ban hành năm 1850, về việc giao nộp những nô lệ bỏ trốn¹⁸⁵. Đường như việc tìm bắt nô lệ cho bọn chủ nô ở miền Nam đã trở thành một phận sự theo hiến pháp của miền Bắc. Mặt khác, để ngăn chặn trong phạm vi có thể được việc đưa dân tự do đến định cư tại các lãnh thổ, đảng chủ nô đã phá bỏ tất cả các biện pháp nhằm xây dựng nên cái gọi là quỹ đất đai tự do [Freesoil - Massregeln], có nghĩa là các biện pháp phải bảo đảm cho những người đến định cư một số lượng nhất định đất đai bỏ hoang của nhà nước mà không phải trả tiền¹⁸⁶.

Cả trong chính sách đối nội lẫn trong chính sách đối ngoại của Hợp chúng quốc, lợi ích của các chủ nô luôn luôn là ngôi sao chỉ đường. Trên thực tế Biu-kê-nen giành được chức tổng thống là nhờ việc xuất bản Tuyên ngôn Ô-xten-đơ, trong đó việc giành được Cu Ba cho dù bằng biện pháp mua hay bằng sức mạnh của vũ khí đều được tuyên bố là một nhiệm vụ vĩ đại của chính sách dân tộc¹⁸⁷. Trong thời gian Biu-kê-nen cầm quyền, Bắc Mê-hi-cô bị phân chia giữa bọn đầu cơ đất đai người Mỹ, bọn này nóng lòng chờ đợi tín hiệu phát ra để nhảy bổ vào Si-oa-oa, Cô-au-i-la và Xô-nô-ra¹⁸⁸. Các cuộc hành quân ăn cướp liên tục của bọn cướp biển chống lại các nước Trung Mỹ cũng được Nhà trắng ở

Oa-sinh-ton chỉ đạo theo cách thức như vậy. Gắn bó một cách hết sức chặt chẽ với cái chính sách đối ngoại này - một chính sách có mục đích công khai là xâm chiếm những đất đai mới để mở rộng phạm vi của chế độ nô lệ và sự thống trị của bọn chủ nô - là *việc khôi phục nghề buôn bán nô lệ*¹⁸⁹ được Chính phủ Liên bang ủng hộ một cách bí mật. Ngày 20 tháng Tám 1859 chính ngài Đu-glát đã tuyên bố ở Thượng nghị viện Mỹ rằng trong năm qua số lượng người da đen được đưa từ châu Phi tới tăng lên nhiều so với bất kỳ một năm nào trước đó, thậm chí so với cả thời kỳ mà luật pháp còn cho phép được buôn bán nô lệ; số lượng nô lệ được đưa tới trong năm qua đạt tới con số 15 000 người.

Việc mở rộng chế độ nô lệ ra bên ngoài bằng vũ lực hoàn toàn đã trở thành mục tiêu được thừa nhận của chính sách dân tộc; Liên bang thực sự đã trở thành một kẻ nô lệ cho 300 000 chủ nô đang thống trị ở miền Nam. Đó là hậu quả của hàng loạt những sự thỏa hiệp mà miền Nam có được nhờ liên minh với các đảng viên đảng dân chủ ở miền Bắc. Chính do chạm phải cái liên minh này nên từ trước đến nay mọi mưu toan lập đi lập lại theo chu kỳ kể từ năm 1817 nhằm chống lại sức ép không ngừng tăng lên của bọn chủ nô - đều bị tan vỡ. Cuối cùng bước ngoặt đã đến.

Dự luật Can-dắc - Nê-bra-xơ vừa được phê chuẩn, - dự luật này đã xóa bỏ ranh giới địa lý của chế độ chiếm hữu nô lệ và đã đặt việc áp dụng chế độ nô lệ trên các lãnh thổ mới phụ thuộc vào ý nguyện của đa số dân di thực, - thì ngay lập tức bọn tay sai có vũ trang của các chủ nô, bọn lưu manh ở biên giới từ Mi-su-ri và Ác-can-da-xơ đã lăm lăm tay này cầm dao và tay kia cầm khẩu súng lục nhảy bổ vào Can-dắc, và với sự tàn bạo chưa từng thấy, bọn chúng tìm cách đuổi những người di thực ra khỏi lãnh thổ mà họ đã định cư. Những trận tấn công kẻ cướp đó đã có được sự ủng hộ của Chính phủ trung ương ở Oa-sinh-ton. Vì vậy đã có sự phản ứng vô cùng mạnh mẽ. Trên khắp miền Bắc,

đặc biệt ở vùng Tây - Bắc, đã hình thành một tổ chức cứu trợ nhằm mục đích ủng hộ Can-dắc về người, vũ khí và tiền bạc¹⁹⁰. Và từ cái tổ chức cứu trợ này cũng đã nảy sinh ra *đảng cộng hòa*, do đó đảng này ra đời là nhờ có cuộc đấu tranh ủng hộ Can-dắc. Sau khi mưu toan dùng bạo lực để biến Can-dắc thành *một lãnh thổ có chế độ nô lệ* thất bại, miền Nam lại tìm cách giành được kết quả ấy bằng những âm mưu chính trị. Chính phủ Biu-kê-nen cố gắng hết sức để bằng những biện pháp cưỡng bức ép Can-dắc gia nhập Hợp chúng quốc với tư cách là *một bang có chế độ chiếm hữu nô lệ*, sau khi áp đặt cho nó một bản hiến pháp chủ nô. Vì thế nảy sinh một cuộc đấu tranh mới, lần này chủ yếu diễn ra trong Quốc hội ở Oa-sinh-ton. Thậm chí ngay cả Đu-glát, lãnh tụ đảng dân chủ ở miền Bắc, giờ đây (trong những năm 1857 - 1858) đã kiên quyết phản đối chính phủ và chống lại những người đồng minh của mình ở miền Nam, bởi vì việc áp đặt hiến pháp chiếm hữu nô lệ là trái với nguyên tắc chủ quyền của những người di cư được ghi trong dự luật về Nê-bra-xơ năm 1854. Dĩ nhiên, Đu-glát, thượng nghị sĩ của bang I-li-noi ở vùng Tây - Bắc, có thể bị mất tất cả ảnh hưởng của mình, nếu như ông ta muốn thừa nhận cho miền Nam có quyền dùng vũ khí hoặc dùng sắc lệnh của Quốc hội để đoạt lấy những lãnh thổ mà miền Bắc đã di dân đến. Như vậy, cũng giống như cuộc đấu tranh ủng hộ Can-dắc làm cho *đảng cộng hòa* ra đời, thì cuộc đấu tranh ấy đồng thời cũng là nguyên nhân gây nên *sự chia rẽ đầu tiên trong nội bộ bản thân đảng dân chủ*.

Đảng cộng hòa đã đưa ra chương trình tranh cử đầu tiên của mình trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1856. Mặc dù ứng cử viên Giôn Phri-môn của đảng đó không thắng cử, nhưng số lượng phiếu bầu khá lớn mà ông ta thu được đã chứng minh hết sức rõ ràng sự lớn mạnh nhanh chóng của đảng, đặc biệt ở vùng Tây - Bắc. Tại Hội nghị quốc ước lần thứ hai của

mình trước cuộc bầu cử tổng thống (ngày 17 tháng Năm 1860) các đảng viên cộng hòa đã nhắc lại chương trình tranh cử năm 1856 của mình, chỉ bổ sung thêm một số điểm mà thôi. Nội dung chủ yếu của cương lĩnh đó như sau: không cho chế độ nô lệ phát triển ra thêm một tấc đất nào nữa; chính sách đối ngoại ăn cướp phải được chấm dứt; việc khôi phục nghề buôn bán nô lệ là đáng phỉ nhổ; cuối cùng, cần phải ban hành những điều luật về đất đai tự do để khuyến khích việc di dân tự do.

Điểm quan trọng nhất của chương trình tranh cử này là ở chỗ: không cho chế độ nô lệ phát triển ra một tấc đất nào ở những dải đất mới, - ngược lại, người ta định giới hạn chế độ nô lệ mãi mãi trong phạm vi của các bang mà chế độ ấy đã được pháp luật công nhận. Như vậy, dường như chế độ nô lệ đã bị phong tỏa, nhưng việc mở rộng không ngừng lãnh thổ và việc phổ biến chế độ nô lệ một cách liên tục ra ngoài ranh giới cũ của nó - đó chính là điều kiện tồn tại của các bang chiếm hữu nô lệ trong Liên bang.

Những sản phẩm xuất khẩu của miền Nam do bàn tay lao động của nô lệ làm ra như bông, thuốc lá, đường mía v.v.. chỉ có lãi trong trường hợp các sản phẩm đó được sản xuất bởi những tập đoàn rất đông nô lệ trên quy mô lớn và trên diện tích bao la của những mảnh đất vốn dĩ đã phì nhiêu và chỉ đòi hỏi lao động thô sơ mà thôi. Còn những cây trồng thâm canh phụ thuộc không chỉ vào độ phì nhiêu của đất đai, mà còn phụ thuộc nhiều hơn vào vốn đầu tư, vào hiểu biết và tính sáng tạo của người lao động, sẽ mâu thuẫn với chính ngay bản chất của chế độ nô lệ. Do đó các bang Mê-ri-len, Viéc-gi-ni-a là những bang trước đây sử dụng lao động nô lệ để sản xuất những hàng hóa xuất khẩu, đã nhanh chóng biến thành các bang nuôi nô lệ để sau đó xuất khẩu các nô lệ đó đến các vùng xa xôi ở miền Nam. Thậm chí ở Nam Ca-rô-lin, nơi mà nô lệ chiếm 4/7 dân số, cây bông trong nhiều năm hầu như không được phát triển do đất đai bị kiệt màu. Hơn

nữa, Nam Ca-rô-lin, do sức ép của hoàn cảnh, đã từng phân, biến thành bang chuyên nuôi nô lệ, bởi vì hàng năm bang này bán nô lệ cho các bang cực Nam và Tây Nam với số tiền đã là 4 triệu đô-la. Khi thời điểm này vừa xuất hiện, thì ngay lập tức việc chiếm đoạt những lãnh thổ mới trở thành một việc cần thiết, để có thể cấp cho một bộ phận các chủ nô cùng nô lệ của họ những vùng đất mới phì nhiêu màu mỡ, và tạo cho bộ phận khác, bộ phận còn lại trong số các chủ nô một thị trường mới để chăn nuôi nô lệ và do đó để bán nô lệ. Chẳng hạn, không còn nghi ngờ gì nữa, nếu như không sáp nhập các bang Lu-i-di-a-na, Mi-su-ri và Ác-can-da-xơ vào Hợp chúng quốc, thì có lẽ chế độ nô lệ ở các bang Viéc-gi-ni-a, Mê-ri-len đã biến mất từ lâu rồi. Một trong các thủ lĩnh ở miền Nam, thượng nghị sĩ Tum-bơ-xơ, đã nêu lên rất đạt tại hội nghị của phái ly khai diễn ra ở Mông-tơ-gô-mê-ri, một quy luật kinh tế đòi hỏi phải không ngừng mở rộng lãnh thổ của chế độ chiếm hữu nô lệ:

"Nếu như không mở rộng đáng kể lãnh thổ chiếm hữu nô lệ" - ông ta nói, - "thì chỉ 15 năm nữa sẽ phải cho phép nô lệ trốn khỏi những người da trắng, hoặc ngược lại, những người da trắng buộc phải bỏ chạy khỏi lũ nô lệ".

Việc đại diện cho từng bang trong nghị viện thường thường phụ thuộc, như mọi người đều biết, vào số dân tương ứng của các bang. Vì số dân của các bang tự do tăng nhanh hơn quá nhiều so với số dân trong các bang chiếm hữu nô lệ, cho nên số lượng dân biểu của miền Bắc chẳng bao lâu nữa sẽ vượt quá số dân biểu của miền Nam. Vì vậy nơi tập trung quyền lực chính trị thực sự của miền Nam ngày càng chuyển sang Thượng nghị viện Mỹ, ở đó mỗi một bang, không phụ thuộc vào số dân, đều có hai nghị sĩ. Do vậy, để củng cố ảnh hưởng của mình trong Thượng nghị viện và thông qua Thượng nghị viện mà củng cố bá quyền của mình trong Hợp chúng quốc, miền Nam buộc phải luôn luôn thành lập ra những bang mới có chế độ chiếm hữu nô lệ. Nhưng việc này chỉ có thể thực hiện được bằng cách chiếm đất đai của người khác,

như trường hợp bang Téch-dát, hoặc bằng cách biến các lãnh thổ thuộc Hợp chúng quốc đầu tiên thành các lãnh thổ chiếm hữu nô lệ, và sau đó thành các bang chiếm hữu nô lệ như trường hợp Mi-su-ri, Ác-can-da-xơ v.v.. *Giôn Can-hun*, người mà các chủ nô ca ngợi như là nhà hoạt động quốc gia par excellence^{1*} của mình, ngay từ ngày 19 tháng Hai 1847 đã tuyên bố ở Thượng nghị viện rằng "chỉ có Thượng nghị viện mới bảo đảm cho miền Nam sự cân bằng lực lượng, rằng cần phải mở rộng lãnh thổ có chế độ chiếm hữu nô lệ để duy trì sự cân bằng đó trong Thượng nghị viện giữa miền Bắc và miền Nam, và chính phủ này đang biện minh cho những mưu toan của miền Nam nhằm dùng con đường bạo lực để thành lập nên các bang chiếm hữu nô lệ mới.

Cuối cùng, số lượng chủ nô thực sự ở miền Nam của Liên bang không vượt quá con số 300 000 - đó là một nhóm trùn sỏ rất hẹp, đối lập với nó là nhiều triệu con người được gọi là "bọn khố rách da trắng" (poor whites), mà số lượng của họ không ngừng tăng lên do kết quả của sự tập trung sở hữu đất đai và tình cảnh của họ chỉ có thể so sánh được với tình cảnh của những người bình dân La Mã trong thời kỳ suy tàn cùng cực của chế độ La Mã. Chỉ bằng cách tìm ra được và với hy vọng tìm ra được những lãnh thổ mới, cũng như bằng những cuộc đột kích ăn cướp mới dung hoà được lợi ích của "bọn khố rách da trắng" đó với lợi ích của các chủ nô, mới có thể đem lại một phương hướng không nguy hiểm cho khát vọng khôn nguôi của họ và mới có thể quyến rũ họ bằng triển vọng là đến lúc nào đó bản thân họ có thể trở thành những ông chủ nô.

Như vậy, theo quy luật kinh tế, việc hạn chế chế độ nô lệ trong ranh giới lãnh thổ cũ của nó ắt phải làm cho chế độ nô lệ đó dần dần mất đi, phải thủ tiêu bá quyền chính trị mà các bang chiếm

1* - tuyệt vời

hữu nô lệ đang thực thi thông qua Thượng nghị viện, và cuối cùng, phải đẩy bọn trùn sỏ chiếm hữu nô lệ vào những nguy cơ đang đe dọa chúng trong chính các bang chiếm hữu nô lệ của chúng, do "những người khố rách da trắng" gây nên. Bằng nguyên tắc cơ bản của mình là: luật pháp nghiêm cấm mọi hành vi tiếp tục mở rộng các lãnh thổ chiếm hữu nô lệ, như vậy, những đảng viên cộng hòa đã chặt đứt ngay gốc rễ của sự thống trị của bọn chủ nô. Vì vậy, thắng lợi của đảng cộng hòa trong cuộc bầu cử sẽ phải dẫn đến cuộc đấu tranh công khai giữa miền Bắc và miền Nam. Tuy nhiên, bản thân thắng lợi đó, như trên đã chỉ ra, là do sự chia rẽ trong phe dân chủ quy định.

Cuộc đấu tranh vì Can-dắc đã gây ra sự chia rẽ giữa đảng ủng hộ chế độ chiếm hữu nô lệ và đồng minh của nó là những đảng viên dân chủ ở miền Bắc. Và cũng chính sự cạnh tranh đó lại bùng lên lần nữa hiện nay dưới một hình thức chung hơn trong thời gian vận động bầu cử tổng thống năm 1860. Các đảng viên đảng dân chủ ở miền Bắc, đứng đầu là ứng cử viên Đu-glát của mình, đã đặt việc áp dụng chế độ chiếm hữu nô lệ trong các lãnh thổ tùy thuộc vào ý nguyện của đa số dân di thực. Đảng của các chủ nô, đứng đầu là ứng cử viên Brê-kin-rít-giơ của nó, đã khẳng định rằng chế độ nô lệ bắt nguồn một cách hợp pháp từ Hiến pháp của Hợp chúng quốc như Tòa án tối cao cũng đã giải thích như vậy; chế độ nô lệ tự bản thân nó đã là hợp pháp trong tất cả các lãnh thổ và không cần có bất kỳ một sự nhập tịch đặc biệt nào. Do đó, trong khi các đảng viên cộng hòa ngăn cấm mọi sự mở rộng các lãnh thổ chiếm hữu nô lệ, thì đảng của dân miền Nam lại có tham vọng chiếm tất cả các lãnh thổ của nước cộng hòa, coi đó là những lãnh địa đã được pháp luật bảo đảm. Cái điều mà bọn chủ nô định làm thử với Can-dắc, đó là việc áp đặt chế độ nô lệ cho các lãnh thổ nhờ sự giúp đỡ của Chính phủ trung ương chống lại ý nguyện của bản thân những người di thực - thì giờ đây bọn chúng tuyên bố là hợp pháp đối với tất cả các lãnh thổ của Liên

bang. Các lãnh tụ của *đảng dân chủ* không thể nhượng bộ như vậy, bởi vì sự nhượng bộ đó chỉ có thể làm cho quân đội của họ đào ngũ sang phe cộng hòa mà thôi. Mặt khác, "chủ quyền của những người di thực" do Đu-glát đưa ra không thể làm cho đảng chủ nô thỏa mãn được. Cái điều mà đảng đó muốn giành được tất yếu phải được thực hiện trong bốn năm sắp tới dưới nhiệm kỳ tổng thống mới. Điều đó chỉ có thể thực hiện được bằng nguồn tài chính của Chính phủ trung ương và không cho phép trì hoãn thêm nữa. Một việc không lọt qua được mắt của bọn chủ nô là đã hình thành một lực lượng mới - chính là *miền Tây - Bắc*, dân cư của vùng này đã tăng lên gần gấp đôi trong thời gian từ năm 1850 đến năm 1860 và cũng đã xấp xỉ bằng số lượng người da trắng ở các bang chiếm hữu nô lệ. Lực lượng này, cả về mặt truyền thống, cả về mặt tính khí lẫn về mặt lối sống, đều không có khuynh hướng lệ từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác, giống như các bang Đông - Bắc cũ. Đối với miền Nam, Liên bang có giá trị chỉ trong chừng mực nó đem lại cho miền Nam quyền lực liên bang như là phương tiện để thực hiện các chính sách vì lợi ích của bọn chủ nô. Trong trường hợp ngược lại thì đối với nó cứ phá vỡ đi ngay bây giờ còn tốt hơn là ngắm nhìn trong suốt bốn năm nữa sự phát triển của đảng cộng hòa và sự vươn lên của vùng Tây - Bắc, để sau đó lại bắt đầu cuộc đấu tranh trong những điều kiện không thuận lợi. Như vậy, đảng chủ nô đang chơi ván bài thua được một keo! Khi các đảng viên dân chủ ở miền Bắc từ chối không muốn tiếp tục đóng vai trò "những người khố rách da trắng" của miền Nam nữa thì miền Nam đã đem lại chiến thắng cho Lin-côn do sự phân tán phiếu bầu và sau đó lại lợi dụng chiến thắng đó làm cái cớ để tuốt gươm ra.

Rõ ràng là, toàn bộ sự vận động đã và đang dựa trên *vấn đề chế độ nô lệ*. Không phải theo cái nghĩa: liệu nô lệ có ngay lập tức phải được giải phóng ở bên trong nội bộ các bang chiếm hữu nô lệ hiện có hay không, mà là ở chỗ: liệu 20 triệu dân tự do ở

miền Bắc có tiếp tục phải lệ thuộc vào bọn trùm sở 300 nghìn chủ nô hay không; liệu những lãnh thổ rộng lớn của nước cộng hòa có buộc phải làm cơ sở để lập ra những bang tự do hay là trở thành những vườn ươm của chế độ nô lệ hay không; cuối cùng, liệu chính sách dân tộc của Liên bang có phải coi phương châm hành động của mình là bằng cách dùng vũ lực mở rộng chế độ nô lệ sang Mê-hi-cô, Trung Mỹ và Nam Mỹ hay không.

Trong bài báo sau chúng ta sẽ xem xét ý kiến của giới báo chí Luân Đôn khẳng định rằng miền Bắc phải chào mừng sự ly khai như là một cách giải quyết xung đột thuận lợi nhất và duy nhất có thể có được.

*Do C.Mác viết ngày 20 tháng Mười 1861
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 293, ngày
25 tháng Mười 1861*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

NỘI CHIẾN Ở HỢP CHÚNG QUỐC

"Cứ mặc cho hấn bỏ chạy, hấn không đáng để nàng phải giận!" Lời khuyên đó của Lê-pô-pen-lô nói với người tình bị bỏ rơi của Đông Gioăng - được sự sáng suốt về chính trị của nước Anh lại một lần nữa đem hiến cho Bắc Mỹ - và cách đây không lâu lời khuyên đó lại vang lên từ miệng huân tước Giôn Rốt-xen. Nếu như miền Bắc cho phép miền Nam bỏ chạy, thì dường như nó sẽ thoát khỏi mọi sự ràng buộc với chế độ nô lệ, thoát khỏi cái tội tổ tông lịch sử của mình và nó sẽ tạo ra cơ sở cho sự phát triển mới và cao hơn.

Thật ra, nếu như miền Bắc và miền Nam là hai quốc gia độc lập, ví dụ như nước Anh và nước Han-nô-vơ, thì có lẽ việc tách rời miền Bắc Mỹ và miền Nam Mỹ sẽ không khó khăn hơn so với việc tách nước Anh khỏi nước Han-nô-vơ¹⁹¹. Tuy nhiên, "miền Nam" không phải là một vùng tách rời hẳn miền Bắc về mặt địa lý, và cũng không phải là một chính thể thống nhất về mặt tinh thần. Nói chung, đó không phải là một đất nước, là một khẩu hiệu chiến đấu.

Lời khuyên chia cắt giả định một cách ổn thỏa rằng Hiệp bang miền Nam, mặc dầu là phía tấn công trong cuộc nội chiến, nhưng chỉ tiến hành chiến tranh ít ra là nhằm mục đích tự vệ. Người ta cho rằng, đối với đảng chủ nô, vấn đề chỉ là ở chỗ liên kết những vùng mà từ trước đến nay đảng đó vẫn thống trị thành một nhóm

bang độc lập và tách chúng ra khỏi quyền lực tối cao của Liên bang. Không thể có một sự trình bày nào đối trá hơn nữa. "*Miền Nam cần phải có toàn bộ lãnh thổ của mình*". Miền Nam muốn có và cần phải có lãnh thổ". Đó là lời kêu gọi chiến đấu mà phái ly khai mang theo khi tấn công vào Kên-tắc-ki. Họ hiểu ngầm "toàn bộ lãnh thổ" miền Nam trước hết là tất cả cái gọi là *những bang biên giới* (border states) Đê-la-vê, Mê-ri-len, Viéc-gi-ni-a, Bắc Ca-rô-lin, Kên-tắc-ki, Tê-nê-xi, Mi-su-ri và Ác-can-da-xơ. Ngoài ra, họ còn có tham vọng đòi toàn bộ lãnh thổ phía nam giới tuyến kéo dài từ vùng Tây - Bắc của bang Mi-su-ri đến tận Thái Bình Dương. Do đó, cái mà bọn chủ nô gọi là "miền Nam" sẽ bao trùm hơn 3/4 đất đai trước đây của Liên bang. Phần lớn lãnh thổ mà họ đòi thuộc về mình hiện vẫn nằm trong tay Liên bang và trước hết phải được chiếm lại từ tay Liên bang. Về cái gọi là các bang biên giới, kể cả các bang hiện nằm trong tay Hiệp bang, thì chưa bao giờ các bang đó là *các bang chiếm hữu nô lệ chính cống*. Nói cho đúng hơn thì các bang đó là vùng đất đai của Hợp chúng quốc mà ở đó chế độ chiếm hữu nô lệ và chế độ lao động tự do cùng tồn tại bên cạnh nhau và đấu tranh với nhau để giành quyền thống trị và các bang đó là bãi chiến trường thực sự giữa miền Bắc và miền Nam, giữa chế độ nô lệ với sự tự do. Do đó, cuộc chiến tranh mà Hiệp bang miền Nam tiến hành không phải là cuộc chiến tranh tự vệ, mà là một cuộc chiến tranh xâm lược, một cuộc chiến tranh nhằm mở rộng và kéo dài vĩnh viễn chế độ nô lệ.

Dãy núi bắt đầu từ A-la-ba-ma và kéo dài lên phía bắc cho tới dòng sông Gút-dôn hình thành nên cái tựa hồ như xương sống của Hợp chúng quốc và chia cắt cái gọi là miền Nam thành ba phần. Phần đồi núi gồm dãy An-lê-gan với hai dãy núi song song với nhau - đó là dãy núi thấp Cam-béc-len ở phía tây và dãy Thanh Thiên ở phía đông - giống như chiếc nêm ngăn cách miền hạ lưu bờ biển phía tây Đại Tây Dương với miền hạ lưu của bình nguyên phía nam sông Mít-xi-xi-pi. Cả hai miền hạ lưu bị ngăn cách bởi

vùng núi cao đổ với những ruộng lúa nước bao la và những đồn điền bông bát ngát đang là một vùng đất nô lệ thực sự. Cái nệm bằng dây núi kéo dài ăn sâu vào chính trái tim của lãnh thổ chiếm hữu nô lệ và có một bầu không khí đầy sức sống, có khí hậu trong lành, đất đai giàu than đá, muối mỏ, đá vôi, quặng sắt, vàng, tóm lại, nó có đủ các loại nguyên liệu cần thiết để phát triển công nghiệp một cách toàn diện - hiện giờ phần lớn đã là một đất nước tự do. Theo các thuộc tính vật lý thì vùng đất ở đây chỉ có thể được canh tác một cách có kết quả nhờ bàn tay của những người nông dân cá thể tự do. Chế độ chiếm hữu nô lệ chỉ thỉnh thoảng xuất hiện lay lắt ở đây và chưa bao giờ cắm rễ sâu cả. Ở phần lớn các bang gọi là bang biên giới, trong số dân cư vùng núi này có hạt nhân của dân tự do mà vì lợi ích tự vệ họ thường đứng về phía miền Bắc.

Chúng ta hãy xem xét từng phần của vùng đất tranh chấp.

Đê-la-vê, là bang miền cực Đông - Bắc thuộc số các bang biên giới, trên thực tế và về mặt tinh thần, thuộc về Liên bang. Mọi mưu toan của phe ly khai nhằm thành lập tại đây dù chỉ là một chi đảng thân thiện với họ - đã không thành công ngay từ khi mới bắt đầu chiến tranh do sự đồng tâm nhất trí của dân chúng. Số lượng nô lệ trong bang này từ lâu đã giảm dần trong quá trình chết dần chết mòn. Chỉ riêng thời kỳ từ năm 1850 đến năm 1860 số lượng nô lệ đã giảm đi một nửa, vì vậy tổng số dân của Đê-la-vê hiện nay là 112 218 người, còn số nô lệ chỉ có 1 798 người. Mặc dù như vậy, Hiệp bang miền Nam vẫn đòi hỏi chuyển giao Đê-la-vê cho mình, và về mặt quân sự miền Bắc thực sự không thể giữ được nó một khi miền Nam chiếm được Mê-ri-len.

Cuộc xung đột vừa nêu trên giữa vùng núi cao và vùng bình nguyên đang diễn ra ngay ở Mê-ri-len. Với tổng số dân 687 034 người, ở đây hiện có 87 188 nô lệ. Tuyệt đại đa số dân ở đây đi theo Liên bang - điều này một lần nữa được chứng minh một cách

chắc chắn bằng những cuộc tổng tuyển cử cách đây không lâu vào Quốc hội Oa-sinh-tơn. Đội quân 30 nghìn người của Liên bang hiện đang chiếm đóng Mê-ri-len không những phải là một đội quân dự trữ chiến lược ở Pô-tô-mác, mà đặc biệt còn phải bắt bọn chủ nô nổi loạn chịu phục tùng ở các vùng bên trong đất nước. Ở đây cũng xảy ra một hiện tượng giống như ở các bang biên giới khác, tại đó phần lớn dân chúng đứng về phía miền Bắc, còn đảng chủ nô nhỏ bé về số lượng thì đứng về phía miền Nam. Đảng chủ nô bù đắp sự ít ỏi về số lượng của mình bằng những thủ đoạn quyền lực mà đảng đó có được nhờ đã nhiều năm nắm độc quyền tất cả các chức vụ nhà nước, nhờ những mưu mô chính trị xảo quyệt và nhờ sự tập trung những tài sản to lớn trong tay một số ít người suốt từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Viéc-gi-ni-a trong thời điểm này là một trại lính khổng lồ, trong đó đội quân chủ yếu của phái ly khai và đội quân chủ yếu của Liên bang đang đứng đối diện với nhau. Ở những vùng núi Tây - Bắc Viéc-gi-ni-a số lượng nô lệ là 15 000, trong khi đó số lượng dân tự do nhiều hơn số nô lệ 20 lần, gồm chủ yếu là nông dân tự do. Ngược lại, bình nguyên phía Đông Viéc-gi-ni-a có gần nửa triệu nô lệ. Việc nuôi và bán nô lệ da đen ở các bang miền Nam là nguồn thu nhập chủ yếu của miền bình nguyên này. Khi bọn thủ mưu nổi loạn ở bình nguyên này dùng mưu mô để thông qua đạo luật về ly khai tại Hội đồng lập pháp của bang ở Rích-mơn và vội vã mở rộng cửa Viéc-gi-ni-a cho quân đội miền Nam vào, thì vùng Tây - Bắc Viéc-gi-ni-a đã đoạn tuyệt với phái ly khai, lập ra một bang mới và giờ đây dưới ngọn cờ của Liên bang, miền Tây - Bắc Viéc-gi-ni-a với vũ khí trong tay đang bảo vệ lãnh thổ của mình chống lại sự xâm nhập của miền Nam.

Tên-nê-xi với số dân 1 109 847 người, có 275 784 nô lệ, nằm trong tay Hiệp bang miền Nam - kẻ đã buộc cả nước phải chịu tình trạng thiết quân luật và chế độ đặt ra ngoài vòng pháp luật,

giống như thời tam hùng La Mã. Mùa đông năm 1861, khi các chủ nô đề nghị triệu tập Hội nghị đại biểu nhân dân toàn bang để bằng cách nào đó giải quyết xong vấn đề ly khai, thì đại đa số nhân dân đã bác bỏ bất kỳ việc triệu tập Hội nghị đại biểu nhân dân toàn bang nào để bằng cách đó thủ tiêu mọi lý do của phong trào ly khai. Sau đó, khi Tên-nê-xi bị quân đội Hiệp bang miền Nam chiếm đóng và khi ở đó đã thiết lập hệ thống khủng bố, thì vẫn có hơn 1/3 phiếu bầu trong các cuộc bầu cử đã ủng hộ Liên bang. Trung tâm đối kháng thực sự chống lại đảng chủ nô ở đây, - cũng giống như ở đại bộ phận các bang biên giới, - là vùng núi - *Đông Tên-nê-xi*. Ngày 17 tháng Sáu 1861 ở Grin-vin đã nhóm họp Hội nghị đại biểu nhân dân toàn bang của Đông Tên-nê-xi, hội nghị này phải lên tiếng ủng hộ liên bang cử En-đriu Giôn-xơn, cựu thống đốc bang - một trong những người hết sức trung thành với Liên bang - đến Thượng nghị viện Oa-sinh-tơn và công bố "declaration of grievances" - bản khiếu nại vạch trần mọi thủ đoạn dối trá, âm mưu, đe dọa khiến cho Tên-nê-xi "buộc lòng" bỏ phiếu rời ["hinausvotiert"] khỏi Liên bang. Từ thời gian đó, phái ly khai đã dùng sức mạnh của vũ khí bắt Đông Tên-nê-xi phải phục tùng.

Tình hình tương tự như ở Tây Viéc-gi-ni-a và Đông Tên-nê-xi, chúng ta có thể gặp ở Bắc A-la-ba-ma, Tây - Bắc Gioóc-gi-a và ở miền Bắc của Bắc Ca-rô-lin.

Xa hơn về phía tây, ở bang biên giới *Mi-su-ri*, nơi có 1 173 317 dân với 114 965 nô lệ - phần đông số nô lệ này được tập trung ở vùng Tây - Bắc của bang. Hội nghị đại biểu nhân dân toàn bang của bang vào tháng Tám 1861 đã lên tiếng ủng hộ Liên bang. Giécch-xơn, thống đốc bang và là công cụ nằm trong tay đảng chủ nô, đã chống lại Hội đồng lập pháp Mi-su-ri và đã bị tuyên bố đứng ngoài pháp luật, sau đó ông ta lãnh đạo một lũ phỉ vũ trang tấn công vào Mi-su-ri từ các hướng Téch-dát, Ác-can-da-xơ và

Tên-nê-xi để bắt Mi-su-ri phải quỳ gối trước Hiệp bang và dùng gươm súng cắt đứt những sợi dây liên hệ giữa Mi-su-ri với Liên bang. Trong thời điểm này, Mi-su-ri cùng với Viéc-gi-ni-a đang là chiến trường chủ yếu của cuộc nội chiến.

Tân Mê-hi-cô không phải là một bang mà chỉ là một lãnh thổ, ở đó trong thời tổng thống Biu-kê-nen người ta chỉ đưa đến có 25 nô lệ để sau đó người ta gửi tiếp hiến pháp chiếm hữu nô lệ tới từ Oa-sinh-tơn. Tân Mê-hi-cô, như ngay cả miền Nam cũng thừa nhận, hoàn toàn không muốn liên kết với miền Nam. Nhưng miền Nam tìm cách chiếm Tân Mê-hi-cô và do vậy đã ném một lũ phiêu lưu có vũ trang từ *Téch-dát* vượt qua biên giới. Tân Mê-hi-cô đã kêu gọi Chính phủ Liên bang đến bảo vệ chống lại "những người giải phóng" ấy.

Độc giả có lẽ đã nhận thấy rằng chúng tôi đặc biệt chú ý đến tương quan về mặt số lượng giữa nô lệ và dân tự do trong từng bang biên giới. Và thực sự, tương quan ấy là quyết định. Đó là cái nhiệt kế dùng để đo sức sống của toàn bộ hệ thống chiếm hữu nô lệ. Linh hồn của toàn bộ phong trào ly khai là bang *Nam Ca-rô-lin*. Bang này có 402 541 nô lệ so với 301 271 dân tự do. Sau đó là bang *Mít-xi-xi-pi*, bang này đem lại cho Hiệp bang miền Nam nhà độc tài Giép-phéc-xơn Đê-vít. Bang này có 436 696 nô lệ so với 354 699 dân tự do. Thứ ba là bang *A-la-ba-ma* có số nô lệ là 435 132 so với 529 164 dân tự do.

Bang biên giới tranh chấp cuối cùng mà chúng ta còn phải xem xét, đó là bang *Kên-tắc-ki*. Lịch sử gần đây của bang này là hết sức đặc trưng đối với chính sách của Hiệp bang miền Nam. Kên-tắc-ki có số dân là 1 135 713 và số nô lệ là 225 490 người. Trong suốt thời kỳ ba cuộc bầu cử toàn dân liên tiếp - mùa đông năm 1861 bầu đại biểu cho nghị viện các bang biên giới, tháng Sáu 1861 bầu cử Quốc hội Oa-sinh-tơn, và tháng Tám 1861 bầu cử đại biểu vào hội đồng lập pháp của bang Kên-tắc-ki - đa số ngày càng

tăng đã ủng hộ Liên bang. Nhưng thống đốc bang Kên-tắc-ki là Ma-gô-phin cùng tất cả những quan chức cao cấp nhất của bang đều là những kẻ ủng hộ cuồng nhiệt cho đảng chủ nô, giống như Brê-kin-rít-giơ, đại diện của bang Kên-tắc-ki tại Thượng nghị viện Oa-sinh-tơn, phó tổng thống Hợp chúng quốc dưới thời Biu-kê-nen và là ứng cử viên của đảng chủ nô trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1860. Ảnh hưởng của đảng chủ nô quá yếu để có thể bắt bang Kên-tắc-ki ngả về phía ly khai, nhưng lại đủ mạnh để bắt bang này phải tuyên bố trung lập trong thời kỳ đầu chiến tranh. Hiệp bang miền Nam thừa nhận sự trung lập đó chừng nào sự trung lập đó còn phục vụ cho mục đích của nó và chừng nào nó vẫn còn bận tập trung vào việc trấn áp sự chống đối của Đông Tên-nê-xi. Một khi mục tiêu ấy đã đạt được, thì nó gõ ngay báng súng vào cửa ngõ Kên-tắc-ki và hô lớn: "*Miền Nam cần có toàn bộ lãnh thổ của mình. Nó muốn có và cần phải có lãnh thổ đó!*".

Lũ cướp của Hiệp bang ừa vào bang "trung lập" cùng một lúc từ phía tây - nam và đông - nam. Kên-tắc-ki đã tỉnh giấc mơ trung lập, Hội đồng lập pháp của bang đã công khai đứng về phía Liên bang, giao tên thống đốc bội phản cho uỷ ban an ninh công cộng quản thúc, kêu gọi nhân dân cầm vũ khí, đặt Brê-kin-rít-giơ ra ngoài vòng pháp luật và ra lệnh cho phái ly khai phải rút khỏi lãnh thổ mới xâm chiếm. Đó là báo hiệu của chiến tranh. Quân đội của Hiệp bang miền Nam tiến đến Lu-i-xvin-lơ, trong khi đó quân tình nguyện từ I-li-noi, In-di-a-na và Ô-hai-ô tiến đến Kên-tắc-ki để cứu Kên-tắc-ki khỏi bàn tay của lũ truyền bá tư tưởng chiếm hữu nô lệ được vũ trang đầy đủ.

Những mưu đồ của Hiệp bang muốn sáp nhập, chẳng hạn, các bang Kên-tắc-ki và Mi-su-ri trái với ý nguyện của các bang đó đang chứng minh sự vô lý của cái lý do cho rằng dường như Hiệp bang đang đấu tranh vì quyền của các bang riêng biệt chống lại sự xâm phạm của Liên bang đối với các quyền đó. Tuy nhiên hiệp bang chỉ thừa nhận cho các bang riêng biệt mà nó xếp vào "miền

Nam" có quyền tách khỏi Liên bang, chứ hoàn toàn không thừa nhận cho các bang đó quyền được ở lại Liên bang. Thậm chí các bang chiếm hữu nô lệ chính cống cũng không thoát khỏi những yếu tố chống đối, mặc dù chiến tranh ở bên ngoài, chuyên chế quân sự ở bên trong và chế độ nô lệ ở khắp nơi trong thời điểm này đang đem lại cho các bang đó vẻ ngoài của một sự hài hoà. Một ví dụ nổi bật là bang *Tếch-dát*, nơi có 180 388 nô lệ so với 601 309 dân. Đạo luật năm 1845 mà nhờ đó bang Tếch-dát gia nhập vào Hợp chúng quốc với tư cách là một bang chiếm hữu nô lệ - đã đem lại cho bang Tếch-dát này quyền thành lập trên cái lãnh thổ ấy không phải là một bang, mà là hẳn cả năm bang. Như vậy miền Nam ắt có 10 đại diện trong Thượng nghị viện Mỹ chứ không phải là hai, và chính việc tăng số phiếu bầu trong Thượng nghị viện là mục tiêu chủ yếu của chính sách khi đó của miền Nam. Tuy nhiên, trong những năm 1845 - 1860 các chủ nô không cho rằng có thể phân chia được bang Tếch-dát, nơi mà dân Đức đóng vai trò to lớn, cho dù chỉ phân thành hai bang để không đem lại ưu thế cho đảng lao động tự do so với đảng chủ nô ở bang thứ hai. Đó là chúng có hết sức hiển nhiên chỉ rõ sự chống đối lại nhóm trùu sỏ chủ nô ở ngay bang Tếch-dát mạnh mẽ đến mức nào.

Gioóc-gi-a là bang lớn nhất và đông dân cư nhất trong số các bang chiếm hữu nô lệ. Với tổng số dân là 1 057 327 người ở đây có 462 230 nô lệ, số nô lệ chiếm gần một nửa tổng số dân. Mặc dù vậy, đảng chủ nô cho đến giờ cũng không phê chuẩn được ở Gioóc-gi-a, bằng con đường trưng cầu ý dân, một bản hiến pháp sinh ra ở Mông-tơ-gô-mê-ri để áp đặt cho miền Nam.

Tại phiên họp của Hội nghị đại biểu nhân dân toàn bang của bang *Lu-i-di-a-na* ngày 21 tháng Ba 1861 ở Tân Oóc-lê-ăng, chính khách kỳ cựu của bang là Râu-dơ-li-ốt đã tuyên bố:

"Hiến pháp Mông-tơ-gô-mê-ri - đó không phải là hiến pháp, mà là một âm mưu. Nó không thiết lập chính phủ của nhân dân mà chỉ thiết lập *một nhóm đầu sỏ đáng*

căm thù và không bị hạn chế. Nhân dân không được phép tham gia vào việc này. Hội nghị đại biểu nhân dân toàn bang ở Mông-tơ-gô-mê-ri đã đào mồ cho nền tự do chính trị, và giờ đây người ta triệu tập chúng ta đến để dự đám tang nền tự do đó".

Tên thực tế, nhóm đầu sỏ của 300 000 chủ nô đã sử dụng hội nghị đại biểu nhân dân toàn bang ở Mông-tơ-gô-mê-ri không chỉ nhằm mục đích tuyên bố miền Nam tách khỏi miền Bắc. Bọn chúng sử dụng nghị viện ấy còn để thay đổi cơ cấu bên trong của các bang chiếm hữu nô lệ và để bắt cái bộ phận dân da trắng còn giữ được chút ít tư tưởng độc lập tự chủ dưới sự bảo vệ của hiến pháp dân chủ của Liên bang - phải phục tùng hoàn toàn. Ngay trong thời kỳ từ năm 1856 đến năm 1860 các lãnh tụ chính trị, các luật gia, các nhà luân lý các thần học thuộc đảng chủ nô đã ra sức không chỉ chứng minh tính chất hợp pháp của việc chiếm hữu nô lệ da đen, mà chủ yếu là chứng minh rằng màu da không có ý nghĩa đối với bản chất của sự việc và các giai cấp lao động ở mọi nơi đều được tạo ra cho chế độ nô lệ.

Như vậy, chúng ta nhận thấy rằng cuộc chiến tranh mà Hiệp bang miền Nam tiến hành theo nghĩa đầy đủ của từ đó là một cuộc chiến tranh xâm lược nhằm mở rộng và kéo dài vĩnh viễn chế độ nô lệ. Phần lớn các bang và các lãnh thổ biên giới hiện giờ vẫn nằm trong tay Liên bang. Các bang và các lãnh thổ này đứng về phía Liên bang, đầu tiên là bằng cách thể hiện ý dân trong các cuộc bầu cử, và về sau là cả bằng vũ khí trong tay. Hiệp bang liệt các bang và lãnh thổ đó vào "*miền Nam*" và tìm cách giật lại các bang đó từ tay Liên bang. Trong các bang biên giới mà Hiệp bang tạm thời đã chiếm được, thì nó bắt các vùng núi tương đối tự do phải quy phục bằng cách áp dụng lệnh giới nghiêm. Còn về các bang chiếm hữu nô lệ chính cống thì cả ở đó Hiệp bang cũng đẩy bật nền dân chủ trước kia đi và thay thế nền dân chủ ấy bằng chế độ đầu sỏ không bị hạn chế của 300 000 chủ nô.

Sau khi từ bỏ những kế hoạch xâm chiếm của mình, Hiệp bang miền Nam dường như thừa nhận sự thiếu sức sống của mình và

dường như từ bỏ mục đích ly khai. Thế mà ly khai cứ diễn ra chỉ là do trong khuôn khổ của Liên bang khả năng biến các bang và các lãnh thổ biên giới thành các bang chiếm hữu nô lệ hình như không còn nữa. Mặt khác, sau khi đã nhường lại một cách hòa bình cho Hiệp bang miền Nam các vùng tranh chấp, miền Bắc dường như đã trao cho nước cộng hòa chiếm hữu nô lệ hơn 3/4 toàn bộ lãnh thổ của Hợp chúng quốc. Miền Bắc dường như mất hoàn toàn vùng ven vịnh Mê-hi-cô và ven biển Đại Tây Dương, trừ một dải đất nhỏ từ vịnh Pê-nốp-xcốt đến vịnh Đê-la-vê, mà chính miền Bắc dường như tự tách mình khỏi Thái Bình Dương. Các bang Mi-su-ri, Can-dắc, Tân Mê-hi-cô, Ác-can-da-xơ và Tếch-dát dường như sẽ theo sau bang Ca-li-phoóc-ni-a¹⁹². Các bang nông nghiệp bao la nằm trong lòng chảo giữa dãy núi Xca-lít và An-lê-gan, trong lưu vực các sông Mít-xi-xi-pi, Mi-su-ri và Ô-hai-ô không có khả năng giành giật được của sông Mít-xi-xi-pi khỏi tay nước cộng hòa chiếm hữu nô lệ hùng mạnh và thù địch ở miền Nam, dường như do lợi ích kinh tế của mình buộc phải tách khỏi miền Bắc và sáp nhập vào Hiệp bang miền Nam. Những bang Tây - Bắc đó đến lượt mình dường như đã lúi cuồn vào cơn lốc ly khai tất cả những bang miền Bắc khác trải dài cho đến miền Đông, có lẽ chỉ trừ các bang của vùng Niu In-glân¹⁹³.

Như vậy, trên thực tế dường như Liên bang không bị suy sụp, mà chỉ có *sự cải tổ* nó mà thôi, *một sự cải tổ trên cơ sở chế độ nô lệ* dưới sự kiểm soát được thừa nhận của nhóm đầu sỏ chủ nô. Kế hoạch cải tổ đó đã được các diễn giả chủ yếu của miền Nam tuyên bố công khai tại nghị viện ở Mông-tơ-gô-mê-ri và được nêu trong một điều khoản của hiến pháp mới, cho phép bất cứ một bang nào của cái Liên bang trước kia đều có quyền tự do sáp nhập vào Hiệp bang mới. Chế độ chiếm hữu nô lệ dường như làm ô nhiễm toàn bộ Liên bang. Ở các bang miền Bắc, nơi mà chế độ nô lệ da đen trên thực tế không thể thực hiện được, giai cấp công

nhân da trắng dường như bị hạ thấp dần đến mức như các I-lô-tô¹⁹⁴. Điều đó dường như hoàn toàn phù hợp với một nguyên tắc được công bố công khai là chỉ có một số chủng tộc nhất định mới có thể sử dụng quyền tự do, và nếu như ở miền Nam lao động nặng nhọc nhất là số phận của những người da đen, thì ở miền Bắc lao động nặng nhọc đó lại là số phận của những người Đức và người Ai-rơ-len hoặc con cháu trực tiếp của họ.

Do đó, cuộc đấu tranh hiện nay giữa miền Nam và miền Bắc không phải là cái gì khác mà là cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội - hệ thống chiếm hữu nô lệ và hệ thống lao động tự do. Cuộc đấu tranh này bùng nổ là do cả hai hệ thống đó không thể cùng tồn tại hòa bình bên nhau lâu hơn nữa trên lục địa Bắc Mỹ. Cuộc đấu tranh đó chỉ có thể được kết thúc bằng thắng lợi của một trong hai hệ thống đó.

Nếu như các bang biên giới, các vùng tranh chấp đó - nơi mà cả hai hệ thống cho đến nay vẫn đang đấu tranh giành quyền thống trị - là chiếc gai trên thân thể của miền Nam, thì, mặt khác, cũng không thể không thừa nhận rằng những vùng đất đó trong thời kỳ chiến tranh vừa qua đã là điểm yếu nhất của miền Bắc. Một bộ phận các chủ nô của các khu vực này theo mệnh lệnh của bọn mưu bạo loạn miền Nam đã biểu thị sự trung thành giả dối với miền Bắc; một bộ phận khác thực sự cho rằng, theo đúng lợi ích thực tế và quan niệm truyền thống của họ, họ cần phải đứng về phía Liên bang. Cả hai bộ phận đó đều làm tê liệt miền Bắc ở mức độ như nhau. Nỗi lo làm sao giữ được cảm tình của các chủ nô "trung thành" trong các bang biên giới, nỗi sợ ném họ vào vòng tay của phái ly khai - tóm lại, sự quan tâm đầy cảm kích đối với những lợi ích, thiên kiến và tình cảm của những đồng minh đáng nghi ngờ đó ngay từ đầu chiến tranh - đã làm suy yếu rất nhiều Chính phủ Liên bang, đã đẩy chính phủ đó tới những biện pháp nửa vời, đã buộc nó phải che giấu nguyên tắc của chiến

tranh và nường nhẹ chỗ yếu nhất của kẻ thù, gốc rễ của sự độc ác - đó là *bản thân chế độ nô lệ*.

Nếu như cách đây không lâu Lin-côn còn phải nhận một cách đốn hèn bản tuyên bố Mi-su-ri của Phri-môn về việc giải phóng những người nô lệ thuộc về bọn nổi loạn¹⁹⁵, thì điều đó diễn ra chỉ do sợ hãi trước sự phản đối âm ỉ của các chủ nô "trung thành" ở Kên-tắc-ki. Tuy nhiên, bước ngoặt đã tới. Kên-tắc-ki là bang cuối cùng trong số các bang biên giới đã bị lôi kéo vào cuộc đấu tranh giữa miền Bắc và miền Nam. Từ khi bắt đầu cuộc chiến tranh vì các bang biên giới, ở ngay các bang ấy kết cục của cuộc đấu tranh đó sẽ không phụ thuộc vào các cuộc thương thuyết ngoại giao và các cuộc hội đàm ở nghị viện. Một bộ phận các chủ nô đang vứt bỏ cái mặt nạ trung thành bề ngoài, một bộ phận các chủ nô khác lại hân hoan về triển vọng ban thưởng tiền giống như nước Anh đã trả cho các chủ đồn điền ở Tây Ấn¹⁹⁶. Bản thân các sự kiện đã bắt phải tuyên bố một khẩu hiệu có tính chất quyết định - đó là *giải phóng nô lệ*.

Một số lời tuyên bố gần đây đã chứng minh được rằng thậm chí cả những nhà hoạt động ngang ngạnh nhất của đảng dân chủ và các nhà ngoại giao của miền Bắc bất chấp ý nguyện của mình đều đi đến một kết luận như vậy. Tướng Ca-xơ, bộ trưởng chiến tranh dưới thời Biu-kê-nen và cho đến bây giờ vẫn là một trong những người ủng hộ nhiệt tình đứng về phía miền Nam, trong một bức thông điệp công khai đã tuyên bố việc giải phóng nô lệ là *conditio sine qua non*^{1*} để cứu Liên bang. Tiến sĩ Brao-nơ-xơn, lãnh tụ đảng Thiên chúa giáo của miền Bắc, theo sự thừa nhận của chính ông ta, là một đối thủ kiên quyết nhất của phong trào bãi nô từ năm 1836 đến năm 1860 đã công bố trong tháng mười trên số báo "Bình luận"¹⁹⁷ mới nhất của mình một bài *ủng hộ* việc giải phóng nô lệ.

1* - một điều kiện cần thiết

"Tựu trung ông ta nói", - "nếu như cho đến bây giờ chúng ta đã đấu tranh chống lại việc giải phóng nô lệ, cho rằng việc đó nguy hiểm cho Liên bang, thì giờ đây chúng ta cần phải kiên quyết hơn nữa chống lại việc duy trì chế độ nô lệ, khi mà chúng ta đã tin chắc rằng việc chế độ nô lệ tiếp tục tồn tại là không tương dung được với việc duy trì Liên bang hoặc dân tộc chúng ta với tư cách là một nước cộng hòa tự do".

Cuối cùng, "World"¹⁹⁸, một cơ quan ở Niu Oóc của những nhà ngoại giao thuộc Nội các Oa-sinh-ton đã kết thúc một trong những bài báo rất kêu của mình chống lại phái bài nô bằng những câu sau đây:

"Vào cái ngày mà người ta quyết định: cái gì sẽ phải chết - chế độ nô lệ hay là Liên bang, vào ngày đó người ta sẽ tuyên bố tử hình chế độ nô lệ. Nếu như miền Bắc không thể chiến thắng *mà không* có sự giải phóng, thì nó sẽ chiến thắng *nhờ sự giải phóng*".

Do C.Mác viết cuối tháng Mười 1861

*Đã đăng trên báo "Die Presse" số 306, ngày
7 tháng Mười một 1861*

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

KHỦNG HOẢNG Ở ANH

Ngày nay, cũng giống như 15 năm trước đây, nước Anh đang đứng trước một tai họa đe dọa phá vỡ cơ sở của toàn bộ hệ thống kinh tế của nước Anh. *Khoai tây*, như mọi người đều biết, là thực phẩm duy nhất cho Ai-rơ-len và đại bộ phận nhân dân lao động nước Anh, trong khi đó bệnh khoai tây thối năm 1845 và 1846 đã làm thiệt hại cho nguồn sống của người dân Ai-rơ-len. Hậu quả của hiểm họa đó quá rõ ràng. Số dân Ai-rơ-len giảm bớt mất hai triệu, trong đó một phần chết vì đói, một phần chạy sang bên kia Đại Tây Dương. Đồng thời thảm họa khủng khiếp đó đã tạo điều kiện cho đảng của những người thuộc phái mậu dịch tự do thắng lợi ở nước Anh; giới quý tộc ruộng đất Anh đã buộc phải hy sinh một trong những độc quyền có lợi nhất của mình, còn việc xóa bỏ các đạo luật về ngũ cốc đã đảm bảo một cơ sở rộng rãi và lành mạnh hơn cho việc tái sản xuất và nuôi sống hàng triệu người lao động.

Khoai tây đối với nền nông nghiệp của Ai-rơ-len cũng giống như *bông* đối với ngành công nghiệp quan trọng nhất của nước Anh. Sự tồn tại của khối dân chúng vượt quá tổng số dân Xcốt-len hoặc vượt quá hai phần ba tổng số dân Ai-rơ-len hiện nay - đang tùy thuộc vào việc chế biến khoai tây. Theo số liệu điều tra dân

số năm 1861, dân cư Xcốt-len là 3 061 117 người, còn dân cư của Ai-rơ-len chỉ có 5 764 543 người, trong khi đó hơn 4 triệu người Anh và Xcốt-len trực tiếp hoặc gián tiếp có được các phương tiện sống nhờ vào ngành công nghiệp vải sợi. Thực ra, cây bông không bị bệnh gì hết. Việc sản xuất bông cũng không phải là độc quyền của một vùng riêng biệt trên trái đất này. Ngược lại, không một loại cây trồng nào cung cấp vải vóc để may mặc lại có diện tích gieo trồng bao la bát ngát ở châu Mỹ, châu Á, và châu Phi như cây bông. Sự độc quyền bông của các bang chiếm hữu nô lệ thuộc Liên bang Mỹ không phải là một độc quyền tự nhiên, mà là một độc quyền được hình thành về mặt lịch sử. Sự độc quyền này phát sinh và phát triển đồng thời với sự độc quyền của ngành công nghiệp vải sợi của Anh trên thị trường thế giới. Năm 1793, chẳng bao lâu sau thời kỳ có các phát minh vĩ đại về cơ học ở Anh, I-lai-Uýt-ni, một cố đạo ở Con-néc-ti-cút đã sáng chế ra cotton-gin, đó là một chiếc máy làm sạch bông, chiếc máy này tách được hạt bông ra khỏi sợi bông. Trước khi có phát minh đó, với điều kiện lao động hết sức căng thẳng trong suốt một ngày một người da đen hầu như chỉ tách được 1 pao bông sợi ra khỏi hạt. Sau khi sáng chế ra cotton-gin, một người đàn bà da đen già trong một ngày cũng có thể dễ dàng tách được 50 pao bông sợi ra khỏi hạt, và sau đó những cải tiến dần dần đã nâng cao gấp đôi năng suất của máy. Những xiềng xích đè nặng lên việc trồng trọt cây bông ở Hợp chúng quốc giờ đây đã bị đập tan. Trong khi phát triển kẻ vai sát cánh với ngành công nghiệp vải sợi của Anh, ngành trồng bông đã lớn lên thành một cường quốc buôn bán. Trong quá trình phát triển đó, rõ ràng, nước Anh đôi khi cũng hoảng sợ sự độc quyền bông của Mỹ như hoảng sợ trước một bóng ma dữ tợn. Cái thời điểm đó đã đến, thí dụ, khi ở các thuộc địa của Anh người ta tiến hành trả tự do cho các nô lệ da đen đã được mua với số tiền là 20 000 000 pao xtéc-linh. Người ta cho là nguy hiểm nếu

nền công nghiệp của Lan-kê-sia và Y-oóc-sia dựa trên sự chuyên chế của cây gậy chiếm hữu nô lệ ở Gioóc-gi-a và A-la-ba-ma, trong khi nhân dân Anh đã phải chịu những hy sinh to lớn đến như vậy để thủ tiêu chế độ nô lệ trên các thuộc địa của mình. Nhưng lòng bác ái không làm nên lịch sử, đặc biệt là lịch sử của việc buôn bán. Những sự lo lắng như vậy đều nảy sinh mỗi khi ở Hợp chúng quốc xảy ra mất mùa bông và mỗi khi bọn chủ nô lợi dụng hiện tượng thiên tai đó để nâng giá bông một cách giả tạo bằng thủ đoạn mảnh lỏi hơn nữa. Các ông chủ của các nhà máy sợi và nhà máy dệt của Anh khi đó đe dọa sẽ nổi dậy chống lại "vua bông". Người ta đưa ra nhiều dự án khác nhau tiếp nhận bông từ các nguồn châu Á và châu Phi. Điều đó đã xảy ra, chẳng hạn như năm 1850. Nhưng những vụ mùa bông bội thu tiếp sau đó ở Hợp chúng quốc đã hoàn toàn dẹp yên những cơn bột phát giải phóng kiểu như vậy. Còn trong những năm gần đây thì sự độc quyền bông của Mỹ đã đạt được những quy mô hầu như chưa từng thấy trước đây, một phần là do có luật tự do mậu dịch, xóa bỏ thuế chênh lệch mà từ trước vẫn đánh vào bông do nô lệ gieo trồng, một phần là do sự tiến bộ vĩ đại đồng thời của ngành công nghiệp vải sợi của Anh và của ngành trồng bông ở Mỹ trong mười năm gần đây. Ngay từ năm 1857 nước Anh đã tiêu thụ gần một tỷ rưỡi pao bông.

Và bỗng nhiên cuộc Nội chiến ở Mỹ hiện nay đang đe dọa chỗi dậy chủ yếu của ngành công nghiệp Anh. Trong khi Liên bang tiến hành phong tỏa các cửa biển của các bang miền Nam để ngăn cản việc xuất khẩu bông của vụ bông năm nay và như vậy sẽ làm cho phá sản khai mất đi nguồn thu nhập của chúng, thì Hiệp bang chỉ tạo ra một sức ép cho cuộc phong tỏa này bằng cách quyết định không tự mình xuất một kiện bông nào hết, mà ngược lại, bắt nước Anh phải tự mình chuyên chở lấy bông của mình xuất phát từ các cảng phía Nam. Điều đó ắt sẽ bắt nước Anh dùng vũ

lực phá vỡ sự phong tỏa, sau đó phải tuyên chiến với Liên bang và như vậy là phải ném thanh kiếm của mình vào cán cân có lợi cho các bang miền Nam.

Ngay từ khi cuộc Nội chiến ở Mỹ bắt đầu tới giờ, giá bông ở Anh không ngừng tăng lên, nhưng suốt một thời gian dài nó chỉ tăng ở mức độ thấp hơn so với điều mà người ta tưởng. Nhìn chung, giới buôn bán của Anh hình như nhìn cuộc khủng hoảng ở Mỹ một cách hết sức lạnh lùng. Nguyên nhân của thái độ điềm tĩnh đó quá rõ ràng. Tất cả bông của Mỹ trong vụ thu hoạch năm vừa qua hiện đã nằm từ lâu ở châu Âu. Sản phẩm của vụ mùa mới không bao giờ được chuyển xuống tàu thủy trước cuối tháng Mười một, số hàng hóa đưa xuống tàu đó ít khi có khối lượng lớn trước thời điểm cuối tháng Chạp. Điều đó giải thích tại sao đến thời điểm này người ta khá thờ ơ trước tình hình: liệu các kiện bông vẫn còn ở trong các đồn điền hay là ngay sau khi đã đóng gói đang được chuyển xuống các cảng phía Nam. Giả sử nếu như cuộc phong tỏa được chấm dứt vào một thời điểm nào đó trước cuối năm nay, thì nước Anh có thể tính một cách chắc chắn rằng vào tháng Ba hoặc tháng Tư nước Anh sẽ nhận được một số lượng bông bình thường giống như là chưa hề có một cuộc phong tỏa nào cả. Giới buôn bán của Anh mà đại bộ phận bị báo chí Anh đánh lừa đã tự an ủi bằng một ảo tưởng cho rằng vở kịch chiến tranh sẽ kéo dài không quá sáu tháng và sẽ kết thúc bằng việc Hợp chúng quốc công nhận Hiệp bang miền Nam. Nhưng đến cuối tháng Tám trên thị trường Li-vóc-pun đã thấy xuất hiện người Bắc Mỹ - một số mua bông để đầu cơ, một số mua bông để gửi trở lại Bắc Mỹ. Sự kiện chưa từng có ấy đã làm cho người Anh phải mở mắt ra. Người Anh bắt đầu hiểu toàn bộ sự nghiêm trọng của tình hình. Kể từ khi đó thị trường bông ở Li-vóc-pun luôn luôn lên cơn sốt, giá bông nhanh chóng tăng lên 100% so với mức trung bình, còn việc đầu cơ bông mang tính chất mãnh liệt không

gì kìm hãm được giống như việc đầu cơ đường sắt vào năm 1845. Các xưởng sợi và xưởng dệt ở Lan-kê-sia và ở các trung tâm công nghiệp vải sợi khác của nước Anh đã giảm thời gian lao động xuống 3 ngày trong một tuần, một số các xưởng đã dừng máy hoàn toàn; tác động nguy hại lan truyền nhanh chóng đến các ngành công nghiệp khác, và giờ đây cả nước Anh đang run rẩy chờ đợi một thảm họa kinh tế khủng khiếp, từ lâu đã đe dọa nước Anh, đang tiến đến gần.

Tất nhiên, việc tiêu dùng bông Ấn Độ đang tăng lên, còn giá cả ngày càng cao sẽ bảo đảm cho việc tăng cường vận chuyển bông từ quê hương cổ xưa của nó. Tuy nhiên, không thể trong vài tháng mà tùy tiện thay đổi được một cách căn bản những điều kiện của sản xuất và tính chất của việc buôn bán. Hiện nay nước Anh thực sự buộc phải trả giá cho việc cai trị kém cỏi lâu dài đối với Ấn Độ. Những mưu toan co giắt của nước Anh hiện nay nhằm thay thế bông của Mỹ bằng bông của Ấn Độ đang gặp phải hai trở ngại lớn: không đủ phương tiện thông tin và vận tải ở Ấn Độ và tình trạng nghèo khổ của người nông dân Ấn Độ không cho phép người nông dân đó sử dụng được tình thế có lợi trong thời điểm này. Nhưng cho dù không nói đến điều đó, cũng như không nói đến một vấn đề là bông Ấn Độ cần phải được sơ chế cẩn thận để nó có thể thay thế cho bông Mỹ, thì ngay cả trong những điều kiện cực kỳ thuận lợi cũng đòi hỏi phải có *nhiều năm*, trước khi Ấn Độ có thể sản xuất ra một số lượng bông cần thiết để xuất khẩu. Trong khi đó, đúng như người ta đã dự tính: chỉ *bốn tháng* nữa số bông dự trữ ở Li-vóc-pun hoàn toàn dùng hết. Nhưng ngay cả cho đến khi đó số bông cũng chỉ đủ với điều kiện các ông chủ người Anh của các xưởng sợi và xưởng dệt phải áp dụng chế độ một tuần làm việc 3 ngày và để cho một bộ phận máy móc hoàn toàn ngừng hoạt động trên một quy mô còn lớn hơn so với hiện

nay. Cách làm như vậy sẽ làm cho các khu công xưởng phải chịu những đau khổ hết sức to lớn về mặt xã hội. Còn nếu như cuộc phong tỏa ở Mỹ vẫn tiếp tục kéo dài cho đến tận sau tháng Giêng, thì cái gì sẽ xảy ra khi đó?

*Do C.Mác viết khoảng ngày 1 tháng Mười
một 1861*

*Đã đăng trên báo "Die Presse" số 305, ngày
6 tháng Mười một 1861*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

NỀN THƯƠNG MẠI ANH

Luân Đôn, ngày 2 tháng Mười một 1861

Báo cáo thống kê của Bộ thương mại Anh cho chín tháng, tính đến ngày 30 tháng Chín, chỉ rõ xuất khẩu bị thu hẹp nhiều và nhập khẩu thì tăng lên nhiều hơn. So sánh xuất khẩu qua ba năm vừa rồi ta sẽ có kết quả chung sau đây:

Giá trị xuất khẩu qua 9 tháng, tính đến ngày 30 tháng Chín

Năm	p.xt.
1859.....	98 037 311
1860.....	101 724 340
1861.....	93 795 332

Do đó, xuất khẩu năm nay, so với cùng thời kỳ năm 1860, sụt xuống cả thảy là 7 929 014 p.xt., trong đó phần hết sức lớn của sự giảm sút ấy bằng 5 671 730 p.xt. là do sự giảm sút đột ngột của thương mại Mỹ gây ra. Có thể thấy quy mô, trong đó sự giảm sút chung của xuất khẩu do nguyên nhân ấy gây ra đã tác động vào các ngành riêng biệt của thương mại Anh, qua bảng liệt kê sau đây:

Giá trị của xuất khẩu ở Hợp chúng quốc trong 9 tháng, tính đến ngày 30 tháng Chín

	Năm 1859	Năm 1860	Năm 1861
	(tính theo p.xt.)		
Bia và bia nhạt	78 060	78 843	25 642
Than đá và than an-tơ-ra-xít	144 556	156 665	200 244
Vải bông.....	2 753 782	2 776 472	1 130 973
Gốm sứ.....	448 661	518 778	191 606

Hàng mỹ phẩm	1 204 085	1 083 438	542 312
Hàng lạnh.....	1 486 276	1 337 778	493 654
Hàng sắt - dao	865 066	776 772	446 095
Kim loại - sắt gang	205 947	165 052	79 086
Sắt thỏi, bu-lông, sắt thanh.....	642 822	546 493	148 587
Đường ray các loại	744 505	665 619	168 657
Hàng đúc.....	16 489	17 056	9 239
Hàng làm sẵn.....	357 162	378 842	125 752
Thép chưa gia công.....	372 465	457 490	216 246
Đồng lá và đinh.....	99 422	44 971	10 005
Chì thỏi	53 451	66 015	1 451
Kẽm	935 692	833 644	274 488
Hạt có dầu	122 570	72 915	1 680
Muối	63 876	54 818	59 809
Lụa, khăn và băng.....	197 605	102 393	88 360
Hàng lụa khác.....	129 557	93 227	22 984
Xô-đa	439 584	399 153	142 311
Rượu (Anh)	53 173	56 423	12 430
Hàng len các loại.....	586 701	535 130	250 023
Các thứ khác, phơ-la-nen, vải trải giường, v.v.....	1 732 224	1 612 284	652 399
Len chải	1 052 053	840 507	377 597

Tổng cộng.....15 785 784 10 300 711 5 671 730

Ngoài việc giảm sút do nền thương mại Mỹ suy giảm, người ta còn thấy có sự giảm sút chung của xuất khẩu tới 2 257 284 pao xtéc-ling. Phần lớn nhất của sự giảm sút ấy là vào tháng Chín, khi giá bông cao và giá các hàng vải bông và sợi tăng lên tương ứng bắt đầu ảnh hưởng mạnh đến thị trường Bắc Mỹ thuộc Anh, đông Ấn Độ và Ô-xtrây-li-a. Trong suốt chín tháng, tính đến hết tháng Chín 1861, Thổ Nhĩ Kỳ và Đức là những nước, sau Hợp

chúng quốc, đã giảm bớt nhiều nhu cầu về hàng Anh. Xuất khẩu sang Pháp đã không tăng lên ít nhiều đáng kể, chỉ có xuất khẩu về một thứ nông phẩm là lông cừu và lông cừu non là tăng mạnh. Trong chín tháng đầu năm 1860, Anh xuất sang Pháp 4 735 150 pao len trị giá 354 047 pao xtéc-linh. Trong thời kỳ tương ứng năm nay, xuất khẩu đã đạt tới 8 716 083 pao len trị giá 642 468 pao xtéc-linh. Từ những số liệu khác dẫn ra trong báo cáo về xuất khẩu, thì chỉ những số liệu liên quan đến I-ta-li-a là rất đáng chú ý. Xuất khẩu của Anh vào vương quốc mới tăng lên rõ rệt, điều đó trên một mức độ lớn cũng giải thích rõ cảm tình của nước Anh đối với nền tự do của I-ta-li-a. Chẳng hạn như xuất khẩu hàng vải bông của Anh sang Xéc-di-ni, Tô-xca-nơ, Na-plơ và Xi-xin đã tăng từ 756 892 p.xt. năm 1860 lên 1 204 287 p.xt. năm 1861; xuất khẩu sợi bông tăng từ 348 158 p.xt. năm 1860 lên 538 373 p.xt. năm 1861; xuất khẩu hàng sắt từ 120 867 p.xt. năm 1860 lên 160 912 p.xt. năm 1861.

Các bảng kê nhập khẩu chỉ nói đến *tám tháng* đầu năm nay. Những con số sau đây chỉ rõ những quy mô chung của nó.

Giá trị thực tế của nhập khẩu

Năm	p.xt.
1859.....	88 993 762
1860.....	106 894 278
1861.....	114 588 107

Nhập khẩu tăng lên chủ yếu là do tăng việc mua lúa mì của nước ngoài - từ 6 796 131 p.xt. trong tám tháng đầu năm 1860 lên đến 13 431 487 p.xt. trong cùng kỳ 1861. Còn về bông bán thành phẩm, thì khối lượng nhập trong thời kỳ tương ứng chỉ giảm không đáng kể, trong khi giá cả tăng mạnh, bảng dưới đây cho thấy rõ điều đó.

Số lượng bông nhập trong chín tháng đầu năm

Năm	Trọng lượng (tạ)	Giá trị (p.xt.)
1859.....	8 023 082	24 039 197
1860.....	10 616 347	28 940 676
1861.....	9 616 087	30 809 279

Hiện nay ở Anh không còn tồn tại những vấn đề chính trị chung. Mọi việc đều bị vấn đề công nghiệp và vấn đề khủng hoảng ở Mỹ thu hút vào. Trong một bài trước đây tôi đã lưu ý các bạn về tình trạng sục sôi của thị trường bông ở Li-vóc-pun^{1*}. Trong thực tế, hai tuần vừa qua ở đây đã lộ ra tất cả những triệu chứng của cơn sốt đường sắt. Các nhà phẫu thuật, thầy thuốc nha khoa, bác sĩ, luật sư, người đầu bếp, công nhân, người giúp việc và huân tước, diễn viên và tu sĩ, binh lính và thủy thủ, nhà báo và thầy giáo, đàn ông và đàn bà - tất cả mọi người đều đầu cơ bông. Nhiều lô bông đã được người ta mua đi và bán lại chỉ gồm có một, hai ba hoặc bốn kiện. Những số lượng lớn hơn nhiều vẫn nằm trong cùng một kho, mặc dù đã thay đổi chủ đến hai chục lần. Ai mua bông lúc 10 giờ thì đã đem bán đi lúc 11 giờ và thu được 1/2 pen-ni tiền lời trên mỗi pao. Nhiều lô bông trong 12 giờ đồng hồ đã chuyển tay bằng cách như vậy từ người này sang người khác nhiều lần. Nhưng trong tuần này giá cả đã hạ chút ít chỉ là do chỗ si-linh là một con số tròn vì nó gồm có 12 pen-ni, và đa số đã quyết định bán bông của mình một khi giá của nó đạt tới 1 si-linh một pao; cho nên số cung về bông tăng nhiều một cách đột ngột, và do đó giá bông cũng giảm xuống. Nhưng hiện tượng đó có thể chỉ là tạm thời.

Khi lý trí của người Anh làm quen với ý nghĩ rằng giá một pao bông có thể là 15 pen-ni thì trở ngại tạm thời cho đầu cơ sụp đổ,

1* Xem tập này, tr. 407-411.

và cơn sốt đầu cơ bùng lên với sức mạnh gấp đôi. Về mặt này sự vận động ấy là có lợi cho Hợp chúng quốc: nó chống lại phái ủng hộ việc phá bỏ phong toả. Trên báo chí đã công bố những lời phản đối của các nhà đầu cơ, trong đó nói không phải không có căn cứ rằng mọi hành động quân sự của phía Chính phủ Anh là một hành vi rõ ràng không công bằng đối với những thương nhân đã dựa vào sự trung thành của Chính phủ Anh đối với nguyên tắc không can thiệp mà nó đã thừa nhận để xây dựng trên đó những tính toán của mình, để tiến hành đầu cơ ở đất nước mình, để gửi đơn đặt hàng của mình ra nước ngoài và mua bông, bằng cách xác định giá bông trên cơ sở tính đến ảnh hưởng của những sự kiện tự nhiên, có khả năng xảy ra và có thể dự kiến được đối với giá cả này.

Số báo "Economist" hôm nay đã đăng một bài hết sức ngu xuẩn. Căn cứ vào những số liệu thống kê về dân số và diện tích của Hợp chúng quốc, tác giả bài báo này đi tới kết luận rằng ở đây ít ra là có chỗ để lập ra sáu vương quốc rộng lớn và vì vậy những người thuộc phái liên bang phải từ bỏ "ước mơ về một sự thống trị hoàn toàn". Kết luận hợp lý duy nhất mà tờ "Economist" đáng lẽ có thể rút ra từ những con số thống kê của chính họ, là người miền Bắc, ngay dù họ muốn điều đó, thì họ cũng không thể từ bỏ những yêu sách của mình mà không hy sinh chế độ chiếm hữu nô lệ của những bang và vùng rộng lớn, nơi "chế độ nô lệ kéo dài lay lắt sự tồn tại của nó, nhưng không thể là một thiết chế thường xuyên". Tác giả tìm cách khôn khéo tránh kết luận duy nhất hợp lý đó.

Bên cạnh những khó khăn riêng của họ về mặt buôn bán, nước Anh còn không yên tâm về tình trạng nguy kịch của nền tài chính Pháp. Những mảnh khoé của Ngân hàng Pháp nhằm chặn đứng nạn chảy máu kim loại quý sang Anh thông qua các hối phiếu hữu nghị, mà Rốt-sin và những hãng lớn khác thu được, - những mảnh khoé ấy, như người ta có thể thấy trước, đã dẫn tới chỗ chỉ làm

giảm bớt tạm thời những khó khăn của Pháp. Giờ đây, nước Pháp đang lần lượt kêu gọi sự giúp đỡ của các ngân hàng Béc-lin, Hambuốc và Pê-téc-bua; nhưng tất cả những mưu toan đó chỉ chứng tỏ tình trạng vô vọng của tình hình, chứ không làm giảm nhẹ được tình hình. Những khó khăn mà giờ đây Chính phủ Pháp đang trải qua được đặc trưng bằng hai biện pháp mà nó đã dùng đến trong hai tuần vừa qua. Để giữ cho hối phiếu kho bạc lưu thông được, phải nâng lãi suất phân trăm của nó lên $7\frac{1}{2}$, trong khi đó thì Vích-to-Ê-ma-nu-en được lệnh hoãn từng phần việc trả lãi đến hạn những khoản vay mới của I-ta-li-a, trong đó các nhà tư bản Pháp đã đầu tư những món tiền rất lớn. Dĩ nhiên, ông ta đã nhượng bộ yêu cầu của ông chủ mình.

Ở lâu đài Tuy-lơ-ri hiện nay có hai trào lưu đối lập nhau, để xuất hai thủ đoạn trái ngược nhau nhằm tạm thời chữa trị căn bệnh tài chính. Phái Bô-na-pác-tơ chân chính, Péc-xi-nhi và Crédit Mobilier, đưa ra kế hoạch buộc Ngân hàng Pháp phụ thuộc vào sự kiểm soát trực tiếp và hoàn toàn của chính phủ, biến nó thành một cái đuôi đơn thuần của ngân khố nhà nước và sử dụng cái quyền lực có được bằng cách như vậy để phát hành không hạn chế tiền giấy nhà nước không đổi được ra vàng. Phái khác, do Phun-đơ và những kẻ khác phản bội các chế độ cũ đại biểu, đề nghị vay những khoản mới mà quy mô nhiều hay ít được xác định khác nhau: theo tính toán khiêm tốn nhất là 16 000 000 p.xt. theo tính toán táo bạo hơn là 30 000 000 pao xtéc-linh.

*Do C.Mác viết ngày 2 tháng Mười một 1861
Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"
số 6440, ngày 23 tháng Mười một 1861*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

NHỮNG DẤU HIỆU KINH TẾ

Trong lúc này ở Anh không có một vấn đề chính trị nào khả dĩ thu hút sự chú ý chung của mọi người. Đất nước này tỏ ra quan tâm cả đến cuộc khủng hoảng tài chính, thương mại và nông nghiệp ở Pháp và cuộc khủng hoảng công nghiệp ở Anh, cả đến tình trạng khan hiếm bông và các vấn đề của Mỹ.

Trong các giới có thẩm quyền ở đây không giây phút nào người ta không rối mù lên về câu chuyện những thao tác nghiệp vụ hối phiếu giả tạo mà Ngân hàng Pháp tiến hành với một số nhà ngân hàng lớn ở hai bên bờ biển La-Măng-sơ, chỉ là một thứ thuốc giảm đau hết sức yếu ớt. Tất cả những gì có thể đạt được bằng cách đó và đã đạt được, quy lại chỉ là làm giảm bớt *trong một thời gian ngắn* nạn chảy máu vàng sang Anh mà thôi. Những mưu toan lập đi lập lại của Ngân hàng Pháp nhằm huy động dự trữ kim loại ở Pê-téc-bua, Hăm-buốc và Béc-lin, đang làm hại đến tín dụng của nó mà không đồng thời làm đầy kho quỹ của nó. Ở đây, việc nâng lãi suất phần trăm của các trái phiếu kho bạc nhằm mục đích giữ vững thị giá của chúng và sự cần thiết phải làm cho Vích-to-Ê-ma-nu-en đồng ý giảm bớt việc thanh toán khoản vay mới của I-ta-li-a được người ta coi như là một triệu chứng nguy hiểm của cơn bệnh tài chính của Pháp. Hơn nữa, ai cũng biết rằng lúc này ở điện Tuyn-lơ-ri hai dự án tài chính đang đấu tranh với

nhau. Phái Bô-na-pác-tơ chân chính do Péc-xi-nhi và Pê-rây-rơ (thuộc Crédit Mobilier) cầm đầu muốn bắt Ngân hàng Pháp phải hoàn toàn phục tùng chính phủ, hạ thấp nó xuống vai trò chỉ là một vụ của bộ tài chính và sử dụng cái cơ quan đã được cải biến như vậy làm một cái xưởng in giấy bạc.

Ai cũng biết rằng chính nguyên tắc đó cũng là cơ sở đầu tiên của tổ chức Crédit Mobilier. Phái ít mạo hiểm hơn do Phun-đơ và bọn phản bội khác thời Lu-i-Phi-líp đề nghị phát hành *công trái mới* với một số tiền được số người này xác định là 400, còn số người khác lại xác định là 700 triệu phrăng. Trong bài xã luận hôm nay, tờ "Times" rõ ràng phản ánh quan điểm của Xi-ti, khẳng định rằng do cuộc khủng hoảng kinh tế của mình, nước Pháp đã hoàn toàn bị tê liệt và mất hết ảnh hưởng ở châu Âu. Nhưng tờ "Times" và Xi-ti nhầm. Nếu chính phủ của cuộc chính biến tháng Chạp qua được mùa đông mà không có chấn động lớn ở bên trong, thì đến mùa xuân nó sẽ thổi kèn ra hiệu chiến tranh. Điều đó sẽ không xóa bỏ được những khó khăn trong nước, nhưng làm lu mờ những khó khăn ấy đi.

Trong một bài báo trước đây^{1*} tôi đã chỉ ra rằng nạn đầu cơ bông ở Li-vóc-pun những tuần vừa qua là rất giống với những thời kỳ điên cuồng nhất của cơn sốt đường sắt năm 1845. Thầy thuốc nha khoa, nhà phẫu thuật, luật sư, đầu bếp, bà goá, công nhân, nhân viên quầy hàng và huân tước, diễn viên và tu sĩ, binh lính và thợ may, cộng tác viên báo chí và người có nhà cho thuê, đàn ông và đàn bà - tất cả mọi người đều đầu cơ bông. Người ta mua đi và bán lại những lô rất nhỏ từ một đến bốn kiện. Những lô bông lớn hơn thì hàng tháng vẫn nằm trong cùng một kho chứa, mặc dù trong thời gian đó đã hai chục lần thay đổi chủ. Kể nào

1* Xem tập này, tr. 456-461.

mua bông lúc 10 giờ đến 11 giờ đã bán đi thì cứ mỗi pao được thêm 1/2 pen-ni. Như vậy, cùng một số bông mà trong khoảng mười tiếng đồng hồ thường đã chuyển đến sáu lần từ tay này qua tay khác. Nhưng trong tuần này đã có sự lằng địu nào đó, có thể giải thích tình trạng này chỉ bằng một lý do hợp lý là một pao bông (bông Oóc-lê-ăng loại trung bình) giá tới 1 si-linh, mà mười hai pen-ni là một si-linh và như thế là số tròn. Cho nên, mỗi người đã quyết định từ trước sẽ tiêu thụ số dự trữ của mình, một khi đạt tới con số tối đa ấy. Do đó có tình trạng cung bất thành linh tăng lên và có sự phản ứng tiếp theo. Một khi người Anh làm quen với ý nghĩ rằng giá một pao bông có thể tăng lên cả *trên* 1 si-linh, thì điệu múa giật lại tái diễn dưới những hình thức còn điên cuồng hơn.

Bản báo cáo chính thức gần đây về xuất và nhập khẩu của Anh do *Bộ thương mại* công bố không mấy may xua tan được tâm trạng u ám. *Bảng kê xuất khẩu* bao quát thời kỳ chín tháng, kể từ tháng Giêng đến hết tháng Chín 1861. Nó chỉ ra rằng so với cùng kỳ năm 1860 xuất khẩu giảm gần 8 triệu pao xtéc-linh. Trong số đó chỉ có 5 671 730 p.xt. là xuất sang Hợp chúng quốc, số còn lại được phân phối giữa Bắc Mỹ thuộc Anh, Đông Ấn, Ô-xtrây-li-a, Thổ Nhĩ Kỳ và Đức. Xuất khẩu chỉ tăng đối với *I-ta-li-a*. Chẳng hạn, xuất khẩu hàng vải bông của Anh sang Xéc-di-ni, Tô-xca-nơ, Na-plơ và Xi-xin tăng từ 756 892 p.xt. năm 1860 lên 1 204 287 p.xt. năm 1861; xuất khẩu sợi bông của Anh tăng từ 348 158 p.xt. lên 538 373 p.xt., xuất khẩu hàng sắt tăng từ 120 867 p.xt. lên 160 912 p.xt., v.v.. Những con số ấy có ý nghĩa rất quan trọng để hiểu rõ cảm tình của nước Anh đối với nền tự do của *I-ta-li-a*.

Trong khi thương nghiệp xuất khẩu của Anh giảm sút gần 8 triệu p.xt., thì *thương nghiệp nhập khẩu* của nó tăng lên một mức độ còn lớn hơn, - đó là tình hình không mấy may thuận lợi cho

việc cân bằng cán cân thanh toán. Sự tăng nhập khẩu ấy diễn ra chủ yếu là do tăng nhập lúa mì. Nếu trong tám tháng đầu năm 1860 giá trị lúa mì nhập khẩu tổng cộng chỉ là 6 796 131 p.xt., thì cũng trong cùng kỳ ấy năm nay giá trị ấy lên đến 13 431 487 pao xtéc-linh.

Hiện tượng đáng chú ý nhất mà *bảng kê nhập khẩu* chỉ ra, là *nhập khẩu từ Pháp* tăng nhanh, hiện nay đã đạt tới gần 18 triệu p. xt. (một năm), trong khi xuất khẩu của Anh sang Pháp chỉ vượt chút ít số xuất khẩu sang Hà Lan. Các chính khách các nước lục địa cho đến nay vẫn không nhận thấy hiện tượng hoàn toàn mới này trong lịch sử thương mại hiện đại. Hiện tượng này chứng minh rằng sự phụ thuộc về kinh tế của Pháp vào Anh có lẽ vượt khoảng sáu lần sự phụ thuộc về kinh tế của Anh vào Pháp, đặc biệt là nếu người ta không chỉ giới hạn ở việc xem xét các con số trong các bảng kê xuất và nhập của Anh, mà còn so sánh chúng với những bảng kê nhập và xuất của Pháp. Vậy thì hóa ra là hiện nay Anh đã trở thành thị trường xuất khẩu chủ yếu đối với Pháp, trong khi Pháp vẫn là thị trường xuất khẩu hoàn toàn thứ yếu đối với Anh. Từ đó nảy sinh nỗi lo sợ khủng khiếp về một cuộc xung đột với cái "xứ An-bi-ông nham hiểm", bất chấp chủ nghĩa sô-vanh và những lời khoe khoang về Oa-téc-lô.

Cuối cùng, những bảng kê xuất và nhập gần đây của Anh còn chứng thực một sự kiện quan trọng nữa. Trong khi xuất khẩu của Anh sang *Hợp chúng quốc* trong *chín* tháng đầu năm nay giảm xuống hơn 2,5% so với cùng kỳ năm 1860, thì chỉ riêng cảng Niu Oóc trong *tám* tháng đầu năm nay đã *tăng* phần xuất khẩu của mình sang Anh lên 6 triệu pao xtéc-linh. Xuất khẩu vàng của Mỹ sang Anh trong thời kỳ này hầu như đình lại, trong khi hiện nay, trái lại, trong vòng mấy tuần lễ người ta nhận thấy vàng đang chảy từ Anh sang Niu Oóc. Trên thực tế hóa ra mất mùa ở Anh và Pháp giúp cho Bắc Mỹ lấp được sự thâm hụt của mình, trong khi biểu thuế Mô-rin¹⁹⁹ và khuynh hướng tiết kiệm đi kèm theo

nội chiến đã thu hẹp rất nhiều sự tiêu dùng sản phẩm công nghiệp Anh và Pháp ở Bắc Mỹ. Giờ đây chúng ta hãy so sánh những con số thống kê ấy với những lời than vãn của tờ "Times" đối với sự phá sản về tài chính của Bắc Mỹ!.

*Do C.Mác viết ngày 3 tháng Mười một 1861
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 3081, ngày
9 tháng Mười một 1861*

*In theo bài đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

CUỘC CAN THIỆP VÀO MÊ-HI-CÔ

Luân Đôn, ngày 7 tháng Mười một

Hôm nay tờ "Times" đăng một bài xã luận với một văn phong quen thuộc có màu sắc rồi rắm và làm ra vẻ dí dỏm quá mức về sự xâm nhập của Pháp vào thung lũng Đáp-pơ và về sự phản kháng của Thụy Sĩ đối với việc vi phạm lãnh thổ của nó²⁰⁰. Nhà tiên tri của Prin-tinh-hao nhớ lại rằng trong thời gian đấu tranh quyết liệt giữa các chủ công xưởng và các chủ sở hữu ruộng đất ở Anh người ta đã xui trẻ nhỏ làm việc trong các công xưởng ném đinh ghim vào những bộ phận tinh vi nhất của cỗ máy để bằng cách đó phá hoại công việc của toàn bộ hệ thống máy móc hùng mạnh. Những máy móc đó là châu Âu, đứa trẻ nhỏ đó là Thụy Sĩ, còn đinh ghim mà nó ném vào cỗ máy tự động đang làm việc yên tĩnh, - đó là sự xâm nhập của *Lu-i Bô-na-pác-tơ* vào lãnh thổ của Thụy Sĩ, hay nói đúng hơn, tiếng kêu của Thụy Sĩ về việc xâm nhập đó. Như vậy, cái đinh ghim bất thành linh biến thành tiếng kêu về sự châm chích của cái đinh ghim, còn bản thân sự so sánh thì biến thành sự đùa cợt ngu xuẩn đối với độc giả đang chờ đợi sự so sánh đó. Tờ "Times" tiếp tục lấy làm khoái trá về sự phát hiện của chính mình rằng thung lũng Đáp-pơ - đó là một làng riêng rẽ có tên là Crê-xnô-ni-ép. Tờ báo kết thúc bài báo ngắn của mình bằng một luận điểm hoàn toàn trái ngược với đoạn đầu bài báo. Tờ báo kêu lên: Tại sao lại lên tiếng âm ĩ về một điều vô cùng nhỏ nhặt ấy của Thụy Sĩ, nếu mùa xuân sắp

tối châu Âu sẽ bị lửa bao vây tứ phía? Không được quên rằng châu Âu vừa mới được thừa nhận là hệ thống máy móc đúng quy cách. Toàn bộ bài báo tỏ ra là một sự vô lý hoàn toàn và mặc dù nó có ý nghĩa của nó. Nó có nghĩa là Pan-móc-xtơn để cho đồng minh của mình ở bên kia La-Măng-sơ *carte blanche*^{1*} đối với Thụy Sĩ. Chúng ta có thể tìm được lời giải thích cho tất cả những điều đó trong dòng tin khô khan của tờ "Moniteur" nói rằng Anh, Pháp và Tây Ban Nha ngày 31 tháng Mười đã ký kết một thỏa ước về việc cùng nhau *can thiệp vào Mê-hi-cô*²⁰¹. Bang Va-át-tơ cách xa Vê-ra-cru-xơ bao nhiêu thì bài báo của tờ "Times" về thung lũng Đáp-pơ và tin tức của tờ "Moniteur" về Mê-hi-cô lại càng gần nhau bấy nhiêu.

Hoàn toàn chắc chắn rằng Lu-i Bô-na-pác-tơ coi sự can thiệp vào Mê-hi-cô là một trong những hành động có thể có mà ông ta luôn luôn sẵn sàng làm để đánh lạc hướng nhân dân Pháp. Không nghi ngờ gì cả, Tây Ban Nha hoàn toàn say sưa về những thành công giá rẻ ở Ma-rốc và Xan-Đô-min-gô²⁰², đang mơ ước khôi phục lại sự thống trị của mình ở Mê-hi-cô. Nhưng một điều chắc chắn là kế hoạch của Pháp chưa thật chín muồi và cả hai cường quốc - Pháp và Tây Ban Nha đều hoàn toàn không muốn tiến hành cuộc thập tự chinh chống Mê-hi-cô dưới sự chỉ huy tối cao của Anh.

Tờ "Morning Post"²⁰³, tờ Moniteur^{2*} của riêng Pan-móc-xtơn ngày 24 tháng Chín đã cho biết những chi tiết của cuộc thỏa thuận tựa hồ đã được ký kết giữa Anh, Pháp và Tây Ban Nha nhằm mục đích cùng can thiệp vào Mê-hi-cô. Ngày hôm sau, tờ "Patrie"²⁰⁴ ra một bản tuyên bố phủ nhận sự tồn tại của một thỏa thuận như vậy. Ngày 27 tháng Chín, tờ "Times" bác bỏ thông báo của "Patrie", nhưng không nêu đích danh nó. Theo bài báo của tờ "Times" thì

1* - tự do hành động

2* - tờ tin chính thức

huân tước Rốt-xen đã *thông báo* cho Chính phủ Pháp quyết định của Anh về việc can thiệp, rằng ông Tu-vơ-nen đã trả lời là hoàng đế Pháp cũng đã có quyết định như vậy. Giờ đây đến lượt Tây Ban Nha. Chính phủ Tây Ban Nha đã tuyên bố trên một cơ quan bán chính thức rằng nó có ý định can thiệp vào Mê-hi-cô, nhưng hoàn toàn không phải cùng với Anh. Những lời cải chính tuôn ra như mưa. Tờ "Times" tuyên bố thẳng thừng rằng "cuộc can thiệp đã được tổng thống Mỹ hoàn toàn đồng ý". Nhưng tin đó vừa xuất hiện ở phía bên này Đại Tây Dương, thì tất cả các tờ báo của Chính phủ Mỹ đều đả kích nó là dối trá, và khẳng định rằng tổng thống Lin-côn không chống lại Mê-hi-cô, mà ủng hộ nước này. Từ tất cả những điều đó người ta thấy rõ rằng kế hoạch can thiệp dưới hình thức hiện nay nảy sinh ra trong Nội các Xanh-Giêm-xơ²⁰⁵.

Những sự giải thích về mục đích của thỏa ước cũng không kém khó hiểu và mâu thuẫn so với những sự giải thích về nguồn gốc của nó. Một cơ quan của Pan-móc-xơn - tờ "Morning Post" - thông báo rằng Mê-hi-cô không phải là một nhà nước có tổ chức với một chính phủ ổn định, mà chỉ là một cái ổ cướp bóc. Cần đối xử với nó với tính cách như vậy. Cuộc chinh phạt tựa hồ chỉ theo đuổi một mục đích - thỏa mãn những người Anh, Pháp và Tây Ban Nha nắm chứng khoán nhà nước của Mê-hi-cô. Để làm việc đó, các lực lượng quân sự liên minh sẽ chiếm lấy các hải cảng chủ yếu của Mê-hi-cô, sẽ thu thuế nhập khẩu, và thuế xuất khẩu ở bờ biển của nó và giữ lấy cho mình "sự bảo đảm vật chất" ấy cho đến khi tất cả những tham vọng về thuế đều được thỏa mãn.

Một cơ quan khác của Pan-móc-xơn - tờ "Times", trái lại, đã tuyên bố rằng do kinh nghiệm lâu đời, nước Anh "đã được rèn luyện chống lại sự cướp bóc của nước Mê-hi-cô đã phá sản". Vấn đề không phải là những lợi ích riêng tư của những chủ nợ; tờ "Times" hy vọng rằng "chỉ sự có mặt của hạm đội liên minh ở vịnh Mê-hi-cô và sự chiếm đóng một số cửa biển mới thúc đẩy được Chính phủ Mê-hi-cô có những cố gắng *mới* nhằm duy trì hoà

bình bên trong và buộc những kẻ bất mãn chấp nhận hình thức đối lập hợp hiến hơn là sự cướp bóc".

Như vậy, theo lời tuyên bố ấy, cuộc chinh phạt được tiến hành nhằm giúp đỡ chính phủ chính thức của Mê-hi-cô. Nhưng đồng thời tờ "Times" chỉ ra rằng "thủ đô Mê-hi-cô sẽ có một bầu không khí đủ trong lành trong trường hợp nếu như phải tiến quân lên xa đến như vậy".

Thủ đoạn độc đáo nhất để củng cố chính phủ này hay chính phủ khác chắc chắn sẽ là tịch thu bằng bạo lực thu nhập của nó và chiếm đoạt lãnh thổ của nó. Mặt khác, việc trực tiếp chiếm đóng cửa biển và thu thuế ở đấy ắt sẽ chỉ thúc đẩy Chính phủ Mê-hi-cô chuyển tuyến thuế quan ra xa bờ biển. Như vậy, thuế nhập khẩu đánh vào hàng hóa ngoại quốc và thuế xuất khẩu đánh vào hàng hóa Mỹ sẽ tăng gấp đôi, và trên thực tế cuộc can thiệp sẽ thỏa mãn những tham vọng của các chủ nợ người châu Âu, bằng cách đánh thuế vào nền thương mại châu Âu - Mê-hi-cô. Chính phủ Mê-hi-cô có thể trở thành chính phủ có khả năng thanh toán chỉ bằng cách tự củng cố nội bộ đất nước, nhưng chỉ bằng cách tự củng cố nội bộ đất nước thì nó có thể được củng cố chỉ trong trường hợp người ta tôn trọng nền độc lập của nó từ bên ngoài.

Nếu những mục đích được công khai thừa nhận của cuộc chinh phạt mâu thuẫn nhau đến như vậy thì những thủ đoạn đề ra để đạt những mục đích ấy lại còn mâu thuẫn hơn. Chính các cơ quan của Chính phủ Anh cũng thừa nhận rằng nếu bằng con đường can thiệp một phía của Pháp hay của Anh hoặc Tây Ban Nha mà có thể đạt được một cái gì đó thì sự can thiệp *chung* của các cường quốc này sẽ loại trừ mọi khả năng thành công.

Chúng ta hãy nhớ lại rằng đảng tự do Mê-hi-cô do Hoa-rét-xơ, tổng thống chính thức của nước cộng hòa, cầm đầu, hiện giờ đang thống trị hầu như toàn lãnh thổ đất nước; rằng đảng Thiên chúa giáo do tướng Mác-kê-xơ lãnh đạo đã bị hết thất bại này đến thất

bại khác và những toán cướp do đảng này tổ chức ra đã bị đánh bật vào các vùng rừng núi Kê-rê-ta-rô và buộc phải liên minh với Mê-khi-a, thủ lĩnh của người Anh-diêng ở đó. Hy vọng cuối cùng của đảng Thiên chúa giáo là sự can thiệp của *Tây Ban Nha*.

"Tờ "Times" viết: "Điểm duy nhất có thể làm nảy sinh bất đồng giữa chúng ta và các đồng minh của chúng ta có liên quan đến *chính phủ của nước cộng hoà*. Nước Anh có lẽ muốn đặt quyền cai trị vào trong tay đảng tự do... còn nước Pháp và Tây Ban Nha thì có lẽ lại đứng về phía chính phủ của các giáo sĩ vừa mới bị lật đổ không lâu. Sẽ là điều kỳ lạ, nếu nước Pháp ở thế giới cũ cũng như ở thế giới mới đều đã biến thành người bảo trợ cho bọn thầy tu và bọn kẻ cướp. Cũng giống như ở I-ta-li-a, những người thuộc phái Phran-xít-xcô II trang bị cho La Mã để gieo tình trạng vô chính phủ vào việc quản lý Na-plơ, thì ở Mê-hi-cô nhiều con đường lớn và cả đường phố của thủ đô cũng trở thành mục tiêu tấn công của bọn kẻ cướp mà đảng của giới thầy tu công khai thừa nhận là bạn của mình".

Chính vì vậy nước Anh cũng củng cố chính phủ tự do trong khi nó đang tiến hành cùng với Pháp và Tây Ban Nha một cuộc thập tự chinh chống lại chính phủ này, và tìm cách dẹp tình trạng vô chính phủ bằng việc gửi những viện binh mới từ châu Âu sang cho đảng thầy tu đang hết hơi!

Bờ biển Mê-hi-cô, nơi thường là rất náo nhiệt, trừ thời kỳ mùa đông ngán ngủ, có thể chỉ được giữ vững trong trường hợp chiếm được bản thân đất nước. Nhưng cơ quan thứ ba của Chính phủ Anh - tờ "Economist" lại tuyên bố không thể chiếm được Mê-hi-cô.

"Tờ báo viết: "Nếu chúng ta thử ép buộc nước này phải chấp nhận hoàng thân Anh cùng với một đạo quân Anh, thì bằng cách đó chúng ta sẽ làm cho Hợp chúng quốc nổi cơn thịnh nộ. Sự ganh đua của Pháp sẽ làm cho không thể chiếm được đất nước đó, còn Nghị viện Anh thì hầu như nhất trí gạt bỏ ngay lập tức một đề nghị như thế khi đề nghị này được đưa ra. Về phía mình, nước Anh không thể giao phó cho Pháp cai quản Mê-hi-cô chứ đừng nói gì đến Tây Ban Nha nữa".

Như vậy, toàn bộ cuộc chinh phạt là một huyền thoại, mà tờ "Patrie" đã lý giải như sau:

"Thỏa ước thừa nhận không thể đem vào Mê-hi-cô một chính phủ mạnh để có thể duy trì ở đấy tình hình an ninh và trật tự".

Ở đây muốn nói đến một vấn đề hết sức đơn giản là bằng cách hình thành một Liên minh thần thánh mới, người ta áp dụng vào các quốc gia Mỹ cùng một nguyên tắc theo đó Liên minh thần thánh tự coi mình là có sứ mệnh can thiệp vào công việc nội bộ của các chính phủ các nước châu Âu. Kế hoạch thứ nhất theo hướng đó đã được Sa-tô-bri-an đề ra cho phái Buốc-bông Tây Ban Nha và phái Buốc-bông Pháp trong thời kỳ Phục tích²⁰⁶. Nó đã sụp đổ do *Ca-ninh* và *Môn-rô*, tổng thống Hợp chúng quốc, người đã kiên quyết bác bỏ mọi sự can thiệp của châu Âu vào công việc nội bộ của các nước châu Mỹ. Từ đó Liên bang Mỹ bao giờ cũng coi học thuyết Môn-rô²⁰⁷ là luật quốc tế. Nhưng cuộc nội chiến ngày nay đã tạo ra một tình thế thuận lợi cho phép các công quốc châu Âu tạo ra một tiền lệ để can thiệp, dựa vào đó có thể hành động cả về sau nữa. Mục đích thực sự của cuộc can thiệp Anh - Pháp chính là ở chỗ đó. Kết quả gần nhất có thể và sẽ không tránh khỏi của nó chỉ là *khôi phục lại* ở Mê-hi-cô tình trạng vô chính phủ đã bắt đầu lắng xuống.

Bên cạnh tất cả những lý do chung có tính chất pháp lý quốc tế, sự kiện này có một ý nghĩa rất lớn đối với châu Âu, bởi vì nước Anh đã mua được sự cộng tác của Lu-i Bô-na-pác-tơ trong cuộc chinh phạt Mê-hi-cô bằng cái giá là nhượng bộ Pháp trong lĩnh vực chính sách lục địa.

*Do C.Mác viết ngày 7 tháng Mười một 1861
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 311, ngày
12 tháng Mười một 1861*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

CUỘC CAN THIỆP VÀO MÊ-HI-CÔ

Luân Đôn, ngày 8 tháng Mười một 1861

Cuộc can thiệp đã được dự tính của Anh, Pháp và Tây Ban Nha vào Mê-hi-cô, theo tôi nghĩ, là một trong những hành động quái đản nhất trong biên niên sử quốc tế. Đó là một mưu đồ thuần túy kiểu Pan-móc-xtơn khiến cho kẻ không thông hiểu phải kinh ngạc về sự phi lý của mục đích và về sự không thích hợp của những thủ đoạn được áp dụng, điều đó hình như không tương dung được với sự khéo léo mà ai cũng biết của âm mưu cũ.

Hoàn toàn chắc chắn là cuộc can thiệp vào Mê-hi-cô là một trong rất nhiều mưu đồ mà Lu-i Bô-na-pác-tơ buộc phải thường xuyên có sẵn để đánh lạc hướng công chúng Pháp. Điều không phải tranh cãi là Tây Ban Nha, - mà các chính khách của nước này thì không bao giờ có được một đầu óc tỉnh táo đặc biệt, - đã hoàn toàn bị choáng váng về những thắng lợi với giá rẻ gần đây của nước mình ở Ma-rốc và Xan-Đô-min-gô, và nó đang mơ ước khôi phục sự thống trị của mình ở Mê-hi-cô. Nhưng không có gì phải nghi ngờ là kế hoạch của Pháp còn lâu mới chín muồi và Pháp cũng như Tây Ban Nha đều chống lại bằng mọi cách một cuộc chinh phạt chung vào Mê-hi-cô dưới sự lãnh đạo của Anh.

Ngày 24 tháng Chín, tờ *Moniteur*^{1*} của riêng Pan-móc-xtơn, tức

1* - tờ tin chính thức

tờ "Morning Post" ở Luân Đôn, tờ báo đầu tiên đưa tin chi tiết về kế hoạch can thiệp chung theo những điều khoản của bản hiệp ước, như tờ báo cho biết, vừa mới được ký kết giữa Anh - Pháp và Tây Ban Nha. Tin tức đó vừa mới vượt qua eo biển La-Măng-sơ, thì Chính phủ Pháp đã tuyên bố trên các cột báo của tờ "Patrie" ở Pa-ri rằng điều đó là hoàn toàn đối trá, ngày 27 tháng Chín, tờ "Times" ở Luân Đôn, cơ quan nhà nước của Pan-móc-xtơn, lần đầu tiên trong một bài xã luận đã nói về một kế hoạch và bác bỏ tờ "Patrie", nhưng không nêu tên. Tờ "Times" thậm chí đã khẳng định rằng bá tước Rốt-xen đã thông báo cho Chính phủ Pháp biết quyết định của Anh tham gia vào cuộc can thiệp ở Mê-hi-cô, còn ngài Đơ Tu-vơ-nen thì đã trả lời rằng hoàng đế Pháp cũng đã đi tới quyết định như vậy. Bây giờ đến lượt Tây Ban Nha. Một tờ báo bán chính thức ở Ma-đrít cũng trong thời gian đó, trong khi xác nhận ý định của Tây Ban Nha can thiệp vào công việc của Mê-hi-cô, đã bác bỏ ý kiến về một cuộc can thiệp chung cùng với Anh. *Dementis*^{1*} vẫn được tiếp tục đổ lên đầu nhau. Tờ "Times" kiên quyết tuyên bố rằng "tổng thống Mỹ hoàn toàn đồng ý với cuộc chinh phạt". Từ lúc đó, tất cả các tờ báo Mỹ đề cập đến bài báo đó của tờ "Times" đều bác bỏ lời khẳng định ấy.

Như vậy, dĩ nhiên, tờ "Times" cũng thừa nhận thẳng thừng rằng cuộc can thiệp chung dưới hình thức hiện nay của nó là một mưu mô của Anh, nghĩa là của Pan-móc-xtơn. Tây Ban Nha đã buộc phải tham gia do sức ép của Pháp, còn Pháp thì bị lôi cuốn vào bằng con đường chấp nhận những nhượng bộ trong lĩnh vực chính sách châu Âu. Về phương diện này có một sự trùng hợp đáng chú ý là cùng trong số báo ngày 6 tháng Mười một, trong đó nó báo tin về việc ký kết ở Pa-ri bản thỏa thuận cùng nhau can thiệp vào Mê-hi-cô, tờ "Times" đã đồng thời công bố một bài

1* - Sự cải chính

xã luận nói lên một cách khinh thị và với một thái độ hết sức ngạo mạn về sự phản đối của Thụy Sĩ đối với sự xâm nhập gần đây vào lãnh thổ của nó, tức là sự xâm nhập của quân đội Pháp vào thung lũng Đáp-pơ. Được trả công về việc tham gia chinh phạt ở Mê-hi-cô, Lu-i Bô-na-pác-tơ đã được *carte blanche*^{1*} trong những vụ xâm chiếm mà ông ta dự định tiến hành ở Thụy Sĩ, và có thể ở cả những phần khác của lục địa châu Âu. Các cuộc thương thuyết về những vấn đề này giữa Anh và Pháp được tiếp tục tiến hành không ngừng trong suốt tháng Chín và tháng Mười.

Ở Anh không ai muốn can thiệp vào Mê-hi-cô, ngoài những người nắm chứng khoán Mê-hi-cô, nhưng những người này không bao giờ có thể khoe khoang về ảnh hưởng của mình đối với công luận của đất nước. Cho nên khó thông báo cho công chúng biết về kế hoạch của Pan-móc-xơn. Thủ đoạn tốt nhất để làm việc đó là đánh lạc hướng con voi Anh bằng những lời khẳng định mâu thuẫn xuất phát từ cùng một phòng thí nghiệm, được tạo ra bằng cùng những chất liệu như nhau và chỉ khác nhau về liều lượng mà chúng được đưa cho con vật ấy dùng.

Tờ "Morning Post", trong số ra ngày 24 tháng Chín, đã tuyên bố rằng sẽ "không có cuộc chiến tranh lãnh thổ nào ở Mê-hi-cô", rằng điểm tranh chấp duy nhất là những tham vọng tài chính đối với kho bạc của Mê-hi-cô, rằng "không thể đối xử với Mê-hi-cô như với một nhà nước có tổ chức và bền vững" và do đó "các cửa biển chính của Mê-hi-cô sẽ tạm thời bị chiếm đóng, còn thu nhập thuế quan của chúng thì sẽ bị tịch thu".

Tờ "Times" ngày 27 tháng Chín, trái lại, tuyên bố rằng "bằng kinh nghiệm lâu đời, chúng ta đã được tôi luyện chống lại sự không trung thực, sự vô sỉ, sự cướp bóc hợp pháp và không sửa chữa

được đối với đồng bào của chúng ta do sự phá sản của đất nước ấy", và do đó, "sự cướp bóc từng phần của những chủ nợ người Anh", như tờ "Morning Post" tuyên bố, thực tế không phải là lý do của sự can thiệp. Tờ "Times" nhận xét *en passant*^{1*} rằng "thủ đô Mê-hi-cô sẽ có một bầu không khí đủ lạnh mạnh trong trường hợp nếu như cần phải tiến xa đến như vậy", nhưng tờ "Times" đã hy vọng rằng "chỉ sự có mặt của hạm đội liên minh ở vịnh Mê-hi-cô và sự chiếm đóng một số cửa biển mới thúc đẩy được Chính phủ Mê-hi-cô có những cố gắng *mới* để duy trì hòa bình và buộc những người bất mãn phải chấp nhận hình thức đối lập hợp hiến hơn là sự cướp bóc".

Tiếp đó, nếu theo tờ "Morning Post", cuộc chinh phạt đã được tiến hành bởi vì "ở Mê-hi-cô không có một chính phủ nào", thì theo tờ "Times", mục đích cuộc chinh phạt lại là làm phẫn chấn và giúp đỡ Chính phủ Mê-hi-cô *hiện hành*. Chắc chắn là một thủ đoạn hết sức lạ lùng đã được sử dụng một lúc nào đó để củng cố một chính phủ là xâm chiếm lãnh thổ của nó và tịch thu thu nhập của nó.

Sau khi tờ "Times" và "Morning Post" đã gợi ý như vậy thì Giôn Bun giao cho những nhà tiên tri thứ yếu trong chính phủ tạo ra lời tiên tri đó một cách có hệ thống và theo cùng một tinh thần mâu thuẫn như vậy trong suốt bốn tuần, cho đến khi, rốt cuộc, dư luận xã hội đã đủ quen với ý nghĩ về một cuộc can thiệp chung ở Mê-hi-cô, mặc dù người ta cố ý không cho dư luận hay biết gì về mục đích và nhiệm vụ của sự can thiệp này. Cuối cùng, các cuộc thương lượng với Pháp đã kết thúc. Tờ "Moniteur" báo tin rằng thỏa ước giữa ba cường quốc tiến hành cuộc can thiệp đã được ký kết ngày 31 tháng Mười, còn tờ "Journal des Débats"²⁰⁸ - mà một trong những người chủ của nó đã được chỉ định làm người

1* - tự do hành động

1* - thêm

chỉ huy một trong những chiếc tàu của hạm đội Pháp, - thì thông báo cho thế giới biết rằng họ không có ý định chiếm đóng lãnh thổ thường xuyên, rằng Vê-ra-cru-xơ và những điểm khác ở trên bờ biển sẽ bị chiếm, rằng người ta đã quyết định rằng trong trường hợp các nhà cầm quyền hợp pháp không đồng ý thỏa mãn yêu sách của những người can thiệp thì sẽ tiến hành cuộc tiến quân vào thủ đô và, ngoài ra, một chính phủ mạnh sẽ phải được đưa từ ngoài vào nước cộng hoà.

Tờ "Times" từ thông báo đầu tiên của nó ngày 27 tháng Chín hình như đã quên đi chính sự tồn tại của Mê-hi-cô, giờ đây đã lại phải phát biểu lần nữa. Ai không biết mối liên hệ của tờ "Times" với Pan-móc-xơn và không biết bài báo đầu tiên của nó về kế hoạch của Pan-móc-xơn thì sẽ cho rằng bài báo hôm nay của tờ "Times" là một bài châm biếm gay gắt và thâm độc nhất đối với toàn bộ cuộc mạo hiểm. Nó bắt đầu với lời tuyên bố rằng "cuộc chinh phạt là một *hiện tượng rất đáng chú ý*" (về sau tờ báo gọi đó là một hiện tượng kỳ lạ).

"Ba quốc gia liên hiệp lại nhằm mục đích buộc một quốc gia thứ tư phải cư xử đúng đắn, bằng con đường can thiệp độc đoán để thiết lập trật tự nhiều hơn là bằng thủ đoạn chiến tranh".

Can thiệp độc đoán để thiết lập trật tự! Đó hoàn toàn là luận điệu của Liên minh thần thánh và nó vang lên một cách thật sự *đáng chú ý* từ cửa miệng nước Anh, một nước tự hào về nguyên tắc không can thiệp của mình! Nhưng thế thì tại sao "phương pháp tiến hành và tuyên bố chiến tranh và tất cả những yêu cầu khác của công pháp quốc tế" lại được thay thế bằng "sự can thiệp độc đoán để thiết lập trật tự?" Bởi vì, - Tờ "Times" nói, - "ở Mê-hi-cô không có chính phủ nào cả". Còn mục đích được thừa nhận của cuộc chinh phạt là gì? "Đưa ra những yêu sách đối với chính phủ hợp pháp ở Mê-hi-cô".

Chẳng phải khó khăn gì cũng có thể kể ra một cách vắn tắt những đòi hỏi duy nhất mà các cường quốc đi can thiệp có thể

đưa ra và những lý do duy nhất có thể biện hộ tí chút cho những hành động thù địch của họ. Đó là những đòi hỏi về tiền bạc của những chủ nợ và một loạt những vụ làm nhục cá nhân, như người ta cho biết, đối với các thần dân Anh, Pháp và Tây Ban Nha. Đó cũng chính là những lý do để can thiệp mà tờ "Morning Post" đã đưa ra lúc đầu, và vừa mới được huân tước Giôn Rốt-xen chính thức xác nhận trong cuộc tiếp kiến của ông ta với các đại biểu của các chủ nợ Mê-hi-cô ở Anh. Trong số báo hôm nay, tờ "Times" tuyên bố:

"Các nước Anh, Pháp và Tây Ban Nha đã thỏa thuận tiến hành cuộc chinh phạt để buộc Mê-hi-cô phải *thực hiện những nghĩa vụ xác định của mình* và để *bảo vệ những thần dân của mỗi vương quốc*".

Nhưng sau đó, trong bài báo của mình tờ "Times" lại thay đổi chiều hướng và kêu lên:

"... Không nghi ngờ gì cả, ít ra chúng ta có thể *đạt được việc thừa nhận những yêu sách về tiền bạc của chúng ta*, trên thực tế chỉ cần một chiến hạm của Anh là bất cứ lúc nào cũng sẽ có thể *đạt được một sự thỏa mãn như vậy*. Chúng ta cũng có thể hy vọng rằng những hành vi bạo lực tai tiếng nhất đã xảy ra sẽ được chuộc lại bằng những khoản bồi thường nhanh chóng và quan trọng hơn, nhưng rõ ràng là chỉ để thực hiện điều đó chúng ta hoàn toàn không cần dùng đến những thủ đoạn cực đoan như người ta hiện đang đề nghị".

Như vậy, bằng những thuyết minh dài dòng này, tờ "Times" thừa nhận rằng những nguyên nhân nêu ra lúc đầu của cuộc chinh phạt là những lý do trống rỗng, rằng để đạt được sự thỏa mãn, không mấy may cần đến những biện pháp như những biện pháp đang dùng đến hiện nay, rằng trong thực tế "việc thừa nhận những tham vọng về tiền bạc và việc bảo vệ các thần dân châu Âu" không mấy may liên quan gì đến cuộc can thiệp chung hiện nay ở Mê-hi-cô. Vậy thì mục đích và nhiệm vụ thực sự của cuộc can thiệp đó là gì?

Trước khi đi sâu vào những lời giải thích thêm của tờ "Times", chúng ta en passant chỉ ra một số điều "kỳ lạ" khác mà tờ "Times"

tìm cách tránh đề cập đến. Trước hết thật là "kỳ lạ" khi thấy Tây Ban Nha - chính là Tây Ban Nha - đang biến thành một kẻ tham gia cuộc thập tự chinh vì tính thần thánh của những món nợ nước ngoài! tờ "Courrier du dimanche"²⁰⁹ trong số báo ra ngày chủ nhật vừa qua, đã đòi hỏi Chính phủ Pháp phải lợi dụng cơ hội thuận lợi và buộc Tây Ban Nha "thực hiện những nghĩa vụ cũ đã bị trì hoãn vĩnh viễn của nó đối với các chủ nợ người Pháp".

Điều "kỳ lạ" thứ hai, lớn hơn, là chính cái ông Pan-móc-xton đang ra sức lao vào Mê-hi-cô, theo lời tuyên bố gần đây của huân tước Giôn Rốt-xen, để buộc chính phủ nước này trả cho các chủ nợ Anh, - chính cái ông Pan-móc-xton ấy đang tự nguyện và trái với ý muốn của Chính phủ Mê-hi-cô, - *đang hy sinh* những quyền giao ước của Anh và những bảo đảm cầm cố mà Mê-hi-cô đã bảo đảm với các chủ nợ Anh của mình.

Theo hiệp ước ký kết với Anh năm 1826, Mê-hi-cô có nghĩa vụ không cho chế độ nô lệ được thiết lập ở bất kỳ lãnh thổ nào thuộc chủ quyền của Mê-hi-cô lúc ấy. Theo một điều khoản khác của hiệp ước này, nó bảo đảm cho Anh về những khoản vay nhận được ở các nhà tư bản Anh bằng việc cầm cố 45 000 000 a-cơ-rơ đất công ở Téch-dát. Chính Pan-móc-xton, mười hoặc mười hai năm về sau, đã can thiệp vào với tư cách là người môi giới đứng về phía Téch-dát chống lại Mê-hi-cô. Trong bản hiệp ước do ông ta ký lúc đó với Téch-dát, ông ta đã hy sinh không chỉ *sự nghiệp đấu tranh chống chế độ nô lệ*, mà hy sinh cả *khoản cầm cố đất công*, và bằng cách đó đã tước mất của những chủ nợ người Anh những cái bảo đảm cho họ. Chính phủ Mê-hi-cô lúc đó đã phản đối, nhưng trong khi đó quốc vụ khanh Giôn C.Can-hun đã tự cho phép mình đưa ra một lời chế giễu: ông ta đã thông báo cho Nội các Xanh-Giêm-xơ rằng ông ta có nguyện vọng "làm nhân chứng cho sự xóa bỏ chế độ nô lệ ở Téch-dát", nguyện vọng đó chắc sẽ đạt

được một cách tốt nhất bằng con đường sáp nhập Téch-dát vào Hợp chúng quốc. Trên thực tế, các chủ nợ Anh đã mất mọi quyền yêu sách Mê-hi-cô do chỗ Pan-móc-xton đã tự nguyện từ bỏ khoản cầm cố mà hiệp ước năm 1826 bảo đảm cho các chủ nợ.

Nhưng vì tờ "Times" ở Luân Đôn thừa nhận rằng cuộc can thiệp hiện nay không liên quan tới những yêu sách về tiền bạc hay tới những sự sỉ nhục cá nhân, cuối cùng thì mục đích thực sự hay gia trưởng của cuộc can thiệp đó là gì?

"*Sự can thiệp độc đoán nhằm mục đích thiết lập trật tự*". Các nước Anh, Pháp, Tây Ban Nha đang âm mưu lập một Liên minh thần thánh mới và đã hình thành một hội vũ trang để lập lại trật tự trên toàn thế giới. Tờ "Times" viết: "*Mê-hi-cô phải được giải thoát khỏi tình trạng vô chính phủ* và đi vào con đường tự quản và hòa bình". Ở đây những kẻ đi can thiệp "phải thiết lập một chính phủ mạnh và vững bền", hơn nữa, chính phủ này phải gồm những đảng viên của "một đảng Mê-hi-cô nào đó".

Nhưng thử hỏi có ai hình dung được rằng Pan-móc-xton và tờ "Times", kẻ phát ngôn của ông ta, thực sự coi cuộc can thiệp chung là thủ đoạn để thực hiện mục đích đã được tuyên bố, - cụ thể là chấm dứt tình trạng vô chính phủ và thiết lập ở Mê-hi-cô một chính phủ mạnh và vững bền hay không? Còn xa mới tin theo một tín điều đầy ảo ảnh như vậy, tờ "Times" đã viết thẳng ra trong bài xã luận đầu tiên của mình ngày 27 tháng Chín như sau:

"Điểm duy nhất có thể làm nảy sinh những bất đồng giữa chúng ta và các đồng minh của chúng ta có liên quan đến *chính phủ cộng hòa*. Nước Anh có lẽ muốn *đặt* quyền lãnh đạo vào tay *đảng tự do hiện đang cầm quyền*, trong khi Pháp và Tây Ban Nha có thể thiên về *chính phủ các thầy tu vừa mới bị lật đổ*... Sẽ thật sự lạ lùng nếu Pháp, cả trong thế giới cũ, cũng như trong thế giới mới, đã biến thành người bảo trợ cho bọn thầy tu và bọn ăn cướp".

Trong bài xã luận hôm nay, tờ "Times" tiếp tục nghị luận theo

tinh thần như vậy và tóm tắt sự hoài nghi của mình trong câu sau đây:

"*Khó mà cho rằng* tất cả các cường quốc tham gia vào cuộc can thiệp đồng ý tỏ thái độ tuyệt đối thiên về một trong hai đảng đang có mặt ở Mê-hi-cô, và *khó mà hình dung như vậy* rằng sẽ tìm thấy một sự thỏa hiệp thực tiễn giữa những kẻ thù quyết liệt đến như vậy".

Như vậy, Pan-móc-xơn và tờ "Times" hoàn toàn hiểu rõ rằng "ở Mê-hi-cô có một chính phủ", rằng "đảng tự do", được Chính phủ Anh bảo trợ, "đang cầm quyền", còn "chính quyền của các thầy tu thì đã bị lật đổ"; rằng sự can thiệp của Tây Ban Nha là hy vọng cuối cùng của bọn thầy tu và bọn kẻ cướp; rằng cuối cùng tình trạng vô chính phủ ở Mê-hi-cô đang chấm dứt. Do đó họ cũng biết rằng cuộc can thiệp chung - mà mục đích được thừa nhận công khai chỉ là cứu Mê-hi-cô khỏi tình trạng vô chính phủ, - sẽ chỉ có những kết quả hoàn toàn trái ngược: nó làm suy yếu chính phủ hợp hiến, nhờ lưỡi lê của Pháp và Tây Ban Nha mà tăng cường đảng của giới tăng lữ, làm cho ngọn lửa nội chiến lại bùng cháy lần nữa và thay vì chấm dứt, lại *phục hồi* tình trạng vô chính phủ hoàn toàn.

Kết luận của bản thân tờ "Times" xuất phát từ những tiền đề ấy thật là "đáng chú ý" và kỳ lạ".

Tờ báo viết: "Mặc dù những sự trăn trở ấy buộc chúng ta phải nhìn những kết quả của cuộc chinh phạt với nỗi lo âu, nhưng kết quả này vẫn không phủ nhận *tính hợp mục đích của bản thân cuộc chinh phạt*".

Như vậy, cuộc chinh phạt đi ngược lại mục đích được công khai thừa nhận của bản thân nó, điều đó không có nghĩa là bản thân cuộc chinh phạt là không hợp mục đích. Như vậy, phương tiện không phải là không hợp mục đích, nếu nó cản trở việc đạt tới mục đích ấy.

Nhưng tôi chưa nói đến "điều kỳ lạ" lớn nhất mà tờ "Times" ngụ ý nói đến.

Tờ báo viết: "Nếu tổng thống *Lin-côn* nhận lời mời tham gia vào *các hành động đang diễn ra* - lời mời đã được thỏa ước dự kiến - thì *tình hình sẽ mang một tính chất còn kỳ lạ hơn*".

Thật vậy, sẽ là "kỳ lạ" tuyệt đỉnh, nếu Hợp chúng quốc đang quan hệ hữu nghị với Mê-hi-cô mà liên minh với bọn người Âu buôn bán trật tự và tán thành - bằng việc tham gia vào tất cả mọi hành vi của chúng - sự can thiệp của hội người Âu vũ trang vào công việc nội bộ của các nước châu Mỹ. Kế hoạch đầu tiên nhằm di chuyển như vậy Liên minh thần thánh sang bên kia Đại Tây Dương là do *Sa-tô-bri-an* vạch ra cho phái Buốc-bông Pháp và Tây Ban Nha vào thời đại Phục tích. Mưu toan đó đã bị thất bại, nhờ có ngài *Ca-ninh*, bộ trưởng Anh và ngài *Môn-rô*, tổng thống Mỹ. Pan-móc-xơn thấy hình như những sự kiện diễn ra ở Hợp chúng quốc tạo thời cơ thuận lợi để dùng lại kế hoạch cũ dưới một hình thức thay đổi. Bởi vì lúc này Hợp chúng quốc không thể cho phép những sự phức tạp bên ngoài cản trở cuộc chiến tranh bảo vệ liên bang của họ, cho nên tất cả những điều họ có thể làm, đó là *phản kháng*. Những người mong muốn điều tốt cho họ ở châu Âu mong rằng họ sẽ phản kháng và như vậy, đứng trước toàn thế giới, họ sẽ kiên quyết bác bỏ mọi việc cùng tham gia vào một trong những kế hoạch vô sỉ nhất.

Cuộc chinh phạt này của Pan-móc-xơn, được thực hiện trong sự liên minh với hai cường quốc châu Âu khác, đã được bắt đầu trong thời gian nghị viện tạm nghỉ, không có sự phê chuẩn và trái với ý muốn của Nghị viện Anh. Cuộc chiến tranh thứ nhất của Pan-móc-xơn, được tiến hành không thông qua nghị viện là cuộc chiến tranh Áp-ga-ni-xtan mà những *văn kiện giả*²¹⁰ đã làm dịu bớt và biện hộ cho. Cuộc chiến tranh khác kiểu như vậy là cuộc chiến tranh Ba Tư của ông ta những năm 1856 - 1857²¹¹. Ông ta

đã bảo vệ nó với lý do là "nguyên tắc phải có sự chuẩn y trước của nghị viện không áp dụng cho các cuộc chiến tranh ở *châu Á*".

Thành thử hình như nguyên tắc đó cũng không áp dụng cho các cuộc chiến tranh ở *châu Mỹ*. Mất quyền kiểm soát đối với các cuộc chiến tranh ở bên ngoài, nghị viện cũng mất mọi sự kiểm soát đối với kho bạc quốc gia, và quyền lực của nghị viện sẽ biến thành một trò hề.

*Do C.Mác viết ngày 8 tháng Mười một 1861
Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"
số 6440, ngày 23 tháng Mười một 1861*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

NGÀI PHUN-ĐƠ²¹²

Pa-ri, ngày 16 tháng Mười một

Đối với những người am hiểu loại hài kịch gọi là "chính trị cao cấp" thì tờ "Moniteur" của Pháp ngày 14 tháng Mười một là một nguồn hứng thú lớn. Giống như trong kịch cổ điển xưa, những nhân vật anh hùng được bao phủ bởi một số phận vận năng không thể nhìn thấy, lần này thì số phận mang hình thức một khoản thâm hụt là một tỷ phrăng. Giống như trong kịch xưa, cuộc đối thoại được tiến hành chỉ giữa hai nhân vật: E-di-pơ, Bô-na-pác-tơ và Ti-rê-xi - Phun-đơ. Nhưng bi kịch đang biến thành hài kịch, bởi vì Ti-rê-xi chỉ nói điều mà Ô-di-pút đã gọi ra cho ông ta từ trước.

Biết cách đưa lên sân khấu hết lần này đến lần khác những personae dramatis^{1*} cũ khéo đóng vai mình làm những nhân vật anh hùng nổi bật về sự mới lạ, đó là thủ thuật đặc trưng nhất cho tấn hài kịch của Bô-na-pác-tơ. Thoạt đầu Bi-ô thay thế Péc-xi-nhi, sau đó Péc-xi-nhi lại thay thế Bi-ô! Một điều giống như thế cũng diễn ra trong báo chí của Bô-na-pác-tơ! Gran-ghi-ô, Cát-xa-nhắc, Li-mê-rắc được ném qua ném lại giữa các tờ báo "Constitutionnel", "Pays", "Patrie". Ngài Vê-rông, con người "bourgeois

1* - nhân vật

de Paris"²¹³, bị Xê-dê-na thay thế trong vị trí người đứng đầu tờ báo "Constitutionnel", Xê-dê-na lại bị Quy-svan thay thế, Quy-svan lại bị Cát-xa-nhắc thay thế, Cát-xa-nhắc lại bị Re-nơ thay thế, Re-nơ lại bị Gran-ghi-ô thay thế, và sau sáu năm Vê-rông lại lần nữa giữ vị trí cũ của mình với tư cách một nhân vật hoàn toàn mới.

Cũng như dưới chế độ lập hiến, Chi-e đã có được sự hấp dẫn của cái mới ngay khi Ghi-dô bị giải nhiệm, còn Mô-lê thì đã tỏ ra mới ngay khi Chi-e bị giải nhiệm, sau đó thì vòng quay lại tái diễn. Nhưng những nhà hoạt động khác nhau đó đại biểu cho những đảng phái và nguyện vọng khác nhau. Nếu họ loại bỏ lẫn nhau để kế tục lẫn nhau, và kế tục lẫn nhau để loại bỏ lẫn nhau, thì cái đu quay đó là sự phản ánh của những thay đổi trong so sánh lực lượng giữa các đảng nói chung đã hình thành nên cái pays légal^{1*} dưới thời Lu-i - Phi-líp. Nhưng Bi-ô hay Péc-xi-nhi, Va-lép-xki hay Tu-vơ-nen, La-rô-kết hay Phun-đơ, Gran-ghi-ô hay Li-mê-rắc? Ở đây có hiện tượng mà người Anh gọi là "a distinction without a difference" (một sự phân biệt mà không có sự khác nhau nào cả). Tất cả những con người ấy tiêu biểu cho cùng một cái, cụ thể, đó là coup d'état^{2*}. Họ không đại biểu cho những lợi ích khác nhau và các đảng khác nhau trong nhân dân. Họ chỉ đại biểu cho những nét mặt khác nhau của hoàng đế. Họ chỉ là những chiếc mặt nạ khác nhau che giấu cùng một bộ mặt.

Báo "Times" có mặt yếu của nó là những sự so sánh, đã so sánh Lu-i Bô-na-pác-tơ với Lu-i XVI, và Phun-đơ với Tuyếc-gô. Phun-đơ và Tuyếc-gô! So sánh họ với nhau - thì cũng gần giống như so sánh ngài Vai-ăng với Các-nô chỉ căn cứ vào chỗ cả hai người đều giữ chức bộ trưởng chiến tranh. Tuyếc-gô là người đứng đầu phái kinh tế mới trong thế kỷ XVIII, tức là phái trọng nông²¹⁴.

1* - giới những người có quyền bầu cử

2* - cuộc đảo chính, chính biến

Ông ta là một trong những anh hùng trí tuệ đã lật đổ chế độ cũ, trong khi đó, Lu-i XVI là hiện thân của chính chế độ cũ ấy. Còn Phun-đơ là ai? Phun-đơ, thành viên của phe đối lập của vương triều ²¹⁵ dưới thời Lu-i Phi-líp, mặc dù được yêu cầu rất khẩn thiết, đã bác bỏ về nguyên tắc, mỗi khi phái đối lập quân chủ có cơ hội cử ra một bộ trưởng tài chính. Phun-đơ nổi tiếng là "financier dangereux"^{1*}, và một loạt hoạt động tài chính không có kết quả của ông ta đang biện hộ cho cái tên gọi ấy. Chỉ cần ông ta phát biểu ủng hộ một đề nghị nào đó là nghị viện gạt bỏ ông ta. Nhưng rồi chính phủ lâm thời đã lên nắm chính quyền. Chính phủ này vừa mới tuyên bố thành lập thì Phun-đơ lần đến với Lơ-đruy-Rô-lanh, đề nghị được phục vụ với tư cách bộ trưởng tài chính và... khuyên nên tuyên bố *sự phá sản của nhà nước*. Lời khẩn cầu của ông ta đã thất bại, và người tình bị cự tuyệt đã viết bài châm biếm "Pas d' assignats!"²¹⁶ để trả thù. Cuối cùng, Phun-đơ đã tìm thấy qua Lu-i Bô-na-pác-tơ con người khá táo bạo để giao cho ngài Phun-đơ kho bạc nhà nước Pháp.

Phun-đơ gắn bó rất chặt chẽ với những mưu kế đã bảo đảm thắng lợi cho "người cháu"^{2*} ngày 10 tháng Chạp 1848 trong cuộc bầu cử tổng thống. Phun-đơ là một người bạn rất tích cực và đã chuẩn bị cuộc đảo chính về mặt tài chính. Ngày 2 tháng Chạp 1851 không chỉ là thắng lợi của Lu-i Bô-na-pác-tơ, mà còn là thắng lợi của Phun-đơ. Phun-đơ đã trở thành người có nhiều quyền lực. Phun-đơ đã trở thành bộ trưởng nhà nước. Phun-đơ đã có cơ hội biến ngay cả những menus plaisirs^{3*} của mình thành công việc nhà nước. Bên cạnh sự độc tài trong lĩnh vực tài chính, ông ta đã thiết lập sự độc tài của mình đối với nhà hát. Cũng như những nhân vật

1* - "nhà tài chính nguy hiểm"

2* - Lu-i Bô-na-pác-tơ

3* - thú vui nhỏ nhặt

anh hùng khét tiếng khác trong giới haute finance^{1*}, Phun-đơ kết hợp sự đam mê đô-la với sự ham mê các nhân vật nữ trên sân khấu. Phun-đơ đã trở thành vua Xun-tan của sân khấu. Phun-đơ, cùng với Pê-rây-rơ, là người phát minh ra hệ thống tài chính của đế chế. Ông ta chịu trách nhiệm trực tiếp về chín phần mười vụ thâm hụt hiện nay. Cuối cùng, năm 1860 ông Phun-đơ vĩ đại rời công việc nhà nước để đến năm 1861 lại xuất hiện trên sân khấu trong tấn hài kịch tài chính của hoàng đế với tư cách là "a new man" ("một con người mới"). Phun-đơ lại lần nữa xuất hiện trong vai trò Tuyếc-gô, Phun-đơ đóng vai hầu tước Pô-da! Applaudite, amici!^{2*}.

*Do C.Mác viết ngày 15 tháng Mười một
1861*

*Đã đăng trên báo "Die Presse" số 318, ngày
19 tháng Mười một 1861*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

1* - quý tộc tài chính

2* - Xin các bạn hãy vỗ tay đi!

C.MÁC

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA PHÁP

Báo "Times" thoát đầu khen ngợi vừa phải coup d'éclat^{1*}, nhưng sau đó đã tăng bốc nó lên tận mây xanh, hôm nay lại đột ngột quay ngoắt từ tăng bốc sang phê phán. Cái cách thực hiện thủ đoạn ấy nói lên đặc trưng Lê-vi-a-tăng của báo chí Anh:

"Chúng ta dành cho *những người khác* công việc khen ngợi Xê-da về việc thừa nhận rằng ông ta là một bản thể có hạn chế, chứ không phải không bao giờ sai lầm, và về chỗ nhờ thống trị đất nước chắc chắn là chỉ bằng sức mạnh của cây kiếm, ông ta không tự coi là mình cai trị theo luật pháp của Chúa. Còn chúng ta thì nên hỏi về những kết quả đạt được trong mười năm quản lý của hoàng đế trong lĩnh vực tài chính. Những kết quả ấy vô cùng quan trọng hơn những lời lẽ trong đó chúng được phản ánh... Chính quyền hành pháp đã làm tất cả những gì nó muốn; các bộ trưởng chỉ chịu trách nhiệm trước hoàng đế; tình trạng tài chính được giữ hết sức bí mật không cho xã hội và quốc hội biết. Thủ tục bỏ phiếu ngân sách hàng năm không phải là trở ngại, mà là chiêu bài, không phải là lá chắn, mà là sự lừa bịp. Như vậy, nhân dân Pháp đã đạt được gì, khi họ giao phó sự tự do của mình và của cải của mình cho một con người duy nhất?... Bản thân ngài Phun-dơ cũng thú nhận rằng những khoản tín dụng hết sức lớn đã được cấp từ năm 1851 đến năm 1861 đạt tới 2 800 000 000 phrăng và khoản thâm hụt của năm nay lên không dưới 1 tỷ phrăng.

Chúng ta không biết những món tiền này đã có được bằng cách nào. Dù sao, không phải bằng con đường đánh thuế. Người ta nói với chúng ta rằng 4 triệu đã được chi ra do Ngân hàng Pháp trả để khôi phục uy tín của mình; 5 1/2 triệu vay từ quỹ trợ

cấp của quân đội, và tín phiếu đủ mọi loại đã được ném vào lưu thông. *Còn về tình hình trong lúc này* thì thông tin viên của chúng ta ở Pa-ri đoán chắc *tựa hồ ngân khố nhà nước không có đủ tiền để chi trả trong những tháng tới cho những lợi tức nửa năm đã đến hạn*. Nền tài chính Pháp đã lâm vào tình trạng thảm hại và đáng xấu hổ như vậy sau mười năm cai trị xuất sắc và đầy thắng lợi của đế chế, và chỉ giờ đây, khi mà Chính phủ Pháp tỏ ra không đủ khả năng thực hiện những nghĩa vụ hiện hành của mình thì nó mới biểu lộ trên một mức độ nào đó lòng tin cậy đối với dân tộc và chỉ ra cho dân tộc một mẫu nhỏ về cái thực tế đã được che đậy đằng sau những lời lẽ mê sảng khoa trương về sự phồn vinh tài chính thường hay được khuếch đại đến như thế. Hơn nữa, chính vào lúc tờ "Revue des deux Mondes" đang bị truy cứu trách nhiệm về việc công bố một số tin tức liên quan đến tình hình tài chính của nước Pháp, mà thiếu sót của những tin tức này hầu như chỉ là ở chỗ chúng được nói lên bằng những giọng điệu quá tô hồng".

Sau đó tờ "Times" hỏi về những nguyên nhân của sự sụp đổ ấy. Qua mười năm tồn tại của đế chế, thương nghiệp xuất khẩu của Pháp tăng hơn hai lần. Cùng với công nghiệp, nông nghiệp đã phát triển, đồng thời mạng lưới đường sắt cũng lớn lên. Hệ thống tín dụng trước năm 1848 chỉ mới đi những bước đầu tiên, nay đã phát triển mạnh mẽ và toàn diện. Tất cả những điều đó đã diễn ra không phải theo lệnh của hoàng đế, mà nhờ có những cuộc đảo lộn trên thị trường thế giới, diễn ra sau khi phát hiện ra vàng ở Ca-li-phoóc-ni-a và Ô-xơ-rây-li-a. Nhưng vậy thì tại sao lại xảy ra tai họa?

Tờ "Times" nhắc lại những khoản chi phí to lớn cho quân đội và hạm đội, kết quả tự nhiên của nguyện vọng của Lu-i Bô-napác-tơ muốn đóng vai trò Na-pô-lê-ông ở châu Âu. Tờ báo nhắc lại các cuộc chiến tranh và, cuối cùng, là những khoản chi tiêu khổng lồ cho những công trình công cộng, để đem lại việc làm cho các nhà kinh doanh và cho những người vô sản và giữ cho họ có tâm trạng tốt.

Tờ "Times" tiếp tục: "Nhưng, tất cả những điều đó không đủ để giải thích sự thâm hụt khủng khiếp đến như vậy, sự thâm hụt lớn nhất trong biên niên sử... Đi kèm theo sự vũ trang xâm lược trong quân đội và hạm đội, những công trình công cộng và những cuộc chiến tranh không dự kiến được là *hệ thống cướp bóc nhục nhã và phổ*

1* - sự kiện chói lọi

biến, - Mưa vàng rơi xuống *Đế chế* và những người ủng hộ nó. Những của cải to lớn thu được một cách bất ngờ và khó hiểu đã gây nên những điều tai tiếng và kinh ngạc cho đến khi những điều tai tiếng lắng xuống và sự kinh ngạc giảm đi do hiện tượng đó thường xuyên lặp đi lặp lại và thậm chí mang tính chất phổ biến. Nước Pháp hiện đại cung cấp cho chúng ta cái chìa khóa để hiểu những đoạn trong bài châm biếm của Gui-vê-nan coi của cải thu được một cách bất ngờ là tội lỗi đối với nhân dân. Những ngôi nhà tráng lệ, những đoàn tùy tùng hùng hậu, sự lãng phí quá mức của những con người mà trước coup d'état^{1*} còn sống, như mọi người đều biết, một cuộc sống nghèo khổ, những điều đó mọi người đều nói đến. Cung đình lập ngân sách của mình một cách lãng phí hầu như không tưởng tượng được. Những lâu đài mới mọc lên như có phép thần, và ánh hào quang của ancien régime^{2*} đã bị vượt xa. Sự lãng phí điên cuồng không biết đến giới hạn nào, ngoài sự tồn tại của kho bạc nhà nước và tín dụng nhà nước. Kho bạc nhà nước không còn nữa, còn tín dụng nhà nước thì cạn kiệt. *Đấy là điều mà mười năm cai trị của hoàng đế đã đem lại cho nước Pháp*".

Vấn đề quan trọng nhất đối với châu Âu chắc chắn là vấn đề hệ thống tài chính của *Đế chế có thể biến thành* hệ thống tài chính lập hiến, như sự trao đổi thư từ giữa Lu-i Bô-na-pác-tơ và Phun-đơ tựa hồ cho thấy, hay không? Trong trường hợp này vấn đề không phải là ý định nhất thời của những con người riêng lẻ. Vấn đề là những *điều kiện* kinh tế của *sự tồn tại* của Đế chế phức tạp. Hệ thống tài chính ăn cắp chỉ có thể biến thành một hệ thống tài chính thông thường bằng con đường xóa bỏ tề *hối lộ* là thủ đoạn cai trị phổ biến, bằng con đường giảm bớt số lượng quân đội và hải quân xuống mức thời bình và do đó, bằng con đường từ bỏ *tính chất học đòi Na-pô-lê-ông* của chế độ hiện nay, cuối cùng, là bằng con đường đoạn tuyệt hoàn toàn với kế hoạch đã được thực hiện từ trước đến nay, kế hoạch nhằm trói buộc một bộ phận giai cấp tư sản và giai cấp vô sản thành thị vào chính

1* - chính biến, đảo chính

2* - chế độ cũ

phủ hiện hành bằng thủ đoạn triển khai công cuộc xây dựng lớn của nhà nước, cũng như những công trình công cộng khác. Nhưng há chẳng phải thực hiện những điều kiện đó sẽ có nghĩa là: "Et propter vitam vivendi perdere causas"^{1*}! Thực ra, há chẳng phải chế độ Lu-i-Phi-líp khiêm tốn có thể được khôi phục dưới nhãn hiệu hăng Na-pô-lê-ông đó sao? Điều đó cũng không có khả năng thực hiện như việc thiết lập nền Quân chủ thánh Bấy dưới bóng drapeau blanc²¹⁷.

Cho nên chúng tôi ngay từ đầu đã gọi coup d'éclat ngày 14 tháng Mười một là tấn hải kịch^{2*} và không phút nào nghi ngờ rằng tấn hải kịch này chỉ theo đuổi hai mục đích: khắc phục những khó khăn trước mắt và vượt qua được mùa đông. Nếu cả hai mục đích ấy đều đạt được thì đến mùa xuân tiếng sấm của chiến tranh tự nó hoàn lại được những phí tổn gắn liền với nó. Không nên quên rằng cho đến nay - đây cũng là hậu quả không tránh khỏi chỉ của *trò chơi* về chủ nghĩa Na-pô-lê-ông - nước Pháp của cuộc đảo chính tháng Chạp đã mua được toàn bộ sự vinh quang của mình *bằng chính túi tiền của nhà nước Pháp*.

Báo chí Anh, sau những dao động ngần ngừ, đã đi tới cũng những kết luận như vậy về *tính nghiêm túc* của những lời hứa hẹn đưa ra ngày 14 tháng Mười một và về *khả năng* thực thi chúng.

Chẳng hạn, trên số báo hôm nay tờ "Times" tuyên bố trong bài xã luận dẫn ra ở trên như sau:

"Hoàng đế từ chối việc sử dụng những khoản tín dụng bất thường. Biểu hiện như vậy của đức tự hy sinh thường đi trước một cuộc vay nợ mới của nước Pháp, nhưng ít khi kéo dài sau cuộc vay nợ ấy".

1* - "Vì cuộc sống mà huỷ hoại nguồn sống" (Gui-vê-nan. "Thơ châm biếm").

2* - Xem tập này, tr. 490-493.

Và trong mục nói về giao dịch chứng khoán cũng của tờ báo này có viết:

"Điều rất đáng nghi là tính đáng tin bất thần về tài chính do khủng hoảng tài chính tạo ra đã kéo dài rất lâu sau khi cơn kịch phát kết thúc, kho quỹ nhà nước đây trở lại và một cuộc vay mới được đảm bảo... Người ta nói rằng dư luận xã hội buộc hoàng đế phải thực hiện chương trình của Phun-đơ trái với ý muốn của chính mình. Nhưng há chẳng đúng hay sao khi nói rằng mỗi người sẵn sàng lao vào sự tự lừa dối ấy, trong khi những người cung ứng cho quân đội và hạm đội và những người đầu cơ tính chắc rằng đến mùa xuân, sau khi khắc phục được nguy cơ hiện đang đe dọa, thì "Moniteur" sẽ tìm thấy những căn cứ có đủ sức nặng - chẳng hạn, "tình thế đã thay đổi của châu Âu", hoặc là sự cần thiết phải sửa chữa cái gì đó, hoặc là mối nguy cơ ở đâu đó đe dọa danh dự nước Pháp, hoặc là những lợi ích của tín ngưỡng tôn giáo, hoặc là những lợi ích của tự do và của văn minh nhân loại, - để quay trở lại hệ thống tài chính trước kia, mà nói chung người ta không thể từ bỏ một thời gian dài ở một đất nước có sự thống trị của nền độc tài quân sự nhưng không có quyền lập hiến vững bền và được mọi người thừa nhận?"

Tờ "Economist" cũng nói theo tinh thần đó. Nó kết thúc bài viết của nó bằng những lời lẽ như sau:

"Mặc dù có sắc lệnh, *sự rủi ro về chính trị* bao giờ cũng sẽ vẫn là nguyên tắc chỉ đạo cho một kẻ không may mắn nghi ngờ rằng một thất bại nhỏ nhất có thể dẫn tới sự diệt vong vĩnh viễn của triều đại mình".

Cho đến nay Lu-i Bô-na-pác-tơ chỉ đưa châu Âu tới những nguy cơ, bởi vì bản thân ông ta ở Pháp luôn luôn bị nguy cơ đe dọa. Phải chăng có thể nghĩ rằng nguy cơ mà ông ta tạo ra cho châu Âu sẽ giảm bớt theo mức độ nguy cơ đe dọa bản thân ông ta ở Pháp tăng thêm. Điều đó sẽ chỉ xảy ra trong trường hợp nguy cơ bên trong chín muồi đến mức dẫn tới bùng nổ.

*Do C.Mác viết ngày 18 tháng Mười một
1861*

*Đã đăng trên báo "Die Presse" số 322, ngày
23 tháng Mười một 1861*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

VIỆC CÁCH CHỨC PHRI-MÔN

Việc cách chức Phri-môn khỏi chức vụ tổng chỉ huy quân đội ở Mi-su-ri là một điểm nút trong lịch sử phát triển của cuộc Nội chiến ở Mỹ. Phri-môn phải chuộc hai lỗi lầm lớn. Ông ta vốn là ứng cử viên đầu tiên của đảng cộng hòa vào chức vụ tổng thống (năm 1856) và ông ta cũng là viên tướng đầu tiên của miền Bắc, đã đe dọa các chủ nô bằng việc giải phóng nô lệ (ngày 30 tháng Tám 1861)²¹⁸. Như vậy, ông ta vẫn là một địch thủ đối với các ứng cử viên tương lai tranh chức tổng thống và là một trở ngại đối với những người chủ trương thỏa hiệp hiện nay.

Hai thập kỷ vừa qua ở Hợp chúng quốc đã có một cách làm độc đáo - không bầu làm tổng thống những người giữ một địa vị quan trọng trong đảng mình. Đánh rằng tên tuổi của những người như vậy được sử dụng để vận động bầu cử, nhưng một khi thời điểm quyết định đến thì người ta từ bỏ họ và thay thế bằng những nhân vật tầm thường không tên tuổi, chỉ có ảnh hưởng trong phạm vi địa phương. Bằng cách đó các ông Pôn-cơ, Piéc-xơ, Biu-kê-nen và những người khác đã trở thành tổng thống. Cũng bằng cách đó mà A. Lin-côn đã được bầu làm tổng thống. Tướng En-driu Giéch-xơn là tổng thống gần đây của Hợp chúng quốc được bầu nhờ vào tầm quan trọng cá nhân của mình, còn tất cả những người tiền nhiệm của ông thì, trái lại, được bầu là nhờ sự không quan trọng của cá nhân mình.

Trong các cuộc bầu cử năm 1860 những tên tuổi nổi bật của đảng cộng hòa là Phri-môn và Xi-uốt. Được nổi danh nhờ những hoạt động của mình trong thời kỳ chiến tranh Mê-hi-cô²¹⁹, nhờ cuộc thám hiểm táo bạo ở Ca-li-phoóc-ni-a và nhờ việc ứng cử trong các cuộc bầu cử năm 1856, Phri-môn là một nhân vật quá nổi bật để được người ta dù chỉ là chú ý đến, khi vấn đề đặt ra là thắng lợi của đảng cộng hòa, chứ không còn là biểu dương thanh thế nữa. Cho nên ông đã không ra ứng cử. Xi-uốt thì khác, ông này là thượng nghị sĩ cộng hòa trong Quốc hội ở Oa-sinh-tơn, thống đốc bang Niu Oóc và chắc chắn là nhà hùng biện xuất sắc nhất của đảng cộng hòa từ khi đảng này mới thành lập. Cần phải có một loạt thất bại nhục nhã để buộc ngài Xi-uốt từ bỏ việc ra ứng cử và đứng ra với tư cách nhà hùng biện đỡ đầu cho ông A.Lin-côn là người lúc đó còn tương đối ít được biết đến. Nhưng khi ông ta thấy mưu toan ra ứng cử của mình bị thất bại thì ông ta, với tư cách là Ri-sơ-li-ơ của đảng cộng hòa, đã đề nghị được phục vụ con người mà ông ta coi là Lu-i XIII của đảng cộng hòa. Ông đã góp phần cho việc bầu Lin-côn làm tổng thống, với điều kiện là Lin-côn sẽ cử ông làm quốc vụ khanh - một chức vụ mà trên một mức độ nào đó có thể so sánh với chức thủ tướng Anh. Thật vậy, một khi Lin-côn được bầu làm tổng thống thì Xi-uốt sẽ được bảo đảm chức vụ quốc vụ khanh. Và lập tức xảy ra một sự thay đổi kỳ lạ trong lập trường của Đê-mô-xten của đảng cộng hòa, người mà trước đó nổi tiếng là đã dự kiến sẽ có "irrepressible conflict" (cuộc xung đột không tránh khỏi) giữa chế độ lao động tự do và chế độ nô lệ²²⁰ được bầu ngày 6 tháng Mười một 1860, nhưng Lin-côn chỉ nhận chức vụ tổng thống vào ngày 4 tháng Ba 1861. Trong khoảng thời gian đó, trong kỳ họp mùa đông của quốc hội, Xi-uốt trở thành trung tâm của tất cả mọi mưu toan thỏa hiệp; những cơ quan ngôn luận của miền Nam ở miền Bắc, như tờ "New - York Herald" chẳng hạn, là tờ báo từ trước đến nay vẫn

coi Xi-uốt là bê-te noire^{1*} bỗng nhiên bắt đầu ca tụng ông ta là nhà chính khách hiện thân của sự hòa giải, và trên thực tế, không phải là lỗi của ông ta, nếu hòa ước không được ký kết với bất cứ giá nào. Xi-uốt công khai coi chức vụ quốc vụ khanh hiện tại chỉ là một nấc thang chuẩn bị và lo chạy vạy cho chức tổng thống tương lai nhiều hơn là lo cho "cuộc xung đột không ngăn chặn được" hôm nay. Ông ta đã cung cấp một bằng chứng mới chỉ ra rằng người có tài hùng biện là những chính khách nguy hiểm bởi tính hạn chế của mình. Chỉ cần đọc các công hàm của ông ta thì đủ rõ! Một mớ hồ lớn kinh tởm kết hợp những lời lẽ đao to búa lớn với những sự nhỏ nhen về tình thần, sự phô trương sức mạnh với sự yếu đuối trong thực tế!

Như vậy, đối với Xi-uốt, Phri-môn là một đối thủ nguy hiểm cần phải trừ diệt, - đây là một việc làm hình như càng dễ dàng hơn khi mà Lin-côn, trung thành với lẽ lối luật sư của mình và xa lạ với mọi sự độc đáo, lo bám lấy câu chữ của hiến pháp và sợ bất cứ bước đi nào có thể làm cho những chủ nô "trung thành" ở các bang biên giới lo lắng. Tính cách của Phri-môn hoàn toàn khác, ông này rõ ràng là con người có thiên hướng kiểu cách, ít nhiều khoa trương và ngạo mạn, không xa lạ với phong cách bay bổng lâm ly. Thoạt đầu chính phủ tìm cách dùng một loạt cuộc la rầy nhỏ nhặt để buộc ông ta tự nguyện từ chức. Khi làm như thế không được, chính phủ đưa ông ta ra khỏi chức chỉ huy vào lúc mà quân đội do chính ông ta tổ chức ra vừa mới chuyển sang tấn công ở Tây-Nam Mi-su-ri và sắp có một trận đánh quyết định.

Phri-môn là thần tượng của các bang Tây - Bắc, những bang này tôn vinh ông ta là "pathfinder" (nhà thám hiểm)²²¹. Họ coi việc phế truất ông là một sự lăng nhục cá nhân. Nếu chính phủ liên

bang còn bị một số thất bại nữa kiểu như Bun-Ran hoặc Bôn-xơ-Bla-phơ²²², thì có thể nói rằng bản thân nó sẽ tạo ra một phái đối lập do Giôn Phri-môn cầm đầu, lúc đó phái này sẽ chống lại chính phủ hiện nay và chấm dứt chế độ ngoại giao hiện nay trong cách tiến hành chiến tranh. Còn về thông báo của bộ chiến tranh ở Oa-sinh-tơn kết tội vị tướng bị cách chức thì sau này chúng tôi sẽ đề cập tới.

*Do C.Mác viết khoảng ngày 19 tháng Mười
một 1861
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 325, ngày
26 tháng Mười một 1861*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

1* - đồ đáng ghét

PH.ĂNG-GHEN

CÁC SĨ QUAN QUÂN TÌNH NGUYỆN

"Trung úy A. B bị miễn nhiệm vì hành vi không đứng đắn; thiếu úy C. D bị gạch tên trong danh sách; đại úy E. Ph. bị miễn nhiệm trong quân đội Hợp chúng quốc" - đó là một số thí dụ về những tin tức quân sự mới nhất mà đại đa số là do chúng tôi nhận được từ châu Mỹ.

Trong tám tháng gần đây Hợp chúng quốc có một đội quân tình nguyện rất đông trong thành phần quân đội đang hoạt động; họ không tiếc sức cũng như phương tiện để làm cho đội quân này có khả năng chiến đấu thật sự, ngoài ra, đội quân này còn có một ưu thế là hầu như suốt thời gian đó nó nằm trong cự ly quan sát được những đồn tiền tiêu của một kẻ thù không bao giờ dám tấn công nó cả khối hay truy kích nó sau thất bại. Những hoàn cảnh thuận lợi ấy ắt phải bổ cứu được trên một mức độ rất lớn cho những khuyết điểm trong việc tổ chức quân tình nguyện ở Hợp chúng quốc; cho sự ủng hộ rất yếu ớt mà họ nhận được ở một quân đội chính quy rất nhỏ làm hạt nhân cho họ, và cho tình trạng thiếu sĩ quan và huấn luyện viên có kinh nghiệm. Bởi vì, chúng ta không được quên rằng, ở Mỹ có nhiều người sẵn sàng giúp đỡ việc tổ chức quân tình nguyện và làm những việc thích hợp với công việc đó, một phần là những sĩ quan và binh lính Đức đã trải qua huấn luyện chính quy và đã tham gia chiến đấu trong thời kỳ

chiến dịch 1848 - 1849, một phần là những binh lính Anh đã di cư trong thời gian mười năm gần đây.

Và thế là, nếu trong những hoàn cảnh ấy việc thanh lọc thường xuyên thành phần sĩ quan trở nên cần thiết, thì đó là dấu hiệu của một sự yếu kém nào đấy, một sự yếu kém không phải vốn có của bản thân chế độ quân tình nguyện, mà là của chế độ chọn tuyển, bởi chính bản thân quân tình nguyện, thành phần sĩ quan của quân tình nguyện đã không có sự lựa chọn đầy đủ, ngay trong hàng ngũ của họ, và chỉ sau một chiến dịch tám tháng, đứng đối mặt với kẻ thù, Chính phủ Hợp chúng quốc mới quyết định yêu cầu các sĩ quan tình nguyện xác định, trên mức độ nào đó, tư cách sẵn sàng của mình đối với những nghĩa vụ mà họ bắt tay thực hiện khi họ mang danh hiệu sĩ quan; và hãy xem hậu quả là biết bao nhiêu người tự nguyện hoặc buộc phải từ chức, biết bao nhiêu người bị thải hồi một cách nhục nhã. Không nghi ngờ gì cả là nếu quân đội Pô-tô-mác của Hợp chúng quốc phải đương đầu với những đội quân được tăng cường và liên kết lại bởi một số lượng thích đáng quân lính nhà nghề, thì có lẽ từ lâu nó đã bị đánh tan mặc dù nó có số lượng đông và quân lính của nó chắc chắn là có tinh thần dũng cảm cá nhân.

Những sự thật ấy có thể dùng làm bài học tốt cho những người tình nguyện Anh. Như một số bạn đọc chúng ta có thể nhớ lại, ngay từ khi tờ "Volunteer Journal" mới ra đời, chúng tôi đã khẳng định^{1*} rằng các sĩ quan là chỗ yếu của chế độ tình nguyện, và đã chủ trương phải sát hạch đối với các sĩ quan sau một kỳ hạn nhất định, kiểm tra xem ít ra là họ có đủ khả năng để phù hợp với việc hoàn thành những nghĩa vụ được giao hay không. Phần lớn các ngài có trách nhiệm chỉ huy binh lính và huấn luyện họ về một lĩnh vực mà đương thời các ngài ấy cũng không am hiểu gì

1* - Xem tập này, tr. 184-186.

hơn bản thân binh lính, đều có thái độ coi nhẹ ý tưởng ấy. Đó là thời kỳ mà người ta coi thường như nhau mọi sự giúp đỡ của chính phủ cũng như sự can thiệp của nó. Nhưng từ lúc đó việc kêu gọi túi tiền của chính những ngài ấy đã trở nên khá khó khăn và đã buộc họ phải yêu cầu sự tài trợ của chính phủ; và như tình hình thường xảy ra trong quan hệ với các chính phủ, điều đó đồng thời cũng có nghĩa là kêu gọi chính phủ can thiệp. Ngoài ra, kinh nghiệm hai năm đã làm bộc lộ khá rõ ràng những khuyết tật của chế độ đưa sĩ quan vào các đơn vị quân tình nguyện như hiện nay. Bây giờ chúng tôi đã được một sĩ quan Luân Đôn cho biết, như người ta thấy, một tin tức hoàn toàn có thể tin cậy nói rằng, các sĩ quan tình nguyện chẳng bao lâu sẽ được mời ra trước một hội đồng sát hạch để kiểm tra khả năng chỉ huy của họ.

Chúng ta chân thành mong muốn điều đó sẽ diễn ra như vậy. Vấn đề là ở chỗ trong giới sĩ quan tình nguyện Anh cũng cần có một sự thanh lọc ở một mức độ nào đó. Hãy nhìn vào một tiểu đoàn bộ binh trong tập luyện và hãy so sánh nó với một tiểu đoàn quân tình nguyện. Điều mà quân tình nguyện phải làm trong một giờ rưỡi thì binh lính của đội quân chính quy làm không đến nửa giờ. Chúng ta đã nhìn thấy rất nhiều đội hình hình vuông mà một số tiểu đoàn ưu tú nhất của quân tình nguyện Anh thực hiện, và chúng ta phải nói rằng sẽ là một đội kỵ binh vô tích sự, nếu nó không tiêu diệt được những đội hình hình vuông ấy trước khi các cánh sườn của chúng sẵn sàng nhả đạn. Đó không phải là lỗi của quân tình nguyện. Hình như họ hiểu biết nghĩa vụ của mình thấu đáo như người ta có thể mong đợi và đôi khi, thậm chí, đã thực hiện những nghĩa vụ ấy một cách cũng máy móc như các bạn thấy trong một tiểu đoàn bộ binh chính quy. Nhưng lính tình nguyện phải chờ đợi các sĩ quan đại đội là những người đã tỏ ra do dự không biết cần ra lệnh gì và khi nào thì phải ra lệnh. Như vậy, tính không quyết đoán và đôi lúc là sự lầm lẫn thể hiện trong việc bố trí đội hình, một điều đòi hỏi, hơn bất cứ việc gì khác, phải có

sự nhanh nhẹn trong lúc ra lệnh cũng như trong việc thực hiện mệnh lệnh - một sự nhanh nhẹn chỉ có thể có được qua một thực tiễn lâu dài. Và nếu tình hình đó xảy ra sau một thực tiễn hai năm, thì há chẳng phải đó là một bằng chứng chỉ ra rằng nhiều sĩ quan tình nguyện giữ những chức vụ mà họ không được chuẩn bị hay sao?

Trong khi đó, các chỉ huy tiểu đoàn cách đây không lâu đã nhận được lời khen ngợi hết sức cao của một nhân vật có rất nhiều thẩm quyền và uy tín. Người ta nói rằng họ hình như đã được đào tạo cho công việc của mình trong khi ở các sĩ quan đại đội thì không phải bao giờ tình hình cũng như vậy. Chúng tôi hoàn toàn không có ý, như đã nói rõ ở trên, bác bỏ lời tuyên bố vừa rồi, nhưng chúng tôi phải nói rằng, nếu nhà chức trách cao cấp đã nêu ở trên nhìn thấy các vị trung tá và thiếu tá không phải trong một cuộc duyệt binh lớn mà trong một buổi huấn luyện cấp tiểu đoàn thông thường thì ý kiến chắc chắn sẽ ít nhiều khác đi. Trong một cuộc duyệt binh lớn không một sĩ quan cao cấp nào chỉ huy tiểu đoàn, nếu ông ta không được đào tạo đầy đủ cho việc thực hiện nghĩa vụ của mình, lại bắt tay hành động với trách nhiệm cá nhân của mình. Ông ta có sĩ quan tham mưu phụ tá là người biết cần phải làm gì; ông ta sẽ sử dụng thích đáng những gợi ý của viên sĩ quan này và hoàn thành có kết quả công việc của mình, trong khi người chỉ huy bất hạnh phải thực hiện được chẳng hay chớ nghĩa vụ của mình mà không có ai là người gợi ý. Nhưng hãy nhìn cũng viên sĩ quan cao cấp ấy trong thời gian huấn luyện cấp tiểu đoàn. Ở đây không có con mắt tướng lĩnh chăm chú quan sát ông ta; ở đây ông ta là quyền lực tối cao; và ở đây sĩ quan phụ tá thường khi phải giữ vị trí mà điều lệnh của nữ hoàng đã chỉ ra cho ông ta và phải giữ lại lời khuyên của mình, khi người ta chưa hỏi đến, hay khi chưa xảy ra hỗn loạn hoàn toàn. Đó là cái nơi mà các ngài nhìn thấy vị sĩ quan tình nguyện cao cấp dưới ánh sáng thực sự. Ở đây, trong buổi tập luyện cấp tiểu đoàn ông ta phải chỉ đạo các binh lính tình nguyện của mình, nhưng vì bản thân ông ta còn xa mới có trình độ hoàn thiện

trong khoa học ấy, cho nên ông ta lợi dụng sự có mặt của quân tình nguyện để tự đào tạo mình về khoa học này. Như câu ngạn ngữ xưa có nói, *docendo discimus*^{1*}. Nhưng nếu ông thầy tự mình không vững vàng trong nghệ thuật mà ông ta phải dạy, thì có thể nảy sinh và, tiếc thay, rất thường là sẽ nảy sinh những thiếu sót và lầm lẫn. Điều đó sẽ không giúp cho thành công của quân tình nguyện trong cuộc luyện tập cấp tiểu đoàn, cũng như không góp phần làm cho quân tình nguyện tin cậy vào người chỉ huy của mình, một khi binh lính phát hiện ra rằng luyện tập cấp tiểu đoàn đối với họ chỉ có nghĩa là đem lại cho sĩ quan cấp trên chỉ huy họ cơ hội để tự mình học tập; trong khi đó thì người ta dồn họ về phía sau và lên phía trước một cách không có mục đích và tính toán rằng họ ắt phải sửa chữa thiếu sót của viên sĩ quan cấp trên bằng những kiến thức hết sức tuyệt diệu của mình.

Chúng tôi không có ý nói rằng các sĩ quan chỉ huy quân tình nguyện đã không có những cố gắng nào đó để học tập nghĩa vụ của mình; nhưng chúng tôi muốn nói rằng nếu các sĩ quan đại đội không thể được tạo ra một cách dễ dàng từ những con người thường dân, như người lính thường, thì việc tạo ra những sĩ quan cao cấp càng khó khăn hơn. Chỉ có căn cứ vào kinh nghiệm huấn luyện cấp tiểu đoàn, chúng ta mới có thể đi tới kết luận rằng chỉ những nhà quân sự chuyên nghiệp mới có thể chỉ huy các tiểu đoàn. Và nếu chúng ta cho rằng huấn luyện chỉ là một bộ phận trong các nghĩa vụ của sĩ quan cao cấp và người chỉ huy tiểu đoàn có thể được phái đi làm một nhiệm vụ độc lập ở nơi ông ta phải hành động theo trách nhiệm cá nhân mình, cần có những kiến thức về chiến thuật cao hơn, thì chúng ta cũng phải nói rằng sẽ là rất đáng buồn khi thấy tính mạng của 600 hoặc 1000 binh lính

sẽ được phó thác vào sự lãnh đạo của những con người thường dân hiện đang là số rất đông các chỉ huy tiểu đoàn.

Hãy tin chắc rằng, nếu quân tình nguyện Anh một lúc nào đó mặt đối mặt với kẻ thù, thì điều đó sẽ diễn ra không phải trong những hoàn cảnh thuận lợi như hoàn cảnh hiện đang cho phép Chính phủ Mỹ thanh lọc những người kém khả năng nhất ra khỏi hàng ngũ các sĩ quan tình nguyện của mình. Nếu quân tình nguyện Anh được huy động thì họ sẽ phải đánh nhau không phải với cũng một quân đội tình nguyện như vậy, mà với một quân đội có kỷ luật nhất, năng động nhất của châu Âu. Ngay những cuộc chiến đấu đầu tiên sẽ có tính chất quyết định và hãy tin chắc rằng nếu xảy ra những dao động hay hỗn loạn nào đó do sự chỉ huy không đúng đắn của các trung đoàn trưởng, hay do sự thiếu kiên quyết của các tiểu đoàn trưởng - thì tình hình đó sẽ lập tức được lợi dụng. Đứng trước kẻ thù sẽ không có thì giờ để thanh lọc, và vì vậy chúng ta hy vọng rằng sự thanh lọc sẽ được tiến hành khi vẫn còn thời gian.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào giữa tháng Mười
một 1861*

*Đã đăng trên tạp chí "The Volunteer
Journal, for Lancashire and Cheshire" số
64, ngày 22 tháng Mười một 1861
Ký tên: Ph.Ă.*

*In theo bản đăng trên tạp
chí*

Nguyên văn là tiếng Anh

1* - dạy học là tự dạy mình

C.MÁC

VỤ ĐỤNG ĐỘ VỚI TÀU "TÔ-REN-TÔ"

Luân Đôn, ngày 28 tháng Mười một

Sự đụng độ của tàu bưu chính Anh "Tô-ren-tô" với tàu chiến Bắc Mỹ "Xan-Đgia-xin-tô" ở đoạn hẹp của con sông đào Ba-ha-ma cũ là sự kiện đáng chú ý của thời cuộc. Chiều ngày 27 tháng Mười một, chiếc tàu bưu chính "La-Pla-ta" đưa tin về sự kiện đó ở Xao-hê-m-pton, từ đó điện báo về tin ấy lập tức được loan truyền nhanh như chớp đi khắp các nơi ở nước Anh. Cũng chiều đó, sở giao dịch Luân Đôn trở thành sân khấu trình diễn những kịch cảnh sôi động giống như những cảnh đã diễn vào thời kỳ tuyên bố cuộc chiến tranh I-ta-li-a. Thị giá quốc phiếu sụt từ 3/4 xuống 1%. Những lời đồn đại thất thiệt nhất lan truyền khắp Luân Đôn. Người ta nói, dường như sứ giả Mỹ A-đam đã nhận được những tấm hộ chiếu, dường như ở tất cả các tàu thuyền của Mỹ nằm trên sông Tê-m-dơ đều bị phong tỏa v.v.. Đồng thời, ở sở giao dịch Li-vóc-pun các thương nhân đã triệu tập một cuộc mít tinh phản kháng để yêu cầu Chính phủ Anh áp dụng các biện pháp trả đũa vì vinh dự của lá cờ Anh đã bị xúc phạm. Mỗi người dân Anh có lí trí lành mạnh đều lên giường nằm ngủ với niềm tin vững chắc rằng anh ta sẽ ngủ yên trong hòa bình, nhưng sẽ thức dậy trong tình trạng chiến tranh.

Nhưng mặc dù tất cả những điều đó, có thể khẳng định gần như dứt khoát rằng cuộc đụng độ giữa tàu "Tô-ren-tô" và tàu

"Xan-Đgia-xin-tô" không mang trong nó *một nguy cơ chiến tranh nào*. Báo chí bán chính thức loại như "Times" và "Morning Post" kêu gọi bình tĩnh và tìm cách dập tắt ngọn lửa nhiệt tình bằng những nghị luận pháp lý lạnh lùng. Các tờ báo loại như "Daily Telegraph", thường gào lên bảo vệ con sư tử Anh khi có một mot d'ordre^{1*} nhỏ nhẹ nhất thì nay tỏ ra là một mẫu mực thật sự về tính ôn hoà. Chỉ có báo chí đối lập thuộc phái To-ri - "Morning Herald" và "Standard"²²³ là lồng lộn lên. Tất cả sự thật đó buộc những ai am hiểu những sự việc như vậy, phải đi đến kết luận rằng, nội các đã có quyết định không biến cái "untoward event" (sự kiện không hay) thành casus belli^{2*}.

Ngoài ra, sự kiện đó, đã có thể dự kiến được từ trước, mặc dầu không phải trong tất cả các chi tiết diễn biến của nó. Ngài Xlai-đen, sứ giả của Liên minh ở Pháp và Mê-don, sứ giả của Liên minh ở Anh, cùng với các tuỳ viên của mình là I-u-xti-xơ và Mác-Pha-rơ-lan, ngày 12 tháng Mười đã dùng tàu "Tê-ô-đô-ra" phá vỡ sự phong tỏa Sác-lơ-xton, đi đến Ha-va-na để tìm cách từ đó trở về châu Âu dưới lá cờ Anh. Họ được chờ đợi ở Anh từ ngày này qua ngày khác. Các tàu chiến Bắc Mỹ rời Li-vóc-pun, để chặn các ngài ấy lại cùng với những công hàm của họ ở bên kia Đại Tây Dương. Chính phủ Anh đã đặt ra cho các nhà tư vấn pháp lý chính thức của mình xét xem, liệu người Bắc Mỹ có quyền làm một việc như vậy không. Người ta nói rằng các nhà tư vấn pháp lý đã trả lời một cách khẳng định.

Xét về phương diện pháp lý, vấn đề xoay trong một cái vòng luẩn quẩn. Ngay từ thời kỳ hình thành Hợp chúng quốc, Bắc Mỹ đã áp dụng luật biển của *Anh* hết sức chặt chẽ. Điều khoản cơ

1* - khẩu lệnh

2* - cái cớ gây chiến tranh

bản của luật biển này nói rằng tất cả các tàu buôn trung lập đều chịu sự *lục soát* của các cường quốc đang tham chiến.

"Quyền đó", - huân tước Xtâu-oen tuyên bố trong một lời phán quyết đã trở thành nổi tiếng của mình như vậy - "là bảo đảm duy nhất để cho không có hàng buôn lậu nào được chở trên các tàu thuyền trung lập".

Ken-tơ, nhà chức trách cao cấp nhất của Mỹ cũng nói theo tinh thần đó:

"Quyền đó nảy sinh từ quyền của các quốc gia tham chiến được tự bảo vệ mình. Học thuyết của các tòa án thủy quân *Anh* về quyền kiểm tra và lục soát được các tòa án của nước ta hoàn toàn thừa nhận".

Hoàn toàn không phải sự chống đối lại quyền lục soát, như đôi khi người ta giả định một cách sai lầm, đã gây nên cuộc chiến tranh Anh - Mỹ năm 1812 - 1814²²⁴. Nước Mỹ tuyên bố cuộc chiến tranh đó đúng ra là vì nước Anh đã tự cho mình có quyền *lục soát một cách phi pháp* ngay cả những tàu chiến Mỹ với lý do tìm kiếm thủy thủ đào ngũ của Anh.

Như vậy, tàu "Xan Đgia-xin-tơ" có quyền lục soát tàu "Tơ-ren-tơ" và tịch thu hàng lậu có ở trên đó. Còn như các công hàm trong tay Mê-dơn, Xlai-đen và những người cùng đi đều thuộc về loại hàng lậu thì ngay cả các tờ "Times", "Morning Post" v.v., đều đã thừa nhận. Vấn đề vẫn còn chưa chỉ rõ là: coi các ngài Xlai-đen, Mê-dơn và những người cùng đi thuộc loại hàng lậu thì có thỏa đáng hay không và vì lý do đó, họ có bị tịch thu hay không! Điểm này khá tế nhị, và về điểm này các tiến sĩ luật đang có quan điểm khác nhau. *Prát-tơ*, người có thẩm quyền lớn ở Anh về vấn đề "buôn lậu" trong mục "*Hàng nửa lậu - công hàm, hành khách*" đặc biệt nhắc đến "việc chuyển tin tức và mệnh lệnh của một chính phủ tham chiến nào đó cho các tay chân ngoại quốc của nó hay việc chở hành khách nhà binh"²²⁵. Các Ngài Mê-dơn và Xlai-đen không phải là sĩ quan, đồng thời cũng không phải là đại diện ngoại giao, bởi vì chính phủ họ không được Anh cũng như Pháp thừa nhận. Vậy thì họ là ai?

Trong hồi ký của mình, *Giép-phéc-xơn*, khi biện hộ cho khái niệm hàng lậu hết sức rộng mà nước Anh dùng trong thời gian chiến tranh Anh - Pháp²²⁶, đã nhận xét rằng, xét theo tính chất của nó, hàng lậu, loại trừ mọi định nghĩa, dứt khoát và không tránh khỏi mở đường rộng rãi cho sự tùy tiện. Nhưng trong mọi trường hợp, người ta thấy rằng *vấn đề pháp lý* này được chuyển từ miếng đất pháp luật Anh sang miếng đất những cuộc luận chiến kiểu Đun-xơ Xcốt²²⁷, mà tiếng vang của chúng thì không vượt ra khỏi phạm vi trao đổi công hàm ngoại giao.

Khía cạnh chính trị trong hành động của người Bắc Mỹ được tờ "Times" đánh giá hoàn toàn chính xác trong những câu như sau:

"Thậm chí ngài Xi-uốt cũng phải thừa nhận rằng tiếng nói của các phái viên miền Nam vang lên từ nơi tù ngục mang tính thuyết phục nhiều hơn ngàn lần ở Luân Đôn và Pa-ri so với trường hợp tiếng nói đó vang lên ở Xanh-Giêm-xơ hay Tuyn-lơ-ri".

Và ngoài ra, há chẳng phải Liên minh đã có đại diện ở Luân Đôn là các ngài I-an-xi và Man hay sao?

Chúng ta coi hành động gần đây của ngài Xi-uốt như một trong những điều thiếu tế nhị đặc trưng của sự yếu đuối quá tự tin tìm cách tỏ ra mình là sức mạnh. Nếu cuộc phiêu lưu trên biển này đẩy nhanh việc gạt bỏ Xi-uốt ra khỏi nội các Oa-sinh-tơn, thì Hợp chúng quốc sẽ không có lý do nào để ghi câu chuyện này vào biên niên sử cuộc nội chiến của mình như một "untoward event"

Do C.Mác viết ngày 28 tháng Mười một
1861

Đã đăng trên báo "Die Presse" số 331, ngày
2 tháng Chạp 1861

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

CUỘC XUNG ĐỘT ANH - MỸ

Luân Đôn, ngày 29 tháng Mười một

Các luật gia của Hoàng cung²²⁸ hôm qua ắt phải nói lên ý kiến của mình về sự kiện trên biển ở eo Ba-ha-mát. Các văn kiện tố tụng của họ gồm có những tường trình viết của những sĩ quan Anh vẫn còn ở lại trên tàu "*Tơ-ren-tơ*" và những lời phát biểu của trưởng tàu Uy-li-am-xơ đã ở trên tàu "*Tơ-ren-tơ*" với tư cách là đại diện tư lệnh hải quân, và đã từ tàu "*La-Pla-ta*" đến Xao-hêm-pton ngày 27 tháng Mười một, từ đây ông nhận được điện khẩn triệu về Luân Đôn. Các luật gia của Hoàng cung đã thừa nhận "*Xan-Đgia-xin-tơ*" được quyền khám xét và lục soát tàu "*Tơ-ren-tơ*". Về điểm này không thể có bất cứ hoài nghi nào, bởi vì lời tuyên bố trung lập của nữ hoàng Vích-tô-ri-a vào đầu cuộc Nội chiến ở Mỹ liệt kê một cách hoàn toàn rõ ràng *các công hàm* vào loại hàng lậu²²⁹. Như vậy còn lại một vấn đề chưa rõ là bản thân các ngài Mê-dơn, Xlai-đen và đồng bọn có phải là hàng lậu không và do đó họ có bị tịch thu không. Các luật gia của Hoàng cung hẳn giữ quan điểm như vậy, và họ đã bỏ qua toàn bộ vấn đề quyền *vật chất*. Theo tường trình của tờ "*Times*" thì ở phần kết, họ chỉ buộc tội chỉ huy tàu "*Xan-Đgia-xin-tơ*" là có *sai sót về thủ tục*. Thay vì tóm cổ các ngài Mê-dơn, Xlai-đen và đồng bọn, ông ta ắt đã bắt giữ chính ngay tàu "*Tơ-ren-tơ*", kéo nó đến cảng gần nhất của Mỹ và tại đó chuyển cho tòa án hải sự Bắc Mỹ xét xử²³⁰. Dĩ nhiên,

đó là thủ tục phù hợp với luật biển của Anh và do đó cả của Mỹ nữa.

Điều đương nhiên nữa là trong thời gian chiến tranh chống Gia-cô-banh, người Anh cũng đã thường vi phạm nguyên tắc này và đã hành động, như "*Xan-Đgia-xin-tơ*" mà không cần tôn trọng thủ tục cần thiết. Dù sao thì cũng nhờ có quyết định này của các luật gia Hoàng cung mà toàn bộ cuộc xung đột quy lại chỉ là *sai lầm về kỹ thuật* và do đó mất hết mọi ý nghĩa trực tiếp. Đối với Chính phủ Hợp chúng quốc chấp nhận một sự giải thích như vậy, và do đó, tỏ thái độ đầu dũa một cách đúng mực, cũng dễ dàng hơn nhờ hai điểm. Một là, viên chỉ huy chiếc tàu "*Xan-Đgia-xin-tơ*" là thuyền trưởng Uyn-xơ không thể nhận một chỉ thị trực tiếp nào từ Oa-sinh-ton. Từ châu Phi trở về Niu-Oóc, ngày 2 tháng Mười một ông ta đến Ha-va-na, ngày 4 tháng Mười một đã rời Ha-va-na, trong khi đó xung đột với tàu "*Tơ-ren-tơ*" xảy ra ngày 8 tháng Mười một trên biển cả. Chỉ hai ngày ở lại Ha-va-na, thuyền trưởng Uyn-xơ không có cơ hội liên lạc với chính phủ mình. Công sứ của Hợp chúng quốc là đại biểu duy nhất của chính quyền Mỹ mà ông ta có thể bàn bạc công việc. Hai là, rõ ràng ông ta đã mất bình tĩnh, việc ông ta từ chối giao công hàm chứng tỏ điều đó.

Tầm quan trọng của sự kiện này trong tác động tinh thần đối với nhân dân Anh là ở chỗ những người Anh - bạn của phái ly khai - các nhà kinh doanh bông, nhờ đó mà có thể dễ dàng kiếm chác vốn liếng chính trị. Cuộc mít - tinh phản đối do họ triệu tập ở Li-vóc-pun mà tôi đã nhắc đến trước đây^{1*} đã nói lên tính cách của những người này. Cuộc mít-tinh diễn ra vào ba giờ chiều ngày 27 tháng Mười trong phòng bán đấu giá bông của sở giao dịch

1* Xem tập này, tr. 509-512

Li-vốc-pun, một tiếng đồng hồ sau thì nhận được bức điện báo đầy lo âu đánh đi từ Xao-hêm-pton.

Sau những mưu toan vô ích nhằm buộc chính phủ chấp nhận ngài Quy-nác-đơ, chủ hãng tàu Quy-nác-đơ chuyên chạy từ Li-vốc-pun sang Niu Oóc và những vị tai to mặt lớn khác của giới thương nghiệp - vào chúc chủ tọa, thì cái ghế này thuộc về một thương gia trẻ tuổi tên là Spen-xơ, một người nổi tiếng vì bài thơ nhạo báng của ông đề bảo vệ nền cộng hòa chiếm hữu nô lệ²³¹. Bất chấp quy tắc các cuộc mít-tinh ở Anh, bản thân chủ tọa đã đưa ra kiến nghị "yêu cầu chính phủ bảo vệ uy danh của lá cờ Anh quốc, bằng cách đòi phải lập tức, bồi thường danh dự vì sự xúc phạm đã gây ra". Kiến nghị này đã được hưởng ứng bằng sự tán thành sôi nổi, bằng những tràng vỗ tay và những tiếng hoan hô không dứt: Hoan hô, Hoan hô! Lý lẽ chủ yếu của người bảo vệ nền cộng hòa chủ nô là: lá cờ Mỹ cho đến nay đã bảo vệ những chiếc tàu chở nô lệ khỏi bị lục soát; mặc dù nước Anh cho mình có quyền tiến hành những vụ khám xét như vậy. Thế mà về sau nhà bác ái này đã giáng cho chế độ buôn bán nô lệ những đòn chí tử! Ông ta thừa nhận rằng cuộc chiến tranh 1812-1814 với Hợp chúng quốc là do Anh gây ra, bởi vì Anh đã khẳng khái đòi quyền kiểm tra tàu chiến Mỹ nhằm mục đích tìm ra những thủy thủ Anh đào ngũ.

"Nhưng có một sự khác nhau lớn biết bao" - ông ta tiếp tục nói, với một phép biện chứng kỳ lạ, - "giữa quyền lục soát để tìm người đào ngũ trốn khỏi hạm đội Anh và quyền dùng vũ lực cưỡng đoạt những con người hết sức đáng kính như các ngài Mê-dơn và Xlai-đen là những người hơn nữa lại đang được lá cờ Anh bảo vệ!".

Nhưng con chủ bài thì ông ta vẫn giữ cho đến cuối bài diễn văn tràng giang đại hải của mình.

"Mối đây", - ông ta gào lên, - "tôi đã ở trên lục địa châu Âu. Tôi đã phải đổ mặt vì xấu hổ khi nghe những nhận xét mà người ta nêu lên ở đây về thái độ của

chúng ta đối với Hợp chúng quốc. Mỗi con người có lương tri trên lục địa nói gì? Họ nói rằng, tại sao chúng ta cam cúi đầu chịu đựng mọi nỗi bất công, mọi sự xúc phạm đến danh dự của chúng ta từ phía Chính phủ Hợp chúng quốc. Tôi có thể đáp lại gì cho câu hỏi đó? Chỉ còn biết đỏ mặt lên mà thôi. Song, tức nước thì vỡ bờ. Sự kiên nhẫn của chúng ta đã kéo dài khá lâu, lâu cho đến chừng nào còn có thể nén được" (sự kiên nhẫn). "Cuối cùng, giờ đây chúng ta đang đứng trước những sự thật, và đó là một sự thật rất khó chịu và kinh dị! Và nghĩa vụ của mỗi người Anh là làm cho chính phủ hiểu tình cảm của đất nước vĩ đại này trước sự sỉ nhục đã gây ra cho lá cờ của nó là mạnh mẽ và nhất trí đến nhường nào".

Những lời ba hoa rỗng tuếch này đã được người ta vỗ tay hoan hô như sấm. Những lời phản bác của đối phương đều bị chìm đi trong tiếng la ó, tiếng huýt sáo, tiếng giậm chân thành thịch. Đáp lại nhận xét của một ngài Kem-pơ-ben nào đó cho rằng tất cả cuộc mít tinh đó được tiến hành "không theo quy tắc", ông Spen-xơ trả lời dõng dạc: "Thế đấy, nhưng bản thân sự thật mà chúng ta phải xem xét cũng trái với quy tắc". Trả lời đề nghị của một ngài Tớc-ne-rơ nào đó yêu cầu hoãn cuộc mít-tinh sang ngày hôm sau để "thành phố Li-vốc-pun cũng có thể tham gia và tên của nó không bị bẽ mặt bởi lá cờ bông tiếm đoạt", khắp mọi phía đã vang lên: "Tóm lấy cổ nó, quăng nó ra ngoài!". "Không may mắn bởi rồi, ngài Tớc-ne-rơ nhắc lại lời đề nghị của mình, nhưng lời đề nghị ấy, trái với tất cả mọi quy tắc mít-tinh ở nước Anh, đã không được đưa ra biểu quyết. Spen-xơ đã thắng. Nhưng trên thực tế không có gì giúp làm nguôi tâm trạng ở Luân Đôn bằng tin tức về thắng lợi này của ngài Spen-xơ.

*Do C.Mác viết ngày 29 tháng Mười một
1861*

*Đã đăng trên báo "Die Presse" số 332, ngày
3 tháng Chạp 1861*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

TIN TỨC VỀ VỤ "TƠ-REN-TƠ" VÀ NHỮNG ẮN TƯỢNG DO NÓ GÂY RA Ở LUÂN ĐÔN

Luân Đôn, ngày 30 tháng Mười một 1861

Từ lúc tuyên chiến với Nga, tôi chưa từng thấy trong mọi tầng lớp xã hội Anh có tình trạng bị kích động nào như tình trạng bị kích động khi được tin về vụ "Tơ-ren-tơ" do tàu "La-Pla-ta" đưa tới Xao-hêm-pton ngày 27 tháng này. Khoảng hai giờ chiều, tin về "sự cố không vui" do điện tín loan đi đã được người ta biết đến ở các phòng báo chí tất cả các sở giao dịch Anh. Mọi chứng khoán thương mại đều sụt giá, trong lúc đó thì giá xan-pét lại lên. Giá trái phiếu dài hạn của nhà nước thì hạ đến 3/4%, còn ở Lôi thì xuống tàu thủy ở Niu-Oóc, tiền bảo hiểm về rủi ro chiến tranh được định là 5 đồng ghi-nê. Rất khuya, ở Luân Đôn người ta nghe loan những tin đồn rất kỳ cục là công sứ Mỹ đã được trả lại hộ chiếu, là đã có lệnh tịch thu ngay tức khắc tất cả các tàu Mỹ ở các cảng của Vương quốc liên hiệp v.v.. Những người bạn của phái ly khai - các thương gia buôn bông ở Li-vóc-pun tận dụng thời cơ và trong vòng mười phút đã tập hợp trong phòng bán đấu giá bông của Sở giao dịch một cuộc mít-tinh phản đối, dưới quyền chủ tọa của ông Spen-xơ, tác giả một bài thơ trào phúng khó hiểu nào đó nhằm bảo vệ Hiệp bang miền Nam. Đại diện tư lệnh hải quân trên tàu "Tơ-ren-tơ", thuyền trưởng Uy-li-am-xơ, người đã có mặt trên tàu "La-Pla-ta", được cấp tốc triệu về Luân Đôn.

Ngày hôm sau, 28 tháng Mười một, báo chí Luân Đôn nói chung giữ thái độ rất tự kiềm chế, - thái độ tương phản kỳ lạ với sự kích động cố tưởng tượng nổi ngự trị trong các giới chính trị và thương mại chiều hôm qua. Các báo của Pan-móc-xtơn như "Times" "Morning Post", "Daily Telegraph", "Morning Advertiser" và "Sun"²³² đã nhận lệnh không được kích động mà phải trấn an. Báo "Daily News" phê phán hành vi của "Xan Đgia-xin-tơ", rõ ràng là muốn nhằm đụng chạm chính phủ liên minh ít hơn là nhằm cỗi cho mình mỗi ngờ vực là "có thành kiến với người Mỹ", trong lúc đó thì tờ "Morning Star"²³³, tờ báo của Giôn Brai-tơ khi im lặng để lảng tránh vấn đề có tính chính trị và sự sáng suốt của "hành vi" này, đã bảo vệ tính hợp pháp của nó. Chỉ có hai ngoại lệ trong khuynh hướng chung của báo chí Luân Đôn. Bọn bồi bút thuộc đảng To-ri của tờ "Morning Herald" và tờ "Standard", - hai tờ thực ra chỉ là một, mặc dù tên gọi khác nhau, - ra sức gào thét, reo vui một cách độc ác bởi lẽ rốt cuộc, đã lừa "phái cộng hoà" sa vào bẫy và tìm ra casus belli^{1*} có sẵn. Chỉ có một tờ báo ủng hộ họ, tờ "Morning Chronicle"²³⁴, báo này tìm cách kéo dài sự tồn tại thay lòng đổi dạ của mình, khi thì bán mình cho tên bỏ thuốc độc Pan-mơ, khi thì cho Tuy-lơ-ri. Con kích động của sở giao dịch đã dụ đi rất đáng kể nhờ có cái giọng bình tĩnh của những tờ báo chính ở Luân Đôn. Cùng ngày 28 tháng Mười một, thuyền trưởng Uy-li-am-xơ xuất hiện ở bộ tư lệnh hải quân và báo cáo về tình hình sự việc diễn ra ở sông đào Ba-ha-mát cũ. Báo cáo của ông cùng với những tờ khai của các sĩ quan có mặt trên tàu "Tơ-ren-tơ" được chuyển giao cho các luật gia của Hoàng cung là những người tận khuya mới đưa ra ý kiến chính thức chuyển cho huân tước Pan-móc-xtơn, hầu tước Rốt-xen và những thành viên khác của chính phủ xem xét.

1* - cố gây chiến

Ngày 29 tháng Mười một, người ta có thể thấy giới báo chí chính thức đã ít nhiều đổi giọng. Người ta đã bắt đầu biết rằng luật gia của Hoàng cung, do những nguyên nhân hình thức, đã tuyên bố hành động của chiến hạm "Xan-Đgia-xin-tơ" là *bất hợp pháp*, và biết rằng chính phủ được triệu tập họp sau đó một ngày, đã quyết định gửi theo chuyến tàu thủy tiếp sau một chỉ thị cho huân tước Lai-ôn-xơ yêu cầu phải hành động theo kết luận của các luật gia Anh. Từ lúc ấy sự khích động ở các trung tâm giao dịch chủ chốt - sở giao dịch, Lôi, Văn phòng Giê-ru-xa-lem, Công ty Ban-tích v.v. lại dâng lên mạnh gấp đôi và còn tăng thêm nữa khi có tin là chuyến hàng xan-pét định gửi sang Mỹ đã bị đình lại hôm qua và ngày 29, hải quan đã nhận được lệnh cấm chỉ xuất cảng hàng này sang bất cứ nước nào, trừ những trường hợp đã quy định chặt chẽ. Chứng khoán Anh sụt giá thêm 3/4% và trong cùng một thời gian tất cả các sở giao dịch đều bao trùm một không khí hoang mang thực sự, và thế là không thể ký kết giao dịch với bất kỳ chứng khoán có giá nào, và trong mọi ngành giá cả đều tuột xuống ghê gớm. Chiều hôm đó, không khí ở sở giao dịch có phần khá hơn nhờ những lời đồn đại khác nhau, mà chủ yếu vì nghe tin nói rằng theo ý kiến ông A-đam, chính phủ Oa-sinh-tơn rũ bỏ trách nhiệm về hành động của "Xan-Đgia-xin-tơ".

Ngày 30 tháng Mười một (hôm nay) tất cả các báo ở Luân Đôn trừ tờ "Morning Star", ngoại lệ duy nhất, đều nêu ra một sự lựa chọn: hoặc chính phủ Oa-sinh-tơn bồi thường, hoặc *chiến tranh*.

Sau khi đã trình bày tiến trình chung của các sự kiện từ lúc "La-Pla-ta" đến cho tới ngày hôm nay, giờ đây tôi chuyển sang những lời bình luận của báo chí. Về vấn đề bất các phái viên miền Nam trên tàu thủy đưa thư của Anh, dĩ nhiên ta phải tiếp cận từ hai góc độ: từ quan điểm pháp lý và quan điểm chính trị.

Về mặt pháp lý của sự việc, thì khó khăn đầu tiên mà báo chí của đảng To-ri và "Morning Chronicle" nêu ra bàn là Hợp chúng

quốc không bao giờ thừa nhận phái ly khai miền Nam là bên tham chiến và bởi vậy, chính họ không thể đòi quyền bên tham chiến.

Nguy biến này bị chính ngay báo chí chính thức bác bỏ tức thì.

"Chúng ta", - báo "Times" viết, - "đã thừa nhận các bang trong Hiệp bang là nước tham chiến và sẽ đến lúc thừa nhận chính phủ của họ. Do đó, chúng ta thừa nhận mình có mọi nghĩa vụ và mọi sự phiền toái của một nước trung lập trong quan hệ với hai bên tham chiến".

Bởi vậy, bất luận Hợp chúng quốc có thừa nhận phái Hiệp bang là bên tham chiến hay không thì họ vẫn có quyền đòi Anh phải chịu mọi nghĩa vụ và mọi sự phiền phức liên quan tới việc giữ thái độ trung lập trong cuộc chiến trên biển.

Bởi vậy, tất cả báo chí Luân Đôn, trừ những ngoại lệ nói trên, đều thừa nhận "Xan-Đgia-xin-tơ" được quyền tiến hành khám xét và lục soát tàu "Tơ-ren-tơ" nhằm mục đích kiểm tra trên tàu này có hàng hoặc người thuộc loại "hàng lậu quân sự" không. Báo "Times" viện dẫn rằng quyền đã thành tiền lệ của Anh "được tạo ra trong *những điều kiện hoàn toàn khác* với những điều kiện hiện nay", rằng "bấy giờ chưa có tàu thủy và tàu bưu chính chở bưu phẩm mà các dân tộc trên toàn thế giới trực tiếp quan tâm", rằng "chúng ta (những người Anh) *đấu tranh cho tồn tại* và bây giờ đã làm *điều* mà người ta *hẳn không cho phép* những người khác làm", - những viện dẫn ấy không có tính chất nghiêm túc. Tờ Moniteur^{1*} riêng của Pan-móc-xtơn, tức tờ "Morning Post", tuyên bố vào ngày hôm đó rằng tàu bưu chính - đó chỉ là tàu buôn và chúng không được đứng ngoài quyền lục soát vốn là quyền của tàu quân sự và tàu vận tải. Cả báo chí Luân Đôn lẫn giới luật gia của Hoàng cung, trên thực tế đều thừa nhận "Xan-Đgia-xin-tơ" được *quyền lục soát*. Lời bác bỏ rằng "Tơ-ren-tơ"

1* - tờ tin chính thức

đi từ một cảng trung lập này tới một cảng trung lập khác chứ không phải đi từ một cảng của bên tham chiến này tới bên tham chiến khác - bị đập gãy nhờ kết luận của huân tước Xtâu-oen nói rằng quyền lực soát được định ra để tìm hiểu vị trí quy định của một tàu thuyền. Tiếp đó, người ta nêu một câu hỏi: nã một phát đại bác trúng phần mũi tàu "Tơ-ren-tơ", rồi cho trái pháo nổ gần cạnh nó, thì liệu "Xan-Đgia-xin-tơ" có vi phạm tập quán và quy tắc xã giao phải tôn trọng khi thực hiện quyền kiểm tra và lục soát hay không? Nói chung, giới báo chí Luân Đôn thừa nhận rằng, vì tình tiết sự việc xảy ra cho đến nay chỉ mới được biết qua lời khai của một bên hữu quan, cho nên vấn đề thứ yếu như vậy không thể ảnh hưởng đến quyết định mà người ta đang chờ đợi ở Chính phủ Anh.

Một khi quyền lực soát mà "Xan-Đgia-xin-tơ" thực thi được thừa nhận như vậy, thì tàu này còn tìm tòi cái gì chứ? *Hàng lậu quân sự* mà nó tình nghi tàu "Tơ-ren-tơ" chở. Hàng lậu quân sự là gì? Phải chăng công hàm của một bên tham chiến là hàng lậu quân sự? Phải chăng hàng lậu quân sự là *người* chuyển những công hàm ấy? Và, trong trường hợp cả hai câu hỏi này đều được trả lời một cách khẳng định thì phải chăng những công hàm như vậy và những người chuyển chúng đều là hàng lậu quân sự, nếu như chúng được tìm thấy trên tàu buôn đi từ một cảng trung lập này tới một cảng trung lập khác? Giới báo chí Luân Đôn thừa nhận rằng những kết luận của các quan chức tư pháp tối cao ở cả hai bờ Đại Tây Dương quá trái ngược nhau và có thể được dẫn ra với cái vẻ chính đáng đến mức có thể xác nhận cả câu trả lời khẳng định lẫn câu trả lời phủ định, rằng trong bất luận trường hợp nào *prima facie*^{1*}, vấn đề đều được giải quyết theo hướng có lợi cho tàu "Xan-Đgia-xin-tơ".

1* - mới thoát nhìn qua

Phù hợp với ý kiến chủ đạo này của giới báo chí Anh, các luật gia vương quốc Anh đã hoàn toàn gạt thực chất vấn đề ra một bên và chỉ bàn về mặt hình thức của nó. Họ khẳng định rằng luật quốc tế bị vi phạm không phải *về thực chất* mà chỉ về *hình thức* mà thôi. Họ đi tới kết luận rằng "Xan-Đgia-xin-tơ" đã phạm sai lầm, bắt giữ các phái viên của miền Nam như là mình có trách nhiệm phải làm, thay vì dẫn "Tơ-ren-tơ" vào một cảng nào đó của phái Liên minh và chuyển vấn đề cho tòa án hải sự Liên minh, bởi vì không một tuần dương hạm vũ trang nào lại có quyền đảm nhiệm chức năng xét xử trên biển. Như vậy, điều duy nhất mà luật gia Anh quy lỗi "Xan-Đgia-xin-tơ" là vi phạm *thủ tục* và, theo tôi, họ kết luận như vậy là đúng. Hẳn có thể dễ dàng truy ra những tiền lệ cho thấy rằng Anh cũng đã vi phạm *thủ tục* của luật biển, song không thể cho rằng những vụ vi phạm pháp luật lại thay thế cho chính bản thân pháp luật.

Giờ đây có thể bàn vấn đề là, liệu có nên lập luận rằng, yêu cầu của Chính phủ Anh đòi thả những phái viên của miền Nam là sự vi phạm mà chính người Anh thừa nhận về *hình thức* hơn là về *thực chất*? Một luật gia ở Tem-po^{1*} nêu nhận xét về vấn đề này trong số báo "Times" ngày hôm nay.

"Nếu quan điểm của chúng ta trong vụ này không thật thuận lợi khiến quyết định của tòa án Mỹ buộc lỗi chiếc tàu, hẳn bị chúng ta bác bỏ, là rõ ràng trái với luật quốc tế, thì sự sai trái trong hành động của đại úy Mỹ cho phép "Tơ-ren-tơ" tiếp tục đi tới Xao-hêm-pton rõ ràng đáp ứng lợi ích của chủ tàu và hành khách Anh. Liệu trong trường hợp như vậy chúng ta có thể coi sự sai trái về *thủ tục*, trên thực tế có lợi cho chúng ta, là lý do cho cuộc xung đột quốc tế hay không?"

Song nếu Chính phủ Mỹ, như tôi thiết nghĩ, phải đồng ý rằng đại úy Uyn-xơ đã vi phạm luật biển xét về *thủ tục* hoặc về *thực chất*, thì vì thanh danh của mình, và dưới góc độ lợi ích của mình

1* Tòa nhà ở Luân Đôn dành làm nơi đặt trụ sở cho đoàn luật gia.

nó không nên tỏ ra quá ư chi li trong vấn đề điều kiện bồi thường đưa ra cho bên phải gánh chịu. Chính phủ Mỹ phải nhớ rằng nó đã trúng kế phái ly khai khi đẩy Hợp chúng quốc đánh nhau với Anh, rằng một cuộc chiến tranh như vậy là của bất được đối với Lu-i Bô-na-pác-tơ trong tình cảnh khó khăn hiện nay của ông ta và do đó được các giới chính thức của Pháp ủng hộ bằng mọi cách và rốt cuộc, những lực lượng vũ trang dưới quyền chỉ huy của người Anh ở các cứ điểm khác nhau của Bắc Mỹ và Tây Ấn, cùng với những lực lượng viễn chinh Mê-hi-cô hẳn đảm bảo cho Chính phủ Anh có ưu thế áp đảo trên biển.

Còn về mặt chính trị của việc bắt bó ở sông đào Ba-ha-mát cũ thì không phải chỉ có báo chí Anh mà cả báo chí toàn châu Âu đều cùng một giọng tỏ ra kinh ngạc về hành vi kỳ lạ của Chính phủ Mỹ đang gây nên những vụ rắc rối quốc tế nghiêm trọng đến như vậy vì đã bắt các ông Mê-dơn, Xlai-đen và đồng bọn trong khi đó thì các ông I-an-xi và Man vẫn hiên ngang đi lại ở Luân Đôn. Báo "Times" dĩ nhiên là nói đúng:

"Cả đến ông Xi-uốt cũng phải thừa nhận rằng, tiếng nói của những phái viên miền Nam này từ trong tù vọng tới Luân Đôn và Pa-ri, còn ngàn lần có sức thuyết phục hơn khi chúng vang lên ở Xanh-giêm-xơ hoặc ở Tuyn-lơ-ri".

Nhân dân Hợp chúng quốc cao thượng tuyên bố đồng ý hạn chế tự do riêng của mình để cứu nước, đương nhiên không thể tỏ ra kém sẵn sàng, thu hút về phía mình dư luận xã hội Anh bằng cách công khai thừa nhận và cố gắng sửa chữa thiếu sót quốc tế, mà việc biện hộ cho thiếu sót này thì hẳn đã có thể dẫn tới việc thực hiện những cuồng vọng tào tợn nhất của bọn phiến loạn.

*Do C.Mác viết ngày 30 tháng Mười một
1861*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

*Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune",
số 6462, ngày 19 tháng Chạp 1861*

PH.ĂNG-GHEN

NHỮNG BÀI HỌC CỦA CUỘC CHIẾN TRANH Ở MỸ

Mấy tuần trước đây, khi chúng tôi lưu ý đến quá trình thanh lọc đã trở nên cần thiết trong quân đội tình nguyện Mỹ^{1*}, chúng tôi chưa thể nói hoàn toàn đầy đủ những bài học quý báu mà cuộc chiến tranh hiện nay đem lại cho những người tình nguyện ở bên này Đại Tây Dương. Cho nên chúng tôi xin được trở lại vấn đề ấy một lần nữa.

Phương thức tiến hành chiến tranh diễn ra trong thời gian này ở Mỹ, thực sự không có tiền lệ. Từ Mi-su-ri đến eo Trê-xa-pích có đến một triệu quân lính chia thành hai phe đối địch hầu như bằng nhau đã đứng đối diện với nhau gần sáu tháng mà không đánh nhau một trận lớn nào. Ở Mi-su-ri hai đạo quân ấy tiến, lùi, đánh nhau rồi lại luân phiên tiến và lùi mà không đạt kết quả rõ rệt nào; ngay cả giờ đây, sau sáu tháng tiến và lùi khiến cho đất nước phải tan hoang đến khủng khiếp, tiến trình sự biến vẫn hình như còn xa mới đi tới bất cứ một kết cục nào như trước đây. Ở Kên-tắc-ki sau một thời kỳ dài tựa hồ giữ trung lập²³⁵, trên thực tế là một thời kỳ chuẩn bị, hình như một tình hình như vậy cũng khó tránh khỏi; ở Tây Viéc-gi-ni-a xảy ra những cuộc xung đột

1* Xem tập này, tr. 503-508.

nhỏ mà không có bất cứ kết quả rõ ràng nào, còn ở Pô-tô-mác là nơi tập trung những lực lượng lớn nhất của cả hai bên, hầu như nhìn thấy mặt nhau, thì không một bên nào tìm cách tấn công, bằng cách đó họ chứng minh rằng trong tình thế lúc này ngay cả thắng lợi ắt cũng sẽ hoàn toàn vô ích. Và cho đến lúc những hoàn cảnh bên ngoài nào đó chưa đem lại những thay đổi quan trọng thì hệ thống chiến tranh không có hiệu quả này có thể còn kéo dài hàng tháng.

Cần phải giải thích tất cả những điều đó như thế nào?

Người Mỹ cả ở hai bên chiến tuyến hầu như đều là quân tình nguyện. Hạt nhân nhỏ bé của quân chính quy trước kia của Hợp chúng quốc hoặc là đã giải thể, hoặc là quá yếu để có thể tác động đến khối đông quân tuyển mộ không được huấn luyện, tập trung trên chiến trường. Để biến tất cả những con người ấy thành người lính, không có ngay cả đủ số huấn luyện viên. Do đó, việc huấn luyện phải diễn ra rất chậm, và thực sự không thể nói, trước là việc huấn luyện này sẽ kéo dài bao lâu cho đến khi một nhân lực hoàn hảo, tập hợp ở hai bờ Pô-tô-mác trở nên thích hợp để được tung ra với khối lượng lớn và để giao chiến hoặc nghênh chiến với những lực lượng hợp nhất.

Nhưng thậm chí, nếu như binh lính có được huấn luyện trong những thời hạn tương đối ngắn thì cũng không có đủ số sĩ quan để chỉ huy họ. Không nói đến các chỉ huy đại đội - dĩ nhiên những chỉ huy này không thể được tuyển mộ từ dân thường, - thiếu những sĩ quan làm chỉ huy tiểu đoàn, có khi cả trung úy và sĩ quan cầm cờ của quân đội chính quy cũng được chỉ định vào những chức vụ ấy. Do đó, một số lớn đại tá lấy từ các quan chức dân sự là không tránh khỏi; và không một người nào biết quân tình nguyện của chính chúng ta, lại không coi Mắc-Clin-lân, hay Bô-rê-ga là quá rụt rè vì họ từ chối không tiến hành những hành động kiên quyết hoặc những vận động chiến lược phức tạp, khi họ

có trong tay những đại tá lấy từ các quan chức dân sự qua sáu tháng thực tập, để chấp hành mệnh lệnh của họ.

Nhưng, chúng ta hãy giả định rằng, nói chung khó khăn đó đã được khắc phục; rằng các đại tá dân sự cùng với quân phục của mình đã có được kiến thức, kinh nghiệm, mẫn cảm cần thiết khi chấp hành nghĩa vụ của mình, - ít ra, trong chừng mực nhất định, điều đó có liên quan đến bộ binh. Nhưng với kỵ binh thì tình hình sẽ ra sao? Việc huấn luyện một trung đoàn kỵ binh đòi hỏi ở các sĩ quan huấn luyện nhiều thời gian và nhiều kinh nghiệm hơn so với việc đào tạo một trung đoàn bộ binh. Chúng ta hãy giả định rằng tất cả mọi người đều đến đơn vị mình với một sự hiểu biết đầy đủ về nghệ thuật cưỡi ngựa, có nghĩa là họ có thể ngồi vững trên yên, điều khiển ngựa và biết chăm sóc và cho ngựa ăn, - tuy nhiên điều đó hầu như làm giảm bớt thời gian cần cho tập luyện. Cưỡi ngựa chiến, tức điều khiển con ngựa của anh để buộc con vật làm mọi động tác cần thiết khi chuyển đổi đội hình kỵ binh, - đó là một việc hoàn toàn khác với việc cưỡi ngựa mà những người dân sự thường làm. Ai cũng biết rằng kỵ binh của Na-pô-lê-ông mà theo ngài Uy-li-am Nây-pia ("Lịch sử cuộc chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-co")²³⁶, dường như ưu tú hơn kỵ binh Anh thời nay, gồm những kỵ sĩ hết sức tồi khi đã ngồi lên yên, và nhiều người trong số những người cưỡi ngựa thể thao ưu tú của chúng ta tham gia các đơn vị kỵ binh tình nguyện đã nhận xét rằng họ cần phải tập luyện nhiều hơn. Do đó, chúng ta chẳng có gì phải kinh ngạc khi phát hiện ra rằng người Mỹ có những đơn vị kỵ binh rất không đầy đủ và cái ít ỏi mà họ có gồm một thứ quân Cô-dắc nào đó hay những đơn vị kỵ binh không chính quy Ấn Độ (rangers), không có khả năng tiến hành một cuộc tấn công với hàng ngũ chặt chẽ.

Với pháo binh, tình hình ắt là tồi tệ hơn, cũng như với binh chủng kỹ thuật. Cả hai loại binh chủng này đều được trang bị vũ khí kỹ thuật cao và đòi hỏi một sự huấn luyện lâu dài và cần

thận cho sĩ quan cũng như cho hạ sĩ quan, và dĩ nhiên là cũng đòi hỏi một sự huấn luyện cho binh sĩ lâu dài hơn trong bộ binh. Ngoài ra, pháo binh là một loại binh chủng phức tạp hơn so với ngay cả kỵ binh; người ta cần có đại bác, ngựa được luyện tập để chở đại bác và hai loại binh sĩ được huấn luyện - pháo thủ và kỵ binh; ngoài ra, người ta cần một số lượng lớn xe cộ chở đạn dược và những la-bô để chế tạo trang bị, những nhà máy đúc, những công xưởng v.v., và tất cả những cái đó đều phải được trang bị bằng những máy móc phức tạp. Người ta khẳng định rằng phái liên bang²³⁷ có ở mặt trận 600 đại bác; nhưng chúng sẽ được sử dụng như thế nào, chúng ta có thể dễ dàng hình dung khi biết rằng hoàn toàn khó có thể thực hiện được trong vòng sáu tháng từ tay không lập ra được 100 giàn pháo đầy đủ, được trang bị tốt và được phục vụ tốt.

Nhưng chúng ta hãy giả định trở lại rằng tất cả những khó khăn đó đều được khắc phục và bộ phận chiến đấu của hai phe người Mỹ thù địch nhau hoạt động trong những điều kiện tuyệt diệu, ngay trong trường hợp ấy, họ có thể vận động được không? Dĩ nhiên, không. Một quân đội phải được nuôi dưỡng, mà một quân đội lớn, trong một địa phương dân cư tương đối ít như Viéc-gi-ni-a, Kên-tắc-ki và Mi-su-ri, thì phải lấy lương thực chủ yếu từ các kho. Những kho vũ khí của nó phải được bổ sung đầy đủ; theo sau nó phải có những thợ đúc vũ khí, thợ da, thợ mộc và những thợ khác để duy trì kỹ thuật chiến đấu của nó ở mức thỏa đáng. Tất cả những điều kiện cần thiết ấy không có ở Mỹ; họ phải tổ chức hầu như trên một chỗ trống, và chúng ta không có căn cứ nào để khẳng định rằng ngay cả hiện nay, hậu cần và vận tải của cả hai quân đội đều đã ra khỏi tình trạng ấu thơ.

Nước Mỹ, miền Bắc cũng như miền Nam, phái Liên bang cũng như phái Hiệp bang, nói chung, không có tổ chức quân sự. Quân đội thường trực, xét về số lượng, hoàn toàn không đủ để chiến đấu chống lại một kẻ thù thực sự; quân cảnh vệ hầu như không

có. Các cuộc chiến tranh trước đây của Liên bang chưa bao giờ thử thách các lực lượng quân sự của đất nước. Giữa những năm 1812 và 1814, nước Anh không thể có nhiều quân đội, còn bảo vệ Mê-hi-cô thì chủ yếu là một đám quân chúng hỗn tạp. Vấn đề là ở chỗ nhờ vào vị trí địa lý của nước Mỹ, trên thực tế nước này không có kẻ thù có thể tấn công nó ở một nơi nào đó, với những lực lượng, trong trường hợp xấu nhất, lớn hơn 30 hay 40 nghìn binh lính của quân đội chính quy và đối với một quân đội có số quân như vậy thì địa thế rộng lớn của đất nước tỏ ra là một trở ngại ghê gớm hơn bất cứ những đạo quân nào mà nước Mỹ có thể đưa ra chống lại nó; trong khi đó quân đội của nó đủ để hình thành hạt nhân cho 100 000 quân tình nguyện và để huấn luyện họ trong thời gian thích đáng. Nhưng khi cuộc nội chiến đòi hỏi phải có trên một triệu con người, thì toàn bộ hệ thống sụp đổ, và tất cả phải bắt đầu lại từ đầu. Kết quả bày ra đây. Hai khối người to lớn, vụng về, sợ hãi lẫn nhau, lo chiến thắng cũng gần như lo chiến bại, đứng đối diện với nhau, tìm cách, - bằng những chi phí to lớn, tạo ra một cái gì đó giống như tổ chức chính quy. Sự chi tiêu lớn, tới mức kinh khủng, về tiền bạc là hoàn toàn không tránh khỏi do hoàn toàn thiếu cái nền tảng tổ chức trên đó có thể xây dựng một tòa kiến trúc mới. Nhưng tình hình có thể khác được không khi mà mỗi cơ quan, mỗi ngành đều không có kiến thức và kinh nghiệm như vậy? Mặt khác, lợi ích của những chi phí ấy, xét theo nghĩa năng suất và tổ chức, là cực kỳ nhỏ. Nhưng có thể khác được không?

Lính tình nguyện Anh phải cảm ơn số phận của mình ở chỗ ngay từ đầu họ đã có được một quân đội đông đảo, kỷ luật tốt và có kinh nghiệm làm người đỡ đầu cho mình. Nếu tính đến những thành kiến mà mọi nghề nghiệp đều có thì quân đội này đã nhận họ và đối xử với họ tốt. Cần phải hy vọng rằng lính tình nguyện cũng như công chúng không bao giờ nghĩ rằng một thứ quân đội mới một lúc nào đó có thể thay thế quân đội cũ ở bất cứ mức độ

nào. Nếu có những người như vậy thì chỉ một cái nhìn thoáng qua về tình trạng hai quân đội tình nguyện Mỹ ắt phải chỉ cho họ thấy sự dốt nát và ngu xuẩn của chính họ. Không có quân đội nào, được tổ chức lại từ những con người dân sự, lại có thể trở thành có khả năng chiến đấu, nếu nó không được huấn luyện và nuôi dưỡng bằng những nguồn lực to lớn về tinh thần và vật chất sẵn có của quân đội chính quy đông đảo, - mà chủ yếu là của cái tổ chức hình thành nên mặt mạnh nhất của quân đội chính quy. Hãy giả định rằng nước Anh bị một cuộc xâm lược đe dọa và hãy so sánh điều có thể xảy ra trong trường hợp ấy với điều đã không tránh khỏi xảy ra ở Mỹ. Ở Anh, bộ chiến tranh, với sự giúp đỡ của một số quan chức bổ sung nào đó mà người ta có thể dễ tìm thấy trong số những nhà quân sự có kinh nghiệm, có lẽ đã hoàn thành được toàn bộ công việc phụ thêm mà một quân đội 300 000 quân tình nguyện đảm nhiệm, có đủ sĩ quan dự bị, đồng thời có thể giao cho mỗi sĩ quan ấy đặc biệt giám sát, chẳng hạn, ba hay bốn tiểu đoàn quân tình nguyện, và với cố gắng nào đó mỗi tiểu đoàn có thể bảo đảm có một sĩ quan chính quy làm sĩ quan tuý tùng và một sĩ quan chính quy làm tiểu đoàn trưởng. Dĩ nhiên, kỵ binh sẽ không thể được tạo lập bằng con đường ngẫu hứng, nhưng việc kiên quyết cải tổ pháo binh tình nguyện - nhờ vào các sĩ quan và kỹ sĩ lấy trong pháo binh nhà vua - sẽ có thể thành lập nhiều giàn pháo binh dã chiến. Các kỹ sư dân sự của đất nước chỉ chờ đợi thời cơ thuận lợi để học khía cạnh quân sự trong nghề nghiệp của mình, điều này sẽ lập tức biến họ thành những sĩ quan hạng nhất của các đội quân kỹ thuật. Hậu cần và dịch vụ vận tải đã được cải tổ và có thể là sẽ nhanh chóng đủ sức thỏa mãn nhu cầu của 400 000 người một cách cũng dễ dàng như nhu cầu của 100 000 người. Sẽ không có gì bị mất trật tự; sẽ không có gì bị vi phạm; từ mọi phía, binh sĩ tình nguyện sẽ nhận được sự giúp đỡ và ủng hộ, và không ở đâu họ sẽ phải mò

mắm trong bóng tối; và trừ một số những thiếu sót mà nước Anh không thể tránh khỏi ngay trong buổi đầu chiến tranh, - chúng ta sẽ không thấy nguyên nhân vì sao trong sáu tuần tất cả mọi việc không thể được sắp đặt đầu vào đấy.

Giờ đây hãy nhìn vào nước Mỹ, và các bạn sẽ hiểu quân đội chính quy có giá trị như thế nào trong công cuộc xây dựng một đội quân tình nguyện

*Do Ph. Ăng-ghen viết cuối tháng Mười
một 1861
Đã đăng trên tạp chí "The Volunteer
Journal, for Lancashire and Cheshire" số
66, ngày 6 tháng Chạp 1861
Ký tên: Ph.Ă.*

*In theo bản đăng trên tạp
chí
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

NHỮNG VAI CHÍNH TRONG VỞ KỊCH "TƠ-REN-TƠ"

Luân Đôn, ngày 4 tháng Mười một

Giờ đây người ta sẽ hứng thú được làm quen với những nhân vật chính của vở "Tơ-ren-tơ". Một phía, nổi lên nhân vật chính diện, thuyền trưởng "Xan-Đgian-xin-tơ", đại úy Uyn-xơ, phía khác - những nhân vật phản diện *G.M. Mê-dơn* và *Giôn Xlai-đen*. Đại úy Sác-lơ Uyn-xơ - dòng dõi trực tiếp của người anh em nhà mị dân Anh nổi tiếng Uyn-xơ, vốn đã có thời đe dọa làm nghiêng ngửa ngai vàng của Gioóc-giơ III. Cuộc đấu tranh với các thuộc địa Bắc Mỹ bây giờ đã cứu triều đại Han-nô-vơ khỏi cơn bùng nổ của cách mạng Anh mà triệu chúng bộc lộ rõ rệt như nhau cả ở những tiếng thét của Uyn-xơ lẫn trong thư từ của I-u-ni-út²³⁸. Đại úy Uyn-xơ, sinh tại Niu Oóc năm 1798, đã phục vụ 43 năm trong hải quân Mỹ và đã chỉ huy cái hải đoàn mà năm 1838 - 1842, theo lệnh của Chính phủ liên bang nghiên cứu phần Bắc và Nam Thái Bình Dương. Ông ta đã công bố bản báo cáo về cuộc thám hiểm này trong năm tập²³⁹. Hơn nữa, ông là tác giả quyển sách viết về Tây Mỹ, quyển sách này cho biết một loạt tin tức quý giá về Ca-li-phoóc-ni-a và Ô-rê-gôn²⁴⁰. Hiện giờ người ta quả quyết rằng Uyn-xơ đã tự mình hành động mà không có chỉ thị từ phía Oa-sinh-tơn.

Cả hai phái viên của Hiệp bang miền Nam bị bắt - ông *Mê-dơn* và *Xlai-đen* - đối lập nhau về mọi mặt. *Mê-dơn*, sinh năm 1798, xuất thân từ một gia đình quý tộc cổ ở Viéc-gi-ni-a - một trong những gia đình đã chạy khỏi nước Anh, sau khi phái bảo hoàng chịu hoàn toàn thất bại trong trận đánh ở Vu-xtơ²⁴¹. Ông nội nhân vật của chúng ta^{1*} thuộc vào giới những người mà dân Mỹ gọi là "the revolutionary fathers" - (những người cha của cách mạng) sánh cùng Oa-sinh-tơn, Giép-phéc-xơn v.v.. *Giôn Xlai-đen* chẳng là quý tộc xét về nguồn gốc xuất thân, mà cũng chẳng là chủ nô dòng dõi như đồng sự của ông là *Mê-dơn*. Ông sinh tại Niu Oóc, nơi mà người ông và người cha ông ta đã là những tallow-chandlers trung thực (kẻ buôn nến mỡ). Sau ít năm nghiên cứu luật học, Mê-dơn bước lên vũ đài chính trị. Từ năm 1826, ông đã đôi lần làm nghị sĩ Viện dân biểu Viéc-gi-ni-a, vào năm 1837, suốt một khoá, làm nghị sĩ Hạ nghị viện Quốc hội Mỹ, song chỉ từ năm 1847 mới trở thành nhân vật quan trọng. Trong năm ấy, ông được Viéc-gi-ni-a bầu vào Thượng nghị viện Mỹ, ở đấy cho đến mùa xuân năm 1861. Xlai-đen, hiện nay 68 tuổi, đã phải sớm rời bỏ Niu Oóc vì chuyện tình ái và quyết đấu - nói vắn tắt là sau một câu chuyện tai tiếng nào đó. Ông đi Tân Oóc-lê-ăng, kiếm sống ở đây thoát đầu bằng trò cờ bạc, rồi sau đó bằng nghề luật sư. Mới đầu là nghị sĩ thường của Quốc hội lập pháp Lu-i-di-a-na, chẳng bao lâu ông ta đã mở đường bước vào Hạ nghị viện và cuối cùng vào Thượng nghị viện Quốc hội Mỹ. Là người lãnh đạo cuộc vận động bầu cử tổng thống năm 1844, sau đó tham gia những vụ đầu cơ gian lận về đất đai nhà nước, ông ta ở chừng mực nào đó đã làm trái với cái vẻ đạo đức được mọi người thừa nhận ở Lu-i-di-a-na.

Mê-dơn thì kế thừa ảnh hưởng, còn Xlai-đen thì thành đạt. Cả hai ông đã tìm được địa vị thực sự của mình và bổ sung lẫn cho nhau ở Thượng nghị viện Mỹ, ở cái thành trì ấy của bọn đầu sỏ

1* - Gioóc-giơ Mê-dơn

chủ nô. Theo hiến pháp Mỹ, Thượng nghị viện bầu ra một hội đồng đặc trách ngoại vụ đóng một vai trò na ná như vai trò mà Hội đồng cơ mật (privy council)²⁴² đã đóng trước đây ở Anh cho đến lúc mà chức năng của nó bị tiếm đoạt bởi cái gọi là nội các, một đại lượng mà Hiến pháp Anh không biết đến về mặt lý thuyết. Mê-dơn một thời gian dài đã làm chủ tịch Hội đồng này, còn Xlai-đen là uỷ viên hàng đầu của nó.

Mê-dơn quả quyết rằng mỗi một người Viéc-gi-ni-a là một bán thiên thần, còn mỗi người Mỹ là một tiện dân, một đồ đồ, chẳng bao giờ ông ta thêm giấu giếm thái độ khinh miệt đối với những đồng sự miền Bắc của mình. Kiêu ngạo, tự cao, láo xược, ông ta biết cau trán giận dữ tựa như thần Dốt và thực sự đã mang vào Thượng nghị viện cái kiểu cách quen thuộc đối với đồn điền. Là kẻ tán tụng cuồng tín chế độ nô lệ, vu khống một cách vô liêm sỉ đối với miền Bắc và nhất là đối với giai cấp công nhân miền Bắc, là người chuộng dài lời đao to búa lớn chống Anh. Mê-dơn đã làm cho Thượng nghị viện chán ngấy cái lối lảm lòi rất dai và đã uống công ba hoa lì lợm, cố gắng dùng văn hoa trống rỗng để che đậy tình trạng hoàn toàn thiếu nội dung. Những năm gần đây, ông ta ăn vận phở trương trong bộ y phục xám bằng vải thô do thủ công gia đình Viéc-gi-ni-a sản xuất, song điều nổi bật đối với con người này là bộ lễ phục xám được trang điểm bởi những chiếc khuy sặc sỡ, được sản xuất tại một trong các bang của nước Niu-In-glân: bang Con-néc-ti-cút.

Trong lúc mà trên sân khấu Mê-dơn đóng vai Jupiter tonans^{1*} của bọn đầu sỏ chủ nô thì Xlai-đen hành động sau hậu trường. Với những năng lực hiếm có về mưu mô quỷ kế, với tính kiên nhẫn và trầm tĩnh, tính tàn nhẫn và thô lỗ, đồng thời lại thận

1* - Giuy-pi-te

trọng, kín đáo, không bao giờ nói thẳng tuột ra mà luôn luôn đi bằng những con đường ngoắt ngoéo - Xlai-đen là linh hồn Hội đồng cơ mật của những kẻ âm mưu ở miền Nam. Về thanh danh con người này thì chỉ cần dựa vào điều sau đây cũng phán đoán được: khi mà, vào năm 1845, trước lúc bắt đầu cuộc chiến tranh với Mê-hi-cô không lâu, ông ta được phái tới đây làm đại sứ, Mê-hi-cô đã khước từ không chịu tiến hành thương lượng với một chủ thể như vậy²⁴³. Nhờ có mưu kế của Xlai-đen, Pôn-cơ trở thành tổng thống. Ông ta là một trong những cố vấn tai hại nhất của tổng thống Piéc-xơ và là hung thần của chính phủ Biu-kê-nen. Cả hai - Mê-dơn và Xlai-đen đều tỏ ra như là những nhà hùng biện chủ chốt đã bảo vệ đạo luật về nô lệ bỏ trốn²⁴⁴; cả hai đều là thủ phạm gây ra vụ tàn sát đẫm máu ở Can-dắc, và cả hai đều là những kẻ bí mật đặt bày phương kế giúp chính phủ Biu-kê-nen cung cấp cho miền Nam mọi phương tiện để ly khai, đồng thời làm cho miền Bắc hoàn toàn không có gì che chở.

Ngay năm 1855, Mê-dơn đã tuyên bố tại một cuộc hội nghị công khai ở Nam Ca-rô-lin rằng "đối với miền Nam, chỉ còn một con đường: lập tức, hoàn toàn và vĩnh viễn ly khai? Tháng Ba 1861, ông đã công bố tại Thượng nghị viện là ông không có nghĩa vụ allegiance (trung thành) với Chính phủ Liên bang", thế nhưng vẫn tiếp tục ở lại Thượng nghị viện và nhận lương thượng nghị sĩ cho đến khi cảm thấy mình ở đây không được an toàn. Như vậy, đó là một gián điệp ở hội đồng tối cao của nhà nước và là một kẻ phản phúc sống báo cô vào quốc khố.

Cố bà của Mê-dơn là con gái ngài Uy-li-am Tem-pơ nổi tiếng. Như vậy, ông là bà con xa với Pan-móc-xơ. Đối với quần chúng nhân dân miền Bắc thì Mê-dơn và Xlai-đen không những là địch thủ chính trị mà còn là *kẻ thù riêng*.

Đó là lý do khiến mọi người đều hân hoan về việc bọn họ bị tóm cổ, trong những ngày đầu nỗi niềm vui sướng ấy làm lu mờ ngay cả cái ý thức về nguy cơ đang đe dọa từ phía nước Anh.

*Do C.Mác viết ngày 4 tháng Chạp 1861
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 337, ngày
8 tháng Chạp 1861*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

*NHỮNG CUỘC TRANH CÃI XUNG QUANH VỤ "TỜ-REN-TƠ"

Luân Đôn, ngày 7 tháng Chạp

Báo chí của Pan-móc-xơn - và tôi sẽ có dịp nói vào một lần khác rằng Pan-móc-xơn trong những vấn đề về chính sách đối ngoại cũng kiểm soát 9/10 báo chí Anh, một cách hoàn toàn *vô điều kiện* như Lu-i Bô-na-pác-tơ kiểm soát 9/10 báo chí Pháp^{1*}, - báo chí của Pan-móc-xơn cảm thấy rằng nó buộc phải làm việc trong hoàn cảnh "những trở ngại dễ chịu"^{2*}. Một mặt, nó thừa nhận rằng các luật gia của Hoàng cung đã quy mọi lỗi buộc tội đối với Hợp chúng quốc thành một sai sót về thủ tục đơn thuần thành một sai lầm về *kỹ thuật*. Mặt khác, nó huênh hoang tuyên bố rằng căn cứ vào những mảnh khốe lấu cá thuần túy có tính chất bào chữa này, phải đưa ra một tối hậu thư đe dọa Hợp chúng quốc, mà cơ sở chỉ có thể là sự vi phạm pháp luật nghiêm trọng chứ tuyệt nhiên không phải là sai sót có tính cách thủ tục phạm phải khi thực thi một quyền lực được thừa nhận. Bởi vậy báo chí của Pan-móc-xơn giờ đây lại lần nữa nêu lên vấn

đề quyền *vật chất*. Tầm quan trọng đặc biệt của vụ này buộc chúng tôi phải nói vắn tắt về vấn đề quyền *vật chất*.

Chúng tôi sơ bộ nhận xét rằng không một tờ báo Anh nào lại dám lên tiếng đổ trách "Xan-Đgian-xin-tơ" về việc kiểm tra và lục soát tàu "Tờ-ren-tơ". Bởi vậy điểm này không phải là điểm tranh cãi.

Sau nữa, chúng tôi muốn nhắc tới một chỗ hết sức quan trọng trong tuyên bố trung lập của nữ hoàng Vích-tô-ri-a ngày 13 tháng Năm 1861. Chỗ này viết:

"Vích-tô-ri-a nữ hoàng. Vì chúng ta đang sống hòa bình với Hợp chúng quốc... cho nên chúng ta cảnh báo mọi thần dân yêu quý của chúng ta để họ khỏi hành động trái với bản tuyên bố mà phá hoại cuộc phong tỏa được thừa nhận hợp pháp hoặc *chuyên chở sĩ quan... công hàm khẩn* hoặc một hàng lậu quân sự nào khác... Tất cả những ai đã vi phạm pháp luật như vậy, sẽ chịu những hình phạt khác nhau được quy định bởi luật thị chính Anh, cũng như luật quốc tế... Những người này tuyệt nhiên không thể trông mong được chúng ta *bảo vệ* khỏi bị những hậu quả tội phạm của họ, ngược lại, họ phải gánh chịu sự bực mình của chúng ta.

Như vậy, bản tuyên bố của nữ hoàng Vích-tô-ri-a ngay từ đầu đã nói *công hàm khẩn* là hàng lậu và tàu chở hàng lậu như thế phải chịu "những hình phạt do luật quốc tế quy định". Những hình phạt đó là như thế nào?"

Uyn-tơn, tác giả người Mỹ về những vấn đề luật quốc tế là người mà uy tín được cả hai bờ Đại Tây Dương đều thừa nhận như nhau, viết trong cuốn "Elements of International Law ("Những nguyên lý về luật quốc tế")²⁴⁵ của ông, tr.565 như sau:

"Việc chuyên chở công hàm của địch sẽ kéo theo hậu quả đối với tàu thuyền *trung lập* chuyên chở chung là *bị bắt làm tù binh và bị tịch thu*. Hậu quả của việc giúp đỡ như vậy vượt xa những hậu quả của việc chuyên chở hàng lậu thông thường... Ông *U.Xcôt*, thẩm phán *Anh* nói rằng chuyên chở vật liệu quân sự không tránh khỏi mang tính cách hạn chế còn chuyên chở công hàm là hành vi có thể làm rối loạn toàn bộ kế hoạch chiến dịch của kẻ địch... Tịch thu những đồ vật không được phép chở - là hình thức trừng phạt thông thường đối với hàng lậu, hẳn sẽ là buồn cười đối với công hàm. Không có cước phí nào đánh vào công hàm. Bởi vậy, việc tịch thu chúng không hề đụng chạm tới người chủ con tàu, không hề trừng phạt cả tàu thuyền chở chúng. Do đó, cần phải *tịch thu* đích thị chiếc tàu chở công hàm".

1* Xem tập này, tr. 565-569.

2* Hai-nơ. "Mùa xuân mới. Nhập đề".

Oan-cơ, trong tác phẩm "Introduction to American Law" ("Nhập môn luật pháp nước Mỹ")²⁴⁶ của ông, viết:

"Những quốc gia trung lập không được tham gia vào việc chuyên chở *công hàm của địch*, nếu chuyên chở thì sẽ bị tịch thu tàu và hàng chở trên tàu".

Ken-tơ vốn là quan chức nổi tiếng ở tòa án *Anh*, trong "Commentaries ("Bình luận")²⁴⁷, tuyên bố:

"Nếu khi lục soát tàu, phát hiện thấy nó chở công hàm của địch thì tàu sẽ bị trừng phạt: bị bắt và tịch thu theo phán quyết của tòa án hải quân".

Tiến sĩ *Rô-bốt Phi-li-mo-rơ*, "Advocate of Her Majesty in Her Office of Admiralty" ("Luật sư của nữ hoàng Vích-tô-ri-a ở Tòa án hải quân của bà") trong công trình mới nhất của ông về luật quốc tế²⁴⁸, viết ở trang 370:

"Những thông báo chính thức của nhà chức trách (official) về tình hình công việc của chính phủ tham chiến là loại *công hàm* làm căn cứ để xét những người chuyên chở chúng (carriers) như là đại diện của kẻ địch. Hệ quả tai hại của sự giúp đỡ như vậy thật không thể lường được và vượt xa giới hạn hệ quả của việc chuyên chở hàng lậu thông thường, bởi lẽ người ta thấy rõ việc chuyển những công hàm như vậy có thể góp phần vào kết quả của những kế hoạch quan trọng nhất của quân đội tham chiến hoặc ngược lại, làm trở ngại cho việc thực hiện chúng... Hình phạt về việc này là tịch thu không những tàu thuyền chuyên chở công hàm mà cả hàng vận chuyển trên tàu nữa".

Như vậy, có hai điểm đã được xác định chắc chắn, tuyên bố của nữ hoàng Vích-tô-ri-a ngày 13 tháng Năm 1861 nói rõ các tàu *Anh* chở công hàm của Liên bang phải chịu những hình phạt do luật quốc tế quy định. Còn luật quốc tế thì, theo các nhà thuyết minh Anh và Mỹ, quy định *hình phạt* là bắt làm tù binh và tịch thu những tàu như vậy.

Bởi vậy, báo chí của Pan-móc-xton đã *nói dối* khi thực thi điều giao phó ở trên, - mà chúng ta thì lại khá ngây thơ cứ tin vào lời nói dối này, - tựa hồ như thuyền trưởng "Xan-Đgia-xin-tơ" không tìm tòi *công hàm* trên tàu "*Tơ-ren-tơ*" và bởi vậy không phát hiện ra chúng; tựa hồ như "*Tơ-ren-tơ*" do sơ suất này, ắt là vẫn không bị xâm phạm. Ngược lại, các báo Mỹ từ ngày 17 đến 20

tháng Mười một, vẫn *chưa thể* hay biết về sự đối trá Ấng-lê này, *đồng thanh* khẳng định rằng công hàm *đã bị tóm bắt* và được in lại để đệ trình quốc hội của họ ở Oa-sinh-ton. Điều này làm thay đổi toàn bộ sự việc. Do có những công hàm này mà "Xan-Đgia-xin-tơ" có quyền bắt "Tơ-ren-tơ" và mỗi một tòa án hải sự Mỹ đều buộc phải tịch thu tàu và hàng vận chuyển trên tàu. Cùng với "Tơ-ren-tơ", đương nhiên là cả hành khách của nó cũng thuộc quyền xét xử của Mỹ.

Các vị Mê-dơn, Xlai-đen và đồng bọn, khi tàu "Tơ-ren-tơ" đến Môn-rô thì ngay lập tức chịu sự xét xử của Mỹ như là những kẻ phiến loạn. Bởi vậy, nếu thuyền trưởng "Xan-Đgia-xin-tơ" thỏa mãn với việc tóm bắt công hàm và những người mang công hàm chứ không dẫn chính ngay tàu "Tơ-ren-tơ" vào một cảng nào đó của Mỹ thì như vậy, ông ta không hề làm xấu đi tình hình của Mê-dơn, Xlai-đen và đồng bọn, trong khi, về mặt khác *sơ suất thủ tục này* lại chỉ có lợi cho tàu thủy, hàng vận chuyển trên tàu và hành khách mà thôi. Và thật sự hẳn không có gì chắc là Anh quốc quyết định tuyên chiến với Hợp chúng quốc dựa vào lý do thuyền trưởng Uyn-xơ đã sai phạm về thủ tục làm tổn thất cho Hợp chúng quốc mà lại có lợi cho Anh.

Vấn đề liệu đích thị Mê-dơn, Xlai-đen và đồng bọn có phải là hàng lậu không - đã được đặt ra và có thể được đặt ra chỉ vì các tờ báo của Pan-móc-xton đã loan đi điều *đối trá* là tựa hồ thuyền trưởng Uyn-xơ đã không tìm và không tóm lấy công hàm. Trong trường hợp này, ở trên tàu "Tơ-ren-tơ" chính Mê-dơn, Xlai-đen và đồng bọn trên thực tế sẽ là đối tượng duy nhất có thể được liệt vào loại hàng lậu. Nhưng chúng ta hãy tạm gác trường hợp này lại. Tuyên bố của nữ hoàng Vích-tô-ri-a tuyên bố "officiers" của một bên tham chiến là hàng lậu. Phải chăng chỉ những sĩ quan quân sự mới là "officiers"? Phải chăng Mê-dơn, Xlai-đen và đồng bọn là officers của phái Hiệp bang? "Officers" - theo *Xa-miu-en Giôn-xơ* trong quyển từ điển tiếng Anh của mình²⁴⁹ - là "men employed by the public",

nghĩa là theo tiếng Đức, "öffentliche Beamte"^{1*}. Oan-cơ cũng giải thích như vậy (xem từ điển của ông, xuất bản năm 1861)²⁵⁰.

Như vậy, theo cách dùng từ của Anh, Mê-dơn, Xlai-đen và đồng bọn là những phái viên, id est^{2*} nhân viên của liên minh, được liệt vào loại "officiers" mà tuyên bố của nữ hoàng gọi là *hàng lậu*. Thuyền trưởng "Tơ-ren-tơ" biết rằng họ là những người như vậy, và do đó tự họ, tàu của họ và hành khách của họ phải chịu nguy cơ bị tịch thu. Nếu, theo Phi-li-mo-rơ và tất cả các nhà có thẩm quyền khác, tàu là carrier (người chuyên chở) công hàm của kẻ địch, phải tịch thu, vì nó vi phạm tính cách trung lập, thì ở mức độ lớn hơn, những người chuyên chở công hàm cũng phải như vậy. Theo *Uy-ton*, ngay cả *đại sứ* của nước thù địch cũng có thể bị bắt giữ, khi ông ta ở in transitu^{3*}. Nói chung, cơ sở của mọi luật quốc tế là luận điểm nói rằng mọi người thuộc về một bên tham chiến, có thể bị bên đối địch xem như là "người tiến hành chiến tranh" và bị đối xử tương xứng như vậy.

"Chùng nào một người nào đó" - Vát-ten nói - "tiếp tục vẫn là công dân của nước mình, thì người đó là kẻ thù đối với tất cả những người mà quốc gia mình đang ở trong tình trạng chiến tranh chống lại họ"²⁵¹.

Như vậy, chúng ta thấy rằng các luật sư vương quốc Anh đã quy điểm tranh cãi thành *sai sót đơn thuần về thủ tục* - không phải thành error in re^{4*}, mà là thành error in forma^{5*}, bởi vì trong thực tế không có sự *vi phạm nào về luật pháp vật chất cả*. Các cơ quan báo chí của Pan-móc-xơn một lần nữa lại nêu lên vấn đề luật pháp vật chất, chỉ vì chỉ riêng một sai sót về thủ tục,

1* - "công chức"

2* - nghĩa là

3* - trên đường đi

4* - sai sót về thực chất

5* - sai sót về hình thức

hơn nữa lại có lợi cho "Tơ-ren-tơ", không thể là lý do đầy đủ để đưa ra một tội hạm thư ngạo mạn.

Trong khi đó các nhân vật quan trọng từ hai phe trực tiếp đối lập nhau cũng đã phát biểu theo tinh thần ấy: một bên là các ngài *Brai-tơ* và *Cốp-đen*, bên kia là *Đa-vít Uốc-các-tơ*. Đó là những kẻ thù về nguyên tắc và cá nhân. Những người này thuộc phái thế giới chủ nghĩa yêu hòa bình, còn những người kia là "Người Anh cuối cùng"²⁵². Những người thứ nhất bao giờ cũng sẵn sàng hy sinh mọi pháp luật quốc tế cho thương mại quốc tế, trong khi Uốc-các-tơ thì kiên trì bảo vệ nguyên tắc "fiat justitia, pereat mundus"^{1*}, hơn nữa khi nói luật pháp ông ta có ý nói luật pháp "Anh". Ý kiến của *Brai-tơ* và *Cốp-đen* là quan trọng bởi vì họ phản ánh tâm trạng của một phái quan trọng của giai cấp tư sản và được Glát-xơn, Min-nơ Ghíp-xơn và trên mức độ nhiều hay ít ngài Coóc-nu-ô-lơ Lu-ít, đại diện trong chính phủ. Ý kiến của Uốc-các-tơ là quan trọng bởi vì ông ta đã nghiên cứu luật pháp quốc tế trong suốt cả cuộc đời của mình và được coi là người giải thích *không thể mua chuộc được* về luật pháp quốc tế ấy.

Bài phát biểu của *Brai-tơ* có lợi cho Hợp chúng quốc và bức thư của *Cốp-đen* viết cũng theo tinh thần ấy sẽ được truyền đi thông qua những nguồn thông tin thông thường của báo chí. Cho nên tôi sẽ không nói đến chúng.

Cơ quan của "*Uốc-các-tơ*" là "*Free Press*"²⁵³ trong số ngày 4 tháng Chạp vừa rồi nói như sau:

"Chúng ta phải bắn phá Niu Oóc! Người ta có thể nghe những lời kêu gào điên rồ ấy một tuần trước đây trên tất cả mọi đường phố ở Luân Đôn vào cái buổi chiều nhận được tin tức về một sự kiện quân sự hoàn toàn không quan trọng. Việc bắt giữ người và của cải của nước thù địch trên một chiếc tàu trung lập như vậy đã được nước Anh thực hiện trong mọi cuộc chiến tranh như một việc làm dĩ nhiên".

1* - "dù cho thế giới có sụp đổ, luật pháp cũng thắng"

Tờ "Free Press" về sau nhắc lại rằng năm 1856 ở Hội nghị Pari, Pan-móc-xton chưa được vương triều hay Nghị viện giao quyền đại diện, đã hy sinh luật biển Anh vì *lợi ích của Nga*, và tờ báo tiếp tục:

"Lúc đó, để biện hộ cho sự hi sinh đó, báo chí của Pan-móc-xton lúc đó đã tuyên bố như sau: *nếu chúng ta giữ cho mình quyền kiểm tra và lục soát*, thì khi có cuộc chiến tranh đầu tiên ở châu Âu, chúng ta sẽ không tránh khỏi *bị lôi kéo vào cuộc chiến tranh với Hợp chúng quốc*. Và bây giờ thì trên những trang của cũng tờ báo ấy, Pan-móc-xton lại kêu gọi chúng ta bắn phá Niu Oóc chỉ vì Hợp chúng quốc hành động trên cơ sở chính cái luật mà chúng ta cũng thừa nhận trên mức độ giống như họ".

Về lập trường của "các cơ quan của dư luận xã hội", tờ "Free Press" nhận xét:

"Tiếng kêu như lửa rống của nam tước Muyn-hau-den không phải là cái gì cả so với những giọng điệu khác nhau của báo chí Anh viết về việc bắt giữ Mê-dơn và Xlai-đen".

Sau đó tờ báo đem đối chiếu một cách hài hước những luận điểm mâu thuẫn sắp theo "những đoạn" và "*phản đoạn*" - mà báo chí Anh dùng để ra sức chứng minh "sự vi phạm pháp luật" về phía Hợp chúng quốc.

Do C.Mác viết ngày 7 tháng Mười một

1861

Đã đăng trên báo "Die Presse" số 340, ngày

11 tháng Mười một 1861

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

SỰ ĐỒNG TÌNH TĂNG LÊN Ở ANH

Luân Đôn, ngày 7 tháng Chạp 1861

Những người bạn của Hợp chúng quốc ở bên này Đại Tây Dương đầy lo âu, hy vọng rằng Chính phủ Liên bang sẽ có những bước tiến tới hòa giải, điều đó được giải thích không phải bởi lẽ họ đang tham gia vào việc làm âm ỉ lên như báo chí Anh đang làm xung quanh sự kiện quân sự mà ngay cả theo ý kiến của chính các luật gia của Hoàng cung Anh thì quy lại chỉ là sai lầm về thủ tục và có thể tóm lại trong một vài câu: đã có sự vi phạm luật quốc tế, bởi vì thuyền trưởng Uyn-xơ chỉ bắt các phái viên chứ không bắt tàu "Tơ-ren-tơ", hàng hóa chở trên tàu, hành khách trên tàu và cả các phái viên. Sự lo âu của những người bạn của nước cộng hoà vĩ đại cũng không bắt nguồn từ sự lo lắng rằng rút cuộc nước này không thể địch được nước Anh, vì ở hậu phương đang có nội chiến. Cuối cùng, họ không may mắn mong đợi rằng Hợp chúng quốc, trong giờ phút thử thách nặng nề, không một lúc nào từ bỏ cái vị trí tự hào của nó trong hội đồng các dân tộc. Động cơ xui khiến họ là hoàn toàn khác.

Một là, nhiệm vụ trước mắt của Hợp chúng quốc là trấn áp cuộc nổi loạn và khôi phục Liên bang. Lòng mong muốn cháy bỏng của các chủ nô và của những kẻ đồng lõa với họ ở miền Bắc bao giờ cũng là xô đẩy Hợp chúng quốc vào một cuộc chiến tranh với nước Anh. Một khi hành động quân sự bắt đầu thì bước đầu tiên

của nước Anh sẽ là thừa nhận liên minh phía nam, và bước thứ hai là chấm dứt phong toả. Hai là, không một tướng lĩnh nào, nếu không bị bắt buộc, lại chấp nhận chiến đấu vào lúc và trong những điều kiện do kẻ thù lựa chọn.

"Chiến tranh với Mỹ" - tờ "Economist", tờ báo được Pan-mốc-xơn rất tín nhiệm viết - "bao giờ cũng sẽ là một trong những sự kiện đáng buồn nhất trong lịch sử nước Anh; nhưng nếu cuộc chiến tranh đó là không thể tránh khỏi thì lúc này nó ắt sẽ gây cho chúng ta một sự tổn hại tối thiểu, và đó là thời điểm duy nhất trong toàn bộ lịch sử của chúng ta, mà nó có thể sẽ giúp chúng ta có được một sự đền bù bất ngờ và từng phần".

Cũng chính những nguyên nhân giải thích lòng mong muốn của Anh vào "thời điểm duy nhất" ấy nắm lấy lý do ít thích đáng cho chiến tranh, lại phải khiến cho Hợp chúng quốc không tạo ra lý do như vậy vào "thời điểm duy nhất" ấy. Các anh không thể bắt đầu cuộc chiến tranh nhằm mục đích gây cho kẻ thù "*một sự tổn hại tối thiểu*" hay thậm chí nhờ vào chiến tranh mà đem lại cho kẻ thù "*một sự đền bù bất ngờ và từng phần*". Ưu thế của thời điểm sẽ hoàn toàn thuộc về một phía, phía kẻ thù của các anh. Có cần phải căng thẳng đầu óc ra để chứng minh rằng thời điểm mà cuộc nội chiến hoành hành trong nước là ít thuận lợi nhất để gây chiến với kẻ thù bên ngoài hay không? Trong mọi thời điểm khác, các giai cấp buôn bán của Đại Anh quốc sẽ nhìn cuộc chiến tranh chống Hợp chúng quốc đầy khiếp sợ. Trái lại, giờ đây một bộ phận lớn và có ảnh hưởng trong giới buôn bán đã từ bao tháng nay thuyết phục chính phủ dùng bạo lực để phá vỡ phong tỏa và bằng cách đó bảo đảm cho ngành chủ yếu của công nghiệp Anh có được nguyên liệu. Nỗi lo sợ trước sự giảm sút xuất khẩu của Anh sang Hợp chúng quốc đã không còn gay gắt nữa sau khi sự giảm sút ấy đã trở thành sự thật. "Họ" (các bang miền Bắc), - tờ "Economist" viết - "là những người mua tồi chứ không phải tốt". Một khoản tín dụng rộng rãi, mà thương gia Anh thường cấp cho Hợp chúng quốc, chủ yếu bằng con đường chấp nhận chứng

khoản thu được từ Trung Quốc và Ấn Độ, đã giảm sút khoảng năm lần so với năm 1857. Cuối cùng, điều cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng: nước Pháp của cuộc chính biến tháng Chạp bị phá sản, bị tê liệt ở trong nước, bị đè nặng bởi những khó khăn ở ngoài nước, nắm lấy cuộc chiến tranh Anh - Mỹ như là của bất được thật sự và để mua sự ủng hộ của Anh ở châu Âu, sẽ hết sức ủng hộ "tên Anbion xảo quyệt" ở bên này Đại Tây Dương. Xin hãy đọc báo chí Pháp thì đủ rõ. Giới hạn phần khích mà những tờ báo này đạt tới trong sự quan tâm dục dằng đến "danh dự của nước Anh", sự nồng nhiệt của chúng trong những lời lẽ tràn giang đại hải cho rằng nước Anh phải rửa hận về việc lá cờ Anh bị sỉ nhục, sự vu cáo hèn hạ đối với tất cả những gì là Mỹ, - tất cả những cái đó thật sự là kinh khủng, nếu không phải là buồn cười - đồng thời là ghê tởm. Cuối cùng, nếu Hợp chúng quốc nhượng bộ trong trường hợp này, thì nó không may mắn làm giảm giá trị của mình. Giờ đây nước Anh chỉ phản đối *sai lầm về thủ tục, thiếu sót có tính chất kỹ thuật*, mà bản thân nó cũng phạm phải một cách có hệ thống trong tất cả các cuộc hải chiến của mình, nhưng Hợp chúng quốc không bao giờ ngừng phản đối; trong thông điệp tuyên chiến năm 1812 của mình tổng thống Mê-di-xơn đã viện dẫn điều đó như một trong những sự vi phạm đáng phẫn nộ nhất đối với pháp luật quốc tế²⁵⁴. Nếu để bảo vệ Hợp chúng quốc người ta có thể chỉ ra rằng nước này trả tiền cho Anh bằng cùng một thứ tiền thì người ta có lẽ buộc tội nó về chỗ nó đã cao thượng rũ bỏ trách nhiệm đối với hành vi của một thuyền trưởng Mỹ duy nhất đã tự ý hành động, về những hành động mà bao giờ nó cũng lên án như một sự tiếm quyền có hệ thống của hạm đội Anh không! Trên thực tế chỉ có Mỹ là được lợi về điều đó. Một mặt, nước Anh ắt phải thừa nhận quyền của Hợp chúng quốc được bắt và đưa ra tòa án hải sự Mỹ để tịch thu mỗi chiếc tàu của Anh dùng cho nhu cầu của phái Liên minh, mặt

khác, nó ắt phải vĩnh viễn công khai từ bỏ trên thực tế cái yêu sách mà nó đã không muốn từ bỏ cả trong khi ký kết hòa ước Gan-đơ năm 1814, cũng như trong thời gian thương thuyết giữa hâu tước A-sbóc-tơn và quốc vụ khanh Uên-bơ-xtéc năm 1842²⁵⁵. Như vậy, vấn đề quy lại là: liệu các anh có thích biến "sự kiện khó chịu" thành ra cái lợi cho mình không, hay là bị tâm trạng của thời điểm làm mù quáng đi, các anh lại biến nó thành cái lợi cho kẻ thù của các anh, kẻ thù bên trong cũng như bên ngoài?

Từ khi, trước đây một tuần, tôi gửi cho các anh bài báo *gần đây nhất*^{1*} thì lợi tức thống nhất của nước Anh còn sụt xuống nhiều hơn, so với thứ sáu trước thì hạ xuống tới 2%; giá hiện nay vào ngày 9 tháng Giêng là 89 3/4 - 89 7/8 trả bằng tiền mặt và 90 - 90 1/8 theo những tính toán mới. Sự định giá này tương ứng với sự định giá lợi tức thống nhất của nước Anh trong thời gian hai năm đầu của cuộc chiến tranh Nga - Anh^{2*}. Sở dĩ có sự sụt giá này hoàn toàn là do sự giải thích hiểu chiến của các báo Mỹ mới đến theo chuyển bưu phẩm gần đây nhất, do giọng điệu gay gắt của báo chí Luân Đôn, mà thái độ kiềm chế của báo chí này trong thời gian hai ngày chỉ là một sự giả vờ theo lệnh của Pan-móc-xtơn; sự sụt giá này của lợi tức thống nhất cũng còn do việc đưa quân đội sang Ca-na-đa, do những lời tuyên bố cấm xuất khẩu vũ khí và vật liệu để chế thuốc súng, và cuối cùng là do những lời tuyên bố huênh hoang hàng ngày về những sự chuẩn bị chiến tranh đồ sộ ở các công trường và kho vũ khí hải quân.

Một điều mà các anh có thể tin là: Pan-móc-xtơn đang tìm kiếm lý do hợp pháp để tiến hành chiến tranh với Hợp chúng quốc, nhưng trong các phiên họp của nội các ông ta vấp phải sự chống đối kiên quyết của các ngài Glát-xtơn, Min-nơ Gíp-xtơn và

1* Xem tập này, tr. 517-523.

2* Chiến tranh Crưm

trên mức độ ít hơn, của ngài Coóc-nu-ô-lơ Lu-ít. Ngài "tử tước cao quý" được Rốt-xen, cái công cụ đáng khinh ấy trong tay ông ta, và toàn thể bè lũ phái Vích, ủng hộ. Nếu Nội các Oa-sinh-ton cung cấp lý do mong đợi thì nội các ngày nay sụp đổ sẽ bị một chính phủ To-ri thay thế. Giữa Pan-móc-xton và Đì-xra-e-li đã có thỏa thuận về sự chuẩn bị sơ bộ cho một sự thay đổi trang phục như vậy. Điều đó giải thích vì sao lại có tiếng kêu gào chiến tranh khủng khiếp của "Morning Herald" và "Standard", những con sói đói bụng ấy đang gào lên với hy vọng có được những mẩu bánh chờ đợi từ lâu lấy từ trong của bố thí của xã hội.

Kế hoạch của Pan-móc-xton có thể lộ ra, khi người ta hồi tưởng lại một số sự kiện. Đó là vào sáng 14 tháng Năm ông ta khẩn thiết yêu cầu một bản tuyên bố thừa nhận phái ly khai là một bên tham chiến, sau khi ông ta được tin điện báo từ Li-vóc-pun cho biết rằng ông A-đam đến Luân Đôn vào chiều 13 tháng Năm. Đó là sau cuộc chiến tranh quyết liệt với các đồng nghiệp của mình, ông ta đã phái 3 000 người sang Ca-na-đa - một đội quân nhỏ đến nực cười, nếu nó được dùng để bảo vệ một biên giới dài 1 500 dặm, nhưng là một mảnh khoé xảo quyết để khuyến khích nổi loạn và gây bức tức cho Liên bang. Đó là, nhiều tuần trước đó, ông ta đã thuyết phục Bô-na-pác-tơ đề nghị một cuộc can thiệp vũ trang chung vào "cuộc chiến tranh tương tàn", ông ta đã ủng hộ kế hoạch đó trong nội các và đã thất bại chỉ vì sự chống đối của các đồng nghiệp của ông. Lúc đó ông ta và Bô-na-pác-tơ đã dùng đến sự can thiệp của Mê-hi-cô như là pis aller^{1*}. Cuộc vận động này nhằm hai mục đích: gây ra sự bất bình chính đáng của người Mỹ, và đồng thời tạo ra cái cớ để phái một hạm đội sẵn sàng, theo lời "Morning Post", "dùng bất cứ biện pháp nào, mà thái

1* - lối thoát cuối cùng

độ thù địch của Chính phủ Oa-sinh-ton có thể buộc chúng ta phải dùng đến trong vùng biển Bắc Đại Tây Dương". Trong chính thời gian cuộc hành quân diễn ra, tờ "Morning Post" cùng với tờ "Times" và một số rất ít những tên nô lệ báo chí của Pan-móc-xton đã tuyên bố đó là một hành vi tuyệt đẹp, hơn nữa đầy tình nhân ái, bởi vì nó đặt Liên minh chủ nô vào giữa hai ngọn lửa: giữa kẻ thù địch với chế độ nô lệ - giữa miền Bắc và quân đội của những kẻ thù địch với chế độ nô lệ của nước Anh và nước Pháp. Và cũng cái tờ "Morning Post" ấy nói gì trong số báo ngày hôm nay - đó là một mớ pha trộn đáng buồn cười Giếch-xon với Rô-dô-mông-tơ, hành vi vượt ve với lời lẽ khoác lác - nhân lời kêu gọi của Giép-phéc-xon Đê-vít? Hãy lắng nghe lời sấm truyền của Pan-móc-xton.

"Cần phải giả định rằng trong một thời gian khá dài cuộc can thiệp ấy sẽ mang tính chất thụ động; và trong khi chính phủ miền Bắc ở khá xa để cho phép mình can thiệp một cách nghiêm túc vào sự nghiệp ấy thì Hiệp bang miền Nam trái lại, có một tuyến tiếp xúc rất dài với biên giới của Mê-hi-cô, khiến cho thái độ hữu nghị của nó đối với những kẻ chủ xướng cuộc can thiệp có một ý nghĩa không kém quan trọng. Chính phủ miền Bắc không ngừng che giấu sự trung lập của chúng ta, còn chính phủ miền Nam, tỏ rõ sự tể nhị về mặt nhà nước và có thái độ ôn hòa thì đã thừa nhận rằng đó là điều duy nhất mà chúng ta có thể làm đối với phía này hay phía kia. Trong các cuộc thương thuyết với Mê-hi-cô cũng như trong các quan hệ của chúng ta với Nội các Oa-sinh-ton *sự kiềm chế hữu nghị* của Hiệp bang miền Nam là một điều rất có lợi với chúng ta".

Tôi nhận thấy rằng tờ "Nord" - tờ báo Nga, do đó là tờ báo dành cho kế hoạch của Pan-móc-xton - trong số ra ngày 3 tháng Chạp có ngụ ý nói rằng cuộc chinh phạt ở Mê-hi-cô ngay từ đầu được tiến hành không phải nhằm mục đích đã được chính thức tuyên bố mà nhằm gây chiến chống lại Hợp chúng quốc.

Bức thư của tướng Xcốt²⁵⁶ đã có tác động rất tốt đối với dư luận xã hội và thậm chí cả đối với sở giao dịch Luân Đôn đến nỗi những kẻ âm mưu ở phố Đao-ninh và ở Tu-rin đã cho là cần phải

đưa tờ "Patrie" lên sân khấu, tờ báo này trong khi để lộ ra rằng nó được thông tin từ các nguồn chính thức, khẳng định tựa hồ việc bắt các phái viên miền Nam trên tàu "Tơ-ren-tơ" được Nội các Oa-sinh-tơn trực tiếp phê chuẩn.

Do C.Mác viết ngày 7 tháng Chạp 1861

*Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"
số 6467, ngày 25 tháng Chạp 1861*

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

CUỘC KHỦNG HOẢNG TRONG VẤN ĐỀ
CHẾ ĐỘ NÔ LỆ

Luân Đôn, ngày 10 tháng Chạp

Hợp chúng quốc rõ ràng đã đi tới bước ngoặt trong vấn đề cơ bản của toàn bộ cuộc nội chiến: *vấn đề chế độ nô lệ*. Tướng Phri-môn bị cách chức vì tuyên bố những nô lệ của bọn *phiến loạn*^{1*} được tự do. Chẳng bao lâu sau đó, chính phủ Oa-sinh-tơn công bố một chỉ thị cho tướng Séc-man, tư lệnh đạo quân chinh phạt ở Nam Ca-rô-lin, chỉ thị này còn đi xa hơn tuyên bố của Phri-môn quy định được lấy nô lệ bỏ trốn của ngay cả những chủ nô *trung thành* làm công nhân làm thuê, và trong điều kiện nhất định, trang bị cho những nô lệ này; tuy nhiên chủ nô "trung thành" được trấn an là có triển vọng được bồi thường nay mai. Đại tá Cô-cren đi xa hơn Phri-môn, đòi hỏi vũ trang cho toàn thể nô lệ, coi đó là biện pháp cần thiết của chiến tranh. Bộ trưởng chiến tranh Ca-mê-rôn chính thức tán thành "ý kiến" của Cô-cren. Sau đó, bộ trưởng nội vụ nhân danh chính phủ cải chính lời tuyên bố của bộ trưởng chiến tranh. Vị này còn khẳng định quả quyết hơn "ý kiến" của mình tại một hội nghị chính thức và tuyên bố rằng ông ta sẽ nêu vấn đề này trong báo cáo của mình trước quốc hội.

1* Xem tập này, tr. 499-502.

Tướng Ha-lếch, người kế nhiệm Phri-môn ở Mi-su-ri, cũng như tướng Đích-xơ ở Đông Viéc-gi-ni-a, xua đuổi những người da đen chạy trốn khỏi doanh trại và cấm họ từ nay trở đi không được xuất hiện trong khu vực những vị trí mà quân đội của ông đang đóng. Chính trong lúc đó thì tướng Vu-lơ lại dang rộng cánh tay nhận "hàng lậu"²⁵⁷ đem vào pháo đài Môn-rô. Các lãnh tụ trước đây của đảng *dân chủ* - thượng nghị sĩ Đì-kin-xơn và Crô-xơ-oen²⁵⁸ (nguyên là thành viên của cái gọi là chế độ nhiếp chính dân chủ) - tuyên bố trong một bản thông điệp công khai là mình tán thành ý kiến của Cô-cren và Ca-mê-rôn, còn đại tá *Gien-ni-xơn* ở Can-dắc thì vượt tất cả các quân nhân tiền bối của mình, khi diễn thuyết trước binh lính, đã nói:

"Không hề có dao động nào đối với bọn phiến loạn và những kẻ đồng tình với chúng... Tôi tuyên bố với tướng Phri-môn là tôi hẳn đã không cảm sung nếu nghĩ rằng chế độ nô lệ còn sống sót sau cuộc chiến tranh này. Những nô lệ thuộc về bọn phiến loạn, bao giờ cũng tìm được sự bảo vệ ở doanh trại chúng ta, và chúng ta sẽ bảo vệ họ cho đến người chiến sĩ cuối cùng và viên đạn cuối cùng. Tôi không muốn trong quân lính của mình có người *không theo chủ nghĩa giải phóng nô lệ* (*I want no men who are not Abolitionists*). Ở đây không có chỗ cho chúng, và tôi hy vọng rằng những con người như vậy trong chúng ta không có, bởi vì ai cũng biết rằng vấn đề chế độ nô lệ là cơ sở của cuộc chiến tranh quái đản này, tạo ra thực chất và ý nghĩa của nó... Còn nếu như chính phủ lại không tán thành hành động của tôi thì chính phủ có thể thu hồi những quyền hạn đã giao cho tôi, song trong trường hợp đó tôi sẽ hành động và tự mình sẽ gánh lấy mọi hậu quả (on my own hook), ngay cả nếu như ban đầu tôi chỉ còn vịn vịn nửa tá lính".

Ở các bang chiếm hữu nô lệ ở biên giới, nhất là ở *Mi-su-ri*, còn ở Kên-tắc-ki v.v. thì ít hơn, vấn đề chế độ nô lệ đã được giải quyết trên thực tế. Ở đây nô lệ sút giảm rất nhiều. Chẳng hạn, có khoảng 50 000 nô lệ trốn khỏi Mi-su-ri một phần bỏ chạy còn một phần thì do chính chủ nô đưa tới những bang xa hơn ở miền Nam.

Điều luật lạ lùng là không một tờ báo Anh nào nêu lên sự kiện

hết sức trọng đại và đáng ghi nhớ này. Ngày 18 tháng Mười một, trên đảo Gát-tơ-ra-xơ có cuộc hội nghị của đại diện 45 tỉnh Bắc Ca-rô-lin cử ra chính phủ lâm thời, bãi bỏ pháp án ly khai và tuyên bố Bắc Ca-rô-lin trở về trong lòng Liên bang. Cử tri các khu thuộc phần này của bang, phần có đại diện trong hội nghị này được triệu tập để bầu đại diện đi họp Quốc hội ở Oa-sinh-ton.

*Do C.Mác viết ngày 10 tháng Chạp 1861
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 343, ngày
14 tháng Chạp 1861*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu
trên tạp chí "Những vấn đề
lịch sử Đảng cộng sản Liên
Xô" số 5, 1958.*

C.MÁC

TIN TỨC TỪ MỸ

Luân Đôn, ngày 13 tháng Chạp

Tin tức về số phận "Hác-vây Biếc" và sự có mặt của tuần dương hạm "Nát-vin", ở cảng Xao-hêm-pton²⁵⁹ đã bay tới Niu Oóc ngày 29 tháng Chạp, song, dường như đã không gây được cái ấn tượng đặc biệt mà những giới nào đó ở đây phải tính đến cái ấn tượng đã làm cho người ta lo sợ trong phe đối phương của chiến cuộc. Lần này thì một làn sóng lớn xô phải một làn sóng khác. Số là đúng vào lúc đó, Niu Oóc đang rộn rịp vì cuộc vận động bầu cử thị trưởng vào ngày 3 tháng Chạp. Đại diện báo "Times" ở Oa-sinh-tơn là ông Rốt-xen, người đã làm hỏng mất cái tài ba dân tộc Ken-tơ của mình vì kiểu cách Ăng-lê rồm, nhún vai làm điệu bộ ngạc nhiên - về cái cảnh ồn ào trước cuộc bầu cử này. Đương nhiên, ông Rốt-xen do đó cũng làm nổi mũi kẻ cóc-ni^{1*} Luân Đôn là kẻ đang hình dung tựa hồ cuộc bầu cử thị trưởng ở Niu Oóc cũng là cái trò hề lỗi thời như cuộc bầu cử huân tước thị trưởng ở Luân Đôn. Như người ta biết, huân tước thị trưởng Luân Đôn không có quan hệ gì đến đại bộ phận Luân Đôn. Ông ta là kẻ nhiếp chính danh nghĩa của thành phố, một loại nhân vật huyền thoại muốn chứng minh sự tồn tại hiện thực của mình bằng cách

1* - kẻ tầm thường

chế ra những món xúp rùa ngon miệng vào những ngày yến tiệc linh đình và bằng cách đưa ra những phán quyết vô căn cứ trong trường hợp vi phạm lệnh cảnh sát. Huân tước thị trưởng Luân Đôn là nhân vật có tầm cỡ quốc gia chỉ ở trong trí tưởng tượng của những người Pa-ri viết tiểu phẩm hài kịch và *faiys divers*^{1*}. Ngược lại, thị trưởng Niu Oóc có thực quyền. Vào đầu phong trào ly khai, thị trưởng bảy giờ là *Phéc-nan-đô Vút* khét tiếng, đã toan tuyên bố Niu Oóc là một thành phố - cộng hòa độc lập²⁶⁰ đương nhiên là với sự đồng ý của Giép-phéc-xơn Đê-vít. Kế hoạch của ông ta bị phá sản do sự chống đối kiên quyết của đảng cộng hòa của Empire City^{2*}.

Ngày 27 tháng Chạp, thượng nghị sĩ Mỹ *Sác-lơ Xam-nơ* (bang Ma-xa-tru-xét) chính là kẻ mà vào lúc chạy áp-phe ở Can-dắc đã bị một người miền Nam làm nhục bằng đòn roi, đọc một báo cáo xuất sắc về nguồn gốc và những động cơ thâm kín dẫn tới cuộc nổi loạn của chủ nô, tại một hội nghị đông người ở Trường đại học Cúpơ tại Niu Oóc²⁶¹. Sau bài phát biểu của ông, hội nghị thông qua nghị quyết sau đây:

"Chủ thuyết do tướng Phri-môn đề xướng về việc giải phóng những nô lệ thuộc về bọn phiến loạn cũng như những lời tuyên bố tiếp đó của tướng Bóc-xai-đơ, của thượng nghị sĩ Uyn-xơn, của Gioóc-giơ Ban-crốp" (một sử gia có tiếng), của "đại tá Cô-cren và Xai-môn Ca-mê-rôn - là những người cho rằng nguyên nhân cuộc nổi loạn là nguy cơ chế độ nô lệ bị thủ tiêu - đều nói lên sự cần thiết về đạo lý, về chính trị và quân sự. Hội nghị cho rằng dư luận xã hội ở miền Bắc vào thời điểm này tỏ ra hoàn toàn đồng tình với bất luận kế hoạch thực hiện nào có thể được đề ra nhằm đào tận gốc tội ác đối với quốc dân này và sẽ xem một kết quả như vậy là kết cục duy nhất nhất quán của cuộc đấu tranh giữa văn minh với dã man này".

Tờ "New-York Tribune" nhận xét về bài phát biểu của Xam-nơ như sau:

1* - tin ngắn linh tinh

2* - Niu Oóc

"Lời bóng gió của ông Xam-nơ về những cuộc tranh cãi sắp tới ở quốc hội trên vấn đề chế độ nô lệ khiến người ta hy vọng rằng quốc hội rốt cuộc sẽ hiểu rõ chỗ yếu của miền Nam và sức mạnh của miền Bắc thực ra là gì, và sẽ đi tới biện pháp kiên quyết và chỉ nhờ đó mới có thể nhanh chóng và triệt để trấn áp cuộc nổi loạn".

Trong một lá thư riêng từ *Mê-hi-cô* có viết: "Công sứ Anh đang đóng vai trò người bạn nhiệt tình của chính phủ tổng thống Hoa-rét-xơ... Những người rất quen với những mưu kế Tây Ban Nha quả quyết rằng tướng Mác-kê-xơ được Tây Ban Nha uỷ nhiệm tập hợp lại lần nữa những lực lượng tản mát của đảng tăng lữ gồm cả những phần tử Mê-hi-cô lẫn Tây Ban Nha. Đảng này sau đó phải sử dụng dịp tốt nhất để vờ một ông vua cho ngai vàng Mê-hi-cô dưới trướng Đức thánh thượng Thiên chúa giáo¹". Người ta cho thấy rằng chú của nữ hoàng đã được vờ vào cái ghế này. Vì ông ta đã già cho nên do tiến trình tự nhiên của sự kiện, ông chẳng bao lâu sẽ rời khỏi sân khấu, và bởi rằng người ta cố tránh bất cứ thỏa thuận nào về việc bổ nhiệm kẻ thừa kế ông ta, cho nên do đó, Mê-hi-cô lại trở về với Tây Ban Nha - bằng cách đó, ở Mê-hi-cô người ta cũng thực hiện thành công một chính sách như ở Ha-i-ti".

*Do C.Mác viết ngày 13 tháng Chạp 1861
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 346, ngày
17 tháng Chạp 1861*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* - I-da-ben-la II.

C.MÁC

VỤ KIẾN VỀ TỘI VỤ KHÔNG

Luân Đôn, ngày 19 tháng Chạp

Người Ai Cập cổ đại, như chúng ta biết, đã đưa *phân công lao động* tới một trình độ cao, trong chừng mực điều đó có liên quan đến toàn thể xã hội chứ không phải đến một xưởng riêng lẻ. Hầu như mỗi một bộ phận thân thể của họ đều do một thầy thuốc chuyên riêng chăm sóc, mà theo luật, thì thầy thuốc chỉ được chữa bệnh trong một lĩnh vực nhất định. Trộm cắp là một loại nghề đặc biệt có người cầm đầu được chính thức thừa nhận. Song phân công lao động ở Ai Cập cổ đại so với phân công lao động hiện đại của người Anh mới thảm hại làm sao! Tính chất kỳ lạ của những loại nghề ở Luân Đôn làm chúng ta ngỡ ngàng không kém so với tổ chức theo cấp bậc của chúng.

Một trong những loại nghề kỳ khôi là *hoạt động gián điệp*. Trước hết nó được phân thành hai ngành lớn: gián điệp *dân sự* và gián điệp *chính trị*. Ở đây chúng tôi hoàn toàn gạt nghề do thám sang một bên. Còn do thám dân sự, đến lượt nó lại chia ra hai nhóm lớn: do thám công và do thám tư.

Do thám công một mặt là công việc của detectives (thám tử) được nhà nước hoặc chính quyền thành phố trả thù lao và mặt khác, là công việc của commow informers (chỉ điểm thường) làm việc do thám và tự mình gánh chịu lấy mọi hậu quả và được cảnh sát trả công jobwork (theo vụ việc).

Do thám tư phân thành những nhánh đa dạng, tuy nhiên, về đại thể có thể quy về hai dạng chính. Một dạng bao gồm những quan hệ riêng tư *phi thương mại*, dạng khác gồm những quan hệ *thương mại*. Về dạng thứ nhất, trong đó việc đóng vai trò cực kỳ to lớn là việc theo dõi quan hệ vợ chồng không chung thủy, thì ở đây viện của ông *Phin-dơ* nổi tiếng khắp châu Âu. Về các chức năng gián điệp *thương mại*, ta có thể có một ý niệm gần gũi hơn qua câu chuyện tình cờ sau đây:

Ngày thứ ba tuần này, Court of Exchequer xét vụ kiện về tội vu khống, bị cáo là tờ tuần báo địa phương "Lloyd's Weekly News"²⁶², còn người khởi tố là hãng *Xtáp-xơ và đồng bọn*. Số là *Xtáp-xơ và đồng bọn* phát hành tờ tuần báo gọi là "Stubbs Gazette", cơ quan của "*Hội bảo hộ thương mại*" do Xtáp-xơ đứng đầu. Tờ báo này được phân phát theo cách riêng cho những người đặt mua, giá 3 ghi-nê một năm, song khác với các báo khác, không bán lẻ từng số tại các quầy của những stationers^{1*}, ngoài đường phố, trên đường sắt v.v.. Thực ra, nó là một bản danh mục tước quyền những con nợ bị phá sản, bất luận họ thuộc đẳng cấp nào. "*Hội bảo hộ thương mại*" do Xtáp-xơ đứng đầu, theo dõi các cá nhân không có khả năng thanh toán, còn "báo Xtáp-xơ" thì ghi sổ họ tên những người này một cách rõ ràng phân minh. Số những người đặt mua lên tới hai vạn.

Và thế là "tuần báo Lôi-dơ" đăng bài báo trong đó có đoạn: "Nghĩa vụ của mỗi con người trung thực là chấm dứt cái hệ thống *do thám* ô nhục này". Xtáp-xơ đòi tòa phải trừng trị về lời vu khống này.

Sau khi luật sư bên nguyên, tiến sĩ Si, đã thao thao bất tuyệt trở tài hùng biện Ai-rơ-len của mình, thì nguyên cáo Xtáp-xơ buộc phải chịu đựng cross examination (đây thực ra là hỏa lực cánh sẻ

1* - người bán sách

mà nhân chúng phải chịu đựng lúc hỏi cung) từ phía tiến sĩ Ba-lan-tai-nơ, luật sư của "tuần báo Lô-i-dơ", đã xảy ra cuộc đối đáp hài hước như sau:

Ba-lan-tai-nơ: Ông có đòi hỏi người đặt báo của ông một sự thông tin nào đó không?

Xtáp-xơ: Tôi yêu cầu người đặt báo cho tôi biết tên những người mà họ cho là kẻ lừa đảo. Sau đó chúng tôi điều tra những vụ này. Bản thân tôi không làm việc điều tra. Tôi có phái viên ở Luân Đôn và ở những thành phố lớn khác. Ở Luân Đôn tôi có chín hoặc mười phái viên nhận lương năm.

Ba-lan-tai-nơ: Những quý ông này nhận được bao nhiêu nhờ kiếm được tin?

Xtáp-xơ: Từ 150 đến 200 pao xtéc-linh.

Ba-lan-tai-nơ: Và, ngoài ra, một bộ cánh mới nữa chứ? Thế còn nếu trong số những quý ông được thù lao quá ư hậu hĩ này có người tóm được kẻ lừa đảo thì sao? - Chúng tôi công bố tên hẩn.

Ba-lan-tai-nơ: Chỉ trong trường hợp nếu đó là một tên lừa đảo bất trị phải không? - Vâng. - Thế nếu như hẩn ta chỉ là kẻ lừa đảo nửa vời thì sao? - Bấy giờ chúng tôi sẽ ghi tên hẩn vào bảng kê của chúng tôi. - Cho đến khi hẩn ta bộc lộ thật đầy đủ rồi ông mới công bố tên hẩn? - Vâng. - Ông có công bố tiểu sử của những kẻ lừa đảo không? - Có ạ. - Và vì lợi ích thương mại nên ông còn nâng cao hơn nữa chi phí về việc này. Ông công bố cả ảnh của những kẻ lừa đảo? - Vâng. - Thế ông không trả lương cho phòng cảnh sát mật chứ? Ông không có liên hệ với ông Phin-đơ đấy chứ? - Tôi vui sướng là có thể trả lời: không! - Song, trong trường hợp như vậy giữa các ông có gì khác nhau? - Tôi khước từ trả lời câu hỏi này. - Thế ông hiểu như thế nào về "phái viên hợp pháp" của các ông? - Điều này có liên quan với việc đòi nợ. Chúng tôi cho những người ấy là solicitors (một thứ đứng giữa luật sư và mô toà), làm công việc của người đặt mua với những

điều kiện đã trình bày trong bản thuyết minh. Như vậy, có phải ông cũng là kẻ đòi nợ? - Tôi đòi nợ thông qua 700 thầy kiện. - Trời đất, ông nuôi 700 thầy kiện mà thế giới vẫn tồn tại! Ông hãy nói đi - ông nuôi thầy kiện hay thầy kiện nuôi ông? - Họ tự túc. - Ông có phải tiến hành những vụ kiện khác nữa không? - Có, khoảng nửa tá. - Thế có bao giờ ông đưa những vụ kiện ấy đến quyết định của tòa không? - Có ạ. - Thế có bao giờ quyết định của tòa có lợi cho ông không? - Có một lần. - Trên tờ báo của ông có mục "Địa chỉ cần biết", sau là cả một bảng kê tên dài, thế là nghĩa thế nào? - Đó là những con nợ trốn mà cả chúng tôi lẫn người đặt mua báo đều không thể phát hiện ra chỗ ở của họ. - Công việc của ông được tổ chức như thế nào? - Văn phòng trung ương của chúng tôi đóng ở Luân Đôn, còn chi nhánh thì ở Bóc-min-hêm, Gla-xgô, Ê-đin-bơc và Đu-blin. Công việc này chuyển vào tay tôi do thừa kế từ bố. Thoạt đầu ông tiến hành công việc này ở Man-se-xơ.

Sau đó, luật sư Ba-lan-tai-nơ trong lời phát biểu của mình, đã thẳng thừng tấn công Xtáp-xơ, "cái hành vi tức cười và tự mãn của ông này vào lúc đưa bằng chứng, trong bất luận trường hợp nào cũng chứng tỏ rằng ông ta, tựa như con bọ hung, hoàn toàn không ý thức được là mình đang ở trong đồng bùn nhơ nào". Nền thương mại Anh, ắt hẳn đã sa sút nghiêm trọng một khi nó cần đến những nhà bảo hộ như vậy. Hệ thống mật thám bí ổi này đặt vào tay Xtáp-xơ một vũ khí khủng khiếp để tống tiền v.v..

Lord Chief Baron^{1*}, người được giao phó xét xử vụ này, đã đứng về phía bảo vệ trong lời tóm tắt của mình. Ông kết thúc lời phát biểu như sau:

"Bồi thẩm chịu ơn nhiều đối với tự do báo chí, song không phải bồi thẩm được

1* - Chánh án tòa án tối cao

độc lập vì báo chí được tự do, mà ngược lại, báo chí được tự do bởi vì bồi thẩm được độc lập. Các vị phải cân nhắc xem bài báo bị buộc tội liệu có vượt quá giới hạn của sự phê bình trung thực hay không. Xtáp-xơ có địa vị xã hội và bởi vậy phải chịu sự phê bình. Nếu các vị cho rằng "tuần báo Lô-i-dơ" đã vượt quá giới hạn của sự phê bình trung thực thì bây giờ các vị phải bồi thường *thỏa đáng* cho bên nguyên".

Các bồi thẩm đi vào phòng riêng để nghị án. Sau mười lăm phút thảo luận, họ lại xuất hiện ở phòng xử án với quyết định: bên nguyên là Xtáp-xơ được kiện, được bồi thường danh dự ở mức 1 *phác-thinh*. Phác-thinh là đồng tiền nhỏ nhất của Anh, tương ứng với xăng-tim của Pháp và pờ-phen-ních của Đức. Xtáp-xơ rời Ghin-hôn trong tiếng cười rộ của cử tọa đông đảo, và với sự hộ tống của dăm ba kẻ ái mộ, cá nhân nhỏ nhoi của y chỉ còn cách chạy trốn hời những tiếng hoan hô lẫn nhặng của họ.

Do C.Mác viết ngày 19 tháng Chạp 1861

*Đã đăng trên báo "Die Presse" số 353, ngày
24 tháng Chạp 1861*

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

NỘI CÁC Ở OA-SINH-TƠN VÀ CÁC CƯỜNG QUỐC PHƯƠNG TÂY

Một trong những điều bất ngờ kỳ lạ nhất của cuộc chiến tranh Anh - Pháp - Thổ Nhĩ Kỳ - Nga^{1*} - một cuộc chiến tranh vốn quá ư phong phú về những bất ngờ, đương nhiên là bản tuyên bố về luật biển²⁶³ thông qua ở Pa-ri mùa xuân năm 1856. Khi bắt đầu cuộc chiến với Nga, Anh không dùng vũ khí khủng khiếp nhất của mình để chống nó: tịch thu hàng hóa thuộc về kẻ địch, chuyên chở trên các tàu trung lập và cướp đoạt trên biển. Lúc kết thúc chiến tranh, Anh bỏ gậy vũ khí này và đặt những mảnh vỡ của nó lên bàn thờ của hòa bình. Nước Nga, cứ như bên thua trận, đã đạt được một sự nhượng bộ, sự nhượng bộ mà nó đã hoài công tìm cách đạt được từ thời Ê-ca-tê-ri-na đệ nhị bằng một loạt tuyên bố về "trung lập có vũ trang"²⁶⁴, chiến tranh và mưu kế ngoại giao. Ngược lại, nước Anh, cứ như là kẻ thắng trận, khước từ những phương tiện tấn công và phòng thủ mạnh mẽ ra đời trên cơ sở quyền bá chủ mặt biển của nó và trong suốt một thế kỷ rưỡi đã được nó bảo vệ bằng sức mạnh vũ khí chống lại toàn thế giới.

Những lý do nhân ái nêu lên làm cơ để thông qua tuyên bố năm 1856 bị sụp đổ ngay trước một sự kiểm nghiệm sơ qua trên

1* Chiến tranh Crim

bề mặt. Cướp đoạt trên biển tuy nhiên không *man rợ* hơn so với hành động của những đội quân tình nguyện hay du kích trong cuộc chiến trên bộ. Tàu cướp là quân du kích đường biển. Việc tịch thu tài sản riêng của những người thuộc về nước tham chiến cũng được tiến hành cả trong thời gian chiến tranh trên bộ. Chẳng hạn, ngoài quốc khố của kẻ địch, chẳng lẽ việc tịch thu thời chiến lại không đụng đến sở hữu của tư nhân hay sao? Cuộc chiến trên bộ thực chất không đe dọa tài sản kẻ địch nằm trên lãnh thổ trung lập, nghĩa là, dưới chủ quyền của một nước trung lập. Cuộc chiến trên biển về thực chất, xóa nhòa những ranh giới đó, vì lẽ biển, cũng tựa như con đường chung thênh thang của mọi quốc gia, không thể nằm dưới chủ quyền bất cứ một nước trung lập nào.

Song trên thực tế, đằng sau những câu nhân từ bác ái của bản tuyên bố năm 1856, ẩn giấu sự vô nhân đạo lớn lao. Bản tuyên bố, trên nguyên tắc, biến chiến tranh từ chỗ là chiến tranh giữa các dân tộc thành chiến tranh giữa các chính phủ. Nó gán cho sở hữu tính bất khả xâm phạm song không thừa nhận con người là bất khả xâm phạm. Nó tránh cho thương mại khỏi những sự khủng khiếp của chiến tranh và bởi vậy, làm cho các tầng lớp thương mại và công nghiệp thờ ơ với những sự khủng khiếp này. Hơn nữa, hoàn toàn rõ ràng rằng những lý do bác ái của tuyên bố năm 1856 chỉ nhằm cho hành lang châu Âu, cũng y hệt như những lý do tôn giáo của Liên minh thần thánh.

Mọi người đều biết việc huân tước *Cla-ren-đôn* người đã xóa đi luật biển Anh bằng chữ ký của mình tại Hội nghị Pa-ri, đã hành động như về sau ông thú nhận ở Thượng nghị viện là không được vương triều biết trước và không có sự uỷ quyền tương ứng. Tất cả các quyền hạn của ông là ở trong *lá thư riêng* của Pan-móc-xtơn. Cho đến nay thì con người này vẫn chưa dám yêu cầu Quốc hội Anh phê chuẩn tuyên bố Pa-ri và chữ ký của Cla-ren-đôn dưới bản tuyên bố ấy. Chưa nói đến những cuộc tranh cãi về thực chất của

bản tuyên bố, người ta đã có căn cứ để lo cho những cuộc tranh cãi về vấn đề mang tính cách hiến pháp: liệu một bộ trưởng nào đó của Anh có thể tự cho mình quyền bất chấp vương quyền và quốc hội, bằng một nét bút mà thủ tiêu cơ sở lâu đời của sự thống trị của Anh quốc trên biển hay không? Nếu như coup d'état^{1*} của bộ trưởng không dẫn tới những cuộc chất vấn gay gắt mà ngược lại, được lạng lẽ thừa nhận như là fait accompli^{2*} thì như vậy Pan-móc-xơn chịu ảnh hưởng của trường phái Man-se-xơ²⁶⁵. Trường phái này chủ trương rằng lợi ích mà nó đại diện, và do đó, cả bác ái, văn minh và tiến bộ nữa, đều hoàn toàn phù hợp với cung cách mới khả dĩ cho phép thương nhân Anh tiếp tục buôn bán với địch trên tàu thuyền trung lập và không hề bị quấy nhiễu, trong khi thủy thủ và binh lính vẫn sẽ chiến đấu cho vinh quang của dân tộc. Trường phái lấy làm vui sướng là bộ trưởng hành động không theo hiến pháp, đã buộc Anh quốc phải đi tới những nhượng bộ quốc tế, mà bằng con đường hiến pháp, con đường quốc hội thì không thể đạt được chúng. Do đó mà có sự công phần hiện nay của trường phái Man-se-xơ ở Anh đối với những lời tố cáo trong Sách xanh mà Xi-uốt trình bày tại Quốc hội Oa-sinh-tơn.

Nhưng chúng ta biết, Hợp chúng quốc là cường quốc duy nhất không chịu ký vào tuyên bố Pa-ri năm 1856. Nếu như Hợp chúng quốc từ chối sự cướp đoạt trên biển thì nó ắt buộc phải xây dựng hạm đội quốc gia hùng mạnh. Mọi việc làm suy yếu lực lượng quân sự của nó trên biển đồng thời cũng làm cho nó lo sợ là đội quân thường trực trên bộ phải triển khai tới quy mô châu Âu. Tuy nhiên, tổng thống Biu-kê-nen cũng tỏ ra sẵn sàng thừa nhận tuyên bố Pa-ri nếu như toàn bộ tài sản trên tàu cả của địch lẫn của nước trung lập, trừ hàng lậu quân sự, đều được đảm bảo như nhau

là bất khả xâm phạm. Đề nghị của ông bị bác bỏ. Giờ đây, Sách xanh của Xi-uốt nói rõ là Lin-côn ngay sau khi phát biểu nhậm chức tổng thống, đã tuyên bố với Anh và Pháp là Hợp chúng quốc tán thành ký tên vào tuyên bố Pa-ri vì nó bãi bỏ cướp đoạt trên biển, song với điều kiện là việc ngăn cấm cướp đoạt trên biển sẽ được áp dụng cho cả những phần đất Hợp chúng quốc mà bọn phiến loạn chiếm cứ, nghĩa là áp dụng cho cả Hiệp bang miền Nam. Trên thực tế, thừa nhận Hiệp bang miền Nam có quyền của một bên tham chiến²⁶⁶ là câu trả lời cho kiến nghị này.

"Bác ái, tiến bộ và văn minh" gợi ý cho nội các ở điện Xanh-Giêm-xơ và điện Tuyn-lơ-ri rằng việc ngăn cấm cướp đoạt trên biển hẳn sẽ làm giảm bớt rất nhiều những cơ may của phái ly khai, và do đó, những cơ may làm tan rã Hợp chúng quốc. Bởi vậy, Hiệp bang miền Nam được thừa nhận là bên tham chiến một cách vội vã, nhằm để sau đó trả lời cho Chính phủ Oa-sinh-tơn là Anh và Pháp, đương nhiên không thể thừa nhận đề nghị của một bên tham chiến là luật bắt buộc đối với bên tham chiến khác. Tất cả những cuộc thương lượng ngoại giao giữa Anh và Pháp với Chính phủ Hợp chúng quốc, từ đầu cuộc nội chiến đều quán triệt "lòng thành thực cao quý" như vậy đấy. Và nếu như "Xan-Đgian-xin-tơ" không giữ "Tơ-ren-tơ" ở eo biển Ba-ha-mát thì hẳn có một vụ rắc rối nào khác đó được dùng làm cớ cho cuộc xung đột mà huân tước Pan-móc-xơn đã trù liệu.

Do C.Mác viết vào khoảng ngày 20 tháng

Chạp 1861

Đã đăng trên báo "Die Presse" số 354, ngày

25 tháng Chạp 1861

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

1* - đảo chính

2* - việc đã rồi

C.MÁC

Ý KIẾN CỦA BÁO CHÍ VÀ Ý KIẾN CỦA NHÂN DÂN

Luân Đôn, ngày 25 tháng Chạp

Các chính sách của các nước lục địa cứ tưởng báo chí Luân Đôn có thể làm nhiệt kế đo tâm trạng nhân dân Anh, vào lúc này không tránh khỏi nhầm lẫn. Khi thoát nghe tin tàu "Tơ-ren-tơ" gặp vụ rắc rối thì lòng kiêu hãnh dân tộc Ăng-lê ngùn ngụt bốc cao và lời kêu gọi tuyên chiến với Hợp chúng quốc hầu như vang lên trong mọi tầng lớp xã hội. Báo chí Luân Đôn, ngược lại, tỏ ra hết sức bình tĩnh, thậm chí tờ "Times" còn nghi vấn là nói chung liệu có casus belli^{1*} không. Do đâu mà có hiện tượng như vậy? Pan-móc-xtơn tỏ vẻ không chắc chắn là các luật gia của vương quốc có tìm ra được một cơ hợp pháp nào để gây chiến không. Số là một tuần trước lúc "La Pla-ta" đến Xao-hêm-pton, các phái viên của Hiệp bang miền Nam từ Li-vóc-pun, đã mật báo với Chính phủ Anh là các tuần dương hạm Mỹ dự định rời các cảng Anh và bắt các ông Mê-dơn và Xlai-đen và những kẻ khác nữa ở ngoài biển khơi; các phái viên yêu cầu Chính phủ Anh can thiệp. Làm theo kết luận của các luật gia Hoàng cung, chính phủ bác bỏ yêu cầu này. Do đó mà giọng báo chí Anh thoát đầu tỏ ra hòa bình và hòa dịu trái với sự phẫn nộ bùng bùng của nhân dân. Song khi các luật gia Hoàng cung - tổng chưởng lý và tổng biện lý, cả

hai đều là thành viên chính phủ - đã moi ra cái cơ kỹ thuật để tranh chấp với Hợp chúng quốc thì vai trò của nhân dân và báo chí lại chuyển đổi cho nhau. Cơn cuồng nhiệt trên báo chí càng tăng lên thì trong nhân dân nó càng giảm xuống. Vào thời điểm này thì chiến tranh chống Mỹ không còn được hưởng ứng rầm rộ, trong mọi tầng lớp nhân dân Anh - trừ những người có lợi ích gắn bó với bông, và các nhà quý tộc tỉnh lẻ, - mà tiếng kêu gào, hiếu chiến trên báo chí cũng nhỏ dần đi.

Thế nhưng ta hãy nhìn qua báo chí Luân Đôn. Đứng đầu là tờ "Times" mà chủ bút là *Bốp-lâu*, đã có thời hoạt động ở Ô-xtơ-rây-li-a, mị dân xúi giục nó ly khai với Anh. Ông ta là thành viên thứ yếu của chính phủ, đại loại như bộ trưởng giáo dục; đó chỉ là một chế phẩm của Pan-móc-xtơn. "Punch"²⁶⁷ là tên hề cung đình của báo "Times", biến sesquipedalia verba^{1*} của nó thành những lời châm chọc nông cạn và những biếm họa tầm thường. Một trong những biên tập chính của "Punch" được Pan-móc-xtơn đưa vào Board of Health (Ủy ban bảo vệ sức khỏe) với niên bổng 1 000 pao xtéc-ling.

"Morning Post" có phần là sở hữu riêng của Pan-móc-xtơn. Một phần khác của cái xí nghiệp độc đáo này thì đã bán cho sứ quán Pháp. Phần còn lại thuộc về "haute volée"^{2*} và cung cấp những tin chính xác nhất cho bọn nịnh thần và cho thợ may đồ đầm. Bởi vậy tờ "Morning Post" nổi tiếng trong nhân dân Anh như là Giên-kin-xơ (hình tượng chung về tay sai) báo chí.

"Morning advertiser" là sở hữu chung của "licensed victuallers", nghĩa là của những chủ quán được phép bán không những rượu vang mà cả vốt-ca nữa. Tờ báo này cũng đồng thời là cơ quan của phái *Kiên thành chủ nghĩa* ở Anh cũng như của sporting characters, nghĩa

1* - lời lẽ khoa trương

2* - giới thượng lưu

1* - cơ để tuyên chiến

là những người kiếm sống ở những cuộc đua ngựa, đánh cá, đấu bốc... Biên tập tờ báo này là ông *Gran-tơ*, có thời đã làm việc cho các báo với tư cách người tốc ký, là một kẻ rất dốt nát về văn học, có vinh hạnh được dự những cuộc tiếp khách riêng của Pan-móc-xton. Từ lúc đó, ông ta lấy làm khoái chí với "truly English minister" (bộ trưởng người Anh chính cống)²⁶⁸, kẻ mà ông ta đã tố cáo vào đầu cuộc chiến tranh với Nga^{1*} là "tình báo Nga". "Phải nói thêm rằng những kẻ bảo trợ sùng tín của tờ báo vốt-ca này chịu sự chỉ huy tối cao của bá tước Sếp-xbê-ri, và chính Sếp-xbê-ri là con rể của Pan-móc-xton. Sếp-xbê-ri là giáo hoàng của low church men²⁶⁹, những kẻ đang tìm cách muốn kết hợp thứ rượu vắn đục của "Advertiser" dửng cảm với thánh thần^{2*}.

"Morning Chronicle!" Quantum mutatus ab illo!^{3*} Trong gần thế kỷ rưỡi, đó là cơ quan lớn của đảng Vích cạnh tranh khá thành công với "Times". Song ngôi sao của tờ báo thì bị lu mờ từ thời chiến tranh của đảng Vích²⁷⁰. Sau khi đã thay hình đổi dạng đủ kiểu thì nó biến thành penny paper²⁷¹, thỏa mãn với những "điều giắt gân", chẳng hạn, đã đứng lên bảo vệ kẻ đầu độc Pan-mơ. Sau đó, tờ báo bán mình cho đại sứ quán Pháp, nhưng chẳng bao lâu sau cơ quan này lại tiếc là đã ném tiền qua cửa sổ. Bấy giờ nó lao đầu vào chủ nghĩa chống Bô-na-pác-tơ, song cả ở đây cũng không thu được kết quả. Rốt cuộc tờ báo đã tìm thấy khách hàng được chờ đợi từ lâu là các ngài I-an-xi và Man, những phái viên của Liên minh miền Nam ở Luân Đôn.

"Daily Telegraph" là sở hữu riêng của một *Lê-vi* nào đó. Chính giới báo chí Anh đã phỉ nhổ tờ báo của hắn bằng biệt danh mob paper (báo viết cho tiện dân) của Pan-móc-xton. Bên cạnh chức

1* - Chiến tranh Crưm

2* - Chơi chữ: "Spiritus" vừa có nghĩa là "thần" vừa là "rượu"

3* - Nó đã thay đổi biết đường nào! (Véc-gi-li "Ê-nây-đa")

năng này, tờ báo còn chuyên viết chronique scandaleuse^{1*}. Tờ "Telegraph" có đặc điểm nổi bật là, được tin về "Tơ-ren-tơ" thì nó, theo lệnh trên, đã tuyên bố rằng *chiến tranh không thể xảy ra*. Trong vai trò gán cho nó, là rất đường hoàng và trầm tĩnh, tờ báo tự cảm thấy quá ư ngượng ngập đến nỗi sau đó đã đăng khoảng nửa tá bài về chủ đề sự trầm tĩnh và đường hoàng mà nó biểu lộ trong trường hợp này. Vừa mới được lệnh thay đổi giọng lưỡi, tờ báo đã tìm cách tự ban thưởng cho mình về cái vai trò gán ghép ấy và vượt lên trên tất cả đồng nghiệp của mình bằng những lời gào thét hiếu chiến thô lỗ.

"Globe"²⁷² là tờ báo buổi chiều của chính phủ chính thức nhận tài trợ từ tất cả các bộ do đảng Vích nắm.

Các tờ "Morning Herald" và "Evening Standard" của đảng To-ri thuộc cùng phường, cùng hội; lập trường của chúng do hai động cơ chi phối: một mặt, do lòng căm ghét truyền thống đối với những "thuộc địa Anh *phiến loạn*", mặt khác, do túi tiền của họ bị trống rỗng kinh niên. Họ biết rằng chiến tranh với Mỹ không tránh khỏi làm sụp đổ chính phủ liên hiệp hiện thời và mở đường cho chính phủ To-ri. Và cùng chính phủ To-ri, những khoản tài trợ chính thức sẽ lại quay về với "Herald" và "Standard". Chính bởi vậy mà cả đến chó sói đói ăn khi ngủi thấy mồi cũng không gào to như tiếng gào thét của các tờ báo To-ri này khi chúng dự kiến cuộc chiến tranh với Mỹ và trận mưa vàng đổ xuống tiếp theo sau!

Trong báo chí hàng ngày ở Luân Đôn, đáng kể đến chỉ còn có "Daily News" và "Morning Star", là những báo lên tiếng phản đối bọn làm rùm beng về chiến tranh. "Daily News", trong hành động của mình, gắn chặt với huân tước Giôn Rốt-xen, còn ảnh hưởng của "Morning Star" (cơ quan của Brai-tơ và Cóp-đen) thì bị lu mờ đi

1* - viết bài bôi nhọ

vì nó bị mang tiếng là "tờ báo chủ trương hòa bình với bất cứ giá nào".

Đa số các tuần báo Luân Đôn chẳng qua chỉ là tiếng vang của những tờ báo hàng ngày và bởi vậy, tuyệt đại bộ phận mang khí sắc hiếu chiến. "Observer"²⁷³ được chính phủ trợ cấp. "Saturday Review" chạy theo esprit^{1*} và tưởng rằng mình nắm được nó khi giở giọng hết sức trơ trẽn nhạo báng những định kiến về "lòng bác ái". Để bộc lộ "esprit", các luật sư, cha cố, thầy học bị mua chuộc viết cho tạp chí này, ngay từ đầu cuộc Nội chiến ở Mỹ đã cười cợt, khi hoan nghênh bọn chủ nô. Sau đó đương nhiên là họ cùng với "Times" hung hăng nổi trống trận. Họ đã vạch ra những kế hoạch quân sự chống Hợp chúng quốc, những kế hoạch này thật dốt nát đến mức phải kinh ngạc.

Nên nhắc đến như là một ngoại lệ ít nhiều đáng kính, là "Spectator", "Examiner", nhất là "Macmillan's Magazine"²⁷⁴.

Như vậy, chúng ta thấy, nhìn chung thì báo chí Luân Đôn - báo chí tỉnh lẻ, trừ những tờ thuộc bọn trùm tư bản vải bông, thể hiện một sự tương phản đáng khen - chẳng qua chỉ là Pan-móc-xtơn và một lần nữa lại Pan-móc-xtơn. Pan-móc-xtơn muốn chiến tranh, nhân dân Anh không muốn. Những sự kiện sắp tới sẽ cho thấy ai là kẻ thắng trong cuộc độ sức quyết liệt này: Pan-móc-xtơn hay nhân dân. Bất luận trường hợp nào, Pan-móc-xtơn cũng chơi trò nguy hiểm hơn so với Lu-i Bô-na-pác-tơ vào đầu năm 1859²⁷⁵.

*Do C.Mác viết ngày 25 tháng Chạp 1861
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 359, ngày
31 tháng Chạp 1861*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

1* - khôn ngoan

C.MÁC

THÓI BỊP BỌM CỦA BÁO CHÍ PHÁP. - NHỮNG HẬU QUẢ KINH TẾ CỦA CHIẾN TRANH

Luân Đôn, ngày 31 tháng Chạp

Rõ ràng là niềm tin vào phép lạ biến khỏi một lĩnh vực chỉ là để được đặt cơ sở ở một lĩnh vực khác. Bị đuổi khỏi thế giới tự nhiên, nó lại phục sinh trong chính trị. Như vậy, ít ra người ta cũng xem báo chí Pa-ri là những kẻ đồng tư tưởng với chúng trong hăng diện tín và trong các hăng thông tấn báo chí. Những tờ báo buổi chiều ở Pa-ri hôm qua, chẳng hạn, đã đưa tin như sau: huân tước Lai-ôn-xơ tuyên bố với ông Xi-uốt rằng ông sẽ đợi cho đến chiều ngày 20 tháng Chạp rồi sau đó sẽ đi Luân Đôn trong trường hợp Chính phủ Oa-sinh-tơn không chịu thả những người bị bắt. Hẳn rằng những tờ báo Pa-ri đã biết là *hôm qua*, huân tước Lai-ôn-xơ đã đi những bước nào *sau khi* nhận được công hàm gửi cho ông qua chiếc tàu thủy "Châu Âu". Ấy thế mà đến *hôm nay* ở châu Âu vẫn còn chưa biết tin là tàu "Châu Âu" đến Niu Oóc. "Patrie" và đồng bọn, ngay *trước* khi nhận được tin tàu "Châu Âu" sang Mỹ, đã thông báo với châu Âu về những sự kiện đã diễn ra sau khi tàu "Châu Âu" đã đến Hợp chúng quốc. "Patrie" và đồng bọn, đương nhiên, cho rằng toàn bộ sự việc đều ở cái khéo léo của đôi bàn tay. Một tờ báo ở đây nhận xét trong bài viết về sở giao dịch rằng những chuyện tầm phào này của Pa-ri cũng hết như những bài xúi bẩy của một số tờ báo Anh, không những góp

phần vào những vụ đầu cơ chính trị của một số người có quyền lực mà còn góp phần không kém vào những vụ *đầu cơ giao dịch* của một số tư nhân.

Tờ "Economist" cho đến nay là một trong những kẻ to tiếng nhất của đảng chủ chiến, công bố trên số báo mới nhất của mình *lá thư của một thương nhân Li-vóc-pun* và một bài của tòa soạn cảnh cáo dư luận Anh chớ coi nhẹ nguy cơ chiến tranh với Hợp chúng quốc. Trong cả năm 1861 Anh đã nhập cảng ngũ cốc với tổng số 15 380 901 pao xtéc-linh, trong đó nhập của Hợp chúng quốc gần tới 6 triệu p.xt.. Nước Anh hẳn là thua thiệt nhiều hơn do không thể mua được lúa mì của Mỹ so với Hợp chúng quốc không thể bán được lúa mì. Sau nữa, ở Hợp chúng quốc còn có ưu thế là *thông tin nhanh hơn*. Nếu giả dụ họ quyết đánh thì Oa-sinh-tơn ngay lập tức có những bức điện bay về Xan-phran-xi-xcô và tàu Mỹ ở Thái Bình Dương và vùng biển Đông hẳn bắt đầu những hành động quân sự sớm hơn mấy tuần so với Anh có thể thông báo tin tức về cuộc chiến đã bắt đầu cho Ấn Độ.

Từ lúc bắt đầu cuộc nội chiến, việc buôn bán giữa Mỹ - Trung Quốc sút giảm rất nhiều, cũng hết như giữa Mỹ với Ô-xtơ-rây-li-a. Song vì việc buôn bán này vẫn cứ được tiến hành, hàng hóa được thanh toán chủ yếu bằng tín phiếu Anh, nghĩa là nhờ vào tư bản của Anh. Ngược lại, việc buôn bán giữa Anh với Ấn Độ, Trung Quốc và Ô-xtơ-rây-li-a bao giờ cũng có quy mô đáng kể; còn tăng lên nhiều hơn nữa sau khi ngừng buôn bán với Hợp chúng quốc. Như vậy, tàu cướp đoạt trên biển Mỹ hẳn có trường hoạt động rộng lớn hơn, còn tàu cướp đoạt Anh thì tương đối hẹp hơn. Vốn đầu tư của Anh vào Hợp chúng quốc vượt toàn bộ vốn đầu tư vào công nghiệp vải bông Anh, còn vốn Mỹ đầu tư vào Anh là bằng không. Hạm đội Anh vượt Mỹ song còn xa mới ở mức như vào thời chiến tranh năm 1812 - 1814.

Nếu tàu cướp đoạt trên biển của Mỹ lúc đó đã tỏ ra có ưu thế to lớn so với những tàu Anh thì bây giờ sẽ ra sao? Cũng chưa thể nói đến việc phong tỏa hữu hiệu các cảng Bắc Mỹ, nhất là vào mùa đông. Trên những đường thủy nội địa giữa Ca-na-đa với Hợp chúng quốc mà ưu thế ở đây lại có ý nghĩa quyết định đối với chiến tranh trên bộ ở lãnh thổ Ca-na-đa, - Hợp chúng quốc trong trường hợp khai chiến hẳn sẽ làm chủ tình hình một cách đương nhiên.

Tóm lại, nhà buôn Li-vóc-pun, đi tới kết luận sau đây: "Không có ai ở Anh lại phiêu lưu chủ chiến chỉ vì bông. Đối với chúng ta thì nuôi tất cả các khu vực vải sợi bằng tiền nhà nước trong vòng ba năm vẫn có lợi hơn so với một năm vì chúng mà chiến đấu với Hợp chúng quốc".

Ceterum censeo²⁷⁶ rằng *vụ rắc rối với tàu "Tơ-ren-tơ"* không dẫn tới chiến tranh.

*Do C.Mác viết ngày 31 tháng Chạp 1861
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 4, ngày 4
tháng Giêng 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

CUỘC MÍT-TINH THÂN MỸ

Luân Đôn, ngày 1 tháng Giêng

Phong trào chống chiến tranh của *nhân dân Anh* ngày càng được củng cố và mở rộng. Những cuộc mít-tinh đông đảo ở những miền rất khác nhau của đất nước kiên trì đòi điều chỉnh cuộc xung đột giữa Anh và Mỹ bằng *trọng tài*. Những bị vong lục dự thảo theo tinh thần này ùn ùn gửi đến những người đứng đầu chính phủ, còn *báo chí tinh lễ* độc lập thì hầu như đồng lòng chống đối cái hiểu chiến cuồng nhiệt của báo chí Luân Đôn.

Dưới đây xin dẫn báo cáo chi tiết về cuộc mít-tinh nhóm họp vào thứ hai trước ở *Brai-ton*; nó đặc biệt hấp dẫn vì được triệu tập theo sáng kiến của giai cấp công nhân, mà cả hai nhà hùng biện chủ chốt, các ông *Cô-ninh-hem* và *Oai-tơ*, là những nghị sĩ có thể lực của quốc hội, thuộc bộ phận ủng hộ *chính phủ* trong nghị viện.

Dự thảo nghị quyết đầu tiên do ông Vút (công nhân) đưa ra, tuyên bố

"rằng nguyên nhân xung đột hiện nay giữa Anh và Mỹ là do hiểu sai luật quốc tế, chứ không phải là cố tình xúc phạm lá cờ Anh; rằng bởi vậy, cuộc mít-tinh này kiến nghị chuyển toàn bộ vấn đề tranh chấp sang giải pháp trọng tài của một nước trung lập nào đó; rằng trong hoàn cảnh hiện nay, chiến tranh với Mỹ không thể là chính nghĩa - ngược lại, chắc chỉ làm cho toàn thể nhân dân Anh lên tiếng phản đối".

Để bảo vệ ý kiến của mình ông Vút nói:

"Người ta nói rằng sự xúc phạm mới này chỉ là khâu cuối cùng trong chuỗi dài những sự xúc phạm của Mỹ đối với Anh. Chúng tôi giả định là như vậy; đe dọa gây chiến vào lúc này trong trường hợp như vậy nói lên cái gì? Hẳn điều đó nói rằng chừng nào Mỹ còn thống nhất và hùng mạnh thì chúng ta nhẵn nhụi chịu đựng sự xúc phạm của nó, còn giờ đây, vào lúc nó lâm nguy, chúng ta vội vàng tận dụng lợi thế của mình để trả đũa sự xúc phạm của nó. Liệu một hành vi như vậy có làm cho chúng ta bị phỉ nhổ như là những kẻ dễ dãi tiện dòn hèn không?

Ông Cô-ninh-hem:

"... Vào thời điểm này, ngay trong Liên bang bộc lộ ngày càng rõ *đường lối giải phóng* (vỗ tay), và tôi tha thiết mong rằng sẽ không thể cho phép có sự can thiệp nào từ phía chủ nghĩa Anh (vỗ tay)... Chẳng lẽ các vị, những người Anh bẩm sinh tự do lại để mình bị lôi cuốn vào chiến tranh chống nước Cộng hòa Mỹ? Số là chính những dự định của "Times" và những kẻ nấp sau tờ báo này là như vậy... Tôi kêu gọi công nhân Anh, những người hơn ai hết quan tâm gìn giữ hòa bình, hãy lên tiếng phản đối, và trong trường hợp cần thiết hãy giơ tay ngăn chặn tội ác lớn nhất này. (Vỗ tay rầm rộ)... "Times" sử dụng tất cả mọi phương tiện để thổi bùng ngọn lửa hiếu chiến lên trên đất nước ta và gây ra tâm trạng hận thù trong người Mỹ bằng những lời công kích nhục mạ... Tôi không thuộc cái gọi là phái hòa bình. "Times" cổ vũ đường lối của Nga; tờ báo này ra sức ép buộc đất nước ta (năm 1853) khoanh tay ngồi nhìn những cuộc xâm lược quân sự của bọn dã man Nga ở phương Đông. Tôi ở trong số những người chống lại chính sách sai lầm này. Khi *dự luật về âm mưu* được đệ trình quốc hội nhằm làm cho việc trao trả những người di cư chính trị được dễ dàng hơn, báo "Times" không tiếc công gây sức ép để Hạ nghị viện thông qua dự luật này. Tôi là một trong 99 nghị sĩ thuộc Hạ nghị viện đã lên tiếng phản đối sự xâm phạm đó đối với tự do của nhân dân Anh, và lật đổ bộ trưởng. (Vỗ tay). Bộ trưởng này giờ đây lại đứng đầu nội các. Tôi báo trước với ông ta rằng nếu ông tìm cách đưa đất nước chúng ta vào cuộc chiến tranh chống Mỹ mà không có căn cứ nghiêm túc và xác đáng, thì ý đồ đó sẽ thất bại thảm hại. Tôi tin rằng ông ta sẽ phải gánh chịu một thất bại nhục nhã mới, còn nặng nề hơn so với dự luật về âm mưu. (Vỗ tay như sấm)... Tôi không được biết bức công hàm chính thức gửi cho Oa-sinh-tơn song, theo dư luận rộng rãi thì các luật gia hoàng cung khuyến nghị chính phủ hãy giữ quan điểm pháp lý hẹp là các phái viên miền Nam không thể bị bắt không cùng với tàu thuyền mà họ đã đi. Trên cơ sở đó mà đề ra yêu sách phải trao trả Xlai-đen và Mê-dơn như là *conditio sine qua non*^{1*}.

1* - điều kiện bắt di bất dịch

Chúng ta hãy giả dụ là nhân dân sống ở bên kia Đại Tây Dương không cho phép chính phủ của mình thả những người này. Thế thì các vị có dấn thân vào cuộc chiến để cứu hai sứ giả này của bọn chủ nô không?... Trong nước ta có đảng phái chủ chiến chống nước Cộng hòa Mỹ. Ta hãy nhớ đến cuộc chiến tranh gần đây với Nga. Do những công hàm mật công bố ở Pê-téc-bua, người ta hoàn toàn tin chắc rằng những bài đăng trên tờ "Times" năm 1853 là do một nhân vật biết được tài liệu và văn kiện mật của nhà nước Nga viết: Ông *Lây-ác* bấy giờ đã tuyên đọc ở Hạ nghị viện những chỗ kỳ lạ nhất trong những bài này, và tờ "Times" bối rối, lập tức đổi thay giọng lưỡi và ngay sáng hôm sau, đã cất to giọng hiếu chiến... "Times" đã nhiều lần công kích hoàng đế Na-pô-lê-ông và ủng hộ chính phủ ta trong yêu cầu về những khoản tín dụng không hạn chế để xây dựng công sự trên đường bộ và những khẩu đội hạm thuyền. Và thế là, sau khi khua vang lời báo động phòng ngừa chống Pháp, "Times" giờ đây lại muốn bằng con đường đưa nước ta vào cuộc chiến tranh bên kia Đại Tây Dương mà bỏ ngỏ vùng biển nước ta trước sự đe dọa từ phía hoàng đế Pháp... Có căn cứ để sợ rằng những sự chuẩn bị chiến tranh nghiêm trọng hiện nay không chỉ được tiến hành vì vụ rắc rối với "Tơ-ren-tơ" mà còn vì trường hợp có thể thừa nhận chính phủ của các bang chủ nô. Nếu Anh quốc làm điều đó thì nó suốt đời chịu một vết nhục không thể xóa mờ".

Ông Oai-tơ nói:

"Cần thấy rằng giai cấp công nhân là người có sáng kiến tổ chức cuộc mít-tinh này, rằng tất cả chi phí về việc tổ chức cuộc mít-tinh này đều do uỷ ban công nhân gánh chịu... Chính phủ hiện nay chưa bao giờ tỏ ra tế nhị, thành thực và công bằng trong xử sự với nhân dân... Không bao giờ tôi lại tin, dù chỉ giây phút, ngay cả khả năng xa xôi về cuộc chiến tranh liên quan tới vụ "Tơ-ren-tơ". Tôi nói thẳng với nhiều thành viên của chính phủ ý kiến của mình là không ai trong bọn họ lại tin rằng chiến tranh có thể nổ ra vì vụ rắc rối với "Tơ-ren-tơ". Những việc chuẩn bị kiên quyết này dẫn tới cái gì vậy? Tôi nghĩ là Anh và Pháp thoả thuận với nhau là đến mùa xuân tới sẽ thừa nhận nền độc lập của các bang miền Nam. Cho đến thời gian ấy, nước Anh sẽ có thể tập trung hạm đội hùng mạnh trên vùng biển Mỹ, Ca-na-đa sẽ được chuẩn bị đầy đủ về phòng thủ. Nếu các bang miền Bắc bây giờ muốn xem việc thừa nhận các bang miền Nam như là *casus belli*^{1*}, thì Anh sẽ sẵn sàng chiến tranh..."

Nhà hùng biện tiếp đó trình bày cặn kẽ về những nguy hiểm

của một cuộc chiến tranh với Hợp chúng quốc, nhắc đến sự đồng tình mà Mỹ đã thể hiện vào dịp tướng Ha-vơ-lốc từ trần, sự giúp đỡ của thuỷ thủ Mỹ đối với tàu Anh vào thời gian chiến đấu không thành công ở Bạch Hà²⁷⁷, v.v... Để kết luận, ông tuyên bố là cuộc nội chiến sẽ kết thúc bằng sự bãi bỏ chế độ nô lệ, bởi vậy chế độ nước Anh nhất thiết phải ủng hộ miền Bắc.

Sau khi cuộc họp đã đồng thanh thông qua dự thảo nghị quyết thứ nhất thì người ta đưa ra thảo luận và thông qua giác thư gửi Pan-móc-xtôn.

*Do C.Mác viết ngày 1 tháng Giêng 1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 5, ngày
5 tháng Giêng 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

1* - có thể gây chiến

C.MÁC

CÔNG LUẬN Ở ANH

Luân Đôn, 11 tháng Giêng 1862

Tin tức về giải quyết hòa bình cuộc xung đột liên quan tới tàu "Tơ-ren-tơ"¹²⁷⁸ được đại đa số nhân dân Anh nhiệt liệt hoan nghênh, điều này chứng minh một cách không thể bác bỏ được rằng nhân dân không tán thành cuộc chiến tranh này và lo sợ trước những hậu quả của nó. Hợp chúng quốc không nên bao giờ quên rằng ít nhất là *giai cấp công nhân* Anh, suốt từ đầu đến cuối cuộc xung đột, không khi nào bỏ mặc họ. Nó phải can thiệp là vì, mặc dù có những kích động ác ý hàng ngày từ phía báo chí hủ bại và vô trách nhiệm, ở Vương quốc Liên hiệp người ta không thể tiến hành nổi một cuộc mít-tinh quần chúng nào để khởi động chiến tranh trong cả thời gian mà hòa bình treo trên sợi tóc. Cuộc mít-tinh này duy nhất có lợi cho chiến tranh được tập hợp vào dịp tàu "La Plát" đến, tại phòng bán đấu giá bông trong Sở giao dịch Li-vóc-pun, đó là cuộc mít-tinh của bọn đầu cơ mà tại đây bọn buôn bông được toàn quyền tự mình định đoạt, thậm chí ở Man-se-xơ, tâm trạng của công nhân cũng rất rõ ràng, đến mức là chỉ một ý đồ muốn triệu tập mít-tinh để khơi động chiến tranh cũng bị huỷ bỏ hầu như ngay tức khắc bởi những người có sáng kiến mít-tinh.

Bất cứ nơi đâu trên nước Anh, Xcốt-len hoặc Ai-rơ-len có diễn ra mít-tinh quần chúng, thì họ dứt khoát tuyên bố phản đối những lời kêu gọi chiến tranh điên cuồng của báo chí, phản đối những ý

đồ đen tối của chính phủ và lên tiếng đòi giải quyết hòa bình vấn đề tranh chấp. Đáng chú ý về mặt này là hai cuộc mít-tinh gần đây, một ở Pát-dinh-tơn (Luân Đôn) một ở Niu-cát-xơ trên sông Tai-nơ. Trong cuộc mít-tinh thứ nhất, người ta tán thành ý kiến của ông Oa-sinh-tơn Uyn-xơ khẳng định rằng nước Anh không có lý do để công phần khi các phái viên miền Nam bị bắt, còn ở cuộc mít-tinh thứ hai, ở Niu-cát-xơ, người ta gần như đồng thanh nhất trí thông qua quyết nghị trong đó nói rõ một là người Mỹ có lỗi chỉ ở chỗ vi phạm hình thức *luật định* về việc thực hiện quyền lực soát và bắt bớ, hai là, thuyền trưởng "Tơ-ren-tơ" phải chịu trừng phạt vì vi phạm lập trường trung lập của Anh mà nữ hoàng đã tuyên bố.

Trong hoàn cảnh thông thường, hẳn có thể giải thích lập trường của giai cấp công nhân Anh bằng mối thiện cảm tự nhiên mà quần chúng nhân dân toàn thế giới phải có đối với một chính phủ nhân dân duy nhất trên thế giới. Song trong hoàn cảnh hiện tại, khi mà đại bộ phận giai cấp công nhân Anh phải gánh chịu một cách nặng nề và trực tiếp những hậu quả của cuộc phong tỏa của miền Nam, khi mà một bộ phận khác của nó bị đụng chạm gián tiếp do việc buôn bán của Mỹ bị giảm sút vì, như họ nói, "chính sách bảo hộ" ích kỷ của phái cộng hoà, khi mà tờ tuần báo dân chủ còn lại duy nhất, tờ "Reynolds's Paper", đã bán mình cho các ông I-an-xi và Man và hàng tuần, dốc cạn mọi nguồn vãng tục của mình, hò hét công nhân gây sức ép buộc chính phủ vì lợi ích riêng của họ mà gây chiến với Hợp chúng quốc - trong hoàn cảnh như vậy thì công lý giản đơn đòi hỏi phải tỏ rõ sự kính trọng thỏa đáng đối với lập trường đúng đắn của giai cấp công nhân Anh, nhất là nếu đem so lập trường đó với hành vi giả dối, xác xược, đê hèn và ngu xuẩn của con người quan dạng và hãnh tiến Giôn Bun.

Lập trường hiện nay ấy của quần chúng nhân dân khác với lập trường của nó vào thời gian xung đột với Nga^{1*} biết bao! Bây giờ

1* - cuộc Chiến tranh Crim

tờ "Times", tờ "Post" và những tờ báo đề tiện khác ở Luân Đôn đã khẳng định một cách tẻ ngắt lập trường chủ hoà, và để trả lời chúng, khắp nơi trên đất nước đã diễn ra những cuộc mít-tinh đông đảo tỏ rõ lập trường chủ chiến. Bây giờ thì họ hò hét về chiến tranh và để trả lời họ, đã diễn ra những cuộc mít-tinh ủng hộ hòa bình, vạch trần những ý đồ của chính phủ tai hại cho tự do và thiện cảm đối với bọn chủ nô. Những cái nhăn nhó của các nhà tiên tri công luận, khi biết tin về kết cục hòa bình của vụ rắc rối với tàu "Tơ-ren-tơ" - thật là nực cười.

Trước hết, họ nên tự chúc mừng vì họ đã có ưu điểm, có suy nghĩ sáng suốt, tốt bụng và ôn hòa biết nhường nào trong suốt cả tháng nay, từ ngày này sang ngày khác. Họ *tỏ ra* ôn hòa trong hai ngày đầu sau khi tàu "La-Plát" đến, khi mà Pan-móc-xton bản khoản không biết tìm đâu ra một cái cớ pháp lý cho sự tranh chấp. Nhưng các luật gia hoàng cung chưa kịp bày ra cái quỷ kế pháp lý thì những tờ báo này đã thốt lên những lời kêu gào ầm ĩ chưa từng nghe kể từ thời chiến tranh chống Gia-cô-banh. Công hàm Chính phủ Anh gửi từ Quin-xtau-nơ đến vào đầu tháng Chạp. Phúc đáp chính thức từ Oa-sinh-ton không thể tính sớm hơn đầu tháng Giêng. Tất cả những vụ rối ren mới, xảy ra vào thời gian này, đều lợi cho người Mỹ. Giọng của báo chí bên kia Đại Tây Dương vẫn diêm tĩnh mặc dù vụ rối ren với "Nát-vin"²⁷⁹ hẳn có thể làm nó bức tức. Tất cả những sự kiện đã được xác nhận đều nói lên rằng thuyền trưởng Uyn-xơ đã tự ý hành động. Chính phủ Oa-sinh-ton đang lâm vào thế bí. Bác bỏ yêu sách của Anh thì hẳn nó sẽ làm cho nội chiến trở nên phức tạp thêm vì một cuộc ngoại chiến. Nhượng bộ trước những yêu sách này thì hẳn nó sẽ gây cho người ta ấn tượng là nó lùi bước trước áp lực ngoại bang và gây tổn thất cho uy tín của mình trước nhân dân trong nước. Và lâm vào cái thế bí đến như vậy, chính phủ vẫn đồng

thời tiến hành cuộc chiến tranh mà trong đó, bất cứ ai chắc chắn cũng phải nhiệt liệt đồng tình với nó, chỉ trừ có kẻ quá đề tiện mà thôi.

Lý tính thông thường và lịch sử sơ đẳng hẳn phải vì vậy mà buộc báo chí Luân Đôn, dù chỉ là trong khoảng thời gian từ lúc Anh gửi yêu sách tới lúc nhận phúc đáp của Mỹ, cố gắng giữ mồm giữ miệng không dùng bất cứ từ nào khả dĩ khó khăn lại trở nên phức tạp thêm. Song sự việc lại không như thế! Cái báo chí "đề tiện và quỵ lụy khó tả" ấy, như lời Uy-li-am Cốp-bét - mà ông ta thì am hiểu trong lĩnh vực này - đã khoác lác nói tuột ra là trong suốt gần nửa thế kỷ, khi mà sức mạnh đoàn kết của Hợp chúng quốc khiến nó phải run sợ, nó đã nhẫn nhục chịu đựng mọi sự xúc phạm và sỉ nhục của các chính phủ chủ nô; còn giờ đây thì báo chí này lại với thái độ hân hoan cuồng nhiệt của những kẻ hèn nhất vội vã trả thù chính phủ cộng hòa vốn đang bị thu hút vào cuộc nội chiến. Sử biên niên của loài người chưa biết đến một ví dụ khác về một sự đề tiện trắng trợn đến thế.

Một trong số những tờ báo lá cải, tờ "Moniteur"^{1*} của riêng Pan-móc-xton, tức tờ "Morning Post", tuyên bố rằng báo Mỹ đã dựng lên lời buộc tội đề tiện nhất đối với nó. Giôn Bun không hề được thông báo (bởi vì bọn đầu sỏ hoàn toàn chi phối nó, đã thận trọng giấu nó mọi tin tức) là ông Xi-uốt không đợi công hàm của Rót-xen mà đã tuyên bố phủ nhận bất cứ sự tham gia nào của Nội các Oa-sinh-ton vào những hành động của thuyền trưởng Uyn-xơ, công hàm của ông Xi-uốt đến Luân Đôn ngày 19 tháng Chạp. Ngày 20 tháng Chạp tiếng đồn về "điều bí mật" này được loan ra ở Sở giao dịch. Ngày 21, tờ "Morning Post", tờ báo lá cải đã lên tiếng trịnh trọng tuyên bố là "công hàm nói trên không hề

1* - tin tức chính thức

có quan hệ gì đến vụ xúc phạm chiếc tàu thủy đưa thư của nước ta".

Trên tờ "Daily News", "Morning Star" và những tờ báo khác ở Luân Đôn, ta tìm thấy rất hiếm những lời công kích tờ báo lá cải, song những tờ báo ấy không hề cho biết ở nước ngoài người ta đang nói những gì. Mà ở đây thì người ta nói là "Morning Post" và "Times", cũng như "Patrie" và "Pays", đang lừa gạt bạn đọc của mình không những để đánh lạc hướng họ về mặt chính trị mà còn để tước đoạt họ tại Sở giao dịch vì lợi ích bọn chủ của chúng.

Tờ "Times" mặt dày mày dạn - tờ báo này biết rất rõ là trong tất cả những ngày khủng hoảng này nó chỉ làm tổn hại thanh danh của chính mình và một lần nữa chứng minh sự ngu xuẩn của mình trong tham vọng muốn đóng vai trò là cơ quan gây ảnh hưởng đến nhân dân Anh chân chính - hôm nay đã đưa ra một thủ đoạn mà ở đây, ở Luân Đôn, chỉ làm cho người ta cười vỡ bụng, song thủ đoạn này có thể bị phía bên kia Đại Tây Dương hiểu sai. "Tiện dân", "dân đen" Luân Đôn, như những tờ báo lá cải gọi, đã làm cho người ta hiểu đen trắng rõ ràng - và thậm chí nói bóng gió về điều này trên báo chí, - là nó cho rằng tôn kính ông Mê-dơn (tiện thể, xin nói thêm ông là bà con xa với Pan-móc-xton vì một trong những ông tổ của ông ta cưới con gái ngài U. Templo), ông Xlai-đen và những người cùng cánh bằng những biểu thị hết như lúc đón ông Hay-nau trước đây tại nhà máy rượu Bác-eli là một trò tiêu khiển rất đúng lúc. Chỉ mới nghĩ đến một vụ rối ren khó chịu đến như vậy, "Times" đã phải khiếp đảm. Tờ báo này đã làm gì để ngăn ngừa việc đó? Nó yêu cầu nhân dân Anh đừng làm cho Mê-dơn, Xlai-đen và đồng bọn phải vất vả vì bất cứ lời *hoan hô* nhiệt liệt nào trước công chúng! Báo "Times" biết rằng bài viết hôm nay của nó sẽ là nguồn vui cười vỡ bụng ở tất cả quán bia Luân Đôn, song điều đó thì để làm gì! Phía bên kia Đại Tây Dương người ta có thể nghĩ rằng tờ "Times"

cao thượng tránh cho họ khỏi phải nghe những lời công khai hoan hô làm nhục ông Mê-dơn, Xlai-đen và những người cùng cánh, trong khi trên thực tế thì "Times" lại vỗ tay âm ỉ chỉ để cứu các vị này thoát khỏi bề mặt trước công chúng!

Chừng nào vụ "Tơ-ren-tơ" chưa được giải quyết thì "Times", "Post", "Herald", "Economist", "Saturday Review", tóm lại, toàn thể giới báo chí hào hoa mà hủ bại ở Luân Đôn đã cố hết sức thuyết phục Giôn Bun rằng Chính phủ Oa-sinh-ton, với tất cả lòng mong muốn, vẫn không thể duy trì nổi hòa bình, vì rằng tiện dân Mỹ không thể cho làm như vậy, mà Chính phủ Liên bang là chính phủ của tiện dân. Giờ đây thì bản thân các sự kiện đã bác bỏ các vị này. Này đây, phải chăng họ cố chuộc lỗi mình trước nhân dân Mỹ đã bị họ vu cáo một cách độc ác? Phải chăng những tờ báo này ít ra cũng đã thừa nhận những sai lầm của mình, những sai lầm mà những tờ báo lá cải không thể không phạm phải khi chúng lạm quyền phán xét hành động của một dân tộc tự do? Không hề! Giờ đây họ nhất trí tuyên bố rằng vì Chính phủ Mỹ không đoán trước được những yêu cầu của Anh và không trao trả những kẻ miền Nam, phản bội ngay sau khi đã bắt giữ họ, nó đã bỏ mất cơ hội có một không hai để dàn hòa và như vậy, làm cho sự nhượng bộ hiện nay mất hết ý nghĩa. Đấy mới thực là giọng lưỡi báo lá cải! Ông Xiu-ác đã chối bỏ hành động của Uyn-xơ cả trước khi nhận được những yêu sách của Anh, và ngay lập tức tuyên bố sẵn sàng thương lượng để giải quyết vấn đề một cách hòa bình; còn các vị thì đã làm gì trong những trường hợp như vậy? Khi lấy có dùng bạo lực bắt thủy thủ Anh trên tàu Mỹ - một cái có không hề có gì liên quan đến những quy tắc hải chiến và rõ ràng là một sự vi phạm khủng khiếp đối với bất cứ luật quốc tế nào, - "Lê-ô-pa-đơ" đã nhất loạt nổ súng vào "Sê-sa-pích", sát hại sáu người trong đoàn thủy thủ của tàu này, làm bị thương hai mươi một người và bắt những người nghi là người Anh ở trên "Sê-sa-pích", bấy giờ thì Chính phủ Anh đã làm gì? Hành động phi pháp này xảy ra

ngày 20 tháng Sáu 1807. Mãi đến ngày 8 tháng Mười một 1812, nghĩa là 5 năm sau đó, mới có kiến nghị bồi thường thực sự về vụ này, và thả các thủy thủ... Đành rằng Chính phủ Anh đã tuyên bố ngay là mình không can dự vào hành động của đô đốc Bóc-eli như ông Xi-uốt cũng đã làm điều đó đối với thuyền trưởng Uyn-xơ, song tất cả hình phạt đối với đô đốc là ông ta bị chuyển lên một chức vụ cao hơn.

Sau khi đã ban bố sắc lệnh ở Quốc hội, Anh quốc trực tiếp thừa nhận là, như vậy, nó đã vi phạm quyền của các nước trung lập nói chung và của Hợp chúng quốc nói riêng, thế nhưng nó buộc phải dùng những đạo luật này như là biện pháp trả đũa chống lại Na-pô-lê-ông, và nó sẽ vui mừng bãi bỏ những sắc lệnh này một khi Na-pô-lê-ông bãi bỏ những biện pháp vi phạm quyền các nước trung lập. Mùa xuân năm 1810, Na-pô-lê-ông đã bãi bỏ những biện pháp này, vì chúng đụng tới Hợp chúng quốc. Nước Anh vẫn tiếp tục vi phạm luật biển của Mỹ, bản thân nó đã thừa nhận điều này. Tình trạng đó kéo dài từ năm 1806 và chấm dứt ngày 23 tháng Sáu 1812 sau khi Hợp chúng quốc tuyên chiến với Anh ngày 18 tháng Sáu 1812. Như vậy, trong trường hợp này, suốt 6 năm Anh không chịu chấm dứt sự vi phạm ấy chứ không phải là không chịu bồi thường thiệt hại do nó công nhiên vi phạm luật pháp. Và những người như vậy vẫn còn nói tới một thời tuyệt vời mà Chính phủ Mỹ bỏ lỡ! Bất kể đúng hay không thì Chính phủ Anh cũng đã có một hành vi hèn nhát khi đưa ra yêu sách của mình căn cứ vào một sự sai sót tưởng như là thuộc về kỹ thuật, vào một sai lầm thủ tục thuần túy, dưới hình thức tối hậu thư đòi trao trả những người bị bắt. Chính phủ Mỹ hẳn có thể thấy thỏa mãn yêu cầu này là cần thiết, song họ không có căn cứ gì để phải vội vã.

Mặc dù vụ xung đột liên quan tới vấn đề "Tơ-ren-tơ" hiện nay đã được giải quyết như vậy, song vấn đề làm cơ sở cho toàn bộ

cuộc tranh chấp này và chắc chắn là chẳng bao lâu nữa sẽ lại nảy sinh, - vấn đề về quyền của cường quốc tiêu biểu là nước tham chiến đối với các nước trung lập, tuyệt nhiên không thể được xem là đã giải quyết. Nếu các bạn cho phép tôi sẽ cố gắng làm sáng tỏ vấn đề này trong một bài tiếp theo. Còn giờ đây thì hãy cho phép tôi nói thêm là, theo tôi, các ông Mê-dơn và Xlai-đen đã có cống hiến lớn cho Chính phủ Liên bang. Ở Anh, có một đảng chủ chiến mạnh, phần thì vì lý do thương mại, phần thì vì lý do chính trị mà thiết tha tìm cách đẩy tới một cuộc xung đột với Hợp chúng quốc. Vụ "Tơ-ren-tơ" là một thử thách đối với đảng này. Và nó không chịu đựng nổi thử thách ấy. Tâm trạng đam mê đã mở ra, trợn lồi đình của bọn đầu sỏ đã gây nên sự nghi ngờ về nền dân chủ Anh, các giới đông đảo ở Anh vốn quan tâm đến việc giao dịch với Hợp chúng quốc, đã tỏ thái độ đối kháng. Giai cấp công nhân đã hiểu ra tính chất nội chiến thật sự, và rốt cuộc, điều cuối cùng song tuyệt nhiên không kém phần quan trọng là thời kỳ Pan-móc-xtơn cầm quyền độc đoán, không có sự kiểm tra từ phía Quốc hội, thời kỳ nguy hiểm ấy đang đi gần đến kết thúc. Đó là thời điểm duy nhất có thể mưu toan lôi cuốn nước Anh vào chiến tranh đứng về phía chủ nô. Giờ đây thì không thể nói đến chuyện đó nữa rồi.

*Do C.Mác viết ngày 11 tháng Giêng 1862
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 6499, ngày 1 tháng Hai 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

VỀ CHUYỆN CHE GIẤU BỨC CÔNG HÀM CỦA XI-UỐT

Luân Đôn, ngày 14 tháng Giêng

Vụ rối ren với tàu "Tơ-ren-tơ" đã nguội lạnh lại bùng lên từ đồng tro, song lần này casus belli^{1*} không phải giữa Anh quốc với Hợp chúng quốc mà là giữa nhân dân Anh với Chính phủ Anh. Casus belli mới sẽ được xét tại Quốc hội nhóm họp vào tháng tới. Các bạn chắc hẳn đã chú ý đến bài luận chiến giữa "Daily New" và "Star" chống "Morning Post" về việc che giấu và phủ nhận công hàm hòa bình của Xi-uốt ngày 30 tháng Mười một, được ông A-đam, công sứ Mỹ, tuyên đọc cho huân tước Giôn Rốt-xen nghe ngày 19 tháng Chạp. Giờ đây hãy cho phép tôi trở lại sự kiện này. Để trả lời cho việc "Morning Post" cam đoan rằng công hàm của Xi-uốt tuyệt nhiên không hề mảy may có liên can đến vụ "Tơ-ren-tơ", tín phiếu giao dịch bắt đầu xuống giá và tài sản hàng triệu bắt đầu chuyển từ tay này sang tay khác, kẻ mất người được. Bởi vậy, lời dối trá bán chính thức vô căn cứ của "Morning Post" bị vạch trần bởi việc công bố công hàm của Xi-uốt ngày 30 tháng Mười một - đã gây ra sự bất bình lớn trong các giới thương mại và công nghiệp.

1* - có thể gây chiến

Trưa ngày 8 tháng Giêng, ở Luân Đôn người ta được tin là xung đột được giải quyết hòa bình. Cũng ngay trong buổi chiều ấy, tờ "Evening Star" (ra muộn hơn tờ "Morning Star") chất vấn chính phủ về việc giấu công hàm của Xi-uốt ngày 30 tháng Mười một. Sáng hôm sau, ngày 9 tháng Giêng, "Morning Post" đưa ra câu trả lời sau đây:

"Người ta hỏi tại sao trước đây không hề nghe nói gì về công hàm của Xi-uốt mà ông A-đam nhận được trong tháng Chạp? Lý do rất đơn giản. Công hàm mà ông A-đam đã nhận *không được chuyển cho* (not communicated) chính phủ ta".

Cũng chiều hôm đó, tờ "Star" hoàn toàn bác bỏ "Post", tuyên bố rằng lời "giải thích" của nó loanh quanh đến thảm hại, công hàm thực ra A-đam không "chuyển" cho huân tước Pan-móc-xton và huân tước Rốt-xen mà "*tuyên đọc*" cho họ nghe.

Sáng thứ bảy ngày 11 tháng Giêng, tờ "Dailly New" bước lên sân khấu và dựa vào bài viết ngày 21 tháng Chạp của "Morning Post", chứng minh rằng tờ báo này cũng như chính phủ lúc bấy giờ biết rất rõ công hàm của Xi-uốt, rằng họ đã có dụng ý xuyên tạc nội dung của nó. Lúc đó chính phủ bắt đầu sửa soạn nhượng bộ. Chiều ngày 11 tháng Giêng, tờ báo bán chính thức "Globe" tuyên bố rằng, mặc dù ông A-đam ngày 19 tháng Chạp, thực sự có chuyển cho chính phủ bức công hàm của Xi-uốt, thế nhưng trong đó "không hề có kiến nghị gì từ phía Nội các Oa-sinh-ton", cũng như không hề có "lời xin lỗi trực tiếp nào về việc xúc phạm lá cờ Anh". Việc thú nhận một cách vô liêm sỉ cái sự thực là nhân dân Anh trong suốt ba tuần là vật hy sinh cho sự lừa dối có dụng ý này chỉ đổ thêm dầu vào lửa chứ không dập tắt nó. Tiếng la hét công phẫn lan đi trên tất cả các báo của giới công nghiệp Anh, tiếng vang của nó cuối cùng, chiều qua vọng vào cả các báo của đảng To-ri. Hãy chú ý rằng toàn bộ vấn đề này đã được đặt vào chương trình nghị sự không phải bởi các nhà chính trị mà bởi các giới kinh doanh. "Morning Star" trong số báo hôm nay, viết về vụ này như sau:

"Huân tước Giôn Rốt-xen, không nghi ngờ gì nữa, chịu trách nhiệm về vụ che giấu sự thật; ông ta cũng chẳng làm gì để bác bỏ cái tin dối trá của "Morning Star", song dẫu sao ông ta cũng không thể đọc chính tả cho người ta viết bài báo trái ngược lộ liễu với sự thật, gây ra tác hại to lớn, đăng trên tờ báo này ngày 21 tháng Chạp. Chỉ một người có thể quyết định một việc như vậy. Chỉ có vị bộ trưởng đã tạo ra chiến tranh Áp-ga-ni-xtan mới có thể che giấu thông điệp hòa bình của Xi-uốt. Lượng khoan dung ngu xuẩn của Hạ viện đã tha cho y một tội; liệu Quốc hội và nhân dân có thống nhất với nhau để trừng phạt y về tội phạm mới hay không?"

*Do C.Mác viết ngày 14 tháng Giêng 1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 7, ngày
18 tháng Giêng 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

SỐ LIỆU THỐNG KÊ VỀ NGÀNH ĐƯỜNG SẮT

Đường sắt nước Anh đồng niên với những người có độ tuổi 30. Không kể món nợ nhà nước thì không có ngành kinh tế quốc dân nào khác lại có được sự phát triển hùng hậu như vậy trong một thời gian ngắn như thế. Theo số liệu của cuốn *Sách xanh* công bố mới đây, vốn đầu tư vào đường sắt trong thời kỳ trước năm 1860 là 348 130 127 pao xtéc-linh, trong đó 190 791 067 p.xt. nhận được bằng cổ phiếu thông thường, 67 873 840 p.xt. bằng cổ phiếu đặc quyền, 7 576 878 p.xt. bằng những trái khoán dài hạn và 81 888 546 p.xt. - bằng các khoản vay ngắn hạn. Tổng số vốn gồm khoảng một nửa món nợ của nhà nước và vượt quá 5 lần thu nhập thường xuyên, tức toàn bộ bất động sản ở Anh. Hình thức của cái đặc trưng cho những kẻ làm ăn mới phát này, sự ra đời hùng hậu của nền công nghiệp hiện đại, một kẻ ái nam ái nữ kinh tế kỳ dị, chân thì tựa như rễ ăn sâu vào đất, còn đầu lại sống ở thị trường chứng khoán - là kẻ cạnh tranh mạnh mẽ với sở hữu đất đai quý tộc và cung cấp một đội quân trợ chiến mới cho giai cấp tư sản.

Vào năm 1860, độ dài của đường sắt là 22 000 dặm Anh, kể cả đường ray thứ hai và đường nhánh. Như vậy, trong 30 năm qua, hàng năm đạt trung bình 733 dặm đường sắt. Song trong ngành công nghiệp này, con số trung bình vẫn còn xa với quá trình phát triển thực tế so với mọi ngành khác. Vào những năm

riêng biệt của cơn sốt đường sắt, như năm 1844 và 1845, toàn bộ lãnh thổ chính đều bị tấn công. Những năm gần đây, lãnh thổ này được khai thác dần dần, các đường chính được nối liền với nhau, người ta lấp đặt đường nhánh và mạng đường sắt được mở rộng tương đối chậm. Vào những năm này, khối lượng xây dựng đường sắt giảm xuống dưới mức trung bình.

Trước khi đặt đường ray có những công việc rất to lớn. Ngay vào năm 1854, theo tính toán của Rô-bóc Xtê-phen-xơn, tổng chiều dài các đường hầm của đường sắt khoảng 70 dặm, có khoảng 25 000 cầu đường sắt và vô vàn cầu cạn, trong đó có một cầu - gần sát Luân Đôn - dài tới 11 dặm. Nền đất - 70 000 i-ác-đơ khối trên mỗi dặm dài - có thể chiếm khoảng không gian 550 triệu i-ác-đơ khối. Nếu đổ toàn bộ đất này vào một chỗ theo hình tháp thì đường kính đáy của nó là nửa dặm (Anh), chiều cao là dặm rưỡi - cả một ngọn núi đất, nhà thờ thánh Pôn mà đứng cạnh thì chỉ bé tí xíu. Song từ lúc Rô-bóc Xtê-phen-xơn tính toán cho đến nay, mạng lưới đường sắt mới mở rộng được có một phần ba.

"Con đường vĩnh cửu", như người Anh đặt tên cho nó, tuyệt nhiên không phải là bất tử. Nó cần được thường xuyên "trao đổi chất". Sắt, theo thời gian, sẽ mất thuộc tính vì bị mòn đi, bị ô-xy hóa v.v., đòi hỏi thường xuyên thay mới. Người ta tính rằng đầu máy xe lửa chạy cứ 60 dặm thì mòn đi 2,2 phút thép, mỗi toa trống - 4,5 ôn-xơ, mỗi tấn hàng - 1,5 ôn-xơ, rằng tuyến đường sắt như tuyến Tây - Bắc - Luân Đôn có thể khai thác khoảng trong vòng 20 năm. Độ hao mòn chung của sắt trong một năm được đánh giá là nửa phút trên một i-ác-đơ; toàn bộ mạng đường sắt, với chiều dài hiện nay của nó, đòi hỏi hàng năm cần 24 000 tấn sắt để bù hư hao và 24 000 tấn để sử dụng. Song đường ray tạo ra cơ sở của đường sắt ít được thay hơn nhiều so với tà vẹt gỗ kê đường ray. Việc đặt tà vẹt đường sắt hàng năm đòi hỏi phải cấp 300 000 cây gỗ, để trồng số cây này cần đến 6 000 a-cơ-rơ đất.

Sau khi hoàn thành việc xây dựng đường sắt, để khai thác nó lại cần đến đầu máy, than, nước, toa tàu và cuối cùng, cần có đội ngũ công nhân. Năm 1860, số đầu máy là 5 801, nghĩa là cứ hai dặm đường thì có hơn một đầu máy. Cũng như đa số máy ở giai đoạn đầu trong quá trình phát triển, đầu máy xe lửa thoạt tiên cũng chưa thật trang nhã, chạy chưa tốt, chùng mực nào đó còn chưa giống với những phương tiện vận chuyển kiểu cổ mà chúng đã thay thế, và giá tương đối rẻ. Chiếc đầu máy Anh đầu tiên có bốn bánh, nặng khoảng 6 tấn, giá 550 p.xt., dần dần bị thay thế bởi đầu máy hơi nước giá 3 000 p.xt.. Những đầu máy này kéo được 30 toa hành khách, trọng tải 5,5 tấn mỗi toa, tốc độ 30 dặm một giờ hoặc chở 500 tấn hàng, chạy tốc độ 20 dặm mỗi giờ. Cũng như các bậc tiền bối của mình là ngựa, các đầu máy riêng biệt đều mang tên riêng với tiếng tăm nhiều hay ít.

Đầu máy "Li-vóc-pun" chạy đường Tây - Bắc, phát huy công suất tối đa là 1140 mã lực. Quái vật này hàng ngày ăn một tấn than và uống từ 1000 đến 1500 ga-lông^{1*} nước. Cơ thể những con ngựa sắt như thế cực kỳ tinh vi. Nó gồm ít nhất là 5 416 chi tiết khớp vào nhau cẩn thận như trong bộ máy đồng hồ. Đoàn tàu chạy 50 dặm (Anh) mỗi giờ, có tốc độ ngang với một phần sáu tốc độ của đạn đại bác. Nếu giá thành trung bình mỗi đầu máy là 2 200 p.xt. thì chi phí chế tạo 5 801 đầu máy là trên 12 700 000 pao xtéc-linh. Mỗi phút, trong cả năm, có 20-25 ngàn lít nước biến thành hơi nhờ vào 4-5 tấn than. Xtê-phen-xơn nhận xét rằng nước bốc hơi như vậy hẳn là hoàn toàn đủ cho toàn dân thành phố Li-vóc-pun tiêu dùng hàng ngày. Trong lúc đó thì số nhiên liệu bị nuốt chửng gần tới quy mô toàn bộ số than xuất cảng của nước Anh bốn năm trước, và vượt quá nửa tổng số than tiêu dùng của Luân Đôn.

1* - Một ga-lông = 4,546 lít.

Với 5 801 đầu xe lửa đòi hỏi phải có 15 076 toa hành khách và 180 574 toa chở hàng, tổng giá trị là 20 triệu pao xtéc-linh. Tất cả đầu máy và toa tàu hợp thành một đoàn tàu, chiếm toàn bộ tuyến đường từ Brai-tơn đến A-bóc-đin - một khoảng cách dài trên 600 dặm.

Hàng ngày có trên 7 000 tàu chạy trên đường, mỗi phút trong suốt cả ngày đêm có 7 tàu chạy. Năm vừa qua, số hành khách và hàng hóa đã chuyên chở vượt quá một khoảng cách trên 100 triệu dặm, gấp hơn 4 000 lần chiều dài vòng quanh quả đất. Mỗi giây trong cả năm có trên 3 dặm đường sắt có tàu chạy qua. Đường sắt đã chuyên chở 12 triệu đầu đại gia súc có sừng, cừu và lợn, 90 triệu tấn hàng và khoáng sản. Trong đó, số lượng khoáng sản gấp đôi số lượng hàng hóa khác.

Tổng thu nhập đạt tới 28 triệu pao xtéc-linh. Chi phí sản xuất, không tính sự hao mòn của chính nền đường sắt, thì ở Công ty đường sắt của các bang trung tâm là 41 phần trăm trên tổng thu nhập, ở tuyến Y-oóc-sia - Lan-kê-sia là 42 phần trăm, ở tuyến Tây - Trung tâm là 46 phần trăm và ở tuyến lớn phía bắc là từ 55 đến 56 phần trăm; chi phí trung bình trên tất cả các đường là 13 187 368 p.xt. hoặc là 47 phần trăm thu nhập.

Đúng đầu về chiều dài là đường Tây - Bắc - Luân Đôn. Thoạt đầu đường này giới hạn trong tuyến Luân Đôn - Bóc-minh-hêm, tuyến đại Liên hiệp và tuyến Man-se-xtơ - Li-vóc-pun. Bây giờ thì nó cùng với các đường nhánh chạy dài sang phía đông, từ Luân Đôn tới Các-lây-lơ và từ Pi-téc-bô-rô đến Lít-xơ, còn ở phía tây thì chạy tới Hô-li-hét. Ban giám đốc đoạn đường này kiểm soát trên một ngàn dặm đường sắt và cầm đầu đội quân công nghiệp với quân số khoảng 20 000 người. Công trình đường sắt này tiêu tốn trên 36 triệu pao xtéc-linh. Tổng thu nhập của đường sắt mỗi giờ trong ngày đêm là 500 p.xt. và chi phí cho khai thác là 1000 p. xt. mỗi tuần. Lợi nhuận ròng của con đường này, cũng như đa

số những con đường khác, tụt xuống theo mức tăng độ dài của mạng đường sắt và mức nó bao những khu vực thưa dân cư hơn và kém phát triển hơn về mặt công nghiệp. Giá cổ phiếu phát hành là 100 p.xt. hạ dần từ 240 xuống 92-93 p.xt., còn lợi tức cổ phần thì giảm từ 10 xuống $3\frac{3}{4}$ phần trăm. Đồng thời khối lượng khai thác con đường này, cũng như những tuyến đường sắt khác càng tăng thêm khủng khiếp thì sự kiểm soát của cổ đông càng giảm xuống, ban giám đốc càng tiến đoạt gần như toàn bộ quyền hành và những sự lạm dụng trong quản lý cũng bắt đầu.

*Do C.Mác viết giữa tháng Giêng 1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 22, ngày
23 tháng Giêng 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

CUỘC ĐẢO CHÍNH CỦA HUÂN TƯỚC
GIÔN RỐT-XEN

Tình hình huân tước *Giôn Rốt-xen* trong thời gian khủng hoảng mới đây là cực kỳ khó chịu ngay cả đối với một con người mà toàn bộ hoạt động của mình ở quốc hội chứng tỏ ít khi dao động khi đòi hỏi phải hy sinh quyền hành thực sự vì chức vụ chính thức. Không ai quên rằng huân tước Giôn Rốt-xen đã phải nhường cho Pan-móc-xton cái ghế thủ tướng, song chắc cũng chẳng ai nhớ là ông đã nhận từ Pan-móc-xton cái chức bộ trưởng ngoại giao. Mọi người đều cho điều thỏa đáng là Pan-móc-xton nhân danh mình mà lãnh đạo nội các và nhân danh Rốt-xen mà chỉ huy chính sách đối ngoại. Khi từ Niu Oóc bay tới cái tin đầu tiên về việc giải quyết hòa bình vụ xung đột thì đảng Vích và đảng To-ri tranh nhau to mồm ngoi ca óc sáng suốt tầm cỡ quốc gia của Pan-móc-xton mà không chú ý đến người trợ lý của ông ta, bộ trưởng ngoại giao, huân tước Giôn Rốt-xen, thậm chí một lời khen nhỏ cũng không có. Người ta đã phớt lờ ông. Song một khi vụ bê bối bùng ra vì bức công hàm của Mỹ ngày 30 tháng Mười một bị *che giấu* thì tên Rốt-xen lại phục sinh từ những thây ma.

Kẻ tấn công và người bảo vệ bỗng khám phá ra rằng bộ trưởng ngoại giao *có trọng trách* có tên gọi là huân tước *Giôn Rốt-xen!* Song ở đây, rốt cuộc, Rốt-xen cũng đã không nhả nãi được. Không

đội quốc hội khai mạc, trái với tất cả tục lệ của chính phủ, ông ta công bố ngay tức thì trên tờ công báo "Gazette"²⁸⁰ ngày 12 tháng Giêng thư từ của mình trao đổi với huân tước Lai-ôn-xơ. Từ sự trao đổi thư từ này người ta thấy rằng công hàm của Xi-uốt ngày 30 tháng Mười một đã được ông A-đam tuyên đọc cho huân tước Giôn Rốt-xen nghe ngày 19 tháng Chạp, rằng Rốt-xen xem công hàm này như là lời *xin lỗi* rõ ràng về hành động của thuyền trưởng Uyn-xơ, và rằng sau lời tuyên bố như thế của Rốt-xen, thì ông A-đam coi lối thoát hòa bình của cuộc xung đột đã được bảo đảm. Sau sự phát giác *chính thức* này thì nên nói gì về việc tờ "Morning Post" ngày 21 tháng Chạp đã phủ nhận rằng không nhận được bất cứ một công hàm nào của Xi-uốt về vụ "Tơ-ren-tơ"? Nên nói gì về việc tờ "Morning Post" ngày 9 tháng Giêng đã đổ lỗi cho A-đam là che giấu công hàm này? Nói cái gì về tất cả cái ồn ào hiếu chiến của báo chí Pan-móc-xton trong thời kỳ từ ngày 19 tháng Chạp 1861 đến ngày 8 tháng Giêng 1862? Hơn thế nữa! Công hàm của huân tước Giôn Rốt-xen gửi huân tước Lai-ôn-xơ ngày 19 tháng Chạp 1861 cho thấy rằng Nội các Anh không đưa ra *tối hậu thư quân sự* nào, rằng huân tước Lai-ôn-xơ *không* nhận lệnh rời Oa-sinh-ton bảy ngày sau khi giao "tối hậu thư này"; rằng Rốt-xen lệnh cho công sứ tránh ngay cả cái vẻ ngoài của sự đe dọa; và cuối cùng, rằng Nội các Anh dự định thông qua *quyết định dứt khoát chỉ sau khi nhận được* lời phúc đáp của Chính phủ Mỹ. Như vậy, toàn bộ đường lối mà báo chí Pan-móc-xton làm rùm beng đến như vậy và gây ra nhiều hồi âm hèn hạ trên đại lục đến thế - tỏ ra là một ảo mộng trống rỗng. Đường lối này không bao giờ được tiến hành trong thực tế. Điều đó chỉ chứng tỏ, như một tờ báo Luân Đôn hôm nay tuyên bố, rằng Pan-móc-xton "tìm cách hành động trái với đường lối chính thức, bắt buộc đối với các cố vấn có *trọng trách* của vương triều".

Sự việc sau đây chứng minh hùng hồn hơn cả rằng coup

de main^{1*} của huân tước Giôn Rốt-xen đã đánh quy báo chí của Pan-móc-xton như tiếng sét giữa trời quang. Tờ "Times" chiều qua đã *giấu* việc trao đổi thư từ của Rốt-xen, không đả động đến nó một lời nào. Chỉ hôm nay nó mới đăng lại thư trao đổi này từ tờ "Gazette" của Luân Đôn, kèm theo lời mào đầu với lời tựa dưới hình thức một bài xã luận né tránh một cách thận trọng thực chất cuộc tranh cãi, *cuộc tranh cãi giữa nhân dân Anh với Chính phủ Anh*, và về điều này chỉ văng ra một câu lêu bêu rằng "huân tước Giôn Rốt-xen vô cùng tức giận sau khi đọc lời xin lỗi như thế nào đó trong công hàm của Xi-uốt ngày 30 tháng Mười một". Trái lại, cơn giận của Giuy-pi-te thần sấm từ vườn hoa Prin-tinh-hao lại tuôn ra trong một bài xã luận khác cho thấy rằng ông *Ghin-pin*, thành viên của chính phủ, bộ trưởng thương mại và là người thuộc trường phái Man-se-xơ không xứng với địa vị của mình trong chính phủ. Ghin-pin nguyên là một nhà buôn sách, một kẻ mị dân, một sứ đồ thuyết giáo, về sự ôn hòa - mà không ai coi là anh hùng, ngày thứ ba vừa qua, tại cuộc mít-tinh ở Noóc-hê-mpton, mà ông là đại biểu ở quốc hội, đã kêu gọi một cách tội lỗi nhân dân Anh dùng con đường tổ chức những cuộc biểu tình công khai để ngăn trở việc thừa nhận quá sớm Liên minh miền Nam, vốn bị ông ta bôi nhọ thẳng tay là sản sinh ra chế độ chiếm hữu nô lệ. Dường như là, - tờ "Times" kêu một cách bức bối, - dường như là Pan-móc-xton và Rốt-xen (ở đây tờ "Times" lại nhắc đến sự tồn tại của huân tước Giôn Rốt-xen) suốt đời không đấu tranh với chế độ nô lệ! Đương nhiên, ông Ghin-pin đã khiếm nhã, khiếm nhã *có dụng ý* khi kêu gọi nhân dân Anh lên tiếng phản đối thiện cảm với chế độ chiếm hữu nô lệ của chính phủ mà ông ta là một thành viên trong đó. Song ông Ghin-pin, như đã nói ở trên, không phải là kẻ anh hùng. Toàn bộ sự nghiệp của ông chứng tỏ rằng ông rất ít có khuynh hướng tuấn đạo. Lời phát biểu không tể nhị

của ông tung ra vào *đúng cái ngày* mà huân tước Giôn Rốt-xen làm coup de main của mình. Do đó, chúng ta có thể kết luận rằng Nội các Anh còn xa với "happy family"^{1*}, và rằng những thành viên cụ thể của nó từ lâu đã suy nghĩ về sự "ly hôn".

Phần kết Nga của vở kịch "Tơ-ren-tơ" không kém hấp dẫn so với chung cục mà Nội các Anh đã diễn. Nước Nga khoan tay im lặng đứng sau hậu trường trong thời gian hết sức ồn ào đó, giờ đây bỗng xuất hiện ở phía trước sân khấu, vở vai ông Xi-uốt và tuyên bố rằng, rốt cuộc, đã tới lúc điều chỉnh dứt khoát vấn đề luật biển của các nước trung lập. Nước Nga cho rằng, như mọi người đều biết nghĩa vụ của mình là đưa những vấn đề cấp bách về văn minh vào chương trình nghị sự của lịch sử thế giới vào giờ phút thích hợp và ở địa điểm thích hợp. Nước Nga không còn có thể bị các cường quốc trên biển làm thương tổn một khi những nước này khước từ quyền bên tham chiến của mình đối với các nước trung lập và do đó khước từ quyền kiểm soát việc buôn bán xuất khẩu của Nga. Công ước Pa-ri ngày 16 tháng Tư 1856 có nhiều chỗ nhắc lại *đúng từng chữ* Hiệp ước Nga năm 1780 về sự trung lập "vũ trang" chống lại Anh lúc bấy giờ vẫn chưa trở thành *luật* ở nước Anh. Sẽ thật là trớ trêu của số phận, giá như xung đột *Anh - Mỹ* được kết thúc bằng việc Quốc hội Anh và vương triều Anh phê chuẩn một sự nhượng bộ như hai bộ trưởng Anh đã tự tiện làm đối với Nga sau khi kết thúc cuộc chiến tranh Anh - Nga^{2*}.

Do C.Mác viết ngày 17 tháng Giêng 1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 20, ngày
21 tháng Giêng 1862

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

1* - đòn chớp nhoáng

1* - "gia đình hạnh phúc"

2* - Chiến tranh Crim

C.MÁC

CUỘC MÍT-TINH CỦA CÔNG NHÂN Ở LUÂN ĐÔN

Luân Đôn, ngày 28 tháng Giêng

Giai cấp công nhân, gồm tuyệt đại bộ phận của cái xã hội mà trong đó từ lâu đã không còn *tầng lớp nông dân*, như mọi người đều biết, không có đại diện của mình tại quốc hội. Tuy nhiên, nó vẫn không mất ảnh hưởng chính trị. Không một cải cách hệ trọng nào, không một biện pháp quyết định nào lại được thực thi trên đất nước này^{1*} mà không chịu *pressure from without* (sức ép từ ngoài); khi thì phá vỡ đối lập cần đến một *pressure*^{2*} như vậy đối với chính phủ, khi thì chính phủ lại sử dụng *pressure* chống lại phái đối lập. *Pressure from without* được người Anh hiểu là những cuộc biểu tình lớn của dân chúng ở bên ngoài quốc hội mà dĩ nhiên những cuộc biểu tình này thì không thể tiến hành nếu không có sự tham gia tích cực của giai cấp công nhân. *Pít* đã biết sử dụng quần chúng nhân dân chống lại đảng Vích trong thời gian chiến tranh chống phái Gia-cô-banh. Công cuộc giải phóng những người Thiên chúa giáo, dự luật về cải cách, việc bãi bỏ những đạo luật về ngũ cốc, dự luật này về ngày làm việc 10 giờ, cuộc chiến tranh

1* - nước Anh

2* - sức ép

với Nga, việc bãi bỏ dự luật Pan-móc-xton về những âm mưu²⁸¹ - tất cả những điều đó là kết quả của những cuộc biểu tình rầm rộ ở bên ngoài quốc hội, trong đó giai cấp công nhân, khi thì bị xúi bẩy một cách giả tạo, khi thì hành động theo ý riêng, phát biểu hoặc với tư cách *persona dramatis*^{1*}, hoặc với tư cách hợp xướng và đồng, lúc thì vai trò chính, lúc thì vai trò của đám đông ồn ào. Hành vi của giai cấp công nhân Anh đối với cuộc Nội chiến ở Mỹ càng nổi bật hơn.

Cảnh đói nghèo của công nhân ở các khu công nghiệp miền Bắc do đóng cửa xí nghiệp và rút ngắn thời gian làm việc *lấy cơ* là đề phong tỏa các bang có chế độ chiếm hữu nô lệ thật khó mà mô tả và mỗi ngày một tăng. Những tầng lớp khác của giai cấp công nhân có đỡ nghèo hơn, song họ cũng phải chịu đau khổ da diết vì tác động ngược trở lại của cuộc khủng hoảng trong công nghiệp bông vải đối với các ngành công nghiệp khác, vì sự giảm sút xuất khẩu sản phẩm riêng của họ sang các bang phía bắc nước Mỹ do thuế suất Mô-rin, và sự đình chỉ hoàn toàn việc xuất khẩu này sang các bang miền Nam do phong tỏa. Bởi vậy, sự can thiệp của Anh vào công việc của Mỹ giờ đây đã trở thành vấn đề sinh tử về ngũ cốc đối với giai cấp công nhân Anh. Thêm vào đấy "natural superiors" (những kẻ bề trên tự nhiên) của công nhân không từ một thủ đoạn nào để kích động họ chống Hợp chúng quốc một cách giận dữ. Cơ quan duy nhất của công nhân còn tồn tại đáng kể và được phổ biến rộng rãi, tờ "Reynolds's Newspaper" đã bị mua chuộc đặc biệt để trong suốt 6 tháng, hết tuần này sang tuần khác điên cuồng khẳng định cái điệp khúc *ceterum censeo*²⁸² về sự can thiệp của Anh. Bởi vậy, giai cấp công nhân hiểu rõ là chính phủ cũng chỉ chờ đợi những tiếng la ó can thiệp từ bên dưới, cái *pressure from without* đòi phải chấm dứt việc

1* - nhân vật

phong tỏa của Mỹ và sự nghèo đói của Anh. Trong hoàn cảnh như vậy, không thể không lấy làm kinh ngạc trước thái độ kiên trì giữ im lặng của giai cấp công nhân, mà nếu có phá vỡ sự im lặng đó thì cũng chỉ để cất cao giọng chống can thiệp, *ủng hộ* Hợp chúng quốc. Đó là một bằng chứng hùng hồn mới về sự kiên định không gì lay chuyển nổi của quần chúng nhân dân Anh, cái kiên định làm nên bí quyết về sự hùng cường của nước Anh, và nhờ đó mà vào lúc Chiến tranh Crưm và khởi nghĩa ở Ấn Độ, người lính thường nước Anh, nói theo ngôn ngữ khoa trương của Mác-di-ni, tỏ ra như là á thần vậy.

Để nói rõ đặc điểm "đường lối" của giai cấp công nhân Anh, chúng tôi dẫn ra dưới đây bản báo cáo về cuộc *mít-tinh lớn của công nhân*, họp chiều qua ở Mê-ri-lê-bôn, một trong những quận đông dân nhất ở Luân Đôn.

Chủ tịch là ông *Xtết-man*, lúc khai mạc cuộc mít-tinh, ông thông báo rằng phải đưa ra nghị quyết về sự *tiếp đón* mà nhân dân Anh phải dành cho các ông *Mê-dôn* và *Xlai-đen*.

"Cần phải tìm hiểu xem các vị này tới liệu có phải để giải phóng nô lệ khỏi xích xiềng hay để buộc thêm vào xiềng này một mắt xích mới".

Ông *I-ây-tơ*:

"Giai cấp công nhân trong trường hợp này không thể im lặng. Cả hai ngài vượt Đại Tây Dương vào nước ta, là thám tử của các bang chiếm hữu nô lệ và bạo chúa. Họ là những kẻ phiến loạn công khai chống hiến pháp hợp pháp của nước họ và tới đây nhằm lái chính phủ ta vào việc thừa nhận nền độc lập của các bang chiếm hữu nô lệ. Nghĩa vụ của giai cấp công nhân giờ đây là nói lên ý kiến của mình để Chính phủ Anh không nghĩ rằng chúng ta là những người đứng nhìn một cách thờ ơ trước chính sách đối ngoại của chính phủ. Chúng ta phải chỉ ra rằng tiền mà nhân dân ta trả cho việc giải phóng nô lệ không được ném qua cửa sổ. Giá như chính phủ ta hành động trung thực, thì nó ắt phải hết lòng ủng hộ các bang miền Bắc trong việc đàn áp cuộc nổi dậy khủng khiếp này".

Sau khi ủng hộ một cách xác đáng các bang miền Bắc và tuyên bố rằng "lời phát biểu của ông La-vơ-dôi kịch liệt chống nước Anh

là do lời công kích thóa mạ của báo chí Anh gây nên", nhà hùng biện đưa ra nghị quyết như sau:

"Cuộc họp này cho rằng các thám tử của bọn phiến loạn Mê-dôn và Xlai-đen giờ đây đang trên đường từ Mỹ vào nước Anh, tuyệt nhiên không đáng được sự ủng hộ tinh thần của giai cấp công nhân Anh, vì họ là chủ nô và là thám tử công khai của bọn bạo ngược mà vào thời điểm này đang có khả năng nổi loạn chống nước Cộng hòa Mỹ và là kẻ thù không đội trời chung đối với các quyền xã hội và chính trị của giai cấp công nhân trên tất cả các nước".

Ông *Uyn-nơ* ủng hộ nghị quyết. Ông tuyên bố: dĩ nhiên là trong thời gian Mê-dôn và Xlai-đen ở Luân Đôn thì cần tránh mọi sự xúc phạm cá nhân đối với họ.

Ông *Ni-côn-xơ*, dân miền "*cực Bắc* Mỹ", như ông tự xưng, nhưng thực ra là advocatus diaboli^{1*} do các ông I-an-xi và Man phải tới cuộc mít-tinh, tuyên bố phản đối nghị quyết này.

"Tôi đến đây, vì ở đây có tự do ngôn luận. Ở nước ta, đã ba tháng nay chính phủ không cho ai mở mồm. Tự do bị đàn áp không chỉ ở miền Nam mà cả ở miền Bắc. Ở miền Bắc có nhiều kẻ chống chiến tranh, song họ không dám lên tiếng. Ít ra là hai trăm tờ báo đã bị đóng cửa hoặc bị bọn dân đen đập phá. Các bang miền Nam cũng có quyền tách khỏi miền Bắc, cũng như Hợp chúng quốc trước đây có quyền tách khỏi nước Anh".

Song, mặc lời hùng biện của ông Ni-côn-xơ, nghị quyết đều đã được nhất trí thông qua. Bấy giờ ông lại đứng lên:

"Nếu các bạn đổ trách các ông Mê-dôn và Xlai-đen ở chỗ họ là chủ nô thì hẳn cũng phải nói đúng như thế về ông Oa-sinh-tơn và Giép-phéc-xơn, v.v."

Ông *Bin-xơ* phát biểu bác bỏ Ni-côn-xơ và sau đó đưa ra nghị quyết thứ hai:

"Do những ý đồ che giấu xấu xa của tờ "Times" và các tờ báo bất lương khác muốn làm cho công luận Anh nhầm lẫn về những sự kiện ở Mỹ, muốn lôi kéo chúng ta vào cuộc chiến tranh với bất luận cớ gì chống lại hàng triệu anh em cùng một dòng máu

1* - người bênh vực quỷ sứ

với chúng ta và lợi dụng những khó khăn tạm thời của nước cộng hòa để vu khống các cơ quan dân chủ, - cuộc mít-tinh này cho rằng nghĩa vụ quan trọng nhất của giai cấp công nhân, chừng nào họ chưa có đại biểu ở Thượng nghị viện, là tuyên bố ủng hộ Hợp chúng quốc trong cuộc chiến tranh vĩ đại để duy trì liên bang, vạch trần lập trường hèn hạ và bất lương của báo "Times" và những tờ báo quý tộc cùng một duộc với nó đã đứng lên bảo vệ chế độ chiếm hữu nô lệ, hết sức kiên quyết lên tiếng ủng hộ chính sách tuyệt đối không can thiệp vào công việc của Hợp chúng quốc và ủng hộ việc chuyển tất cả các vụ xung đột có thể nảy sinh cho những người được cả hai bên uỷ quyền hoặc tòa án trọng tài xem xét; nghiêm khắc lên án đường lối chiến tranh được tiến hành bởi cơ quan của bọn đầu cơ ở thị trường chứng khoán và bày tỏ sự đồng tình nhiệt liệt nhất với khát vọng của những người theo chủ nghĩa bài nô muốn giải quyết triệt để vấn đề chế độ nô lệ".

Nghị quyết này được nhất trí thông qua, cũng như lời đề nghị ghi vào dưới cùng "chuyển cho Chính phủ Mỹ thông qua ông A-đam những bản sao các nghị quyết đã được thông qua, coi đây là những sự biểu thị tình cảm và quan điểm của giai cấp công nhân Anh".

*Do C.Mác viết ngày 28 tháng Giêng 1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 32, ngày
2 tháng Hai 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

TÂM TRẠNG CHỐNG CAN THIỆP

Luân Đôn, ngày 31 tháng Giêng

Li-vốc-pun nhờ *buôn bán nô lệ* mới có sự hùng mạnh về thương mại. Đóng góp duy nhất của *Li-vốc-pun* vào văn học thì ca Anh là đoạn ca về *buôn nô lệ*. Năm mươi năm trước, *Uyn-béc-phoóc* hẳn không thể bước chân lên lãnh thổ *Li-vốc-pun* mà không sợ nguy hiểm đến tính mạng. Cũng như sự *buôn bán nô lệ* ở thế kỷ trước, vào thế kỷ này việc *buôn sản phẩm của lao động nô lệ - buôn bông* - là cơ sở vật chất cho sự hùng mạnh của *Li-vốc-pun*. Bởi vậy, không ngạc nhiên khi thấy rằng *Li-vốc-pun* là trung tâm tập hợp những người Anh bạn bè của phái ly khai. Đây là thành phố *duy nhất* thật sự ở Vương quốc Liên hiệp, nơi mà vào lúc khủng hoảng mới đây, người ta đã tổ chức một cuộc *quasi*^{1*} mít-tinh quần chúng có lợi cho cuộc chiến tranh với Hợp chúng quốc. Còn bây giờ thì *Li-vốc-pun* nói gì? Ta hãy nghe một trong những tờ nhật báo lớn của nó, tờ "Daily Post"²⁸³.

Trong bài xã luận có nhan đề là "The cute Yankee" ("Những người Mỹ láu cá") có đoạn viết:

"Với sự khéo léo thông thường đối với họ, người Mỹ đã biến cái tưởng thua trông

thấy thành cái được thật sự và buộc nước Anh phục vụ cho lợi ích của mình... Sự hùng cường của nước Anh thực sự được gia tăng, song để làm gì kia chứ? Từ thời Hợp chúng quốc dựng nước, người Mỹ bây giờ cũng kiên trì đặc quyền của lá cờ trung lập, lá cờ này tránh cho hành khách đi dưới đó khỏi mọi sự xâm phạm và tấn công từ phía các nước tham chiến. Chúng ta bằng mọi cách bác bỏ đặc quyền như vậy trong thời gian chiến tranh chống Gia-cô-banh, chiến tranh Anh - Mỹ những năm 1812 - 1814 và mới rất gần đây thôi, trong năm 1842, vào lúc thương lượng giữa huân tước A-sbóc-tôn và quốc vụ khanh Đa-ni-en Uên-bơ-xtéc. Giờ đây chúng ta phải chấm dứt sự chống đối của mình. *Nguyên tắc của người Mỹ đã thắng*. Ông Xi-uốt xác nhận sự việc này khi ông ta tuyên bố rằng trong vấn đề có tính nguyên tắc này nước Anh đã thay đổi lập trường và nhờ có vụ rắc rối với tàu "Tơ-ren-tơ" mà Mỹ đã được chúng ta nhân nhượng, sự nhân nhượng này từ trước đến nay họ đã hoài công dùng mọi phương tiện ngoại giao và quân sự mà vẫn không đạt được".

Còn quan trọng hơn nữa là sự thừa nhận của tờ "Daily Post" về bước ngoặt trong công luận, ngay cả ở *Li-vốc-pun*.

"Những người thuộc phái Hiệp bang", - tờ báo viết, - "không làm gì để xóa mất thiện cảm trước đây đối với họ. Thật đúng là trái lại! Họ đã dừng cảm đấu tranh và chịu những hy sinh lớn lao. Nếu họ không giành được độc lập thì mỗi người vẫn phải thừa nhận rằng họ xứng đáng được độc lập. Dù sao, công luận giờ đây cũng phản đối những kỳ vọng của họ. Mới bốn tuần trước đây, họ là những chàng trai dũng cảm (fine fellows). Bây giờ thì người ta gọi họ là một lũ rất thảm hại (a very sorry set)... Đúng, thực sự đã có một bước ngoặt. Phái chống chế độ nô lệ, quá ư nhu nhược trong thời gian có những xao xuyến mới đây trong nhân dân, giờ lại thả sức ra oai sấm sét chống lại việc buôn người và chống bọn chủ nô phiến loạn!... Cả đến những bức tường của thành phố chúng ta phải chẳng không sặc sỡ lên vì những tấm khẩu hiệu lớn đầy những lời lẽ bóng gió và những sự công kích độc ác đối với các ông Mê-dôn và Xlai-đen "những tác giả của đạo luật đáng nguyên rủa về nô lệ bỏ trốn"?.. Những người thuộc phái Hiệp bang đã thua vì vụ "Tơ-ren-tơ". Họ tưởng thắng cuộc về vụ này, nhưng hóa ra nó lại làm cho họ diệt vong. Họ đã mất đi sự đồng tình của đất nước ta và buộc phải thích nghi với hoàn cảnh kỳ lạ này càng nhanh càng tốt. Người ta đối xử rất tồi tệ với họ, song ở đây đã không còn làm gì được nữa (there will be no redress).

Sau khi tờ báo ở *Li-vốc-pun* đồng tình với phái ly khai thừa

1* - gần như

nhận như vậy thì người ta dễ hiểu tại sao một số cơ quan báo chí lớn của Pan-móc-xton giờ lại bỗng nhiên lên tiếng trước lúc khai mạc quốc hội với một giọng lưỡi hoàn toàn khác. Chẳng hạn, trong tạp chí "Economist" thứ bảy trước đã xuất hiện một bài nhan đề: "*Có nên duy trì phong tỏa không?*".

Tác giả bài báo trước hết xuất phát từ tình hình hiển nhiên là sự phong tỏa tồn tại chỉ trên giấy tờ và bởi vậy mà luật quốc tế cho phép vi phạm nó. Pháp đòi hỏi phải cưỡng bức đình chỉ phong tỏa. Giải pháp thực tế cho vấn đề bởi vậy tùy thuộc ở Anh, nơi có những nguyên nhân quan trọng và cấp bách cho bước này. Vấn đề là nó cần đến bông của Mỹ. Tuy nhiên, điều không hoàn toàn rõ ràng là làm sao cuộc phong tỏa này "tồn tại chỉ trên giấy tờ", lại có thể ngăn cản việc chuyển chở bông.

"Và dầu sao, - tờ "Economist" kêu lên, - "Nước Anh cũng phải tuân thủ lệnh phong tỏa". Thoạt đầu dẫn ra một loạt luận cứ tựa như có lợi cho quan điểm này, sau đó tác giả chuyển sang thực chất vấn đề:

"Trong việc này", tác giả viết, - "chính phủ phải dựa vào sự ủng hộ của cả nước. Song quảng đại quần chúng nhân dân Anh vẫn chưa *được chuẩn bị* để can thiệp, một sự can thiệp dù chỉ có vẻ như chúng ta góp phần dựng lên một nước cộng hòa chiếm hữu nô lệ. Hệ thống xã hội của Hiệp bang dựa vào sự chiếm hữu nô lệ; phái Liên bang thì ra sức thuyết phục chúng ta rằng chế độ nô lệ là cội rễ của sự ly khai, rằng họ là kẻ thù địch với chế độ nô lệ, - mà chế độ nô lệ thì làm cho chúng ta cực kỳ kinh tởm... Nguyên nhân thực khiến nhân dân nhâm lẫn là ở đây. Sự suy vong, chứ không phải là sự phục hưng - của Liên bang, nên độc lập, chứ không phải sự thất bại - của miền Nam, - đấy là con đường đúng đắn duy nhất để tiến tới giải phóng người da đen. Chúng tôi sẽ cố gắng làm rõ điều này vào dịp khác với bạn đọc. Song điều này hiện nay không phải ai cũng biết rõ. Đa số người Anh nghĩ khác. Và chừng nào họ vẫn khẳng khẳng một mực bám lấy cái định kiến ấy, thì bất cứ sự can thiệp nào của chính phủ ta, - khả dĩ biến chúng ta thành những kẻ thù địch thực sự với miền Bắc và chỉ thành những đồng minh giả tưởng của miền Nam - sẽ không được nhân dân Anh ủng hộ chân thành".

Nói cách khác: ý đồ can thiệp như vậy hẳn sẽ khiến nội các sụp đổ. Và điều đó cũng giúp chúng ta thấy rõ tại sao tờ "Times" lên tiếng phản đối bất cứ sự can thiệp nào và ủng hộ sự trung lập của Anh kiên quyết đến thế.

*Do C.Mác viết ngày 31 tháng Giêng 1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 34, ngày
4 tháng Hai 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

VỀ CUỘC KHỦNG HOẢNG BÔNG VẢI SỢI

Mấy ngày trước đây có cuộc họp thường niên của *Phòng thương mại Man-se-xtơ*. Phòng này đại diện cho Lan-kê-sia, khu công nghiệp lớn nhất của Vương quốc liên hiệp và là trung tâm công nghiệp bông vải sợi của Anh. Chủ tọa hội nghị, ông *E. Pô-te-rơ* và các báo cáo viên chính, ông *Ba-dơ-li* và *Tóc-ne-rơ*, đại diện cho Man-se-xtơ và một bộ phận của Lan-kê-sia tại Hạ nghị viện. Như vậy, từ những lời phát biểu tại hội nghị, chúng ta *chính thức* biết được các trung tâm lớn này của ngành sản xuất bông vải Anh có lập trường như thế nào tại "nghị viện dân tộc" đối với cuộc khủng hoảng ở Mỹ.

Tại cuộc hội nghị *năm ngoái* của phòng thương mại, một trong những trùm tư bản bông vải sợi lớn nhất ở Anh, ông *A-sơ-uốc*, đã khoe khoang như kiểu nhà thơ Pin-đa-rơ về sự phát triển chưa từng thấy của công nghiệp bông vải sợi mười năm lại đây. Đồng thời ông đặc biệt nhấn mạnh rằng ngay cả những cuộc khủng hoảng thương mại năm 1847 và 1858 cũng không hề làm giảm sút sự xuất khẩu sợi bông và vải bông của Anh. Ông giải thích hiện tượng này bằng sức mạnh thần kỳ của hệ thống tự do thương mại đã được áp dụng năm 1846. Ngay hồi đó người ta đã lấy làm lạ rằng chính cái hệ thống đã không thể làm cho Anh tránh được những cuộc khủng hoảng năm 1847 và năm 1857 thì lại có thể ngăn chặn được ảnh hưởng của những cuộc khủng hoảng đó cho

một lĩnh vực riêng biệt của công nghiệp Anh: ngành sản xuất vải bông. Nhưng ngày nay chúng ta nghe nói gì? Tất cả các diễn giả, kể cả ngài *A-sơ-uốc*, đều thừa nhận rằng từ năm 1858, đã diễn ra hiện tượng tràn ngập chưa từng thấy ở các thị trường châu Á, rằng do hiện tượng *sản xuất thừa* mang tính cách đại trà và ngày càng tăng nên mới có sự đình đốn hiện nay, thậm chí giả dụ không có cuộc Nội chiến ở Mỹ, không có biểu thuế Mô-rin và cuộc phong tỏa thì cũng vậy. Dĩ nhiên khó mà nói rằng liệu giá trị xuất khẩu có giảm đến 6 triệu pao xtéc-linh trong năm vừa qua mà không có ngay cả tình hình nghiêm trọng như thế này không: song ở đây không có gì lại không có khả năng, nếu ta lưu ý rằng thị trường chính của châu Á và Ô-xtơ-rây-li-a đã được cung cấp sản phẩm vải bông của Anh cho 12 tháng.

Như vậy, cuộc khủng hoảng hiện nay của công nghiệp bông vải sợi Anh là do sự sản xuất thừa của Anh, chứ không phải vì cuộc phong tỏa ở Mỹ, như lời thừa nhận của Phòng thương mại Man-se-xtơ vốn có uy tín trong vấn đề này. Song hậu quả của việc tiếp tục cuộc Nội chiến ở Mỹ sẽ là như thế nào đối với Anh? Chúng ta lại lần nữa có câu trả lời nhất trí cho câu hỏi này như sau: đó chắc hẳn là những khổ cực vô cùng tận đối với giai cấp công nhân và là sự phá sản của các chủ xưởng nhỏ.

"Ở Luân Đôn", - ông Si-tem nhận xét, - "người ta nói là ở ta vẫn có đủ bông để tiếp tục sản xuất. Song vấn đề không chỉ ở bông mà thôi. Vấn đề trước hết là ở *giá* của nó. Mà với giá cả như hiện nay thì vốn liếng các chủ xưởng ắt hẳn khánh kiệt nhanh chóng".

Thế nhưng phòng thương mại vẫn kiên quyết lên tiếng *phản đối bất cứ sự can thiệp nào* vào Hợp chúng quốc, mặc dù đa số thành viên trong đó vốn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của tờ "Times", lại có khuynh hướng cho rằng Liên bang Bắc Mỹ không tránh khỏi sụp đổ.

Ông *Pô-te-rơ* nói:

"Hẳn chúng ta không hề thích kiến nghị can thiệp chút nào, Man-se-xơ rất ít hướng về một kiến nghị như thế. Không có gì bắt buộc chúng ta phải yêu cầu làm cái việc vô đạo".

Ông *Ba-dơ-li* nói:

"Đối với vụ xích mích ở Mỹ, cần phải tôn trọng nguyên tắc nghiêm khắc nhất là không can thiệp. Nhân dân đất nước vĩ đại này cần thu xếp những công việc riêng của mình mà không ai được quấy nhiễu gì hết".

Ông *Tri-tê-m* nói:

"Trong địa hạt chúng ta đang lan truyền dư luận kiên quyết lên án mọi sự can thiệp vào cuộc tranh chấp ở Mỹ. Cần phải tuyên bố rõ ràng về điều này, bởi vì trong trường hợp nghi ngờ về điều này thì phía kia hẳn sẽ gây sức ép mạnh nhất với chính phủ".

Vậy thì phòng thương mại kiến nghị gì? Nó đòi hỏi Chính phủ Anh phá bỏ mọi chương ngại mà chính quyền vẫn còn dựng lên trên con đường trồng bông ở Ấn Độ. Trước hết nó đòi bỏ 10% thuế nhập khẩu mà sợi và vải bông của Anh phải nộp ở Ấn Độ. Hệ thống Công ty Đông Ấn²⁸⁴ vừa mới bị xóa bỏ. Đông Ấn vừa mới sáp nhập vào Đế chế Anh thì Pan-móc-xơ, với sự hỗ trợ của ông Uyn-xơ, đã áp dụng thuế nhập khẩu đánh vào hàng công nghiệp Anh ở Ấn Độ đúng vào lúc mà ông ta bán Xa-voa và Ni-xơ để có được Hiệp ước thương mại Anh - Pháp. Thị trường Pháp do đó đã mở cửa đến một mức nào đó cho công nghiệp Anh, nhưng đồng thời thị trường Đông Ấn lại đóng cửa ở mức lớn hơn nhiều đối với nó.

Ông *Ba-dơ-li* nhận xét về vấn đề này rằng từ lúc áp dụng chế độ thuế nói trên thì vô vàn máy móc Anh được xuất sang Bom-bay và Can-cút-ta, rằng trong những thành phố này những công xưởng kiểu Anh đã được xây dựng. Những công xưởng này đã chuẩn bị tiêu thụ bông tốt nhất ở Ấn Độ. Nếu thêm 15% chi phí vận chuyển vào thuế 10% đánh vào hàng nhập khẩu thì rõ ràng là những kẻ

cạnh tranh được tạo ra một cách giả tạo theo sáng kiến của Chính phủ Anh được chế độ thuế 25% bảo hộ.

Tại hội nghị của bọn trùm công nghiệp Anh, nhìn chung người ta bộc lộ thái độ hết sức bất mãn đối với khuynh hướng bảo hộ ngày càng phổ biến ở các thuộc địa, nhất là ở cả Ô-xơ-rây-li-a. Các nhà công nghiệp quên rằng thuộc địa trong vòng thế kỷ rưỡi đã uống công chống đối "hệ thống thuộc địa" của chính quốc. Thuộc địa thì đòi tự do thương mại, còn nước Anh lại kiên trì những biện pháp hạn chế. Giờ đây nước Anh tuyên truyền tự do thương mại, song thuộc địa lại thấy rằng chủ nghĩa bảo hộ nhằm chống nước Anh lại thích hợp hơn với lợi ích của họ.

Do C.Mác viết vào đầu tháng Hai 1862

*Đã đăng trên báo "Die Presse" số 38, ngày
8 tháng Hai 1862*

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

TIN TỨC TỪ ANH

Trên lục địa người ta thường cho rằng Giôn Bun, người dân vùng đảo, có đặc điểm nổi bật là "tính độc đáo" hoặc "cá tính". Nhìn chung thì quan niệm như vậy lẫn lộn người Anh thời xưa với người Anh hiện đại. Trên thực tế, ngược lại, những sự phân biệt giai cấp gắt gao, sự phân công lao động rất sâu và cái gọi là "dư luận xã hội" do phái Bà-la-môn của báo chí tạo ra, đã dẫn tới sự đơn điệu về tính cách đến nỗi Sếch-xpia, chẳng hạn, chắc cũng không hiểu được đồng bào mình nữa. Những sự khác biệt là đặc trưng không phải cho những cá nhân riêng lẻ, mà cho "nghề nghiệp" và giai cấp của họ. Nếu bỏ qua mối liên hệ nghề nghiệp và nói đến sinh hoạt thường ngày thì một người Anh "đáng kính" vẫn giống như kẻ khác đến nỗi ngay cả Lai-bơ-nít-xơ cũng vị tất đã có thể phát hiện ra sự khác nhau hoặc *differentia specifica*^{1*} giữa họ. Cái độc đáo của cá nhân được tâng bốc tận mây xanh, bị xua khỏi các phạm vi chính trị và xã hội, cố tìm được chỗ nương náu cuối cùng ở những thói cầu kỳ và đồng danh của cuộc sống riêng, để thỉnh thoảng còn được bộc lộ ra ở đây *sans gêne*^{2*}, đồng thời người ta không ý thức được là họ tự đặt mình vào một tình thế buồn cười như thế nào. Bởi vậy, người Anh vẫn xuất hiện như

1* - nét khu biệt, sự dị biệt

2* - không ngại ngùng

một thực thể *sui generis*^{1*} chủ yếu là trước tòa án - trên cái sân khấu công cộng này, nơi mà những thói cầu kỳ riêng và chạm với nhau gay gắt.

Sau lời nhận xét sơ bộ này, ta có thể chuyển sang cảnh xét xử ngộ nghĩnh diễn ra mấy hôm trước đây ở Tòa án Ngân khố hoàng gia. *Personal dramatis*^{2*} - một bên là ông Ét-vin Lan-xi-rơ, họa sĩ hiện đại lớn nhất nước Anh, và một bên là người nhà của Hôn-đây-nơ, những thợ may khéo tay bậc nhất ở Luân Đôn. Ông Ét-vin là bị cáo, người nhà Hôn-đây-nơ là nguyên cáo. *Corpus delicti*^{3*} là một chiếc áo choàng và một áo đuôi tôm giá 12 p.xt. mà họa sĩ không chịu trả tiền. Ông Ba-lan-tai-nơ là luật sư của Lan-xi-rơ, ông Ghíp-phít-xơ là luật sư của Hôn-đây-nơ.

Hôn-đây-nơ trình bày: ông Ét-vin Lan-xi-rơ đặt hàng cả hai thứ. Hàng gửi đến cho ông để thử, và người đặt không vừa lòng với chiều cao của cổ áo. Cổ áo được sửa lại. Bây giờ người đặt hàng lại nói rằng không thể mặc chúng vì nóng và bất tiện, thêm vào đó là chúng làm cho tóc ông ta trở nên bồm xồm. Chiều theo ý muốn của bị cáo, áo đã được sửa đi sửa lại. Rốt cuộc, bên nguyên không chịu tiếp tục sửa, nếu như tiền sửa không được trả riêng. Bây giờ Lan-xi-rơ cho người đem cả hai thứ trả lại cho hiệu. Nguyên cáo gửi cho ông ta thư trả lời sau đây:

"Cùng với thư này chúng tôi hết sức trân trọng gửi Ngài cả hai thứ y phục đã được sửa lại một lần nữa theo chỉ dẫn cuối cùng của Ngài. Những sửa chữa quá nhiều và không thành công mà Ngài nói, là có - do chính lỗi của Ngài. Ở lần ướm thử đầu tiên, cả áo choàng và áo đuôi tôm đều rất vừa vặn, song người đặt hàng uốn cong người lại, với những tư thế rất không hợp lý thì không có tài nghệ nào đủ sức làm vừa lòng anh ta. (Có tiếng cười). Chúng tôi rất không muốn tiến hành mọi sửa chữa

1* - độc đáo, duy nhất về chủng loại

2* - nhân vật

3* - Cấu thành tội phạm, bằng chứng cụ thể

theo yêu cầu của Ngài, xem những sửa chữa ấy là thừa và trái với quy tắc nghệ thuật của chúng tôi. Song giờ đây chúng tôi thấy là không thể tiếp tục nhượng bộ. Về yêu cầu của Ngài nhận lại cả hai thứ thì không thể bàn đến. Bởi vậy, chúng tôi tính tiền và yêu cầu Ngài thanh toán gấp".

Luật sư Ba-lan-tai-nơ: Ông không muốn nói là áo choàng và áo đuôi tôm ngay bây giờ vẫn vừa vặn sao? *Hôn-đây-nơ:* Tôi khẳng định chính điều đó.

Ba-lan-tai-nơ: Trước lúc sửa chữa thì chúng vừa hơn phải không? *Hôn-đây-nơ:* Vâng. - *B.* Phải chăng áo choàng và áo đuôi tôm không phải nghề chuyên môn của ông? Ông nổi tiếng về may quần, phải không? - *H.* Hẳn như vậy! Chúng tôi nổi danh hơn với tư cách chuyên gia về quần. - *B.* Chứ không phải về áo đuôi tôm? Ông An-phrết Mông-tơ-gô-mê-ri, người dẫn ngài Ét-vin Lan-xi-rơ tới hiệu, đã ngăn ông ta đừng may áo đuôi tôm ở chỗ ông, thế phải không? - *H.* Vâng, ông ta có ngăn. - *B.* Phải chăng ông hoặc em ông có nói với ngài Ét-vin rằng ông thích may áo đuôi tôm cho ông ta không lấy tiền hơn là không may gì cho ông ta cả? - *H.* Chúng tôi không hề nói như vậy. - *B.* Ông hiểu "làm mềm" cổ áo là thế nào? - *H.* Ngài Ét-vin than phiền rằng cổ áo xát vào cổ ông ta. Bởi vậy chúng tôi làm mềm cổ áo, nghĩa là phần nào giảm chiều cao của nó. - *B.* Và theo ông, cái đó đáng trả bao nhiêu? - *H.* Hai hoặc ba pao.

Luật sư Ba-lan-tai-nơ: Ngài Ét-vin Lan-xi-rơ cho rằng cần phải khiêu tố về lá thư xúc phạm của Hôn-đây-nơ. Ông Mông-tơ-gô-mê-ri khuyên ngài Ét-vin nên ký thác cho xưởng Hôn-đây-nơ phần dưới của cơ thể chứ tuyệt nhiên không phải phần trên. Là một họa sĩ nổi tiếng, ngài Ét-vin vẫn trẻ con trong những việc này, bởi vậy ông ta dám phiêu lưu và tòa đã thấy rõ hệ quả như thế nào. Nguyên cáo, người mà các bồi thẩm vừa mới thấy trên ghế những người làm chứng, cũng là một nghệ sĩ lớn. Song lẽ nào nghệ sĩ lớn lại sửa lại tác phẩm của mình? Một khi tin rằng nó hoàn hảo

anh ta phải đứng thẳng hoặc ngã quỵ khi bảo vệ tác phẩm của mình.

Song Hôn-đây-nơ không bảo vệ tác phẩm của mình. Ông ta tán thành sửa chữa ở chừng mực những sửa chữa đó phù hợp với nguyên tắc riêng của ông. Và sau đó đòi từ hai đến ba pao trả cho cái việc chả đi đến đâu ấy! Tôi hân hạnh được nói ở đây với tòa mà các thành viên của nó cũng mặc áo đuôi tôm; tôi xin hỏi: trên đời liệu có đau khổ nào lớn hơn những cổ áo quá đứng làm nghẹt cổ? Tôi nghe nói rằng khi ngài Ét-vin ướm thử một trong những chiếc áo đuôi tôm ấy thì cổ ngài bị nghẹt, và nước Anh lâm vào nguy cơ mất đi một trong những nhà họa sĩ lớn nhất của mình. Ngài Ét-vin tán thành mặc áo đuôi tôm và áo choàng nói ở đây, trước tòa, các vị bồi thẩm có thể rút ra kết luận dựa vào quan sát riêng. Bây giờ tôi xin mời ngài Ét-vin lấy tư cách người làm chứng kể lại cho các vị nghe câu chuyện về cả hai thứ y phục.

Ngài Ét-vin Lan-xi-rơ: Khi tôi mặc áo đuôi tôm và áo choàng thì cổ áo đứng như thế này. (Ở đây ngài Ét-vin quay người lại và trong tiếng cười rộ của những người có mặt, phô cái lưng cho các vị bồi thẩm xem, làm cho người ta cảm thấy như là ngài bất thần bị đánh)... Tôi đã nài xin mời một người thợ may khá thú nhất làm trọng tài; song trong mọi trường hợp, mỗi khách hàng đều tự mình có thể phán đoán tốt nhất rằng áo đuôi tôm mình mặc có vừa không hoặc giầy cao cổ xọ xát chân mình ở đâu.

Ông Ghíp-phút-xơ: Ông Mông-tơ-gô-mê-ri nói gì khi khuyên ông về Hôn-đây-nơ? - Ông nói với tôi: "Thưa ngài Ét-vin, quần thì thường ngài gặp may thành công ít hơn so với áo choàng và áo đuôi tôm".

Ghíp-phút-xơ: Ngài có thể mặc thử áo đuôi tôm và áo choàng ở đây không? - Tại sao lại không nhỉ? (Ông lấy một chiếc mặc vào người). Đấy, trông này! (Có tiếng cười).

Mác-tin (chánh án): Ở đây, trong số bồi thẩm có một thợ may. Song liệu ông ta có vui lòng xét kỹ *co corpus delicti* hay không?

Người thợ may đó rời khỏi ghế bồi thẩm, tiến lại gần ngài Ét-vin, yêu cầu ông ta mặc áo đuôi tôm và áo choàng, ngắm chúng một cách am hiểu và lắc đầu.

Ghíp-phít-xơ: Thưa ngài Ét-vin, ngài có cho rằng áo đuôi tôm chật không? - Có chứ! (Có tiếng cười). - Tôi muốn hỏi: nó có hẹp không? - Hừm, giá như tôi phải mặc nó mà ăn trưa, thì tôi thấy cần phải cởi.

Ba-lan-tai-nơ: Trong trường hợp như vậy, thưa ngài Ét-vin, ngài không nên mặc tiếp áo đó nữa. Hãy cởi ra. - Rất cảm ơn ông. (Cởi cả hai áo).

Sau những lời lẽ sôi nổi của cả hai luật sư và lời tóm tắt thú vị của quan toà, trong đó có nhấn mạnh rằng sự tiện nghi của dân tộc Anh không thể đem hy sinh cho những ý tưởng sáng tạo của hiệu Hôn-đây-nơ, tòa quyết định cho ông Ét-vin Lan-xi-rơ được kiện.

*Do C.Mác viết vào khoảng ngày 3 tháng
Hai 1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 39, ngày
9 tháng Hai 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

CÁC CUỘC TRANH LUẬN TẠI
NGHỊ VIỆN VỀ LỜI ĐÁP TỪ

Luân Đôn, ngày 7 tháng Hai

Cuộc họp khai mạc nghị viện đã là một nghi thức không chút màu sắc. Sự vắng mặt của nữ hoàng và việc đại pháp quan đọc diễn văn thay nữ hoàng đã làm cho nghi thức này mất hết mọi ấn tượng kịch tính. Bản thân bài diễn văn của nữ hoàng đã ngắn, lại hoàn toàn không chút diễn cảm. Nó xác nhận *faits accomplis*^{1*} của chính sách đối ngoại, còn để đánh giá các sự việc này thì bài diễn văn viện đến các tài liệu đã trình nghị viện. Chỉ có một câu đã gây ấn tượng đôi chút - cái câu trong đó nữ hoàng "trusts" (hy vọng, tin tưởng) rằng "không có cơ sở nào để lo ngại về sự phá hoại hòa bình ở châu Âu". Thực tế, câu này có nghĩa là hòa bình ở châu Âu thuộc về lĩnh vực hy vọng và lòng tin.

Các ngài đã phát biểu ở cả hai viện nêu lên những dự thảo đáp lại bài diễn văn của nữ hoàng đều đã nhận được, theo như thường lệ ở nghị viện, sự uỷ thác tương ứng của các bộ trưởng từ ba tuần lễ trước đó. Lời đáp từ của họ thường là gồm những sự lặp lại dài dòng diễn văn của nữ hoàng và gồm những lời tăng bốc mơn trớn mà các vị bộ trưởng nhân danh nghị viện tặng

1* - những việc đã rồi

thường cho chính mình. Khi ngài *Phrên-xít Bót-đét* vào năm 1811 đi trước các nhà hùng biện chính thống cùng với những dự thảo lời đáp từ của họ, đã lợi dụng cơ hội này để phê phán gay gắt diễn văn của nữ hoàng, thì hóa ra là chính Magna Charta²⁸⁵ lại bị đe dọa. Từ đó những nỗi khủng khiếp tương tự đã không còn lặp lại nữa.

Nội dung các cuộc tranh luận về diễn văn của nữ hoàng do đó chỉ hạn chế ở "những lời ám chỉ" của phái đối lập chính thức và "những lời phản ám chỉ" của các bộ trưởng. Tuy nhiên, lần này các cuộc tranh luận đã tỏ ra có ý nghĩa kinh viện hơn là chính trị. Vấn đề ở đây là ai đã đọc bài diễn văn hay hơn tưởng nhớ đến hoàng tử, là người lúc sinh thời đã rất không muốn phục tùng ách thống trị của tập đoàn cầm đầu ở Anh. *Vox populi*^{1*} đã trao giải quán quân kinh viện cho Đốc-bi và Đì-xra-e-li: người thứ nhất - như là nhà hùng biện bẩm sinh, người thứ hai - như là kẻ sành lối nói hoa mỹ.

Phần "thiết thực" của các cuộc tranh luận đã xoay quanh *Hợp chúng quốc, Mê-hi-cô* và *Ma-rốc*.

Trong vấn đề về *Hợp chúng quốc*, Outs (những người ở phe đối lập) đã tán dương chính sách của Ins^{2*} (*beati possidentes*^{3*}). *Đốc-bi* - thủ lĩnh những người bảo thủ ở Thượng nghị viện, và *Đì-xra-e-li* - thủ lĩnh những người bảo thủ ở Hạ nghị viện, đã tạo ra sự đối lập, không phải để chống lại nội các, mà chống lại nhau.

Đốc-bi trước hết bày tỏ sự không vừa lòng của mình về việc không có "pressure from without"^{4*}. Ông ta "khâm phục", ông nói, cách xử sự kiên nhẫn và rất xứng đáng của công nhân công xưởng.

1* - Tiếng nói của nhân dân

2* - những người đang cầm quyền

3* - những người giàu có hoan lạc

4* - "áp lực từ bên ngoài"

Còn về các chủ xưởng thì ông ta không thể ca tụng họ được. Đối với họ thì cuộc xung đột ở Mỹ đã tỏ ra rất đúng lúc, bởi lẽ sự sản xuất thừa và ứ đọng của tất cả các thị trường dù sao cũng buộc họ phải thu hẹp nền công nghiệp.

Tiếp theo, *Đóc-bi* đã chuyển sang tấn công gay gắt. Chính phủ Bắc Mỹ, cái chính phủ "đã hạ thấp mình và dân tộc mình một cách nhục nhã" và đã hành động không "quân tử", vì đã không đưa ra sáng kiến, không tự nguyện giao Mê-dôn, Xlai-đen và những người cùng cánh và không tỏ ra hối hận. Người làm chứng của ông ta ở Hạ nghị viện, ngài *Đi-xra-e-li* đã hiểu ngay ra rằng sự công kích của *Đóc-bi* sẽ tai hại như thế nào đối với niềm hy vọng lên nắm chính quyền của những người bảo thủ. Vì vậy ông ta đã phát biểu với ý ngược lại:

"Khi tôi nghĩ về những khó khăn to lớn mà các nhà hoạt động nhà nước Bắc Mỹ đã gặp phải, tôi đi đến kết luận rằng họ đã khắc phục những khó khăn đó một cách dũng cảm và gan dạ".

Mặt khác, với tính nhất quán đặc thù của mình, *Đóc-bi* đã phản kháng lại "các học thuyết mới" về luật biển. Từ lâu nước Anh đã bảo vệ quyền của các quốc gia tham chiến chống lại yêu sách của các nước trung lập. Đành rằng vào năm 1856 ở Pa-ri huân tước Cla-ren-đôn đã thực hiện một sự nhượng bộ "nguy hiểm"²⁸⁶. Nhưng may thay, sự nhượng bộ đó chưa được nữ hoàng phê chuẩn, thành ra "trong vấn đề luật quốc tế này đã không có gì thay đổi". Ngài *Đi-xra-e-li*, rõ ràng là theo sự thỏa thuận với chính phủ, đã hoàn toàn không đả động đến điểm này.

Đóc-bi tán thành chính sách không can thiệp do các bộ trưởng tiến hành. Mặc dù còn *chưa* đến lúc công nhận Liên minh miền Nam, nhưng ông ta vẫn đòi hỏi những tài liệu xác thực để xét đoán xem "cuộc phong tỏa có hiệu quả tới mức nào và vì vậy nó có tính chất bắt buộc về mặt pháp lý tới mức nào". Về điều này,

thượng nghị sĩ Giôn Rót-xen đã tuyên bố rằng Chính phủ Hợp chúng quốc đã dành một số lượng tàu biển đủ cho cuộc phong tỏa, nhưng không phải ở mọi nơi đều tiến hành nghiêm ngặt việc phong tỏa. Ngài *Đi-xra-e-li* không nhận xét về tính chất của cuộc phong tỏa, nhưng yêu cầu các bộ trưởng trình các tài liệu nhằm mục đích thông tin. Ông ta càng ngửa trước sự công nhận quá vội vàng liên minh này, bởi vì vào lúc này nước Anh đang làm tổn thương thanh danh mình cho việc đe dọa một trong số các nhà nước Mỹ (Mê-hi-cô) mà chính nước Anh đã là nước đầu tiên công nhận nền độc lập của nhà nước đó.

Sau *Hợp chúng quốc* đến lượt *Mê-hi-cô*. Không một thành viên nào của nghị viện lên án cuộc chiến tranh đã được bắt đầu mà không có tuyên chiến, song lại đã rộ lên những kháng nghị chống lại sự can thiệp vào công việc nội bộ của đất nước dưới khẩu hiệu "chính sách chống can thiệp" và chống lại sự liên minh của Anh với Pháp và Tây Ban Nha nhằm mục đích khuất phục một đất nước hầu như không có khả năng tự vệ. Qua các bài phát biểu của mình *phe đối lập* chỉ nói bóng gió về ý định của mình nắm lấy Mê-hi-cô như là cái cớ cho những mưu đồ của đảng mình. *Đóc-bi* đòi hỏi những tài liệu có liên quan tới hiệp ước giữa ba cường quốc, cũng như phương thức thực hiện hiệp ước đó. Ông ta ủng hộ hiệp ước, *bởi vì*, theo ý kiến của ông ta, con đường đúng đắn đối với mỗi bên tham gia hiệp ước là ở chỗ bảo vệ được những yêu sách của mình *không lệ thuộc* vào các bên khác. Một số dư luận lan truyền đã buộc ông ta lo ngại rằng ít nhất một trong ba quốc gia - Tây Ban Nha - cũng mưu toan các hoạt động vượt ra ngoài khuôn khổ hiệp ước. Có vẻ như là *Đóc-bi* thực sự có ý nghĩ rằng quốc gia lớn Tây Ban Nha sẽ dám hành động trái với ý chí của Anh và Pháp! Huân tước *Giôn Rót-xen* đã trả lời: cả ba

quốc gia đều theo đuổi một mục đích *như nhau* và sẽ hết sức tránh tất cả những gì có thể cản trở những người Mê-hi-cô điều hành công việc thuộc quyền quản lý của bản thân chính phủ của họ.

Ngài *Đi-xra-e-li* ở Hạ nghị viện lắng tránh mọi phán xét trước khi tìm hiểu các tài liệu đã được đưa ra. Tuy nhiên, ông ta cũng thấy "tuyên bố của chính phủ là *đáng nghi ngờ*". Nước Anh đã công nhận nền độc lập của Mê-hi-cô trước các nước khác. Bước đi này nhắc chúng ta nhớ lại một thời kỳ tuyệt vời trong chính sách đối ngoại của Anh - thời kỳ đối lập chống lại Liên minh thần thánh - và về một con người tuyệt vời - *Ca-ninh*. Vì nguyên nhân khó hiểu nào mà nước Anh đã quyết định là người đầu tiên giáng một đòn vào nền độc lập của Mê-hi-cô? Thêm vào đó trong một thời hạn ngắn nhất đã thay đổi cái cố để can thiệp. Lúc đầu là nói về việc bù lại những thiệt hại đã gây ra cho các thần dân Anh. Bây giờ lại nói về việc xác lập các nguyên tắc quản lý mới và về việc tuyên bố một triều đại mới. Huân tước Pan-móc-xtơn dựa vào các tài liệu đã đưa ra, dựa vào hiệp ước cấm các đồng minh "nô dịch" Mê-hi-cô và thực hiện bằng cưỡng bức hình thức cầm quyền không hợp lòng dân. Nhưng đồng thời ông ta cũng để cho mình một lối thoát ngoại giao. Hình như ông ta biết theo tin đồn đại rằng ở Mê-hi-cô có một đảng muốn thay thế chế độ cộng hòa bằng nền quân chủ. Ông ta không biết đảng đó mạnh tới mức nào. "Về phần mình" ông ta "chỉ mong muốn sao cho *một chính phủ nào đó* được thành lập ở Mê-hi-cô để các chính phủ nước ngoài có thể tiến hành các cuộc thương lượng với nó". *Như vậy* là ông ta muốn thành lập chính phủ "mới". Ông ta tuyên bố *chính phủ hiện thời của Mê-hi-cô không tồn tại*. Ông ta ban cho Liên minh Anh, Pháp và Tây Ban Nha cái đặc quyền của Liên minh

thần thánh quyết định vấn đề tồn tại hay không tồn tại của các chính phủ khác. "Đó là điều lớn nhất, - ông ta khiêm tốn nói thêm, - mà Chính phủ Anh cố gắng đạt được". Không có gì hơn thế nữa!

"Vấn đề công khai" cuối cùng của chính sách đối ngoại có liên quan tới Ma-rốc. Chính phủ Anh đã ký hiệp ước với *Ma-rốc* để tạo khả năng cho Ma-rốc trả nợ cho Tây Ban Nha, - món nợ mà Tây Ban Nha sẽ không bao giờ có thể gán cho Ma-rốc nếu không được phép của chính cái nước Anh đó. Có lẽ một số người đã cho Mê-hi-cô vay một số tiền để đảm bảo trả đúng hạn các khoản thanh toán của nó cho Tây Ban Nha, bằng cách đó mà loại trừ cái cố để Tây Ban Nha tiếp tục chiếm đóng Tê-u-an và gây lại chiến tranh²⁸⁷. Chính phủ Anh đảm bảo cho những người này dưới hình thức này hoặc hình thức khác sẽ được nhận lãi suất phần trăm theo các khoản tiền cho vay của họ và về phần mình, cũng với tư cách là một sự đảm bảo, nhận lấy việc quản lý các sổ thuế quan của Mê-hi-cô. Đốc-bi đã tìm được phương thức này để đảm bảo nền độc lập của Mê-hi-cô "rather strange" (khá lạ lùng), nhưng không được các bộ trưởng đáp ứng. Ngài *Đi-xra-e-li* ở Hạ nghị viện đã dừng lại chỉ tiết hơn đôi chút ở công việc có tính chất "khá không hợp hiến" này, bởi vì đằng sau lưng nghị viện, các vị bộ trưởng đã buộc vào cho nước Anh những gánh nặng tiền tệ mới. *Pan-móc-xtơn* đã viện dẫn một cách giản đơn theo các "tài liệu" đã đưa ra.

Trong thời gian tranh luận hầu như người ta không động đến các công việc nội vụ. Đốc-bi đã chỉ phòng ngừa những vấn đề tranh cãi "gây xáo động", thuộc loại như là sự cải tổ nghị viện, vì sự quan tâm "đến trạng thái tinh thần của nữ hoàng". Ông ta sẵn sàng thường xuyên đáp lại bằng sự khâm phục của mình đối với giai cấp công nhân Anh, với điều kiện là giai cấp công

nhân đó sẽ chịu đựng việc tước quyền bầu cử của mình cũng với sự kiên nhẫn như đã chịu đựng sự phong tỏa của Mỹ.

Nếu dựa trên cơ sở cuộc họp khai mạc đầy thi vị của nghị viện mà kết luận rằng một tương lai đầy thi vị đang chờ đợi nó, thì sẽ là sai lầm. Ngược lại! Giải tán nghị viện hoặc giải thể nội các - phương châm của kỳ họp đã được khai mạc này là như vậy. Chúng tôi sẽ xem xét căn cứ của sự lựa chọn này ở một trong các bài báo sau.

*Do C.Mác viết ngày 7 tháng Hai 1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 42, ngày
12 tháng Hai 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

TÌNH TRẠNG LỘN XỘN Ở MÊ-HI-CÔ

Luân Đôn, ngày 15 tháng Hai 1862

Cuốn Sách xanh vừa mới công bố về cuộc can thiệp ở Mê-hi-cô²⁸⁸ bao hàm những sự vạch trần gây chấn động nhất đối với nền ngoại giao hiện nay của nước Anh với tất cả sự giả nhân giả nghĩa bịp bợm của nó, với sự tàn nhẫn của nó đối với kẻ yếu, với sự quy lụy trước kẻ mạnh và hoàn toàn không tôn trọng luật pháp quốc tế. Tôi buộc phải hoãn lại đến bài báo sau việc phân tích tỉ mỉ các công hàm khẩn mà phước Đao-ninh và các đại diện Anh ở Mê-hi-cô đã trao đổi với nhau. Việc phân tích đó sẽ đem lại những chứng cứ không thể chối cãi rằng tình trạng lộn xộn hiện nay là do nước Anh gây nên, rằng nước Anh đã chủ động khởi xướng cuộc can thiệp và đã viện cớ cho cuộc can thiệp ấy bằng những lý lẽ không vững chắc và đầy mâu thuẫn nội tại, thậm chí không thể che đậy những căn cứ thực sự, - mặc dù đã bị nước Anh chối cãi, - cho hành động của nó. Những phương tiện dè hèn được sử dụng để tổ chức cuộc can thiệp ở Mê-hi-cô chỉ có thể bị vượt qua bởi cái đầu óc lẫn lộn giữa nua mà Chính phủ Anh dùng để làm ra vẻ ngạc nhiên và để cố gắng né tránh việc thực hiện một kế hoạch dè dặt do chính nó đề ra. Bây giờ tôi muốn nói đến chính cái khía cạnh cuối cùng này của vấn đề.

Ngày 13 tháng Chạp 1861, ngài I-xtu-rít, công sứ Tây Ban Nha ở Luân Đôn, đã trình cho Giôn Rốt-xen một bức công hàm, sau

khi đã đưa vào đó cả các chỉ thị của trung tướng Cu Ba gửi cho các tư lệnh Tây Ban Nha đang chỉ huy cuộc viễn chinh vào Mê-hi-cô. Giôn Rốt-xen đã im búc công hàm ấy đi và đã im lặng. Ngày 23 tháng Chạp, ngài I-xtu-rít lại gửi cho Giôn Rốt-xen một bức công hàm mới, trong đó có ý định giải thích những nguyên nhân đã làm cho các đơn vị viễn chinh Tây Ban Nha bỏ lại đảo Cu Ba cho đến khi các lực lượng Anh và Pháp tiến đến. Giôn Rốt-xen lại im búc công hàm này đi và vẫn tiếp tục im lặng hoàn toàn. Ngài I-xtu-rít muốn biết chắc xem sự im lặng kéo dài vốn rất không bình thường đối với người nổi dõ hay ba hoa của dòng họ nhà Bét-phoóc này có báo trước điều gì chẳng lành hay không, nên đã đề nghị một cuộc gặp riêng, và đã được chấp thuận, cuộc gặp riêng đó đã diễn ra ngày 7 tháng Giêng.

Vào thời gian đó Giôn Rốt-xen trong hơn một tháng đã hoàn toàn biết rõ về những hành động quân sự đơn phương của Tây Ban Nha chống lại Mê-hi-cô. Sau khi ngài I-xtu-rít chính thức thông báo cho ông ta về sự kiện này thì đã gần một tháng trôi qua. Nhưng, mặc dù vậy, trong cuộc gặp riêng với công sứ Tây Ban Nha, Giôn Rốt-xen cũng không buông ra một lời nào biểu thị dù chỉ là sự không hài lòng chút ít hoặc sự ngạc nhiên về "những bước đi vội vàng do tướng Xéc-ra-nô tiến hành", và những lời nói của ông ta không hề làm cho ngài I-xtu-rít nghi ngờ chút nào rằng mọi chuyện đều tốt đẹp và những hành động của Tây Ban Nha được Chính phủ Anh hoàn toàn ủng hộ. Ngài I-xtu-rít đầy lòng kiêu hãnh Tây Ban Nha, tất nhiên cũng không muốn cho phép nghĩ rằng Tây Ban Nha là thứ đồ chơi, là công cụ mù quáng trong tay các đồng minh hùng mạnh của nó.

Tuy nhiên, thời hạn họp nghị viện đã tới gần, và Giôn Rốt-xen cần phải soạn thảo cả loạt công hàm, không phải chuyên dùng cho các cuộc hội đàm quốc tế, mà để dùng cho nghị viện. Vì vậy, ngày 16 tháng Giêng ông ta đã thảo một công hàm với giọng điệu bức tức, chất vấn về sáng kiến đơn phương mà Tây Ban Nha đã cả

gan thực hiện. Những sự ngờ vực và băn khoăn đã hơn một tháng ngủ yên trong lồng ngực ông ta và đã không thể nào bộc lộ ra ngay cả vào ngày 7 tháng Giêng trong lúc gặp riêng ngài I-xtu-rít, thì nay bỗng nhiên phá vỡ sự mơ mộng lặng lẽ của nhà hoạt động nhà nước dễ tin người, thành thực và không chút ngờ vực này. Ngài I-xtu-rít bàng hoàng như bị sét đánh bên tai và trong thư phúc đáp của mình đề ngày 18 tháng Giêng, với giọng pha chút hài hước, đã nhắc nhở đại nhân về những khả năng mà ông ta đã bỏ qua mất để bày tỏ sự phẫn nộ đã quá muộn của mình. Về thực chất, ông ta cũng trả giá cho đại nhân bằng cũng chính cái đồng tiền đó và, trong khi biện bạch cho sáng kiến khởi xướng do Tây Ban Nha đưa ra, ông ta cũng làm ra vẻ ngây thơ giống như khi Giôn Rốt-xen đưa ra yêu cầu của mình đòi hỏi những sự giải thích.

"Trung tướng Cu Ba", - ngài I-xtu-rít nói, - "đã đến vị trí quá sớm, bởi vì ông ta sợ sẽ đến Vê-ra-cru-xơ quá muộn. "Ngoài ra", - và ở đây ông ta nhại huân tước Giôn, - "cuộc viễn chinh đã được chuẩn bị từ lâu về mọi mặt", mặc dù trung tướng đến giữa tháng Chạp vẫn còn "chưa biết các chi tiết của hiệp ước và không biết địa điểm ấn định cho cuộc gặp nhau của các hải đoàn".

Nhưng hiệp ước chỉ được ký kết vào ngày 20 tháng Mười một. Vì vậy, nếu như trung tướng "đến giữa tháng Chạp đã chuẩn bị về mọi mặt" cho cuộc viễn chinh của mình, thì điều đó có nghĩa là những mệnh lệnh về khởi hành cuộc viễn chinh gửi cho ông ta từ châu Âu đã được đưa ra từ trước khi ký hiệp ước. Nói cách khác, sự thoả thuận lúc đầu giữa ba quốc gia và những biện pháp được đưa ra để thực hiện sự thoả thuận đó đã được tiến hành trước khi ký hiệp ước và trong các "chi tiết" của chúng, những biện pháp này đã khác với các quy định của hiệp ước, bởi lẽ ngay từ đầu, hiệp ước đã được hiểu không phải như là cương lĩnh hành động, mà như là một công thức lịch thiệp, cần cho việc làm dịu dư luận xã hội đối với các kế hoạch đề hèn.

Ngày 23 tháng Giêng, Giôn Rốt-xen đã trả lời ngài I-xtu-rít

bằng một bức công hàm hơi gay gắt chỉ rõ rằng "Chính phủ Anh *không hoàn toàn* hài lòng bởi những sự giải thích đã đưa ra", nhưng đồng thời nó cũng không nghi ngờ Tây Ban Nha về ý muốn nông nổi hành động trái với ý muốn của Anh và Pháp. Huân tước Giôn Rốt-xen suốt cả tháng ngủ yên và không động tĩnh, đã bắt đầu thể hiện nhiệt huyết sôi sục và sự thận trọng cao nhất khi kỳ họp nghị viện càng đến gần. Không thể để mất một phút. Ngày 17 tháng Giêng ông ta bố trí cuộc gặp riêng với bá tước Phlao, đại sứ Pháp tại Luân Đôn. Phlao thông báo cho ông ta một tin chẳng lành rằng cấp trên của ông cho là cần phải "gửi đến Mê-hi-cô những lực lượng bổ sung" và phát biểu rằng với sáng kiến khởi xướng nông nổi của mình, Tây Ban Nha đã làm hỏng mọi việc, rằng

"bây giờ các đồng minh cần phải tiến sâu vào Mê-hi-cô và rằng không chỉ các lực lượng đã dự định hiện nay tỏ ra là chưa đủ cho chiến dịch, mà bản thân cuộc viễn chinh cũng mang một tính chất khiến Lu-i Bô-na-pác-tơ không thể tán thành để các lực lượng của Pháp yếu hơn các lực lượng Tây Ban Nha, hoặc là có nguy cơ bị xúc phạm đến thanh danh của mình".

Lập luận của Phlao hoàn toàn không xác đáng. Nếu như Tây Ban Nha đã vi phạm khuôn khổ hiệp ước thì một bức công hàm gửi từ Xanh-Giêm-xơ hoặc Tuyn-lơ-ri đến Ma-đrít có lẽ đã không đủ để buộc Tây Ban Nha phải từ bỏ những kỳ vọng nực cười của mình và đưa nó trở lại cái vai trò khiêm tốn mà hiệp ước đã quy định của nó. Nhưng không. Do Tây Ban Nha đã vi phạm hiệp ước, - sự vi phạm có tính chất hình thức thuần túy và không đáng kể, bởi lẽ việc các lực lượng Tây Ban Nha đến Vê-ra-cru-xơ trước thời hạn đã không làm thay đổi mục đích và nhiệm vụ chính thức của cuộc viễn chinh, - do Tây Ban Nha dám thả neo ở Vê-ra-cru-xơ khi vắng mặt các lực lượng Anh và Pháp, nước Pháp không còn gì ngoài việc đi theo vết chân của Tây Ban Nha, cho nên phải vi phạm hiệp ước và không chỉ tăng các đơn vị viễn chinh của mình, mà còn làm thay đổi toàn bộ tính chất chiến dịch. Dĩ nhiên, các quốc gia đồng minh đã không cần đến cái cớ nào để vạch rõ

sự thật và ngay từ đầu cuộc viễn chinh đã bỏ qua mọi lý do và mục đích chính thức đã được đưa ra để biện bạch cho cuộc viễn chinh đó.

Theo đó, Giôn Rốt-xen, mặc dù đã biểu thị "sự đáng tiếc về bước đi" do nước Pháp thực hiện, nhưng vẫn ủng hộ nó, mà tuyên bố với bá tước Phlao rằng "nhân danh chính phủ của nữ hoàng, ông ta không có gì phản đối *tính chất có căn cứ* của những lý lẽ của Pháp". Trong công hàm đề ngày 20 tháng Giêng, ông ta đã thông báo cho bá tước Cau-li, đại sứ Anh ở Pa-ri, nội dung cuộc nói chuyện này của mình với bá tước Phlao. Một ngày trước đó, ngày 19 tháng Giêng, ông ta đã gửi cho ngài Ph. Cram-pton, công sứ Anh ở Ma-đrít, một công hàm mà nội dung là một mớ ngộ nghĩnh những lời ba hoa giả dối nhằm vào Nghị viện Anh, và những lời ám chỉ thâm độc nhằm vào triều đình Ma-đrít về giá trị thực sự của những lời nói xuê xoa mà ông ta vung phí rất hào phóng. "Những hành động của nguyên soái Xéc-ra-nô, - ông ta nói, - được tính toán nhằm gây ra đôi chút băn khoăn", không chỉ do hậu quả của việc xuất quân viễn chinh Tây Ban Nha quá sớm từ Ha-va-na, mà còn do "giọng điệu của những tờ bố cáo mà Chính phủ Tây Ban Nha đã công bố".

Nhưng cùng với điều đó bonhomme^{1*} của chúng ta lại gợi ý cho triều đình Ma-đrít những lý do dễ hiểu biện bạch cho sự vi phạm rõ ràng đối với hiệp ước. Ông ta hoàn toàn tin chắc rằng triều đình Ma-đrít không hề có ý gì xấu; nhưng vì các sĩ quan chỉ huy ở xa châu Âu, cho nên đôi khi thể hiện "tính nông nổi" và đòi hỏi "sự giám sát hết sức cẩn thận đối với mình". Người tốt bụng Rốt-xen giúp một tay như vậy để chuyển trách nhiệm từ triều đình Ma-đrít sang các sĩ quan chỉ huy Tây Ban Nha thiếu thận trọng "đang ở xa" và thậm chí ở ngoài tầm đối với những

1* - người tốt bụng

giáo lý của người tốt bụng Rốt-xen. Phần khác trong công hàm của ông ta cũng không kém ngộ nghĩnh. Các đơn vị đồng minh không được tước quyền của những người Mê-hi-cô "bầu ra chính phủ riêng của mình", qua đó để cho người ta hiểu rằng ở Mê-hi-cô "đang không có chính phủ", rằng, ngược lại, dưới sự bảo hộ của quân chiếm đóng, đồng minh những người Mê-hi-cô cần phải bầu ra không chỉ những thống đốc mới, mà còn phải thiết lập "hình thức chính thể mới". Chính phủ Anh "lấy làm vui mừng về việc họ lập nên chính phủ mới"; nhưng, dĩ nhiên, các lực lượng quân sự chiếm đóng không được ảnh hưởng đến tiến trình cuộc phổ thông đầu phiếu, mà nhờ đó họ khuyến nghị những người Mê-hi-cô lập nên chính phủ mới. Cố nhiên, bản thân viên tư lệnh các lực lượng vũ trang xâm lược được quyền xét đoán xem hình thức chính thể mới nào "là có thể chấp nhận hay không thể chấp nhận được đối với những người Mê-hi-cô".

Trong mọi trường hợp, người tốt bụng Rốt-xen làm ra vẻ mình vô tội và phải tay. Ông ta đã phái những đội quân nước ngoài đến Mê-hi-cô để buộc nhân dân Mê-hi-cô phải "bầu" chính phủ mới; nhưng ông ta hy vọng rằng những đội quân ấy sẽ làm điều đó một cách tế nhị và thăm dò cẩn thận không khí chính trị của đất nước đã bị chúng chinh phục. Có cần phải nói thêm dù chỉ là một chút về cái trò hề hiển nhiên này không? Chưa cần nói đến nội dung các công hàm của người tốt bụng Rốt-xen, chỉ cần đọc qua tờ "Times" và "Morning Post" trong tháng Mười, tức là sáu tuần lễ trước khi ký kết hiệp định giả nhân giả nghĩa ngày 30 tháng Mười một, thì các bạn cũng sẽ thấy rằng các báo chí của Chính phủ Anh đã tiên đoán trước tất cả những sự kiện không đáng mong muốn mà Rốt-xen có vẻ như vừa mới biết vào cuối tháng Giêng và đã giải thích các sự kiện đó là do "tính nông nổi" của một số đại diện Tây Ban Nha nằm ở xa châu Âu.

Phần hai của cái trò hề mà Rốt-xen đóng là ở chỗ ông ta đã

đưa vị công tước Áo Mác-xi-mi-li-an, con cưng của Anh và Pháp, lên sân khấu với tư cách là người kế vị ngai vàng Mê-hi-cô.

Ngày 24 tháng Giêng, khoảng 10 ngày trước khi khai mạc nghị viện, huân tước Cau-li viết cho huân tước Rốt-xen rằng không chỉ các mục đàn bà ngồi lê mách lẻo ở Pa-ri nói về vị công tước, mà cả các sĩ quan được phái đến Mê-hi-cô cùng với quân tiếp viện cũng đều cam đoan rằng hình như mục đích của cuộc viễn chinh của họ là đưa công tước Mác-xi-mi-li-an lên ngôi vua Mê-hi-cô. Cau-li cho là cần phải chất vấn Tu-vơ-nen về vấn đề tế nhị này. Tu-vơ-nen trả lời ông ta rằng các cuộc hội đàm tương ứng với Chính phủ Áo đã được bắt đầu theo sáng kiến không phải của Chính phủ Pháp, mà là của các phái viên Mê-hi-cô "đã đến vì mục đích này và đã rời đi Viên".

Các vị sẽ thấy rằng ông Giôn Rốt-xen đã không ngờ vực điều gì, chỉ mới năm ngày trước đây trong công hàm của mình gửi đi Ma-đrít ông đã nói rườm rà về những điều kiện của hiệp ước và thậm chí sau đó, trong diễn văn của nữ hoàng ngày 6 tháng Hai, đã tuyên bố "việc sửa chữa" những sự bất công gây ra đối với các thần dân châu Âu là nguyên nhân của mục đích duy nhất của cuộc can thiệp, - các bạn sẽ thấy rằng ông ta, cuối cùng, sẽ mất bình tĩnh và sẽ lo lắng, tức giận về những thủ đoạn chưa từng thấy mà người ta báo đáp cho ông ta về tính cả tin tốt bụng. Hoàn toàn không có gì giống như thế! Người tốt bụng Rốt-xen nắm được những chuyện đơm đặt do Cau-li thông báo cho ông ta ngày 26 tháng Giêng, còn đến hôm sau ông ta vội vã ngồi viết công hàm, trong đó bày tỏ sự ủng hộ của mình đối với việc ứng cử ngôi vua Mê-hi-cô của công tước Mác-xi-mi-li-an.

Ông ta báo tin cho ngài S. Oai-cơ, đại diện của ông ở Mê-hi-cô, rằng các đội quân Pháp và Tây Ban Nha sẽ "lập tức" tiến về thủ đô Mê-hi-cô, rằng "theo tin đồn", công tước Mác-xi-mi-li-an là thần tượng của nhân dân Mê-hi-cô, và rằng nếu như điều đó thực sự

như vậy, "thì trong nội dung hiệp ước không có gì cản trở ông ngồi lên ngai vàng Mê-hi-cô".

Trong các điều tiết lộ về ngoại giao này có hai điều tuyệt diệu: thứ nhất, người ta đã đánh lừa Tây Ban Nha, và thứ hai là ông Rốt-xen thậm chí không hề có ý nghĩ rằng ông ta không thể tiến hành chiến tranh với Mê-hi-cô mà không tuyên chiến trước và rằng ông ta có thể tham gia liên minh với các nước ngoài để thực hiện cuộc chiến tranh này chỉ trên cơ sở một hiệp ước nhất định, có tính chất bắt buộc đối với tất cả các bên hữu quan. Những kẻ như vậy là những kẻ trong vòng hai tháng đã làm chúng ta chán ngấy bởi sự ba hoa giả dối của họ về tính chất thiêng liêng của các quy phạm nghiêm ngặt của luật pháp quốc tế và về sự tôn trọng của họ đối với các quy phạm đó!

*Do C.Mác viết ngày 16 tháng Hai 1862
Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"
số 6530, ngày 10 tháng Ba 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

CÁC SỰ KIỆN Ở MỸ

Tổng thống Lin-côn không khi nào dám thực hiện một bước tiến về phía trước khi hoàn cảnh đã được tạo ra và đòi hỏi chung của dư luận xã hội khiến không thể do dự lâu hơn nữa. Nhưng chỉ cần "old Abe"^{1*} có lúc nào đó tin chắc rằng một thời điểm bước ngoặt như vậy đã đến, thì lập tức ông ta làm kinh hoàng cả bạn bè lẫn kẻ thù bằng một hành động bất ngờ, được tiến hành lạng lẽ tới mức có thể. Chẳng hạn, ngay mới đây ông ta đã hoàn toàn lạng lẽ thực hiện một bước đi không ngờ, mà nếu như vào nửa năm trước đây có lẽ ông ta đã phải trả giá bằng cái ghế tổng thống của mình, còn mới trước đó ít tháng thì có lẽ đã gây ra cả một cơn bão tố tranh cãi. Chúng tôi muốn nói đến *việc bãi chức Mắc-Cli-lân* khỏi chức vụ commander in chief^{2*} các binh chủng của Liên bang. Trước hết, Lin-côn thay thế bộ trưởng chiến tranh Ca-mê-rôn bằng một luật gia năng nổ và thô bạo là ngài *Ét-vin Xtan-tôn*. Xtan-tôn lập tức gửi cho các tướng Buy-lơ, Ha-lếch, Bất-lơ, Séc-man và các tư lệnh quân khu khác và đề ra cho các đơn vị viễn chinh một mệnh lệnh là từ nay trở đi tất cả các mệnh lệnh ban bố công khai cũng như các mệnh lệnh mật họ đều sẽ

1* - "ông già Ấy-bơ" (A-bra-ham Lin-côn)

2* - tổng tư lệnh

nhận trực tiếp từ bộ chiến tranh, và về phần mình, họ phải trình báo cáo của họ trực tiếp cho bộ chiến tranh. Cuối cùng, Lin-côn đã ban bố một số mệnh lệnh sau khi đã ký tên theo danh hiệu đã được hiến pháp phong cho ông là "commander in chief of Army and Navy"^{1*}. Bằng cách "lạng lẽ" như vậy, "Na-pô-lê-ông trẻ"²⁸⁹ đã bị tước quyền chỉ huy tối cao *tất cả* các binh chủng và chỉ giữ lại quyền chỉ huy quân đội Pô-tô-mác, mặc dù ông ta vẫn giữ *tước vị* "commander in chief". Việc chuyển quyền chỉ huy tối cao cho tổng thống Lin-côn đã được ghi nhận một cách thành công bởi những thành tích ở Kên-tác-ki, Tê-nê-xi và vùng bờ biển Đại Tây Dương.

Chức vụ commander in chief mà Mắc-Cli-lân đã giữ cho đến nay, được Hợp chúng quốc kế thừa của nước Anh và gần tương ứng với tước vị grand connetable^{2*} trong quân đội Pháp trước đây. Trong thời gian Chiến tranh Crưm, ngay nước Anh cũng đã thấy rõ tính bất hợp lý của chế định cũ kỹ này. Vì vậy đã đạt được một sự thỏa hiệp mà kết quả là một phần đặc quyền trước đây của commander in chief đã được chuyển cho bộ chiến tranh.

Chúng tôi còn chưa có trong tay tài liệu cần thiết để xét đoán về sách lược Pha-bi-a²⁹⁰ của Mắc-Cli-lân ở Pô-tô-mác. Tuy nhiên, không còn nghi ngờ gì rằng ảnh hưởng của ông ta đã tác động tới việc tiến hành chiến tranh nói chung tương tự như sự kìm hãm. Có thể nói về Mắc-Cli-lân giống hệt như Ma-cô-lây nói về Ét-xếch-xơ:

"Những sai lầm về quân sự của Ét-xếch-xơ đã xuất phát chủ yếu từ tính thiếu kiên quyết về chính trị của ông ta. Ông ta là người trung thực, nhưng hoàn toàn không nhiệt tình tận tụy với sự nghiệp của nghị viện, và bên cạnh sự thất bại nghiêm trọng ông ta không sợ gì bằng sợ sự thắng lợi quyết định"²⁹¹.

1* - "tổng tư lệnh quân đội và hải quân"

2* - tổng chỉ huy, đại thống lĩnh

Mác-Cli-lân, giống như đa số cán bộ sĩ quan được đào tạo ở Uê-xơ-Pôi-to²⁹² nhờ esprit de corps^{1*} mà ít nhiều gắn bó chặt chẽ với các đồng đội cũ của mình trong phe địch. Tất cả họ đều có thái độ ghen ghét như nhau đối với những kẻ hãnh tiến trong số những kẻ "dân sự". Theo ý kiến họ, chiến tranh cần được tiến hành thuần túy theo cách chuyên nghiệp, có mục đích không thay đổi là khôi phục Liên bang trên cơ sở cũ của nó, và vì vậy trước hết nó cần phải được tự do đối với các xu hướng có tính chất nguyên tắc và cách mạng. Một quan điểm tuyệt vời về chiến tranh mà thực chất là cuộc chiến tranh của các nguyên tắc! Những tướng lĩnh đầu tiên của Nghị viện Anh đã phạm sai lầm đúng như vậy.

"Nhưng" - Crôm-oen nói trong thư của mình gửi cho "tay sai" của Nghị viện trường kỳ ngày 4 tháng Bảy 1653 - "mọi cái đã biến đổi chỉ là ở chỗ những người tuân theo a principle of godliness and religion^{2*} đã đứng lên cầm đầu!"²⁹³.

Tờ báo Oa-sinh-ton "Star"²⁹⁴, cơ quan riêng của MáC-Cli-lân, trên một trong các số báo mới nhất của mình đã tuyên bố:

"Mục đích của tất cả các phương kế quân sự của tướng MáC-Cli-lân là khôi phục lại Liên bang dưới hình thức *hoàn toàn* như là nó đã tồn tại trước khi bắt đầu cuộc phiến loạn".

Vì vậy không đáng ngạc nhiên nếu như ở Pô-tô-mác quân đội đã được sử dụng để bắt nô lệ ngay trước mắt vị tổng tư lệnh! Hoàn toàn chưa lâu, bằng một mệnh lệnh đặc biệt, MáC-Cli-lân đã đuổi gia đình các nhạc công Cát-sin-xơn ra khỏi trại vì họ đã hát... các bài hát chống chế độ nô lệ.

Ngoài những sự phô trương "chống khuynh hướng" này, MáC-Cli-lân còn thực hiện sự bảo vệ đặc biệt của mình đối với những kẻ phản bội trong quân đội Liên bang. Chẳng hạn, ông ta

1* - tinh thần đẳng cấp

2* - những nguyên tắc chính trực và tôn giáo

đã đề bạt Mây-nác-đơ lên chức vụ cao hơn, mặc dù Mây-nác-đơ, như đã thấy rõ qua các tài liệu do Ủy ban điều tra của Viện đại biểu công bố, đã hành động với tư cách là mật vụ của phái ly khai. MáC-Cli-lân đã cứu được tất cả những quân nhân phản bội khỏi bị đưa ra tòa án quân sự và phần lớn khỏi bị cách chức, bắt đầu từ tướng Pa-téc-xơn, mà sự phản bội của y là nguyên nhân gây ra thất bại ở Ma-nát-xát, và cuối cùng là tướng Xtôn, người đã *tạo ra* thất bại ở Bôn-xơ-Bla-phơ theo thỏa thuận trực tiếp với kẻ thù. Về mặt này, Ủy ban điều tra của Quốc hội đã phát hiện ra những sự thật đáng kinh ngạc nhất. Lin-côn đã quyết định chứng minh, bằng các hoạt động năng nổ, rằng với việc chuyển quyền chỉ huy tối cao cho ông ta, thì giờ cũng đã điểm đối với những kẻ phản bội mang lon cấp tướng và bắt đầu một *bước ngoặt* trong chính sách quân sự. Theo lệnh của ông ta, tướng Xtôn đã bị bắt ngày 10 tháng Hai vào lúc hai giờ đêm ngay trên giường ngủ và đã bị đưa đến đồn La-phay-ét. Vài giờ sau đó đã xuất hiện lệnh bắt tướng Xtôn do Xtan-tôn ký; trong lệnh đó đã thông báo rằng kẻ bị bắt bị buộc tội phản quốc và sẽ bị đưa ra tòa án quân sự. Việc bắt giữ Xtôn và đưa y ra tòa đã xảy ra không có sự báo trước cho tướng MáC-Cli-lân.

MáC-Cli-lân rõ ràng đã có chủ định không nhường vị trí hàng đầu cho một viên tướng nào khác bằng cách nằm im không hành động và chỉ chờ đợi vòng nguyệt quế được ứng trước. Các tướng Ha-lếch và Pốp đã quyết định tiến hành hoạt động phối hợp nhằm bắt buộc tướng Prai-xơ, người đã có lần thoát khỏi tay Phri-môn nhờ sự can thiệp của Oa-sinh-ton, phải tham gia vào trận chiến đấu quyết định. Bức điện của MáC-Cli-lân đã cấm họ thực hiện đòn đánh này. Một bức điện tương tự đã "bãi bỏ" mệnh lệnh của tướng Ha-lếch đánh chiếm đồn Cô-lôm-bút vào lúc đồn này đang bị ngập nước tới lưng chừng. MáC-Cli-lân đã nghiêm cấm các tướng lĩnh ở miền Tây quan hệ với nhau. Trong trường hợp chuẩn bị các chiến dịch phối hợp thì mỗi tướng lĩnh trong số họ trước hết

phải hỏi ý kiến Oa-sinh-tơn. Bây giờ tổng thống Lin-côn đã trao lại cho họ quyền tự do hành động cần thiết.

Toàn bộ chính sách quân sự của Mác-Cli-lân đã có lợi cho phái ly khai đến mức nào, điều đó được những lời tâng bốc mà tờ "New-York Herald" không ngừng phung phí cho ông ta chứng minh tốt hơn hết. Ông ta là nhân vật hợp ý "Herald". *Ben-nét* khét tiếng, chủ nhân và tổng biên tập báo "Herald", trước tiên đã nắm các chính phủ Piéc-xơ và Biu-kê-nen ở Oa-sinh-tơn thông qua các "đại diện đặc biệt" của mình, alias^{1*} là các phóng viên. Trong thời Chính phủ Lin-côn, ông ta tìm cách một lần nữa đạt được cũng vị trí như vậy bằng con đường quanh co lắt léo; với mục đích này "đại diện đặc biệt" của ông ta là tiến sĩ Ai-xơ, một người miền Nam và là anh của một sĩ quan đã chạy theo những người thuộc phe liên minh, đã chiếm được lòng tin của Mác-Cli-lân. Chắc là nhờ sự che chở của Mác-Cli-lân mà tên Ai-xơ này đã có những đặc quyền to lớn vào lúc Ca-mê-rôn đứng đầu bộ chiến tranh. Dĩ nhiên ông ta đã chờ đợi những ân huệ như thế ở Xtan-tôn và vì vậy ngày 8 tháng Hai đã đến bộ chiến tranh, là nơi bộ trưởng chiến tranh, thư ký chính của ông ta và một số thành viên quốc hội đang bàn các biện pháp quân sự. Người ta đã mời ông ta ra khỏi cửa. Ông ta đã tỏ ra bướng bỉnh, nhưng cuối cùng đã phải lùi bước, sau khi đe dọa rằng "Herald" sẽ nổ súng chống lại bộ chiến tranh hiện thời, nếu như ông ta bị tước bỏ "đặc quyền đặc biệt" của mình là được đặc biệt tìm hiểu kết quả các cuộc họp của chính phủ, những bức điện, những thông báo chính thức và tin tức chiến sự tại cơ quan quân sự. Sáng hôm sau, ngày 9 tháng Hai, tiến sĩ Ai-xơ đã tập hợp ở nhà mình toàn bộ tổng tham mưu của Mác-Cli-lân để ăn bữa sáng và uống rượu sâm-banh.

1* - nói cách khác

"Nhưng tại đây tai họa ập đến"^{1*}. Một viên hạ sĩ quan cùng sáu người lính đi vào, bắt giữ ông Ai-xơ hùng mạnh và đưa ông ta đến đồn Mác-Hen-ri, tại đó, theo mệnh lệnh nghiêm ngặt của bộ trưởng chiến tranh, ông ta "sẽ bị quản thúc nghiêm ngặt *như là một tên gián điệp*".

*Do C.Mác viết khoảng ngày 26 tháng Hai
1862*

*Đã đăng trên báo "Die Presse" số 61, ngày
3 tháng Ba 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

1* Si-le. "Bài ca về cái chuông".

C.MÁC

NHỮNG NGƯỜI BẠN CỦA PHÁI LI KHAI Ở HẠ NGHỊ VIỆN. - SỰ THỪA NHẬN CUỘC PHONG TỎA CỦA MỸ

Luân Đôn, ngày 8 tháng Ba

Parturiunt montes^{1*} những người bạn Anh của những người theo phái li khai từ khi khai mạc nghị viện đã đe dọa "chất vấn" về cuộc phong tỏa của Mỹ. Cuối cùng, cuộc chất vấn đã được tiến hành ở Hạ nghị viện dưới hình thức một bản đề đạt rất khiêm tốn, trong đó chính phủ được mời "đưa ra những tài liệu bổ sung về tình hình cuộc phong tỏa", - nhưng ngay cả lời đề nghị khiêm tốn đó cũng đã bị bác bỏ mà không cần tôn trọng cả cái hình thức biểu quyết ký tên.

Từ kỳ họp năm ngoái của nghị viện, ngay sau khi cuộc nội chiến bắt đầu, ngài Grê-gô-ri, đại biểu vùng Hô-lu-ây, người đã đưa ra lời chất vấn này, đã đề nghị thừa nhận Hiệp bang miền Nam. Không thể không công nhận bài diễn văn hiện nay của ông ta có tài nguy biện rõ rệt. Thiếu sót duy nhất của bài diễn văn này là nó được chia thành hai phần, trong đó phần này phủ nhận phần kia. Trong một phần đã mô tả tác động nguy hại của cuộc

1* - Parturiunt montes, nascetur ridiculus! (Trái núi đẻ ra con chuột nhất phẩm hại!) (Hô-ra-xô. "Khoa học của thơ ca").

phong tỏa đối với ngành công nghiệp vải sợi Anh và vì vậy đưa ra đòi hỏi chấm dứt cuộc phong tỏa. Trong phần khác, trên cơ sở các tài liệu do nội các đưa ra, trong đó kể cả hai bản tuyên bố của các ngài I-an-xi và Man và ngài Mê-dôn, lại chứng minh rằng nói chung *không có* cuộc phong tỏa, có chăng là trên giấy, và vì vậy không cần tiếp tục thừa nhận nó nữa. Ngài Grê-gô-ri đã thêm gia vị cho lập luận của mình bằng việc trích dẫn liên tục báo "Times". Báo "Times", - mà đối với nó việc nhắc nhở đến những lời danh ngôn tiên tri của nó vào thời điểm đó là rất không phải lúc, - để đền ơn, nó đã cho đăng một *bài xã luận*, trong đó ngài Grê-gô-ri được đưa ra làm trò cười cho thiên hạ.

Lời chất vấn của ngài Grê-gô-ri đã được sự ủng hộ của ngài Ben-tin-cơ, một đảng viên đảng To-ri cực đoan trong suốt hai năm đã ủng hộ tìm cách gây nên trong phe bảo thủ sự ly khai với ngài Đê-xơ-e-li.

Việc bảo vệ lợi ích tưởng tượng của nền công nghiệp Anh của ngài Grê-gô-ri, - đại biểu của Hô-lu-ây, một thành phố cảng không đáng kể ở miền Tây Ai-rơ-len, - và của ngài Ben-tin-cơ, - đại biểu của Noóc-phôn-cơ, một vùng thuần túy nông nghiệp, - tự nó đã là một màn kịch hết sức buồn cười.

Ngài Pho-xtơ, đại biểu của Brát-phoóc, một trong những trung tâm công nghiệp Anh, đã phát biểu chống lại cả hai ngài này. Bài phát biểu của Pho-xtơ đáng được chú ý tỉ mỉ hơn, bởi vì nó chứng minh một cách có sức thuyết phục tính chất vô ích của những cuộc bàn luận do những người bạn của phái ly khai đang tiến hành ở châu Âu về tính chất cuộc phong tỏa ở Mỹ. Trước hết, ông ta nói, Hợp chúng quốc đã thực hiện mọi thủ tục hình thức mà luật pháp quốc tế đòi hỏi. Không một hải cảng nào bị họ tuyên bố ở trong tình trạng phong tỏa mà lại không có tuyên bố trước, không đặc biệt báo rõ về thời gian thiết lập phong tỏa, không ấn định thời hạn 15 ngày, mà quá thời hạn đó tất cả các tàu nước ngoài trung lập đều bị cấm vào và ra khỏi cảng.

Như vậy, những cuộc bàn luận về "tính chất vô hiệu" của cuộc

phong tỏa theo quan điểm pháp lý chỉ dựa trên cơ sở những trường hợp vi phạm phong tỏa tựa hồ thường xuyên. Trước khi khai mạc nghị viện đã tính được rằng 600 tàu hàng đã vi phạm sự phong tỏa. Bây giờ ngài Grê-gô-ri giảm bớt con số này xuống 400. Các chứng cứ của ông ta dựa vào hai bản danh mục, trong số đó một bản đã được phái viên miền Nam là *I-an-xi* và *Man* trao cho chính phủ vào ngày 30 tháng Mười một, còn bản khác, bản bổ sung, thì do *Mê-dôn* trao. Theo những số liệu của *I-an-xi* và *Man* thì từ thời điểm tuyên bố phong tỏa đến hết ngày 20 tháng Tám đã có hơn 400 tàu hàng vi phạm lệnh phong tỏa khi vào cảng cũng như ra khỏi cảng. Tuy nhiên, theo báo cáo chính thức của hải quan thì tổng số các tàu vào cảng và ra khỏi cảng chỉ là 322. Trong số này có 119 chiếc đã ra khơi *trước khi* tuyên bố phong tỏa, 56 chiếc - *trước khi* hết thời hạn quy định 15 ngày. Còn lại 147 tàu. Trong số 147 tàu có 25 chiếc là tàu đường sông chạy từ các vùng trong nước tới Tân Oóc-lê-ăng, là nơi các tàu này đậu lại; 106 chiếc là tàu chạy ven biển, và tất cả, trừ ba chiếc, theo lời của chính ngài *Mê-dôn*, đều là các tàu "quasi inland"^{1*}. Trong số 106 tàu này có 66 chiếc chạy giữa Mô-bin và Tân Oóc-lê-ăng. Bất kỳ ai biết các vùng bờ biển này đều hiểu rằng thật là vô lý nếu coi sự đi lại của một con tàu nào đó trên các đầm phá, hầu như không bao giờ ra khơi xa, mà chỉ chạy ven bờ, là phá vỡ phong tỏa. Cũng có thể nói như vậy về những con tàu chạy giữa Xa-van-na và Sác-lơ-xton, là nơi chúng chạy qua giữa các đảo và các doi đất hẹp gần bờ biển. Theo chứng cứ của lãnh sự Anh Ban-sơ thì những tàu đầy bằng chỉ xuất hiện ở ngoài khơi ít ngày. Trừ 106 tàu chạy ven biển, còn lại 16 chiếc đã bơi đến các cảng nước ngoài, trong số đó 15 chiếc đến các cảng của Mỹ, chủ yếu là đến Cu Ba,

1* - "gần như chỉ dùng được cho thủy vận nội bộ trong nước".

và 1 chiếc - đến Li-vóc-pun. Chiếc "tàu biển" đã bơi đến Li-vóc-pun là chiếc tàu buôn cũng giống hệt như tất cả các "tàu" khác, trừ có một chiếc tàu hộ tống.

Người ta đã nói nhiều, - ngài Pho-xơ thốt lên, - về cuộc phong tỏa tưởng tượng. Nhưng há không phải là tưởng tượng cả cái bản danh mục mà các ngài *I-an-xi* và *Man* đã đưa ra? Ông ta cũng đã phân tích như vậy đối với bản danh mục bổ sung của ngài *Mê-dôn* và chỉ thêm ra rằng số tuần dương thoát khỏi phong tỏa chỉ là 3 hoặc 4 chiếc, trong khi đó trong cuộc chiến tranh Anh - Mỹ²⁹⁵ gần đây đã có không dưới 516 tàu tuần dương của Mỹ phá vỡ cuộc phong tỏa của Anh và quấy nhiễu bờ biển Anh. "Ngược lại, cuộc phong tỏa này đã đặc biệt có hiệu quả, bắt đầu từ thời điểm tuyên bố nó".

Báo cáo của các lãnh sự Anh, và đặc biệt là các biểu giá ở miền Nam đã cung cấp những chứng cứ tiếp theo. Ngày 11 tháng Giêng, tiền thưởng cho việc chuyển chỗ bông vào nước Anh đã đạt tới 100% ở Tân Oóc-lê-ăng, lợi nhuận nhập muối - 1 500 %, còn lợi nhuận do buôn lậu qua quân đội đã cao hơn rất nhiều. Mặc dù triển vọng lợi nhuận hấp dẫn như vậy, nhưng đã không thể vận chuyển bông vào nước Anh, cũng như muối đến Tân Oóc-lê-ăng hoặc Sác-lơ-xton. Thực ra ngài Grê-gô-ri than phiền không phải là ở chỗ cuộc phong tỏa đã không có hiệu quả, mà là ở chỗ cuộc phong tỏa đã quá có hiệu quả. Ông ta kêu gọi chúng ta chấm dứt cuộc phong tỏa và bằng cách đó chấm dứt sự đình đốn công nghiệp và thương mại. Chỉ cần hỏi: "Ai đã đề nghị nghị viện phá vỡ cuộc phong tỏa? Các đại biểu của những vùng nghèo khổ chăng? Phải chăng lời kêu gọi này được phát đi từ *Man-se-xơ*, nơi đang buộc phải đóng cửa các công xưởng, hay là từ *Li-vóc-pun*, nơi các tàu hàng đang đậu trong các bến vì không có hàng để chở? Ngược lại. Nó được phát ra từ *Hô-lu-ây* và được *Noóc-phôn-cơ* ủng hộ".

Trong số những người bạn của phái li khai đáng chú ý còn có ngài *Lin-xi*, một nhà đóng tàu nổi tiếng từ Bắc Sin-xơ cũng thu

hút sự chú ý về mình. Lin-xi đã đề nghị Liên bang sử dụng những xưởng sửa tàu của mình và nhằm mục đích đó ông ta đã thực hiện chuyến đi đến Oa-sinh-tơn, ở đó ông ta đã không thành công do những đề nghị làm ăn của ông ta đã bị thoái thác. Từ đó ông ta hướng thiện cảm của mình vào đất nước của phái ly khai.

Các cuộc tranh luận đã kết thúc bằng bài diễn văn dài dòng của ngài *R.Pan-mơ*, cố vấn trưởng pháp luật, phát biểu thay mặt chính phủ. Với căn cứ pháp lý, ông ta đã chứng minh tác dụng và hiệu quả của cuộc phong tỏa theo quan điểm luật pháp quốc tế. Đồng thời ông ta thực tế đã đập tan tành, như huân tước Xê-xin đã trách móc ông ta, "những nguyên tắc mới" mà tuyên ngôn Pa-ri năm 1856 đã tuyên bố. Thêm nữa, ông ta đã tỏ ra ngạc nhiên rằng ngài Grê-gô-ri và những người cùng phe cánh tại Nghị viện Anh lại cho phép mình viện đến uy tín của ngài *Ốt-phây*. Thực tế đó là cái "uy tín" sốt dẻo, được phát hiện ra trong phe Bô-na-pác-tơ. Các bài báo của Ốt-phây trong "Revua contemporaine"²⁹⁶ về luật biển của các nước trung lập chứng tỏ hoặc là sự dốt nát hoàn toàn, hoặc là mauvaise foi^{1*} theo lệnh trên.

Tất cả những tính toán nhằm phá vỡ các mối quan hệ giữa Anh và Hợp chúng quốc đều đã tiêu tan cùng với sự thất bại hoàn toàn của những nghị sĩ, bạn của phái ly khai trong vấn đề phong tỏa.

*Do C.Mác viết ngày 8 tháng Ba 1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 70, ngày
12 tháng Ba 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

1* - ý đồ thâm độc

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

NỘI CHIẾN Ở MỸ

Dù xét cuộc Nội chiến ở Mỹ theo quan điểm nào, nó cũng là một bức tranh chưa từng có trong biên niên sử quân sự. Quy mô to lớn của lãnh thổ mà vì nó cuộc chiến tranh được tiến hành; chiều dài của trận tuyến, số lượng đông đảo của những đạo quân thù địch nhau - mà khi xây dựng những đạo quân này vị tất đã có thể dựa trên một cơ sở tổ chức nào đó có sẵn từ trước, những chi phí có tính chất huyền thoại để nuôi dưỡng những đạo quân ấy; phương thức lãnh đạo chúng và những nguyên tắc chiến thuật và chiến lược chung của sự điều hành chiến tranh - tất cả những cái đó đều hoàn toàn mới đối với người quan sát châu Âu.

Âm mưu li khai, được tổ chức từ lâu trước khi bắt đầu chiến tranh và được chính phủ Biu-kê-nen bảo trợ và ủng hộ, đã đem lại cho miền Nam khả năng chiếm được ưu thế đầu tiên mà chỉ có nhờ đó nó mới có thể hy vọng đạt được mục đích của mình. Bị người nô lệ cư trú trên lãnh thổ của nó và một bộ phận lớn chính ngay những người da trắng muốn duy trì Liên bang đe dọa, có một số dân tự do ít hơn miền Bắc hai phần ba, nhưng lại sẵn sàng tấn công hơn nhờ có nhiều kẻ ăn không ngồi rồi phiêu lưu ẩn náu trên lãnh thổ của nó, miền Nam chỉ có thể đạt được thắng lợi trong trường hợp tấn công nhanh, dũng cảm gần như táo bạo. Nếu người miền Nam chiếm được Xanh-Lu-i, Xin-xin-na-ti, Oa-sinh-tơn, Ba-ti-mo và có lẽ cả Phi-la-đen-phi-a, thì chắc họ có

thể tính đến một tình trạng hoảng loạn, mà trong thời gian hoảng loạn này thì ngoại giao và hối lộ sẽ có thể bảo đảm việc thừa nhận nền độc lập của tất cả các bang chiếm hữu nô lệ. Còn trong trường hợp cuộc tấn công đầu tiên này thất bại, ít ra là ở những điểm quyết định, thì tình thế của họ ắt không tránh khỏi ngày càng xấu đi, đồng thời miền Bắc lại mạnh lên. Tình hình đó đã được những người tổ chức âm mưu li khai theo tinh thần thật sự của phái Bô-na-pác-tơ đánh giá đúng. Họ đã mở chiến dịch một cách tương ứng. Những băng mao hiểm của họ lao vào Mi-su-ri và Tê-nê-xi, trong khi những đội quân chính quy lớn tấn công vào Đông Viéc-gi-ni-a, và chuẩn bị coup de main^{1*} chống Oa-sinh-tơn. Thất bại của cuộc tấn công này *xét theo quan điểm quân sự* có nghĩa là toàn bộ chiến dịch của người miền Nam đã thất bại.

Miền Bắc bước vào chiến tranh một cách miễn cưỡng, uể oải; trong điều kiện phát triển công nghiệp và thương mại cao hơn của nó chắc chắn là nó chỉ có thể làm như thế. Cơ chế xã hội ở đây phức tạp hơn ở miền Nam nhiều, và cần có nhiều thời gian hơn để hướng sự vận động của nó theo con đường không bình thường ấy. Việc chiêu mộ quân tình nguyện thời hạn ba tháng là một sai lầm lớn, nhưng có lẽ không tránh khỏi. Chính sách của miền Bắc là làm sao để trong những thời gian đầu tự giới hạn trong việc phòng thủ ở tất cả các điểm quyết định, tổ chức lực lượng của mình, huấn luyện những lực lượng này qua những hoạt động quy mô không lớn, không mạo hiểm đi vào những trận đánh quyết định, và cuối cùng, một khi tổ chức đã khá mạnh, và quân đội đồng thời đã thanh trừ ít nhiều được những phần tử phản bội thì chuyển sang tấn công kiên quyết một cách liên tục và, trước hết, giành lại Kê-nắc-ki, Tê-nê-xi, Viéc-gi-ni-a và Bắc Ca-rô-lin.

^{1*} - đòn đột kích

Việc chuyển các công dân thành người lính ở miền Bắc ắt phải mất nhiều thời gian hơn miền Nam. Nhưng một khi đã chuyển được như vậy thì có thể tính đến tính ưu việt cá nhân của người miền Bắc.

Xét một cách tổng quát, trừ đi những sai lầm do nguyên nhân chính trị hơn là quân sự gây ra, thì miền Bắc đã hành động phù hợp với những nguyên tắc đã nêu ở trên. Cuộc chiến tranh nhỏ ở Mi-su-ri và Tây Viéc-gi-ni-a, bên cạnh việc bảo vệ nhân dân trung thành với miền Bắc, trong thời gian đó đã làm cho quân đội quen với chiến trận và lửa đạn mà không đẩy họ vào nguy cơ của những thất bại nghiêm trọng. Nổi nhục ở Bun-Ran²⁹⁷ trên mức độ nào đó là kết quả của sai lầm trước đây của việc tuyển mộ quân tình nguyện thời hạn ba tháng. Thật là ngu xuẩn khi ném những quân tình nguyện không được huấn luyện vào một cuộc tấn công trực diện chống lại một vị trí mạnh, ở một địa điểm không thuận lợi, trong điều kiện kẻ thù chỉ kém họ rất ít về số lượng. Sự hoảng loạn vào lúc quyết định của quân đội Liên bang, sự hoảng loạn đến nay chưa được giải thích rõ, không thể làm cho những ai hiểu biết chút ít về lịch sử các cuộc chiến tranh nhân dân, phải ngạc nhiên. Những điều như vậy rất thường xảy ra với quân đội Pháp những năm 1792 - 1795, nhưng điều đó đã không ngăn cản chính những quân đội ấy giành thắng lợi ở Giê-máp-pơ và Phơ-lơ-ruýt, Mông-tê-nốt-tơ, Ca-xti-ông và Ri-vô-li²⁹⁸. Chỉ mỗi một hoàn cảnh có thể tha thứ cho những sự chế giễu tầm thường của báo chí châu Âu về cuộc hỗn loạn ở Bun-Ran, đó là sự khoác lác trước đó của một bộ phận báo chí Bắc Mỹ.

Cuộc đình chiến sáu tháng tiếp sau thất bại ở Ma-nát-xát đã được miền Bắc tiến hành tốt hơn miền Nam. Điều đó thể hiện không chỉ ở chỗ quân đội miền Bắc đã được bổ sung nhiều hơn nhiều so với quân đội miền Nam. Sĩ quan của họ đã được giao những chỉ thị đúng đắn hơn; kỷ luật và việc huấn luyện quân đội của họ không vấp phải những trở ngại như ở miền Nam. Những

kẻ phản bội và những phần tử không thích hợp len lỏi vào quân đội dần dần bị loại và thời kỳ kinh hoàng Bun-Ran đã lùi vào quá khứ. Dĩ nhiên, không nên xem xét đạo quân của cả hai bên theo thước đo của những quân đội lớn ở châu Âu, hay dù chỉ theo thước đo của quân đội chính quy trước kia của Hợp chúng quốc. Na-pô-lê-ông thực sự đã có thể tổ chức xong trong vòng tháng đầu một tiểu đoàn những tân binh chưa được huấn luyện thành những đơn vị huấn luyện dự bị, sang tháng thứ hai cho họ lên đường và đến tháng thứ ba thì đưa họ ra chiến đấu, nhưng trong trường hợp ấy, mỗi tiểu đoàn đã có được đủ số lượng sĩ quan và hạ sĩ quan có kinh nghiệm, mỗi đại đội có một số binh lính cũ và vào ngày chiến đấu thì những đội quân trẻ gia nhập vào các lữ đoàn cùng với những binh lính kỳ cựu và có thể nói là dùng họ làm khung. Tất cả những điều kiện ấy ở Mỹ đều không có. Không có một số lượng lớn những người có kinh nghiệm quân sự nhập cư vào Mỹ sau các cuộc chấn động cách mạng ở châu Âu những năm 1848 - 1849, thì việc tổ chức quân đội Liên bang chắc là đòi hỏi một thời gian lâu hơn nhiều. Số thương vong rất ít so với tổng số người tham gia chiến đấu (thường là tỷ lệ một trên hai mươi) chứng tỏ trong đa số các cuộc đụng độ, thậm chí trong những cuộc chiến đấu vừa qua ở Kên-tắc-ki và Tê-nê-xi, chủ yếu người ta đã sử dụng hỏa khí, hơn nữa lại ở một khoảng cách khá xa, còn những cuộc tấn công ngẫu nhiên bằng lưỡi lê thì hoặc là lập tức bị hỏa lực của đối phương chặn lại, hoặc là đuổi đối phương bỏ chạy trước khi tình thế đi đến đánh giáp lá cà. Trong khi đó, nhờ cuộc tiến quân thắng lợi của Buy-lơ và Ha-lếch qua Kên-tắc-ki đến Tê-nê-xi mà chiến dịch mới đã bắt đầu với những dấu hiệu thuận lợi hơn.

Sau khi lấy lại Mi-su-ri và Tây Viéc-gi-ni-a, Liên bang đã mở chiến dịch tấn công Kên-tắc-ki. Ở đây phái li khai giữ ba trận địa mạnh, ba doanh trại có công sự: Cô-lôm-bút ở Mít-xi-xi-pi - bên cánh trái, Bao-linh-Grin ở giữa và Mìn-Xơ-rinh-xơ trên sông

Cam-béc-len ở bên cánh phải. Mặt trận của họ kéo dài 300 dặm từ tây sang đông. Mặt trận kéo dài như vậy làm cho ba nhóm quân đội ấy mất khả năng ứng cứu nhau và cho phép phái liên bang tấn công vào mỗi nhóm tách riêng ra bằng những lực lượng trội hơn. Sai lầm nghiêm trọng trong sự bố trí quân đội của phái li khai bắt nguồn từ mưu toan của họ muốn nắm giữ trong tay mình tất cả các vị trí. Doanh trại có công sự mạnh duy nhất ở giữa, nơi có thể dùng làm địa điểm diễn ra trận đánh quyết định và gần khối quân chủ lực, thì hết sức thích hợp để phòng thủ Kên-tắc-ki. Hoặc là nó sẽ thu hút về phía mình những lực lượng chủ yếu của phái liên bang hoặc là nó sẽ đặt họ trong tình thế nguy khốn, nếu như họ tìm cách tiến lên mà không tính đến sự tập trung mạnh như vậy của quân địch.

Trong những hoàn cảnh đó phái liên bang đã quyết định lần lượt tấn công ba doanh trại ấy, thúc đối phương phải xuất trận và nó buộc phải chấp nhận chiến đấu ở nơi trống trải. Kế hoạch này đáp ứng mọi quy tắc của nghệ thuật quân sự, đã được thực hiện nhanh chóng và kiên quyết. Khoảng giữa tháng Giêng, quân đội của phái liên bang với số quân gần 15 000 người tiến đến Min-Xpơ-rinh-xơ, nơi có 10 000 quân thuộc phái ly khai. Phái liên bang vận động nhằm tạo ra cho đối phương có ấn tượng tựa hồ trước mắt nó chỉ là một đội trình sát yếu. Tướng Xô-li-cô-phơ đã lập tức rơi vào bẫy, ông đã ra khỏi doanh trại có công sự của mình và tấn công quân liên bang. Ông ta nhanh chóng nhận ra rằng ông ta vấp phải những lực lượng đông hơn của đối phương. Ông ta đã tử trận, còn quân đội của ông ta thì đã bị thất bại nặng nề như thất bại của phái liên bang ở Bun-Ran. Nhưng lần này chiến thắng đã được sử dụng một cách hoàn toàn khác. Những người chiến thắng đã đuổi sát từng bước đội quân bại trận cho đến khi đội quân này chưa về tới doanh trại của mình ở Min-Xpơ-rinh-xơ mà đã bị đập tan, mất tinh thần, không còn pháo binh dã chiến và đoàn vận tải. Doanh trại này được bố trí ở bờ

bắc sông Cam-béc-len, khiến cho trong trường hợp bị thất bại mới, quân đội sẽ không có con đường nào khác để rút lui, ngoài con đường vượt qua sông trên một ít chiếc tàu và thuyền buồm. Nói chung chúng tôi thấy rằng phái ly khai đã bố trí hầu như tất cả các doanh trại của họ trên bờ sông *phía kẻ thù*. Cách bố trí như vậy không chỉ đúng quy tắc và còn rất lợi khi ở phía sau có cầu. Trong trường hợp như vậy doanh trại sẽ là một công sự đầu cầu và đem lại cho chỉ huy khả năng tùy ý ném đội quân của mình sang bất cứ bờ nào của sông, do đó bảo đảm hoàn toàn chế ngự con sông đó. Nhưng trái lại, doanh trại nằm ở phía sông của kẻ địch mà không có cầu ở phía sau thì trong trường hợp địch thua trận sẽ cắt đứt con đường rút lui và buộc các đội quân phải đầu hàng hay đẩy họ tới chỗ bị tiêu diệt và chết đuối dưới nước như đã xảy ra đối với quân liên bang ở Bôn-xơ-Bla-phơ trên sông Pô-tô-mác thuộc phía địch, nơi mà sự phản bội của tướng Xtôn²⁹⁹ đã dẫn họ tới.

Đến được doanh trại của mình ở Min-Xpơ-rinh-xơ, quân ly khai bại trận lập tức nhận ra rằng hoặc là phải phản kích lại cuộc tấn công của địch tại công sự của chúng, hoặc là nhanh chóng đầu hàng chúng. Sau bài học nhận được buổi sáng, họ đã không còn tin ở lực lượng phản kháng của mình nữa. Và khi phái liên bang tấn công vào ngày hôm sau thì họ phát hiện ra rằng kẻ thù đã lợi dụng ban đêm để vượt qua sông, để lại bên kia sông doanh trại, đoàn vận tải, pháo binh và mọi thứ dự trữ. Như vậy, sườn xa nhất bên phải của tuyến phòng thủ của phái ly khai đã bị đẩy lùi về phía Tê-nê-xi và Đông Kên-tắc-ki - mà tại đó đông đảo dân cư có tinh thần thù địch với đảng chủ nô, - lại lần nữa lọt vào tay phái liên bang.

Vào thời gian ấy - khoảng giữa tháng Giêng - đã bắt đầu việc chuẩn bị đẩy phái ly khai khỏi Cô-lôm-bút và Bao-linh-Grin. Một hạm đội mạnh gồm những chiếc tàu thủy có súng cối và những chiếc tàu bọc sắt có đại bác đã được chuẩn bị sẵn sàng, hơn nữa

đâu đâu cũng có tin rằng hạm đội này phải hộ tống một đạo quân đông đảo tiến dọc sông Mít-xi-xi-pi từ Cai-rô đến Mem-phi-xơ và Tân Ốc-lê-ăng. Nhưng tất cả các cuộc biểu dương ở Mít-xi-xi-pi đều chỉ là nghi binh. Vào lúc quyết định, tàu chở đại bác được đưa qua sông Ô-hai-ô, và từ đó qua sông Tên-nê-xi để đi lên pháo đài Hen-ri. Điểm này cùng với pháo đài Đô-nen-xơn trên sông Cam-béc-len là tuyến phòng thủ thứ hai của phái ly khai ở Tên-nê-xi. Vị trí được chọn đúng, bởi vì trong trường hợp rút lui về phía sau Cam-béc-len, thì con sông này sẽ che chở trận tuyến của họ; dải đất hẹp giữa hai con sông đã được bảo vệ khá chu đáo bởi hai pháo đài nói ở trên. Nhưng bằng những hành động nhanh chóng của phái liên bang, tuyến thứ hai đã bị chọc thủng trước khi sườn trái và trung tâm của tuyến thứ nhất bị tấn công.

Tuần đầu tháng Hai, tàu đại bác của phái liên bang xuất hiện trước pháo đài Hen-ri, pháo đài này thất thủ sau một trận bắn phá ngắn. Lính đồn trú lánh sang pháo đài Đô-nen-xơn, vì lực lượng bộ binh của đơn vị chinh phạt không đủ để bao vây pháo đài Hen-ri. Sau đó, tàu đại bác quay trở về theo sông Tên-nê-xi, ngược lên theo sông Ô-hai-ô, từ đó đi lên phía trên, theo sông Cam-béc-len hướng tới pháo đài Đô-nen-xơn. Một trong số tàu đại bác tảo bạo bơi lên dọc sông Tên-nê-xi, qua chính ngay trung tâm bang Tên-nê-xi, bỏ qua bang Mít-xi-xi-pi và tiến tới Phlo-ren-xơ ở phía Bắc A-la-ba-ma, tại đó nhiều bãi lầy và chỗ cạn (thường gọi là Mussel Shoals^{1*}) làm cho tàu bè không thể đi lại trên sông được. Tàu đại bác một mình làm cuộc hành trình dài ấy, không dưới 150 dặm, và sau đó quay trở lại mà không lúc nào bị tấn công, điều đó chứng tỏ rằng trong khu vực sông, dân cư có tinh thần ủng hộ liên bang và quân đội liên bang được lợi rất nhiều, nên họ đi sâu vào đó.

1* - Ma-xơn-Sôn-xơ (bãi đá)

Ở Cam-béc-len, đoàn tàu đường sông đã phối hợp hành động với lực lượng bộ binh, do tướng Ha-lếch và Gran-tơ chỉ huy. Phái ly khai ở Bao-linh-Grin bị đánh lừa về các cuộc vận động của phái liên bang. Họ tiếp tục án binh bất động trong doanh trại của mình, trong khi đó một tuần sau khi pháo đài Hen-ri thất thủ thì pháo đài Đô-nen-xơn bị bao vây trên bộ bởi đạo quân gồm 40 000 quân liên bang, còn từ phía sông thì nó bị một đội giang thuyền gần đại bác mạnh uy hiếp. Cũng giống như doanh trại ở Min-Xpơ-rinh-xơ và pháo đài Hen-ri, pháo đài Đô-nen-xơn đã bị sông chặn phía sau mà không có cầu để rút lui. Đó là pháo đài mạnh nhất trong tất cả những pháo đài mà phái liên bang đã tấn công từ trước đến nay. Công sự của pháo đài đã được xây dựng hết sức cẩn thận, và bản thân pháo đài thì khá lớn để đồn trú được một số quân 20 nghìn người. Ngày thứ nhất của cuộc tấn công, pháo thuyền đã buộc các dàn pháo hướng ra sông phải câm họng và đã bắn phá các công sự bên trong, trong khi các đội bộ binh đẩy lui các tiền đồn của địch và buộc khối quân chủ lực của địch phải lẩn tránh trực tiếp dưới sự bảo vệ của pháo trong pháo đài. Ngày thứ hai, các pháo thuyền bị tổn hại nặng ngày hôm trước hình như đã hoạt động yếu đi. Trái lại, các đội bộ binh phải tiến hành một trận đánh kéo dài và có nơi rất nóng bỏng với những toán quân đồn trú tìm cách chọc thủng cánh phải của địch để mở cho mình một con đường rút lui về Nát-vin. Tuy nhiên, cuộc tấn công dữ dội chống lại cánh trái của phái ly khai do chính cánh phải của phái liên bang tiến hành và những chi viện lớn mà cánh trái của phái liên bang nhận được đã quyết định kết cục cuộc chiến có lợi cho bên tấn công. Một số công sự bên ngoài bị chiếm bằng một đợt xung phong. Quân đồn trú bị đẩy vào sau tuyến phòng thủ bên trong, mà không có cơ hội rút lui và rõ ràng không có khả năng chống lại một cuộc tấn công mới vào sáng hôm sau, đã đầu hàng không điều kiện trong ngày tiếp theo.

Với sự thất thủ của pháo đài Đô-nen-xơn, pháo binh, đoàn vận

tải, kho dự trữ quân sự của địch đã rơi vào tay phái liên bang; 13 000 quân ly khai đầu hàng trong ngày chiếm pháo đài, còn 1 000 người nữa thì ngày hôm sau, và một khi những đơn vị tiền quân của người chiến thắng xuất hiện ở Clác-vin, một thành phố nằm trên sông Cam-béc-len, thì thành phố này mở cửa ngay cho họ. Ở đây cũng có một số lượng lớn dự trữ lương thực chuẩn bị sẵn cho phái ly khai.

Trong việc chiếm pháo đài Đô-nen-xơn chỉ có một tình huống khó đoán ra: việc tướng Phlôi-đơ cùng với 5 000 quân bỏ chạy ngày hôm thứ hai sau khi cuộc bắn phá bắt đầu. Số người bỏ chạy quá lớn để có thể bí mật lên xuống tàu vào ban đêm. Với những biện pháp phòng ngừa nào đó của phía những người tấn công thì họ không thể đi thoát được.

Sáu ngày sau khi pháo đài Đô-nen-xơn đầu hàng, phái liên bang đã chiếm giữ Nát-vin. Khoảng cách giữa hai điểm này gần 100 dặm Anh, và cuộc hành quân 15 dặm mỗi ngày theo những con đường thảm hại trong thời tiết không thuận lợi nhất đã đem lại vinh dự cho quân đội liên bang. Khi biết tin pháo đài Đô-nen-xơn thất thủ, phái ly khai rút sạch khỏi Bao-linh-Grin; sau một tuần họ rời bỏ Cô-lôm-bút, rút về một trong những hòn đảo của Mít-xi-xi-pi, cách phía nam 45 dặm. Như vậy, Kên-tắc-ki hoàn toàn bị Liên bang lấy lại. Còn Tên-nê-xi thì phái ly khai chỉ có thể giữ được nếu họ tiến hành một trận đánh lớn và thắng trận. Nhằm mục đích ấy họ tựa hồ đã thực sự tập trung được 65 000 quân. Nhưng không có gì cản trở phái liên bang đem một lực lượng lớn hơn chống lại họ.

Sự chỉ huy chiến dịch ở Kên-tắc-ki trong thời gian tiến quân từ Xô-móc-xét đến Nát-vin rất đáng khen. Việc thu hồi lại một vùng rộng lớn đến như vậy, cuộc tiến quân từ Ô-hai-ô đến Cam-béc-len trong vòng chỉ một tháng chứng tỏ một nghị lực, một quyết tâm và một sự nhanh chóng mà ít khi quân đội chính quy ở châu Âu

đạt được. Hãy so sánh, chẳng hạn, cuộc tiến quân chậm chạp của phe liên bang từ Mát-gien-ta đến Xôn-phe-ri-nô năm 1859³⁰⁰ - mà không truy kích kẻ thù đang rút lui, không có ý định cắt đứt những kẻ rút chậm hay đánh bọc và bao vây từng đơn vị quân đội của kẻ thù.

Ha-lếch và nhất là Gran-tơ là những tấm gương tốt về chỉ huy quân sự kiên quyết. Không may may chú ý đến Cô-lôm-bút hay Bao-linh-Grin, họ đã tập trung lực lượng của mình vào những điểm chủ yếu - pháo đài Hen-ri và pháo đài Đô-nen-xơn, - nhanh chóng và kiên quyết tấn công chúng và chính bằng cách đó mà đặt Cô-lôm-bút và Bao-linh-Grin vào tình thế không có lối thoát. Sau đó họ lập tức tiến đến Clác-vin và Nát-vin mà không để cho quân đội rút lui của phái ly khai có thì giờ được tăng cường ở Bắc Tên-nê-xi. Trong thời gian truy kích nhanh chóng này, một bộ phận quân của phái ly khai ở Cô-lôm-bút hoàn toàn bị cắt đứt khỏi trung tâm và cánh phải quân đội của mình. Báo Anh đã phê phán hoạt động đó một cách thiếu căn cứ. Nếu như ngay cả cuộc tấn công vào pháo đài Đô-nen-xơn đã không thành công, thì phái ly khai ở Bao-linh-Grin bị quân của tướng Buy-lơ trói chặt cũng vẫn không thể phái một số lượng quân đủ để khiến cho quân đồn trú có khả năng truy đuổi quân Liên bang (đã bị đánh lui) ở một địa điểm trống trải hay uy hiếp sự rút lui của họ. Còn Cô-lôm-bút thì ở khá xa cho nên không có cách nào để cản đường tiến của Gran-tơ. Trên thực tế, sau khi phái liên bang đuổi phái ly khai khỏi Mi-su-ri thì Cô-lôm-bút đã mất hết mọi ý nghĩa đối với phái này. Quân đội đồn trú của nó ắt phải hết sức vội vã lùi về Memphi-xơ hay Ác-can-da-xơ để tránh nguy cơ đầu hàng nhục nhã.

Do đã tảo thanh bang Mi-su-ri và giành lại được bang Kên-tắc-ki cho nên chiến trường thu hẹp lại đến mức các đạo quân khác nhau đã có khả năng hoạt động chung ở một mức độ nhất định trên toàn chiến tuyến và đạt được những kết quả nhất định. Nói cách khác, chiến tranh giờ đây mới bắt đầu mang tính chất *chiến lược*,

và địa hình của đất nước có một ý nghĩa mới. Nhiệm vụ của các tướng lĩnh quân đội miền Bắc giờ đây là tìm cho ra cái gót A-sin của các bang trồng bông.

Trước khi chiếm Nát-vin, giữa quân đội Kên-tắc-ki và quân đội ở Pô-tô-mác không thể có điểm chung nào về chiến lược. Chúng ở cách nhau quá xa. Chúng nằm trên cùng một trận tuyến, nhưng chiến tuyến của chúng lại hoàn toàn khác nhau. Chỉ sau khi tiến quân thắng lợi vào Tê-nê-xi thì hoạt động của quân đội Kên-tắc-ki mới có ý nghĩa đối với toàn chiến trường.

Báo Mỹ chịu ảnh hưởng của Mác-Cli-lân làm âm lên xung quanh kế hoạch "A-na-côn-đa". Theo kế hoạch này, thì một tuyến quân lớn phải bao vây bốn phía loạn, ngày càng thắt chặt dần những khâu của mình lại và, rốt cuộc, bóp nghẹt kẻ thù. Đó chỉ là trò trẻ con thuần tuý. Đó là sự khôi phục cái gọi là "*hệ thống tuyến bọc quanh*"³⁰¹ phát minh ra ở Áo vào khoảng năm 1770, hệ thống này được áp dụng một cách hết sức kiên trì và bao giờ cũng rất không thành công trong những năm 1792 - 1797 chống lại quân Pháp. Ở Giê-máp-pơ, Phơ-lơ-ruýp và nhất là ở Mông-tê-nốt-tơ, Min-lơ-di-mô, Đê-gô³⁰², Ca-xchi-ông và Ri-vô-li, hệ thống đó đã bị kết liễu. Người Pháp đã chia cắt "A-na-côn-đa" ra làm hai, họ đánh vào một điểm mà họ tập trung những lực lượng trội hơn hẳn. Sau đó lần lượt bằm vằm từng phần riêng biệt của "A-na-côn-đa".

Ở những quốc gia có mật độ dân số đông đúc và ít nhiều tập trung thì bao giờ cũng có một trung tâm mà nếu kẻ thù chiếm được thì có nghĩa là chấm dứt cuộc kháng chiến của dân tộc. Một ví dụ rõ ràng là Pa-ri. Nhưng ở các bang chiếm hữu nô lệ không có một trung tâm như vậy. Ở đây dân số thưa thớt, có ít thành phố lớn, hơn nữa, những thành phố này lại nằm ở bờ biển. Thử hỏi: ở đây có một trung tâm hấp dẫn quân sự nào mà cùng với sự thất thủ của nó thì xương sống đề kháng của các bang này sẽ

bị đập tan hay không, hay là giống như nước Nga năm 1812, các bang này không thể bị chiếm nếu không chiếm được mỗi làng và mỗi mảnh đất - nói tóm lại, không chiếm toàn bộ vùng ngoại vi?

Hãy nhìn vào hình dáng địa lý của những lãnh thổ ly khai với dải bờ biển dài của nó dọc Đại Tây Dương và với dải bờ biển cũng dài như vậy dọc vịnh Mê-hi-cô. Chừng nào phái liên bang còn nắm trong tay Kên-tắc-ki và Tê-nê-xi, thì lãnh thổ mà họ nắm giữ hợp thành một khối lớn đông đặc. Mất hai bang đó thì trong lãnh thổ của họ sẽ có một cái nê-m lớn cắm vào, tách các bang ở bờ biển phía bắc Đại Tây Dương khỏi các bang ở trên bờ vịnh Mê-hi-cô. Con đường thẳng từ Viéc-gi-ni-a và hai xứ Ca-rô-lin đến Têch-dát, Lu-i-di-a-na, Mít-xi-xi-pi và một phần cả đến A-la-ba-ma đi qua Tê-nê-xi, mà hiện nay đã bị phái liên bang chiếm giữ. Con đường *duy nhất* mà sau khi phe liên bang hoàn toàn chiếm Tê-nê-xi, sẽ nối liền cả hai nhóm bang chiếm hữu nô lệ, đi qua Gioóc-gi-a. Điều đó chứng tỏ rằng *Gioóc-gi-a là chìa khoá cho lãnh thổ của phái ly khai*. Mất Gioóc-gi-a thì Liên minh bị cắt làm hai phần tách rời nhau. Còn lấy lại Gioóc-gi-a thì phái ly khai hầu như không thể làm được, bởi vì lực lượng chiến đấu của phái liên bang ắt đã tập trung vào một điểm trung tâm trong khi kẻ thù của họ bị phân làm hai phe ắt không thể tập hợp được đủ lực lượng để tổng tấn công.

Liệu có cần giành lấy toàn bộ Gioóc-gi-a, kể cả vùng bờ biển Phlo-ri-đa, để tiến hành một hoạt động như vậy không? Hoàn toàn không. Trong một đất nước mà giao thông, đặc biệt là giữa các điểm xa xôi, phụ thuộc trên mức độ rất lớn vào đường sắt, hơn là vào đường bộ, thì chỉ cần nắm lấy đường sắt là đủ. Tuyến đường sắt chính phía sau nối liền các bang nằm trên bờ vịnh Mê-hi-cô và bờ Đại Tây Dương đi xuyên qua Mai-côn và Goóc-đôn ở Min-lơ-giơ-vin.

Việc chiếm cả hai điểm này ắt sẽ chia cắt lãnh thổ của phái ly

khai thành hai bộ phận và đem lại cho phái liên bang khả năng lần lượt đánh bại bộ phận này đến bộ phận kia. Từ những điều đã nói ở trên cũng thấy được rằng không một nước cộng hòa miền Nam nào có sức sống mà không chiếm giữ Tên-nê-xi. Không có Tên-nê-xi thì thủ đô Gioóc-gi-a ắt sẽ cách xa biên giới chỉ tám hoặc mười ngày đường, lúc đó miền Bắc ắt sẽ thường xuyên giơ nắm đấm trên đầu miền Nam, và chỉ cần bóp khẽ là miền Nam ắt phải lùi bước, hoặc lại lần nữa bắt đầu cuộc đấu tranh cho sự tồn tại của mình trong những điều kiện mà chỉ một thất bại cũng sẽ làm cho nó mất mọi cơ hội thắng lợi.

Từ tất cả những điều đã trình bày, chúng ta thấy:

Pô-tô-mác *không* phải là vị trí quan trọng nhất trên vũ đài hoạt động quân sự. Việc chiếm được Rích-mơn và việc đạo quân Pô-tô-mác tiến về phía nam - bị nhiều con sông cắt ngang đường tiến của nó gây khó khăn, - ắt có thể làm nảy sinh một hiệu quả tinh thần to lớn. Xét theo quan điểm thuần túy quân sự, điều đó sẽ *không* quyết định được gì.

Quyết định kết cục của chiến dịch phụ thuộc vào đạo quân Kên-tác-ki hiện đang ở Tên-nê-xi. Một mặt, đạo quân này ở gần những điểm quyết định hơn cả, mặt khác - nó nắm giữ một lãnh thổ mà không có lãnh thổ này thì nhà nước của phái ly khai không có khả năng tồn tại. Và vì vậy đạo quân này ắt phải được tăng cường trên lưng tất cả các đạo quân khác, bằng cách vì mục đích đó mà hy sinh tất cả các hoạt động nhỏ. Những đối tượng tấn công sắp tới của nó sẽ là Sát-ta-nu-ga và Đôn-tôn ở vùng Thượng Tên-nê-xi, tức những trung tâm đường sắt quan trọng nhất của toàn miền Nam. Sau khi chiếm được chúng thì liên lạc giữa các bang ly khai ở phía đông và phía tây ắt sẽ bị hạn chế ở những tuyến giao thông của Gioóc-gi-a. Nhiệm vụ tiếp theo là phải cắt một tuyến đường sắt khác bằng cách chiếm lấy Át-lan-ta và Gioóc-gi-a và, cuối cùng, là bằng cách chiếm lấy Mai-cơn và Goóc-đôn và thủ tiêu đường liên lạc cuối cùng giữa cả hai nhóm³⁰³.

Nếu không làm như vậy mà cứ thực thi kế hoạch "A-na-côn-đa" thì, bất chấp mọi thắng lợi ở những điểm riêng lẻ, ngay cả ở Pô-tô-mác, chiến tranh có thể kéo dài bất tận, đồng thời mở ra cho những khó khăn về tài chính và những mưu mô ngoại giao một không gian rộng lớn để phát triển.

Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Ba 1862

Đã đăng có lược bớt trên tờ "The Volunteer Journal, for Lancashire and Cheshire" số 80, ngày 14 tháng Ba 1862 và đăng toàn văn trên tờ "Die Presse" các số 84 và 85, ngày 26 và 27 tháng Ba 1862

In theo bản đăng trên báo, có đối chiếu với bản đăng trên tạp chí Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

VỤ GIAN LẬN QUỐC TẾ CỦA MI-RE-XO

Đề tài chính của các câu chuyện trong các giới ngoại giao ở đây là những hành động của Pháp ở Mê-hi-cô. Người ta lấy làm khó hiểu về một tình tiết là Lu-i Bô-na-pác-tơ đã tăng cường đội quân viễn chinh của mình đúng vào lúc ông ta hứa giảm bớt đội quân đó, cũng như một điều nữa là ông ta định tấn công trong khi nước Anh không giữ lời hứa như đã thỏa thuận từ trước. Ở đây người ta biết rất rõ rằng sự thúc đẩy tới cuộc chinh phạt Mê-hi-cô³⁰⁴ đã xuất phát từ Nội các Xanh-Giêm-xơ, chứ không phải từ Nội các Tuyn-lơ-ri. Người ta cũng biết rõ rằng Lu-i Bô-na-pác-tơ thiên về việc thực hiện các dự định của mình, đặc biệt là những cuộc phiêu lưu sang bên kia đại dương của mình, dưới sự bảo trợ của nước Anh. Để chế phục hưng, như người ta đã biết, còn chưa nắm được tài nghệ của đế chế trước trong việc phân bố các đơn vị Pháp ở các thủ đô của châu Âu hiện tại. Với tư cách là *pis aller*^{1*} nó đã đưa các đơn vị quân Pháp vào các thủ đô của châu Âu cổ - vào Công-xtăng-ti-nô-plơ, A-ten và La Mã, - hơn nữa, lại còn vào cả Bắc Kinh³⁰⁵. Vậy chẳng lẽ lại từ chối một cuộc dạo chơi đầy kịch tính vào thủ đô của người A-xte-cơ và

1* - phương sách cuối cùng, không còn cách nào hơn

một trường hợp thuận lợi đã xảy đến để làm cái việc sưu tầm khảo cổ quân sự à la^{1*} Mông-tô-băng³⁰⁶? Nhưng, nếu chú ý đến tình trạng hiện tại của nền tài chính Pháp và những cuộc xung đột nghiêm trọng trong tương lai với Hợp chúng quốc và Anh mà cuộc tấn công của Lu-i Bô-na-pác-tơ ở Mê-hi-cô có thể dẫn tới, thì ngay lập tức sẽ thấy rằng quyết không thể giải thích bước đi của ông ta bằng nguyên cớ nói trên, như các tờ báo Anh sẵn sàng giải thích như vậy. Tôi thiết nghĩ, tôi có thể thông báo cho các bạn đọc lời giải đó của vấn đề.

Trong thời gian có hiệp ước ngày 17 tháng Bảy 1861³⁰⁷, khi những đòi hỏi của các chủ nợ Anh cần phải được điều chỉnh, còn đại diện được uỷ quyền của Anh đồng thời đòi phải trình ông ta bảng kê tất cả các món nợ hoặc các khoản tội của Mê-hi-cô, thì bộ trưởng ngoại giao Mê-hi-cô đã xác định khoản nợ phải trả cho Pháp là 200 000 đô-la, tức là một món tiền mọn bằng 40 000 pao xtéc-linh. Con số mà Pháp đưa ra *bây giờ* lại không thể nào gói gọn trong khuôn khổ khoản tiền ít ỏi này.

Dưới thời Chính phủ Thiên chúa giáo, Xu-lô-ga và Mi-ra-môn đã ký kết hiệp định về phát hành công trái quốc gia Mê-hi-cô với tổng số tiền là 14 000 000 đô-la thông qua môi giới của nhà băng Thụy Sĩ Gi. B. Giéch-cơ và các công ty. Tổng số tiền thực hiện được trong lần phát hành đầu tiên các công trái này chỉ bằng năm phần trăm giá trị danh nghĩa, hoặc 700 000 đô-la. Tất cả công trái được phát ra đã rất nhanh chóng rơi vào tay những người Pháp cao cấp, trong đó kể cả thân quyến của hoàng đế, và những người tham dự vào "haute politique"^{2*}. Nhà băng Giéch-cơ và các công ty đã bán cho các ngài này những trái phiếu nói trên rẻ hơn nhiều so với giá danh nghĩa ban đầu của chúng.

1* - theo kiểu

2* - "chính trị cao cấp"

Mi-ra-môn đã ký món nợ này vào thời gian thủ đô còn nằm trong tay ông ta. Sau đó, khi ông ta trở thành một người chỉ huy bình thường của các đội quân du kích, thì thông qua cái gọi là bộ trưởng tài chính của mình, ông Pê-xa-i-Pê-xa, ông ta lại lần nữa ra lệnh phát hành công trái quốc gia với giá trị danh nghĩa là 38 000 000 đô-la. Người trung gian trong lần phát hành này cũng lại là nhà băng Giéch-cơ và các công ty, song lần này chỉ hạn chế các khoản tín dụng của mình trong số tiền ít ỏi khoảng 500 000 đô-la, hoặc 1 đến 2 phần trăm tính theo mỗi đô-la. Và các chủ nhà băng Thụy Sĩ lại lần nữa cố rũ bỏ càng nhanh càng hay tài sản Mê-hi-cô của mình, và các trái phiếu lại rơi vào tay những người Pháp cao cấp, trong đó kể cả một số khách quen của hoàng gia, mà tên tuổi của họ cũng sẽ sống lâu như vụ áp-phe của Mi-re-xơ trong biên niên sử của các sổ giao dịch chứng khoán châu Âu³⁰⁸.

Thế là cái món nợ 52 000 000 đô-la ấy - trong số đó cho đến nay thậm chí chưa được ứng 4 200 000 đô-la, - thì chính phủ của tổng thống Hoa-rét-xơ không chịu thừa nhận, một mặt viện cớ là nó không hề biết gì về món nợ này, mặt khác - viện cớ là các ngài Mi-ra-môn, Xu-lô-ga và Pê-xơ-i-Pe-xơ đã không có thẩm quyền hợp hiến để nắm một khoản công trái quốc gia như vậy. Nhưng những người Pháp "cao cấp" nói trên đã biết đưa quan điểm đối lập ra thông qua ở cấp quyết định. Về phần mình, huân tước Pan-móc-xơ đã được một số thành viên của nghị viện thông báo kịp thời rằng toàn bộ dự định này có thể dẫn đến những cuộc chất vấn vô cùng khó chịu ở Hạ nghị viện. Thêm nữa, cũng cần e ngại một vấn đề là liệu có được phép sử dụng các lực lượng lục quân và hải quân Anh để ủng hộ những vụ đầu cơ của một số nhà chính trị rouge et noir^{1*} ở bên kia bờ biển La-Măng-sơ hay

1* - Nghĩa đen: đỏ và đen (trò đỏ đen), tức là các con bạc đang khát nước không. Vì vậy Pan-móc-xơ thêm khát bám lấy hội nghị ở Ô-ri-

xa-ba³⁰⁹ để thoát ra khỏi cái công việc đang đe dọa biến thành một vụ áp-phe quốc tế bản thủ của Mi-re-xơ.

Do C.Mác viết ngày 28 tháng Tư 1862

*Đã đăng trên báo "Die "Presse" số 120, ngày
2 tháng Năm 1862*

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

BÁO CHÍ ANH VÀ SỰ THẤT THỦ
CỦA TÂN OÓC-LÊ-ĂNG

Luân Đôn, ngày 16 tháng Năm

Khi nhận được các thông báo đầu tiên về sự thất thủ của Tân Oóc-lê-ăng³¹⁰, các tờ "Times", "Herald", "Standard", "Morning Post", "Daily Telegraph" và những người Anh khác "sympathises"^{1*} với những nigger-drivers^{2*} miền Nam đã bắt đầu chứng minh trên cơ sở những suy luận về chiến lược, sách lược, nghệ văn, lý sự, chính trị, đạo đức và công sự rằng cái tin này là một trong những "canards"^{3*} mà Roi-tơ, Ha-vắc, Vôn-phơ³¹¹ và những understrappers^{4*} của họ vẫn thường tung ra. Những phương tiện phòng thủ tự nhiên của Tân Oóc-lê-ăng đã được tăng cường, các báo viết, không chỉ bằng những đồn bốt mới được xây dựng, mà còn bằng cả mọi loại tàu ngầm khủng khiếp và pháo hạm bọc sắt. Tiếp theo, các báo đã nhấn mạnh tinh thần Xpác-tơ của dân cư Tân Oóc-lê-ăng và lòng căm hờn sống chết của họ đối với những tên lính đánh thuê của Lin-côn. Và, cuối cùng, chẳng phải là ở Tân Oóc-lê-ăng có lúc

1* - người đồng tình

2* - chủ nô

3* - con vịt

4* - Nghĩa đen: bọn đàn em; ở đây: những kẻ theo đuôi

nước Anh đã phải chịu một sự thất bại làm chấm dứt một cách nhục nhã cuộc chiến tranh thứ hai của nó với Hợp chúng quốc (1812 - 1814) đó sao? Như vậy là không còn nghi ngờ rằng Tân Oóc-lê-ăng sẽ đi vào lịch sử như là một Xa-ra-gốt thứ hai, hoặc như là một Mát-xcơ-va của "miền Nam"³¹². Thêm vào đó, tại đây còn có 15 000 kiện bông, mà nhờ vào đó có thể dễ dàng đốt lên đồng lửa tự thiêu không bao giờ tắt, đó là chưa nói rằng vào năm 1814 các kiện bông được tắm ướt kỹ đã chống lại các quả đạn cháy vững chắc hơn so với các công cụ bằng đất ở Xê-va-xtô-pôn. Như vậy đã rõ như ban ngày rằng tin thất thủ của Tân Oóc-lê-ăng là một sự khoác lác mới của chú Sam.

Qua hai ngày, khi cùng với việc các tàu thủy từ Niu Oóc đến, các thông báo ban đầu đã được xác nhận, thì đa số các báo của nước Anh cảm thông với các chủ nô vẫn còn khẳng khái trong sự hoài nghi của họ. Báo "Evening Standard", chẳng hạn, đã một mực không tin tới mức là trên cùng một số báo, đầu tiên là trong bài xã luận, bằng giấy trắng mực đen, đã chứng minh tính chất bất khả xâm phạm của thành phố Bán nguyệt³¹³, còn sau đó, ở mục "tin mới nhận", đã thông báo bằng chữ to về sự thất thủ của thành phố bất khả xâm phạm này. Ngược lại, báo "Times", vốn luôn coi sự thận trọng là phần tốt nhất của lòng dũng cảm^{1*}, đã đổi giọng. Đành rằng, báo này vẫn tiếp tục ngỡ vực, nhưng đồng thời cũng sẵn sàng chờ đón tất cả, bởi lẽ Tân Oóc-lê-ăng là thành phố của "rowdies"^{2*}, chứ không phải của những người anh hùng. Lần này thì báo "Times" đã tỏ ra đúng. Tân Oóc-lê-ăng đã được dựng lên bởi những cận bã của lối sông bohème^{3*} Pháp. Đó

1* - Sếch-xpia. "Vua Hăng-ri IV", phần I, hồi V, cảnh thứ tư.

2* - "những kẻ vô lại"

3* - du đảng

là *thuộc địa Pháp của những kẻ tội phạm* với đầy đủ ý nghĩa của từ này, và trong suốt cả thời gian tồn tại của mình nó đã không từ bỏ được nguồn gốc của mình. Chỉ tiếc rằng tờ "Times" đã đi đến ý kiến khá phổ biến này *post festum*^{1*}.

Nhưng, cuối cùng thì *fait accompli*^{2*} cũng đã phải thuyết phục được ngay cả Phô-ma không tin. Làm sao đây? Báo chí Anh cảm thông với các chủ nô giờ đây chứng minh rằng sự thất thủ của Tân Oóc-lê-ăng là thắng lợi đối với những người liên minh và là sự thất bại đối với những người liên bang.

Sự thất thủ của Tân Oóc-lê-ăng, báo này khẳng định, đã tạo ra khả năng cho tướng La-ve-lơ tăng cường các đơn vị của mình cho đạo quân của Bô-rê-ga, là người đang cần đến sự củng cố này, bởi vì trên mặt trận của ông ta, Ha-lếch đã tập trung hình như là 160 000 người (rõ ràng là phóng đại lên!), nhưng mặt khác, các mối liên lạc của ông ta với phía đông đã bị tướng Mít-sen cắt đứt, tướng này đã cắt đứt tuyến đường sắt giữa Mem-phi-xơ và Sát-ta-nu-ga, và do đó với cả Rích-mơn, Sác-lơ-xơn và Xa-van-na. Sau sự phá vỡ này (mà tính tất yếu về mặt chiến lược của nó chúng tôi đã chỉ ra rất lâu *trước khi* có trận chiến đấu ở Cô-ranh-tơ^{3*}). Cô-ranh-tơ nằm trong tay Bô-rê-ga đã không còn có sự liên lạc đường sắt nào, nếu không tính đến các tuyến đường nối liền nó với Mô-bin và Tân Oóc-lê-ăng. Nhưng khi mà sau sự thất thủ của Tân Oóc-lê-ăng ông ta chỉ còn tuyến đường sắt duy nhất đi Mô-bin, thì dĩ nhiên ông ta đã không thể cung cấp quân lương cần thiết cho các đơn vị quân đội của mình và vì vậy đã lùi về Tuy-pe-lơ; khi các đơn vị của La-ven-lơ tiến về thì, theo ý kiến của báo chí Anh cảm tình với các chủ nô, khả năng của Bô-rê-ga về việc cung ứng dĩ nhiên là tăng lên.

1* - sau sự kiện đã xảy ra

2* - việc đã rồi

3* Xem tập này, tr. 651-654

Mặt khác, - vẫn các nhà tiên tri đó tuyên bố, - những người liên bang ở Tân Oóc-lê-ăng sẽ bị tiêu diệt bởi bệnh sốt rét, và nếu như cuối cùng bản thân Tân Oóc-lê-ăng không phải là Mát-xơ-va, thì liệu ông thị trưởng của nó có phải là Bru-tút không? Xin hãy đọc qua (thông báo so sánh từ Niu Oóc) bức thư can trường đầy kịch tính của ông ta gửi cho thiếu tướng hải quân Pha-ra-gút. "Brave words, Sir, brave words!"^{1*}, nhưng bằng những lời nói cứng không đập vỡ được xương.

Tuy nhiên, các tờ báo của chủ nô miền Nam nhìn sự thất thủ của Tân Oóc-lê-ăng không lạc quan tới mức như những người an ủi họ ở nước Anh. Có thể tin chắc rằng điều này qua những đoạn trích sau đây.

Báo "Dispatch"³¹⁴ ở Rích-mơn viết:

"Cái gì đã xảy ra với các pháo hạm bọc sắt, với "Mít-xi-xi-pi" và "Lu-i-di-a-na" mà chúng ta đã đặt hy vọng vào chúng để cứu thành phố Trăng lưỡi liềm? Hiệu quả chiến đấu của chúng tỏ ra giống như là chúng được làm bằng thủy tinh. Thật vô nghĩa nếu phủ nhận rằng sự thất thủ của Tân Oóc-lê-ăng là một đòn nặng. Chính vì vậy mà Chính phủ Liên minh bị cắt đứt khỏi Tây Lu-i-di-a-na, Téch-dát, Mi-su-ri và Ác-can-da-xơ".

Báo "Day Book"³¹⁵ ở Noóc-phôn nhận xét:

"Đó là thất bại nghiêm trọng nhất kể từ đầu cuộc chiến tranh. Thất bại này kéo theo sự thiếu thốn và bất hạnh đối với tất cả các tầng lớp xã hội, và điều tệ hại hơn cả là nó đe dọa việc cung cấp cho quân đội của chúng ta".

Báo "Intelligencer"³¹⁶ xuất bản ở Át-lan-ta than vãn:

"Chúng ta đã chờ đợi một kết quả khác cơ. Việc quân thù đến gần đã không phải là điều bất ngờ; chúng ta đã thấy trước điều đó từ lâu, và người ta cam đoan với chúng ta rằng nếu như cả khi đối phương vượt qua được đồn Giéch-xơn, thì hỏa lực pháo binh khủng khiếp sẽ buộc nó phải rút lui hoặc sẽ tiêu diệt nó. Tất cả cái đó

2* - "Đã được nói lên một cách can đảm, thưa ngài, đã được nói lên một cách can đảm!" (Séch-xpia. "Vua Hăng-ri IV", Phần I, hồi III, cảnh ba, phỏng theo).

chỉ là sự dối mình mỗi khi cho rằng sự an toàn của một vị trí hoặc một thành phố nào đó được coi là đã được đảm bảo bằng các pháo đài. Rõ ràng là những phát minh mới nhất đã làm cho các pháo đài trở nên vô dụng cho việc phòng thủ. Các pháo hạm bọc sắt phá huỷ chúng hoặc bơi qua bên cạnh chúng một cách bình yên. Chúng tôi lo ngại rằng Mem-phi-xơ rồi cũng sẽ cùng chung số phận với Tân Oóc-lê-ăng. Há chẳng phải là điên rồ nếu cứ bị cám dỗ bởi những hy vọng trống rỗng?".

Cuối cùng, báo "Express"³¹⁷ ở Pi-téc-bơ tuyên bố: "Việc những người liên bang chiếm được Tân Oóc-lê-ăng là sự kiện quan trọng nhất và tai họa nhất trong toàn bộ cuộc chiến tranh".

*Do C.Mác viết ngày 16 tháng Năm 1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 138, ngày
20 tháng Năm 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

HIỆP ƯỚC CHỐNG BUÔN BÁN NÔ LỆ

Luân Đôn, ngày 18 tháng Năm

Các báo Mỹ hiện đang đăng in extenso^{1*} hiệp ước đấu tranh chống buôn bán nô lệ được ký ngày 7 tháng Tư năm nay ở Oa-sinh-tơn giữa Hợp chúng quốc và Anh. Những điểm chính của văn kiện quan trọng này là như sau. Quyền khám xét là tương hỗ, nhưng chỉ có thể được thực hiện từ cả hai bên bởi những tàu chiến có quyền hạn đặc biệt để làm việc này do một trong các nhà nước tham gia hiệp ước uỷ thác. Các nước tham gia hiệp ước thỉnh thoảng trao cho nhau bản thống kê đầy đủ về bộ phận hạm đội mình được chỉ định giám sát việc buôn bán người da đen. Quyền khám xét chỉ có hiệu lực đối với các tàu buôn nằm trong vùng biển cách bờ biển châu Phi 200 hải lý, cách phía nam 32° vĩ bắc, và cách bờ biển Cu Ba 30 hải lý. Không cho phép khám xét các tàu hàng - các tàu tuần dương của Mỹ khám xét các tàu hàng của Anh cũng như các tàu tuần dương của Anh khám xét các tàu hàng của Mỹ - ở phần biển thuộc lãnh thổ Anh hoặc thuộc lãnh thổ Mỹ (tức là phần biển cách bờ ba hải lý); cũng không cho phép khám xét gần các hải cảng hoặc các thuộc địa của các nước khác.

Các quyết định về các tàu bị giữ được đưa ra các tòa án hỗn

1* - toàn văn

hợp đặt ở Xi-ê-ra-Lê-ôn, Cáp-xtát^{1*} và Niu Oóc và gồm một nửa là người Anh, một nửa là người Mỹ. Trong trường hợp tuyên án kết tội đối với một tàu thì đội thủy thủ tàu, nếu như điều đó có thể thực hiện được không quá tổn kém, bị giao cho các nhà đương cục tòa án của nước nào mà tàu đó mang cờ khi chạy trên biển. Thêm nữa, không chỉ đội thủy thủ của tàu (thuyền trưởng, hoa tiêu v.v.), mà cả các chủ tàu cũng phải chịu sự trừng phạt theo luật của nước đó. Những tàu được tuyên bố trắng án ở các tòa án hỗn hợp thì trong vòng một năm sẽ nhận được bồi thường của nhà nước có quốc kỳ trên chiếc tàu chiến đã bắt giữ các tàu đó. Không chỉ sự có mặt những người da đen bị bắt trên các tàu đó, mà cả sự tồn tại trên tàu những công cụ chuyên dùng để buôn bán nô lệ, các cùm tay, xích và các công cụ khác để canh giữ những người da đen, cuối cùng, là cả dự trữ thực phẩm với số lượng rõ ràng là vượt quá nhu cầu sử dụng của đội thủy thủ đều được coi là có hợp pháp để bắt giữ tàu. Chiếc tàu nào mà trên đó phát hiện ra những vật dụng khả nghi tương tự, cần chứng minh sự vô tội của mình, thêm vào đó ngay cả trong trường hợp được thanh minh nó cũng không được đòi hỏi bồi thường gì cả.

Chỉ huy tàu tuần dương nào vượt quá quyền hạn mà bản hiệp ước đã quy định cho nó sẽ phải chịu trách nhiệm trước chính phủ của bên tương ứng. Nếu như chỉ huy tàu tuần dương của một trong các nước ký hiệp ước nghi một tàu buôn nào đó là, với sự hộ tống của một hoặc một số tàu chiến của nước ký kết hiệp ước kia, có chở người da đen trên boong hoặc đã tham gia buôn bán nô lệ châu Phi, hoặc được trang bị để thực hiện việc buôn này, thì người chỉ huy đó phải thông báo sự nghi ngờ của mình cho người chỉ huy tàu hộ tống và cùng với người đó khám xét chiếc tàu buôn khả nghi đó và sau đó chiếc tàu này phải được đưa đến địa điểm của một trong các tòa án hỗn hợp, nếu như

1* - Kê-pơ-tao

chiếc tàu đó, theo các điều kiện của hiệp ước, thuộc loại các tàu khả nghi. Trong trường hợp tuyên án phạm tội thì những người da đen ở trên con tàu buôn này được giao cho chính phủ có quốc kỳ treo trên tàu khi xảy ra vụ bắt quả tang này. Những người da đen được trả tự do ngay lập tức, và việc họ lưu lại tự do trên lãnh thổ của nước nào thì được chính phủ nước đó đảm bảo. Hiệp ước chỉ có thể bị huỷ bỏ sau khi hết mười năm. Hiệp ước còn có hiệu lực trong vòng một năm kể từ lúc một trong các bên ký kết tuyên bố huỷ bỏ nó.

Hiệp ước Anh - Mỹ hiện tại, vốn là kết quả của cuộc Nội chiến ở Mỹ, đã giáng một đòn chí tử vào việc buôn bán người da đen. Hiệu lực của hiệp ước này sẽ được tăng cường bởi dự thảo luật mà thượng nghị sĩ Xam-nơ đưa ra mới đây, nó thay thế cho đạo luật năm 1808 trong phần có liên quan tới việc buôn bán người da đen ở vùng bờ biển Hợp chúng quốc, và trừng phạt việc chuyên chở nô lệ từ một hải cảng này đến hải cảng khác của Hợp chúng quốc như một hành động tội phạm³¹⁸. Phần lớn việc buôn bán mà các bang nuôi những người da đen (border slave states^{1*}) đang tiến hành với các bang tiêu thụ người da đen (slave states^{2*} với nghĩa thực của từ này) sẽ bị tê liệt do kết quả của việc thông qua dự thảo luật này.

*Do C.Mác viết ngày 18 tháng Năm 1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 140, ngày
22 tháng Năm 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

1* - các bang biên giới có chế độ chiếm hữu nô lệ

2* - các bang chiếm hữu nô lệ

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

TÌNH HÌNH TRÊN CHIẾN TRƯỜNG MỸ

Việc đánh chiếm Tân Oóc-lê-ăng, như những tin tức chi tiết đã nhận được hiện nay cho thấy, xét về mặt dũng cảm, là một chiến công hầu như chưa từng có của hạm đội. Hạm đội của những người thuộc phái liên bang chỉ gồm những tàu bằng gỗ: khoảng sáu chiến hạm, mỗi chiếc có từ 14 đến 25 đại bác, được một hạm đội đông đảo có đại bác và súng cối yểm trợ. Hạm đội này đứng trước hai pháo đài chặn lối vào sông Mít-xi-xi-pi. Trong khu vực hoạt động của 100 khẩu đại bác của những pháo đài ấy, dòng sông được ngăn chặn bằng một chuỗi chướng ngại vật vững chãi mà phía sau đó là mìn, chất cháy và những phương tiện huỷ diệt khác. Như vậy, để đi qua lại giữa các pháo đài thì phải khắc phục những chướng ngại đầu tiên ấy. Nhưng phía bên kia pháo đài là một tuyến phòng thủ khủng khiếp thứ hai gồm những pháo thuyền bọc sắt, trong số đó có cả chiếc "Ma-nát-xát" - một chiếc tàu khu trục bằng sắt và chiếc "Lu-i-di-a-na" - một giàn pháo nổi hùng mạnh. Những người thuộc phái liên bang, sau sáu ngày bắn phá hai pháo đài không có kết quả - hai pháo đài này hoàn toàn khống chế dòng sông - đã bất chấp pháo đạn của những pháo đài này, quyết định dùng ba sư đoàn đột phá hàng rào sắt, sau đó tiến lên phía trên dòng sông và mạo hiểm giao chiến với "ironsides"^{1*}. Mưu toan

1* - phía sắt thép

dũng cảm ấy đã thành công. Một khi hạm đội nhỏ xuất hiện trước Tân Oóc-lê-ăng thì dĩ nhiên là thắng lợi đã được quyết định.

Sau đó, Bô-rê-ga đã không còn gì để bảo vệ ở Cô-ranh-tơ nữa. Ở đây, vị trí của ông ta chỉ có ý nghĩa, chừng nào nó bảo vệ được Mít-xi-xi-pi và Lu-i-di-a-na, đặc biệt là cho Tân Oóc-lê-ăng. Về mặt chiến lược thì giờ đây ông ta lâm vào tình thế là do thất trận, ông ta không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc phân tán đạo quân của mình thành những đội du kích nhỏ, bởi vì ông ta không thể giữ lại lâu hơn một số đông quân dưới quyền chỉ huy của mình khi mà ở hậu phương quân đội mình không có một thành phố lớn, nơi tập trung các đường sắt và phương tiện cung ứng.

Mắc-Cli-lân đã chứng minh một cách không thể bác bỏ được rằng ông ta là một người không có khiếu quân sự, tình cờ được cất nhắc lên một chức vụ cao và có trách nhiệm mà mục tiêu hoạt động quân sự không phải là đánh bại kẻ thù, mà chỉ là để tránh khỏi bị thất bại và do đó khỏi bị tước mất địa vị cao quý tiềm đoạt được của mình. Ông ta xử sự như những kẻ gọi là "viên tướng mưu mẹo" lâu năm đã bào chữa cho việc né tránh một cách hèn nhát mọi quyết định chiến thuật bằng luận điệu nói rằng tựa hồ họ đang dùng lối đánh vu hồi chiến lược để buộc kẻ thù phải từ bỏ vị trí của chúng. Những người thuộc phái Hiệp bang bao giờ cũng tránh thoát ông ta bởi vì ông ta không bao giờ tấn công họ trong giờ phút quyết định. Như vậy, ông ta đã cho phép họ rút lui an toàn từ Ma-nát-xát đến Rích-mơn, mặc dù kế hoạch rút lui đó đã được đưa tin mười ngày trước đấy ngay cả trên các báo Niu Oóc (chẳng hạn trên tờ "Tribune"). Sau đó ông ta đã phân chia đạo quân của mình và đã tiến hành cuộc hành quân chiến lược đánh bọc sườn kẻ thù bằng cách cùng với một đội quân đóng chốt lại trước Y-oóc-tau-nơ. Một cuộc chiến tranh chiến lữ bao giờ cũng tạo lý do cho việc kéo dài thời gian và lẩn tránh chiến đấu. Một khi ông ta đã tập trung được những lực lượng trội hơn phe Hiệp

bang thì ông ta để cho kẻ thù rút khỏi Y-óc-tau-nơ đến Vi-li-am-xbéc-gơ và xa hơn, mà không buộc họ phải giao chiến. Chưa có một cuộc chiến tranh nào lại được tiến hành một cách thảm hại như vậy. Và nếu khi rút lui tại Vi-li-am-xbéc-gơ trận đánh không kết thúc bằng một Bun-Ran thứ hai đối với quân đội phái Liên bang, mà dẫn tới sự thất bại của đội hậu vệ của phe Hiệp bang thì Mác-Cli-lân hoàn toàn không có lỗi gì trong việc này.

Sau một cuộc hành quân gần 12 dặm (Anh) dưới cơn mưa như trút 24 tiếng đồng hồ, và trên con đường rất xấu, 8 000 quân của phái Liên bang do tướng Hai-xen-man (gốc Đức, nhưng sinh ở Pen-xin-va-ni) chỉ huy đã đến Vi-li-am-xbéc-gơ và ở đấy chỉ đụng đầu với những toán tuần tra yếu của kẻ thù. Nhưng khi biết chắc đội quân vừa tới không đông, đối phương liền gửi viện binh từ Vi-li-am-xbéc-gơ tới, lấy trong số đó những đội quân tinh nhuệ, và tăng dần lực lượng của mình lên 25 000 người. Đến 9 giờ sáng, cuộc chiến trở nên nghiêm trọng, đến 1 giờ rưỡi chiều tướng Hai-xen-man phát hiện ra rằng lợi thế nghiêng về phía kẻ thù. Ông ta liền báo hết tin này đến tin khác cho tướng Kéc-ni đóng cách ông ta 8 dặm về phía sau, nhưng chỉ có thể tiến lên rất chậm trên con đường hoàn toàn "tắc nghẽn" vì mưa. Trong suốt một tiếng đồng hồ, Hai-xen-man vẫn không có viện binh. Trong khi đó các trung đoàn Gióc-xi bắn hết toàn bộ số đạn dự trữ của mình, đã bắt đầu trốn thoát vào rừng dọc hai bên đường cái. Lúc đó Hai-xen-man ra lệnh cho đại tá Mê-nin cùng một đại đội kỵ binh Pen-xin-va-ni chiếm lĩnh hai bên bìa rừng, đe dọa bắn vào những kẻ đào ngũ. Điều đó đã buộc những người bỏ chạy phải dừng lại.

Ngoài ra, trật tự cũng được văn hồi nhờ vào tấm gương của một sư đoàn Ma-xa-tru-xét, sư đoàn này cũng đã bắn hết số đạn của mình, nhưng giờ đây đã lấp lười lê vào súng trường và bình tĩnh chờ đợi quân địch. Cuối cùng, đội quân tiên phong của tướng Kéc-ni dưới sự chỉ huy của đại đội trưởng Biéc-ni (của bang

Mên) đã xuất hiện ở đằng xa. Đạo quân của Hai-xen-man đã tiếp đón những người cứu viện bằng một tiếng hô vang đội "U-ra"; Hai-xen-man ra lệnh cho quân nhạc của sư đoàn tấu lên bài "I-ăng-ki Đút-lơ"³¹⁹ và bố trí đội quân Béc-ri mới đến ở tuyến trước những toán quân đã mệt mỏi của mình trên một đoạn dài gần nửa dặm. Sau một trận đấu súng dạo đầu, đại đội của Béc-ri lao vào một cuộc tấn công giáp lá cà bằng lưỡi lê và đuổi quân địch từ trên chiến trường vào trong chiến hào của họ, chiến hào lớn nhất trong số đó, sau một vài cuộc tấn công vẫn nằm trong tay những người thuộc phái Liên bang. Như vậy, thế quân bình lực lượng đã được văn hồi. Béc-ri đến đã cứu được những người thuộc phái Liên bang. Lúc 4 giờ chiều, với sự tiếp viện của đại đội Giêm-xơ và Biéc-ni, thắng lợi của phái Liên bang đã được quyết định. Đến 9 giờ đêm phái Hiệp bang bắt đầu rút khỏi Vi-li-am-xbéc-gơ theo hướng Rích-mơn, cuộc rút lui này bị kỵ binh của Hai-xen-man truy đuổi riết, vẫn tiếp tục cả đến ngày hôm sau. Đến khoảng giữa 6 và 7 giờ sáng hôm sau, sau trận đánh của những đơn vị của tướng Giêm-xơ, Hai-xen-man đã chiếm được Vi-li-am-xbéc-gơ. Đội hậu vệ của kẻ địch bỏ chạy đã rời thành phố từ phía đối diện chỉ mới nửa giờ trước đó. Trận đánh thắng của Hai-xen-man là một trận đánh bằng bộ binh theo ý nghĩa đầy đủ của từ đó. Trong trận đánh này pháo binh hầu như không tham gia. Đạn súng trường và tấn công bằng lưỡi lê đã quyết định cục diện. Nếu Quốc hội ở Oa-sinh-tơn muốn tỏ lòng cảm ơn thì nó phải gửi lời cảm ơn tới tướng Hai-xen-man, kẻ đã cứu người I-ăng-ki khỏi một Bun-Ran thứ hai, chứ không phải tới Mác-Cli-lân là người theo thói thường, đã tránh "giải pháp chiến thuật" và lần thứ ba đã để cho kẻ thù yếu hơn về số lượng trốn thoát.

Quân đội của phái Hiệp bang ở Viéc-gi-ni-a ở vào tình thế thuận lợi hơn quân đội của Bô-rê-ga - một là bởi vì nó đương đầu không phải với Ha-lếch, mà với Mác-Cli-lân, hai là bởi vì con đường rút

lui của nó bị nhiều dòng sông chảy từ núi ra biển chia cắt. Nhưng không thể cho đạo quân ấy vì *nhàn rồi* mà biến thành nhiều băng, nhóm, thì các tướng lĩnh của nó sớm muộn cũng sẽ buộc phải tiến hành một cuộc chiến đấu quyết định, hoàn toàn giống như người Nga đã buộc phải chiến đấu ở X-mô-len-xơ và ở Bô-rô-đi-nô *trái với ý muốn* của những tướng lĩnh đã đánh giá đúng tình hình. Dù cho sự chỉ huy chiến dịch của Mác-Cli-lân có đáng buồn như thế nào đi nữa thì sự rút lui thường xuyên của phái Hiệp bang, với những tổn thất về pháo binh, trang bị những chiến cụ khác cùng với một loạt cuộc chiến nhỏ không thành công trên đường rút lui, dù sao cũng đã làm cho quân đội của họ hết sức mất tinh thần, điều đó đã lộ rõ trong ngày chiến đấu quyết định.

Như vậy, chúng ta hãy tổng kết lại. Nếu Bô-rê-ga hay Giép-phéc-xơn Đê-vít thua một trận quyết định thì quân đội của họ sẽ tan rã thành băng, nhóm. Còn nếu như một người trong bọn họ thắng một trận quyết định, - điều này không có khả năng, - thì trong trường hợp tốt nhất sự tan rã của đạo quân của họ sẽ chỉ lùi thời hạn lại mà thôi. Họ không có khả năng rút ra được một chút điều lợi vững bền nào ngay cả từ một thắng lợi. Mỗi tiến lên được 20 dặm Anh, họ đã buộc phải dừng lại và chờ đợi một cuộc phản công mới của kẻ địch.

Chỉ còn cần nhắc những cơ hội của một cuộc chiến tranh du kích nữa thôi. Và ở đây cần phải thấy một điều hết sức lạ lùng là dân chúng tham gia rất ít, hay nói đúng hơn, không tham gia tý nào cả vào cuộc chiến tranh này so với bọn chủ nô. Năm 1813, giao thông liên lạc của người Pháp cũng đã bị Cô-lông-bơ, Luýt-xốp, Tréc-nư-sép và hai mươi thủ lĩnh du kích và Cô-dắc khác phá huỷ và tấn công liên tục. Năm 1812, ở Nga dân chúng đã hoàn toàn quét sạch quân đội Pháp, năm 1814 nông dân Pháp cầm vũ khí và giết chết những toán tuần tiểu và những lính lạc ngũ của phái Liên bang. Còn ở đây chúng ta hoàn toàn không thấy gì giống

như vậy. Người ta ngoan ngoãn bằng lòng với *kết quả* của *những trận đánh lớn* và tự an ủi mình rằng *victrix causa diis placuit, sed victa Catoni*^{1*}. Những lời lẽ khoe khoang về chiến tranh trên biển tan đi như mây khói. Hơn nữa liệu có thể nghi ngờ rằng "*white trash*" ("bọn da trắng"), chính những chủ đồn điền gọi "những người nghèo ra trắng" như vậy, tìm cách thử sức mình trong chiến tranh du kích và cướp bóc. Nhưng một mưu toan như vậy lập tức biến những chủ đồn điền giàu có thành *những kẻ ủng hộ Liên bang*. Thậm chí họ kêu gọi sự giúp đỡ của quân đội I-ăng-ki. Những lời bàn tán cho rằng tựa hồ ở Mít-xi-xi-pi một số lượng lớn bông v.v. đã bị đốt cháy, hoàn toàn chỉ là dựa trên chứng cứ của hai người Kên-tắc-ki, hình như đã đến Lu-i-xvin-lơ, dĩ nhiên, không phải *qua* Mít-xi-xi-pi. Đám cháy ở Tân Oóc-lê-ăng được tổ chức một cách dễ dàng. Sở dĩ có sự quá khích của các thương gia Tân Oóc-lê-ăng là do buộc họ phải nhận một số lượng lớn trái khoán do Chính phủ Hiệp bang phát hành thay cho tiền mặt. Đám cháy như ở Tân Oóc-lê-ăng cũng diễn ra ở các thành phố khác và chắc chắn là còn những cái gì nữa sẽ bị thiêu huỷ, nhưng tất cả những xảo thuật đó chỉ có thể làm sâu sắc đến cực điểm sự bất hòa giữa các chủ đồn điền và "*White trash*" và lúc đó - *finis secessiae!*^{2*}.

Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết ngày 23-25
tháng Năm 1862
Đã đăng trên báo "*Die Presse*" số 148,
ngày 30 tháng Năm 1862

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

1* - "Thượng đế ủng hộ kẻ chiến thắng, nhưng Ca-tô ủng hộ kẻ chiến bại" (Lu-ki-an. Kịch vui).

2* - sự phân li chấm dứt!

C.MÁC

LÒNG NHÂN ĐẠO CỦA
ANH VÀ NƯỚC MỸ

Luân Đôn, ngày 14 tháng Sáu

Lòng nhân đạo ở Anh bây giờ, cũng như tự do ở Pháp, đang là đối tượng xuất khẩu đối với traders in politics^{1*}. Chúng ta nhớ lại thời kỳ Sa hoàng Ni-cô-lai ra lệnh cho binh lính của mình dùng roi đánh những phụ nữ Ba Lan, còn huân tước Pan-móc-xtơn thì coi sự phẫn nộ đạo đức của một số nghị sĩ đối với các sự kiện này là "không chính trị". Chúng ta nhớ lại rằng khoảng mười năm trước đây trên quần đảo I-ô-niêng đã nổ ra một cuộc khởi nghĩa³²⁰, do đó viên thống sứ Anh ở đó đã ra lệnh đánh một số không ít phụ nữ Hy Lạp. Probatum est^{2*}, - Pan-móc-xtơn và những người cộng sự thuộc phái Vích của ông ta trong chính phủ lúc đó đã nói như vậy. Như mới gần đây đã chứng minh ở nghị viện trên cơ sở những tài liệu chính thức, các nhân viên thu thuế ở Ấn Độ đã áp dụng những thủ đoạn cưỡng bức kinh tế tới mức không thể kể chi tiết ra được trong việc đối xử với những người vợ của các rai-át^{3*}. Đành rằng Pan-móc-xtơn và các cộng sự của ông ta đã

1* - những con buôn chính trị

2* - Đúng lắm

3* - nông dân

không dám biện bạch cho những điều kinh tởm này, nhưng họ sẽ la lối lên như thế nào nếu như một chính phủ nước ngoài nào đó dám tuyên bố một cách công khai về sự bất bình của mình đối với những việc làm vô sỉ này của Anh, chứ không chỉ ám chỉ một cách rõ ràng đến sự can thiệp, trong trường hợp Pan-móc-xtơn và các cộng sự của ông ta không lập tức từ chối các nhân viên thu thuế Ấn Độ. Trong khi đó thì bản thân nhà kiểm duyệt Ca-tôn ắt cũng sẽ không thể giám sát tập quán của các công dân La Mã một cách chặt chẽ hơn so với các quý tộc Anh và các bộ trưởng của họ theo dõi "lòng nhân đạo" của bọn I-ăng-ki đang giao chiến!

Các bà ở Tân Oóc-lê-ăng, những mỹ nữ mặt vàng, đeo dây đồ trang sức quý chẳng có phẩm mỹ gì và giống như các bà vợ của các chàng Mê-hi-cô cổ xưa, chỉ có khác là họ không ăn in natura^{1*} các nô lệ của mình, - đó là những người lần này là cái cớ cho sự biểu hiện lòng nhân đạo của quý tộc Anh (trước đây các cơ quan cảnh của Sác-lơ-xtơn đã là cái cớ này). Những phụ nữ Anh đói khát ở Lan-kê-sia (thực ra họ không phải là các bà quý phái và không có nô lệ) cho đến nay vẫn không được đoái hoài đến trong một bài diễn văn nào ở nghị viện; những tiếng gào thét của phụ nữ Ai-rơ-len, - những người đã bị quá trình tập trung những mảnh đất lĩnh canh nhỏ ngày càng tăng ở Ê-rin Xanh^{2*} ném ra đường phố gần như trần truồng, bị đuổi khỏi nơi chôn rau cắt rốn, như thể là đã xảy ra cuộc xâm lăng ô ạt của giặc Tác-ta vào tổ quốc của họ, - cho đến nay chỉ gây nên một sự đáp lại duy nhất của thượng nghị viện, hạ nghị viện và chính phủ nhà vua - những lời thuyết giáo về quyền tuyệt đối sở hữu đất đai³²¹. Nhưng còn các bà quý phái từ Tân Oóc-lê-ăng thì, dĩ nhiên, đó lại là chuyện khác! Các bà quý phái này có thừa học vấn để, giống như các nữ thần

1* - sống

2* - tên gọi của nước Ai-rơ-len cổ

Ô-lim-pơ, tham gia vào cuộc chiến hoặc, giống như các bà vợ của những người Xa-gun-tô, nhảy vào đồng lửa đang cháy³²². Họ đã nghĩ ra một hình thức mới, thêm nữa là không nguy hiểm, của chủ nghĩa anh hùng - một hình thức chỉ có thể được phát minh ra bởi những chủ nô, hơn nữa là những chủ nô ở một đất nước mà bộ phận dân cư tự do gồm những người làm nghề chủ quán, những người buôn bán bông, đường hoặc thuốc lá, và khác với các công dân của thế giới cổ đại là họ không có nô lệ riêng của mình. Khi các ông chồng của các bà quý phái này chạy tán loạn khỏi Tân Oóc-lê-ăng hoặc lẩn trốn ở nhà mình thì chính các bà đã nhảy ra đường phố và bắt đầu nhổ vào mặt các đội quân chiến thắng của phái liên bang, thề lười ra nhạo báng họ, hoặc nói chung, giống như Mê-phi-xtô-phen, làm "những cử chỉ không đẹp mắt" và nói những lời lăng nhục họ. Những mục đàn bà độc ác này đã tin chắc rằng họ có thể làm loạn mà "không bị trừng trị".

Chủ nghĩa anh hùng của họ là như thế đó. Tướng Bất-lơ đã ra tuyên cáo, răn đe họ rằng sẽ đối xử với họ như là với bọn đàn bà đầu đường xó chợ, nếu như họ vẫn tiếp tục xử sự như là bọn đàn bà đầu đường xó chợ. Bất-lơ, dù về nghề nghiệp là luật sư, nhưng chắc là chưa nghiên cứu đầy đủ statute law³²³ của Anh. Nếu không thì ông ta, dựa theo đạo luật tương tự như các đạo luật áp đặt cho Ai-rơ-len dưới thời Ca-xlê-ri³²⁴, chắc hẳn nói chung đã cấm họ lộ mặt ra đường phố. Sự răn đe của Bất-lơ đối với "các bà" ở Tân Oóc-lê-ăng đã làm cho bá tước Các-na-rơ-vôn, ngài Gi. Uôn-sơ (người đã đóng vai trò thật nực cười và xấu xa ở Ai-rơ-len) và ngài Grê-gô-ri - người từ một năm trước đây đã đòi phải thừa nhận Hiệp bang, - công phần tới mức là ngài bá tước ở thượng nghị viện, còn nhà hiệp sĩ và con người "without a handle to his name"^{1*} ở hạ nghị viện đã chất vấn chính phủ xem chính phủ dự định

1* - không tước vị

dùng biện pháp gì để bảo vệ "lòng nhân đạo bị xúc phạm". Cả Rốt-xen lẫn Pan-móc-xton đều đã nổi xung với Bất-lơ, cả hai đều tin chắc rằng ông ta sẽ bị Chính phủ Oa-sinh-ton chối từ, còn Pan-móc-xton vốn rất nhạy bén, núp sau lưng nữ hoàng và không cho đồng nghiệp của mình biết trước, mà chỉ vì một điều là khâm phục tính "nhân đạo", đã thừa nhận coup d'état tháng Chạp 1851³²⁵ (mà nhân dịp đó một số "các bà" thậm chí đã bị bắn chết, còn số khác thì bị bọn lính Du-a-vơ hãm hiếp), - vị tử tước nhạy bén này đã gọi thẳng cánh sự răn đe của Bất-lơ là một "sự sỉ nhục". Thực ra các bà, mà lại là các bà chiếm hữu nô lệ, không thể trút sự căm tức và giận dữ của họ lên những người lính bình dị của phái liên bang - những người nông dân, thợ thủ công và các loại người mạt hạng khác mà không bị trừng phạt! Điều đó há không phải là một "sự sỉ nhục" sao!

Không một ai trong số công chúng ở đây nhầm lẫn về cái trò hề nhân đạo này. Mục đích của trò hề này là nhằm, một phần là gây nên, một phần là duy trì một tâm trạng có lợi cho cuộc can thiệp, trước hết là về phía nước Pháp. Và thực tế, sau những sự thổ lộ lâm li đầu tiên, các hiệp sĩ của lòng nhân đạo ở thượng nghị viện và hạ nghị viện, như là theo hiệu lệnh, đều đã vứt bỏ những chiếc mặt nạ cảm động của mình. Những lời thống thiết của họ chỉ là sự mở đầu cho việc chất vấn xem hoàng đế của người Pháp có đề nghị Chính phủ Anh làm môi giới hay không, và xem đề nghị đó, như họ đã tỏ lòng hy vọng, có được Chính phủ Anh hài lòng chấp thuận hay không. Cả Rốt-xen lẫn Pan-móc-xton đều đã tuyên bố rằng họ không hề biết gì về một đề nghị tương tự. Rốt-xen đã tuyên bố rằng ông ta coi thời điểm hiện tại là rất không thuận lợi cho bất kỳ một sự môi giới nào. Pan-móc-xton thận trọng và chín chắn hơn chỉ giới hạn ở việc nhận xét rằng vào thời điểm *này* Chính phủ Anh không nghĩ đến việc môi giới.

Kế hoạch là thế này: vào thời gian tạm nghỉ họp ở các cuộc họp của Nghị viện Anh, nước Pháp sẽ đóng vai trò kẻ môi giới,

còn đến mùa thu, khi tình hình ở Mê-hi-cô được ổn định, thì nó sẽ bắt đầu cuộc can thiệp. Sự im ắng của các hành động quân sự trên chiến trường Mỹ lại làm cho những kẻ làm ăn ở Xanh Giêm-xơ và Tuyn-lơ-ri, những kẻ đầu cơ nhờ cuộc can thiệp, hết sùng sốt. Chính sự im ắng này là kết quả của sai lầm về chiến lược trong chỉ huy quân sự của những người miền Bắc. Giá như quân đội Kên-tắc-ki sau những thắng lợi của mình ở Tê-nê-xi đã không để cho mình bị lôi cuốn xuống miền Nam, xuôi theo Mít-xi-xi-pi, mà nhanh chóng tiến đến các trung tâm đường sắt Gioóc-gi-a thì có lẽ Roi-tơ và các hăng bây giờ đã không thể đầu cơ các tin đồn đại về "cuộc can thiệp" và "sự môi giới". Dù sao chăng nữa thì châu Âu cũng không khát khao mong muốn gì hơn là coup d'état sẽ tìm cách "khôi phục lại trật tự ở Hợp chúng quốc" và "cứu vớt nền văn minh" cả ở nước này.

*Do C.Mác viết ngày 14 tháng Sáu 1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 168, ngày
20 tháng Sáu 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

PH.ĂNG-GHEN

TÀU BỌC THÉP, TÀU KHU TRỤC VÀ CUỘC NỘI CHIẾN Ở MỸ

Gần ba tháng rưỡi trước đây, ngày 8 tháng Ba 1862, trận hải chiến ở Hem-pô-tơn - Rốt-xơ giữa tàu "Mê-ri-mắc" và các chiến hạm "Cam-béc-len" và "Côn-grét" đã kết thúc kỷ nguyên lâu dài của những chiếc tàu chiến bằng gỗ. Ngày 9 tháng Ba 1862, cuộc giao chiến giữa tàu "Mê-ri-mắc" và "Mô-ni-tơ" cũng ở vùng biển này đã mở đầu kỷ nguyên chiến tranh trên biển bằng các tàu chiến bọc thép³²⁶.

Từ đó Quốc hội ở Oa-sinh-tơn đã chi những khoản tiền khá lớn cho việc đóng các loại tàu bọc thép khác nhau và hoàn thành việc đưa pháo hạm bọc thép to lớn của ngài Xti-ven-xơ (ở Hô-bô-ken, gần Niu Oóc) vào tư thế sẵn sàng chiến đấu. Ngoài ra, ngài Ê-rích-xơn còn hoàn thành việc đóng sáu chiếc tàu theo kiểu tàu "Mô-ni-tơ", nhưng có trọng tải lớn hơn và có hai tháp quay, mỗi tháp được trang bị hai khẩu đại bác lớn. Một chiếc tàu bọc thép nữa - tàu "Ga-len-na", không phải do Ê-rích-xơn đóng và thiết kế khác với tàu "Mô-ni-tơ", cũng được hạ thủy. Tàu "Ga-len-na" đã được bổ sung cho "Mô-ni-tơ" lúc đầu là để theo dõi tàu "Mê-ri-mắc", rồi sau đó là để tiêu diệt các pháo đài của những kẻ phiến loạn trên bờ sông Giêm-xơ. Nhiệm vụ này đã được thực hiện ở mọi nơi, trừ khu vực sông kéo dài 7-8 dặm ở vùng Rích-mơn. Chiếc tàu

bọc thép thứ ba hoạt động trên sông Giêm-xơ, tàu "Ven-ghê-lúc", lúc đầu được gọi là "Xti-ven-xơ", theo tên của người chế tạo và là chủ cũ của nó.

Chiếc tàu bọc thép thứ tư - "Niu-Ai-rôn-xai" được đóng ở Phi-la-đen-phi-a và chắc là qua ít tuần lễ nữa sẽ sẵn sàng hạ thủy. Tàu "Van-đéc-bin" và một tàu thủy lớn nữa được trang bị lại thành các "tàu khu trục". Một loạt các tàu chiến bằng gỗ khác, thí dụ như tàu "Rô-a-nốc" cũng sẽ được trang bị lại thành các tàu bọc thép. Ngoài ra, Chính phủ Liên bang đã xây dựng xong trên sông Ô-hai-ô từ 4 đến 5 pháo thuyền bọc thép, những pháo thuyền này đã phục vụ tốt ở pháo đài Hen-ri, pháo đài Đô-nen-xơn và ở Pít-xbước-Lan-đinh. Cuối cùng, đại tá Ê-lít cùng với bạn bè của mình đã trang bị các loại "tàu khu trục" khác nhau ở Xin-xin-na-ti và các nơi khác trên sông Ô-hai-ô. Để làm việc này họ đã sử dụng các tàu thủy cũ, phần mũi được làm cho nhọn ra và bọc bằng thép. Ê-lít đã vũ trang các tàu này không phải bằng súng đại bác, mà bằng các xạ thủ tinh nhuệ, mà miền Tây có rất sẵn. Sau đó Ê-lít đã hiến các "tàu khu trục", các đội thủy thủ của chúng và những dịch vụ của mình cho Chính phủ Liên bang. Dưới đây chúng tôi sẽ còn trở lại các sự tích chiến đấu đầu tiên của những "tàu khu trục" đã được chế tạo ra một cách ngẫu hứng như vậy.

Ở phe đối phương, những người thuộc phái liên bang cũng đã không bỏ phí thời gian. Họ đã bắt đầu đóng các tàu bọc thép mới và trang bị lại các tàu cũ ở Noóc-phôn. Nhưng trước khi họ kịp hoàn thành công việc đã bắt đầu ở đây thì Noóc-phôn đã bị các đơn vị quân đội Liên bang chiếm, và tất cả các tàu đã nói trên đều bị tiêu diệt. Sau đó những người thuộc phái liên bang đã đóng ba chiếc "tàu khu trục" bọc thép lớn ở Tân Oóc-lê-ăng; chiếc thứ tư - có kích thước rất lớn và trang bị tuyệt vời - đã gần hoàn thành khi Tân Oóc-lê-ăng thất thủ. Theo kết luận của các sĩ quan hải quân Liên bang, chiếc tàu này giá như người ta kịp đưa

nó vào tình huống sẵn sàng chiến đấu được thì có lẽ đã gây ra mối đe dọa nghiêm trọng nhất cho toàn bộ hạm đội Liên bang, bởi vì Chính phủ Oa-sinh-tơn đã không có khả năng dùng một khí tài có uy lực tương đương để chống lại con quái vật này. Giá chiếc tàu này là hai triệu đô-la. Như đã biết, chính những kẻ phiến loạn đã tiêu diệt chiếc tàu này.

Ở *Mem-phi-xơ*, những người thuộc phái liên bang đã đóng xong không ít hơn tám chiếc "tàu khu trục", mỗi chiếc có 4-6 khẩu đại bác cỡ lớn. Ngày 6 tháng Sáu, chính ở *Mem-phi-xơ* đã xảy ra trận đánh đầu tiên của các "tàu khu trục" trên sông Mít-xi-xi-pi. Mặc dù phân hạm tàu của phái liên bang đi xuôi theo sông Mít-xi-xi-pi có năm pháo hạm bọc thép trong đoàn, nhưng kết quả trận đánh lại không phải do họ quyết định, mà là do hai "tàu khu trục" của đại tá Ê-lít - tàu "Quyn" và "Mô-nác". Trong số 8 "tàu khu trục" của đối phương thì bốn chiếc đã bị tiêu diệt, ba chiếc bị bắt, còn một chiếc chạy thoát. Sau khi các pháo hạm của phân hạm Liên bang đã bắn pháo cấp tập một lúc vào các tàu của quân phiến loạn, thì các tàu "Quyn" và "Mô-nác" đã thọc sâu vào đội hình của hạm đội đối phương. Các pháo hạm hầu như đã hoàn toàn ngừng bắn, bởi vì các "tàu khu trục" của đại tá Ê-lít đã xen kẽ với các tàu đối phương tới mức là các pháo thủ không thể phân biệt tàu của mình với tàu của đối phương.

Như đã nói ở trên, các "tàu khu trục" của Ê-lít không có đại bác, nhưng trên boong của chúng lại có rất nhiều tay thiện xạ. Các máy hơi nước và nồi hơi của các "tàu khu trục" chỉ được che chắn bằng gỗ. Toàn bộ trang bị của các "tàu khu trục" thực ra chỉ là các máy hơi nước công suất lớn và phần mũi nhọn làm bằng gỗ sồi và bọc lá sắt. Hàng nghìn đàn ông, đàn bà và trẻ con đã từ *Mem-phi-xơ* ulla đến hai bờ dốc đứng của sông Mít-xi-xi-pi để từ đó, với khoảng cách ở một số chỗ không quá nửa i-ác-đơ, nín thở theo dõi "trận đánh của các "tàu khu trục"". Trận đánh kéo dài không quá một giờ. Những người nổi loạn đã mất 7 tàu chiến

và 100 người, trong đó gần 40 người bị chết đuối, trong khi đó về phía Liên bang chỉ có một tàu bị hỏng nặng, chỉ có một người bị thương, và nói chung không có tử vong.

Ngoài một "tàu khu trục" bọc sắt còn sống sót sau trận hải chiến ở *Mem-phi-xơ*, hiện nay những người thuộc phái Hiệp bang chắc còn có một số "tàu khu trục" và tàu bọc thép nữa ở vùng Mô-bin. Cũng có một số ít pháo hạm ở Vích-xbéc-gơ đang bị phân hạm tàu Pha-ra-gút bơi ngược sông và phân hạm tàu của Đê-vít xuôi dọc sông này đồng thời đe dọa. Ngoài các tàu này ra thì hạm đội của phe Hiệp bang không còn tàu nào nữa.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối tháng Sáu
1862*

*Đã đăng trên báo "Die Presse" số 181, ngày
3 tháng Bảy 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

NHỮNG SỰ KIỆN Ở TRUNG QUỐC

Không bao lâu trước khi những chiếc bàn bắt đầu nhảy múa thì ở *Trung Quốc*, ở cái hóa thạch sống này, bắt đầu sục sôi cách mạng³²⁷. Bản thân hiện tượng này tự nó không có gì đặc biệt cả, bởi lẽ ở các quốc gia phương Đông chúng ta thường xuyên nhận thấy sự bất đồng của nền tảng xã hội trong khi các cá nhân và các bộ lạc nắm thượng tầng chính trị trong tay mình thì không ngừng thay đổi. Một triều đại ngoại bang đang thống trị ở Trung Quốc³²⁸. Lẽ nào sau 300 năm lại không xuất hiện một phong trào nhằm lật đổ triều đại này? Ngay từ đầu, phong trào đã mang màu sắc tôn giáo, nhưng đó là nét chung cho tất cả các phong trào ở phương Đông. Những nguyên nhân trực tiếp làm xuất hiện phong trào dĩ nhiên là: sự can thiệp của châu Âu, các cuộc chiến tranh nha phiến³²⁹, sự rung chuyển của chế độ nhà nước hiện thời do những tình hình đó gây nên, sự chảy máu bạc ra nước ngoài, sự phá huỷ cân bằng kinh tế do kết quả nhập hàng hóa nước ngoài vào v.v.. Điều nghịch lý là thay vì tác động ru ngủ, thuốc phiện lại gây tác động thức tỉnh. Trên thực tế, trong cuộc cách mạng Trung Quốc này chỉ những người đại biểu cho nó là độc đáo. Ngoài việc thay đổi một triều đại ra, họ không đặt cho mình nhiệm vụ nào khác cả. Họ không có khẩu hiệu nào cả. Họ làm cho quần chúng nhân dân sợ hãi hơn là cho những người cầm quyền cũ. Toàn bộ mục đích của họ quy lại hình như chỉ là đem sự phá huỷ dưới những hình thức kinh tởm đến quái dị, sự phá huỷ không có chút mầm mống của công việc sáng tạo nào, đối lập

lại với tình trạng tê liệt, trì trệ. Để nêu đặc điểm của những "chiếc roi của Thượng đế" này, chúng tôi xin đưa ra những đoạn trích bức thư của ngài Hác-vi (lãnh sự Anh ở Ninh Ba) gửi cho ngài Bru-xơ, công sứ Anh ở Bắc Kinh như sau:

Thế là đã ba tháng, - Hác-vi viết, - Ninh Ba nằm trong tay phái *Thái Bình* cách mạng. Ở đây, cũng như ở mọi nơi những kẻ cướp này đặt chân tới, sự tàn phá đã là kết quả duy nhất của sự thống trị của họ. Họ sẽ còn đặt ra cho mình mục đích nào khác không? Sự thống trị của những hành vi quá lạm không giới hạn và không kiểm chế được đối với họ đã tỏ ra thực sự cũng quan trọng như là việc tiêu diệt những sinh mệnh xa lạ. Quan điểm này của những người Thái Bình thực tế không mấy phù hợp với ảo tưởng của những nhà truyền giáo Anh là những người đang viết những câu chuyện ngụ ngôn kể rằng những người Thái Bình sẽ thực hiện việc "giải phóng Trung Quốc", "khôi phục lại đế chế", "cứu nhân dân" và "truyền bá đạo Thiên chúa". Qua kết quả mười năm hoạt động rùm beng và vô bổ, họ đã phá huỷ tất cả và chẳng tạo ra cái gì hết.

Đành rằng, ngài Hác-vi nói tiếp, trong các quan hệ chính thức với người nước ngoài thì những người Thái Bình khác hẳn những viên quan lại ở hành vi cư xử thẳng thừng nổi tiếng và sự tàn nhẫn quyết liệt, nhưng đó cũng là toàn bộ bản liệt kê các phẩm hạnh của họ.

Những người Thái Bình trả công cho các đơn vị quân đội của mình ra sao? Binh lính của họ không được lĩnh lương, mà sống bằng chiến lợi phẩm. Nếu các thành phố họ chiếm được mà giàu có thì binh lính chìm ngập trong dư thừa; nếu các thành phố đó nghèo nàn thì họ biểu thị sự nhẫn nại mẫu mực. Ngài Hác-vi đã hỏi một người lính Thái Bình ăn mặc tinh tươm xem anh có thích cái nghề này của mình hay không. "Sao lại không nhỉ? - người lính đó trả lời. Tôi vợ vét tất cả những gì tôi thích; còn nếu như tôi gặp phải sự chống cự thì...", - và anh ta lấy tay làm điệu bộ,

ám chỉ việc chặt đầu. Và đó không phải là lời nói suông. Đối với lính Thái Bình thì cái đầu người không có giá trị hơn một chiếc bắp cải.

Nòng cốt của quân đội cách mạng là các đơn vị chính quy - những cựu binh đã phục vụ lâu năm và đã được thử thách trong các trận đánh. Phần còn lại gồm lính tuyển mộ trẻ hoặc nông dân bị cưỡng bức vào quân đội trong thời gian bắt lính. Những người chỉ huy thường chuyển ngay lập tức các đơn vị mộ được ở một tỉnh nào đó đến tỉnh khác ở cách xa. Chẳng hạn, những nghĩa binh ở Ninh Ba hiện đang được nói lần đầu tiên ở những vùng xa xôi. Trong từng vùng, bọn người rách rưới, lang thang và vô lại địa phương cũng tình nguyện gia nhập phe Thái Bình. Kỷ luật đòi hỏi phải phục tùng chỉ trong lúc làm nhiệm vụ. Lính Thái Bình bị cấm lấy vợ cũng như hút thuốc phiện, nếu vi phạm thì bị tử hình. Họ chỉ có thể lấy vợ "khi nào để chế được khôi phục lại". Để bù lại, lính Thái Bình được phép *carte blanche*^{1*} trong việc tùy ý cưỡng bức đàn bà con gái trong vòng ba ngày đầu tiên sau khi chiếm được thành phố mà dân cư ở đó chưa kịp chạy trốn. Sau khi hết hạn ba ngày, *tất cả* nữ giới đều bị cưỡng bức đuổi ra khỏi thành phố.

Gây hoang mang lo sợ - đó là toàn bộ sách lược của những người Thái Bình. Thành công của họ chỉ hoàn toàn dựa vào tác động của chiếc lò xo này. Phương tiện gây hoang mang lo sợ trước hết là việc xuất hiện ngay tức khắc từng đám đông ở một nơi nhất định nào đó. Đầu tiên, các phái viên được cử đến để bí mật dò la đường sá, gieo tin đồn gây hoang mang lo sợ, đốt phá chỗ

này chỗ nọ. Nếu như các quan lại tóm được và xử tử các phái viên này, thì lập tức xuất hiện những phái viên khác thay thế họ, cho đến khi hoặc là đám quan lại và dân cư trong thành phố rút chạy, hoặc là - như đã xảy ra khi chiếm Ninh Ba, - cho đến khi tình trạng mất tinh thần xảy ra khiến cho nghĩa binh dễ dàng chiến thắng.

Phương tiện chính để gây sợ hãi là sắc phục loang lổ như anh hề của quân Thái Bình. Đối với người châu Âu thì loại áo quần ấy có lẽ chỉ làm cho người ta buồn cười. Nhưng đối với người Trung Quốc thì nó lại có tác động như là bùa phép. Vì vậy, bộ quần áo hề này tạo ra cho nghĩa binh nhiều ưu thế hơn trong chiến đấu so với những nòng đại bác có rãnh xoắn. Xin hãy thêm vào tất cả những cái đó cả những mái tóc dài bù xù, đen hoặc nhuộm đen, đôi mắt long lên man rợ, tiếng rú thê lương, vẻ giận giữ và sự hung bạo giả tạo, - và những cái đó đủ để làm cho người dân Trung Quốc cầu nộ, hiền lành, phép tắc phải chết khiếp.

Tiếp theo sau việc các phái viên đã gieo rắc hoang mang lo sợ là những người chạy loạn bị xua đuổi một cách có dụng ý khỏi các thôn xã, những người này miêu tả thói phong số quân, sức mạnh và sự hung ác của đội quân đang tới gần. Còn khi trong thành phố bùng lên đám cháy và đội quân đồn trú của nó xuất trận với ấn tượng về quang cảnh khủng khiếp này, thì xa xa thấp thoáng những quái vật quần áo loang lổ gây kinh hoàng. Sự xuất hiện của những quái vật này có tác động như nam châm. Vào thời điểm thích hợp, hàng trăm ngàn quân Thái Bình được trang bị bằng dao, lao và súng kíp, la hét man rợ lao vào đối phương đang hết hồn vì sợ hãi và san bằng tất cả trên đường tiến của mình, nếu như không gặp phải sự kháng cự, như đã xảy ra mới đây ở Thượng Hải.

"Thực chất quân Thái Bình", - ngài Hác-vi kết luận, - "đó chỉ là ảo ảnh hoàn toàn (nothingness)".

1* - tự do hành động

Quân Thái Bình - rõ ràng đó là con quỷ in persona^{1*} mà trí tưởng tượng Trung Quốc cần phải vẽ ra cho mình. Nhưng cũng chỉ ở Trung Quốc mới có thể có con quỷ loại đó. Nó là sản phẩm của đời sống xã hội đã hóa thạch.

*Do C.Mác viết vào nửa cuối tháng Sáu -
đầu tháng Bảy 1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 185, ngày
7 tháng Bảy 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

1* - bằng xương bằng thịt

C.MÁC

MỘT VỤ TAI TIẾNG

Bây giờ Luân Đôn đang bận bịu với một trong những vụ tai tiếng đặc trưng, vốn chỉ có thể có ở một nước mà các truyền thống quý tộc cũ đang ăn sâu vào xã hội tư sản hiện đại. *Corpus delicti*^{1*} là là quyển Sách xanh của Ủy ban nghị viện chứa đựng báo cáo về việc xây dựng đường trên bờ sông Têm-dơ và về việc kiến thiết dọc bờ sông, ở trung tâm thành phố, một đường phố mới nối liền cầu Oét-min-xtơ với cầu Blếch-phrai-ác³³⁰. Cái kế hoạch đòi hỏi những chi phí khổng lồ này giải quyết cùng một lúc một số nhiệm vụ: làm đẹp Luân Đôn, làm sạch sông Têm-dơ, cải thiện điều kiện vệ sinh, tạo ra một đại lộ tuyệt vời và, cuối cùng, xây dựng một trục đường mới. Điều này sẽ giải phóng Xtơ-ren, Phlít-xtơ-rít và các phố khác song song với sông Têm-dơ khỏi bị ách tắc giao thông v.v., một sự ách tắc đang ngày càng trở nên nguy hiểm và làm chúng ta nhớ đến tác phẩm trào phúng của Giu-vê-nan về một người La Mã đã viết di chúc của mình trước khi ra khỏi nhà, vì rằng rất có khả năng hoặc là ông ta sẽ bị xe cán, hoặc là sẽ bị chết vì một vật nặng nào đó rơi trúng ông ta^{2*}.

1* - Cấu thành tội phạm, chứng cứ vật chất

2* Giu-vê-nan. "Những bài trào phúng", bài trào phúng thứ III.

Vậy là, ở cái nơi sẽ cần phải cải biến này, - trên bờ Bắc sông Têm-dơ, về phía đông cầu Oét-min-xtơ và ở cuối Oai-tơ-hôn - là dinh thự của một số nhà quý tộc lớn với các lâu đài và vườn hoa kéo dài tới tận sông Têm-dơ. Dĩ nhiên, các ngài này nói chung đều hoan nghênh bản kế hoạch, bởi vì việc thực hiện kế hoạch này *bằng tiền của nhà nước* sẽ làm đẹp khu vực xung quanh các "mansions"^{1*} của họ và do đó sẽ làm tăng giá trị của các biệt thự này. Nhưng chỉ có một điều làm họ lo ngại. Họ yêu cầu việc xây dựng đã được dự định này phải *ngắt đoạn* ở những nơi mà đường phố được xây dựng mới dự kiến sẽ đi qua ngay sát dọc các dinh cơ của họ và do đó sẽ làm cho chúng tiếp xúc với "misera contribuens plebs"^{2*}. Sự biệt lập Ô-lim-pơ của "fruges consumere nati"^{3*} này không thể bị quấy rầy bởi hình dáng, tiếng ồn cũng như nhịp thở của đám thường dân đang bận rộn công việc. Đứng đầu những người xa hoa cao quý này là công tước Bắc-clu, là người, vốn giàu có và có thế lực nhất, đã tiến xa hơn hết trong những đòi hỏi "khiêm tốn" của mình. Và thế thì sao? Ủy ban nghị viện đã viết báo cáo của mình theo tinh thần những đòi hỏi của công tước Bắc-clu! Công trình xây dựng mới phải *ngắt đoạn* ở nơi nào nó có thể ảnh hưởng đến *sự yên tĩnh* của công tước Bắc-clu. Thành phần uỷ ban này của hạ nghị viện gồm huân tước *Rô-bớc Mân-tê-ghiu*, một người bà con của công tước, và ngài *Giôn Sê-li*, đại biểu của một khu ở Luân Đôn - khu Oét-min-xtơ. Ông này hiện đã đến lúc phải nghĩ đến chiếc áo giáp sắt để trong các cuộc bầu cử sắp tới nó có thể bảo vệ mình tránh khỏi những quả bom

1* - "Vi-la", dinh thự

2* - "kẻ phải nộp thuế đáng thương"

3* - "những người sinh ra để hưởng trái ngọt" (Hô-ra-xơ. "Những bức thư")

Am-xtơ-rông gồm những quả táo ửng và trứng thối đã được chuẩn bị sẵn cho ông ta.

Ngay cả báo "Times" cũng đã viết về báo cáo này như sau:

"Cuốn Sách xanh này là một mê cung thực sự. Bản thân báo cáo chỉ gồm tám dòng. Phần còn lại là một mớ rối bòng bong mà phần lớn là những lời trình bày thiên vị không có giá trị của các nhân chứng và các chuyên gia. Không một sự chỉ dẫn, không một sự phân tích, không một lý lẽ nào. Đúng là cả một tràng ba hoa vô tận và không có một sự việc nào khả dĩ có thể kiểm tra được, không một ý kiến nào khả dĩ có thể dựa vào được. Đôi lúc hình như cuối cùng thế là cũng sẽ được nghe một ý kiến thực sự có hiểu biết, - nhưng bỗng nhiên uỷ ban lại can thiệp vào và từ chối không nghe bất kỳ ý kiến nào không phù hợp với mong muốn của công tước Bắc-clu. Cuốn sách này là một tập suppressio veri^{1*} dày cộp và nặng trĩu. Nó được viết ra với mục đích rõ rệt là để cản trở bất kỳ sự bàn luận thiết thực nào về vấn đề này ở nghị viện. Để làm điều này, cuốn sách đã bị loại bỏ thậm chí tất cả các bản vẽ, được hứa sẽ công bố chỉ post festum^{2*} - cần phải giả định là sau các cuộc tranh luận ở nghị viện".

Vụ tai tiếng này đã buộc dân Luân Đôn phải đặt ra hai câu hỏi. Thứ nhất, cái ông công tước Bắc-clu, con người khổng lồ ấy là ai mà những ý muốn kỳ quặc cá nhân của ông ta lại đối lập với lợi ích của ba triệu con người? Cái người khổng lồ ấy là ai mà một mình thách đấu với cả Luân Đôn? Người ta không nhớ đến một cuộc chiến đấu nào ở nghị viện có dính dáng đến tên tuổi con người này. Ông ta ngồi bệ vệ ở thượng nghị viện, nhưng tham gia trong các công việc của nó cũng rất ít, giống như quan hoạn trong các cuộc tiêu khiển ở cung điện. Các câu trả lời của ông ta cho uỷ ban chứng tỏ trong chất nảo ông ta đặc biệt thiếu phốt-pho. Vậy thì, "That man Buccleuch"^{3*} là ai? - coóc-ni^{4*} Luân Đôn

1* - che giấu sự thật

2* - về sau

3* - ông Bắc-clu này

4* - người dân

thường hỏi một cách không kiểu cách như vậy. Trả lời: kẻ nổi dỗi của những đứa con ngoài giá thú mà "merry monarch" (nhà vua vui tính) Sác-lơ II đã sinh ra cùng với *Luy-xi Pác-xơn*, một tình nhân vô sỉ và mặt hạng nhất trong số các tình nhân của mình. Đó, "That man Buccleuch" là ai! Câu hỏi thứ hai mà người dân Luân Đôn đặt ra là: cái ông công tước Bắc-clu này đã kiếm được ngôi "biệt thự" của mình trên bờ sông Têm-dơ như thế nào? Bởi vì người Luân Đôn còn nhớ rằng mảnh đất dưới ngôi "biệt thự" này là sở hữu của nữ hoàng và mới tám năm trước vẫn còn thuộc quyền quản lý của bộ hoàng gia lands and woods^{1*}.

Câu trả lời cho câu hỏi thứ hai này không dễ phải đợi lâu. Báo chí ở đây không e dè gì trong những trường hợp tương tự. Để mô tả không chỉ bản chất của vấn đề, mà cả cái giọng điệu mà báo chí Anh dùng để thảo luận các vấn đề thật tế nhị như vậy, tôi xin dẫn ra nguyên xi một đoạn trích từ tờ "Reynolds's Newspaper" ra hôm thứ bảy trước.

"Đặc quyền của công tước Bắc-clu cản trở việc làm đẹp Luân Đôn mới chỉ có từ bảy hoặc tám năm trước đây. Vào năm 1854, công tước đã thuê ngôi nhà của Mân-tê-ghiu ở Oai-tơ-hôn, sau khi đã dùng một mảnh khoé mà giá như đó là một người nghèo khổ thì chắc đã bị đặt vào ghế bị cáo ở Ôn-đơ-Bây-li rồi. Nhưng ngài công tước lại có thu nhập hàng năm là 300 000 p.xt. và ngoài ra, còn có một công trạng nữa là ông ta là người nổi dỗi của Luy-xi Pác-xơn, một tình nhân vô liêm sỉ của "nhà vua vui tính". Ngôi nhà của Mân-tê-ghiu đã là sở hữu của hoàng gia và vào năm 1854 người ta đã biết chắc rằng mảnh đất có ngôi nhà này được ấn định dùng để xây các ngôi nhà công cộng. Vì vậy, ngài *Đi-xra-e-li*, lúc đó là bộ trưởng ngân khố, đã từ chối ký bản hợp đồng thuê nhà đã được lập cho công tước. Tuy thế, d'une manière ou d'une autre^{2*}, bản hợp đồng vẫn được ký. Ngài *Đi-xra-e-li* đã công phần và tuyên bố thẳng ở hạ nghị viện rằng người kế nhiệm của ngài là *Glát-xtôn* đã hy sinh các lợi ích của xã hội vì lợi ích của cá nhân công tước. Ngài Glát-xtôn, với cái giọng mỉa mai

1* - đất và rừng

2* - bằng cách nào đó

ngọt xốt vốn có của mình, đã trả lời rằng thực đúng là đã không nên ký xác nhận bản hợp đồng này. Tuy nhiên, rõ ràng là đã có những căn cứ nào đó khiến cho việc làm này trở nên cần thiết. Đã ấn định việc điều tra của nghị viện, và ôi, khủng khiếp thay! - hóa ra bản hợp đồng đã được ký xác nhận không phải ai khác, mà *chính là ngài Đì-xra-e-li*.

Nhưng có lẽ ở đây chúng ta cũng lại đụng chạm đến cái mảnh khoé nói trên, có thể bị truy tố hình sự thậm chí là ở Ôn-đơ-Bây-li, của người nối dõi cao quý của Luy-xi Pác-xơn! Ngài Đì-xra-e-li đã tuyên bố rằng ngài hoàn toàn không nhớ rằng bản hợp đồng đó đã được *ngài ký*. Tuy nhiên, trong khi đó ông ta lại đã thừa nhận chữ ký đúng là của mình. Không một ai nghi ngờ lòng trung thực của ngài Đì-xra-e-li. Vậy thì nên giải câu đố này thế nào đây? Hóa ra là người nối dõi cao quý của Luy-xi Pác-xơn đã giao cho một tên tay sai hay bạn bè nào đó *luôn* bản hợp đồng thuê nhà của Mân-tê-ghiu vào cùng với một đồng giấy tờ mà bộ trưởng ngân khố đã ký mà không hề đọc qua. Vậy là ngài Đì-xra-e-li đã ký một văn bản trong khi không hề có ý niệm gì về nội dung của nó! Và chính bằng cách đó mà người nối dõi của Luy-xi Pác-xơn đã có được cái đặc quyền đặt những ý nghĩ kỳ quặc của mình đối lập với lợi ích của ba triệu người Luân Đôn. Ủy ban của nghị viện đã đóng vai trò làm công cụ nô lệ cho sự xác lảo của ông ta. Nếu như trên con đường này không phải là tòa biệt thự có được nhờ trò gian lận của *một mình* Bắc-clu, mà là những nhà ở của 1000 công nhân, thì có lẽ chúng đã bị dời đi ngay lập tức một cách không thương xót, còn các chủ nhân của chúng thì đã bị ném ra ngoài đường phố không một xu đền bù".

*Do C.Mác viết vào đầu tháng Bảy 1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 189, ngày
11 tháng Bảy 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

HUỠI BỎ CÁC CUỘC THẢO LUẬN VỀ MÊ-HI-CÔ VÀ SỰ LIÊN MINH VỚI PHÁP

Luận Đôn, ngày 16 tháng Bảy

Một trong những phát minh lạ lùng nhất của chế độ nghị viện Anh là count out (đếm). Count out là gì? Nếu như ở Hạ nghị viện có mặt dưới 40 nghị sĩ thì họ chưa đủ tạo ra một số lượng đại biểu hợp lệ, tức là một cuộc họp có thẩm quyền ban hành quyết định. Khi nào một đại biểu độc lập nào đó đưa ra một đề nghị không thể được chấp nhận như phản đối với *cả hai* phái quả đầu, đối với Ins và Outs (đối với những người tham gia chính phủ, và đối với những người đối lập), thì khi đó cả hai phái, theo sự thỏa thuận với nhau, đều dàn xếp sao cho vào ngày tranh luận có sự thay đổi dân các đại biểu, alias^{1*} - họ rút lui. Một khi việc rút lui ghe vừa đạt tới mức tối đa cần thiết, thì government whip (cây gậy chính phủ), tức là một nghị sĩ đã được nội các lúc đó giao cho việc giám sát kỷ luật ở nghị viện, sẽ ra hiệu cho một người đồng sự đã được bầu trước cho mục đích này. Nghị viện đồng sự đứng lên và bằng một giọng vô tư đề nghị chairman (chủ tọa) đếm số đại biểu có mặt. Việc đếm được tiến hành, và thế thì sao? Hóa ra là hiện diện có dưới 40 nghị viên. Công việc được kết thúc

ở đây. Đề nghị khó chịu kia *bị gạt bỏ*, mà cả hai đảng, cả đảng cầm quyền lẫn đảng đối lập, đều tránh khỏi tình thế khó khăn làm ảnh hưởng đến thanh danh mình là phải bỏ phiếu chống lại đề nghị đó.

Tại phiên họp ngày hôm qua việc "count out" đã được tiến hành bằng một cách đặc biệt lạ lùng. Huân tước R. Mân-tê-giui đã tuyên bố rằng hôm đó ông ta yêu cầu phải thảo luận các văn kiện ngoại giao mới về *cuộc can thiệp vào Mê-hi-cô*. Ông ta đã bắt đầu bài phát biểu của mình bằng những lời như sau:

"Vào ngày thứ bảy tuần trước cuốn Sách xanh mới nhất về Mê-hi-cô đã được đệ trình trước nghị viện, thành thử bây giờ các đại biểu đã có thể thảo luận vấn đề Mê-hi-cô. Tôi *biết* rằng đảng cầm quyền và đảng đối lập đã thỏa thuận với nhau để làm thất bại đề nghị của tôi bằng cách count out. Nhưng tôi hy vọng rằng ý thức được nghĩa vụ của mình các nghị sĩ sẽ không thể chịu được cái mách khoé tương tự trong công việc quan trọng đến như thế".

Tuy nhiên, huân tước R. Mân-tê-giui đã tính nhầm. Sau khi ông ta phát biểu thì chính *Lây-ác* đã thay mặt chính phủ trả lời ông ta, còn *Phít-xơ-giê-ran* đã nói đôi lời chính thức, thay mặt đảng bảo thủ, Kinh-lếch (đại biểu phái tự do) cũng đã đứng lên. Ông ta đã kết thúc *phần mở đầu* diễn văn của mình bằng những lời như sau:

"Tất cả những cuộc thương lượng ấy, hiện đã bị bóc trần nhờ các tài liệu được đưa ra, là một thí dụ nổi bật về những thủ pháp mà Chính phủ Pháp dùng để sử dụng những mối liên hệ của họ với nước ta như là một phương tiện để duy trì ngai vàng để chế.

Đối với Chính phủ Pháp, điều vô cùng quan trọng là làm sao nhăng sự chú ý của nhân dân Pháp đối với các công việc nội bộ bằng cách chỉ cho nhân dân thấy những công việc vĩ đại của nó ở nước ngoài, nhưng quan trọng hơn nữa đối với Chính phủ Pháp là chỉ ra rằng nó đang thực hiện những công việc này theo sự thỏa thuận với một trong những cường quốc vĩ đại đáng kính".

Kinh-lếch vừa nói xong những lời này thì một nghị viên "*đáng kính*" của hạ nghị viện đưa ra đề nghị "*đếm*" số đại biểu có mặt.

1* - nói cách khác

Và thế thì sao? Hóa ra nghị viện đã phân tán và chỉ còn lại trong đó cả thảy có 33 người. Đề nghị do huân tước Mân-tê-ghiu đưa ra cũng đã bị giết chết bởi chính cái count out, mà để chống lại nó ông ta đã phát biểu phản đối khi khai mạc các cuộc thảo luận.

Ngoài bài phát biểu bị ngắt nửa chừng của Kinh-léch ra, chỉ có diễn văn của R. Mân-tê-ghiu là thực sự đáng lưu ý. Trong bài diễn văn đó có sự giải thích quan trọng về thực trạng công việc:

"Ngài Sác-lơ Oai-cơ đã ký với Mê-hi-cô một hiệp ước. Do sự nịnh bợ Lu-i Bô-na-pác-tơ mà hiệp ước này đã không được huân tước Giôn Rốt-xen phê chuẩn. Ngài S.Oai-cơ đã ký hiệp ước này sau khi nước Pháp thiết lập được mối liên hệ với thủ lĩnh đảng phản động An-môn-tê, nhờ vậy đã đi vào con đường huỷ bỏ hiệp định chung giữa Anh, Pháp và Tây Ban Nha. Chính huân tước Giôn Rốt-xen đã tuyên bố trong một thông báo chính thức rằng hiệp ước này thỏa mãn mọi yêu cầu chính đáng của nước Anh. Tuy nhiên, trong thư trao đổi của mình với Tu-vơ-nen ông đã hứa theo như nguyện vọng của Bô-na-pác-tơ, rằng cứ tạm *chưa* phê chuẩn bản hiệp ước. Ông ta đã cho phép Tu-vơ-nen thông báo quyết định này cho cơ quan lập pháp. Hơn nữa, huân tước Rốt-xen đã hạ mình tới mức hứa với Tu-vơ-nen cắt đứt mọi liên hệ với ngài S. Oai-cơ đến ngày 1 tháng Bảy 1862 - thời hạn đủ để trong khoảng đó Tu-vơ-nen có thể trả lời. Tu-vơ-nen đã trả lời rằng Bô-na-pác-tơ không bác bỏ quyền của nước Anh hành động riêng rẽ, nhưng phản đối hiệp ước Anh - Mỹ đã được ngài S. Oai-cơ ký kết. Khi đó Rốt-xen đã ra lệnh phải trì hoãn việc phê chuẩn hiệp ước, trong lúc Oai-cơ lại chờ đợi sự phê chuẩn này".

Nước Anh, huân tước Mân-tê-ghiu nói tiếp, sử dụng ảnh hưởng của mình để bắt ngân khố quốc gia Mê-hi-cô trả một khoản tiền theo những cam kết mà *Moóc-ni* "và có thể cả những nhân vật cao cấp hơn ở nước Pháp" đã đạt được một cách bất hợp pháp qua sự mối lái của người giao dịch chứng khoán Thụy Sĩ tên là Giéch-cơ.

"Toàn bộ vụ Mê-hi-cô này", - ông ta nói tiếp, - "đã được bắt đầu mà nghị viện không biết trước. Năm 1857 đã xảy ra cuộc chiến tranh thứ nhất không được nghị viện chuẩn y. Pan-móc-xton đã thanh minh về điều này là cuộc chiến tranh được tiến hành ở châu Á. Bây giờ cũng chính cái nguyên tắc ấy được áp dụng cho châu Mỹ. Cuối cùng nó sẽ được áp dụng cho cả châu Âu nữa. Như vậy là chế độ nghị viện

đang biến thành một trò hề rỗng tuếch, bởi vì chính phủ nhân dân đang mất luôn cả sự kiểm soát tài tiền cùng với sự kiểm soát các cuộc chiến tranh".

Huân tước *Mân-tê-ghiu* đã kết thúc bài diễn văn của mình bằng những lời như sau:

"Tôi buộc tội chính phủ về việc nó đã làm cho chúng ta trở thành đồng minh của tên đao phủ đối với nền tự do của nước Pháp, còn bây giờ thì nó tạo khả năng cho kẻ phiêu lưu vô lương tâm này thiết lập chế độ chuyên chế ở một đất nước xa lạ. Nó gắn số phận của chúng ta với số phận của một con người đang làm cho mọi người phải kinh tởm và trời đất đang đợi dịp trả thù".

Do C.Mác viết ngày 16 tháng Bảy 1862

*Đã đăng trên báo "Die Presse" số 198, ngày
20 tháng Bảy 1862*

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

GÓP PHẦN PHÊ PHÁN TÌNH HÌNH Ở MỸ

Cuộc khủng hoảng hiện đang bao trùm Hợp chúng quốc là do hai loại nguyên nhân gây nên: nguyên nhân quân sự và nguyên nhân chính trị.

Giá như chiến dịch gần đây nhất đã được tiến hành theo một kế hoạch chiến lược *thống nhất*, thì có lẽ, như đã giải thích trước đây trên các báo của chúng tôi^{1*}, đội quân chủ lực ở phía tây cần phải lợi dụng những thắng lợi của mình ở Kên-tắc-ki và Tê-nê-xi để tràn qua phần phía Bắc A-la-ba-ma mà xâm nhập vào Gioóc-gi-a và để chiếm các trung tâm đường sắt tại đó ở Đê-cây-lơ, Mìn-lơ-giơ-vin v.v.. Bằng cách đó, có lẽ đã cắt đứt được sự liên lạc giữa đội quân phía đông và phía tây của những người thuộc phái ly khai và loại trừ được khả năng hỗ trợ lẫn nhau của họ. Đáng lẽ làm như vậy thì tập đoàn quân Kên-tắc-ki đã di chuyển dọc theo Mít-xi-xi-pi xuống miền Nam, theo hướng đến Tân Oóc-lê-ăng, và thắng lợi của nó ở gần Mem-phi-xơ chỉ dẫn đến tình hình là phần lớn các đơn vị của Bô-rê-ga đã được ném vào Rích-môn; kết quả là về phía những người thuộc phái Hiệp bang bỗng dưng tạo ra được ở đây ưu thế về số lượng và thế trận so với Mắc-Cli-lân, là người đã không lợi dụng những thất bại của

quân đội địch ở Y-oóc-tau-nơ và Va-li-am-xbéc-gơ và hơn nữa, ngay từ đầu đã phân tán các lực lượng chiến đấu của chính mình. Chỉ riêng sự chỉ huy của Mắc-Cli-lân, mà chúng tôi đã có nhận xét trước đây^{1*}, đã đủ để đảm bảo sự diệt vong của đội quân lớn nhất và có kỷ luật nhất. Cuối cùng, cả bộ trưởng chiến tranh Xtan-tơn cũng đã mắc một sai lầm không thể tha thứ. Tính đến ấn tượng tốt ở nước ngoài, sau khi chiếm được Tê-nê-xi, ông ta đã ngừng tuyển mộ lính và do đó đã làm cho quân đội yếu đi liên tục vào đúng lúc đó cần được củng cố hơn cả để mở cuộc tấn công nhanh chóng và quyết định. Mặc dù có những sai lầm về chiến lược và trái ngược với sự chỉ huy của Mắc-Cli-lân, nhờ bổ sung thường xuyên lính mới tuyển, mà cuộc chiến tranh, nếu như cho đến nay còn chưa thắng lợi thì dù sao cũng đã tiến nhanh tới kết thúc thắng lợi. Bước đi của Xtan-tơn càng tai hại hơn, bởi vì đúng lúc đó miền Nam kêu gọi tất cả đàn ông từ 18 đến 35 tuổi cầm súng, như vậy là đánh *một* nước bài liều. Thế mà chính những người được huấn luyện ấy lúc này lại đang tạo ưu thế cho phe Hiệp bang ở hầu khắp mọi nơi và bảo đảm cho họ thế chủ động. Họ đã chặn đứng Ha-lếch, đã đuổi Cốc-tít-xơ ra khỏi Ác-can-da-xơ, đã đánh tan Mắc-Cli-lân và dưới sự chỉ huy của Giéch-xơn - Tường đá đã phát tín hiệu cho các cuộc đột kích của du kích hiện đã lan tới Ô-hai-ô.

Các nguyên nhân quân sự của cuộc khủng hoảng một phần cũng gắn liền với các nguyên nhân chính trị. Một trong những nguyên nhân này là ảnh hưởng của đảng dân chủ, đảng đã đưa một kẻ bất tài như Mắc-Cli-lân lên chức commander in chief^{2*} các lực lượng vũ trang miền Bắc, vì rằng vào lúc đương thời ông ta đã là người thuộc phe Brê-kin-rít-giơ. Một nguyên nhân khác

1* Xem tập này, tr. 651-654, 677.

1* Xem tập này, tr. 631-635, 667-672.

2* - tổng chỉ huy

là sự quan tâm dè dặt đối với những nguyện vọng, lợi ích và quyền lợi của các thủ lĩnh các *bang chiếm hữu nô lệ ở biên giới* (border slave states), điều cho tới nay đã làm dịu bớt sự gay gắt về nguyên tắc của cuộc nội chiến và có thể nói, làm cho nó mất linh hồn. Các chủ nô "trung thực" của những bang biên giới này đã đạt được một điều là fugitive slave laws (các đạo luật về những nô lệ bỏ trốn)³³¹ do miền Nam áp đặt vẫn còn có hiệu lực, còn cảm tình của những người da đen đối với miền Bắc đã bị trấn áp bằng bạo lực, thành ra không một ai trong số các tướng lĩnh dám bạo gan lập ra một đại đội người da đen và, cuối cùng, chế độ nô lệ đã từ chỗ là điểm yếu của miền Nam biến thành một chiếc áo giáp hoàn hảo. Nhờ có những người nô lệ làm toàn bộ công việc sản xuất mà miền Nam có thể huy động toàn bộ dân cư có khả năng chiến đấu đi cầm súng!

Vào thời điểm hiện nay, khi hoạt động của những người thuộc phe ly khai nổi lên, thì thủ lĩnh các bang biên giới bắt đầu tăng thêm các tham vọng của mình. Tuy nhiên, lời kêu gọi của Lin-côn đối với họ³³², trong đó ông ta lấy sự lớn mạnh nhanh chóng của đảng bài nô để đe dọa, đã cho thấy rằng sự việc đã mang tính chất một sự chuyển hướng cách mạng. Lin-côn biết cái mà châu Âu không biết, - rằng việc ông ta kêu gọi tuyển 300 000 lính mới được hưởng ứng một cách lạnh nhạt hoàn toàn không phải vì có sự thờ ơ hay sự suy yếu do ảnh hưởng của việc bại trận gây nên. Vấn đề là ở chỗ vùng Niu In-glân và Tây - Bắc, nơi cung cấp cho quân đội những nguồn dự trữ chủ yếu về người, đã quyết định buộc chính phủ phải tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng và ghi trên lá cờ nhiều sao khẩu hiệu chiến đấu: "Xóa bỏ chế độ nô lệ". Lin-côn nhượng bộ pressure from without^{1*} này một cách chậm chạp và dè dặt, nhưng ông ta biết rằng sẽ không thể chống

1* - áp lực từ bên ngoài

lại nó lâu dài. Do đó mà có lời kêu gọi van nài của ông ta tới các bang biên giới để họ tự nguyện từ bỏ thiết chế nô lệ theo những điều kiện cùng có lợi. Ông ta biết rằng chỉ có việc duy trì chế độ nô lệ ở các bang biên giới mới bảo đảm tính bất khả xâm phạm của chế độ nô lệ ở miền Nam và không cho phép miền Bắc áp dụng phương tiện chữa trị thực sự căn bản. Ông ta chỉ sai lầm khi nghĩ rằng có thể thuyết phục những chủ nô "trung thực" bằng những bài diễn văn thiện ý và những lý do hợp lẽ phải. Họ chỉ lùi bước trước sức mạnh.

Cho đến nay chúng ta mới chỉ chứng kiến màn đầu của cuộc nội chiến - một cuộc chiến tranh được tiến hành *theo kiểu hợp hiến*. Màn hai - tiến hành chiến tranh *theo kiểu cách mạng* - đang còn ở phía trước.

Trong lúc đó Quốc hội hiện đang nghỉ họp, vào kỳ họp đầu tiên của mình, đã ra sắc lệnh về một loạt các biện pháp quan trọng mà chúng tôi xin nhận xét qua ở đây.

Ngoài các đạo luật về tài chính, Quốc hội đã thông qua *đạo luật về cấp đất canh tác* mà quần chúng nhân dân miền Bắc đã chờ đợi uống công từ lâu. Theo đạo luật này thì một phần đất đai của nhà nước được cấp không cho những người di dân bản xứ hoặc từ nơi khác đến³³³ để canh tác. Đạo luật này bãi bỏ việc chiếm hữu nô lệ ở Cô-lông-bi và ở thủ đô của Liên bang sau khi bồi hoàn bằng tiền cho các chủ nô cũ³³⁴. Trên toàn bộ *lãnh thổ* của Hợp chúng quốc chế độ nô lệ đã được tuyên bố là "vĩnh viễn không còn có thể tồn tại". Đạo luật, mà theo đó một bang mới được gia nhập Liên bang - bang *Tây Viéc-gi-ni-a*, quy định việc bãi bỏ dần dần chế độ nô lệ và tuyên bố tất cả trẻ em da đen sinh sau ngày 4 tháng Bảy 1863 đều là dân tự do. Những điều kiện giải phóng dần dần người da đen nói chung là đã vay mượn từ đạo luật được ban hành với mục đích tương tự từ 70 năm trước đây ở Pen-xin-va-ni. Đạo luật thứ tư tuyên bố tất cả những nô lệ

nổi loạn đều được tự do ngay khi họ rơi vào tay quân đội của chính phủ cộng hoà. Đạo luật khác, hiện đang được thực hiện *lần đầu tiên*, cho phép tổ chức các đội quân gồm những người da đen đã được giải phóng này và đưa họ ra trận để đánh lại người miền Nam. Thừa nhận nền độc lập của các nước cộng hòa da đen Li-bê-ri-a và Ha-i-ti³³⁵ và, cuối cùng, đã ký hiệp ước với nước Anh về việc bãi bỏ buôn bán nô lệ.

Như vậy, cho dù vận may của thắng lợi quân sự có thể nào chẳng nữa, thì giờ đây cũng đã có thể nói chắc chắn rằng chế độ nô lệ da đen sẽ không còn sống sót qua cuộc nội chiến được bao lâu nữa.

*Do C.Mác viết ngày 4 tháng Tám 1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 218, ngày
9 tháng Tám 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

RÓT-XEN PHẢN ĐỐI SỰ THÔ BẠO CỦA MỸ. - VIỆC NÂNG GIÁ NGŨ CỐC. - VỀ TÌNH HÌNH Ở I-TA-LI-A

Luân Đôn, ngày 20 tháng Tám

Trong những người Anh, huân tước Giôn Rốt-xen nổi tiếng như là một "letter - writer" (người sáng tác thư từ). Trong bức thư gần đây nhất của mình gửi ngài Xtiu-át, ông ta đã than phiền về những sự xúc phạm của các tờ báo Bắc Mỹ đối với "nước Anh Cũ". Et tu, Brute!^{1*} Không có một người Anh đứng đắn nào khi nói chuyện riêng với các vị lại không tỏ vẻ ngạc nhiên về tour de force^{2*} này. Như đã biết, báo chí Anh thời kỳ những năm 1789 - 1815 đã là vô song trong những cuộc tấn công thù địch hung bạo của mình chống lại dân tộc Pháp. Nhưng tuy vậy, "malignant brutality" (sự căm hờn độc ác) mà nó biểu lộ trong năm qua đối với Hợp chúng quốc, đã vượt quá cả truyền thống đó! Chỉ cần đưa ra một số thí dụ trong thời gian gần đây là đủ.

"Chúng tôi có nghĩa vụ" - báo "Times" viết, - "biểu thị sự ủng hộ mọi mặt về tinh thần đối với những người cùng chủng tộc của chúng tôi (những chủ nô miền

1* - Ê này, Bru-tút!

2* - mảnh lối khéo léo

Nam), những người đang chiến đấu thật dũng cảm và kiên cường vì nền tự do của mình chống lại một tập chủng những kẻ ăn cướp và áp bức".

Báo Niu Oóc "Evening Post"³³⁶ (cơ quan của những người theo chủ nghĩa bài nô) nhận xét về việc này như sau:

"Chẳng lẽ những người Anh viết bài nhục mạ này, những kẻ nổi dỗi người Briten, người Đất-chan, người Xắc-xông, người Ken-tơ, người Noóc-măng và Hà Lan này lại có *dòng máu thuần chủng* tới mức là so với họ tất cả các dân tộc khác đều là tạp chủng?"

Chẳng bao lâu sau khi xuất hiện đoạn trích dẫn trên đây, báo "Times" đã gọi tổng thống Lin-côn là "anh hề đáng kính", các bộ trưởng của ông ta là "bọn ăn cắp và đê tiện", còn quân đội của Hợp chúng quốc là "một đội quân mà các sĩ quan của nó là những tên I-ăng-ki bịp bợm, còn binh lính là những tên kẻ cắp Đức". Tất cả những từ này đều đã được in chữ đậm trên báo. Và huân tước Giôn Rốt-xen, không hài lòng với những vòng nguyệt quế mà những bức thư của ông ta gửi đến Tu-rin cho giáo chủ Đúc-ham và ngài Giêm-xơ Hát-xơn³³⁷ đã mang lại cho ông ta, trong bức thư của mình gửi Xtiu-át, ông ta đã dám nói đến "những sự xúc phạm của báo chí Bắc Mỹ" đối với nước Anh!

Nhưng mọi cái đều có giới hạn. Bất chấp sự xác lảo và độc địa của báo chí, các giới chính khách Anh sẽ giữ gìn hòa bình với "những tên I-ăng-ki bịp bợm", còn cảm tình sâu sắc của họ đối với những người miền Nam, những thương gia buôn máu người hào phóng này, thì quy lại chỉ là sự ba hoa vô tích sự và những hoạt động buôn lậu riêng lẻ, bởi vì không nên đùa với việc tăng giá ngũ cốc, mà bất kỳ sự đụng độ nào với I-ăng-ki đều sẽ cộng thêm vào cái đối bông *hiện tại* cả cái đối lúa mì nữa.

Từ lâu nước Anh đã không còn đáp ứng được nhu cầu lúa mì của mình bằng cách dựa vào nền sản xuất ngũ cốc của bản thân. Trong các năm 1857, 1858 và 1859, nước Anh đã nhập khẩu ngũ cốc và bột với tổng giá trị là 66 triệu p.xt., năm 1860, 1861 và

1862 - 118 triệu pao xtéc-linh. Còn số lượng ngũ cốc và bột nhập vào, thì trong năm 1859 là 10 278 774 quác-tơ^{1*}, năm 1860 - 14 484 976 quác-tơ, còn năm 1861 - 16 094 914 quác-tơ. Như vậy, chỉ trong vòng năm năm gần đây, nhập khẩu ngũ cốc đã tăng 50%.

Thực tế, hiện tại nước Anh đã phải nhập một nửa số lượng ngũ cốc cần thiết cho nó từ nước ngoài. Và hiện có tất cả mọi căn cứ để đoán rằng trong năm tới số nhập khẩu này sẽ còn tăng thêm 30% - chúng tôi muốn nói là theo giá trị của nó, - bởi vì mùa màng rất tốt ở Hợp chúng quốc sẽ hạn chế sự tăng quá đáng giá ngũ cốc. Còn về việc sản lượng ngũ cốc ở Anh năm nay gần như chắc chắn là sẽ thấp hơn mức trung bình tới 1/4 - 1/5, điều này được chứng minh qua các thông báo chi tiết từ tất cả các vùng nông nghiệp vừa được công bố trên báo "Mark - Lane Express"³³⁸, và "Gardeners' Chronicle and Agricultural Gazette". Nếu như sau khi ký kết hòa ước vào năm 1815 huân tước Brum đã khẳng định rằng món nợ của nhà nước Anh với tổng số tiền là một tỷ pao xtéc-linh đối với châu Âu sẽ là vật bảo đảm cho "good behaviour" (thái độ tốt) của nó, thì việc mất mùa lúa mì năm nay đối với Hợp chúng quốc sẽ là sự bảo đảm tốt nhất để nước Anh "Will not break the Queen's peace" (không vi phạm sự yên tĩnh xã hội).

Ở đây, tôi xin đưa ra một số đoạn trong bức thư của một trong số những người bạn tốt nhất của *Ga-ri-ban-di* mà người ta đã chuyển cho tôi từ Giê-nơ. Ngoài những điều khác, trong thư đã viết:

"Hôm qua (16 tháng Tám), người ta đã đưa đến đây những bức thư cuối cùng của Ga-ri-ban-di và một số sĩ quan trong quân đội của ông ta. Các bức thư đều đề ngày 12 tháng Tám. Tất cả các bức thư đều thấm nhuần quyết tâm không thể lay chuyển nổi của vị tướng kiên quyết giữ trọn cương lĩnh của mình "La Mã hay là chết" và bao

hàm những chỉ thị nghiêm ngặt theo tinh thần này cho bạn bè của ông ta. Mặt khác, tướng Cút-gia ngày hôm qua đã nhận được từ Tu-rin một mệnh lệnh *khẩn thiết* phải dùng đến biện pháp cuối cùng, tức là dùng toàn bộ lực lượng tấn công ồ ạt quân tình nguyện và bất sống Ga-ri-ban-di và bạn bè của ông ta làm tù binh, nếu ông ta từ chối hạ vũ khí trong vòng 24 giờ. Nếu các đơn vị tuân thủ mệnh lệnh này thì sẽ xảy ra thảm họa khủng khiếp. Quyết định về việc áp dụng các biện pháp cuối cùng đã được ban ra do hậu quả của bức điện gửi từ Pa-ri tới như sau: "Hoàng đế sẽ không hạ cố thương lượng với Chính phủ I-ta-li-a, chừng nào Ga-ri-ban-di chưa bị tước vũ khí". Nếu như Rát-ta-xi yêu tố quốc của mình hơn là chức vị của mình thì có lẽ ông ta đã từ chức và cho phép Ri-ca-xô-li hoặc một bộ trưởng khác ít có tiếng hơn giữ cương vị của ông ta. Khi đó có lẽ ông ta sẽ nghĩ rằng đi với Lu-i Bô-na-pác-tơ chống lại I-ta-li-a, chứ không phải với I-ta-li-a chống lại Bô-na-pác-tơ, - có nghĩa là gây nguy hiểm cho chế độ quân chủ mà ông ta, theo lời ông ta, đang phụng sự. Nếu như ở Xi-xin máu của người I-ta-li-a đang đổ vì bàn tay của những người I-ta-li-a, thì kẻ có lỗi trong việc này không phải là Ga-ri-ban-di, bởi vì khẩu hiệu của ông ta là: "Quân đội I-ta-li-a muôn năm!" Nhiệt tình mà ở mọi nơi người ta dành để đón đội quân này chứng minh Ga-ri-ban-di đã có uy tín như thế nào. Nếu như quân đội làm đổ máu những binh lính tình nguyện, thì thử hỏi ai dám trông chờ rằng nhân dân sẽ bình thản chịu đựng điều này?".

Do C.Mác viết ngày 20 tháng Tám 1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 233, ngày
24 tháng Tám 1862

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

1* Một quác-tơ = 12,7 kg.

C.MÁC

NHỮNG BÀI DIỄN VĂN ĐÒI XÓA BỎ CHẾ ĐỘ
NÔ LỆ Ở MỸ

Tờ báo của chúng tôi đã nhận xét^{1*} rằng tổng thống *Lin-côn* - một con người thận trọng về mặt pháp lý, đang tìm kiếm những sự hòa giải trên nền tảng hiến pháp, ông xuất thân từ một bang chiếm hữu nô lệ ở biên giới, bang Kên-tắc-ki, - vất vả lắm mới thoát ra được khỏi sự kiểm soát của những chủ nô "trung thực", đang tìm mọi cách tránh sự cắt đứt công khai với họ và chính vì vậy mà đụng độ với các đảng triệt để về mặt nguyên tắc ở miền Bắc, vốn đang ngày càng được tiến trình các sự kiện đưa lên hàng đầu. Có thể coi bài diễn văn do Uên-đen Phi-líp đọc ở A-binh-ton (Ma-xa-tru-xét) nhân dịp kỷ niệm hàng năm ngày giải phóng nô lệ ở Tây Ấn thuộc Anh là sự mở đầu cuộc đụng độ này.

Cùng với *Ha-ri-xơn* và *Gi. Xmit*, Uên-đen Phi-líp là thủ lĩnh của những người chủ trương xóa bỏ chế độ nô lệ ở vùng Niu In-glân^{2*}. Trong suốt ba mươi năm, mặc dù nguy hiểm đến tính mệnh ông ta đã tuyên bố không một mối về sự giải phóng nô lệ như là khẩu hiệu chiến đấu, mà không đếm xỉa gì đến tất cả những sự giễu

1* Xem tập này, tr. 630-631, 697-700.

2* - vùng này gồm sáu bang của Hợp chúng quốc: Mê-nơ, Niu Hem-psai-ơ, Vóc-mân, Mát-xa-tru-xét, Rốt Ai-len và Con-néc-ti-cút.

cột của các báo, cũng như sự la lối của bọn rowdies^{1*} bắt lương và những sự nhắc nhở của bạn hữu chí tình. Với tư cách là một trong những nhà hùng biện lớn nhất của miền Bắc, một con người có ý chí sắt đá, kết hợp nghị lực to lớn với lối suy nghĩ cao cả nhất, ông ta đã được thậm chí cả kẻ thù của mình thừa nhận. Cái gì có thể đặc trưng một cách thuyết phục hơn bài báo độ lượng này? - trong số ra hôm nay báo "Times" Luân Đôn đã *báo cáo* với Chính phủ Oa-sinh-ton về bài diễn văn của Uên-đen Phi-líp ở A-binh-ton như vậy. "Times" coi bài diễn văn này là "một sự lạm dụng" tự do ngôn luận.

"Không thể" - tờ Times viết, - "nghĩ ra một điều gì quá quất hơn. Không bao giờ, không ở một nước nào, không một người nào còn tính tảo và hiểu đôi chút giá trị cuộc sống và tự do của mình lại có thể phát ngôn những lời điên rồ đến thế vào lúc đang có nội chiến. Khi đọc bài diễn văn này không thể không đi đến kết luận rằng nhà hùng biện đã đặt ra cho mình mục đích là để được chính phủ truy tố".

Và báo "Times", mặc dù căm ghét Chính phủ Liên bang, - mà cũng có thể chính là do căm ghét Chính phủ Liên bang, - có lẽ sẽ không từ chối đóng vai công tố viên nhà nước!

Diễn văn của Uên-đen Phi-líp ở A-binh-ton trong điều kiện hiện nay còn có ý nghĩa quan trọng hơn so với bất kỳ thông báo quân sự nào. Vì vậy, chúng tôi dẫn ra đây những đoạn nổi bật nhất của bài diễn văn này.

"Chính phủ", - Uên-đen Phi-líp nói, - "đang đấu tranh để duy trì chế độ nô lệ và vì thế cuộc đấu tranh của nó là vô ích. Lin-côn đang tiến hành cuộc chiến tranh chính trị. Nhưng đến tận hôm nay ông ta vẫn sợ bang Kên-tắc-ki hơn là toàn bộ các bang miền Bắc. Ông ta tin cậy miền Nam. Những người da đen đang chiến đấu ở phía những người miền Nam, khi được hỏi: họ có sợ những trận mưa đại bác và bom nổ tung đất đai xung quanh và phá nát cây cối tận gốc hay không, họ đã trả lời: "Không, massa^{2*}"; chúng tôi biết rằng bom đạn ấy không dành cho chúng tôi!" Có lẽ

1* - lưu manh

2* Massa là từ "master" (ông chủ) trong tiếng Anh bị phát âm sai lệch đi mà người da đen thường dùng ở miền Nam nước Mỹ.

những người nổi loạn cũng có thể nói đúng như vậy về bom đạn của Mác-Cli-lân. Họ biết rằng những trái bom ấy được sử dụng hoàn toàn không phải để gây ra tai họa cho họ. Tôi không khẳng định rằng Mác-Cli-lân là kẻ phản bội, mà khẳng định rằng nếu như ông ta là kẻ phản bội thì có lẽ ông ta đã phải hành động đúng như ông ta đã hành động. Đừng lo cho Rích-mơn, Mác-Cli-lân sẽ không chiếm nó đâu. Nếu như chiến tranh sẽ cứ tiếp tục được tiến hành theo cách này, không có mục đích đúng đắn, thì điều đó sẽ chỉ là sự hao tổn vô ích máu và vàng. Thà cứ để cho miền Nam được độc lập ngày hôm nay còn hơn là hy sinh dù chỉ một mạng người nữa vì chiến tranh, một cuộc chiến tranh đang được tiến hành trên cơ sở cái chính sách hiện đang làm người ta ghê tởm. Để tiếp tục cuộc chiến tranh theo quy mô như trước cần 125 000 người mỗi năm và một triệu đô-la mỗi ngày. Nhưng dù sao các ngài cũng không thể giữ bỏ được miền Nam. Giép-phéc-xơn hình như đã nói về chế độ nô lệ như sau: "Trong các bang miền Nam chó sói ở ngay trước mũi, nhưng người ta chẳng thể bắt nó, cũng chẳng đuổi được nó đi". Ở chúng ta cũng vậy, miền Nam ở ngay trước mũi, nhưng chúng ta chẳng thể bắt nó, cũng chẳng thể đuổi nó đi. Hãy thừa nhận nó vào ngày mai, và dù vậy các ngài vẫn chẳng thể đạt tới hòa bình. Nó đã sống với chúng ta cả 80 năm trời, lúc nào cũng sợ chúng ta, cầm hôn chúng ta trong suốt già nửa thời gian đó, thường xuyên làm chúng ta bận tâm và vu khống chúng ta. Trong trường hợp nhượng bộ những tham vọng hiện tại của nó, thì, hăng say vì thắng lợi của mình, nó sẽ không dừng lại một năm trong giới hạn đường biên giới tưởng tượng của mình - không, và vào lúc chúng ta nói đến những điều kiện hòa bình thì nó sẽ hò la về chiến thắng của mình. Chúng ta sẽ không đạt tới hòa bình chừng nào chưa nhổ tận gốc chế độ nô lệ. Chừng nào các ngài còn để cho con rùa đứng đầu chính phủ hiện nay của chúng ta, thì chừng đó các ngài cứ còn tay này đào lỗ, để tay kia lại lấp nó đi. Hãy cứ để cho toàn dân tộc xác nhận các quyết định của cái nghị viện thương mại Niu Oóc, và khi đó quân đội sẽ có không phải cái gì khác là cái đáng phải chiến đấu vì nó. Giép-phéc-xơn Đê-vít có lẽ sẽ không chiếm lấy Oa-sinh-tơn, ngay cả nếu như ông ta có khả năng làm điều đó. Ông ta biết rằng trái bom rơi xuống cái đồng hỗn loạn này sẽ thức tỉnh cả dân tộc.

Khi đó cả miền Bắc có lẽ sẽ đồng thanh hô lớn: "Đả đảo chế độ nô lệ, đả đảo tất cả những gì cản trở việc cứu vớt nền cộng hòa"! Giép-phéc-xơn Đê-vít hoàn toàn hài lòng với những thắng lợi của mình. Những thắng lợi này đã vượt xa mong đợi của ông ta! Miễn là dựa vào những thắng lợi này ông ta trụ được đến ngày 4 tháng Ba 1863, thì nước Anh - và đó cũng là chuyện thường tình - sẽ thừa nhận Hiệp bang miền Nam... Tổng thống đã không thực hiện sắc lệnh về việc trưng thu. Có lẽ, ông ta là con người trung thực, nhưng chúng ta chẳng cần gì đến lòng trung thực của ông

ta! Ông ta không biết nhìn cũng chẳng biết nhìn xa trông rộng. Khi tôi ở Oa-sinh-tơn, tôi đã nhận thấy rằng Lin-côn từ ba tháng trước đó đã viết bản tuyên bố về giải phóng tất cả nô lệ, nhưng Mác-Cli-lân đã buộc ông ta từ bỏ quyết định này, còn các đại diện của Kên-tắc-ki thì cường bức ông ta phải để Mác-Cli-lân, người mà ông ta không tin, giữ nguyên chức vụ. Cần phải có hàng năm để cho Lin-côn học được cách kết hợp những ngò vực pháp lý theo kiểu luật sư của mình với những đòi hỏi của cuộc nội chiến. Chính điều này là sự hạn chế đáng sợ của sự cai trị dân chủ và tác hại lớn nhất của nó.

Ở Pháp, 100 người tin vào chính nghĩa của mình sẽ có thể lôi cuốn cả dân tộc, nhưng để cho chính phủ chúng ta bước dù chỉ một bước, trước tiên 19 triệu người phải chuyển động. Thế mà trong số những triệu người này có biết bao nhiêu người trong suốt nhiều năm đã có ấn tượng rằng chế độ nô lệ là chế định của Chúa trời! Với những định kiến như vậy, khi bàn tay và trái tim bị tê liệt, thì các ngài lại yêu cầu tổng thống để ông ta giải thoát các ngài khỏi những người da đen! Nếu như lý thuyết đó là đúng, thì chỉ có chế độ chuyên chế chiếm hữu nô lệ mới có thể cho chúng ta một nền hòa bình tạm thời... Tôi biết ông Lin-côn. Ở Oa-sinh-tơn tôi đã đo ông ta. Ông ta là một kẻ tầm thường hạng nhất ("a first - rate second-rate man"). Ông ta thành thực đợi đến lúc dân tộc cầm ông ta trong tay như cầm cái chổi và dùng ông ta để quét sạch chế độ nô lệ... Trong những năm vừa rồi, cách cái diễn đàn mà tôi đang đứng nói đây không xa, các đảng viên đảng Vích đã bắn vào không khí để làm át tiếng nói của tôi, nhưng kết quả thế nào?

Con trai của những đảng viên đảng Vích này hiện đã tìm được nắm mồ ở đầm lầy Si-ca-khô-mi-ni³³⁹! Hãy tiêu diệt, nhờ sự phù hộ của Chúa, cái Liên bang này và tạo ra cái khác thay cho nó để trên cơ sở đó có thể viết lên: "Bình đẳng chính trị cho mọi công dân trên thế giới"... Trong thời gian ở Si-ca-gô, tôi đã hỏi các luật gia I-li-nôi, mà trong số họ Lin-côn đã thực tế làm công tác bào chữa, xem ông ta là người thế nào, ông ta có thể nói "không" hay không? Câu trả lời là thế này: "Đó là con người không có xương sống. Nếu người Mỹ muốn chọn một người hoàn toàn không có khả năng lãnh đạo, không có khả năng tạo ra sáng kiến, thì họ cần phải chọn A-bra-ham Lin-côn. Không một ai nghe thấy có lúc nào đó ông ta đã nói "không!". Tôi hỏi: "Thế còn Mác-Cli-lân có thể nói "không"?". Giám đốc đường sắt trung tâm Si-ca-gô, nơi Mác-Cli-lân đã phục vụ, trả lời: "Ông ta không có khả năng quyết định một điều gì. Hãy cứ hỏi ông ta về một cái gì đó - và một giờ sau ông ta mới trả lời. Trong suốt thời gian ông ta có quan hệ với việc quản trị đường sắt trung tâm, ông ta đã không một lần giải quyết được vấn đề tranh chấp lớn nào".

Hai con người này, những người quyết định hơn ai hết số phận của nền cộng hòa miền Bắc hiện giờ, là như vậy đó! Những người biết rõ tình hình của quân đội cả quyết rằng đã có thể chiếm Rích-mơn tới năm lần, nếu như không bị kẻ vô công rồi nghề đứng đầu quân đội Pô-tô-mác cản trở; nhưng hấn ta ưng chọn việc nhào bừa ở các đầm lầy Si-ca-khô-mi-ni, để rồi sau đó rời khỏi nơi ấy và những tuyến bố phòng đầy bừa của nó một cách nhục nhĩ. Do sự hèn nhát thảm hại trước các bang chiếm hữu nô lệ biên giới mà Lin-côn đã giữ con người này ở chức vụ hiện tại của hấn ta; nhưng không còn xa nữa cái ngày mà Lin-côn sẽ thừa nhận rằng ông ta chưa bao giờ tin cậy Mắc-Cli-lân... Chúng ta hy vọng rằng chiến tranh sẽ còn kéo dài đủ lâu để biến chúng ta thành những người đàn ông thực sự, và khi đó chúng ta sẽ nhanh chóng đạt tới thắng lợi. Chúa trời đã đặt vào tay chúng ta chiếc tên giải phóng sấm sét để đánh bại những kẻ phiến loạn...".

Do C.Mác viết ngày 22 tháng Tám 1862

*Đã đăng trên báo "Die Presse" số 239, ngày
30 tháng Tám 1862*

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

Allgemeine Militär - Zeitung

Befehlsgegeben von einer Befehlshaber-Offiziere und Distriktsbeamten

Diebstahlbreigber Jahrgang

Nº44

Stemzahl, 1. November

1862

PH.ÄNG-GHEN

KIỂM TRA QUÂN TÌNH NGUYỆN Ở ANH

Đã hai năm trôi qua kể từ khi các ông tạo điều kiện cho tôi đăng trên báo của các ông báo cáo về việc kiểm tra quân tình nguyện ở Niu-tơn vào tháng Tám 1860^{1*}. Có lẽ bạn đọc của các ông sẽ không phải là không thú vị khi sau một thời gian gián đoạn dài như vậy lại được nghe một số lời về tình hình và sự huấn luyện chiến thuật của đội *dân binh Anh*.

Về số lượng và việc tổ chức hiện nay của quân tình nguyện có lẽ tôi sẽ sớm nói đến vào một dịp khác; bây giờ tôi chỉ giới hạn ở việc thông báo rằng theo số liệu chính thức, quân số hiện có của các đội quân tình nguyện là 162 800 người, như vậy là đông hơn so với bất kỳ lúc nào trước đây, và bằng một ví dụ, tôi sẽ chuyển ngay sang việc miêu tả sự huấn luyện chiến thuật của các đơn vị này.

Ngày 2 tháng Tám, ông tổng thanh tra tất cả các đơn vị tình nguyện, là đại tá Mác - Mê-rơ-đô đã tiến hành ở công viên Hi-tơn,

cách Man-se-xơ một giờ đường đi bộ, việc kiểm tra phân đội quân tình nguyện của thành phố này. Các đơn vị gồm có các "trung đoàn" thứ nhất, thứ hai và thứ ba của Man-se-xơ (các tiểu đoàn số 6, 28 và 40 Lan-kê-sia) và các "trung đoàn" của các vùng ngoại ô Ác-uych và Xôn-phoóc (các tiểu đoàn Lan-kê-sia số 33 và 56). Tuy nhiên, trong số những cái gọi là "trung đoàn" này chỉ có ba (số 1 và số 3 Man-se-xơ và Ác-uych) là có trong thành phần của tiểu đoàn; hai "trung đoàn" còn lại hợp thành một tiểu đoàn. Trong các tiểu đoàn này số lượng tiểu đội trong một đại đội thay đổi từ 18 đến 21^{1*}, cứ 8 đại đội hợp thành một tiểu đoàn với số quân trung bình, kể cả sĩ quan, là 400 người. Ngoài ra, còn có một đội kỵ binh tình nguyện (32 người) và pháo binh (hai khẩu a-muy-dét loại một pao mượn của ngài Uýt-uốc và gần 150 lính bộ binh để yểm trợ) cũng từ Man-se-xơ. Trong đa số các tiểu đoàn đã có thể có số bộ binh đông hơn tới 100 - 150 người, nhưng những người chỉ huy có lẽ muốn để những người chưa được huấn luyện đầy đủ ở nhà.

Khu đất dùng để tiến hành kiểm tra (phần phía nam công viên của bá tước Uyn-tơn, nơi trước đây làm bãi đua ngựa) là một sườn đồi dốc từ tây sang đông; bên phải và bên trái khu đất bị giới hạn bởi những gò thoải thoải, hợp lại ở chân đồi phía đông tạo thành một vạt cỏ bằng phẳng với diện tích khoảng chừng 800 bước bình phương. Con suối chảy dọc chân đồi phía bắc, - phía bên kia suối thì địa thế lại cao lên, - giới hạn khu đất từ phía này; còn tất cả các hướng còn lại thì khu đất được bao bọc bởi rừng cây chạy dọc tường công viên. Tính chất hoàn toàn trống trải của khu đất chỉ bị ảnh hưởng bởi những bụi cây nhỏ được rào dậu hoặc bỏ trống, cũng như bởi một số cây to riêng lẻ và đôi chỗ lầy lội.

Các cuộc kiểm tra của đại tá Mác-Mê-rơ-đô, trái với đa số các cuộc kiểm tra binh lính tình nguyện thông thường, luôn được tiến hành không có chương trình quy định trước và thông báo trước

1* Xem tập này, tr. 176-186.

1* Có ý nói là xếp theo hàng hai

cho các đơn vị: những người lính tình nguyện không khi nào biết trước được họ sẽ phải làm gì. Thế nhưng, những cuộc chuyển quân được thực hiện dưới sự chỉ huy của ông ta chỉ diễn ra theo cách giống như thực sự đứng trước kẻ thù và loại bỏ mọi mảnh lối chiến thuật. Mác-Mê-rơ-đô, con rể của người đã chiếm Xin-đơ, ngài Sác-lơ Nây-pia, và là trưởng ban tham mưu của ông ta ở Ấn Độ, hoàn toàn không phải là một người kiểu cách rườm, mà là một người lính già dặn thực tiễn, và toàn bộ hoạt động của ông ta trong các đơn vị tình nguyện đều chứng minh rằng ông ta hoàn toàn xứng đáng với chức vụ này.

Đội quân tiếp đón ông thanh tra được xếp theo hàng dọc như thường lệ. Sau những nghi thức mở đầu, ông ta đã ra lệnh xếp hàng theo các khối cách nhau một phần tư cự li (khối hàng quân thông thường của người Anh khi các đơn vị vận động ở ngoài khu vực hỏa lực của đối phương), xếp chặt lại ở giữa và thay đổi hướng chính diện của các khối quân bằng cách quay sang phải, thành ra vạt cỏ bằng phẳng đã nói trên và đám rừng ở gần tường phía đông của công viên lại ở ngay trước mặt. Trong thời gian sắp xếp lại đội ngũ được tiến hành nhanh chóng và không có cản trở gì, thì đội kỵ binh tản thành hàng ngang, lao qua khu rừng nhỏ và nổ súng vào đối phương giả định, rồi nhanh chóng quay trở lại. Sau đó tiểu đoàn phía bên phải (tiểu đoàn Lan-kê-sia số 6) tiến lên phía trước, đồng thời bốn đại đội của nó tản thành hàng ngang, còn bốn đại đội ở lại chỗ cũ để làm hậu thuẫn; hai tiểu đoàn khác (tiểu đoàn hỗn hợp Lan-kê-sia số 28 và 56 và tiểu đoàn Lan-kê-sia số 33) đã triển khai mặt trận, trong khi đó thì tiểu đoàn phía bên trái (tiểu đoàn Lan-kê-sia số 40) giữ nguyên đội hình khối vuông và cùng với đội kỵ binh chiếm lĩnh vị trí ở khoảng cách 200 bước về phía sau làm lực lượng dự bị. Cả hai khẩu đại bác đều đặt ở rìa đồi, phía bên phải hàng xạ thủ. Trước khi có lệnh tấn công, các xạ thủ, các đại đội hậu thuẫn và các tiểu đoàn đã triển khai thành hàng dọc đều nằm rạp sát đất. Ở tư thế như vậy đội quân đã tạo ra một quang cảnh rất sẵn sàng chiến đấu mà chúng ta chưa quen thấy trong thời gian các cuộc tập trận thông

thường của quân tình nguyện; người ta thấy rõ ngay rằng một người lính thực thụ đang chỉ huy.

Thế là đã có hiệu lệnh cho đội xạ thủ tiến lên trước và nổ súng. Trận đánh theo đội ngũ phân tán đã được tiến hành không hoàn toàn thành công. Những người lính tình nguyện quen theo khuôn mẫu tản thành hàng ngang trên địa hình bằng phẳng trống trải ở bãi tập của mình, đã quá chú ý đến việc giữ cho đều hàng ngũ chứ không nghĩ đến việc che chắn. Đối với họ, các bờ lũy tự nhiên và bụi rậm đều là xa lạ. Những bụi cây làm hàng rào không thể vượt qua được đã làm cho họ đặc biệt lúng túng; một đại đội đã dừng lại trước một bụi cây như vậy trên một chỗ đất trũng chật hẹp và đứng đĩnh bắn vào bụi cây đó, trong khi bộ phận còn lại của hàng ngang từ lâu đã vòng qua bụi rậm này và đã ở phía bên kia bụi rậm. Ngoài ra, tuyến xạ thủ đã dần dần chuyển hoàn toàn sang sườn trái thành ra khu rừng là hướng mà đội kỵ binh được ném vào thì lại chịu hỏa lực tấn công quá yếu, còn phía chính diện của các tiểu đoàn đã triển khai thì ngày càng trống trải. Bởi vì toàn bộ kế hoạch và tiến trình thực hiện cuộc tập trận hoàn toàn không yêu cầu sự vận động như vậy, cho nên tôi cho rằng điều này đã xảy ra do chưa xem xét kỹ. Pháo binh đã vận động lên trước cùng với cánh bộ binh bên phải, bắn liên hồi, thêm nữa là thường không được che chắn, và nếu như chiếc ống nhòm của tôi không lừa tôi, thì bánh xe của các khẩu đại bác thường đặt nghiêng trên sườn đồi.

Rồi trong một thời gian các xạ thủ lại còn được tăng cường bởi các đại đội hậu thuẫn tạo thành hàng ngang, sau đó họ đã được gọi quay trở lại; trong khi đó các tiểu đoàn đã triển khai thì vận động lên phía trước và bắn lia lịa. Hỏa lực ở cánh phải, đặc biệt là từ phía tiểu đoàn Lan-kê-sia số 28, là rất mạnh và có lẽ vội vã đôi chút; ở khu vực trung tâm, phía bên phải của tiểu đoàn Lan-kê-sia số 33, tiếng súng rất rời rạc và ngắt quãng kéo dài; ở cánh bên trái súng bắn khá loạn xạ. Một phần mặt trận ở đây

nằm ngay sau một bờ chắn cao gần gấp đôi tầm người, tuy nhiên đã không cản trở những người lính tình nguyện bắn xối xả thẳng về phía trước. Trong lúc đó, tiểu đoàn Lan-kê-sia số 40 tiến từ vị trí dự bị lên cách tuyến phía trước khoảng 200 bước và triển khai đội hình; phía bên phải nó là tiểu đoàn Lan-kê-sia số 6 đã được tập hợp trở lại. Trong cả hai tiểu đoàn, các phân đội phía trái của các đại đội đều lùi về sau để nhường lối cho thê đoàn thứ nhất, hiện đã bắt đầu rút lui theo từng đại đội, xếp hàng hai. Tôi thú nhận hoàn toàn không thể tán thành cách bài binh bố trận này, mà ở đây là theo quy định của điều lệnh; lần này cách bài binh này ít làm cho tôi hài lòng hơn so với bất kỳ lúc nào trước đây. Điều lệnh yêu cầu thê đoàn thứ nhất đang rút lui phải quay một vòng, và tản thành hàng dọc theo chiều dài chính diện của một đại đội mà tiến về phía thê đoàn thứ hai cũng đã được triển khai, sau đó chia thành đại đội và đi qua giữa các khoảng trống đã được tạo nên bằng cách nói trên. Nếu như thê đoàn thứ nhất rút lui chỉ vì không đủ đạn dược, khi đội ngũ của nó chưa bị phân tán và không có lý do gì để lo ngại một cuộc tấn công tức khắc thì khi đó có lẽ có thể thực hiện sự điều binh này một cách nhanh chóng; nhưng đối với một kẻ địch tích cực hoạt động thì có lẽ đó là thời điểm thuận lợi nhất để đẩy lực lượng chủ lực của mình tiến lên. Nhưng ở đây tất cả những điều này đều đã được tiến hành thậm chí không theo điều lệnh. Thê đoàn thứ nhất phân tán ngay thành từng đại đội, và trong trạng thái đội ngũ như vậy, hơn nữa lại được thực hiện rất luộm thuộm, nó đã phải rút lui 200 bước mà không hề có hỏa lực yểm trợ.

Đến lượt các tiểu đoàn Lan-kê-sia số 6 và số 40 hiện đang nổ súng liên hồi, thêm vào đó, lần này hỏa lực đều và cấp tập hơn so với hai tiểu đoàn đầu. Khi mỗi người đã bắn được khoảng 4-5 phát (pháo binh đã luôn luôn bắn từ phía cánh phải của mỗi thê đoàn thứ nhất) thì có hiệu lệnh nghỉ, và phần đầu của các cuộc diễn tập kết thúc ở đây. Cho đến lúc này đại tá Mác-Mê-rơ-đô

đã coi đội quân của mình như là một chiến đoàn riêng biệt, độc lập giao chiến với đối phương giả định; việc bài binh bố trận các đơn vị đã nhằm vào mục tiêu chống lại khu vực ở trước mặt họ do kẻ địch chiếm. Từ đó ông ta đã bố trí cả bốn tiểu đoàn thành một tuyến, mà tuyến này thì phải hành động với tư cách là thê đoàn thứ nhất của một đội quân lớn hơn nào đó. Sự hạn chế về không gian hiện không cho phép ông ta tính đến những đặc điểm của khu vực nằm trước mặt họ, và để duy trì binh lính tình nguyện trong trạng thái hợp nhất cần cho sự vận động toàn khối các đơn vị, ông ta cũng đã không chú ý đến toàn bộ hỏa lực tầm xa hơn của các đội xạ thủ.

Đầu tiên, thê đoàn thứ nhất đã thay đổi hướng chính diện bằng cách rẽ sang trái, nhờ vậy mà nó đã có mặt ở đoạn kéo dài của thung lũng phía bắc nói đến ở trên. Các tiểu đoàn còn lại tản thành tuyến ở phía trái nó và cả tuyến nổ súng dồn dập. Sau đó người ta bắt đầu kéo dài thêm toàn bộ trận tuyến về bên trái; để làm điều đó các tiểu đoàn cánh bên phải kế tiếp nhau phân thành từng đại đội, rút về sau trận tuyến theo cánh bên trái và ở đó lại tập hợp trở lại. Sau khi cánh bên trái bị kéo như vậy đến tận gần sát khu rừng ở chân tường phía tây công viên, thì trận tuyến, bắt đầu từ cánh phải, đã bị kéo giãn về phía sau, tạo thành một phần tư vòng cung mà cánh trái là trục rẽ. Trừ tiểu đoàn cánh bên trái ra, sự vận động này đã được thực hiện, như thường lệ, bằng cách tập hợp các tiểu đoàn thành khối cách nhau một phần tư cự li với việc chuyển tiếp về hướng mới và triển khai theo hướng đó, cũng nói thêm là rất nhanh chóng và hoàn toàn trật tự, mặc dù sườn dốc cao. Vào lúc các tiểu đoàn triển khai trở lại, tôi đã đi dọc theo chính trận tuyến của tiểu đoàn Lan-kê-sia số 40, đã thấy các đại đội chiếm lĩnh trận tuyến như thế nào, và tôi phải nói rằng ngay cả các đơn vị tốt nhất trong số các đơn vị tiêu binh của chúng ta trên lục địa có lẽ cũng thực hiện được điều này, có thể là đẹp và "chỉnh" hơn, nhưng chắc là không thể bình

tĩnh và nhanh nhẹn như vậy. Trong thời gian bài bố lại, đại tá Mác-Mê-rơ-đô đôi lần đã lớn tiếng biểu lộ sự tán đồng hoàn toàn của mình đối với tiểu đoàn. Tiểu đoàn Lan-kê-sia số 6 cũng đã triển khai nhanh chóng và có trật tự; tôi đã có lần thấy các đơn vị tiêu binh Pháp thực hiện sự dàn trận này luộm thuộm hơn nhiều.

Sau ít loạt đạn, lũ đoàn phía trái tiến lên theo từng thê đội với cự li 100 bước giữa các tiểu đoàn, sau đó dừng lại và nhanh chóng xếp thành đội ngũ. Đây đó có chỗ thực hiện điều này không đặc biệt nhanh gọn, bởi vì khi vận động qua bụi rậm hàng ngũ đã ít nhiều bị xộc xệch. Các tiểu đoàn lại triển khai, tiến vào chiến tuyến của tiểu đoàn cánh trái, mỗi người bắn một loạt, nói chung là khá đều đặn, và sau đó toàn thể lũ đoàn dàn thành một hàng ngang tiến lên. Tôi mong sao có một người nào đó trong vô số các sĩ quan ở nước Đức bảo vệ quan điểm cho rằng các đơn vị lính trẻ không thể thực hiện sự vận động theo hàng ngang, được nhìn thấy sự hành quân theo chiến tuyến của hàng quân gồm 640 hàng hai này. Khu đất ấy rất không bằng phẳng. Trận địa trải dài ngang một sườn đồi, khá dốc, thấp dần từ ba phía; mặt đất đầy những hố và mô đất; ngoài ra còn có nhiều cây to riêng lẻ nằm rải rác. Tuy thế, những binh lính tình nguyện đã vượt qua hàng trăm bước hoàn toàn có trật tự, khá đều đặn, gấn bó và không rời rạc, đặc biệt là hai tiểu đoàn ở trung tâm (số 6 và số 40), và đại tá Mác-Mê-rơ-đô đã biểu lộ tại chỗ, cũng như sau đó, khi nói chuyện với các sĩ quan tham mưu, sự hài lòng hoàn toàn của mình đối với sự tiến hành đó. Để kết thúc, ông ta đã ra lệnh nổi hiệu kèn xung phong, và khi đó với lòng hăng hái thuần túy của người lính tình nguyện, cả khối người chạy rất nhanh khoảng 100 bước xuôi theo sườn đồi đến cánh đồng quang; quang cảnh này có lẽ giống cuộc chạy thi hơn là cuộc xung phong. Khi hiệu lệnh thu quân được phát ra, tiểu đoàn Lan-kê-sia số 40 dừng lại, mặc dù không đều lắm, nhưng đội ngũ gấn bó, tập trung, còn

tiểu đoàn số 6 thì kém trật tự hơn đôi chút. Trái lại, ở các cánh, đặc biệt là cánh trái, lại quá lộn xộn; người ta xáo trộn vị trí, nhiều người bị ngã, thậm chí một người lính tình nguyện ở hàng đầu đã bị thương vào bắp chân, thành ra một bộ phận của hàng thứ hai đã phải chúc lười lê xuống. Cuộc tập trận kết thúc ở đây, các đơn vị tập hợp theo đội ngũ đi đều theo nghi lễ, diễu hành và giải tán, ai về nhà đó.

Tôi nghĩ rằng, một thí dụ như vậy sẽ giúp cho bạn đọc của báo "Allgemeine Militär - Zeitung"³⁴⁰ hình dung được một cách trực quan hơn nhiều về tính chất và trình độ chuẩn bị của những người lính tình nguyện này hơn bất kỳ nghị luận lý thuyết nào. Mặc dù trong trường hợp này số lượng các đơn vị tập trung lại để kiểm tra là không lớn, nhưng, tuy nhiên, chính điều đó đã cho phép tiến hành một loạt các thao tác vận động áp dụng trong thực tế, vốn sẽ không thể làm được khi tập trung ở đây một số lớn hơn các binh lính tình nguyện; ở nước Anh không bao giờ có đủ chỗ cho họ. Thêm vào đó, các tiểu đoàn tham gia trong cuộc kiểm tra đã cho một khái niệm tốt về các đơn vị quân tình nguyện Anh nói chung; hai tiểu đoàn, như chúng ta đã thấy, đã vượt hơn đáng kể hai tiểu đoàn khác về mặt chuẩn bị và là những tiểu đoàn được tổ chức chặt chẽ của các thành phố lớn; hai tiểu đoàn kia, kém hơn về mặt chuẩn bị, do chính thành phần pha trộn hơn của nó, đúng là đặc trưng hơn cho các đơn vị quân tình nguyện được thành lập ở nông thôn và các thành phố nhỏ. Nói chung, có thể nói rằng những người lính tình nguyện đã nắm khá đầy đủ những thao tác đội hình cơ bản nhất của tiểu đoàn; họ xếp thành hàng khối và triển khai hàng ngũ, vận động theo khối quân và hàng quân một cách khá, đôi khi thậm chí rất vững vàng. Tuy nhiên, có lẽ cũng sẽ là một điều hay, nếu miễn cho họ những động tác tiến và lùi một cách giả tạo mà điều lệnh Anh và điều lệnh của nhiều nước khác vẫn còn quy định. Chiến đấu theo đội ngũ tản mạn, vốn luôn là chỗ yếu của người Anh, là điều mà những người

tình nguyện chỉ biết được tới mức người ta có thể dạy họ trên bãi tập; nhưng cả ở đây cũng thể hiện sự chênh lệch rõ rệt giữa các tiểu đoàn khác nhau. Những sai sót xảy ra trong thời gian kiểm tra này, như chúng ta đã thấy, không hề khác gì những sai sót vẫn có thể nhận thấy hàng ngày trên các bài học trong các đội quân chuyên nghiệp ở lục địa của chúng ta, mặc dù các đội quân này có ưu thế hơn ở chỗ chỉ huy của họ là những sĩ quan đã bậc đầu trên bãi tập. Tuy nhiên, cũng không thể phủ nhận rằng sĩ quan của các đơn vị tình nguyện Anh vẫn còn là chỗ yếu trong toàn bộ tổ chức, mặc dù về mặt này đã có sự cải thiện rõ rệt. Những ai hào hứng với những cuộc *diễu binh nghi thức* đều sẽ thấy rằng trong cái nghệ thuật này những người lính tình nguyện đã đạt được những thành tích lớn hơn nhiều so với điều có thể mong đợi. Cuối cùng, về những thành tích của họ ở trường bắn, thì họ hoàn toàn có thể đọ với bất kỳ quân đội nào trong số các quân đội thường trực ở châu Âu, và chắc chắn rằng tính trung bình ở mỗi tiểu đoàn thì họ có số xạ thủ giỏi nhiều hơn so với phần lớn các đơn vị tiêu binh. Kết quả là qua ba năm, bây giờ có thể coi kinh nghiệm là hoàn toàn thành công. Hầu như không có chi phí gì của nhà nước, nước Anh đã xây dựng được một đội quân có tổ chức gồm 163 000 người để phòng thủ đất nước - một đội quân đã được chuẩn bị tới mức là chỉ cần huấn luyện trong trại từ ba đến sáu tuần lễ, tùy theo trình độ đã được chuẩn bị khác nhau của các tiểu đoàn riêng biệt, là nó có thể trở thành một đội quân đã chiến hoàn toàn có khả năng chiến đấu. Và nước Anh sẽ có biết bao nhiêu thời gian, ngay cả trong trường hợp xấu nhất, trước bất kỳ mưu đồ can thiệp nào của nước ngoài.

*Do Ph.Ăng-ghen viết tháng Tám 1862
Đã đăng trên báo "Allgemeine Militär -
Zeitung" số 44 và 45 ngày 1 và 8 tháng
Mười một 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C. MÁC

MÍT-TINH ỦNG HỘ GA-RI-BAN-ĐI

Lúc này ở Luân Đôn cuộc mít-tinh ủng hộ Ga-ri-ban-đi đang được chuẩn bị³⁴¹; một cuộc mít-tinh khác tương tự cũng đã diễn ra hôm qua ở Ghết-xết, cuộc mít-tinh thứ ba được ấn định ở Bóc-minh-hêm. Niu-cát-xơ đã mở đầu một loạt các cuộc biểu tình quần chúng này vào hôm thứ ba. Để diễn tả tâm trạng đặc biệt đang bao trùm nước Anh, chúng tôi đưa ra dưới đây bản báo cáo ngắn gọn về cuộc mít-tinh ở Niu-cát-xơ. Các cuộc mít-tinh tương tự bao giờ cũng đáng chú ý. Cuộc mít-tinh đã được tổ chức ở một phòng của tòa thị chính thành phố. Ông Niu-ton (ủy viên hội đồng thành phố) đã khai mạc cuộc họp bằng bài diễn văn, trong đó, tựu trung đã nói như sau:

"Chừng nào I-ta-li-a chưa được tự do thì cũng không thể có tự do nào ở châu Âu. Chừng nào nước Pháp còn duy trì ở giữa trung tâm châu Âu một đội quân lớn thì sẽ không có đảm bảo ngay cả đối với những quyền tự do mà lúc này chúng ta đang tự hào về chúng. Không một phút nào được quên rằng nguyên nhân thực sự của sự thất bại xảy ra với Ga-ri-ban-đi cần được tìm kiếm không chỉ ở I-ta-li-a mà chính là ở Pa-ri. Vị chúa tể Pháp - đó chính là kẻ có lỗi thực sự về thất bại của ông ta. (Vỗ tay). Đó là cái quyền lực đã buộc báo chí và diễn đàn phải câm miệng hoàn toàn, cái quyền lực đã bóp nghẹt, trói buộc và tước bỏ lòng can đảm của nước Pháp. Tôi không nghi ngờ rằng sẽ đến cái ngày phải trả giá, cái ngày trả thù về cuộc đảo chính, rằng thiên mệnh đòi hỏi phải chuộc lại tất cả những sai lầm và tội lỗi của cuộc đảo chính này! Cần phải rất tự kiểm chế mới có thể bình tĩnh nói về thái độ xử sự của Pháp đối với I-ta-li-a. Từ thời Sác-lơ VIII, nước Pháp đã thường xuyên làm cái việc

tàn phá I-ta-li-a và dùng nó làm cái cớ để phá hoại hòa bình ở châu Âu. Tôi đã đọc được ở đâu đó, rằng người La Mã cổ đại đã không dám lên án Man-li-út trước điện Ca-pi-tôn. Liệu có thể tìm được ở I-ta-li-a một mảnh đất nào cho phép người ta lên án Ga-ri-ban-đi ở đó hay không?..."

Giô-dơ, Cô-oen đã đề nghị gửi tới huân tước Rốt-xen một giác thư nói rằng Chính phủ Anh đã xúi giục hoàng đế Pháp rút khỏi La Mã.

"La Mã", - ông ta nói, là "thủ đô vinh quang cổ kính của I-ta-li-a... Làm sao lại có thể xảy ra cái việc trung tâm văn minh cổ kính này bị chiếm đóng bởi các đội quân của tên Chúa tể ngoại bang? Chẳng lẽ các đơn vị quân Pháp lại có quyền đối với La Mã hơn là đối với Na-plơ Tu-rin hoặc Luân Đôn? (Vỗ tay vang dậy). Giáo hoàng đã bỏ chạy, từ chối quay trở lại, bỏ La Mã ba tháng không có chính phủ. Khi đó người dân La Mã đã tự bầu ra chính phủ của mình. Nhưng vào lúc họ còn bận công việc tổ chức chính phủ thì chính những người Pháp, một năm trước đây đã nêu gương cho họ, lại tấn công họ.

Gọi hành vi như vậy là không nhất quán thì có lẽ chưa đủ. Đó là hành vi dè tiện (vỗ tay vang dậy) và lịch sử sẽ phỉ nhổ những người Pháp đã tham gia vào cái việc hèn hạ này. Trừ phần về Ba Lan ra, có lẽ chưa bao giờ tất cả các nguyên tắc độc lập dân tộc và công pháp quốc tế lại bị chà đạp một cách vô liêm sỉ như khi bọn prê-tô-ri-an của hoàng đế Pháp bóp nghẹt nước Cộng hòa La Mã. La Mã bị thất thủ vào tháng Sáu 1849 và Lu-i Bô-na-pác-tơ nắm giữ lấy nó ngay từ ngày ấy, suốt 13 năm!... Khi các bộ trưởng của ông ta tuyên bố tại Quốc hội Pháp là cuộc chinh phạt đã do tình trạng vô chính phủ ở La Mã gây nên, là họ đã lừa dối! (Hear, hear^{1*}). Khi các sĩ quan của ông ta tuyên bố ở Tu-lông với các đơn vị từ chối chống lại nước cộng hòa anh em rằng cuộc chiến được tiến hành không phải với La Mã, mà là với Áo, là họ đã lừa dối. Sau khi đổ quân vào Si-vi-ta - Vê-ki-a, họ lại lừa dối bằng cách tự coi mình không phải là kẻ thù, mà là bạn của nhân dân và đem cuộn những lá cờ Pháp lại với những lá cờ I-ta-li-a một cách giả nhân giả nghĩa! Viên toàn quyền Pháp và các nhân viên của ông ta đã lừa dối, khi họ tìm cách tiếp xúc với những vị tam hùng, với lý do tiến hành thương lượng nhưng thực ra là để do thám tình hình các chiến lũy phòng thủ thành phố. Tướng U-đi-nô đã lừa dối khi ông ta cam kết không tấn công thành phố trước ngày 4 tháng Sáu, nhưng thực tế ông ta đã tấn công nó ngày 2, bằng cách đó làm cho những người La Mã rơi vào tình trạng bất ngờ. Tất

1* - Đúng lắm, đúng lắm!

cả hành vi của người Pháp trong việc làm hèn hạ này từ đầu đến cuối đều là sự man trá lừa đảo có tính toán. (Vỗ tay vang dậy).

Kể từ Lu-i Bô-na-pác-tơ cho đến tên nhân viên mặt hạng của ông ta, tất cả bọn họ đã lừa dối La Mã, lừa dối nhân dân Pháp và châu Âu. Lu-i Bô-na-pác-tơ chưa hề bao giờ muốn cho I-ta-li-a được tự do. Điều ông ta muốn - đó là triều đình Xác-đi-ni ở miền Bắc, một triều đình khác ở miền Nam với ông vua Mui-ra và triều đình thứ ba ở trung tâm I-ta-li-a dành cho người em họ của mình là Plông-Plông. (Vỗ tay và cười). Ba đế chế nhỏ này gắn bó với triều đình Bô-na-pác-tơ bằng những mối dây họ hàng và được khích lệ từ Tuyen-lơ-ri có lẽ sẽ đảm bảo cho Lu-i Bô-na-pác-tơ tăng thêm nhiều sức mạnh của ông ta ở châu Âu. Kế hoạch đã không tồi và việc thực hiện được nó có lẽ đã làm vẻ vang cho sự khôn khéo của Bô-na-pác-tơ, nhưng Ga-ri-ban-đi đã làm thất bại kế hoạch đó. (Vỗ tay vang dậy). Bản thân Ga-ri-ban-đi hiện nay đang bị tước vũ khí. Điều này càng đặt ra cho nhân dân Anh nghĩa vụ lớn hơn - chấm dứt sự lạm quyền của nền chuyên chế Pháp và đóng chặt cửa La Mã trước bọn prê-tô-ri-an của tên tiếm vị... Chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ là nguồn gốc của mọi tai họa ở châu Âu. Nhưng những ngày hùng mạnh của nó đã được định đoạt... Một ý chí ngiệp ngã, hàng trăm nghìn binh lính, vô vàn công cụ chiến tranh giết người đủ loại, một thượng nghị viện chật ních những kẻ đề tiện đi tìm địa vị béo bở, một hạ nghị viện được lập nên dưới tiếng trống của những tên sen đầm và quận trưởng - nhưng ở phía bên kia lại là bản tính con người đang bảo vệ các quyền vĩnh hằng của mình". (Vỗ tay vang dậy).

Sau đó ông *Cô-oen* nêu lý do và đọc bức giắc thư gửi cho huân tước Rốt-xen đã được nhất trí thông qua. Mười toan không thành công của một ngài Ru-lơ nào đó muốn phát biểu "ủng hộ người bạn đồng minh cao quý của chúng ta ở bên kia biển La-Măng-sơ" đã bị chìm ngấm trong những tiếng xuyt, tiếng huýt sáo, tiếng la phản đối và tiếng cười.

Sau đó ông *Ra-téc-phoóc* (mục sư) đưa ra bản quyết nghị thứ hai, lời lẽ như sau:

"Cuộc họp này mời tướng Ga-ri-ban-đi đến sinh sống ở nước Anh và bảo đảm với ông ta về sự kính phục không thay đổi và ngày càng tăng của nhân dân Anh".

Lý giải cho đề nghị của mình, ông Ra-téc-phoóc, tựu trung, đã nhận xét:

"Nếu như ở La Mã giáo hoàng có cảm thấy quá nóng thì ông ta cũng có thể tìm

nơi cư trú ở Anh. Chúng tôi thậm chí sẽ chào mừng ông ta - không phải như là hoàng đế trần tục, mà như là người đứng đầu của một nhà thờ vĩ đại nhất".

Đề nghị đã được nhất trí thông qua. Chủ tọa đã bế mạc cuộc họp bằng một lời đáp lại mạnh mẽ đối với "kẻ chuyên chế ở Pa-ri".

"Ông ta hãy nhớ đến I-ta-li-a cổ đại với Bru-tút và Ca-xi-út của nó; ông ta hãy nhớ đến Ne-me-dít đang bám sát ông ta từng bước; ông ta hãy suy nghĩ, giống như Mác-bét, rằng một cái tay cầm vũ khí và một cái đầu đội mũ sắt có thể bồng chốc từ dưới đất mọc lên và ông ta đừng có quên rằng không phải tất cả mọi Oóc-xi-ni đều bị cắt đầu".

Ông cố vấn thị trưởng *Niu-ton* đã nói như vậy.

Lúc này ngôn ngữ của báo chí Anh và các cuộc mít-tinh gọi lại tình hình những ngày đầu tiên sau coup d'etat^{1*}, thể hiện sự tương phản rõ rệt so với những bài tụng ca muện mần ca ngợi "vị cứu tinh của xã hội".

*Do C.Mác viết ngày 11 tháng Chín 1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 256, ngày
17 tháng Chín 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

1* - đảo chính, chính biến

C.MÁC

SỰ BẦN CÙNG CỦA CÔNG NHÂN Ở ANH

Đã hai tháng nay trên báo chí ở đây đang tiến hành một cuộc luận chiến, mà đối với nhà sử học tương lai của xã hội Anh thì những tư liệu của nó có lẽ lý thú hơn hẳn so với tất cả các danh mục có minh họa cũng như không có minh họa của cuộc triển lãm toàn thế giới³⁴².

Chúng ta nhớ lại rằng không lâu trước khi bế mạc nghị viện, dưới sức ép của các nhà công nghiệp lớn thông qua cả hai viện đã tiến hành phê chuẩn một cách vội vàng nhất dự luật tăng thuế có lợi cho người nghèo ở các quận Lan-kê-sia và Y-oóc-sia. Biện pháp vốn tự nó có ý nghĩa rất hạn chế này động chạm chủ yếu đến giới tiểu tư sản ở các quận công nghiệp và chỉ động chạm rất ít đến landlords (các chủ đất lớn) và cottonlords (các quý tộc bông vải sợi). Trong thời gian thảo luận dự luật, Pan-móc-xton đã tấn công các nhà quý tộc bông vải sợi mà công nhân của họ đang chết đói trên đường phố, trong khi đó thì chính họ lại làm giàu một cách khủng khiếp bằng con đường buôn bán dầu cơ bông. Ông ta giải thích "masterly inaction" (tình trạng không hoạt động của công xưởng) của họ vào thời gian khủng hoảng cũng bằng những lý do "dầu cơ". Ngay khi khai mạc kỳ họp, huân tước Đốc-bi đã tuyên bố rằng đối với các chủ xưởng thì tình trạng thiếu bông đã là deus

ex machina^{1*}, bởi vì tình hình thị trường đầy áp tới mức khó hiểu sẽ phải kéo theo sự khủng hoảng khủng khiếp nhất, nếu như cuộc Nội chiến ở Mỹ đã không thành công cắt đứt việc nhập nguyên liệu. Với tư cách là đại biểu của các nhà công nghiệp, Cóp-đen đã đáp lại bằng một bài diễn văn độc lập kéo dài ba ngày nhằm chống lại chính sách đối ngoại của Pan-móc-xton.

Sau khi kỳ họp của nghị viện bế mạc, cuộc đấu tranh đã tiếp tục trên báo chí. Những lời kêu gọi công chúng Anh giúp đỡ công nhân đang bị đau khổ và sự nghèo đói đang tăng lên không ngừng ở các khu công nghiệp mỗi ngày lại tạo thêm những lý do mới để tiếp tục cuộc đấu tranh. Tờ "Morning Star" và các cơ quan khác của các nhà công nghiệp đã nhắc nhở rằng bá tước Đốc-bi và cả lũ quý tộc đều phải nhớ rằng họ có được khoản địa tô hàng năm 300 000 pao xtéc-linh và nhiều hơn nữa do việc sở hữu đất đai ở các khu công nghiệp, nơi mà trước đó đất đai không có chút giá trị nào, nay bỗng nhiên như có phép lạ, đã đạt tới cái giá hiện tại - chỉ là nhờ vào hoạt động công nghiệp mà bản thân họ không tham gia. Tờ "Morning Star" đã đi xa tới mức là xác định mức đóng góp từ thiện mà Đốc-bi và các chủ đất lớn khác phải thực hiện. Thí dụ như báo này đã quy định mức đóng góp đối với Đốc-bi là 30 000 pao xtéc-linh. Chẳng bao lâu sau khi giải tán nghị viện, huân tước Đốc-bi thực sự đã tổ chức một cuộc mít-tinh ở Man-se-xto để quyên các khoản đóng góp từ thiện. Bản thân ông ta cũng đã hy sinh 1 000 pao xtéc-linh; các chủ đất lớn khác cũng đã ký nhận đóng góp các khoản tiền tương ứng. Kết quả đạt được không rực rỡ, nhưng dù sao thì tầng lớp quý tộc ruộng đất cũng đã làm một cái

1* Nguyên văn: Chúa trời bỗng từ máy bước ra (ở rạp hát cổ đại các nghệ sĩ đóng vai Chúa trời xuất hiện trên sân khấu nhờ những máy móc đặc biệt); nghĩa bóng - một nhân vật hoặc một sự kiện xuất hiện bất ngờ cứu vãn tình thế.

gì đó. Nó đã đâm vào ngực mình mà thốt lên: "Salvavi animam meam!"^{1*}.

Trong lúc đó các trùm tư bản công nghiệp vải sợi vẫn kiên trì giữ tư thế "khắc kỷ". Đã không thể tìm thấy họ ở đâu cả - không tìm thấy ở các uỷ ban địa phương được lập ra để giúp đỡ những người cùng khổ, cũng như ở uỷ ban Luân Đôn. "They are neither here nor there, but they are on the Liverpool market" ("không có họ ở đây cũng như ở kia, họ ở trên thị trường Li-vóc-pun"), - một tờ báo Luân Đôn đã viết như vậy. Các tờ báo của phái To-ri và tờ "Times", ngày này qua ngày khác, đã trút sấm chớp xuống đầu những kẻ độc quyền bông, là những kẻ đã hút được hàng triệu đồng "từ máu và mồ hôi của công nhân", nay lại từ chối hy sinh dù chỉ một đồng xu nhỏ để duy trì "cái nguồn gốc tạo ra sự giàu có của họ". Báo "Times" đã cử các phóng viên của mình đến các khu công xưởng: những tin tức rất cụ thể của họ không thể mảy may góp phần làm cho các "cottonlords" được tiếng tốt. Trái lại, các báo của các nhà công nghiệp - "Morning Star", "Economist", "Manchester Guardian" v.v. - lại buộc tội "Times" nhen nhóm ngọn lửa đấu tranh giai cấp nhằm che giấu lỗi lầm của chính phủ, sự quản lý của nó ở Ấn Độ v.v.. Hơn nữa, "Times" còn bị buộc tội có "khuyh hướng cộng sản". Hiển nhiên là "Times" rất vui mừng có dịp khôi phục lại tiếng tăm của mình, đã trả lời mỉa mai sâu cay: nếu như "cottonlords", một mặt, đã hành động rất khôn ngoan theo quan điểm kinh tế, khi họ lợi dụng tình trạng khan hiếm bông hiện nay để đầu cơ, thì mặt khác, họ lại là những người cộng sản hăng say, và hơn nữa là "những người cộng sản loại tệ hại nhất. Các ngài giàu có này rất muốn nước Anh chịu mọi khoản

1* - "Tôi đã cứu vớt linh hồn mình!"

chi phí, và bằng cách đó, gìn giữ cho họ phần tư bản có giá trị nhất của họ, còn về phía họ thì không phải chịu bất kỳ khoản chi phí nào. Thế nhưng tư bản của họ không chỉ gồm có các công xưởng, máy móc và tiền gửi ở ngân hàng, mà phần lớn hơn còn gồm có các đội quân công nhân được đào tạo tốt của Lan-kê-sia và Y-oóc-sia. Và trong lúc các ngài này tự động đóng cửa các công xưởng của mình để bán nguyên liệu với lợi nhuận 500 phần trăm, họ lại còn đòi nhân dân Anh phải nuôi sống các đội quân mà họ sa thải ra.

Trong thời gian cuộc cải lộn không bình thường này giữa tầng lớp quý tộc ruộng đất và quý tộc công nghiệp - ai trong số họ bóp nặn giai cấp công nhân được nhiều hơn và ai trong số họ ít có nghĩa vụ nhất trong việc giúp đỡ những công nhân đang cùng quẫn - thì với những người cùng quẫn nhất đã xảy ra những sự việc mà những kẻ sùng bái "great exhibition"^{1*} trên lục địa không hề biết tới. Sự kiện mà tôi sẽ kể dưới đây đã được xác nhận chính thức.

Tại căn nhà nhỏ ở ngoại ô Goóc-xkhôn-mơ, gần Pát-môn-đen (Tây Rai-đing ở Y-oóc-sia) có một ông bố sống cùng hai người con gái; ông bố đã già và ốm yếu, các cô con gái làm việc ở nhà máy vải sợi của ngài Ha-li-oen để kiếm miếng bánh mì. Họ thuê một căn phòng tồi tàn ở tầng dưới, cách các cổng rãnh bẩn thỉu vài phút; phía trên cửa sổ phòng họ là cầu thang dùng làm lối đi cho những người sống ở tầng trên. Chiếc cầu thang này che hết ánh sáng vào căn phòng ở chuột thảm hại của họ. Vào những thời gian may mắn nhất, họ cũng chỉ kiếm được vừa đủ để "giữ được phần hồn trong thể xác", nhưng suốt mười lăm tuần lễ nay nguồn sống duy nhất đã bị cắt đứt. Nhà máy đã đóng cửa; gia đình không

1* - "cuộc triển lãm vĩ đại"

còn bất kỳ phương tiện gì để sinh sống. Cái nghèo đói đã kéo dần họ từng bước vào tình trạng tuyệt vọng. Họ tiến dần đến cái chết từng giờ. Các khoản dành dụm chẳng đáng là bao đã nhanh chóng cạn hết. Đến lượt cạn hết các thứ đồ gỗ xoàng xĩnh, quần áo, khăn trải giường - nghĩa là tất cả những gì có thể bán hoặc cầm cố để biến thành bánh mì. Người ta biết chắc chắn rằng trong suốt mười bốn tuần lễ, họ đã không kiếm được một đồng xu nhỏ, nhưng họ đã không một lần nào nhờ đến sự giúp đỡ của xứ đạo.

Cùng cực hơn nữa, ông già đã một tháng nay ốm liệt giường. Thảm kịch của U-gô-li-nô và các con trai ông ta đã lặp lại trong túp lều ở Pát-môn-đen, chỉ thiếu các cảnh ăn thịt người. Khoảng tám ngày trước đây (ngày 12), một trong hai cô con gái còn khỏe mạnh hơn, vì tuyệt vọng cùng cực, cuối cùng đã quyết định đi đến người bảo trợ những người nghèo và kể với ông ta câu chuyện đau thương này. Ông đó, thật không thể tin nổi, đã trả lời rằng cho đến thứ tư tới ông ta không thể làm gì được cho gia đình. Ba kẻ khốn cùng bất hạnh lại phải cố đợi năm ngày nữa cho tới lúc tên đạo phủ hùng mạnh rủ lòng thương hại giúp đỡ. Cả gia đình bắt đầu chờ đợi, họ chẳng còn biết làm gì khác nữa. Cuối cùng thì cũng đã đến cái ngày thứ tư hằng mong đợi, khi mà lòng từ thiện chính thống phải ném cho cái gia đình đang chết đói này mẩu bánh mì; lúc đó dân trong làng hoảng hốt nghe tin là (một trong số hai chị em đã chết vì đói. Tin đồn khủng khiếp này hóa ra là đúng. Xác cô gái chết đói nằm sóng xoài trong cảnh nghèo túng kinh khủng; ông bố cô ta gầy còm ốm yếu, nằm nức nở khóc trên giường; cô gái còn sống chỉ còn đủ chút sức lực kể lại chuyện túng quẫn của mình. Theo kinh nghiệm, chúng tôi biết các trường hợp khủng khiếp, hoàn toàn không phải là cá biệt trong thời đại chúng ta này sẽ kết thúc ra sao. Sẽ có cuộc khám nghiệm tử thi. Coroner (nhân viên pháp y) đã trở nên phổ biến theo tinh thần

thiện ý của đạo luật nước Anh về những người nghèo, sẽ lại dựa vào các bộ máy tuyệt vời dùng để áp dụng luật pháp nhằm chứng minh *prima facie*^{1*} rằng luật pháp không có lẽ nào lại chịu trách nhiệm về trường hợp đáng buồn này. Người bảo trợ biết cách thanh minh, và nếu như tòa án không nhiều lời tán dương ông ta, thì vô luận thế nào để được yên tâm, ông ta cũng biết rằng ông ta không hề có chút tội tình gì. Cuối cùng, các thẩm phán sẽ kết thúc tốt đẹp vở hài kịch này bằng một lời phán quyết trịnh trọng: "Died by the visitation of God" (Đã chết theo ý Chúa trời)

*Do C.Mác viết khoảng 20 tháng Chín 1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 266, ngày
27 tháng Chín 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

1* - ngay tức khắc

C. MÁC

CÁC CUỘC MÍT-TINH CỦA PHÁI GA-RI-BAN-ĐI. - SỰ BẦN CÙNG CỦA CÔNG NHÂN CÔNG NGHIỆP BÔNG VẢI SỢI

Luân Đôn, ngày 30 tháng Chín

Sau cuộc mít-tinh của phái Ga-ri-ban-di ở Niu-cát-xơ mà tôi đã mô tả ở một trong những bài báo trước đây^{1*}, các cuộc mít-tinh tương tự cũng đã được tổ chức ở Xan-đéc-leng, Đôn-đi, Bóc-minh-hêm, Luân Đôn và các thành phố khác. Đặc điểm của các cuộc mít-tinh này ở mọi nơi đều như nhau, và lời nói cuối cùng của các cuộc mít-tinh ấy bao giờ cũng là: "Người Pháp hãy rút khỏi La Mã". Lúc này ở tất cả các khu của Luân Đôn người ta đang dự định lựa chọn các đại biểu và cử họ en masse^{2*} đến gặp huân tước Giôn Rót-xen để buộc ông ta lên tiếng chống lại việc các đơn vị quân Pháp tiếp tục chiếm đóng La Mã. "Pressure from without" (áp lực từ bên ngoài) là ultima ratio^{3*} của người Anh trong cuộc đấu tranh của họ với chính phủ của mình.

1* Xem tập này, tr. 719-722.

2* - tất cả

3* - cái cố cuối cùng, phương tiện cuối cùng

Trong khi đó thì nội các Tuyn-lơ-ri đứng nhìn các cuộc biểu tình quần chúng này một cách không hài lòng lắm và hoàn toàn không thờ ơ, như có thể xét đoán điều này qua đoạn trích sau đây lấy từ "Newcastle Journal"³⁴³.

"Hoàng đế của người Pháp đã lưu ý Chính phủ Anh về giọng điệu của các bài diễn văn nổi bật trong cuộc mít-tinh gần đây nhất của những người thuộc phái Ga-ri-ban-di ở Niu-cát-xơ. Người ta đã nhấn mạnh rằng hai diễn giả, trong đó có chủ tịch cuộc họp, ông cố vấn thành phố Niu-tơn, đã nói bóng gió về các âm mưu hãm hại hoàng đế và đã đe dọa giết chết ông ta một cách hoàn toàn không úp mở gì, do chính sách của ông ta đối với I-ta-li-a. Do đó, chính phủ đã coi là cần thiết phải đưa ra những biện pháp tương ứng và tuyên bố rằng luật pháp của nước Anh sẽ được áp dụng một cách nghiêm khắc nhất để răn đe cũng như để xử phạt tất cả các âm mưu tương tự như âm mưu của Oóc-xi-ni, tiến sĩ Béc-na và những người khác, - hơn nữa là tại cuộc mít-tinh nói trên đã biểu lộ hoàn toàn công khai ý định lặp lại vụ mưu sát của Oóc-xi-ni. Sự phòng ngừa trước này của chính phủ dựa trên cơ sở là gần đây trong các nhóm Mát-di-ni đã có những bài diễn văn, đã loan truyền những lời đe dọa và những điều ám chỉ kín đáo về những hành động giống như những hành động đã xảy ra trước vụ âm mưu của Oóc-xi-ni. Cuối cùng, chúng tôi có thể thông báo cho độc giả của chúng tôi rằng các nhà chức trách tư pháp đã thực hiện những phương sách đầu tiên do các cuộc mít-tinh ở Niu-cát-xơ".

Các tin tức của "Newcastle Journal" là như vậy. Người nào dù chỉ nắm được chút tình hình ở nước Anh và tâm trạng bao trùm ở đây thì cũng đều biết rằng mọi sự can thiệp của nội các hiện nay vào các cuộc biểu tình quần chúng sẽ chỉ có thể kết thúc bằng sự thất bại của chính nó, như điều đó đã xảy ra vào thời gian vụ âm mưu của Oóc-xi-ni³⁴⁴.

Do mùa đông đang đến gần mà tình hình ở các khu xưởng sẽ ngày càng trở nên nghiêm trọng. Hôm nay tờ "Morning Star" đã phòng ngừa trước rằng, nếu như các phương pháp hiện nay của "lòng từ thiện quan phương" sẽ không thay đổi, thì đến mùa đông chúng ta sẽ trở thành những người chứng kiến các cuộc sôi động vượt xa những màn kịch bạo tấp của các năm 1842 - 1843³⁴⁵. Lý do trực tiếp của lời tiên đoán này của Cát-xăng-đơ là bản tuyên

bố trên tất cả các báo Anh của một công nhân ở Man-se-xtơ, trước đây làm việc trong ngành sản xuất vải (vải sợi) bằng máy, nhưng hiện giờ bị ném ra ngoài đường. Để hiểu được bản tuyên bố này, mà nội dung của nó tôi sẽ trình bày ngắn gọn dưới đây, cần phải biết thế nào là "labour test" ("thử thách lao động"). Luật lệ nước Anh về những người nghèo năm 1834, thể hiện ý đồ loại trừ tận gốc tình trạng bần cùng hóa bằng cách áp dụng đối với nó những hình phạt như là đối với sự phạm tội đáng xấu hổ, đòi hỏi người cầu xin trợ cấp, trước khi lời thỉnh cầu của anh ta được đáp ứng, phải chứng minh "lòng mong muốn làm việc" của mình. Để làm điều này anh ta phải đập nhỏ các tảng đá hoặc "picks oakum" (xé tơi các dây chấu tàu cũ v.v., - những thao tác vô nghĩa để trừng phạt những người phạm tội bị kết án lao động khổ sai trong các nhà tù ở Anh. Sau sự "thử thách lao động" này, người cùng khổ mới nhận được một si-linh mỗi tuần cho mỗi thành viên trong gia đình mình, thêm vào đó, nửa si-linh được nhận bằng tiền và nửa si-linh bằng bánh mì.

Bây giờ chúng ta trở lại "bản tuyên bố" của người thợ dệt Anh. Gia đình anh gồm sáu người. Trước đây anh đã có đồng lương khá khá. Nhưng đã mười tám tuần lễ nay thời gian làm việc của anh bị rút xuống còn một nửa và một phần tư. Suốt thời gian đó, thu nhập mỗi tuần lễ của gia đình nhiều lắm là 8 si-linh. Tuần lễ gần đây, nhà máy anh làm việc đã đóng cửa hoàn toàn. Anh phải trả tiền nhà mỗi tuần 2 si-linh 3 pen-ny. Anh đã cầm cố và bán tất cả những gì khả dĩ có thể đem ra khỏi nhà, và đã không còn một xu dính túi; mối đe dọa bị chết đói đã treo trên đầu anh và gia đình anh. Khi đó, anh đã buộc phải nhờ đến cơ quan bảo trợ người nghèo giúp đỡ. Sáng sớm ngày thứ hai tuần trước anh đã đến "guardians"^{1*}.

1* - những người bảo trợ

Sau "cuộc hỏi cung khắc nghiệt", họ đã gửi anh đến viên quan quản lý tiền cứu trợ ở quận của anh. Sau một giờ anh mới được gặp ngài quan lớn anh minh. Sau đó, viên quan hỏi cung anh một lần nữa và... từ chối trợ cấp cho anh vì rằng tuần trước anh ta đã kiếm được 3 si-linh, mặc dù "kẻ cầu xin" đã báo cáo chi tiết với ông ta về việc anh đã chi dùng hết "tài sản" đó như thế nào. Như vậy là anh công nhân và gia đình anh đã buộc phải nhịn đói đến ngày thứ tư tuần sau. Ngày thứ tư, anh lại đến văn phòng của "guardians". Ở đây anh biết được rằng để nhận được tiền trợ cấp, trước hết anh phải chịu "thử thách lao động". Đành phải đến Workhouse (nhà dành cho người nghèo)^{1*} và với cái dạ dày rỗng tuếch, phải xé tơi các giấy chấu ở đó đến năm giờ rưỡi chiều cùng với 300 công nhân khác chen chúc trong một phòng chật hẹp khoảng gần ba mươi i-ác-đơ. Ở đây, trong cái nóng nực không thể chịu nổi, ngồi lèn sát nhau trên các ghế băng giữa mùi hôi và bụi ngọt ngào, "những người chịu khổ thử thách lao động" - những công nhân lành nghề, những người sáng tạo ra của cải quốc dân của nước Anh này, phải làm những thao tác thấp hèn nhất mà người ta có thể bắt con người phải làm. Cũng tương tự như bắt người thợ đồng hồ phải đóng móng ngựa hoặc người chơi đại phong cầm phải tự mình thổi phồng hộp đàn của mình. Sau khi kết thúc công việc này, "người thợ dệt" của chúng ta đã nhận được đúng 5 si-linh - một nửa là tiền, một nửa là bánh mì. Sau khi trả tiền thuê nhà, anh ta chỉ còn lại như vậy là chưa đầy 2 pen-ni (xấp xỉ hai din-béc-grô-si Phổ) để ăn hàng ngày cho sáu người. Còn đến ngày thứ tư tuần sau anh cũng lại phải chịu "sự thử thách của Chúa", thường được lặp lại trong mỗi tuần lễ. Nhưng "người thợ

1* - trại lao động

dệt" bây giờ đã tuyên bố công khai rằng anh ta thà chịu chết đói cùng với gia đình mình còn hơn là phải chịu một lần nữa sự nhục nhã này.

*Do C.Mác viết ngày 30 tháng Chín 1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 273, ngày
4 tháng Mười 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

VỀ CÁC SỰ KIỆN Ở BẮC MỸ

Cuộc hành quân chóng vánh vào Mê-ri-len³⁴⁶ đã quyết định số phận của cuộc Nội chiến ở Mỹ, cho dù vận may chiến tranh của cả hai bên tham chiến có thay đổi thế nào chăng nữa trong một thời gian nào đó. Trước đây, trên các trang báo này đã chỉ ra rằng cuộc đấu tranh để giành lấy các bang chiếm hữu nô lệ ở biên giới là cuộc đấu tranh giành sự thống trị Liên bang^{1*}; thế nhưng phe Liên minh đã thất bại trong cuộc đấu tranh này, mặc dù đã bắt đầu cuộc đấu tranh trong những điều kiện thuận lợi nhất mà không bao giờ có thể lặp lại nữa.

Mê-ri-len có quyền được coi như là cái đầu, còn *Kên-tắc-ki* là hai tay của đảng của những chủ nô ở các bang biên giới. "Sự trung thành" của *Ban-ti-mo* - thủ đô *Mê-ri-len* - cho đến nay đã được duy trì chỉ là nhờ vào tình trạng giới nghiêm. Không chỉ ở miền Nam, mà cả ở miền Bắc đã có một lòng tin chắc chắn rằng sự xuất hiện của những người thuộc phe Hiệp bang ở *Mê-ri-len* sẽ là tín hiệu cho một cuộc khởi nghĩa của quần chúng nhân dân chống lại "các chủ thầu của *Lin-côn*". Vấn đề ở đây không phải chỉ là một thắng lợi quân sự, mà còn là một sự biểu dương đạo đức có khả năng kích thích những người ủng hộ miền Nam trong tất cả các

bang biên giới và cuốn hút họ với sức mạnh không thể cản nổi vào dòng xoáy của các sự kiện. *Mê-ri-len* bị chiếm sẽ có nghĩa là *Oa-sinh-tơn* thất thủ và *Phi-la-đen-phi-a* bị đe dọa, đồng thời an ninh của *Niu Oóc* cũng bị đặt thành vấn đề.

Cuộc tấn công đồng thời vào *Kên-tắc-ki*³⁴⁷, vốn là một bang quan trọng nhất trong các bang biên giới do dân cư đông đúc, do vị trí địa lý và nguồn lực kinh tế của nó, hoàn toàn chỉ là - nếu xem xét một cách biệt lập - một đòn nghi binh. Dựa vào những thắng lợi quyết định ở *Mê-ri-len*, cuộc tấn công này đáng lẽ có thể dẫn đến việc áp đảo những người ủng hộ Liên bang ở *Tên-nê-xi*, đến việc đánh bọc sườn *Mi-su-ri*, đáng lẽ có thể đảm bảo sự an ninh của *Ác-can-da-xơ* và *Tếch-dát*, tạo ra mối đe dọa đối với *Tân Oóc-lê-ăng*, và chủ yếu là có thể chuyển cuộc chiến về *Ô-hai-ô* - một bang trung tâm của miền Bắc, mà việc chiếm được bang này sẽ cho phép thống trị miền Bắc theo mức độ giống như việc chiếm được *Gioóc-gi-a* sẽ đảm bảo cho sự thống trị miền Nam. Quân đội của những người liên minh ở *Ô-hai-ô* có lẽ sẽ có thể cắt đứt các bang phía tây của miền Bắc khỏi các bang phía đông và đánh tan đối phương bằng cách dựa vào vùng trung tâm của chính đối phương. Sau thất bại của những lực lượng chủ yếu của những người nổi loạn ở *Mê-ri-len*, cuộc tấn công vào *Kên-tắc-ki*, được thực hiện thiếu sự kiên quyết cần thiết và không được sự ủng hộ của nhân dân bất cứ đâu, đã trở thành một cuộc đột kích không đáng kể theo kiểu du kích. Ngay cả việc chiếm *Lu-i-xvin-lơ* bây giờ có lẽ cũng sẽ chỉ làm siết chặt thêm đội ngũ "những người khổng lồ phương Tây"³⁴⁸ - những người tình nguyện từ *Ai-ô-va*, *I-li-nôi*, *In-đi-a-na* và *Ô-hai-ô*, - sau khi đã biến họ thành cái "dòng thác đổ" tương tự như cái dòng thác đổ lên đầu những người miền Nam trong thời gian cuộc hành quân thắng lợi đầu tiên vào *Kên-tắc-ki*.

1* Xem tập này, tr. 443-455, 696-700.

Như vậy, cuộc hành quân Mê-ri-len đã cho thấy rằng làn sóng phân ly đã không có đủ áp lực để vượt qua Pô-tô-mác và đến được Ô-hai-ô. Miền Nam buộc phải hạn chế ở việc phòng thủ, trong khi đó thì *chỉ có tấn công* mới có thể giành được thắng lợi. Bị mất các bang biên giới, bị ép chặt giữa Mít-xi-xi-pi ở phía tây và Đại Tây Dương ở phía đông, do đó miền Nam đã không giành được gì ngoài nắm mồ chôn mình.

Không một lúc nào được quên rằng khi giương ngọn cờ bạo loạn, những người miền Nam đã nắm các bang biên giới, đã thống trị về mặt chính trị ở đây. Họ đưa ra những yêu sách về lãnh thổ. Nhưng cùng với các lãnh thổ họ đã mất luôn cả các bang biên giới.

Nhưng dù sao thì cuộc tấn công vào Mê-ri-len cũng được bắt đầu trong hoàn cảnh đặc biệt thuận lợi: những người miền Bắc đã nếm một loạt thất bại nhục nhã chưa từng thấy; quân đội của phái Liên bang mất tinh thần; bức tường thành Giéc-xơn - là người anh hùng thời nay; Lin-côn và chính phủ của ông ta - là trò cười đối với mọi người; đảng dân chủ ở miền Bắc lại được tăng cường và đã coi việc bầu Giép-phéc-xơn Đê-vít làm tổng thống là có khả năng, nước Pháp và Anh đã sẵn sàng công khai thừa nhận tính hợp pháp của chính phủ của các chủ nô mà họ đã công nhận một cách bí mật. "E pur si mouve!"^{1*}. Dù sao trong lịch sử thế giới lý trí vẫn thắng.

Thông báo của Lin-côn còn có ý nghĩa quan trọng hơn so với cuộc hành quân vào Mê-ri-len, Lin-côn là một nhân vật "sui generis"^{2*} trong sử sách. Ông không hề thủ xướng, không hề hăng

1* - "Thế mà nó cứ luẩn quẩn mãi!"

2* - "độc đáo, có một không hai"

lên, không hề phô trương, không hề trang hoàng bằng một tấm màn lịch sử nào. Ông ta bao giờ cũng đem lại cho những hành động có ý nghĩa nhất trong các hành động của mình một hình thức bình thường nhất. Nếu như những kẻ khác hành động vì mấy tấc đất lại tuyên bố "đấu tranh vì một lý tưởng", thì Lin-côn thậm chí khi hành động vì một lý tưởng lại chỉ nói về "mấy tấc đất". Không kiên quyết, chống lại ý chí, ông ta miễn cưỡng hát khúc ca rộn ràng về vai trò của mình tựa hồ như tỏ ý xin lỗi vì tình huống bắt buộc ông ta phải "trở thành anh hùng".

Những sắc lệnh đầy đe dọa mà ông ta ném ra để đáp lại kẻ thù và là những sắc lệnh không bao giờ mất ý nghĩa lịch sử của nó, - phù hợp với ý định của tác giả của chúng, - lại giống như những giấy gọi ra tòa thông thường mà các trạng sư của các bên thừa kiện gửi cho nhau, giống như sự bắt bẻ pháp lý, giống như *actiones juris*^{1*} đầy những quy định vụn vặt. Thông cáo gần đây của ông ta, cái văn kiện quan trọng nhất ấy của lịch sử nước Mỹ từ thời lập ra Liên bang, cái văn kiện đã xé tan bản hiến pháp cũ của nước Mỹ, - tuyên ngôn của Lin-côn về xóa bỏ chế độ nô lệ³⁴⁹, - cũng mang tính chất như vậy.

Không có gì dễ dàng hơn là tìm ra trong các hành động của Lin-côn những nét phản mỹ học, sự thiếu lô-gích, hình thức đùa cợt và sự mâu thuẫn về phương diện chính trị, như điều mà các Pin-đa-rơ Anh của chế độ nô lệ - "Times", "Saturday Review" và *tutti quanti*^{2*} - vẫn làm. Và mặc dầu vậy, Lin-côn vẫn sẽ giữ vị trí bên cạnh Oa-sinh-tơn trong lịch sử Hợp chúng quốc và cả trong lịch sử nhân loại! Vào thời nay, khi mà tất cả những gì

1* - các đạo luật

2* - đồng lõa với họ

không có ý nghĩa đáng kể xảy ra ở bên này Đại Tây Dương đều khoác lên mình cái vỏ quan trọng có tính chất đóng kịch, còn tất cả những gì có ý nghĩa đáng kể được thực hiện trong Thế giới Mới lại mang cái vẻ thường ngày như vậy, chẳng lẽ điều đó không có ý nghĩa gì hay sao?

Lin-côn không phải là sản phẩm của cuộc cách mạng dân tộc. Cái trò chơi thông thường, quyền phổ thông đầu phiếu vốn không ý thức được tính chất vĩ đại của các nhiệm vụ mà nó phải giải quyết, đã đưa ông ta lên đỉnh cao - một người bình dân đã mở ra con đường từ một người thợ dệt đá trở thành thượng nghị sĩ bang I-li-noi, một người không có gì nổi bật về trí tuệ, không có sức mạnh cá tính đặc biệt, không có ý nghĩa gì đặc biệt - một người tốt bụng bậc trung. Chưa bao giờ Thế giới Mới giành được thắng lợi lớn như lần này, sau khi đã chứng minh rằng nhờ có tổ chức chính trị và xã hội của nó mà những người tốt bụng bậc trung có thể thực hiện được những nhiệm vụ mà để giải quyết chúng có lẽ Thế giới Cũ phải cần đến những người anh hùng!

Đương thời, Hê-ghen đã nhận xét rằng trong thực tế hài kịch cao hơn bi kịch, rằng sự hài hước của lý trí cao hơn nhiệt tình của nó³⁵⁰. Nếu như Lin-côn không có được lòng nhiệt tình của hành động lịch sử thì ông ta, một người bậc trung, xuất thân từ nhân dân, lại có được cái hài hước của hành động lịch sử này. Lin-côn đã ban bố vào lúc nào cái thông cáo về việc xóa bỏ chế độ nô lệ từ ngày 1 tháng Giêng 1863 trên lãnh thổ Liên minh? Vào đúng cái lúc mà Liên bang, với tư cách là một quốc gia độc lập, đã thông qua tại quốc hội ở Rích-mơn quyết định về "các cuộc thương lượng hòa bình". Vào đúng cái lúc mà các chủ nô của các bang biên giới cho rằng với cuộc tấn công của

người miền Nam vào Kên-tác-ki thì "the peculiar institution" ("thiết chế đặc biệt")^{1*} trở nên vững chắc chẳng kém gì sự thống chế của họ đối với người đồng hương A-bra-ham Lin-côn của mình, vị tổng thống ở Oa-sinh-tơn.

*Do C.Mác viết ngày 7 tháng Mười 1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 281, ngày
12 tháng Mười 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu
trong tạp chí "Những vấn
đề lịch sử Đảng cộng sản
Liên Xô" số 5, 1958*

1* - chế độ nô lệ

NGÀNH SẢN XUẤT BÁNH MÌ

Ga-ri-ban-di, cuộc Nội chiến ở Mỹ, cách mạng ở Hy Lạp, cuộc khủng hoảng bông vải sợi, sự phá sản của Vây-i-ác³⁵¹ - giờ đây ở Luân Đôn tất cả những cái đó đều nhường chỗ cho... *vấn đề bánh mì*, vấn đề bánh mì theo đúng nghĩa đen của từ này. Người Anh vốn dĩ vẫn tự hào về các "tư tưởng của mình trong lĩnh vực sắt thép và hơi nước", bỗng nhiên nhận ra rằng họ đang sản xuất "staff of life" ("chỗ dựa của cuộc sống") theo phương thức phrăng-cơ cổ xưa, như vào thời cuộc xâm nhập của những người Noóc-măng. Bước tiến căn bản duy nhất là ở việc làm giả sản phẩm, vốn đang trở nên dễ dàng hơn nhờ hóa học hiện đại. Câu tục ngữ cổ của Anh nói rằng mỗi con người, ngay cả người tốt nhất, trong đời mình cũng cần phải ăn "a peck of dirt" (một đấu bùn). Thế nhưng điều đó được hiểu theo nghĩa bóng. Giôn Bun cũng không hề nghi ngờ rằng, ngày này qua ngày khác ông ta nốc, hiểu theo nghĩa đen thô thiển nhất, *mixtum compositum*^{1*} không thể tưởng tượng nổi gồm bột mì, phèn chua, mạng nhện, gián và mồ hôi người. Với sự hiểu biết kinh thánh tường tận của mình, dĩ nhiên ông ta đã biết quá rõ rằng con người phải đổ mồ hôi hột để làm ra bánh mì; nhưng điều hoàn toàn mới đối với ông ta là mồ hôi người cần

1* - một mớ hổ lốn

phải tham gia vào thành phần bột nhào bánh mì như là chất phụ gia nhất thiết phải có.

Cái trình tự mà theo đó nền đại công nghiệp nắm được các lĩnh vực sản xuất khác nhau, nơi nó bắt gặp lao động chân tay, nghề thủ công và công trường thủ công, thoạt nhìn có vẻ rất kỳ quặc. Thí dụ như gieo trồng lúa mì là công việc nông thôn, còn nướng bánh mì là công việc thành thị. Chẳng lẽ lại không thể hy vọng rằng nền sản xuất công nghiệp trước tiên là nắm lấy nghề thủ công thành thị, rồi sau đó là nghề thủ công nông thôn? Tuy nhiên, tiến trình phát triển thực tế là ngược lại. Cho dù chúng ta cò nhìn đi đâu chẳng nữa, thì ở mọi nơi chúng ta đều thấy rằng việc sản xuất các vật phẩm tiêu dùng trực tiếp cho đến nay hầu như đã không bị ảnh hưởng của nền đại công nghiệp, rằng việc đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của con người được thực hiện bằng những phương pháp thủ công cổ truyền, công kênh không thể tưởng tượng được. Và không phải nước Anh, mà là Bắc Mỹ lần đầu tiên đã mở cuộc đột phá khẩu trong truyền thống này, mà cũng chỉ là vào thời đại ngày nay. Người Mỹ đã là những người đầu tiên bắt đầu áp dụng máy móc trong ngành sản xuất may mặc, đóng giày và các ngành tương tự và thậm chí đã chuyển máy móc từ công xưởng về nhà riêng. Tuy nhiên, hiện tượng này được giải thích rất đơn giản. Nền công nghiệp đòi hỏi sản xuất hàng loạt, sản xuất quy mô lớn, để buôn bán chứ không phải để tiêu dùng cá nhân, và thực tế thì nguyên liệu và bán thành phẩm là lĩnh vực xâm chiếm *thứ nhất* của nó, còn hàng hóa thành phẩm dùng cho tiêu dùng trực tiếp là lĩnh vực xâm chiếm *cuối cùng* của nó.

Tuy nhiên giờ đây ở nước Anh có lẽ giờ cáo chung của các *ông chủ* lò bánh đã điểm và bắt đầu kỷ nguyên của những *chủ xưởng* bánh mì. Nhưng chỉ riêng sự kinh tởm và khủng khiếp do những sự vạch trần của ngài Tô-ri-men-hia về "những bí ẩn của bánh mì"³⁵² gây nên thì có lẽ chưa đủ cho một cuộc cách mạng tương

tự, nếu như cái tư bản, bị cuộc khủng hoảng ở Mỹ loại trừ hàng loạt ra khỏi các lĩnh vực mà nó đã độc quyền từ lâu, đã không hăm hở tìm kiếm đến thế cái lĩnh vực mới cho sự đầu tư của nó.

Các công nhân công nhật của các lò bánh mì ở Luân Đôn đã ồ ạt gửi đến nghị viện những đơn khiếu nại về tình cảnh đặc biệt nguy khốn của mình. Bộ trưởng nội vụ đã chỉ định ngài Tơ-ri-men-hia làm báo cáo viên và đôi khi làm cả điều tra viên về vấn đề những khiếu nại này. Báo cáo của ngài Tơ-ri-men-hia chính là tín hiệu báo cơn giông bão.

Bản báo cáo này gồm hai chương chính. Ở chương đầu miêu tả sự nghèo khổ cùng cực của công nhân sản xuất bánh mì, chương hai vạch trần những điều bí ẩn đáng kinh tởm của chính quá trình làm bánh mì.

Phần đầu của bản báo cáo mô tả công nhân các lò bánh như là "những nô lệ da trắng của nền văn minh". Ngày làm việc thông thường của họ bắt đầu vào lúc 11 giờ đêm và kéo dài đến 3-4 giờ chiều. Vào cuối tuần lễ, ngày làm việc bị kéo dài thêm. Trong đa số các lò bánh ở Luân Đôn, ngày làm việc bắt đầu từ 10 giờ đêm ngày thứ sáu và kéo dài không nghỉ giải lao đến đêm khuya thứ bảy. Tuổi thọ trung bình của các công nhân này là 42 tuổi, phần lớn chết vì bệnh lao phổi.

Còn về bản thân việc làm bánh mì thì thường là được tiến hành trong những hầm chật chội dưới đất, kém hoặc hoàn toàn không thông gió. Đã không có thông gió lại còn có sự bốc hơi nguy hại từ các ống dẫn nước thải tồi tàn, và "trong thời gian lên men bánh mì hấp thụ các khí độc bao phủ nó từ mọi phía". Mạng nhện, gián, chuột cống và chuột nhắt "trộn lẫn với bột nhào".

"Cho dù sự kinh tởm của tôi có lớn tới đâu chăng nữa, - ngài Tơ-ri-men-hia nói, - thì tôi cũng phải kết luận rằng hầu như bao giờ trong bột nhào cũng có chứa mồ hôi, mà thường thì còn cả những chất thải độc hại hơn nữa của thợ nhào bột".

Ngay cả những lò bánh tốt nhất cũng không tránh được điều tệ hại kinh tởm này, nhưng ở các ổ làm bánh mì cho dân nghèo và cũng là nơi mà việc làm bột giả bằng cách cho thêm phèn chua và bột xương đặc biệt thịnh hành thì điều tệ hại này còn đạt tới mức ngoài sức tưởng tượng.

Ông Tơ-ri-men-hia đề nghị ban hành các đạo luật nghiêm ngặt hơn chống việc làm giả bánh mì. Tiếp theo, ông đề nghị đặt các lò bánh mì dưới sự giám sát của chính phủ, hạn chế ngày làm việc đối với "những người còn trẻ" (tức là những người chưa đến 18 tuổi) từ 5 giờ sáng đến 9 giờ tối, v.v.. Nhưng đồng thời ông cũng tính toán một cách hoàn toàn sáng suốt rằng những vết lở loét mà ông ta vạch ra, vốn là kết quả trực tiếp của phương thức cũ sản xuất bánh mì, sẽ có thể được loại trừ không phải bởi nghị viện, mà chỉ có thể bởi nền đại công nghiệp.

Và thực vậy, ở một số nơi đã dùng máy của *Xti-ven* để nhào bột. Một loại máy khác như thế đang có mặt tại triển lãm công nghiệp. Nhưng cả hai loại máy vẫn dành lại cho lao động thủ công một vị trí rất đáng kể trong quá trình nướng bánh. Song tiến sĩ *Đô-gli-sơ* đã cách mạng hóa toàn bộ hệ thống sản xuất bánh mì. Kể từ lúc bột mì ra khỏi kho cho đến tận khi đưa bánh vào lò nướng, bàn tay con người không một lần chạm tới nó. Tiến sĩ *Đô-gli-sơ* hoàn toàn không dùng nắm men, mà lên men bằng a-xít các-bô-níc. Ông rút ngắn thời gian của cả quá trình sản xuất bánh mì, kể cả việc nướng bánh, từ 8 giờ xuống 30 phút. Việc làm đêm hoàn toàn được loại trừ. Việc sử dụng khí các-bô-níc loại trừ mọi khả năng làm bánh giả. Nhờ phương thức lên men mới, đặc biệt là nếu kết hợp máy của tiến sĩ *Đô-gli-sơ* với phương thức được sáng chế ra ở Mỹ để loại bỏ trấu khỏi hạt mà không phá huỷ, như từ trước đến nay, ba phần tư lớp vỏ chứa glu-ten và chứa, theo ý kiến của nhà hóa học Pháp Mê-giơ - Mu-ri-ê,

phần dinh dưỡng nhất của hạt nên đã tiết kiệm được rất lớn. Tiến sĩ Đô-gli-sơ đã tính rằng phương thức mới sản xuất bánh mì của ông sẽ có thể tạo khả năng cho nước Anh tiết kiệm hàng năm tới 8 triệu pao xtéc-linh bột mì. Ngoài ra, cũng sẽ có thể tiết kiệm cả trong việc tiêu thụ than. Chi phí về than, kể cả máy hơi nước, giảm từ 1 si-linh xuống 3 pen-ni cho một lò. Giá khí các-bô-ních sản xuất từ a-xít xuyn-phuy-rích hảo hạng là gần 9 pen-ni một bao bột, trong khi đó thì các chủ lò bánh hiện nay phải chi phí tiền nấm men tới hơn 1 si-linh.

Lò bánh mì hoạt động theo phương thức của tiến sĩ Đô-gli-sơ hiện được hoàn thiện đáng kể, đã được mở cách đây ít lâu ở một khu của Luân Đôn - khu Đóc-hét (Bóc-môn-xây), nhưng do điều kiện địa phương không thuận lợi nên chẳng bao lâu sau nó đã bị đóng cửa. Hiện nay lò bánh mì kiểu này đang hoạt động và như người ta nói, rất có kết quả ở Poóc-xmút, Đu-blin, Lít-xơ, Bát, Cô-ven-tơ-ri. Ở Ai-xlinh-tơn (ngoại ô Luân Đôn) mới đưa vào hoạt động, dưới sự theo dõi của chính tiến sĩ Đô-gli-sơ, một lò bánh mì đặc biệt dùng để dạy công nhân nhiều hơn là để bán bánh mì. Các công tác chuẩn bị để áp dụng việc sản xuất bằng máy móc đang được tiến hành trên quy mô rộng rãi ở lò bánh mì quận Pa-ri.

Sự phổ biến rộng rãi phương thức của tiến sĩ Đô-gli-sơ sẽ biến đa số các chủ lò bánh hiện nay thành các đại lý đơn thuần của một số chủ nhà máy bánh mì lớn. Họ sẽ chỉ làm công việc bán lẻ mà không còn dính líu gì với chính việc sản xuất bánh mì, điều đó, tuy nhiên, đối với đa số trong bọn họ sẽ không phải là một sự thay đổi quá đau đớn, bởi lẽ ngay cả lúc này họ thực tế cũng đã là những đại lý đơn thuần của các chủ nhà máy xay bột lớn hơn. Chiến thắng của việc sản xuất bánh mì bằng máy móc sẽ là một bước ngoặt trong lịch sử nền đại công nghiệp, và như vậy là

nền đại công nghiệp này đang chinh phục những xó xỉnh hẻo lánh cho đến nay vẫn được bảo vệ một cách có hiệu quả của nền sản xuất thủ công trung cổ.

*Do C.Mác viết vào cuối tháng Mười 1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 299, ngày
30 tháng Mười 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

VỀ TÌNH HÌNH Ở BẮC MỸ

Luân Đôn, ngày 4 tháng Mười một

Tướng Bra-gơ, chỉ huy quân đội của các bang miền Nam, ở Kên-tắc-ki, - các lực lượng chiến đấu của người miền Nam hiện có còn lại ở đó chỉ là những đội du kích - khi tiến vào bang biên giới này đã ban bố bản thông cáo rọi một ánh sáng nhất định lên những thế cờ cuối cùng của phe Liên bang. Bản thông cáo nhằm vào các bang Tây - Bắc, miêu tả thắng lợi của Bra-gơ ở Kên-tắc-ki như là một cái gì đương nhiên và được tính toán rõ ràng đến trường hợp tấn công thắng lợi vào Ô-hai-ô, một bang trung tâm của miền Bắc. Trước hết, Bra-gơ tuyên bố phe Liên minh sẵn sàng bảo đảm cho tàu thuyền tự do đi lại trên sông Mit-xi-xi-pi và Ô-hai-ô. Sự bảo đảm này chỉ có ý nghĩa chừng nào các chủ nô nắm trong tay họ các bang biên giới. Vì vậy, ở Rích-mơn người ta đã cho rằng việc tấn công đồng thời của Li vào Mê-ri-len và của Bra-gơ vào Kên-tắc-ki sẽ có thể đảm bảo bằng một đòn đánh chiếm được các bang biên giới. Tiếp theo, Bra-gơ tìm cách chứng minh sự đúng đắn của miền Nam, tựa hồ như nó chỉ chiến đấu vì nền độc lập của mình, còn nói chung thì nó muốn hòa bình; nhưng bản chất thực sự của bản thông cáo, mục đích của nó - đó là lời đề nghị với các bang Tây - Bắc ký kết hòa ước riêng rẽ, tách khỏi Liên bang và nhập vào Hiệp bang, bởi vì các quyền lợi kinh tế của Tây - Bắc và miền Nam tựa hồ thống nhất với nhau theo mức độ quyền lợi của Tây - Bắc và Đông - Bắc mâu thuẫn nhau. Như

vậy, chúng ta thấy rằng miền Nam hầu như đã hình dung mình như là người chiếm hữu các bang biên giới khi nó chính thức rêu rao về mục đích xa hơn của mình - kế hoạch khôi phục Liên bang với việc loại trừ các bang của vùng Niu In-glân ra khỏi Liên bang.

Nhưng cả cuộc xâm nhập vào Mê-ri-len cũng như cuộc xâm nhập vào Kên-tắc-ki đều đã thất bại: cuộc xâm nhập thứ nhất - trong trận giao chiến ở An-ti-tam - Crích, cuộc xâm nhập thứ hai - trong trận giao chiến ở Pê-ri-vin gần Lu-i-xvin-lơ. Ở đó cũng như ở đây, những người thuộc phe Hiệp bang đã là bên tấn công và đã tấn công đội quân tiên phong của đạo quân của Buy-lơ. Về thắng lợi của mình, những người thuộc phe Hiệp bang phải biết ơn người chỉ huy đội quân tiên phong, tướng Mác-Cúc, là người đã kìm chân cuộc tấn công ồ ạt của các lực lượng đối phương trội hơn nhiều cho đến khi Buy-lơ có thể đưa được các lực lượng chủ yếu của mình vào trận đánh. Không nghi ngờ chút nào rằng sự thất bại ở Pê-ri-vin đã kéo theo việc quét sạch những người thuộc phe Hiệp bang khỏi Kên-tắc-ki. Đội du kích lớn nhất dưới sự chỉ huy của tướng Moóc-gan, gồm những kẻ ủng hộ cuồng nhiệt nhất chế độ chiếm hữu nô lệ ở Kên-tắc-ki, cũng đã bị tiêu diệt gần như cùng lúc đó ở Phran-phoóc (giữa Lu-i-xvin-lơ và Léc-xin-tơn). Cuối cùng, Râu-dơ-cran-xơ giành thắng lợi quyết định ở gần Cô-ranh-tơ mà sau đó thì đội quân xâm nhập dưới sự chỉ huy của tướng Bra-gơ bị đánh tan tành chỉ còn cách rút chạy cho nhanh.

Như vậy, cuộc hành quân được sắp đặt với quy mô lớn và đúng đắn theo quan điểm quân sự và được thực hiện trong những điều kiện thuận lợi nhất của những người thuộc phe Hiệp bang nhằm mục đích giành lại các bang chiếm hữu nô lệ ở biên giới đã bị mất, rõ ràng là đã thất bại hoàn toàn. Ngoài các kết quả trực tiếp về mặt quân sự, các trận đánh này, về mặt khác, còn góp phần loại trừ khó khăn chủ yếu. Ý nghĩa mà các bang chiếm hữu nô lệ chính cống gán cho các bang biên giới dĩ nhiên được giải thích bởi sự tồn tại của nhân tố chiếm hữu nô lệ trong các bang này, của chính cái

nhân tố đang buộc Chính phủ Liên bang phải có những sự thỏa hiệp về mặt ngoại giao và hiến pháp trong cuộc đấu tranh của mình chống lại chế độ nô lệ. Nhưng nhân tố này trên vũ đài chính của cuộc nội chiến, ở các bang biên giới, thực tế lại bị thanh toán trong tiến trình của chính cuộc nội chiến. Một phần lớn chủ nô liên tục di cư về phía nam cùng với "black chattel" (súc vật đen) của mình để bảo đảm giữ gìn tài sản của mình. Sau mỗi thất bại của những người thuộc phe Hiệp bang thì sự di cư này lại rộ lên với quy mô lớn hơn.

Một trong số những người bạn của tôi^{1*}, một sĩ quan Đức đã chiến đấu liên tục dưới lá cờ nhiều sao ở Mi-su-ri, Ác-can-da-xơ, Kên-tắc-ki và Tê-nê-xi, viết cho tôi rằng sự di cư này rất giống cuộc rút chạy khỏi Ai-rơ-len vào các năm 1847 - 1848. Ngoài ra, các phần tử tích cực nhất trong các chủ nô - một mặt là tầng lớp thanh niên, mặt khác là các thủ lĩnh chính trị và quân sự, - tự tách khỏi số đông thuộc giai cấp mình và hoặc là tổ chức ở chính các bang của mình các đội du kích, - các đội du kích như thế đều bị tiêu diệt, - hoặc là rời bỏ quê hương và nhập vào quân đội hoặc bộ máy hành chính của Hiệp bang. Và kết quả là thế này: một mặt, tổng số nô lệ giảm đi rất nhiều ở các bang biên giới là nơi chế độ nô lệ đã luôn luôn phải chống chọi lại "encroachments" (các cuộc tấn công) của lao động tự do cạnh tranh với nó, và mặt khác - sự ra đi của một bộ phận chủ nô tích cực nhất cùng với đoàn tùy tùng da trắng của họ. Như vậy, chỉ còn lại tầng lớp chủ nô "ôn hoà", những kẻ sẽ nhanh chóng vô lấy một cách thêm khát món tiền hết sức lớn mà Oa-sinh-tơn đưa ra cho họ để chuộc lại "black chattel" của họ, món hàng mà đảng nào thì cũng sẽ mất giá trị một khi thị trường tiêu thụ miền Nam đóng cửa đối với nó. Như vậy, chiến tranh tự nó đã góp phần giải quyết

1* - I. Vây-đơ-mai-ơ

vấn đề, bởi vì nó cải tạo một cách thực tế các quan hệ xã hội ở các bang biên giới.

Đối với miền Nam thì thời gian thuận lợi nhất trong năm để tiến hành các hoạt động quân sự đã qua rồi; đối với miền Bắc thì thời gian đó mới chỉ bắt đầu, bởi vì các con sông nội địa bây giờ lại trở thành các tuyến đường thủy và khả năng phối hợp đã được thể nghiệm rất có kết quả của các hoạt động quân sự trên bộ và dưới nước lại được mở ra. Miền Bắc đã hết sức tận dụng thời gian tạm ngừng này. Việc đóng mười chiếc tàu bọc thép dùng cho các con sông ở miền Tây đang nhanh chóng hoàn thành; thêm vào đó, người ta còn đóng các con tàu nửa bọc thép với số lượng lớn gấp đôi dùng cho các con sông nhỏ. Ở miền Đông, nhiều tàu bọc thép mới đã được hạ thủy, trong khi những cái khác vẫn còn được đóng thêm. Tất cả các loại tàu này sẽ được đóng xong vào ngày 1 tháng Giêng 1863. Ê-rích-xơn, người sáng chế và là kiến trúc sư của tàu "Mô-ni-tơ", đang chỉ huy việc đóng chín chiếc tàu mới loại này. Bốn chiếc trong số đó đã "được đưa vào hoạt động".

Quân đội ở Pô-tô-mác, Tê-nê-xi và Viéc-gi-ni-a cũng như tại các điểm khác nhau ở miền Nam - ở Noóc-phôn, Niu-béc-nơ, Poóc-tơ-Roay-an, Pen-xa-cô-la và Tân Oóc-lê-ăng - hàng ngày đều được bổ sung lực lượng mới. Lần gọi nhập ngũ thứ nhất có 300 000 người do Lin-côn thông báo vào tháng Bảy đã thu hoàn toàn đủ số quân và một phần đã có mặt tại vùng có chiến sự. Lần gọi nhập ngũ thứ hai có 300 000 người, với thời hạn chín tháng, đang được tuyển mộ dần. Ở một số bang, việc tuyển mộ lính mới được thay bằng việc tuyển chọn lính tình nguyện, nhưng không nơi nào gặp khó khăn nghiêm trọng. Thái độ bất nhả và sự phẫn nộ đã cho thấy việc tuyển mộ lính mới là sự kiện chưa từng có trong lịch sử Hợp chúng quốc. Không có gì vô lý hơn. Trong thời gian cuộc chiến tranh giành độc lập và trong cuộc chiến tranh thứ hai với nước Anh (1812 - 1815) đã tiến hành việc tuyển mộ lính mới với số lượng lớn; cũng đã xảy ra như vậy cả trong thời gian các

cuộc chiến tranh nhỏ với người da đỏ, và chưa bao giờ điều này lại không gây ra một sự chống đối đáng kể nào.

Một sự kiện đáng chú ý là trong năm nay số người di cư từ châu Âu sang Hợp chúng quốc là gần 100 000 người và một nửa số người di cư này là người Ai-rơ-len và người Anh. Tại đại hội mới đây của "Association for the advancement of science"^{1*} của Anh tại Căm-brít-giơ, nhà kinh tế học Mê-ri-vây-lơ đã buộc phải nhắc đồng bào của mình về một sự thật mà các báo "Times", "Saturday Review", "Morning Post", "Morning Herald", - đó là chưa kể đến các dii minorum gentium^{2*}, đã hoàn toàn lãng quên, hoặc là họ muốn xóa sạch trong trí nhớ của người Anh, - cụ thể là đa số dân cư dôi thừa của nước Anh đều tìm thấy quê hương mới ở Hợp chúng quốc.

*Do C.Mác viết ngày 4 tháng Mười một 1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 309, ngày
10 tháng Mười một 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

1* - "Hội ủng hộ phát triển khoa học"

2* - Nghĩa đen: các chúa đàn em; nghĩa ở đây: các loại hạng hai

C.MÁC

NHỮNG DẤU HIỆU VỀ SỰ KIẾT LỰC CỦA HIỆP BANG MIỀN NAM

Báo chí nước Anh còn "nam hơn" chính miền Nam. Trong lúc nó hình dung mọi thứ ở miền Bắc đều là màu đen, còn trên đất nước của "nigger"^{1*} - mọi thứ đều là màu trắng, thì ở chính các bang chiếm hữu nô lệ người ta không mảy may tự ru ngủ mình bằng những cuộc "lễ khải hoàn" mà báo "Times" đã ca ngợi.

Báo chí miền Nam nhất loạt khóc than cho thất bại ở Cô-ranh-tơ và phàn nàn về sự "thiếu năng lực và lòng tự tin quá đáng" của các tướng Prai-xơ và Van-đoóc-nơ³⁵³. "Mobile Advertiser" nhắc đến trung đoàn A-la-ba-ma số 42, là trung đoàn đã tham gia vào trận đánh hôm thứ sáu, có 530 binh lính, ngày thứ bảy còn 300, và đến chiều ngày chủ nhật chỉ còn có 10 binh lính. Tất cả những người khác đều đã bị giết, bị bắt làm tù binh, bị thương hoặc mất tích trong thời gian hành quân. Các tờ báo Viéc-gi-ni-a cũng phát biểu theo tinh thần như vậy.

"Rõ ràng là" - báo "Richmod Whig" viết, - "mục đích trực tiếp của cuộc hành quân Mít-xi-xi-pi của chúng ta đã không đạt được". "Cho nên cũng đáng lo ngại", -

1* - "dân da đen" (tên lóng có tính chất nhục mạ người da đen mà bọn phân biệt chủng tộc dùng ở Mỹ).

báo "Richmond Enquirer" tuyên bố, - "rằng những hậu quả của trận đánh này sẽ gây ra ảnh hưởng tai hại nhất cho cuộc hành quân của chúng ta sang phía tây".

Sự linh cảm này đã trở thành sự thật, như việc Bra-gơ quét sạch Kên-tắc-ki và sự thất bại của những người thuộc phe Hiệp bang ở Nát-vin (Tê-nê-xi)³⁵⁴ đã cho thấy.

Chính từ nguồn này - từ các báo ở các bang Viéc-gi-ni-a, Gioóc-gi-a và A-la-ba-ma - chúng tôi rút ra những tin tức đáng lưu ý về cuộc xung đột giữa chính phủ trung ương ở Rích-mơn và chính quyền của các bang chiếm hữu nô lệ riêng biệt. Cái gì gây ra cuộc xung đột này là đạo luật mới nhất về việc tuyển mộ vào quân đội, mà bằng việc ban hành nó, quốc hội đã mở rộng đáng kể giới hạn thông thường của tuổi gọi lính. Ở Gioóc-gi-a, trên cơ sở đạo luật này một ông Lê-vin-gút nào đó đã bị gọi lính, ông ta khước từ không đến và do đó đã bị nhân viên của Hiệp bang là Gi. P.Bru-xơ bắt. Lê-vin-gút đã kháng án lên tòa án tối cao quận En-béc-gơ (Gioóc-gi-a), tòa án này đã ra lệnh thả ngay người bị bắt. Trong phần viện lý rất dài của bản quyết định của tòa án tựu trung lại là:

"Trong lời nói đầu bản hiến pháp của Hiệp bang đã nói rõ ràng và rành mạch rằng mỗi bang riêng biệt đều là bang có chủ quyền và độc lập. Có thể nói theo ý nghĩa nào về chủ quyền và độc lập của bang Gioóc-gi-a, nếu như mỗi dân bình đều có thể bị cưỡng bức tách ra khỏi sự kiểm soát của người tổng chỉ huy của mình? Nếu như Quốc hội ở Rích-mơn có thể ban hành đạo luật về tuyển quân với những ngoại lệ, thì cái gì cản trở nó ban hành đạo luật về tuyển quân không có ngoại lệ, tức là động viên cả thống đốc, các thành viên cơ quan lập pháp, nhân viên tòa án và do đó mà giải tán toàn bộ chính quyền của bang? Do vậy, đồng thời xuất phát từ những lý do khác, tòa án đưa ra bản quyết định này và yêu cầu coi đạo luật về tuyển quân mà quốc hội đã thông qua là không có hiệu lực và không có hiệu lực pháp lý nào..."

Như vậy, bang Gioóc-gi-a đã cấm tuyển quân trên lãnh thổ của mình, còn Chính phủ Hiệp bang thì đã không dám bãi bỏ sự cấm đoán này.

Những va chạm tương tự giữa "bang phân lập" và "Liên bang phân lập của các bang" cũng xảy ra cả ở Viéc-gi-ni-a. Nguyên nhân

của việc tranh cãi là việc chính quyền bang từ chối giao cho các nhân viên của ngài Giép-phéc-xơn Đê-vít quyền động viên các dân binh Viéc-gi-ni-a và đưa họ vào quân đội của Hiệp bang. Về vấn đề này cũng đã có sự trao đổi thư từ rất gay gắt giữa bộ trưởng chiến tranh và tướng Gi. B. Phlôi-đơ - nhân vật khét tiếng hồi nhiệm kỳ tổng thống Biu-kê-nen đã giữ chức bộ trưởng chiến tranh của Liên bang - đã chuẩn bị việc chia tách các bang miền Nam và tiện thể đã "chia" luôn một phần lớn ngân khố quốc gia vào túi mình. Vị thủ lĩnh của những người li khai này, vốn nổi tiếng ở miền Bắc với biệt danh "Floyd the thief" (tên kẻ cắp Phlôi-đơ) bây giờ đang đóng vai người chiến sĩ đấu tranh cho các quyền của Viéc-gi-ni-a chống lại Hiệp bang. Tiện đây, về việc trao đổi thư từ giữa bộ trưởng chiến tranh và Phlôi-đơ, báo "Richmond Examiner" nhận xét như sau:

"Toàn bộ việc trao đổi thư từ là một sự minh họa không đến nỗi tồi về sự chống đối và thù địch thể hiện trong quan hệ của bang chúng ta". (Viéc-gi-ni-a) "và quân đội của nó từ phía những kẻ lạm dụng quyền lực của hiệp bang ở Rích-mơn. Viéc-gi-ni-a bị làm tình làm tội bởi các khoản đóng góp vô tận. Nhưng mọi cái ở trên đời đều có giới hạn của nó, và sức chịu đựng của bang sẽ xẹp, nếu như những bất công sẽ còn lặp lại... Viéc-gi-ni-a đã cung cấp hầu như toàn bộ trang bị, quân nhu và đạn dược, kết quả là đã giành thắng lợi trong chiến dịch ở Bê-ten và Ma-nát-xát. Trong số các kho quân nhu và vũ khí của riêng mình, Viéc-gi-ni-a đã giao cho Liên bang sử dụng 75 000 súng trường và súng săn, 233 đại bác và một nhà máy sản xuất súng tuyệt vời. Tất cả dân cư nam giới có khả năng cầm súng đã được huy động hết cho việc phục vụ Liên bang. Viéc-gi-ni-a đã buộc phải dùng lực lượng riêng của mình để đánh đuổi kẻ thù ra khỏi biên giới phía tây của mình; và phải chăng là không đáng công phần khi những tên tay sai của Chính phủ Liên bang bây giờ đang cả gan nhạo báng bang này?".

Ở Téch-dát, việc gửi nhiều lần dân cư đàn ông của bang sang phía đông cũng đã gây nên sự không hài lòng đối với Hiệp bang.

Đại diện bang Téch-dát, ông Ô-n-hêm, đã phát biểu ngày 30 tháng Chín tại Quốc hội ở Rích-mơn một lời kháng nghị như sau:

"Để tiến hành cuộc chinh phạt của Uyn-han vào Xa-bli, 3 500 binh lính Téch-dát

ưu tú đã bị ném vào cái chết giữa các thung lũng khô cạn ở Tân Mê-hi-cô. Kết quả là kẻ thù tập trung lực lượng của chúng đến biên giới của chúng ta, để đến mùa đông nó sẽ vượt qua biên giới đó. Các ông đã ném các đơn vị tinh nhuệ nhất từ Téch-dát sang miền Đông Mít-xi-xi-pi, các ông đã ném họ đến Viéc-gi-ni-a, các ông đã phái họ đến những khu vực nguy hiểm nhất, nơi họ đã bị tiêu diệt. Ba phần tư quân số của mỗi trung đoàn Téch-dát đã yên nghỉ trong các nấm mồ hoặc bị giải ngũ vì ốm yếu. Nếu chính phủ hiện tại tiếp tục bằng cách này lấy đi khỏi Téch-dát bộ phận dân cư có khả năng chiến đấu để bổ sung vào thành phần các trung đoàn bị thiệt hại này thì Téch-dát sẽ kiệt quệ, kiệt quệ một cách không thể hồi phục. Đó là điều bất công và nông nổi. Những người mà chúng tôi uỷ thác cần phải bảo vệ gia đình mình, tài sản của mình và quê hương của mình. Thay mặt họ, tôi kháng nghị chống lại việc người ta gửi những người đàn ông ở các vùng phía tây Mít-xi-xi-pi sang miền Đông, còn quê hương của họ thì do đó sẽ bị bỏ trống cho kẻ thù tràn vào từ phía bắc, đông, tây và nam".

Qua các đoạn trích dẫn từ chính các báo miền Nam nêu trên, có thể rút ra hai kết luận. Các biện pháp cưỡng chế mà Chính phủ Hiệp bang tiến hành nhằm mục đích bổ sung các đội quân, đã đi quá xa. Nguồn lực quân sự đang cạn kiệt. Thứ hai, và đây là điều quyết định, học thuyết "state rights" (chủ quyền của các bang riêng biệt) mà dựa vào đó những người tiếm vị ở Rích-mơn đã tìm cách tạo cho phe ly khai cái hình thù hợp hiến, đã bắt đầu quay cái lưỡi sắc của nó chống lại chính họ. Thế là ông Giép-phéc-xơn Đê-vít đã không thể "làm cho miền Nam trở thành một dân tộc" cho dù kẻ sùng mộ ông ta là người Anh Glát-xơn³⁵⁵ có huyền hơang thế nào đi nữa.

*Do C.Mác viết ngày 7 tháng Mười một 1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 313, ngày
14 tháng Mười một 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu
trong tạp chí "Những vấn
đề lịch sử Đảng cộng sản
Liên Xô" số 51, 1958*

C.MÁC

*KẾT QUẢ BẦU CỬ Ở CÁC BANG MIỀN BẮC

Các cuộc bầu cử đã thực sự là thất bại của Chính phủ Oa-sinh-tơn³⁵⁶. Các thủ lĩnh trước đây của đảng dân chủ đã biết lợi dụng sự bất bình do những sai lầm trong các vấn đề tài chính và những sự vụng về đã xảy ra trong các vấn đề quân sự; không còn nghi ngờ gì rằng bang Niu Oóc, vốn đã chính thức nằm trong tay những người như Xây-mua, Vút và Ben-nét, sẽ có thể trở thành trung tâm của những mưu đồ nguy hiểm. Tuy nhiên, mặt khác, không nên phóng đại ý nghĩa thực tiễn của sự phản ứng này. Viện đại biểu cộng hòa hiện đang tiếp tục họp, còn những người kế tục đã được bầu ra hiện nay sẽ chỉ thay thế nó vào tháng Chạp 1863. Như vậy, các cuộc bầu cử, trong mức độ điều này có liên quan tới Quốc hội ở Oa-sinh-tơn, hiện mới chỉ là một sự thị uy. Các cuộc bầu cử thống đốc đã không được tiến hành ở đâu cả, trừ bang Niu Oóc. Như vậy, đảng cộng hoà, cả cho đến nay, vẫn đứng đầu các bang riêng lẻ. Những thắng lợi của những người cộng hòa trong các cuộc bầu cử ở Ma-xa-tru-xét, Ai-ô-va, I-li-noi và Mi-si-gân cân bằng tới mức độ nào đó với những tổn thất mà họ phải chịu ở Niu Oóc, Pen-xin-va-ni, Ô-hai-ô và In-đi-a-na.

Việc phân tích tỉ mỉ hơn những thắng lợi mà đảng dân chủ đạt được sẽ dẫn đến những kết luận hoàn toàn khác so với những kết luận mà các báo Anh đang làm rùm beng lên. *Thành phố* Niu Oóc, bị tha hóa mạnh bởi những dân đen người Ai-rơ-len, thời gian gần đây đã tham gia tích cực vào việc buôn bán nô lệ, thành phố này

là trung tâm thị trường tiền tệ của Mỹ và là nơi lui tới của những người chủ cầm cố ở đồn điền miền Nam, từ lâu đã là thành phố "dân chủ" vô điều kiện, cũng giống hệt như Li-vóc-pun cho đến nay vẫn đang là thành phố của đảng To-ri. *Các quận nông nghiệp* thuộc bang Niu Oóc cả lần này cũng đã bỏ phiếu cho những người cộng hoà, như là điều họ đã luôn luôn làm kể từ năm 1856, tuy nhiên kém nhiệt tình hơn so với năm 1860. Ngoài ra, phần lớn dân ông có quyền bầu cử hiện đang ở chiến trường. Nếu làm một con tính chung cho các quận ở thành phố và các huyện ở nông thôn thì sẽ thấy rằng phần đa số mà những người dân chủ thu được ở bang Niu Oóc không vượt quá 8 000 - 10 000 phiếu.

Ở Pen-xin-va-ni, vốn từ lâu đã dao động giữa những người thuộc đảng Vích Mỹ³⁵⁷ và những người dân chủ, còn sau đó là giữa những người dân chủ và những người cộng hoà, phái đa số dân chủ chỉ chiếm 3 500 phiếu, ở In-đi-a-na, nó còn kém hơn, còn ở Ô-hai-ô, nơi đó đạt tới 8 000 phiếu, các thủ lĩnh dân chủ bị vạch mặt là có cảm tình với miền Nam, chẳng hạn như Va-lan-đi-hem khét tiếng, đã không được bầu lại vào quốc hội. Những người Ai-rơ-len nhận thấy người da đen là những người cạnh tranh nguy hiểm. Các nông dân có năng lực của In-đi-a-na và Ô-hai-ô căm thù trước hết là các chủ nô, nhưng tiếp đó, họ cũng căm thù cả người da đen. Dưới con mắt của họ, những người da đen đều là biểu tượng của chế độ nô lệ và của sự hạ thấp giai cấp công nhân, còn báo chí dân chủ thì ngày nào cũng đe dọa họ về sự tràn ngập "nigger"^{1*} vào lãnh thổ các bang của họ. Thêm vào đó, sự bất bình đối với việc lãnh đạo quá tồi các trận đánh ở Viéc-gi-ni-a là đặc biệt mạnh ở chính ngay các bang này, các bang đã cung cấp số quân tình nguyện lớn nhất.

Tuy nhiên, tất cả những gì đã nói đều chưa động chạm đến thực chất của sự việc. Vào thời bầu Lin-côn (1860) đã không có nội chiến, vấn đề giải phóng người da đen cũng chưa được đưa

1* - "người da đen"

vào chương trình nghị sự. Đảng cộng hòa lúc đó hoạt động tách rời đảng bài nô, trong cuộc vận động tranh cử năm 1860 đã không đặt ra cho mình một mục đích nào khác, ngoài việc kháng nghị chống lại sự lan rộng chế độ nô lệ trên các lãnh thổ, nhưng đồng thời cũng đã tuyên bố về sự không can thiệp của mình đối với quy chế này ở các bang mà chế độ nô lệ đã tồn tại trên cơ sở hợp pháp. Giả như vào lúc đó Lin-côn đưa *vấn đề giải phóng nô lệ* ra như là khẩu hiệu chiến đấu thì chắc chắn là ông ta đã đại bại. Tư tưởng như vậy bị kiên quyết bác bỏ.

Tại các cuộc bầu cử vừa mới kết thúc thì sự việc đã xảy ra hoàn toàn khác. Những người cộng hòa đã hành động thống nhất với những người bài nô. Họ đều kiên quyết đòi lập tức giải phóng nô lệ, vì chính họ, cũng như vì nhận thấy đó là phương pháp để chấm dứt bạo loạn. Nếu chú ý đến tình hướng này thì thấy rằng đa số phiếu bầu cho chính phủ ở Mi-si-gân, I-li-noi, Mát-xa-tru-xét, Ai-ô-va và Đê-la-vê cũng như một số khá lớn, tuy là thiểu số, phiếu bầu cho chính phủ đó ở các bang Niu Oóc, Ô-hai-ô và Pen-xin-va-ni đều là đáng ngạc nhiên như nhau. Trước chiến tranh thì những kết quả tương tự có lẽ là đã không thể có ngay cả ở Mát-xa-tru-xét. Chỉ cần chính phủ và quốc hội được triệu tập vào tháng sau đó tỏ rõ nghị lực cần thiết thì những người bài nô, hiện đang nhất trí với những người cộng hòa, sẽ có ưu thế ở khắp mọi nơi về mặt đạo đức và số lượng. Mưu đồ can thiệp của Lu-i Bô-na-pác-tơ³⁵⁸ đang củng cố vị thế của họ "từ bên ngoài". Điều nguy hiểm hiện nay chính là ở việc tiếp tục duy trì tại chức các tướng lĩnh như Mắc-Cli-lân, là những người mà ngoài sự bất tài ra còn được biết tới như là proslavery men^{1*} công khai.

*Do C.Mác viết ngày 18 tháng Mười một
1862
Đã đăng trên báo "Die Presse" số 321,
ngày 23 tháng Mười một 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu
trong tạp chí "Những vấn
đề lịch sử Đảng cộng sản
Liên Xô" số 5, 1958*

1* - những kẻ trung thành với chế độ nô lệ

C.MÁC

VIỆC BÃI CHỨC MẮC-CLI-LÂN

Bãi chức Mắc-Cli-lân! - sự đáp lại của Lin-côn đối với những thắng lợi bầu cử của những người dân chủ là như vậy.

Các báo của những người dân chủ đã tuyên bố hết sức chắc chắn rằng việc bầu Xây-mua làm thống đốc bang Niu Oóc sẽ lập tức kéo theo việc huỷ bỏ bản *thông cáo*, trong đó Lin-côn đã tuyên bố xoá bỏ chế độ nô lệ trên lãnh thổ phe li khai, kể từ ngày 1 tháng Giêng 1863. Nhưng mực in còn chưa kịp khô trên những lời tiên đoán của họ thì vị tướng yêu quý của họ - yêu quý vì bên cạnh một sự thất bại nghiêm trọng ông ta đã không sợ cái gì hơn là sợ mất chiến thắng quyết định, - đã bị mất chức tư lệnh và bị loại ra khỏi mọi việc.

Bạn đọc còn nhớ rằng Mắc-Cli-lân đã trả lời bản thông cáo này của Lin-côn bằng một tuyên cáo đối lập lại - một mệnh lệnh cho quân đội của mình, cái mệnh lệnh mặc dù đã cấm bất kỳ hành vi nào chống lại quyết định của tổng thống, nhưng đồng thời cũng chứa đựng trong đó những lời lẽ nguy hại như sau: "Nhiệm vụ của các công dân là sử dụng hòm phiếu để sửa chữa những sai lầm mà chính phủ đã mắc phải, hoặc là để gây tác động đến chính sách của chính phủ". Như vậy, Mắc - Cli-lân, nguyên tư lệnh đạo quân chủ yếu của Hợp chúng quốc đã kêu gọi các cuộc bầu cử hiện nay để chống lại tổng thống. Ông ta đã ném lên đĩa cân cái uy tín của địa vị cao của mình. Nếu như không tính đến cuộc binh

biến theo kiểu Tây Ban Nha, thì ông ta đã không thể biểu thị một cách ngỗ ngược hơn sự thù địch của mình đối với chính sách của tổng thống. Vì vậy, sau thắng lợi của những người dân chủ trong các cuộc bầu cử, Lin-côn chỉ còn mỗi một sự lựa chọn - hoặc là tự hạ mình đến mức đóng vai trò làm công cụ của cái đảng thỏa hiệp thông cảm với các chủ nô, hoặc là xoá bỏ chỗ dựa của đảng đó trong quân đội bằng cách phế bỏ Mắc-Cli-lân.

Như vậy, việc bãi chức Mắc-Cli-lân vào thời điểm *hiện nay* là một cuộc thị uy chính trị. Nhưng ngoài ra nó còn là vấn đề tất yếu không tránh khỏi. Trong báo cáo gửi bộ trưởng chiến tranh, commander in chief* *Ha-lếch* đã buộc tội Mắc-Cli-lân là công khai không tuân lệnh. Vấn đề là ở chỗ, ngày 6 tháng Mười, chẳng bao lâu sau thất bại của những người liên minh ở Mê-ri-len, *Ha-lếch* đã ra lệnh vượt sông Pô-tô-mác chính là vì mức nước thấp ở sông Pô-tô-mác và các nhánh của nó lúc ấy đã tạo ra những điều kiện thuận lợi cho các hoạt động quân sự. Bất chấp lệnh này, Mắc-Cli-lân đã không hề nhúc nhích một bước, lấy cớ là chưa có khả năng cho quân đội của ông ta hành quân do không đủ quân lương. Trong bản báo cáo nói trên, *Ha-lếch* chứng minh rằng đó chỉ là cái cớ thoái thác trống rỗng, rằng quân đội phía đông đã được ưu tiên nhiều trong việc chu cấp so với quân đội phía tây, và rằng phần quân lương còn thiếu thì cả phía nam cũng như phía bắc sông Pô-tô-mác đều nóng lòng trông chờ. Bản báo cáo này của *Ha-lếch* gắn với một báo cáo thứ hai, trong đó uỷ ban điều tra vụ để mất kho vũ khí Hác-pơ-Phe-ri³⁵⁹ về tay những người liên minh, đã buộc tội Mắc-Cli-lân rằng ông ta đã tập trung một cách chậm trễ tới mức không thể hiểu nổi các đơn vị liên bang đóng ở gần kho vũ khí này, bằng cách ra lệnh cho họ hành quân với tốc độ chỉ có 6 dặm Anh (gần 1 1/2 dặm Đức) một ngày. Cả hai

1* - tổng chỉ huy

bản báo cáo này - báo cáo của Ha-lếch và báo cáo của uỷ ban - đều đã nằm trong tay tổng thống từ *trước khi* có thắng lợi của những người dân chủ trong các cuộc bầu cử.

Về sự chỉ huy của Mác-Cli-lân thì trên các trang báo của chúng ta thường hay nói đến^{1*} thành ra ở đây sẽ chỉ cần nhắc lại xem ông ta đã tìm cách thay thế việc giải quyết nhiệm vụ về mặt sách lược bằng việc né tránh chiến lược như thế nào và xem ông ta đã cố gắng không mệt mỏi như thế nào trong việc tìm kiếm những tính toán cao siêu của trí tuệ tham mưu, những tính toán đã cản trở ông ta hoặc là tận dụng thắng lợi, hoặc là ngăn ngừa thất bại. Cuộc hành quân ngăn ngui ở Mê-ri-len đã bao phủ lên tên tuổi ông ta một vùng hào quang không xứng đáng. Tuy nhiên, cần thấy rằng những chỉ thị chung về trình tự tấn công thì ông ta đã nhận được từ tướng *Ha-lếch*, là người đã xây dựng cả kế hoạch chiến dịch thứ nhất ở Kên-tác-ki, và rằng thắng lợi trên chiến trường mà những người liên bang có được là hoàn toàn nhờ vào lòng can đảm vô song của những người chỉ huy cấp dưới, đặc biệt là của tướng *Rê-nô*, người đã ngã xuống trong chiến đấu và tướng *Hu-cơ*, người vẫn chưa lành hẳn các vết thương. Có lần Na-pô-lê-ông đã viết cho em mình là Giô-dép rằng cái nguy hiểm trên chiến trường ở mọi nơi đều như nhau và rằng phương pháp chắc chắn nhất để đưa nó vào chỗ chết - ấy là tìm cách lẩn tránh nó. Rõ ràng là Mác-Cli-lân đã lĩnh hội được cái định đề này, nhưng đã không rút ra được từ đó cái kết luận thực tiễn mà Na-pô-lê-ông muốn gọi ra cho em mình. Trong cả cuộc đời binh nghiệp của mình, Mác-Cli-lân *chưa một lần* xuất hiện trên chiến trường, *chưa một lần* có mặt trong lửa đạn - đó là điều đặc biệt mà tướng *Kéc-ni* đã nhấn rất mạnh ở một trong những bức thư do

1* Xem tập này, tr. 631-635, 667-672, 696-700, 705-709.

em trai ông ta công bố sau khi Kéc-ni hy sinh trong một trận chiến đấu do Pốp chỉ huy ở gần Oa-sinh-tơn.

Mác-Cli-lân đã biết che đậy sự tầm thường của mình dưới chiếc mặt nạ của sự nghiêm túc chín chắn, tính trầm lặng ít lời và sự kín đáo rất đáng kính. Chính những thiếu sót của ông ta đã bảo đảm cho ông ta có được sự tin cậy không lay chuyển của đảng dân chủ ở miền Bắc và "sự thừa nhận trung thành" từ phía những người thuộc phe li khai. Trong giới sĩ quan cao cấp, ông ta đã có được vô số những người cùng cánh, bằng cách tạo ra một bộ tham mưu tướng lĩnh với quy mô mà trước ông ta thì biên niên sử quân sự chưa hề biết đến. Một bộ phận các sĩ quan cao cấp, nguyên là học viên của viện hàn lâm ở Uê-xơ - Pôi-tơ, đã phục vụ trong quân đội trước đây của Liên bang, đã tìm thấy ở ông ta sự ủng hộ trong sự đổ kỵ của mình đối với "các tướng lĩnh dân sự" mới xuất hiện và trong các mối cảm tình bí mật của mình đối với "các đồng chí" trong phe đối phương. Còn binh lính thì họ chỉ biết về những phẩm chất quân sự của ông ta theo lời kể lại, nhưng đã coi tất cả công lao của cục quân nhu là do ông ta và rất hào hứng ca tụng về sự lịch thiệp kín đáo của ông ta. Trong số những phẩm chất cần thiết đối với một nhà chỉ huy quân sự thì Mác-Cli-lân chỉ có một - biết làm cho mình nổi tiếng trong quân đội.

Người kế tục Mác-Cli-lân, ông *Bóc-xai-đơ*, lại quá ít có tiếng tăm để có thể nói ra một điều xét đoán nào đó về ông ta. Ông ta thuộc đảng cộng hoà. Trái lại, *Hu-cơ*, người được chuyển giao quyền chỉ huy một nhóm các đơn vị nguyên trước đây đã thuộc quyền chỉ huy trực tiếp của Mác-Cli-lân, thì lại hoàn toàn là một trong những người lính có năng lực nhất của Liên bang. "Fighting Joe" ("Người đánh kiếm giô"), như người ta gọi ông ta trong quân đội, đã đóng vai trò lớn nhất trong thắng lợi ở Mê-ri-len. Ông ta là *người theo chủ nghĩa bài nô*.

Cũng chính các báo Mỹ, mà qua đó chúng tôi đã biết về việc

bãi chúc Mác-Cli-lân, đã thông báo về lời tuyên bố kiên quyết của Lin-côn rằng ông ta không từ bỏ một li bản thông cáo của mình.

"*Lin-côn*", - từ "Morning Star" nhận xét một cách công bằng, - "đã tỏ ra là con người chậm chạp, nhưng cứng rắn, con người hành động vô cùng thận trọng, nhưng không bao giờ lùi bước. Mỗi bước đi trong hoạt động chính quyền của ông ta đều là đúng đắn, và ông ta quyết tâm bảo vệ mỗi bước đi của mình. Xuất phát từ quyết định về việc tiêu diệt chế độ nô lệ trên các lãnh thổ, ông ta, cuối cùng, đã đi đến cái mục đích chính của toàn bộ "phong trào chống chế độ nô lệ", đi đến việc nhổ tận gốc cái thứ quái vật đó trên toàn đất Liên bang, và ngay bây giờ ông ta đã có công lao to lớn là đã xóa bỏ cho *Liên bang* mọi trách nhiệm về sự tồn tại tiếp tục của chế độ nô lệ".

*Do C.Mác viết ngày 24 tháng Mười một
1862*

*Đã đăng trên báo "Die Presse" số 327, ngày
29 tháng Mười một 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

SỰ TRUNG LẬP CỦA ANH. - VỀ TÌNH HÌNH
Ở CÁC BANG MIỀN NAM

Luân Đôn, ngày 29 tháng Mười một

Các cuộc thương lượng giữa Nội các Luân Đôn và Chính phủ Oa-sinh-tơn về chiếc tàu cướp biển "*A-la-ba-ma*" vẫn còn đang tiếp tục³⁶⁰, thì cùng lúc đó đã bắt đầu các cuộc thương lượng mới về việc trang bị lại các tàu chiến của phe Liên minh tại các cảng nước Anh. Giáo sư *Phren-xít U.Niu-men*, một trong những nhà lý luận của chủ nghĩa cấp tiến Anh, đã công bố hôm nay trên báo "*Morning Star*" một bức thư, trong đó ông ta nói tựu trung lại là:

"Lãnh sự Mỹ ở Li-vóc-pun, sau khi qua một luật gia người Anh, đã biết chắc được tính chất bất hợp pháp của việc trang bị cho chiếc tàu "*A-la-ba-ma*", ngay tức khắc đã gửi cho huân tước Giôn Rốt-xen một bản tuyên bố chính thức. Các luật gia hoàng gia được hỏi về vấn đề này cũng đều khẳng định tính chất bất hợp pháp của việc trang bị cho tàu "*A-la-ba-ma*"; nhưng việc điều tra được tiến hành đã kéo dài tới mức là trong thời gian đó bọn cướp biển đã kịp chuẩn bị. Vào lúc này ở Li-vóc-pun đang có đội tàu ít nhiều được bọc sắt, sẵn sàng phá vỡ sự phong tỏa của Mỹ bằng bạo lực. Ngoài ra, còn có nguyên một đội tàu cướp biển đang đợi thời cơ thuận lợi để bám theo tàu "*A-la-ba-ma*" trên con đường bất chính của nó. Chẳng lẽ là cả lần này nữa chính phủ chúng ta cũng sẽ nhắm mắt làm ngơ và để cho những kẻ theo đuôi "*A-la-ba-ma*" đi thoát dễ dàng? Tôi e rằng sẽ như vậy. Trong diễn văn của mình đọc ở Niu-ca-lơ, ngài Glát-xtơn đã tuyên bố rằng theo những tin tức ông ta biết được thì tổng thống của những kẻ nổi loạn, người mà ông ta ca tụng hết lời, *chẳng bao*

lâu nữa sẽ có hạm đội riêng. Không biết điều đó có phải là ám chỉ các con tàu mà bạn bè của ông ta ở Li-vóc-pun đã đóng hay không?... Huân tước Pan-móc-xtơn và Rốt-xen, cũng như những đảng viên đảng To-ri, đều bị ám ảnh bởi lòng căm thù đối với chế độ cộng hoà, cái lòng căm thù quét sạch đi mọi sự ngờ vực và dao động, còn ngài Glát-xtơn, cũng có thể là thủ tướng tương lai, thì công khai biểu lộ sự thán phục của mình đối với những từ tiếm vị, bội tín, đã thể duy trì vĩnh viễn và truyền bá chế độ nô lệ".

Trong số các tờ báo Mỹ nhận được hôm nay có lẽ đáng lưu ý nhất là cơ quan của phe Liên minh "*Richmond Examiner*". Trên tờ báo này có đăng một bài chi tiết về tình hình đã xảy ra, tôi xin dẫn các đoạn trích quan trọng nhất từ bài báo đó:

"Sự tăng lên bất thường và bất ngờ của các lực lượng hải quân đối phương đã tạo ra những triển vọng ảm đạm. Sự tăng lên của các lực lượng vũ trang loại này đã lớn tới mức là về nhiều mặt nó tỏ ra nguy hiểm cho chúng ta hơn so với các lực lượng bộ binh đối phương. Số lượng tàu chiến của Mỹ bây giờ nhiều hơn tới 200 chiếc so với lúc đầu chiến tranh. Người ta đang tiến hành những việc chuẩn bị lớn lao cho các hoạt động trên biển vào giai đoạn mùa đông sắp tới, và ngoài các tàu đã sẵn sàng vào trận, còn đang đóng thêm gần năm mươi tàu chiến bọc sắt. Chúng tôi có mọi căn cứ để giả thiết rằng hạm đội của Mỹ sẽ tấn công vùng duyên hải của chúng ta vào mùa đông này, về cả mặt trang bị và thiết kế của các tàu đều vượt xa những chiếc tàu trước đó. Những mục đích của các cuộc viễn chinh sắp tới là vô cùng quan trọng. Vấn đề ở đây là tước đoạt của chúng ta các hải cảng cuối cùng, là thiết lập sự phong tỏa hoàn toàn, cuối cùng là tìm kiếm các địa điểm để xâm nhập các vùng miền Nam, để từ đầu năm tới sẽ thực hiện trên thực tế ở đó các đạo luật về giải phóng người da đen. Sẽ là ngu ngốc nếu phủ nhận ưu thế mà đối phương sẽ có được sau khi chiếm các hải cảng cuối cùng của chúng ta, hoặc sẽ là nhẹ dạ nếu tự an ủi mình rằng, cả sau khi điều đó xảy ra chúng ta vẫn còn có thể đánh tan đối phương trong tiến trình chiến sự tại các vùng bên trong đất nước... Cùng với việc mất Sác-lơ-xtơn, Xa-van-na và Mô-bin vào tay kẻ thù thì cuộc phong tỏa sẽ có thể được thực hiện khắc nghiệt tới mức là thậm chí tất cả những nỗi đau khổ trước đây của chúng ta cũng sẽ không thể hình dung ra nổi. Chúng ta có lẽ sẽ buộc phải hoàn toàn từ bỏ ý nghĩ xây dựng một hạm đội ở phía bên này Đại Tây Dương, và có lẽ chúng ta sẽ một lần nữa bị đặt trước một sự lựa chọn nhục nhã, giữa việc giao các tàu của chúng ta cho đối phương, hoặc phải huỷ diệt chúng bằng chính tay mình. Mạng lưới đường sắt

dày đặc của chúng ta ở các bang trồng bông có lẽ ít nhiều sẽ bị cắt đứt và có lẽ chúng ta, có thể là quá muộn, khi đó mới nhận ra là sẽ buộc phải tiếp tục cuộc chiến tranh trên bộ mà chúng ta đặt nhiều hy vọng vào, trong những điều kiện không thể tiếp tục duy trì, cung ứng và tập trung các đội quân lớn... Những hậu quả tai hại này của việc bị mất các hải cảng của chúng ta, tuy thế vẫn còn phải nhường chỗ cho mối nguy hiểm lớn hơn, cho nguy cơ khủng khiếp nhất của cuộc chiến tranh này - bị mất các khu vực riêng biệt trong các bang trồng bông, từ đây đối phương sẽ có thể thực hiện kế hoạch giải phóng nô lệ của mình. Dĩ nhiên là những nỗ lực to lớn đang được dành cho việc bảo đảm thực hiện biện pháp ưa thích này của những người theo chủ nghĩa bài nô, nhằm làm sao cho tinh thần báo thù mà ông Lin-côn trước ngày 1 tháng Giêng đã đóng kín trong chai không bị tiêu tan bởi sự sùi bọt vô hại của nước xô-đa... Những nỗ lực của đối phương hiện đang nhằm chống lại chỗ yếu nhất trong thể trận của chúng ta; họ đang muốn đầu độc chính trái tim của miền Nam... Sự tiên đoán những tai họa sắp tới đang gây ra sự bất bình của quần chúng, vốn đang tin tưởng mù quáng vào chính phủ và tưởng lầm sự khoe khoang là chủ nghĩa yêu nước... Chúng tôi không khẳng định rằng *Sác-lơ-xtơn*, *Xa-van-na* và *Mô-bin* không được chuẩn bị cho phòng thủ. Ở miền Nam, tất nhiên, có không ít những nhà quân sự có uy tín đang coi các cảng này khó vào hơn so với Gi-bran-ta, nhưng các nhà quân sự và những kẻ phụ họa của họ thường hay ru ngủ nhân dân ta bằng những lời cam đoan dối trá... Những lời lẽ như vậy chúng ta cũng đã được nghe cả đối với Tân Oóc-lê-ăng. Theo những lời mô tả này thì Tân Oóc-lê-ăng đã được củng cố mạnh hơn so với Ti-rơ chống lại A-lếch-xan-đơ. Tuy nhiên, sau khi tỉnh dậy vào một buổi sáng nào đó, nhân dân đã nhìn thấy lá cờ của kẻ thù đang tung bay trên cửa biển Tân Oóc-lê-ăng... Khả năng phòng thủ của các hải cảng của chúng ta hiện là điều bí mật của riêng các giới quan chức. Nhưng những dấu hiệu trong thời gian gần đây thì thật hoàn toàn không đáng an tâm. Vài tuần lễ trước đây, *Gan-ve-xtơn* đã lọt vào tay kẻ thù gần như không chút chống cự. Các báo địa phương đã bị cấm viết về các phương tiện phòng thủ của thành phố này. Ngoài ra, đã không hề có một lời kêu gọi giúp đỡ lọt đến tai các chính phủ thụ động này. Nhân dân vẫn bình thản. Người ta đã yêu cầu lòng yêu nước của nhân dân là phải vừa lòng với sự đốt nát của mình, phó thác cho các lãnh tụ và tuân theo ý chí thiên mệnh. Và kết quả là lại thêm một chiến lợi phẩm nữa vào tay đối phương... Phương pháp bao phủ mọi vấn đề quân sự trong cái vỏ bí mật sâu kín đã đem đến cho miền Nam những kết quả tồi tệ. Đành rằng nó đã buộc phải bóp nghẹt sự phê phán và che giấu những sai lầm của chính phủ, nhưng nó đã không làm

cho kẻ thù lâm lạc. Kẻ thù đã luôn luôn biết rõ tình trạng các công trình phòng thủ của chúng ta, trong khi đó thì nhân dân ta chỉ biết được sự yếu ớt của các công trình đó khi chúng đã rơi vào tay bọn I-ăng-ki".

*Do C.Mác viết ngày 29 tháng Mười một
1862*

*Đã đăng trên báo "Die Presse" số 332, ngày
4 tháng Chạp 1862*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

**THƯ GỬI TÒA SOẠN BÁO
"BERLINER REFORM"**

Câu chuyện tiểu lâm³⁶¹ được kể trong số báo 83 của các Ngài có liên quan đến thời kỳ tôi sống ở Béc-lin vào năm 1861, chỉ mắc "một thiếu sót": nó là chuyện bịa đặt hoàn toàn. Đó là sự cải chính thực sự.

Luân Đôn, ngày 13 tháng Tư 1863

Các Mác

*Đã đăng trên tờ "Berliner Reform" số 89,
ngày 17 tháng Tư 1863*

*In theo bản thảo, có đối
chiếu với bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

LỜI KÊU GỌI CỦA HỘI GIÁO DỤC CÔNG NHÂN ĐỨC Ở LUÂN ĐÔN VỀ BA LAN³⁶²

Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn, theo sự thỏa thuận với đại diện Chính phủ dân tộc Ba Lan³⁶³, đã uỷ quyền cho uỷ ban ký tên dưới đây tổ chức việc quyên góp tiền trong công nhân Đức ở Anh, Đức, Thụy Sĩ và Hợp chúng quốc để ủng hộ Ba Lan. Nếu như bằng con đường này mà những người Ba Lan có thể có được một sự giúp đỡ vật chất thậm chí là không đáng kể, thì dù sao điều đó đối với họ cũng sẽ là sự ủng hộ to lớn về tinh thần.

Vấn đề Ba Lan - đó là vấn đề nước Đức. Không có nước Ba Lan độc lập thì cũng không thể có nước Đức độc lập và thống nhất, không thể giải phóng nước Đức khỏi sự lệ thuộc vào nước Nga, sự lệ thuộc đã bắt đầu có từ thời gian phân chia nước Ba Lan lần thứ nhất³⁶⁴. Từ lâu, giới quý tộc Đức đã thừa nhận Nga hoàng là người cầm quyền tối cao không công khai của đất nước. Giai cấp tư sản Đức lặng lẽ, thụ động và thờ ơ đứng nhìn sự tàn sát một dân tộc anh hùng hiện còn đang một mình bảo vệ nước Đức khỏi cuộc xâm lược của người Mát-xcơ-va. Một bộ phận giai cấp tư sản hiểu được nguy cơ đang đe dọa, nhưng nó sẵn sàng hy sinh những lợi ích chung của nước Đức vì lợi ích của các quốc gia Đức riêng biệt, mà sự tồn tại tiếp tục của các quốc gia này gắn liền với việc chia nhỏ nước Đức và duy trì bá quyền của nước

Nga. Một bộ phận khác của giai cấp tư sản coi chế độ chuyên chế ở phương Đông, cũng giống hệt như chế độ Bô-na-pác-tơ ở phương Tây, là chỗ dựa cần thiết của *trật tự*. Cuối cùng, bộ phận thứ ba thì bị chìm ngập trong công việc quan trọng là kiếm tiền, tới mức là đã hoàn toàn mất khả năng hiểu biết những sự kiện lịch sử lớn lao vì nhìn thấy mối liên quan của các sự kiện đó. Bằng các cuộc biểu tình ồn ào của mình để bảo vệ Ba Lan³⁶⁵, giai cấp tư sản Đức vào năm 1831 và 1832 đã có thể thúc ép ít nhất là Quốc hội Liên bang phải có những hành động kiên quyết. Ở thời đại ngày nay, kẻ thù hung hăng nhất của Ba Lan, và do đó là công cụ có ích nhất của nước Nga - đó là những kẻ tai to mặt lớn thuộc phái tự do của cái gọi là *Liên minh dân tộc*³⁶⁶. Bất kỳ ai cũng có thể tự mình rút ra kết luận tuy theo mức độ tinh thần thân Nga tự do chủ nghĩa này gắn bó tới mức nào với *giới chớp bu Phổ*.

Trong lúc nguy nan này, nghĩa vụ của giai cấp công nhân Đức đối với Ba Lan, đối với nước ngoài - và đó cũng là điều mà danh dự của chính nó đòi hỏi - là lớn tiếng tuyên bố phản kháng chống lại sự phản bội của nước Đức đối với Ba Lan, vốn cùng đồng thời là sự phản bội đối với nước Đức và châu Âu. *Khôi phục lại Ba Lan* - đó là điều cần được ghi bằng những chữ bốc lửa trên lá cờ của giai cấp công nhân Đức, sau khi chủ nghĩa tự do tư sản đã xóa bỏ khẩu hiệu vinh quang này trên lá cờ của mình. Giai cấp công nhân Anh đã giành được cho mình niềm vinh quang bất hủ trong lịch sử, sau khi bằng các cuộc mít-tinh quần chúng đầy nhiệt tình, đã đẩy lùi những mưu đồ của các giai cấp thống trị nhiều lần mưu toan tổ chức cuộc can thiệp có lợi cho bọn chủ nô Mỹ, mặc dù việc kéo dài Nội chiến ở Mỹ có nghĩa là những đau khổ và mất mát nặng nề nhất đối với hàng triệu công nhân Anh.

Mặc dù chế độ cảnh sát không cho phép giai cấp công nhân tổ chức ở nước Đức những cuộc đấu tranh quần chúng như vậy để

bảo vệ Ba Lan, nhưng nó cũng hoàn toàn không buộc giai cấp công nhân đi đến chỗ phải làm nhục mình trước toàn thế giới như là kẻ đồng lõa với sự phản bội do sự dửng dưng và im lặng của mình.

Ủy ban ký tên dưới đây đề nghị gửi tiền quyên góp tới ngài *Bôn-lơ-tơ*, người chủ căn nhà của Hội, theo địa chỉ: Số 2, phố Na-xau, Xô-hô, Luân Đôn. Việc chi dùng tiền quyên góp được tiến hành dưới sự kiểm soát của Hội và báo cáo quyết toán sẽ được công bố ngay sau khi mục đích mà cuộc quyên góp này theo đuổi cho phép.

Bôn-lơ-tơ, Béc-gơ, Éch-ca-ri-út, Cruy-gơ, Le-xnơ, Lim-buốc, Lin-đen, Mát-xơ-rát, Ta-tơ-ki, Tâu-pxơ, Vôn-phơ.

*Do C.Mác viết vào cuối tháng Mười 1863
Đã đăng dưới hình thức truyền đơn ở Luân
Đôn tháng Mười một 1863*

*In theo bản in trên tờ truyền
đơn
Nguyên văn là tiếng Đức*

PH.ĂNG-GHEN

QUÂN SỐ Ở SLÊ-DƠ-VÍCH

KÍNH GỬI NGÀI CHỦ BÚT BÁO "MANCHESTER GUARDIAN"

Thưa ngài!

Hiện đang có những tin đồn đại hết sức vô lý về quân số so sánh của các đơn vị đang tham chiến trong cuộc chiến tranh Đan Mạch³⁶⁷. Người ta cho rằng các đơn vị quân Đức trội hơn hẳn các đơn vị Đan Mạch về quân số, tới mức là cứ mỗi người Đan Mạch thì ít nhất có ba người Đức. Để chỉ rõ điều này ít phù hợp với thực tế như thế nào, tôi muốn đưa ra một thông báo chi tiết về quân số của mỗi đạo quân, ít nhất là của bộ binh, bởi vì hiện nay rất khó kiếm được những tài liệu chính xác về kỵ binh và pháo binh.

Trước khi bắt đầu chiến sự, ở Slê-dơ-vích đã có các đơn vị Đan Mạch sau đây:

Sư đoàn thứ nhất, chỉ huy là trung tướng Géc-la-khơ:	Các tiểu đoàn
Lữ đoàn 1, trung đoàn bộ binh số 2 và số 22.....	4
Lữ đoàn 2, trung đoàn bộ binh số 3 và số 18.....	4
Lữ đoàn 3, trung đoàn bộ binh số 17 và số 19.....	4
Sư đoàn thứ 2, thiếu tướng Đu-plát:	
Lữ đoàn 4, trung đoàn bộ binh số 4 và số 6.....	4
Lữ đoàn 5, trung đoàn bộ binh số 7 và số 12.....	4
Lữ đoàn 6, trung đoàn bộ binh số 5 và số 10.....	4
Sư đoàn 3, thiếu tướng Stai-man:	
Lữ đoàn 7, trung đoàn bộ binh số 1 và số 11.....	4
Lữ đoàn 8, trung đoàn bộ binh số 9 và số 20.....	4
Lữ đoàn 9, trung đoàn bộ binh số 16 và số 21.....	4

Tổng cộng số tiểu đoàn36

hoặc, với 800 người trong một tiểu đoàn (quân số đầy đủ - 870 người gồm binh lính và sĩ quan), khoảng.....28 800 người
 Kỵ binh, 4 1/2 trung đoàn, mỗi trung đoàn có 560 người..... 2 500 người
 Pháo binh, khoảng..... 3 000 người

Tổng số các đơn vị Đan Mạch.....34 300 người

Trong những số liệu này không tính đến một số tiểu đoàn trực chiến cũng như dự bị đã được đưa đến Slê-dơ-vích vào những ngày đầu tháng Hai, nhưng về các tiểu đoàn này đã không thể xác định được chi tiết nào cả.

Người Áo đã đưa đến chiến trường quân đoàn số 6 gồm các đơn vị sau đây:

Lữ đoàn của tướng Gôn-drê-cuốc:	Các tiểu đoàn
Trung đoàn bộ binh vua Phổ.....	3
Trung đoàn bộ binh nam tước Mác-ti-ni.....	3
Tiểu đoàn truy kích số 18.....	1
Lữ đoàn của tướng Nô-xti-xơ:	
Trung đoàn bộ binh vua Bỉ.....	3
Trung đoàn bộ binh đại công tước Hét-xen.....	3
Tiểu đoàn truy kích số 9.....	1
Lữ đoàn của tướng Tô-mát:	
Trung đoàn bộ binh bá tước Cô-rô-ni-ni.....	3
Trung đoàn bộ binh hoàng tử Hôn-stai-nơ.....	3
Tiểu đoàn truy kích, không ghi số.....	1
Lữ đoàn của tướng Đốc-mút:	
Hai trung đoàn bộ binh và một tiểu đoàn truy kích không ghi số và tên gọi.....	7

Tổng số các tiểu đoàn28
 hoặc với 800 người trong một tiểu đoàn (là con số khá lớn trong tổ chức quân đội Áo hiện nay).....22 400 người
 Kỵ binh, khoảng2 000 "
 Pháo binh, khoảng.....2 600 "

Tổng số khoảng.....27 000 người

Người Phổ đã gửi đến đây các đơn vị:

1. Quân đoàn liên hợp của hoàng tử Phri-đrich Sác-lơ:

Sư đoàn số 6:	Các tiểu đoàn
Lữ đoàn số 11, trung đoàn số 20 và số 60.....	6
Lữ đoàn số 12, trung đoàn số 24 và số 64.....	6
Ngoài ra, trung đoàn số 35 bộ binh nhẹ.....	3

Sư đoàn số 13:	Các tiểu đoàn:
Lữ đoàn số 25, trung đoàn số 13 và số 53.....	6
Lữ đoàn số 26, trung đoàn số 15 và số 55.....	6
Tiểu đoàn truy kích số 7	1
2. Sư đoàn vệ binh của tướng Muyn-bơ:	
Lữ đoàn số 1, trung đoàn số 3 và số 4 bộ binh vệ binh	6
Lữ đoàn số 2, trung đoàn số 3 và số 4 vệ binh phóng lựu.....	6
Vệ binh truy kích.....	1
Tổng cộng	41
hoặc, với 800 người trong một tiểu đoàn.....	32 800 người
Kỵ binh	3 000 người
Pháo binh	3 000 người
	38 800 người
Người Áo	27 000 người
Tổng số quân đội Liên bang	65 800 người
Như vậy, ứng với mỗi người Đan Mạch có chưa đến hai người lính của các đơn vị Liên quân.	
Nếu lưu ý đến khả năng phòng thủ của các chiến lũy Đan Mạch ở Đan-nê-vích-cơ, Đuýp-pen và Phrê-đê-ri-xi, thì ưu thế hiện có về quân số cũng không vượt quá mức cần thiết để đảm bảo thắng lợi. Tình hình cũng gần giống như tương quan lực lượng đã quyết định ưu thế của Oen-lin-tơn và Bluy-khơ đối với Na-pô-lê-ông vào năm 1815.	

Do Ph.Ăng-ghen viết vào nửa đầu tháng
Hai 1864
Đã đăng trên báo "Manchester Guardian"
ngày 16 tháng Hai 1864
Ký tên: Ph.Ă.

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh

PH.ĂNG-GHEN

LỰC LƯỢNG QUÂN SỰ CỦA ANH SO VỚI ĐỨC

Man-se-xtơ, ngày 27 tháng Sáu

Hiện đang xảy ra một sự kiện khó tin nhất: nước Anh đe dọa chiến tranh với nước Đức³⁶⁸. Như tờ báo "United Service Gazette" cho biết, đã có lệnh cho kho quân giới ở Pim-li-cô (Luân Đôn) và kho vũ khí ở Vu-lít-giơ phải chuẩn bị sẵn sàng để có thể nhanh chóng cấp phát các quân trang và quân dụng cần thiết cho 30 000 người, và trong những ngày sắp tới đây chúng ta có thể sẽ được tin hạm đội La-Măng-sơ ra khơi để đến Dun-đơ hoặc Ben-tơ^{1*} (?)

Về các lực lượng vũ trang của Anh hiện có vào thời điểm này thì báo "Army and Navy Gazette" đã cung cấp các tin tức cho chúng tôi. Trong số báo ra ngày 25 tháng Sáu của tờ báo này có nói:

"Các lực lượng hải quân đã chuẩn bị sẵn sàng và chúng ta có thể ra lệnh ngay cho họ nhổ neo, bao gồm thành phần như sau:

1* - các eo biển Đại Ben-tơ và Tiểu Ben-tơ

	Công suất tính bằng mã lực	Số lượng đại bác	Trọng tải	Quân số của hải đoàn
"Ết-ga", tàu gỗ	600	71	3 094	810
"Uốc-ri-ôn", tàu bọc thép	1 250	40	6 109	705
"Bléch Prin-xơ", tàu bọc thép	1 250	41	6 109	705
"Prin-xơ Con-cốt", tàu bọc sắt	1 000	35	4 045	605
"Héc-tơ", tàu bọc sắt	800	28	4 089	530
"Đê-phen-xơ", tàu bọc sắt	600	16	3 720	457
"Rạng đông", chiến hạm bằng gỗ	400	35	2 558	515
"Ga-la-tê", chiến hạm bằng gỗ	800	26	3 227	515
"Uốc-véc-nơ", hải phòng hạm bằng gỗ	400	21	1 703	275
"Ri-xơ-chor", tàu bọc sắt	200	4	1 253	135
"En-tơ-prai", tàu bọc sắt	160	4	993	121
"Hai-đơ", tàu gỗ có bánh guồng	280	6	1 054	175
"A-su-ren-xơ", tàu chiến gỗ	200	4	681	90
"Sa-la-mít", tàu thủy có bánh guồng	250	2	?	65
"Trin-cu-lơ", pháo hạm gỗ	60	2	268	24

Hơn nữa, để có những tàu đặc biệt với độ mớn nước nhỏ dùng cho các luồng lạch nước nông và hẹp của biển Ban-tích và vùng duyên hải Đan Mạch, Bộ tư lệnh hải quân đã ra lệnh chuẩn bị cho các tàu chiến sau đây ra khơi:

	Công suất tính bằng mã lực	Số lượng đại bác	Trọng tải	Quân số của hải đoàn
"Coóc-đê-li-a", hải phòng hạm bằng gỗ.....	150	11	579	130
"Pha-vnơ", hải phòng hạm bằng gỗ	100	17	751	175
"Rây-xơ", hải phòng hạm bằng gỗ.....	150	11	579	130

Ngoài ra, sắp tới các tàu chiến sau đây đang được đóng sẽ hoàn thành:

	Công suất tính bằng mã lực	Số lượng đại bác	Trọng tải	Quân số của hải đoàn
"A-khin-lơ", tàu bọc sắt	1 250	30	6 121	705
"Roay-an Xô-ve-ren", tàu bọc sắt có tháp.....	800	5	3 963	500
"Ka-lê-đô-ni-a", tàu bọc sắt	1 000	35	4 125	605
"Ô-kê-an", tàu bọc sắt	1 000	35	4 047	605

Cần bổ sung thêm vào đây vô số các tàu thủy dự trữ và cuối cùng là các tàu phòng thủ bờ biển, trong đó có 15 pháo hạm công suất 60 mã lực, được trang bị 2 đại bác hạng nặng".

Các tàu phòng thủ bờ biển này, theo ý kiến của "Army and Navy Gazette", sẽ quấy rối kẻ thù như những con ruồi trâu, không thể nào dứt ra khỏi chúng được. (Cứ tưởng như là người Phổ không có 22 con ruồi trâu đúng như thế ở biển Ban-tích!)

Đó là tất cả những gì được nói về hạm đội trên tờ "Army and Navy Gazette". Năm ngoái chúng tôi đã có mặt trên một số tàu

của hạm đội tàu bọc sắt và ngoài ra đã chú ý theo dõi chúng trong thời gian chạy thử. Hóa ra là không một chiếc nào trong số các tàu này có thể trụ được ở ngoài khơi khi có bão. Tàu "Prin-xơ Con-côt" chỉ chút nữa thì chìm vào hồi mùa đông tại biển Ai-rơ-len trong cơn bão mà bất kỳ chiếc tàu gỗ nào cũng dễ dàng trụ lại được. Như vậy các tàu chiến này chỉ có thể dùng cho những hoạt động riêng lẻ đã được ấn định trước (chiến đấu trên biển hoặc tấn công các công sự dọc bờ biển), mà sau mỗi lần hoạt động này chúng lại phải quay trở về cảng. Để bao vây hoặc tiến hành những hoạt động tương tự thì chúng đều vô dụng. Vỏ bọc của chúng phần lớn là loại 4 1/2 in-sơ làm bằng sắt cán có chất lượng khác nhau, được bọc phủ theo các cách khác nhau, nhưng trong mọi trường hợp đều được phủ lên lớp gỗ dày 2 phút, ngay cả trên các tàu làm hoàn toàn bằng sắt. Nhưng không một vỏ tàu nào chịu nổi quả đạn thép Uýt-uốc loại 70 pao, đa số không chịu nổi cả loại bom thép Uýt-uốc loại 70 pao có hình dạng tương tự quả đạn này. Ở Phổ hiện đang đúc các súng đại bác nòng xoắn có cỡ nòng giống như loại đại bác 48 pao cũ, tức là gần ngang với cỡ nòng của loại đại bác Uýt-uốc nói trên. Các quả đạn thép hình trụ tròn, đầu bằng (*không có chóp nhọn*), khi bắn đạn từ súng đại bác này sẽ xuyên thủng vỏ tàu ấy, thậm chí nếu như nửa sau của chúng rỗng và chứa thuốc nổ. Đối với các loại đạn nổ như vậy thì khi bắn vào vỏ sắt (như các thí nghiệm của Uýt-uốc đã chứng minh) *không đòi hỏi bất kỳ bộ phận ngòi nổ nào*; việc xuyên vào vỏ sắt gây nên nhiệt độ cao tới mức là các quả đạn nóng đỏ lên và thuốc nổ nằm bên trong nó sẽ cháy.

Trang bị của các tàu bọc sắt thường là gồm các súng đại bác nòng trơn loại 68 pao đặt trên boong tàu (cỡ nòng 8 in-sơ) và đại bác Am-xtơ-rông loại 110 pao (cỡ nòng 7 in-sơ) có trục quay được đặt ở mũi và phía đuôi tàu. Một trong số các tàu chiến này cũng có các loại đại bác Am-xtơ-rông 40 pao và 70 pao đặt trên boong, nhưng không rõ là chúng có được thay bằng loại 68 pao hay không. Đại bác 68 pao cũ là loại vũ khí rất đáng coi trọng, chắc chắn và

thuận tiện đối với cỡ nòng của nó, nó có tác động rất tốt ở tầm xa dưới 2 000 bước, và chắc chắn là loại súng tốt nhất của hạm đội Anh. Ngược lại, những khẩu đại bác Am-xơ-rông nạp đạn từ ổ quy lát, đều rất không đáng tin cậy, bởi vì các rãnh nòng nhanh chóng bị phủ chì do vỏ bọc chì của quả đạn kém chắc và đặc biệt là do bộ phận quy lát tồi quá. Bộ phận quy lát này gồm một miếng sắt vuông lắp từ trên xuống gần thành dưới của lỗ nòng và vặn chặt bằng các vít ở phía sau. Nếu chú ý rằng với cỡ nòng 7 in-sơ, quả đạn cân nặng 110 pao, còn quy lát chỉ nặng 135 pao, thì dễ hiểu rằng, sau ít lần bắn do muối thuốc súng và quy lát không thể lắp khít được nữa và vì vậy nó phải bật ra và bay lên cao khi khối thuốc nổ ép nó từ phía dưới. Điều này cũng thường xuyên xảy ra; và vì vậy ở hạm đội người ta rất không thiện cảm với loại đại bác Am-xơ-rông, mặc dù chúng bắn rất chính xác.

Trên tàu "Roay-an Xô-ve-ren", trên bốn vòm hoặc tháp sẽ đặt năm khẩu đại bác hạng cực nặng, mà tính năng của chúng còn chưa rõ. Vỏ sắt của tàu này không ốp lên thành gỗ. Tương lai sẽ cho thấy chiếc tàu chiến này có giá trị gì không khi ở ngoài biển khơi.

Các tàu nhỏ hơn và nói chung là tàu gỗ thì chủ yếu có các khẩu pháo 32 pao, nòng nhắm đặt trên boong, dài 9 phút 6 in-sơ và 10 phút - những khẩu đại bác tuyệt vời, không giống như loại đại bác 68 pao, chứa đựng tốt lượng thuốc nặng tới 1/2 trọng lượng đạn và đối với cỡ nòng của nó thì đánh rất trúng mục tiêu. Nhưng trên boong các tàu lớn cũng còn thấy có một vài khẩu đại bác phóng bom hạng nhẹ, cỡ nòng 8 in-sơ. Vũ khí đặt trên trục xoay thường là các loại nòng nhắm 8 in-sơ, kết cấu nhẹ hoặc nặng hơn, hoặc là đại bác Am-xơ-rông bắn đạn dài, nặng 40, 70 và 110 pao.

Độ mớn nước của các tàu chiến bọc sắt lớn ít nhất cũng bằng 25 phút, thành ra về mặt này thì cần phải coi chúng thuộc loại tàu thiết giáp và các hạm tàu nặng nhất. Vì vậy chúng không dùng được cho các vùng nhỏ hẹp và nước nông, trừ các vịnh hẹp

hoặc các cửa sông có luồng lạch sâu, là nơi chúng có thể được sử dụng để bắn phá các khẩu đội pháo và pháo đài bờ biển. Ở đây chúng sẽ là mối nguy hiểm khi vũ khí của bên phòng thủ quá nhẹ và đạn không phải bằng thép. Không biết là đạn thép của đại bác Phổ loại 24 pao nòng có rãnh xoắn có thể bắn thủng vỏ sắt của chúng hay không. Nhưng đối với loại đại bác 48 pao nòng có rãnh xoắn thì bao giờ cũng làm được điều này, nếu đạn được làm bằng thép và đầu đạn phẳng, nếu súng chịu được lượng thuốc nạp bằng 1/6 đến 1/4 trọng lượng đạn, và nếu bắn từ khoảng cách 600 - 800 bước. Những khẩu đại bác nòng có rãnh xoắn loại 7 in-sơ hoặc 8 in-sơ mà chúng ta có thể dễ dàng chế tạo ra từ loại thép đức, nếu đặt chúng tại những địa điểm thích hợp, thì ngay cả với số lượng nhỏ chúng cũng sẽ có thể nhanh chóng làm cho các tàu bọc sắt nặng nề của Anh trở nên vô hại đối với bờ biển của chúng ta. Nhưng có điều là đạn phải bằng thép, hình trụ tròn, đầu đạn không nhọn hoặc tròn một chút nào, để ngay cả khi lao nghiêng vào thành tàu thì phần cạnh sắc của nó cũng chạm được vào vỏ sắt. Thậm chí khi bắn với góc trên 50 độ, Uýt-uốc cũng đã bắn thủng vỏ sắt bằng các quả đạn như vậy. Cũng tương tự, đối với các loại súng hạng nặng thì tốt nhất là hoàn toàn từ bỏ mọi cuộc thử nghiệm nạp thuốc từ bộ phận quy lát, vốn chắc chắn là có hại khi vượt quá mức một cỡ nòng nhất định; còn đối với những thí nghiệm lâu dài thì đã không còn thời gian nữa.

Đó là về hạm đội; chúng ta thử nghe xem "Army and Navy Gazette" thông báo gì về các lực lượng lục quân hiện có:

"Kỵ binh." Các trung đoàn long kỵ binh vệ binh số 4, số 5, số 6, các trung đoàn số 1 và 2 (long kỵ binh), số 3, 4, 8 (kỵ binh nhẹ), số 9 (kỵ binh cầm giáo), số 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 (kỵ binh nhẹ). Mỗi trung đoàn số 650 người kể cả sĩ quan, tổng cộng là 10 700 người.

Pháo binh. 10 khẩu đội ngựa kéo (mỗi khẩu đội có 6 súng), 26 khẩu đội dã chiến (vận động), mỗi khẩu đội cũng có 6 súng, và 25 khẩu đội pháo đài. Tổng cộng 216 đại bác chiến đấu và 13 700 người.

Các đơn vị kỹ thuật. 20 đại đội và 2 đại đội quân xa, tổng số 2 700 người.

Bộ binh. Các tiểu đoàn số 1 thuộc các trung đoàn số 2, 3, 5, 6, 8, 10, 11, 13, 14, 24, 26, 29, 31, 32, 37, 41, 45, 49, 53, 58, 59, 60, 61, 64, 69, 73, 74, 75, 83, 84, 85, 86, 87, các tiểu đoàn số 2 thuộc các trung đoàn số 1, 12 và 60. Ngoài ra còn có các tiểu đoàn số 1 thuộc các trung đoàn số 21, 39 và 62 hiện đang trên đường từ Mỹ về, tổng cộng là 39 tiểu đoàn. Trừ các đại đội luyện tập dự trữ, mỗi tiểu đoàn còn gần 780 người khi hành quân, hoặc tất cả là 30 000 người đã được huấn luyện. Xin bổ sung thêm vào đây cả các bộ phận dự bị của toàn quân, tất cả là 18 000 người thuộc lực lượng bổ sung đầu tiên, và cuối cùng là các đơn vị vệ binh (1 300 kỵ binh và 6 000 bộ binh).

Tổng cộng: kỵ binh - 12 000, pháo binh - 13 700, các đơn vị kỹ thuật - 2 700, bộ binh - 54 000 người, tất cả là 82 000 người. Nhưng để xác định xem những lực lượng nào có thể nhanh chóng lên đường hành quân thì trước hết cần phải trừ đi 18 000 người dự bị, sau đó trừ đi 25% những người không trực tiếp chiến đấu và các đơn vị mà không có họ thì nội tình đất nước sẽ không thể ổn được. Khi đó chỉ còn lại gần 48 000 người được huấn luyện tốt và có kinh nghiệm chiến đấu, sẵn sàng đến mọi nơi và làm mọi việc, nếu các cơ quan phụ trợ hành chính ủng hộ họ một cách thích đáng. Có lẽ số tân binh tuyển định kỳ chiếm gần một nửa số này. Chúng tôi không rõ quân số của *cảnh sát* trong khóa huấn luyện tập trung vừa kết thúc năm nay là bao nhiêu, nhưng có lẽ là cao hơn quân số của nó vào năm 1863, khi đó trong cuộc kiểm binh, đã có 102 000 người. Cuối cùng, số quân tình nguyện có khoảng 160 000 người".

Đó là những gì mà "Army and Navy Gazette" thông báo. Có lẽ bản thống kê này đã là đủ cho hôm nay, bởi lẽ ngoài điều đó ra, chúng tôi còn có ý định cung cấp cho bạn đọc của các ông những tin tức chính xác về lực lượng Anh. Nhưng các đơn vị quân Đức của các ông hãy tin chắc một điều: nếu như họ đụng độ với người Anh thì họ sẽ phải đương đầu với một đối phương hoàn toàn khác so với những người Đan Mạch, mặc dù là can đảm, nhưng được huấn luyện tồi và vụng về.

Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 27 tháng Sáu 1864

Đã đăng trên báo "Allgemeine Militär -

Zeitung" số 27, ngày 6 tháng Bảy 1864

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

PH.ĂNG-GHEN

KINH-LÉCH VIẾT VỀ TRẬN GIAO CHIẾN Ở AN-MA³⁶⁹

Cuốn sách của Kinh-léch về cuộc Chiến tranh Crưm³⁷⁰ đã gây nên sự chú ý rộng lớn một cách xứng đáng ở chính nước Anh cũng như ở ngoài nước Anh. Cuốn sách chứa đựng nhiều tài liệu quý báu và mới mẻ; điều đó cũng không thể khác được, bởi vì tác giả nắm được các tài liệu của bộ tham mưu Anh, vô số các ghi chép của các sĩ quan cao cấp Anh và không ít hồi ký của những tướng lĩnh Nga viết riêng cho ông ta³⁷¹. Nhưng mặc dù vậy, trong phần trình bày các sự kiện quân sự thì cuốn sách không còn là một tác phẩm lịch sử, mà đúng hơn là một cuốn tiểu thuyết. Nhân vật của cuốn tiểu thuyết này là tổng chỉ huy Anh, huân tước Ra-glan, còn mục đích cuối cùng là sự tăng bốc quân đội Anh được nâng lên tới mức vô lý.

Rất có thể là cuốn sách của Kinh-léch sẽ gây ấn tượng lớn ở nước Đức. Trong khi nó hạ thấp tới mức tối thiểu vai trò của người Pháp trong chiến thắng ở An-ma³⁷², thì nó tỏ thái độ vô tư trận trọng bề ngoài đối với người Nga; nó viện dẫn các nguồn tài liệu đã biết xuất phát từ cả ba dân tộc đã tham chiến, và không bị nhiễm cái thói huyênh hoang đặc thù Pháp, cái mà ở Chi-e và đồng bọn của ông ta tỏ ra vừa đáng ghê tởm bao nhiêu lại vừa đáng nực cười bấy nhiêu. Tuy nhiên, những người Anh, bạn của chúng ta, cũng không từ chối khoe khoang, và mặc dù họ biết

cách biểu lộ sự khoe khoang của mình khéo léo hơn so với người Pháp, nhưng dù sao thì màu sắc cô đọng lại ở đây ít nhất cũng như ở người Pháp. Chỉ riêng vì lẽ đó cũng đã đáng phải lột bỏ cái vỏ văn hóa ra khỏi sự mô tả trận giao chiến ở An-ma - một sự kiện quân sự duy nhất được làm sáng tỏ trong hai tập sách xuất bản từ trước đến nay, và tách riêng cái tư liệu lịch sử thật sự mới ra khỏi những sự sơn phết, những câu khoa trương và những điều phỏng đoán mà ngài Kinh-léch nhét đầy tác phẩm của mình.

Nhưng ngoài điều đó ra, trận giao chiến ở An-ma còn có ý nghĩa hoàn toàn đặc biệt xét theo quan điểm chiến thuật, là điều mà cho đến nay còn chưa được đánh giá đúng mức. Trong trận đánh này, lần đầu tiên sau trận Oa-téc-lô, lại có sự đụng độ của hai nguyên tắc chiến thuật khác nhau, mà một trong số đó đã được tất cả các quân đội châu Âu thừa nhận, còn một thì bị tất cả các quân đội châu Âu bác bỏ, trừ một quân đội - đó là quân đội Anh. Ở An-ma chiến thuật dàn hàng ngang của Anh đã vận động chống lại các ô vuông quân Nga và đã đánh lui họ không vất vả lắm. Dù thế nào thì điều đó cũng chứng tỏ rằng kiểu dàn hàng ngang cổ điển vẫn chưa phải đã hoàn toàn hết thời như điều đã được khẳng định trên lục địa trong các sách giáo khoa về chiến thuật, và trong mọi trường hợp thì vấn đề này vẫn đáng được xem xét ít nhiều tỉ mỉ hơn.

I

Những số liệu về lực lượng vũ trang của cả hai bên mà Kinh-léch đưa ra là hết sức không chính xác. Về phía những người Anh, ông

ta có đủ những số liệu chính thức và ông ta xác định theo các số liệu đó số lượng những người đã tham chiến là 25 404 bộ binh và pháo binh, hơn 1 000 kỵ binh một chút và 60 khẩu đại bác. Điều này có thể coi là đáng tin. Số lượng quân Pháp ông ta lấy tròn là 30 nghìn người với 68 khẩu đại bác; cần thêm vào đây 7 nghìn người Thổ Nhĩ Kỳ nữa. Tính tròn tất cả sẽ là 63 500 người liên quân với 128 đại bác, điều này nói chung có lẽ khá đúng. Nhưng với những người Nga thì ngài Kinh-léch bắt đầu gặp khó khăn. Đành rằng bây giờ trong cuốn "Cuộc chinh phạt Crưm" của A-nhi-sơ-cốp (bản dịch tiếng Đức - Béc-lin, Mi-lơ, 1857, quyển 1)³⁷³ đã đưa ra bảng liệt kê với tên gọi và phiên hiệu các trung đoàn, tiểu đoàn, đội kỵ binh và khẩu đội, rõ ràng là dựa vào các nguồn tài liệu chính thức và cho đến nay chưa hề bị bác bỏ ở một trong những điểm quan trọng nào. Theo sự tính toán này thì người Nga ở An-ma đã có 42 tiểu đoàn, 16 đội kỵ binh, 11 đại đội quân Cô-dắc và 96 đại bác trong 10 1/2 khẩu đội, cả thảy 35 000 người. Nhưng điều này hoàn toàn không thỏa mãn ngài Kinh-léch. Ông ta đã làm một con tính đặc biệt, thêm vào đó là luôn luôn trích dẫn từ A-nhi-sơ-cốp như là nguồn tài liệu của mình, nhưng lại đi đến những kết quả hoàn toàn khác, mà không coi là cần phải bảo đảm căn cứ về tài liệu cho các số liệu sai lệch của mình so với các nguồn tài liệu khác. Nói chung, đối với toàn bộ cuốn sách thì điều đặc trưng là trong cuốn sách đó những lời khai của các nhân chứng luôn luôn được đưa ra ở chỗ nào mô tả các sự kiện mọi người đã biết, chứ không hề được đưa ra khi nêu lên những khẳng định mới và táo bạo.

Về bộ binh thì cả hai cách tính chỉ khác nhau ở mức không đáng kể. Ở cuốn sách của A-nhi-sơ-cốp, chúng tôi thấy có 40 tiểu đoàn tiêu binh, một tiểu đoàn bộ binh và nửa tiểu đoàn lính thủy

đánh bộ, Kinh-léch biến cái nửa tiểu đoàn này thành 2 tiểu đoàn và đồng thời đã trích dẫn Hô-đa-xê-vích (thiếu tá trung đoàn bộ binh Ta-ru-tin), là người tựa hồ như đã nhìn thấy họ³⁷⁴. Nhưng điểm này không quan trọng, bởi vì bản thân Kinh-léch thú nhận rằng người Nga đã coi các đơn vị này là rất không đáng kể. Ngoài ra, ông ta còn biến hai đại đội công binh đã nhắc đến trong sách của A-nhi-sơ-cốp thành cả một tiểu đoàn và ở mọi nơi đều tính gộp họ vào bộ binh.

Trái lại, về kỵ binh thì rất ít thấy Kinh-léch phóng đại. Khi mô tả trận đánh nói chung cũng như mỗi khi có dịp thuận tiện ông ta đều nhấn mạnh rằng trên chiến trường phía quân Nga đã có "3 400 tay giáo", còn trong mỗi kế hoạch của trận giao chiến thì ở sau cánh phải phía quân Nga có một khối quân khổng lồ, với chú thích rằng ở nơi này là đội kỵ binh Nga với số lượng 3 000 người. Đây là muốn lưu ý chúng ta về tình trạng không hoạt động đến ngạc nhiên của 3 000 con người này và việc họ đóng ở bên cạnh là một hiểm họa đối với quân Anh, vốn chỉ có hơn 1 000 kỵ binh một chút. Bằng mọi cách, Kinh-léch tránh lưu ý chúng ta một điều là hơn một phần ba đội kỵ binh này là người Cô-dắc, những người mà ai cũng biết là họ không thích hợp với các trận giao chiến theo đội hình đông đặc với kỵ binh chính quy. Khi hoàn toàn không hiểu được tất cả các tình huống quân sự, - điều lộ rõ qua toàn bộ cuốn sách, - thì điều sai lầm thô thiển này phải coi như là sự dốt nát hơn là ý đồ độc địa.

Còn về pháo binh thì ở đây Kinh-léch không có được một sự phê phán nào. Như đã chỉ ra ở trên, A-nhi-sơ-cốp tính cả thảy có 96 súng đại bác - nằm trong 10 khẩu đội pháo dã chiến nhẹ và nặng đã được mô tả cụ thể, thêm vào đó còn có bốn khẩu hải pháo được đóng vào xe ngựa. Ông ta cũng chỉ rõ mỗi khẩu đội

trong số này đã nằm ở đâu vào thời gian giao chiến. Tất cả các khẩu đội này đều được Kinh-lếch nói tới (có đôi chút sai lệch về phiên hiệu của khẩu đội), nhưng ngoài ra còn có ba khẩu đội khác nữa. Khẩu đội 5 thuộc lữ đoàn 17, vốn cũng có nói đến trong sách của A-nhi-sơ-cốp được Kinh-lếch đưa lên vị trí hàng đầu *hai lần*: lần đầu ở cánh trái (tr.231) và sau đó - một lần ở lực lượng dự bị chính (tr.235)! Cũng tương tự như vậy, khẩu đội 3 thuộc cũng lữ đoàn 17 này, mà theo A-nhi-sơ-cốp thì *ở đó đã hoàn toàn không có mặt*, đã được Kinh-lếch nêu ra *hai lần*: lần đầu ở cánh trái và lần thứ hai ở trung tâm như là "khẩu đội chủ thế"! Ai cũng biết rằng theo cách tổ chức pháo binh Nga trong thời gian Chiến tranh Crưm (so sánh với Hắc-xtơ-hau-den - "Kỷ sự về nước Nga"³⁷⁵), thì trong mỗi lữ đoàn pháo binh chỉ có một khẩu đội pháo hạng nặng gồm 12 khẩu, rằng về sau, khi tổ chức các khẩu đội gồm 8 khẩu pháo thì chắc chắn trong các lữ đoàn đã có thể xuất hiện khẩu đội pháo hạng nặng 1 và 2, *nhưng không thể có khẩu đội 3*, - nhưng nhà sử học của chúng ta không hề biết gì đến cái đó. Ông ta chỉ quan tâm đến việc làm sao có thể làm cho những chiến công anh hùng của người Anh ở An-ma trở nên khác thường nhất, muốn vậy ông ta cần phải có thật nhiều đại bác Nga. Như vậy, ở chỗ nào trong các báo cáo của Nga (mà tất cả - trừ A-nhi-sơ-cốp - đều ít nhiều không có ích cho các chi tiết này) ông ta thấy có nhắc đến một khẩu đội nào đó mà A-nhi-sơ-cốp không kể ra, thì ông ta coi là A-nhi-sơ-cốp đã quên nhắc đến khẩu đội đó, và rất bình thản bổ sung nó thêm vào các khẩu đội mà A-nhi-sơ-cốp đã nói đến. Nếu ông ta tìm thấy cùng một khẩu đội trong các nguồn tài liệu khác nhau ở hai địa điểm khác nhau của chiến trường thì ông ta bình thản tính đến nó hai lần và ít nhất là xác định rằng một lần là khẩu đội pháo hạng nhẹ và lần thứ hai là khẩu đội pháo hạng nặng.

Với tất cả các trò ảo thuật này, Kinh-lếch cũng chỉ có được 131/2 khẩu đội, mỗi khẩu đội 8 khẩu pháo, tổng cộng 108 khẩu pháo, và bởi vì ông ta bỏ qua mất một điều là theo A-nhi-sơ-cốp thì ba khẩu đội của lữ đoàn 16 đã được tổ chức theo lối cũ - mỗi khẩu đội gồm 12 khẩu (qua đó ta thấy Kinh-lếch làm việc hời hợt như thế nào), cho nên so với A-nhi-sơ-cốp thì chỉ tăng thêm 12 khẩu. Thế là Kinh-lếch buộc phải nỗ lực phi thường để gieo vãi các khẩu pháo Nga lên các cao điểm ở An-ma. Ở đây ông ta có sự giúp sức của công sự đã chiến mà người Anh gọi một cách khoa trương là "Đồn lớn". Về điều này A-nhi-sơ-cốp nói giản đơn thế này:

"Phía bên phải con đường, trên vị trí lợi thế đã bố trí khẩu đội N°1 của cùng lữ đoàn này (số 16), được che chắn bằng một chiến lũy".

Kinh-lếch cũng đã mô tả hoàn toàn đúng cái công sự không đáng kể này, nhưng không thể nào hiểu được rằng sau công sự đó đã đặt các khẩu pháo 12 pao thông thường, và khẳng định rằng hình như đó là các khẩu pháo hạng nặng từ Xê-va-xtô-pôn. Thực ra Hô-đa-xê-vích khẳng định rằng ở đó đã đặt các khẩu pháo của khẩu đội 2 thuộc lữ đoàn 16 (ông ta lẫn lộn khẩu đội 1 và khẩu đội 2), nhưng cỡ nòng của đại bác và *kích pháo*, hiện đang còn đặt ở Vu-lít-giơ, chứng minh rằng các khẩu này không thuộc loại vũ khí của pháo binh đã chiến chính quy (tr.233). Kinh-lếch còn đi xa hơn. Ở trang 229 ông ta nói rất rõ ràng:

"Đó là các khẩu đại bác 32 pao và kích pháo 24 pao".

Vào năm 1849, trong thời gian cuộc nổi dậy ở Pphan-xơ, một số thủ lĩnh của những người nổi dậy đã luôn luôn giải thích sự rút lui liên tục của các đơn vị quân mình là bởi họ đã bị pháo kích bằng "các quả đạn cháy loại 24 pao". Các tác giả của lời khẳng định này dĩ nhiên không hề nghĩ rằng các khẩu kích pháo đã bắn những quả đạn khủng khiếp này sẽ bị ngài Kinh-lếch đoạt mất ở An-ma. Các quả đạn 24 pao này có ý nghĩa gì đối với...^{1*}

1* Tiếp theo, bản thảo viết tay thiếu hai trang.

II

... các khẩu pháo tách khỏi Can-rô-béc, - mà sư đoàn của ông này thì đã bị vô hiệu hóa bởi đại bác Nga, - một khoảng cách 1 500 bước, trong khi đó chính pháo binh của Can-rô-béc đã cố gắng tiến gần đến ông ta bằng con đường vòng ít nhất là dài nửa dặm Đức^{1*}; cuối cùng, hoàng tử Na-pô-lê-ông bị mắc kẹt ở thung lũng cách Can-rô-béc 1 200 bước và chần chừ vượt qua sông. Sự phân tán các đơn vị của ông ta như vậy trên một mặt trận kéo dài 6 000 bước và đặc biệt là vị trí nguy hiểm của Bô-xkê cuối cùng đã làm cho nguyên xoái Xanh - Ác-nô lo sợ tới mức đã quyết định dùng đến thủ đoạn tuyệt vọng - tung toàn bộ lực lượng dự bị của mình lên. Lữ đoàn của Lu-rơ-men được phái đi theo sau Boa, trong khi đó lữ đoàn của Đ'Ô-ren-lơ phải tăng cường cho hoàng tử Na-pô-lê-ông, cả hai lực lượng dự bị được đưa như vậy vào đúng hai toán quân vốn dĩ đã chật cứng các đơn vị, Xanh - Ác-nô đã hoàn toàn phân tán các lực lượng chiến đấu của mình. Nếu như tất cả những điều đó không được nói trong báo cáo chính thức của Pháp ("Tập bản đồ lịch sử của cuộc chiến tranh phương Đông"³⁷⁶) thì có lẽ khó có thể tin điều đó.

Điều đó được nhìn nhận như thế nào dưới con mắt người Nga và cái gì đã giải thoát những người Pháp ra khỏi tình trạng nguy hiểm này?

Cánh trái của quân Nga đã do Ki-ri-a-cốp chỉ huy. Để chống

1* Dặm (địa lý) Đức = 7,420 km.

lại Can-rô-béc và hoàng tử Na-pô-lê-ông, ông ta đã có ở tuyến đầu 4 tiểu đoàn dự bị (thuộc các trung đoàn Brê-xơ và Bê-lô-xơ) - các đơn vị thuộc loại trung bình, ở tuyến hai - 4 tiểu đoàn thuộc trung đoàn Ta-ru-tin, dự trữ - 4 tiểu đoàn thuộc trung đoàn Mát-xơ-va và tiểu đoàn 2 thuộc trung đoàn Min-xơ, là trung đoàn có bốn khẩu đại bác (khẩu đội 4 thuộc lữ đoàn pháo binh số 17) đã được đẩy lên xa hơn về bên trái để quan sát vùng bờ biển. Bốn tiểu đoàn thuộc trung đoàn Bô-rô-đin, cũng do ông ta chỉ huy, đã đóng xa hơn về phía đông, ngay cạnh con đường đến Xê-va-xtô-pôn, và đã giao chiến hầu như chỉ chống lại quân Anh, nếu vai trò của họ nói chung đã không chỉ hạn chế ở việc tham gia vào cuộc độ súng. Tổng cộng lại, như vậy là có 13 tiểu đoàn với 8 khẩu đại bác đã chống trả người Pháp.

Khi trên cao nguyên phía Nam An-ma xuất hiện đội quân vu hồi của Bô-xkê thì công tước Men-si-cốp tự mình chuyển sang cánh trái và lấy từ lực lượng dự bị chủ yếu 3 tiểu đoàn còn lại của trung đoàn bộ binh Min-xơ một khẩu đội pháo kéo bộ và hai khẩu đội pháo ngựa kéo và cả 6 đội kỵ binh nhẹ nữa. Trước đó trận giao chiến chỉ hạn chế ở việc bắn nhau bằng súng trường và đại bác; các đơn vị quân Nga phần lớn đã lùi lại một chút, các đơn vị quân Pháp - Na-pô-lê-ông và Can-rô-béc - thậm chí còn chưa xuất hiện trên cao nguyên hoặc còn ở cách xa (Bô-xkê, Boa, Lu-rơ-men) thành ra lúc đó chưa có thể tham chiến. Vì các bộ phận quân của hoàng tử Na-pô-lê-ông bị mắc kẹt trong hẻm tới mức chưa vượt ra được, cho nên không còn một đối tượng nào khác cho cuộc tấn công của quân Nga, ngoài sư đoàn của Can-rô-béc ẩn náu sau cao nguyên. Để chống lại sư đoàn này, Men-si-cốp đã tổ chức một đội quân khổng lồ gồm 8 tiểu đoàn thuộc các trung đoàn Min-xơ và Mát-xơ-va - hai tiểu đoàn dàn ra mặt trận và bốn tiểu đoàn thọc sâu, tất cả theo đội hình khối tấn công xếp hàng đều vào giữa. Bị triệu về trung tâm của mình, ông ta đã trao lại khối người bất lực này cho Ki-ri-a-cốp với mệnh lệnh tấn

công ngay lập tức. Khi khối quân này tiến gần về phía quân Pháp cách một tầm súng trường, quân Pháp "đã không thể chịu đựng được lâu hơn nữa cái sức nặng đè lên trái tim người lính lục địa khi khối bộ binh khổng lồ tiến tới gần" (tr.400).

Họ rút lui xuống thấp hơn nữa theo sườn dốc. Nhưng vào thời điểm đó đã xuất hiện cả hai khẩu đội của Can-rô-béc cùng với các khẩu đội của Bô-xkê, họ đã vượt qua vực cánh phía bên phải khá xa; họ nhanh chóng đưa pháo vào vị trí và bắn về phía cánh trái bộ binh Nga có hiệu quả tới mức quân Nga phải vội vàng ẩn náu ngay lập tức. Bộ binh Pháp đã không truy kích bộ binh Nga.

Bốn tiểu đoàn dự bị của Ki-ri-a-cốp, theo sự diễn tả của Hô-da-xê-vích, "đã tan tác" dưới tác động của hỏa lực súng trường và đại bác; bốn tiểu đoàn thuộc trung đoàn Ta-ru-tin cũng bị thiệt hại nặng; tám tiểu đoàn của khối quân khổng lồ chắc chắn đã không thể có khả năng tổ chức lại cuộc tấn công ngay tức khắc. Bộ binh Pháp của Đ'Ô-ren-lơ và Can-rô-béc bây giờ được dàn ra trên cao nguyên dưới sự yểm trợ của pháo binh của mình, còn Bô-xkê thì tiến gần đến chỗ bộ binh này; các đơn vị của hoàng tử Na-pô-lê-ông (phần còn lại của trung đoàn 2 Du-a-vơ dưới quyền chỉ huy của ông ta đã sáp nhập với Can-rô-béc) cuối cùng cũng đã bắt đầu tiến lên các điểm cao. Ưu thế về lực đã trở nên hoàn toàn hơn hẳn; các tiểu đoàn quân Nga tập trung trên điểm cao Tê-lê-gráp đã tan biến dưới hỏa lực dày đặc của pháo binh Pháp; cuối cùng, cánh phải quân Nga "đã bắt đầu cuộc rút lui hoàn toàn rõ rệt", như chính Ki-ri-a-cốp đã nói. Trong những tình huống như vậy, ông ta đã bắt đầu cuộc rút lui "không bị kẻ thù truy kích" (hồi ký của Ki-ri-a-cốp).

Hiện nay, đối với các tác giả Pháp, cuộc tổng tấn công liên tục của những người Pháp đã được kết thúc thắng lợi bằng cái gọi là cuộc tấn công điểm cao Tê-lê-gráp, mà ở đây tựa hồ như đã xảy

ra trận đánh giáp lá cà, và như vậy là toàn bộ chiến dịch có được một kết cục đầy kịch tính đẹp đẽ. Người Nga không hề biết gì về trận giao chiến này, và vì vậy Ki-ri-a-cốp hoàn toàn phủ nhận việc có trận đánh như vậy. Trong lúc đó, có thể là điểm cao đã bị bộ binh chiếm và cần phải tấn công điểm cao đó và ngoài ra, có thể là xung quanh điểm cao còn có những lính bộ binh Nga khác cần phải đẩy lui; chỉ có điều là để làm điều đó dĩ nhiên không cần một cuộc tấn công, càng không cần một trận chiến đấu dùng tới cả một sư đoàn, vô luận thế nào thì trong "Tập bản đồ lịch sử" câu chuyện này đã được phóng đại lên quá nhiều.

Trận đánh đã kết thúc ở đây, còn yêu cầu của Ra-glan về việc truy kích thì Xanh - Ác-nô đã khước từ, "bởi vì các đơn vị đã để ba-lô của mình ở bên kia sông" (tr. 492).

Những chiến công anh hùng mà Xanh-Ác-nô và sau đó là Ba-dan-cu-rô³⁷⁷ đã thuật lại cho chúng ta sau trận giao chiến, đã phai nhạt đi rõ rệt sau sự mô tả này. Toàn bộ quân Pháp, tính chung với quân Thổ Nhĩ Kỳ, gồm 37 000 người và 68 đại bác, đã có...^{1*}

1* Tiếp theo, bản thảo viết tay thiếu một trang.

III

Quân Anh đã tấn công phía cánh trái của liên quân. Chiến tuyến thứ nhất của họ gồm sư đoàn của Ê-van-xơ và sư đoàn nhẹ của Brao-nơ. Chiến tuyến thứ hai của họ là các sư đoàn của In-glen-đơ và của công tước Căm-brít-giơ. Sư đoàn của Cát-các-tơ, mà từ đó đã tách ra một tiểu đoàn, và lữ đoàn kỵ binh đã vận động với tư cách là lực lượng dự bị từ bên trái ở đằng sau cánh trái trống trải. Mỗi sư đoàn gồm sáu tiểu đoàn, hợp thành hai lữ đoàn. Chiến tuyến tấn công của quân Anh ở cạnh làng Buốc-luy-cơ với cánh trái của hoàng tử Na-pô-lê-ông, kéo dài gần 3 600 bước, thành ra ứng với mỗi tiểu đoàn trong số 12 tiểu đoàn trên chiến tuyến là 300 bước.

Khi ra tới sườn dốc thoải, xuôi về phía An-ma, các khối quân đã rơi vào hỏa lực của các khẩu đội Nga đặt đối diện, và theo điều lệ quân đội Anh, tuyến đầu đã tức khắc tản ra. Nhưng trong điều kiện chiều dài chiến tuyến quá ngắn thành ra cánh phải của sư đoàn nhẹ đã bị bịt kín bởi cánh trái của sư đoàn Ê-van-xơ; cả một tiểu đoàn (thuộc trung đoàn số 7), do đó, đã bị đẩy ra khỏi chiến tuyến. Pháo binh đã chiếm vị trí đối diện chiến tuyến. Ở tuyến hai sư đoàn của công tước Căm-brít-giơ cũng đã tản ra, và bởi vì các tiểu đoàn của nó (tiểu đoàn vệ binh và tiểu đoàn người Xcốt-len) đều mạnh hơn về số quân, cho nên một mình nó đã tạo nên gần như là cả tuyến hai; sư đoàn In-glen-đơ nằm lại trong các khối quân ở ngoài phạm vi hỏa lực pháo binh, đứng hệt như là lực lượng dự bị. Quân Nga nổ súng vào lúc một giờ

ruổi. Trong khi quân Pháp triển khai tấn công thì quân Anh đã nằm rạp xuống để hạn chế thương vong do hỏa lực. Các tay súng chiến đấu trong các bụi rậm và vườn nho ở thung lũng đã chậm chạp dồn ép dần quân Nga; khi rút lui, quân Nga đã đốt cháy làng Buốc-luy-cơ và bằng cách đó đã thu hẹp hơn nữa trận tuyến tấn công của quân Anh.

Quân Anh đã phải đương đầu với toàn bộ các đơn vị còn lại của quân Nga, tức là 25 1/2 (theo A-nhi-sơ-cốp) hoặc 27 (theo Kinh-léch) tiểu đoàn và 64 đại bác. Bản thân họ cũng đã dùng 29 tiểu đoàn và 60 đại bác để tấn công; các tiểu đoàn của họ đã mạnh hơn về số quân so với các tiểu đoàn của quân Nga. Ở chiến tuyến đầu, quân Nga đã có cả hai trung đoàn Xu-dơ-đan (ở rìa cánh phải) và Ca-dan (hoặc trung đoàn của quận vương vĩ đại Mi-kha-in Ni-cô-la-ê-vích ở trung tâm bên phải), thêm vào đó còn cả trung đoàn Bô-rô-đin. Ở tuyến hai có trung đoàn Vla-di-mia, trong lực lượng dự bị đặc biệt có trung đoàn U-glích, trung đoàn Vô-lun vẫn thuộc lực lượng dự bị chính, mỗi trung đoàn có 4 tiểu đoàn và ngoài ra còn có một tiểu đoàn bộ binh và các tay súng của bộ binh đánh thủy.

Đến ba giờ thì cuộc tấn công của quân Pháp đã đạt tới giai đoạn là các khối quân của Bô-xkê và Can-rô-béc lên tới cao nguyên, còn các khối quân của hoàng tử Na-pô-lê-ông thì vào tới thung lũng; các lực lượng dự bị, như chúng ta thấy, cũng đã được di chuyển. Vào thời điểm đó, Ra-glan đã ra lệnh cho quân Anh tấn công. Tuyến đầu đứng dậy và di chuyển, vẫn giữ theo đội ngũ hàng ngang, xuống thung lũng. Vì vướng các vườn nho và bụi rậm nên trật tự của các đơn vị đã nhanh chóng bị phá vỡ, ngay cả ở những nơi mà các đơn vị đó, theo như quy định trong các trường hợp tương tự ở Anh, đã phân tán nhỏ thành tổ hai người. Sư đoàn

của Ê-van-xơ đã đưa hai tiểu đoàn và một khẩu đội sang bên phải để đi vòng qua cái làng đang cháy, bộ phận còn lại đã di chuyển sang bên trái làng và đi dọc theo con đường dẫn đến Xê-va-xtô-pôn. Ở đây quân Anh đã nhanh chóng rơi vào hỏa lực bắn gần của hai khẩu đội Nga được bố trí để bịt con đường này; các khẩu đội này đã chặn được sư đoàn của Ê-van-xơ, mặc dù họ bị hỏa lực bắn trả của 18 khẩu pháo của quân Anh. Đơn vị bộ binh Nga chống cự lại sư đoàn này gồm bốn tiểu đoàn thuộc trung đoàn Bô-rô-đin và tiểu đoàn bộ binh số 6; chúng tôi không biết được gì về các hoạt động của các tiểu đoàn này.

Sư đoàn nhẹ tiến xa hơn từ phía trái. Chống trả lại sư đoàn này là 4 tiểu đoàn thuộc trung đoàn Ca-dan, được bố trí từ bên phải và bên trái của khẩu đội 1 thuộc lữ đoàn pháo binh số 16, được đặt sau các chiến lũy; ở tuyến hai, chống cự lại nó là 4 tiểu đoàn thuộc trung đoàn Vla-di-mia, tất cả xếp theo khối, và theo các số liệu của Kinh-léch thì thậm chí là theo các khối, mỗi khối gồm hai tiểu đoàn. Quân Anh đã vượt sông trót lọt, theo mức độ có thể, qua vô số những chỗ nước nông và ở bờ phía nam, họ đã phát hiện thấy một hẻm núi tự nhiên, rộng chừng 15 bước có vách đứng bảo vệ cao 8-10 phút; đằng sau chỗ trú ẩn này họ đã có thể tập hợp lại đội ngũ. Phía bên kia vách núi, địa thế quang đãng và cao dần lên đôi chút theo hướng về phía khẩu đội đóng cách đó gần 300 bước. Ở đây quân Anh chỉ bị bộ binh chống cự ở một số nơi; lính tuần tiểu không nhiều lắm của họ đã đi xa về phía trái và đã nắm rõ toàn mặt trận. Nhưng bản thân họ đã không tung bộ binh lên trước, cũng như đã không sắp xếp lại đội hình mới; bản thân Brao-nơ đã từ chối việc trinh sát và ra lệnh tiến quân, "tin tưởng vào lòng dũng cảm của các đơn vị" (tr.315). Trong khi viên chỉ huy cánh trái giữ lại dưới quyền điều khiển

của mình hai tiểu đoàn để chống trả các cuộc tấn công có thể có từ hai cánh của kỵ binh Nga, thì bốn tiểu đoàn còn lại cùng với tiểu đoàn thuộc sư đoàn Ê-van-xơ (trung đoàn 95) sáp nhập với họ đã tiến về phía khẩu đội, nửa đi theo đội ngũ hàng ngang, nửa đi theo từng nhóm lộn xộn.

Khi họ vừa mới leo lên sườn đồi thì cả hai khối quân của trung đoàn Ca-dan tiến về phía họ. Và ở đây tác giả của chúng ta bắt đầu ca những lời tâng bốc về những phẩm chất vô song của các đơn vị quân Anh.

"Ở đây đã thấy rõ rằng cả bây giờ, sau gần bốn mươi năm hoà bình, những người lính của chúng ta vẫn còn có những phẩm chất vô giá, cái đã không làm cho họ, tương tự như đối với những người nước ngoài, cảm thấy sức nặng của khối bộ binh... Nửa như vui vẻ, nửa như giận dữ, họ đã bắt đầu bắn theo kiểu Anh của mình vào cái khối dày đặc đang uy nghi tiến về phía họ. Khối người đó đã không tỏ ra xao xuyến, nhưng rõ ràng nó là một đội quân được huấn luyện khắc nghiệt, được quản lý vững về hoặc yếu kém. Vô luận thế nào, những người chỉ huy của nó đã không thể gây ra ấn tượng về sức mạnh đối với những toán các chàng trai Anh (lads) đang vui vẻ tiến về phía nó và quấy rầy nó bằng các loạt đạn. Chẳng bao lâu, khối người đó đã dừng lại, quay lui và nấp sau các mô đất" (tr.325).

Chúng tôi sẽ không nói thêm về những lời tuyên bố khoa trương này, và chỉ nhận xét rằng các "chàng trai" và "các đơn vị trai trẻ" này, như Kinh-léch thích gọi họ như vậy, mà chúng tôi đã thường nhìn thấy (trung đoàn số 33 tham gia trận này trước khi được gửi đến Crum ít lâu), với thời hạn phục vụ hiện hành ở Anh là 12 năm và thời hạn đó thường bị kéo dài thêm 9 năm nữa - khi đó ít nhất đã ở lứa tuổi trung bình là 27 tuổi; chúng tôi cũng nhận xét thêm rằng từ thời gian cuộc Chiến tranh Crum và cuộc khởi nghĩa Đông Ấn, nơi các trung đoàn xuất sắc này đã bị tiêu diệt, thì bất kỳ viên sĩ quan Anh nào cũng uống công tìm cách nhận lại những "chàng trai" già nua như vậy dưới quyền chỉ huy của mình. Nhưng thôi. Khối quân này (khối quân phía đông nằm ở

cánh phải quân Nga) sau một chút cố gắng yếu ớt định tiến hành cuộc giáp chiến bằng lưỡi lê, rõ ràng đã buộc phải rút lui, thậm chí là trước hỏa lực của trận tuyến lộn xộn. Khối quân khác đã tấn công trung đoàn 7, nhanh chóng chuyển sang đấu súng tại chỗ và kéo dài trận đấu súng này mà không triển khai đội hình, và ở đây, tất nhiên đã chịu thiệt hại nặng.

Ba tiểu đoàn quân Anh nằm ở giữa đã vận động về phía khẩu đội, mà có lẽ hỏa lực của khẩu đội này yếu nên đã không giữ vững được cuộc tấn công. Khi họ đã tiến đến khá gần, để tấn công các cỗ pháo, khẩu đội đã nổ một loạt đạn, nắm lấy xe kéo pháo và lao lên vun vút. Một khẩu lựu pháo loại 7 pao đã tìm thấy tại hầm pháo, một khẩu khác loại 32 pao chỉ đóng ba ngựa kéo, đã bị viên đại úy Ben thuộc trung đoàn 23 chiếm và mang đi. Quân Anh chiếm bờ ngoài của phòng tuyến và tập hợp lại ở cánh phải và cánh trái. Trung đoàn Vla-di-mia bây giờ đã đến gần hơn, nhưng đáng lẽ phải dùng lưỡi lê đánh mạnh vào các đám quân đang nhốn nháo, thì lại ham bắn và dừng lại. Dưới hỏa lực của mặt trận rộng hơn nhiều của quân Anh, đáng lẽ khối quân dày đặc cũng đã chịu số phận giống như trung đoàn Ca-dan, nhưng khi đó phía quân Anh đã hai lần liên tiếp vang lên hiệu lệnh rút lui, hai lần lập lại trên toàn chiến tuyến. Các đơn vị bắt đầu rút lui, đầu tiên là ở các vị trí riêng lẻ, sau đó là ở mọi chỗ, có nơi rút lui bình tĩnh, có nơi hoàn toàn lộn xộn. Bốn tiểu đoàn tham gia trận đánh đã mất cả thấy 46 sĩ quan và 819 binh lính.

Trận tuyến thứ hai (của công tước Căm-brít-giơ) đã chậm chạp theo sau tuyến trước và trong suốt thời gian chiến đấu, lúc đầu đã vượt qua sông, còn sau đó đã ẩn náu ở sau hẻm núi nói trên. Đến bây giờ nó mới di chuyển lên phía trước. Tiểu đoàn ở giữa của lữ đoàn cánh phải gồm bộ binh Xcôt-len và vệ binh đã tấn công trước tiên, nhưng cánh trái của nó đã bị bẻ gãy bởi binh lính

rút lui của sư đoàn nhẹ, còn cánh phải thì đã không chịu nổi hỏa lực của trung đoàn Vla-di-mia; không nhận được tiếp viện kịp thời, tiểu đoàn này cũng đã rút lui không trật tự. Điều này xảy ra vào đúng lúc cuộc tấn công của quân Pháp bắt đầu chậm lại, và để chống lại Can-rô-béc, một khối quân gồm tám tiểu đoàn đã được chấn chỉnh lại.

Đối với ngài Kinh-léch thì cái thời điểm khi mà ở mọi nơi quân liên minh đều gặp khó khăn chính là thời điểm thích hợp nhất để chỉ ra cho chúng ta thấy những điều thần kỳ không kém những điều thần kỳ trong "Ngàn lẻ một đêm" và phủ lên huân tước Ra-glan ánh hào quang của niềm vinh quang bất ngờ. Có lẽ chúng tôi đã bỏ qua sự kiện này, giả như nó thực sự đã không có chút ảnh hưởng đến tiến trình trận đánh và giả như nó không có ý nghĩa nhất định còn bởi một lẽ là ở đây Kinh-léch nói *như là người chứng kiến* - thực ra lại rất ít hiểu biết sự việc.

Khi quân Anh bắt đầu chuẩn bị vượt sông thì Ra-glan cùng với bộ tham mưu của mình đã nhảy qua An-ma, tới cái nơi mà ở đó các trận tuyến của quân Anh và quân Pháp tiếp giáp nhau, và ở bờ bên kia quân Anh đã bắt đầu vượt lên cao theo hẻm núi hầu như không gặp sự chống cự nào, ngoài sự chống cự của một số lính tuần tiểu. Chẳng mấy chốc, đỉnh đồi tròn mà ông ta leo lên đã hiện ra trước mắt ông ta và từ đó có thể nhìn bao quát từ bên sườn toàn bộ cảnh bố trí của quân Nga đối diện quân Anh và thậm chí phát hiện được cả các lực lượng dự bị của họ. Cho dù có đáng ngạc nhiên như thế nào về việc một vị tướng của đội quân đang tấn công lại đứng không một chút che chắn trên quả đồi nằm bên cạnh sườn đối phương, - thì cũng có thể không phải hoài nghi gì về điều đó, bởi vì có rất nhiều người chứng kiến. Tuy nhiên, không hài lòng là đã đặt vị anh hùng của mình ngay trước

sườn quân địch hoặc phía tiếp giáp quân địch, Kinh-lếch chuyển quả đồi được nói tới ở đây ra *sau* mặt trận của quân thù, đặt nó vào khoảng giữa mặt trận và các lực lượng dự bị của quân Nga, và buộc huân tước Ra-glan phải làm tê liệt toàn bộ quân Nga chỉ bằng một lần xuất hiện của mình ở đó. Việc mô tả các sự kiện đó trong cuốn sách hoàn toàn không thua kém chút nào, xét về mặt đặc điểm có tính chất đóng kịch của nó, so với việc miêu tả trên bản đồ chiến dịch mà ở đó ngôi sao đỏ dùng để chỉ nơi đứng của huân tước Ra-glan cách xa cánh phải quân Nga 1 200 bước, nằm giữa các khối quân Nga màu xanh vốn rất kính nể ông ta, trong khi đó ông ta, giống như "thần Dớt sấm sét", đang chỉ huy trận đánh.

Quả đồi này, mà ở đây chúng tôi không thể chỉ chính xác vị trí của nó, nhưng dù sao cũng không nằm tại cái nơi mà Kinh-lếch đã đặt nó, - quả đồi này, tuy nhiên, là một địa thế rất thuận lợi cho pháo binh và lập tức Ra-glan đã cử người đến để lấy đại bác và cả bộ binh nữa. Sau đó ít lâu, gần như cùng một lúc với việc quân Anh chiếm được khẩu đội, hai khẩu pháo đã được đưa tới. Một trong hai khẩu pháo này dường như đã làm tiêu tan lực lượng dự bị của quân Nga (mà theo Kinh-lếch thì lực lượng dự bị này chỉ cách có 1100 bước!), còn khẩu kia đã bắn thọc sườn cái khẩu đội lúc đó đang bảo vệ chiếc cầu trên đường tới Xê-va-xtô-pôn. Sau vài loạt đạn, khẩu đội này, vốn từ lâu đã bị pháo binh trội hơn nó (18 khẩu) từ phía mặt trận bắn tới, đã bị nhổ bỏ và như vậy con đường đã được mở cho sư đoàn Ê-van-xơ tiến quân. Sư đoàn này dồn ép dần bộ binh Nga, mà phần lớn chiến đấu ở đây một cách tản mạn, và cùng với sư đoàn In-glen-đơ, - pháo binh của sư đoàn này thì đã sáp nhập với pháo binh của sư đoàn Ê-van-xơ, - đã đặt các khẩu pháo của mình lên ngọn đồi thứ nhất.

Trong lúc đó, cách phía trái khá xa sư đoàn của công tước Căm-brit-giơ đã tiến hành trận đánh quyết định. Trong số ba tiểu đoàn vệ binh thuộc cánh phải của nó thì tiểu đoàn ở giữa (bộ binh Xcốt-len) đã tấn công quá sớm và trở nên lộn xộn. Bây giờ từ bên phải lựu binh quân vệ binh, từ bên trái thì tiểu đoàn vệ binh Côn-xơ-rim đã bắt đầu tấn công theo đội hình hàng ngang chống lại chiến lũy đã bị trung đoàn Vla-di-mia chiếm lại; giữa họ đã hình thành một khoảng trống cho mặt trận của tiểu đoàn mà bộ binh Xcốt-len cần phải bịt kín, nhưng nó chỉ bị bịt kín một phần nào bởi tàn quân của tiểu đoàn này và của sư đoàn nhẹ đã được tập hợp lại ở cách xa phía sau. Trái lại, ở phía trái của tiểu đoàn Côn-xơ-rim có bốn tiểu đoàn Xcốt-len của Cô-lin Kem-pơ-ben cũng tiến lên theo đội hình hàng ngang, thành từng thê đội từ phía cánh phải sang, rất trật tự.

Chống lại lựu binh quân vệ binh đã có cả hai tiểu đoàn cánh trái thuộc trung đoàn Ca-dan, vốn đã bị đánh lui bởi hỏa lực của trung đoàn số 7, và cả hai tiểu đoàn cánh trái thuộc trung đoàn Vla-di-mia, hiện đang tấn công chống lại cánh trái, nơi tiếp giáp giữa lựu binh và tiểu đoàn Côn-xơ-rim; lựu binh đã trụ vững, đẩy lùi cánh trái một chút về phía sau và bằng hỏa lực đã buộc khối quân này phải dừng lại ngay. Đương nhiên là qua một khoảng thời gian ngắn khối quân này đã bị hỏa lực của trận tuyến làm chao đảo tới mức thậm chí bản thân công tước Goóc-tra-cốp chỉ huy cánh phải quân Nga cũng đã không thể buộc nó tiếp tục chuyển sang đánh giáp lá cà. Do sự thay đổi chút ít trận tuyến của lựu binh Anh mà khối quân này đã rơi vào hỏa lực của toàn trận tuyến của họ; nó đã run sợ và đã rút lui khi quân Anh tiến lên. Trong lúc đó cả hai tiểu đoàn khác của trung đoàn Vla-di-mia đã đấu súng với tiểu đoàn Côn-xơ-rim cho đến khi, cuối cùng, lữ đoàn Xcốt-len tiến lên ngang cùng tầm cao này. Bốn tiểu đoàn

của trung đoàn Xu-dơ-dan, được bố trí ở rìa cánh phải quân Nga, lúc này đã tiến gần hơn tới vị trí quyết định của trận đánh, tới bờ chiến hào của khẩu đội, nhưng bỗng nhiên, trong lúc đang hành tiến ở phía cánh này, đã lọt vào hỏa lực của các trận tuyến quân Xcốt-len và đã rút lui không chống trả lại đáng kể.

Sau khi công tước Goóc-tra-cốp bị loại khỏi vòng chiến đấu do ngã từ mình con ngựa bị bắn chết của ông ta thì tướng Cvi-xin-xki, chỉ huy sư đoàn số 16, bây giờ đã chỉ huy cánh phải của quân Nga. Đội hình hàng ngang của quân Anh rất mới lạ đối với ông ta, tới mức đã làm cho ông ta không còn mọi khả năng xét đoán về sức mạnh của đối phương. Trong hồi ký của mình, mà Kinh-léch nhắc đến, chính ông ta nói rằng đã nhìn thấy những người lính Anh đứng thành ba hàng che chắn nhau (rõ ràng, đó là ba thê đội Xcốt-len) và trước ưu thế trội hơn đó ông ta đã phải rút lui, sau khi cuộc tấn công của bốn tiểu đoàn thuộc trung đoàn Vla-di-mia bị đẩy lùi. Bốn tiểu đoàn thuộc trung đoàn U-glích chỉ tiến lên phía trước tới mức cần thiết để chặn những người bỏ chạy. Pháo binh và kỵ binh đã hoàn toàn không được sử dụng nữa, và quân Nga bắt đầu rút lui, không bị quân Anh đuổi theo vì họ muốn giữ gìn kỵ binh của mình. Sư đoàn của công tước Căm-brít-giơ đã thiệt hại ngót 500 người.

Vậy là, vào thời điểm quyết định ở đây đã có 6 tiểu đoàn tham chiến thuộc sư đoàn của công tước Căm-brít-giơ được chi viện bởi tàn quân của sư đoàn nhẹ, cả thảy có 11 tiểu đoàn (cả hai tiểu đoàn cánh trái của sư đoàn nhẹ về sau cũng không chuyển sang tấn công) chống lại 12 tiểu đoàn quân Nga thuộc các trung đoàn Ca-dan, Vla-di-mia và Xu-dơ-dan, và nếu như chúng ta bổ sung thêm 4 tiểu đoàn nữa thuộc trung đoàn U-glích, mặc dù sự tham gia tích cực của họ trong trận đánh là điều còn rất đáng ngờ, -

thì là chống lại 16 tiểu đoàn quân Nga, và sau một trận đánh rất ngắn ngủi đã hoàn toàn đánh lui họ.

Thậm chí tác giả khẳng định rằng toàn bộ trận đánh của bộ binh được bố trí thành đội hình đã kéo dài không quá 35 phút; vô luận thế nào, vào lúc 4 giờ kết cục trận đánh đã hoàn toàn được định đoạt. Cái gì giải thích cho những thắng lợi nhanh chóng ấy chống lại một khối bộ binh ít nhất là bằng nhau, mà có thể còn trội hơn về số lượng ở vị trí phòng thủ vững chắc?

Bộ chỉ huy quân Anh rõ ràng không phải không đáng chê trách. Ngoài một lẽ là Ê-van-xơ đã không có chút mưu toan tấn công cánh trái của đối phương, mà chỉ hạn chế ở việc đánh theo kiểu dàn trận uể oải, thì ai cũng thấy rõ rằng công tước Căm-brít-giơ với tư cách là tư lệnh tuyến hai đã không làm cái điều vốn là nghĩa vụ của ông ta. Khi tuyến đầu tấn công lên bờ chiến hào của khẩu đội thì tuyến hai không có ở đó để yểm hộ, nó chỉ tới đó sau khi tuyến đầu đã bị đánh lui, và đã buộc phải bắt đầu hành động lại từ đầu. Nhưng chỉ cần một người chỉ huy quân Anh nào đó tiếp cận với đối phương, mà không hề có phản mệnh lệnh xác định nào cả, thì anh ta cố gắng tấn công đối phương theo khả năng cùng với các đơn vị bạn, và điều này đã đem lại cho cả hai đợt tấn công chủ yếu tính kiên quyết bảo đảm thắng lợi.

Về phía mình, quân Nga đã tỏ ra rất không tin tưởng ở bộ chỉ huy. Đành rằng, Men-si-cốp đã không may là ở xa nơi giao chiến chính trong khoảng thời gian ngắn ngủi có tính chất quyết định, nhưng cả Goóc-tra-cốp, cả Cvi-xin-xki, theo như họ tự thú nhận, đều đã không đưa ra biện pháp nào để chống trả mạnh mẽ hơn cuộc tấn công. Cuộc tấn công thứ nhất do bốn tiểu đoàn thuộc trung đoàn Ca-dan tiến hành chống lại năm tiểu đoàn quân Anh và đã bị đánh lui; cuộc tấn công thứ hai - cũng do bốn tiểu đoàn

(thuộc trung đoàn Vla-di-mia) tiến hành và cũng bị đánh lui. Về cuộc tấn công quan trọng của bốn tiểu đoàn thuộc trung đoàn U-glích thì chúng tôi không có chút tài liệu nào, còn bốn tiểu đoàn thuộc trung đoàn Xu-dơ-đan thì đã để cho đối phương bất ngờ tóm gọn bằng hỏa lực của nó khi hành quân theo cánh quân. Trung đoàn Vô-lun thuộc lực lượng dự bị chính hình như đã hoàn toàn không được dùng đến. Pháo binh đã nhanh chóng câm lạng, còn kỵ binh thì nói chung đã bất động. Hoặc là do sợ trách nhiệm, hoặc là đã có lệnh không được hy sinh liều lĩnh quân đội, nhưng nói tóm lại là cả khi ở bên sườn quân Anh, quân Nga cũng đã hành động thiếu kiên quyết và tích cực mà chỉ có tính kiên quyết và tích cực thì mới đảm bảo thắng lợi cho bên yếu hơn.

Dĩ nhiên là cũng còn có một nguyên nhân khác nữa tạo thuận lợi cho quân Anh giành thắng lợi. Quân Nga đã chiến đấu trong một khối quân sâu và dày đặc, quân Anh - theo hàng ngang. Quân Nga đã tổn thất lớn do pháo binh của đối phương; còn quân Anh thì bị tổn thất rất ít ngay cả dưới hỏa lực đạn ghém. Khi các khối bộ binh tiến đến gần thì chỉ có thể cứu các khối đội hình khỏi bị hỏa lực huỷ diệt của các trận tuyến đối phương bằng cách xung phong ào ạt, mãnh liệt bằng lưỡi lê, nhưng ở khắp nơi chúng tôi đều thấy cuộc tấn công bị dừng lại và biến thành cuộc đọ súng với nhau. Sau đó sẽ là gì? Nếu phân tán dưới hỏa lực của đối phương, thì không một người nào có thể nói điều đó sẽ dẫn đến đâu, còn nếu như cứ giữ nguyên đội ngũ theo khối quân, khi *một* cây súng nhả đạn phải chống lại *bốn* của phía đối phương, thì chắc là khối quân sẽ tiêu vong. Chính điều này đã xảy ra trong mỗi trường hợp riêng biệt ở An-ma. Chưa hết. *Không bao giờ* có thể buộc khối quân, dù chỉ một lần bị rơi vào hỏa lực, lại tiếp tục cuộc tấn công quyết liệt; còn đội hình hàng ngang đang nhả đạn thì *lúc nào* cũng chuyển sang tấn công được.

Cả hai bên đối phương - cả quân Nga lẫn quân Anh - đều đã hành động, như ta đã biết, kém cỏi trong đội hình rời rạc; do vậy mà trận đánh đã được định đoạt hoàn toàn bởi khối lượng; nếu như chúng ta không muốn tán thành với Kinh-léch rằng người Anh là một loại á thánh, thì chúng ta sẽ phải thừa nhận rằng để tấn công cũng như để phòng thủ trên địa hình ít nhiều trống trải thì đội hình hàng ngang có ưu thế hơn nhiều so với đội hình khối vuông.

Toàn bộ lịch sử quân sự hiện đại của người Anh...^{1*}

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Sáu 1863
Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong
Toàn Tập của C.Mác và Ph.Ăng-ghen, xuất
bản lần thứ nhất, t. XII; ph. II, năm 1935*

*In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Đức*

1* Bản viết tay bị ngắt ở đây.

PH.ĂNG-GHEN

QUÂN ĐỘI ANH³⁷⁸

Mới đây, tờ "Allgemeine Militär - Zeitung", khi phân tích tỉ mỉ một công trình không lớn lắm của Pi-tơ-ri và Giêm-xơ³⁷⁹, đã mô tả việc tổ chức quân đội Anh, còn sau đó, trong một bài báo khác, đã nói về tình hình của đội quân này trong nhà nước Anh. Bây giờ thì còn phải xem xét chính bản thân quân đội trong sự phát triển lịch sử của nó qua 70 năm gần đây, hiện trạng của nó, nhân lực, quy chế nội bộ, việc huấn luyện chiến thuật và các hình thức tác chiến đặc thù của nó. Đó cũng chính là mục đích của bài này.

Đối với nhà quan sát quân sự thì quân đội Anh có ý nghĩa hoàn toàn đặc biệt. Đó là quân đội duy nhất trên thế giới vẫn còn kiên trì theo đuổi chiến thuật đội hình hàng ngang cũ kỹ đến mức là cho đến nay vẫn hoàn toàn không áp dụng đội hình khối vuông trong điều kiện chiến đấu bằng hỏa lực của bộ binh (trừ việc chiến đấu trong khi hành quân). Nó không chỉ bắn nhau theo đội hình hàng ngang, mà xung phong bằng lưỡi lê cũng chỉ theo đội hình hàng ngang. Mặc dù vậy - hoặc, có thể chính là vì vậy - mà nó hiển nhiên là một đội quân bị thất bại ít nhất. Vô luận thế nào, cần nghiên cứu tỉ mỉ hơn các phương thức tiến hành trận đánh của đội quân này, và chính vào lúc này, khi mà - thật đáng ngạc nhiên đối với toàn thế giới - cái có vẻ như không thể có lại sẽ trở thành có thể: nước Anh sẽ dọa chiến tranh với chúng ta, những người Đức.

I

Tất nhiên là chúng tôi sẽ bắt đầu từ *bộ binh*. Robur peditum^{1*} là lực lượng chính và niềm tự hào của quân đội Anh. Từ thời Uy-li-am Nây-pia, trên toàn nước Anh, biểu tượng của lòng tin đã là hỏa lực tập trung của đội ngũ dàn hàng ngang kiểu Anh có ưu thế hơn hỏa lực của bất kỳ đội quân nào khác và không thể nào chống lại được những lưỡi lê của quân Anh; sự thật là người Anh, và cả các dân tộc khác, trước hết phải nhờ bộ binh mới có được thắng lợi.

Bộ binh Anh gồm 3 trung đoàn vệ binh với 7 tiểu đoàn, 109 trung đoàn tiêu binh, trong đó 25 trung đoàn đầu tiên có 2 tiểu đoàn trong mỗi trung đoàn, trung đoàn số 60 (trung đoàn lính săn) - có 4 tiểu đoàn, còn tất cả các trung đoàn còn lại - chỉ có 1 tiểu đoàn trong mỗi trung đoàn. Ngoài ra còn có lữ đoàn lính săn gồm 4 tiểu đoàn; tổng số là 141 tiểu đoàn. Số lượng các tiểu đoàn trong trung đoàn tiêu binh - một hoặc là hai - được quy định hoàn toàn do nhu cầu; khi tình thế cho phép thì các tiểu đoàn thứ hai thuộc 25 trung đoàn đầu tiên chắc chắn sẽ lại bị giải tán. Việc phong sĩ quan cũng được tiến hành ở trung đoàn, do vậy mà thường gặp những cản trở không thể vượt qua, nếu chẳng hạn như hiện nay ở trung đoàn số 13, tiểu đoàn thứ nhất nằm ở Gia-mai-ca, còn tiểu đoàn thứ hai - ở Tân Tây-lan.

Các đơn vị dự bị và tình nhuệ trước hết được tính đến là đội vệ binh và 8 trung đoàn Xcốt-len, vốn luôn luôn xứng đáng với

1* - Bộ binh tình nhuệ

danh tiếng đó. Bộ binh nhẹ gồm 9 trung đoàn gọi là "trung đoàn nhẹ" và 5 trung đoàn xạ thủ, tuy nhiên họ chỉ khác hơn đôi chút so với các đơn vị tiêu binh, và chỉ có 8 tiểu đoàn lính sẵn tỏ ra thực sự là bộ binh nhẹ. Các trung đoàn được đánh số từ 101 đến 109, nguyên là các trung đoàn châu Âu của Công ty Đông Ấn, chỉ phục vụ ở Ấn Độ.

Ngoài 141 tiểu đoàn bộ binh Anh này còn có các đơn vị khác nhau ở các vùng trong nước mà chúng tôi sẽ nói tới sau, cũng như các đơn vị đóng ở các thuộc địa:

Ở Bắc Mỹ - 1 tiểu đoàn và 2 đại đội.....	1 350 người
Ở Tây Ấn - 4 tiểu đoàn da đen và lai đen.....	3 700 người
Ở đảo Xanh - Hê-len - 1 tiểu đoàn quân Anh.....	560 người
Ở Man-ta - pháo binh pháo đài địa phương	640 người
Ở mũi Hảo Vọng - lính sẵn kỵ binh, trong đó 5/6 là người	
Gốt-ten-tốt, 1/6 là người châu Âu, phần lớn là người Đức và	
Thụy Sĩ	900 người
Ở Xây-lan - 3 tiểu đoàn thợ săn bản xứ	1 460 người

Tổng cộng 8 610 người

Cuối cùng ở Ấn Độ toàn quân bản xứ; 151 tiểu đoàn với tổng số quân là 110 000 người. Các đơn vị này, trừ một ít ngoại lệ, đều nằm dưới sự chỉ huy của các sĩ quan Anh và về toàn bộ tổ chức của mình đều rất giống các đơn vị tiêu binh Anh. Chỉ có quân đội Ấn Độ còn giữ được một số nét đặc thù từ thời Công ty Đông Ấn, chẳng hạn như trong quân đội đó không áp dụng việc bán các chức vụ³⁸⁰, ít nhất là về mặt chính thức, mặc dù những việc mua bán tương tự này ở đó cũng xảy ra một cách không chính thức.

Đến ngày 5 tháng Hai năm nay, bộ binh Anh đã có ở Ấn Độ 58 tiểu đoàn, ở Trung Quốc - 3, ở đảo Mô-ri-xơ (In-đơ-phran-xơ) - 2, ở mũi Hảo Vọng - 4, ở Ca-na-đa và các lãnh địa Bắc Mỹ khác - 12, ở quần đảo Béc-mút - 1, ở Tây Ấn - 2, ở Tân Tây-lan (do

có chiến tranh với người bản địa³⁸¹) - 10, ở Gi-bran-ta - 5, ở các quần đảo I-ô-niêng - 4, ở Man-ta - 5, ở Anh và trên đường trở về tổ quốc - 42. Trong số quân ở Anh và đang về nước này có 6 tiểu đoàn ở Luân Đôn, 9 - ở trại Ôn-đéc-sốt³⁸², 10 - ở Poóc-xmút, Pli-mút và Đu-vơr, 1 - ở Giốc-xi, 2 - ở các vùng nội địa Anh, 2 - ở Xcốt-len, 10 - ở Ai-rơ-len, 2 - trên đường về nước. Ở đây thấy rõ sự chi viện to lớn của hạm đội cho quân đội; không có sự bảo vệ của hạm đội và không có những phương tiện giao thông vận tải tốc độ cao mà hạm đội cung cấp cho thì có lẽ các đồn trại yếu ớt này đã hoàn toàn là không đủ. Nhưng ở những nơi mà hạm đội chỉ có thể chi viện không đáng kể, thí dụ như ở Ấn Độ và Ca-na-đa, thì chúng tôi thấy có các doanh trại mạnh tương tự như ở các vị trí chiến lược trên biển Địa Trung Hải, là nơi cần phải sẵn sàng đụng độ với các đơn vị châu Âu.

Trước đây đã có quy định chỉ gửi quân vệ binh ra khỏi biên giới đất nước trong trường hợp chiến tranh; tuy nhiên bây giờ hiện có hai tiểu đoàn vệ binh nằm ở Ca-na-đa.

Hiện nay tổng quân số bộ binh đạt tới 133 500 người, tức là trung bình một tiểu đoàn có 884 người, chia thành 10 đại đội, mỗi đại đội đều có đại uý, trung uý và sĩ quan cầm cờ (ensign, tương đương cấp thiếu uý của chúng ta). Ngoài ra, mỗi tiểu đoàn, trừ quân vệ binh, đều có 2 đại đội dự bị để huấn luyện tân binh, từ 6 đến 8 đại đội này kết hợp lại thành một tiểu đoàn huấn luyện dự bị, có 23 tiểu đoàn như vậy với tổng số quân gần 18 000 người. Tất cả các đơn vị huấn luyện dự bị này đều nằm ở ngay nước Anh và bố trí chủ yếu ở biển hoặc gần biển. Như vậy, tổng số quân bộ binh Anh là hơn 150 000 người chút ít.

II

Hàng ngũ sĩ quan được lựa chọn từ môi trường tất cả các giai cấp có học của dân tộc. Không đòi hỏi người dự tuyển có trình độ đào tạo lý luận cao: trong các kỳ thi đã được quy định, chỉ đưa ra những đòi hỏi có lẽ khiến một thiếu úy Phổ phải buồn cười. Tuy nhiên người ta vẫn cố gắng thu hút vào quân đội số lượng ngày càng lớn những người còn trẻ từ trường quân sự ở Xan-đơ-hét-xơ³⁸³, dành cho những người đã trải qua sát hạch tốt nhất chức vụ thiếu úy *mà không phải mua*. Kiến thức về ngoại ngữ chỉ đòi hỏi chút ít, thêm vào đó thí sinh được nhiều quyền tự do lựa chọn trong số các thứ tiếng châu Âu và Ấn Độ; đòi hỏi về toán học vô cùng thấp; nhưng phong cách trình bày tốt, sáng sủa, đơn giản trong các bài văn tiếng Anh về các đề tài thực tế thì lại được chú ý hơn nhiều so với trong quân đội Đức, nơi mà gần như mỗi đội quân đều viết bằng thứ tiếng Đức đặc biệt của mình, và không phải lúc nào cũng là bằng thứ tiếng Đức khá rõ ràng dễ hiểu về mặt ý tứ. Hơn nữa, người ta không quan tâm tới chính kiến, điều này tự nó cũng dễ hiểu ở một đất nước mà cả hai đảng chủ yếu đều có số lượng gần như nhau các đại biểu của mình trong giới quý tộc; cái họ danh tiếng nhất về quân sự của nước Anh, Nây-pia, đã và đang gồm hầu như toàn là những người cấp tiến công khai. Nói chung, người ta chú ý đến kiến thức không nhiều như là đến đặc tính dũng cảm, và bởi vì một sĩ quan Anh có thể dự tính rõ việc bị điều động đến bất kỳ nơi nào trên thế giới và vào cuộc tham chiến sắp tới, cho nên có thể tự hình dung rõ ràng rằng quân đội Anh không phải ở mức độ như một số quân đội khác là nơi nuôi dưỡng những người hầu như thiếu tất cả các

phẩm chất thể lực và tinh thần của một người lính. Nhưng chính những phẩm chất này lại là cái bảo đảm chủ yếu cho một đội ngũ sĩ quan tốt; bởi vì, mặc dù có những quy định tuyệt vời đã nêu trên, không ở đâu lại có tình trạng che chở thân quen và gia đình chủ nghĩa như là trong quân đội Anh. Không có các quan hệ có ảnh hưởng thì không một ai có thể lọt vào đoàn sĩ quan, còn không có tiền thì không một ai có thể được thăng chức, nếu như không gặp vận may là viên sĩ quan cấp trên kế cận bị chết trận. Đành rằng ở đây cũng có những ngoại lệ vẻ vang; năm ngoái con trai một thợ giấy nào đó ở Gla-xgô đã chết với tước vị thống soái huân tước Clai-đơ, sau khi đã chiếm lại Ấn Độ đã bị mất; nhưng chính cái ông Cô-lin Kem-pơ-pen đáng thương nọ, vào năm 1807, trong thời gian cuộc hành quân đến Bu-ê-nốt - Ai-rét đã là sĩ quan, thì đến năm 1854, khi được cử đến Crum, cũng vẫn chỉ là đại tá, hơn nữa, giả sử như ông ta không có người bà con họ hàng xa nào đó chỉ huy trung đoàn, thì có lẽ ông ta đã không khi nào có thể trở thành sĩ quan.

Các sĩ quan Anh, đặc biệt là ở ngay chính nước Anh, tạo thành một nghiệp đoàn rất biệt lập. Cũng như ở nước Phổ, họ thậm chí có thổ ngữ riêng của mình, hoặc đúng hơn là âm điệu riêng, và họ rất ít quan hệ với dân cư các thành phố, nơi họ đóng quân. Cái góp phần tạo nên tính biệt lập này là do các sĩ quan độc thân đều sống trong trại lính (tức là ở trong các ngôi nhà phụ riêng biệt trong doanh trại) và phải ăn uống theo chế độ tập thể của sĩ quan. Ở một đất nước mà quân đội phải chịu sự xét xử của toà án dân sự về mọi hành vi phạm lỗi không có tính chất quân sự nghiêm ngặt, thì việc sống tập thể như vậy trong doanh trại là cần thiết. Các sĩ quan trẻ bị trừng phạt khắc nghiệt về những hành vi ngông cuồng gây ra trong thành phố, những hành vi có thể gây nên sự đụng độ với các nhà chức trách dân sự, nhưng trái lại, ở trong chính các doanh trại thì khá tự do. Họ được tự do đưa các loại đàn bà vào, tổ chức những cuộc chè chén lu bù

và những trò đen đỏ, và những người trẻ tuổi đùa bỡn nhau bằng những câu hết sức thô tục. Nếu như có một kẻ đạo đức giả nào đó rơi vào giữa bọn họ thì anh ta càng tồi tệ hơn. Ít năm trước đây, những practical jokes^{1*} này xảy ra tới mức quá trớn ở một số trung đoàn đã gây ra những vụ tai tiếng ở các tòa án quân sự, và từ đó người ta đã ban hành một số mệnh lệnh nghiêm ngặt để ngăn ngừa các vụ như vậy; tuy nhiên, trong thực tế những sự đùa cợt như vậy trong phần lớn các trường hợp thường là được tán thưởng, miễn sao không gây tai tiếng nơi công cộng. Chính phủ trợ cấp hàng năm về khoản ăn uống của sĩ quan là 25 pao xtéc-ling cho mỗi đại đội; mức ăn phải tiết kiệm, nhưng tươm tất để các sĩ quan khá giả hơn không phải chi phí quá mức số tiền họ có. Mặc dù vậy, vẫn luôn có đủ các cơ để chi tiêu tiền, và những kẻ cho vay lãi bằng các kỳ phiếu và văn tự vay nợ cả ở đây cũng đã gây tai họa cho nhiều sĩ quan trẻ như ở bất kỳ nơi nào khác.

Lối sống như vậy đã gây dấu ấn của nó lên hành vi của sĩ quan Anh. Đối với dân thường - mặc dù ngoài giờ công vụ anh ta gần như lúc nào cũng mặc thường phục - anh ta thường giữ thái độ đỉnh đạc quý tộc; lối ăn nói vênh vác, kiêu ngạo đối với những người dân thường chỉ thấy như là ngoại lệ ở các thành phố có quân đồn trú như Poóc-xmút, hoặc ở các trường lục quân, nơi tập trung nhiều sĩ quan và là nơi họ lên mặt. Nói chung, sĩ quan phải tỏ ra mình là "sĩ quan và quân tử"; bất kỳ lúc nào anh ta cũng có thể bị đứng trước tòa án binh, bị sa thải và thậm chí bị mất chức "vì hành vi không xứng đáng với một sĩ quan và một người quân tử"; và điều này được thực hiện không thương xót ngay khi một sĩ quan nào đó do hành vi của mình ở nơi công cộng gây nên tai tiếng và chỉ cần là bản thân anh ta trước đó đã không xin từ chức. Việc che giấu những chuyện tai tiếng nơi công cộng là điều,

1* - sự đùa cợt thô lỗ

như đã biết, đang xảy ra ở nước Đức, sẽ không thể có được ở nước Anh, và cái đó chỉ có lợi cho tinh thần quân đội.

Quyền của sĩ quan được mặc thường phục ngoài giờ làm công vụ, cho dù điều đó là lạ lùng đối với chúng ta, những người Đức, cũng có những mặt rất tích cực của nó, còn về việc điều đó không hề ảnh hưởng đến tinh thần thượng võ của sĩ quan thì đã được chứng minh hoàn toàn bằng thí dụ về nước Anh. Ngoài ra, cần nhận xét rằng ở các doanh trại chính như Sa-tam, Poóc-xmút v.v., nơi các sĩ quan rất bận công vụ, thì họ ít mặc thường phục hơn.

Tục thách đấu đã hoàn toàn không còn trong quân đội Anh. Cuộc đấu súng cuối cùng giữa các sĩ quan xảy ra 20 năm trước đây giữa hai anh em rể - một thiếu tá và một trung uý; viên thiếu tá đã bị giết chết, còn viên trung uý được các hội thẩm tha bổng do chỗ anh ta bị khiêu khích một cách chưa từng thấy. Các quan niệm về danh dự đã hình thành nên trong giới sĩ quan Anh, - với sự tham gia nhiệt tình của chính Oen-ling-tơn, dựa trên nguyên tắc là ai vô cớ xúc phạm một người nào đó thì anh ta tự làm mất danh dự của chính mình, chứ không phải là của người bị xúc phạm, và anh ta chỉ có thể khôi phục lại danh dự của mình bằng cách sửa chữa hành vi không chính đáng của mình, trong chừng mực anh ta có khả năng làm điều này. Như vậy, ai xúc phạm trước tiên đến người bạn thì người đó bị lên án về hành vi không quân tử, nếu như anh ta không sửa chữa lỗi lầm của mình hoặc là sự xúc phạm nói chung thuộc loại không thể sửa chữa được, tòa án quân sự nhanh chóng tiến hành thủ tục xem xét. Những quan niệm này ở một số giới, đặc biệt là trong quân đội Phổ, có thể tỏ ra là đáng ngạc nhiên, nhưng những quan niệm chắc chắn có ý nghĩa đúng đắn nhiều hơn so với điều thường thấy ở một số người tán dương cuồng tín trò thách đấu như là một point d'honneur^{1*}. Khi đó vẫn giữ được đầy đủ tình cảm về danh dự quân nhân, đó

1* - việc làm danh dự

là điều được chứng minh bởi chính những sĩ quan Anh, những người có thể chấp nhận mọi sự so sánh về mặt này.

Khắp mọi nơi việc thăng quân hàm được tiến hành ở trung đoàn theo thâm niên phục vụ, kết hợp với việc mua các chức vụ. Cụ thể là, một khi có một chức vụ còn khuyết, thì người sĩ quan cao nhất của cấp dưới được quyền lựa chọn xem anh ta có mua chức vụ đó không; nếu anh ta từ chối, điều đó chỉ xảy ra khi thiếu tiền, thì đến lượt người sĩ quan thứ hai tính theo thâm niên được lựa chọn v.v.. Việc bán chức vụ này hiển nhiên là một trong những quy chế xấu xa nhất trong quân đội Anh, mà có lẽ sĩ quan của các quân đội khác sẽ không bao giờ chấp nhận. Cái quy chế như vậy vẫn là vô lý và ghê tởm ngay cả khi tính đến mọi lý do xoa dịu mà người Anh đưa ra để bảo vệ nó: rằng nhờ quy chế đó mà các sĩ quan trẻ được thăng cấp nhanh hơn, rằng quy chế đó là một chế định truyền thống khó có thể bãi bỏ v.v.. Một điều còn là nỗi nhục đối với quân đội Anh là nó đã không thể khắc phục được chế độ này và tinh thần của giới sĩ quan đương nhiên bị tổn thương rất nhiều, bởi lẽ các sĩ quan có năng lực phải sống lay lắt với quân hàm thấp do họ chỉ trông vào đồng lương của mình chứ không có vốn.

Giá của tám giấy chứng nhận sĩ quan cầm cờ (tức là tương đương thiếu úy) của bộ binh tiêu binh là 450 p.xt. (3 000 ta-le); nếu như sĩ quan cầm cờ muốn nhận hàm trung úy thì anh ta phải trả thêm 250 p.xt. (1 700 ta-le) nữa; giá của giấy chứng nhận đại úy - thêm 1 100 pao (7 030 ta-le); giấy chứng nhận thiếu tá lại thêm 1 400 pao (9 030 ta-le); giấy chứng nhận trung tá - thêm 1 300 pao (8 700 ta-le). Như vậy, tám giấy chứng nhận thiếu tá này tổng cộng trị giá 450 p.xt. hoặc là hơn 30 000 ta-le, mà người có tám giấy chứng nhận này sẽ thu lại của người kế vị mình, sau khi đạt được quân hàm đại tá. Trong quân vệ binh và kỵ binh, giá cả còn cao hơn; trong pháo binh và trong các đơn vị lính kỹ thuật thì không có việc bán chức vụ. Trong trường hợp người sĩ

quan bị chết thì toàn bộ vốn đã bỏ ra sẽ mất hết, và người có cấp bậc kế tiếp sẽ nhận chức vụ này mà không phải mua. Bắt đầu từ hàm đại tá, việc bán các chức vụ đã không được tiến hành nữa; bất kỳ một trung tá nào đã giữ chức vụ này trong quân ngũ thực sự ba năm đều trở thành đại tá theo luật định. Khi có nguy cơ bị thải hồi thì cầm trả giá cao hơn giá quy định cho chức vụ sĩ quan, tuy nhiên trên thực tế điều này vẫn xảy ra như cơm bữa.

Bởi vì những yêu cầu khi sát hạch làm sĩ quan cầm cờ nói chung không bao gồm kiến thức quân sự nào, cho nên trước khi đề bạt trung úy và đại úy thường còn có kỳ thi sát hạch đặc biệt, giới hạn trong lĩnh vực kiến thức về thực tiễn phục vụ, điều lệnh, quân pháp và động tác quân sự. *Không* yêu cầu hiểu biết lý thuyết về chiến thuật.

Các sĩ quan vệ binh có quân hàm cao hơn: thiếu úy vệ binh tương đương với trung úy của các đơn vị tiêu binh, trung úy - tương đương đại úy, đại úy - tương đương thiếu tá. Điều này gây nhiều bất bình trong các đơn vị tiêu binh.

Các hạ sĩ quan được phong sĩ quan chỉ trong những trường hợp đặc biệt. Công việc chủ yếu hàng ngày trong tiểu đoàn đổ lên đầu ba sĩ quan: sĩ quan tuý tùng, sĩ quan doanh trại và thủ quỹ. Vì vậy, thường giữ các chức vụ này là các hạ sĩ quan già đáng tin cậy, những người này sau đó sẽ không bao giờ được thăng cấp quá hàm trung úy mà họ được giao không phải mất tiền. Nói chung, việc phong hàm sĩ quan xảy ra rất hãn hữu, chỉ khi có thành tích đặc biệt trong các trận đánh. Quân đội Anh được lập nên bằng con đường tuyển mộ, điều này là nguyên nhân để ra tình trạng rất hỗn tạp có nhiều phần tử thấp kém và thô lỗ. Tính chất đó của quân đội Anh, phong thái trong quân ngũ do đó mà ra và hình thức kỷ luật cần thiết trong điều kiện đó tạo ra một điều tất nhiên là các sĩ quan thuộc về giai cấp cao hơn trong xã hội so với binh lính. Vì vậy, sự cách biệt giữa sĩ quan và binh lính ở nước Anh lớn hơn so với bất kỳ ở đâu. Và vì vậy mà việc thăng

cấp theo nấc thang phục vụ của các chức hàm thấp ở đây là rất khó khăn và sẽ còn là một ngoại lệ hãn hữu, chừng nào còn tồn tại, một mặt là việc bán các chức vụ, và mặt khác là chế độ tuyển mộ. Những trường hợp các thanh niên có học nhập ngũ với tư cách là những người tình nguyện để phục vụ đến hàm sĩ quan, điều thường xảy ra ở Phổ và Pháp, lại không thể xảy ra ở nước Anh; đặc điểm của quân đội khiến cho mọi người đều nghĩ rằng một người trẻ tuổi đi vào nghề lính hoàn toàn vì những động cơ khác mà anh ta không muốn nói đến. Vì vậy điều hoàn toàn dễ hiểu là tầng lớp sĩ quan Anh hầu như chỉ gồm những người được giáo dục như là những đáng quân tử, và đám binh lính càng tôn trọng các sĩ quan, "chỉ huy tự nhiên" của họ hơn, như người ta vẫn nói ở nước Anh.

Tương ứng với tình hình đó là phong cách lạnh nhạt và chỉ biết đến công việc ngự trị giữa các sĩ quan và binh lính. Cả hai loại người này chỉ liên hệ với nhau bởi các quan hệ ra lệnh và phục tùng. Không bao giờ có tính chất thân mật hoặc đùa cợt, không bao giờ nóng nảy cãi cọ. Việc các sĩ quan trực tiếp khen hay chê trách các binh lính chỉ xảy ra trong những trường hợp rất hiếm và bao giờ cũng được biểu lộ bằng cùng một giọng đều đều, có tính chất công vụ. Dĩ nhiên điều này chỉ có liên quan tới các quan hệ phục vụ trong các buổi diễn tập v.v.; khi có dịp các sĩ quan Anh có thể chửi mắng thả sức, về điều này chỉ cần những người lính hầu của họ nói ra là quá đủ.

Một trong những đặc điểm chỉ đặc thù đối với quân đội Anh là sĩ quan có thể có hai quân hàm: quân hàm thấp hơn trong trung đoàn của mình và quân hàm cao hơn - trong quân đội. Quân hàm thứ hai này, nếu nó có được vĩnh viễn và không có điều kiện hạn chế nào, là "cấp bậc theo giấy chứng nhận" [Brevet-Rang]. Như vậy, một đại úy có thể là "thiếu tá theo giấy chứng nhận" hoặc "trung tá theo giấy chứng nhận" trong quân đội; thậm chí đã có những trường hợp (đặc biệt là với các chỉ huy các

đơn vị Ấn Độ không chính quy) là ở trong trung đoàn của mình họ chỉ là trung úy, còn trong quân đội - là thiếu tá. Đại úy và "thiếu tá theo giấy chứng nhận" như vậy thực hiện nghĩa vụ của một đại úy trong trung đoàn của mình, nhưng theo công vụ ở đồn hay doanh trại thì được coi là sĩ quan tham mưu. Quân hàm cao hơn này cũng có thể được phong chỉ trong một thời gian nhất định, hoặc ở một thuộc địa nhất định, hoặc trên một chiến trường nhất định. Chẳng hạn, trong vòng mười năm gần đây, một số đại tá đã được phong quân hàm "tướng chỉ huy lữ đoàn" hoặc "thiếu tướng" trong thời gian cuộc Chiến tranh Crim hoặc cả trong thời gian họ ở Cận Đông; ở Ấn Độ cũng như vậy. Chế độ này là thủ đoạn khuyến khích một số người được ưu đãi hoặc đặc biệt hữu dụng không lệ thuộc vào thâm niên, nhưng hoàn toàn hiển nhiên là nó cũng gây ra nhiều điều bất tiện và hiểu lầm. Người Anh không thể nào lý giải cho người Pháp ở Crim hiểu rằng cùng một người lại có thể đồng thời vừa là đại úy, vừa là thiếu tá.

Khi thăng quân hàm có một quy định là không một ai có thể trở thành đại úy khi chưa thực sự phục vụ qua hàm sĩ quan cầm cờ và trung úy ít nhất là hai năm, còn thiếu tá - khi chưa qua hàm sĩ quan sáu năm.

Việc huấn luyện quân sự cho các sĩ quan không phải là học viên trường Xan-dơ-héc-xơ được tiến hành ở các trường trung đội và đại đội hoàn toàn giống như việc huấn luyện binh lính; chỉ sau kỳ sát hạch do chỉ huy tiểu đoàn tiến hành họ mới được miễn tập thao tác và được phục vụ như là sĩ quan. Hàng năm, trước khi bắt đầu kỳ huấn luyện mùa xuân của tiểu đoàn, tất cả hạ sĩ quan của tiểu đoàn tập hợp thành trung đội dưới sự chỉ huy của sĩ quan tham mưu và như vậy họ phải cầm súng tập luyện đầy đủ một khóa huấn luyện cá nhân, trung đội và đại đội. Nhưng điều này thường chỉ được làm rất hời hợt.

III

Việc bổ sung đội ngũ hạ sĩ quan và binh lính được tiến hành, như đã biết, bằng con đường tuyển mộ, hơn nữa là chỉ ở nước Anh và Ai-rơ-len. Chỉ có trung đoàn số 100 là được tuyển mộ ở Ca-na-đa. Việc tuyển mộ lính thuộc quyền một tướng tùy tùng của quân đội và được tiến hành bằng hai cách, thứ nhất, các trung đoàn riêng biệt và các tiểu đoàn dự bị có thể tuyển mộ ở những nơi đặt doanh trại của họ. Thứ hai, không phụ thuộc vào điều đó, còn có một dịch vụ tuyển mộ có tổ chức trên toàn quốc, chia thành 9 khu vực tuyển mộ (ở Anh - 4, ở Xcốt-len - 2, ở Ai-rơ-len - 3) để thực hiện mục đích này. Mỗi khu vực trực thuộc một sĩ quan tham mưu thanh tra (thường là "đại tá theo giấy chứng nhận") và trong trường hợp cần thiết, được chia thành các khu vực nhỏ hơn trực thuộc các trung uý hoặc đại uý. Nói chung, phục vụ việc này gồm: 8 sĩ quan tham mưu, 9 sĩ quan tùy tùng, 9 thủ quỹ, 9 bác sĩ, 11 hạ sĩ quan tuyển mộ (hưởng nửa lương), 8 thượng sĩ, 48 trung sĩ và một số lượng binh lính tương ứng. Ngoài ra, như một ngoại lệ, quân vệ binh tự tuyển mộ để bổ sung cho mình. Mỗi tân binh đều có quyền lựa chọn đơn vị mà anh ta muốn phục vụ. Người ta cũng có nói, như một mong muốn tốt đẹp, rằng mỗi đơn vị cần, tùy khả năng, mà tuyển mộ bổ sung tại quân hạt mà mình mang tên. Người nước ngoài chỉ có thể được thu nhận khi được phép đặc biệt, cho nên họ thường lọt qua được dưới cái vỏ "người Xcốt-len".

Trong thời chiến, dân binh chủ yếu có nhiệm vụ làm trường

huấn luyện cho các đơn vị tiêu binh; ứng với một số lượng người nhất định, được quy định cho từng lần, chuyển từ dân binh sang các đơn vị tiêu binh thì người sĩ quan của trung đoàn dân binh tương ứng được nhận giấy chứng nhận quân hàm trong các đơn vị tiêu binh. Trong thời gian cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ năm 1857, thậm chí người ta đã đi đến chỗ cấp giấy chứng nhận trung tá cho mỗi sĩ quan tham mưu, ngay cả người đã giải ngũ, tuyển mộ được 1 000 lính mới.

Mỗi tân binh hoặc binh sĩ phục vụ quá thời hạn đều được phát không toàn bộ quần áo trang phục và một khoản tiền ứng trước mà số lượng thay đổi tùy theo nhu cầu về tân binh, nhưng không khi nào dưới 1 pao và rất ít khi quá 10 p.xt. (67 ta-le). Đối với các binh chủng khác nhau thì khoản tiền ứng trước này cũng thường khác nhau; ở các đơn vị kỹ thuật người ta trả cao hơn cả, bởi vì ở đây chỉ nhận những người ưu tú nhất. Tiền ứng trước đôi khi được trả vào lúc tiến hành tuyên thệ, nhưng trong đa số trường hợp chỉ được trả khi đã đến trung đoàn và khi tân binh được người chỉ huy của anh ta tiếp nhận. Việc tiến hành tuyên thệ diễn ra như sau: người tân binh - không sớm hơn một ngày đêm sau khi anh ta được tuyển mộ - được đưa đến thẩm phán trị an và tuyên thệ ở đây rằng anh ta tự nguyện nhập ngũ và đối với việc anh ta vào phục vụ trong quân đội không có gì trở ngại về mặt pháp luật.

Đối với kỵ binh, pháo kỵ, các đơn vị kỹ thuật, vận tải và các đơn vị bộ binh đóng ở Ấn Độ, Trung Quốc, Ô-xtrây-li-a và trên đảo Xanh - Hê-len thì tân binh được tuyển ở lứa tuổi từ 18 đến 25, còn đối với các đơn vị pháo binh và bộ binh khác - thì từ 17 đến 25 tuổi. Chiều cao được quy định như sau:

Kỵ binh:

Giáp binh vệ binh từ 5 ph. 10 in-sơ đến 6 ph.

Các trung đoàn long kỵ

binh nặng từ 5 ph. 8 in-sơ đến 5 ph. 11 in-sơ

Long kỵ trung bình và

kỵ binh cầm giáo từ 5 ph. 7 " đến 5 " 9 "

Kỵ binh nhẹ " 5 " 6 " " 5 " 8 "

Pháo binh:

Lính ca-nông - tối thiểu " 5 " 7 " nếu dưới 18 tuổi thì

..... 5 " 6 "

Pháo ngựa kéo " 5 " 4 " đến 5 ph. 6 in-sơ

Lính ngắm súng - tối thiểu " 5 " 6 "

Bộ binh - tối thiểu:

Vệ binh 5 ph. 8 1/2 in-sơ

Các đơn vị tiêu binh 5 " 6 "

Tuy nhiên, cái tối thiểu này cũng hay thay đổi; mỗi khi chiến tranh đe dọa nghiêm trọng, chính phủ lại buộc phải lập tức hạ thấp mức tối thiểu này; thậm chí chỉ cần một tình huống là do việc rút ngắn thời hạn phục vụ từ 12 năm xuống 10 năm trong tương lai không xa sẽ có một số lớn binh lính được xuất ngũ cũng đủ để khiến chính phủ giảm bớt từ mấy tuần trước mức chiều cao tối thiểu đối với bộ binh xuống 5 phút 5 in-sơ. Nói chung, cả ở đây cũng như ở các nơi khác, mức tiêu chuẩn cứ hạ thấp dần, mặc dù dĩ nhiên với chế độ tuyển mộ vẫn có thể tuyển được binh lính có chiều cao trung bình cao hơn so với chế độ nghĩa vụ quân sự hoặc khi trưng binh. Có thể thấy rõ rằng ngay ở nước Anh cũng có tình trạng này qua các con số đã nêu ở trên, những con số này có thể dễ dàng quy đổi sang hệ đơn vị đo Ranh, nếu như từ mức đã định này - từ 5 phút đến 5 phút 6 in-sơ - trừ đi 2 1/4 in-sơ, còn từ mức 5 phút 7 in-sơ đến 6 phút - trừ đi 2 1/2 in-sơ, cũng là khá chính xác.

Ngoài chiều cao ra còn quy định cả vòng ngực tối thiểu: với

chiều cao từ 5 phút 6 in-sơ đến 5 phút 8 in-sơ - 33 in-sơ; từ 5 phút 8 in-sơ đến 5 phút 10 in-sơ - 34 in-sơ; trên 5 phút 10 in-sơ - 35 in-sơ. Pháo binh có ngựa kéo và bộ binh nhất thiết phải có vòng ngực không dưới 34 in-sơ. Tuy vậy, lính pháo binh có ngựa kéo cũng được thu nhận trong trường hợp không hoàn toàn đáp ứng các điều kiện này, nhưng lại có kinh nghiệm chăm nom ngựa.

Trẻ em không dưới 14 tuổi nếu cha mẹ đồng ý thì được tuyển vào lính đánh trống và thổi kèn hiệu. Họ không được nhận khoản tiền ứng trước nào.

Thời hạn phục vụ là 10 năm đối với bộ binh, 12 năm đối với kỵ binh, pháo binh, các đơn vị kỹ thuật và vận tải, hết thời hạn đó nếu được thừa nhận là còn hữu dụng, người đã phục vụ hết hạn có thể ở lại phục vụ quá hạn thêm 11 năm trong bộ binh và 9 năm trong các binh chủng khác. Hết thời hạn thứ hai này, anh ta có thể phục vụ tiếp tục với việc báo trước 3 tháng về việc kết thúc thời hạn phục vụ. Nếu vào thời điểm kết thúc thời hạn phục vụ mà đơn vị đó còn đang đóng ở nước ngoài, thì sĩ quan chỉ huy đồn có quyền kéo dài thời hạn này đến hai năm.

Mỗi binh lính có hạnh kiểm tốt thì theo lệ thường được phép chuộc tiền. Tiền chuộc tùy thuộc vào thời hạn đã phục vụ và thời hạn còn phải phục vụ, vào hạnh kiểm, v.v. và tối đa bằng 30 pao trong kỵ binh, 20 pao trong bộ binh, 12 pao đối với những binh lính da màu trong các đơn vị thuộc địa.

Sau 21 năm phục vụ mỗi binh lính có quyền nghỉ hưu. Tiền hưu trí tùy thuộc vào thời gian phục vụ, hạnh kiểm và vào những thương tật cơ thể đã bị khi tại ngũ; khoản trợ cấp hưu trí đối với binh lính và hạ sĩ quan bằng không dưới 8 pen-ni (6 din-béc-grô-sen 8 phen-ních) và không quá 3 si-linh 6 pen-ni (1 ta-le 5 din-béc-grô-sen) một ngày. Tùy tình hình, việc nghỉ hưu có thể được ấn định với thời hạn phục vụ ngắn hơn.

Các trung sĩ tuyển mộ cùng với binh lính đi theo họ thường

dừng lại ở các khu phố tồi tàn nhất của các thành phố lớn và chủ yếu là theo dõi các quán rượu. Họ cũng thường tổ chức các cuộc tuần hành dọc các phố, với các dải băng trên mũ lưỡi trai, cùng với một số lính đánh trống và thổi kèn, và bằng cách đó tập hợp dân chúng lại và tìm cách tóm được con mồi của mình trong đám đông. Nếu như con mồi cần tìm có mặt, thì họ lập tức tìm cách lôi nó vào quán rượu, dùng mọi cách khôn khéo để khích lệ nó nhận đồng si-linh tượng trưng cho việc xác nhận hợp đồng. Nếu như ứng cử viên mới đã cầm đồng si-linh này thì anh ta cũng có thể lại được tự do chỉ sau khi đã trả 1 p.xt. làm "tiền phạt" (smart-money) trước mặt thẩm phán trị an. Đánh rằng luật quy định rằng nhân vật anh hùng tương lai, ít nhất là qua một ngày đêm sau khi được tuyển mộ, cần phải tuyên bố với thẩm phán rằng anh ta gia nhập quân đội một cách tự nguyện và giữ nguyên quyết định của mình. Ở đây luật đã cân nhắc hoàn toàn đúng đắn rằng người được tuyển mộ thường tỉnh táo khi anh ta nhận đồng si-linh, và cho anh ta có cơ hội trước hết là tỉnh táo trở lại đã. Nhưng thật là một kẻ tuyển lính tồi nếu như người trung sĩ này lại bỏ sống mất con mồi dễ dàng như thế. Anh ta và người của anh ta không rời mắt khỏi người lính mới tuyển, và trước khi người đó đến trước ông thẩm phán thì rượu và bia đã lại có đủ tác động rồi. Thú vị hơn cả là chính người lính mới, mà viên trung sĩ đã ứng khá rộng tay khoản tiền ứng trước cho anh ta, lại trả phần lớn số tiền ăn nhậu này. Trong những tình huống như vậy, một điều đúng đắn, mặc dù ngây thơ là quy định thẳng ra rằng chỉ dùng vào việc tuyển mộ lính những binh sĩ và lính đánh trống chưa vợ và hãn hữu lắm là các trung sĩ đã có vợ, nhưng dù sao cũng phải là những người đặc biệt khoẻ mạnh, cứng cáp. Ai không uống được nhiều rượu thì không phù hợp cho công việc này.

Khi quan sát sự tuyển mộ lính này, người ta tưởng là đang

thực sự sống trở lại thế kỷ mười tám. Mặc dù đã có những trở ngại về mặt hình thức mà pháp luật dùng để hạn chế cái thực tiễn này, nhưng người ta vẫn nhận thấy rằng phần lớn trong "quân đội Anh hoàn toàn gồm những người tình nguyện" lại rơi vào cái thiết chế này một cách hoàn toàn không tự nguyện; phải chăng là vì lợi ích riêng tư của mình, - nói chung đó lại là vấn đề khác.

Những tầng lớp dân cư nào rơi vào quân đội bằng cách như vậy, - kể cũng khá rõ rồi. Phần lớn thì quân đội này cũng tương tự như những đơn vị lính thuê mướn của chúng ta trước đây, vẫn là *refugium peccatorum*^{1*}, trong đó tập hợp bộ phận lớn nhất và có năng lực hành vi nhất của tất cả các phần tử phiêu lưu trong nhân dân để được thuần hóa ở đây bằng một chế độ huấn luyện khắc nghiệt và một chế độ kỷ luật rất nghiêm ngặt. Vì vậy, về mặt đạo đức và tinh thần thì quân đội Anh thấp hơn nhiều so với tất cả các quân đội được xây dựng nên theo chế độ trưng binh (thậm chí cả với chế độ đi thay) hoặc hoàn toàn trên cơ sở nghĩa vụ quân sự không có chế độ đi thay. Chỉ có đội quân lê dương nước ngoài của Pháp³⁸⁴ và những đơn vị quân Pháp hình thành nên chủ yếu từ những người đi thay, chẳng hạn như những người Du-a-vơ, là có thể đặt gần ngang hàng với quân đội Anh, mặc dù không thể phủ nhận rằng toàn bộ quân đội Pháp, do những đặc quyền dành cho lính nhà nghề ngày càng tăng, nên xét về đặc điểm, nó đang ngày càng gần với quân đội Anh. Nhưng ngay cả *remplaçants*^{2*} của Pháp thì sự giáo dục về mặt xã hội và về bề ngoài cũng còn cao hơn nhiều so với loại thanh niên truy lạc, thô lỗ từ cặn bã của các thành phố lớn, vốn đang chiếm ưu thế trong

1* - nơi ẩn náu của những kẻ tội lỗi

2* - người lính đi thay

trại lính Anh. Cũng còn có thể có những người trẻ tuổi có học vấn tự nguyện tham gia quân đội Pháp để phục vụ đến thời hạn được phong quân hàm sĩ quan, thêm vào đó, thời hạn thử thách với tư cách là lính trơn hoàn toàn không phải là không chịu đựng nổi đối với họ; ở Anh thì phải là người điên mới làm việc này. Người Anh tự hào bao nhiêu về quân đội của mình nói chung thì lại khinh thị từng người lính thường bấy nhiêu; ngay cả trong các tầng lớp dân đen người ta vẫn coi là đáng chê trách tới mức nào đó việc làm lính tuyển mộ hoặc là có bà con với binh lính. Tuy nhiên, trong mười năm gần đây thành phần lính mộ rõ ràng đã khá hơn đáng kể. Người ta đang tìm cách hiểu càng rõ càng tốt về quá khứ của lính mộ, để không để lọt vào quân đội những cá nhân đã hoàn toàn hư hỏng. Những cuộc tuyển mộ lớn do cuộc Chiến tranh Crưm và cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ gây ra, chẳng bao lâu sau đã làm kiệt hết những tầng lớp dân cư sa đọa về đạo đức mà từ đó quân đội đã được bổ sung theo thường lệ trong suốt cả thời kỳ hoà bình lâu dài. Người ta đã buộc phải không chỉ giảm bớt mức tối thiểu về chiều cao (có lần thậm chí tới 5 phút 3 in-sơ đối với bộ binh), mà còn phải làm cho cuộc sống của người lính hấp dẫn hơn, cải thiện tình hình ở trại lính để có thể tuyển mộ những người đáng tin cậy hơn từ môi trường giai cấp công nhân. Thêm vào đó còn có tình trạng thiếu những người thích hợp cho các chức vụ hạ sĩ quan mới (trong thời gian cuộc Chiến tranh Crưm số lượng các tiểu đoàn đã tăng gần gấp đôi). Ngoài ra, rõ ràng là việc tiến hành chiến tranh theo kiểu như Ve-lin-tơn đã làm ở Tây Ban Nha, với việc nhất thiết cướp bóc tất cả các pháo đài đã bị chiếm, ngày nay không còn phù hợp nữa đối với châu Âu. Báo chí đã quan tâm đến binh lính, và chẳng bao lâu sau việc mở rộng lòng thương người đến các đơn vị quân đội đã trở thành cái mốt trong giới sĩ quan cao cấp. Người ta cố gắng làm cho cuộc

sống của binh lính dễ chịu hơn, tìm kiếm các phương tiện để cho họ giải trí và hoạt động nghiệp dư vào những giờ rảnh rỗi trong đồn hoặc doanh trại để kéo họ tránh xa các quán rượu. Các thư viện, phòng đọc, các phòng tập thể với đủ loại trò chơi, các câu lạc bộ binh lính v.v. đã xuất hiện như vậy, đặc biệt là trong vòng bảy năm gần đây, chủ yếu là dựa vào tiền đóng góp của tư nhân. Trong các doanh trại xây dựng theo mẫu của Pháp, theo khả năng có thể, binh lính được dành cho một khu đất có vườn, người ta đã cố gắng tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ, các buổi thuyết trình và đôi khi tổ chức triển lãm các loại mỹ phẩm nhỏ do binh lính tự làm ra. Tất cả những cái đó còn đang ở giai đoạn ban đầu, nhưng ngày càng được phổ biến rộng rãi hơn. Và điều đó là hết sức cần thiết. Những tân binh được lấy vào quân đội trong thời gian các chiến dịch ở Crưm và Ấn Độ đều có một trình độ rõ ràng là cao hơn nhiều so với thời gian trước đây, bởi vì cả hai cuộc chiến tranh này đều đã được quần chúng biết đến. Họ đã cải thiện rất nhiều phong độ trong quân đội. Việc tiếp xúc với binh lính Pháp ở Crưm cũng đã cho thấy rõ điều đó. Vấn đề bây giờ là giữ gìn tinh thần này để cả trong thời kỳ hoà bình kéo dài cũng tuyển mộ được những tân binh tốt như vậy và không phải một lần nữa lệ thuộc hoàn toàn vào những phần tử du đảng trong dân cư, những kẻ bao giờ cũng là người đầu tiên sẵn sàng xin được tuyển mộ vào lúc thời bình.

Mặc dù vậy, các phần tử này vẫn còn chiếm phần lớn hơn trong quân đội và toàn bộ quy chế nội bộ cũng thích ứng đối với họ. Đồn lính Anh với các ngôi nhà phụ và sân đồn có tường cao bao bọc xung quanh, trong đó thông thường chỉ có một cổng ra vào. Các căn hộ sĩ quan chiếm một ngôi nhà riêng biệt, binh lính ở trong một hoặc một số ngôi nhà khác. Phần ngôi nhà, mà cửa sổ phòng ở của binh lính quay ra đường phố, thì ở các khu mới xây

dựng phần ấy thường là bị ngăn cách bằng một hào sâu và rào sắt chắc chắn dọc bờ bên ngoài của hào. Trong các đồn bốt ở thành phố lớn, đặc biệt là trong các bốt dân binh, nơi đặt các kho quân khí (dân binh chỉ tập trung bốn tuần trong một năm) thì có khi toàn bộ phần mặt nhà quay ra phố đều có bố trí các lỗ châu mai thay cho cửa sổ, còn các góc nhà là các tháp dùng cho hỏa lực bảo vệ hai bên sườn, - đó là chứng cứ cho thấy rằng các cuộc biểu tình của công nhân không phải là không có khả năng xảy ra. Trong cái đồn lính - nhà tù lớn này, người lính sống trọn cả đời mình, trừ những giờ rảnh rỗi. Sự tiếp cận với dân thường bị kiểm soát nghiêm ngặt, và toàn bộ ngôi nhà bị rào kín, có thể tránh sự nhòm ngó từ bên ngoài, sao cho người lính được kiểm soát tới mức có thể và bị cách biệt hoàn toàn với dân thường. Các quan hệ thân thiện giữa dân cư thành phố và binh lính, vốn là rất thường tình đối với nước Đức, việc dễ dàng ra vào đồn lính đối với bất kỳ ai, đều hoàn toàn không có ở đây, còn để không một mối quan hệ kéo dài nào hình thành được thì các quân đồn trú, theo thường lệ, bị chuyển hàng năm.

Căn cứ vào tính chất của quân đội có thể dễ dàng đoán được những vi phạm kỷ luật phổ biến nhất. Đó là say rượu, tùy tiện vắng mặt buổi tối, ăn cắp của nhau, đánh lộn, không tuân lệnh và có hành động xúc phạm cấp trên. Chỉ huy tiểu đoàn có thể trừng phạt không qua xét xử của tòa án về những vi phạm tương đối nhẹ. Chỉ huy tiểu đoàn có đặc quyền xử phạt, nhưng anh ta có thể uỷ quyền cho chỉ huy đại đội phạt giam trong đồn trại với thời hạn không quá ba ngày. Chỉ huy tiểu đoàn có quyền xử phạt như sau: 1) giam giữ trong 7 ngày, giam riêng hoặc giam chung, có phạt lao động hoặc không. Binh lính bị kết tội này có quyền thông qua chỉ huy tiểu đoàn khiếu nại lên tòa án quân sự; 2) nhốt vào buồng tối (black hole) 48 giờ; 3) bắt giam trong đồn 1 tháng,

thêm vào đó người bị bắt phải làm tròn nghĩa vụ phục vụ và, hơn nữa còn phải hoàn thành những nhiệm vụ đặc biệt do người chỉ huy giao cho anh ta. Ngoài ra, mỗi lần bị bắt giam trong đồn đều kèm theo hình phạt tập luyện động tác có mang đầy đủ quân trang quân dụng với thời hạn 14 ngày. Việc phạt tập luyện này không được kéo dài quá 1 giờ mà không giải lao, nhưng có thể lặp lại tới bốn lần trong một ngày. Trong các trường hợp 2) và 3), người chỉ huy *có thể* cho phép khiếu nại lên tòa án quân sự. Việc giam riêng hoặc giam vào buồng tối, tùy theo khả năng, được áp dụng trong các trường hợp say rượu, đánh nhau và xúc phạm cấp trên và trong những trường hợp nghiêm trọng có thể kèm theo hình phạt giam giữ trong đồn sao cho tổng thời gian giam giữ không vượt quá một tháng.

Như chúng ta thấy, người chỉ huy tiểu đoàn của Anh có trong tay đầy đủ các phương tiện để duy trì trật tự trong đám thanh niên ngang bướng của mình. Nếu như những phương tiện này chưa đủ thì tòa án quân sự sẽ can thiệp, mà ở cấp chung thẩm thì kẻ nổi loạn phải đón chịu cái triển vọng "mèo chín đuôi". Đó là một trong số những công cụ trừng phạt dã man nhất có thể có: một chiếc roi bện có cán ngắn và chín sợi dây thừng dài, rắn và có mút máu. Người bị trừng phạt cúi trần đến thắt lưng, bị trói vào chiếc giá tam giác và bị đánh rất mạnh. Roi đầu tiên đã làm rách da chảy máu. Sau khi đánh một lúc thì thay cả roi và người đánh để người phạm tội không được nhẹ đòn chút nào. Khi đó dĩ nhiên là luôn luôn có mặt bác sĩ. Thông thường, năm mươi roi như vậy sẽ kéo theo nó việc chạy chữa kéo dài ở trạm quân y. Nhưng dù sao cũng thường gặp những người chịu đựng năm mươi roi không một tiếng kêu, bởi vì tỏ ra mình đau thì còn bị coi là nhục hơn so với chịu đòn.

Mười hai năm trước đây chiếc roi bện đã được áp dụng rất

thường xuyên và đã cho phép đánh tới 150 roi. Nếu như tôi không lầm thì thậm chí chỉ huy trung đoàn vào thời đó cũng có thể quyết định số lượng roi đánh nhất định, không qua xét xử của tòa án. Sau đó số roi đánh đã hạn chế còn 50 roi và chỉ có tòa án quân sự mới được quyền quyết định đánh roi. Cuối cùng, sau cuộc Chiến tranh Crưm, chủ yếu là theo yêu cầu của hoàng tử An-be, đã áp dụng việc phân chia binh lính thành hai loại theo mẫu của Phổ³⁸⁵ và đã quy định rằng chỉ những binh lính nào do những sự phạm lỗi *trước kia* mà đã bị chuyển sang hạng hai và chưa được chuyển sang hạng nhất do tư cách tốt trong vòng một năm, mới có thể bị trừng phạt nhục hình do những sự phạm lỗi mới. Tuy nhiên, trên chiến trường thì sự phân biệt này không còn; ở đây bất kỳ người lính thường nào cũng lại nằm dưới quyền lực của chiếc roi bện. Năm 1862, trong quân đội đã có 126 trường hợp bị nhục hình, trong đó 114 người đã bị đánh tới mức cho phép tối đa là 50 roi.

Nói chung, rõ ràng là cả nhu cầu cũng như sự thích thú sử dụng chiếc roi bện đã giảm đi rất nhiều, và bởi vì cũng những nguyên nhân như vậy vẫn tiếp tục tác động trong quân đội, cho nên có thể giả thiết rằng từ nay về sau tình hình sẽ vẫn như vậy, và rằng "con mèo chín đuôi" sẽ ngày càng được coi như là phương tiện đe dọa cực đoan, đặc biệt dùng làm dự phòng cho những trường hợp nghiêm trọng trong hoàn cảnh chiến đấu. Rõ ràng là việc quan tâm đến danh dự của người lính giúp ích nhiều hơn so với những hình phạt nhục mạ, và toàn thể quân đội Anh đều đồng tình ủng hộ ý kiến cho rằng sau khi bị đánh roi thì người lính không còn giá trị gì nữa. Tuy vậy, trong thời gian sắp tới ở nước Anh cũng sẽ chưa bãi bỏ hoàn toàn "con mèo chín đuôi". Tất cả chúng ta đều biết những thiên kiến đối với nhục hình đã mạnh như thế nào và phần nào vẫn còn mạnh ngay cả bây giờ, thậm

chí là trong các quân đội gồm những phần tử xã hội tốt hơn nhiều so với quân đội Anh. Trong quân đội được xây dựng bằng tuyển mộ thì phương tiện răn đe cực đoan như vậy vẫn còn có thể được biện hộ tới mức nhất định. Nhưng người Anh hoàn toàn có lý khi cho rằng nếu còn cần có nhục hình thì cần phải áp dụng nó chỉ trong những trường hợp hãn hữu, mà đã thế thì phải rất nghiêm túc. Việc thường xuyên dùng roi vọt dưới một hình thức nhẹ nhàng hơn, như từng thấy trong một số quân đội, rất tiếc là cả trong quân đội Đức, chỉ có thể làm giảm sự sợ hãi trước hình phạt...^{1*}.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào đầu năm 1864
Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong
Toàn Tập của C.Mác và Ph.Ăng-ghen,
xuất bản lần thứ nhất, t. XII, ph. II, năm
1935*

*In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Đức*

1* Bản thảo viết tay thiếu phần cuối.

ĐƠN CỦA C.MÁC XIN KHÔI PHỤC QUỐC TỊCH PHỔ CHO ÔNG³⁸⁶

KÍNH GỬI TỔNG TRƯỞNG CẢNH SÁT HOÀNG GIA,
NGÀI NAM TƯỚC PHÔN XÉT-LÍT-XƠ - NOI-KIẾC-SƠ

Thưa quý Ngài,

Qua đơn này tôi vô cùng tha thiết kính báo với Ngài rằng nhờ sự ân xá của nhà vua, tôi đã từ Luân Đôn, nơi tôi đã sống từ năm 1849 với tư cách là tỵ nạn chính trị, trở lại nước Phổ để trước hết là sinh sống tại đây, tại Béc-lin.

Tôi tha thiết đề nghị quý Ngài:

1) căn cứ vào sắc lệnh của nhà vua về việc ân xá và đạo luật ngày 31 tháng Chạp 1842 (Văn tập pháp lý, tr. 15-18) thừa nhận việc tôi trở lại quốc tịch Phổ là điều, theo §5 đạo luật nói trên, thuộc thẩm quyền của quý Ngài, và

2) cấp cho tôi chứng chỉ đã nói ở §8 đạo luật ngày 31 tháng Chạp 1842 về việc tiếp nhận lại những người hồi hương (Văn tập pháp lý, tr.5), rằng tôi đã có đơn gửi Sở cảnh sát hoàng gia địa phương thông báo về việc tôi trở về đây. Do tình hình mới này tôi xin thông báo rằng nếu cần tôi có thể chứng minh tôi có đầy đủ những nguồn sinh sống độc lập bằng cách trình các hợp đồng mà tôi đã ký với tờ báo "New - York Tribune" xuất bản ở Niu Oóc

với tư cách là một trong các biên tập viên của tờ báo này, cũng như bằng cách khác nữa.

Tôi tạm cư trú ở nhà người bạn tôi, ngài Ph. Lát-xan, số 13 Ben-vi-u-xtơ-rát, tôi tha thiết đề nghị gửi đến đây cho tôi cả hai chứng chỉ mà tôi đã đề nghị.

Xin gửi tới Ngài lời chào trân trọng.

T.s. Các Mác

Béc-lin, ngày 19 tháng Ba 1861

Công bố lần đầu tiên

In theo bản thảo

Nguyên văn là tiếng Đức

TUYÊN BỐ CỦA C.MÁC VỀ VẤN ĐỀ KHÔI PHỤC QUỐC TỊCH PHỔ CỦA ÔNG

KÍNH GỬI TỔNG TRƯỞNG CẢNH SÁT HOÀNG GIA,
NGÀI NAM TUỐC PHÔN XÉT-LÍT-XƠ

Thưa quý Ngài,

Phúc đáp lá thư của Ngài đề ngày 21 tháng này tôi hân hạnh biểu lộ sự ngạc nhiên của mình về lẽ rằng lá thư của tôi đề ngày 19 tháng Ba^{1*} đã tỏ ra là không hoàn toàn rõ ràng đối với Ngài.

Đề nghị của tôi được nói rành rọt như sau:

"Căn cứ vào sắc lệnh của nhà vua về việc ân xá và đạo luật ngày 31 tháng Chạp 1842 thừa nhận việc tôi trở lại quốc tịch Phổ".

Chính đề nghị này đã tỏ ra không hoàn toàn rõ ràng đối với quý Ngài và chứa đựng trong đó một mâu thuẫn, bởi vì ở đây tôi đã dựa vào một điều là căn cứ §5 của đạo luật ngày 31 tháng Chạp 1842 thì việc thừa nhận trở lại quốc tịch Phổ của tôi thuộc thẩm quyền của quý Ngài. Sắc lệnh của nhà vua về việc ân xá cho phép tất cả kiều dân tỵ nạn chính trị không bị tòa án quân sự kết án được "dễ dàng trở về đất nước Phổ". Bởi vì tôi thuộc loại những kiều dân này và gốc là người Phổ, về điều này tôi xin trình giấy khai sinh chính thức tại thành phố Tơ-ria (ngày 7 tháng Năm 1818), bởi vì tôi rời khỏi Tổ quốc năm 1849, cho đến lúc ấy tôi đã sống ở Khuê với tư cách là biên tập viên báo "Neue Rheinische Zeitung"³⁸⁷ và hoàn toàn không phải do tòa án

1* Xem tập này, tr. 835-836.

quân sự, mà chỉ là do tòa án dân sự quận truy cứu trách nhiệm trong một số vụ án về công việc xuất bản mà tôi phải gánh chịu như là biên tập viên của tờ báo này, cho nên rõ ràng là lệnh ân xá nói trên cũng áp dụng cả cho tôi.

Với những điều trình bày ở trên tôi cũng đồng thời trả lời Ngài về một số vấn đề mà Ngài hỏi tôi trong bức thư của Ngài.

Nhưng, hình như có thể nảy ra một vấn đề khác. Lệnh ân xá của nhà vua không chỉ tuyên bố không trừng phạt những người đã bị luật pháp kết án, và bảo đảm tự do cho những người chưa bị kết án, mà đồng thời còn cho phép những người lưu vong "dễ dàng trở về đất nước Phổ". Phải chăng điều đó có nghĩa là, bên cạnh việc tha khỏi tội hình sự còn có cả việc phục hồi tư cách công dân Phổ mà họ đã mất do sống hơn chục năm ở nước ngoài?

Theo sự lý giải của tôi, theo sự lý giải của tất cả các luật gia, theo kết luận nhất trí của dư luận xã hội và của toàn thể báo chí thì chắc chắn có nghĩa là như vậy. Và có hai luận cứ chứng minh điều đó một cách không thể bác bỏ được. Một là, lệnh ân xá bảo đảm cho những người lưu vong không những không bị hình phạt, mà còn bảo đảm *chắc chắn* cho họ "dễ dàng trở về đất nước Phổ". Hai là, trong trường hợp ngược lại thì toàn bộ sự ân xá sẽ tỏ ra là hoàn toàn *hư ảo, chỉ là* sự ân xá trên giấy thôi. Bởi lẽ tất cả những người lưu vong đều sống ở nước ngoài từ năm 1848 và năm 1849, nghĩa là mười hai năm, cho nên tất cả họ, do đó, đều mất tư cách công dân Phổ, và nếu tư cách ấy không được sự ân xá phục hồi lại thì trong thực tế việc tựa hồ "được phép dễ dàng trở về" sẽ không ai được phép cả.

Như vậy, không may may nghi ngờ rằng, mặc dù quyền công dân Phổ đã bị mất do vắng mặt một chục năm, quyền ấy phải được khôi phục lại nhờ lệnh ân xá của nhà vua.

Nhưng, mặc dù cách hiểu của tôi và của các luật gia là như vậy, nhưng về mặt thực tiễn thì cơ sở vững chắc là đáng tin cậy đối với những bước đi thực tiễn lại chỉ là sự lý giải của các nhà đương cục.

Vậy thì các nhà đương cục hoàng gia có ý định giải thích lệnh ân xá của nhà vua như thế nào?

Phải chăng họ sẽ giải thích nó theo ý nghĩa là: ân xá là ân xá, còn dễ dàng trở về là dễ dàng trở về? Hay là họ sẽ giải thích nó theo ý nghĩa là, việc cho phép dễ dàng trở về ngăn cản việc trở về, và mặc dù có sắc lệnh, những người lưu vong vẫn phải bị tước mất Tổ quốc? Thưa Ngài, khi xem xét một cách vô tư những trường hợp này, Ngài sẽ phải thừa nhận rằng thái độ hoài nghi như vậy vị tất đã có thể gọi là hoàn toàn vô căn cứ.

Trong mười năm qua đã có quá nhiều quy định và rồi gắn với những điều quy định này là đã có quá nhiều những sự giải thích bất ngờ khiến cho rốt cuộc không có sự giải thích nào có thể tỏ ra là đáng tin cậy hoàn toàn, không có sự giải thích nào có thể tỏ ra hoàn toàn có thể thực hiện được.

Do đó, căn cứ hoàn toàn đáng tin cậy mà xuất phát từ đó có thể tiến hành những biện pháp thực tiễn chỉ là sự giải thích của *chính các nhà đương cục* đối với *một người* cụ thể nào đó.

Như vậy, phải chăng Ngài thừa nhận rằng, mặc dù căn cứ vào luật pháp tôi đã mất tư cách công dân Phổ, nhưng theo lệnh ân xá của nhà vua, tôi đã lấy lại được tư cách ấy?

Vấn đề rất đơn giản và rõ ràng mà tôi muốn và ắt phải hỏi Ngài là như vậy.

Hơn nữa, tôi buộc phải làm điều đó, nếu không tôi không thể đưa vợ con rời khỏi Luân Đôn khi mà vấn đề này chưa được giải quyết, bởi vì, hiển nhiên là không thể đòi hỏi tôi làm một cuộc di chuyển không có gì đảm bảo cùng với toàn bộ tư trang và gia đình tôi và chỉ đến *lúc đó* mới bắt đầu một cuộc đấu tranh, nếu nói chung là phải tiến hành cuộc đấu tranh này, một cuộc đấu tranh, trái lại, cần phải kết thúc *trước khi* tiến hành cuộc di chuyển tốn kém trở về Tổ quốc cùng với vợ và các con.

Vấn đề của tôi càng được coi là chính đáng, như một vấn đề

hết sức tự nhiên và đơn giản vì trong bức thư đề ngày 21 chính Ngài đã nêu vấn đề: căn cứ vào đâu mà tôi cho rằng tôi có quyền "giữ, mặc dù vắng mặt mười năm", tư cách công dân Phổ.

Giờ đây, qua những điều đã nói ở trên, Ngài sẽ thấy căn cứ vào đâu mà tôi cho rằng tôi có quyền đó. Việc tôi đưa ra vấn đề đó được biện hộ bởi §5 của đạo luật ngày 31 tháng Chạp 1842 mà tôi đã nói đến. Bởi vì, nếu do điều khoản ấy mà Ngài là cấp có thẩm quyền cho phép mang quốc tịch thì Ngài cũng a fortiori^{1*} là cấp có thẩm quyền để interpretando^{2*} tuyên bố rằng tôi có lấy lại được quốc tịch Phổ đã mất hay không do có lệnh ân xá. Chỉ theo ý nghĩa *đó* mà tôi viện đến §5 của đạo luật đã nêu ra. Cuối cùng, tôi càng cần nêu ra với Ngài vấn đề đó, bởi lẽ tôi muốn về cư trú chính là ở *Béc-lin*, và việc thừa nhận tôi là công dân Phổ là *tiền đề pháp lý* để cho phép cư trú ở thành phố ấy. Như vậy, với tư cách là trưởng cảnh sát thành phố ấy, Ngài là cấp có ý kiến về vấn đề nói trên, quyết định việc cho phép cư trú.

Dĩ nhiên, Ngài không mấy may quan tâm đến tình hình - hơn nữa không thể đòi hỏi ở tôi điều đó, - là do hoàn toàn *không được biết* và không có khả năng tiến hành những bước đi thực tiễn thích hợp, tôi đã phải chờ đợi ba - bốn tháng hay lâu hơn, trong khi cùng với quyết định cuối cùng về vấn đề cư trú, tôi không biết Ngài đồng ý giải thích như thế nào lệnh ân xá của nhà vua và Ngài có muốn thừa nhận việc khôi phục quốc tịch Phổ của tôi hay không. Sự thiếu hiểu biết như vậy trong suốt mấy tháng trời ắt sẽ gây ra cho tôi những thiệt hại để hết sức lớn *trong toàn bộ sự nghiệp, công việc của tôi và cả về phương diện kinh tế*. Một điều cũng rõ ràng là tôi có *quyền* biết liệu cấp có thẩm quyền *muốn* hay *không* muốn thừa nhận quốc tịch của tôi, và cấp đó không

1* - càng

2* - sau khi giải thích

thể tự coi mình là có quyền và xứng đáng từ chối trả lời tôi hoặc kéo dài sự trả lời ấy.

Cho nên tôi thẳng thắn, công khai và trung thực đặt ra cho Ngài câu hỏi:

Liệu Ngài có thừa nhận việc khôi phục quốc tịch Phổ cho tôi theo lệnh ân xá của nhà vua hay không? Và tôi cũng chờ đợi một câu trả lời cũng thẳng thắn, công khai và trung thực như vậy. Hơn nữa, tôi muốn nhận được câu trả lời nhanh nhất, bởi vì chỉ lúc đó tôi mới có khả năng, nếu quyết định không thuận lợi, - mặc dù một quyết định như vậy dĩ nhiên là không thể có - trình vấn đề ấy lên nghị viện hiện đang họp, tại cuộc họp này, ngoài nhiều việc khác, sẽ còn thảo luận một dự luật về ân xá do có sự thiếu rõ ràng trong việc giải thích lệnh ân xá. Mặt khác, tôi rất muốn nhận được câu trả lời nhanh nhất, bởi lẽ lúc này tôi chỉ có thể lưu lại ở đây một thời gian *rất ngắn*, vì hoàn cảnh gia đình đòi hỏi tôi trở về Luân Đôn. Như vậy, tôi kính mong Ngài gửi cho tôi trong thời gian sớm nhất một câu trả lời công khai và rõ ràng, *chỉ lúc đó* tôi mới có thể đệ đơn xin đến ở tại thành phố này một cách thích đáng.

Xin gửi tới Ngài lời chào trân trọng.

T.s. Các Mác

Béc-lin, ngày 21 tháng Ba 1861
Công bố lần đầu tiên

In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Đức

TUYÊN BỐ CỦA C.MÁC NHÂN VIỆC TỪ CHỐI ĐƠN XIN KHÔI PHỤC QUỐC TỊCH PHỔ CỦA ÔNG

Béc-lin, ngày 6 tháng Tư 1861

KÍNH GỬI TỔNG TRƯỞNG CẢNH SÁT HOÀNG GIA,
NGÀI NAM TƯỚC PHÔN XÉT-LÍT-XƠ

Thưa Ngài,

Trả lời bức thư đề ngày 30 tháng Ba nhận được chiều hôm qua của Ngài, tôi hân hạnh được phản bác lại rằng, những sự kiện về việc tôi từ chối tư cách công dân Phổ năm 1845, việc từ chối mà Ngài coi là có thực, hình như đã không được Ngài biết một cách đầy đủ, bởi vì nếu không thì dĩ nhiên ắt đã không có quyết định của Ngài ngày 30 tháng Ba.

Những sự thực dẫn ra sau đây và những cơ sở pháp lý sẽ làm cho Ngài tin chắc rằng lúc này tôi không thể từ chối tư cách công dân Phổ.

1. Năm 1844, trong thời gian tôi ở Pa-ri, ngài tỉnh trưởng hoàng gia tỉnh Ranh đã ra lệnh bắt tôi về việc xuất bản tờ "Deutsch - Französische Jahrbücher"³⁸⁸ do tôi làm chủ bút, và lệnh đó đã được gửi cho các nhà đương cục cảnh sát vùng biên giới để thi hành, một khi tôi đi vào đất Phổ. Như vậy từ lúc đó tôi đã ở vào tình thế một người lưu vong chính trị.

Nhưng Chính phủ nhà vua Phổ đã không bằng lòng với điều đó. Tháng Giêng 1845 nó đã đạt được việc yêu cầu Chính phủ Ghi-dô trục xuất tôi khỏi nước Pháp. Tôi đã đi sang Bỉ. Nhưng

cả ở đó Chính phủ nhà vua Phổ tiếp tục truy nã tôi. Bao giờ cũng với lý do tôi là thần dân Phổ và điều đó cho phép Chính phủ Phổ có quyền thông qua sứ quán của mình ở nước ngoài đặt ra những yêu cầu có liên quan đến tôi, cả ở đây Chính phủ Phổ cũng yêu cầu trục xuất tôi.

Vì lệnh bắt giam đã ngăn cản tôi trở về Tổ quốc, thì đối với tôi, việc mang quốc tịch Phổ chỉ có nghĩa là tình trạng của kẻ bị truy nã; điều đó có nghĩa là, ngay ở các nước khác, theo yêu cầu của Chính phủ Phổ, người ta cũng sẽ truy nã và trục xuất tôi.

Chính vì thế, tôi buộc phải tìm cách làm cho Chính phủ Phổ lúc đó mất khả năng tiếp tục truy nã tôi, và do đó, vào năm 1845 tôi đã đệ đơn rút khỏi tư cách công dân Phổ.

Nhưng trong thời gian đó, tôi không hề có một chút ý định từ bỏ quốc tịch Phổ. Điều này có thể *chứng minh về mặt hình thức* được. Một người nào đó từ bỏ quốc tịch của mình, khi làm điều này bao giờ cũng với ý định lấy một quốc tịch khác. Tôi *chưa bao giờ* làm như vậy. Tôi còn chưa nhập quốc tịch nào, và vào năm 1848, khi Chính phủ lâm thời Pháp *đề nghị* tôi nhập tịch, tôi đã từ chối lời đề nghị đó.

Như vậy, lá đơn đề nghị rút khỏi tư cách công dân Phổ năm 1848 không phải là sự khước từ "tự nguyện" quốc tịch Phổ như quý Ngài đã viết nhầm, mà nó chỉ là lý do mà sự truy nã gắt gao buộc tôi phải dùng đến để thoát khỏi lý do thường xuyên của sự truy nã đó. Đó là lý do nhằm chống lại lý do khác chứ tuyệt nhiên không phải là một ý định nghiêm chỉnh từ bỏ tư cách công dân Phổ của tôi. Từ những điều vừa trình bày trên đây, rõ ràng quý Ngài không thể viện đến những gì đã xảy ra vào năm 1845.

Vin vào cái đó có nghĩa là biện hộ cho thời đại của các cuộc truy nã chuyên chế xấu xa nhất nhằm chống lại những nhà văn Đức, giữ nguyên hiệu lực của các cuộc truy nã đó, và qua đó mà kiếm chác lợi ích. Điều đó có nghĩa là tước quốc tịch Phổ của tôi

trên cơ sở ách áp bức chính trị thời ấy và trên cơ sở là tôi đã sử dụng thủ đoạn được áp đặt cưỡng bức đối với tôi như vậy để tự cứu mình thoát khỏi sự truy nã thường xuyên, mặc dù tôi chưa bao giờ có ý định nghiêm chỉnh từ bỏ nguồn gốc dân tộc Phổ của mình.

Cuối cùng, về vấn đề liên quan tới việc trục xuất tôi năm 1849 mà quý Ngài nhắc tới thì trước tiên tôi thấy cần thiết phải lưu ý rằng, sau tháng Ba 1848, lập tức tôi trở về nước Phổ và chuyển đến trú ngụ tại Khuên, nơi mà lúc đó tôi đã được tòa thị chính Khuên đồng ý tiếp nhận vô điều kiện làm công dân của thành phố. Đành rằng nội các của Man-toi-phen đã ra lệnh trục xuất tôi vào năm 1849, vì dường như tôi là một người ngoại quốc. Thế nhưng, lệnh trục xuất này thuộc vào số những hành vi cưỡng chế phi pháp nhất của nội các đó, cho nên rất khó có thể viện đến nó như là một tiền lệ có hiệu lực. Thậm chí lúc ấy có lẽ tôi đã không phục tùng nó nếu như không có một loạt các vụ án chính trị chống lại việc in ấn buộc tôi phải xuất dương ra nước ngoài mà không phụ thuộc vào lệnh trục xuất đó.

Sau những giải thích trên, tôi cho rằng quý Ngài không thể vin vào những sự kiện đó, cũng như xét về mặt khách quan, không thể rút ra từ đó bất cứ kết luận nào không có lợi cho tôi.

2. Nhưng điều đó cũng hoàn toàn không có khả năng do có lệnh ân xá của nhà vua. Lệnh này bảo đảm cho tất cả những người lưu vong chính trị "dễ dàng trở về đất nước Phổ", do đó cũng dễ dàng trở về cả trong trường hợp nếu như trong thời gian đó, theo luật định, họ đã bị mất quốc tịch Phổ, dù cho họ bị mất quốc tịch ấy dưới hình thức nào - do hiệu lực của pháp luật bởi mười năm vắng mặt, hay vì thêm vào đó còn có lời tuyên bố miêng về việc ra khỏi quốc tịch Phổ. Lệnh ân xá *không phân biệt sự khác nhau* giữa hai hình thức mất quốc tịch Phổ đó. Nó cũng không phân biệt bất kỳ sự khác nhau nào giữa những người lưu vong năm 1848 - 1849 với những người lưu vong ở thời kỳ trước đó; nó

không quy định sự khác nhau giữa những người mất quyền công dân Phổ do các cuộc xung đột năm 1848 và những người mất quốc tịch do những cuộc xung đột chính trị những năm trước đó.

Tất cả những người lưu vong chính trị, bất kể những xung đột về chính trị của họ và do đó việc họ bị mất quyền công dân xảy ra ở thời điểm nào, đều được bảo đảm "dễ dàng trở về", tất cả họ đều được khôi phục những quyền công dân trước đây của mình theo sắc lệnh.

Vì lệnh ân xá của nhà vua không phân biệt sự khác nhau giữa việc mất quốc tịch do hiệu lực của pháp luật vì mười năm vắng mặt và việc mất quốc tịch đó có kèm thêm lời tuyên bố riêng, nên mưu toan dùng con đường *diễn giải* để đưa vào lệnh này những hạn chế và sự phân biệt không được bản thân lệnh này quy định ở điểm nào cả là hoàn toàn không được phép.

Dĩ nhiên, quý Ngài cũng biết rõ một nguyên tắc bất di bất dịch là lệnh ân xá *không bao giờ được giải thích một cách có giới hạn*. Khoa luật học của tất cả các thời đại và tất cả các nước đều xác nhận nguyên tắc này với sự nhất trí chưa từng có. Nếu như nguyên tắc trên là nguyên tắc bất khả xâm phạm của tất cả các cơ quan xét xử là những cơ quan phải áp dụng và giải thích lệnh ân xá thì nó cũng phải được dùng làm nguyên tắc theo đúng mức độ như thế ở những nơi mà việc giải thích được trao cho các nhà chức trách hành chính. Mọi sự giải thích có giới hạn đều có nghĩa là cắt xén một cách muợn mần và huỷ bỏ một phần lệnh ân xá.

Điều này có thể ít có khả năng nằm trong ý định của quý Ngài hơn cả. Nếu như tôi đang tự kiểm chế chưa dùng đến tài liệu pháp lý có sẵn trong tay về vấn đề này, thì đó là vì, như tôi tự nghĩ, chỉ cần lưu ý quý Ngài một điều là mọi sự giải thích lệnh ân xá của nhà vua khác với sự lý giải của tôi đều có nghĩa là sự hạn chế lệnh đó. Từ những điều vừa giải bày trên đây, cũng như

tôi đã trình bày trong lá đơn gần đây nhất của mình^{1*}, quý Ngài thấy một điều là trên thực tế, tất cả đều quy lại là: liệu sự ân xá của nhà vua có khôi phục lại quốc tịch Phổ cho những người lưu vong hay không, dù rằng tất cả họ đã bị mất quốc tịch ấy bởi sự vắng mặt mười năm không được phép như pháp luật đã quy định. Nếu đồng ý với điều này, như quý Ngài đã thừa nhận trong bức thư của mình ngày 30 tháng Ba, thì ngoài việc bị mất quốc tịch do luật định, - việc này đã được lệnh ân xá bãi bỏ, - còn có một lời tuyên bố nào đó của nhân vật hữu quan trong quá khứ kèm theo hay không, điều ấy không quan trọng, song có sự phân biệt như vậy là hạn chế lệnh ân xá một cách không thể dung thứ được.

3. Vấn đề là như vậy không chỉ do *lời văn* của lệnh ân xá và do *tinh thần* thiện ý theo đó lệnh ân xá luôn cần phải được giải thích, mà còn do bản chất pháp lý của trường hợp đang được xem xét. Bởi lẽ, thực ra thì hoàn cảnh mất quốc tịch, đang được lệnh ân xá khôi phục lại, như quý Ngài cũng không phủ nhận, là do hiệu lực của bản thân luật định hoặc là do thêm vào đó còn có lời tuyên bố của nhân vật nào đó - hoàn cảnh đó tạo ra sự khác nhau nào đối với sự ân xá của nhà vua? Lời tuyên bố cá nhân của một người lưu vong nói rằng, mặc dù luật đã định, anh ta vẫn không muốn mất quốc tịch Phổ, lời tuyên bố đó sẽ không thể ảnh hưởng đến việc mất quốc tịch do luật định, cũng đúng như vậy, lời tuyên bố như thế không thể ngăn ngừa được việc mất quốc tịch, thế thì lời tuyên bố của một người nào đó về cái điều mà chẳng tuyên bố thì nó vẫn cứ xảy ra do luật định, cụ thể là việc tuyên bố ra khỏi quốc gia Phổ, cũng không thể làm tăng thêm việc mất quốc tịch, lời tuyên bố này chỉ là *déclaration surrogatoire*, lời tuyên bố hoàn toàn vô thưởng vô phạt, thừa, không có nó cũng chẳng cản trở gì và có nó cũng chẳng có ý nghĩa gì.

^{1*} Xem tập này, tr. 837-841.

Hình như quý Ngài nhận thấy sự khác nhau là ở chỗ dường như tôi "tự nguyện" từ bỏ quốc tịch Phổ, trong khi những người lưu vong khác bị mất quốc tịch đó do sự vắng mặt mười năm không phải vì tự nguyện. Thế nhưng ngay cả điều đó cũng không đúng. Và sự vắng mặt mười năm của những người lưu vong là sự từ bỏ *tự nguyện* có tính chất hình thức đối với quốc tịch Phổ, vì rằng trên thực tế không một ai trong số những người lưu vong bị người ta ngăn cản không cho trở về trước khi hết thời hạn đó và ra trước tòa án Phổ. Khi không làm điều đó, người lưu vong đã tình nguyện thà mất quốc tịch Phổ còn hơn. Như vậy, *ngày cuối cùng* của sự cư trú mười năm không được phép ở nước ngoài hoàn toàn tương đương với bản tuyên bố viết tay gửi cho Chính phủ Phổ về ý muốn ra khỏi quốc tịch Phổ. Bởi vì lưu trú ở nước ngoài như vậy cũng là *thể hiện ý muốn tự do* giống như bản tuyên bố gửi cho chính phủ, cho nên ngày cuối cùng của mười năm đó ở nước ngoài về phía mỗi người lưu vong có nghĩa là *voluntas tacita*^{1*} về việc gửi bản tuyên bố hiện đang nằm trong tập hồ sơ của tôi ở chỗ Ngài từ năm 1845. Như vậy, xét về mặt hình thức, tất cả những người lưu vong đều có sự từ chối quyền công dân tự nguyện như tôi.

Lẽ đương nhiên, những người lưu vong trên thực tế không quay trở về, nếu như họ không muốn bị bắt giam và bị truy tố hình sự, và do đó *trên thực tế* họ đã buộc phải ở lại nước ngoài. Mà sự cưỡng bức *thực tế* như vậy cũng nằm trong trường hợp của tôi, như quý Ngài đã phải nhận thấy qua sự trình bày trên kia ở điểm 1. Và trên thực tế những lệnh truy nã đã ngăn cản tôi trở về và tôi đã từ bỏ quốc tịch Phổ vì sự cưỡng bức đó cũng như những người lưu vong khác đã khước từ nó vào ngày cuối cùng của mười năm vắng mặt. Hơn nữa, tôi đã buộc phải dùng đến biện pháp giả

^{1*} - sự đồng ý ngầm

vờ khước từ quốc tịch Phổ còn do một lẽ là những cuộc truy lùng tôi đã lan ra ngoài phạm vi nước Phổ.

Như vậy, dù quý Ngài có xem xét về mặt hình thức hay về mặt thực tế của sự việc thì đối với trường hợp của tôi cũng giống như của tất cả những người tị nạn khác, và như quý Ngài đã không phủ nhận, nếu như nhờ có lệnh ân xá, quyền công dân của những người tị nạn đã bị mất bởi mười năm vắng mặt đều được khôi phục lại, thì nó cũng phải được khôi phục lại cho tôi, mặc dù có sự tuyên bố bắt buộc về việc ra khỏi quốc tịch Phổ, bởi vì lời tuyên bố đó hoàn toàn giống như việc mất quốc tịch Phổ vì hiệu lực của pháp luật.

Còn việc tôi tuyên bố bằng văn bản khước từ quốc tịch Phổ mà vốn dĩ tôi đã bị mất theo hiệu lực của pháp luật, thì như tôi đã nói, không thể có một ý nghĩa nào, vì rằng bản tuyên bố đó không có một tí hiệu lực nào do có việc mất quốc tịch Phổ bởi *lege ipsa*^{1*}. Có thể thấy một số sự khác biệt, mặc dù không phải là cơ bản, giữa tôi và những người lưu vong khác, thì nhiều nhất chỉ là trong trường hợp nếu như tôi đã nhập quốc tịch mới ở đâu đó tại một nơi khác. Chỉ có điều đó mới có thể coi là hành vi *tự nguyện*. Bản thân việc khước từ quốc tịch Phổ là một việc *bị bắt buộc* và việc này dù sao vốn cũng vẫn xảy ra *lege ipsa*. Nhưng tôi đã không bao giờ nhập tịch ở đâu cả. Rất nhiều người lưu vong, trên thực tế, đã làm điều đó. Nếu như thậm chí đối với những người lưu vong ấy lệnh ân xá của nhà vua cần phải hiểu như là quyền vô điều kiện của họ nhập quốc tịch trở lại trong trường hợp nếu như họ muốn như vậy, thì đối với tôi, người chưa bao giờ nhập quốc tịch ở bất kỳ một quốc gia nào khác, việc khôi phục lại quyền công dân tất nhiên phải được chấp nhận như hiệu quả của bản thân lệnh ân xá.

1* - hiệu lực của bản thân pháp luật

4. Cho tới nay tôi đã giải thích cho quý Ngài rằng, thậm chí nếu như vào năm 1845 tôi bị mất quốc tịch Phổ, thì dù thế nào chăng nữa^{1*} tôi cũng đã được khôi phục lại quốc tịch bởi hiệu lực của sự ân xá của nhà vua. Nhưng một lý do hết sức có ý nghĩa quyết định để đáp ứng lời thỉnh cầu của tôi là: tôi đã *nhận lại tư cách công dân Phổ do quyết định của Quốc hội hiệp bang* ngày 30 tháng Ba 1848.

Theo quyết định này, *quyền bầu cử* và được bầu vào Quốc hội Đức được dành cho tất cả những người lưu vong chính trị khi họ muốn trở về Đức và biểu thị ý muốn khôi phục quyền công dân của mình. Như vậy, theo quyết định đó, quyết định bắt buộc đối với nước Phổ, mà Chính phủ Phổ đã tham gia soạn thảo ra, thì tất cả những người lưu vong chính trị đều được trả lại quyền công dân ở quốc gia mà trước đó họ đã là công dân hoặc ở quốc gia mà hiện tại họ muốn chuyển đến ở.

Do có quyết định này mà tôi lập tức từ Pa-ri trở về Khuê và đã khôi phục lại quyền công dân Phổ của mình tại đây, cũng không có khó khăn gì, đã được sự đồng ý của tòa thị chính Khuê cho phép tôi ở lại thành phố này, và như vậy, dù sao chăng nữa, *từ lúc đó một lần nữa, trên cơ sở luật pháp, tôi đã có quyền của một công dân Phổ*, và mưu toan cưỡng bức phi pháp của nội các Man-toi-phen trực xuất tôi trái với quyết định của Quốc hội hiệp bang không thể thay đổi gì được trong việc này.

Sự kiện pháp lý này có tính quyết định đến nỗi chỉ một từ thêm vào đó cũng thừa.

Quý Ngài thấy rõ vấn đề này cũng như tôi và cũng như tôi, sẽ cho rằng không phải vì lợi ích của Chính phủ Phổ mà buộc tôi phải khiếu nại lên Quốc hội hiệp bang về việc Chính phủ Phổ vi

1* Chỗ này trong bản thảo viết tay bị gạch bỏ, có thể là do Xét-lít-xơ gạch bỏ và bên lề có ghi "không khi nào".

phạm quyết định của nó. Có lẽ sẽ là rất mâu thuẫn nếu như nước Phổ, nước vẫn còn công nhận Quốc hội hiệp bang *đang hoạt động trở lại*, lại từ chối việc thừa nhận một số ít ỏi những quyết định của *Quốc hội hiệp bang cũ đầu tiên*, được thông qua vì lợi ích của nhân dân và trên tinh thần yêu tự do.

Kiểu hành động như vậy cả về mặt pháp lý lẫn chính trị đều sẽ là vô cùng quái đản, vượt xa những điều tối tệ tới mức khó có thể dù là mưu toan sử dụng chúng.

Như quý Ngài thấy, thậm chí tôi không cần viện dẫn nghị quyết của Tiên nghị viện, một nghị quyết không phụ thuộc vào quyết định của Quốc hội hiệp bang mà trên thực tế cũng đã được Chính phủ Phổ thừa nhận; theo nghị quyết đó, những người Đức lưu vong, thậm chí trong thời gian sống lưu vong đó đã nhập quốc tịch ở các nước khác, đều có thể lại khôi phục quyền công dân trước đây của mình.

Theo quyết nghị của Quốc hội hiệp bang ngày 30 tháng Ba 1848, cũng như việc chuyển chỗ ở của tôi tiếp sau đó đến Khuên và cả lá đơn tôi gửi ngày 22 tháng Tám 1848 cho Chính phủ Phổ³⁸⁹, hiện đang nằm trong tập hồ sơ ở chỗ quý Ngài, thì như vậy là từ năm 1848 một lần nữa tôi lại có quyền của công dân Phổ, ngay cả nếu như tôi đã bị mất quyền đó vào năm 1845.

Như vậy, hiện tại tôi đang có được quyền đó, bởi lẽ, như bản thân quý Ngài cũng không phủ nhận, việc mất quốc tịch do sự vắng mặt mười năm liên tục từ ngày ấy gây nên đã được lệnh ân xá này xóa bỏ.

Dù luận cứ đưa ra trên đây về việc tôi đang có quyền công dân Phổ và điều đó chỉ còn cần được công nhận, không rõ ràng và không thể bác bỏ như thế nào đi nữa thì tôi cũng chỉ theo đuổi mục đích thực tế là trở về Tổ quốc, chứ không có ý khơi lên cuộc tranh cãi vô ích về lý luận pháp lý.

Nếu quý Ngài xem xét việc này, như tôi hình dung, theo cách

là trước hết tôi cần phải đạt được việc nhập quốc tịch mới thì cách đề cập vấn đề *như vậy* đối với tôi có thể chấp nhận được trong trường hợp nếu như quý Ngài biểu thị rõ sự đồng ý của mình đối với việc nhập quốc tịch này, bởi vì Ngài, theo như §5 của đạo luật ban bố ngày 31 tháng Chạp 1842 là cấp có thẩm quyền giải quyết vấn đề này. *Nếu như* và *chỉ khi* quý Ngài bằng lòng cho tôi có quyền nhập quốc tịch mới một cách dễ dàng thì *chỉ khi đó* và *chỉ có như vậy* tôi mới có thể từ bỏ quyền chính đáng đã có của mình. Cho đến lúc đó tôi cần giữ quyền đó cho mình và vì thế tôi đề nghị đồng thời xem xét bức thư này, theo ý nghĩa ấy và với điều kiện bảo lưu ấy, và như là một yêu cầu có thể thực hiện được về việc cho phép nhập quốc tịch mới.

Xin gửi tới Ngài lời chào trân trọng.

Công bố lần đầu tiên

T.s. Các Mác

In theo bản thảo

Nguyên văn là tiếng Đức

TRẢ LỜI ĐƠN XIN KHÔI PHỤC QUỐC TỊCH PHỔ CỦA C.MÁC

GỬI RIÊNG NGÀI TIẾN SĨ MÁC

ngày 10 tháng Tư 1861

khẩn, ngay ngày hôm nay

KÍNH GỬI NGÀI TIẾN SĨ MÁC

Béc-lin, 13 Ben-vi-u-xtơ-rát

Phúc đáp lời đề nghị của Ngài đề ngày 6 tháng Tư năm nay, tôi xin thông báo để Ngài biết rằng cả những lý lẽ được đưa ra trong đề nghị đó cũng hoàn toàn không thể nào bác bỏ được việc khẳng định rằng cần phải coi Ngài như là một người nước ngoài.

Mục 20 của đạo luật ban hành ngày 31 tháng Chạp 1842 về việc nhập và mất quốc tịch Phổ quy định rằng, cùng với việc cấp chúng chỉ ra khỏi quốc tịch thì quốc tịch đó cũng bị mất. Vì thế, những lý do mà Ngài vin vào để xin ra khỏi quốc tịch cũng như việc Ngài chưa nhập quốc tịch của bất kỳ nước nào đều không có ý nghĩa gì. Tiếp nữa, cả quyết định của Quốc hội hiệp bang ngày 30 tháng Ba 1848 cũng như lệnh ân xá cao cả ngày 30 tháng Giêng năm nay đều không khôi phục quốc tịch Phổ cho Ngài được. Đối với các cuộc bầu cử vào Quốc hội Đức thì cái ý nghĩa quyết định không phải là cái quyết định đã được đề cập đến, mà là bản mệnh lệnh ngày 11 tháng Tư 1848, vốn hoàn toàn không có lợi cho Ngài. Do đó sắc lệnh tối cao ngày 12 tháng Giêng năm nay là lệnh ân xá chỉ có liên quan tới việc huỷ bỏ hoặc giảm nhẹ hình

phạt (điều 49 hiến pháp). Việc mất quốc tịch Phổ không khi nào là hậu quả kết án của tòa án, và vì thế nó không bị bãi bỏ bởi các lệnh ân xá.

Do đó, Tổng nha cảnh sát chỉ có thể coi Ngài như là một người nước ngoài. Nếu Ngài có ý định đề nghị nhập quốc tịch Phổ thì theo các quy định trong §7 của đạo luật ngày 31 tháng Chạp 1842, Ngài có quyền đệ đơn lên cơ quan cảnh sát ở khu vực sở quan theo các thủ tục thông thường, nhưng cũng không thể đưa ra trước cho Ngài bất kỳ sự hứa hẹn nào về kết quả sự thỉnh cầu của Ngài.

*Tổng nha cảnh sát
hoàng gia*

*Béc-lin, ngày 10 tháng Tư 1861
Công bố lần đầu tiên*

*In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Đức*

ĐƠN CỦA C.MÁC XIN NHẬP QUỐC TỊCH VÀ XIN ĐẾN CƯ TRÚ Ở BÉC-LIN

Biên bản của khu cảnh sát số 33

Lập tại Béc-lin ngày 10 tháng Tư 1861

Ngày 1 tháng Ba 1861 tiến sĩ Các Mác đã tới đây^{1*}

Sau khi ông ta tuyên bố rằng ông ta muốn chuyển đến ở tại đây và được nhập quốc tịch Phổ bằng con đường *nhập quốc tịch*, hôm nay ông ta đã trình bày hoàn cảnh của mình như sau:

Tôi sinh ngày 5 tháng Năm 1818 tại Tơ-ria thuộc tỉnh Ranh nước Phổ, theo đạo Phúc âm và, theo các đạo luật của Tổ quốc tôi trước đây thì tôi là người có đủ năng lực pháp lý. Trong thời gian hai mươi năm gần đây tôi đã sống ở nước Anh, sinh sống ở đó bằng tiền thu nhập do lao động viết sách báo và không nhờ đến tiền trợ cấp của các quỹ xã hội dành cho người nghèo. Tôi đã nhiều lần bị tòa án thẩm cứu vì các vụ án chính trị về các vấn đề xuất bản và tôi có thể cam đoan sự thành thực của mình bằng các giấy tờ kèm theo. Tôi chưa hề đặt vấn đề thỉnh cầu với bất kỳ cơ quan nào khác của nước Phổ về việc nhập quốc tịch và chuyển chỗ ở, và về mặt này tôi chưa bao giờ nhận một lời từ chối. Đồng thời tôi đã được thông báo rằng, sự im lặng không nói đến việc bản thân hay những người thân của tôi bị theo dõi, cũng như các tin tức thất thiệt về tình hình của tôi nói chung, hoặc sự

làm thỉnh về việc thỉnh cầu xin nhập quốc tịch trước một cơ quan khác nào đó của nước Phổ sẽ dẫn đến việc bác bỏ lời thỉnh cầu và thu hồi giấy tờ về việc nhập tịch, rằng việc quyết định vấn đề định cư của tôi ở đây *chỉ* phụ thuộc vào Tổng nha cảnh sát hoàng gia, bất kể lời tuyên bố của tòa thị chính và việc thu tiền nhập cảnh, và vì vậy trước khi nhận được chứng chỉ nhập tịch và định cư tôi cần phải tránh mọi việc thu xếp công việc của mình.

Tại đây tôi chưa thuê nhà riêng, tôi đang trú ngụ tại nhà tiến sĩ Lát-xan, số 13 phố Ben-vi-u-xơ-rát và tôi có ý định kiếm sống cho mình và gia đình bằng lao động viết sách báo.

Thu nhập của tôi được 2 000 ta-le; cả tôi và vợ tôi đều không có của cải.

Còn về thái độ của tôi đối với vấn đề phục vụ trong quân đội thì lứa tuổi của tôi đã miễn cho tôi khỏi mọi nghĩa vụ quân sự.

Tôi không có huân chương gì.

Đề nghị:

Cấp cho tôi chứng chỉ nhập quốc tịch và cho phép tôi đến ở tại đây.

Đã nghe đọc, đồng ý, đã ký.

Công bố lần đầu tiên

T.s Các Mác

In theo bản thảo

Nguyên văn là tiếng Đức

^{1*} Trong hồ sơ có lẽ không chính xác. Mác đến Béc-lin ngày 17 tháng Ba 1861.

THƯ CỦA C.MÁC GỬI TỔNG NHA CẢNH SÁT PHÔN XÉT-LÍT-XO

KÍNH GỬI TỔNG NHA CẢNH SÁT HOÀNG GIA,
NGÀI PHÔN XÉT-LÍT-XO

Thưa quý Ngài,

Chiều hôm qua tôi đã nhận được bức thư đầy nhã ý của Ngài đề ngày 10 tháng Tư^{1*}.

Nếu như trong lá thư trước của mình quý Ngài giữ quan điểm cho rằng, do có đơn đề nghị của tôi năm 1845, cho nên ngay cả lệnh ân xá cho phép huỷ bỏ việc bị tước quốc tịch Phổ do vắng mặt mười năm đối với tôi cũng không có ý nghĩa, thì đến nay, do những lý do tôi đưa ra mới đây, quý Ngài lại giữ quan điểm trái ngược lại, cụ thể là lệnh ân xá, do chỗ nó dường như có thể chỉ bao hàm trong nó việc huỷ bỏ sự trừng phạt, cho nên nó không khôi phục quốc tịch Phổ *đã bị mất vào một thời gian nào đó, vì một nguyên nhân nào đó*.

Đành rằng để tránh việc làm tổn hại các quyền của tôi, tôi buộc phải nhận xét rằng trong bức thư đó, theo quan điểm ý thức pháp luật của người đã ký tên ở dưới, có thể nhận thấy: 1) có sự huỷ bỏ một phần lệnh ân xá của nhà vua, 2) có sự không thừa nhận Quốc hội hiệp bang và các quyết định của nó, và như vậy là vi phạm các cơ sở pháp luật của nhà nước Đức mà đạo luật

1* Xem tập này, tr. 852-853.

của Hiệp bang đã quy định³⁹⁰, 3) cuối cùng, là sự phủ nhận không kém phần kiên quyết tất cả công pháp của nước Phổ.

Nhưng, vì nghĩ đến mục tiêu thực tế mà tôi đang theo đuổi, tôi *không muốn làm phiền* quý Ngài bằng việc trình bày ba luận điểm không thể tranh cãi ấy xét theo quan điểm pháp lý và tôi đồng ý, theo ý nghĩa như tôi đã viết cho quý Ngài ở cuối lá đơn gần đây nhất của mình, nhận ở quý Ngài, cả dưới hình thức nhập quốc tịch mới, cái vốn dĩ là quyền của tôi và là cái mà tôi cần phải bảo vệ với tính cách như vậy.

Do hoàn cảnh gia đình bắt buộc phải khẩn trương rời khỏi nơi này, sáng hôm qua, in omnem eventum^{1*}, tôi đã phải đệ đơn, theo ý nghĩa đó, lên phòng cảnh sát của khu vực tôi ở về việc xin nhập quốc mới^{2*}.

Đồng thời tôi cũng rất chân thành thông báo để Ngài rõ, vì tôi phải rời khỏi nơi này nên tôi uỷ quyền cho ngài Ph. Lát-xan đang sống tại đây nhận giúp tôi chứng chỉ về việc nhập quốc tịch cũng như nộp giúp tôi tất cả những giấy tờ cần thiết, tiến hành tất cả những điều cần thiết trong công việc này, và nói chung là thực hiện quyền của tôi trong tất cả phạm vi mà quyền đó thuộc về tôi.

Vì vậy tôi tha thiết đề nghị quý Ngài gửi quyết định cuối cùng cho ngài Ph. Lát-xan đang sống tại đây.

Xin gửi tới Ngài lời chào trân trọng.

T.s. Các Mác

Béc-lin, ngày 11 tháng Tư 1861

Công bố lần đầu tiên

In theo bản thảo

Nguyên văn là tiếng Đức

1* - để phòng xa

2* Ở chỗ này trên lễ bản thảo viết tay có ghi mấy chữ không rõ là do ai viết: "Mác đã bị từ chối về đề nghị này".

CHÚ THÍCH

1. Bài "*Tình hình ở Pháp*" của C.Mác, được viết ngày 17 tháng Giêng 1860 và đã được công bố vào ngày 7 tháng Hai cùng năm đó trên tờ "New - York Daily Tribune". Nó mở đầu cho một loạt bài viết của ông nói về tình hình kinh tế các nước châu Âu.

"*New - York Daily Tribune*" ("Diễn đàn Niu Oóc hàng ngày") - báo Mỹ, xuất bản từ năm 1841 đến năm 1924. Được Hô-ra-xơ Gri-li - nhà báo và nhà hoạt động chính trị nổi tiếng người Mỹ sáng lập, đến giữa những năm 50 thế kỷ XIX tờ báo trở thành cơ quan ngôn luận của nhóm cánh tả của đảng Vích Mỹ, nhưng sau đó đã trở thành cơ quan ngôn luận của đảng cộng hoà. Trong những năm 40 - 50, tờ báo đứng trên lập trường tiến bộ và phản đối chế độ chiếm hữu nô lệ. Hàng loạt các nhà văn và nhà báo nổi tiếng người Mỹ đã cộng tác với báo, trong số các biên tập viên của tờ báo từ cuối những năm 40 có Sác-lơ Đa-na, người chịu ảnh hưởng tư tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng. Mác bắt đầu cộng tác với báo từ tháng Tám 1851 và kéo dài hơn 10 năm, đến tháng Ba 1862; phần lớn các bài viết cho báo "New-York Daily Tribune" là do Ăng-ghen viết theo yêu cầu của Mác. Một số bài trong số đó được Mác đề là gửi từ Pa-ri hoặc Béc-lin.

Các bài của Mác và Ăng-ghen được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" bao hàm những vấn đề quan trọng nhất về tình hình chính trị trong nước và quốc tế, về phong trào công nhân, về sự phát triển kinh tế của các nước châu Âu, về sự bành trướng thuộc địa, về phong trào giải phóng dân tộc ở các nước bị áp bức và bị phụ thuộc v.v.. Trong thời kỳ các thế lực phản động hoành hành ở châu Âu, Mác và Ăng-ghen đã sử dụng tờ báo Mỹ được lưu hành rộng rãi này để vạch trần, bằng những tư liệu cụ thể, những tệ nạn của xã hội tư bản chủ nghĩa - mà đặc trưng của nó là những mâu thuẫn đối kháng, cũng như chỉ rõ những tính chất hạn chế của nền dân chủ tư sản.

Trong nhiều trường hợp, ban biên tập tờ "New-York Daily Tribune" tự ý sử dụng

các bài báo của Mác và Ăng-ghen, trong đó nhiều bài được đưa in dưới dạng bài xã luận của ban biên tập mà không có chữ ký của tác giả và đôi khi còn can thiệp vào văn bản các bài báo. Những hành vi ấy của ban biên tập đã bị Mác nhiều lần phản đối. Từ mùa thu 1857, cuộc khủng hoảng kinh tế ở Mỹ cũng có ảnh hưởng đến tình hình tài chính của báo, ban biên tập đã đề nghị Mác hạn chế bớt số lượng các bài gửi đến cho báo "New-York Daily Tribune". Bắt đầu từ những năm 1861, do Nội chiến ở Mỹ, sự quan tâm của độc giả Mỹ đối với các vấn đề châu Âu đã giảm sút một cách rõ rệt. Việc tăng thêm trong ban biên tập những người ủng hộ sự thỏa hiệp với các bang có chế độ chiếm hữu nô lệ và việc báo xa rời quan điểm tiến bộ đã đóng vai trò đáng kể trong việc đoạn tuyệt báo "New-York Daily Tribune" của Mác và Ăng-ghen. Trong suốt năm 1861 và những đầu năm 1862, số lượng bài của Mác trên báo giảm xuống một cách đột ngột, đến tháng Ba 1862, trên thực tế, việc cộng tác của ông đã chấm dứt. -9.

2. *Quây-cơ* (tên gọi chính thức - "Hội giáo hữu") - giáo phái tín lành của đạo Cơ Đốc, hình thành ở Anh trong thời kỳ cách mạng tư sản thế kỷ XVII và được truyền bá rộng rãi cả ở Bắc Mỹ. Giáo phái Quây-cơ đã phủ nhận giáo hội chính thống cùng với hệ thống những nghi lễ của nó, tuyên truyền những tư tưởng hòa bình chủ nghĩa. -9.
3. "*Moniteur*" - tên gọi tắt của tờ nhật báo Pháp "*Le Moniteur universel*" ("Báo đại chúng"); xuất bản ở Pa-ri từ năm 1789 đến năm 1901; từ năm 1799 đến năm 1869 là cơ quan ngôn luận chính thức của chính phủ. -9.
4. Đây muốn nói đến: *Société générale du Crédit Mobilier* - một ngân hàng cổ phần cỡ lớn ở Pháp, do anh em Pê-rây-rơ thành lập vào năm 1852. Ngân hàng đã liên hệ mật thiết với chính phủ của Na-pô-lê-ông III, được sự bảo hộ của Na-pô-lê-ông III, nó đã tiến hành những thủ đoạn đầu cơ gian lận; năm 1867 ngân hàng này bị phá sản và đến 1871 thì đóng cửa.

"*Crédit Foncier*" ("Tín dụng ruộng đất") - ngân hàng cổ phần Pháp, được thành lập năm 1852 dựa trên cơ sở Ngân hàng ruộng đất Pa-ri cũ. Crédit Foncier cho vay ngắn hạn và dài hạn (với thời hạn là 50 năm) dưới hình thức tài sản cố định với khoản tiền lãi cố định. Crédit Foncier được chính phủ trợ cấp một khoản đáng kể.

Gọi các doanh nghiệp ngân hàng của nước Pháp Bô-na-pác-tơ là Crédits ambulants (Tín dụng lang thang), Mác nhấn mạnh tính chất không ổn định của nó. -9.

5. Colins "L'Economie politique. Source des révolutions et des utopies prétendues socialistes". Vol. I-III, Paris, 1856-1857 (Cô-len. "Kinh tế chính trị học. Nguồn gốc

các cuộc cách mạng và cái gọi là không tưởng xã hội chủ nghĩa". Tập I - III, Pa-ri, 1856-1857). -10.

- 6 *Tuyn-lơ-ri* - lâu đài ở Pa-ri, dinh thự của Na-pô-lê-ông III. -11.
- 7 "*L' Empire c' est la paix*" ("Đế chế - đó là hòa bình") - một câu trong diễn văn của Lu-i Bô-na-pác-tơ đọc tại Boóc-đô ngày 9 tháng Mười 1852. -15.
- 8 *Đáp từ của nghị viện* - đáp từ mà theo hiến pháp Anh, Thượng nghị viện và Hạ nghị viện nêu ra và thảo luận sau bài diễn văn của nhà vua mỗi khi khai mạc kỳ họp mới của nghị viện. Giống như diễn từ của nhà vua, đáp từ của nghị viện nêu lên những vấn đề cơ bản trong cương lĩnh của chính phủ. Ở đây muốn nói đến việc thảo luận bức thư của nghị viện đề ngày 24 tháng Giêng 1860, trong đó đề cập đến hàng loạt vấn đề về chính sách đối ngoại.

Nói đến chuẩn bị cho Cuộc chiến tranh "nha phiến" mới lần thứ ba chống Trung Quốc của Chính phủ Anh và Pháp vào đầu năm 1860. Cuộc chiến tranh này đã được họ tiến hành ngay vào mùa hè năm đó, nhằm mục đích áp đặt những điều kiện nô dịch mới đối với Trung Quốc. Sự khiêu khích về quân sự của quân Anh - Pháp trên sông Bạch Hà là nguyên cơ của cuộc chiến tranh này. Tháng Sáu 1859, một hải đoàn Anh và hai tàu chiến Pháp mưu toan dùng vũ lực tiến đến Bắc Kinh. Quân đồng minh đã bị chặn đứng bởi hỏa lực của các đồn Đa-gu ở cửa sông Bạch Hà. Mưu toan chiếm đóng các đồn bốt bị thất bại và các tàu chiến của quân Anh - Pháp phải rút lui với tổn thất nặng nề.

Hiệp ước thương mại Anh - Pháp, được ký ngày 23 tháng Giêng 1860, là thắng lợi của những người chủ trương tự do mậu dịch của cả hai nước và đáp ứng lợi ích của giai cấp tư sản công nghiệp Anh (chi tiết về hiệp ước, xem tập này, tr.23-28).

Có ý nói đến việc mở rộng phong trào thống nhất dân tộc ở I-ta-li-a sau cuộc chiến tranh Áo - I-ta-li-a - Pháp năm 1859, phong trào này đã vấp phải sự chống đối của hàng loạt các cường quốc châu Âu. Mùa xuân năm 1859, ở các công quốc Pác-mơ, Mô-de-nơ, Tô-xca-nơ và kể cả ở Rô-manh, nhân dân khởi nghĩa đã lật đổ những người cầm quyền của mình, xóa bỏ chế độ tàn bạo và chủ trương sáp nhập với Pi-ê-mông. Sau đó, do kết quả cuộc trưng cầu dân ý được tiến hành trong các công quốc đó vào tháng Ba 1860, các công quốc này đã sáp nhập với Pi-ê-mông. -16.

- 9 Cuộc chiến tranh "nha phiến" ăn cướp chống Trung Quốc do Anh và Pháp tiến hành những năm 1856 - 1858 nhằm giành giật những đặc quyền mới cho nước họ và tiếp tục nô dịch Trung Quốc. Cuộc chiến tranh "nha phiến" lần thứ hai kết thúc bằng sự thất bại của Trung Quốc và việc ký kết giữa Anh, Pháp, Nga và Mỹ với Trung

Quốc tháng Sáu 1858 ở Thiên Tân nhiều hiệp ước bất bình đẳng. Các hiệp ước đã mở cửa những hải cảng mới cho thương mại nước ngoài: trên sông Trường Giang ở Mãn Châu Lý và trên các đảo Đài Loan và Hải Nam; các đại diện ngoại giao nước ngoài thường trú được phép vào Bắc Kinh, người nước ngoài có quyền tự do đi khắp đất nước, kể cả đường bộ và đường thủy, việc bảo vệ những nhà truyền giáo được bảo đảm. -16.

- 10 Có ý nói đến sự can thiệp của Anh vào cuộc nội chiến ở Bồ Đào Nha (1828 - 1834) diễn ra giữa các phần tử chuyên chế (đảng giáo quyền - phong kiến) do Đôn Mi-ghen - người rắp tâm chiếm ngôi vua Bồ Đào Nha - lãnh đạo với các phần tử lập hiến (đảng tự do tư sản). Nhằm củng cố ảnh hưởng của mình trên bán đảo I-bê-ri-cơ và làm mất địa vị của Áo - nước ủng hộ các phần tử chuyên chế ở vùng này, năm 1831. Chính phủ Anh đã đưa đến bờ biển Bồ Đào Nha một hạm đội để phong tỏa các cửa sông Ta-khô và Đu-ê-rô và điều đó đã tạo điều kiện cho thắng lợi của các phần tử lập hiến.

Nói đến cuộc xung đột Anh - Hy Lạp xảy ra do việc nhà thương gia Pa-xi-phi-cô, người gốc Bồ Đào Nha, lại mang quốc tịch Anh. Ngôi nhà của Pa-xi-phi-cô ở A-ten bị đốt cháy vào năm 1847, về sau là cái cớ để Pan-móc-xtôn, bấy giờ là bộ trưởng ngoại giao, đưa hạm đội Anh đến bờ biển Hy Lạp và gửi tối hậu thư cho Chính phủ Hy Lạp.

Cuộc chiến tranh Anh - Ba Tư những năm 1856 - 1857 là một trong những bước tiến của chính sách thực dân xâm lược của Anh ở châu Á vào giữa thế kỷ XIX. Mưu toan của chính quyền Ba Tư chiếm đóng công quốc He-rát vào tháng Mười 1856 là cái cớ để gây ra cuộc chiến tranh. Chính phủ Anh đã lợi dụng sự kiện đó để can thiệp vũ trang vào công việc của Áp-ga-ni-xtan và Ba Tư với mục đích nô dịch hai nước này. Sau khi gây chiến với Ba Tư, Chính phủ Anh đã đưa quân đội của mình vào He-rát. Thế nhưng cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc ở Ấn Độ những năm 1857 - 1859 nổ ra đã buộc nước Anh vội vã ký kết hòa ước với Ba Tư. Theo hòa ước được ký kết ở Pa-ri, tháng Ba 1857, Ba Tư đã từ bỏ tham vọng của mình là chiếm He-rát. Năm 1863 He-rát bị sáp nhập vào lãnh địa của thủ lĩnh Hồi giáo Áp-ga-ni-xtan.

Nói đến những hoạt động gây chiến khiêu khích của Chính phủ Anh chống Áp-ga-ni-xtan năm 1838. Do không thể biến Áp-ga-ni-xtan thành công cụ cho chính sách của mình, nước Anh đã quyết định dùng con đường can thiệp bạo lực để đặt

thủ hạ của mình là Sắc Sút-du lên ngôi vua. Quân đội Anh tràn vào Áp-ga-ni-xtan, chiếm đóng và cướp bóc nước này, bắt sống quốc vương; tuy nhiên người Anh không duy trì được quyền thống trị lâu dài. Do có cuộc khởi nghĩa của nhân dân nổ ra tháng Mười một 1841, quân đội Anh đã bị đánh bại và tiêu diệt. Năm 1842, một lần nữa người Anh lại mưu toan chiếm Áp-ga-ni-xtan, mưu toan này cũng kết thúc bằng sự sụp đổ hoàn toàn. -19.

- 11 Hiệp ước Anh - Trung Quốc được ký kết ngày 8 tháng Mười 1843 bổ sung cho Hiệp ước Nam Kinh năm 1842. Bọn thực dân Anh đã buộc chặt Trung Quốc vào Hiệp ước Nam Kinh bất bình đẳng sau khi kết thúc cuộc Chiến tranh "nha phiến" lần thứ nhất (1839-1842) mà hiệp ước này là sự khởi đầu cho việc biến nước Trung Quốc phong kiến lạc hậu thành nước nửa thuộc địa. Theo hiệp ước bổ sung năm 1843, người Anh đã đạt được những nhượng bộ mới của Trung Quốc: quyền xây dựng tại các hải cảng đang hoạt động những đặc khu dành cho người nước ngoài (Xét-lê-men), đặc quyền ngoại giao, tức là tòa án Trung Quốc không có quyền xét xử những công dân nước ngoài, áp dụng chế độ tối huệ quốc, nghĩa là mở rộng cơ chế những đặc quyền đối với nước Anh, như các cường quốc khác đã được hưởng ở Trung Quốc. -20.
- 12 Có ý nói đến Hiệp ước Thiên Tân giữa Nga và Trung Quốc, được ký ngày 13 (1) tháng Sáu 1858. Đặc biệt, Hiệp ước Thiên Tân quy định rằng các nhà ngoại giao Nga có thể đi từ cửa sông Bạch Hà, qua Đa-gu đến Bắc kinh. -20.
- 13 Tháng Mười 1856 quân Anh đã bắn phá dã man tỉnh Quảng Châu; nguyên do là do các nhà cầm quyền Trung Quốc ở Quảng Châu bắt giữ đội thủy thủ trên tàu buôn lậu "E-râu" của Trung Quốc có treo cờ Anh. Vụ bắn phá Quảng Châu là cái cớ dẫn đến cuộc Chiến tranh "nha phiến" lần thứ hai (xem chú thích 9). -20.
- 14 Có ý nói đến cuộc đấu tranh của Xun-la Coóc-nê-li-út Lu-xi-út, thống lĩnh La Mã, đại diện cho lợi ích của giới đại quý tộc chủ nô, chống lại phái phổ thông (giới dân chủ chiếm hữu nô lệ) giành chính quyền ở La Mã cổ đại. Cuộc đấu tranh được kết thúc bằng việc thiết lập nền chuyên chính Xun-la vào năm 82 trước công nguyên. Trong trường hợp này, nhắc đến Xun-la Mác muốn ám chỉ Na-pô-lê-ông III. -21.
- 15 "Con nuôi cứng" của quốc vương xứ En-phơ Ô-bê-rôn và vợ ông ta Ti-ta-ni-a (các nhân vật của vở hài kịch "Giấc mộng đêm hè" của Sếch-xpia) là nguyên nhân của những mưu mô độc ác của Ô-bê-rôn. Ở đây Mác có ý nói đến Hiệp định thương mại Anh - Pháp năm 1860 (xem chú thích 8), là nguyên nhân của những mưu mô chính trị phức tạp trong các mối quan hệ giữa hai nước. -23.

- 16 Cuộc đấu tranh nhằm huỷ bỏ các đạo luật về ngũ cốc được thi hành ở Anh năm 1815 vì quyền lợi của bọn đại địa chủ, và nhằm hạn chế hoặc cấm nhập khẩu ngũ cốc từ nước ngoài, do Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc lãnh đạo, đồng minh này do hai chủ xưởng ở Man-se-xtơ là Cốp-đen và Brai-tơ sáng lập năm 1838. Đưa ra yêu cầu mật dịch tự do triệt để, đồng minh đã tìm cách huỷ bỏ các đạo luật về ngũ cốc với mục đích hạ thấp tiền lương của công nhân và làm suy yếu địa vị kinh tế và chính trị của giới quý tộc ruộng đất. Kết quả của cuộc đấu tranh này là tháng Sáu 1846 đã thông qua một đạo luật huỷ bỏ các đạo luật về ngũ cốc, đánh dấu thắng lợi của giai cấp tư sản công nghiệp đối với giới quý tộc ruộng đất. -24.
- 17 "*The Economist*" ("Nhà kinh tế") - tạp chí hàng tuần của Anh về các vấn đề kinh tế và chính trị, được sáng lập ở Luân Đôn năm 1843; cơ quan ngôn luận của giai cấp tư sản đại công nghiệp. -27.
- 18 Có ý nói đến cuộc chiến tranh giữa một bên là Pháp và vương quốc Xác-đi-ni và bên kia là Áo (cuộc chiến tranh Áo - I-ta-li-a - Pháp) kéo dài từ ngày 29 tháng Tư đến ngày 8 tháng Bảy 1859. Che đậy bằng khẩu hiệu giải phóng I-ta-li-a khỏi sự thống trị của Áo, trên thực tế Na-pô-lê-ông III đã đưa cuộc chiến tranh I-ta-li-a đến những mục tiêu xâm lược. Vì lo sợ trước quy mô của phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a và vì không muốn thúc đẩy việc tổ chức một nhà nước I-ta-li-a độc lập thống nhất, ngày 11 tháng Bảy, Na-pô-lê-ông III đã ký kết một cách riêng rẽ Hiệp ước Vi-la-phrăng-ca với Áo sau lưng Xác-đi-ni.
- Cuộc Chiến tranh Crưm những năm 1853 - 1856 (Cuộc chiến tranh phương Đông) - cuộc chiến tranh giữa Nga với khối liên minh Anh, Pháp, Thổ Nhĩ Kỳ và Xác-đi-ni, diễn ra do hậu quả của sự xung đột quyền lợi kinh tế và chính trị của các nước này ở Cận Đông. -29.
- 19 *Cuộc chiến tranh nhỏ*. - thuật ngữ được dùng trong các tài liệu quân sự thế kỷ XVIII - XIX để chỉ những hoạt động quân sự do những đơn vị nhỏ của quân chủ lực thực hiện kết hợp với hoạt động của các đội du kích và dân binh.
- Nói đến cuộc chiến tranh thực dân ăn cướp ở An-giê-ri do Chính phủ Pháp tiến hành vào năm 1830. Hoạt động của bọn thực dân Pháp đã vấp phải sự kháng cự quyết liệt của nhân dân An-giê-ri. Mãi 40 năm sau họ mới biến được An-giê-ri thành thuộc địa của Pháp. -29.
- 20 Có ý nói đến những cuộc giao chiến xảy ra trong thời kỳ chiến tranh Áo - I-ta-li-a - Pháp năm 1859. Trong trận giao chiến ngày 4 tháng Sáu 1859 ở Mát-gien-ta quân

Áo đã thua quân Pháp. Ngày 24 tháng Sáu 1859, tại Xôn-phe-ri-nô quân Áo đã thua liên quân Pháp - I-ta-li-a. -30.

- 21 Hiệp bang Đức - liên hiệp các quốc gia Đức do Đại hội Viên sáng lập vào năm 1815 và lúc đầu nó gồm 34 quốc gia và 4 thành phố tự do. Giữa hai cường quốc lớn nhất của hiệp bang - Áo và Phổ - diễn ra cuộc đấu tranh liên tục để giành ưu thế. -33.
- 22 Trong trận giao chiến ở *Ô-xéc-lít* ngày 22 tháng Chạp 1805, Na-pô-lê-ông I đã đánh bại liên quân Nga - Áo. Ngày 14 tháng Mười 1806, trong trận giao chiến ở *I-ê-na*, quân đội của Na-pô-lê-ông đã đánh tan quân đội Phổ và bằng thắng lợi này đã buộc nước Phổ phải đầu hàng. Ngày 5-6 tháng Bảy 1809, Na-pô-lê-ông đánh tan quân Áo của đại công tước Các-lo ở *Va-gram*. - 34.
- 23 Nói đến các bài báo của C.Mác về ngân sách của Glát-xtôn: "Phéc-giuýt Ô' Cô-no. - Sự thất bại của nội các. - Ngân sách", "Đồng pao, si-linh, pen-ni, hay là ngân sách có tính chất giai cấp và nó có lợi cho ai". "Những vụ lộn xộn ở Công-xtăng-ti-nô-plơ. Thuật gọi hỗn ở Đức. - Ngân sách". "Xà phòng cho nhân dân, miếng ngon cho tờ "Times", - Ngân sách của nội các liên hiệp" và các bài báo khác (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.9, tr.80-87, 88-93, 94-104 và 105-114). -37.
- 24 H. Douglas "A Treatise on Naval Gunnery" (G. Đu-glát "Công ước về pháo binh hải quân". Có ý muốn nói đến cuốn sách xuất bản lần thứ ba năm 1851 ở Luân Đôn. -55.
- 25 Âm chỉ lời kêu gọi của vua Phổ Phri-đrich Vin-hem IV gửi dân chúng Béc-lin ngày 19 tháng Ba 1848, lời kêu gọi này bắt đầu bằng câu "An meine lieben Berliner" ("Hỡi những người dân Béc-lin yêu quý của tôi"). -57.
- 26 *Hòa ước Vi-la-phrăng-ca* được ký kết sau cuộc chiến tranh Áo - I-ta-li-a - Pháp năm 1859, dự định thành lập một liên minh các quốc gia I-ta-li-a do giáo hoàng La Mã đứng đầu. Gia nhập liên minh còn có Vơ-ni-đơ thuộc sở hữu của Áo; Lô-m-bác-di chuyển giao cho Pháp, về sau này Pháp lại chuyển giao nó cho Pi-ê-mông để đổi lấy Xa-voa và Ni-xơ; ở các công quốc Pác-mơ, Mô-de-nơ, Tô-xca-nơ đã phục hồi chế độ quân chủ mà nhân dân đã lật đổ. Hoà nước này hoàn toàn phù hợp với những kế hoạch của Na-pô-lê-ông III, nó không giải quyết nhiệm vụ thống nhất dân tộc I-ta-li-a, ngược lại nó củng cố sự chia cắt đất nước về chính trị và duy trì quyền bá chủ của ngoại bang trong các vùng riêng của nó.

Nói đến những tài liệu ngoại giao của cuộc chiến tranh Áo - I-ta-li-a - Pháp năm 1859 do Chính phủ Phổ công bố trên tờ "Neue Preussische Zeitung" tháng Bảy 1859

và sau đó được đăng lại trên tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc ngày 30-31 tháng Bảy.

Những cuốn Sách xanh - tên chung của những tập văn kiện của Nghị viện Anh và những văn kiện đối ngoại của Bộ ngoại giao Anh. Những cuốn Sách xanh sở dĩ mang tên như vậy là do chúng có bìa màu xanh, xuất bản ở Anh từ thế kỷ XVII và được dùng làm tài liệu chính thức, chủ yếu để nghiên cứu lịch sử kinh tế và ngoại giao của nước này. -58.

- 27 *Hòa ước Ba-lơ* được ký kết một cách riêng rẽ vào ngày 5 tháng Tư 1795 giữa Pháp và Phổ, nước tham gia vào Liên minh chống Pháp lần thứ nhất. Việc ký kết hòa ước này không chỉ là kết quả của những thắng lợi của quân đội Pháp mà còn là hậu quả của những bất đồng giữa các thành viên trong khối liên minh và trước hết là giữa Phổ và Áo.

Về trận giao chiến ở *I-ê-na* - xem chú thích 22. -58.

- 28 Có ý nói đến cuộc viếng thăm của A-lếch-xan-đơ II và Vin-hem, hoàng thân nhiếp chính Phổ ở Brê-xláp (Brô-xláp) diễn ra vào tháng Mười 1859. Mặc dù ở Phổ và Nga không công bố chính thức mục đích chính trị của cuộc viếng thăm là như thế nào, song báo chí của hai nước đã vạch rõ ý nghĩa chính trị to lớn của nó là nhằm củng cố liên minh giữa hai quốc vương. -59.
- 29 Về trận giao chiến ở *Ô-xéc-lít* - Xem chú thích 22. -59.
- 30 Vai trò của Sti-bơ trong vụ án khiêu khích chống những người cộng sản ở Khuên do Chính phủ Phổ tổ chức năm 1852 đã bị vạch trần trong các bài báo của Ai-sơ-hốp - người thuộc phái xã hội chủ nghĩa ở Đức - vào năm 1859 và trong vụ án năm 1860. Phát biểu trong phiên tòa xử vụ này với tư cách là nhân chứng chính, Sti-bơ đã dùng những bằng chứng sai trái để khẳng định các tài liệu buộc tội được bịa đặt ra, trong đó có sự tham gia của ông ta. Vai trò đó của Sti-bơ lần đầu tiên bị Mác vạch trần trong tác phẩm "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên" (xem C. Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.8, tr.538-625).

Có ý nói đến "Briefe von Alexande von Humboldt an Varnhagen von Ense aus den Jahren 1827 bis 1858". Leipzig, 1860 ("Những bức thư của A-lếch-xan-đơ Hum-bôn gửi Vác-ha-gen Phôn En-đơ những năm 1827-1858". Lai-pxích, 1860). -60.

- 31 *Xi-cu-lơ* - một trong những bộ tộc cổ đại ở đảo Xi-xin, lúc đầu cư trú ở phía Đông của đảo. -61.

- 32 *Lễ cầu kinh buổi tối ở Xi-xin* - một cuộc nổi dậy của nhân dân chống lại bọn xâm lược Pháp ở Pa-léc-mô, nổ ra trong buổi lễ phục sinh tối ngày 30 tháng Ba 1282. Cuộc nổi dậy nổ ra là do những hành động tàn bạo của binh lính Pháp. Sau khi chiếm được toàn bộ Xi-xin, cuộc khởi nghĩa dẫn đến việc trục xuất những người Pháp và lật đổ triều đại An-giư thống trị Xi-xin từ năm 1266. -63.
- 33 Trước sự phẫn nộ ngày càng dâng cao của nhân dân do sự thống trị của phái Bốc-bông gây ra, hoàng đế xứ Na-pô Phran-xít-xơ II và các thủ hạ của ông đã gây ra những cuộc xung đột đẫm máu vào mùa xuân 1860 ở nhiều vùng khác nhau ở Xi-xin. Đáp lại sự kiện trên, tháng Tư 1860 ở Xi-xin đã nổ ra một cuộc khởi nghĩa của nhân dân với khẩu hiệu thống nhất nước I-ta-li-a. Ở Pa-léc-mô và ở Mê-xin cuộc khởi nghĩa đã bị đàn áp dã man. Tuy nhiên, phần lớn những người khởi nghĩa đã không chịu hạ vũ khí và về sau họ đã gia nhập quân đội của Ga-ri-ban-đi. -64.
- 34 "*National-Zeitung*" ("Báo dân tộc") - nhật báo tư sản Đức được xuất bản ở Béc-lin với tên gọi này trong những năm 1848 - 1915; trong những năm 50 thế kỷ XIX báo này theo khuynh hướng tự do.
- Ba-đen-giơ* - biệt danh của Na-pô-lê-ông III. Năm 1846, khi trốn khỏi nhà tù ông ta đã mặc bộ quần áo của người thợ xây ba-đen-gơ. -65.
- 35 *Hãng thông tấn Buy-li-ơ* - một hãng thông tấn ở Pa-ri, được thành lập vào những năm 50 thế kỷ XIX; về sau hợp nhất với hãng thông tấn Ha-vác. -65.
- 36 *Liên minh thuế quan* của các quốc gia Đức, quy định hàng rào thuế quan chung, được thành lập 1834, do Phổ cầm đầu. Dần dần liên minh này đã bao gồm tất cả các quốc gia Đức, trừ nước Áo và một vài quốc gia nhỏ. Ra đời do sự cần thiết thành lập một thị trường chung của dân tộc Đức, liên minh thuế quan đã tạo điều kiện để thống nhất nước Đức về chính trị sau này. -66.
- 37 Có ý nói đến các hòa ước Pa-ri trong các năm 1814 và 1815 giữa Pháp và các nước chủ yếu tham gia Liên minh chống Pháp lần thứ sáu và thứ bảy (Nga, Anh, Áo và Phổ), là những nước giành được thắng lợi trước Na-pô-lê-ông. Theo hòa ước thứ nhất, được ký ngày 30 tháng Năm 1814, nước Pháp bị mất hết các vùng đất đã chiếm được trong các cuộc chiến tranh những năm 1792-1814, trừ một vài pháo đài ở biên giới và Tây Xa-voa. Theo Hòa ước Pa-ri lần thứ hai, nước Pháp lấy lại biên giới của năm 1790 và bị mất những vị trí chiến lược quan trọng trên biên giới phía đông của mình, trong đó có pháo đài Lan-đau. -66.
- 38 Có ý nói tới sự ủng hộ về quân sự mà nước Nga Sa hoàng dành cho Chính phủ Áo

- trong việc đàn áp cuộc cách mạng Hung-ga-ri năm 1848 - 1849. Theo lệnh của Ni-cô-lai I, kẻ đã run sợ trước phong trào cách mạng ở châu Âu, tháng Năm 1849 quân Nga tiến vào Hung-ga-ri; điều đó quyết định vận mệnh của cuộc cách mạng Hung-ga-ri, củng cố thắng lợi của bọn phản cách mạng ở các nước châu Âu và tăng cường vai trò của chế độ Nga hoàng với tư cách là "tên sen đầm ở châu Âu". -66.
- 39 Mác có ý nói đến công văn hỏa tốc của A.M. Goóc-tra-cốp gửi các đại diện ngoại giao Nga ở các quốc gia Đức ngày 27 (15) tháng Năm 1859, công văn này được đăng trên báo "*L'Indépendance belge*" và được đăng lại vào ngày 16 tháng Sáu 1859 trên số 167 của tờ "*Allgemeine Zeitung*" ở Au-xbuc. -67.
- 40 *Lan-dơ-ve* ra đời năm 1813 ở Phổ với tư cách là đơn vị dân binh trong cuộc đấu tranh chống quân đội Na-pô-lê-ông. Về sau lan-dơ-ve bao gồm những người dưới 40 tuổi đã mãn hạn 3 năm quân dịch và qua 2 năm dự bị. Khác với quân đội thường trực, lan-dơ-ve bao gồm những người có nghĩa vụ quân sự nhưng họ chỉ bị gọi đi quân dịch trong trường hợp đặc biệt cần thiết. Do có cuộc cải cách quân đội diễn ra ở Phổ năm 1860, vai trò của lan-dơ-ve giảm xuống: người ta dự định chỉ sử dụng lan-dơ-ve để phục vụ ở các doanh trại, thời hạn dự bị được tăng lên đến 4 năm, còn lứa tuổi để đưa vào lan-dơ-ve hạn chế dưới 32 tuổi. -68.
- 41 Có ý nói tới hiệp ước về linh minh và bảo đảm giữa Nga và Phổ, được ký vào tháng Sáu 1714, hiệp ước này bảo đảm cho Phổ vùng đất miền Đông Pô-mê-ra-ni với thành phố Stét-tin (Sê-xin). Hiệp ước được ký kết trong thời kỳ chiến tranh phương Bắc 1700 - 1721 giữa Nga và Thụy Điển, khi đó nước Nga mong muốn lôi kéo nước Phổ về phía mình bằng cách phân chia các lãnh địa của Thụy Điển ở nước Đức. - 70.
- 42 *Cuộc chiến tranh bảy năm* (1756 - 1763) - cuộc chiến tranh giữa hai khối liên minh các quốc gia châu Âu: một bên là Anh - Phổ với bên kia là Pháp - Nga - Áo. Cuộc chiến tranh này bắt nguồn từ những vụ xung đột về lợi ích giữa các cường quốc chuyên chế - phong kiến (Phổ, Áo, Nga, Pháp) và từ những cuộc cạnh tranh về thuộc địa giữa Pháp và Anh. Trong những năm 1757 - 1760, quân đội của nhà vua Phổ Phri-đrich II đã giành được hàng loạt thắng lợi trước quân Áo và Pháp, thế nhưng những thắng lợi của quân đội Nga ở Phổ trong những năm 1757 - 1760 đã làm tiêu tan kết quả của những thắng lợi của quân Phổ, Đông Phổ và Xi-lê-di bị quân đội Nga - Áo chiếm đóng, và nước Phổ đã tiến gần đến thất bại. Sự thay đổi đột ngột đường lối đối ngoại của Nga, do cái chết của nữ hoàng Ê-li-da-bét ngày 5 tháng Giêng 1762 (25 tháng Chạp 1761) và việc lên ngôi vua của Pi-ôt III, người

đã ký hòa ước với Phổ, tạo cơ hội cuối cùng để ký Hòa ước Gu-béc-tu-xbuốc (1763) với Áo và do đó giữ được xứ Xi-lê-di cho mình. -71.

43 Trong các năm 1772, 1793 và 1795 đã có ba lần phân chia nước Ba Lan (Lời của Pô-xpô-lít) giữa Nga, Phổ và Áo. Nước Nga được phần đất thuộc Lít-va, Bê-la-ru-xi-a và U-crai-na, nước Phổ - các vùng lãnh thổ chính cống Ba Lan (Pô-mê-ri-e, Đại Ba Lan, một phần Ma-dô-vi-a với Vác-sa-va và các vùng khác), nước Áo - vùng đất phía tây U-crai-na và một phần của Tiểu Ba Lan. Kết quả của ba lần phân chia này là nước Ba Lan không còn tồn tại như một quốc gia độc lập nữa. -71.

44 Tại Đại hội Viên (1814-1815) Áo, Anh và nước Nga Sa hoàng đã thay đổi lại bản đồ châu Âu nhằm mục đích phục hồi nền quân chủ chính thống, bất chấp những lợi ích tái thống nhất và độc lập của các dân tộc. Theo nghị quyết của Đại hội Viên, mặc dù Anh, Áo và Pháp phản đối, vùng lãnh thổ hai bên tả và hữu ngân sông Ranh, và kể cả Bắc Dắc-den đều sáp nhập vào nước Phổ. -71.

45 "Correspondence respecting the Affairs of Italy from the signing of Preliminaries of Villafranca to the Postponement of the Congress", London, 1860 ("Thư tín nói về tình hình ở I-ta-li-a kể từ khi ký hiệp định đình chiến ở Vi-la-phrăng-ca cho đến khi triệu tập đại hội". Luân Đôn, 1860). Xuất bản phẩm trên được in thành hai tập, bao gồm những thư tín viết từ tháng Bảy 1859 đến tháng Tư 1860. -72

46 Đây nói đến những tham vọng của Na-pô-lê-ông III đối với vùng tả ngân sông Ranh, nơi mà các đại diện của giới cầm quyền thuộc cánh hữu của Pháp ngay từ thế kỷ XVII đã quan niệm là "biên giới tự nhiên" của nước Pháp ở phía Đông. Chi tiết về vấn đề này xin xem các tác phẩm của Ph.Ăng-ghe-n "Pô và Ranh" và "Xa-voa, Ni-xơ và Ranh" (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.13, tr. 303-359 và 727-776). -72.

47 Có ý nói đến bài báo của C.Mác "Tình hình nguy ngập ở Đức" (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.13, tr. 685-690). -72.

48 Thỏa thuận của Ôn-muýt-xơ giữa Áo và Phổ, được ký ngày 29 tháng Mười một 1850 do Ni-cô-lai I làm môi giới và ủng hộ. Đó là một thắng lợi to lớn của Áo, bởi vì Phổ bị buộc phải từ bỏ những tham vọng giữ vai trò thống trị ở Đức, thậm chí nhượng bộ Áo trong vấn đề Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ và Hét-xen.

Có ý nói đến *Quốc hội hiệp bang* - được thành lập theo quyết định của Đại hội Viên năm 1815, là cơ quan trung ương của Hiệp bang Đức (xem chú thích 21), hợp

ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ và gồm các đại diện của các quốc gia Đức. Vì không có quyền lực thực tế nên Quốc hội hiệp bang là công cụ của chính sách phản động của các quốc gia Đức. -73.

49 Phần đầu của nhan đề là do viện Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô đặt. -76.

50 "*Le Constitutionnel*" ("Người lập hiến") - nhật báo tư sản Pháp, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1815 đến 1870; trong những năm 40 - cơ quan ngôn luận của phái Oóc-lê-ăng ôn hoà; trong thời kỳ cách mạng 1848 tờ báo thể hiện những quan điểm của giai cấp tư sản phản động tập hợp xung quanh Chi-e; sau cuộc đảo chính tháng Chạp 1851 - là tờ báo của phái Bô-na-pác-tơ. -76.

51 Nói đến bức thư của hoàng thân nhiếp chính Vin-hem gửi cho phu quân của nữ hoàng Anh là hoàng thân An-be vào tháng Hai 1860. Trong thư của mình, hoàng thân nhiếp chính viết rằng ông ta đồng ý chấp nhận đề nghị của Anh về liên minh giữa Anh, Áo và Phổ, hy vọng có thể lôi kéo được cả Nga vào liên minh này. Đặc biệt, đề nghị đó của Anh là do những xu hướng thù địch ngày càng tăng của Chính phủ Na-pô-lê-ông III trong vấn đề lãnh thổ của Đức ở lưu vực tả ngân sông Ranh và do việc sáp nhập vùng Xa-voa và Ni-xơ vào nước Pháp, gây ra. -78.

52 *Hiệp ước Un-ki-ác - I-xkê-lê-xi* giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ được ký ngày 8 tháng Bảy (26 tháng Sáu) 1833. Hiệp ước mang tính chất của liên minh phòng thủ. Theo yêu cầu của Chính phủ Nga, trong hiệp ước có một điều khoản bí mật, theo điều khoản này Thổ Nhĩ Kỳ cam kết không cho bất cứ một tàu quân sự nước ngoài nào được đi qua vùng eo biển, trừ các tàu của Nga. - 78.

53 *Phố Đao-ninh* - phố ở trung tâm Luân Đôn, nơi có dinh thự chính của Chính phủ Anh. -79.

54 Có ý nói tới việc bảo vệ nền Cộng hòa La Mã mà trên thực tế Ga-ri-ban-đi đã lãnh đạo từ tháng Tư đến tháng bảy 1849. Quân đội của nước Cộng hòa trong vòng nhiều tháng đã đánh trả có hiệu quả các cuộc tấn công của quân đội Pháp, Áo và Na-pơ-lơ dần áp phong trào cách mạng. Được thành lập do kết quả của cuộc khởi nghĩa nhân dân, nước Cộng hòa La Mã bị sụp đổ ngày 3 tháng Bảy 1849 vì lực lượng phản cách mạng trội hơn và vì những hành động bội ước của viên tướng người Pháp và U-di-nô, kẻ đã vi phạm quy định ngừng bắn và đã chiếm đóng thành phố Rô-ma. -85.

55 Ngày 16 và 17 tháng Sáu 1860 tại Ba-den - Ba-den đã có cuộc gặp gỡ giữa một bên là các hoàng đế Đức và hoàng thân nhiếp chính Phổ Vin-hem và bên kia là

Na-pô-lê-ông III. Cuộc gặp gỡ không đáp ứng được những mong muốn của Na-pô-lê-ông III, kẻ đã rắp tâm chiếm đóng vùng đất của Đức dọc tả ngạn sông Ranh, kiên trì câu kết với Phổ nhờ vào các tiểu quốc Đức và đồng thời nhờ cuộc gặp gỡ này nước Phổ đã đóng vai trò quyết định trong lĩnh vực đối ngoại của nước Đức. -89.

56 Có ý nói đến chính sách ve vãn Na-pô-lê-ông III do Chính phủ Anh và Vương quốc Xác-đi-ni tiến hành. Cả Anh lẫn Xác-đi-ni đều tìm cách để đạt được một liên minh đặc biệt với Pháp. -91.

57 Cuộc gặp gỡ ở Stút-gát giữa Na-pô-lê-ông III với A-lếch-xan-đrơ II vào tháng Chín 1857 nhằm mục đích thiết lập sự hợp tác chặt chẽ về ngoại giao giữa Nga và Pháp đã được dự kiến tại Hội nghị Pa-ri năm 1856. Trong cuộc gặp gỡ, các vấn đề về Đắc-da-nen, về các công quốc Đa-nuýp, về vận mệnh của I-ta-li-a và các vấn đề khác được đưa ra xem xét. Mưu toan của Na-pô-lê-ông nêu vấn đề Ba Lan ra bàn luận đã không thành công. Kết quả cuộc gặp gỡ ở Stút-gát là không ký kết được một hiệp ước ngoại giao nào, nhưng nó đã cho người ta thấy những mong muốn của Nga cũng như của Pháp về một sự hợp tác chung. -91.

58 *Liên minh vùng Ranh* - sự thống nhất các quốc gia người Đức của Nam và Tây Đức được thực hiện nhờ sự bảo hộ của Na-pô-lê-ông I vào tháng Bảy 1856. Na-pô-lê-ông đã thành lập được liên minh này ở Đức là nhờ việc đánh bại nước Áo vào năm 1805. Có 16 nước tham gia vào khối liên minh, về sau còn thêm 5 nước nữa, các nước này trên thực tế đã trở thành các nước chư hầu của nước Pháp Na-pô-lê-ông. Năm 1813, liên minh này tan rã sau thất bại của quân đội Na-pô-lê-ông ở Đức. -92.

59 Mác gọi Na-pô-lê-ông III là *vị cứu tinh xã hội người Hà Lan*, ông này là một trong những người con của em trai Na-pô-lê-ông I Lu-i Bô-na-pác-tơ, người giữ ngôi hoàng đế Hà Lan trong những năm 1806 - 1810.

Về đại hội Viên - xem chú thích 43.

Các hội nghị của Liên minh thần thánh (liên minh phản động của các quốc vương châu Âu được nước Nga Sa hoàng, Áo và Phổ thành lập năm 1815) họp năm 1818 ở A-khen, năm 1820-1821 ở Tơ-rốp-pau (Ô-pa-va) và Lai-bắc (Liu-bơ-li-an) và vào năm 1822 ở Vê-rô-na. Nỗ lực của các hội nghị này là nhằm đàn áp các cuộc cách mạng tư sản và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Âu. Cụ thể là để đạt được mục đích ấy, hội nghị Lai-bắc đã quyết định điều động quân đội Áo đến

I-ta-li-a, còn hội nghị ở Vê-rô-na quyết định việc can thiệp của Pháp vào Tây Ban Nha. -92.

60 Có ý nói đến cuốn sách mỏng: Ed About "La Prusse en 1860". Paris, 1860 (E. A-bu "Nước Phổ năm 1860". Pa-ri 1860). -93.

61 Nói đến bài "Hoàng đế Na-pô-lê-ông III và nước Phổ" trong đó Mác viện dẫn những đoạn trích từ bài văn đả kích của A-bu. Bài này không có bất kỳ lời bình luận hay nhận xét nào của Mác và vì thế nó không được đưa vào xuất bản lần này. -93.

62 "*The Times*" ("Thời báo") - nhật báo lớn nhất ở Anh theo khuynh hướng bảo thủ, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1785. -96.

63 "*The Manchester Guardian*" ("Người bảo vệ Man-se-xtơ") - báo tư sản Anh, cơ quan ngôn luận của Phái mật dịch tự do (Phái mật dịch tự do), sau này là cơ quan ngôn luận của phái tự do; xuất bản ở Man-se-xtơ từ năm 1821. -97.

64 "*The Army and Navy Gazette*" ("Báo quân đội và hải quân") - tuần báo Anh, cơ quan ngôn luận bán chính thức của bộ chiến tranh, xuất bản với tên gọi này ở Luân Đôn từ năm 1860 đến 1921. -98.

65 Nói đến cuộc khởi nghĩa nhân dân lớn nhất trong những năm 1857-1859 ở Ấn Độ nhằm chống lại quyền bá chủ của Anh. Cuộc khởi nghĩa đã bùng nổ vào mùa xuân năm 1857 trong cái gọi là các đơn vị Xi-pai thuộc quân đội Ben-gan được tuyển mộ từ dân địa phương và đã chiếm được những vùng đất rất rộng lớn của Bắc và Trung Ấn Độ. Động lực chính của cuộc khởi nghĩa là nông dân và thợ thủ công nghèo thành thị. Cuộc khởi nghĩa do các chúa phong kiến địa phương cầm đầu, đã bị thất bại do tính chất cát cứ phong kiến ở Ấn Độ, do sự khác biệt về tôn giáo và đẳng cấp, và cả vì kỹ thuật quân sự của bọn thực dân trội hơn. -100.

66 "Reports of the Inspectors of Factories to Her Majesty's Principal Secretary of State for the Home Department, for the Half Year ending 30th April 1860". London, 1860 ("Báo cáo của các viên thanh tra công xưởng trình bộ trưởng nội vụ của nhà vua về sáu tháng, kể từ 30 tháng Tư 1860". Luân Đôn, 1860). -104.

67 Về hiệp ước thương mại Anh - Pháp - xem chú thích 8. -116.

68 Bức thư của Ga-ri-ban-đi gửi cho một trong những người quen của Mác - ông Grin - vào mùa hè 1860 chứng minh mong muốn của Ga-ri-ban-đi là làm cho cuộc đấu tranh của nhân dân I-ta-li-a nhằm thống nhất đất nước và giải phóng tổ quốc khỏi sự thống trị của nước ngoài, không phụ thuộc vào nền chính trị của Na-pô-lê-ông III. - 118.

- 69 Nói đến tác phẩm của Gi. La-pha-ri-na: "Storia d' I-ta-li-a dal 1815 al 1850". Vol I-VI, Torino, 1851-1852 ("Lịch sử I-ta-li-a từ năm 1815 đến 1850". Tập I - VI, Tu-rin, 1851-1852). -120.
- 70 Có ý nói đến "Hội dân tộc" - một tổ chức chính trị của trào lưu quân chủ tự do ở Tu-rin và các thành phố khác do nhà hoạt động chính trị I-ta-li-a Gi. Pan-la-vi-tri-nô và phái viên của Ca-vuốc là La-pha-ri-na sáng lập năm 1856 nhằm tuyên truyền những tư tưởng thống nhất I-ta-li-a dưới uy lực của triều đại Xa-voa và sử dụng các lực lượng dân tộc trong nước cho mục tiêu ấy, Ga-ri-ban-di đại diện cho phái cách mạng trong tổ chức đó, đã tham gia tích cực vào các hoạt động của hội. Tuy nhiên, vai trò quyết định trong "Hội dân tộc" thuộc về những thủ hạ của Ca-vuốc. -120.
- 71 Mùa thu năm 1859 phong trào của nhân dân Pác-mơ, Mô-đe-nơ, Tô-xca-nơ và Ra-ma-ni-a đòi hợp nhất với Pi-ê-mông đã đạt tới một quy mô to lớn. Các chính phủ lâm thời, được thành lập trong các quốc gia đó, đã có quyền sử dụng một đạo quân tương đối đông dưới quyền tổng chỉ huy của Ga-ri-ban-di. Đứng trước nguy cơ cuộc tấn công của Áo và Vương quốc Na-plơ, ngày 5 tháng Mười, Ga-ri-ban-di đã ra lời kêu gọi gửi toàn thể nhân dân I-ta-li-a, tổ chức đăng ký mua vũ khí trong toàn quốc và tuyên bố ý định tiến hành cuộc hành quân giải phóng vào Vương quốc hai xứ Xi-xin. -121.
- 72 Report of the Commissioners appointed to consider the Defences of the United Kingdom; together with the Minutes of Evidence and Appendix". London 1860 ("Báo cáo của các đặc phái viên được bổ nhiệm để điều tra tình hình phòng thủ của Vương quốc liên hợp, kèm theo biên bản kê khai và phụ lục". Luân Đôn, 1860). -123.
- 73 Trong thời gian xảy ra cuộc Chiến tranh Crưm 1853-1856, Xê-va-xtô-pôn bị quân đội Anh - Pháp và Thổ Nhĩ Kỳ - Xéc-di-ni vây hãm. Cuộc chiến đấu anh dũng bảo vệ Xê-va-xtô-pôn những năm 1854-1855 kéo dài 349 ngày đêm. Trong cuộc chiến đấu này thành phố đã bị tàn phá nặng nề. -124.
- 74 "*The Cornhill Magazine*" ("Tập chí Cóc-nơ-hin") - nguyệt san văn học, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1860. -127.
- 75 "Papers, 1858-1860, respecting past or apprehended Disturbances in Syria", 4 Parts. ("Tư liệu các năm 1858-1860 đề cập đến những vụ lộn xộn đã qua hoặc sắp tới ở Xi-ri". Phần thứ tư).

Năm 1860 ở Xi-ri đã xảy ra một vụ thảm sát các tín đồ Cơ Đốc giáo - Ma-rô-nít. Từ cuối tháng Năm đến đầu tháng Bảy các tín đồ Hồi giáo Xi-ri - phái Đrô-đơ, được sự ủng hộ của quân đội Thổ Nhĩ Kỳ, đã tàn phá nhiều thành phố và làng mạc

- của người Ma-rô-nít và đã giết chết hàng nghìn người. Vụ thảm sát này do các phái viên Pháp và Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ khiêu khích. Lợi dụng sự kiện đó, Chính phủ Pháp đã xâm chiếm Xi-ri, song do sức ép của Anh, Nga và Áo, họ buộc phải rút quân đội của mình ra khỏi nước này. -129.
- 76 P. Dolgroukow. "La vérite sur la Russie". Paris, 1860. -129.
- 77 Vào cuối tháng Chạp 1859 ở Pháp, được sự gợi ý của Na-pô-lê-ông III, đã xuất bản một cuốn sách mỏng của La Ghê-ro-ni-e-rơ "Vị giáo hoàng và cuộc hội nghị". Những người theo chủ nghĩa tăng lữ đã giải thích nó như là kỳ vọng của hoàng đế nhằm hạn chế quyền hành thế tục của Pi IX. Giới tăng lữ Thiên chúa giáo cao nhất ở Pháp đã đi theo Pi IX, người mà vào đầu năm sau, trong chỉ dụ của mình, đã công khai phê phán cuốn sách đó, và đã đẩy lên chiến dịch chống lại hoàng đế Pháp. -130.
- 78 "*Các phe phái cũ*" - ở Pháp người ta gọi phái quân chủ chính thống và phái Oóc-lê-ăng được hình thành vào nửa đầu thế kỷ XIX như vậy. Phái chính thống, đã tập hợp các đại địa chủ lại, đấu tranh để phục hồi triều đại Buốc-bông ở Pháp; phái Oóc-lê-ăng, thống trị trong thời kỳ nền Quân chủ thánh Bấy, đã tập hợp các đại diện của các nhà tư bản tài chính và công nghiệp lớn - những người chủ trương phục hồi triều đại Oóc-lê-ăng, nhánh bé của triều đại Buốc-bông. -131.
- 79 *Liên minh dân tộc* được thành lập ngày 15-16 tháng Chín 1859 tại đại hội của phái tư sản tự do của các quốc gia Đức ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ. Những người tổ chức ra Liên minh dân tộc, đại diện cho lợi ích của các giai cấp tư sản Đức, đặt ra mục đích thống nhất toàn nước Đức, trừ nước Áo, do Phổ cầm đầu. Tháng Mười một 1867 liên minh này bị tan rã. -132.
- 80 Ngày 26 tháng Bảy 1860, ở Tê-plít-xơ đã diễn ra cuộc gặp mặt giữa hoàng đế Áo Phran-txơ - I-ô-xíp và hoàng thân nhiếp chính Phổ Vin-hem. Hoàng đế Áo mưu toan giành được sự ủng hộ trước của Phổ trong trường hợp có cuộc chiến tranh mới với Pháp và Xéc-di-ni. Một cuộc thỏa thuận bằng miệng về việc phối hợp đánh trả Na-pô-lê-ông III nếu ông ta tiến hành xâm lược Thụy Điển, Bỉ, Hà Lan hay các quốc gia Đức, đã được thông qua. -132.
- 81 Vào đầu những năm 40 thế kỷ XIX Pháp và Anh đã đòi Thổ Nhĩ Kỳ cải tổ lại việc quản lý Li-băng, nước này đã bị chia ra làm hai khu vực do các thống đốc phái Đrô-đơ và Ma-rô-nít - đại diện cho lợi ích của giới quý tộc phong kiến địa phương, điều hành. Trong khuôn khổ của Đế chế Thổ Nhĩ Kỳ, Li-băng có một số quyền tự trị trong các lĩnh vực hành pháp, quản lý tài chính v.v.. Trong cuộc đấu tranh giành

thị trường Li-băng, các cường quốc châu Âu đã đẩy lên sự thù địch về tôn giáo giữa những người Ma-rô-nít với những người Đrô-dơ, trong đó nước Anh dựa vào các chúa phong kiến theo dòng Đrô-dơ, còn Pháp dựa vào các chúa phong kiến theo dòng Ma-rô-nít. -132.

82 Ở Anh, sau cuộc đảo chính năm 1688 chế độ quân chủ lập hiến, được hình thành do sự thỏa hiệp giữa bọn quý tộc ruộng đất và giai cấp tư sản tài chính, được củng cố. Dự luật về các quyền và các đạo luật khác được thông qua năm 1689 còn hạn chế hơn nữa các quyền hành của nhà vua có lợi cho nghị viện. -132.

83 Có ý nói đến "Đạo luật về việc quản lý tốt nhất Ấn Độ" được Nghị viện Anh thông qua tháng Bảy 1858. Theo đạo luật này, Ấn Độ được chuyển sang đặt dưới quyền lực của nhà vua, còn Công ty Đông Ấn thì bị giải thể. Đạo luật này dự kiến thành lập Hội đồng Ấn Độ với tư cách là cơ quan tư vấn trực thuộc Bộ phụ trách các vấn đề Ấn Độ. Viên toàn quyền Ấn Độ được gọi là phó vương, thực ra vẫn chỉ là người thực hiện những ý định của Bộ phụ trách các vấn đề Ấn Độ ở Luân Đôn. -133.

84 Đây nói đến tiểu phẩm của hoàng tử Goăng-vin: "De l'état des forces navales de la France" ("Về tình hình lực lượng hải quân Pháp"), xuất bản năm 1844. -135.

85 "La Syrie et l'alliance russe". Paris, 1860. -142.

86 Đây nói về bức thư của Na-pô-lê-ông III gửi đại sứ Pháp ở Luân Đôn Péc-xi-nhi đề ngày 25 tháng Bảy 1860 và đã được công bố trên báo chí Pháp. Phủ nhận chính sách thù địch của mình trong quan hệ với Anh, trong bức thư này Na-pô-lê-ông còn mưu toan làm dịu đi những mối quan hệ căng thẳng và không tin cậy đối với chính sách đối ngoại của ông ta đang bao trùm ở nước Anh trong thời gian đó. -142.

87 *Đảng tự do* hình thành ở Anh vào cuối những năm 50 và nửa đầu những năm 60 thế kỷ XIX. Thành phần của nó gồm những người thuộc đảng Vích, phái Man-se-xơ (đại diện của giai cấp tư sản công nghiệp) và phái Pin (đảng To-ri ôn hòa). Đảng bảo thủ được hình thành trong thời gian đó thay đảng To-ri, đứng đối lập với đảng tự do là đảng chiếm vị trí của đảng Vích trong hệ thống hai đảng ở Anh. -149.

88 *Nhà thờ thánh Xtê-phan* ở Luân Đôn - một phần cung điện Oe-xơ - Min-xơ, tại đó trong thế kỷ XVI-XIX đã diễn ra các cuộc họp của Hạ nghị viện Anh. -150.

89 Có ý nói đến dự luật, mà tháng Tám 1860 đã trở thành đạo luật, theo đạo luật này số người châu Âu trong quân đội Ấn Độ, trước đây thuộc quyền điều khiển của Công ty Đông Ấn, nay chuyển thành đội quân phục vụ nhà vua Anh. Số lượng binh lính Anh trong quân đội Ấn Độ tăng lên một cách đột ngột. Đạo luật này, được

thông qua sau trận đàn áp cuộc khởi nghĩa Ấn Độ những năm 1857 - 1859 (xem chú thích 65), là một trong những biện pháp của Chính phủ Anh nhằm cải tổ việc quản lý Ấn Độ, theo đuổi mục đích củng cố sự thống trị của Anh ở Ấn Độ. -151.

90 Xem chú thích 83. -151.

91 Đây nói đến việc chuẩn bị can thiệp vũ trang vào Xi-ri của Chính phủ Pháp năm 1860 nhằm mục đích đóng chốt ở nước này. Dùng các sự kiện ở Xi-ri vào mùa xuân - hè 1860 để làm cớ (xem chú thích 75). Chính phủ Pháp đã thỏa hiệp với Nga và Anh đưa quân đội của mình vào Xi-ri và đóng ở đấy cho đến tháng Sáu 1851. -152.

92 "*Rô-béc Ma-cơ*" - hài kịch xã hội, do nghệ sĩ nổi tiếng người Pháp Prê-đê-rích Lê-mét sáng tác, có sự cộng tác của các nhà soạn kịch An-chi-e và Xanh-A-măng. Hình tượng nhân vật chính của vở hài kịch Rô-béc Ma-cơ, kẻ ranh mãnh - mưu lợi láu lỉnh, là một sự châm biếm giới quý tộc tài chính thống trị trong thời kỳ nền Quân chủ tháng Bảy. -153.

93 Nói tới xứ Lô-m-bác-đi bị người Pháp giao cho Pi-ê-mông sau khi ký kết Hòa ước Vi-la-phrăng-ca (xem chú thích 26), và cả xứ Rô-ma-nơ và các công quốc Pác-mơ, Mô-đe-nơ và Tô-xca-nơ được sáp nhập vào Pi-ê-mông do kết quả của cuộc trưng cầu dân ý vào tháng Ba 1860. -161.

94 "*Partant pour la Syrie*" ("Hành tiến vào Xi-ri") - bài hát chính thức trong thời kỳ Đế chế thứ hai, được hát trong những ngày lễ của Na-pô-lê-ông III. Ở đây có ý nói tới cuộc viễn chinh tới Xi-ri. -163.

95 Về các cuộc gặp gỡ ở Ba-đen - Ba-đen và Tê-plít-xơ - xem chú thích 55 và 80. -166.

96 *Mác-lây-nơ* - thị trường chứng khoán ngũ cốc ở Luân Đôn. -172.

97 "*Gardeners' Chronicle*" - tên gọi tắt của tạp chí hàng tuần Anh về các vấn đề kinh tế nông nghiệp "*The Gardeners' Chronicle and Agricultural Gazette*" ("Tin tức ngành làm vườn và báo nông nghiệp"); xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1841. -172.

98 "*The Freeman's Journal*" ("Báo của người tự do") - nhật báo Ai-rơ-len xuất bản ở Du-blin từ năm 1763 đến năm 1924; trong những năm 40 - 60 thế kỷ XIX tờ báo tán thành đề nghị huỷ bỏ liên minh với Anh, bảo vệ quyền của những tá điền Ai-rơ-len. -172.

99 Có ý nói đến tờ "*Independent*" ("Báo độc lập") - báo Ai-rơ-len, phát hành hai số mỗi tuần từ năm 1830 với tên gọi này ở Uếch-xphốt. -173.

100 Có ý nói đến dự thảo do Pháp đưa ra năm 1860, theo đó Tây Ban Nha cần phải

được liệt vào số những cường quốc lớn. Dự thảo bị Anh phản đối nên đã bị bãi bỏ. -174.

101 Về bức thư Na-pô-lê-ông III gửi cho Péc-xi-nhi - xem chú thích 86. -175.

102 Bài "*Duyệt lính bộ binh tình nguyện Anh*" được đăng lần đầu tiên trên báo "Allgemeine Militär-Zeitung" ("Báo quân sự phổ thông"), báo này về sau còn đăng hàng loạt bài của Ăng-ghe-nen. Bài báo được Ăng-ghe-nen dịch ra tiếng Anh và đăng trên tạp chí "The Volunteer Journal, for Lancashire and Cheshire", và cả trong cuốn "Những bài viết cho lính tình nguyện", sau khi được sửa chữa đôi chút. Tác phẩm này của Ăng-ghe-nen mở đầu cho một loạt bài về những người lính tình nguyện đăng trong tạp chí kể trên.

"*The Volunteer Journal, for Lancashire and Cheshire*" ("*Tạp chí Vô-lôn-tơ của Lan-kê-sia và Sê-sia*") - tạp chí quân sự ra hàng tuần của Anh, phát hành ở Man-se-xtơ những năm 1860-1862, Ăng-ghe-nen đã cộng tác với tạp chí này từ tháng Tám 1860 đến tháng Ba 1862. -176.

103 *Sĩ quan tùy tùng* trong các đơn vị quân tình nguyện - huấn luyện viên quân sự và là sĩ quan trong quân đội chính quy, được cử làm tổng tham mưu trong việc đề cử người chỉ huy quân khu. -177.

104 *Đội dân binh*, được thành lập ở Phổ sau cuộc Cách mạng tháng Ba 1848, bao gồm đại diện của các tầng lớp dân cư tư sản. Các đội dân binh, mà nhiệm vụ chính là giữ gìn trật tự, không có tổ chức rõ ràng và không được đào tạo về quân sự; trong thời kỳ các thế lực phản cách mạng hoạt động mạnh ở Đức vào tháng Mười một 1848, các đội dân binh bị tan rã. -178.

105 "*Người tàn tật*" - tên gọi tắt của tờ báo "Người tàn tật Nga", cơ quan ngôn luận thuộc bộ chiến tranh của nước Nga Sa hoàng, được xuất bản ở Xanh - Pê-téc-bua từ năm 1813 đến năm 1917, ra hàng ngày kể từ năm 1816.

Ở đoạn dưới Mác trích dẫn bài "Vấn đề phương Đông" đăng trên tờ "Người tàn tật Nga" các số 164 và 165, ra ngày 31 tháng Bảy và ngày 2 tháng Tám 1860. Những đoạn Mác trích dẫn được in lại căn cứ theo bản tiếng Nga của báo. -190.

106 Từ khi nền Cộng hòa La Mã bị sụp đổ năm 1849 do sự can thiệp của Pháp, quân đội Pháp đã tiếp tục chiếm đóng La Mã cho đến năm 1870. -194.

107 "*Bét-xơ ngăm đen*" ("Brown Bess") - tên dùng để gọi loại súng hỏa mai nòng trơn màu nâu trong quân đội Anh thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX. -201.

108 Cuộc chiến tranh giải phóng của người An-giê-ri dưới sự lãnh đạo của Áp-đen-Ca-đe chống bọn xâm lược Pháp, mang hình thức một cuộc chiến tranh thần thánh, kéo dài từ năm 1832 đến năm 1847. Nhờ dựa vào các tầng lớp đồng đảo dân cư An-giê-ri và biết cách tập hợp các bộ tộc A-rập lại dưới sự chỉ huy của mình, năm 1834 Áp-đen - Ca-đe đã buộc bọn Pháp xâm lược phải thừa nhận Tây An-giê-ri, trừ một số thành phố ven biển, là một quốc gia A-rập độc lập. Trong suốt những năm 1839-1844, quốc gia của Áp-đen - Ca-đe đã bị bọn xâm lược Pháp chiếm được sau cuộc đấu tranh quyết liệt, và ông phải chạy trốn sang Ma-rốc. Thế nhưng các cuộc khởi nghĩa chống thực dân ở các vùng phía Đông cũng như phía Tây An-giê-ri vẫn không chấm dứt sau sự kiện đó. -213.

109 Chế độ thay thế, phổ biến trong quân đội Pháp, là một trong những đặc quyền của các giai cấp hữu sản. Mỗi một người giàu có bị gọi đi quân dịch, có thể nộp một khoản tiền nào đó thuê cho mình một người thay. Số tiền thuê để thay thế đó được đưa vào quỹ đặc biệt "tiền trợ cấp của quân đội". Năm 1872, chế độ thay thế ở Pháp bị huỷ bỏ. -213.

110 Đây nói tới các cuộc giao chiến trong thời kỳ chiến tranh Áo - I-ta-li-a - Pháp năm 1859. Trong trận đánh ở *Pa-lê-xtrô* ngày 30 và 31 tháng Năm 1859, quân đội Áo đã bị quân Pháp - Xéc-di-ni đánh bại. Về các trận đánh ở *Mát-gien-ta* và *Xôn-phe-ri-nô*, xin xem chú thích 20. -219.

111 "*Revue des deux Mondes*" ("Tạp chí hai thế giới") - tạp chí chính luận và văn học nghệ thuật tư sản ra hai tuần một số, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1829. -225.

112 Về *Liên minh dân tộc* - xem chú thích 79.

Có ý nói đến cuộc gặp gỡ giữa các hoàng đế Nga và Áo với hoàng thân nhiếp chính Phổ, diễn ra ở Vác-sa-va tháng Mười 1860. Mưu toan xích lại gần nhau giữa Áo, Phổ và Nga là do tham vọng can thiệp vào việc thống nhất nước I-ta-li-a, và cả việc chống đối chính sách đối ngoại của Na-pô-lê-ông III ủng hộ vua Xéc-di-ni là Vích-to-Ê-ma-nu-en, quyết định. -227.

113 Ngày 3 tháng Ba (19 tháng Hai) 1859, tại Pa-ri đã ký một hiệp ước bí mật giữa Nga và Pháp. Theo hiệp ước này, nước Nga cam kết giữ lập trường trung lập có thiện chí trong quan hệ với Pháp trong trường hợp có chiến tranh giữa Pháp và Xéc-di-ni và kể cả với Áo. Pháp cũng hứa sẽ đưa ra vấn đề xem xét lại các điều khoản của Hòa ước Pa-ri năm 1856 hạn chế chủ quyền của Nga ở Hắc Hải và xâm chiếm của Nga vùng lãnh thổ Bét-xa-ra-bi-a. Trong khi Nga thực hiện những cam

kết của mình thì Na-pô-lê-ông III, người được hưởng mọi lợi thế của hiệp ước, đã không thực hiện những lời hứa của mình và do đó đã làm cho mối quan hệ qua lại giữa hai nước ngày càng lạnh nhạt. -230.

114 *Phái Gô-ta* được hình thành tại đại hội các đại biểu của giai cấp đại tư sản phản cách mạng, của phái tự do cánh hữu, họp ở Gô-ta (Thuy-rinh-gen) tháng Sáu 1849. Phái này, do sợ cách mạng thắng lợi, đã đặt ra cho mình mục đích liên minh toàn nước Đức, trừ Áo, do nước Phổ Hô-hen-xtô-léc đứng đầu. -230.

115 Phần thứ hai của nhan đề do Viện Mác - Lê-nin thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô đặt. -232.

116 *Via sacra* (Con đường thần thánh) - một con đường ở La Mã cổ đại, trên đó đã diễn ra cuộc diễu hành thắng lợi của quân đội sau chiến thắng trở về, hai chữ "via sacra" theo nghĩa bóng là chiến dịch hay cuộc hành quân thắng lợi". -234.

117 Có ý nói đến bản kêu gọi của Ga-ri-ban-đi gửi nhân dân Pa-léc-mô ngày 10 tháng Chín 1860 -

Cvi-ri-nan - một trong bảy ngọn đồi thuộc địa phận của La Mã. - 235.

118 *Pa-le-Roay-an* - cung điện ở Pa-ri là dinh thự của hoàng thân Giô-dép Bô-na-pác-tơ (Plông - Plông) trong những năm 50 - 60.

Về *Tuyn-lơ-ri* - xem chú thích 6. -235.

119 "*L' Opinion Nationale*" ("Dư luận quốc dân") - nhật báo Pháp, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1859 đến hết năm 1874. -326.

120 Nói về hiệp định thương mại giữa Phổ và Áo được ký ở Béc-lin ngày 10 tháng Hai 1853. Hiệp định này đã xóa bỏ được phần lớn những trở ngại về thuế quan để phát triển thương mại giữa hai nước.

Về *Liên minh thuế quan* - xem chú thích 36. -237.

121 F. A. Griffiths. "The Artillerist's Manual, and British Soldire's Compendium" ("Ph.O. Ghép-phít-xơ. "Tài liệu hướng dẫn cho lính pháo binh và sách chỉ dẫn tóm tắt dành cho binh lính Anh"). Xuất bản lần thứ nhất năm 1840. -242.

122 Có ý nói đến đạo ân chiếu tháng Mười do hoàng đế Áo Phran-txơ-I-ô-xíp ban bố ngày 20 tháng Mười 1860 nhằm trao cho các vùng dân tộc của đế chế quyền tự trị nhất định. Đạo ân chiếu này là sự nhượng bộ đối với những phần tử ủng hộ chế độ nhà nước liên bang, đặc biệt đối với những người Hung-ga-ri, làm thiệt hại cho những phần tử thuộc phái trung tâm - những người Đức gốc Áo. Tuy nhiên, sự nhượng bộ này cũng không làm thỏa mãn những người Hung-ga-ri đòi phải tiếp tục

phát triển hiến pháp đã được thực hiện ở Hung-ga-ri trước năm 1848. Đến đầu năm sau, ân chiếu tháng Mười bị huỷ bỏ, do việc ban bố chiếu đặc hứa ngày 26 tháng Hai 1861 theo đó, nguyên tắc thiết chế tập trung của Đế chế Áo lại một lần nữa được đề ra. -244.

123 Ngày 4 tháng Ba 1849, một bè đảng trong cung đình Áo, nấp sau lưng hoàng đế trẻ tuổi Phran-txơ-I-ô-xíp I, đã làm đảo chính, buộc đất nước vào một bản hiến pháp mới, phản dân chủ; sau khi họp hội nghị ở Grô-méc-gi-giơ, Quốc hội đã giải tán. Hiến pháp ngày 4 tháng Ba thiết lập chế độ hai viện, trong đó Thượng nghị viện giữ ưu thế, áp dụng các điều kiện cao về tài sản và về lứa tuổi đối với cử tri, cho hoàng đế quyền phủ quyết các quyết định của nghị viện... Nhưng hiến pháp ngày 4 tháng Ba, tuy vậy, vẫn hạn chế quyền hạn của hoàng đế và do đó nó đã bị huỷ bỏ sau vụ đàn áp cách mạng ở Hung-ga-ri. -244.

124 Có ý nói đến bản hiến pháp bất thành văn từ lâu đời ở châu Âu của Hung-ga-ri, dựa trên cơ sở những truyền thống cổ xưa và những điều luật của quốc vương bảo đảm quyền độc lập của nghị viện vì lợi ích của giới quý tộc Hung-ga-ri kể cả quyền nghị viện giải quyết những vấn đề quốc gia quan trọng nhất, trong đó có các vấn đề về ngân sách và tuyển quân. -245.

125 Huân tước Anh Xtơ-rát-pho, người được vua Sác-lơ I sủng ái và là người bảo vệ cuồng nhiệt chế độ chuyên chế, bị buộc tội phản quốc và bị xử tử vào năm 1641 theo đề nghị của nghị viện, được đông đảo quần chúng Luân Đôn và các vùng ngoại ô ủng hộ. - 247.

126 Mác gọi bọn địa chủ Phổ cũng như bọn chúa đất Anh như vậy, trò tiêu khiển ưa thích của chúng là đi săn cáo. -248.

127 Có ý nói đến cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (1775 - 1783). Cuộc khởi nghĩa của những thuộc địa ở Bắc Mỹ chống lại sự thống trị của Anh, bắt nguồn từ nguyện vọng của dân tộc tư sản Mỹ đã hình thành muốn đòi độc lập và đòi thủ tiêu mọi trở ngại để phát triển chủ nghĩa tư bản, mang tính chất một cuộc cách mạng tư sản. Thắng lợi của các dân tộc Bắc Mỹ đã dẫn đến việc thành lập một nhà nước tư sản độc lập - Hợp chúng quốc Mỹ.

Nói về những cuộc chiến tranh nổ ra vào năm 1792 của nước Cộng hòa Pháp, là nước xuất hiện do kết quả của cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, chống lại liên minh phản cách mạng của các cường quốc châu Âu - Anh, Phổ, Áo, Nga v.v.. - 250.

128 Năm 1844, vì mong muốn đẩy lùi những khó khăn trong việc đổi giấy bạc lấy vàng,

Chính phủ Anh, theo sáng kiến của R.Pin, đã thông qua đạo luật về cải cách Ngân hàng Anh, chia nó ra thành hai ngành độc lập - ngân hàng và phát hành - và thiết lập một tỷ suất cố định bảo đảm bằng vàng cho giấy bạc ngân hàng. Việc phát hành giấy bạc ngân hàng không được bảo đảm bằng vàng, được hạn chế trong số tiền là 14 triệu pao xtéc-linh. -291.

129 Xem chú thích 122. -299.

130 *Hội đồng hàng tỉnh* - hội nghị đẳng cấp trong các đơn vị hành chính - lãnh thổ lớn ở Hung-ga-ri (tỉnh), là các cơ quan tự quản dân tộc trong nước. Một trong những kết quả của những cải biến cách mạng ở Hung-ga-ri năm 1848, là đại biểu của toàn dân, không phân biệt đẳng cấp trong nước, được tham dự các hội đồng hàng tỉnh. Sau khi cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri bị đàn áp, các hội đồng hàng tỉnh bị bãi bỏ, việc phân chia đất nước ra thành các tỉnh bị thủ tiêu. -301.

131 Nói tới vụ bạo động của những bang chiếm hữu nô lệ miền Nam vào cuối năm 1860, và việc tách chúng ra khỏi Liên minh Bắc Mỹ là khởi đầu của cuộc Nội chiến ở Mỹ những năm 1861 - 1865. Chi tiết về vấn đề này xin xem tập này, tr.427-445.

Có ý nói đến cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc ở Trung Quốc nổ ra vào năm 1851 và mang tính chất của cuộc chiến tranh nông dân. Cuộc khởi nghĩa này bị đàn áp do sự can thiệp của Anh, Mỹ và Pháp phối hợp với quân đội của vua chúa phong kiến Trung Quốc. -305.

132 Có lẽ, là trong bài báo có ý nói tới sự kiện sau: Tháng Bảy 1860 ở Pháp, lúc đó chiến dịch chống Anh đang diễn ra sôi động, đã xuất hiện một tiểu phẩm với nhan đề "Mác-Ma-hông, nhà vua xứ Ai-rơ-len". Tiểu phẩm này kêu gọi người Ai-rơ-len thủ tiêu ách thống trị của Anh và đưa nguyên soái Pháp Mác-Ma-hông, con cháu của kiều dân Ai-rơ-len, lên ngôi vua xứ Ai-rơ-len. -305.

133 Những cam kết do vua Đan Mạch đưa ra năm 1851 với Phổ, Áo và Nga về thiết chế nhà nước của các công quốc Slê-dơ-vích, Hôn-stai-nơ và Lau-en-buốc đã được đưa vào tuyên ngôn ngày 28 tháng Giêng 1852. -305.

134 Nói đến đường lối "tự do chủ nghĩa" do hoàng thân Phổ Vin-hem (từ năm 1861 là vua Phổ) đưa ra khi ông ta phát biểu tại Hội nghị nhiếp chính tháng Mười 1858; trên báo chí tư sản, đường lối đó được gọi với cái tên rất kêu là "kỷ nguyên mới". Thế nhưng, trên thực tế, chính sách của Vin-hem chủ yếu là nhằm củng cố vị trí của chế độ quân chủ và gioong-ke Phổ. Không hề có một cải cách tự do chủ nghĩa nào như giai cấp tư sản mong đợi. Trên thực tế, "kỷ nguyên mới" đã chuẩn bị một

nền chuyên chế công khai của bọn gioong-ke, mở đầu để đưa đến chính quyền của Bi-xmác tháng Chín 1862. -308.

135 *"Dagbladet"* ("Nhật báo") - báo tư sản Đan Mạch, xuất bản ở Cô-pen-ha-gen từ năm 1851. -308.

136 Bài này lúc đầu Ăng-ghe-n viết cho báo "New-York Daily Tribune" và sau đó ông sửa chữa để gửi cho tạp chí "Volunteer Journal, for Lancashire and Cheshire". -311.

137 *"Aimanach de Gotha"* ("Lịch Gô-ta") - niên giám về ngoại giao và thống kê, xuất bản bằng tiếng Pháp ở Gô-ta (Đức) từ năm 1764 đến năm 1929. -311.

138 Xem chú thích 7. -312.

139 Có ý nói tới: "Principes phisiques et moraux du combat de l'infanterie" ("Những yếu tố thể chất và tinh thần trong lực chiến") - một phần cuốn sách của Buy-giô: "Aperçus sur quelques détails de la guerre" ("Khái luận về một số vấn đề tiến hành chiến tranh"), xuất bản lần thứ nhất ở Pa-ri năm 1832. -317.

140 Trong cuốn sách lẻ "Những bài viết cho lính tình nguyện" của Ăng-ghe-n bao gồm các bài sau đây, được công bố năm 1860 - đầu năm 1861 trên tạp chí "Volunteer Journal, for Lancashire and Cheshire": "Duyệt lính bộ binh tình nguyện Anh", "Bộ binh hạng nhẹ Pháp", "Pháo binh quân tình nguyện", "Lịch sử khẩu súng trường", "Lính công binh tình nguyện, ý nghĩa và lĩnh vực hoạt động của chúng". Nội dung các bài báo in trong tập sách này được Ăng-ghe-n sửa chữa, biên tập lại chút ít. Tập sách được xuất bản tháng Ba 1861. -331.

141 *Daily Telegraph* ("Điện tín hàng ngày") - báo tự do hàng ngày của Anh và từ những năm 80 thế kỷ XIX là báo của đảng bảo thủ Anh, được xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1855 đến 1937 với nhan đề trên, từ năm 1937, sau khi sáp nhập với báo "Morning Post" ("Bưu điện buổi sáng"), xuất bản dưới nhan đề "Daily Telegraph and Morning Post". -340.

142 *"The London Review"* ("Bình luận Luân Đôn") - tạp chí hàng tuần Anh, xuất bản từ năm 1860 đến 1869. -355.

143 "Die Französische Armee auf dem Exercirplatze und im Feld". Berlin, 1861. -373.

144 Có ý nói đến "Mémoires pour servir à L'histoire de France, sous Napoléon, écrits Sainte Hélène, par les généraux qui ont partagé, sa captivité, et publiés sur les manuscrits entièrement corrigés de la main de Napoléon". Paris, 1823 ("Hồi ký làm sáng tỏ lịch sử nước Pháp trong thời kỳ Na-pô-lê-ông cầm quyền, được các tướng

linh, bạn tù của Na-pô-lê-ông viết trên đảo Xanh-Hê-len và được công bố theo bản thảo hoàn toàn do tay Na-pô-lê-ông sửa chữa". Pa-ri, 1823). -376.

- 145 Nữ văn sĩ người Mỹ G. Bít-chor-Xtô - người tham gia tích cực phong trào đòi huỷ bỏ chế độ nô lệ da đen - đã viết thư cho huân tước quý tộc Anh Sếp-xbê-ri, bức thư này được đăng trên báo vào đầu tháng Chín 1861. Trong thư của mình, Xtô đã đánh giá đúng đắn cuộc Nội chiến ở Mỹ như là một cuộc chiến tranh chống lại chế độ chiếm hữu nô lệ, vạch trần tính chất phi nghĩa của sự nghiệp của phe liên minh. Bày tỏ sự công phẫn đối với lập trường của Anh trong cuộc chiến tranh ở Mỹ, Xtô kêu gọi ủng hộ các bang miền Bắc.

Cuộc Nội chiến ở Mỹ - cuộc chiến tranh trên phương diện kinh tế và xã hội giữa các bang tiến bộ ở miền Bắc và các bang chiếm hữu nô lệ ở miền Nam, kéo dài từ tháng Tư 1861 đến tháng Tư 1865. Nguyên nhân chính gây ra chiến tranh là cuộc đấu tranh giữa hai chế độ xã hội: chế độ tư bản chủ nghĩa lao động làm thuê được củng cố vững chắc ở miền Bắc và chế độ nô lệ đang thống trị ở miền Nam. Đối với những bang miền Bắc cuộc chiến tranh này mang tính chất tiến bộ và cách mạng. Trong quá trình phát triển của mình, cuộc nội chiến diễn ra qua hai giai đoạn: thời kỳ cuộc chiến tranh lập hiến để bảo vệ Liên bang và thời kỳ chiến tranh cách mạng để thủ tiêu chế độ nô lệ. Bước ngoặt trong tiến trình của chiến tranh là việc Chính phủ của Lin-côn cho ấn hành vào tháng Chín 1862 truyền đơn kêu gọi giải phóng những người nô lệ da đen. Việc thông qua đạo luật về việc cấp đất cho những người di cư (phần đất được cấp không phải trả tiền), việc thanh lọc trong quân đội và bộ máy nhà nước những phần tử phản bội, việc cho người da đen gia nhập quân đội việc đóng cửa các tờ báo phản động và các biện pháp có tính chất cách mạng dân chủ khác cũng có ý nghĩa quan trọng. Việc chuyển hướng tiến hành chiến tranh theo những phương pháp cách mạng đã dẫn đến một bước ngoặt căn bản trong tiến trình hoạt động quân sự và bảo đảm cho các bang miền Bắc giành thắng lợi trong cuộc nội chiến. Người đóng vai trò quyết định trong việc đánh bại về mặt quân sự những kẻ chiếm hữu nô lệ phương Nam là quân chúng nhân dân - công nhân, các Phéc-mi-ê và những người dân da đen. Chế độ xã hội tiến bộ hơn và ưu thế to lớn về tiềm năng kinh tế và con người đã quyết định thắng lợi của các bang miền Bắc, điều đó đã dọn đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ ở Mỹ. -393.

- 146 *"The Saturday Review"* ("Tập chí thứ bảy") - tạp chí hàng tuần của Anh theo khuynh hướng bảo thủ, xuất bản ở Luân Đôn trong những năm 1855-1938. -393.

- 147 *"The Examiner"* ("Người quan sát") - tuần báo của những người theo khuynh hướng tư sản tự do Anh, xuất bản ở Luân Đôn trong những năm 1808-1881. -394.

- 148 *Đảng cộng hoà* ra đời năm 1854 bao gồm những phần tử chống chế độ chiếm hữu nô lệ, liên minh với nhau nhằm chống lại những đòi hỏi ngày càng tăng của bọn điền chủ miền Nam. Phản ánh lợi ích của giai cấp tư sản công nghiệp miền Bắc và lợi dụng sự ủng hộ của đông đảo quần chúng lao động - các phéc-mi-ê, giai cấp công nhân v.v. - đảng cộng hoà đã đặt ra cho mình nhiệm vụ xoá bỏ quyền lực chính trị của bọn chủ nô, hạn chế và dần dần xoá bỏ chế độ nô lệ và nhường những vùng đất phía Tây để những phéc-mi-ê của chúng di cư đến không phải trả tiền. Năm 1856, lần đầu tiên đảng cộng hoà ra tranh cử tổng thống, nhưng chỉ giành được một phần ba số phiếu. Năm 1860, ứng cử viên tổng thống của đảng cộng hoà là ông Lin-côn đã trúng cử. Sau khi cuộc nội chiến ở Mỹ kết thúc, đảng này đã đấu tranh tích cực cho lợi ích của giai cấp tư sản tài chính đại công nghiệp. Hiện nay đảng cộng hoà cũng như đảng dân chủ, là một trong hai đảng của giai cấp tư bản lũng đoạn thay nhau cầm quyền ở nước Mỹ. -394.

- 149 Nói về hiến pháp lâm thời được sáu bang có chế độ chiếm hữu nô lệ ở miền Nam, đã tách khỏi Liên bang Bắc Mỹ - Nam Ca-rô-lin, Gioóc-gi-a, Phlo-ri-da, A-la-ba-ma, Mi-xi-xi-pi, Lu-i-di-a-na thông qua tại Quốc hội ở Mông-tơ-gô-mê-ri (bang A-la-ba-ma) ngày 4 tháng Hai 1861. Quốc hội ở Mông-tơ-gô-mê-ri tuyên bố thành lập quốc gia chiếm hữu nô lệ - Hiệp bang Mỹ và bầu Giép-phéc-xơn Đê-vít làm tổng thống lâm thời của Hiệp bang. Ngày 2 tháng Ba 1861, bang Tếch-dát, và tháng Năm 1861, bốn bang chiếm hữu nô lệ vùng biên giới (Viéc-gi-ni-a, Ác-can-da-xơ, Bắc Ca-rô-lin và Tê-nê-xi) đã gia nhập Hiệp bang. -394.

- 150 *Thỏa hiệp Crít-ten-đen* - dự thảo giải pháp hòa bình cho cuộc xung đột giữa miền Bắc và miền Nam, do thượng nghị sĩ Crít-ten-đen đưa ra ngày 18 tháng Chạp 1860 tại Quốc hội Mỹ, bao gồm sáu điều sửa đổi Hiến pháp nước Mỹ. Những điều sửa đổi chính là: đòi cấm chế độ nô lệ ở các bang nằm ở phía Bắc vĩ tuyến 36°30' mà Thỏa ước Mi-su-ri quy định, và đòi hợp pháp hóa chế độ nô lệ ở phía Nam vĩ tuyến này, ngăn cấm hội nghị xoá bỏ chế độ nô lệ trong các bang chiếm hữu nô lệ của nước này. Điều khoản cuối cùng quy định không được thêm bất kỳ điều khoản sửa đổi nào khác vào hiến pháp, mà những điều khoản ấy làm thay đổi năm điều đã ghi ở trên. Chính điều khoản này đã xoá bỏ của quốc hội quyền thay đổi chế độ nô lệ đang tồn tại trong các bang. Ngày 22 tháng Chạp 1860 Thỏa hiệp Crít-ten-đen bị uỷ ban đặc biệt của Thượng nghị viện xoá bỏ. -396.

- 151 *Đảng dân chủ* được thành lập năm 1828, trước hết là liên minh các điền chủ, một vài nhóm tư sản, thậm chí cả một bộ phận đáng kể các phéc-mi-ê và giai cấp tiểu tư sản thành thị. Trong suốt những năm 30-40 thế kỷ XIX, đảng này ngày càng trở

thành người phản ánh lợi ích của các điền chủ - chiếm hữu nô lệ và của giai cấp đại tư sản miền Bắc gắn bó với chúng đang đấu tranh để bảo vệ và mở rộng chế độ nô lệ. Thế nhưng sau năm 1854, nhân khi thông qua Đạo luật Can-dắc - Nê-bra-xơ, đã xuất hiện nguy cơ mở rộng chế độ nô lệ ra toàn bộ lãnh thổ nước Mỹ, trong đảng dân chủ bắt đầu có sự chia rẽ giữa những người ủng hộ và những người chống lại việc tiếp tục mở rộng chế độ nô lệ. Đó là một trong những nguyên nhân chính làm cho đảng này bị thất bại trong cuộc tranh cử tổng thống năm 1860. -396.

- 152 *Thỏa ước Mi-su-ri* - thỏa ước đạt được vào năm 1820 sau khi cuộc đấu tranh quyết liệt giữa những người ủng hộ và những người chống chế độ nô lệ phát triển rộng rãi trong toàn quốc cũng như trong Quốc hội Mỹ. Theo thỏa ước, lãnh thổ của Mi-su-ri được nhập vào Liên bang với tư cách là bang chiếm hữu nô lệ, lãnh thổ của Mên - với tư cách là bang tự do; giữa các bang chiếm hữu nô lệ và các bang tự do là đường biên giới 36°30' vĩ độ bắc, vùng phía Bắc đường biên giới đó chế độ nô lệ bị cấm. Thỏa ước này làm dung hòa tạm thời những người muốn huỷ bỏ chế độ chiếm hữu nô lệ và những người ủng hộ chế độ chiếm hữu nô lệ, nhưng không thể xóa bỏ được những mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa miền Bắc công nghiệp và miền Nam chiếm hữu nô lệ. Năm 1854, trên thực tế thỏa ước Mi-su-ri đã bị huỷ bỏ do việc Quốc hội Mỹ thông qua Đạo luật Can-dắc - Nê-bra-xơ.

Th. Jefferson. "Memoirs, Correspondence, and Private Papers". Vol. IV. London. 1829 (T.Giép-phéc-xơn, "Hồi ký, thư từ và tài liệu riêng", t. IV, Luân Đôn, 1829). -397.

- 153 *Đạo luật Can-dắc-Nê-bra-xơ* được Quốc hội Mỹ thông qua tháng Năm 1854, thay thế Thỏa ước Mi-su-ri quy định biên giới giữa các bang tự do và bang chiếm hữu nô lệ. Từ đó trở đi, mỗi bang, không phụ thuộc vào quyết định của quốc hội và cũng không phụ thuộc vào vị trí lãnh thổ của mình, có thể thiết lập cho mình chế độ nô lệ. -397.
- 154 Có ý nói tới Biu-kê-nen, với tư cách là công sứ Mỹ ở Luân Đôn, cùng với các đại diện ngoại giao của Mỹ ở Pháp và Tây Ban Nha đã công bố Tuyên ngôn Ô-xten-đơ vào năm 1854. Tuyên ngôn này kêu gọi Chính phủ Mỹ mua hoặc chiếm lấy các đảo của Cu Ba đang thuộc quyền của Tây Ban Nha. Năm 1856, Biu-kê-nen, người của đảng dân chủ, đã trúng cử tổng thống Mỹ.

Vụ án Đrét-đơ Xcốt - vụ án người nô lệ da đen Đ. Xcốt, người cùng với chủ nhân của mình đã sống ở bang I-li-noi và sau đó ở bang Uy-xcôn-xin, - là các bang mà chế độ nô lệ bị Thỏa ước Mi-su-ri cấm - năm 1848 đã phát đơn kiện đòi giải phóng cho mình. Vụ án kéo dài cho đến năm 1857, khi Tòa án tối cao Mỹ bác bỏ

đơn kiện của người da đen. Quyết định này nhằm hợp pháp hóa chế độ nô lệ trong toàn quốc, đã được những người theo chủ nghĩa bài nô ở Mỹ lợi dụng để tuyên truyền trước ngày xảy ra cuộc nội chiến năm 1861-1865. -397.

- 155 *Cuộc chiến tranh Can-dắc* - cuộc đấu tranh vũ trang ở Can-dắc những năm 1854-1856 giữa những người ủng hộ chế độ chiếm hữu nô lệ hòng biến Can-dắc thành bang chiếm hữu nô lệ, với những người chống lại chế độ chiếm hữu nô lệ mà chủ yếu là các phéc-mi-ê. Mặc dù những người chống lại chế độ chiếm hữu nô lệ giành được hàng loạt thắng lợi. Can-dắc vẫn nằm trong tay những người ủng hộ chế độ chiếm hữu nô lệ được Chính phủ Liên bang giúp đỡ bằng vũ trang. Tuy nhiên, phần lớn dân chúng bang này vẫn tiếp tục đấu tranh đòi sáp nhập Can-dắc vào Liên bang với tư cách là một bang tự do. Cuộc đấu tranh ở Can-dắc trên thực tế là sự khởi đầu của cuộc Nội chiến ở Mỹ. -398.

- 156 Có ý nói đến "*Reynolds's Newspaper*" ("Báo Rây-nôn") - tuần báo của phái cấp tiến Anh, do Rây-nôn xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1850; đầu những năm 50 tờ báo này ủng hộ phái Hiến chương. -399.

- 157 *Ôn-dơ Bây-li* - tên gọi các tường thành của nhà tù Niu-ghết ở Luân Đôn, nơi có Tòa án hình sự trung ương. -400.

- 158 "*The New-York Herald*" ("Người đưa tin Niu Oóc") - nhật báo Mỹ, xuất bản với tên gọi này từ năm 1835 đến năm 1924; trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ, báo này tán thành thỏa hiệp với chế độ chiếm hữu nô lệ ở miền nam. -401.

- 159 Ngày 16 tháng Mười 1859 người chiến sĩ đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng người da đen ở Mỹ - Giôn Brao-nơ đã mưu toan dấy lên một cuộc khởi nghĩa của những người nô lệ trong các bang chiếm hữu nô lệ. Cùng với một toán người cùng chí hướng, ông đã chiếm được kho vũ khí của nhà nước ở Hác-pơ - Phe-ri thuộc bang Viéc-gi-ni-a. Song Brao-nơ đã không thành công trong việc mở rộng hơn nữa cuộc khởi nghĩa. Hầu như tất cả những người tham gia cuộc nổi dậy này (22 người, trong đó có 5 người da đen) chống cự quyết liệt với quân đội chính phủ, đều bị giết chết. G. Brao-nơ và năm người đồng đội của ông bị tử hình. Cuộc khởi nghĩa của Giôn Brao-nơ là một trong những bằng chứng cho thấy cuộc khủng hoảng cách mạng ở Mỹ đã lớn mạnh, nó thúc đẩy cuộc đấu tranh của những người da đen chống lại chế độ nô lệ và nó đoàn kết các lực lượng theo chủ nghĩa bài nô trong nước. -402.

- 160 Tháng Mười một 1832 hội nghị bang Nam Ca-rô-lin đã huỷ bỏ đạo luật về biểu thuế Liên bang những năm 1828 và 1832 quy định thuế quan cao đối với hàng hóa nhập khẩu. "Thế lệ huỷ bỏ" được công bố ngày 24 tháng Mười một 1832 nhằm kêu gọi công dân bang này bảo vệ sự bảo vệ độc lập của mình đối với chính quyền Liên bang

và đối với nguy cơ tách Nam Ca-rô-lin ra khỏi Liên bang Bắc Mỹ. Sau khi được Quốc hội phê chuẩn cho sử dụng lực lượng vũ trang, tổng thống Giếch-xơn đã đưa quân đội đến Nam Ca-rô-lin, nhưng do sức ép của những diễn chủ chiếm hữu nô lệ, ngày 2 tháng Ba 1833 ông ta đã phê chuẩn một biểu thuế thấp, có tính chất thỏa hiệp. Sau đó bang này đã huỷ bỏ quyết định của mình về việc huỷ bỏ đạo luật về biểu thuế.

Biểu thuế Mo-rin - biểu thuế bảo hộ mậu dịch do đảng viên của đảng cộng hòa - Mo-rin - đưa ra tại quốc hội. Được Hạ nghị viện thông qua tháng Năm 1860 và đặt thành luật ngày 2 tháng Ba 1861 sau khi Thượng nghị viện phê chuẩn, biểu thuế Mo-rin đã dự định tăng đáng kể thuế quan ở Mỹ. -404.

161 *"The Spectator"* ("Khán giả") - tuần báo của phái tự do Anh, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1828. -405.

162 Cuộc phong tỏa các cảng miền Nam do Chính phủ Mỹ tuyên bố tháng Tư 1861 đã thúc đẩy việc buôn lậu không chỉ giữa các bang miền Nam với Anh, mà cả giữa miền Nam và miền Bắc. Tiền lãi do buôn lậu tăng lên cùng với sự phát triển của các hoạt động quân sự. Chính phủ Liên bang đã tham gia tích cực vào việc buôn lậu với Anh. Li-vóc-pun là bang giữ một vai trò đặc biệt trong việc buôn lậu, trong hai năm đầu của cuộc chiến tranh đã có 31 000 kiện bóng từ các bang miền Nam chuyển đến đây. -408.

163 *"Calcutta Price Current"* ("Biểu giá Can-cút-ta") - tuần báo Ấn Độ, xuất bản dưới những tên gọi khác nhau từ năm 1818. -409.

164 Trong những năm 1845-1847, ở Ai-rơ-len hàng năm khoai tây bị mất mùa do bị bệnh. Trong những năm đó ở châu Âu cũng mất mùa, điều đó làm cho giá cả nông sản tăng lên, tai họa này dẫn đến nạn đói tai hại. Hơn một triệu dân nghèo Ai-rơ-len đã bị chết vì đói khát và bệnh tật, cũng khoảng bằng ấy người đã di cư khỏi Ai-rơ-len. -411.

165 *Việc giải phóng các tín đồ Thiên chúa giáo* - việc Chính phủ Anh xóa bỏ vào năm 1829 những hạn chế về quyền hạn chính trị của những người theo đạo Thiên chúa. Các tín đồ Thiên chúa giáo, phần đông trong số họ là người Ai-rơ-len, có quyền được bầu vào nghị viện và giữ một số chức vụ trong chính phủ; đồng thời điều kiện tối thiểu về tài sản để bầu cử tăng lên năm lần. Với mảnh khoe đó, các giai cấp cầm quyền Anh định lôi kéo giới thượng lưu của giai cấp tư sản và bọn địa chủ Thiên chúa giáo Ai-rơ-len về phía mình, nhờ vậy mà chia rẽ được phong trào dân tộc Ai-rơ-len.

Cuộc cải cách quyền bầu cử được Hạ nghị viện Anh thông qua năm 1831 và được Thượng nghị viện phê chuẩn hoàn toàn vào tháng Sáu 1832. Cuộc cải cách này nhằm chống lại sự độc quyền chính trị của giới quý tộc tài chính và ruộng đất và mở đường cho các đại biểu của giai cấp tư sản công nghiệp tham gia nghị viện. Giai cấp vô sản và tiểu tư sản là lực lượng chính trong cuộc đấu tranh cho cuộc cải cách, đã bị giai cấp tư sản tự do lừa đảo và không được quyền bầu cử.

Về việc *huỷ bỏ các đạo luật về ngũ cốc* - xem chú thích 16.

Thuế tem - một loại thuế đánh vào báo chí ở Anh, được áp dụng năm 1712 với mục đích tăng thu nhập quốc gia và chống lại báo chí đối lập. Thuế tem làm tăng giá báo chí một cách nghiêm trọng, hạn chế phạm vi lưu hành của chúng và làm cho chúng không đến được tay đồng đảo quần chúng nhân dân. Năm 1836, nghị viện buộc phải giảm thuế tem, và năm 1855 bãi bỏ thuế này.

Thuế giấy được áp dụng ở Anh năm 1694 nhằm mục đích chính là ngăn chặn sự giảm giá, và cũng có nghĩa là cản trở sự dân chủ hóa báo chí ở Anh. Hàng năm, thuế này đem lại cho nhà nước khoảng 1,4 triệu pao xtéc-linh thu nhập và hoàn toàn đổ lên vai người lao động. Năm 1861, phong trào rộng rãi ở Anh chống lại thuế giấy, kéo dài nhiều năm, đã làm cho thuế này bị huỷ bỏ. -412.

166 Tên gọi cuộc cách mạng vinh quang là tên mà giới sử học tư sản Anh dùng để gọi cuộc đảo chính năm 1688, sau cuộc đảo chính đó chế độ quân chủ lập hiến đã được thiết lập ở Anh, dựa trên sự thỏa hiệp giữa giới quý tộc ruộng đất và giai cấp tư sản tài chính. -413.

167 Có ý nói đến *"Cobbett's Weekly Political Register"* ("Tin tức chính trị hàng tuần của Cốp-bét") - tuần báo của phái cấp tiến, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1802 đến năm 1835. -413.

168 Năm 1839, Nghị viện Anh cho phát hành cuốn Sách xanh bao gồm các văn kiện ngoại giao nói về quan hệ Anh - Phổ và Anh - Áp-ga-ni-xtan. Trong cuốn sách này có thư từ của đại diện Anh ở Ca-bun A.Bóc-xơ viết về các sự kiện liên quan đến cuộc chiến tranh Anh - Áp-ga-ni-xtan (xem chú thích 10), những thư từ đó đã bị bộ ngoại giao tập hợp lại và xuyên tạc một cách có dụng ý nhằm che đậy vai trò khiêu khích của Anh trong việc gây ra cuộc chiến tranh. Trước khi chết ít lâu Boc-xơ đã gửi bản sao những thư tín của mình về Luân Đôn, còn một số thư tín không được đưa vào Sách xanh, đã được gia đình ông ta công bố. Điều đó đã vạch trần sự giả mạo của Chính phủ Anh. -415.

169 *Hiệp định Đan Mạch* - nghị định thư Luân Đôn ra ngày 8 tháng Năm 1852 về sự

toàn vẹn của nền quân chủ Đan Mạch do các đại diện của Nga, Áo, Anh, Pháp, Phổ, Thụy Điển cùng ký với đại diện của Đan Mạch. Cơ sở của nó là nghị định thư Hội nghị Luân Đôn của các bên tham gia kể trên (trừ Phổ) thông qua ngày 2 tháng Tám 1850, quy định nguyên tắc không phân chia các lãnh địa của vua Đan Mạch, kể cả các công quốc Slê-dơ-vích và Hôn-stai-sơ. Trong Nghị định thư Luân Đôn, hoàng đế Nga được nhắc đến với tư cách là một trong những người có tham vọng hợp pháp lên ngôi vua Đan Mạch, những người này đã từ bỏ các quyền hạn của mình vì lợi ích của công tước Cri-xti-an Ghuych-xbuốc là người đã tuyên bố sẽ kế vị vua Phrê-dê-rích VII. Điều này tạo ra tiền lệ để Nga hoàng đòi được lên ngôi vua Đan Mạch về sau này, khi triều đại Ghuych-xbuốc kết thúc. Nước Nga Sa hoàng ký Nghị định thư Luân Đôn là nhằm ngăn cản Phổ tách Slê-dơ-vích và Hôn-stai-nơ ra khỏi Đan Mạch và chiếm đoạt vịnh Kín-lơ. Như vậy, cuộc đấu tranh xung quanh vấn đề toàn vẹn của nền quân chủ Đan Mạch đã tiềm ẩn cuộc đấu tranh của các cường quốc châu Âu hùng thống trị vùng biển Ban-tích. -415.

170 *In usum delphini* - nghĩa đen: "dành cho hoàng thái tử", còn nghĩa bóng: lược bỏ dưới dạng bóp méo. Câu nói này được phổ biến sau khi người ta đã cho xuất bản các tác phẩm bị cắt xén rất nhiều của những tác giả cổ điển dành cho người thừa kế ngôi vua Pháp (hoàng thái tử) vào năm 1868. -416.

171 Từ ngày 6 đến 8 tháng Mười 1861 ở Côm-pi-e-nhơ (Pháp) đã diễn ra cuộc gặp gỡ giữa Na-pô-lê-ông III và vua Phổ Vin-hem I. -421.

172 *"Le Pays, Journal de L'Empire"* ("Đất nước, báo của đế chế"), - nhật báo Pháp, được thành lập ở Pa-ri năm 1849; trong thời kỳ Đế chế thứ hai (1852-1870) là cơ quan ngôn luận bán chính thức của Chính phủ Na-pô-lê-ông III. -421.

173 *Vườn hoa Prin-tinh-hao* - quảng trường ở Luân Đôn, trụ sở của tòa soạn báo "Times". -412.

174 *Vụ án Mác-đô-nan* - vụ bắt bớ ở Bon vào tháng Chín 1860 và việc truy tố viên đại uý quân đội Anh là Mác-đô-nan vì tội không phục tùng chính quyền địa phương. Chính phủ Anh đã lợi dụng vụ rắc rối này - đến tháng Năm 1861 mới được dàn hòa - làm nguyên cớ để tăng cường việc tuyên truyền chống nước Phổ. -421.

175 Có ý nói đến cuốn sách mỏng chống lại Bô-na-pác-tơ "Lettre sur l'histoire de France" ("Bức thư về lịch sử nước Pháp") do công tước Ô-man-xki viết đáp lại bài phát biểu của hoàng thân Na-pô-lê-ông (Plông-Plông) tại Thượng nghị viện Pháp

mùa xuân 1861. Theo lệnh của Na-pô-lê-ông III, cuốn sách đó đã bị tịch thu ngay lập tức, còn người xuất bản và nhân viên nhà in thì bị kết án ngồi tù và bị phạt mỗi người 5 000 phrăng. -422.

176 Đây nói đến việc các công tước triều đại Ôc-lê-ăng - hoàng thân Gioăng-vin, công tước Pan-chi-ép, bá tước Pa-ri và công tước Sác-tơ-rơ - tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ đứng về phía các bang miền Bắc. -423.

177 Ám chỉ Lu-i - Na-pô-lê-ông, người mà năm 1848 sống ở Anh đã tình nguyện gia nhập đội cảnh sát đặc biệt (cảnh sát dự bị trong nhân dân) cùng hoạt động với cảnh sát chống lại cuộc biểu tình của công nhân do phái Hiến chương tổ chức vào ngày 10 tháng Tư 1848. -423.

178 Trong thời gian cuộc chiến tranh của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ giành độc lập (xem chú thích 127) các nhà cách mạng Pháp đã ủng hộ cuộc đấu tranh của các thuộc địa khỏi nghĩa. Nhà soạn kịch nổi tiếng Bô-mác-se đã tham gia vào việc tổ chức gửi vũ khí và tham gia các đội quân tình nguyện của Pháp sang Mỹ. Trong những người tình nguyện Pháp - những người tham gia cuộc chiến tranh nổi tiếng - có nhà cách mạng tư sản La-phay-ét. -424.

179 Vào nửa đầu thế kỷ XIX Pháp cũng như những cường quốc châu Âu khác đã nhiều lần thực hiện mưu toan xâm lược Đông Dương. Năm 1858, Chính phủ Na-pô-lê-ông III, có sự tham gia của Tây Ban Nha, bắt đầu cuộc chiến tranh thực dân mới vào Đông Dương, viện cớ là để bảo vệ các nhà truyền đạo Thiên chúa giáo. Cuộc chiến tranh này kết thúc vào năm 1862, kết quả là lúc đầu Pháp chiếm được 3 tỉnh thuộc phần phía nam Đông Dương mà người châu Âu gọi là Cô-sanh-si-nơ (Nam Kỳ) và đến năm 1867 thì chiếm toàn bộ Cô-sanh-si-nơ. -425.

180 Bài báo này là sự mở đầu cho việc cộng tác của Mác với báo "Die Presse".

"Die Presse" ("Báo chí") - nhật báo tư sản Áo theo khuynh hướng tự do, xuất bản ở Viên từ năm 1848 đến 1896. Được thành lập vào tháng Bảy 1848 với tư cách là cơ quan ngôn luận của giai cấp tư sản tự do ôn hòa, tờ báo đã tạm thời ngừng xuất bản sau khi cuộc cách mạng năm 1848-1849 ở Áo bị thất bại. Điều đó làm cho tờ báo mang tiếng là có tính chất "đổi lập" ít nhiều. Đầu những năm 60, tờ báo có số lượng xuất bản nhiều nhất (30 000 người đặt mua dài hạn) so với những tờ báo được xuất bản bằng tiếng Đức. Sở dĩ tờ báo nổi tiếng trong những năm đó là do lập trường chống Bô-na-pác-tơ trong các vấn đề đối ngoại và cả việc nó đứng ra chống lại chính sách đối nội phản động của Chính phủ Áo. Từ năm 1856,

M. Phrít-len-đơ, nhà chính luận Đức, trở thành một trong những biên tập viên của "Die Presse", trước đó ông là người xuất bản tờ báo dân chủ tư sản "Neue Oder-Zeitung" ("Báo Ô-đơ-mới") mà Mác đã cộng tác với nó trong suốt năm 1855 với tư cách là thông tin viên ở Luân Đôn. Ban biên tập báo "Die Presse" đã nhiều lần cố gắng lôi kéo Mác cộng tác với báo. Chỉ đến tháng Mười 1861, sau khi tờ "Die Presse" lên tiếng chống lại chính phủ lập hiến giả hiệu của Sméc-linh ở Áo thì Mác mới hoàn toàn đồng ý cộng tác với báo.

Các bài của Mác trên báo "Die Presse" thường được ban biên tập cho đăng với ghi chú: "Theo thông tin viên hoặc "đặc phái viên" của chúng tôi ở Luân Đôn", để cập đến tất cả những vấn đề quan trọng nhất về đường lối đối nội và đối ngoại của Anh, Pháp và Mỹ, giới thiệu với độc giả Áo và Đức tình hình giai cấp công nhân và phong trào dân chủ ở các nước đó. Phần lớn các bài của Mác viết cho tờ "Die Presse" đều làm sáng tỏ cuộc Nội chiến ở Mỹ và ảnh hưởng của nó đối với tình hình các nước châu Âu và châu Mỹ. Đối với bài nhận xét chung về hoạt động quân sự, Mác thường sử dụng những tư liệu do Ăng-ghe-nơ cung cấp theo yêu cầu của ông. Mác cộng tác với báo "Die Presse" được hơn một năm. Trong thời gian đó, tờ báo đã đăng 52 bài của Mác - trong đó có hai bài viết chung với Ăng-ghe-nơ, một bài của Ăng-ghe-nơ. Có rất nhiều bài báo và bản tin do Mác viết cho báo "Die Presse" không được ban biên tập báo cho đăng. Đó là nguyên nhân chính làm cho Mác thôi cộng tác với tờ báo này vào cuối năm 1862.

Mác bắt đầu viết các bài "Nội chiến ở Bắc Mỹ", có lẽ vào tháng Sáu - tháng Bảy 1861, khi ông nhận được lời đề nghị cộng tác với báo "Die Presse" của Phrít-len-đơ. Chính khi đó, về căn bản bài "Nội chiến ở Mỹ" đã viết xong, và được gửi cho ban biên tập với tư cách là bài đầu tiên vào tháng Mười 1861. -427.

181 Có ý nói đến việc bang Nam Ca-rô-lin huỷ bỏ đạo luật về biểu thuế Liên bang năm 1828 và 1832 vào năm 1832 (xem chú thích 160). -429.

182 *Ca-pi-tôn* - tòa nhà ở Oa-sinh-tơn, nơi diễn ra các cuộc họp của Quốc hội Mỹ.

Lâu đài Phan-lơ - tòa nhà do thương gia Phan-lơ tặng thành phố Bô-xtơn. Trong thời gian diễn ra cuộc chiến tranh của các thuộc địa Bắc Mỹ giành độc lập (xem chú thích 127) tại tòa nhà này đã diễn ra những cuộc mít-tinh của những nhà yêu nước Mỹ. -430.

183 Sắc lệnh của Quốc hội lục địa công bố năm 1787, quy định rằng khi nào số dân ở các vùng độc lập ở phía Tây-Bắc sông Ô-hai-ô đạt tới 60 nghìn người thì các vùng

đó sẽ được gia nhập vào Liên bang với tư cách là bang có quyền bình đẳng với các bang cũ. -432.

184 Về vụ án *Đrét-đơ-Xcôt* - xem chú thích 154. -433.

185 Có ý nói đến đạo luật về những nô lệ bỏ trốn (Fugitive Slave Act), được Quốc hội Mỹ thông qua tháng Chín 1850 để bổ sung cho đạo luật năm 1793 về việc trao trả những nô lệ bỏ trốn. Theo đạo luật mới, trong tất cả các bang người ta bổ nhiệm những người được uỷ quyền đặc biệt để lùng bắt nô lệ bỏ trốn. Mỗi người bắt được một người da đen và buộc người đó quay trở lại làm nô lệ sẽ được thưởng 10 đô-la, còn nếu bắt được một người da đen bị giam giữ nhưng đã được trả tự do chỉ được 5 đô-la. Chính quyền và dân chúng các bang miền Bắc phải cam kết phối hợp bằng mọi cách giúp những người được uỷ quyền. Ai vi phạm đạo luật này sẽ bị phạt 1 000 đô-la và 6 tháng tù giam. Đạo luật này đã gây ra sự bất bình trong quần chúng nhân dân và thúc đẩy phong trào bài nô, trên thực tế nó đã mất hiệu lực ngay từ khi bắt đầu cuộc Nội chiến ở Mỹ và đã bị huỷ bỏ hoàn toàn vào năm 1864. -434.

186 Một trong những yêu cầu chính của phri-xôi-lơ - các đảng viên của đảng phéc-mi-ê dân chủ được hình thành ở Mỹ năm 1848, - là yêu cầu về những phần đất được chia không phải trả tiền trong vùng đất đai bỏ hoang ở phía tây thuộc quyền sở hữu của nhà nước. Họ còn yêu cầu cấm chế độ nô lệ ở những vùng lãnh thổ mới chiếm được của Mê-hi-cô, và cấm bán đất cho những đại địa chủ và những kẻ đầu cơ. Những yêu sách của phri-xôi-lơ đã bị các đại biểu của các bang chiếm hữu nô lệ trong Quốc hội và trong chính phủ kiên quyết phản đối. Do vậy, dự luật về vùng đất cấp cho người di cư lần đầu tiên đưa ra biểu quyết ở Quốc hội năm 1854 và được Hạ nghị viện thông qua đã bị Thượng nghị viện phủ quyết. Cuối cùng, vào năm 1860, khi mà cả hai viện của quốc hội thông qua một dự luật quy định những người định cư phải trả một khoản tiền không lớn cho những mảnh đất mà họ canh tác thì tổng thống Biu-kê-nen lại phủ quyết dự luật đó. -434.

187 Về *Tuyên ngôn Ô-xten-đơ* - xem chú thích 154. -434.

188 *Si-oa-oa*, *Cô-au-i-la* và *Xô-nô-ra* - các bang miền Bắc Mê-hi-cô có cùng biên giới với Mỹ và là đối tượng của những tham vọng chiếm đóng của bọn điền chủ chủ nô và đại tư sản Mỹ. -434.

189 Hiến pháp nước Mỹ năm 1787 đã hợp pháp hóa chế độ nô lệ da đen trong các bang mà chế độ này đang tồn tại, cho phép tự do nhập khẩu nô lệ ở bên ngoài vào các bang này trong thời hạn 20 năm kể từ khi thông qua hiến pháp. Nhưng ngày 2 tháng Ba 1807, Quốc hội thông qua đạo luật về việc cấm nhập khẩu nô lệ từ châu

Phi và các nước khác vào Mỹ. Đạo luật này có hiệu lực từ ngày 1 tháng Giêng 1808, nó đề ra hàng loạt biện pháp để đấu tranh chống lại những kẻ buôn bán nô lệ, trong đó có biện pháp tịch thu các tàu chở những người da đen và toàn bộ hàng hóa trên đó. Tuy nhiên, trên thực tế đạo luật này luôn luôn bị vi phạm, điều đó dẫn đến sự phát triển rộng rãi việc buôn bán nô lệ. Kết quả là việc nhập khẩu người da đen trong những năm trước cuộc Nội chiến ở Mỹ, càng tăng lên. -435.

190 Có ý nói đến hội trợ giúp những người dân di cư đến Can-dắc, được hình thành trong những năm 1854-1855 ở hàng loạt bang miền Bắc và Tây - Bắc (Ma-xa-tru-xét, Niu Oóc, Pen-xin-va-ni, Ô-hai-ô, I-li-noi và v.v.). Hội trợ giúp đầu tiên được thành lập vào tháng Tư 1854 ở bang Ma-xa-tru-xét. Các hội này đặt ra cho mình nhiệm vụ là ngăn chặn việc phát triển chế độ nô lệ sang những vùng lãnh thổ mới của Mỹ và giúp đỡ những người phéc-mi-ê tự do cỡ nhỏ di cư đến Can-dắc. Các hội này chịu trách nhiệm tuyển mộ và cung cấp về tài chính cho những người di cư, đưa đến Can-dắc công cụ và các phương tiện về nông nghiệp, xây dựng học xá cho những người di cư đến, cung cấp cho họ thực phẩm, quần áo, thuốc men, v.v.. Đồng thời với những việc trên, các hội này còn đưa vũ khí đến Can-dắc.

Mùa hè 1856 phong trào trợ giúp đạt đến đỉnh cao nhất do cuộc đấu tranh vũ trang ở Can-dắc được đẩy mạnh (xem chú thích 155). Tháng Bảy 1856 tại Đại hội ở Bu-pha-lơ, Ủy ban dân tộc trợ giúp Can-dắc được thành lập. Tuy nhiên, mưu toan giúp đỡ Can-dắc theo một kế hoạch thống nhất không đạt được kết quả vì thành phần tham gia phong trào rất hỗn tạp. Hoạt động của các hội này ảnh hưởng lớn đến dư luận xã hội trong nước và thúc đẩy sự đoàn kết các lực lượng đã lập nên đảng cộng hòa. Sau khi cuộc Nội chiến ở Mỹ kết thúc Hội trợ giúp di dân các bang Ô-rê-gôn và Phlô-ri-đa tiếp tục tồn tại cho đến năm 1897. -436.

191 Nói đến việc chấm dứt sự liên minh riêng rẽ giữa Anh và triều đại Han-nô-vơ tồn tại từ năm 1714 do cái chết của vị đại diện cuối cùng của triều đại Han-nô-vơ. -443.

192. Có ý nói đến mưu toan của những người ủng hộ các bang miền nam định tách Ca-li-phôc-ni-a ra khỏi Liên bang Bắc Mỹ bằng cách thành lập một nước Cộng hòa Thái Bình Dương "trung lập" vào mùa đông 1860-1861. Mưu toan đó bị chính phủ của Lin-côn vạch trần rất đúng lúc. -452.

193 *Niu In-glân* - một nhóm gồm sáu bang Đông-Bắc Mỹ (Mên, Ma-xa-tru-xét, Con-néc-ti-cút. Rốt - Ai-rơ-len, Véc-mông, Niu-hêm-sia) có nhịp độ phát triển công nghiệp cao. Niu In-glân là trung tâm của phong trào xóa bỏ chế độ nô lệ. -452.

194 *I-lô-tơ* - những người dân vô quyền của Xpác-ta cổ đại, họ bị cột chặt vào ruộng

đất và có nghĩa vụ xác định là mang lại lợi ích cho bọn địa chủ Xpác-ta. Tình cảnh của những I-lô-tơ chẳng khác gì tình cảnh của những người nô lệ. -453.

195 *Tuyên bố Mi-su-ri* - do tướng Phri-môn công bố ngày 30 tháng Tám 1861, cùng với việc trưng thu tài sản của những người ủng hộ Hiệp bang ở bang Mi-su-ri nó tuyên bố trả tự do cho những nô lệ của những kẻ phiến loạn. Lin-côn yêu cầu Phri-môn làm cho tuyên bố ấy phù hợp với đạo luật về việc trưng thu, sau khi đã xóa bỏ khỏi bản tuyên bố điều khoản về giải phóng nô lệ (được Quốc hội thông qua ngày 6 tháng Tám 1861, đạo luật về trưng thu quy định chỉ giải phóng những người nô lệ do bọn phiến loạn sử dụng trực tiếp vào những mục đích quân sự). Vì từ chối không thi hành yêu cầu của tổng thống, tháng Mười 1861 Phri-môn đã bị cách chức tư lệnh trưởng ở Mi-su-ri. -454.

196 Vào năm 1833, sau cuộc khởi nghĩa của những người nô lệ da đen trên đảo Gia-mai-ca, Nghị viện Anh đã thông qua đạo luật xóa bỏ chế độ nô lệ ở các thuộc địa. Một số tiền là 20 triệu pao xtéc-linh được trích ra để đền bù cho những điền chủ chủ nô Tây Ấn và các thuộc địa khác. -454.

197 Có ý nói đến "Brownson's Quarterly Review" ("Điểm tình hình hàng quý của Brao-nơ-xơn") - tạp chí Thiên chúa giáo ở Mỹ, do Ô. Brao-nơ-xơn xuất bản ở Bô-xtôn từ năm 1844 đến 1855 và ở Niu Oóc trong những năm 1856-1865 và 1872-1875 với tên gọi này. -454.

198 "*The World*" ("Thế giới") - nhật báo Mỹ, cơ quan ngôn luận của đảng dân chủ; xuất bản ở Niu Oóc từ năm 1860 đến năm 1931. -455.

199 *Về biểu thuế Mo-rin* - xem chú thích 160. -471.

200 Sau cuộc chiến tranh Áo - I-ta-li-a - Pháp năm 1859 mà kết quả là Xa-voa và Ni-xơ sáp nhập vào Pháp, Na-pô-lê-ông III thực hiện mưu toan chiếm một phần lãnh thổ của Thụy Sĩ. Ngày 28 tháng Mười 1861, một đơn vị quân đội Pháp tấn công vào thung lũng Đáp-pơ thuộc bang Vô (Va-át-tơ) của Thụy Sĩ và chiếm làng Crê-xô-ni-ép, sau sự kiện đó Chính phủ Thụy Sĩ, được sự ủng hộ của hàng loạt các cường quốc châu Âu, đã tỏ thái độ phản kháng. Tháng Mười một 1862, một hiệp ước được ký kết, theo đó vùng thung lũng Đáp-pơ sáp nhập vào Pháp, để đổi lại việc nhượng bộ của Thụy Sĩ, Pháp trả cho Thụy Sĩ một vùng đất có cùng diện tích. -473.

201 *Cuộc can thiệp vào Mê-hi-cô*, hay là cuộc chinh phạt Mê-hi-cô những năm 1861 - 1867 - sự can thiệp vũ trang của Anh - Pháp và Tây Ban Nha với mục đích lật đổ chính phủ tiến bộ Khu-a-rét và biến nước Cộng hòa Mê-hi-cô thành thuộc địa của các

cường quốc châu Âu. Những kẻ can thiệp còn có ý đồ sử dụng lãnh thổ Mê-hi-cô làm căn cứ quân sự để can thiệp vào cuộc Nội chiến ở Mỹ nhằm ủng hộ các bang chiếm hữu nô lệ. Song chẳng bao lâu sau khi bắt đầu cuộc can thiệp (tháng Chạp 1861) đã xuất hiện những mâu thuẫn giữa những nước tham gia cuộc can thiệp đó, hậu quả là vào tháng Tư 1862 Anh và Tây Ban Nha đã rút quân đội của mình về. Bọn can thiệp Pháp tiếp tục những hoạt động xâm lược và mùa hè năm 1863, sau khi chiếm được thành phố Mê-hi-cô đã tuyên bố Mê-hi-cô là một đế chế, đứng đầu là đại công tước Áo Mác-xi-mi-li-an - tay sai của Na-pô-lê-ông III. Nhân dân Mê-hi-cô đã tỏ ra rất kiên cường và đứng cầm trong cuộc đấu tranh chống bọn xâm lược Pháp và làm cho chúng chuốc lấy những thất bại nặng nề. Tháng Ba 1867, bọn can thiệp buộc phải rút khỏi Mê-hi-cô. Thất bại của sự phiêu lưu của Na-pô-lê-ông III ở Mê-hi-cô cũng còn do ở Pháp họ đã không được dân ủng hộ và do sự thay đổi tình hình quốc tế sau thắng lợi của các bang miền Bắc trong cuộc nội chiến 1861-1865. -474.

202 Tháng Mười một 1859, Tây Ban Nha, với mong muốn xâm chiếm thuộc địa ở Bắc Phi, đã tuyên chiến với Ma-rốc. Tuy nhiên, những hoạt động quân sự, kéo dài đến tháng Ba 1860, không đem lại một thắng lợi đáng kể nào cho người Tây Ban Nha, họ đã gặp phải sự kháng cự kiên cường của nhân dân Ma-rốc yêu chuộng tự do. Tháng Tư 1860, một hòa ước được ký kết, theo đó Tây Ban Nha phải bồi thường chiến tranh bằng tiền và nhượng một phần lãnh thổ cho Ma-rốc.

Xan-đô-min-gô - phần phía Đông đảo Ha-i-ti, trước năm 1821 là thuộc địa của Tây Ban Nha và năm 1844 đã tuyên bố là nước Cộng hòa Đô-mi-ni-ca độc lập. Do thắng lợi của đảng thân Tây Ban Nha ở trong nước, tháng Ba 1861 đảng này tuyên bố tự nguyện sáp nhập Xan-Đô-min-gô vào lãnh địa của Tây Ban Nha ở Tây Ấn, cho nên năm 1861 vùng đất thuộc hòn đảo này lại một lần nữa bị Tây Ban Nha xâm chiếm. Sự thống trị thực dân của Tây Ban Nha ở Xan-Đô-min-gô kéo dài đến năm 1865, khi những người Tây Ban Nha hoàn toàn bị đuổi ra khỏi nước này. -474.

203 *"The Morning Post"* ("Bưu điện buổi sáng") - nhật báo của đảng bảo thủ Anh; xuất bản ở Luân Đôn trong những năm 1772-1937. Giữa thế kỷ XIX là cơ quan ngôn luận của những phần tử cánh hữu thuộc đảng Vích tập hợp xung quanh Pan-móc-xtôn. -474.

204 *"La Patrie"* ("Tổ quốc") - nhật báo Pháp, được thành lập năm 1841; sau cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851 là tờ báo của phái Bô-na-pác-tơ, -474.

205 Nội các Xanh-Giêm-xơ - Mác gọi Chính phủ Anh theo tên của lâu đài Xanh-Giêm-xơ ở Luân Đôn (trước kia là dinh thự của các vua Anh) như vậy. -475.

206 Có ý nói đến kế hoạch Sa-tô-bri-an tổ chức can thiệp vũ trang vào các nước Mỹ la-tinh nhằm mục đích phục hồi sự thống trị thực dân của Tây Ban Nha ở các nước đó và cả việc mở rộng các vùng thuộc địa của Pháp do Bộ Ngoại giao Pháp đưa ra vào mùa hè năm 1823. Kế hoạch Sa-tô-bri-an dự định biến các thuộc địa của Tây Ban Nha thành những vương quốc tự trị do các hoàng thân của triều đình Buốc-bông, trong đó có cả các hoàng thân Pháp, cai trị. Kế hoạch này đã bị sụp đổ chủ yếu là do những sự phản kháng của Anh và Mỹ là những nước muốn lợi dụng phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa của Tây Ban Nha để thiết lập ảnh hưởng của họ ở đó. -478.

207 *Học thuyết Môn-rô* - thông điệp nổi tiếng của Giêm-xơ Môn-rô - tổng thống Mỹ - gửi cho Quốc hội Mỹ ngày 2 tháng Chạp 1823, trong đó có đưa ra những nguyên tắc đối ngoại của Mỹ nhằm chống lại những mưu toan thực dân hóa lãnh thổ Mỹ của các cường quốc châu Âu và việc can thiệp của họ vào các công việc nội bộ của các nước ở châu Mỹ. Về sau học thuyết Môn-rô đã được bọn bành trướng Mỹ lợi dụng để thiết lập bá quyền của Mỹ trên lục địa châu Mỹ. -478.

208 *"Journal de Débats"* - tên gọi tắt của nhật báo tư sản Pháp *"Journal de Débats politiques et littéraires"* ("Báo tranh luận chính trị và văn học"), được thành lập ở Pa-ri năm 1789. Sau cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851 là cơ quan ngôn luận của phái đối lập Oóc-lê-ăng ôn hoà. -482.

209 *"Courrier du dimanche"* ("Bưu điện chủ nhật") - tạp chí tư sản Pháp ra hàng tuần của phái chống Bô-na-pác-tơ; xuất bản ở Pa-ri từ năm 1858 đến 1866, -485.

210 Về cuộc chiến tranh Anh - Áp-ga-ni-xtan - xem chú thích 10. -488

211 Về cuộc chiến tranh Anh - Ba Tư - xem chú thích 10. -488.

212 Bài báo này ghi ngày tháng ở Pa-ri, nhưng được Mác viết ở Luân Đôn. Các bài trong đó có dẫn ra những tư liệu về các nước khác nhau của châu Âu, thỉnh thoảng Mác có ghi ngày tháng tương ứng ở Pa-ri, Béc-lin, hoặc Viên, đồng thời Mác không ghi đúng ngày viết mà ghi hoặc sớm hơn hoặc muộn hơn. -490

213 Gọi Vô-rông là "bourgeois de Paris" ("tiểu thị dân Pa-ri") Mác muốn ám chỉ cuốn sách của ông ta "Hồi ký của một tiểu thị dân Pa-ri" ("Mémoires d'un bourgeois de Paris"), xuất bản thành 6 tập ở Pa-ri vào những năm 1853-1855. -491.

214 *Phái trọng nông* - một trong những khuynh hướng kinh tế chính trị tư sản cổ điển,

xuất hiện vào những năm 50 thế kỷ XIII ở Pháp. Phái trọng nông gồm những phần tử kiên quyết ủng hộ ngành nông nghiệp đại tư bản, xóa bỏ những đặc quyền đẳng cấp và chính sách bảo hộ mậu dịch. Hiểu rõ sự cần thiết phải xóa bỏ những trật tự phong kiến, phái trọng nông đồng thời mong muốn điều đó diễn ra bằng con đường cải biến hòa bình, không gây thiệt hại cho giai cấp thống trị và chế độ chuyên chế. Phái trọng nông có cùng quan điểm triết học với những người khai sáng tư sản Pháp thế kỷ XVIII. Hàng loạt những cải cách kinh tế do phái trọng nông đề ra đã được thi hành trong thời kỳ cuộc cách mạng tư sản Pháp. -491

215 *Phe đối lập của vương triều* - nhóm những nghị sĩ đối lập trong Nghị viện Pháp thời kỳ nền Quân chủ thánh bầy, phản ánh lợi ích của các giới tự do của giai cấp tư sản công nghiệp và thương nghiệp. Các đại biểu của phe đối lập của vương triều đấu tranh đòi tiến hành cải cách bầu cử ôn hòa, đồng thời tìm thấy ở đó phương tiện để duy trì quyền lực của triều đại Oóc-lê-ăng và để ngăn chặn cách mạng. -492.

216 A. Fouls. "Pas d'assignats!" Paris. 1848 (A. Phun-đơ). "Đã đảo tiền giấy!" Pa-ri, 1848). -492.

217 *Drapeau blanc* (cờ trắng) - quốc kỳ Pháp trong thời kỳ triều đại Buốc-bông, và cả trong thời kỳ phục hưng. Việc thiết lập nền Quân chủ tư sản tháng Bảy và việc triều đại Oóc-lê-ăng giành chính quyền đi kèm với việc hồi phục lá cờ ba màu (xanh - trắng - đỏ), là quốc kỳ Pháp trong thời kỳ cách mạng tư sản cuối thế kỷ XVIII và đế chế Na-pô-lê-ông I. -497.

218 Xem chú thích 195. -499.

219 Có ý nói đến cuộc chiến tranh của Mỹ chống Mê-hi-cô những năm 1846 -1848 do tham vọng xâm chiếm đất đai Mê-hi-cô của bọn điền chủ - chủ nô và giai cấp đại tư sản Mỹ. Kết quả của cuộc chiến tranh này là Mỹ đã chiếm được hầu như một nửa lãnh thổ nước này, trong đó có Têch-dát, Thượng Ca-li-phoóc-ni-a, Tân Mê-hi-cô và các tỉnh khác. -500.

220 *"Irrepressible conflict"* ("Cuộc xung đột không tránh khỏi") - thành ngữ mà Xi-út dùng trong bài diễn văn của ông đọc ở Rô-se-xtơ (bang Niu Oóc) tháng Mười 1858, đã trở thành câu nói phổ thông; Xi-út muốn nói đến những mâu thuẫn không thể điều hòa giữa miền Nam và miền Bắc và sự xung đột giữa chúng tất yếu sẽ xảy ra. -500.

221 *"Pathfinder"* ("Nhà thám hiểm") - tên của một trong những cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của Phê-ni-mo Cu-pơ; người ta gọi Phri-môn như vậy vì ông có những công trình nghiên cứu về Ca-li-phoóc-ni-a. -501.

222 Trên sông *Run-ran* gần thành phố Ma-nát-xát (nằm ở phía Tây-Nam Oa-sinh-tơn)

ngày 21 tháng Bảy 1861 đã diễn ra trận đánh lớn đầu tiên trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ. Trong trận giao chiến này quân đội của các bang miền Nam đã gây cho quân đội các bang miền Bắc, đông về số lượng nhưng kém về huấn luyện, thiệt hại to lớn.

Trong trận giao chiến ở *Bôn-xơ - Bla-phơ* (nằm ở phía Tây-Bắc Oa-sinh-tơn), ngày 21 tháng Mười 1861 quân đội miền Nam đã đánh tan một số trung đoàn của tướng Xtôn khi chúng vượt sang tả ngạn sông Pô-tô-mác và hạ trại ở đó mà không bố phòng. Cả hai trận đánh đều bộc lộ những thiếu sót nghiêm trọng trong tổ chức và trong chiến thuật của quân đội miền Bắc. -502.

223 *"The Morning Herald"* ("Người đưa tin buổi sáng") - nhật báo Anh theo khuynh hướng bảo thủ, xuất bản ở Luân Đôn trong những năm 1780-1869.

"The Standard" ("Ngon cờ") - nhật báo Anh theo khuynh hướng bảo thủ, xuất bản ở Luân Đôn năm 1827. -510.

224 Cuộc chiến tranh giữa Anh và Mỹ bắt đầu nổ ra năm 1812 do chính sách không thừa nhận chủ quyền dân tộc của Mỹ từ phía các giai cấp cầm quyền Anh và những mưu toan của họ đòi phục hồi địa vị thống trị của mình ở Bắc Mỹ. Còn lý do gây chiến của Mỹ đối với Anh là việc người Anh bắt giữ vô cớ những chiếc tàu biển và thủy thủ Mỹ. Trong cuộc đấu tranh với Anh, các lực lượng vũ trang của Mỹ đã tranh thủ được sự ủng hộ của đông đảo nhân dân, những người đã nhìn thấy trong các hoạt động của người Anh mối đe dọa phục hồi chế độ thực dân và họ xem cuộc đấu tranh đó như là cuộc chiến tranh thứ hai để giành độc lập. Những hoạt động quân sự trên đất liền trong những năm 1812-1814 không đem lại kết quả cho người Mỹ. Mặc dù đã tạm thời chiếm được Oa-sinh-tơn vào tháng Tám 1814, nước Anh, đã bị kiệt sức do các cuộc chiến tranh với Na-pô-lê-ông và đã bị tổn thất nặng nề do những hoạt động có hiệu quả của hạm đội Mỹ, đã buộc phải ký Hòa ước Gan-đơ vào tháng Chạp 1814 trên cơ sở thừa nhận hiện trạng trước chiến tranh. Các hoạt động quân sự chấm dứt vào tháng Giêng 1815, sau khi quân đội Mỹ giáng cho quân đội Anh một đòn quyết định ở Tân Oóc-lê-ăng. -511.

225 F. Th. Pratt "Law of Contraband of War" (Ph.T.Prát-tơ "Quyền buôn lậu chiến tranh"). Xuất bản lần thứ nhất ở Luân Đôn 1856. -511.

226 T. Jefferson "Memoirs, Correspondence, and Private Papers". Vol. III, London 1829 (T. Giép-phéc-xơn "Hồi ký, thư tín và những tài liệu cá nhân", t. III, Luân Đôn, 1829).

Có ý nói đến cuộc chiến tranh của Pháp chống lại liên minh các cường quốc

châu Âu trong những năm 1792-1815, khi giữa Anh và Pháp xảy ra cuộc đấu tranh gay gắt giành ưu thế về kinh tế và chính trị ở châu Âu. Để đáp lại tuyên bố của Na-pô-lê-ông năm 1806 về việc phong tỏa lục địa, cấm các nước trên lục địa châu Âu buôn bán với Anh, nước Anh đã thiết lập sự kiểm soát của mình đối với việc buôn bán bằng đường biển của các nước trung lập và mở rộng việc buôn lậu, đồng thời tiến hành bắt giữ những tàu biển của Pháp và các nước khác ở ngoài khơi. -512.

227 Luận chiến *Đun-xơ Xcốt* - phương pháp tiến hành những cuộc tranh luận kinh viện bằng cách so sánh những luận cứ loại trừ lẫn nhau "đồng ý" hay "phản đối" ("pro et contra"), phương pháp này được gọi theo tên của nhà triết học duy danh Xcốt-len thời trung cổ Đun-xơ Xcốt, trong các tác phẩm của ông, ông đã tìm ra được những sự vận dụng rất rộng rãi. -512.

228 *Những luật gia của hoàng cung* (law officers of the Crown) - là những đại biểu tối cao của ngành tư pháp ở Anh - tổng chưởng lý và cố vấn trưởng tư pháp. -513.

229 *Tuyên bố của nữ hoàng Vích-to-ri-a về sự trung lập* trong cuộc chiến tranh giữa các bang miền Bắc và miền Nam (xem tập này, tr. 536-538) được đưa ra ngày 13 tháng Năm 1861 để đáp lại sự phong tỏa các hải cảng của Hiệp bang do Hợp chúng quốc đề xướng hồi tháng Tư 1861. Tuyên bố thừa nhận sự phong tỏa các bang miền Nam chỉ xảy ra trong trường hợp sự phong tỏa này có hiệu quả và đồng thời thừa nhận những người phương Nam có quyền bắt giữ tàu thuyền của Bắc Mỹ ở ngoài khơi. Trên thực tế, tuyên bố đã thừa nhận Hiệp bang là một bên tham chiến. -513.

230 *Tòa án về chiến lợi phẩm* do các quốc gia tham chiến thành lập tại lãnh thổ của mình để xác định tính hợp pháp của việc chiếm giữ những vật phẩm chiếm được. Những vật phẩm hàng hải chiếm được là những tàu buôn của quân địch hoặc hàng hóa chiếm được trong thời gian chiến tranh của một trong các bên tham chiến. Chiến lợi phẩm cũng có thể là những tàu của các nước trung lập chuyên chở hàng quân sự lậu. 513.

231 J. Spence. "The American Union: an Inquiry into its Real Effects on the Well-Being of the United States, and into the Causes of its Disruption; with an Examination of Secession as a Constitutional Right". London, 1861 (Gi. Xpen-xơ "Liên bang Mỹ: nghiên cứu về ảnh hưởng thực tế của nó đối với sự bình yên của Hợp chúng quốc và về những nguyên nhân phân liệt của nó, cũng như xem xét sự ly khai theo quan điểm của quyền lập pháp". Luân Đôn 1861). -514.

232 *"The Morning Advertiser"* ("Người đưa tin buổi sáng") - nhật báo Anh, được thành

lập ở Luân Đôn năm 1794; trong những năm 60 là cơ quan ngôn luận của giai cấp tư sản tự do.

"The Sun" ("Mặt trời") - nhật báo tư sản tự do Anh, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1798 đến 1876. -518.

233 *"The Daily News"* ("Tin tức hàng ngày") - báo tự do Anh, cơ quan ngôn luận của giai cấp tư sản công nghiệp; xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1846 đến 1930 với tên gọi đó.

"The Morning Star" ("Sao mai") - nhật báo Anh, cơ quan ngôn luận của Phái mậu dịch tự do, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1856 đến 1869. -518.

234 *"The Morning Chronicle"* ("Tin ngắn buổi sáng") - nhật báo tư sản Anh, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1770 đến 1862; cơ quan ngôn luận của đảng Vích, vào đầu những năm 50 là cơ quan ngôn luận của phái Pin, sau đó là của phái bảo thủ. -518.

235 Có ý nói đến thái độ trung lập của bang Kên-tác-ki thời kỳ đầu cuộc Nội chiến ở Mỹ (về vấn đề này xem tập này, tr. 448). -524.

236 W.F.P. Napier "History of the War in the Peninsula and in the Southe of France, from the year 1807 to the year 1814". Vol. I-VI. London, 1828-1840 (U.Ph.P.Nây-pia "Lịch sử cuộc chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-cơ và ở miền Nam nước Pháp từ năm 1807 đến 1814". Tập I - VI, Luân Đôn, 1828-1840). -526.

237 *Những người theo chế độ liên bang* (những người ủng hộ Liên bang) là tên gọi những người ủng hộ các bang miền Bắc, đối lập với những người chủ trương ly khai, hoặc là những người ủng hộ Hiệp bang - những người thuộc phái Hiệp bang trong các bang chiếm hữu nô lệ miền Nam trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ. -527.

238 Năm 1763 nhà chính luận Anh Giôn Uyn-xơ đã phê phán bài diễn văn đăng quang của vua Gioóc-giơ III trên tờ báo do ông xuất bản "The North Briton" ("Người Bắc Anh"), vì thế ông ta đã bị gạt ra khỏi Hạ nghị viện, bị đặt ra ngoài vòng pháp luật và buộc phải rời sang nước Pháp. Sau khi trở về Tổ quốc năm 1768, Uyn-xơ đã bốn lần được giới thiệu vào nghị viện, nhưng trong các lần bầu cử đó ông đều bị phủ quyết. Mãi đến lần bầu cử thứ năm, Uyn-xơ mới được vào nghị viện. "Vụ Uyn-xơ" là bằng chứng chỉ rõ sự lớn mạnh của cuộc khủng hoảng chính trị ở Anh. Sau khi được cử làm chánh án tòa án quận và thị trưởng Luân Đôn, năm 1780 Uyn-xơ đã đàn áp dã man cuộc nổi dậy của giới hạ lưu Luân Đôn và tự vạch mặt mình như một tên mị dân.

Những bức thư nổi tiếng liên quan đến "Vụ Uyn-xơ" được công bố trên báo "The

- Public Advertiser" ("Người đưa tin công luận") là những bức thư viết từ cuối năm 1768 đến 1772 có ký tên I-u-ni-út. Tác giả các bức thư này đã đấu tranh đòi phục quyền cho Uyn-xơ và đòi dân chủ hóa chế độ chính trị của nước Anh. Năm 1772, các bức thư của I-u-ni-út được xuất bản thành một cuốn sách lẻ. Tác giả những bức thư này về sau mới được phát hiện ra, đó là nhà chính luận Anh Ph. Phren-xít. -531.
- 239 Ch. Wilkes "Narrative of the United States Exploring Expedition During the Years 1838, 1839, 1840, 1841, 1842", Vol I-V, Philadelphia, 1845 (S. Uyn-xơ. "Miêu tả cuộc thám hiểm của Hợp chúng quốc trong những năm 1838, 1839, 1840, 1841, 1842". Tập I - II, Phi-la-đen-phi-a, 1845). -531.
- 240 Ch. Wilkes "Western America, including California and Oregon". Philadelphia, 1849 (S. Uyn-xơ. "Tây Mỹ, kể cả Ca-li-phoóc-ni-a và Ô-rê-gôn". Phi-la-đen-phi-a, 1849). -531.
- 241 Trong trận giao chiến ở *Vu-xơ* ngày 3 tháng Chín 1651, quân đội Anh, dưới sự chỉ huy của Crôm-oen đã giáng cho quân đội bảo hoàng Xcôt-len, dưới sự chỉ huy của Sác-lơ II, người mà sau đó đã chạy sang Pháp, một đòn chí tử. -532.
- 242 *Hội đồng cơ mật* ở Anh xuất hiện vào thế kỷ XIII, lúc đầu bao gồm những đại biểu của giới quý tộc phong kiến và giới tăng lữ lớp trên. Là cơ quan tư vấn tối cao trực thuộc nhà vua. Hội đồng cơ mật trước thế kỷ XVII đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý nhà nước. Do sự phát triển của chế độ nghị viện và việc tăng cường quyền lực của nội các. Hội đồng cơ mật mất dần ý nghĩa của nó. -533.
- 243 Tháng Mười một 1845, Xlai-đen đã được cử đến Mê-hi-cô với nhiệm vụ mật do tổng thống Pôn-cơ giao cho là tìm mọi cách ở rộng các giới tuyến miền Nam của bang Tếch-dát đã xâm chiếm được, và cả việc mua thêm Tân Mê-hi-cô và Thượng Ca-li-phoóc-ni-a. Sau khi Chính phủ Mê-hi-cô từ chối không tiếp nhận Xlai-đen với tư cách là công sứ toàn quyền, tháng Tư 1846 nước Mỹ bắt đầu những hoạt động quân sự chống Mê-hi-cô, kết quả của những hoạt động đó là Mỹ đã chiếm được cả hai tỉnh trên. -534.
- 244 *Đạo luật về những nô lệ bỏ trốn* - xem chú thích 185. -534.
- 245 H. Wheaton. "Elements of International Law with a Sketch of the History of the Science" G.Uy-tơn "Những nguyên lý về luật quốc tế kèm lược khảo vắn tắt lịch sử khoa học này"), xuất bản lần đầu ở Phi-la-đen-phi-a năm 1836. -537.
- 246 T.Walker. "Introduction to American Law". (T. Oan-cơ. "Nhập môn luật pháp nước Mỹ"). Xuất bản lần đầu ở Phi-la-đen-phi-a năm 1837. -538.
- 247 J.Kent. "Commentaries on American Law". Vol I-VI (Gi. Ken-tơ. "Bình luận về luật pháp nước Mỹ". Tập I-IV). Xuất bản lần đầu ở Niu Ôc vào các năm 1826-1830. -538.

- 248 R.Phillimore. "Commentaries on International Law" (E. Phi-li-mo-rơ. "Bàn về luật quốc tế"). Xuất bản lần đầu thành bốn tập ở Luân Đôn vào các năm 1854-1861. -538.
- 249 S. Johnson. "A Dictionary of the English Language" (X. Giôn-xơn. "Từ điển tiếng Anh". Xuất bản lần đầu năm 1755. -539.
- 250 J. Walker. "A. Critical Pronouncing Dictionary of the English Language" (Gi. Oan-cơ. "Từ điển phê phán ngữ âm tiếng Anh"). -540.
- 251 E. Vattel. "Le droit des gens, ou principes de la loi naturelle appliqués à la conduite et aux affaires des nations et des souverains" (E. Vát-ten. "Luật quốc tế hay những nguyên lý của luật tự nhiên ứng dụng cho phẩm hạnh và hành vi của các dân tộc và các quốc gia"). Xuất bản lần đầu gồm hai tập ở Lây-dơ năm 1758. -540.
- 252 "*Người Anh cuối cùng*" - phỏng theo thành ngữ "Người La Mã cuối cùng" thường có ngụ ý nói đến những tên giết người Xê-da - Brut hoặc Ca-xi-a là những kẻ, trong thời kỳ sụp đổ của Nền cộng hòa La Mã, đã bảo vệ những luân lý và ý niệm của nước La Mã cộng hòa cổ đại. Khi gọi Uốc-các-tơ là "người Anh cuối cùng", Mác nhạo báng lòng trung thành của ông ta đối với chế độ cũ, đã lỗi thời từ lâu của nước Anh. -541.
- 253 "*The Free Press*" ("Báo tự do") - báo tư sản Anh, đối lập với Chính phủ Pan-móc-xtơn, do Uốc-các-tơ và các cộng sự của ông xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1855 đến 1865; một số tác phẩm của Mác đã được đăng trên tờ báo này. -541.
- 254 Có ý nói đến thông điệp của tổng thống Mỹ Mê-di-xơn gửi quốc hội ngày 1 tháng Sáu 1812, trong đó nước Anh bị kết tội có những hành động thù địch chống lại nước Mỹ, đặc biệt là việc bắt giữ thủy thủ của các tàu Mỹ và việc phong tỏa bờ Đại Tây Dương của Hợp chúng quốc. Thông điệp đề cập đến việc phản kháng lại những hành động đó. Ít lâu sau, ngày 18 tháng Sáu 1812, Quốc hội Mỹ đã tuyên chiến với Anh (xem chú thích 224). -545.
- 255 Về *Hòa ước Gan-đơ* - xem chú thích 224.
- Năm 1842 diễn ra các cuộc hội đàm giữa hai đại diện Chính phủ Anh và Mỹ, huân tước A-sbóc-tơn và Uên-bơ-xtéc, các cuộc hội đàm đó kết thúc bằng việc ký kết vào ngày 9 tháng Tám 1842 hiệp ước về biên giới giữa Mỹ và các lãnh địa của Anh ở Mỹ, về việc cấm buôn bán nô lệ và về việc giao nộp những phạm nhân bỏ trốn. Tuy nhiên, hiệp ước này không hạn chế được quyền lực soát của Anh đối với các tàu biển của Mỹ bị nghi là có buôn bán nô lệ. -546.
- 256 Nói đến bức thư của viên tướng Mỹ Uyn-phin-dơ Xcôt, được công bố trên tờ "Times" ngày 6 tháng Chạp 1861. Bày tỏ thái độ của mình đối với vụ đụng độ với

tàu "To-ren-tơ", Xcốt tuyên bố rằng ở Mỹ không có ai muốn gây chiến với Anh, và chủ trương giải quyết cuộc đụng độ giữa hai nước bằng phương pháp hòa bình. -548.

257 *Món hàng lậu da đen* là tên dùng để gọi, trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ, những người da đen chạy trốn khỏi những chủ nô phiến loạn và sống lén lút trong các doanh trại của quân đội miền Bắc. Bất chấp những quy định của Chính phủ Oa-sinh-tơn, một số tướng lĩnh của quân đội miền Bắc, ngay từ những tháng đầu của cuộc chiến tranh, đã từ chối không giao nộp những người da đen đó cho chủ cũ của chúng với lý do những người nô lệ này là tài sản của bọn phiến loạn, họ cần được coi như là hàng lậu về quân sự. -551.

258 *Chế độ nhiếp chính dân chủ* là tên do Mác dùng để gọi nhóm lãnh đạo Đảng dân chủ Mỹ ở bang Niu Oóc, tồn tại trước năm 1854, nhóm này được nhiều người biết tiếng dưới tên gọi chế độ nhiếp chính Ôn-ba-ni. Trụ sở của nhóm là thành phố Ôn-ba-ni - trung tâm hành chính của bang Niu Oóc. Chế độ nhiếp chính Ôn-ba-ni đóng vai trò trung tâm toàn quốc của Đảng dân chủ Mỹ. -551.

259 Ngày 19 tháng Mười một 1861, chiếc tàu tuần dương "*Nát-vin*" của phe Hiệp bang đã tấn công tàu buôn "Hác-vây Bích-chơ" của Bắc Mỹ ở ngoài khơi và đốt cháy chiếc tàu này. Ngày 21 tháng Mười, tàu "Nát-vin" cập cảng Anh Xao-hêm-pton để tránh sự truy nã. -553.

260 Ngày 6 tháng Giêng 1861 thị trưởng thành phố Niu Oóc Ph. Vút đã gửi cho hội đồng thành phố bức thư thông điệp truyền thống hàng năm, trong đó đưa ra kế hoạch tách Niu Oóc khỏi các bang miền Bắc và tuyên bố Niu Oóc là thành phố độc lập. -554.

261 Nói đến sự kiện nổ ra ở Thượng nghị viện Mỹ trong thời kỳ đấu tranh vũ trang ở Can-dắc (xem chú thích 155). Ngày 19-20 tháng Năm 1856, thượng nghị sĩ - đảng viên đảng cộng hòa Sác-lơ Xam-nơ đã đọc trước quốc hội bài diễn văn "Tội ác chống Can-dắc", trong đó ông vạch trần những âm mưu của bọn chủ nô ở Can-dắc. Bài diễn văn của Xam-nơ đã làm cho giới chủ nô và những người ủng hộ họ trong quốc hội rất công phẫn. Hai ngày sau đó, Xam-nơ đã bị Bru-xơ - chủ nô người miền Nam - đón đánh tại hội trường Thượng nghị viện và gây cho ông nhiều thương tích nặng nề. Mãi đến năm 1859 Xam-nơ mới có thể trở lại hoạt động chính trị. -

Trường đại học Cu-pơ - trường đại học ở Niu Oóc, do chủ xưởng và là nhà từ thiện P.Cu-pơ thành lập 1859. -554.

262 *Court of Exchequer* ("Tòa án tối cao") - một trong các toà án cổ nhất nước Anh;

lúc đầu nó chủ yếu làm những chức năng tài chính, đến thế kỷ XIX, trên thực tế nó là một trong những cơ quan tư pháp cao nhất của nước Anh.

"*Lloyd's Weekly News*" - tên gọi tắt của tờ báo tự do Anh "Lloyd's Weekly London Newspaper" ("Tuần báo Lôi-dơ ở Luân Đôn"), xuất bản với tên gọi này trong những năm 1843-1918. -557.

263 Có ý nói đến Tuyên bố về những nguyên tắc của luật hàng hải quốc tế do Hội nghị Pa-ri thông qua ngày 16 (4) tháng Tư 1856 nhằm ngăn cấm việc bắt giữ tàu buôn của nước ngoài và bảo đảm an toàn cho các tàu buôn của các nước trung lập không bị các cường quốc tham chiến tiến công. Việc thực hiện tuyên bố đó là thắng lợi về mặt ngoại giao của Nga là nước mà từ năm 1780 đã phản đối kỳ vọng của Anh đòi quyền kiểm soát và bắt giữ các tàu của các nước trung lập. -561.

264 Nói đến những nguyên tắc bảo vệ quyền tập trung trên biển, được nêu trong tuyên bố của Ê-ca-tê-ri-na II về sự trung lập có vũ trang ngày 11 tháng Ba (28 tháng Hai) 1780, trong thời gian chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Bắc Mỹ. Tuyên bố khẳng định các quốc gia trung lập có quyền tự do buôn bán với các nước tham chiến và không được xâm phạm đến tài sản của đối phương mang cờ trung lập. Tuyên bố này dựa trên cơ sở của bản hiệp định được ký kết giữa Nga và một loạt các quốc gia (Đan Mạch, Thụy Sĩ, Hà Lan, Áo. v.v.), là những nước đã thiết lập sự trung lập có vũ trang đầu tiên vào các năm 1780-1783.

Những nguyên tắc của tuyên bố năm 1780 về sau được khẳng định và bổ sung thêm bằng Hiệp ước Nga - Phổ về việc thiết lập sự trung lập có vũ trang lần thứ hai trong thời gian chiến tranh giữa Anh với nước Pháp Na-pô-lê-ông, được ký kết ngày 18 (6) tháng Chạp 1800 theo sáng kiến của Nga. Đan Mạch và Thụy Sĩ cũng tham gia hiệp ước này. -561.

265 *Trường phái Man-se-xtơ* - khuynh hướng trong tư duy kinh tế ở Anh, phản ánh lợi ích của giai cấp tư sản công nghiệp. Những người ủng hộ trường phái này, những người theo phái mật dịch tự do đã bảo vệ quan điểm tự do mật dịch và việc nhà nước không can thiệp vào các hoạt động kinh tế. Man-se-xtơ là trung tâm cổ động của phái mật dịch tự do, nơi có hai chủ nhà máy dệt - Cốp-đen và Brai-tơ là những người đứng đầu phong trào này. Đầu những năm 60, phái mật dịch tự do gia nhập đảng tự do Anh. Phản ánh lợi ích của giai cấp tư sản công nghiệp có tham vọng đánh bại sự độc quyền về bông của các bang chiếm hữu nô lệ miền Nam, họ chống lại sự can thiệp của Anh vào cuộc Nội chiến ở Mỹ, đứng về phía các bang miền Nam. -563.

- 266 Có ý nói đến tuyên bố của nữ hoàng Vích-to-ri-a về chính sách trung lập ngày 13 tháng Năm 1861 (xem chú thích 229). -564.
- 267 "*Punch*" - tên gọi tắt của tạp chí hài hước ra hàng tuần ở Anh theo khuynh hướng tự do tư sản "Punch, or the london Charivari" ("Sự vụng về hay là sự ồn ào ở Luân Đôn"); xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1841. -566.
- 268 *Vị bộ trưởng người Anh chính cống* - từ do huân tước Rốt-xen dùng để gọi huân tước Pan-móc-xtơn, bộ trưởng ngoại giao tại phiên họp Hạ nghị viện ngày 25 tháng Sáu 1850, những lời lẽ kiêu căng "civis romanus sum" ("tôi là công dân La Mã), mà ông ta sử dụng trong bài phát biểu đọc tại phiên họp nghị viện lần đó đã được giai cấp tư sản Anh nhiệt liệt tán thưởng. Pan-móc-xtơn tuyên bố rằng, giống như công thức của công dân La Mã "civis romanus sum" bảo đảm cho các công dân La Mã cổ đại uy tín và sự kính trọng của mọi người thì quốc tịch Anh cũng vậy, nó phải là cái bảo đảm sự an toàn cho cá nhân và sự toàn vẹn về tài sản của các công dân Anh dù họ sống ở bất kỳ nơi nào. -567.
- 269 *Low church men* - những người ủng hộ giáo hội hạ đẳng, tức một khuynh hướng trong giáo hội Anh được truyền bá chủ yếu trong giai cấp tư sản và tầng lớp tăng lữ hạ đẳng. Những người ủng hộ giáo hội hạ đẳng đấu tranh đòi đơn giản hóa nghi lễ và tế lễ và chú ý đặc biệt đến việc tuyên truyền đạo đức tư sản Thiên chúa giáo. -567.
- 270 *Cuộc chiến tranh của đảng Vích* là tên Mác dùng để gọi cuộc Chiến tranh Crưm những năm 1853-1856 do Nội các liên hiệp Anh của A-bốc-đin khởi xướng, trong nội các này tất cả những chức vụ quan trọng nhất đều do giới lãnh đạo đảng Vích nắm giữ. -567.
- 271 *Penny paper* (báo một pen-ni) - một kiểu nhật báo mới thịnh hành ở Anh sau khi thuế tem bị huỷ bỏ vào năm 1855 (xem chú thích 165). Khác với báo chí giá đắt trước kia, các tờ báo này giá rẻ và số lượng in rất lớn. Nội dung cơ bản của báo một pen-ni, tờ báo đã học đòi được mách khoé làm báo của Mỹ, là những tin tức giật gân và tai tiếng. -567.
- 272 "*The Globe*" - tên gọi tắt của nhật báo Anh "The Globe and Traveller" ("Trái đất và nhà du hành"), xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1803; cơ quan ngôn luận của đảng Vích, là báo của chính phủ trong thời kỳ đảng này cầm quyền; từ năm 1866 là cơ quan ngôn luận của đảng bảo thủ. -568.
- 273 "*The Observer*" ("Người quan sát") - tuần báo Anh theo khuynh hướng bảo thủ; xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1791. -569.

- 274 "*Macmillan's Magazine*" ("Tạp chí Mác-mi-lan") - tạp chí Anh theo khuynh hướng tư sản tự do; xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1859 đến 1907. -569.
- 275 Âm chỉ vụ rùm beng về quân sự của Na-pô-lê-ông III hồi tháng Giêng 1859 nhân việc chuẩn bị cuộc chiến tranh Áo - I-ta-li-a - Pháp (xem chú thích 18). Các bài báo của C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n: "Triển vọng của cuộc chiến tranh ở châu Âu", "Cơn hoảng loạn về tiền tệ ở châu Âu", "Tình hình của Na-pô-lê-ông" đã miêu tả chi tiết những sự kiện đó (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.13, tr.234-249). -569.
- 276 *Ceterum censeo* - hai chữ đầu trong câu nói của miệng mà nhà hoạt động chính trị La Mã Ca-tô cụ thường dùng để kết thúc bài diễn văn của mình tại thượng nghị viện: *Ceterum censeo Carthaginem esse delendam* (Tuy nhiên, tôi cho rằng, Cắc-ta-dơ cần phải bị tiêu diệt). -572.
- 277 *Về trận giao chiến trên sông Bạch Hà*. - xem chú thích 8. -576.
- 278 Để tránh sự rắc rối ngày càng tăng trong quan hệ với Anh, tại phiên họp ngày 25-26 tháng Chạp 1861, Chính phủ Mỹ đã thông qua quyết định phóng thích các phái viên của Hiệp bang là Mê-dôn và Xlai-đen, những người bị bắt trên tàu "Tơ-ren-tơ". Đầu tháng Giêng 1862, Xlai-đen và Mê-dôn cùng với các thư ký của mình được đưa lên tàu Anh. Sau khi nhận được thông báo về vấn đề này, Rốt-xen tuyên bố: Chính phủ Anh đã thỏa mãn và cho rằng vụ đụng độ với "Tơ-ren-tơ" đã chấm dứt. -577.
- 279 *Về vụ rắc rối về tàu "Nát-vin"* - xem chú thích 259. -579.
- 280 "*Gazette*" - tên gọi tắt của tờ báo của Chính phủ Anh "The London Gazette" ("Báo Luân Đôn"); xuất bản mỗi tuần hai số từ năm 1666 với tên gọi này. -594.
- 281 *Dự luật về những âm mưu* (dự luật về ngoại kiều), theo dự luật này những người lưu vong, cũng như người Anh, sẽ bị hình phạt hà khắc nếu tham gia vào các vụ âm mưu chính trị. Dự luật này do Pan-móc-xtơn đưa ra tại Hạ nghị viện tháng Hai 1858 với lý do Chính phủ Pháp đe dọa và buộc tội Anh trong việc cho phép những người lưu vong chính trị cư trú. Do áp lực của phong trào quần chúng phản đối, dự luật này đã bị Hạ nghị viện bãi bỏ, còn Pan-móc-xtơn bị buộc phải từ chức. -598.
- 282 Xem chú thích 276. -598.
- 283 *Daily Post* ("Bưu điện hàng ngày") - báo Anh, cơ quan ngôn luận của giới công - thương nghiệp; xuất bản ở Li-vóc-pun từ năm 1855 đến 1879 với tên gọi đó. -602.
- 284 Về việc xóa bỏ Công ty Đông Ấn - xem chú thích 83. -608.

- 285 *Magna Charta* - Magna Charta Libertatum (Đại hiến chương tự do) - văn tự do các đại phong kiến khởi nghĩa, lợi dụng sự ủng hộ của các hiệp sĩ và thị dân, viết để trình lên vua Anh Giăng không có đất. Hiến chương, được phê chuẩn ngày 15 tháng Sáu 1215, đã hạn chế quyền hành của nhà vua, chủ yếu là vì lợi ích của những nhà đại phong kiến, và có một số nhượng bộ đối với giới hiệp sĩ và thị dân. Cho đến thế kỷ XIX, dưới con mắt của giai cấp tư sản Anh, hiến chương này vẫn là biểu tượng và là cơ sở của chế độ lập hiến của nhà nước Anh. -616.
- 286 Có ý nói đến Tuyên bố về những nguyên tắc của luật hàng hải quốc tế (xem chú thích 263). -617.
- 287 Theo những điều kiện của hòa ước được ký sau khi kết thúc cuộc chiến tranh Tây Ban Nha - Ma-rốc những năm 1859-1860 (xem chú thích 202), thành phố Tê-tu-an sẽ do quân đội Tây Ban Nha chiếm đóng cho đến khi việc bồi thường chiến tranh hoàn toàn được thực hiện. -620.
- 288 Có ý nói đến: "Correspondence relative to the Affairs of Mexico". 3 Parts, London, 1862 ("Thư tín về vấn đề tình hình Mê-hi-cô". Phần thứ 3, Luân Đôn, 1862). -622.
- 289 "*Na-pô-lê-ông trẻ*" - biệt danh do những người ủng hộ Mác-Cli-lân trong hàng ngũ đảng dân chủ gọi ông ta, với tư cách là vị tướng đầu tiên trong lịch sử quân đội Mỹ đạt được chức tổng tư lệnh ở lứa tuổi tương đối trẻ, 34 tuổi. -631.
- 290 *Sách lược Pha-bi-a* - sách lược mang tên của thống chế La Mã cổ đại Pha-bi-a Cun-ta-tô - người nổi tiếng do sách lược chờ thời và né tránh những trận quyết định trong cuộc đấu tranh với Han-ni-ban trong thời kỳ Cuộc chiến tranh pu-ních lần thứ hai (năm 218 -201 trước công nguyên). -631.
- 291 Macaulay. "Critical and Historical Essays" (Ma-cô-lây. - "Lược thảo về sử học và phê bình"). Xuất bản lần thứ nhất gồm 3 tập năm 1843. -631.
- 292 Học viện quân sự *Uê-xơ-Pôi-tơ* (gần Niu Óc) được thành lập năm 1802 và là trường đại học quân sự duy nhất của Hợp chúng quốc giữa thế kỷ XIX. Phương pháp đào tạo sĩ quan dựa trên cơ sở tách biệt hoàn toàn với thế giới bên ngoài, đã tạo điều kiện phát triển cho sự phân biệt đẳng cấp giữa các học viên của học viện. -632.
- 293 Nội dung bài báo có chỗ thiếu chính xác. Ở đây có ý nói đến bài diễn văn của Crôm-oen đọc tại Nghị viện nhỏ gồm những đại diện của giáo hội độc lập, khai mạc ngày 4 tháng Bảy 1653.

Th. Carlyle. "Oliver Cromwell's Letters and Speeches" (T. Các-lai-lơ. "Thư từ và diễn văn của Ô-li-vơ Crôm-oen"); xuất bản lần đầu ở Luân Đôn năm 1845. -632.

- 294 Có ý nói đến *Evening Star* ("Sao hôm") - báo tư sản Mỹ, được thành lập ở Oa-sinh-tơn năm 1852. -632.
- 295 Xem chú thích 224. -639.
- 296 "*Revue contemporaine*" ("Tạp chí đương thời") - tạp chí Pháp ra hai tuần một số theo khuynh hướng Bô-na-pác-tơ, xuất bản ở Pa-ri trong những năm 1851-1870. -640.
- 297 Về trận giao chiến ở *Bun-Ran* - xem chú thích 222. -643.
- 298 Tại *Giê-máp-pơ* (Bỉ) ngày 6 tháng Mười một 1792 quân đội Pháp dưới sự chỉ huy của Đuy-mu-ri-ê đã giành thắng lợi to lớn trước quân Áo. Trong trận giao chiến ở *Phơ-lơ-ruyt* (Bỉ) ngày 26 tháng Sáu 1794 quân đội Pháp đã đánh tan quân Áo. Trong các trận giao chiến ở *Mông-tê-nốt-tơ*, *Ca-xchi-ong* và *Ri-vô-li* trong thời kỳ chiến dịch I-ta-li-a những năm 1796-1797 quân đội Pháp đã đánh bại quân đội của Áo và Pi-ê-mông ở Pi-ê-mông và Lô-m-bác-đi. -643.
- 299 Về trận giao chiến ở *Bôn-xơ* - *Bla-phơ* - xem chú thích 222. -646.
- 300 Về các trận giao chiến ở *Mát-gien-ta* và *Xôn-phe-ri-nô* - xem chú thích 20. -650.
- 301 *Hệ thống tuyến bọc quanh* (chiến thuật tuyến bọc quanh) - phương pháp tiến hành chiến tranh được áp dụng rộng rãi ở Tây Âu vào thế kỷ XVIII, trong đó quân đội phân bố đều nhau dọc theo toàn tuyến mặt trận nhằm mục đích bảo vệ đất nước khỏi các cuộc tấn công của kẻ địch. Cách bố trí quân đội như vậy tạo ra khả năng phá vỡ tương đối dễ dàng sự phòng thủ của địch ở bất cứ điểm nào. Thống soái Áo Ph.Lát-xi là người đưa ra cơ sở lý luận của "phương pháp tuyến bọc quanh" này. -651.
- 302 Trong các trận đánh ở *Min-lơ-di-mô* và *Đê-gô* (Bắc I-ta-li-a) ngày 13-14 và 14-15 tháng Tư 1796, quân đội của Bô-na-pác-tơ đã đánh tan quân Áo hoạt động trong thành phần của liên quân Pi-ê-mông và đánh tan cả một toán quân khác của Áo gửi đến ứng cứu cho chúng. Sau sự kiện này, quân Pháp đã tấn công dữ dội quân Pi-ê-mông và gây cho chúng nhiều thiệt hại, buộc nhà vua Pi-ê-mông phải ký hòa rước riêng rẽ. -651.
- 303 Như tiến trình phát triển về sau của cuộc Nội chiến ở Mỹ đã cho thấy, kế hoạch chiến lược để phá tan Hiệp bang miền Nam do Mác và Ăng-ghen dẫn ra trong bài báo này là kế hoạch duy nhất đúng. Quân đội của các bang miền Nam chỉ có thể bị thất bại nặng nề sau khi chỉ huy của quân đội các bang miền Bắc thực hiện được kế hoạch tương tự vào nửa cuối năm 1864. "Cuộc đột kích ra biển" nổi tiếng do tướng U.T.Séc-man thực hiện đã chia lãnh thổ của Hiệp bang làm hai phần và chuẩn bị những điều kiện cần thiết để đánh tan quân đội của các bang miền Nam của

tướng Gran-tơ. Mùa xuân năm 1865, quân đội của các bang miền Nam đã đầu hàng hoàn toàn. -653.

304 Về cuộc chinh phạt Mê-hi-cô - xem chú thích 201. -655.

305 Có ý nói đến việc chiếm đóng La Mã của quân đội Pháp năm 1849 (xem chú thích 106), và cả việc quân đội Pháp xuất hiện ở A-gen và Công-xtăng-ti-nô-pơ trong thời kỳ cuộc Chiến tranh Crưm những năm 1853-1856. Tháng Mười 1860, bọn can thiệp Anh và Pháp đã có mặt ở Trung Quốc, chiếm đóng Bắc Kinh. -655.

306 Trong thời kỳ cuộc Chiến tranh "nha phiến" lần thứ ba (xem chú thích 8), bọn can thiệp Anh và Pháp dưới sự chỉ huy của tướng Mông-tô-băng, sau khi chiếm được thủ đô Bắc Kinh của Trung Quốc vào tháng Mười 1860, đã đốt cháy và phá huỷ cung điện mùa hè nổi tiếng của các hoàng đế nhà Thanh - Yên Minh viên - kho tàng nghệ thuật quý báu vô cùng vĩ đại của Trung Quốc. Giá trị những tài sản cướp bóc được ở Trung Quốc lên tới hàng chục triệu phrăng, một số lượng lớn bảo vật đã bị đập phá rất dã man. -656.

307 Có ý nói đến quyết định của Quốc hội Mê-hi-cô ngày 17 tháng Bảy 1861 về việc tạm thời đình chỉ trong hai năm việc thanh toán các khoản nợ nước ngoài, điều đó tạo cơ cho Anh, Pháp và Tây Ban Nha can thiệp vào Mê-hi-cô (xem chú thích 201). Với hy vọng tránh được chiến tranh, tháng Mười một 1861 Chính phủ Mê-hi-cô do Hoa-rét-xơ đứng đầu, đã huỷ bỏ quyết định ngày 17 tháng Bảy và đồng ý đáp ứng các yêu sách của ba cường quốc đó. -656.

308 Vụ án lừng danh được xét xử ở Pa-ri mùa hè năm 1861 về ông chủ ngân hàng nổi tiếng của Pháp - ông Mi-re-xơ, người bị buộc tội đầu cơ chứng khoán có tính chất lừa đảo và vi phạm quy tắc về các nghiệp đoàn được thành lập trên cơ sở lòng tin, đã vạch trần những mảnh khoe gian lận xấu xa về tài chính, trong đó một số các nhân vật cao cấp của Đế chế thứ hai cũng bị lôi kéo vào. Mi-re-xơ bị phạt tiền và bị kết án 5 năm tù giam, thế nhưng năm 1862 đã được các tòa án cấp cao nhất xử trắng án. -657.

309 Hội nghị các đại diện Anh, Pháp và Tây Ban Nha, họp ngày 9 tháng Tư 1862 ở Ô-ri-xa-ba (Mê-hi-cô) có nhiệm vụ vạch kế hoạch tiếp tục phối hợp hành động của ba cường quốc này ở Mê-hi-cô. Thế nhưng tại đó đã xảy ra những bất đồng căn bản giữa các nước can thiệp. Đại diện Pháp tuyên bố từ chối tiến hành đàm phán với Chính phủ Mê-hi-cô và đòi huỷ bỏ hòa ước sơ bộ đã ký kết ngày 19 tháng Hai 1862 ở La-Xô-lê-dát. Những người được uỷ quyền của Anh và Tây Ban Nha, viện cớ Pháp can thiệp vào công việc nội bộ của Mê-hi-cô, đã tuyên bố từ chối không tiếp tục

tham gia vào cuộc can thiệp chung. Sau Hội nghị ở Ô-ri-xa-ba ít lâu, quân đội Anh và Tây Ban Nha đã rút hồi Mê-hi-cô. -658.

310 Tân Oóc-lê-ăng chịu đầu hàng 29 tháng Tư 1862 vì các đồn bốt bảo vệ các ngã đường tiến vào thành phố từ phía Mít-xi-xi-pi đã bị thất thủ. Ngày 1 tháng Năm, quân đội các bang miền Bắc đã tiến vào thành phố. Việc chiếm được Tân Oóc-lê-ăng, trung tâm chính trị và quân sự quan trọng của Hiệp bang chiếm hữu nô lệ, là một thắng lợi to lớn về quân sự của quân đội các bang miền Bắc. -659.

311 *Roi-tơ, Ha-vắc, Vôn-phơ* - các hãng thông tấn của Anh, Pháp và Đức. -659.

312 *Xa-ra-gốt* trở nên nổi tiếng nhờ sự bảo vệ kiên cường của nhân dân Tây Ban Nha trong thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc chống lại quân đội Na-pô-lê-ông hai lần bao vây thành phố này (vào năm 1808 và 1809). *Xa-ra-gốt* chỉ bị thất thủ ngày 21 tháng Hai 1809 sau cuộc bao vây lần thứ hai kéo dài hai tháng.

Mát-xơ-va, đóng vai trò to lớn trong Cuộc chiến tranh vệ quốc năm 1812 của nhân dân Nga chống lại sự xâm lược của Na-pô-lê-ông, đã trở thành biểu tượng của sự kháng cự của toàn dân. Ngày 13 (1) tháng Chín 1812, quân đội Nga đã rút khỏi *Mát-xơ-va* để bảo toàn quân đội và chuẩn bị phản công. Trong thời gian quân đội Pháp chiếm đóng thành phố, ở *Mát-xơ-va* đã diễn ra các vụ đốt phá kéo dài hơn 5 ngày đêm. -660.

313 *Thành phần Bán nguyệt* - tên gọi phổ thông của Tân Oóc-lê-ăng mà một bộ phận cũ của nó nằm trên khúc ngoặt của châu thổ Xít-xi-xi-pi. -660.

314 Có ý nói đến "*Daily Dispatch*" ("Tin hàng ngày") - báo Mỹ, cơ quan ngôn luận của giới chủ nô miền Nam, xuất bản ở Rích-mơn (bang Viéc-gi-ni-a) từ năm 1850 đến 1883. -662.

315 "*Day Book*" ("Nhật ký") - báo Mỹ, cơ quan ngôn luận của giới chủ nô miền Nam; xuất bản với tên gọi này ở Noóc-phôn-cơ (bang Viéc-gi-ni-a) từ năm 1857 đến 1867. -662.

316 Có ý nói đến tờ "*The Daily Intelligencer*" ("Người đưa tin hàng ngày"), xuất bản ở Át-lan-ta (bang Gioóc-gi-a) từ năm 1854 đến 1871; cơ quan ngôn luận của giới chủ nô miền Nam. -662.

317 Có ý nói đến tờ "*Daily Express*" ("Tin nhanh hàng ngày"), xuất bản ở Pi-tơ-xbê-gơ (bang Viéc-gi-ni-a) từ năm 1852 đến 1869; cơ quan ngôn luận của giới chủ nô miền Nam. -663.

318 Đạo luật cấm nhập khẩu nô lệ da đen có hiệu lực từ ngày 1 tháng Giêng 1808 (xem chú thích 189) đã bảo vệ việc buôn bán nô lệ giữa các bang chiếm hữu nô lệ

miền Nam và Tây-Nam, đặc biệt là ở các thành phố duyên hải miền Nam Hợp chúng quốc. Việc cấm nhập khẩu nô lệ da đen từ bên ngoài vào được tiến hành song song với việc mở rộng buôn bán nô lệ trong nước và việc biến những bang miền Nam như Mê-ri-len Viéc-gi-ni-a, Bắc Ca-rô-lin thành các bang cung cấp nô lệ để bán. Dự luật do thượng nghị sĩ Xam-nô đệ trình ngày 2 tháng Năm 1862 đã huỷ bỏ các điều khoản của đạo luật năm 1808 điều tiết việc buôn bán nô lệ ở miền duyên hải nước Mỹ, và cấm chở nô lệ từ bang này sang bang khác. -666.

319 "*I-ăng-ki Đút-lơ*" - bài hát Mỹ, nổi tiếng ở miền Bắc trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ. - 670.

302 Nói đến cuộc khởi nghĩa những năm 1848-1849 trên quần đảo I-ô-niêng chịu sự bảo hộ của Anh từ năm 1815. Phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Hy Lạp trên quần đảo I-ô-niêng nhằm chống lại sự thống trị của Anh, đòi sáp nhập quần đảo này vào Hy Lạp. Cuộc khởi nghĩa đã bị người Anh đàn áp dã man. -673.

321 Có lẽ là có ý nói đến việc thảo luận các dự luật về đại địa chủ và tá điền ở Ai-rơ-len, các dự luật này đã nhiều lần được đưa ra Nghị viện Anh. Trong các dự luật này, vấn đề giảm nhẹ chút ít những điều kiện thuê ruộng ở Ai-rơ-len đã được đưa ra xem xét. Năm 1853 các dự luật này được Hạ nghị viện thông qua, tuy nhiên chúng lại bị Thượng nghị viện chống đối. Trong các năm tiếp sau chúng bị chuyển hết nghị viện này sang nghị viện khác và bị thay đổi khác đi nhằm bảo vệ những đặc quyền của các đại địa chủ. Mặc dù đã cắt xén đi như vậy, các dự luật này vẫn gặp phải sự chống đối kiên quyết từ phía các đại diện của địa chủ. Tháng Bảy 1855 việc thảo luận lại một lần nữa bị trì hoãn vô thời hạn. Mác đánh giá lập trường của hai viện đối với các dự luật nói trên trong các bài "Tin tức từ nghị viện: đề nghị của Bun-vơ, vấn đề Ai-rơ-len" và "Sự từ chức của tướng Xim-pxơ. - Tin tức từ nghị viện" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.11, tr. 461-465 và 620-621). -674.

322 *Những người Xa-gun-tô* - cư dân thành phố Xa-gun-tô ở Tây Ban Nha cổ. Năm 219 trước công nguyên Xa-gun-tô, nằm trong liên minh với La Mã, bị quân đội của thống soái Các-ta-giơ là Han-ni-ban tiến công và sau 8 tháng bị vây hãm dai dẳng thành phố đã bị chiếm. Những người dân thành phố không chịu đầu hàng, đã tự thiêu. -675.

323 *Statute law* (Luật thành văn) - những tiêu chuẩn pháp lý, mà nguồn gốc của chúng là các quy chế - các đạo luật của Nghị viện Anh. -675.

324 Sau khi đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc năm 1798 ở Ai-rơ-len, năm 1801 Nghị viện Anh đã thông qua một đạo luật phản động về việc thi hành quy chế

quân sự ở Ai-rơ-len và đình chỉ thi hành Habeas Corpus Act, theo đó mỗi mệnh lệnh bắt giữ cần phải có nguyên cớ. -675.

325 *Coup d'état* - cuộc chính biến của phái Bô-na-pác-tơ ngày 2 tháng Chạp 1851 ở Pháp. Pan-móc-xtơn, khi ấy là Bộ trưởng ngoại giao Anh, trong cuộc tiếp chuyện với đại sứ Pháp ở Luân Đôn, đã hoan nghênh hành động của Lu-i Bô-na-pác-tơ. Pan-móc-xtơn không nhất trí với các thành viên khác của nội các về biện pháp đó, điều đó đã dẫn tới việc cách chức ông ta vào tháng Chạp 1851, mặc dù trên nguyên tắc Chính phủ Anh không thống nhất với quan điểm của Pan-móc-xtơn và là chính phủ đầu tiên ở châu Âu công nhận chế độ Bô-na-pác-tơ ở Pháp. -676.

326 Ngày 8 tháng Ba 1862, trong vùng vịnh Hem-pô-tơn - Rốt-xơ đã xảy ra trận giao chiến giữa tàu bọc thép đầu tiên của các bang miền Nam "Mê-ri-mắc" và đoàn tàu bằng gỗ của các bang miền Bắc. Trong thời gian giao chiến, các tàu chiến của miền Bắc "Cam-béc-len" và "Côn-grê-t" bị tiêu diệt, các tàu còn lại bị hư hỏng nặng. Sáng ngày 9 tháng Ba, sau bốn giờ giao chiến, chiến hạm bọc thép của miền Bắc "Mô-ni-tốp" đến kịp đã buộc tàu "Mê-ri-mắc" tháo chạy. Khác với tàu "Mê-ri-mắc", hỏa lực pháo binh của tàu "Mô-ni-tốp" được bố trí trên tháp xoay bọc thép đặt ở giữa tàu. Tàu "Mô-ni-tốp" được đóng theo thiết kế của kỹ sư Ê-rích-xơ. -678.

327 Nói đến sự thu hút rộng rãi của thuyết thông linh ở châu Âu, đặc biệt là ở Đức, vào đầu những năm 50 thế kỷ XIX.

Năm 1851 ở Trung Quốc đã nổ ra phong trào giải phóng chống phong kiến mang tính chất một cuộc chiến tranh nông dân hùng mạnh. Trong quá trình tiến hành chiến tranh, những người khởi nghĩa đã thành lập "Thái Bình Thiên Vương" (Thái Bình Thiên Quốc) với trung tâm là Nam Kinh, vì thế mà phong trào này mang tên là phong trào Thái Bình. Những người Thái Bình đã tiêu diệt bọn phong kiến Mãn Thanh đang thống trị ở Trung Quốc, xóa bỏ thuế khóa, xóa bỏ đại sở hữu phong kiến. Cuộc khởi nghĩa cũng mang sắc thái tôn giáo đặc trưng cho phong trào nông dân, đặc biệt là ở phương Đông. Cuộc cách mạng Thái Bình đã đặt nền móng cho cuộc đấu tranh rộng lớn của nhân dân Trung Quốc chống chế độ phong kiến và bọn xâm lược nước ngoài, song nó không đủ sức xóa bỏ phương thức sản xuất phong kiến ở Trung Quốc. Trong quốc gia Thái Bình đã hình thành một giới thượng lưu phong kiến của nó, tầng lớp này đã thỏa hiệp với các giai cấp thống trị, đó là một trong những nguyên nhân làm phong trào suy thoái. Cuộc cách mạng đã giáng một đòn đích đáng vào sự can thiệp công khai của Anh, Mỹ và Pháp; các lực lượng vũ trang của chúng cùng với các quân đội của bọn phong kiến Trung Quốc đã đè bẹp cuộc khởi nghĩa Thái Bình vào năm 1864. -682.

328 Vào đầu thế kỷ XVII cuộc tấn công của các bộ tộc Mãn Thanh vào lãnh thổ Trung

Quốc đã dẫn đến chỗ thiết lập ở nước này nền thống trị của triều đại nhà Thanh vùng Mãn Châu Lý (1644-1911). -682.

329 *Các cuộc chiến tranh "nha phiến"* - các cuộc chiến tranh xâm lược chống Trung Quốc do nước Anh tiến hành trong những năm 1839 - 1842 và phối hợp với Pháp năm 1856 -1858 và 1860. Nguyên do gây ra Cuộc chiến tranh "nha phiến" lần thứ nhất là việc các nhà cầm quyền Trung Quốc huỷ bỏ các kho thuốc phiện thuộc quyền của những thương gia Anh ở Quảng Châu. Lợi dụng những thất bại của nước Trung Quốc phong kiến lạc hậu, bọn thực dân Anh, sau khi kết thúc Cuộc chiến tranh "Nha phiến" lần thứ nhất, đã buộc Trung Quốc vào hiệp ước Nam Kinh bất bình đẳng (1842) dự định mở năm hải cảng của Trung Quốc cho Anh vào buôn bán, chuyển giao đảo Hồng Công thành "lãnh địa vĩnh viễn" của Anh và Trung Quốc phải bồi thường chiến tranh một khoản tiền lớn. Theo hiệp định bổ sung năm 1843, Trung Quốc buộc phải để cho người ngoại quốc hưởng đặc quyền về ngoại giao.

Các cuộc chiến tranh "nha phiến" lần thứ hai và thứ ba (xem chú thích 9 và 8) là những bước tiếp theo trên con đường nô dịch Trung Quốc và biến nước này thành nước nửa thuộc địa phụ thuộc vào nửa cuối thế kỷ XIX. -682.

330 Có ý nói đến: "Correspondence relating to the Works under the Thames Embankment Bill, and to Plans for facilitating the Passage and Traffic or opening better Communication between Whitehall and Bridge Street". London, 1862 ("Thư tín về những công trình được xây dựng theo luật xây dựng đê sông Têm-dơ và về những đề án cải thiện giao thông đường bộ và giao thông vận tải hoặc cải thiện thông tin liên lạc giữa Oai-tơ-hôn và phố Brit-dơ". Luân Đôn 1862). -687.

331 *Các đạo luật về những nô lệ bỏ trốn* - xem chú thích 185. -698.

332 Có ý nói đến thư kêu gọi của tổng thống Lin-côn gửi các đại diện các bang biên giới tại Nghị viện Mỹ ngày 12 tháng Bảy 1862. Nhằm mục đích nhanh chóng chấm dứt chiến tranh, trong thư đã tiến hành giải phóng dần dần nô lệ da đen trên cơ sở bồi thường cho những chủ nô ở các bang này. -698.

333 *Đạo luật về cấp đất canh tác* (Homestead Act) được thông qua ngày 20 tháng Năm 1862, là một biện pháp quan trọng nhất của Chính phủ Lin-côn, nó có nghĩa là một quyết định dân chủ về vấn đề ruộng đất. Theo đạo luật này, mỗi công dân Mỹ hay mỗi cá nhân có nguyện vọng muốn trở thành chủ sở hữu, sau khi nộp một khoản tiền thuế không lớn là 10 đô-la, anh ta có thể nhận được vĩnh viễn 160 a-cơ-rơ (6,5 ha) đất từ quỹ quốc gia. Ruộng đất sẽ được chuyển sở hữu hoàn toàn cho phéc-mi-ê nếu như anh ta đã canh tác trên đó 5 năm hoặc sớm hơn hạn ấy với điều kiện phải trả 1,25 đô-la cho 1 a-cơ-rơ. Đạo luật cấp đất canh tác, được công bố nhờ

áp lực của quần chúng nhân dân, là một trong các biện pháp cách mạng tạo

nên một bước ngoặt có lợi cho các bang miền Bắc trong tiến trình của cuộc chiến tranh. -699.

334 Đây nói đến khu *Cô-lông-bi*, - một khu thuộc liên bang - thủ đô nước Mỹ Oa-sinh-tơn và ngoại ô của nó đã được tách từ khu này ra thành một đơn vị hành chính độc lập. Yêu cầu xóa bỏ chế độ nô lệ ở thủ đô nước Mỹ là một trong những yêu cầu cơ bản của các lực lượng chống chế độ chiếm hữu nô lệ từ thời chiến tranh giành độc lập những năm 1775-1783. Đạo luật ngày 16 tháng Tư 1862 đã giải phóng 3 nghìn người da đen theo điều kiện đã được đạo luật về bồi thường ấn định. Theo đạo luật này chính phủ phải trả cho chủ sở hữu một khoản tiền 300 đô-la cho mỗi một người nô lệ được giải phóng. -699.

335 *Li-bê-ri-a* - nước cộng hòa ở Tây Phi, được thành lập năm 1847 nhờ việc di dân do Hội di dân châu Mỹ tiến hành nhằm mục đích di cư những người da đen đã được giải phóng ra khỏi nước Mỹ.

Ha-i-ti - quốc gia độc lập về hình thức ở phía Tây đảo Ha-i-ti, từ năm 1859 - là nước cộng hòa.

Việc đặt quan hệ ngoại giao vào tháng Sáu 1862 với các nước cộng hòa của người da đen Li-bê-ri-a và Ha-i-ti, những nước đã được các cường quốc khác công nhận lúc đó là thắng lợi của những người theo chủ nghĩa bài nô. Đồng thời, việc công nhận Li-bê-ri-a và Ha-i-ti về mặt ngoại giao còn nhằm mục đích khuyến khích những người da đen di cư khỏi nước Mỹ đến những nước này. Việc thành lập các thuộc địa của những người da đen đã được giải phóng ở ngoài biên giới nước Mỹ là một trong những điểm của cương lĩnh Lin-côn, người đã bị các đại diện của phe cách mạng của những người theo chủ nghĩa bài nô chống đối kịch liệt. -700.

336 *"The Evening Post"* ("Bưu điện buổi chiều") - nhật báo Mỹ, xuất bản ở Niu Oóc trong các năm 1801 - 1934 dưới tên gọi này; cuối những năm 40 và đầu những năm 50 tờ báo này ủng hộ đề nghị của những người thuộc phái ruộng đất tự do phri-xôi-lơ, từ năm 1856 là cơ quan ngôn luận của đảng cộng hoà; từ năm 1934 xuất bản dưới tên gọi "The Post" ("Bưu điện") - 702.

337 Trong thư gửi giáo chủ Đúc-ham ngày 4 tháng Mười một 1850, Rốt-xen khi ấy là thủ tướng, đã giả nhân giả nghĩa, với tư cách là một kẻ bảo vệ giả dối đạo Tin lành, phản đối "những hành động tiếm vị" của giáo hoàng Pi IX, người đã công bố sắc lệnh bổ nhiệm các giáo chủ Thiên chúa giáo và tổng giám mục ở Anh. Về vấn đề này xin xem bài văn đả kích của Mác "Huân tước Giôn Rốt-xen" (Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993,

t.11, tr.495-524).

Trong thư gửi công sứ Anh Hát-xơn ở Tu-rin ngày 27 tháng Mười 1860, bộ trưởng ngoại giao Rốt-xen, bất chấp lập trường của Nga, Áo và Phổ, đã hoan nghênh việc sáp nhập Nam I-ta-li-a vào Vương quốc Xác-di-ni và những hành động của Vích-to-Ê-ma-nu-en II lợi dụng phong trào cách mạng của nhân dân I-ta-li-a phục vụ cho những mục đích bá vương của mình. Thậm chí trong thư còn khẳng định rằng bất kỳ lúc nào nhân dân cũng có quyền làm đảo lộn chính phủ của mình. Tuyên bố này, nhằm chống Na-pô-lê-ông III, đồng thời cũng đề cập đến chính cái nguyên tắc cầm quyền quân chủ mà huân tước Rốt-xen trung thành phụng sự. -702.

338 "*Mark-Lane Express*" - tên gọi tắt của tạp chí hàng tuần "*The Mark-Lane Express and Agricultural Journal*" ("Người truyền tin thị trường lúa mì và tạp chí nông nghiệp"), cơ quan ngôn luận của giới thương mại; tạp chí này được xuất bản với tên gọi đó ở Luân Đôn từ năm 1832 đến năm 1924. -703.

339 Cuộc giao tranh bảy ngày trên các ngã đường tiến vào Rích-mơn (ngày 25 tháng Sáu - ngày 1 tháng Bảy 1862) cạnh sông Si-ca-khô-mi-ni - hai bên bờ là đầm lầy khó vượt qua - đã kết thúc bằng cuộc rút lui của đạo quân các bang miền Bắc dưới sự chỉ huy của Mắc-Cli-lân. -708.

340 "*Allgemeine Militär - Zeitung*" ("Báo quân sự phổ thông") - báo Đức viết về những vấn đề quân sự, cơ quan ngôn luận của Hội các sĩ quan và nhân viên quân sự Đức; xuất bản từ năm 1826 đến năm 1902 ở Đác-mơ-stát và Lai-pxích. Trong thời gian đó báo "*Allgemeine Militär - Zeitung*" đã đăng các bài của Ăng-ghen: "Duyệt lính bộ binh tình nguyện Anh", "Duyệt lính tình nguyện ở Anh" và "Lực lượng quân sự của Anh so với Đức". Các bài viết của Ăng-ghen được ban biên tập đăng, thường có ghi ký hiệu "F.E" của ban biên tập. -717.

341 Nói đến những sự kiện có liên quan tới cuộc hành quân của Ga-ri-ban-đi vào tháng Bảy - tháng Tám 1862 nhằm giải phóng La Mã khỏi quyền lực của giáo hoàng và bọn chiếm đóng Pháp. Trong khi giao chiến với quân của nhà vua ở A-xpơ-rô-môn ngày 29 tháng Tám, Ga-ri-ban-đi bị thương nặng và bị bắt làm tù binh, bị giam một thời gian dài. Vụ trừng phạt hèn hạ của Vích-to-Ê-ma-nu-en II đối với người anh hùng nhân dân của I-ta-li-a đã gây ra làn sóng phản đối sâu rộng ở các nước châu Âu, đặc biệt là ở I-ta-li-a. -719.

342 Có ý nói tới cuộc triển lãm công nghiệp thế giới lần thứ hai tổ chức ở Luân Đôn từ tháng Năm đến tháng Mười một 1862. -723.

343 "*Newcastle Journal*" - tên gọi tắt của tờ báo bảo thủ Anh "Newcastle Daily Journal"

("Nhật báo Niu-cát-xơ"), thành lập năm 1832 và được xuất bản với tên gọi đó từ năm 1861 đến năm 1920. -730.

344 Có ý nói tới việc giải thể nội các Pan-mốc-xơn vào tháng Hai 1858 do việc Hạ nghị viện bác bỏ Dự luật về những âm mưu (xem chú thích 281). Dự luật đó được đưa ra là do có vụ mưu sát Na-pô-lê-ông III của các nhà cách mạng I-ta-li-a Oóc-xi-ni - trước đó sống ở Luân Đôn - tiến hành vào ngày 14 tháng Giêng 1858. -730.

345 Ở đây nói đến cao trào quần chúng trong phong trào Hiến chương mùa hạ và mùa thu năm 1842 nhân cuộc khủng hoảng kinh tế trở nên gay gắt ở Anh vào mùa xuân năm 1842. Đầu tháng Tám 1842 ở Xtê-li-brít-giơ (gần Man-se-xtơ) nổ ra cuộc bãi công, sau đó đã bao trùm các khu công nghiệp chủ yếu trong nước. Mở đầu với những yêu sách về kinh tế, cuộc bãi công nhanh chóng chuyển sang tính chất chính trị và diễn ra dưới khẩu hiệu đấu tranh đòi Hiến chương. Phải nhờ đến sự giúp sức của quân chính quy, các giai cấp cầm quyền mới đàn áp nổi những người bãi công. Sau thất bại của cuộc bãi công ở Xtê-li-brít-giơ - tiếp sau đó là các vụ đàn áp của chính phủ, phong trào Hiến chương tạm thời đi vào thoái trào. Việc công nghiệp phần nào được hồi phục - bắt đầu từ năm 1843 - cũng thúc đẩy sự kiện trên. Việc miêu tả chi tiết các sự kiện đó được thể hiện trong tác phẩm của Ph.Ăng-ghen "Tình cảnh của giai cấp công nhân ở Anh" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1983, t.2, tr. 591-595). -730.

346 Cuộc tấn công của những người thuộc phe Hiệp bang vào bang Mê-ri-len bắt đầu ngày 4 tháng Chín 1862, kết thúc bằng sự thất bại của họ ở An-ti-tam - Crích ngày 17 tháng Chín. -734.

347 Quân Hiệp bang xâm nhập bang Kê-tác-ki ngày 12 tháng Chín 1862 đã bị những người phương Bắc đánh bại trong trận chiến đầu ở Pê-ri-vin ngày 8 tháng Mười. -735.

348 "*Những người khổng lồ miền Tây*" là từ do Mác dùng để gọi dân cư phéc-mi-ê ở những bang miền Tây nước Mỹ, vào thế kỷ XIX các bang đó được gọi là miền Tây lớn (The great West); những người phéc-mi-ê miền Tây giữ vai trò quyết định trong cuộc đấu tranh chống chế độ nô lệ trong thời kỳ nội chiến những năm 1861-1865. -735.

349 Bản tuyên bố về việc giải phóng - do Lin-côn ban bố ngày 22 tháng Chín 1862 - đã tuyên bố trả tự do từ ngày 1 tháng Giêng 1863 cho những nô lệ da đen thuộc các điền chủ miền Nam tham gia cuộc bạo loạn. Đồng thời, tất cả những người da đen được quyền phục vụ trong quân đội và hạm đội. Việc giải phóng người da đen được thực hiện sau một loạt những thất bại về quân sự và do áp lực của quần chúng

nhân dân, đã đánh dấu bước chuyển của miền Bắc sang chiến tranh cách mạng.

Đồng thời, việc giải phóng mà không cấp ruộng đất trong khi vẫn duy trì địa vị thống trị các điền chủ ở miền Nam đã không giải thoát người da đen khỏi ách bóc lột tàn tệ của các chủ nô trước đây và khỏi sự phân biệt chủng tộc dã man. -737.

350 Có lẽ Mác có ý nói đến tư tưởng do Hê-ghe-nê nêu ra trong "Các bài giảng về thẩm mỹ học". q.III, mục "Nguyên lý của bi kịch, hài kịch và kịch nói". Xem G.W.F.Hegel. Werke, Bd.X. Abt. III, Berlin, 1838, S.526-540 (G.V.Ph.Hê-ghe-nê. Toàn tập, t.X, ph. III, Béc-lin, 1838, tr.526-540). -738.

351 Ở đây nói tới những sự kiện cách mạng ở Hy Lạp bắt đầu từ tháng Hai 1862. Phong trào nổ ra là do tình hình kinh tế cực kỳ khó khăn do sự xâm chiếm của Anh - Pháp đối với Hy Lạp vào những năm 1854-1857. Đứng đầu cuộc đấu tranh chống lại sự thao túng của nước ngoài trong kinh tế và đời sống chính trị của đất nước là giai cấp tư sản dân tộc. Ngày 22 tháng mười 1862, tại A-ten, quân đồn trú đã nổi dậy, có sự tham gia của toàn thể dân chúng trong thành phố. Chính phủ lâm thời được thành lập lúc đó đã tuyên bố phế truất vua Ôt-tôn Đờ Ba-vi-e. Song, sau đó, lợi dụng chỗ yếu của giai cấp tư sản Hy Lạp, Chính phủ Anh đã áp đặt lần nữa cho nhân dân Hy Lạp một tên tay sai của chúng - hoàng thân Đan Mạch Vin-hem với cái tên Gioóc-giơ I.

Sự phá sản của Vây-i-ác, một nhà kinh doanh Pháp có liên hệ với uỷ ban tổ chức triển lãm công nghiệp thế giới ở Luân Đôn (xem chú thích 342), đã được mọi người biết đến từ tháng Chín 1862, trước khi bế mạc triển lãm ít lâu, và trở thành một trong những đối tượng rùm beng của báo chí. -740.

352 Có ý nói tới cuốn Sách xanh: "Report addressed to Herr Majesty's principal Secretary of State for the Home Department, relative to the Grievances complained of by the Journeymen Bakers". London, 1862 ("Báo cáo gửi bộ trưởng bộ nội vụ của nhà vua về các khiếu nại của những thợ làm bánh mì công nhật", Luân Đôn, 1862). Do H.X. Tô-ri-men-hia soạn thảo. -741.

353 Ngày 3 tháng Mười 1862 quân đội của các bang miền Nam dưới sự chỉ huy của tướng Prai-xơ và Van-đoóc-nơ đã tấn công các trận địa của quân đội các bang miền Bắc ở Cô-ranh-tô. Trận giao tranh hai ngày đêm đã kết thúc bằng sự thất bại và rút lui của những người thuộc phe Hiệp bang. -751.

354 Ở đây muốn nói đến mưu toan không thành của những người thuộc phe Hiệp

bang trong tháng Mười 1862 nhằm giành lại Nát-vin mà họ đã để mất hồi tháng Hai 1862. -752.

355 Có ý nói đến bài phát biểu của Glát-xtôn tại Niu-cát-xơ ngày 7 tháng Mười 1862, trong đó ông ta tuyên bố rằng những người phương Nam "không những thành lập được quân đội và hạm đội, mà còn tạo ra được một dân tộc nữa - điều này quan trọng hơn cả". -754.

356 Ở đây nói về cuộc bầu cử vào nghị viện, được tổ chức ở các bang miền Bắc ngày 4 tháng Mười một 1862, và về việc đồng thời bầu thống đốc bang Niu Oóc. Những người thuộc đảng cộng hoà, mặc dù giành được thắng lợi đa số ở các bang miền Bắc, nhưng lại bị mất đi nhiều phiếu so với các cuộc bầu cử trước đây đã giành được ở Niu Oóc, cũng như ở các bang miền Tây - Bắc bầu cho đảng dân chủ. Một trong những thủ lĩnh của đảng dân chủ là Xây-mua đã được bầu làm thống đốc bang Niu Oóc. -755.

357 *Đảng Vích* - một đảng ở Mỹ, chủ yếu đại diện cho lợi ích của giai cấp tư sản công - thương nghiệp, một bộ phận các nhà điền chủ cũng tham gia đảng đó. Đảng Vích tồn tại từ năm 1834 đến năm 1852, khi cuộc đấu tranh về vấn đề chế độ nô lệ trở nên gay gắt, nó đã bị phân liệt và phải thành lập lại các đảng phái chính trị trong nước. Bộ phận đa số của đảng Vích cùng với một bộ phận của đảng dân chủ và đảng Phri-xôi-lơ (xem chú thích 186) năm 1854 đã thành lập ra đảng cộng hoà, chủ trương ủng hộ việc hạn chế chế độ nô lệ. Bộ phận còn lại của đảng Vích thì gia nhập đảng dân chủ để bảo vệ lợi ích của giới điền chủ - chiếm hữu nô lệ. -756.

358 Có ý nói tới thư kêu gọi của Chính phủ Pháp ngày 31 tháng Mười 1862 gửi các đại diện ngoại giao Anh và Nga, đề nghị ba cường quốc cùng nhau phối hợp hành động nhằm tạm thời ngừng chiến, giải vây và mở cửa các cảng miền Nam Mỹ cho châu Âu vào buôn bán. Đề nghị của Na-pô-lê-ông IV về việc can thiệp vào công việc nội bộ của Hợp chúng quốc, đã bị Nga bác bỏ ngày 8 tháng Mười một (tức ngày 27 tháng Mười) 1862, và tiếp đó là Chính phủ Anh. -757.

359 Trong thời gian xâm nhập Mê-ri-len, quân đội của các bang miền Nam dưới sự chỉ huy của Giéch-xơn, ngày 15 tháng Chín 1862, đã chiếm được một điểm dân cư quan trọng bên bờ sông Pô-tô-mác là Hác-pơ-Phe-ri có một vạn quân đồn trú trấn giữ với một kho vũ khí lớn. -759.

360 "*A-la-ba-ma*" - một tàu tuần dương được đóng và được trang bị ở Anh theo đơn đặt hàng của quân đồng minh. Ngày 23 tháng Sáu 1862, sau khi con tàu được hạ thủy

ít lâu, phái viên của Mỹ ở Luân Đôn là A-đam đã lên tiếng phản đối Chính phủ Anh về việc cho đóng và trang bị quân sự cho tàu "A-la-ba-ma". Tuy vậy, Chính phủ Anh vẫn tạo điều kiện cho con tàu đi tới quần đảo A-xo, nơi nó sẽ được trang bị đầy đủ. Sau hai năm (từ 1862-1864), tàu tuần dương đó đã tiêu diệt được gần 70 chiếc tàu của hạm đội Bắc Mỹ. Các cuộc thương lượng với Chính phủ Anh về việc đền bù thiệt hại do tàu "A-la-ba-ma" và các pháo hạm khác được chế tạo ở Anh gây ra, kéo dài đến năm 1872 và được kết thúc bằng việc ký hiệp ước về việc Anh đền bù cho Mỹ 15,5 triệu đô-la. -763.

361 Tuyên bố gửi ban biên tập báo "Berliner Reform" do Mác viết nhân việc ngày 10 tháng Tư 1863 xuất hiện trên báo một bài viết xuyên tạc cuộc trao đổi giữa Mác và Lát-xan về việc cộng tác xuất bản một tờ báo trong thời gian Mác ở Béc-lin mùa xuân 1861.

"*Berliner Reform*" ("Cải cách Béc-lin") là tờ báo hàng ngày của phái dân chủ tiểu tư sản Đức, được xuất bản ở Béc-lin trong những năm 60 thế kỷ XIX. -769.

362 Lời kêu gọi về Ba Lan do Mác viết theo sự uỷ nhiệm của Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn, hội này đã lập ra một uỷ ban quyền góp trợ giúp những người tham gia cuộc khởi nghĩa Ba Lan trong những năm 1863-1864.

Hội giáo dục công nhân Đức do C.Sáp-pơ, I.Môn và những nhà hoạt động khác của Liên minh những người chính nghĩa lập ra ở Luân Đôn vào tháng Hai 1840. Sau khi tổ chức ra Liên đoàn những người cộng sản thì vai trò lãnh đạo trong Hội thuộc về các chi bộ địa phương của Liên đoàn. Mác và Ăng-ghe-nh đã tham gia tích cực vào hoạt động của Hội trong năm 1847 và những năm 1849 -1850. Ngày 17 tháng Chín 1850, Mác, Ăng-ghe-nh và một số người ủng hộ hai ông đã ra khỏi Hội, bởi vì trong cuộc đấu tranh giữa đa số Ban chấp hành Liên đoàn những người cộng sản, do Mác và Ăng-ghe-nh lãnh đạo, với thiểu số phiêu lưu bè phái (phái Vi-Lích-Sáp-pơ) thì hội lại đứng về phía thiểu số. Từ cuối những năm 50, Mác và Ăng-ghe-nh lại tham gia hoạt động của Hội giáo dục. Hội tiếp tục tồn tại đến năm 1918, khi đó nó bị Chính phủ Anh bắt ngừng hoạt động. Trong thế kỷ XX có nhiều nhà lưu vong chính trị Nga thường lui tới Hội. -770.

363 Đây nói tới Ủy ban dân tộc trung ương lãnh đạo cuộc khởi nghĩa giải phóng vào tháng Giêng 1863 tại các vùng đất Ba Lan bị lệ thuộc nước Nga Sa hoàng. Cuộc khởi nghĩa những năm 1863-1864 nổ ra do những mâu thuẫn giai cấp và dân tộc ngày càng tăng ở Vương quốc Ba Lan, và nhằm chống lại ách chuyên chế của Nga

hoàng. Khi cuộc khởi nghĩa mới nổ ra, Ủy ban dân tộc - bao gồm những phần tử tiểu tư sản và tiểu quý tộc - đã tuyên bố cương lĩnh của cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc của Ba Lan và cả một loạt những yêu sách về dân chủ và ruộng đất. Tháng

Năm 1863 Ủy ban này mang tên của chính phủ quốc dân ("Giòn na-rô-đô-vui"). Song, do tính không triệt để và không cương quyết của chính phủ khởi nghĩa không dám đụng tới các đặc quyền của tầng lớp đại địa chủ, nên bộ phận quần chúng chủ yếu trong giai cấp nông dân đã không tham gia cuộc khởi nghĩa. Đó là một trong những nguyên nhân chính dẫn cuộc khởi nghĩa đến thất bại, nó đã bị Chính phủ Nga hoàng đè bẹp về cơ bản vào mùa thu 1863. Cuộc chiến đấu của các toán quân khởi nghĩa riêng lẻ còn kéo dài đến cuối năm 1864. -770.

364 Các cuộc phân chia Ba Lan - xem chú thích 43. -770.

365 Trong những năm 1831 và 1832 ở hầu hết các quốc gia thuộc Hiệp bang Đức, tình thần chống đối do ảnh hưởng của cuộc cách mạng tháng Bảy 1830 ở Pháp và cuộc khởi nghĩa Ba Lan những năm 1830-1831 ngày càng mạnh mẽ. Ngày 27 tháng Năm 1832 tại lâu đài Hăm-bác ở Pphan-xơ thuộc xứ Ba-vi-e đã nổ ra một cuộc biểu tình chính trị lớn do những đại diện của giai cấp tư sản tự do và cấp tiến Đức tổ chức. Bên cạnh việc đưa ra yêu sách đòi cải tổ hiến pháp và thống nhất dân tộc Đức, những người tham gia ngày hội còn thể hiện tinh đoàn kết của mình với nhân dân Ba Lan đang chiến đấu, đã giương lên cá cờ dân tộc Ba Lan. -771.

366 Về *Liên minh dân tộc* - xem chú thích 79. -771.

367 Có ý nói tới cuộc chiến tranh của Phổ và Áo chống Đan Mạch năm 1864, kết thúc bằng thất bại của Đan Mạch. Theo hòa ước được ký ở Viên ngày 30 tháng Mười 1864, Slê-dơ-vích, Hôn-stai-nơ và Lau-en-buốc được tuyên bố là lãnh địa chung của Áo và Phổ. -773.

368 Có ý nói đến tuyên bố của Pan-mốc-xtôn tại Hạ nghị viện ngày 23 tháng Bảy 1863 nhân cuộc xung đột ngày càng gay gắt giữa Đan Mạch và Hiệp bang Đức vì các công quốc Đức Slê-dơ-vích và Hôn-stai-nơ; các công quốc này thuộc quyền tối cao của vua Đan Mạch, Pan-mốc-xtôn tuyên bố rằng nếu nước Đức định có mưu toan nào đó vi phạm quyền bất khả xâm phạm của Đan Mạch, thì Đức không phải chỉ đụng riêng tới Đan Mạch mà thôi. Lời phát biểu của Pan-mốc-xtôn với mục đích chỉ xoa dịu dư luận xã hội ở Anh đang đòi Chính phủ Anh phải thực hiện các nghĩa vụ của mình theo bản Nghị định thư Luân Đôn được ký ngày 8 tháng Năm

- 1852 về sự toàn vẹn của nền quân chủ Đan Mạch (xem chú thích 169). -776.
- 369 Bản viết tay của bài này còn giữ được cho tới nay nhưng không được đầy đủ. Đoạn cuối của phần thứ nhất và đoạn đầu của phần thứ hai (các trang 5 và 6 của bản thảo), và cả đoạn cuối của phần thứ hai (trang 9) đã bị thất lạc. Như ký hiệu "F.E" của ban biên tập kèm theo khi đăng bài của Ăng-ghe-nen trên báo Đức "Allgemeine Militär - Zeitung" cho thấy, bài "Kinh-lếch viết về trận giao chiến ở An-ma" được Ăng-ghe-nen định dùng để đăng trên tờ báo này. Song bản thảo của bài này chưa hoàn chỉnh nên ông đã không gửi nó cho ban biên tập. -785.
- 370 Có ý nói tới hai tập đầu của cuốn sách: A. W. Kinglake, "The Invasion of the Crimea; its Origin, and an Account of its Progress down to the Death of Lord Raglan". Edingburg and London. 1863 (A. U. Kinh-lếch "Cuộc xâm nhập Crưm; mở đầu cuộc xâm nhập và sự phát triển tiếp theo của nó cho tới khi huan tước Raglan bị chết". Ê-đin-bơc và Luân Đôn, 1863). Cuốn sách được chia thành sáu tập. -785.
- 371 Như mọi người đều thấy trong lời tựa của Kinh-lếch viết cho cuốn sách của ông ta, ở đây muốn nói đến những hồi ký của các tướng Nga và những người đã tham gia trận đánh ở An-ma. Những hồi ký này - trước đây đã được công bố trên báo chí Nga - nay được một sĩ quan Nga nào đó giao cho Kinh-lếch dưới dạng bản dịch ra tiếng Anh. Trong cuốn sách của mình Kinh-lếch sử dụng những hồi ký sau đây:
- Ô. Cvin-xin-xki. "Những chi tiết vẫn còn mới về trận đánh ở An-ma. Thư gửi chủ bút tờ "Người tàn tật Nga". "Người tàn tật Nga" số 84, ngày 12 tháng Tư 1856;
- P.Goóc-tra-cốp. "Những nhận xét về bài báo: "Những chi tiết vẫn còn mới về trận đánh ở An-ma", được đăng trên tờ "Người tàn tật Nga" số 84". "Người tàn tật Nga" số 101, ngày 8 tháng Năm 1856;
- V.Ki-ri-a-cốp. "Những chi tiết mới về trận đánh ở An-ma", "Người tàn tật Nga" số 136, ngày 21 tháng Sáu 1856. -785.
- 372 Ngày 20 (tức ngày 8) tháng Chín 1854 trên sông *An-ma* đã diễn ra trận giao chiến lớn đầu tiên của Cuộc chiến tranh Crưm những năm 1853-1856 giữa quân Nga và quân liên minh Anh - Pháp. Quân liên minh đã thắng trận, do có được - ngoài việc trội hơn về số lượng quân - một loạt những ưu thế về kỹ thuật quân sự. Mặc dù bộ chỉ huy quân Nga mắc phải những sai lầm, nhưng trong trận giao chiến này quân liên minh vẫn bị những thiệt hại to lớn do các đợt phản công của quân Nga. -785.
- 373 Anitschkof, "Der Feldzug in den Krim" Erstter Theil. Berlin, 1857 (dịch từ bản tiếng Nga: Ai-nhi-sơ-cốp "Bút ký lịch sử quân sự về cuộc chinh phạt Crưm". Phần

- I, Xanh-Pê-téc-bua, 1856). -787.
- 374 Có ý nói tới cuốn sách: R.Hodasevich [Chodasiewicz]. "A Voice from within the Wallr of Sebastopol" (R.Hô-đa-xê-vích. "Tiếng nói từ Xê-va-xtô-pôn bị vây hãm"), xuất bản ở Luân Đôn 1856. -788.
- 375 A.F.Haxthausen. "Studien über dis innern Zustände, das Volksleben und insbesondere die landlichen Einrichtungen Rußlands". Dritter Theil, Berlin, 1852, S. 255-292 (A. Ph. Hắc-xơ-hau-den. "Những công trình nghiên cứu các mối quan hệ nội tại, đời sống nhân dân và đặc biệt là các cơ sở nông thôn của nước Nga". Phần III, Béc-lin, 1852, tr.255-292). -789.
- 376 "Atlas historique et topographique de la guerre d'Orient, en 1854, 1855 et 1856". [Paris]. 1859 ("Tập bản đồ lịch sử và địa hình của cuộc chiến tranh phương Đông, 1854, 1855 và 1856". [Pa-ri], 1859). -791.
- 377 Ở đây nói đến các bản báo cáo của nguyên soái Xanh-Ăc-nô, tổng tư lệnh quân đội Pháp ở Crưm, gửi Na-pô-lê-ông III và bộ trưởng chiến tranh ngày 21 và 22 tháng Chín 1854, các báo cáo này được đăng trên báo "Moniteur universel" ngày 7 và 8 tháng Mười 1854.
- Bazancourt "L'expédition de Crimée jusqu' à la prise de Sébastopol" (Ba-dan-cu-rơ. "Chiến dịch Crưm trước khi chiếm Xê-va-xtô-pôn"). Xuất bản lần đầu thành 2 tập năm 1856. -794.
- 378 Cũng như bản thảo các bài trước đây bản thảo bài "Quân đội Anh" của Ph.Ăng-ghe-nen chỉ còn giữ được cho tới nay, dưới dạng không đầy đủ, - nó bị mất đoạn cuối. Việc có ghi tên ký giả "F. E" chứng tỏ rằng bài này cũng được viết cho báo "Allgemeine Militär - Zeitung". -809.
- 379 Có ý nói tới cuốn sách: M. Petrie. "Strength, Composition and Organization of the Army of Great Britain". London, 1863 (M. Pi-tơ-ri, "Quân số, thành phần và tổ chức của quân đội Anh", Luân Đôn, 1863. -809.
- 380 Chế độ bán giấy chứng nhận hàm sĩ quan xuất hiện ở Anh vào cuối thế kỷ XVII và sau đó được nhà vua phê chuẩn. Chế độ đó tồn tại đến năm 1871, bảo đảm địa vị độc quyền cho tầng lớp quý tộc Anh trong quân đội. -811.
- 381 Có ý nói tới các cuộc chiến tranh mở đầu vào năm 1843 của bọn thực dân Anh chống dân bản địa Niu Di-lân - những người Ma-ô-ri. Trong thời kỳ diễn ra các cuộc chiến tranh này, người Ma-rô-i đã gây cho quân thực dân Anh hàng loạt thất bại. Mãi tới năm 1872 - sau khi tiêu diệt phần lớn dân bản địa - người Anh mới

đuổi được người Ma-ô-ri ra khỏi những miền trù phú nhất của quần đảo, tại nơi ở mới họ đã không thoát khỏi bị diệt vong vì đói và tuyệt chủng. -812.

382 *Trại Ôn-đéc-sốt* - trại quân thường trực cách Luân Đôn 75 km, được lập ra năm 1855 để huấn luyện lính của quân đội Anh khi xảy ra cuộc Chiến tranh Crut. -812.

383 *Trường Xan-đơ-héc-xơ* - một trường quân sự ở Xan-đơ-héc-xơ, cách Luân Đôn 78 km, được thành lập năm 1802 và đào tạo sĩ quan bộ binh và kỵ binh. -813.

384 *Đội quân lê dương của Pháp* - một đơn vị lính đánh thuê thành lập năm 1831 được sử dụng trong các cuộc chiến tranh thuộc địa và đàn áp phong trào cách mạng ở chính quốc. Đội quân lê dương được phiên chế chủ yếu từ những phần tử vô sản lưu manh trong số những người nước ngoài sống trên đất Pháp, song chỉ có người Pháp mới có thể được giữ các chức vụ sĩ quan trong đội quân đó. Đội quân lê dương đã tham gia chiến đấu ở An-giê-ri và Crut; năm 1871 đội quân này đã sử dụng người Véc-xây chống lại Công xã Pa-ri. -826.

385 Theo chế độ quân sự Phổ áp dụng trong thế kỷ XIX, thì binh lính trong quân đội được chia thành một số loại. Những binh sĩ vi phạm kỷ luật sẽ bị chuyển từ loại một sang loại hai, tại đó họ có thể bị nhục hình. -831.

386 Đơn của Mác xin khôi phục quốc tịch Phổ - được đăng trong phụ lục - là do Ph.Lát-xan viết theo yêu cầu của Mác trong thời gian ông ở Béc-lin mùa xuân 1861 và do chính Mác ký tên. Đơn của Mác đã bị tổng trưởng cảnh sát Béc-lin, và sau đó vào tháng Mười một cùng năm đó, bị bộ trưởng nội vụ Phổ - bác bỏ. - 835.

387 *"Neue Rheinische Zeitung, Organ der Demokraten"* ("Báo mới tỉnh Ranh. Cơ quan của phong trào dân chủ"), xuất bản hàng ngày ở Khuê do Mác chủ biên từ ngày 1 tháng Sáu 1848 đến ngày 19 tháng Năm 1849. Tham gia ban biên tập có Ăng-ghe-n và cả V.Vôn-phơ, G. Véc-nơ, Ph.Vôn-phơ, E.Đrôn-ke, Ph. Phrai-li-grát và G. Buy-ghe-xơ.

Là cơ quan ngôn luận chiến đấu của cánh vô sản thuộc phái dân chủ, tờ "Neue Rheinische Zeitung" đã giữ vai trò là người giáo dục quần chúng nhân dân, cổ vũ họ trong cuộc đấu tranh chống thế lực phản cách mạng. Các bài xã luận - xác định rõ lập trường của tờ báo và những vấn đề quan trọng nhất của cuộc cách mạng Đức và châu Âu - thường là do Mác và Ăng-ghe-n viết.

Lập trường kiên quyết và không khoan nhượng của tờ báo, tinh thần quốc tế chiến đấu của nó, những sự vạch trần về chính trị xuất hiện trên các trang báo đó

nhằm chống lại Chính phủ Phổ, và chống lại các nhà đương cục ở Khuê, - tất cả những cái đó ngay từ những tháng tồn tại đầu tiên của tờ "Neue Rheinische Zeitung" đã kéo theo việc tờ báo bị báo chí quân chủ phong kiến và tư sản tự do hăm hại, và đồng thời sự truy nã của chính phủ đặc biệt càng mạnh mẽ hơn sau cuộc đảo chính phản cách mạng ở Phổ vào tháng Mười một - tháng Chạp 1848.

Bất chấp tất cả những cuộc truy nã và mọi sự cản trở của cảnh sát, tờ "Neue Rheinische Zeitung" vẫn dũng cảm bảo vệ những lợi ích của lực lượng dân chủ cách mạng, lợi ích của giai cấp vô sản. Tháng Năm 1849, trong khung cảnh thế lực phản cách mạng hoành hành ở khắp nơi, Chính phủ Phổ lấy cớ là Mác không được nhập quốc tịch Phổ, đã ra lệnh trục xuất ông khỏi biên giới Phổ. Việc trục xuất Mác và các cuộc đàn áp chống các biên tập viên khác của tờ "Neue Rheinische Zeitung" là nguyên nhân làm cho tờ báo phải đình bản. Số 301 là số cuối cùng của tờ "Neue Rheinische Zeitung" được in bằng mực đỏ, ra ngày 19 tháng Năm 1849. Trong lời từ biệt gửi công nhân, các biên tập viên của báo đã tuyên bố rằng "lời thể cuối cùng của họ mãi mãi và ở khắp nơi sẽ là việc giải phóng giai cấp công nhân!". -837.

388 Tờ *"Deutsch - Französische Jahrbücher"* ("Niên giám Pháp - Đức") được xuất bản ở Pa-ri bằng tiếng Đức, do C.Mác và Ru-gơ chủ biên. Tạp chí chỉ ra được số đầu và số kép vào tháng Hai 1844. Trên tạp chí đã công bố các tác phẩm của C.Mác: "Bàn về vấn đề châu Âu" và "Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghe-n. Lời mở đầu", và cả những tác phẩm của Ăng-ghe-n: "Sơ thảo góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị" và "Tình hình nước Anh, Tô-mát Các-lây-lơ", "Quá khứ và hiện tại" (Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1983, t.1, tr.502-542-543, 562, 711-717, 748-784). Những tác phẩm này đánh dấu thời kỳ Mác và Ăng-ghe-n chuyển hẳn sang chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa cộng sản. Nguyên nhân chủ yếu của việc đình bản tạp chí này là do có những bất đồng về nguyên tắc giữa Mác với phần tử cấp tiến tư sản là Ru-gơ. -842.

389 Xem bài "Mác và quốc tịch Phổ" (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1983, t.5, tr. 482-485). -850.

390 Có ý nói tới *Hiệp định Hiệp bang Đức* được Đại hội Viên thông qua ngày 8 tháng Sáu 1815; trên cơ sở của hiệp định này nhiều quốc gia Đức đã được thống nhất lại về mặt hình thức thành cái gọi là Hiệp bang Đức (xem chú thích 21). -857.

THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN (Tháng Giêng 1860 - tháng Chín 1864)

1860

<i>Tháng Giêng - đầu tháng Hai</i>	Mác tiếp tục công việc cho xuất bản thứ hai tác phẩm "Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị" nhằm nghiên cứu các vấn đề tư bản. Do đó ông thường tới Viện bảo tàng Anh để nghiên cứu các bản báo cáo của các viên thanh tra công xưởng trong những năm 1855-1859, các tác phẩm của các nhà kinh tế tư sản là Xmit, Kê-nê, Tuyếc-gô v.v.. đồng thời ông đọc lại tác phẩm "Tình cảnh giai cấp công nhân ở Anh" của Ăng-ghe-nh.
<i>Tháng Giêng-tháng Hai</i>	Ăng-ghe-nh nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn của ngành quân sự, ông tìm hiểu lịch sử của việc chế tạo và phát triển các loại vũ khí.
<i>11-26 tháng Giêng</i>	Mác và Ăng-ghe-nh tiếp tục chú ý theo dõi sự chín muồi của cuộc khủng hoảng cách mạng ở Mỹ và ở Nga. Trong thư gửi Ăng-ghe-nh. Mac nhấn mạnh rằng cuộc đấu tranh và người nô lệ da đen ở Mỹ nhằm thủ tiêu chế độ nô lệ và phong trào đòi xóa bỏ chế độ nông nô ở Nga là những sự kiện quan trọng nhất của thời đại hiện nay.
<i>17 tháng Giêng</i>	Mác viết cho tờ "New-York Daily Tribune" ("Diễn đàn Niu Oóc hàng ngày") bài "Tình hình ở Pháp", trong đó ông vạch trần những thủ đoạn mới của Chính phủ Lu-i Bô-na-pác-tơ trong lĩnh vực kinh tế chính trị; bài này được công bố trên báo ngày 7 tháng Hai.

<i>27,28 tháng Giêng và 11 tháng Hai</i>	Trong các bài "Chính sách của Anh", "Hiệp ước mới giữa Pháp và Anh" và "Ngân sách của Anh", viết cho tờ "New-York Daily Tribune", Mac chỉ ra bản chất phản dân trong chính sách đối nội và đối ngoại của Chính phủ Anh; các bài này được đăng trên báo ngày 14 và 25 tháng Hai.
<i>Khoảng 30 tháng Giêng</i>	Ăng-ghe-nh viết bài "Xa-voa và Ni-xơ", trong đó ông vạch ra những tham vọng vô căn cứ của Na-pô-lê-ông III đối với các tỉnh đổ của I-ta-li-a. Bài này được đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 21 tháng Hai.
<i>Cuối tháng Giêng- đầu tháng Hai</i>	Nhân sự xuất hiện cuốn sách mang nội dung vu khống của phái viên của Bô-na-pác-tơ là Các phô-gơ "Vụ kiện tờ "Allgemeine Zeitung" của tôi", Mac bắt đầu thu thập các tài liệu để viết một bài công kích chống lại tên Phô-gơ. Để làm việc đó, ông đọc lại tất cả những bức thư và các báo ra trong thời kỳ từ năm 1848 đến 1859 mà ông hiện có, đồng thời ông cũng liên hệ với một số các đại biểu của giới lưu vong cách mạng là Sáp-pơ, V.Vôn-phơ, Lê-lê-ven, Boóc-hai-mơ, I-man-dơ v.v. yêu cầu họ gửi cho ông những tài liệu để bóc trần bộ mặt của tên Phô-gơ. Ăng-ghe-nh viết bài "Cải cách quân sự ở Đức", trong đó ông chế giễu sự cầu kỳ và chế độ huấn luyện khắc nghiệt phô trương ngụy trị trong quân đội của các quốc gia Đức. Bài này được đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 20 tháng Hai.
<i>Nửa đầu tháng Hai</i>	Mác nhận được từ bạn bè và các bạn chiến đấu nhiều bức thư biểu lộ sự phẫn nộ trước lời vu khống của bè lũ Phô-gơ và cả những tài liệu bóc trần bộ mặt của Phô-gơ.
<i>3 tháng Hai</i>	Ăng-ghe-nh đọc lại tất cả những tài liệu trong những năm 1850-1852 mà ông hiện có, cần dùng cho việc vạch mặt tên Phô-gơ.
<i>4 - 20 tháng Hai</i>	Ăng-ghe-nh viết cuốn sách mỏng "Xa-voa, Ni-xơ và Ranh" là phần tiếp theo của cuốn sách mỏng "Pô và Ranh" của ông; trong đó một lần nữa ông luận chứng cho lập trường của các nhà cách mạng vô sản về vấn đề thống nhất dân tộc I-ta-li-a và Đức. Cuốn sách được xuất bản khuyết danh ở Béc-lin vào đầu tháng Tư.
<i>6 tháng Hai</i>	Theo lời mời đặc biệt - để tỏ lòng kính trọng những công lao của ông trong sự nghiệp phát triển những nguyên lý

của chủ nghĩa cộng sản - Mác đã tham gia buổi lễ kỷ niệm ngày thành lập Hội khai sáng công nhân Đức ở Luân Đôn. Hội nghị nhất trí thông qua bản quyết nghị lên án những điều bịa đặt của Phô-gơ.

Mác viết để đăng trên báo Đức một bài tuyên bố, trong đó ông thông báo ý định của mình sẽ đưa ra truy tố tờ "National-Zeitung" ("Báo dân tộc") ở Béc-lin là tờ báo đã cho đăng hai bài xã luận trích từ cuốn sách mang nội dung vu khống của Phô-gơ và một bài lược thuật nội dung của cuốn sách đó. Bài tuyên bố đã được đăng trên tờ "Kölnische Zeitung" ("Báo Khuên"), trên các báo Béc-lin "Volks-Zeitung" ("Báo nhân dân") và tờ "Publicist" ("Công luận"), trên báo Hăm-buốc "Die Reform" ("Cải cách") và trên báo của Au-xbuc "Allgemeine Zeitung" ("Báo phổ thông").

13 tháng Hai, 27 tháng Ba Mác trao đổi thư từ với cố vấn tư pháp là Vê-bơ về việc kiện tờ "National-Zeitung", Mác gửi tới Béc-lin cho ông ta những tài liệu buộc tội đối với chủ biên tờ "National-Zeitung" là Xa-ben, đồng thời gửi cả một loạt các giấy tờ và tài liệu khác cần cho vụ kiện.

16 tháng Hai - 25 tháng Ba Mác có mặt ở chỗ Ăng-ghen, tại Man-se-xtơ. Hai ông bàn với V.Vôn-phơ kế hoạch đấu tranh chống Phô-gơ trên báo chí. Với mục đích đó, Mác đọc lại các thư từ và tài liệu liên quan đến hoạt động của Phô-gơ và những đại biểu khác của phái dân chủ tiểu tư sản, ông cũng gửi thư cho nhiều người yêu cầu gửi đến cho ông các tài liệu cần thiết.

Tháng Ba - tháng Tư Ăng-ghen viết một bài dài "Về những khẩu đại bác nòng có rãnh xoắn", bài này được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 7, 21 tháng Tư và ngày 5 tháng Năm.

Đầu tháng Ba Ăng-ghen đề nghị Lát-xan giúp đỡ xếp việc cho Nốt-i-ung mới ra tù (bị kết án trong vụ án những người cộng sản ở Khuên năm 1852).

23 tháng Ba - 6 tháng Tư Vì cha mất nên Ăng-ghen đến sống ở Béc-men.

9 tháng Tư - 24 tháng Bảy Nhận được thư của cựu thành viên Liên đoàn những người

cộng sản là I.Vây-đơ-mai-ơ đề nghị tìm các phóng viên người châu Âu cho báo "Die Stimme des Volks" ("Tiếng nói nhân dân") - báo này do hội công nhân ở Si-ca-gô xuất bản, - Mác gửi thư cho các đại biểu của giới lưu vong cách mạng ở Anh, Pháp và Thụy Sĩ là Líp-nếch, Boóc-khơ-hai-mơ, I.Ph. Béch-cơ, Lô-men, và cả với Lát-xan ở Đức yêu cầu gửi bài cho báo, Mác trao đổi thư từ với Vây-đơ-mai-ơ về việc xuất bản tờ báo.

10 tháng Tư Mác viết bài "Tâm trạng ở Béc-lin", trong đó ông nhấn mạnh rằng sự sục sôi cách mạng đang ngày càng tăng trong tất cả mọi tầng lớp dân cư Đức. Bài này được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 28 tháng Tư.

Giữa tháng Tư - 2 tháng Sáu Theo yêu cầu của nhà hoạt động chính trị Hung-ga-ri là Xê-me-rơ, Mác tìm hiểu cuốn sách mỏng của ông ta "Hung-ga-ri trong những năm 1848-60" đề cập đến vấn đề tìm kiếm con đường nhằm khôi phục nền độc lập cho Hung-ga-ri, trong thư gửi Xê-me-rơ bàn về cuốn sách đó, Mác kịch liệt phê phán ông vì đã biện hộ cho Bô-na-pác-tơ và Pan-mốc-xtơ.

18 tháng Tư - 5 tháng Mười Đơn của Mác phát lên kiện chủ bút báo "National-Zeitung" là Xa-ben, buộc ông ta tội vu khống, đã bị viện công tố Béc-lin ở cấp thứ nhất và cấp thứ hai, tòa án thành phố Béc-lin và cả tòa thượng thẩm và tòa án tối cao bác đi.

Cuối tháng Tư - đầu tháng Năm Nhân có cuộc khởi nghĩa ở Pa-léc-mô và cao trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a, Mác viết một bài, trong đó ông nêu rõ cuộc đấu tranh kiên cường của nhân dân Xi-xin trong suốt quá trình lịch sử của họ chống ách ngoại bang. Bài này có nhan đề "Xi-xin và người Xi-xin" được đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 17 tháng Năm.

Tháng Năm - tháng Mười một Để viết bài đả kích Phô-gơ, Mác nghiên cứu lịch sử chính trị và ngoại giao thế kỷ XIX, ông trích từ các sách, bài báo và các bản báo cáo của nghị viện các vấn đề về chính sách đối ngoại của Na-pô-lê-ông III.

<i>Đầu tháng Năm</i>	Mác gửi cho báo "New-York Daily Tribune" hai bài viết về tình hình nội chính ở Phổ. Cả hai bài được đăng trên báo ngày 19 tháng Năm với nhan đề "Sự chuẩn bị cho cuộc chiến tranh sắp tới của Na-pô-lê-ông ở vùng Ranh".
<i>10 tháng Năm</i>	Ăng-ghe-nen báo tin cho Má-c biết về những điều kiện làm việc sắp tới của mình tại hãng G.Éc-men và Ăng-ghe-nen sau khi cha ông mất.
<i>Khoảng 12 - 25 tháng Năm</i>	Nhận được tin mẹ bị bệnh nặng, Ăng-ghe-nen tới Bác-men. Trên đường trở lại Man-se-xtơ, ông đã dừng lại chỗ Má-c ở Luân Đôn một thời gian ngắn.
<i>Giữa tháng Năm</i>	Mác nhận được thư của nhà văn Nga là N.P. Xa-dô-nốp bày tỏ sự phẫn nộ vô hạn trước lời vu khống của Phô-giơ. Sau khi nêu rõ ý nghĩa to lớn của cuốn sách "Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị" của Má-c xuất bản năm 1859 đối với sự phát triển của tư duy kinh tế, Xa-dô-nốp báo tin rằng có một trong những giáo sư trường Đại học tổng hợp Mát-xcơ-va đã trình bày nội dung cuốn sách đó trong một bài giảng chuyên đề.
<i>28 tháng Năm - khoảng 7 tháng Sáu</i>	Mác và Ăng-ghe-nen theo dõi sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a, làm sáng tỏ các giai đoạn chính của phong trào trên báo chí. Bài của Má-c viết về cuộc hành quân của đội quân Ga-ri-ban-đi được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 14 tháng Sáu, bài của Ăng-ghe-nen "Ga-ri-ban-đi ở Xi-xin" cũng được đăng làm xã luận trên báo đó ngày 22 tháng Sáu.
<i>2 tháng Sáu</i>	Trong thư gửi Lát-xan nhân nhận định về lập trường trong chính sách đối ngoại của những người ủng hộ nhà hoạt động chính trị Anh là Đ.Uốc-các-tơ, Má-c đưa ra một số nguyên tắc có tính chất sách lược của những nhà cách mạng vô sản đối với những liên minh tạm thời thuộc phe tư sản.
<i>13 tháng Sáu</i>	Mác viết bài "Những tin tức thú vị từ Phổ", nói về cuộc hội nghị sắp tới của các hoàng đế Đức với sự tham gia

<i>Khoảng 19 tháng Sáu</i>	Mác tới thăm nhà chính luận Đức Boóc-cơ-hai-mơ và đề nghị ông viết bài nhận xét về cuốn sách mỏng "Nước Phổ năm 1860" của A-bu, người theo phái Bô-na-pác-tơ; vào những tháng tiếp đó Má-c đưa ra một loạt những góp ý cho Boóc-cơ-hai-mơ về nội dung bài viết của ông ta và đọc chữa mo-rát cho bài viết đó.
<i>Khoảng 25 tháng Sáu</i>	Ăng-ghe-nen viết bài "Đội quân tình nguyện Anh", trong đó ông nêu rõ đặc điểm thành phần giai cấp trong đội quân tình nguyện. Bài này được đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 11 tháng Bảy.
<i>Cuối tháng Sáu, 10 và 14 tháng Bảy</i>	Mác viết cho tờ "New-York Daily Tribune" bài "Nền thương mại Anh" và hai bài có nhan đề "Tình hình công nghiệp công xưởng ở Anh", trong đó trên cơ sở phân tích các bản báo cáo của các viên thanh tra công xưởng về nửa đầu năm 1860, ông chỉ rõ sự bóc lột ngày càng tăng đối với giai cấp công nhân ở Anh. Bài đầu được đăng làm xã luận trên báo ngày 16 tháng Bảy, hai bài sau được đăng ngày 6 và 24 tháng Tám.
<i>23 tháng Bảy</i>	Mác viết bài nói về sự đoạn tuyệt của Ga-ri-ban-đi với Ca-vuốc. Bài này được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 8 tháng Tám dưới nhan đề "Những tin tức thú vị từ Xi-xin. - Cuộc tranh cãi giữa Ga-ri-ban-đi và Lă-pha-ri-na. - Bức thư của Ga-ri-ban-đi".
<i>Khoảng 24 tháng Bảy và cuối tháng Bảy</i>	Nhân các kế hoạch xâm lược của nước Pháp Bô-na-pác-tơ, Ăng-ghe-nen viết các bài "Sự phòng thủ của Anh" và "Liệu Luân Đôn có thể trở thành miếng mồi của người Pháp hay không?", trong các bài đó ông phân tích các kế hoạch phòng thủ chính thức của Anh. Các bài đó được đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 10 và 11 tháng Tám.
<i>28 tháng Bảy - 3 tháng Tám</i>	Mác gửi cho báo "New-York Daily Tribune" bài viết về làn sóng phản đối ở Xi-ri và bài "Liên minh Pháp - Nga", trong các bài đó ông nhấn mạnh rằng các mâu thuẫn bên

	trong ngày càng trở nên gay gắt đã buộc các giới cầm quyền ở Pháp và Nga phải tìm lối thoát trong cuộc chiến tranh. Các bài này được đăng ngày 11 và 16 tháng Tám.
<i>7 tháng Tám</i>	Mác viết bài "Thuế giấy. - Bức thư của hoàng đế", trong đó ông phân tích cái thể thức phản dân chủ trong việc thông qua các dự luật tại Nghị viện Anh. Bài này được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 22 tháng Tám.
<i>8 tháng Tám</i>	Ăng-ghen viết bài "Phong trào Ga-ri-ban-đi", trong đó ông đánh giá cao phẩm chất chiến đấu của các đơn vị quân cách mạng của Ga-ri-ban-đi, đồng thời ông cũng chỉ rõ tính chất phản dân của quân đội hoàng gia Na-plơ. Bài này được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 23 tháng Tám.
<i>11 tháng Tám</i>	Ăng-ghen có mặt tại cuộc duyệt lính bộ binh tình nguyện ở Niu-tơn và được các biên tập viên của tờ tạp chí quân đội Anh "The Volunteer Journal, for Lancashire and Cheshire" ("Tạp chí lính tình nguyện Lan-kê-sia và Sê-sia") là Nốt-lơ và Hô-lơ mời viết cho một bài về cuộc duyệt lính bộ binh tình nguyện ở Niu-tơn.
<i>14 tháng Tám - 8 tháng Chín</i>	Mác viết cho báo "New-York Daily Tribune" bốn bài về những vấn đề kinh tế. Các bài "Món nợ mới của Xéc-đi-ni. - Món nợ sắp tới của Pháp và Ấn Độ". "Mùa màng ở châu Âu", "Giá ngũ cốc. - Nền tài chính châu Âu và những hoạt động chuẩn bị chiến tranh. - Vấn đề phương Đông" và bài "Nền thương mại Anh" được đăng trên báo ngày 28 tháng Tám, 6, 10, và 29 tháng Chín.
<i>16 tháng Tám</i>	Ăng-ghen viết bài "Con người bệnh hoạn của nước Áo", trong đó ông nêu rõ tính chất phản động trong chính sách đối nội và đối ngoại của hoàng đế Áo, đồng thời nêu rõ sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng ở đế quốc Áo. Bài này được đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 1 tháng Chín.
<i>Khoảng 24 tháng Tám</i>	Ăng-ghen viết bài "Duyệt lính bộ binh tình nguyện Anh" và gửi tới ban biên tập báo "Allgemeine Militär - Zeitung"

	("Báo quân đội phổ thông") ở Đác-mơ-stát, báo đã cho đăng bài này vào ngày 8 tháng Chín. Bản dịch ra tiếng Anh của bài đó thì Ăng-ghen gửi cho tờ "Volunteer Journal", báo này cho đăng nó ngày 14 tháng Chín với những nhận xét mở đầu của ban biên tập dưới nhan đề "Tuồng trình trên báo Đức về cuộc duyệt quân ở Niu-tơn".
<i>Đầu tháng Chín</i>	Ăng-ghen viết hai bài về những thắng lợi của các đội quân cách mạng ở miền Nam I-ta-li-a "Những cuộc tiến quân của Ga-ri-ban-đi" và "Ga-ri-ban-đi ở Ca-la-bri", các bài này được đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 21 và 24 tháng Chín.
<i>Giữa tháng Chín - giữa tháng Mười</i>	Ăng-ghen viết bài "Bộ binh nhẹ của Pháp", bài này được đăng trên tờ "Volunteer journal" ngày 21 tháng Chín, 5 và 20 tháng Mười.
<i>17 và 27 tháng Chín</i>	Mác viết hai bài, trong đó ông phân tích chính sách đối nội và đối ngoại của Pháp và Nga, đồng thời ông cũng đề cập đến những tiền đề của việc liên kết cách mạng giữa I-ta-li-a và Đức. Các bài "Nước Nga lợi dụng Áo. - Hội nghị ở Vác-sa-va" và "Tình hình ở Phổ. - Phổ, Pháp và I-ta-li-a" được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 10 và 15 tháng Mười.
<i>Nửa đầu tháng Mười - cuối tháng Mười một</i>	Ăng-ghen viết cho tờ "Volunteer journal" hai bài dưới nhan đề "Lính pháo binh tình nguyện" và "Lính công binh tình nguyện, tầm quan trọng và phạm vi hoạt động của chúng", bàn về những vấn đề tổ chức các đơn vị pháo binh và công binh quân tình nguyện. Các bài đó được đăng trên tạp chí ngày 13 tháng Mười, 24 tháng Mười một và 1 tháng Chạp.
<i>Khoảng 15 tháng Mười</i>	Ăng-ghen được ban biên tập báo "Allgemeine Militär - Zeitung" đề nghị ông cộng tác thường xuyên với báo.
<i>23 tháng Mười</i>	Nhân việc cải tổ quân đội Phổ, Mác viết bài "những hoạt động chuẩn bị cho chiến tranh ở Phổ. Bài này được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 8 tháng Mười một.

<i>Cuối tháng Mười 1860- nửa đầu tháng Giêng 1861</i>	Ăng-ghe-n viết bài "Lịch sử khẩu súng trường", trong đó dựa vào quan điểm duy vật lịch sử ông nghiên cứu sự phát triển kiểu mẫu chính của loại vũ khí xách tay này. Bài này được đăng trên tờ "Volunteer Journal" thành tám phần từ ngày 3 tháng Mười một 1860 đến 19 tháng Giêng 1861. Một trong các phần của bài đó được tờ báo quân đội Anh là "Army and Navy Gazette" ("Báo quân đội và hải quân") đăng lại ngày 27 tháng Giêng 1861.
<i>8 tháng Mười một</i>	Mác kết thúc công việc viết bài đả kích "Ngài Phô-gơ".
<i>10 tháng Mười một</i>	Mác viết bài về tình hình tài chính nước Anh. Bài này được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 24 tháng Mười một dưới nhan đề "Tình hình căng thẳng trên thị trường tiền tệ".
<i>17 tháng Mười một</i>	Mác viết lời tựa cho bài văn công kích "Ngài Phô-gơ"
<i>19 tháng Mười một - tháng Chạp</i>	Gien-ny Mác bị bệnh đậu mùa; trong thời gian bà bị bệnh, các con của bà đều ở với V.Líp-nếch, Mác phải chăm sóc vợ trong thời gian bà ốm nặng.
<i>Khoảng 22 tháng Mười một</i>	Ăng-ghe-n hoàn thành bài "Hạm đội hải quân" viết cho cuốn "Bách khoa toàn thư mới của Mỹ". Bài này được công bố năm 1861 trong tập XII của cuốn đó.
<i>24 tháng Mười một</i>	Do các cấp của tòa án Phổ bác bỏ đơn của Mác kiện báo "National - Zeitung". Mác gửi bài cho ban biên tập một loạt báo Đức. Bài đó được đăng trên tờ "Allgemeine - Zeitung" Au-xbuốc ngày 1 tháng Chạp.
<i>Cuối tháng Mười một - 19 tháng Chạp</i>	Mác nghiên cứu tự nhiên học, ông đọc cuốn sách "Nguồn gốc các loài" của Đác-uyn, trong thư gửi Ăng-ghe-n, ông xác định cuốn sách đó là "cơ sở lịch sử tự nhiên" cho thế giới quan của mình.
<i>1 tháng Chạp</i>	Bài báo công kích của C.Mác "Ngài Phô-gơ" được công bố, trong đó Mác bảo vệ được đảng vô sản không bị những đòn tấn công có tính chất vu cáo của giai cấp tư sản. Trên cơ sở những tài liệu có được, Mác chứng minh không thể chối cãi được rằng, Phô-gơ là tên tay sai ăn lương của Bô-na-pác-tơ.

<i>20 tháng Chạp</i>	Ăng-ghe-n được Nốt-lơ cho biết rằng ban biên tập tờ "Volunteer Journal" có ý định cho đăng lại những bài viết của ông - các bài này được đăng trên tạp chí - dưới dạng một tuyển tập riêng lấy nhan đề là "Những bài viết cho lính tình nguyện".
<i>24 tháng Chạp 1860 và cuối tháng Giêng 1861</i>	Ăng-ghe-n viết hai bài về cuộc khủng hoảng cách mạng ngày càng tăng ở Áo và Đức. Bài "Nước Áo. - Sự phát triển của cách mạng" được đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 12 tháng Giêng, bài "Phong trào ở Đức" - ngày 12 tháng Hai 1861.

1861

<i>18-22 tháng Giêng</i>	Nhân việc công bố lệnh ân xá của nhà vua ở Phổ, Mác yêu cầu Ăng-ghe-n viết một bài phê phán lệnh ân xá mà về thực chất nó không được áp dụng đối với người Đức lưu vong là những người tham gia cuộc cách mạng 1848-1849. Bài do Ăng-ghe-n viết được Mác gửi cho báo "The Times" ("Thời báo") và báo "The Standard" ("Ngọn cờ"), song ban biên tập các báo này đã từ chối đăng chúng.
<i>28 tháng Giêng</i>	Mác nhận được tin của một trong những biên tập viên tờ "New-York Daily Tribune" là S. Đan-na báo cho biết về việc tạm đình chỉ đăng các bài của Mác trên tờ "New-York Daily Tribune" trong 6 tuần, đồng thời thông báo cho biết việc các nhà xuất bản không trả tiền cho một số bài viết của ông mà không được đăng báo. Vì vậy, gia đình Mác gặp rất nhiều khó khăn về vật chất.
<i>Cuối tháng Giêng</i>	Ăng-ghe-n tu chỉnh lại bài "Lực lượng vũ trang của Pháp" - viết cho báo "New-York Daily Tribune" nhưng không được đăng, để gửi cho tờ "Volunteer Journal"; bài này được đăng trên tạp chí ngày 2 tháng Hai.
<i>Đầu tháng Hai</i>	Ăng-ghe-n nghiên cứu cuốn sách "Khái luận về một số vấn đề tiến hành chiến tranh" của nguyên soái Buy-giô và trích từ những mục nói về các yếu tố thể chất và tinh thần trong chiến tranh trên bộ; đoạn trích từ cuốn sách của

	Buy-giô được đăng theo bản dịch tiếng Anh của Ăng-ghe-nen, kèm theo lời chú dẫn của ông, dưới nhan đề "Nguyên soái Buy-giô bàn về yếu tố tinh thần trong chiến đấu" trên tờ "Volunteer Journal" ngày 9, 16 tháng Hai và 2 tháng Ba.
<i>Nửa cuối tháng Hai - cuối tháng Năm</i>	Mác nghiên cứu lịch sử thế giới cổ đại, đọc một chương bản về các cuộc nội chiến trong cuốn "Lịch sử La Mã" của Ai-pi-en bằng tiếng Hy Lạp, ông đọc lại cuốn "Lịch sử cuộc chiến tranh Pê-lô-pôn-ne-dơ" của Phu-kít-ít.
<i>28 tháng Hai - khoảng 16 tháng Ba</i>	Mác thực hiện chuyến đi đến Đan-bôm-men (Hà Lan) thăm bác mình là L.Phi-líp-xơ.
<i>Khoảng 16 tháng Ba</i>	Tuyển tập "Những bài viết cho lính tình nguyện" - gồm năm bài của Ăng-ghe-nen viết về quân sự, được đăng trên tờ "Volunteer journal" năm 1860 và đầu năm 1861 - đã được xuất bản thành sách lẻ.
<i>17 tháng Ba - 12 tháng Tư</i>	Mác có mặt ở Béc-lin. Ông trao đổi với Lát-xan về việc hợp tác xuất bản báo ở Đức và ông tiến hành các bước nhằm phục hồi lại quốc tịch Phổ trên cơ sở có lệnh ân xá. Sau khi bị tổng trưởng cảnh sát hoàng gia Xét-lít-xơ bác đơn, Má đã gửi đơn cho Sở cảnh sát phụ trách vấn đề cư trú, đề nghị nhập lại cho ông quốc tịch Phổ và uỷ quyền cho Lát-xan tiến hành các bước cần thiết cho việc đó. Má tham dự một trong các phiên họp của Hạ nghị viện thuộc Quốc hội Phổ, ông ngồi ở lô ghế các nhà báo.
<i>Khoảng 16 -19 tháng Tư</i>	Sau một thời gian ngắn lưu lại En-béc-phen và Bác-men, Má tới Khuên, nơi đây ông gặp luật sư C.Snây-déc là người bào chữa trong vụ án những người cộng sản ở Khuên năm 1852, đồng thời gặp cả I.J.Clây-nơ là người trước đây bị buộc tội trong vụ án đó; Má cũng tới thăm bà vợ góa của R. Đa-ni-en, một trong những người lãnh đạo chi bộ ở Khuên thuộc Liên đoàn những người cộng sản.
<i>19-29 tháng Tư</i>	Má tới Tô-ria thăm mẹ hai ngày, sau đó ông qua A-khen, Đan-bôm-men, Rốt-téc-đam và Am-xtéc-đam để trở về Luân Đôn.
<i>Đầu tháng Năm - đầu tháng Sáu</i>	Má thỏa thuận với một người Pháp lưu vong đã từng tham gia cuộc cách mạng 1848-1849 là X.Béc-na và với

	một thủ lĩnh của phái Hiến chương là E.Giôn-xơ về việc tổ chức tại Luân Đôn một cuộc mít tinh phản đối việc giam giữ Blăng-ki ở Pa-ri và việc đối xử tàn tệ với ông trong tù. Đồng thời, Má còn tiến hành các biện pháp thông tin trên báo chí những tin tức về các điều kiện giam cầm khắc nghiệt đối với Blăng-ki.
<i>7 -10 tháng Năm</i>	Trong các thư từ gửi cho nhau, Má và Ăng-ghe-nen trao đổi những ý kiến về vấn đề xuất bản báo ở Đức. Hai ông quyết định từ chối lời đề nghị của Lát-xan về việc cùng hợp tác xuất bản báo, vì không thể chấp nhận được những điều kiện do Lát-xan đặt ra (ông ta đòi quyền lãnh đạo trong ban biên tập phải thuộc về ông ta).
<i>Khoảng 20 - 23 tháng Năm</i>	Ăng-ghe-nen đến thăm Má ở Luân Đôn. Má thông báo chi tiết với ông về kết quả chuyến đi của mình tới Đức.
<i>10 tháng Sáu</i>	Má lại được M.Phrít-len-dơ, biên tập viên của báo tư sản tự do Viên "Die Presse" ("Báo chí"), đề nghị cộng tác với báo. Ông ta đề nghị Má gửi cho hai bài - để mở đầu - viết về các sự kiện ở Mỹ nhân xảy ra nội chiến và về tình hình ở Anh. Má chấp nhận đề nghị cộng tác vì thấy tờ báo rất có tiếng tăm đối với bạn đọc Đức, đồng thời nó cũng có lập trường chống Bô-na-pác-tơ trong các vấn đề đối ngoại, song Má tạm thời chưa gửi bài đến vì tờ báo đang có quan hệ hữu hảo với chính phủ lập hiến giả hiệu của Sméc-linh ở Áo.
<i>Giữa tháng Sáu 1861 - tháng Mười một 1862</i>	Nhân chiến sự nổ ra ở Hợp chúng quốc, Má và Ăng-ghe-nen chú ý nghiên cứu vấn đề các nguyên nhân gây ra Nội chiến ở Mỹ. Trên cơ sở nghiên cứu kỹ các báo chí Mỹ và các nguồn tin khác, Má đi tới kết luận rằng nội dung chủ yếu của cuộc chiến tranh ở Mỹ là vấn đề chế độ nô lệ. Cui cuộc đấu tranh của nhân dân Mỹ chống lại chế độ nô lệ da đen là có ý nghĩa rất lớn lao. Má và Ăng-ghe-nen trong các bài viết của mình và trong thư từ trao đổi, đã nhấn mạnh tính chất tiến bộ của cuộc chiến tranh của các bang miền Bắc.

<i>Khoảng 18 tháng Sáu</i>	Mác nhận được tin từ Béc-lin báo về việc tổng trưởng cảnh sát của thành phố từ chối thực hiện đề nghị của ông về việc cho nhập quốc tịch Phổ.
<i>19 tháng Sáu</i>	Mác báo cho Ăng-ghe-nen biết rằng ông đã nhận được thư của một người bạn thân của Blăng-ki là nhà chính luận Pháp L. Vát-tô (Đơ-nông-vin) và ông lấy làm hài lòng rằng hai người lại thiết lập được mối liên hệ trực tiếp với đảng cách mạng ở Pháp.
<i>Tháng Tám 1861 - tháng Bảy 1863</i>	Mác tiếp tục công việc cho tác phẩm kinh tế lớn mà ông dự định, trong tác phẩm này ông dự định nghiên cứu toàn bộ những vấn đề về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và đồng thời phê phán khoa kinh tế chính trị tư sản; những công trình nghiên cứu và các bài viết của Má-c được soạn thành một bản thảo dày gồm 23 bài mang một tiêu đề chung là "Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị".
<i>Tháng Tám - tháng Chạp</i>	Trong quá trình viết tác phẩm kinh tế của mình, Má-c nghiên cứu một cách tỉ mỉ vấn đề tiền biến thành tư bản, việc sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và bắt đầu nghiên cứu vấn đề sản xuất giá trị thặng dư tương đối.
<i>Cuối tháng Tám - nửa đầu tháng Chín</i>	Mác có mặt ở chỗ Ăng-ghe-nen tại Man-se-xtơ: ở đó ông phỏng vấn ban biên tập báo "Die Presse" về lập trường chính trị của báo đối với cuộc khủng hoảng chính phủ ở Áo, ông tham dự phiên họp của tiểu ban kinh tế và thống kê học trong thời gian tổ chức hội nghị hàng năm "Hiệp hội thúc đẩy sự phát triển của khoa học" từ ngày 4-11 tháng Chín.
<i>18 và 21 tháng Chín</i>	Mác lại tiếp tục cộng tác - tạm thời bị gián đoạn từ tháng Giêng 1861 - với báo "New-York Daily Tribune" và viết cho báo hai bài "Vấn đề của Mỹ ở Anh" và "Nền thương mại bông vải sợi của Anh", các bài này được đăng trên báo ngày 11 và 14 tháng Mười.
<i>3 - cuối tháng Mười</i>	Ăng-ghe-nen đến thăm bà con họ hàng ở Đức.
<i>5 và 12 tháng Mười</i>	Mác viết cho báo "New-York Daily Tribune" hai bài bóc trần sự bịa đặt dối trá của báo chí của Pan-móc-x-tơn về những sự kiện ở Mỹ. Các bài "Báo "Times" ở Luân Đôn

	và huân tước Pan-móc-x-tơn" và "Báo "Times" ở Luân Đôn nói về các hoàng tử Ốc-lê-ăng ở Mỹ" được đăng trên báo ngày 21 tháng Mười và 7 tháng Mười một.
<i>20 tháng Mười và cuối tháng Mười</i>	Mác bắt đầu cộng tác với báo "Die Presse", ông gửi cho ban biên tập hai bài - "Nội chiến ở Bắc Mỹ" và "Nội chiến ở Hợp chúng quốc", - trong đó dựa vào quan điểm duy vật lịch sử, ông vạch rõ những tiền đề, tính chất và động lực của cuộc Nội chiến ở Mỹ. Các bài đó được đăng trên báo ngày 25 tháng Mười và 7 tháng Mười một.
<i>29 tháng Mười</i>	Mác được Phrít-len-đơ báo cho biết về việc ông được công nhận là phóng viên thường trú của báo "Die Presse" tại Luân Đôn từ ngày 1 tháng Mười một.
<i>Tháng Mười một - đầu tháng Chạp</i>	Ăng-ghe-nen tiếp tục cộng tác với tờ "Volunteer Journal", các bài của ông: "Các sĩ quan quân tình nguyện" và "Những bài học của cuộc chiến tranh ở Mỹ" được đăng trên báo ngày 22 tháng Mười một và 6 tháng Chạp.
<i>Khoảng 1-18 tháng Mười một</i>	Mác viết năm bài về những hiện tượng khủng hoảng kinh tế ở Anh và về khủng hoảng tài chính ở Pháp. Các bài "Khủng hoảng ở Anh", "Điểm tình hình kinh tế", "Mô-xi-ơ Phun-đơ" và "Tình hình tài chính của Pháp" được đăng trên tờ "Die Presse" (ngày 6, 9, 19 và 23 tháng Mười một; bài "Nền thương mại Anh" được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 23 tháng Mười một.
<i>7 và 8 tháng Mười một</i>	Mác viết hai bài về cuộc can thiệp của Anh - Pháp - Tây Ban Nha vào Mê-hi-cô, trong đó ông vạch trần tính chất thực dân của cuộc can thiệp và chỉ ra rằng kẻ thực sự tổ chức cuộc can thiệp là Chính phủ Anh của Pan-móc-x-tơn. Các bài đó được đăng trên tờ "Die Presse" ngày 12 tháng Mười một và trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 23 tháng Mười một dưới nhan đề "Cuộc can thiệp vào Mê-hi-cô".
<i>10 tháng Mười một</i>	Mác lại gửi cho L. Vát-tô khoản tiền quyên góp trong giới công nhân Đức lưu vong để in cuốn sách mỏng viết về vụ

	án Blăng-ki. Trong thư gửi Vát-tô, Mác nhận định: Blăng-ki là một nhà hoạt động xuất sắc của "dảng vô sản Pháp".
<i>Khoảng 19 tháng Mười một</i>	Nhân việc tướng Phri-môn, người chủ trương xóa bỏ chế độ nô lệ, bị cách chức tổng tư lệnh quân đội ở Mi-su-ri, Mác viết cho báo "Die Presse" bài về tình hình đối nội ở Hợp chúng quốc. Bài này được đăng trên báo ngày 26 tháng Mười một dưới nhan đề "Việc bãi chức Phri-môn".
<i>Khoảng 26 tháng Mười một</i>	Mác được tin Lát-xan cho biết rằng đơn yêu cầu cho nhập quốc tịch Phổ của ông đã bị bộ trưởng bộ nội vụ Phổ hoàn toàn bác bỏ.
<i>28 tháng Mười một - 31 tháng Chạp</i>	Nhân vụ chiếc tàu chở thư "Tơ-ren-tơ" của Anh bị một tàu chiến Mỹ bắt giữ, Mác viết một loạt bài bàn về cuộc xung đột Anh - Mỹ. Trong các bài đó ông lên án lập trường của tập đoàn thống trị Anh đồng tình với giới chủ nô, và ông tỏ ý tin rằng cuộc chiến tranh giữa Anh và Mỹ sẽ không xảy ra. Các bài "Vụ đụng độ với tàu "Tơ-ren-tơ"", "Cuộc xung đột Anh - Mỹ", "Những nhân vật chính trong tấn kịch "Tơ-ren-tơ"", "Các cuộc tranh cãi xung quanh vụ "Tơ-ren-tơ"", "Nội các Oa-sinh-tơn và các cường quốc phương Tây", "Sự bịp bợm của báo chí Pháp. - Những hậu quả về kinh tế của chiến tranh", được đăng trên tờ "Die Persse" ngày 2, 3, 8, 11, 25 tháng Chạp 1861 và ngày 4 tháng Giêng 1862. Bài "Tin tức về vụ "Tơ-ren-tơ" và ấn tượng do vụ đó gây ra ở Luân Đôn" được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 19 tháng Chạp.
<i>7 tháng Chạp 1861-31 tháng Giêng</i>	Do quan hệ Anh - Mỹ ngày càng trở nên căng thẳng sau vụ đụng độ với tàu "Tơ-ren-tơ", Mác viết một loạt bài, trong đó ông nêu rõ tinh thần chống chiến tranh đang tăng lên mạnh mẽ ở Anh. Các bài "Cảm tình ở Anh ngày càng tăng" và "Dư luận xã hội ở Anh" được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 25 tháng Chạp 1861 và ngày 1 tháng Hai 1862. Các bài "Dư luận của báo chí và dư luận của nhân dân", "Cuộc mít-tinh thân Mỹ", "Tinh thần chống can thiệp" được đăng trên tờ "Die Presse" ngày 31 tháng Chạp 1861, 5 tháng Giêng và 4 tháng Hai 1862.

<i>10 tháng Chạp</i>	I.V.Vêso, một thành viên của Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn, yêu cầu Mác viết bài phê phán những quan điểm của nhà kinh tế học tầm thường Đức là Viéc-thơ và lập trường của báo "Der Arbeitgeber" ("Chủ nhà máy") - do ông ta xuất bản - để phê phán Viéc-thơ trên báo chí Đức.
<i>10 và 13 tháng Chạp</i>	Mác viết cho tờ "Die Presse" các bài "Sự khủng hoảng trong vấn đề chế độ nô lệ" và "Những tin tức từ Mỹ", trong đó ông nêu lên những cuộc đấu tranh ngày càng mạnh ở miền Bắc đòi thủ tiêu chế độ nô lệ. Các bài đó được đăng trên báo ngày 14 và 17 tháng Chạp.

1862

<i>Tháng Giêng - tháng Hai</i>	Mác bắt tay viết tác phẩm "Các học thuyết về giá trị thặng dư"; trong tác phẩm này ông nghiên cứu có tính chất phê phán lịch sử khoa kinh tế chính trị, bắt đầu từ giữa thế kỷ XVII. Trong quá trình viết tác phẩm "Các học thuyết về giá trị thặng dư" Mác nghiên cứu vấn đề tái sản xuất tư bản chủ nghĩa, ông phân tích có phê phán cái gọi là "Học thuyết của Xmit" và hình thành nên những luận điểm cơ bản của học thuyết tái sản xuất của mình, học thuyết đó sau này đã được nghiên cứu tỉ mỉ trong tập hai của bộ "Tư bản".
<i>14 và 17 tháng Giêng</i>	Mác viết cho tờ "Die Presse" các bài "Về việc che giấu bức công văn khẩn của Xi-uốt" và "Cuộc đảo chính của huân tước Giôn Rốt-xen", trong các bài đó ông vạch trần những kế hoạch can thiệp của Chính phủ Pan-móc-xtôn đối với Hợp chúng quốc. Cả hai bài được đăng trên báo ngày 18 và 21 tháng Giêng 1862.
<i>Giữa tháng Giêng và đầu tháng Hai</i>	Mác viết cho báo "Die Presse" các bài "Những số liệu thống kê về ngành đường sắt" và "Về cuộc khủng hoảng bông vải sợi", trong các bài đó ông phân tích các báo cáo thống kê chính thức của Chính phủ Anh và Phòng thương mại Man-se-xtơ. Cả hai bài được đăng trên báo ngày 23 tháng Giêng và 8 tháng Hai.

<i>28 tháng Giêng</i>	Mác viết bài "Cuộc mít-tinh của công nhân ở Luân Đôn", trong đó ông đánh giá cao lập trường quốc tế chủ nghĩa của giai cấp công nhân Anh khi xảy ra nguy cơ can thiệp chống Hợp chúng quốc. Bài này được đăng trên báo "Die Presse" ngày 2 tháng Hai.
<i>Tháng Hai - tháng Sáu</i>	Mác trao đổi thư từ liên tục với nhà xã hội chủ nghĩa lưu vong Đức là V.Ai-sơ-hốp, người đã mở đầu cuộc bút chiến chống phần tử dân chủ tư sản là Kin-ken trên tờ tuần báo "Hermann" ("Héc-man") ở Luân Đôn. Bằng việc gửi tài liệu cho Ai-sơ-hốp và một thành viên của Liên đoàn thể dục Noi-stát đang có mặt ở Đức là V.Vê-bơ, Má đã giúp bóc trần bộ mặt những phần tử dân chủ tiểu tư sản Đức tham gia Liên minh dân tộc tư sản tự do Phổ.
<i>7 tháng Hai</i>	Mác viết bài "Những cuộc tranh luận tại nghị viện về thư phúc đáp", trong đó ông vạch trần tính chất phản động trong chính sách đối ngoại của tập đoàn thống trị Anh. Bài này được đăng trên tờ "Die Presse" ngày 12 tháng Hai.
<i>15 tháng Hai</i>	Mác viết cho báo "New-York Daily Tribune" bài "Tình trạng hỗn loạn ở Mê-hi-cô", trong đó ông chỉ ra những mâu thuẫn gay gắt giữa những kẻ tham gia cuộc can thiệp vào Mê-hi-cô nhân lúc Bô-na-pác-tơ có ý định lập ra ở Mê-hi-cô một đế chế do tên tay sai của hắn cầm đầu, đó là đại công tước Áo Mác-xi-mi-li-an. Bài này được đăng trên báo ngày 10 tháng Ba. Đó là bài viết cuối cùng của Má được đăng trên báo "New-York Daily Tribune".
<i>Khoảng 26 tháng Hai</i>	Mác viết bài "Những sự kiện ở Mỹ", trong đó ông kịch liệt phê phán lối chỉ huy quân sự của người miền Bắc do tổng tư lệnh quân đội là Mác-Cli-lân cầm đầu và ông phân tích những biện pháp của Lin-côn nhằm củng cố quân đội miền Bắc. Bài này được đăng trên báo "Die Presse" ngày 3 tháng Ba. Mác nhận được từ Thụy Sĩ thư của một chiến sĩ lão thành trong phong trào cách mạng Đức là I.Ph. Béch-ơ yêu cầu giúp ông xuất bản tác phẩm "Như thế nào và khi nào?", tác phẩm bàn về vấn đề thống nhất nước Đức. Do

<i>Cuối tháng Hai</i>	đó, Má đã tiến hành một loạt các biện pháp để giúp đỡ Béch-ơ. Mác viết cho tờ "Die Presse" một bài nói về chính sách xâm lược của nước Nga Sa hoàng ở Viễn Đông. Bài này không được đăng.
<i>Tháng Ba</i>	Ăng-ghe viết bài về diễn biến quân sự ở Hợp chúng quốc, bài này được đăng trên tờ "Volunteer Journal" ngày 14 tháng Ba dưới nhan đề "Chiến tranh ở Mỹ". Mác dịch bài này ra tiếng Đức, bổ sung vào đó một số chỗ và gửi cho báo "Die Presse", và được báo này đăng ngày 26 và 27 tháng Ba dưới nhan đề "Nội chiến ở Mỹ". Trong bài này Má và Ăng-ghe đã triển khai kế hoạch chiến lược quân sự của mình nhằm bảo đảm thắng lợi cho các bang miền Bắc trong cuộc chiến tranh.
<i>30 tháng Ba - khoảng 25 tháng Tư</i>	Mác đến thăm Ăng-ghe ở Man-se-xtơ. Cùng với Ai-sơ-hốp từ Li-vóc-pun tới đây vài ngày, họ thảo luận vấn đề lên tiếng chống lại nhà dân chủ tiểu tư sản Kin-ken.
<i>Khoảng 13 tháng Tư</i>	Mác nhận được từ S.Đan-na lời đề nghị đình chỉ việc gửi tiếp các bài cho báo "New-York Daily Tribune" vì trong hai tháng gần đây tờ báo này chỉ đăng có hai bài của Má thôi. Đan-na cũng thông báo rằng ông có ý định ra khỏi ban biên tập báo.
<i>Khoảng 28 tháng Tư</i>	Mác từ chối đề nghị của Phrit-len-đơ về việc viết cho báo "Die Presse" những bài chuyên về cuộc triển lãm công nghiệp được khai mạc ở Luân Đôn ngày 1 tháng Năm, vì sẽ rất tốn phí nếu đến thăm triển lãm đó. Má chấp nhận đề nghị sau này mỗi tuần sẽ gửi cho báo một bài.
<i>28 tháng Tư</i>	Mác viết cho báo "Die Presse" bài về cuộc phiêu lưu ở Mê-hi-cô của Na-pô-lê-ông III. Bài này được đăng ngày 2 tháng Năm dưới nhan đề "Vụ gian lận quốc tế của Mi-re-xơ". Trong thư gửi Ăng-ghe, Má yêu cầu ông gửi cho báo "Die Presse" bài về trận giao chiến ở Cô-ranh-tơ và tiếp đó thường xuyên làm sáng tỏ những sự kiện chủ yếu của cuộc Nội chiến ở Mỹ.

	Mác gửi thư cho Lát-xan đề nghị Lát-xan viết cho tạp chí "Unsere Zeit" ("Thời đại chúng ta") - do Brốc-hau-dơ xuất bản ở Đức - bài nhận xét về tác phẩm "Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị" của ông xuất bản lần đầu.
<i>Tháng Năm</i>	Nhân việc nghiên cứu các tổ chức quân đội bản địa của Ấn Độ, Ăng-ghe-ni yêu cầu Má-c gửi cho bản báo cáo của nghị viện và những tài liệu của Bộ chiến tranh Anh về vấn đề này.
	Tiếp tục chú ý theo dõi chiến sự ở Bắc Mỹ, trong thư gửi Má-c, Ăng-ghe-ni miêu tả chi tiết trận đánh ở Cô-ran-hơ-tơ và các trận giao chiến ở Viéc-gi-ni-a.
<i>16, 18 tháng Năm và 14 tháng Sáu</i>	Nhân sự kiện quân đội của các bang miền Bắc chiếm được Tân Ốc-lê-ăng - một trung tâm chính trị và quân sự quan trọng của Liên minh các chủ nô - Má-c viết cho báo "Die Presse" các bài "Báo chí Anh và sự thất thủ của Tân Ốc-lê-ăng". "Hiệp ước chống buôn bán nô lệ" và "Sự nhân đạo của Anh và nước Mỹ". Trong các bài đó ông phân tích những triển vọng sắp tới của cuộc Nội chiến ở Mỹ và của việc giải quyết triệt để vấn đề chế độ nô lệ. Các bài này được đăng trên báo ngày 20, 22 tháng Năm và 20 tháng Sáu.
<i>23 -25 tháng Năm</i>	Trong thư gửi Má-c, Ăng-ghe-ni phân tích một cách tỉ mỉ tình hình hoạt động quân sự trên các chiến trường chính ở Mỹ. Sử dụng các tài liệu đó của Ăng-ghe-ni, Má-c viết cho báo "Die Presse" bài "Tình hình trên chiến trường Mỹ"; Bài này được đăng trên báo ngày 30 tháng Năm.
<i>Tháng Sáu</i>	Má-c đọc lại cuốn sách của Rốt-béc-tút "Những bức thư xã hội gửi Phôn Kiéc-sman. Bức thư thứ ba: Việc bác bỏ học thuyết Ri-các-đô về địa tô và sự luận chứng cho một học thuyết địa tô mới". Trong thư gửi Lát-xan, Má-c phê phán học thuyết địa tô của Rốt-béc-tút, cũng như học thuyết địa tô của Ri-các-đô.
<i>Tháng Sáu - tháng Bảy</i>	Gia đình Má-c chịu nhiều thiếu thốn về vật chất do Má-c phải đình chỉ cộng tác với báo "New-York Daily Tribune". Giê-ni Má-c tuyệt vọng định đem bán đi một phần các

	sách báo của chồng. Được Ăng-ghe-ni giúp đỡ, Má-c đã thanh toán được một phần nợ nần.
<i>Tháng Sáu - tháng Tám</i>	Trong quá trình viết "Các học thuyết về giá trị thặng dư", Má-c đã phát triển học thuyết của ông về lợi nhuận trung bình và giá cả sản xuất, cũng như học thuyết về địa tô tư bản chủ nghĩa, về địa tô chênh lệch, cũng như về địa tô tuyệt đối. Má-c thông báo một cách chi tiết cho Ăng-ghe-ni biết những kết quả các công trình nghiên cứu của mình trong các thư viết ngày 2 và 9 tháng Tám.
<i>Khoảng 6 tháng Sáu</i>	Má-c nhận được qua Bô-xơ-tin tức do nhà lưu vong Đức là V.Stép-phen thông báo về việc phân tử dân chủ tiểu tư sản là Hai-xen công kích những nhà cách mạng vô sản trên tạp chí "Der Pionier" ("Người đi đầu") và yêu cầu gửi cho ông các tài liệu về hoạt động chính trị vừa qua của Hai-xen để viết báo chống lại hắn.
<i>Giữa tháng Sáu</i>	Nhân việc phê phán - trong tác phẩm kinh tế của mình - các quan điểm phản động của Man-tút, Má-c đọc lại cuốn "Nguồn gốc các loài" của Đác-uyn và ông nêu rõ rằng học thuyết của Đác-uyn là sự bác bỏ học thuyết của Man-tút.
<i>Cuối tháng Sáu</i>	Ăng-ghe-ni viết bài "Tàu bọc thép, tàu khu trục và cuộc Nội chiến ở Mỹ", bài này được đăng trên tờ "Die Presse" ngày 3 tháng Bảy.
<i>Khoảng 5 tháng Bảy</i>	Svai-gốt - cựu đại uý của quân đội Áo, đã từng chiến đấu ở I-ta-li-a trong đội quân của Ga-ri-ban-đi - tới thăm Má-c. Qua các câu chuyện của Svai-gốt, Má-c biết được những kế hoạch "giải phóng" nước Đức được Lát-xan tán thành của sĩ quan Đức là Ruy-xtốp, và ông đã kịch liệt phê phán những kế hoạch đó vì tính chất phiêu lưu của chúng.
<i>9 tháng Bảy - 4 tháng Tám</i>	Khi đến Luân Đôn để xem triển lãm công nghiệp thế giới, Lát-xan thường tới thăm Má-c. Trong các buổi nói chuyện với Má-c, Lát-xan cho biết ý đồ của ông định bắt đầu trong công nhân Đức công tác tuyên truyền về việc thi hành chế độ phổ thông đầu phiếu và việc tổ chức - với sự giúp đỡ của nhà nước tư sản đại địa chủ Phổ - các hiệp hội sản xuất đường như với mục đích giải quyết các vấn đề xã hội. Má-c kịch liệt chỉ trích cái thực chất cải lương trong cương

	lĩnh và sách lược của Lát-xan, ông nhấn mạnh rằng, về mặt chính trị, những điều đó quyết không có sự đồng nhất nào cả, trừ một vài mục đích cuối cùng rất xa xôi.
16 tháng Bảy	Mác viết cho báo "Die Presse" bài về chính sách đối ngoại phản động của Chính phủ Anh. Bài này được đăng ngày 20 tháng Bảy dưới nhan đề "Cuộc tranh luận không được công bố về Mê-hi-cô và liên minh với Pháp".
30 tháng Bảy - 10 tháng Chín	Mác và Ăng-ghe-nơ chú ý theo dõi các sự kiện ở Mỹ, trong các thư gửi cho nhau, hai ông đã trao đổi ý kiến về những triển vọng của cuộc Nội chiến ở Mỹ. Mặc dù Ăng-ghe-nơ có nghi ngờ đôi chút trong việc đánh giá những triển vọng của cuộc chiến tranh, vì thấy có những thất bại nghiêm trọng về quân sự của các bang miền Bắc, nhưng Mác - đã tính đến toàn bộ các yếu tố về chính trị và quân sự - vẫn tỏ ý vững tin vào thắng lợi hoàn toàn của các bang miền Bắc. Mác trình bày quan điểm của mình trong bài "Góp phần nhận định tình hình ở Mỹ". Bài này được đăng trên tờ "Die Presse" ngày 9 tháng Tám.
2 tháng Tám	Ăng-ghe-nơ có mặt tại cuộc duyệt lính tình nguyện Anh ở công viên Hin-tơn gần Man-se-xtơ, Ăng-ghe-nơ đánh giá tình hình đào tạo lính tình nguyện trong bài "Duyệt lính tình nguyện ở Anh" và gửi cho báo "Allgemeine Militär - Zeitung". Bài này được đăng trên báo ngày 1 và 8 tháng Mười một.
Sau 9 tháng Tám	Mác đề nghị được cộng tác với ban biên tập báo "The Evening Post" ("Bưu cục buổi chiều") theo khuynh hướng đòi xóa bỏ chế độ nô lệ, xuất bản ở Niu Ốc.
22 tháng Tám	Mác viết cho báo "Die Presse" bài "Những cuộc đấu tranh đòi xóa bỏ chế độ nô lệ ở Mỹ", trong đó ông chỉ rõ những lực lượng đấu tranh đòi xóa bỏ ngay chế độ nô lệ da đen đang ngày càng lớn mạnh và cố kết lại. Bài này được đăng trên báo ngày 30 tháng Tám.
27 tháng Tám	Với tư cách là phóng viên của báo "Die Presse", Mác được phép thường xuyên tới thăm triển lãm công nghiệp thế

	giới ở Luân Đôn.
28 tháng Tám - khoảng 7 tháng Chín	Mác đến thăm bác L.Phi-líp ở Dan-bôm-men và đến Tơ-ri-a thăm mẹ để giải quyết chuyện tiền nong. Trên đường trở về, tại Khuên, Mác gặp gỡ người tham gia cuộc cách mạng năm 1848-1849 ở Đức là P.Cáp-pơ mới từ Mỹ tới; Cáp-pơ thông báo cho Mác biết việc những người lưu vong cách mạng Đức tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ đã đứng về phía các bang miền Bắc.
Tháng Chín	Trong quá trình phân tích có phê phán học thuyết tích lũy của Ri-các-đô, trong "Các học thuyết về giá trị thặng dư" Mác đã phát triển học thuyết của mình về tích lũy tư bản và các cuộc khủng hoảng kinh tế. Do hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn về vật chất, Mác định thông qua người anh họ là A. Phi-líp để xin một chỗ làm việc ở một trong các văn phòng đường sắt Anh, song ông không được nhận vào làm.
11 tháng Chín	Ai-so-hốp yêu cầu Ăng-ghe-nơ giúp cho việc phổ biến trong giới lưu vong Đức cuốn sách mỏng bị cấm ở Đức của V.Vê-bơ "Việc tôi bị loại khỏi Liên đoàn thể dục của Noi-stát", cuốn sách này phê phán lập trường của phái dân chủ tiểu tư sản trong vấn đề thống nhất nước Đức.
11 - 30 tháng Chín	Mác viết cho báo "Die Presse" ba bài về tình cảnh khổ cực của công nhân Anh khi xảy ra cuộc khủng hoảng của ngành bông vải sợi cũng như về các cuộc mít-tinh của nhân dân Anh nhằm ủng hộ Ga-ri-ban-đi. Các bài "Cuộc mít-tinh ủng hộ Ga-ri-ban-đi", "Sự bần cùng của công nhân ở Anh", "Cuộc mít-tinh của phái Ga-ri-ban-đi. - Sự bần cùng của công nhân ngành công nghiệp bông vải sợi" được đăng trên báo ngày 17, 27 tháng Chín và 4 tháng Mười.
12 - 29 tháng Chín	Ăng-ghe-nơ đi qua Bỉ và Lúc-xăm-buốc để về nghỉ tại Đức. Sau cuộc hành trình dọc các bờ sông Mô-den, Ranh và qua Tuy-rinh-ghe-nơ, ông dừng chân ở nhà những người họ hàng tại Béc-men và Ăng-ghe-nơ - xkiéc-khơ.
Nửa đầu tháng Mười	Mác và Ăng-ghe-nơ thường xuyên trao đổi thư từ đều đặn

<i>1862 - tháng Chín 1864</i>	với V. Líp-nếch sau khi ông từ nơi lưu vong trở về Đức, hai ông được Líp-nếch cho biết tin tức về tình hình phong trào công nhân ở Đức; Mác hướng hoạt động thực tiễn của Líp-nếch vào công tác tuyên truyền những tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản khoa học trong công nhân Đức.
<i>7 tháng Mười</i>	Mác viết bài "Về các sự kiện ở Bắc Mỹ", trong đó ông hoan nghênh việc tổng thống Mỹ Lin-côn ra bản tuyên bố về việc giải phóng người nô lệ da đen. Bài này được đăng trên báo "Die Presse" ngày 12 tháng Mười.
<i>Nửa cuối tháng Mười</i>	V.Si-li - người tham gia cuộc cách mạng năm 1848-1849 ở Đức - từ Pa-ri tới thăm Mác.
<i>Cuối tháng Mười</i>	Dựa trên cơ sở những số liệu thống kê chính thức, Mác viết bài "Nghề làm bánh mì", trong đó ông chỉ ra những điều kiện lao động khủng khiếp của công nhân sản xuất bánh mì ở Anh. Bài này được đăng trên báo "Die Presse" ngày 30 tháng Mười.
<i>4 - 29 tháng Mười một</i>	Mác viết cho báo "Die Presse" năm bài, trong đó ông rút ra những kết luận về thời kỳ đầu của cuộc Nội chiến ở Mỹ. Các bài "Về tình hình ở Bắc Mỹ", "Những dấu hiệu về sự kiệt lực của Hiệp bang miền Nam", "Kết quả bầu cử ở các bang miền Bắc", "Việc bãi chức Mác-Cli-lân" và "Sự trung lập của Anh. - Về tình hình ở các bang miền Nam" được đăng trên báo ngày 10, 14, 23 và 29 tháng Mười một và 4 tháng Chạp. Các bài này đã kết thúc sự cộng tác của Mác với báo "Die Presse".
<i>Khoảng 18 tháng Mười một</i>	Ăng-ghen được ban biên tập báo "Allgemeine Militär - Zeitung" đề nghị gửi thường xuyên hơn những bài mà ban biên tập có ý định cho đăng dưới nhan đề "Những bức thư từ chiến trường Anh", ban biên tập cũng yêu cầu Ăng-ghen thông báo cho độc giả Đức những thành tựu kỹ thuật trong lĩnh vực quân sự ở Anh.
<i>Tháng Chạp</i>	Mác viết sơ thảo lần đầu phần "Tư bản và lợi nhuận" phần này về nội dung của nó tương ứng với ba chương đầu trong tập ba sau này của bộ "Tư bản".
<i>Khoảng 5 - 13 tháng</i>	Mác đến thăm Ăng-ghen ở Man-se-xơ vài ngày, đồng thời

Chạp

28 tháng Chạp

ông cũng tới thăm Ai-sơ-hốp ở Li-vóc-pun.

Trong thư gửi L.Cu-ghen-man, một bác sĩ người Đức đã từng tham gia cuộc cách mạng năm 1848-1849, Mác thông báo rằng ông có định xuất bản tiếp cuốn "Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị" với tư cách là một tác phẩm độc lập dưới nhan đề "Tư bản" và kèm theo phụ đề "Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị". Mác cũng yêu cầu Cu-ghen-man viết về tình hình ở Đức. Từ thời gian đó giữa Mác và Cu-ghen-man bắt đầu trao đổi thư từ thường xuyên.

1863

Tháng Giêng

Mác kết thúc công việc viết phần chủ yếu của "Các học thuyết về giá trị thặng dư", ông dự định sau này sẽ xuất bản nó làm phần kết thúc, phần phê phán lịch sử của bộ "Tư bản". Đồng thời ông biên soạn sơ thảo dàn bài của các phần I và III, hay các phần của bộ "Tư bản", sau này là cơ sở cho các tập thứ nhất và tập thứ ba của bộ "Tư bản". Trong phần đầu, Mác dự định nghiên cứu quá trình sản xuất của tư bản, trong phần ba - những vấn đề tư bản và lợi nhuận.

Trở lại việc viết chương nói về máy móc trong tác phẩm kinh tế của mình, Mác đọc lại những quyển vở do ông soạn thảo ra trước đây kèm theo những đoạn trích về lịch sử kỹ thuật và ông tới trường đại học địa chất nghe các bài giảng thực hành về công nghệ.

Do thôi cộng tác với báo "Die Presse", gia đình Mác bị thiếu thốn nghiêm trọng về vật chất; được biết cảnh nghèo của gia đình Mác, Ăng-ghen đã giúp Mác một số tiền lớn.

6 tháng Giêng

28 tháng Giêng

Me-ri Bóc-xơ, vợ Ăng-ghen chết.

Sau khi tìm hiểu bản "Cường lĩnh của người lao động" của Lát-xan, trong thư gửi Ăng-ghen, Mác nêu rõ tính chất của bản cương lĩnh đó là sự tầm thường hóa "Tuyên ngôn

	của Đảng cộng sản".
<i>Nửa đầu tháng Hai</i>	Mác bị viêm mắt do thường xuyên bị kiệt sức, các bác sĩ khuyên ông nên tạm thời nghỉ ngơi.
<i>Giữa tháng Hai</i>	Mác và Ăng-ghe-nơ rất phấn khởi trước tin cuộc khởi nghĩa ở Ba Lan đã nổ ra. Coi việc giải quyết vấn đề Ba Lan bằng biện pháp cách mạng có một ý nghĩa đặc biệt, Mác và Ăng-ghe-nơ quyết định, nhân danh Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn, ra lời kêu gọi về cuộc khởi nghĩa Ba Lan. Hai ông dự định trình bày một cách chi tiết hơn những quan điểm của mình trong cuốn sách mỏng "Nước Đức và Ba Lan. Những suy nghĩ về tính chất chính trị - quân sự nhân xảy ra cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1863", trong đó Mác đảm nhận về mình phần chính trị, còn Ăng-ghe-nơ - phần quân sự. Sau đó tỏ ý hy vọng rằng "dòng thác lần này sẽ cuộn chảy từ phương Đông sang phương Tây", Mác đề nghị Ăng-ghe-nơ chú ý theo dõi thái độ của cơ quan ngôn luận của giới lưu vong cách mạng Nga là tờ "Cái chuông" nhân xảy ra cuộc khởi nghĩa Ba Lan.
<i>Nửa cuối tháng Hai - đầu tháng Năm</i>	Mác và Ăng-ghe-nơ thu thập tài liệu để viết cuốn sách mỏng về Ba Lan, hai ông trích nhiều đoạn từ các sách báo viết về lịch sử Ba Lan, Phổ và Nga. Trên cơ sở những tài liệu này, Mác viết hai bản sơ thảo chuẩn bị cho cuốn sách mỏng, trong đó ông nghiên cứu một cách chi tiết chính sách xâm lược của Phổ và nước Nga Sa hoàng đối với Ba Lan, và cả lịch sử tăng tiến của triều đại Hô-hen-txô-léc. Cuốn sách bị bỏ dở.
<i>Tháng Ba - tháng Bảy</i>	Mác làm việc một thời gian dài ở Viện bảo tàng Anh. Để hoàn chỉnh thêm phần đã viết xong của tác phẩm kinh tế của mình - bộ "Tư bản" tương lai - Mác trích thêm nhiều đoạn bổ sung từ các cuốn sách về lịch sử kinh tế chính trị, những đoạn trích bổ sung này hợp thành 8 quyển vở. Sử dụng tài liệu này, Mác viết những bài khảo luận phê phán lịch sử riêng lẻ là những bài bổ sung cho phần chính của "Các học thuyết về giá trị thặng dư", đặc biệt là bài khảo luận chi tiết về Pét-ti".

<i>26 tháng Ba</i>	Mác tham dự cuộc mít-tinh đông đảo của công nhân ở công viên Xanh-Giêm-xơ do Hội công liên Luân Đôn tổ chức để biểu thị tình đoàn kết của giai cấp công nhân Anh với các bang miền Bắc nước Mỹ trong cuộc đấu tranh chống chế độ nô lệ của họ.
<i>Đầu tháng Tư 1863 - nửa đầu tháng Chín 1864</i>	Mác và Ăng-ghe-nơ tiếp tục chú ý theo dõi sự phát triển của phong trào công nhân ở Đức. Trong các thư gửi Líp-nếch nói về việc tuyên truyền đã bắt đầu của Lát-xan, Mác nêu rõ sách lược của các nhà cách mạng vô sản đối với hoạt động của Lát-xan. Xét tới vai trò tuyên truyền tương đối tích cực của Lát-xan trong việc làm cho công nhân tiến bộ Đức tránh được ảnh hưởng của đảng tư sản, Mác và Ăng-ghe-nơ quyết định tạm thời không lên tiếng công khai chống lại Lát-xan. Thông qua những người ủng hộ mình, trước hết là Líp-nếch, hai ông cố gắng tác động đến Liên đoàn công nhân toàn Đức để giúp những công nhân đang tham gia tổ chức này đi theo lập trường cách mạng.
<i>Khoảng 8 tháng Tư</i>	Ăng-ghe-nơ nghiên cứu các vấn đề tự nhiên học, ông đọc cuốn "Những bằng chứng địa chất học về thời cổ đại của con người" của Lai-en và cuốn "Về vị trí của con người trong một loạt vật hữu sinh" của Hốt-xly.
<i>13 tháng Tư</i>	Mác viết bài cải chính gửi ban biên tập báo "Berliner Reform" ("Cải cách Béc-lin") nhân việc tờ báo này giải thích không đúng các buổi đàm luận giữa Mác với Lát-xan vào mùa xuân 1861 về việc cùng xuất bản báo ở Đức. Bài tuyên bố này được đăng trên báo ngày 17 tháng Tư.
<i>Tháng Năm</i>	Ăng-ghe-nơ khôi phục lại nghiên cứu tiếng Xéc-bi, ông tìm đọc các bài dân ca do Vúc Ca-rát-gít-sơ xuất bản.
<i>Tháng Sáu</i>	Ăng-ghe-nơ đọc hai tập đầu vừa mới xuất bản của cuốn sách "Cuộc xâm nhập Crim" của Kinh-lếch và ông viết cho báo "Allgemeine Militär-Zeitung" một bài phê bình dưới nhan đề "Kinh-lếch nói về trận giao chiến ở A-ma". Bản thảo còn dở dang.

<i>Đầu tháng Bảy</i>	Mác nghiên cứu nhiều về toán học, đặc biệt là phép tính vi phân và tích phân.
<i>6 tháng Bảy</i>	Trong thư gửi Ăng-ghen, Mác trình bày và mô tả bằng biểu đồ quá trình tái sản xuất của tư bản xã hội.
<i>Tháng Tám 1863 - tháng Chạp</i>	Sau khi quyết định trình bày phần lý luận của tác phẩm kinh tế của mình dưới hình thức được hệ thống hóa hơn, Mác bắt tay vào viết một dàn bài mới. Trong quá trình làm việc ông đã xây dựng được bản thảo mới cho ba tập của bộ "Tư bản".
<i>21 tháng Tám</i>	Mác gặp đại tá Ba Lan là La-pin-xki tới Luân Đôn để thành lập một đội quân người Đức nhằm hỗ trợ cho những người Ba Lan đang chiến đấu. Mác giúp La-pin-xki tổ chức quyên góp tiền trong giới lưu vong Đức để cấp kinh phí cho đội quân trên.
<i>Cuối tháng Chín</i>	Ăng-ghen tới thăm cảng ở Li-vóc-pun và viết cho báo "Allgemeine Militär - Zeitung" bài nói về sự phát triển của thiết giáp hạm và pháo binh ở Mỹ nhân xảy ra cuộc nội chiến. Bài này không được đăng.
<i>Giữa tháng Mười</i>	Ăng-ghen nghỉ ở chỗ mẹ ông, ở Đức.
<i>Cuối tháng Mười - tháng Mười một</i>	Theo sự uỷ nhiệm của Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn, Mác viết lời kêu gọi về Ba Lan, trong đó ông kêu gọi tổ chức quyên góp tiền cho những người tham gia cuộc khởi nghĩa Ba Lan. Trong lời kêu gọi Mác nhấn mạnh rằng "Nếu không có nước Ba Lan độc lập thì không thể có nước Đức độc lập và thống nhất". Lời kêu gọi có chữ ký của các hội viên của hội là Bô-le-tơ, Le-xnơ, V.Vôn-phơ, I.G.Ếch-ca-ri-út v.v., được in thành những tờ riêng và được đem phân phát cho cá đại biểu của giới lưu vong Đức ở Luân Đôn. Theo yêu cầu của I-u Van-tai-khơ, thư ký Liên đoàn công nhân toàn Đức và theo sự uỷ nhiệm của Mác, 50 tờ lời kêu gọi được gửi đi Đức cho Líp-nếch để phổ biến trong các tổ chức của Liên đoàn.
<i>Tháng Mười một</i>	Mác bị đau nhọt rất nặng.
<i>3 tháng Chạp</i>	Ăng-ghen báo cho Mác biết rằng ông có ý định viết một

	cuốn sách mỏng bản về vấn đề Slê-dơ-vích-Hôn-stai-nơ và yêu cầu tìm cho người nhận xuất bản cuốn sách đó ở Đức. Ý định đó của Ăng-ghen không được thực hiện.
<i>7 tháng Chạp</i>	Được tin mẹ mất, Mác đi Tơ-ria.
<i>Khoảng 19 tháng Chạp</i>	Trên đường từ Tơ-ria trở về, Mác ghé thăm bà con họ hàng ở Phran-phước trên sông Mai-nơ một ngày.
<i>21 tháng Chạp 1863 - 19 tháng Hai 1864</i>	Mác lưu lại ở chỗ bác của ông là L. Phi-líp - người được mẹ ông giao cho việc thực hiện di chúc - vì có việc chia tài sản thừa kế ở Đan-bom-men, tại đây ông lại bị đau nhọt. Vừa khỏi dậy, sau hai ngày lưu tại Am-xtéc-đam và Rốt-téc-đam, Mác trở lại Luân Đôn.

1864

<i>Đầu năm 1864</i>	Ăng-ghen viết cho báo "Allgemeine Militär - Zeitung" bài "Quân đội Anh". Bản thảo của bài này chưa hoàn thành.
<i>Nửa đầu tháng Hai</i>	Nhân việc mở đầu cuộc chiến tranh Đan Mạch, Ăng-ghen viết bài "Số quân ở Slê-dơ-vích". Bài này được đăng trên báo "The Manchester Guardian" ("Người bảo vệ Man-se-xtơ") ngày 16 tháng Hai.
<i>Tháng Ba</i>	Mác chuyển tới căn hộ mới theo địa chỉ: Số 1, Mô-den-vi-la, công viên Mây-tơ-len, Ha-ve-xtốc-hin.
<i>12 tháng Ba</i>	Mác tới Man-se-xtơ vài ngày để báo cho Ăng-ghen biết về kết quả chuyến đi của ông tới Đức và Hà Lan.
<i>21 tháng Tư</i>	Chủ xuất bản báo "The Free Press" ("Báo tự do") ở Luân Đôn là Cô-lét tới thăm Mác để cùng bàn về vấn đề Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ.
<i>3 tháng Năm</i>	Vì V.Vôn-phơ - người bạn tin cậy và bạn chiến đấu của mình bị bệnh nặng, Mác tới Man-se-xtơ. Trong thời gian lưu tại Man-se-xtơ, Mác đã gặp gỡ các đồng chí cùng đảng phái là Ai-sơ-hốp, Stơ-rôn và Đrôn-ke, đồng thời ông còn khôi phục lại mối quan hệ thân thiện với Ê.Giôn-xơ.

<i>13 tháng Năm</i>	Mác và Ăng-ghen cùng nhóm bạn bè và bạn chiến đấu của mình dự đám tang Vôn-phơ. Má đã đọc diếu văn bên mộ Vôn-phơ.
<i>19 tháng Năm</i>	Mác cùng với Ăng-ghen trở lại Luân Đôn. Ăng-ghen ở lại với Má suốt bốn ngày.
<i>Cuối tháng Năm - tháng Sáu</i>	Mác viết bản tóm tắt thân thể và sự nghiệp của Vôn-phơ, ông có ý định viết tiểu sử chi tiết về Vôn-phơ. Do không có những tư liệu về thời kỳ đầu hoạt động của Vôn-phơ, Má đã yêu cầu chủ bút báo "Breslauer Morgen-Zeitung" ("Báo buổi sáng Brê-xláp") là En-xơ gửi cho ông những tài liệu mà ông thiếu. Ý định của Má không thực hiện được.
<i>1 - khoảng 16 tháng Sáu</i>	Những công nhân lưu vong - Ph.Môn và I. u.Men-khi-ô đi qua Luân Đôn để tới Mỹ - đã tới thăm Má một vài lần. Họ thông báo cho Má biết tình hình phong trào công nhân ở tỉnh Ranh và hoạt động của Liên đoàn công nhân toàn Đức. Má giúp tổ chức quyên góp tiền cho chuyến đi sang Mỹ của họ và viết cho họ thư giới thiệu với nhà lưu vong Đức là A. I-a-cốp hiện đang sống ở Niu Ốc.
<i>3 tháng Sáu</i>	Trong thư gửi Ăng-ghen, Má nêu lên những nhận xét phê phán về cuốn sách của Lát-xan "Tư bản và lao động. G.Ba-xi-a - Sun-tơ - Đê-lít-sơ. I-u-li-an kinh tế học", Má coi cuốn sách đó là sự đánh cắp văn chương trong tác phẩm "Lao động làm thuê và tư bản" của ông.
<i>27 tháng Sáu</i>	Ăng-ghen viết cho báo "Allgemeine Militär - Zeitung" bài "Lực lượng quân sự Anh so với Đức", bài này được đăng trên báo ngày 6 tháng Bảy.
<i>Cuối tháng Sáu - đầu tháng Bảy</i>	Mác viết cho báo "Free Press" bài về lập trường của Nga nhân xảy ra cuộc chiến tranh Đan Mạch năm 1864. Bài này không được đăng.
<i>Cuối tháng Sáu - nửa đầu tháng Tám</i>	Mác nghiên cứu tự nhiên học, ông đọc các tác phẩm của Các-păng-tơ-ra, Loóc-dơ, Khuê-li-cơ, Spuốc-xhai-mơ, Svan-nơ, Slai-đen.

<i>Nửa cuối năm 1864</i>	Mác tiếp tục viết bản thảo mới của bộ "Tư bản", có một số thời gian ông phải tạm nghỉ do tình trạng sức khỏe giảm sút.
<i>7 tháng Bảy</i>	Ăng-ghen được bầu làm uỷ viên ban quản trị Hội Si-lơ của những người lưu vong chính trị Đức ở Man-se-xơ.
<i>Khoảng 20 tháng Bảy - 10 tháng Tám</i>	Mác nghỉ ở Ram-xơ-ghết.
<i>8 tháng Chín - nửa đầu tháng Mười</i>	Sau một thời gian ngắn lưu lại chỗ Má ở Luân Đôn và ở chỗ mẹ đang nghỉ ở Ram-xơ-ghết, Ăng-ghen tới Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ, ông tìm hiểu hoàn cảnh chính trị trong nước và tình hình quân đội Áo - Phổ.
<i>Khoảng 12-14 tháng Chín</i>	Nhận được thư của Líp-nếch - trong đó theo yêu cầu của một số thành viên Liên đoàn công nhân toàn Đức, Líp-nếch đề nghị, Má đảm nhận vai trò lãnh đạo Liên đoàn vì Lát-xan đã mất -, Má viết thư trả lời ông, đồng ý với những điều kiện nhất định sẽ đảm nhận trách nhiệm chủ tịch Liên đoàn.

BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

A

A-độc-bin (Aberdeen), Gioóc-giơ *Goóc-đôn*, bá tước (1784-1860) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, từ năm 1850 là lãnh tụ phái Pin; bộ trưởng ngoại giao (1828-1830, 1841-1846) và thủ tướng Nội các liên hiệp (1852-1855). -78.

A-bu (About), Ét-mông (1828-1885) - nhà báo Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ. -93, 142.

A-đam (Adams) - nhà phát minh quân sự Anh (giữa thế kỷ XIX). -275.

A-đam (Adams), Giôn (1735-1826) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Mỹ, một trong những người lãnh đạo bộ phận giải cấp tư sản ôn hòa trong thời kỳ cuộc chiến tranh của các thuộc địa Bắc Mỹ giành độc lập (1775-1783); công sứ đầu tiên của Mỹ ở Luân Đôn (1785-1788), tổng thống Mỹ (1797-1801). -394.

A-đam (Adams), Sác-lơ Phren-xít (1807-1886) - nhà ngoại giao và nhà hoạt động chính trị Mỹ, thuộc đảng cộng hoà, công sứ Mỹ ở Luân Đôn (1861-1868). -509, 517, 519, 547, 585, 586, 594, 601.

A-lếch-xan-đrơ I (1777-1825) - hoàng đế Nga (1801-1825). -71.

A-lếch-xan-đrơ II (1818-1881) - hoàng đế Nga (1855-1881). -17, 58, 71, 91, 131.

Ai-nhi-sơ-cốp, Vích-to Mi-khai-lô-vích (1830-1877) - sĩ quan và nhà văn quân sự Nga. -787-790, 796.

A-ri-ô-xtô (Ariosto), Lô-đô-vi-cô (1474-1533) - nhà thơ kiệt xuất I-ta-li-a thời kỳ phục hưng, tác giả tập thơ "Rô-lan giận dữ". -548.

A-sbốc-tôn (Ashburton), *A-lếch-xan-đơ Be-ring*, nam tước (1774-1848) - chủ ngân hàng và nhà hoạt động chính trị Anh, tham gia đảng To-ri; có quan hệ với giới thương mại Mỹ. -546.

A-sơ-uốc (Ashworth), Hen-ri (1794-1880) - chủ xưởng người Anh, nhà hoạt động chính trị tư sản, thuộc phái tự do mậu dịch, một trong những người sáng lập Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc; nghị sĩ. -607.

Ai-xơ (Ives), Man-côm - nhà báo Mỹ, thuộc đảng dân chủ, từ cuối những năm 50 là cộng tác viên của báo "New York Herald". -634.

Am-xtơ-rông (Armstrong), Uy-li-am Gioóc-giơ (1810-1900) - nhà phát minh người Anh; chủ xưởng; nổi tiếng qua việc phát minh ra loại súng đại bác đặc biệt có nòng rãnh xoắn. -52-56, 779-780.

An-be (1819-1816) - hoàng thân Dắc-den - Cô-buốc - Gốt-xki, chồng của nữ hoàng Anh Vích-to-ri-a. -77, 79, 89, 616, 831.

An-đéc-xơn (Anderson), Rô-bóc (1805 - 1871) - sĩ quan Mỹ, từ tháng Năm 1861 là tướng, tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ, đứng về phía các bang miền Bắc; người chỉ huy quân đồn trú đồn Xam-tơ (tháng Chạp 1860 - tháng Tư 1861). -429.

An-môn-tê (Almonte), Hoan (1804 - 1869) - nhà hoạt động nhà nước và là tướng Mê-hi-cô, từ năm 1857 là công sứ Pa-ri, cầm đầu nhóm phản động lưu vong Mê-hi-cô ở Pháp, góp phần tích cực vào việc tổ chức can thiệp của Pháp vào Mê-hi-cô (1862 - 1867). -694.

An-ven-xlê-bên (Alvensleben), Gu-xtáp (1803 - 1881) - tướng Phổ, một trong những cận thần của hoàng thân nhiếp chính Phổ (từ năm 1861 của vua Vin-hem I). -89.

Áp-đen - Ca-đê (1808 - 1883) - lãnh tụ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân An-giê-ri chống bọn xâm lược Pháp những năm 1832 - 1847; năm 1847 bị Pháp bắt, năm 1852 bị đưa sang Thổ Nhĩ Kỳ theo quyết định của Na-pô-lê-ông III. -213.

Ăng-ghe-n (Engels), Phri-đrich (1820-1895) (theo các tài liệu tiểu sử). -240, 331, 348, 350, 390, 392, 506, 710, 712-716, 778, 798.

Ăng-phăng-tanh (Enfantin), Béc-tê-lê-mi Prô-xpe (1796 - 1864) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Pháp, một trong những môn đồ gần gũi nhất của Xanh-Xi-mông; cùng với Ba-da cầm đầu môn phái Xanh-Xi-mông; từ giữa những năm bốn mươi giữ các cương vị lãnh đạo trong nhiều xí nghiệp tư bản chủ nghĩa. -24.

B

Ba-dan-cu-rơ (Bazancourt), Xê-da, nam tước (1870 - 1865) - nhà văn quân sự Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ. -794.

Ba-dơ-li (Bazley), Tô-mát (1797 - 1885) - chủ xưởng người Anh, nhà hoạt động chính trị tư sản, thành viên Phái mậu dịch tự do, một trong những người sáng lập

- Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc; chủ nhiệm phòng thương mại Man-se-xto (1845 - 1859), nghị sĩ. -606 - 608.
- Ba-lan-tai-nơ* (Ballantine), Uy-li-am (1812-1887) - luật gia người Anh. -558, 612-614.
- Ba-rô-sơ* (Baroque), Pi-e Giuy-lơ (1802 - 1870) - nhà hoạt động chính trị người Pháp, luật gia, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, trước và sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851 là thành viên của nhiều nội các. -23.
- Bắc-clu* (Buccleuch), Un-ôn-tơ Phrên-xít Môn-tê-giui - Đu-glát-Xcốt, công tước (1806 - 1884) - nhà quý tộc Anh, đảng viên đảng To-ri. -688-690.
- Ban-crốp* - (Bancroft), Gioóc-giơ (1800 - 1891) - nhà sử học Mỹ, nhà hoạt động chính trị và là nhà ngoại giao, đảng viên đảng dân chủ; tác giả của tác phẩm gồm mười tập "Lịch sử Hợp chúng quốc"; trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ đứng về phía các bang miền Bắc. -554.
- Bắt-lơ* (Butler), Ben-gia-min Phran-clin (1818-1893) - nhà hoạt động chính trị và là viên tướng người Mỹ, một trong những người cầm đầu cánh tả trong đảng cộng hoà; trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ, chỉ huy quân đội viễn chinh trong cuộc xâm chiếm Tân Oóc-lê-ăng; là toàn quyền quân sự ở Tân Oóc-lê-ăng (1862). -630, 675, 676.
- Bát-ti-a-ni* (Batthyány), Lai-ô-sơ (Lút-vích), bá tước (1809 - 1849) - nhà hoạt động nhà nước Hung-ga-ri, đại biểu của nhóm tự do trong giới quý tộc Hung-ga-ri; đứng đầu Chính phủ Hung-ga-ri (tháng Ba - tháng Chín 1848); bị xử bắn sau khi cách mạng thất bại. -303.
- Be-ri* (Bury), Uy-li-am Cút-xơ Kê-pen, tử tước (1832 - 1894) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc phái tự do, nghị sĩ; tham gia việc tổ chức đội quân tình nguyện. -340, 345.
- Béc-gơ* (Berger) - nhà lưu vong người Đức ở Luân Đôn; hội viên Hội khai sáng công nhân Đức ở Luân Đôn; thành viên uỷ ban quyền góp ủng hộ những người tham gia cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1863 - 1864. -772.
- Béc-na* (Bernard), Xi-môn Phrăng-xoa (1817 - 1862) - nhà hoạt động chính trị Pháp, phần tử cộng hoà; năm 1858 bị Chính phủ Pháp kết tội tham gia vụ mưu sát Nápô-lê-ông III do Oóc-xi-ni tổ chức; được Tòa án Anh xử trắng án. -730.
- Béc-nơ* (Bernier) - sĩ quan Đức; nhà phát minh quân sự (giữa thế kỷ XIX). -252.
- Béc-ri* (Berry), Hai-rêm Gioóc-giơ (1824 - 1863) - tướng Mỹ, tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ, đứng về phía các bang miền Bắc, năm 1862 - đầu năm 1863 chỉ huy lữ đoàn quân đội Pô-tô-mác. -670.
- Ben* (Bell), Gioóc-giơ (1794 - 1877) - sĩ quan người Anh, trong những năm 1854 - 1855 tham gia Cuộc chiến tranh Crim. -799.

- Ben-nét* (Bennett), Giêm-xơ Goóc-đôn (1795 - 1872) - nhà báo Mỹ, đảng viên đảng dân chủ, người sáng lập và xuất bản báo "New - York Herald"; trong thời kỳ cuộc Nội chiến ở Mỹ đã thỏa hiệp với các chủ nô ở miền Nam. -634, 755.
- Ben-tin-cơ* (Bentinck), Gioóc-giơ Uy-li-am Pi-e-rơ-pông-tơ - nhà hoạt động nghị trường Anh, đảng viên đảng To-ri. -637.
- Bê-cơ* (Baker), Rô-bốt - quan chức người Anh; trong những năm 50 - 60 là thanh tra công xưởng. -104, 113, 115, 117.
- Bê-ten* (Bethell), Ri-sốt, nam tước Oét-xbơ-ri (1800-1873) - luật sư người Anh; nhà hoạt động nhà nước thuộc phái tự do; trưởng công tố viên (1852 - 1856), luật sư của hoàng gia (1856-1858, 1860-1861), tể tướng (1861 - 1865). -150.
- Bi-ô* (Billault), Ô-guy-xơ A-đôn-phơ Ma-ri (1805 - 1863) - nhà hoạt động chính trị Pháp, luật sư, thuộc phái Oóc-lê-ăng, sau năm 1849 theo phái Bô-na-pác-tơ, bộ trưởng nội vụ (1854 - 1858, 1859 - 1860). -491, 492.
- Bi-xi-ô* (Bixio), Giê-rô-la-mô (Ni-nô) (1821 - 1873) - nhà dân chủ tư sản I-ta-li-a; tham gia tích cực vào cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc năm 1848 - 1849 và vào công cuộc bảo vệ nền Cộng hòa La Mã hồi tháng Tư - tháng Bảy 1849; năm 1860 tham gia phong trào cách mạng của Ga-ri-ban-đi ở miền Nam I-ta-li-a; từ năm 1862 là tướng trong quân đội I-ta-li-a; năm 1870 chỉ huy toán quân của Ga-ri-ban-đi đánh chiếm La Mã. -197, 201, 202.
- Biéc-ni* (Birney), Đa-vít Ben (1825 - 1864) - tướng Mỹ, theo phái thủ tiêu, tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ, năm 1862 chỉ huy một lữ đoàn của quân đội Pô-tô-mác của các bang miền Bắc. -669.
- Bin-xơ* (Beales), Êt-mơn (1803 - 1881) - luật gia người Anh; phần tử cấp tiến tư sản; năm 1855 là một trong những người tham gia cổ động cho cuộc cải cách nghị viện, thành viên Hiệp hội Anh đấu tranh đòi giải phóng nô lệ, hoạt động ủng hộ các bang miền Bắc trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ; năm 1865 - 1869 là chủ tịch Liên minh cải cách (1865 - 1869). -600.
- Bít-chơ-Xtô* (Beecher - Stowe), Ha-ri-ét Ê-li-da-bét (1811 - 1896) - nữ văn sĩ Mỹ tác giả cuốn tiểu thuyết "Túp lều của bác Tôm"; tham gia tích cực phong trào thủ tiêu của Mỹ. -393, 396, 398.
- Biu-kê-nen* (Buchanan), Giêm-xơ (1791 - 1868) - nhà hoạt động nhà nước Mỹ, thuộc đảng dân chủ; quốc vụ khanh (1845 - 1849), công sứ ở Luân Đôn (1853 - 1856), tổng thống Mỹ (1857 - 1861); thi hành chính sách có lợi cho các chủ nô. -399, 431, 434, 436, 447, 448, 455, 499, 534, 563, 634, 641, 753.

Blum-phin (Bloomfield), Giôn Ác-tua Đu-lắc, nam tước (1802 - 1879) - nhà ngoại giao Anh; công sứ và đại diện toàn quyền ở Béc-lin (1851 - 1860); đại sứ ở Viên (1860 - 1871). -79.

Bluy-khơ (Blücher), Ghéc-hác Lê-bê-rếch (1742 - 1819) - nguyên soái Phổ, tham gia cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông. -775.

Boa (Bouat) - tướng Pháp, tham gia Cuộc chiến tranh Crưm; năm 1854 chỉ huy một lữ đoàn. -791, 792.

Bô-na-pác-tơ (Bonaparte) - Giô-dép (1768 - 1844) - anh cả của Na-pô-lê-ông I, vua xứ Na-plơ (1806 - 1808) và vua Tây Ban Nha (1808 - 1813). -760.

Bô-na-pác-tơ (Bonaparte), Giô-dép Sác-lơ Pôn, hoàng tử Na-pô-lê-ông (1822 - 1891) - con trai Giê-rôm Bô-na-pác-tơ, anh em họ của Na-pô-lê-ông III, năm 1854 chỉ huy một sư đoàn ở Crưm; nổi tiếng dưới tên gọi tể tướng Plông-Plông và Hoàng tử đỏ. -236, 791, 792, 795, 796.

Bô-na-pác-tơ, Lu-i - xem *Na-pô-lê-ông III*.

Bô-rê-ga (Beauregard), Pi-e Guy-xta-vơ Tu-tăng (1818 - 1893) - tướng Mỹ, tham gia cuộc chiến tranh chống Mê-hi-cô (1846 - 1848); trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ chỉ huy các đội quân của các bang miền Nam ở các bang Viéc-gi-ni-a (1861 - đầu 1862) và Mít-xi-xi-pi (1862), sau đó ở Sác-lơ-xtôn (tháng Chín 1862 - tháng Tư 1864) - 429, 525, 661, 668, 670, 671, 696.

Bô-xô (Bosco) - sĩ quan ở Na-plơ, năm 1860 tham gia các cuộc chiến chống các đội quân cách mạng của Ga-ri-ban-đi ở miền Nam I-ta-li-a. -155, 199.

Bô-xê (Bosquet), Pi-e Giô-dép Phrăng-xoa (1810 - 1861) - tướng Pháp, từ năm 1865 là nguyên soái, phần tử cộng hòa tư sản, về sau theo phái Bô-na-pác-tơ; trong những năm 30 - 50 tham gia cuộc chinh phục An-giê-ri; trong thời kỳ Cuộc chiến tranh Crưm, chỉ huy một sư đoàn (1854), sau đó chỉ huy một quân đoàn (1854-1855). - 791, 792, 796.

Bôn-lơ-tơ (Bolleter), Hen-rích - nhà lưu vong người Đức ở Luân Đôn, thành viên Hội khai sáng công nhân Đức ở Luân Đôn, thành viên uỷ ban quyền góp ủng hộ những người tham gia cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1863 - 1864; thành viên Tổng hội đồng Quốc tế I (1864 - 1865). -772.

Béc-cli (Berkeley), Gioóc-giơ Cran-phin (1753 - 1818) - thủy sư đô đốc Anh, đảng viên đảng To-ry, nghị sĩ. -583.

Béc-đét (Burdett), Phren-xít (1770 - 1844) - nhà hoạt động chính trị Anh, phần tử cấp tiến tư sản; sau là đảng viên đảng To-ri; nghị sĩ. -616.

Béc-xai-đơ (Burnside), Am-brô-dơ Ê-vơ-rết (1824 - 1881) - tướng Mỹ, thuộc đảng cộng hoà; trong thời kỳ cuộc Nội chiến ở Mỹ chỉ huy quân đội Pô-tô-mác của các bang miền Bắc (tháng Mười một 1862 - tháng Giêng 1863). -554, 761.

Bra-gơ (Bragg), Brắc-xtôn (1817 - 1876) - tướng Mỹ, trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ chỉ huy quân đội các bang miền Nam ở Kên-tắc-ki (1862). -746, 747, 752.

Brai-tơ (Bright), Giôn (1811 - 1889) - chủ xưởng người Anh, nhà hoạt động chính trị tư sản; theo Phái mậu dịch tự do và là một trong những người sáng lập Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc; từ đầu những năm 60 cầm đầu cánh tả trong đảng tự do, giữ nhiều chức bộ trưởng trong nội các tự do. -518, 541, 568.

Brao-nơ (Brown), Giôn (1800 - 1859) - điền chủ người Mỹ, một trong những nhà hoạt động có danh tiếng của phái cách mạng trong phong trào thủ tiêu; tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh vũ trang chống các chủ nô ở Can-dắc (1854 - 1856); năm 1859 đã mưu toan đẩy lên cuộc khởi nghĩa của các nô lệ da đen ở bang Viéc-gi-ni-a, bị đưa ra tòa và bị xử tử hình. -402.

Brao-nơ (Brown), Gioóc-giơ (1790 - 1865) - tướng người Anh, tham gia cuộc Chiến tranh Crưm, năm 1854 chỉ huy một sư đoàn. -795, 797.

Brao-nơ-xơn (Brownson), Ô-re-xtơ Ô-ga-xtết (1803 - 1876) - nhà thần học người Mỹ, thuộc đảng dân chủ, người xuất bản tờ tạp chí Thiên chúa giáo ở Bô-xtơn và về sau ở Niu Ốc; trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ đấu tranh đòi duy trì Liên bang. -454.

Brê-kin-rít-giơ (Breckinridge), Giôn Ca-ben (1821 - 1875) - nhà hoạt động nhà nước Mỹ, thuộc đảng dân chủ, một trong những người cầm đầu cuộc nổi dậy của các chủ nô ở miền Nam; phó tổng thống (1857 - 1861), trong các cuộc bầu cử năm 1860 là ứng cử viên tổng thống; trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ là tướng của quân đội các bang miền Nam, bộ trưởng bộ chiến tranh của Hiệp bang miền Nam (1865). - 431, 440, 449, 697.

Bri-gan-ti (Briganti) (chết năm 1860) - tướng người Na-plơ; năm 1860 tham gia vào các cuộc chiến chống các đội quân cách mạng của Ga-ri-ban-đi ở Nam I-ta-li-a, bị các binh lính khởi nghĩa ở Na-plơ giết chết. -198, 202.

Bru-tút (Mác-cút Giu-ni-út Bru-tút) (khoảng năm 85 - 42 trước công nguyên) - nhà hoạt động chính trị ở La Mã, một trong những người khởi xướng ra hội âm mưu của giới cộng hòa - quý tộc chống I-u-li Xê-da. -662, 701.

Bru-xơ (Bruce), Phrê-dê-rích Uy-li-am A-đôn-phơ (1814 - 1867) - quan chức thuộc địa và là nhà ngoại giao Anh, công sứ ở Bắc Kinh (1858 - 1865). -683.

Brum (Brougham), Hen-ri Pi-tơ, nam tước (1778 - 1868) - luật gia và nhà văn Anh,

trong những năm 20 - 30 là nhà hoạt động nổi tiếng của đảng Vích, đại pháp quan (1830 - 1834); từ những năm 50 không còn đóng vai trò quan trọng trong đời sống chính trị nữa. -703.

Buy-lơ (Buell), Đôn Các-lốt (1818 - 1898) - tướng Mỹ, tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ, đứng về phía các bang miền Bắc; chỉ huy một trong những đội quân ở các bang Tên-nê-xi và Kên-tắc-ki (1862), -630, 644, 650, 747.

Buy-giô đơ la Pi-côn-nơ-ri (Bugeaud de la Piconnerie), Tô-ma Rô-be (1784 - 1849) - nguyên soái Pháp (từ năm 1843); thuộc phái Oóc-lê-ăng; tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông; chỉ huy các đội quân đàn áp cuộc khởi nghĩa của phái cộng hòa ở Pa-ri năm 1834; một trong những người tổ chức những cuộc chiến tranh xâm chiếm An-giê-ri và Ma-rốc; tác giả nhiều tác phẩm bàn về các vấn đề chiến tranh. -317, 319, 321, 382.

Bước-bông - triều đại vua ở Pháp (1589 - 1792; 1814 - 1815 và 1815 - 1830). -478, 488.

Bước-bông - triều đại vua ở Tây Ban Nha (1700 - 1868 và 1874 - 1931). -478, 488.

Bước-bông - triều đại vua ở Na-plơ (1735 - 1806 và 1815 - 1860). -63, 169, 196.

C

Ca-li-ô-xtơ-rô (Cagliostro), A-lếch-xan-đrô, bá tước (tên thật là Gui-dép-pơ *Ban-da-mô*) (1743 - 1795) - nhà phiêu lưu, nhà thần bí, kẻ đại bịp. -14.

Ca-mê-rôn (Cameron), Xai-môn (1799 - 1889) - nhà hoạt động chính trị Mỹ, thuộc đảng cộng hoà, bộ trưởng chiến tranh (1861 - tháng Giêng 1862). -550, 551, 554, 630, 634.

Ca-ninh (*Canning*), Gioóc-giơ (1770 - 1827) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Anh, một trong những thủ lĩnh của đảng To-ri; bộ trưởng ngoại giao (1807 - 1809, 1822 - 1827), thủ tướng (1827). -18, 478, 488.

Ca-nít-xơ (Kanitz), Các-lơ, nam tước (sinh năm 1812) - nhà ngoại giao Phổ, năm 1859 - 1863 là công sứ ở La Mã. -232.

Ca-ram-din, Ni-cô-lai Mi-khai-lô-vích (1766 - 1826) - nhà sử học và nhà văn nổi tiếng Nga, nhà viết tiểu sử chính thức của A-lếch-xan-đrô I. -228.

Ca-tô (Mác-cút - Poóc-xi-út Ca-tô chất) (95 - 46 trước công nguyên) - nhà hoạt động nhà nước La Mã, cầm đầu đảng cộng hoà quý tộc. -672.

Ca-tô (Mác-cút Poóc-xi-út Ca-tô cụ) (234 - 149 trước công nguyên) - nhà hoạt động chính trị và nhà văn La Mã, đấu tranh bảo vệ các đặc quyền của quý tộc; năm 184 trước công nguyên được bầu là người kiểm duyệt; thái độ kiểm duyệt khắt khe của ông ta đã đi vào phương ngôn. -421, 674.

Ca-va-li (Cavalli), Giô-va-ni (1808 - 1879) - sĩ quan I-ta-li-a, từ năm 1860 là tướng; nhà phát minh quân sự. -45 -46.

Ca-vuốc (Cavour), Ca-min-lô Ben-dô, bá tước (1810 - 1861) - nhà hoạt động nhà nước I-ta-li-a; nhà tư tưởng và thủ lĩnh của giai cấp tư sản tự do - quân chủ và tầng lớp quý tộc tư sản hoá; người cầm đầu Chính phủ Xác-đi-ni (1852 - 1859 và 1860 - 1861); thi hành chính sách thống nhất nước I-ta-li-a từ trên xuống, dưới sự thống trị của triều đại Xa-voa, hướng vào sự ủng hộ của Na-pô-lê-ông III; năm 1861 đứng đầu chính phủ đầu tiên của toàn I-ta-li-a. -118, 119, 120, 121, 122, 233, 234, 235.

Ca-xlê-ri (Castlereagh), Rô-bốt *Xtiu-ác*, tử tước (1769 - 1822) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng To-ri, quốc vụ khanh phụ trách các công việc về Ai-rơ-len (1797 - 1801), bộ trưởng bộ chiến tranh và thuộc địa (1805 - 1806 và 1807 - 1809), bộ trưởng ngoại giao (1812 - 1822). -675.

Ca-xơ (Cass), Liu-i-xơ (1872 - 1866) - nhà hoạt động nhà nước Mỹ, tướng và nhà ngoại giao, thuộc đảng dân chủ; bộ trưởng bộ chiến tranh (1831 - 1836), quốc vụ khanh (1857 - 1860); trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ đấu tranh nhằm duy trì Liên bang. -454.

Các-na-rơ-vôn (Carnarvon), Hen-ri Hô-vác Mô-li-niu *Héc-bốt*, bá tước (1831 - 1890) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng bảo thủ, bộ trưởng thuộc địa (1866 - 1867 và 1874 - 1878). -675.

Các-nô (Carnot), La-da-rơ Ni-cô-lai (1753 - 1823) - nhà toán học và nhà vật lý Pháp, nhà hoạt động chính trị và quân sự, phần tử cộng hòa tư sản; trong thời kỳ cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII gia nhập phái Gia-cô-banh, là một trong những người tổ chức cuộc phòng thủ nước Pháp chống Liên minh các quốc gia châu Âu; năm 1794 tham gia cuộc đảo chính phản cách mạng ngày 9 tháng Nóng. -491.

Can-hun (Calhoun), Giôn Con-đu-en (1782 - 1850) - nhà hoạt động nhà nước Mỹ, một trong những người cầm đầu đảng dân chủ; nhà tư tưởng của giới đầu sỏ, chủ nô; bộ trưởng chiến tranh (1817 - 1825), phó tổng thống (1825 - 1832), thượng nghị sĩ (1832 - 1844, 1845 - 1850), quốc vụ khanh Hợp chúng quốc Mỹ (1844 -

- 1845). -403, 439, 485.
- Can-rô-béc* (Canrobert), Phrăng-xoa Xéc-ten (1809 - 1895) - tướng Pháp, từ năm 1856 là nguyên soái, theo phái Bô-na-pác-tơ trong những năm 30 - 40 tham gia cuộc chinh phục An-giê-ri; một trong những người tham gia tích cực vào cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851; năm 1854 chỉ huy một sư đoàn, sau đó là tổng tư lệnh quân đội ở Crum (1854 - 1855). - 791 - 793, 796, 800.
- Cát-các-tơ* (Cathcart), Gioóc-giơ (1794 - 1854) - tướng Anh, tham gia Cuộc chiến tranh Crum, năm 1854 chỉ huy một sư đoàn. - 795.
- Cát-xa-nhắc* - xem *Gra-ni-ê đờ Cát-xa-nhắc*, A-đôn-phơ.
- Cau-li* (Cowley), Hen-ri Ri-sốt Sác-lơ Oen-xli, bá tước (1804 - 1884) - nhà ngoại giao Anh, đại sứ ở Pa-ri (1852 - 1867). -23, 626, 628.
- Căm-brit-giơ* (Cambridge), Gioóc-giơ Uy-li-am Phrê-đê-rích Sác-lơ, công tước (1819 - 1904) - tướng Anh, tham gia cuộc Chiến tranh Crum, năm 1854 chỉ huy một sư đoàn, tổng tư lệnh quân đội Anh (1856 - 1895). -133, 362, 368, 369, 795, 799, 803, 804.
- Cla-ren-đôn* (Clarendon), Gioóc-giơ Uy-li-am Phrê-đê-rích Vi-li-ê-xơ, bá tước (1800 - 1870) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng Vích, sau đó theo phái tự do; toàn quyền ở Ai-rơ-len (1847 - 1852); đã đàn áp đã man cuộc khởi nghĩa ở Ai-rơ-len năm 1848; bộ trưởng ngoại giao (1853 - 1858, 1865 - 1866 và 1868 - 1870). -562, 617.
- Clai-đơ* - xem *Kem-pơ-ben*, Cô-lin.
- Chi-e* (Thiers), A-đôn-phơ (1797 - 1877) - nhà sử học tư sản và nhà hoạt động nhà nước Pháp, thủ tướng (1836 - 1840), tổng thống nước cộng hòa (1871 - 1873), tên đao phủ của Công xã Pa-ri. -491, 785.
- Cô-cren* (Cochrane), Giôn (1813 - 1898) - sĩ quan Mỹ, nhà hoạt động chính trị, thuộc cánh tả trong đảng cộng hòa, nghị sĩ quốc hội (1857 - 1861), tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ, đứng về phía các bang miền Bắc. -550, 551, 554.
- Cô-den-xơ* (Cosenz), En-ri-cô (1820 - 1898) - tướng người I-ta-li-a, tham gia phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a; năm 1860 chỉ huy sư đoàn trong thời kỳ chiến dịch cách mạng của Ga-ri-ban-đi ở Nam I-ta-li-a; đứng đầu bộ tổng tham mưu quân đội I-ta-li-a (1882 - 1893). -196, 198, 202.
- Cô-len* (Colins), Giảng Ghi-ôm Xê-da A-lếch-xan-đơ Íp-pô-lít, nam tước (1783 - 1859) - nhà kinh tế học tiểu tư sản Pháp, gốc Bỉ. -10.

- Cô-lông-bơ* (Colomb), Phri-đrich Au-gu-xơ (1775 - 1854) - sĩ quan Phổ, sau là tướng; tham gia cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông. -671.
- Cô-oen* (Cowen), Giô-đép (1831 - 1900) - nhà hoạt động chính trị và nhà báo Anh, phần tử cấp tiến tư sản, gia nhập phái Hiến chương; một trong những người tổ chức cuộc mít-tinh ủng hộ Ga-ri-ban-đi ở Niu-cát-xơ (tháng Chín 1862). -720, 721.
- Cô-sút* (Kossuth), La-i-ốt (Lút-vích) (1802 - 1894) - lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc Hung-ga-ri; đứng đầu các phần tử dân chủ - tư sản trong cuộc Cách mạng 1848 - 1849; đứng đầu Chính phủ cách mạng Hung-ga-ri; sau khi cách mạng thất bại di cư khỏi Hung-ga-ri; trong những năm 50 ông đi tìm sự ủng hộ trong giới Bô-na-pác-tơ. 236, 303.
- Côn-tơ* (Colt), Xa-mi-u-en (1814 - 1862) - chủ xưởng Mỹ và nhà phát minh quân sự. - 274, 275.
- Cốp-bét* (Cobbett), Uy-li-am (1762 - 1835) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Anh, đại biểu nổi tiếng của phái cấp tiến tiểu tư sản, đấu tranh cho sự nghiệp dân chủ hóa chế độ chính trị ở Anh. -580.
- Cốp-đen* (Cobden), Ri-sốt (1804 - 1865) - chủ xưởng Anh, nhà hoạt động chính trị tư sản, một trong những người cầm đầu Phái mậu dịch tự do và người sáng lập Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc; nghị sĩ. -23-25, 541, 568, 724.
- Cơ-ninh-hem* (Coningham), Uy-li-am (sinh năm 1815) - nhà hoạt động nghị trường Anh, theo phái tự do, tham gia cuộc mít-tinh chống can thiệp ở Brai-tơn (tháng Chạp 1861). -573, 574.
- Côc-tít-xơ* (Curtis), Xê-mi-u-on Rai-ơn (1807 - 1866) - tướng Mỹ, nhà hoạt động chính trị thuộc đảng cộng hòa; nghị sĩ quốc hội (1857 - 1861), trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ chỉ huy quân đội miền Bắc ở các bang Mi-su-ri và Ác-can-da-xơ (1861 - 1862). -402, 697.
- Cram-pton* (Crampton), Giôn Phai-nơ Tu-i-xtôn (1805 - 1886) - nhà ngoại giao Anh, trong những năm 1860 - 1869 là công sứ ở Ma-đrit. - 626.
- Crit-ten-đen* (Crittenden), Giôn Gioóc-đan (1787 - 1863) - luật gia và nhà hoạt động nhà nước Mỹ, thuộc đảng tự do Mỹ, thượng nghị sĩ, ủng hộ việc thỏa hiệp với các chủ nô ở miền Nam. -396.
- Cri-xpi* (Crispi), Phran-tse-xcô (1818 - 1901) - nhà hoạt động nhà nước I-ta-li-a, phần tử cộng hòa tư sản, tham gia cuộc Cách mạng năm 1848 - 1849 ở I-ta-li-a và cuộc hành quân cách mạng của Ga-ri-ban-đi vào miền nam I-ta-li-a năm 1860; từ cuối

- những năm 60, sau khi hoàn thành việc thống nhất nước I-ta-li-a, chuyển sang lập trường bảo vệ nền quân chủ lập hiến. - 121, 122.
- Cri-xpi* (Crispi), Rô-da-li-a - vợ của Ph. Cri-xpi, tham gia cuộc tiến quân cách mạng của Ga-ri-ban-đi xuống miền Nam I-ta-li-a (1860). - 122.
- Crô-xơ-oen* (Crosswell), Êt-vin (1797 - 1871) - nhà báo và nhà hoạt động chính trị Mỹ; trong những năm 30-40 là một trong những lãnh tụ của đảng dân chủ ở bang Niu Oóc, từ giữa những năm 50 rời bỏ hoạt động chính trị tích cực. - 551.
- Crôm-oen* (Cromwell), Ô-li-vơ (1599 - 1658) - lãnh tụ của giai cấp tư sản và tầng lớp quý tộc tư sản hóa trong thời kỳ cuộc cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII; từ năm 1653 là nhiếp chính nước Anh, Xcôt-len và Ai-rơ-len. - 632.
- Cruy-gơ* (Krujer) - nhà lưu vong Đức ở Luân Đôn, thành viên Hội khai sáng công nhân Đức ở Luân Đôn, tham gia uỷ ban quyền góp ủng hộ những người khởi nghĩa Ba Lan năm 1863 - 1864. - 772.
- Cu-danh Mông-tô-băng* (Cousin - Montauban), Sác-lơ Ghi-ôm Ma-ri A-pô-li-na Ăng-toan, bá tước *Đờ Pa-ri-cao* (1796 - 1878) - tướng người Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ; trong thời kỳ cuộc chiến tranh "nha phiến" lần thứ ba, chỉ huy đội quân viễn chinh Anh - Pháp ở Trung Quốc (1860); năm 1870 là bộ trưởng bộ chiến tranh và đứng đầu chính phủ. - 656.
- Cu-pơ* (Cooper), Phê-ni-mo (1789 - 1851), - nhà văn - nhà viết tiểu thuyết nổi tiếng người Mỹ. - 554.
- Cui-xin-xki*, Ô-nu-phrê A-lếch-xan-đrô-vích (1794 - 1862), - tướng Nga, tham gia cuộc Chiến tranh Crưm, năm 1854 chỉ huy một sư đoàn. - 785, 803, 804.

Đ

- Đan-lốp* (Dunlop), A-lếch-xan-đrô Ma-ri (1798 - 1870) - luật gia và nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc phái tự do, nghị sĩ. - 415, 416.
- Đan-nơ* (Dunne) - sĩ quan Anh, năm 1860 đã tham gia chiến dịch cách mạng của Ga-ri-ban-đi ở Nam I-ta-li-a. - 157.
- Đan-tơ A-li-gi-ê-ri* (Dante Alighieri) (1265 - 1321) - nhà đại thi hào I-ta-li-a. - 236, 727.
- Đan-tiu* (Dentu), E-đu-ác Hăng-ri Giuy-xtanh (1830 - 1884) - chủ xuất bản người Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ. - 142.
- Đen-vi-nhơ* (Delvigne), Hăng-ri Guy-xta-vơ (1799 - 1876) - sĩ quan Pháp là nhà phát

- minh quân sự. - 212, 255-260, 285.
- Đê-ác* (Deak), Phê-nen-xơ (1803 - 1876) - nhà hoạt động nhà nước Hung-ga-ri, đại biểu của giới tự do trong hàng ngũ quý tộc Hung-ga-ri; ủng hộ việc thỏa hiệp với nền quân chủ Áo; bộ trưởng tư pháp trong Chính phủ Bát-ti-a-ni (tháng Ba - tháng Chín 1848); từ năm 1860 là thành viên viện dân biểu. - 303.
- Đê-mô-xten* (384 - 322 trước công nguyên) - nhà hùng biện lỗi lạc và nhà hoạt động chính trị cổ Hy Lạp; lãnh tụ của đảng chống Ma-xê-đoan ở A-ten. - 500.
- Đê-vít* (Davis), Giép-phéc-xơn (1808 - 1889) - nhà hoạt động chính trị Mỹ, thuộc đảng dân chủ, một trong những người tổ chức cuộc nổi dậy của các chủ nô ở miền Nam; tham gia tích cực vào cuộc chiến tranh chống Mê-hi-cô (1846 - 1848), bộ trưởng bộ chiến tranh (1853 - 1857), chủ tịch Hiệp bang miền Nam (1861 - 1865). - 395, 402, 448, 548, 554, 671, 707, 736, 753, 754.
- Đê-vít* (Davis), Sác-lơ Hen-ri (1807 - 1877) - sĩ quan hải quân Mỹ, từ năm 1863 là thủy sư đô đốc, tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ, đứng về phía các bang miền Bắc, năm 1862 chỉ huy phân hạm đội trên sông Mít-xi-xi-pi. - 681.
- Đi-kin-xơ* (Dickinson), Đa-ni-en Xti-ven (1800 - 1866) - luật gia và nhà hoạt động chính trị Mỹ, trong những năm 40 là một trong những người cầm đầu đảng dân chủ; trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ tích cực ủng hộ các bang miền Bắc. - 551.
- Đi-ô-ni-di-ốt I cụ* (khoảng 431 - 367 trước công nguyên) - bạo chúa ở Xi-ra-cu-dơ (khoảng 406 - 367 trước công nguyên). - 62.
- Đi-xra-e-li* (Disraeli), Ben-gia-min, từ năm 1871 là bá tước *Bi-côn-xphin* (1804 - 1881) - nhà văn và nhà hoạt động nhà nước Anh, một trong những lãnh tụ của đảng To-ri, trong nửa cuối thế kỷ XIX cầm đầu đảng bảo thủ; bộ trưởng ngân khố (bộ trưởng tài chính) (1852, 1858, 1859 và 1866 - 1868), thủ tướng (1868 và 1874 - 1880). - 25, 27, 416, 616-620, 637, 690, 691.
- Đin* (Deane) - nhà phát minh quân sự Anh (giữa thế kỷ XIX). - 275.
- Đích-xơ* (Dix) Giôn A-đam (1798 - 1879) - nhà hoạt động chính trị và tướng Mỹ; thuộc đảng dân chủ ở miền Bắc; trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ chỉ huy quân đội các bang miền Bắc ở Viéc-gi-ni-a (1861). - 551.
- Đô-gli-sơ* (Daughlish), Giôn (1824 - 1866) - nhà phát minh người Anh trong lĩnh vực nướng bánh mì; bác sĩ. - 743, 744.
- Đôn-gô-ru-cốp*, Pi-ốt Vla-đi-mi-rô-vích, công tước (1816 - 1868) - nhà chính luận và nhà sử học Nga, thuộc phái tự do, năm 1859 di cư ra nước ngoài; trong những năm

60 xuất bản hàng loạt báo và tạp chí mang khuynh hướng đối lập; cộng tác viên của tờ "Cái chuông" của Héc-xen. -129.

Đo-Phlôt (De Flotte), Pôn (1817 - 1860) - sĩ quan hải quân Pháp, nhà dân chủ và nhà xã hội chủ nghĩa, môn đồ của Blăng-ki, tham gia cuộc cách mạng năm 1848 ở Pháp; nghị sĩ quốc hội lập pháp (1850 - 1851); năm 1860 tham gia cuộc tiến quân cách mạng của Ga-ri-ban-đi xuống miền Nam I-ta-li-a. -198, 202.

Đu-glát (Douglas), Hô-vác-đơ (1776 - 1861) - tướng người Anh và là nhà văn quân đội, tác giả các tác phẩm về pháo binh và xây dựng công sự. -51, 55.

Đu-glát (Douglas), Xti-ven Ác-pôn-đơ (1813 - 1861) - nhà hoạt động chính trị Mỹ, một trong những lãnh tụ của đảng dân chủ ở miền Bắc; ủng hộ việc thỏa hiệp với các chủ nô; chủ tịch uỷ ban của thượng nghị viện về vấn đề lãnh thổ (1847 - 1858), tác giả của dự luật Can-dắc - Nê-bra-xơ (1854), ứng cử viên trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1860. -397, 432, 435, 436, 440, 441.

Đun-xơ Xcôt (Duns Scotus), Giôn (khoảng 1265 - 1308 - nhà triết học kinh viện thời trung cổ, đại biểu của thuyết duy danh, biểu hiện đầu tiên của chủ nghĩa duy vật thời trung cổ; tác giả của tác phẩm gồm nhiều tập "Trước tác Ốc-xphoóc". -512.

Đuy-lai (Gyulay), Phê-ren-xơ, bá tước (1798- 1868) - tướng Áo người gốc Hung-ga-ri, tham gia đàn áp cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở I-ta-li-a, tổng tư lệnh quân đội Áo trong cuộc chiến tranh Áo - I-ta-li-a - Pháp 1859. -382.

E

Êt-xếch-xơ (Essex), Rô-béc *Đê-vê-rốc*, bá tước (1591 - 1646) - tướng Anh và nhà hoạt động chính trị, theo phái Prê-xvi-tê-ri-an, tổng tư lệnh quân đội của nghị viện (1642 - 1645) trong thời kỳ cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII. -631.

Ê-ca-tê-ri-na II (1729 - 1796) - hoàng hậu Nga (1762 - 1796). -561.

Ê-bơ (Eber), Phéc-đi-năng (1825 - 1885) - nhà chính luận Hung-ga-ri, tham gia phong trào cách mạng năm 1848 - 1849; năm 1860 tham gia cuộc hành quân cách mạng của Ga-ri-ban-đi vào miền Nam I-ta-li-a. -197.

Ê-lít (Ellet), Sác-lơ (1810 - 1862) - kỹ sư và nhà phát minh quân sự người Mỹ, tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ đứng về phía các bang miền Bắc. -679, 680.

Ê-rích-xơn - (Ericsson), Giôn (1803 - 1889) - kỹ sư và nhà phát minh quân sự Mỹ, gốc người Thụy Điển. -678, 749.

Ê-van-xơ (Evans), Gioóc-giơ Đờ Lây-xi (1787 - 1870) - tướng Anh, nhà hoạt động chính trị theo khuynh hướng tự do, nghị sĩ; tham gia cuộc Chiến tranh Crutn, năm 1854 chỉ huy một sư đoàn. -795-798, 801, 804.

Ếch-ca-ri-út (Eccarius), I-ô-han Ghê-oóc (1818 - 1889) - công nhân may mặc Đức, nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân quốc tế, thành viên Liên đoàn những người chính nghĩa, sau đó là Liên đoàn những người cộng sản, uỷ viên Tổng hội đồng Quốc tế I, về sau tham gia phong trào công liên ở Anh. -772.

Ết-vê-sơ (Eötvös), Giô-đép, nam tước (1813 - 1871) - nhà văn và nhà hoạt động nhà nước Hung-ga-ri, đại diện của nhóm tự do trong giới quý tộc Hung-ga-ri; bộ trưởng bộ văn hóa và giáo dục trong Chính phủ Bát-ti-a-ni (tháng Ba - tháng Chín 1848). -303.

G

Ga-ri-ban-đi (Garibaldi), Giu-ép-pơ (1807 - 1882) - nhà cách mạng I-ta-li-a, nhà dân chủ, lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a; người tổ chức cuộc bảo vệ nền Cộng hòa La Mã vào tháng Tư - tháng Bảy 1849; trong cuộc chiến tranh Áo - Pháp - I-ta-li-a năm 1959, chỉ huy đội xạ thủ An-pen; năm 1860 cầm đầu chiến dịch cách mạng ở Nam I-ta-li-a; năm 1862 đã tổ chức một cuộc viễn chinh nhằm giải phóng La Mã khỏi quân đội của giáo hoàng và quân xâm lược Pháp. -76, 77, 83-88, 118-122, 155-159, 168, 169, 174, 194-203, 233-236, 304, 703, 719-721, 740.

Ga-ri-xơn (Garrison), Uy-li-am Lô-i-đơ (1805 - 1879) - nhà chính luận và nhà hoạt động xã hội Mỹ; một trong những người cầm đầu phong trào thủ tiêu ở Mỹ, người sáng lập hội chống chế độ chiếm hữu nô lệ ở Mỹ (1833); thi hành những biện pháp thuyết phục trong cuộc đấu tranh chống chế độ nô lệ; trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ ủng hộ những biện pháp cách mạng trong cuộc đấu tranh giải phóng người da đen. -705.

Ghi-dô (Guizot), Phrăng-xoa Pi-e, Ghi-ôm (1787 - 1874) - nhà sử học tư sản Pháp và nhà hoạt động nhà nước; từ năm 1840 đến Cách mạng tháng Hai 1848 đã thực tế chỉ đạo chính sách đối nội và đối ngoại của nước Pháp, đại biểu cho lợi ích của giai cấp đại tư sản tài chính - 491, 842.

Ghìn-pin (Gilpin), Sác-lơ (1815 - 1874) - nhà hoạt động chính trị Anh, theo Phái mật dịch tự do, thành viên của Chính phủ Pan-móc-xtơn (1859 - 1865). -595.

Ghíp-xơn (Gibson), Tô-mát Min-nơ (1806 - 1884) - nhà hoạt động chính trị Anh,

- một trong những người cầm đầu Phái mật dịch tự do, sau đó theo phái tự do, bộ trưởng thương mại (1859 - 1865 và 1865 - 1866). -103, 150, 541, 546.
- Gien-ni-xơn* (Jennison) - sĩ quan Mỹ, theo phái thủ tiêu, trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ là đại tá quân đội các bang miền Bắc. -551.
- Giép-phéc-xơn* (Jefferson), Tô-mát (1743 - 1826) - nhà khai sáng lối lạc Mỹ, nhà hoạt động xã hội và hoạt động nhà nước, nhà tư tưởng của giới dân chủ trong giai cấp tư sản Mỹ trong thời kỳ cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Bắc Mỹ (1775 - 1783), tác giả bản Tuyên ngôn độc lập (1776), tổng thống Mỹ (1801 - 1809). - 394, 397, 430, 512, 532, 707.
- Giéch-cơ* (Jecker), Giảng Ba-ti-xơ (khoảng 1810 - 1871) - chủ ngân hàng Thụy Sĩ, năm 1862 nhập quốc tịch Pháp; có quan hệ với giới cầm quyền của nước Pháp Bô-na-pác-tơ; tham gia vào việc tổ chức cuộc can thiệp của Pháp vào Mê-hi-cô; bị các chiến sĩ Công xã Pa-ri xử bắn trong số các con tin. -656, 694.
- Giéch-xơn* (Jackson), Clê-boóc-nơ Phốc-xơ (1806 - 1862) - nhà hoạt động chính trị Mỹ, thuộc đảng dân chủ, thống đốc bang Mi-su-ri (1860 - 1861). -447.
- Giéch-xơn* (Jackson), En-đriu (1767 - 1845) - tướng Mỹ và nhà hoạt động nhà nước, người sáng lập đảng dân chủ (1828); trong thời kỳ cuộc chiến tranh Anh - Mỹ 1812 - 1815, quân đội do ông chỉ huy đã giáng cho quân Anh những đòn quyết định ở Tân Oóc-lê-ăng; tổng thống Mỹ (1829 - 1837). -397, 429, 499.
- Giéch-xơn* (Jackson), Tô-mát Giô-na-tan (1824 - 1863) - tướng Mỹ, trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ chỉ huy quân đội các bang miền Nam ở Viéc-gi-ni-a (1861 - 1863), sau trận đánh ở Bun-Ran (tháng Bảy 1861) có tên gọi tếu là bức Tường đá. -697, 736.
- Giêm-xơ* (James), Hen-ri (1803 - 1877) - sĩ quan Anh; năm 1857 - 1870 phụ trách cục đo đạc và thống kê của bộ chiến tranh. -809.
- Giêm-xơn* (Jameson), Sác-lơ Đê-vi-xơ (1827 - 1862) - tướng Mỹ, tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ, đứng về phía các bang miền Bắc, năm 1861 - 1862 chỉ huy lữ đoàn quân đội Pô-tô-mác. -670.
- Gioóc-giơ III* (1738 - 1820) - vua Anh (1760 - 1820). -108, 531.
- Gioăng-vin* (Joinville), Phrăng-xoa Phéc-đi-năng, Phi-líp Lu-i Ma-ri Oóc-lê-ăng, hoàng tử Đờ (1818 - 1900) - con trai của Lu-i Phi-líp; trong những năm 40 tham gia cuộc chinh phạt An-giê-ri; sau chiến thắng của Cách mạng tháng Hai 1848 di cư sang Anh; năm 1861 - 1862 tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ; đứng về phía các bang miền Bắc. -135, 421-426.

- Giôn-xơn* (Johnson), En-đriu (1808 - 1875) - nhà hoạt động nhà nước Mỹ, thuộc đảng dân chủ, thống đốc bang Tên-nê-xi (1853 - 1857 và 1862 - 1865); thượng nghị sĩ; trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ đứng về phía các bang miền Bắc; phó tổng thống (1864 - tháng Tư 1865), tổng thống Mỹ (1865 - 1869); thực hiện chính sách thỏa thuận với các chủ đồn điền ở miền Nam. -447.
- Giôn-xơn* (Johnson), Xa-miu-en (1709 - 1784) - nhà văn và nhà ngôn ngữ học Anh; tác giả của cuốn từ điển giải thích tiếng Anh đầu tiên (1755). -539.
- Giu-vê-nan* (Đê-xi-mút Giu-ni-út Giu-vê-na-lít) (sinh khoảng những năm 60 - chết sau năm 127) - nhà thơ trào phúng nổi danh La Mã. -497, 687.
- Glát-xơn* (Gladstone), Uy-li-am I-u-át (1809 - 1898) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng To-ri, sau đó theo phái Pin, trong nửa cuối thế kỷ XIX là một trong những lãnh tụ của đảng tự do, bộ trưởng ngân khố (bộ trưởng tài chính) (1852 - 1855 và 1859 - 1866) và thủ tướng (1868 - 1874, 1880 - 1885, 1886, 1892 - 1894). - 17, 23, 36 -38, 40, 41, 132, 149, 150, 541, 546, 615, 690, 754, 763.
- Goóc-tra-cốp*, A-léch-xan-đơ Mi-khai-lô-vích, bá tước (1798 - 1883) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Nga, đại sứ ở Viên (1854 - 1856), bộ trưởng ngoại giao (1856 - 1882). -58, 129, 237.
- Goóc-tra-cốp*, Pê-tơ-rô Đmi-tơ-ri-ê-vích, bá tước (1785 - 1868), tướng Nga, tham gia cuộc Chiến tranh Crưm, năm 1854 chỉ huy một quân đoàn. -785, 802, 804.
- Gô-lu-khốp-xki* (Goluchowski), A-ghê-nốp, bá tước (1812 - 1875) - nhà quý tộc Ba Lan, nhà hoạt động nhà nước Áo, thuộc phái thủ cựu; toàn quyền ở Ga-li-xi (1849 - 1859, 1866 - 1867, 1871 - 1875); bộ trưởng nội vụ (1859 - 1860). -302.
- Giơ-tơ* (Goethe), I-ô-han Vôn-phơ-găng (1749 - 1832) - nhà văn và nhà tư tưởng vĩ đại Đức. -675.
- Gra-ni-ê Đơ Cát-xa-nhắc* (Granier de Cassagnac), A-đôn-phơ (1806 - 1880) - nhà báo Pháp, nhà chính trị có lập trường vô nguyên tắc; trước cuộc Cách mạng 1848 theo phái Oóc-lê-ăng, sau đó theo phái Bô-na-pác-tơ, đại biểu Đoàn lập pháp (1852 - 1870), có lập trường cực hữu; là cộng tác viên của báo "Constitutionnel"; trong những năm 50 là tổng biên tập báo "Paus". -490.
- Gran-ghi-ô* (Grandguillot), An-xít Pi-e (1829 - 1891) - nhà chính luận Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, từ năm 1859 là chủ báo "Constitutionnel", năm 1863 - 1865 là chủ bút báo "Pays". -490, 491.
- Gran-tơ* (Grant), Giêm-xơ (1802 - 1879) - nhà báo và nhà văn cấp tiến Anh, biên tập viên báo "Morning Advertiser" (1850 - 1871). -567.

Gran-tơ (Grant), Uy-lít-xơ Xim-xơn (1822 - 1885) - tướng Mỹ, nhà hoạt động nhà nước, thuộc đảng cộng hoà; năm 1861 - 1862 chỉ huy quân đội các bang miền Bắc ở các bang Kên-tắc-ki và Tê-nê-xi, từ tháng Ba 1864 là tổng tư lệnh quân đội; bộ trưởng chiến tranh (1867 - 1868); tổng thống Mỹ (1869 - 1877). -648-650.

Gran-vin (Granville), Gioóc-giơ Lu-xơn Gô-e-rơ, bá tước (1815 - 1891) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng Vích, từ những năm 60 là một trong những lãnh tụ của đảng tự do; bộ trưởng bộ ngoại giao (1851 - 1852, 1870 - 1874 và 1880 - 1885), chủ tịch Hội đồng cơ mật (1852 - 1854, 1855 - 1858, 1859 - 1866), bộ trưởng thuộc địa (1868 - 1870, 1886). -21.

Grây (Grey), Hen-ri Gioóc-giơ, bá tước (1802 - 1894) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng Vích, bộ trưởng quân sự (1835 - 1839), bộ trưởng chiến tranh và thuộc địa (1846 - 1852). -16-22.

Grây và Ri-pôn (Grey and Ripon), Gioóc-giơ Phrê-đê-rích Xa-muy-en Rô-bin-xơn, bá tước Đờ (1827 - 1909) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái tự do, thứ trưởng bộ chiến tranh (1859 - tháng Giêng 1861 và tháng Bảy 1861 - 1863); bộ trưởng bộ chiến tranh (1863 - 1866); tham gia tích cực vào việc tổ chức các đội quân tình nguyện. -369.

Gri-sê-li (Griscelli), Giắc Phrăng-xoa - cảnh sát đặc vụ của phái Bô-na-pác-tơ, gốc người Coóc-xơ. -118, 120, 121, 122, 235.

Gíp-phút-xơ (Griffiths), Phrê-đê-rích Ô-ga-xtét (chết năm 1869) - sĩ quan và nhà văn quân sự Anh. -242.

Grê-gô-ri (Gregory), Uy-li-am Hen-ri (1817 - 1892) - nhà hoạt động chính trị Ai-rơ-len, theo phái tự do, nghị sĩ. -636-640, 675.

Grô-vơ-nơ (Grosvenor), Hiu Lu-pu-xơ, bá tước (1825 - 1899) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc phái tự do, nghị sĩ; tham gia phong trào tình nguyện. -345.

H

Ha-lếch (Halleck), Hen-ri Oét-giơ (1815-1872) - tướng Mỹ, thuộc phái cộng hòa ôn hoà; trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ chỉ huy quân khu Mi-su-ri (tháng Mười một 1861 - tháng Ba 1862) và quân đội Mít-xi-xi-pi (tháng Ba - tháng Bảy 1862); tổng tư lệnh quân đội các bang miền Bắc (tháng Bảy 1862 - tháng Ba 1864). -551, 630, 644, 648, 650, 661, 670, 697, 759.

Ha-vơ-lốc (Havelock), Hen-ri (1795 - 1857) - tướng Anh, tham gia cuộc chiến tranh

Anh - Áp-ga-ni-xtan (1838 - 1842) và cuộc chiến tranh Anh - Xích (1845 - 1846); năm 1857 tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc ở Ấn Độ. -576.

Hác-đen-béc-gơ (Hardenberg), Các Au-gu-xtơ, công tước (1750 -1822) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Phổ, bộ trưởng ngoại giao (1804 - 1806 và 1807); nhằm mục tiêu củng cố quốc gia Phổ ông đã tiến hành một loạt cuộc cải cách tư sản nửa vôi (1810 - 1813); sau Đại hội Viên đã ủng hộ các chính sách phản động của Liên minh thần thánh. -58.

Hác-vi (Harvey) - lãnh sự Anh ở Ninh Ba (Trung Quốc) vào đầu những năm 60. -683-685.

Hắc-xơ-hau-den (Haxthausen), Au-gu-xtơ (1792 - 1866) - quan chức Phổ và là nhà văn, tác giả của nhiều tác phẩm mô tả những tàn dư của chế độ sở hữu công xã trong các quan hệ ruộng đất ở nước Nga; xét theo quan điểm chính trị thì ông ta là phần tử phản động ủng hộ chế độ nông nô. -789.

Hai-nơ (Heine), Hen-rích (1797 - 1856) - nhà thơ cách mạng nổi tiếng người Đức. -536.

Hai-xen-man (Heintzelman), Xa-muy-en Pi-tơ (1805 - 1880) - tướng Mỹ, tham gia cuộc nội chiến ở Mỹ, đứng về các bang miền Bắc; năm 1862 chỉ huy một quân đoàn của quân đội Pô-tô-mác. -669, 670.

Hàm Phong (khoảng 1831 - 1861) - hoàng đế Trung Quốc (1850 - 1861). -21.

Háp-xbuốt - triều đại vua của cái gọi là đế chế La Mã thần thánh từ năm 1273 đến năm 1806 (có gián đoạn), của các hoàng đế Áo (từ 1804) và các hoàng đế Áo - Hung-ga-ri (1867 - 1918). -63, 67, 70, 73, 231, 246.

Hát-xơn (Hudson), Giêm-xơ (1810 - 1885) - nhà ngoại giao Anh, công sứ ở Tu-rin (1851 - 1863). -702.

Hâu-pơ (Hope), Giêm-xơ (1808 - 1881) - thủy sư đô đốc Anh, năm 1859 chỉ huy quân đội viễn chinh ở Trung Quốc. -22.

Hay-nau (Hay-nau), I-u-li-út I-a-cốp (1786 - 1853) - tướng Áo, đã đàn áp dã man phong trào cách mạng ở I-ta-li-a và ở Hung-ga-ri trong những năm 1848 - 1849. -581.

Héc-béc (Herbert), Xít-ni (1810 - 1861) - nhà hoạt động nhà nước Anh; vào thời kỳ đầu hoạt động là đảng viên đảng To-ri, sau đó theo phái Pin; quốc vụ khanh hải quân (1841 - 1845), bộ trưởng quân sự (1845 - 1846 và 1852 - 1855); bộ trưởng chiến tranh (1859 - 1860). -54, 97, 136, 137.

Hen-nê-xi (Hennessay), Giôn Pốp (1834 - 1891) - nhà hoạt động chính trị Ai-rơ-len có khuynh hướng bảo thủ, nghị sĩ. -416.

Hết-xơ (Hess), Hen-rích, nam tước (1788 - 1870) - tướng Áo, từ tháng Bảy 1859 là thống soái, tham gia tích cực vào việc đàn áp cuộc cách mạng ở I-ta-li-a năm 1848 -

- 1849; trong cuộc chiến tranh Áo - I-ta-li-a - Pháp năm 1859, sau thất bại ở Mát-gien-ta (tháng Sáu - tháng Bảy 1959), chỉ huy quân đội Áo. -166.
- Hê-ghe-n* (Hegel), Ghê-oóc Vin-hem Phri-đrich (1770 - 1831) - đại biểu xuất sắc nhất của nền triết học cổ điển Đức, nhà duy tâm khách quan, đã trình bày một cách hết sức toàn diện phép biện chứng duy tâm. -738.
- Hin-ken-đây* (Hinckeldey), Các-lơ Lút-vích Phri-đrich (1805 - 1856) - quan chức Phổ, từ năm 1848 là cảnh sát trưởng ở Béc-lin, từ năm 1853 và vụ trưởng vụ cảnh sát trong bộ nội vụ. -60.
- Hoa-rét-xơ* (Juárez), Bê-ni-tô Pa-blô (1806 - 1872) - nhà hoạt động nhà nước xuất sắc Mê-hi-cô, chiến sĩ đấu tranh cho nền độc lập dân tộc, thủ lĩnh đảng tự do trong thời kỳ nội chiến (1858 - 1860) và thời kỳ can thiệp ở Mê-hi-cô (1861 - 1867), tổng thống Mê-hi-cô (1858 - 1872). -476, 555, 657.
- Hoàng thân - nhiếp chính* - xem *Vin-hem I*.
- Hoàng tử Phổ* - xem *Vin-hem I*.
- Hoóc-nơ* (Horner), Lê-ô-nác (1785 - 1864) nhà địa chất học và nhà hoạt động xã hội Anh; thanh tra công xưởng (1833 - 1856), đã đấu tranh bảo vệ lợi ích của công nhân. -104.
- Hoóc-xmen* (Horsman), Êt-uốt (1807 - 1876) - nhà hoạt động nhà nước Anh có xu hướng tự do; năm 1855 - 1857 là quốc vụ khanh phụ trách các vấn đề Ai-rơ-len, nghị sĩ. -133.
- Hô-me* - theo truyền thuyết là nhà thơ sử thi cổ Hy Lạp, tác giả của tác phẩm "I-li-át" và "Ô-đi-xê". -651, 697.
- Hô-hen-txô-léc - Dích-ma-rin-ghen* (Hohenzollern - Sigmaringen), Các-lơ An-tôn, hoàng tử (1811 - 1885) - tướng Phổ; thủ tướng (1858 - 1862). -89.
- Hô-hen-txô-léc* - triều đại các tuyển hầu Bran-đen-buốc (1415 - 1701), các vua Phổ (1701 - 1918) và các hoàng đế Đức (1871 - 1918). -57, 70, 73, 246-248, 421.
- Hô-ra-xơ* (Kính-tút, Hô-ra-ti-út Phla-cút) (65 - 8 trước công nguyên) - nhà thơ xuất sắc La Mã. -636, 688.
- Hu-cơ* (Hooker), Giô-đép (1814 - 1879) - tướng Mỹ, theo phái thủ tiêu, đảng viên đảng cộng hoà, trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ, chỉ huy một quân đoàn thuộc quân đội Pô-tô-mác của các bang miền Bắc (1862), sau đó chỉ huy toàn bộ quân đội Pô-tô-mác (tháng Giêng - tháng Sáu 1863). -760, 761.
- Hum-bôn* (Humboldt), A-lếch-xan-đơ (1769 - 1859) - nhà bác học vĩ đại Đức, nhà thủ

- nghiệm tự nhiên và nhà du lịch. -60.
- Hu-gô* (Hugo), Vích-to (1802 - 1885) - nhà đại văn hào Pháp. -90.

I

- I-an-xi* (Yancey), Uy-li-am La-un-xơ (1814 - 1863) - nhà hoạt động chính trị Mỹ, thuộc đảng dân chủ ở miền Nam; năm 1861 - 1862 là đại diện của Hiệp bang miền Nam ở Luân Đôn. -512, 523, 567, 578, 600, 637-639.
- I-ây-tơ* (Yates) - người tham gia cuộc mít-tinh của công nhân Luân Đôn chống sự can thiệp (tháng Giêng 1862). -599.
- I-u-ni-út* - xem *Phren-xít, Phi-líp*.
- I-u-xti-xơ* (Eustis), Gioóc-giơ (1828 - 1872) - nhà ngoại giao Anh, thư ký của Xlai-đen. -510.
- I-xtu-rít* (Isturiz), Phran-xi-xcô Ha-vi-ê (1790 - 1871) - nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, thuộc phái tự do, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814) và cuộc cách mạng tư sản năm 1820 - 1823; người đứng đầu chính phủ (1836, 1846 và 1858), công sứ ở Luân Đôn (1848, 1858 - 1862). -622-624.
- In-glen-đơ* (England), Ri-sốt (1793 - 1883) - tướng Anh, tham gia cuộc Chiến tranh Crưm, năm 1854 chỉ huy một sư đoàn. -795, 801.

K

- Kéc-ni* (Kearny), Phi-líp (1815 - 1862) - tướng Mỹ, tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ, đứng về phía các bang miền Bắc, chỉ huy các đơn vị quân Pô-tô-mác (1861 - 1862). -669, 761.
- Kem-pơ-ben* (Campbell), Cô-lin, từ năm 1858 là nam tước *Clai-đơ* (1792 - 1863) - tướng Anh, từ năm 1862 là thống soái, tham gia cuộc Chiến tranh Crưm, tổng tư lệnh quân đội Anh - quân đội đã đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. -802, 814.
- Ken-tơ* (Kent), Giêm-xơ (1763 - 1847) - luật gia và các nhà hoạt động chính trị Mỹ, giáo sư trường Đại học tổng hợp Cô-lông-bi. -511, 538.
- Ken-xơ* (Cairns) Hiu Mác-can-môn (1819 - 1885) - luật gia và nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng To-ri, trong những năm 60 thế kỷ XIX là đảng viên

đảng bảo thủ, đại Pháp quan (1868 và 1874 - 1880), nghị sĩ. -150.

Ki-ri-a-cốp, Va-xi-li I-a-cốp-lê-vích - tướng Nga, tham gia cuộc Chiến tranh Crưm, năm 1854 chỉ huy một sư đoàn. -785, 791-794.

Kin-cây (Kincaid), Giôn (1787 - 1862) - quan chức Anh, từ năm 1850 là thanh tra công xưởng và giám mục ở Xcốt-len. -104, 109, 110, 113.

Kin-lếch (Kingleake), A-lếch-xan-đrơ Uy-li-am (1809 - 1891) - nhà sử học và nhà hoạt động chính trị Anh, theo phái tự do, nghị sĩ (1857 - 1865). -693, 694, 785-790, 796-806.

L

La-mô-ri-xi-e (Lamoricière), Cri-xtốp Lu-i Lê-ông (1806 - 1865) - tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, phần tử cộng hoà tư sản ôn hoà; tổng những năm 30-40 tham gia cuộc chinh phạt An-giê-ri, năm 1848 tham gia tích cực vào việc đàn áp cuộc khởi nghĩa tháng Sáu của công nhân Pa-ri; sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851 bị trục xuất khỏi nước Pháp; năm 1860 chỉ huy quân đội của giáo hoàng. -194.

La-pha-ri-na (La Farina), Giu-dép-pơ (1815 - 1863) - nhà hoạt động chính trị I-ta-li-a nhà chính luận và nhà sử học, phần tử tự do tư sản, một trong những người lãnh đạo phong trào cách mạng ở Xi-xin năm 1848 - 1849, năm 1860 (đến tháng Bảy) là phái viên của Ca-vuốc ở Xi-xin, tháng Mười 1860 - tháng Giêng 1861 là cố vấn của viên toàn quyền ở Xi-xin. -118, 120, 121, 235.

La-phay-ét (Lafayette), Ma-ri Giô-dép Pôn (1757 - 1834) - tướng Pháp, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Bắc Mỹ (1775 - 1783), một trong những lãnh tụ của giai cấp đại tư sản trong thời kỳ cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII và cuộc cách mạng tư sản tháng Bảy 1830. -424.

La-rô-kết - xem *Phoóc-ca-đơ* - *La-rô-kết*, Giảng Lu-i Vích-to A-đôn-phơ Đờ.

La-tua đ' Ô-véc-nhơ Lô-ra-ghe (La Tour d'Auvergne Lauraguais), Hăng-ri Gốt-phroa - ở Béc-lin (1859 - 1862), ở La Mã (1862 - 1863) và ở Luân Đôn (1863 - 1869). -78, 90.

La-vơ-dôi (Lovejoy), Oên (1811 - 1864) - linh mục và nhà hoạt động chính trị Mỹ, theo phái thủ tiêu, nghị sĩ quốc hội. -599.

La-ve-lơ (Lovell), Man-xphin-đơ (1822 - 1884) - tướng Mỹ, tham gia cuộc Nội chiến ở

Mỹ, đứng về phía các bang miền Nam, chỉ huy quân đồn trú ở Tân Oóc-lê-ăng (1861 - tháng Tư 1862). -661.

Lai-bơ-nít-xơ (Leibniz), Gốt-phrít Vin-hem (1646 - 1716) - nhà toán học vĩ đại Đức, nhà triết học duy tâm. -610.

Lai-ôn-xơ (Lyons), Ri-sốt Bi-kết-tôn Pê-me-lơ, công tước (1817 - 1887) - nhà ngoại giao Anh, năm 1858 - 1865 là công sứ ở Oa-sinh-tơn. -519, 570, 594.

Lan-da (Lanza), Phéc-di-năng - tướng người Na-plơ, năm 1860 tham gia các hoạt động quân sự chống các đội quân cách mạng của Ga-ri-ban-đi ở miền Nam I-ta-li-a. -76, 77.

Lan-đi (Landi) - tướng người Na-plơ, năm 1860 tham gia các hoạt động quân sự chống các đội quân cách mạng của Ga-ri-ban-đi ở miền Nam I-ta-li-a. -84, 87.

Lan-xi-rơ (Landseer), Êt-vin Hen-ri (1802 - 1873) - họa sĩ nổi tiếng người Anh. -611 - 614.

Lát-xan (Lassanlle), Phéc-di-năng (1825 - 1864) - nhà chính luận tiểu tư sản Đức, luật sư, năm 1848 - 1849 tham gia phong trào dân chủ ở tỉnh Ranh, đầu những năm 60 gia nhập phong trào công nhân, một trong những người sáng lập Hội liên hiệp công nhân toàn Đức (1863); ủng hộ chính sách thống nhất nước Đức "từ trên xuống" dưới bá quyền của nước Phổ phản cách mạng, người mở đầu xu hướng cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân Đức. -836, 855, 857.

Lâu (Lowe), Rô-bóc (1811 - 1892) - nhà chính luận và nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng Vích, sau đó theo phái tự do; năm 1843 - 1850 là thành viên hội nghị lập pháp của một trong những bang ở Ô-xơ-rây-li-a; trong những năm 60 là chủ bút tờ "Times", tổng trưởng quốc khố (bộ trưởng tài chính) (1868 - 1873), bộ trưởng nội vụ (1873 - 1874). -412, 566.

Lây-ác (Layard), Ô-xtín Hen-ri (1817 - 1894) - nhà khảo cổ học và nhà hoạt động chính trị Anh, phần tử cấp tiến tư sản, từ những năm 60 thế kỷ XIX theo phái tự do; trợ lý bộ trưởng ngoại giao (1861 - 1866), nghị sĩ. -575, 693.

Le-xnơ (Lessner), Phri-đrich (1825 - 1910) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Đức và quốc tế, làm nghề thợ may; thành viên Liên đoàn những người cộng sản, tham gia cuộc cách mạng năm 1848 - 1849; một trong những người lãnh đạo Hội khai sáng công nhân Đức ở Luân Đôn, thành viên Tổng hội đồng Quốc tế I; bạn và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghe-n. -772.

Lê-vi (Levy), Giô-dép Mô-dét (1812 - 1888) - một trong những người sáng lập và là người xuất bản tờ báo "Daily Telegraph". -567.

Li (Lee), Rô-bóc Ét-uoút (1807 - 1870) - tướng Mỹ, tham gia cuộc chiến tranh của Hợp chúng quốc Mỹ chống Mê-hi-cô (1846 - 1848), năm 1859 tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa của Giôn Brao-nơ, trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ chỉ huy quân đội miền Nam ở Viéc-gi-ni-a (1862 - 1865), tổng tư lệnh quân đội các bang miền Nam, (tháng Hai - tháng Tư 1865). -746.

Li-bích (Liebig), I-u-xtút (1803 - 1873) - nhà bác học xuất sắc người Đức, một trong những người sáng lập ngành nông hoá. -115.

Li-mê-rắc (Limayrac), Pô-len (1813 - 1868) - nhà báo Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ, cộng tác viên của các báo "Patrie" và "Pays"; năm 1861 - 1868 là chủ bút báo "Constitutionnel". -490, 491.

Lim-buốc (Limburg), V. - công nhân Đức, làm nghề thợ giày, thành viên Hội khai sáng công nhân Đức ở Luân Đôn, thành viên uỷ ban quyền góp ủng hộ những người tham gia cuộc khởi nghĩa ở Ba Lan năm 1863 - 1864, năm 1868 - 1869 là thành viên của Tổng hội đồng Quốc tế I. -772.

Lìn-côn (Lincoln), A-bra-ham (1809 - 1865) - nhà hoạt động nhà nước xuất sắc Mỹ, một trong những thủ lĩnh của đảng cộng hoà, tổng thống Mỹ (1861 - 1865); trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ, do áp lực của quần chúng nhân dân, đã thi hành một loạt những cải cách quan trọng mang tính chất dân chủ tư sản, nghĩa là chuyển sang những phương pháp cách mạng trong cách thức tiến hành chiến tranh; tháng Tư 1865 bị một tên tay sai của các chủ nô giết hại. -394, 396, 400, 430, 431, 441, 454, 475, 499-501, 564, 630-634, 659, 698, 702-705, 736-739, 749, 756, 757, 758, 762.

Lìn-đen (Lindden) - nhà lưu vong Đức ở Luân Đôn, thành viên Hội khai sáng công nhân Đức ở Luân Đôn, thành viên Ủy ban quyền góp ủng hộ những người tham gia cuộc khởi nghĩa ở Ba Lan 1863 - 1864. -772.

Lin-xi (Lindsay), Uy-li-am Sâu (1876 - 1877) - chủ tàu và thương gia Anh, theo phái mậu dịch tự do, nghị sĩ. -639-640.

Lô-ê (Loë), Van-te, nam tước (1828 - 1908) - sĩ quan Phổ, sĩ quan tuý tùng của hoàng thân nhiếp chính (từ năm 1861 là của vua Vin-hem I). -89.

Lô-ren-xơ (Lorenz), Giô-đép (1814 - 1879) - sĩ quan và là nhà phát minh quân sự Áo. -267, 270.

Lơ-đruy - Rô-lanh (Ledru-Rollin), A-lếch-xăng-đơ Ô-guy-xtơ (1807 - 1874) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Pháp, một trong những lãnh tụ của phái dân chủ tiểu tư sản, chủ bút báo "Réforme"; năm 1848 là thành viên chính phủ lâm thời, đại biểu Hội nghị lập hiến và lập pháp, đứng đầu phái Núi; sau cuộc biểu tình

ngày 13 tháng Sáu 1849 đã di cư sang Anh. -492.

Lu-i XIII (1601 - 1643) - vua Pháp (1610 -1643). -500.

Lu-i XVI (1754 - 1793) - vua Pháp (1774 - 1792), bị tử hình trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII. -168, 491, 492.

Lu-i - Na-pô-lê-ông - xem *Na-pô-lê-ông III*.

Lu-i - Phi-líp (1773 - 1850) - vua Pháp (1830 - 1848), -212, 312, 469, 492, 497.

Lu-i Phi-líp An-be Oóc-lê-ăng, bá tước Pa-ri (1838 - 1894) - cháu của vua Lu-i Phi-líp, kẻ rắp ranh lên ngôi vua Pháp, năm 1861 - 1862 tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ, đứng về phía các bang miền Bắc. -421-426.

Lu-ít (Lewis), Gioóc-giơ Coóc-nu-ô-lơ (1806 - 1863) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng Vích; tổng trưởng quốc khố (1850 - 1852), năm 1855 - 1858 là bộ trưởng bộ tài chính (bộ trưởng tài chính), bộ trưởng nội vụ (1859 - 1861), bộ trưởng bộ chiến tranh (1861 - 1863). -541, 547.

Lu-ki-an (khoảng 120 - khoảng 180) - nhà văn trào phúng xuất sắc cổ Hy Lạp, người theo chủ nghĩa vô thần. -671.

Lu-rơ-men (Lourmel), Phrê-đê-rích Hăng-ri (1811 - 1854) - tướng Pháp, tham gia cuộc Chiến tranh Crutn, năm 1854 chỉ huy một lữ đoàn. -218, 791, 792.

Luýp-xốp (Lützow), A-đôn-phơ, nam tước (1782 - 1834) - sĩ quan Phổ, sau là tướng, tham gia cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông. -671.

M

Ma-cô-lây (Macaulay), Tô-mát Ba-binh-tơn (1800 - 1859) - nhà sử học và nhà hoạt động chính trị tư sản Anh, đảng viên đảng Vích, nghị sĩ. -631.

Ma-gô-phin (Magoffrin), Ba-ra-i-a (1815 - 1885) - luật gia và nhà hoạt động chính trị Mỹ, thuộc đảng dân chủ ở miền Nam, thống đốc bang Kên-tắc-ki (1859 - 1862). -449.

Ma-ki-a-ve-li (Machiavelli), Ni-cô-lô (1469 - 1527) - nhà hoạt động chính trị I-ta-li-a, nhà sử học và nhà văn, một trong những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản I-ta-li-a trong thời kỳ quan hệ tư bản chủ nghĩa ra đời. -236.

Ma-ri-a II đa Glô-ri-a (1819 - 1853) - nữ hoàng Bồ Đào Nha (1826 - 1828 và 1834 - 1853). -18.

Ma-ri-ô (Mario), An-béc-tô (1825 - 1883) - nhà hoạt động chính trị I-ta-li-a, nhà chính luận, năm 1860 tham gia cuộc hành quân cách mạng của Ga-ri-ban-đi vào miền Nam I-ta-li-a. -122.

Mác (Marx), Các (1818 - 1883) - (theo tài liệu tiểu sử). - 748, 769, 835-857.

Mác - Cúc (MacCook), A-lếch-xan-đơ Mác-đao-oen (1831 - 1903) - tướng Mỹ, tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ, đứng về phía các bang miền Bắc, năm 1862 chỉ huy một quân đoàn ở Kên-tắc-ki. -747.

Mác-kê-xơ (Marguez). Lê-ô-nác-đô (sinh khoảng năm 1820) - tướng người Mê-hi-cô, một trong những thủ lĩnh của đảng bảo thủ và là người chỉ đạo cuộc khởi nghĩa phản cách mạng chống chính phủ của phái tự do, năm 1862 - 1867 ủng hộ quân can thiệp Pháp và tên tay sai của chúng là Mắc-xi-mi-li-an. -476, 555.

Mắc - Cli-lân (McClellan), Gioóc-giơ Brin-tơn (1826 - 1885) - tướng Mỹ và nhà trùm kinh doanh đường sắt, thuộc đảng dân chủ, ủng hộ việc thỏa hiệp với các chủ nô ở miền Nam; trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ là tổng tư lệnh quân đội các bang miền Bắc (tháng Mười một 1861 - tháng ba 1862) và chỉ huy quân đội Pô-tô-mác (tháng Ba 1862 - tháng Mười một 1862); ứng cử viên tổng thống trong các cuộc bầu cử năm 1864. -525, 630-634, 651, 668-671, 696, 697, 757-762.

Mắc-Ma-hông (Mac-Mahon), Ma-ri Ết-mơ, Pát-ri-xơ Mô-rít (1808 - 1893) - nhà hoạt động chính trị và quân sự phản động Pháp (từ năm 1859 là nguyên soái), theo phái Bô-na-pác-tơ, tham gia cuộc Chiến tranh Crưm và cuộc Chiến tranh Áo - I-ta-li-a - Pháp năm 1859; năm 1870 đầu hàng ở Xê-đăng khi cầm đầu đội quân 100.000 người, là một trong những tên đao phủ đàn áp Công xã Pa-ri; tổng thống nền Cộng hòa thứ ba (1873 - 1879). -138, 304.

Mác - Mê-rơ-đô (McMurdo), Uy-li-am Mông-tê-giêu Xcốt (1819 - 1894) - sĩ quan Anh, sau là tướng; trong những năm 40 - 50 phục vụ trong quân đội Anh ở Ấn Độ, năm 1860 - 1865 là tổng thanh tra trong các đội quân tình nguyện. -96, 97, 140, 345, 346, 348, 710, 711, 712, 714-716.

Mác-Pha-rơ-lan (Mac-Farland) - nhà ngoại giao Mỹ, thư ký của G. M. Mê-đơn. -510.

Mác-tin (Martin) Xa-muy-en (1801 - 1883) - luật gia Anh, năm 1850 - 1874 là quan tòa tòa án quốc khố. -614.

Mắc-xi-mi-li-an II (1811 - 1864) vua Ba-vi-e (1848 - 1864). -89.

Mắc-xi-mi-li-an Háp-buốc (1832 - 1867) - đại công tước Áo, tổng đốc các vùng đất Áo ở I-ta-li-a (1857 - 1859); năm 1864 được quân can thiệp Pháp đưa lên ngôi hoàng đế Mê-hi-cô; năm 1867 bị các chiến sĩ Cộng hòa Mê-hi-cô xử bắn. -628.

Mai-nơ (Mayne), Ri-sốt (1796 - 1868) - cảnh sát trưởng Luân Đôn. -370.

Man (Mann), Am-rô-dơ Đa-li (1801 - 1889) - nhà ngoại giao Mỹ, năm 1861 - 1862 là đại biểu của Hiệp bang miền Nam ở Luân Đôn. -512, 523.

Man-toi-phen (Manteuffel), Ết-vin, nam tước (1809 - 1885) - tướng Phổ, từ năm 1857 chủ nhiệm văn phòng quân sự, từ năm 1861 là tướng tùy tùng của vua Vin-hem I. -89.

Man-toi-phen (Manteuffel), Ốt-tô Tê-ô-đo, nam tước (1805 - 1882) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, đại biểu của giới quý tộc quan liêu, bộ trưởng nội vụ (1848 - 1850), thủ tướng và bộ trưởng ngoại giao (1850 - 1858). -60, 73, 844, 850.

Mát-di-ni (Mazzini), Giu-đép (1805 - 1872) - nhà cách mạng I-ta-li-a, nhà dân chủ tư sản, một trong những lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a; năm 1849 đứng đầu chính phủ lâm thời của nền Cộng hòa La Mã; năm 1850 là một trong những người tổ chức Ủy ban trung ương Đảng dân chủ châu Âu ở Luân Đôn; trong những năm 50, đấu tranh chống sự can thiệp của nước Pháp Bô-na-pác-tơ vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân I-ta-li-a. -121, 234, 599.

Mát-xơ-rát (Matzath) - nhà lưu vong Đức ở Luân Đôn, thành viên Hội khai sáng công nhân Đức ở Luân Đôn, thành viên uỷ ban quyền góp ủng hộ những người tham gia cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1863 - 1864. -772.

Mân-tê-giêu (Montagu), huân tước Rô-béc (1825 - 1902) - nhà hoạt động chính trị Anh, theo phái bảo thủ, nghị sĩ. -415, 416, 688, 693-695.

mây-nác-đơ (Maynard) - sĩ quan Mỹ, trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ là gián điệp của các bang miền Nam. -633.

Mê-đơn (Mason), Giêm-xơ Ma-ri (1798 - 1871) - nhà hoạt động chính trị Mỹ, chủ đồn điền - chủ nô lớn, chủ tịch tiểu bang ngoại giao của Thượng nghị viện, mùa thu 1861 được Hiệp bang miền Nam cử sang Luân Đôn làm nhiệm vụ ngoại giao; năm 1862 - 1865 là đại diện của Hiệp bang ở Luân Đôn. -511 - 513, 523, 531-534, 539, 565, 581, 584, 599, 600, 603, 617, 637-638.

Mê-đơn (Mason), Gioóc-giơ (1725 - 1792) - nhà hoạt động chính trị Mỹ, giữ vai trò lãnh đạo trong cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Bắc Mỹ (1775 - 1783); tác giả bản dự luật Viếc-gi-ni-a về pháp quyền (1776), tuyên bố một loạt quyền tự do dân chủ - tư sản. -531-533.

Men-si-cốp, A-lếch-xan-đơ Xéc-gây-ê-vích, công tước (1787 - 1869) - nhà hoạt động nhà nước và hoạt động quân sự Phổ, năm 1853 là đại sứ đặc mệnh ở Công-xtăng-ti-nô-pơ, tổng tư lệnh các lực lượng lục quân và hải quân ở Crưm (1853 - tháng Hai 1855). -792, 804.

Mét-téc-ních (Metternich), Clê-men-xơ, hoàng tử (1773 - 1859) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Áo, phần tử phản động; bộ trưởng ngoại giao (1809 - 1821) và tể tướng (1821 - 1848), một trong những người tổ chức Liên minh thần thánh. -92.

Mê-di-xơn (Madison), Giêm-xơ (1751 - 1836) - nhà hoạt động nhà nước Mỹ, giữ vai trò lãnh đạo trong cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Bắc Mỹ (1775 - 1783), quốc vụ khanh (1801 - 1809), tổng thống Mỹ (1809 - 1817). -545.

Mê-di-si (Medici), Gia-cô-mô (1817 - 1882) - tướng người I-ta-li-a, tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc năm 1848 - 1849 và vào việc bảo vệ nền Cộng hòa La Mã vào tháng Tư - tháng Bảy 1849; năm 1860 tham gia chiến dịch cách mạng của Ga-ri-ban-đi ở miền Nam I-ta-li-a, -118, 156, 196, 202.

Mê-giơ Mu-ri-ê (Mége Mouriès) - nhà hóa học Pháp (giữa thế kỷ XIX). -743.

Mê-ghi-rơ (Maguire), Giôn Phren-xít (1815 - 1872) - nhà hoạt động chính trị, theo phái tự do Ai-rơ-len, nghị sĩ. -137.

Mê-khi-a (Mejia), Tô-ma (khoảng 1815 - 1867) tướng Mê-hi-cô, gốc người In-di-an, tham gia tích cực vào cuộc nổi dậy phản cách mạng chống chính phủ của phái tự do, năm 1862 - 1867 ủng hộ quân can thiệp Pháp và tên tay sai của chúng là Mắc-xi-mi-li-an; bị các chiến sĩ Cộng hòa Mê-hi-cô xử bắn. -477.

Mê-len-đê-xơ (Melendez) - tướng người Na-plơ, năm 1860 tham gia các hoạt động chiến sự chống các đội quân cách mạng của Ga-ri-ban-đi ở miền Nam I-ta-li-a. -198, 202.

Mê-ri-vây-lơ (Merivale), Héc-man (1806 - 1874) - nhà kinh tế và nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái tự do, thứ trưởng bộ thuộc địa (1848 - 1859), thứ trưởng phụ trách các vấn đề về Ấn Độ (1859 - 1874). -750.

Mi-ghen, Đôn (1802 - 1866) - vua Bồ Đào Nha (1828 - 1834). -19.

Mi-kha-in Ni-cô-la-ê-vích (1832 - 1909) - đại công tước Nga, con trai thứ tư của Ni-cô-lai I. -796.

Mi-ni-ê (Minié), Clô-dơ Ê-chiê-n (1804 - 1879) - sĩ quan Pháp, người phát minh ra loại súng trường kiểu mới. -34, 259-265, 281.

Mi-ra-môn (Moramón), Mi-ghen (1832 - 1867) - tướng Mê-hi-cô, một trong những thủ lĩnh của đảng bảo thủ và người cầm đầu cuộc bạo động phản cách mạng chống chính phủ của phái tự do, đứng đầu chính phủ quân phiến loạn (1859 - 1860); năm 1862 - 1867 ủng hộ quân can thiệp Pháp và tên tay sai của chúng là Mắc-xi-mi-li-an; bị các chiến sĩ cộng hòa Mê-hi-cô xử bắn. -656.

Me-re-xơ (Mirès) Giu-lơ I-xác (1809 - 1871) - chủ ngân hàng Pháp, nhà đầu cơ ở thị

trường chứng khoán, chủ nhiều tờ báo, trong đó có cả tờ "Constitutionnel"; năm 1861 bị đưa ra tòa vì các hoạt động đầu cơ gian lận thị trường chứng khoán. -655, 658.

Mi-xơ-ri (Missori), Giu-đép-pơ (1829 - 1911) - sĩ quan I-ta-li-a, tham gia phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a, trong những năm 60 chiến đấu trong các đội quân cách mạng của Ga-ri-ban-đi. -197, 201.

Min-nơ Gíp-xơn - xem *Gíp-xơn*, Tô-mát *Min-nơ*.

Mít-sen (Mitchel), Om-xbi Mác-nai-tơ (1809 - 1862) nhà thiên văn Mỹ, giám đốc nha khí tượng ở Xin-xin-na-ti (1845 - 1859); trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ là tướng trong quân đội các bang miền Bắc (1861 - 1862). -661.

Moóc-gan (Morgan), Giôn Hai-tơ (1826 - 1864) - sĩ quan Mỹ, tham gia cuộc chiến tranh chống Mê-hi-cô (1846 - 1848) và cuộc Nội chiến ở Mỹ, đứng về phía các bang miền Nam. -747.

Moóc-ni (Morny), Sác-lơ Ô-guy-xơ Lu-i Giô-đép, bá tước *Đờ* (1811 - 1865) - nhà hoạt động chính trị Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, anh em cùng cha khác mẹ với Na-pô-lê-ông III, một trong những người tổ chức cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851, bộ trưởng nội vụ (tháng Chạp 1851 - tháng Giêng 1852); chủ tịch viện lập pháp (1854 - 1856, 1857 - 1865), -694.

Mô-da (Mozart), Vôn-phơ-găng A-ma-đơ-xơ (1756 - 1791) - nhà soạn nhạc vĩ đại Áo. -443.

Mô-lê (Molé), Lu-i Ma-chi-ơ, bá tước (1781 - 1855), - nhà hoạt động nhà nước Pháp, theo phái Oóc-lê-ăng, thủ tướng (1836 - 1837, 1837 - 1839). -491.

Mô-rin (Morrill), Gia-xtín Xmit (1810 - 1898) - nhà hoạt động chính trị Mỹ, thuộc đảng cộng hoà, nghị sĩ quốc hội (1855 - 1867), tác giả đạo luật về thuế quan bảo hộ. -404, 428, 471, 598, 607.

Môn-rô (Monroe), Giêm-xơ (1758 - 1831) - nhà hoạt động nhà nước Mỹ, tổng thống Hợp chúng quốc Mỹ (1817 - 1825); năm 1823 đã đọc một bản tuyên ngôn tuyên bố những nguyên tắc của chính sách đối ngoại của Hợp chúng quốc Mỹ; bản tuyên ngôn nổi tiếng có tên gọi là học thuyết Môn-rô. -478, 488.

Mông-tô-băng - Xem *cu-danh* - *Mông-tô-băng*, Sác-lơ Ghi-ôm Ma-ri A-pô-li-na, Ăng-toan, bá tước *Đờ Pa-li-caô*.

Muy-ra (Murat), Na-pô-lê-ông Luy-xiêng Sác-lơ, hoàng tử (1803 - 1878) - nhà hoạt động chính trị Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ; năm 1861 là kẻ rắp ranh lên ngôi vua ở Na-plơ; anh em họ của Na-pô-lê-ông III. -64.

N

- Na-in-đo-phơ* (Neindorff) - sĩ quan Phổ, nhà phát minh quân sự (giữa thế kỷ XIX). -264.
- Na-pô-lê-ông I* Bô-na-pác-tơ (1769 - 1821) - hoàng đế Pháp (1804 - 1814 và 1815). -43, 63, 74, 92, 158, 211, 314-315, 376, 381, 495, 496, 497, 583, 644, 760-775.
- Na-pô-lê-ông III* (Lu-i Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ) (1808 - 1873) - cháu của Na-pô-lê-ông I, tổng thống nền Cộng hòa thứ hai (1848- 1851), hoàng đế Pháp (1852 - 1870). -9-17, 21, 23, 27, 44, 58, 60, 64-67, 70, 71, 89-94, 101, 119, 120, 130-131, 149, 152, 154, 166, 169, 174, 211, 218, 230, 231, 233-236, 290, 291, 303, 473, 474, 478-481, 490-492, 495-498, 523, 547, 569, 625, 653, 694, 719-722, 757.
- Na-pô-lê-ông*, hoàng tử - xem *Bô-na-pác-tơ*, Giô-dép Sác-lơ Pôn.
- Nây-pia* (Napier), Uy-li-am Phren-xít Pa-tơ-rích (1785 - 1860) - tướng Anh và là nhà sử học quân sự, tham gia cuộc chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-cơ (1808 - 1814). -526, 810.
- Nây-pia* (Napier), Sác-lơ Giêm-xơ (1782 - 1853) - tướng Anh, tham gia cuộc chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-cơ (1808 - 1844); trong những năm 1842 - 1843 chỉ huy những đội quân đã chiếm Xin-đơ; năm 1843 - 1847 là toàn quyền ở Xin-đơ. -712.
- Ne-xlơ* (Nessler) - sĩ quan Pháp, nhà phát minh quân sự (giữa thế kỷ XIX). -264.
- Ni-cô-lai I* (1796 - 1855) - hoàng đế Nga (1825 - 1855). -132, 673.
- Niu-ca-lơ* (Newcastle), Hen-ri Pê-lem Phen-xơ Pê-lem Clin-tôn, công tước (1811 - 1864) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái Pin, bộ trưởng bộ chiến tranh và thuộc địa (1852 - 1854), bộ trưởng bộ chiến tranh (1854 - 1855), bộ trưởng bộ thuộc địa (1859 - 1864). -19-20.
- Niu-men* (Newman), Phren-xít Uy-li-am (1805 - 1897) - nhà ngôn ngữ học và nhà chính luận Anh, phần tử cấp tiến tư sản, tác giả của nhiều tác phẩm bàn về các vấn đề tôn giáo, chính trị và xã hội. -763.
- Niu-tơn* (Newton) - thành viên hội đồng thành phố Niu-cát-xơn (nước Anh), chủ tịch cuộc mít-tinh ủng hộ Ga-ri-ban-đi (tháng Chín 1862). -719, 772.
- Nốt-i-ung* (Nothjung), Pê-tơ (khoảng 1823 - 1866) - thợ may người Đức, thành viên Hội liên hiệp công nhân Khuên và Liên đoàn những người cộng sản, một trong những bị cáo tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). -69.

O

- Oa-sinh-tơn* (Washington), Gioóc-giơ (1732 - 1799) - nhà hoạt động nhà nước xuất sắc người Mỹ, tổng chỉ huy quân đội trong thời kỳ cuộc chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ (1775 - 1783); tổng thống đầu tiên của nước Mỹ (1789 - 1797). -394, 430, 532, 737.
- Oai-cơ* (Wyke), Sác-lơ Len-nốc-xơ (1815 - 1897) - nhà ngoại giao Anh, công sứ (1860 - 1861) và đại diện đặc biệt (1862 - 1863) ở Mê-hi-cô. -628, 694.
- Oai-tơ* (White), Giêm-xơ - nhà hoạt động nghị trường Anh theo khuynh hướng tự do, tham gia cuộc mít-tinh chống can thiệp ở Brai-tôn (tháng Chạp 1861). -573, 575.
- Oan-cơ* (Walker), Giôn (1732 - 1807) - nhà ngôn ngữ học Anh, tác giả nhiều tác phẩm về ngữ âm học và ngữ pháp. -540.
- Oan-cơ* (Walker), Lê-roi Pốp (1817 - 1884) - nhà hoạt động chính trị Mỹ, đảng viên đảng dân chủ ở miền Nam, bộ trưởng chiến tranh của Hiệp bang miền Nam (1861). -430.
- Oan-cơ* (Walker), Ti-mô-ti (1806 - 1856) - luật gia Mỹ, tác giả của nhiều tác phẩm nói về các vấn đề luật học. -538.
- Oen-lin-tơn* (Wellington), Ác-tua Oen-xli, công tước (1769 - 1852) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng To-ri; năm 1808 - 1814 và 1815 chỉ huy quân đội trong các cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông; chỉ huy pháo binh (1818 - 1827); tổng tư lệnh quân đội (1827 - 1828, 1842 - 1852); thủ tướng (1828 - 1830); bộ trưởng ngoại giao (1834 - 1835); -39, 345, 775, 816, 828.
- Oóc-lê-ăng*, các hoàng tử - xem *Gioăng-vi-lơ*, Phrăng-xoa Phéc-đi-năng Phi-líp Lu-i Ma-ri *Oóc-lê-ăng*, hoàng tử Đơ, *Lu-i Phi-líp an-be Oóc-lê-ăng*, bá tước Pa-ri; *Rô-be Phi-líp Lu-i Ở-gien Phéc-đi-năng Oóc-lê-ăng*, công tước Sác-tơ-rơ.
- Oóc-lê-ăng*, công tước - xem *Phéc-đi-năng*.
- Oóc-lê-ăng* - triều đại vua ở Pháp (1830 - 1848). -422, 423.
- Oóc-lốp*, A-lếch-xây Phê-đô-rô-vích, công tước (1786 - 1861) - nhà hoạt động nhà nước và hoạt động quân sự Nga, nhà ngoại giao; đã ký các hiệp ước A-đri-a-nô-pôn (1829) và Un-ki-ác - I-xkê-lê-xi (1833) với Thổ Nhĩ Kỳ, cầm đầu đoàn đại biểu Nga tại Hội nghị Pa-ri (1856). -78.
- Oóc-xi-ni* (Orsini), Phê-lít-sơ (1819 - 1858) - nhà cách mạng I-ta-li-a; nhà dân chủ và

- cộng hòa tư sản, tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và thống nhất I-ta-li-a; bị tử hình do mưu sát Na-pô-lê-ông III. -722, 730.
- Ô-li-vi-ê* (Olivier), Ê-min (1825 - 1913) - nhà hoạt động chính trị Pháp, phần tử cộng hòa tư sản ôn hoà, từ năm 1857 là thành viên Viện lập pháp; từ cuối những năm 60 theo phái Bô-na-pác-tơ, đứng đầu chính phủ (tháng Giêng - tháng Tám 1870). -131.
- Ô-man-xki* (Aumale), Hăng-ri Ô-gien Phi-líp Lu-i Ôc-lê-ăng, công tước (1822 - 1897) - con trai vua Pháp Lu-i Phi-líp; trong những năm 40 tham gia cuộc chinh phục An-giê-ri; tác giả các cuốn sách đả kích chống phái Bô-na-pác-tơ. -225, 422.
- Ô-ren-lơ Đờ Pa-la-đin-nơ* (Aurelle de Paladines) Lu-i Giăng Ba-tít-xơ đ' (1804 - 1877) - tướng Pháp, tham gia cuộc Chiến tranh Crưm; năm 1854 - 1855 chỉ huy một lữ đoàn. -791, 793.
- Ôn-hêm*, (Oldham), Uy-li-am-xơn Xim-xơn (1813 - 1868) - luật gia Mỹ và nhà hoạt động chính trị, thuộc đảng dân chủ; tham gia tích cực vào cuộc nổi dậy của các chủ nô ở miền Nam, nghị sĩ quốc hội của Hiệp bang miền Nam. -753.
- Ốt-phây* (Hautefeuille), Lô-ran Ba-đin (1805 - 1875) - luật gia người Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ, tác giả nhiều tác phẩm nói về luật hàng hải quốc tế. -640.

P

- Pa-téc-xơn* (Patterson), Rô-bóc (1792 - 1881) - thương gia và nhà kinh doanh Mỹ, thời kỳ đầu cuộc Nội chiến ở Mỹ là tướng trong quân đội các bang miền Bắc, sau trận đánh ở Bun-Ran (tháng Bảy 1861) bị cách chức chỉ huy. -633.
- Pan-mơ* (Palmer), Rau-đen (1812 - 1895) - luật gia Anh và nhà hoạt động nhà nước, theo phái tự do, trưởng cố vấn pháp luật (1861 - 1863); quan chủ trương lý (1863 - 1866), đại pháp quan (1872 - 1874 và 1880 - 1885). -640.
- Pan-mơ* (Palmer), Uy-li-am (1824 - 1856) - bác sĩ người Anh, đã đầu độc vợ, anh trai và bạn mình để được nhận tiền bảo hiểm, bị kết án treo cổ. -518, 567.
- Pan-móc-xơn* (Palmerston), Hen-ri Giôn *Tem-pơn* (1784 - 1865) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thời kỳ đầu hoạt động là đảng viên đảng To-ri, từ năm 1830 là một trong những thủ lĩnh của đảng Vích dựa vào những phần tử cánh hữu của đảng này; bộ trưởng ngoại giao (1830 - 1834, 1835 - 1841 và 1846 - 1851), bộ trưởng nội vụ (1852 - 1855), thủ tướng (1855 - 1858 và 1859 - 1865). -474 - 475,

- 479, 481, 483 - 488, 518-520, 536, 538-540, 544-548, 563-569, 576, 579, 584, 586, 593-598, 604, 657, 658, 673-674, 676, 723, 724, 764.
- Péc-pôn-sơ-Dết-nít-xki* (Perponcher - Seldnitzki), Vin-hem, bá tước (1819 - 1893) - nhà ngoại giao Phổ, đầu những năm 60 là công sứ ở Na-plơ. -232.
- Péc-xi-nhi* (Persigny), Giăng Gin-be Vích-to, bá tước (1808 - 1872) - nhà hoạt động nhà nước Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, một trong những người tổ chức cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851, bộ trưởng nội vụ (1852 - 1854 và 1860 - 1863), đại sứ ở Luân Đôn (1855 - 1858, 1859 - 1860). -79, 142, 152, 175, 467, 468, 490, 491.
- Pê-đru I* (1798 - 1834) - hoàng đế Bra-xin (1822 - 1831), vua Bồ Đào Nha dưới tên gọi Pê-đru IV (1826), đã từ bỏ ngôi vua Bồ Đào Nha vì lợi ích của con gái mình là Ma-ri-a II đa Glô-ri-a. -18.
- Pê-li-xi-ê* (Pelissier), Giăng Giắc (1794 - 1864) - nguyên soái Pháp, từ năm 30 đến đầu những năm 50 tham gia cuộc chinh phạt An-giê-ri, nổi tiếng do tính cực kỳ tàn bạo, tổng chỉ huy quân đội ở Crưm (tháng Năm 1855 - tháng Bảy 1856); tham gia cuộc chiến tranh Áo - I-ta-li-a - Pháp năm 1859; năm 1860 là tổng đốc ở An-giê-ri. -34.
- Pê-rây-rơ* (Péire), I-xác (1806 - 1880) - chủ ngân hàng Pháp, trong những năm 20 - 30 gia nhập phái Xanh-Xi-mông, trong thời kỳ Đế chế thứ hai theo phái Bô-na-pác-tơ; một trong những người sáng lập và giám đốc ngân hàng cổ phần Crédit Mobilier. -24, 468, 493.
- Pê-rây-rơ* (Péire), Ê-min (1800 - 1875) - chủ ngân hàng Pháp, trong những năm 20-30 gia nhập phái Xanh-Xi-mông, trong thời kỳ Đế chế thứ hai theo phái Bô-na-pác-tơ; một trong những người sáng lập và giám đốc ngân hàng cổ phần Crédit Mobilier; anh trai của I-xác Pê-rây-rơ, -468, 493.
- Pê-xa-i-Pê-xa* (Peza-y-Peza), Các-lốt - người tham gia cuộc bạo động phản cách mạng ở Mê-hi-cô (1858 - 1860), bộ trưởng tài chính trong chính phủ của quân phiến loạn. -657.
- Pha-ra-gút* (Farragut), Đê-vít Gla-dơ-gô (1801 - 1870) - sĩ quan hải quân Mỹ, từ tháng Bảy 1862 là thủy sư đô đốc, tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ, đứng về phía các bang miền Bắc, chỉ huy một hạm đội trong trận chiếm Tân Ôc-lê-ăng (tháng Tư 1862). -662, 681.
- Pha-ri-ni* (Farini), Lu-ít-giơ Các-lô (1812 - 1866) - nhà hoạt động nhà nước và nhà sử học I-ta-li-a, ủng hộ việc thống nhất nước I-ta-li-a dưới quyền lực của triều đại Xa-voa; bộ trưởng bộ giáo dục (1851 - 1852); bộ trưởng nội vụ của vương quốc Xác-đi-ni

- (1860), đứng đầu Chính phủ I-ta-li-a (1862-1863). -234.
- Pha-vơ* (Favre), Ga-bri-en Clốt Giuy-lơ (1809 - 1880) - trạng sư và nhà hoạt động chính trị Pháp; từ cuối những năm 50 là một trong những người cầm đầu phái đối lập cộng hoà - tư sản; năm 1870 - 1871 là bộ trưởng ngoại giao trong "chính phủ vệ quốc", đã cùng với Chi-e tiến hành cuộc đấu tranh chống Công xã Pa-ri. - 131, 163, 164.
- Phéc-đi-năng*, công tước Oóc-lê-ăng (1810 - 1842) - con trai cả của vua Lu-i Phi-líp, năm 1835 - 1840 tham gia cuộc chinh phạt An-giê-ri. -43, 212.
- Phéc-đi-năng II* (1810 - 1859) - vua xứ Na-plơ (1830 - 1859), được gọi là vua trái phá do trận pháo kích vào Mét-xi-na năm 1848. -194, 232.
- Phéc-đi-năng VII* (1784 - 1838) - vua Tây Ban Nha (1808 và 1814 - 1833). -18.
- Phi-li-mo-rơ* (Phillimore), Rô-béc Giô-dép (1810 - 1885) - luật gia Anh, phần tử tự do ôn hoà, nghị sĩ (1852 - 1857), chuyên gia về các vấn đề pháp quyền quốc tế. -538, 540.
- Phi-líp* (Phillips), Uên-đen (1811 - 1884) - nhà hoạt động chính trị và hoạt động xã hội nổi tiếng Mỹ, nhà hùng biện xuất sắc, một trong những người cầm đầu phái cách mạng trong phong trào thủ tiêu; năm 1865 - 1870 là chủ tịch hội những người Mỹ chống chế độ chiếm hữu nô lệ; trong những năm 70 tham gia phong trào công nhân, đấu tranh để thành lập một đảng công nhân độc lập ở Mỹ; năm 1871 tham gia Quốc tế I. -705, 706.
- Phit-xơ-giê-ran* (Fitzgerald), Uy-li-am Rô-béc Xây-mua Vi-di (1818 - 1885) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái bảo thủ, thứ trưởng ngoại giao (1858 - 1859), toàn quyền ở Bom-bay (1866 - 1872), nghị sĩ. -693.
- Phlao đờ la Bi-la-đê-ri* (Flahaut de ba Billarderie), Ô-guy-xơ Sác-lơ Giô-dép, bá tước Đờ (1785 - 1870) - nhà ngoại giao Pháp, năm 1860 - 1862 là đại sứ ở Luân Đôn. - 625, 626.
- Phlô-rê-xơ* (Flores), - tướng người Na-plơ, năm 1860 chỉ huy quân đội ở A-pu-li. -195.
- Phlôi-đơ* (Floyd), Giôn Biu-kê-nen (1807 - 1863) - nhà hoạt động nhà nước Mỹ, đảng viên đảng dân chủ, thống đốc bang Viéc-gi-ni-a (1850 - 1853), bộ trưởng bộ chiến tranh (1857 - 1860), tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ, đứng về phía các bang miền Nam. - 694, 753.
- Pho-xơ* (Forster), Uy-li-am Êt-uốt (1818 - 1886) - chủ xưởng và nhà hoạt động chính trị Anh, theo phái tự do, nghị sĩ. -420, 637, 639.
- Phoóc-cát - La-rô-két* (Forcade Laroquette), Giảng Lu-i Vích-to A-đôn-phơ Đờ (1820 - 1874) - nhà hoạt động nhà nước Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ, năm 1860 - 1861 là

- bộ trưởng tài chính. -491.
- Phô-gtơ* (Vogt), Các (1817 - 1895) - nhà khoa học tự nhiên Đức, nhà duy vật tầm thường, nhà dân chủ tiểu tư sản; tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Đức; trong những năm 50 - 60 sống lưu vong, là mật vụ ăn lương của Lu-i Bô-na-pác-tơ. -92.
- Phran-xơ - I-ô-xíp I* (1830 - 1916) - hoàng đế Áo (1848 - 1916). -11, 29, 91, 166-170, 244, 245, 299, 302, 303.
- Phran-xít-xơ II* (1836 - 1894) - vua xứ Na-plơ (1859 - 1860). -63, 64, 118, 167, 169, 170, 195.
- Phren-xít* (Francis), Phi-líp (bút danh là I-u-ni-út) (1740 - 1818) nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Anh, phần tử cấp tiến tư sản, tác giả nhiều cuốn sách đả kích nhằm chống chế độ độc tài của Gioóc-giơ III. -531.
- Phrê-đê-vích VII* (1808 - 1863) - vua Đan Mạch (1848 - 1863). -94, 304.
- Phri-đrich II* (1712 - 1786) - vua Phổ (1740 - 1786). -71, 278.
- Phri-đrich - Các-lơ*, hoàng tử (1828 - 1885) - tướng Phổ, về sau là đại nguyên soái. -278.
- Phri-đrich - Vin-hem I* (1688 - 1740) - vua phổ (1713 - 1740). -70.
- Phri-đrich Vin-hem III* (1770 - 1840) - vua Phổ (1797 - 1840). -71.
- Phri-đrich Vin-hem IV* (1795 - 1861) - vua Phổ (1840 - 1861). -32, 57, 247.
- Phri-môn* (Prémont), Giôn Sác-lơ (1813 - 1890) - nhà du lịch và nhà hoạt động chính trị Mỹ, thuộc cánh tả trong đảng cộng hoà, trong các cuộc bầu cử năm 1856 là ứng cử viên tổng thống, trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ chỉ huy quân đội miền Bắc ở các bang Mi-su-ri (cho đến tháng mười một 1861) và Viéc-gi-ni-a (1862). -397, 436, 454, 499-502, 550, 554, 633.
- Phun-đơ* (Fould), A-sin (1800 - 1867) - chủ ngân hàng và nhà hoạt động nhà nước Pháp, theo phái Oóc-lê-ăng, về sau theo phái Bô-na-pác-tơ; năm 1849 - 1867 nhiều lần giữ chức bộ trưởng tài chính; quốc vụ khanh và bộ trưởng của triều đình đế chế (1852 - tháng Mười một 1860). -10, 27, 467, 469, 490-493, 497.
- Pi IX* (1792 - 1878) - giáo hoàng La Mã (1846 - 1878). -130, 228.
- Pi-ốt I* (1672 - 1725) - hoàng đế Nga từ năm 1682, hoàng đế toàn Nga từ năm 1721. -70.
- Pi-to-ri* (Petrie), Mác-tin (1823 - 1892) - sĩ quan Anh, tác giả nhiều tác phẩm nói về việc tổ chức và vũ trang quân đội châu Âu. -809.
- Piéc-xơ* (Pierce), Phran-clin (1804 - 1869) - nhà hoạt động nhà nước Mỹ, thuộc đảng

dân chủ, tổng thống Hợp chúng quốc Mỹ (1853 - 1857); đã thi hành những chính sách phục vụ lợi ích của các chủ nô. -499, 534, 634.

Pin (Peel), Rô-bốt (1788 - 1850) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thủ lĩnh đảng To-ri ôn hoà, được gọi theo tên ông ta là phái Pin; bộ trưởng nội vụ (1822 - 1827 và 1828 - 1830), thủ tướng (1834 - 1835, 1841 - 1846); để ủng hộ phái tự do, đã bãi bỏ các đạo luật về ngũ cốc (1846). -291.

Pin-đa-rơ (khoảng 522 - khoảng 442 trước công nguyên) - nhà thơ cổ Hy Lạp, tác giả của những khúc đoản thi trang trọng. -606, 737.

Pít (Pitt), Uy-li-am con (1759 - 1806) - nhà hoạt động nhà nước Anh, một trong những thủ lĩnh đảng To-ri; thủ tướng (1783 - 1801 và 1804 - 1806). -19, 597.

Plông-Plông - xem *Bô-na-pác-tơ*, Giô-dép Sác-lơ Pôn, hoàng tử Na-pô-lê-ông.

Phlê-ni-xơ (Plönies), Vin-hem (1828 - 1871) - sĩ quan vùng Hét-xen, nhà phát minh quân sự, tác giả một loạt tác phẩm viết về việc vũ trang cho các xạ thủ. -264.

Pô-đơ-vin-xơ (Podewils), Phi-líp, nam tước (1809 - 1885) - sĩ quan ở Ba-vi-e, nhà phát minh quân sự. -265.

Pô-te-rơ (Potter), Ét-mun-đơ - chủ xưởng và nhà hoạt động chính trị Anh, theo phái mật dịch tự do, đầu những năm 60 là chủ tịch phòng thương mại ở Man-se-xơ, nghị sĩ. -606, 607.

Pôn-cơ (Polk), Giêm-xơ Nốc-xơ (1795 - 1849) - nhà hoạt động nhà nước Mỹ, thuộc đảng dân chủ, tổng thống Mỹ (1845 - 1849); một trong những người tổ chức cuộc chiến tranh của Mỹ chống Mê-hi-cô (1846 - 1848). -499, 534.

Pôn-sa-ra (Poncharra), Sác-lơ Lu-i Xê-da đuy Po-rơ, hầu tước *Đờ* (1787 - 1860) - sĩ quan Pháp, nhà phát minh quân sự. -212.

Pốp (Pope), Giôn (1822 - 1892) - tướng Mỹ, thuộc đảng cộng hoà, tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ, năm 1862 chỉ huy một trong những đội quân miền Bắc ở Mít-xi-xi-pi, sau đó ở Viéc-gi-ni-a. -633, 761.

Prai-xơ (Price), Xchi-ô-linh (1809 - 1867) - tướng Mỹ, thống đốc bang Mi-ru-ri (1853 - 1857), tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ, đứng về phía các bang miền Nam; năm 1861 - 1862 chỉ huy quân đội ở các bang Mi-su-ri, Ác-can-da-xơ và Mít-xi-xi-pi. -633, 751.

Prát-tơ (Pratt), Phrê-ê-rích Tô-mát - luật gia Anh, tác giả nhiều tác phẩm nói về luật hàng hải quốc tế. -511.

Prê-la (Prélat), Giô-dép (sinh năm 1819) - chuyên gia chế tạo vũ khí người Thụy Sĩ,

năm 1854 đã hoàn thiện kiểu súng trường Mi-ni-ơ. -262.

Q

Quy-nác-đơ (Cunard), Xa-miu-en (1787 - 1865) - chủ tàu Anh, người thành lập công ty thuỷ vận, thực hiện tuyến liên lạc bưu điện giữa Anh và Hợp chúng quốc Mỹ. -515.

Quy-svan - *Cla-ri-nhi* (Cucheval - Clarigny), Phi-líp A-ta-na-dơ (1823 - 1895) - nhà chính luận Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ, cộng tác viên của tờ "Patrie" và của nhiều xuất bản phẩm định kỳ khác; trong những năm 50 giữ các chức vụ lãnh đạo trong các ban biên tập của các tờ "Constitutionnel" và "Pays". -491.

R

Ra-glan (Raglan) - Phi-xrôi Giêm-xơ Hen-ri Xô-móc-xét, nam tước (1780 - 1855) - tướng Anh, từ tháng Giêng 1854 là nguyên soái, năm 1808 - 1814 và 1815 tham gia cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, tổng tư lệnh quân đội ở Crim (1854 - 1855). -785, 794, 796, 800, 801.

Ra-ni-lơ (Ranelagh), Tô-mát Hê-ron, Giôn-xơ, tử tước (sinh năm 1812) - sĩ quan Anh, tham gia phong trào tình nguyện. -339-343.

Ra-téc-phoóc (Rutherford) - mục sư người Anh, tham gia cuộc mít-tinh ủng hộ Ga-ri-ban-đi ở Niu-cát-xơ (tháng Chín 1862). -721.

Rát-ta-xi (Rattazzi), U-rơ-ba-nô (1808 - 1873) - nhà hoạt động nhà nước I-ta-li-a, đại biểu của giai cấp tư sản tự do - quân chủ, bộ trưởng nội vụ ở vương quốc Xác-đi-ni (1855 - 1858 và 1860), đứng đầu Chính phủ I-ta-li-a (1862 và 1867). -704.

Râu-dơ-cran-xơ (Rosecrans), Uy-li-am Xtác (1819 - 1898) - tướng Mỹ, trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ chỉ huy quân đội miền Bắc ở các bang Mít-xi-xi-pi và Tê-nê-xi (1862 - 1863). -747.

Râu-dơ-li-ôt (Roselius), Cri-xchi-an (1803 - 1873) - luật gia và nhà hoạt động chính trị Mỹ, thuộc đảng Vích ở Mỹ, giáo sư trường đại học tổng hợp ở Lu-i-di-a-na đấu tranh đòi duy trì Liên bang. -450.

Rây-khe-bắc (Reichenbach), Ghê-oóc (1772 - 1826) - sĩ quan người Ba-vi-e, nhà phát minh quân sự. -450.

Rây-nôn (Reynolds), Gioóc-giơ, Uy-li-am Ma-các-tơ (1814 - 1879) - nhà hoạt động chính

trị và nhà báo Anh, nhà dân chủ tiểu tư sản, người xuất bản tờ "Reynolds's Newspaper". -399.

Re-nơ (Renée), Lam-be A-mê-đê (1808 - 1859) - nhà chính luận Pháp, theo phái Bô-napác-tô, từ năm 1857 giữ các chức vụ lãnh đạo trong ban biên tập các tờ "Constitutionnel" và "Pays". -491.

Rê-nô (Reno), Giê-xi Li (1823 - 1862) - tướng Mỹ, tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ, đứng về phía các bang miền Bắc; năm 1862 chỉ huy quân đoàn ở Viéc-gi-ni-a và ở Mê-ri-len. -760.

Rêch-béc-gơ (Rechberg), I-ô-han Béc-nơ-hác-đơ, bá tước (1806 - 1899) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Áo, thuộc phái bảo thủ, thủ tướng (1859 - 1860), bộ trưởng ngoại giao (1859 - 1864). -237.

Rết-gra-vơ (Redgrave), A-lếch-xan-đơ - quan chức Anh, thanh tra công xưởng ở Anh. -104, 109, 113.

Ri-ca-xô-li (Ricasoli), Bết-ti-nô (1809 - 1880) - nhà hoạt động nhà nước I-ta-li-a, đại biểu của giai cấp tư sản tự do - quân chủ, đứng đầu Chính phủ I-ta-li-a (1861 - 1862 và 1866 - 1867). -704.

Ri-sơ-li-ơ (Richelieu), Ác-măng Giảng đuy Plét-xi, công tước (1585 - 1642) - nhà hoạt động nhà nước nổi tiếng Pháp trong thời kỳ chế độ chuyên chế, hồng y giáo chủ. -500.

Rô-ma-nốp - triều đại các vua và hoàng đế Nga (1613 - 1917) -94.

Rô-bốt phi-líp Lu-i Ô-gien Phéc-đi-năng Ốc-lê-ăng, công tước Sác-tơ-rơ (1840 - 1894) - cháu của Lu-i-Phi-líp, năm 1861 - 1862 tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ, đứng về phía các bang miền Bắc. -421-426.

Rốt-sin - dòng họ các nhà tài chính, có ngân hàng ở nhiều nước thuộc châu Âu. -426, 467.

Rốt-xen (Russell), Giôn (1792 - 1878) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thủ lĩnh đảng Vích, thủ tướng (1846 - 1852 và 1865 - 1866), bộ trưởng ngoại giao (1852 - 1853 và 1859 - 1865). -58, 65, 72, 79, 142, 443, 475, 480, 484, 485, 518, 547, 568, 580, 585, 586, 593-596, 618, 622-629, 676, 694, 701, 702, 720, 729, 763.

Rốt-xen (Russell), Uy-li-am Hô-vát (1820 - 1907) - nhà báo Anh, năm 1861 - 1862 là thông tin viên của tờ "Times" ở Oa-sinh-tơn. -553.

Ru-ê (Rouher), Ô-gien (1814 - 1884) - nhà hoạt động nhà nước Pháp, theo phái Bô-napác-tô, bộ trưởng tư pháp (1849 - 1852, có gián đoạn); năm 1855 - 1863 là bộ trưởng bộ thương mại, nông nghiệp và các công trình công cộng (1855 - 1863). -23.

Rút-xô (Rousseau), Giảng Giác (1712 - 1778) - nhà khai sáng xuất sắc Pháp, nhà dân chủ, nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản. -94.

S

Sa-tô-bri-an (Chateaubriand), Phrăng-xoa Rê-nơ, tử tước *Đờ* (1768 - 1848) - nhà văn nổi tiếng Pháp, nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao phản động; bộ trưởng ngoại giao (1822 - 1824), đại diện của nước Pháp tại đại hội ở Vê-rô-na (1822). -478, 488.

Sác-lơ II (1630 - 1685) - vua Anh (1660 - 1685). -690.

Sác-lơ XII (1682 - 1718) - vua Thụy Điển (1679 - 1718). -70.

Sác-lơ XV (1826 - 1872) - vua Thụy Điển và Na-uy (1859 - 1872). -94.

San-đi-ni (Cialdini), En-ri-cô (1811 - 1892) - tướng người I-ta-li-a, tham gia cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc năm 1848 - 1849, cuộc Chiến tranh Crưm và cuộc chiến tranh Áo - I-ta-li-a - Pháp năm 1859; năm 1860 - 1861 chỉ huy quân đoàn Xác-đi-ni, quân đoàn đã tham gia các hoạt động quân sự chống quân đội Na-plơ. -234.

Séc-man (Sherman), Tô-mát Uê-xơ (1813 - 1879) - tướng Mỹ, tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ, đứng về phía các bang miền Bắc; tháng Mười 1861 - tháng Ba 1862 chỉ huy quân đội viễn chinh ở Nam Ca-rô-lin và Phlô-ri-đa. -550, 630.

Sê-li (Shelley), Giôn (1808 - 1867) - nhà hoạt động chính trị Anh, theo phái mật dịch tự do, nghị sĩ. -688.

Sêch-xpia (Shakespeare), Uy-li-am (1564 - 1616) - nhà văn vĩ đại Anh. -610, 660, 662.

Sép-xbê-ri (Shaftesbury), An-tô-ni Ê-sli Cu-pơ, bá tước (1801 - 1885) - nhà hoạt động chính trị Anh, trong những năm 40 cầm đầu đảng To-ri bác ái trong nghị viện, từ năm 1847 là đảng viên đảng Vích, ủng hộ giáo hội hạ đẳng. -393, 567.

Si (Shee), Uy-li-am (1804 - 1868) - luật gia Ai-rơ-len, nhà hoạt động chính trị theo khuynh hướng tự do. -557.

Si-le (Shiller), Phri-đrich (1759 - 1805) - nhà văn vĩ đại Đức. -493, 635.

Slai-ni-xơ (Schleinitz), A-lếch-xan-đơ, bá tước (1807 - 1885) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, phần tử phản động, bộ trưởng ngoại giao (tháng Sáu 1848, 1849 - 1850, 1858 -

- 1861). -58, 67, 70-74, 78, 79, 90, 233, 237.
- Sméc-linh* (Schmerling), An-tôn (1805 - 1893) - nhà hoạt động nhà nước Áo, theo phái tự do; năm 1848 là bộ trưởng nội vụ của đế chế (tháng Bảy - tháng Chạp), thủ tướng và bộ trưởng ngoại giao (tháng Chín - tháng Chạp); thủ tướng và bộ trưởng nội vụ Áo (1860 - 1865). -302, 303.
- Sê-va-li-ê* (Chevalier), Mi-sen (1806 - 1879) - kỹ sư, nhà kinh tế và nhà chính luận Pháp; trong những năm 30 theo phái Xanh - Xi-mông, về sau theo phái mật dịch tự do; trong thời kỳ nền Đế chế thứ hai là thượng nghị sĩ, tích cực ủng hộ chính sách kinh tế của Na-pô-lê-ông III. -23, 24.
- Spén-xơ* (Spence), Giêm-xơ - thương gia người Anh, chủ tịch cuộc mít-tinh ủng hộ sự can thiệp ở Li-vóc-pun (tháng Mười một 1861); trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ nhiều lần đấu tranh trên báo chí ủng hộ các chủ nô ở miền Nam. -515-517.
- Sti-bơ* (Stieber), Vin-hem (1818 - 1882) - quan chức Phổ, chỉ huy lực lượng cảnh sát chính trị. -60.
- Svác-xen-béc* (Schwarzenberg), Phê-lích, hầu tước (1800 - 1852) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao phản động Áo; sau thất bại của cuộc khởi nghĩa ở Viên hồi tháng Mười 1848 là thủ tướng và bộ trưởng ngoại giao. -73.

T

- Ta-mi-di-ê* (Tamisier), Phrăng-xoa Lô-răng An-phông-xơ (1809 - 1880) - sĩ quan Pháp và nhà hoạt động chính trị, nhà phát minh quân sự. -47, 259.
- Ta-tơ-ki* (Tatschky) - hội viên Hội khai sáng công nhân Đức ở Luân Đôn; thành viên uỷ ban quyền góp ủng hộ những người tham gia cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1863 - 1864. -772.
- Tay-lo* (Taylor), Tôm (1817 - 1880) - nhà soạn kịch và nhà báo Anh, cộng tác viên của một loạt xuất bản phẩm định kỳ; năm 1874 - 1880 là chủ biên tờ tạp chí trào phúng "Punch". -97, 140.
- Tâu-pxơ* (Toups) - hội viên Hội khai sáng công nhân Đức ở Luân Đôn; thành viên uỷ ban quyền góp ủng hộ những người tham gia cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1863 - 1864. -772.
- Tem-plơ* (Temple), Uy-li-am (1628 - 1699) - nhà ngoại giao và nhà hoạt động chính trị Anh, cố vấn thân cận nhất của Vin-hem III O-ran-giơ. -534, 581.

- Téch-kê-rây* (Thackerey), Uy-li-am Mây-cpi-xơ (1811 - 1863) - nhà văn hiện thực xuất sắc Anh. -578-583.
- Thanh* - Triều đình Mãn Thanh của các hoàng đế Trung Hoa (1644 - 1911). -682.
- Tim-mơ-han-xơ* (Timmerhans), Sác-lơ Phrê-đê-rích, Tê-ô-đo (1800 - 1865) - sĩ quan Bỉ; nhà phát minh quân sự. -264.
- Tô-ti* (Totti) - cảnh sát của Bô-na-pác-tơ, người gốc đảo Coóc-xơ. -118, 120, 121, 234.
- Tơ-rây Đờ Bô-li-ô* (Treuille de Beaulieu), Ăng-toan Héc-to Tê-đê (1809 - 1886) - sĩ quan Pháp, nhà phát minh quân sự. -47.
- Tơ-ri-men-hia* (Tremenheere), Hi-u Xây-mua (1804 - 1893) - quan chức và nhà chính luận Anh, nhiều lần tham gia uỷ ban của chính phủ nghiên cứu điều kiện lao động của công nhân. -741, 742-743.
- Tốc-re-nơ* (Turner), Giêm-xơ A-xpi-nan (1797 - 1867) - chủ xưởng và nhà hoạt động chính trị Anh, đảng viên đảng To-ri, trong những năm 60 gần gũi với phái tự do, thành viên phòng thương mại Man-se-xtơ; nghị sĩ. -516, 606.
- Tréc-nư-sép* A-lếch-xan-đrơ I-va-nô-vích (1786 - 1857) - tướng và nhà hoạt động nhà nước Nga, tham gia các cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông; năm 1828 - 1852 đứng đầu bộ chiến tranh. 671.
- Tri-têm* (Cheetham), Giôn (sinh năm 1802) - chủ xưởng Anh, nhà hoạt động chính trị có khuynh hướng tự do. -608.
- Triều đại A-ra-gông* - triều đại các vua A-ra-gông (thế kỷ XI - XV). -63.
- Triều đại Han-nô-vơ* - triều đại các vua Anh (1714 - 1901) đồng thời là các tuyển hầu (cho đến năm 1815) và là vua (cho đến năm 1837) của quốc gia Đức Han-nô-vơ. -531.
- Triều đại Xa-voa* - một trong những triều đại ở I-ta-li-a, từ năm 1720 đến 1861 là triều đại ở vương quốc Xác-đi-ni, từ 1861 đến 1946 - ở vương quốc thống nhất I-ta-li-a. -120.
- Tu-vơ-nanh* (Thouvenin), Lu-i Ê-chiên (1791 - 1882) - sĩ quan Pháp, nhà phát minh quân sự. -257-260, 285.
- Tu-vơ-nen* (Thouvenel), Ê-đu-a Ăng-toan (1818 - 1866) - nhà ngoại giao Pháp; đại sứ ở Công-xtăng-ti-nô-plơ (1855 - 1860), bộ trưởng ngoại giao (1860 - 1862). -91, 92, 475, 480, 491, 628, 694.
- Tum-bơ-xơ* (Toombs), Rô-bóc (1810 - 1885) - nhà hoạt động chính trị Mỹ, đảng viên đảng dân chủ, quốc vụ khanh của Hiệp bang miền Nam (1861), trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ là tướng trong quân đội các bang miền Nam. -402, 438.

Tuy-rơ (Türr), I-stơ-van (1825 - 1908) - sĩ quan Hung-ga-ri, tham gia cuộc cách mạng năm 1848 - 1849 ở I-ta-li-a và ở Đức, tham gia cuộc Chiến tranh Crưm, đứng về phía quân liên minh, năm 1860 tham gia cuộc hành quân cách mạng của Ga-ri-ban-đi xuống miền Nam I-ta-li-a; từ năm 1861 là tướng trong quân đội I-ta-li-a. - 197, 235.

Tuyếc-gô (Turgot), An-nơ Rô-be Giắc-cơ (1727 - 1781) - nhà kinh tế và nhà hoạt động nhà nước Pháp, đại biểu nổi tiếng nhất của phái trọng nông, kiểm sát trưởng tài chính (1774 - 1776). -491, 493.

U

Uê-dơ-rôn (Wetherall), Gioóc-giơ Ô-ga-xtê-xơ (1788 - 1868) - tướng Anh, năm 1860 - 1865 chỉ huy quân đội thuộc quân khu miền Bắc nước Anh. -180.

Uên-bơ-xtéc (Webster), Đa-ni-en (1782 - 1852) - nhà hoạt động nhà nước Mỹ, một trong những thủ lĩnh của phái Vích Mỹ, quốc vụ khanh (1841 - 1843 và 1850 - 1852). - 546.

Uốc-các-tơ (Urquhart), Đa-vít (1805 - 1877) - nhà ngoại giao Anh, nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị phản động, năm 1847 - 1852 là nghị sĩ, năm 1855 - 1865 xuất bản tờ "Free Press". -541.

Uôn-sơ (Walsh), Giôn Ben-nơ (1798 - 1881) - nhà hoạt động chính trị Anh, đảng viên đảng To-ri, nghị sĩ. -675.

Uy-li-am-xơ (Williams) - sĩ quan hàng hải Anh, năm 1861 là đại diện của bộ tư lệnh hải quân (bộ hải quân) trên tàu "Tơ-ren-tơ". -513, 517, 518.

Uyn-tơn (Wheaton), Hen-ri (1785 - 1848) - luật gia và nhà ngoại giao Mỹ, tác giả nhiều tác phẩm về pháp quyền quốc tế. -537, 540.

Uyn-béc-phoóc Wilberforce, Uy-li-am (1759 - 1833) - nhà hoạt động chính trị và xã hội Anh, nhà bác ái tư sản, nghị sĩ, đã tiến hành cuộc đấu tranh chống chế độ mua bán và chiếm hữu nô lệ ở các thuộc địa của Anh. -602.

Uyn-kin-xơn (Wilkinson) - chủ xưởng sản xuất vũ khí người Anh, nhà phát minh quân sự (giữa thế kỷ XIX). -267.

Uyn-nơ (Whynne) - người tham gia cuộc mít-tinh của công nhân ở Luân Đôn chống sự can thiệp (tháng Giêng 1862). -600.

Uyn-xơ (Wilkes), Giôn (1727 - 1797) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Anh,

phần tử cấp tiến tư sản, nghị sĩ; tác giả một loạt cuốn sách đả kích nhằm chống chế độ chuyên chế của Ghê-oóc-III. -531.

Uyn-xơ (Wilkes), Sác-lơ (1798 - 1877) - sĩ quan hàng hải và nhà du lịch Mỹ, tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ đứng về phía các bang miền Bắc, thuyền trưởng chiến hạm "Xan-Gia-xin-tô" (1861). -514, 522, 531, 539, 543, 579-582, 594, 603.

Uyn-xơn (Witson), Giêm-xơ (1805 - 1860) - nhà kinh tế tư sản và nhà hoạt động chính trị Anh, theo phái mậu dịch tự do, người sáng lập và chủ biên tờ tạp chí "Economist", năm 1853 - 1858 là tổng trưởng quốc khố (bộ trưởng bộ tài chính); năm 1859 - 1860 là bộ trưởng bộ tài chính phụ trách các khoản tài chính của Ấn Độ. -101, 164, 204, 608.

Uýt-uốc (Whitworth), Giô-dép (1803 - 1887) - chủ xưởng Anh, nhà phát minh quân sự. -52-56, 279-284, 286, 288, 711, 779, 781.

Uýt-ni (Whitney), I-lai (1765 - 1825) - nhà phát minh người Mỹ, phát minh ra máy cán bông. -457.

V

Va-lan-đi-hêm (Vallandigham), Clê-men-tơ Lê-dơ (1820 - 1871) - nhà hoạt động chính trị Mỹ, một trong những người cầm đầu đảng dân chủ ở các bang miền Bắc; đại biểu quốc hội (1858 - 1863); là người tổ chức một loạt hội âm mưu ở miền Bắc phục vụ cho các chủ nô ở miền Nam. -756.

Va-lép-xki (Walewski), A-lếch-xan-đơ Phlô-ri-ăng Giô-dép Cô-lô-na, bá tước (1810 - 1868) - nhà ngoại giao và nhà hoạt động nhà nước Pháp, con trai của Na-pô-lê-ông I và nữ bá tước Ba Lan Va-lép-xki; tham gia cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1830 - 1831, sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại đã di cư sang Pháp; bộ trưởng ngoại giao (1855 - 1860), quốc vụ khanh (1860 - 1863). -491.

Va-ren-đoóc-phơ (Wahrendorff), nam tước - chủ xưởng người Thuỵ Điển và là nhà phát minh quân sự (những năm 40 thế kỷ XIX). -46.

Vác-han-ghen Phôn En-dơ (Varnhagen von Ense), Các-lơ Au-gu-xơ (1785 - 1858) - nhà văn Đức, nhà phê bình văn học theo khuynh hướng tự do. -60.

Vai (Vay), Mi-clô-sơ, nam tước (1802 - 1814) - nhà hoạt động nhà nước Hung-ga-ri, thuộc phái bảo thủ; năm 1848 là phái viên chính phủ ở Tơ-ran-xin-va-ni; năm 1860 - 1861 là tể tướng, thi hành chính sách thỏa hiệp với nền quân chủ Áo. -303.

Vai-ăng (Vaillant), Giảng Ba-ti-xơ Phi-li-be (1790 - 1872) - nguyên soái Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, bộ trưởng bộ chiến tranh (1854 - 1859), bộ trưởng hoàng gia (1860 - 1870). -491.

Van-đéc-di (Waldersee), Phri-đrich Gu-xtáp, bá tước (1795 - 1864) - tướng Phổ và là nhà văn quân đội, bộ trưởng bộ chiến tranh (1854 - 1858). -373 - 377, 380 - 383, 387.

Van - Đoóc-nơ (Van Dorn), E-lơ (1820 - 1863) - tướng Mỹ, tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ, đứng về phía các bang miền nam, năm 1862 chỉ huy quân đội ở bang Mít-xi-xi-pi. -751.

Vát-ten (Vattel), Ê-móc (1714 - 1767) - luật gia người Thụy Sĩ, nhà ngoại giao phụ trách các công việc ở miền Dắc-đen, chuyên gia về các vấn đề pháp quyền quốc tế. -540.

Vây-đơ-mai-ơ (Weydermeyer), I-ô-xíp (1818 - 1866) - nhà hoạt động nổi tiếng trong phong trào công nhân Đức và Mỹ, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, tham gia cuộc cách mạng năm 1848 - 1849 ở Đức, trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ là đại tá quân đội các bang miền Bắc; là người mở đầu việc truyền bá chủ nghĩa Mác ở Mỹ; bạn và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghe-nơ. -748.

Vây-i-ác (Veillard) - thương gia người Pháp, bị phá sản năm 1862. -740.

Véc-ghi-li (Pu-bli Véc-ghi-li Ma-rôn) (70 - 19 trước công nguyên) - nhà thơ xuất sắc La Mã. -422, 576.

Vê-rông (Véron), Lu-i Đê-di-rê (1798 - 1867) - nhà báo Pháp và nhà hoạt động chính trị, từ trước năm 1848 theo phái Oóc-lê-ăng, sau đó theo phái Bô-na-pác-tơ; là chủ báo và người xuất bản tờ C. "Constitutionnel" (1844 - 1852). -490.

Vi-a-lơ (Viale) - tướng Na-plơ, năm 1860 tham gia các hoạt động quân sự chống các đội quân cách mạng của Ga-ri-ban-đi ở miền Nam I-ta-li-a, -198, 202, 203.

Vin-đơ (Wild) - sĩ quan Thụy Sĩ, nhà phát minh quân sự (những năm 40 thế kỷ XIX). -252, 253.

Vin-hem I (1797 - 1888) - hoàng tử Phổ, hoàng thân nhiếp chính (1858 - 1861), vua Phổ (1861 - 1888), hoàng đế Đức (1871 - 1888). -57, 58, 70-73, 77- 80, 89-93, 131, 132, 232, 233, 244, 246, 247, 248.

Vích-to Ê-ma-nu-en II (1820 - 1878) - vua Xắc-đi-ni (1849 - 1861), vua I-ta-li-a (1861 - 1878). -77, 91, 119-122, 195, 232, 467, 468.

Vích-tô-ri-a (1819 - 1901) - vua Anh (1837 - 1901). -91, 513, 537-539, 579, 615.

Vôn-phơ (Wolff) - hội viên Hội khai sáng công nhân Đức ở Luân Đôn, thành viên uỷ ban quyền góp ủng hộ những người tham gia cuộc khởi nghĩa ở Ba Lan năm 1863 - 1864. -772.

Vu-lơ (Wool), Giôn Ê-li-xơ (1784 - 1869) - tướng Mỹ, theo phái thủ tiêu; trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ, chỉ huy quân đội các bang miền Bắc ở Viéc-gi-ni-a (tháng Tám 1861 - tháng Năm 1862). -551.

Vút (Wood) - công nhân người Anh, tham gia cuộc mít-tinh ở Brai-tơn phản đối sự can thiệp (tháng Chạp 1861). -554.

Vút (Wood), Phéc-nan-đô (1812 - 1881) - nhà hoạt động chính trị Mỹ, một trong những lãnh tụ của đảng dân chủ ở miền Bắc, thị trưởng thành phố Niu Ốc (1854 - 1858, 1860 - 1863), trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ đã tán thành việc thoả hiệp với các chủ nô ở miền Nam. -554, 755.

Vút (Wood), Sác-lơ (1800 - 1885) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng Vích, bộ trưởng phụ trách các vấn đề về Ấn Độ (1859 - 1866), quan chức ấn (1870 - 1874). -151, 164, 165.

X

Xắc-ki (Sacchi) - năm 1860 tham gia cuộc hành quân cách mạng của Ga-ri-ban-đi đến miền Nam I-ta-li-a. -157

Xam-nơ (Sumner), Sác-lơ (1811 - 1874) - nhà hoạt động chính trị Mỹ, một trong những người cầm đầu cánh tả trong đảng cộng hoà, từ năm 1851 là thượng nghị sĩ, chủ tịch uỷ ban của thượng nghị viện phụ trách ngoại giao (1861 - 1871); ủng hộ các phương pháp cách mạng của cuộc đấu tranh chống các chủ nô ở miền Nam, sau chiến thắng của các bang miền Bắc trong cuộc nội chiến, đấu tranh đòi các quyền chính trị cho người da đen. -554, 666.

Xanh - Ác-nô (Saint - Arnaud), Ác-măng Giắc A-sin Lê-rua Đờ (1801 - 1854) - nguyên soái Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ, trong những năm 30 - 40 tham gia cuộc chinh phạt An-giê-ri; một trong những người tổ chức cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851; bộ trưởng bộ chiến tranh (1851 - 1854), năm 1854 là tổng chỉ huy quân đội ở Crum. -791, 794.

Xây-mua (Seymour), Hô-ra-xi-ô (1810 - 1886) - nhà hoạt động chính trị Mỹ, một trong những thủ lĩnh của đảng dân chủ ở miền Bắc; thống đốc bang Niu Ốc (1853 -

- 1855 và 1863 – 1865); trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ đấu tranh đòi thoả hiệp với các chủ nô ở miền Nam. -755, 758.
- Xác-lét-tơ* (Scarlett), Giêm-xơ I-ooéc (1799 - 1871) - tướng Anh, tham gia cuộc Chiến tranh Crưm, năm 1860 là tướng tuỳ tùng của các lực lượng lục quân. -342.
- Xcôt* (Scott), Đrết-đơ (khoảng 1810 - 1858) - người nô lệ da đen Mỹ, năm 1848 - 1857 đã hoà công đấu tranh ở các cấp toà án của Hợp chúng quốc Mỹ để mong được giải phóng khỏi ách nô lệ. -397, 433.
- Xcôt* (Scott), Uy-li-am, nam tước *Xtâu-oen* (1745 - 1836) - luật gia người Anh, đảng viên đảng To-ri, chuyên gia về luật hàng hải quốc tế, thành viên của toà án bộ tư lệnh hải quân (1798 - 1828). -511, 521, 537.
- Xcôt* (Scott), Uyn-phin-đơ (1786 - 1866) - tướng Mỹ, tham gia cuộc chiến tranh Anh - Mỹ những năm 1812 - 1815, tổng tư lệnh quân đội Mỹ (1841 - tháng Giêng 1861). -548.
- Xéc-ra-nôi Đô-min-ghe* (Serrano y Dominguez), Phran-xi-xô (1810 - 1885) - tướng và nhà hoạt động nhà nước Tây Ban Nha, bộ trưởng bộ chiến tranh (1843), tham gia cuộc đảo chính năm 1856; thống đốc ở Cu Ba (1859 - 1862), bộ trưởng ngoại giao (1862 - 1863), đứng đầu chính phủ (1868 - 1869, 1871, 1874), nhiếp chính vương (1869 - 1871). -623 - 626.
- Xét-lít-xơ - Noi-kiếc-sơ* (Zedlitz - Neukirch), Côn-xtan-tin, nam tước (sinh năm 1813) - quan chức Phổ, cảnh sát trưởng ở Béc-lin, -835, 837, 840, 842, 852, 853, 856.
- Xê-dê-na* (Cesena), A-mê-đơ Béc-tê-lê-mi *Gây-ơ Đờ* (1810 - 1889) - nhà chính luận Pháp, trong thời kỳ nền Đế chế thứ hai theo phái Bô-na-pác-tơ, là cộng tác viên của tờ "Constitutionnel" và của nhiều xuất bản phẩm định kỳ khác; năm 1852 - 1857 là tổng biên tập tờ "Constitutionnel". -491.
- Xê-mê-rơ* (Szemere), Béc-ta-lan (1812 - 1869), nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Hung-ga-ri; bộ trưởng nội vụ (1848) và là người đứng đầu chính phủ cách mạng (1849); sau khi cách mạng thất bại đã di cư ra nước ngoài. -303.
- Xê-sen* (Szécsen), An-tan, bá tước (1819 - 1896) - nhà hoạt động nhà nước Hung-ga-ri, đảng viên đảng bảo thủ; trong thời kỳ cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri là tay sai của giới phản động Áo; tham gia vào việc soạn thảo ân chiếu 1860. -303.
- Xê-xin* (Cecil), Rô-bóc Ác-tua Tan-bốt *Gác-côi-nơ*, từ năm 1868 là hầu tước *Xôn-xbe-ri* (1830 - 1903) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng bảo thủ, nghị sĩ; năm 1878 - 1902 nhiều lần giữ các chức vụ thủ tướng và bộ trưởng ngoại giao trong nội các bảo thủ. -640.

- Xi-uốt* (Seward), Uy-li-am Hen-ri (1801 – 1872) - nhà hoạt động nhà nước Mỹ, một trong những thủ lĩnh của cánh hữu trong đảng cộng hoà; thống đốc bang Niu Oóc (1839 - 1843), từ năm 1849 là thượng nghị sĩ; năm 1860 là ứng cử viên trong các cuộc bầu cử tổng thống; quốc vụ khanh Hợp chúng quốc Mỹ (1861 - 1869); ủng hộ việc thoả hiệp với các chủ nô ở miền Nam. -500, 501, 512, 563, 564, 570, 580-583, 585, 586, 587, 594-596.
- Xi-xê-rông* (Mác-cút Tu-li-út Xi-xê-rông) (106 - 43 trước công nguyên) - nhà hùng biện lỗi lạc La Mã, nhà hoạt động nhà nước, nhà triết học theo chủ nghĩa chiết trung. -62.
- Xinh-lơ-tôn* (Singleton), Ô-tô (sinh năm 1814) - nhà hoạt động chính trị Mỹ, thuộc đảng dân chủ ở miền Nam, nghị sĩ Quốc hội Mỹ, năm 1861 - 1865 là nghị sĩ quốc hội của Hiệp bang miền Nam. -402.
- Xlai-đen* (Slidell), Giôn (1793 - 1871) - nhà hoạt động chính trị Mỹ, thành viên uỷ ban của thượng nghị viện phụ trách ngoại giao; mùa thu năm 1861 được Hiệp bang miền Nam cử sang Pháp làm nhiệm vụ ngoại giao; năm 1862 - 1865 là đại diện của Hiệp bang ở Pa-ri. -510-513, 523, 531 - 534, 539, 540, 565, 582, 584, 599, 600, 603, 617.
- Xmít* (Smith), Giéc-rít (1797 - 1874) - nhà hoạt động chính trị và xã hội Mỹ, một trong những thủ lĩnh của phái cách mạng của phong trào chống chế độ nô lệ ở Mỹ. -705.
- Xô-li-cô-phơ* (Zollicoffer), Phê-lích-xơ, Cốc-cơ (1812 - 1862) - nhà báo Mỹ, tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ, đứng về phía các bang miền Nam, năm 1861 - 1862 chỉ huy quân đội ở bang Kên-tắc-ki. -645.
- Xô-phô-clơ* (khoảng 497 - khoảng 406 trước công nguyên) - nhà soạn kịch vĩ đại cổ Hy Lạp, tác giả của nhiều tấn bi kịch cổ điển. -490.
- Xơ-rát-tơ* (Spratt) - người tham gia hội nghị của các bang miền Nam ở Mông-tơ-gô-mê-ri (tháng Hai 1861). -431.
- Xtan-tôn* (Stanton), Ết-vin Mác-ma-xơ (1814 - 1869) - luật gia và nhà hoạt động nhà nước Mỹ, thuộc cánh tả trong đảng cộng hoà, tổng chương lý (1860 - 1861), bộ trưởng bộ chiến tranh ở Mỹ (tháng Giêng 1862 - 1868), ủng hộ các phương pháp cách mạng của cuộc đấu tranh chống các chủ nô ở miền Nam. -630, 633, 634, 697, 753, 759.
- Xtáp-xơ* (Stubbs) - chủ một hãng tư nhân ở Luân Đôn chuyên hoạt động gián điệp trong thương mại. -557 -560.

Xtâu-oen - xem Xcốt, Uy-li-am.

Xtết-man (Steadman) - chủ tịch cuộc mít-tinh của công nhân ở Luân Đôn phản đối cuộc can thiệp (tháng Giêng 1862). -599.

Xtê-phen-xơn (Stephenson), Rô-bốt (1803 - 1859) - kỹ sư và nhà hoạt động chính trị Anh, đảng viên đảng To-ri, nghị sĩ. -589, 590.

Xti-ven (Steven) - kỹ sư người Anh, người phát minh ra máy nhào bột mì. -743.

Xi-ven-xơ (Stephens), A-lếch-xan-đơ Ha-min-tơn (1812 - 1883) - nhà hoạt động chính trị Mỹ, đảng viên đảng dân chủ, người tham gia tích cực vào cuộc nổi dậy của các chủ nô ở miền Nam; nghị sĩ quốc hội (1843 - 1859); phó chủ tịch Hiệp bang miền Nam (1861 - 1865). -430.

Xti-ven-xơ (Stevens), Ét-vin Ô-ga-xtê-xơ (1795 - 1868) - nhà kinh doanh Mỹ, kỹ sư và nhà phát minh, là người đầu tiên đề xuất việc bọc thép cho các tàu chiến. -678.

Xtiu-át (Stuart), Uy-li-am - nhà ngoại giao Anh, đại biện lâm thời ở Oa-sinh-tơn (tháng Sáu - tháng Mười một 1862). -701, 702.

Xtôn (Stone), Sác-lơ Pôm-roi (1824 - 1887) - tướng Mỹ, năm 1861 chỉ huy quân đội miền Bắc ở Viéc-gi-ni-a; do thất bại ở Bôn-xơ-Bla-phơ (tháng Mười 1861) đã bị bắt vì bị buộc tội phản quốc, cuối năm 1862 được trả lại tự do. -633, 646.

Xtơ-ra-bôn (khoảng 63 trước công nguyên đến khoảng 20 sau công nguyên) - nhà địa lý và nhà sử học xuất sắc cổ Hy Lạp. -144.

Xtơ-ráp-phơ (Straford). Tô-mát Uên-tu-oóc-tơ, bá tước (1593 - 1641) - nhà hoạt động nhà nước Anh, từ năm 1628 là cố vấn thân cận nhất của Sác-lơ I, người nhiệt tình ủng hộ chế độ chuyên chế; bị tử hình năm 1641. -248.

Xtơ-rát-phơ đơ Rết-clíp-phơ (Stratford de Redcliffe), Xtơ-rát-phơ Ca-ninh, tử tước (1786 - 1880) - nhà ngoại giao Anh, công sứ (1810 - 1812, 1825 - 1828), sau đó là đại sứ ở Công-xtăng-ti-nô-pơ (1841 - 1858). -129.

Xun-la (Lu-xi-út Coóc-nê-li-út Xu-la) (138 - 78 trước công nguyên) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước La Mã, lãnh sự (88 trước công nguyên), kẻ độc tài (82 - 79 trước công nguyên). -21.

Xu-lô-ga (Zuloaga), Phê-lích-xơ (1814 - 1876) - tướng người Mê-hi-cô, một trong những thủ lĩnh của phái bảo thủ và là người lãnh đạo cuộc phản loạn phản cách mạng chống chính phủ của phái tự do; đứng đầu chính phủ quân phản loạn (1858 - 1859). -656.

Xuy-sơ (Suchet), Lu-i Ga-bri-en (1770 - 1826) - nguyên soái Pháp, tham gia các cuộc

chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông. -319.

NHÂN VẬT VĂN HỌC VÀ THẦN THOẠI

A-la-đanh - nhân vật trong truyện cổ tích A-rập "Nghìn lẻ một đêm", là chủ nhân của cây đèn thần. -189.

A-sin, hay *A-si-lơ* - trong truyện thần thoại cổ Hy Lạp là anh hùng dũng cảm nhất trong các anh hùng Hy Lạp bao vây thành Tơ-roa; là một trong những nhân vật chính trong trường ca "I-li-át" của Hô-me; A-sin bị tử thương do một mũi tên bắn vào gót chân, nơi duy nhất trên cơ thể có thể làm chàng bị chết. -651, 697.

Cát-xăng-đơ - nhà nữ tiên tri trong sử thi cổ Hy Lạp. -193, 730.

Dốt - xem Giu-y-pi-te.

Đông Gioăng - nhân vật chính trong vở ca kịch cùng tên của Mô-da. -443.

Ê-di-pơ - nhân vật chính trong vở bi kịch của nhà soạn kịch cổ Hy Lạp Xô-phô-clơ "Vua Ê-di-pơ"; đã phạm tội ác theo định mệnh. -490.

Giê-lô-u-pla-sơ - nhân vật trong các truyện kỳ ảo của Tếch-kê-rây "Bút ký của Giê-lô-u-pla-sơ", được công bố năm 1837 - 1838 dưới bút danh Giê-lô-u-pla-sơ; trong văn học Anh, hình tượng Giê-lô-u-pla-sơ đã trở thành khái niệm chung chỉ sự luân cúi, xu nịnh. -578-581.

Giên-kìn-xơ - hình tượng chung chỉ là những kẻ xu nịnh, bội đố. -548, 566.

Giôn Bu-lơ (Giôn Bò tốt) - danh từ chung dùng để chỉ các đại biểu của giai cấp tư sản Anh; được sử dụng rộng rãi kể từ khi xuất hiện tác phẩm chính trị trào phúng của Ác-bét-nốt năm 1712 "Lịch sử chàng Giôn Bu-lơ". -27, 142, 482, 578-581, 610, 740.

Giu-pi-te - theo thần thoại La Mã là vị thần tối cao, thần sấm sét; tương ứng với thần Dốt trong thần thoại Hy Lạp. -532, 533, 595, 801.

Lê-pô-pen-lô - nhân vật trong vở ca kịch của Mô-da "Đông Gioăng", là đầy tớ của Đông Gioăng. -443.

Lê-vi-a-tăng - theo truyền thuyết trong kinh thánh là quái vật khổng lồ ở biển. -494.

Mê-phi-xtô-phen - một trong những nhân vật chính trong vở bi kịch của Gơ-tơ "Phau-xtơ". -675.

Pô-da, hầu tước - một trong những nhân vật chính trong vở bi kịch của Si-le "Đôn Các-lốt", hình tượng một triều thần có phẩm cách cao quý và có tư tưởng tự do, muốn tìm cách gây ảnh hưởng tới nhà vua chuyên chế. -493.

Pô-li-phem - theo thần thoại cổ Hy Lạp là người khổng lồ một mắt chuyên ăn thịt người, sống ở Xi-xin. -61.

Qua-di-mô-đô - nhân vật trong tiểu thuyết của Huy-gô "Nhà thờ đức bà Pa-ri"; Qua-di-mô-đô đã trở thành biểu tượng của sự dị hình kỳ quái. -91.

Rô-đô-mông-tơ - một trong những nhân vật trong trường ca của A-ri-ô-xtô "Rô-lăng giặc dữ", nổi bật bởi những câu chuyện bịa đặt khoác lác của mình. -548.

Tên Do thái suốt đời lang bạt hay *A-ha-xphe-rơ* - nhân vật trong huyền thoại, ra đời vào thời trung thế kỷ; do phạm tội chống Ki-tô nên đã bị trừng phạt và bị đẩy vào cảnh suốt đời lang bạt; hình tượng A-ha-xphe-rơ được sử dụng rộng rãi trong văn học. -69.

Ti-rê-xi - nhân vật trong vở bi kịch của nhà soạn kịch cổ Hy Lạp Xô-phô-clơ "Vua Ê-đi-pô"; nhà tiên tri. -490.

Tô-ma đa nghi - trong lịch sử kinh Phúc âm là một trong 12 sứ đồ; nổi tiếng bởi việc không tin vào sự phục sinh của Ki-tô; tên anh ta đã trở thành tên chung chỉ những người thận trọng, hay đa nghi. -660-661.

U-gô-li-nô - nhân vật trong vở "Hài kịch thiên thần" của Đan-tơ ("Địa ngục", khúc 33); bị giáo chủ Rút-giê-ri ở Pi-da giam vào "tháp đối" cùng với các con và các cháu, U-gô-li-nô đã hoài công tìm cách thoát khỏi chết đói bằng cách ăn xác các con. -727.

Xê-rê-rơ (trong thần thoại cổ Hy Lạp là *Đê-mê-tơ-ra*) - trong thần thoại cổ La Mã là nữ thần canh nông và nữ thần của sự phì nhiêu trù phú. -61.

BẢN CHỈ DẪN CÁC XUẤT BẢN PHẨM ĐỊNH KỲ

- "*Báo Xấp-xơ*" - xem "*Stubbs' Weekly Gazette and List of Creditors*".
- "*Bình luận*" - xem "*Brownson's Quarterly Review*".
- "*Người tàn tật*" - xem "*Người tàn tật Nga*".
- "*Người tàn tật Nga*" (Xanh - Pê-téc-bua). -190.
- "*Tuần báo Lôi-đơ*" - xem "*Lloyd's Weekly London Newspaper*".
- "Advertiser" - xem "*The Morning Advertiser*".
- "*Allgemeine Militär - Zeitung*" "Báo quân sự phổ thông" (Đắc-mơ-stát và Lai-pxích). -186, 710, 717, 718, 782, 809.
- "*Almanach de Gotha*" ("Lịch Gô-ta") (Gô-ta, Đức). -311.
- "*The Army and Navy Gazette*" ("Báo quân đội và hải quân") (Luân Đôn). -98, 296, 776, 778, 781.
- "*Baltische Monatsschrift*" ("Nguyệt san Ban-tích") (Ri-ga). -80, 82.
- "*Berliner Reform*" ("Cải cách Béc-lin"). -769.
- "*Brownson's Quarterly Review*" ("Nhận xét hàng quý của Brao-nơ-xơn") (Bô-xtôn, Niu Ốc). -455.
- "*Calcutta Price Current*" ("Biểu giá can-cút-ta"). -409.
- "*Cobbett's Weekly Political Register*" ("Tin tức chính trị hàng tuần Cốp-bét" (Luân Đôn).-413.
- "*Le Constitutionnel*" ("Người lập hiến") (Pa-ri). -76, 130, 312, 490, 491.
- "*The Cornhill Magazine*" ("Tập chí Coóc-nơ-hin") (Luân Đôn). -127.
- "*Courrier du dimanche*" ("Bưu điện chủ nhật") (Pa-ri). -485.
- "*Dagbladet*" ("Nhật báo") (Cô-pen-ha-ghen). -308.
- "*Daily Dispatch*" ("Tin tức hàng ngày") (Rích-mơn, bang Viéc-gi-ni-a). -662.
- "*Daily Express*" ("Tin nhanh hàng ngày") (Pi-tơ-xbê-gơ, bang Viéc-gi-ni-a). -662.
- "*The Daily Intelligencer*" ("Người đưa tin hàng ngày") (Át-lan-ta, bang Gióc-di-a). -662.
- "*The Daily News*" ("Tin tức hàng ngày") (Luân Đôn). -518, 568, 581, 586.
- "*Daily Post*" ("Bưu cục hàng ngày") ("Li-vóc-pun"). -602, 603.

- "*Daily Telegraph*" ("Tin điện hàng ngày") (Luân Đôn). -340, 344, 510, 518, 567, 659.
- "*Day Book*" ("Nhật ký") (Noóc-phôn, bang Viéc-gi-ni-a). -662.
- "*Deutsch - Französische Jahrbücher*" ("Niên giám Pháp - Đức") (Pa-ri). -842.
- "*Dispatch*" - xem "*Daily Dispatch*".
- "*The Economist*" ("Nhà kinh tế") (Luân Đôn). -27, 161, 204-206, 393-396, 398-403, 417, 428, 466, 477, 498, 544, 571, 581, 604, 725.
- "*The Evening Post*" ("Bưu cục buổi chiều") (Niu Ốc). -702.
- "*The Evening Standard*" - xem "*Standard*".
- "*Evening Star*" ("Sao hôm") (Oa-sinh-tơn). -632.
- "*The Examiner*" ("Người quan sát") (Luân Đôn). -394, 396, 398, 403, 404, 428, 569.
- "*Express*" - xem "*Daily Express*".
- "*The Free Press*" ("Báo tự do") (Luân Đôn). -541. 542.
- "*The Freeman's Journal*" ("Báo của người tự do") (Đu-blin). -172.
- "*The Gardeners' Chronicle and Agricultural Gazette*" ("Tin về ngành làm vườn và báo nông nghiệp") (Luân Đôn). -172, 703.
- "*Gazette*" - xem "*The London Gazette*".
- "*The Globe and Traveller*" ("Trái đất và nhà du hành") (Luân Đôn). -568, 586.
- "*Herald*" - xem "*The Morning Herald*".
- "*Independent*" ("Báo độc lập") (Oét-xphoóc). -173.
- "*Intelligencer*" - xem "*The Daily Intelligencer*".
- "*Journal des Débats politiques et littéraires*" ("Báo tranh luận chính trị và văn học") (Pa-ri). -482.
- "*Lloyd's Weekly London Newspaper*" ("Tuần báo Lôi-đơ ở Luân Đôn"). -557.
- "*The London Gazette*" ("Báo Luân Đôn"). -594.
- "*The London Review*" ("Bình luận Luân Đôn"). -355.
- "*Macmillan's Magazine*" ("Tập chí Mắc-mi-lan") (Luân Đôn). -569.
- "*The Manchester Guardian*" ("Người bảo vệ Man-se-xtơ"), -97, 140, 725, 773, 775.
- "*The Mark - Lane Express and Agricultural Journal*" ("Người truyền tin thị trường lúa mì và tạp chí nông nghiệp") (Luân Đôn). -703.

- "Mobile Advertiser and Register"* ("Tin tức Mô-bin") (bang A-la-ba-ma). -751.
- "Le Moniteur Universel"* ("Báo đại chúng") (Pa-ri). -9, 187, 474, 490.
- "The Morning Advertiser"* ("Người đưa tin buổi sáng") (Luân Đôn). -518, 566.
- "The Morning Chronicle"* ("Tin buổi sáng") (Luân Đôn). -518, 519, 567
- "The Morning Herald"* ("Truyền tin buổi sáng") (Luân Đôn). -510, 518, 547, 567, 582, 659, 750.
- "The Morning Post"* ("Bưu cục buổi sáng") (Luân Đôn). -474, 480, 482, 484, 510, 511, 518, 548, 579-581, 585, 586, 594, 627, 659, 750.
- The Morning Star* ("Sao mai") (Luân Đôn). -518, 519, 568, 581, 586, 587, 724, 730, 762, 763.
- "National-Zeitung"* ("Báo dân tộc") (Béc-lin). -65.
- "Neue Rheinische Zeitung. Organ der Demokratie"* (Báo mới tỉnh Ranh. Cơ quan của phong trào dân chủ) (Khuên). -837-838.
- "Newcastle Daily Journal"* ("Tin tức hàng ngày Niu-ca-lơ"). -730.
- "New-York Daily Tribune"* ("Diễn đàn Niu Oóc hàng ngày"). -15, 22, 28, 35, 41, 56, 60, 64, 75, 82, 88, 95, 98, 103, 117, 118, 122, 134, 141, 148, 154, 159, 165, 170, 175, 193, 199, 203, 204, 209, 554, 668, 835.
- "The New-York Herald"* ("Người truyền tin Niu Oóc"). -401, 418, 500, 634.
- "Le Nord"* ("Phương Bắc") (Bruy-xen, Pa-ri). -79, 548.
- "The observer"* ("Người quan sát") (Luân Đôn). -569.
- "L' Opinion nationale"* ("Dư luận quốc gia") (Pa-ri). -236.
- "La Patrie"* ("Tổ quốc") (Pa-ri). -474, 477, 480, 490, 549, 570, 581.
- "Le Pays, Journal de l'Empire"* ("Tổ quốc, báo của đế chế") (Pa-ri). -421, 422, 490, 581.
- "Post"* - xem *"The Morning Post"*
- "Die Presse"* ("Báo chí") (Viên). -442, 454, 472, 478, 493, 498, 502, 512, 516, 535, 542, 552, 555, 560, 564, 569, 572, 576, 587, 592, 596, 601, 605, 609, 614, 621, 635, 640, 654, 658, 666, 677, 681, 686, 691, 695, 696, 700, 704, 705, 709, 722, 728, 733, 734, 739, 745, 750, 754, 757, 762, 766.
- "Punch, or the London Charivari"* ("Sự vụng về hay là sự ồn ào ở Luân Đôn"). -566.
- "Revue Contemporaine"* ("Tập chí thời nay") (Pa-ri). -640.
- "Revue des deux Mondes"* ("Tập chí hai thế giới") (Pa-ri). -225.

- "Reynolds's Newspaper"* ("Báo Rây-nôn") (Luân Đôn). -399, 578, 598, 690.
- "Richmond Enquirer"* ("Người đưa tin Rích-mơn"). -752.
- "Richmond Examiner"* ("Người quan sát Rích-mơn"). -753, 764.
- "Richmond Whig"* ("Phái Vích ở Rích-mơn"). -751.
- "The Saturday Review"* ("Tập chí thứ bảy") (Luân Đôn). -393, 395, 401, 428, 569, 581, 737, 750.
- "The Spectator"* ("Khán giả") (Luân Đôn). -405, 569.
- "The Standard"* ("Ngon cò") (Luân Đôn). -510, 518, 547, 568, 569, 660.
- "Star"* (Luân Đôn) - xem *"The Morning Star"*
- "Star"* (Oa-sinh-tơn) - xem *"Evening Star"*.
- "Straßburger Korrespondent"* ("Phóng viên Xto-ra-xbua"). -81.
- "Stubbs' Weekly Garette and List of Creditors"* ("Tuần báo Stáp và danh bạ chủ tài khoản"). -557.
- "The Sun"* ("Mặt trời") (Luân Đôn). -518.
- "Telegraph"* - xem *"Daily Telegraph"*.
- The Times* ("Thời báo") (Luân Đôn). -96, 97, 125, 136, 142, 335, 344, 421-426, 469, 473-476, 480-488, 491, 494-498, 510, 511, 518, 520, 522, 523, 548, 553, 565-569, 574, 575, 579, 581, 595, 600, 601, 605, 607, 659, 660, 689, 701, 706, 725, 737, 750, 751.
- "Tribune"* - xem *"New-York Daily Tribune"*
- "United Service Gazette"* ("Báo công vụ liên hợp") (Luân Đôn). -776.
- "The Volunteer Journal, for Lancashire and Cheshire"* ("Tập chí lính tình nguyện của Lan-kê-sia và Sê-sia") (Man-se-xtơ). -186, 226, 243, 289, 298, 316, 328, 331, 338, 347, 354, 361, 367, 368, 372, 382, 387, 392, 504, 508, 530, 654.
- "Wexford Independent"* - xem *"Independent"*.
- "The World"* ("Thế giới") (Niu Oóc). -455.

BẢN CHỈ DẪN ĐỊA DANH

A

A-bốc-đìn -591.
A-binh-tôn -706.
A-đê-lai-đơ -101.
A-đri-a-tích - 196.
A-khen -92.
A-la-ba-ma, bang ở Mỹ -433, 444, 447, 448, 458, 647, 652, 696, 752.
A-mua, sông -94.
A-pu-li -195, 196.
A-ten -655.
A-ven-li-nô -196.
A-xpơ-rô-môn-tơ, dãy núi -197, 200.
Ác-can-da-xơ, bang ở Mỹ -435-439, 444, 447, 452, 650, 697, 735, 748.
Ác-uyích, ngoại ô Man-se-xtơ -711.
Ai-ô-va -402, 735, 755, 757.
Ai-rơ-len -96, 104, 106, 113, 115, 116, 135, 137, 305, 411, 456, 577, 637, 675, 748, 812, 821.
Ai-xlin-tôn -744.
Am-xtéc-đam -189, 290.
An-ca-mô -85.
An-giê-ri -29, 43, 212-214, 218, 224, 225, 312.
An-la - *Phuy-ma-rê* -203.
An-lê-gan, dãy núi -444, 452.
An-ma, sông -785, 786, 787, 790, 795, 799, 805.

An-pơ, núi -85, 169.
An-ti-tam -crích, sông -747.
Anh - *Ấn* - xem *Ấn Độ*.
Ấn Độ -29, 100, 133, 151, 164, 165, 204, 205, 206, 212, 409-411, 460, 571, 599, 608, 674, 712, 725, 811, 812, 814, 820-822, 827, 828.
Áp-ga-ni-xtan -19, 212.
Át-lan-ta -653, 662.
Au-lét-ta -196.

B

Ba-di-li-ca-ta -195.
Ba-đen -33, 92, 252, 265.
Ba-đen - *Ba-đen* -89, 90, 91, 92, 94, 166.
Ba Lan -70, 230, 302, 770, 771.
Ba-lơ -58.
Ba Tư (I-ran) -17, 19.
Ba-vi-e -33, 90, 92, 168, 264, 271.
Bạch Hà, sông -16, 20, 21, 576.
Ban-ni-a - *Ca-la-bra* -202.
Ban-ti-mo -641, 734.
Bao-linh-Grin -644, 650.
Bát -744.
Bắc Ca-rô-lin, bang ở Mỹ -443-444, 447, 552, 642, 652.
Bắc Kinh -655, 683.
Bắc Mỹ thuộc Anh - xem *Ca-na-đa*.
Bắc Sin-xơ -639.
Bê-ri - 109.
Ben-gan -409.
Ben-phát -116.

Ben-tơ - xem *Đại Ben-tơ* và *tiểu Ben-tơ*.
Béc-lin -57, 59, 69, 78, 79, 90, 93, 231, 233, 236, 373, 467, 468, 796, 787, 835, 839, 840, 852, 854, 857.
Bét-xa-ra-bi-a -188.
Biển Ai-rơ-len -779.
Biển Đen -189.
Biển Ban-tích -777, 778.
Bléch-béc-nơ -407.
Bom-bay 205, 608.
Boóc-đô -15.
Bô-xtôn -430.
Bô-rô-đi-nô -671.
Bôn-xơ - Bla-phơ -502, 633, 646.
Bóc-minh-hêm - 114, 559, 591, 719, 729.
Bóc-môn-xây, ngoại ô, nay thuộc khu Luân Đôn -744.
Brai-tơn -339-342, 573, 591.
Brao-nơ-svai-gơ -252.
Brát-phoóc -420, 637.
Brê-xláp (Vrốt-xláp). -59, 69, 71, 72.
Brôn-tơ -197
Bruy-xen -290.
Bu-ê-nốt - Ai-rét. -814.
Bun-Ran, sông. -502, 643-645, 669, 670.
Buốc-luy-cơ (Vi-li-nô). -796.

C

Ca-bun. -212.
Ca-la-bri.- 155, 157, 168, 194, 197, 200, 202.
Ca-la-ta-phi-mi -84, 85, 159.

Ca-li-phoóc-ni-a -11, 189, 452, 495, 500, 531.
Ca-lơ, đài quan sát ở Pháp -78.
Ca-na-đa -463, 470, 546, 547, 572, 811, 812, 821.
Ca-ta-ni -87.
Ca-xchi-ông -643, 651.
Các-lây-lơ -591.
Các-ta-hê-na -124.
Các tỉnh vùng Ranh. -70, 71, 130, 132, 171, 421.
Cai-rô. -647.
Cam-béc-len, sông. -444.
Cam-pô-ba-xô -196.
Căm-brít-giơ. -750.
Can-cút-ta -101, 133, 205 -206, 409, 608.
Can-đắc, bang ở Mỹ. -435, 440, 452, 534, 551.
Cận Đông -820.
Cáp-ca-dơ -29.
Cáp-xtát (Cây-pơ-tôn). -665.
Clác-vin -649, 650.
Con-néc-ti-cút, bang ở Mỹ. -457, 533.
Coóc-lê-ô-nơ. -86.
Coóc-lê-tô-Péc-ti-ca-rơ. -195.
Coóc-nu-ay. -139.
Cô-au-i-la, bang ở Mê-hi-cô. -434.
Cô-blen-xtơ -126.
Cô-buốc-gơ. -227.
Cô-lôm-bút, pháo đài -633, 644, 646, 649, 650.
Cô-lông-bi. -699.
Cô-ranh-tơ. -661, 668, 747, 751.
Cô-sanh-si-nơ (Nam Kỳ). -425.
Cô-ven-tơ-ri -116, 744.

Côm-pi-e-nhơ -421, 422, 423.
Côm-ca-đ'ô-rô, thung lũng ở Pa-léc-mô. -86.
Công-xtăng-ti-nô-plơ (Xtam-bun). -78, 655.
Crê-xô-ni-ép -473.
Crô-a-xi -245.
Crôm -423, 798, 814, 820.
Cu Ba - 397, 434, 623, 638, 664.
Cuốc-li-an-đi (Cuốc-dê-mê). -80.

D

Dắc-den -71, 90, 270, 309.
Dan-xbuốc -300.
Dãy Cam-béc-len -444.
Dãy Thanh Thiên - 444.
Dãy Xca-lít -452.
Dêm-mê-đa -275.
Dun-đơ (E-rơ-xun). -776.

Đ

Đa-nuýp -132, 228.
Đác-mơ-stát -264.
Đại Ben-tơ, eo biển -776.
Đại Tây Dương -411, 423, 444, 452, 456, 475, 488, 510, 521, 524, 537, 543, 545, 581, 631, 652, 736, 738.
Đan-ma-xi -130.
Đan-nê-vích-cơ -775.
Đảo I-dun-rút - xem *Ai-rơ-len*
Đê-cây-tơ -696.

Đê-gô -651.
Đê-la-vê, vịnh. -452.
Đê-la-vê, bang ở Mỹ. -430, 444, 445, 757.
Địa Trung Hải. -139, 812.
Đin -55.
Đô-nen-xơn, pháo đài -647 -650, 679.
Đôn-tôn -653.
Đông Ấn - 99, 100, 102, 204, 463, 471, 608.
Đông - Bắc Mỹ. - 746.
Đông Tên-nê-xi -447, 449.
Đơn-đi -729.
Đu-blin -559, 744.
Đu-vơ -123, 812.
Đuýp-pen (Đuýp-bôn). -775.

E

E-mi-li-a -170.
E-xtơ-li-an-đi -80.
Éc-kéc-phuê-dơ -307.
En-béc-tơ, lãnh địa ở Mỹ. -752.
Eo Ba-ha-mát cũ -509, 513, 518, 523, 524.
Eo Mét-xi-na - 194.
Eo Trê-xa-pích -524
Ét-na, núi lửa. -61.
E-đin-buốc -332, 559.

G

Ga-e-tơ -232, 305.

Ga-li-xi -245.
Gan-đơ -546.
Gát-tơ-ra-xơ, quần đảo. -552.
Ghết-xhết -719.
Gi-bran-ta -139, 812.
Gia-mai-ca quần đảo -810
Giê-máp-pơ -643, 651.
Giê-nơ -46, 76, 83, 119, 124, 194, 703.
Giêm-xơ -678.
Gioóc-gi-a, bang ở Mỹ. -431, 447, 450, 458, 652, 653, 677, 696, 735, 752.
Giơ-ne-vơ -431, 447, 450, 457, 652, 653, 677, 696, 735, 751, 753.
Giốc-xi -812.
Gla-xgô -559, 814.
Glô-xtơ-sia, lãnh địa ở Anh. -114.
Goóc-đôn -652.
Goóc-xkhôn-mơ -726.
Gô-lơ -93, 144.
Gôn-phơ-den-li - *A-ran-si* -194.
Gran (Ê-xtéc-gôm). -301.
Grin-vin -447.
Gút-dôn, sông -444.

H

Ha-va-na -510, 514, 626.
Ha-i-ti -700.
Hác-pơ-Phe-ri -402, 759.
Hai-tơ -185.
Han-nô-vơ - 90, 270, 443.
Hăm-buốc -189, 290, 467, 468.

Hem-pô-ton -*Rốt-xơ*, vịnh - 678.
Hen-ri - 647, 648, 650, 679.
Héc-xê-gô-vi-na -130.
Hét-xen - *Đác-mơ-stát* -33, 92, 264.
Hê-rê-phốt-sia, lãnh địa ở Anh. -113.
Hô-bô-ken -678.
Hô-li-hét -591.
Hô-lu-ây -636-639.
Hôn-xtai-nơ -305-309.
Hồng Công -208.
Hung-ga-ri -167-169, 230, 235, 245, 299-305.

I

I-ê-na -34, 58.
I-li-noi, bang ở Mỹ -436, 449, 735, 738, 755, 757.
I-đi-a-na, bang ở Mỹ. -449, 735, 755, 756.
In-đơ-phran-xơ - xem *Mô-ri-xơ*.

K

Kéc-nơ-then -300.
Kê-rê-ta-rô, bang ở Mê-hi-cô. -477.
Kên-tắc-ki bang ở Mỹ. -430, 444, 448, 449, 454, 524, 527, 551, 631, 642-646, 649-652, 696, 705, 735, 739, 746, 747, 752, 760.
Kênh Xu-ê -305.
Khuên - 69, 126, 837, 844, 849, 850.

L

La Mã -62, 85, 87, 194, 232, 236, 439, 655, 720, 729.
La - Mãng-sơ -139, 142, 152, 316, 421, 468, 474, 480, 657, 776.
La-phay-ét, pháo đài -633.
Lai-bắc -92.
Lan-đao -66.
Lan-kê-sia, lãnh đại ở Anh. -55, 109, 113.
La-nhi, sông. -196.
Lau-en-buốc -307.
Le-xơ-sia, lãnh đại ở Anh. -113.
Léc-xin-tôn. -747.
Li-băng -130, 132.
Li-bê-ri-a -700.
Li-vóc-pun - 180, 408, 459, 469, 510, 515, 547, 565, 590, 591, 602, 603, 639.
Lít-xơ - 591. 744.
Li-Phlan-đi - 80.
Loa, sông. -14.
Lôm-bác-đi -119, 163, 387.
Lu-i-di-a-na, bang ở Mỹ. -429, 438, 450, 532, 652, 668.
Li-i-xvin-lơ -449, 672, 735, 747.
Luân Đôn - 9, 23, 72, 78, 89, 96, 97, 98, 99, 124-127, 133, 135, 139, 150, 174, 183, 189, 290, 334, 335, 338, 339, 340, 369-371, 398, 428, 509, 513, 516, 517, 523, 553, 556-559, 567, 577, 580, 585, 589-591, 597-600, 625, 725.
Lúc-xăm-buốc. -146.

M

Ma-đrát.- 205.
Ma-đrít.- 625, 627.
Ma-nát-xát.- 633, 643, 668.

Ma-rốc .- 474, 479, 616, 620.
Ma-xa-tru-xét, bang ở Mỹ. -554, 705, 755, 757.
Ma-xôn-Sôn-xơ .- 647.
Mác - Hen-ri, pháo đài. - 635.
Mác-xa-la. - 84.
Mai-cơn.- 653.
Man-ta.- 139, 811, 812.
Man-se-xtơ.-107, 180, 295, 331, 336, 337, 338, 368, 371, 408, 409, 559, 577, 591, 606, 639, 710, 711, 725.
Mát-gien-ta.- 30, 35, 219, 309, 383, 650.
Mát-xơ-va.- 606, 662.
Mét-xi-na.-76, 77, 156, 157, 196, 202, 232-235.
Mê-hi-cô.-402, 432, 434, 442, 473-488, 534, 555, 616-619, 622-629, 655, 656, 692, 694.
Mê-li-tô-đi - *Poóc-tô* - *Xan-vô*. -198.
Mê-ri-len, bang ở Mỹ. -430, 437, 444, 445, 734-737, 746, 747, 759, 760.
Mê-ri-lê-bôn, địa điểm ở Luân Đôn. -599.
Mên, bang ở Mỹ. -670.
Mi-din-mê-ri .- 86.
Mi-la-xô .-118, 155, 156, 159, 196.
Mi-si-gân, bang ở Mỹ. -755, 757.
Mi-su-ri, bang ở Mỹ .- 430, 432, 435-439, 444, 447, 449, 452, 499, 501, 524, 527, 551, 643, 650, 735, 748.
Mi-su-ri, sông. -452, 524.
Mìn-lơ-đi-mô. - 651.
Mìn-lơ-giơ-vin. - 652, 696.
Mìn-Xpơ-rinh-xơ.- 644-648.
Mít-xi-xi-pi sông. - 444, 452, 644, 647, 649, 667, 672, 677, 680, 696, 736.
Mít-xi-xi-pi, bang ở Mỹ.- 402, 431, 448, 647, 652, 668.
Mô-bin.- 638, 661, 662, 681.
Mô-li-dô.- 196.

Mô-ri-xơ, quần đảo. -811.
Mông-tan-tô, núi. -200.
Mông-tê-nốt-tơ. -643, 651.
Mông-tê-Sê-ra-ra, núi. -84.
Mông-tơ-gô-mê-ri. -429, 430, 438, 450-453.
Mông-rê-an. -77, 86.
Mông-rô, pháo đài. -539, 551.
Mũi Hảo Vọng. -811, 812.
Muyn-sen. -42.

N

Na-pla. -62, 76, 77, 83, 84, 119, 156-159, 169, 194, 196, 198, 203, 232, 233, 236, 464, 470.
Nam Ca-rô-lin bang ở Mỹ. -429, 431, 438, 448, 534, 550, 652.
Nát-vin. -648-650, 752.
Nê-man, sông. -94.
Ni-cô-la-ép. -189.
Ni-cô-tê-ra. -197.
Ni-xơ. -77, 119, 235, 608.
Ninh Ba. -683, 684, 685.
Niu-béc-nơ. -749.
Niu-cát-xơ trên sông Tai-nơ. -578, 719, 730.
Niu In-glân. -452, 533, 698, 705.
Niu Oóc. -471, 514, 515, 517, 531, 532, 553, 554, 570, 593, 660-665, 678, 735, 755, 756, 835-836.
Niu Oóc, bang ở Mỹ. -432, 500, 755-758.
Niu-tơn. -180, 183, 332, 336, 388-392, 710.
Noóc-hêm-pton. - 595.
Noóc-phôn-cơ, bang ở Anh. -637, 639.

Nô-u-xli. -332.
Nốt-tinh-hêm. -114.
Nu-ren-be. -42.

O

Oa-téc-lô. -471, 786.
Oa-sinh-tơn. -430, 433, 435, 500, 502, 514, 531, 539, 553, 571, 579, 663, 634, 639, 641, 664, 670, 678, 699, 735, 749, 755, 761.
Oen-xơ. -106, 135, 138.
Oét-min-xơ. -688.
Ô-hai-ô, bang ở Mỹ. -419, 735, 746, 755-757.
Ô-hai-ô, sông. -432, 452, 647-649, 679, 697, 746.
Ô-rê-gôn. -531.
Ô-ri-xa-ba, đài quan sát ở Mê-hi-cô. -658.
Ô-xtéc-lít. -34, 59.
Ô-xten-đơ, đài quan sát ở Bỉ. -78.
Ô-xơ-rây-li-a. -11, 101, 102, 188, 463, 470, 495, 566, 571, 607, 609.
Ôn-đéc-sốt. - 296, 362-365, 812.
Ôn-muyt-xơ (Ô-lô-mu-xơ). -73.

P

Pa-léc-mô. -60, 62, 76, 77, 83-87, 118, 121, 156-159, 195, 235.
Pa-le-xơ-rô. -219.
Pa-ri. -9, 23, 66, 90, 92, 126, 131, 152, 174, 189, 198, 235, 236, 290, 480, 561, 617, 626, 651, 842, 849.
Pác-cơ. - 86.
Pác-ti-ni-cơ. -85.
Pan-ma. -197.

Pát-đinh-ton, ngoại ô Luân Đôn. -578.
Pát-môn-đen. -726.
Pem-brúc. -123, 126.
Pen-xa-cô-la. -749.
Pen-xin-va-ni, bang ở Mỹ. -669, 699, 755-757.
Pét, thủ đô của Hung-ga-ri, phần bờ bên trái của Bu-đa-pét hiện nay. -303.
Pét-xô - xem *Pun-ta-đi* - *Pét-xô*.
Pê-nốp-xcốt. -452.
Pê-ri-vin. -747.
Pha-rô. -196, 202.
Phi-la-đen-phi-a. -641, 679, 735.
Phlo-ri-đa, bán đảo. -652.
Phlo-ren-xơ. -647.
Phốt-gia. -195, 196.
Phơ-lơ-ruýt. -643, 651.
Pphan-xơ. -790.
Phran-phoóc. -747.
Phran-phuốc trên sông Mai-nơ. -189.
Phrê-đê-ri-xi. -775.
Phuy-ma-ra-đi - *Mu-rô*. -202.
Phuy-me. -235.
Pi-a-lê. -198.
Pi-a-na. -86.
Pi-ê-mông. -45, 119, 121, 161-163, 166, 256.
Pi-téc-bô-rô. -591.
Pli-mút. -123, 126, 812.
Pim-li-cô, ngoại ô Luân Đôn. -776.
Pít-xbuốc-Lan-đinh. -679.
Pít-xô. -198.
Poóc-len. -123.

Poóc-tơ - Roay-an. -749.
Poóc-xmút -46, 123-126, 296, 744, 812, 816.
Pô, sông ở I-ta-li-a -170.
Pô-li-ca-xtơ-rô, vịnh -157.
Pô-mê-ra-ni -70.
Pô-ten-xa -196.
Pô-tô-mác -446, 504, 525, 631, 632, 646, 651, 653, 736, 749, 759.
Pun-ta-đi-Pét-xô, đồn -198, 203.

Q

Quần đảo Béc-mút -811.
Quần đảo I-ô-niêng -673, 812.
Quảng Châu. -20, 21.
Quin-xtau-nơ (Cốp). -579.

R

Ranh, sông -34, 65, 68, 309.
Rét-giô-đi - *Ca-la-bri*. -197, 198, 201, 202.
Ri-ga. -80, 81, 82.
Ri-vô-li. -643, 651.
Rích-mơn, đài quan sát ở Mỹ -446, 653, 661, 668, 670, 678, 738, 746, 752, 753.
Rích-mơn, ngoại ô Luân Đôn. -339.

S

Sa-la. -202.
Sa-tam. -126, 296, 355, 361.
Sác-lơ-xton -428, 429, 510, 638, 661, 674.

Sam-bê-ri -234.
Sát-ta-nu-ga -653, 661.
Séc-bua -124, 126.
Sê-len-xa -196.
Sê-rinh-Crốt, khu vực ở Luân Đôn -126.
Sê-sia, lãnh địa ở Anh. -113, 180.
Si-ca-khô-mi-ni, sông -708.
Si-la. -159, 198, 201, 202.
Si-oa-oa, bang ở Mê-hi-cô -434.
Si-vi-ốt - Khin-xơ, núi -139.
Siéc-nét-xơ -123, 126.
Slê-dơ-vích -305, 773, 774.
Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ -73, 307.
Srốp-sia, lãnh địa ở Anh -113.
Sti-ri-a -300.
Stút-gát -91.

T

Ta-la-môn-nơ -83.
Ta-oóc-mi-na -195, 197.
Tai-nơ, sông -578.
Tân Mê-hi-cô -432, 433, 448, 452.
Tân Oen-xơ về phía Nam -101.
Tân Oóc-lê-ăng -450, 532, 638, 639, 647, 659-662, 667, 668, 672, 674, 679, 696, 735.
Tân Tây-lan -810, 811.
Tây Ấn -523, 705, 811.
Tây - Bắc Mỹ -398, 436, 441, 501, 698, 746.
Tân Mỹ -679, 736.
Tây Rai-đinh -726.

Tây Viéc-gi-ni-a, bang ở Mỹ. -446, 524, 643, 644, 699.
Tê-plít-xơ -132, 166, 168.
Tê-tu-an -620.
Téch-dát, bang ở Mỹ -433, 439, 447-452, 485, 486, 652, 735, 753.
Têm-dơ, sông. -509, 687, 690.
Tên-nê-xi, bang ở Mỹ. -444, 446, 447, 631, 642, 644, 646-653, 677, 696, 697, 735, 748, 749, 752.
Tên-nê-xi, sông -646, 647, 653.
Thái Bình Dương -444, 452, 531, 571.
Thổ Nhĩ Kỳ -130, 152, 190, 208, 463, 470.
Thung lũng Đáp-phơ -473, 474, 481.
Thượng Hải -21, 685.
Ti-rôn -300.
Tiểu Ben-tơ -776.
Tỉnh Ranh -69, 146, 842, 854.
To-re-đen -Ca-va-lô -203.
Tô-xca-nơ -83, 464, 470.
Tơ-ra-pa-ni -84, 86.
Tơ-ran-xin-va-ni -245.
Tơ-ria -89, 837, 854.
Tơ-rốp-pau (Ô-pa-va) -92.
Tréc-nô-gô-ri -130.
Trung Á -305.
Trung Quốc -16, 20, 208, 305, 409, 425, 545, 571, 682, 685, 686, 811, 822.
Tu-lông -124.
Tu-rin -45, 76, 120, 168, 233, 702.
Tuy-pe-lơ -661.

U

U-ô-rích-sia lãnh địa ở Anh -113.

Un - Ki-ắc - I-xkê-lê-xi -78.

Uê-xơ-Pô-tơ -632, 761.

Uôn-xtết, ngoại ô Luân Đôn, -339.

Um-đôn -339, 340, 345.

V

Va-át-tơ (Vô), khu vực ở Thụy Sĩ. -474.

Va-gram -34.

Vác-sa-va -227, 230, 231, 236.

Vác-xkhôn-mơ -46.

Ve-lét-ri -85.

Vê-ra-cru-xơ, đài quan sát ở Mê-hi-cô. -474.

Vê-rô-na -92.

Vi-la-phrăng-ca -58, 67, 68, 70-72, 91.

Vi-la-Xan - Giô-van-ni -198, 202.

Vi-li-am-xbéc-gơ -669, 670, 697.

Vi-xla, sông -228.

Vích-xbéc-gơ -681.

Viéc-gi-ni-a, bang ở Mỹ -430, 437, 444, 446, 527, 533, 551, 642, 652, 749, 752, 753, 756.

Viên - 59, 90, 92, 168, 170, 231, 245, 303.

Vịnh Ba-la-ha-mát - xem *vịnh Ba-la-ha-mát* cũ.

Vịnh Mê-hi-cô -452, 475, 476, 481, 482, 652.

Vịnh Xa-léc-nô -157.

Vơ-ni-dơ -167, 169, 245, 305, 309.

Vu-lít-giơ -123, 776, 790.

Vu-xơ -532.

Vu-xơ-sia, lãnh địa ở Anh -113.

Vùng đất Tòa thánh -168-169, 194-195, 233, 234.

Vùng Ranh thuộc Phổ - xem tỉnh *Ranh*.

Vuyếch-tem-béc -33, 92, 252, 262.

Vương quốc Na-plơ -194-197.

X

Xa-léc-nô -195, 196.

Xa-lơ-mi -84, 85.

Xa-ra-gốt -660.

Xa-voa -64, 68, 71, 119, 608.

Xa-van-na -638, 661.

Xác-bruyích-kên -89.

Xác-đi-ni - xem *Pi-ê-mông*.

Xác-đi-ni, quần đảo. -119, 194, 197.

Xăm-téc, pháo đài -429.

Xan-đéc-leng -729.

Xan-Đô-min-gô (Cộng hoà Đô-min-gô) -474, 479.

Xan-đơ-héc-xơ -813, 820.

Xan-phran-xi-xcô -571.

Xanh - Hê-len, quần đảo -376, 811, 822.

Xanh - Lu-i -641.

Xanh - Pê-téc-bua (Lê-nin-grát) -467, 468.

Xao-hêm-pton -509, 513, 515, 517, 553, 565.

Xao-tơ-poóc-tơ -55, 56.

Xây Lan, quần đảo -811.

Xéc-bi -245.

Xen, sông -93.

Xe-va-xtô-pôn -124, 218, 426, 660, 790, 792, 797, 801.

Xi-ê-ra-lê-ôn -665

Xi-lê-di -71.

Xi-ra-cu-dơ -62.

Xi-ri -130, 142, 163, 174, 305.

Xi-xin -61-64, 76, 77, 83, 84, 86, 118-122, 155, 195, 196, 234, 464, 470.

Xin-đơ -712.

Xin-xin-na-ti -641, 679.

Xít-nây -101.

Xcôt-len -96, 104, 456, 577, 812, 821.

Xmô-len-xcơ -671.

Xô-mốc-xết -649.

Xô-nô-ra, bang ở Mê-hi-cô -434.

Xôn-phe-ri-nô -30, 31, 35, 91, 166, 219, 309, 383, 426, 650.

Xôn-phoóc, ngoại ô Man-se-xtơ -771.

Xpác-ti-ven-tô -197.

Xtáp-phốt-sia -113.

Xtơ-ra-xbua -81.

Y

Y-oóc-tau-nơ -668, 697.

Y-oóc-sia -109, 113, 117, 204, 585, 723, 726.